**CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG – NGUYỄN DỮ**

**ĐỀ 1. Cảm nhận của em về vẻ đẹp và số phận của nhân vật Vũ Nương trong “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ**

**Dàn ý:**

**A.Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận**

**Tham khảo:**

Tất cả mọi thứ trên thế gian này theo thời gian đều sẽ bị bào mòn và băng hoại chỉ có duy nhất nghệ thuật, mình nó không thừa nhận cái chết. Có những tác phẩm dù trải qua bao nhiêu thế kỉ, qua sự thách thức của dòng đời, nó vẫn còn nguyên sức sống của mình. “Chuyện người con gái Nam Xương” là một tác phẩm như thế. **Đọc tác phẩm này người đọc không khỏi ấn tượng trước vẻ đẹp tâm hồn và số phận bi thảm của nhân vật Vũ Nương – nhân vật chính của truyện**

**B.Thân bài**

**1.Khái quát vê tác phẩm: Nêu xuất xứ và nội dung chính của tác phẩm**

“Chuyện người con gái Nam Xương” là một trong số 20 truyện trích trong “Truyền kì mạn lục”, áng văn được người đời đánh giá là “thiên cổ kì bút”- cây bút kì diệu truyền tới ngàn đời. Truyện được viết từ cốt truyện cổ tích “Vợ chàng Trương”, nhưng với ngòi bút tài năng của mình, Nguyễn Dữ đã sáng tạo nên “Chuyện người con gái Nam Xương” rất riêng, giàu giá trị và ý nghĩa. Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, tác phẩm đã làm nổi bật vẻ đẹp và số phận đau thương của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**2. Vẻ đẹp và số phận oan nghiệt của người phụ nữ:**

**2.1. Vẻ đẹp**

**a. Vũ Nương là một người phụ nữ xinh đẹp, nết na, đức hạnh, khéo léo, tế nhị, biết nhún nhường.**Điều đó được thể hiện trong lời giới thiệu của của tác giả và trong chính cuộc sống của nàng với Trương Sinh

- Mở đầu tác phẩm, Nguyễn Dữ đã giới thiệu *“Vũ Thị Thiết người con gái quê ở Nam Xương, tính đã thùy mị nết na lại thêm tư dung tốt đẹp”.* Như vậy, chỉ với một câu nói ngắn gọn, Nguyễn Du đã khái quát một cách đầy đủ và trọn vẹn vẻ đẹp tâm hồn của Vũ Nương, **nàng không chỉ đẹp về hình thức bên ngoài mà còn có một tâm hồn đẹp, ở nàng hội tụ đầy đủ cả công – dung – ngôn – hạnh.**

- Và cũng bởi mến vì dung hạnh của nàng nên **Trương Sinh đã xin mẹ trăm lạng vàng cưới về**. Chi tiết này càng **tô đậm thêm vẻ đẹp của Vũ Nương**. Nhưng điều đó có nghĩa là ngay ở phần đầu của tác phẩm, Nguyễn Dữ đã xây dựng giữa hai nhân vật này là một **sự cách bức**. Nếu như Vũ Nương xinh đẹp nết na đức hạnh thì Trương Sinh lại có tính đa nghi. Trương Sinh lại có cái quyền của một người đàn ông trong xã hội phong kiến Nam quyền, có quyền của nhà giàu đã phải bỏ trăm lạng vàng để cưới vợ. Với sự cách bức như thế thì hẳn là cuộc sống của Vũ Nương sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Hơn thế nữa, Trương Sinh với vợi lại luôn phòng ngừa quá sức nhưng *Vũ Nương luôn giữa gìn khuôn phép, không từng để vợ chồng phải đến thất hòa*. **Nếu không phải là một người phụ nữ khéo léo, tế nhị thì hẳn là nàng sẽ không giữ được hòa khí trong gia đình như vậy.**

**b. Không chỉ là một người phụ nữ xinh đẹp, nết na, đức hạnh , Vũ Nương còn là một người vợ yêu thồng, một người mẹ thương con và luôn khao khát hạnh phúc gia đình.** Vẻ đẹp ấy của nàng được Nguyễn Du làm nổi bật khi Trương Sinh ra trận.

- Trương Sinh và Vũ Nương cưới nhau chưa được bao lâu thì Trương Sinh phải ra trận bởi Trương Sinh tuy con nhà hào phú nhưng thất học nên phải đi lính vào buổi đầu. Lúc tiễn chồng ra trận, Vũ Nương đã rót chén rượu đầy mà rằng *“Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong được đeo ấn hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi. Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường.Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến thiếp ôm nỗi quan hoài, mẹ già triền miên lo lắng.Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trông liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng,cũng sợ không có cánh hồng bay bổng*.”

=>Rõ ràng là trong lời nói của Vũ Nương ta nhận ra **tình cảm tha thiêt mà nàng dành cho chồng**. **Nàng mong chồng trở về bình yên chứ không cần công danh hiển hách**. **Nàng lo cho nỗi vất vả của chồng nơi chiến trận và dự cảm cả nỗi cô đơn trong những ngày vắng bóng chồng**. Nàng không một lời than vãn về những vất vả mà mình sẽ phải gánh vác. Những lời nói của Vũ Nương cảm động đến mức khiến cho những người xung quanh ai nấy đều ứa hai hàng lệ và có lẽ người đọc cũng không khỏi động lòng.

- Rồi Trương Sinh ra trận ra trận, Vũ Nương ở nhà nhớ chồng da diết. Nguyễn Dữ cũng viết về nỗi nhớ ấy của nàng “Ngày qua tháng lại, thoắt đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được”. Bằng một vài hình ảnh ước lệ tượng trưng, Nguyễn Du đã diễn tả trọn vẹn **nỗi nhớ triền miên, dai dẳng, ngày qua ngày, tháng qua tháng của Vũ Nương với người chồng nơi chiến trận của nàng. Nàng vừa thương chồng, vừa nhớ chồng, vừa thương xót cho chính mình đêm ngày phải đối mặt với nỗi cô đơn vò võ**. Tâm trạng nhớ thương đau buồn ấy của Vũ Nương cũng là tâm trạng chung của những người chinh phụ trong mọi thời loạn lạc xưa nay:

 "… Nhớ chàng đằng đẵng đường lên bằng trời

     Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu

     Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong…"

(Chinh phụ ngâm)

Thể hiện tâm trạng ấy, **Nguyễn Dữ vừa cảm thông với nỗi đau khổ** của Vũ Nương, **vừa ca ngợi tấm lòng thủy chung, thương nhớ đợi chờ chồng của nàng.**

-  Khi hạnh phúc gia đình có nguy cơ tan vỡ, Vũ Nương ra sức cứu vãn, hàn gắn. Khi người chồng trút cơn ghen bóng gió lên đầu, Vũ Nương đã ra sức thanh minh, phân trần. Nàng đã viện đến cả  thân phận và tấm lòng của mình để  thuyết phục chồng *"Thiếp vốn con kẻ khó , nay được nượng tựa nhà giàu , xum họp chưa thỏa tình chăn gối , chia phôi vì động việc lửa binh , cách biệt 3 năm giữ gìn một tiết , tô son điểm phấn chẳng đã nguôi lòng , ngõ liễu tường hoa chưa hề bến gót , đâu có sự mất nết hư thân như lời chàng nói ....."* Những lời nói nhún nhường tha thiết đó cho thấy thái độ  trân trọng chồng, trân trọng gia đình nhà chồng, niềm tha thiết gìn giữ gia đình nhất mực của Vũ Nương.

-  Với con thơ nàng hết sức yêu thương, chăm chút. Sau khi xa chồng đầy tuần, nàng sinh bé Đản, một mình gánh vác cả giang sơn nhà chồng nhưng chưa khi nào nàng chểnh mảng việc con cái. **Chi tiết nàng chỉ bóng mình trên vách và bảo đó là cha Đản** **cũng xuất phát từ tấm lòng của người mẹ** . **Nàng muốn để con trai mình bớt đi cảm giác thiếu vắng tình cảm của người cha, luôn cảm nhận được hình bóng của người cha bên cạnh.** Tình yêu thương của nàng dành cho chồng, cho con chính là minh chứng của niềm khát khao hạnh phúc gia đình mà người phụ nữ dù ở thời nào cũng mong muốn có được.

**c) Cùng với tình yêu thương chồng con, Vũ Nương còn là một người con dâu hiếu thảo**

Xưa nay mối quan hệ mẹ chồng nàng dâu rất phức tạp. Người xưa thường nói *Trời mưa ướt lá dai bì*/ *Con mẹ, mẹ xót, xót gì con dâu!* Thế nhưng Vũ Nương đã hóa giả được những định kiến ấy. Chồng xa nhà**, nàng đã thay chồng phụng dưỡng mẹ chu đáo**. Khi **bà ốm nàng đã thuốc thang lễ  bái thần phật và lấy những lời khôn khéo để  khuyên răn** để bà vơi bớt nỗi nhớ thương con. Đến khi **bà mất, nàng đã hết lời thương xót, ma chay tế lễ** cẩn trọng hệt như với cha mẹ đẻ của mình. Cái tình ấy quả có thể cảm thấu cả trời đất cho nên trước lúc chết n**gười mẹ già ấy đã trăng trối những lời yêu thương, động viên, trân trọng con dâ**u *“Sau này, trời xét lòng lành, ban cho phúc đức giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ lòng con như con đã chẳng phụ mẹ"*. Những lời nói của bà cụ hơn hẳn ngàn vạn lời kể của nhà văn. Nó một lần nữa chứng minh rằng Vũ Nương là một người con dâu hiếu thảo.

**- Liên hệ: Thúy Kiều :** Sự hiếu thảo của Vũ Nương với mẹ chồng khiến ta nhớ đến nhân vật Thúy Kiều trong “Truyện Kiều” của Nguyễn Du – một cô gái sẵ sang bán thân mình để cứu cha và em. Có thể nói rằng tấm lòng thủy chung hiếu thảo là nét phẩm chất chung của những người phụ nữ trong XHPK. Họ đáng để chúng ta trân trọng và yêu thương.

**2.2. Số phận oan nghiệt**

Vũ Nương đã làm tròn bổn phận của một phụ nữ, người vợ, người mẹ, người con, ở cương vị nào nàng cũng làm rất hoàn hảo. Nàng đúng là người phụ nữ lí tưởng của gia đình. Nàng xứng đáng được hưởng hạnh phúc nhưng **hạnh phúc đã không mỉm cười với nàng.**

- Thật ra, nỗi bất hạnh của Vũ Nương không phải bắt đầu ở tấn bi kịch này. Nỗi  bất hạnh đến với Vũ Nương từ khi nàng chấp nhận cuộc hôn nhân với Trương Sinh. Từ đầu, ta đã nhận ra đây là một  cuộc hôn nhân không bình đẳng. Vũ Nương vốn “ con kẻ khó, được nương tựa nhà giàu”, còn Trương Sinh muốn lấy được Vũ Nương  chỉ cần “ nói với mẹ đem trăm lạng vàng cưới nàng về làm vợ”. Sự cách bức ấy cộng thêm cái thế của người chồng, người đàn ông trong chế độ nam quyền phong kiến đã khiến cho Trương Sinh tự cho mình cái quyền đánh đuổi vợ không cần có chứng cứ rõ ràng. Trong những ngày làm dâu nhà họ Trương, Vũ Nương cũng đâu hạnh phúc hơn gì! Nàng phải luôn chịu đựng sự xét nét “phòng ngừa quá sức” của chồng.

- Lấy chồng không được bao lâu thì niềm vui “nghi gia nghi thất” của Vũ Nương bị mất đi bởi chồng “có tên trong số lính đi vào loại đầu”. Nàng thiếu phụ tuổi xuân còn phơi phới đã phải gánh **chịu nỗi buồn “chiếc bóng năm canh” của đời người chinh phụ.** Rồi gánh nặng gia đình chồng cộng thêm nỗi cô đơn vì phòng không gối chiếc đã bào mòn tuổi xuân của Vũ Nương.

- Ngày Trương Sinh trở vể những tưởng hạnh phúc sẽ đến với nàng để bù đắp cho những tháng ngày cô đơn vất vả. **Tuy nhiên khi Trương Sinh trở về cũng là lúc bi kịch cuộc đời nàng xảy ra**. Câu chuyện của bé Đản, đứa con trai vừa lên ba tuổi, về *“ một người đàn ông đêm nào cũng đến”* đã làm cho Trương Sinh nghi ngờ. Với bản tính hay ghen cộng thêm tính gia trưởng, thất học, Trương Sinh đối xử với vợ hết sức tàn nhẫn. Giấu biệt lời con nói, Trương Sinh đã “ *mắng nhiếc nàng và đánh đuổi đi”* mặc cho Vũ Nương hết sức phân trần, mặc cho “*hàng xóm can ngăn cũng chẳng ăn thua gì*”. Nàng đau khổ đến xé lòng *“nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió”, “khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thẳm buồn xa*…”  **Bi kịch dâng tràn đến đỉnh điểm, Vũ Nương phải tìm đến cái chết để chứng minh cho sự trong sạch của chính mình! Còn gì đớn đau, còn gì bi thương hơn thế???...**

- Ở phần sau của câu chuyện, ta thấy Vũ Nương được sống sung sướng dưới Thủy cung, được kề cận với Linh Phi, vợ vua biển Nam Hải nhưng không vì thế mà ta thấy nàng hạnh phúc. **Và làm sao có thể hưởng thụ hạnh phúc cho được khi quyền làm mẹ,làm vợ của nàng vĩnh viễn không còn?** Bi kịch vẫn đeo bám theo Vũ Nương vào tận chốn Thủy cung huyền bí. Người đọc càng cảm thấy xót xa hơn khi nghe câu nói của nàng ở cuối truyện: “ Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng trở về nhân gian được nữa”. Âm dương đã cách trở đôi đường. Hạnh phúc bị tan vỡ khó lòng hàn gắn lại được. Kết thúc câu chuyện bi đát này là một khoảng vắng mênh mông, mờ mịt… Đằng sau yếu tố hoang đường, câu chuyện về nàng Vũ Nương mang đậm tính hiện thực và thấm đẫm tinh thần nhân đạo.

**3.Đánh giá nghệ thuật và nội dung**

Như vậy, bằng cách kể chuyện tự nhiên, cảm động, các yếu tố kì ảo, hoang đường, “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ đã khắc họa thành công nhân vật Vũ Nương – một người phụ nữ có nhiều phẩm chất tốt đẹp nhưng số phận lại vô cùng bất hạnh. Có thể nói cuộc đời của người con gái nam Xương là một minh chứng rõ nét cho vẻ đẹp tâm hồn và số phận khổ đau bất hạnh của người phụ nữ Việt nam trong xã hội phong kiến. Thông qua tác phẩm này ta nhận ra cái tâm và cái tài của tác giả, nhận ra sự cảm thương sâu sắc của nhà văn dành cho nhân vật của mình và cho cả những người phụ nữ trong xã hội xưa.

**C.Kêt bài: Đánh giá chung về TP, tình cảm, bài học từ tp**

“Chuyện người con gái nam xương”là một áng văn hay thành công về mặt dựng truyện ,khắc hoạ nhân vật ,kết hợp tự sự và trữ tình, hiện thực và lãng mạn . Truyện đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta thêm cảm phục trước tài năng của nhà văn, thêm trân trọng, yêu mến những người phụ nữ trong XHPK. Từ một chiếc bóng oan khiên tác phẩm đã gợi ra biết bao điều chúng phải suy ngẫm về đạo vợ chồng,về cách hành xử trong cuộc sống, về nhân cách, về cuộc đời con người. Và có lẽ cũng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**==================000=================**

**Đề 2: Số phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến thông qua nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương”**

**A.Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận**

Người phụ nữ luôn là đề tài quen thuộc được hể hiện trong văn học thời trung đại. Viết về họ, Hồ Xuân Hương đã rất thành ông với bài thơ “Bánh trôi nước”, đại thi hào Nguyễn Du với kiệt tác “Truyện Kiều” và Nguyễn Dữ - học trò của Nguyễn Bỉnh Khiêm với “Chuyện người con gái Nam Xương” – thiên thứ 16 của “Truyền kì mạn lục”. **Qua nhân vật Vũ Nương, câu chuyện đem đến bao suy tư, trăn trở cho người đọc về thân phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến đầy bất công.**

**B. Thân bài:**

**1. Khái quát ( Dẫn dắt vào bài):**

- “Chuyện người con gái Nam Xương”  xoay quanh về cuộc đời và số phận bi thảm của Vũ Nương – người con gái nhan sắc, đức hạnh. Nàng lấy chồng là Trương Sinh, con nhà hào phú nhưng ít học, có tính đa nghi và hay ghen. Cuộc sống gia đình đang êm ấm thì Trương Sinh phải đầu quân đi lính.Chàng đi đầy tuần,Vũ Nương sinh con trai, hết lòng nuôi dạy con, chăm sóc, lo ma chay cho mẹ già chu đáo và thủy chung đợi chồng. Đêm đêm, nàng thường trỏ bóng mình trên vách và nói với con đó là cha của bé.  Giặc tan, Trương Sinh trở về, tin lời con nhỏ, nghi ngờ vợ thất tiết, nhục mạ, đánh đuổi nàng đi. Phẫn uất, Vũ Nương nhảy xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. Qua câu chuyện kể, ta thấy người phụ nữ là nạn nhân của xã hội phong kiến bất công. Cuộc đời của họ là một chuỗi dài những khổ đau, bất hạnh.

**2. Số phận người phụ nữ**

**2.1. Người phụ nữ là nạn nhân của chế độ nam quyền, bị gả bán cho một cuộc hôn nhân không tình yêu.**

- Cũng giống như số phận của bao người phụ nữ trong xã hội phong kiến, Vũ Nương đã phải chịu sự ràng buộc bởi những lễ giáo khắt khe, ngặt nghèo. Biết nàng “tính đã thùy mị nết na,lại thêm tư dung tốt đẹp” cho nên Trương Sinh mến vì dung hạnh nói với mẹ xin trăm lạng vàng cưới về. **Đây là một cuộc hôn nhân không bình đẳng**, bởi lẽ nó không phải là sự rung động của hai trái tim cùng một nhịp mà là do sự sắp đặt mang tính chất mua bán. Sự sắp đặt của con nhà giàu, lắm tiền nhiều của, muốn gì được nấy, sắp đặt cho con nhà khó “cha mẹ đặt đâu thì con phải ngồi đó”.**Cuộc hôn nhân có sự cách bức giàu nghèo đã khiến Vũ Nương luôn luôn mặc cảm“thiếp vốn con kẻ khó được nương tựa nhà giàu”.** Và dù Vũ Nương có luôn giữ gìn khuôn phép thì cuộc sống vợ chồng ấy vẫn tiềm ẩn nguy cơ tan vỡ và sau này cũng là cái thế để Trương Sinh độc đoán, gia trưởng, đối xử với vợ một cách vũ phu,thô bạo.

- Trương Sinh vốn ít học, lại có tính đa nghi và hay ghen, do vậy sự nghi kị, ngờ vực làm mầm mống của sự bất hòa đã ủ sẵn trong gia đình. Để rồi, sau ba năm xa cách, khi trở về tưởng Trương Sinh sẽ mang lại hạnh phúc cho gia đình thì cũng lại là lúc tại họa ập xuống cuộc đời Vũ Nương. Chỉ vì lời nói ngây thơ của bé Đản: “Ô hay! Ông cũng là cha tôi ư? Mà ông lại biết nói chứ không giống như cha tôi trước kia…”, làm cho **Trương Sinh ngờ vực, hiểu lầm vợ hư hỏng**. Dù Vũ Nương có tha thiết giãi bày, có hết lời phân trần để chồng hiểu rõ tấm lòng mình, dù họ hàng làng xóm có hết lòng khuyên can và biện hộ cho nàng thì Trương Sinh cũng không hề đếm xỉa tới,mà chỉ một mực nghi oan cho vợ. Rồi từ chỗ “la um lên cho hả giận”, Trương Sinh đã mắng nhiếc, đuổi vợ đi. Phải chăng, xã hội phong kiến với chế độ nam quyền độc đoán, với thói “trọng nam khinh nữ” bám chặt vào huyết quản đã dung túng,cho phép người đàn ông được quyền coi thường, rẻ rúng và đối xử thô bạo với người phụ nữ?

+ Thương nhớ chồng là thế, lại bị chồng ruồng rẫy, gạt bỏ. Giữ gìn khuôn phép, rất mực thủy chung lại bị coi là thất tiết, chịu tiếng nhuốc nhơ…Nàng không hiểu vì sao bị đối xử bất công, bị mắng nhiếc và đuổi đi, không có quyền được tự bảo vệ ngay cả khi có họ hàng làng xóm bênh vực và biện bạch cho.Hạnh phúc gia đình, thú vui nghi gia nghi thất, niềm khao khát của cả đời nàng đã tan vỡ, tình yêu không còn “bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rủ trong ao, liễu tàn trước gió”, cả nỗi đau khổ chờ chồng đến hóa đá trước đây,cũng không còn có thể có lại được nữa.

+ Thất vọng đến tột cùng, cuộc hôn nhân đã không có cách nào hàn gắn nổi, Vũ Nương đành mượn sông Hoàng Giang rửa sạch nỗi oan nhục, giãi bỏ tấm lòng trong trắng của mình. Lời than của nàng như lời nguyền xin thần sông chứng giám nỗi oan khuất và đức hạnh của nàng: “Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mỵ nương, xuống đất xin làm cỏ ngu mĩ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ".

-> Qua tác phẩm,ta thấy Vũ Nương đã nhiều lần gắng gượng để vượt lên số phận nhưng cuộc đời nàng không thoát khỏi là nạn nhân của chế độ nam quyền độc đoán, chà đạp và ức hiếp con người.

-> Cái chết của Vũ Nương thực chất là do bị chồng bức tử - một cái chết đầy oan ức. Vậy mà, Trương Sinh thấy nàng tự tận chỉ một chút động lòng mà không hề ân hận, day dứt. Ngay cả khi, đứa con trỏ tay vào bóng chàng trên vách nói là cha, chàng hiểu rõ nỗi oan của vợ thì cũng coi là việc đã qua rồi. **Như thế, chuyện danh dự , chuyện sinh mệnh của người phụ nữ bị tùy tiện định đoạt bởi người chồng, người đàn ông mà không có hành lang đạo lí, không được dư luận xã hội bảo vệ, chở che.** Nỗi oan của Vũ Nương đã vượt ra ngoài phạm vi gia đình, là một trong muôn vàn oan khuất  của cái xã hội vùi dập thân phận con người, nhất là người phụ nữ. Sống trong xã hội đầy rẫy những oan trái, bất công, quyền sống của con người không được đảm bảo, người phụ nữ với thân phận “bèo dạt mây trôi” có thể gặp bao nhiêu tai họa giáng xuống bất kì lúc nào, vì những nguyên cớ vu vơ không thể tưởng tượng. Rõ ràng, xã hội phong kiến đã sinh ra bao Trương Sinh với đầu óc gia trưởng, độc đoán, là nguyên nhân sâu xa của những đau khổ mà người phụ nữ phải chịu.

**2.2. Người phụ nữ là nạn nhân của chiến tranh phi nghĩa:**

- Không chỉ là nạn nhân của chế độ nam quyền độc đoán, người phụ nữ còn là nạn nhân của chiến tranh phong kiến. Cả cuộc đời Vũ Nương, chỉ vui thú nghi gia nghi thất vậy mà về làm vợ Trương Sinh, cuộc sống vợ chồng “sum họp chưa thỏa tình chăn gối,chia phôi vì động việc lửa binh”. Buổi Trương Sinh ra đi, mẹ già bịn rịn, vợ trẻ đương bụng mang dạ chửa, sự thể rồi sẽ ra sao đã khiến mọi người có mặt ở đó đều phải ứa hai hàng lệ: *“Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong được đeo ấn hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ,chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi. Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao,rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến thiếp ôm nỗi quan hoài,mẹ già triền miên lo lắng.”*

=> Những câu văn biền ngẫu, sóng đôi như trái tim người vợ trẻ phập phồng lo sợ cho người chồng phải đi lính thú. Chiến tranh xa cách, mẹ già cũng vì thương nhớ con mà sinh bệnh rồi qua đời. Con thơ được sinh ra không biết mặt cha, vợ trẻ nhớ chồng chỉ còn biết trỏ vào bóng mình trên vách, bảo là cha của bé…**Chính chiến tranh làm cho gia đình li tán, vợ chồng xa cách dẫn đến hiểu lầm**. Cũng chính cái mối nghi ngờ không thể gỡ ra ấy của Trương Sinh đã trở thành nguyên nhân gây bất hạnh cho cuộc đời Vũ Nương. **Nếu không có chiến tranh, Trương Sinh không bị bắt đi lính,thì đâu bé Đản không chịu nhận cha, thì đâu Vũ Nương phải chịu nỗi oan tày trời dẫn đến cái chết thương tâm. Rõ ràng, chiến tranh phong kiến đã gây ra cảnh sinh li và cũng góp phần dẫn đến cảnh tử biệt, làm tan nát bao nhiêu gia đình.**

**\*Liên hệ:** Có thể nói,sống trong xã hội phong kiến bất công, Vũ Nương cũng như bao người phụ nữ khác – người con gái bình dân trong “Bánh trôi nước”, Thúy Kiều, Đạm Tiên trong “Truyện Kiều” đều phải sống long đong, trôi dạt, phải tìm đến cái chết giải nỗi oan ức, phải thoát khỏi cuộc đời đầy khổ đau ở chốn nhân gian. Đại thi hào Nguyễn Du đã khái quát về cuộc đời, thân phận người phụ nữ bằng tiếng kêu đầy ai oán:

*“ Đau đớn thay phận đàn bà*

*Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung”.*

**3.Đánh giá**

Như vậy, bằng cách kể chuyện tự nhiên, cảm động, các yếu tố kì ảo, hoang đường, “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ đã làm nổi bật số phận bi thương, bất hạnh của Vũ Nương và cũng là của cả những người phụ nữ trong xã hội xưa. . Thông qua tác phẩm này ta nhận ra cái tâm và cái tài của tác giả, nhận ra sự cảm thương sâu sắc của nhà văn dành cho nhân vật của mình và cho cả những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**C. Kết bài:**

“Chuyện người con gái nam xương”là một áng văn hay thành công về mặt dựng truyện ,khắc hoạ nhân vật ,kết hợp tự sự và trữ tình, hiện thực và lãng mạn . Truyện đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta thêm cảm phục trước tài năng của nhà văn, thêm trân trọng, yêu mến những người phụ nữ trong XHPK. Từ một chiếc bóng oan khiên tác phẩm đã gợi ra biết bao điều chúng phải suy ngẫm về đạo vợ chồng,về cách hành xử trong cuộc sống, về nhân cách, về cuộc đời con người. Và có lẽ cũng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**=================000================**

**Đề 3: Trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương trong đoạn trích sau:***“...Vũ Thị Thiết, người con gái quê ở Nam Xương, tính đã thùy mị, nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp. Trong làng có chàng Trương sinh, mến vì dung hạnh, xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới về. Song Trương có tính đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức. Nàng cũng giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa. Cuộc sum vầy chưa được bao lâu thì xảy ra việc triều đình bắt lính đi đánh giặc Chiêm. Trương tuy con nhà hào phú nhưng không có học, nên tên phải ghi trong sổ lính đi vào loại đầu. Buổi ra đi mẹ chàng có dặn rằng:  
 -Nay con phải tạm ra tòng quân, xa lìa dưới gối. Tuy hội công danh từ xưa ít gặp, nhưng trong chỗ binh cách, phải biết giữ mình làm trọng, gặp khó nên lui, lường sức mà tiến, đừng nên tham miếng mồi thơm để lỡ mắc vào cạm bẫy. Quan cao tước lớn nhường để người ta. Có như thế, mẹ ở nhà mới khỏi lo lắng vì con được.*

*Chàng quỳ xuống đất vâng lời dạy. Nàng rót chén rượu đầy tiễn chồng rằng:  
 -Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi. Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường, giặc cuồng còn lẫn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến cho tiện thiếp băn khoăn, mẹ hiền lo lắng. Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trông liễu tàn rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng, cũng sợ không có cánh hồng bay bổng.  
 Nàng nói đến đây, mọi người đều ứa hai hàng lệ. Rồi đó, tiệc tiễn vừa tàn, áo chàng đành rứt. Ngước mắt cảnh vật vẫn còn như cũ, mà lòng người đã nhuộm mối tình muôn dặm quan san.”*

*(Chuyện người con gái Nam Xương – SGK Ngữ văn 9 tập 1)*

**Gợi ý:**

1. **MỞ BÀI:** Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận

**Tham khảo:**

Tất cả mọi thứ trên thế gian này theo thời gian đều sẽ bị bào mòn và băng hoại chỉ có duy nhất nghệ thuật, mình nó không thừa nhận cái chết. Có những tác phẩm dù trải qua bao nhiêu thế kỉ, qua sự thách thức của dòng đời, nó vẫn còn nguyên sức sống của mình. “Chuyện người con gái Nam Xương” là một tác phẩm như thế. Đọc tác phẩm này và nhất là phần đầu của tác phẩm, người đọc sẽ cảm nhận được một cách rõ nét vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật Vũ Nương – nhân vật chính của truyện.

**B.THÂN BÀI:**

**1. Khái quát chung về tác phẩm**

- “Chuyện người con gái Nam Xương” là một trong số 20 truyện trích trong “Truyền kì mạn lục”, áng văn được người đời đánh giá là “thiên cổ kì bút”- cây bút kì diệu truyền tới ngàn đời. - - Truyện được viết từ cốt truyện cổ tích “Vợ chàng Trương”, nhưng với ngòi bút tài năng của mình, Nguyễn Dữ đã sáng tạo nên “Chuyện người con gái Nam Xương” rất riêng, giàu giá trị và ý nghĩa.

- Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, tác phẩm đã làm nổi bật vẻ đẹp và số phận đau thương của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**2. Cảm nhận về nhân vật qua đoạn trích**

**a. Vũ Nương là một người phụ nữ xinh đẹp, nết na, đức hạnh, khéo léo, tế nhị, biết nhún nhường.**Điều đó được thể hiện trong lời giới thiệu của của tác giả và trong chính cuộc sống của nàng với Trương Sinh

- Mở đầu tác phẩm, Nguyễn Dữ đã giới thiệu *“Vũ Thị Thiết người con gái quê ở Nam Xương, tính đã thùy mị nết na lại thêm tư dung tốt đẹp”.* Như vậy, chỉ với một câu nói ngắn gọn, Nguyễn Du đã khái quát một cách đầy đủ và trọn vẹn vẻ đẹp tâm hồn của Vũ Nương, **nàng không chỉ đẹp về hình thức bên ngoài mà còn có một tâm hồn đẹp, ở nàng hội tụ đầy đủ cả công – dung – ngôn – hạnh.**

- Và cũng bởi mến vì dung hạnh của nàng nên **Trương Sinh đã xin mẹ trăm lạng vàng cưới về**. Chi tiết này càng **tô đậm thêm vẻ đẹp của Vũ Nương**. Nhưng điều đó có nghĩa là ngay ở phần đầu của tác phẩm, Nguyễn Dữ đã xây dựng giữa hai nhân vật này là một **sự cách bức**. Nếu như Vũ Nương xinh đẹp nết na đức hạnh thì Trương Sinh lại có tính đa nghi. Trương Sinh lại có cái quyền của một người đàn ông trong xã hội phong kiến Nam quyền, có quyền của nhà giàu đã phải bỏ trăm lạng vàng để cưới vợ. Với sự cách bức như thế thì hẳn là cuộc sống của Vũ Nương sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Hơn thế nữa, Trương Sinh với vợi lại luôn phòng ngừa quá sức nhưng *Vũ Nương luôn giữa gìn khuôn phép, không từng để vợ chồng phải đến thất hòa*. **Nếu không phải là một người phụ nữ khéo léo, tế nhị thì hẳn là nàng sẽ không giữ được hòa khí trong gia đình như vậy.**

**b. Không chỉ là một người phụ nữ xinh đẹp, nết na, đức hạnh , Vũ Nương còn là một người vợ yêu thồng, một người mẹ thương con và luôn khao khát hạnh phúc gia đình.** Vẻ đẹp ấy của nàng được Nguyễn Du làm nổi bật khi Trương Sinh ra trận.

- Trương Sinh và Vũ Nương cưới nhau chưa được bao lâu thì Trương Sinh phải ra trận bởi Trương Sinh tuy con nhà hào phú nhưng thất học nên phải đi lính vào buổi đầu. Lúc tiễn chồng ra trận, Vũ Nương đã rót chén rượu đầy mà rằng *“Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong được đeo ấn hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi. Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường.Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến thiếp ôm nỗi quan hoài, mẹ già triền miên lo lắng.Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trông liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng,cũng sợ không có cánh hồng bay bổng*.”

=>Rõ ràng là trong lời nói của Vũ Nương ta nhận ra **tình cảm tha thiêt mà nàng dành cho chồng**. **Nàng mong chồng trở về bình yên chứ không cần công danh hiển hách**. **Nàng lo cho nỗi vất vả của chồng nơi chiến trận và dự cảm cả nỗi cô đơn trong những ngày vắng bóng chồng**. Nàng không một lời than vãn về những vất vả mà mình sẽ phải gánh vác. Những lời nói của Vũ Nương cảm động đến mức khiến cho những người xung quanh ai nấy đều ứa hai hàng lệ và có lẽ người đọc cũng không khỏi động lòng.

- Rồi Trương Sinh ra trận ra trận, Vũ Nương ở nhà nhớ chồng da diết. Nguyễn Dữ cũng viết về nỗi nhớ ấy của nàng “Ngày qua tháng lại, thoắt đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được”. Bằng một vài hình ảnh ước lệ tượng trưng, Nguyễn Du đã diễn tả trọn vẹn **nỗi nhớ triền miên, dai dẳng, ngày qua ngày, tháng qua tháng của Vũ Nương với người chồng nơi chiến trận của nàng. Nàng vừa thương chồng, vừa nhớ chồng, vừa thương xót cho chính mình đêm ngày phải đối mặt với nỗi cô đơn vò võ**. Tâm trạng nhớ thương đau buồn ấy của Vũ Nương cũng là tâm trạng chung của những người chinh phụ trong mọi thời loạn lạc xưa nay:

 "… Nhớ chàng đằng đẵng đường lên bằng trời

     Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu

     Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong…"

(Chinh phụ ngâm)

Thể hiện tâm trạng ấy, **Nguyễn Dữ vừa cảm thông với nỗi đau khổ** của Vũ Nương, **vừa ca ngợi tấm lòng thủy chung, thương nhớ đợi chờ chồng của nàng.**

**\*Liên hệ: chị Dậu:** Tấm lòng, tình yêu thương chồng của Vũ Nương khiến ta nhớ đến nhân vật chị Dậu trong tiểu thuyết “Tắt đèn” của nhà văn Ngô Tất Tố. Dù chỉ là một người phụ nữ nông dân thấp cổ bé họng nhưng chị đã liều mạng để bảo vệ chồng. Có thể nói rằng tấm lòng thủy chung son sắt, tình yêu thương dành cho chồng con chính là những nét chung đẹp đẽ trong tâm hồn của những người phụ nữ Việt Nam. Vẻ đẹp ấy thật đáng trân trọng.

**3.Đánh giá**

- Đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật

- Nhắc lại những nét phẩm chất của nhân vật

- Dụng ý xây dựng nhân vật của nhà văn

- Qua đó nêu cảm nhận về tác giả

**Tham khảo:** Như vậy, bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, đoạn trích đã giúp người đọc cảm nhận được những nét đẹp tâm hồn ở nhân vật Vũ Nương. Nàng hiện lên không chỉ là là một người phụ nữ xinh đẹp, nết na, đức hạnh, khéo léo tế nhị biết nhún nhường mà còn là một người vợ thương chồng và thủy chung hết mực. Xây dựng nhân vật này, Nguyễn Dữ muốn gửi vào đó lời ngợi ca, trân trọng đối với những người phụ nữ trong xã hội xưa. Và phải thực sự là một người luôn trân trọng và cảm thong với số phận và cuộc đời của họ, Nguyễn Dữ mới có được một tác phẩm độc đáo đến như vậy.

**C.KẾT BÀI:**

“Chuyện người con gái nam xương”là một áng văn hay thành công về mặt dựng truyện ,khắc hoạ nhân vật ,kết hợp tự sự và trữ tình, hiện thực và lãng mạn . Truyện và nhất là đoạn trích trên đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta thêm cảm phục trước tài năng của nhà văn, thêm trân trọng, yêu mến những người phụ nữ trong XHPK. Từ một chiếc bóng oan khiên tác phẩm đã gợi ra biết bao điều chúng phải suy ngẫm về đạo vợ chồng,về cách hành xử trong cuộc sống, về nhân cách, về cuộc đời con người. Và có lẽ cũng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

=====================================

***Đề 4: Cảm nhận về nhân vật Vũ Nương qua đoạn trích sau:***

*“... Chàng quỳ xuống đất vâng lời dạy. Nàng rót chén rượu đầy tiễn chồng mà rằng:*

*- Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thể là đủ rồi. Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến cho tiện thiếp băn khoăn, mẹ hiền lo lắng. Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trồng liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng, cũng sợ không có cảnh không bay bổng.*

*Nàng nói đến đây, mọi người đều ứa hai hàng lệ. Rồi đó, tiệc tiễn vừa tàn, áo chàng đành rứt. Ngước mắt cảnh vật vẫn còn như cũ, mà lòng người đã nhuộm mối tình muôn dặm quan san!*

*Bấy giờ, nàng đương có mang, sau khi xa chồng vừa đẩy tuần thì sinh ra một đứa con trai, đặt tên là Đản. Ngày qua tháng lại, thoắt đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi, thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được, bà mẹ cũng vì nhớ con mà dân sinh ổm. Nàng hết sức thuốc thang lễ bái thần phật và lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn, song bệnh tình mỗi ngày một trầm trọng, bà biết không sống được, bèn trối lại với nàng rằng:*

*- Ngắn dài có số, tươi héo bởi trời. (...) Sau này, trời xét lòng lành, ban cho phúc đức, giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chẳng phụ mẹ..*

*Bà cụ nói xong thì mất, nàng hết lời thương xót, phàm việc và cay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình."*

Gợi ý:

**1.Mở bài: Giới thiệu vấn đè nghị luận**

Tất cả mọi thứ trên thế gian này theo thời gian đều sẽ bị bào mòn và băng hoại chỉ có duy nhất nghệ thuật, mình nó không thừa nhận cái chết. Có những tác phẩm dù trải qua bao nhiêu thế kỉ, qua sự thách thức của dòng đời, nó vẫn còn nguyên sức sống của mình. “Chuyện người con gái Nam Xương” là một tác phẩm như thế. Đọc tác phẩm này và nhất là phần đầu của tác phẩm, người đọc sẽ cảm nhận được một cách rõ nét vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật Vũ Nương – nhân vật chính của truyện. **Vẻ đẹp của nàng được hiện lên rõ nét khi nàng khi tiễn chồng ra trận và trong những ngày Trương Sinh không có ở nhà**

**2. Thân bài**

**2.1. Khái quát chung về tác phẩm**

- “Chuyện người con gái Nam Xương” là một trong số 20 truyện trích trong “Truyền kì mạn lục”, áng văn được người đời đánh giá là “thiên cổ kì bút”- cây bút kì diệu truyền tới ngàn đời. - - Truyện được viết từ cốt truyện cổ tích “Vợ chàng Trương”, nhưng với ngòi bút tài năng của mình, Nguyễn Dữ đã sáng tạo nên “Chuyện người con gái Nam Xương” rất riêng, giàu giá trị và ý nghĩa.

- Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, tác phẩm đã làm nổi bật vẻ đẹp và số phận đau thương của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**2.2. Cảm nhận về nhân vật qua đoạn trích**

**a.Nói qua về VN ở phần đầu của tác phẩm.**

- Mở đầu tác phẩm, Nguyễn Dữ đã giới thiệu *“Vũ Thị Thiết người con gái quê ở Nam Xương, tính đã thùy mị nết na lại thêm tư dung tốt đẹp”.* Như vậy, chỉ với một câu nói ngắn gọn, Nguyễn Du đã khái quát một cách đầy đủ và trọn vẹn vẻ đẹp tâm hồn của Vũ Nương, **nàng không chỉ đẹp về hình thức bên ngoài mà còn có một tâm hồn đẹp, ở nàng hội tụ đầy đủ cả công – dung – ngôn – hạnh.**

**b. Không chỉ là một người phụ nữ xinh đẹp, nết na, đức hạnh , Vũ Nương còn là một người vợ yêu thồng, một người mẹ thương con và luôn khao khát hạnh phúc gia đình.** Vẻ đẹp ấy của nàng được Nguyễn Du làm nổi bật khi Trương Sinh ra trận.

- Trương Sinh và Vũ Nương cưới nhau chưa được bao lâu thì Trương Sinh phải ra trận bởi Trương Sinh tuy con nhà hào phú nhưng thất học nên phải đi lính vào buổi đầu. Lúc tiễn chồng ra trận, Vũ Nương đã rót chén rượu đầy mà rằng *“Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong được đeo ấn hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi. Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường.Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến thiếp ôm nỗi quan hoài, mẹ già triền miên lo lắng.Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trông liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng,cũng sợ không có cánh hồng bay bổng*.”

=>Rõ ràng là trong lời nói của Vũ Nương ta nhận ra **tình cảm tha thiêt mà nàng dành cho chồng**. **Nàng mong chồng trở về bình yên chứ không cần công danh hiển hách**. **Nàng lo cho nỗi vất vả của chồng nơi chiến trận và dự cảm cả nỗi cô đơn trong những ngày vắng bóng chồng**. Nàng không một lời than vãn về những vất vả mà mình sẽ phải gánh vác. Những lời nói của Vũ Nương cảm động đến mức khiến cho những người xung quanh ai nấy đều ứa hai hàng lệ và có lẽ người đọc cũng không khỏi động lòng.

- Rồi Trương Sinh ra trận ra trận, Vũ Nương ở nhà nhớ chồng da diết. Nguyễn Dữ cũng viết về nỗi nhớ ấy của nàng “Ngày qua tháng lại, thoắt đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được”. Bằng một vài hình ảnh ước lệ tượng trưng, Nguyễn Du đã diễn tả trọn vẹn **nỗi nhớ triền miên, dai dẳng, ngày qua ngày, tháng qua tháng của Vũ Nương với người chồng nơi chiến trận của nàng. Nàng vừa thương chồng, vừa nhớ chồng, vừa thương xót cho chính mình đêm ngày phải đối mặt với nỗi cô đơn vò võ**. Tâm trạng nhớ thương đau buồn ấy của Vũ Nương cũng là tâm trạng chung của những người chinh phụ trong mọi thời loạn lạc xưa nay:

 "… Nhớ chàng đằng đẵng đường lên bằng trời

     Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu

     Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong…"

(Chinh phụ ngâm)

Thể hiện tâm trạng ấy, **Nguyễn Dữ vừa cảm thông với nỗi đau khổ** của Vũ Nương, **vừa ca ngợi tấm lòng thủy chung, thương nhớ đợi chờ chồng của nàng.**

-  Khi hạnh phúc gia đình có nguy cơ tan vỡ, Vũ Nương ra sức cứu vãn, hàn gắn. Khi người chồng trút cơn ghen bóng gió lên đầu, Vũ Nương đã ra sức thanh minh, phân trần. Nàng đã viện đến cả  thân phận và tấm lòng của mình để  thuyết phục chồng *"Thiếp vốn con kẻ khó , nay được nượng tựa nhà giàu , xum họp chưa thỏa tình chăn gối , chia phôi vì động việc lửa binh , cách biệt 3 năm giữ gìn một tiết , tô son điểm phấn chẳng đã nguôi lòng , ngõ liễu tường hoa chưa hề bến gót , đâu có sự mất nết hư thân như lời chàng nói ....."* Những lời nói nhún nhường tha thiết đó cho thấy thái độ  trân trọng chồng, trân trọng gia đình nhà chồng, niềm tha thiết gìn giữ gia đình nhất mực của Vũ Nương.

-  Với con thơ nàng hết sức yêu thương, chăm chút. Sau khi xa chồng đầy tuần, nàng sinh bé Đản, một mình gánh vác cả giang sơn nhà chồng nhưng chưa khi nào nàng chểnh mảng việc con cái. **Chi tiết nàng chỉ bóng mình trên vách và bảo đó là cha Đản** **cũng xuất phát từ tấm lòng của người mẹ** . **Nàng muốn để con trai mình bớt đi cảm giác thiếu vắng tình cảm của người cha, luôn cảm nhận được hình bóng của người cha bên cạnh.** Tình yêu thương của nàng dành cho chồng, cho con chính là minh chứng của niềm khát khao hạnh phúc gia đình mà người phụ nữ dù ở thời nào cũng mong muốn có được.

**c) Cùng với tình yêu thương chồng con, Vũ Nương còn là một người con dâu hiếu thảo**

Xưa nay mối quan hệ mẹ chồng nàng dâu rất phức tạp. Người xưa thường nói *Trời mưa ướt lá dai bì*/ *Con mẹ, mẹ xót, xót gì con dâu!* Thế nhưng Vũ Nương đã hóa giả được những định kiến ấy. Chồng xa nhà**, nàng đã thay chồng phụng dưỡng mẹ chu đáo**. Khi **bà ốm nàng đã thuốc thang lễ  bái thần phật và lấy những lời khôn khéo để  khuyên răn** để bà vơi bớt nỗi nhớ thương con. Đến khi **bà mất, nàng đã hết lời thương xót, ma chay tế lễ** cẩn trọng hệt như với cha mẹ đẻ của mình. Cái tình ấy quả có thể cảm thấu cả trời đất cho nên trước lúc chết n**gười mẹ già ấy đã trăng trối những lời yêu thương, động viên, trân trọng con dâ**u *“Sau này, trời xét lòng lành, ban cho phúc đức giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ lòng con như con đã chẳng phụ mẹ"*. Những lời nói của bà cụ hơn hẳn ngàn vạn lời kể của nhà văn. Nó một lần nữa chứng minh rằng Vũ Nương là một người con dâu hiếu thảo.

**- Liên hệ: Thúy Kiều :** Sự hiếu thảo của Vũ Nương với mẹ chồng khiến ta nhớ đến nhân vật Thúy Kiều trong “Truyện Kiều” của Nguyễn Du – một cô gái sẵ sang bán thân mình để cứu cha và em. Có thể nói rằng tấm lòng thủy chung hiếu thảo là nét phẩm chất chung của những người phụ nữ trong XHPK. Họ đáng để chúng ta trân trọng và yêu thương.

**3.Đánh giá**

**- Đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật**

**- Nhắc lại những nét phẩm chất của nhân vật**

**- Dụng ý xây dựng nhân vật của nhà văn**

**- Qua đó nêu cảm nhận về tác giả**

Như vậy, bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, đoạn trích đã giúp người đọc cảm nhận được những nét đẹp tâm hồn ở nhân vật Vũ Nương. Nàng hiện lên là một người vợ thủy chung, một người mẹ thương con và một người con dâu hiếu thảo. Xây dựng nhân vật này, Nguyễn Dữ muốn gửi vào đó lời ngợi ca, trân trọng đối với những người phụ nữ trong xã hội xưa. Và phải thực sự là một người luôn trân trọng và cảm thong với số phận và cuộc đời của họ, Nguyễn Dữ mới có được một tác phẩm độc đáo đến như vậy. Thật đáng trân trọng

**3. Kết bài**

**Đánh giá chung**

**-Nhận định chung về đoạn trích**

**- Đoạn trích khơi gợi trong em những tình cảm gì?**

**- Qua đoạn trích em rút ra được bài học gì?**

“Chuyện người con gái nam xương”là một áng văn hay thành công về mặt dựng truyện ,khắc hoạ nhân vật ,kết hợp tự sự và trữ tình, hiện thực và lãng mạn . Truyện và nhất là đoạn trích trên đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta thêm cảm phục trước tài năng của nhà văn, thêm trân trọng, yêu mến những người phụ nữ trong XHPK. Từ một chiếc bóng oan khiên tác phẩm đã gợi ra biết bao điều chúng phải suy ngẫm về đạo vợ chồng,về cách hành xử trong cuộc sống, về nhân cách, về cuộc đời con người. Và có lẽ cũng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ**

**ĐỀ 1. Hình tượng vua Quang Trung qua đoạn trích hồi thứ 14 của “Hoàng Lê nhất thống chí”**

**1) Mở bài: Giới thiệu vấn đề: Hình tượng vua Quang Trung** Nguyễn Huệ, vị chiến tướng dùng kì mưu hạ thành Phú Xuân. Nguyễn Huệ, vị thống tướng đã tiêu diệt 3 vạn quân Xiêm xâm lược tại Rạch Gầm – Xoài Mút trong một trận thuỷ chiến trời long đất lở. Nguyễn Huệ, người anh hùng áo vải đã đạp đổ ngai vàng chúa Trịnh ở Đàng Ngoài rồi kết duyên cùng công chúa Ngọc Hân làm chấn động Bắc Hà. Nguyễn Huệ – vua Quang Trung đã tiêu diệt 29 vạn quân Thanh xâm lược, xây nên gò Đống Đa lịch sử bất tử. Đọc Hồi thứ 14 của *Hoàng Lê nhất thống chí*, hình tượng người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ đã để lại trong tâm hồn ta bao ấn tượng không phai m

**2) Thân bài:**

**2.1.Khái quát tác phẩm + hồi thứ 14**

– “Hoàng Lê nhất thống chí” là một cuốn tiểu thuyết lịch sử bằng chữ Hán được viết theo thể chương hồi do nhiều tác giả trong Ngô Gia Văn Phái (Ngô Thì Chí, Ngô Thì Du…) sáng tác. Đây là một bức tranh sâu rộng vừa phản ánh được sự thối nát, suy tàn của triều đình Lê Trịnh, vừa phản ánh được sự phát triển của phong trào Tây Sơn.  
– Trong hồi thứ 14 của tác phẩm, hình tượng người anh hùng Quang Trung hiện lên thật cao đẹp với khí phách hào hùng, trí tuệ sáng suốt và tài thao lược hơn người.

**2.2. Hình tượng vua Quang Trung**a*) Trước tiên, Cần thấy rằng Quang Trung là người có lòng yêu nước nồng nàn, có lòng tự hào dân tộc sâu sắc*, tiếp nối truyền thống của Trưng Nữ Vương, Trần Hưng Đạo, Lê Thái Tổ…  
-- Nghe giặc chiếm đóng Thăng Long định thân chinh cầm quân đi ngay.  
- Tinh thần dân tộc của Quang Trung thể hiện rất rõổtng lời phủ dụ các tướng sĩ trước khi lên đường ra Bắc “Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị. Người phương Bắc không phảI nòi giống ta, bụng dạ ắt khác”và “Đời Hán có Trưng Nữ Vương, Đời tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê đại Hành ….Các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc”  
=> Lời phủ dụ mang âm hưởng của Nam quốc sơ hà, Hịch tướng sĩ, Bình ngô địa cáo,  
Nó mang tâm hồn dân tộc và khí phách anh hùng của các bậc tiền bối vằng lại.  
*b) Quang Trung là vị vua có trí tuệ sáng suốt, có tầm nhìn xa trông rộng:*- Có quan hệ gần gũi, chan hoà và biết lắng nghe ý kiến của tướng sĩ:  
+ Định thân chinh cầm quân đI ngay nhưng nghe lời can ngăn, ông đã lên ngôi để “chính vị hiệu” rồi mới hạ lệnh xuất quân.  
+ Tới Nghệ An , QT cho vời người cống sĩ ở huyện La sơn để hỏi ý kiến “Kế nên đánh hay giữ ra sao”.  
+ Ra quân lệnh rất nghiêm “Chớ nên ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra sẽ bị ta giết chết ngay tức khắc, chớ bảo là ta không nói trước!” nhưng kế đó ông “Ra doanh yên ủi quân lính” rồi tha cho hai tướng Sở và Lân để họ lấy công chuộc tội.  
- Sáng suốt trong việc nhận định thời cuộc: Mới khởi binh đánh giặc đã tính toán chu đáo đầy đủ “- Lần này ta ra, thân hành cầm quân, phương lược tiến đánh đã có tính sẵn”. Tính cả kế hoạch ngoại giao sau khi thắng với chủ trương “Dẹp việc binh đao để phúc cho dân”  
- Sáng suốt, nhạy bén trong việc dùng binh: Chỉ huy quân lính hành quân thần tốc : Vừa hành quân, vừa tuyển quân, duyệt binh, tiến đánh chỉ trong vòng 5 ngày đã giành thắng lợi  
- Mới khởi binh đã hẹn ngày chiến thắng “Hẹn ngày mồng 7 năm mới thì vào Thăng Long mở tiệc ăn mừng, các ngươi nhớ lấy, đừng cho là ta nói khoác”.  
=> Như vậy Quang Trung là người có trí tuệ phi thường.  
*c) Quang Trung là người có ý chí, hành động mạnh mẽ, quyết đoán:*- Nghe tin giặc tới Thăng Long không hề nao núng định thân chinh cầm quân đi ngay.  
- Từ khi gặc đến làm được biết bao việc có ích, nhanh chóng: Tế cáo trời đất, lên ngôi, phủ dụ quân lính, hoạch định phương lược tiến đánh, tuyển mộ quân lính, duyệt binh, tiến đánh, đánh trận nào thắng trận ấy.  
- Mạnh mẽ trong điều binh khiển tướng, trực tiếp chỉ huy các trận đánh, tự tin trong các trận đánh, sự tự tin dựa trên những cơ sở đã được phân tích và chuẩn bị kĩ lưỡng.  
*d) Quang trung là vị vua lẫm liệt trong chiến trận:*- Tự thân chỉ huy một đạo quân, cưỡi voi xông pha giữa trận mạc, vừa chỉ huy, vừa tham gia chiến đâú trong mọi trận đánh, đối lập hoàn toàn với Lê Chiêu Thống- Một ông vua đớn hèn.  
- Linh hoạt trong kế sách đánh giặc, ở mỗi trânh đánh chọn phương lược tiến đánh khác nhau nhưng rất phù hợp và hiệu quả: Trận phú xuyên đánh bí mật, trận Hà Hồi đùng cách đánh mưu lược, táo bạo chắc thắng, trận Ngọc Hồi dùng cách đánh áp lá cà nhưng mưu trí mạnh mẽ…  
- Hình ảnh Quang Trung “áo bào đen sạm khói súng”mãi là hình ảnh lẫm liệt của vị anh hùng dân tộc trong tâm trí người đọc.

**2.3. Đánh giá**

Như vậy, bằng những lời văn chân thực, hồi thứ 14 của Hoàng lê nhất thống chí đã khắc họa thành công hình tượng vua Quang Trung – một vị vua yêu nước, sáng suốt nhạy bén và có tầm nhìn xa trông rộng. Xây dựng hình tượng này, các tác giả đã gửi gắm vào đó sự cảm phục trước tài năng, đức độ của vua Quang Trung và niềm tự hào sâu sắc về lịch sử của nước nhà. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng.  
**3) Kết bài:**  
 Quang Trung là hình ảnh sáng ngời, biểu tượng cho tinh thần và sức mạnh quật cường, cho ý chí độc lập tự chủ của dân tộc Việt Nam. Hình ảnh ấy mãI khắc ghi trong chúng ta niềm tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc ta và lòng biết ơn sâu sắc về người con ưu tú của cả dân tộc.

**CHỊ EM THÚY KIỀU – NGUYỄN DU**

**Đề 1: Cảm nhận của em về nhan sắc và tài năng của Thúy Kiều trong 12 câu thơ:**

**A.Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích, 12 câu thơ**

**Tham khảo:**

Nguyễn Du- đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới đã để lại cho đời một tác phẩm bất hủ. Đó là “Đoạn trường tân thanh” hay còn gọi là “Truyện Kiều”. “Truyện Kiều” gây ấn tượng với người đọc không chỉ bởi giá trị nhân văn cao cả, giá trị hiện thực độc đáo mà còn bởi nghệ thuật tả người đã đạt đến trình độ đỉnh cao. **Nói đến nghệ thuật tả người trong “Truyện Kiều” ta không thể không nhắc đến đoạn trích “Chị em thúy Kiều” và đặc biệt nhất là 12 câu thơ miêu tả tài và sắc của nàng.**

**B.Thân bài**

**1.Khái quát về đoạn trích:** Số câu trong đoạn trích, thuộc phần nào của tác phẩm? Nội dung chính là gì?

**Tham khảo:**

Đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” gồm **24** câu thơ lục bát, nằm ở phần 1 “Gặp gỡ và đính ước” của tác phẩm “Truyện Kiều”. Trong đoạn trích này, Nguyễn Du tập trung miêu tả vẻ đẹp của chị em thúy Kiều để từ đó ca ngợi vẻ đẹp, đức hạnh và tài năng của những những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**2.Cảm nhận về nhan sắc và tài năng của Thúy Kiều**

**2.1. Khái quát nội dung và nghệ thuật ở 8 câu đầu**

Ở phần đầu của đoạn trích, Nguyễn Du đã rất thành công khi sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng để giới thiệu khái quát về hai chị em Thúy Kiều đồng thời miêu tả Thúy vân rất chi tiết cụ thể. Thông qua những câu thơ ấy, ta nhận ra ở hai nàng là cốt cách thanh tao cao quý và một tâm hồn trắng trong tinh sạch. Và đến 12 câu thơ tiếp, tác giả dành hết tài năng, tình cảm và tâm huyết của mình để miêu tả Thúy Kiều.

**2.2. Cảm nhận 12 câu tả Kiều**

Sau những câu thơ miêu tả Thúy Vân, tác giả tập trung miêu tả Thúy Kiều với 12 câu thơ lục bát. Chỉ nhìn vào số lượng câu thơ miêu tả Kiều, ta có thể thấy ND đã dành cho nhân vật này mốt sự ưu ái đặc biệt. Nếu như tả Thúy Vân tác giả mượn cụm từ “*trang trọng khác vời*” thì khi tả Kiều, Nguyễn Du viết:

“Kiều càng sắc sảo mặn mà

So bề tài sắc lại là phần hơn”

+ Ở đây tác giả đã sử **dụng thủ pháp đòn bẩy** để miêu tả Thúy Kiều. thông qua thủ pháp nghệ thuật ấy, Nguyễn Du muốn **khẳng định Vân đã đẹp Kiều còn đẹp hơn đồng thời miêu tả như thế cũng là để vẻ đẹp của Thúy Vân không bị lu mờ trước vẻ đẹp của Thúy Kiều**. Điểm này Nguyễn Du thật tinh tế.  
+ Thúy Kiều mang vẻ đẹp “**mặn mà,sắc sảo**” tức là ở nàng vừa có cả sự **đằm thắm dịu dàng**, vừa có cả sự **tinh anh về trí tuệ**. Vẻ đẹp ấy được Nguyễn Du miêu tả ở cả hai phương diện là tài và sắc.

**\*Nhan sắc của Thúy Kiều được tác giả miêu tả ở 3 câu thơ lục bát:**

*“Làn thu thủy nét xuân sơn*

*Hoag hen thua thắm liễu hờn kém xanh*

*Một hai nghiêng ngước nghiêng thành”*

+ Nếu như tả Thúy Vân, Nguyễn Du miêu tả rất chi tiết cụ thể, từ khuôn mặt đến đôi lông mày, từ giọng nói, nụ cười đến làn da, mái tóc thì khi **tả Kiều tác giả chỉ tập trung miêu tả đôi mắt**. Có lẽ bởi đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn, nhìn vào đôi mắt, người ta có thể đoán biết được tâm tư, tình cảm.

+ **Tả đôi mắt của Kiều**, nhà thơ một lần nữa **sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng** (làn thu thủy nét xuân sơn). Để rồi qua bút pháp nghệ thuật ấy, ta nhận ra **nàng có một đôi mắt trong như làn nước mùa thu, đẹp như dáng núi mùa xuân**- một đôi mắt biết nói, biết cười, biết yêu thương hờn giận, đôi mắt chứa đựng cả tình đời, tình người mênh mông. Đôi mắt ấy đã khiến cho bao đấng nam nhi phải mê say đắm đuối.

+ Kiều đẹp đến mức **hoa phải ghen vì thua sắc thắm, liễu phải hờn vì kém sắc xanh**. Phép nhân hóa có tính chất cường điệu “hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh” như một lời khẳng định **vẻ đẹp của Thúy Kiều đã vượt hơn hẳn vẻ đẹp của thiên nhiên, khiến cho thiên nhiên phải ghen hờn, đố kị**. Không cần nói nhan sắc của Kiều ra sao, chỉ cần nói hoa còn phải ghen, liễu còn phải hờn với nhan sắc của Kiều thì tưởng như với nhan sắc ấy, không lời nào có thể diễn tả nổi nữa. Tuy nhiên, nếu đọc kĩ lại từng câu, từng lời, ta sẽ thấy dường như trong vẻ đẹp của Kiều đã ẩn chứa những mầm tai hoạ. Một tương lai không bình lặng, một cuộc đời đầy thử thách có lẽ đã đang đón đợi nàng.   
+ Vẫn miêu tả Thúy Kiều, Nguyễn Du còn sử dụng **nghệ thuật Việt hóa điển tích**. Người Trung Quốc có điển tích “khuynh quốc khuynh thành” để nói về những cô gái đẹp. Điển tích ấy làm ta nhớ đến vẻ đẹp của Tây Thi đã làm cho vua Ngô Phù Sai vì đắm say mà quên việc nước hay vẻ đẹp của Điêu thuyền khiến cho Lữ Bố và Đổng Trác vì mê mẩn mà quên việc binh. **Dùng điển tích ấy để miêu tả vẻ đẹp của Thúy Kiều là ND muốn khẳng định vẻ đẹp của nàng cũng chẳng thua kém gì các mĩ nhân thủa trước.** Nó cũng có thể khiến cho “nghiêng nước nghiêng thành”.

=>Như vậy chỉ với một vài câu thơ lục bát, bằng bút pháp ước lệ tượng trưng, biện pháp tu từ nhân hóa, nghệ thuật đòn bẩy và các từ ngữ chọn lọc, Nguyễn Du đã vẽ ra trước mắt người đọc bức chân dung của một tuyệt thế giai nhân. Thúy Kiều mang vẻ đẹp mà có lẽ trên thế gian này không ai có thể sánh được.

\* **Tuy nhiên, người thiếu nữ ấy không chỉ có nhan sắc mà tài năng cũng xuất chúng hơn người.** Tài năng ấy được Nguyễn Du diễn tả ở bảy câu thơ tiếp:

“Thông minh vốn sẵn tính trời

Pha nghề thi hoạ đủ mùi ca ngâm

Cung thương, lầu bậc ngũ âm

Nghề riêng ăn đứt Hồ cầm một trương.

Khúc nhà tay lựa nên chương

Một thiên "bạc mệnh" lại càng não nhân”

+ Theo Nguyễn Du miêu tả thì **sự thông minh của Thúy Kiều là do trời phú**. Và có lẽ vì thế mà nàng **rất đa tài**. Kiều **am hiểu rất nhiều các bộ môn nghệ thuật**. Từ cầm, kì, thi họa, tài năng nào của nàng cũng đạt đến trình độ đỉnh cao, xuất chúng. Các từ “đủ mùi, làu, ăn đứt” đã chứng minh cho điều đó. Thế nên Nguyễn Du mới khẳng định về nàng là “Sắc đành đòi một, tài đành họa hai”(tức là về nhan sắc thì trên thế gian này không ai có thể sánh kịp nàng còn tài năng thì họa chăng may ra mới có một người vượt qua).

+ Và trong tất cả các bộ môn nghệ thuật, Thúy Kiều **giỏi nhất là đánh đàn.** Tiếng đàn của nàng từng được Nguyễn Du ca ngợi:

*“Trong như tiếng hạc bay qua*

*Đục ngư tiếng suối mới sa nửa vời*

*Tiếng khoan như gió thoảng ngoài*

*Tiếng mau sầm sập như trời đổ mưa”*

+ Chỉ với vài phép **so sánh**, Nguyễn Du đã cho người đọc thấy được tài năng xuất chúng của Thúy Kiều. **Tiếng đàn của nàng mang nhiều cung bậc cảm xúc khác nhau**, lúc trầm lúc bổng, lục nhặt lúc khoan. Tiếng đàn ấy dường như mang cả nỗi lòng, tâm tư của nàng. Hơn nữa nàng còn **biết tự sáng tác nhạc**. “Thiên Bạc mệnh” do nàng sáng tác đã khiến cho người nghe ai nấy đều cảm thấy đau xót, não nề, và nó cũng là minh chứng cho một trái tim đa sầu đa cảm.

**3.Đánh giá nghệ thuật và nội dung**

ND đã thực sự rất thành công khi miêu tả Thúy Kiều trong đoạn thơ này. Không cầu kì, không kĩ lưỡng, chỉ với một vài thủ pháp nghệ thuật, Nguyễn Du đã cho ta thấy được Thúy Kiều là một người con gái **tài sắc vẹn toàn**. Nhưng theo thuyết “Hồng nhan bạc phận, tài mệnh tương đố” thì cuộc đời nàng hẳn sẽ khó tránh khỏi những tai ương, nghiệt ngã. Và đằng sau bức chân dung tuyệt sắc ấy, ta không khó để cảm nhận được một sự trân trọng đặc biệt của nhà thơ dành cho Thúy Kiều nói riêng và nói chung là dành cho những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**C.Kết bài**

- Đánh giá chung về đoạn thơ

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm? Em học được bài học gì?

**Tham khảo:**

Có thể nói rằng “Chị em Thúy Kiều” là một trong những đoạn trích thành công nhất về nghệ thuật tả người trong “Truyện Kiều”. Đoạn trích này nhất là 12 câu thơ miêu tả Thúy Kiều đã khơi gợi trong ta không ít những tình cảm đẹp. Có khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng thơ của tác giả Nguyễn Du, khiến ta càng thêm yêu mến, trân trọng những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Tác phẩm ấy đã đem đến cho chúng ta những bài học vô dùng sâu sắc. Đó là bài học về lẽ công bằng, bài học về tình người trong xã hội. Và phải chăng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử “Truyện Kiều” vẫn là tác phẩm bất hủ của văn học Việt Nam

=====================000======================

**Đề 2. Cảm nhận về vẻ đẹp nhan sắc của hai chị em Thúy Kiều trong đoạn trích “Chị em Thúy Kiều”**

**A.Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn trích, 12 câu thơ**

**Tham khảo:**

Nguyễn Du- đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới đã để lại cho đời một tác phẩm bất hủ. Đó là “Đoạn trường tân thanh” hay còn gọi là “Truyện Kiều”. “Truyện Kiều” gây ấn tượng với người đọc không chỉ bởi giá trị nhân văn cao cả, giá trị hiện thực độc đáo mà còn bởi nghệ thuật tả người đã đạt đến trình độ đỉnh cao. Nói đến nghệ thuật tả người trong “Truyện Kiều” ta không thể không nhắc đến đoạn trích “Chị em thúy Kiều”. Đoạn trích đã giúp người đọc cảm nhận được một cách rõ nét vẻ đẹp nhan sắc của hai chị em Thúy Kiều.

**B.Thân bài**

**1.Khái quát về đoạn trích: Số câu trong đoạn trích, thuộc phần nào của tác phẩm? Nội dung chính là gì?**

**Tham khảo:**

Đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” gồm **24** câu thơ lục bát, nằm ở phần 1 “Gặp gỡ và đính ước” của tác phẩm “Truyện Kiều”. Trong đoạn trích này, Nguyễn Du tập trung miêu tả vẻ đẹp của chị em thúy Kiều để từ đó ca ngợi vẻ đẹp, đức hạnh và tài năng của những những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**2.Vẻ đẹp nhan sắc của hai chị em Thúy Kiều**

**2.1. Họ mang vẻ đẹp “mười phân vẹn mười”**

- Mở đầu đoạn trích, ND đã giới thiệu khái quát về hai chị em Thúy Kiều qua 4 câu thơ lục bát. Và chỉ với bốn câu thơ, tác giả đã làm nổi bật được tên gọi, vai vế và cả vẻ đẹp của Thúy vân và Thúy Kiều

“Đầu lòng hai ả tố nga

Thúy Kiều là chị em là Thúy vân

Mai cốt cách tuyết inh thần

Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười”

+ Đọc lời thơ, ta dễ dàng nhận ra tác giả đã sử dụng **kết hợp giữa ngôn ngữ bình dân và ngôn ngữ bác học.** Nếu như **“ả”** là từ ngữ mà người dân lao động thường dùng để chỉ những người con gái thì **“tố nga”** lại là một từ Hán Việt. “Tố nga”có nghĩa là người con gái đẹp. Việc sử dụng từ HV kết hợp với ngôn ngữ bình dân làm cho tác phẩm trở nên gần gũi nhưng cũng vô cùng trang trọng. Và dường như cách dùng từ ngữ ấy cũng làm nên nét trang trọng cho hai nhân vật trong đoạn trích này.

- **Miêu tả hai nhân vật Thúy Vân và Thúy Kiều, tác giả đã sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng và bút pháp lí tưởng hóa nhân vật:**

“Mai cốt cách tuyết tinh thần

Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười”  
+ Xưa nay người ta tường mượn hình ảnh của liễu để miêu tả vẻ đẹp của những người con gái nhưng **Nguyễn Du lại mượn nhành mai** bởi cây mai mộc mạc, giản dị nhưng rất đối thanh tao, gầy guộc, khẳng khiu nhưng lại tràn đầy sức sống. **Nguyễn Du còn mượn tuyết để miêu tả tâm hồn của họ**. Thử hỏi trên đời này còn thứ gì trắng trong, tinh sạch hơn tuyết? Hẳn là hai nhân vật của chúng ta phải có cốt cách yểu điệu, thanh tao lắm, có tâm hồn trong sáng tinh sạch lắm mới được ND miêu tả như vậy.

+ Nhưng cái hay của Nguyễn Du khi miêu tả hai nhân vật này là ông đã giúp người đọc thấy được ở họ **mỗi người mang một vẻ đẹp riêng nhưng cả hai đều “mười phân vẹn mười” tức là họ đẹp một cách toàn diện**. Đó ko chỉ là vẻ đẹp của hình thức bên ngoài mà còn là một tâm hồn đẹp.

**2.2. Thúy Vân mang vẻ đẹp đoan trang,quý phái, tươi tắn, phúc hậu.**

Nếu như ở 4 câu thơ đầu tác giả giới thiệu chung về hai nhân vật thì ở 4 câu thơ tiếp theo, Nguyễn Du lại tập trung ngòi bút, tình cảm và tài năng của mình để miêu tả nhân vật Thúy Vân:

*“Vân xem trang trọng khác vời*

*Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang*

*Hoa cười ngọc thốt đoan trang*

*Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da”*

+ Miêu tả Thúy Vân, tác giả **miêu tả từ khái quát đến cụ thể**, ông chỉ “**xem”** tức là chỉ quan sát để miêu tả ngoại hình. Tả vân, tác giả khằng định “ **Vân xem trang trọng khác vời**”. “**Trang trọng**” ở đây có nghĩa là quý phái, đoan trang, lịch sự. Vậy điều gì đã làm nên nét trang trọng đó? Phải chăng đó chính là một **khuôn mặt** trong đầy, sáng đẹp như trăng rằm, một **đôi lông mày** cong cong đậm nét, **một nụ cười** tươi như hoa, **một giọng nói** trong như ngọc.Tất cả những điều đó, thông qua bút pháp ước lệ tượng trưng đã làm nên nét quý phái, trang trọng của Thúy Vân.

+ Cùng với bút pháp ước lệ tượng trưng, miêu tả Thúy Vân, Nguyễn Du còn sử **dụng biện pháp tu từ nhân hóa thông qua một ý thơ có tính chất phóng đại:**

“Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da”

**+ “Thua, nhường**” là chấp nhận chịu kém hơn và trong đó có cả sự cảm phục. **Mái tóc** của Vân mượt mà, bồng bềnh đẹp hơn những làn mây, **làn da** của nàng đến tuyết cũng không thể sánh được. **Lời thơ như muốn nhấn mạnh rằng vẻ đẹp của Thúy Vân còn vượt lên cái đẹp vốn rất tuyệt vời của Thiên nhiên, làm cho thiên nhiên phải thán phục**. Và cũng thông qua cách miêu tả ấy, Nguyễn Du đã **phần nào dự báo được về tương lai của nàng**. Cuộc đời nàng hẳn sẽ được **bình yên và hạnh phúc.**

=>Như vậy chỉ với 4 câu thơ lục bát, Nguyễn Du đã vẽ lên bức chân dung của một trang tuyệt sắc. Thúy vân hiện lên với vẻ đẹp phúc hậu, quý phái, tươi tắn, đoan trang, phúc hậu và tràn đầy sức sống. Và cũng qua những câu thơ này, Nguyễn Du đã phần nào dự báo được một cuộc đời bình yên, tốt đẹp sẽ đón đợi nàng phía trước.

**2.3. Nhan sắc của Thúy Kiều**

- Sau những câu thơ miêu tả Thúy Vân, tác giả tập trung miêu tả Thúy Kiều với 12 câu thơ lục bát. Chỉ nhìn vào số lượng câu thơ miêu tả Kiều, ta có thể thấy ND đã dành cho nhân vật này mốt sự ưu ái đặc biệt. Nếu như tả Thúy Vân tác giả mược cụm từ “trang trọng khác vời” thì khi tả Kiều, Nguyễn Du viết:

“Kiều càng sắc sảo mặn mà

So bề tài sắc lại là phần hơn”

+ Ở đây tác giả đã sử **dụng thủ pháp đòn bẩy** để miêu tả Thúy Kiều. thông qua thủ pháp nghệ thuật ấy, Nguyễn Du muốn **khẳng định Vân đã đẹp Kiều còn đẹp hơn đồng thời cũng để vẻ đẹp của Thúy Vân không bị lu mờ trước vẻ đẹp của Thúy Kiều**.

+ Thúy Kiều mang vẻ đẹp “**mặn mà,sắc sảo**” tức là ở nàng vừa có cả sự **đằm thắm dịu dàng**, vừa có cả sự **tinh anh về trí tuệ**. Vẻ đẹp ấy được Nguyễn Du miêu tả ở cả hai phương diện là tài và sắc. Nhan sắc của Thúy Kiều được TG miêu tả ở 3 câu thơ lục bát:

“Làn thu thủy nét xuân sơn

Hoag hen thua thắm liễu hờn kém xanh

Một hai nghiêng ngước nghiêng thành”

+ Nếu như tả Thúy Vân, Nguyễn Du miêu tả rất chi tiết cụ thể, từ khuôn mặt đến đôi lông mày, từ giọng nói, nụ cười đến làn da, mái tóc thì khi **tả Kiều tác giả chỉ tập trung miêu tả đôi mắt**. Có lẽ bởi đôi mắt là cửa sổ của tâm hồn, nhìn vào đôi mắt, người ta có thể đoán biết được tâm tư, tình cảm.

+ **Tả đôi mắt của Kiều**, nhà thơ một lần nữa **sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng** (làn thu thủy nét xuân sơn). Để rồi qua bút pháp nghệ thuật ấy, ta nhận ra **nàng có một đôi mắt trong như làn nước mùa thu, đẹp như dáng núi mùa xuân**- một đôi mắt biết nói, biết cười, biết yêu thương hờn giận, đôi mắt chứa đựng cả tình đời, tình người mênh mông. Đôi mắt ấy đã khiến cho bao đấng nam nhi phải mê say đắm đuối.

+ Vẻ đẹp của Kiều còn khiến cho **hoa phải ghen vì thua sắc thắm, liễu phải hờn vì kém sắc xanh**. Phép nhân hóa có tính chất cường điệu “hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh” như một lời khẳng định **vẻ đẹp của Thúy Kiều đã vượt hơn hẳn vẻ đẹp của thiên nhiên, khiến cho thiên nhiên phải ghen hờn, đố kị**. Không cần nói nhan sắc của Kiều ra sao, chỉ cần nói hoa còn phải ghen, liễu còn phải hờn với nhan sắc của Kiều thì tưởng như với nhan sắc ấy, không lời nào có thể diễn tả nổi nữa. Tuy nhiên, nếu đọc kĩ lại từng câu, từng lời, ta sẽ thấy dường như trong vẻ đẹp của Kiều đã ẩn chứa những mầm tai hoạ. Một tương lai không bình lặng, một cuộc đời đầy thử thách có lẽ đã đang đón đợi nàng.   
+ Vẫn miêu tả Thúy Kiều, Nguyễn Du còn sử dụng **nghệ thuật Việt hóa điển tích**. Người Trung Quốc có điển tích “khuynh quốc khuynh thành” để nói về những cô gái đẹp. Điển tích ấy làm ta nhớ đến vẻ đẹp của Tây Thi đã làm cho vua Ngô Phù Sai vì đắm say mà quên việc nước hay vẻ đẹp của Điêu thuyền khiến cho Lữ Bố và Đổng Trác vì mê mẩn mà quên việc binh. **Dùng điển tích ấy để miêu tả vẻ đẹp của Thúy Kiều là ND muốn khẳng định vẻ đẹp của nàng cũng chẳng thua kém gì các mĩ nhân thủa trước.** Nó cũng có thể khiến cho “thành nghiêng, nước đổ.

**3.Đánh giá**

Như vậy, với **bút pháp ước lệ tượng trưng, lí tưởng hóa nhân vật, biện pháp tu từ nhân hóa và các từ ngữ chọn lọc**, đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” đã giúp người đọc cảm nhận được một cách đầy đủ và trọn vẹn **vẻ đẹp của hai chị em Thúy Vân và Thúy Kiều**. Thông qua hai bức chân dung tuyệt sắc ấy, ta nhận ra tình cảm yêu mến, sự trân trọng của Nguyễn Du dành cho 2 nàng và cũng là cho những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**C.Kết bài**

Có thể nói rằng “Chị em Thúy Kiều” là đoạn trích đặc sắc nhất trong “Truyện Kiều”. Đoạn trích đã khơi gợi trong ta không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta thêm cảm phục trước tài năng trong nghệ thuật miêu tả của Nguyễn Du, khiến ta thêm yêu mến, trân trọng hơn những người phụ nữ trong xã hội phong kiến đương thời và cả những người phụ nữ trong xã hội hiện đại. Phải chăng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử,”Truyện Kiều” của Nguyễn Du vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**ĐOẠN TRÍCH “KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH”**

**Đề 1**

**Cảm nhận của em về cảnh ngộ và nỗi niềm của Thúy Kiều trong đoạn thơ sau:**

*“Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân*

*Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung*

*Bốn bề bát ngát xa trông*

*Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia*

*Bẽ bàng mây sớm đèn khuya*

*Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”*

**A.Mở bài**

Nguyễn Du- đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới đã để lại cho đời một tác phẩm bất hủ. Đó là “Đoạn trường tân thanh” hay còn gọi là “Truyện Kiều”. “Truyện Kiều” gây ấn tượng với người đọc không chỉ bởi giá trị nhân văn cao cả, giá trị hiện thực độc đáo mà còn bởi nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đã đạt đến trình độ đỉnh cao. Nói đến nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong “Truyện Kiều” ta không thể không nhắc đến đoạn trích “Kiều ơ lầu Ngưng Bích”. **Trong đoạn trích ấy, có lẽ sáu câu thơ đầu là những vần thơ đọc đáo nhất.**

(thơ)

**B. Thân bài**

**1.Khái quát:**

Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” **gồm 22 câu thơ lục bát, nằm ở phần 2** “Gia biến và lưu lạc” trong tác phẩm “ Truyện Kiều”. Trong đoạn trích này, Nguyễn Du đã miêu tả một cách rõ nét tâm trạng của Thúy Kiều trong những tháng ngày bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích để từ đó làm nổi bật nỗi bất hạnh của những người phụ nữ trong xã hội xưa.

**2. Cảm nhận về cảnh ngộ và nỗi niềm của Thúy Kiều**

- Mở đầu đoạn trích, Nguyễn Du đã giúp người đọc cảm nhận được cảnh ngộ của Thúy Kiều- một người con gái tài hoa nhưng bạc phận:

*“Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân*

*Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung*

*Bốn bề bát ngát xa trông*

*Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia”*

**+ Hoàn cảnh** của Thúy Kiều lúc này thật trớ trêu. Sau khi bán mình chuộc cha và em, Thúy Kiều bị Mã Giám Sinh làm nhục rồi đẩy vào lầu xanh. Vì qua nhục nhã, ê chề, nàng có ý định tự tử. Nhưng Tú Bà sợ mất cả chì lần chài nên đã đưa nàng ra lầu Ngưng Bích nói là đợi người chuộc thân nhưng thực chất là để thực hiện những âm mưu mới. Lúc này nàng đang bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích chênh vênh trên sường núi, giữa nơi đất khách quê người.

+ Nói về hoàn cảnh ấy, Nguyễn Du đã mượn hai chữ “ **khóa xuân**”(khóa kín tuổi xuân). Thực ra “khóa xuân” là từ vốn dùng để nói về cuộc sống nề nếp, kín đáo của những người con gái nhà quyền quý. Với hoàn cảnh của Thúy Kiều, Nguyễn Du dùng từ ấy để miêu tả thật khiến người đọc không khỏi **chua chat, xót xa**.

- Và từ lầu Ngưng Bích nhìn ra, Kiều thấy ở phía xa kia là hình ảnh của một **vầng trăng non mới mọc.** Hình ảnh vầng trăng trong đoạn thơ này là một **chi tiết nghệ thuật, gợi thời gian nghệ thuật**. Đó là lúc chiều muộn, khi nhà nhà đã lên đèn, người người đang quay quần bên bữa cơm sum họp. Hình ảnh ấy dễ khiến người ta nhớ về gia đình, về quê hương. Và có thể Thúy Kiều cũng có chung tâm trạng ấy bởi giờ đây nàng đang phải bơ vơ nơi đất khách quê người.

- Và cũng từ cái nơi chênh vênh giữa sườn núi ấy, Kiều còn nhìn thấy ở phía trước là cả một khung cảnh thiên nhiên rộng lớn.

+ Câu thơ “**Bốn bề bát ngát xa trông”** gồm sáu chữ mà chữ nào cũng gợi ra một không gian hoang vắng, rợn ngợp. Nhìn lên trên là vầng trăng đơn côi, nhìn xuống mặt đất thì bên là cồn cát nhấp nhô lượn sóng bên là bụi hồng cuốn xa hàng vạn dặm. Lầu Ngưng Bích trở thành một chấm nhỏ giữa thiên nhiên trơ trọi, giữa mênh mang trời nước. Không một bóng người, không một sự chia sẻ, chỉ có thiên nhiên câm lặng làm bạn. Kiều chỉ có một mình để tâm sự, để đối diện với chính mình.

+ Ở bốn câu thơ đầu này Nguyễn Du đã rất thành công với bút pháp tả cảnh ngụ tình**. Tác giả đã vẽ ra một bức tranh thiên nhiên rộng lớn, hoang vắng, không có bóng dáng của con người trước lầu Ngưng Bích để từ đó làm nổi bật nỗi cô đơn đến cùng cực của Thúy Kiều**. Miêu tả như thế không phải nhà thơ nào cũng làm được.

- Và trong hoàn cảnh như thế, Kiều lại cảm thấy “bẽ bàng” khi nghĩ đến thân phận của mình:

*“Bẽ bàng mây sớm đèn khuya*

*Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”*

**+ “Bẽ bàng**” ở đây có nghĩ là xấu hổ và tủi thẹn. **Nàng cảm thấy bẽ bàng là bởi** tình yêu tan vỡ, tình cốt nhục chia lìa còn bản thân nàng thì danh dự, nhân phẩm đã bị người ta chà đạp.

+ Lúc này nàng chỉ biết làm bạn với mây, với đèn. Cụm từ “mây sớm đèn khuya” gợi thời gian tuần hoàn, khép kín. Tất cả như giam hãm con người, như khắc sâu thêm nỗi cô đơn khiến Kiều càng bẽ bàng, chán ngán, buồn tủi .

**3.Đánh giá nghệ thuật, nội dung của đoạn thơ**

Như vậy, bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình, kết hợp hệ thống hình ảnh ước lệ, ngôn ngữ giàu sắc thái biểu cảm, Nguyễn Du đã khắc họa thành công một bức tranh thiên nhiên mênh mông, vắng lặng. Và trên nền của khung cảnh ấy là hình ảnh nàng Kiều lẻ loi, cô độc với bao nỗi niềm tâm sự đau thương. Từ những vần thơ ấy, người đọc nhận ra nỗi niềm thương cảm xót xa của tác giả dành cho nhân vật nói riêng và nói chung là dành cho tất cả những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng.

**C. Kết bài**

Có thể nói rằng “Kiều ở lầu Ngưng Bích” là một trong những đoạn trích thành công nhất về nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong “Truyện Kiều”. Đoạn trích này nhất là 6 câu thơ đầu đã khơi gợi trong ta không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng thơ của tác giả Nguyễn Du, khiến ta càng thêm thương cảm cho tình cảnh bất hạnh của nàng Kiều, cho nỗi đau của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Và phải chăng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử “Truyện Kiều” vẫn là tác phẩm bất hủ của văn học Việt Nam

================000=================

**Đề 2. Cảm nhận của em về nỗi lòng của Thúy Kiều trong đoạn thơ sau:**

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,  
Tin sương luống những rày trông mai chờ.  
Bên trời góc bể bơ vơ,  
Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.  
Xót người tựa cửa hôm mai,  
Quạt nồng ấp lạnh những đó giờ?  
Sân Lai cách mấy nắng mưa,  
Có khi gốc tử đã vừa người ôm.

**Dàn ý:**  
**A.Mở bài**

Nguyễn Du- đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới đã để lại cho đời một tác phẩm bất hủ. Đó là “Đoạn trường tân thanh” hay còn gọi là “Truyện Kiều”. “Truyện Kiều” gây ấn tượng với người đọc không chỉ bởi giá trị nhân văn cao cả, giá trị hiện thực độc đáo mà còn bởi nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đã đạt đến trình độ đỉnh cao. Nói đến nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong “Truyện Kiều” ta không thể không nhắc đến đoạn trích “Kiều ơ lầu Ngưng Bích”. Trong đoạn trích ấy, có lẽ tám câu thơ miêu tả nỗi nhớ của Thúy Kiều về người yêu và cha mẹ là những vần thơ độc đáo nhất:

(thơ)

**B. Thân bài**

**1.Khái quát** **về đoạn trích**:

Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” **gồm 22 câu thơ lục bát, nằm ở phần 2** “Gia biến và lưu lạc” trong tác phẩm “ Truyện Kiều”. Trong đoạn trích này, Nguyễn Du đã miêu tả một cách rõ nét tâm trạng của Thúy Kiều trong những tháng ngày bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích để từ đó làm nổi bật nỗi bất hạnh của những người phụ nữ trong xã hội xưa.

**2.Cảm nhận về nỗi lòng của Thúy Kiều trong đoạn thơ**

**2.1. Khái quát nội dung đoạn thơ đầu**

Ở 6 câu thơ đầu, bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình, kết hợp hệ thống hình ảnh ước lệ, ngôn ngữ giàu sắc thái biểu cảm, Nguyễn Du đã khắc họa bức tranh thiên nhiên mênh mông, vắng lặng. Và trên nền của khung cảnh ấy là hình ảnh nàng Kiều lẻ loi, cô độc với bao nỗi niềm tâm sự đau thương. Từ những vần thơ ấy, người đọc nhận ra nỗi niềm thương cảm xót xa của tác giả dành cho nhân vật .

**2.2. Nỗi nhớ của Thúy Kiều về người yêu**

Sau những câu thơ miêu tả cảnh ngộ và nỗi niềm của Thúy Kiều, Nguyễn Du tiếp tục hóa thân vào nhân vật để diễn tả **nỗi nhớ của nàng về người yêu và cha mẹ**. Miêu tả nỗi **nhớ của Thúy Kiều về Kim Trọng,** Nguyễn Du viết:

*“Tưởng người dưới nguyệt chén đồng*

*Tin sương luốn những dày trông mai chờ*

*Bên trời góc bể bơ vơ*

*Tấm son gột rửa bao giờ cho phai”*

-Tả nỗi nhớ của Kiều về người yêu, tác giả dùng chữ **“tưởng**”. “Tưởng” có nghĩa là tưởng tượng, hình dung ra một ai đó như đang đứng trước mặt mình, đang trò chuyện với mình.

+ Nhớ về Kim Trọng, Kiều lại **nghĩ đến cái đêm trăng thề nguyền** mà hai người đã uống chén rượu hẹn ước. Trong đêm trăng ấy, Thúy Kiều và Kim Trọng đã từng hẹn thề “trăm năm tạc một chữ đồng đến xương”. Ấy thế mà giờ đây hai người đang hai phương trời cách biệt. Nàng để lại chàng Kim một mình lẻ bóng nơi quê nhà.

+ **Kiều tưởng tượng ra cảnh ngày đêm Kim Trọng mong chờ tin mình** còn nàng thì bặt vô âm tín. Điều đó khiến nàng vô cùng day dứt **rồi tự vấn lương tâm** “*Tấm son gột rửa bao giờ cho phai*”. Câu thơ như một lời khẳng định dù cuộc đời có ra sao, dù không gian có xa, thời gian có dài thì tấm lòng thủy chung của Kiều dành cho Kim Trọng chẳng bao giờ có thể phôi phai được.

=>Lời thơ còn gợi lên **tâm trạng dằn vặt, day dứt của Thúy Kiều, nàng tự trách mình đã mang tiếng nhuốc nhơ, không còn xứng đáng với Kim Trọng được nữa.**

**2.3. Nỗi nhớ của Thúy Kiều về cha mẹ**

- Rồi khi nỗi nhớ Kim Trọng trong tâm hồn Thúy Kiều chưa kịp nguôi đi thì **nỗi nhớ cha mẹ** lại tràn về:

*“Xót người tựa cửa hôm mai*

*Quát nồng ấp lạnh những ai đó giờ*

*Sân lai cách mấy nắng mưa*

*Có khi gốc tử đã vừa người ôm”*

+ Miêu tả nỗi nhớ của Kiều về cha mẹ, Nguyễn Du dùng **từ “xót”.** “Xót” có nghĩa là xót xa đến độ đau đớn. Nàng đau đớn là **bởi cha mẹ nàng đã già yếu mà không có người phụng dưỡng, chăm sóc**. Hơn thế nữa họ còn ngày đêm **“tựa cửa” trông ngóng đứa con xa** mà nàng thì bóng chim tăm cá. Sao không đau xót cho được khi phận nàng là con mà chẳng thể chăm sóc cho mẹ cha khi đã về già,

+ Và cũng để diễn tả trăn trở, lo lắng của nàng về gia đình, tác giả còn sử dụng **thành ngữ “quạt nồng ấp lạnh” và hai điển tích “ sân Lai, gốc tử”.** “*Quạt nồng ấp lạnh*” được hiểu là mùa hè trời nóng bức thì quạt cho cha mẹ ngủ còn mùa đông trời rét buốt thì vào trong chăn nằm cho chăn chiếu ấm lên mới mời cha mẹ vào nằm. Còn điển tích “sân Lai” ở đây tức là sân nhà lão Lai tử. Truyện kể rằng lão Lai Tử đã già nhưng vẫn ra sân nhảy múa đề làm vui lòng cha mẹ. Với việc mượn những điển tích và thành ngữ ấy, Nguyễn Du như muốn cho người đọc cảm nhận được **nỗi nhớ thương, sự lo lắng của Thúy Kiều dành cho cha mẹ của mình**. Từ nỗi nhớ ấy, người đọc có thể dễ dàng nhận ra nhận ra nàng là một tấm lòng rất mực **hiếu thuận.**

**\*Liên hệ: Vũ Nương :** Sự hiếu thảo của Thúy Kiều làm ta nhớ đến nân vật Vũ Nương – một người con dâu hiếu thuận với mẹ chồng như với cha mẹ đẻ. Có thể nói rằng tấm lòng thủy chung hiếu thảo là nét phẩm chất chung của những người phụ nữ trong XHPK. Họ đáng để chúng ta trân trọng và yêu thương.

**2.4. Bàn về trật tự diễn tả tình cảm của Thúy Kiều**

Đọc đoạn trích này, chắc hẳn người đọc sẽ không khỏi thắc mắc rằng tại sao Nguyễn Du lại để cho Thúy Kiều nhớ về Kim Trọng trước khi nhớ về cha mẹ. Còn nhớ ở phần đầu của tác phẩm, khi gia đình bị thằng bán tơ vu oan, Thúy Kiều đã từng quả quyết rằng:

*“Đệ lời thệ hải minh sơn*

*Làm con trước phải đền ơn sinh thành”*

Ấy thế mà lúc này khi ở nơi đất khách quê người, **nàng lại nhớ về Kim trọng trước**. Tuy nhiên khi ta đặt mình vào hoàn cảnh của Thúy Kiều, ta có thể hiểu cho cảm xúc của nàng. Kim Trọng với nàng chính là **mối tình đầu,** mà tình đầu thì thường sâu nặng. Hơn thế nữa, trước lầu Ngưng Bích nhìn ra nàng lại thấy **hình ảnh vầng trăng**. Hình ảnh ấy khiến nàng nhớ đến đêm trăng thề nguyền mà hai người đã từng uống chén rượu hẹn ước. Vả lại, với cha mẹ thì hành động bán mình chuộc cha đã phần nào báo đáp được công ơn sinh thành còn **với Kim Trọng thì nàng mãi là kẻ bạc tình lỗi hẹn,** điều đó khiến nàng vô cùng day dứt. Thông qua cách miêu tả tâm trạng và cách diễn tả trật tự nỗi nhớ của Thúy Kiều, ta nhận ra ở nhà thơ Nguyễn Du là sự **am hiểu tâm lí con người** và sự tiến bộ trong quan niệm về tình yêu đôi lứa.

**3.Đánh giá nội dung và nghệ thuật của đoạn thơ**

Như vậy, với các từ ngữ ,thành ngữ và điển tích chọn lọc, 8 câu thơ tiếp theo đã diễn tả một cách đầy đủ và trọn vẹn nỗi nhớ của Thúy Kiều. Đọc những vần thơ ấy, người đọc không chỉ cảm nhận được nỗi nhớ da diết, cồn cào của nàng dành cho người yêu và cha mẹ mà còn cho thấy nàng là một cô gái hiếu thảo, thủy chung. Tấm lòng thủy chung hiếu thảo của nàng khiến ta nhớ đến Vũ Nương trong “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ. Phải chăng đó chính là những nét chung trong tâm hồn của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến đương thời. Vẻ đẹp ấy đáng để ta trân trọng và cảm phục.

**C. Kết bài**

- Đánh giá chung về đoạn thơ

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

**Tham khảo:**

Có thể nói rằng trong “Kiều ở lầu Ngưng Bích” thì đoạn thơ miêu tả nỗi nhớ của Thúy Kiều về người yêu và cha mẹ được coi là đoạn thơ hay nhất”. Lời thơ đã khơi gợi trong ta không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng thơ của tác giả Nguyễn Du, khiến ta càng thêm thương cảm cho tình cảnh bất hạnh của nàng Kiều, cho nỗi đau của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Và phải chăng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử “Truyện Kiều” của Nguyễn Du vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

====================000==================

**Đề 3: Những nét đặc sắc về bút pháp tả cảnh ngụ tình qua 8 câu thơ cuối của đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”**

Buồn trông cửa bể chiều hôm,  
 Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa.  
 Buồn trong ngọn nước mới sa,  
 Hoa trôi man mác biết là về đâu?  
 Buồn trông nội cỏ dàu dàu,  
 Chân mây mặt đất một màu xanh xanh.  
 Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,  
 Âm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.

**Dàn ý**

**A.Mở bài**

Nguyễn Du- đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới đã để lại cho đời một tác phẩm bất hủ. Đó là “Đoạn trường tân thanh” hay còn gọi là “Truyện Kiều”. “Truyện Kiều” gây ấn tượng với người đọc không chỉ bởi giá trị nhân văn cao cả, giá trị hiện thực độc đáo mà còn bởi nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đã đạt đến trình độ đỉnh cao. **Nói đến nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong “Truyện Kiều” ta không thể không nhắc đến đoạn trích “Kiều ơ lầu Ngưng Bích” đặc biệt là tám câu thơ cuối.**

(thơ)

**B. Thân bài**

**1.Khái quát** **về đoạn trích**:

Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” **gồm 22 câu thơ lục bát, nằm ở phần 2** “Gia biến và lưu lạc” trong tác phẩm “ Truyện Kiều”. Trong đoạn trích này, Nguyễn Du đã miêu tả một cách rõ nét tâm trạng của Thúy Kiều trong những tháng ngày bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích để từ đó làm nổi bật nỗi bất hạnh của những người phụ nữ trong xã hội xưa.

**2.Bút pháp tả cảnh ngụ tình trong 8 câu thơ cuối**

**2.1. Giải thích thế nào là tả cảnh ngụ tình**

Tả cảnh ngụ tình là bút pháp nghệ thuật thông qua việc miêu tả cảnh vật thiên nhiên để khắc họa tâm trạng, cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật trữ tình. Đây là bút pháp thường thấy trong thơ ca trung đại.

**2.2. Bút pháp tả cảnh ngụ tình trong 8 câu thơ cuối**

Ở phần cuối của đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích”, Nguyễn Du đã rất thành công với **bút pháp tả cảnh ngụ tình** khi ra vẽ ra trước mắt người đọc **4 bức tranh thiên nhiên để từ đó diễn tả 4 nét tâm trạng** của nhân vật. Tám câu thơ vừa là bức tranh tâm cảnh mà cũng là thực cảnh. Cảnh được miêu tả theo kiểu tứ bình trong con mắt trông bốn bề và từ xa tới gần.

* Từ lầu Ngưng Bích nhìn ra phía xa, Kiều thấy **hình ảnh một con thuyền lênh đênh nơi cửa bể:**

*“Buồn trông cửa bể chiều hôm*

*Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa”*

+ Không gian mênh mông và thời gian khi chiều tà muôn thuở gợi buồn. Giữa khung cảnh ấy chỉ có một **con thuyền vô định** và hiện hữu với **cánh buồm thấp thoáng xa xa như một ảo ảnh**.

+ Cảnh đã gợi trong lòng người tha thương nỗi buồn, nỗi nhớ về cha mẹ,về quê nhà xa cách, nỗi cô đơn và khát khao sum họp. Rồi nàng sẽ đi về đâu? Có được đoàn tụ với gia đình, với chàng Kim hay không chính nàng cũng không biết nữa chỉ biết rằng ngay lúc này đây **nàng đang phải đối diện với sự cô đơn nơi đất khách quê người** . Điều đó hẳn sẽ khiến người con gái tài hoa ấy vô cùng đau khổ.

* Rồi Kiều đưa mắt nhìn gần hơn, trướ mắt nàng là cảnh một **con nước từ trên cao đổ xuống**:

*“Buồn trông ngọn nước mới sa*

*Hoa trôi man mác biết là về đâu”*

**+ Ngọn nước mới sa**” là dòng thác từ trên cao ào ào đổ xuống. Nó gợi ra một khung cảnh dữ dội, hãi hùng. Và trên dòng nước ấy là hình ảnh **một cánh hoa mỏng manh**, man mác trôi trong vô định. Từ láy “**man mác**” mà Nguyễn Du sử dụng thật khó để diễn tả. **“Man mác**” vốn là một từ láy được dùng để nói về tâm trạng của con người, nó thường gợi một nỗi buồn không tên, khó tả. Nhưng ở đây, Nguyễn Du lại mượn cái tà ấy để miêu tả một cánh hoa trôi trên dòng nước. Cách dùng từ như thế làm cho cảnh vật như mang cả tâm trạng con người, cũng buồn vương man mác.

+ Hình ảnh cánh hoa mỏng manh giữa dòng thác ấy gợi lên trong ta biết bao nhiêu suy nghĩ. Liệu rằng nó sẽ đi về đâu? Ra biển cả mênh mông hay vào ao tù nước đọng? Câu hỏi ấy Kiều chẳng thể giải đáp bởi chính câu hỏi về cuộc đời mình nàng còn chẳng thể trả lời. **Cuộc đời nàng cũng có khác nào cánh hoa kia, lênh đênh, phiêu dạt**. Rồi nàng sẽ đi đâu về đâu, được về với gia đình, quê hương hay lại tiếp tục bị đẩy vào vũng bùn ô nhục. Nghĩ đến điều đó, nàng chẳng khỏi cảm thấy xót xa, đau lòng.

* Cảnh tiếp tục được miêu tả ở hai câu thơ tiếp với **1 nội cỏ trải dài từ chân mây tới mặt đất:**

“Buồn trông nội cỏ rầu rầu

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh”

+ Đọc hai câu thơ trên, ta chợt nhớ đến bức tranh thiên nhiên mùa xuân trong đoạn trích “Cảnh ngày xuaan” khi mà hai chị em Thúy Kiều đi dự hội. Chỉ có khác là trong “Cảnh ngày xuân” đó là một nội cỏ xanh non mơn mởn, bừng bừng sức sống thì ở đây cảnh hiện lên là một “nội cỏ rầu rầu”.

+ “**Rầu rầu”** là một từ láy giàu giá trị gợi tả, nó gợi cho ta về sự tàn tạ, héo úa, thê lương. Khắp không gian lúc này là cái màu “xanh xanh” tẻ nhạt, nhàm chán trải từ mặt đất đến chân mây- cái khung cảnh dễ khiến con người ta cảm thấy vô vị và chán nản. Khung cảnh ấy lại làm Kiều nhớ đến phận mình. Nàng cũng đang ở độ tuổi xuân thì – cái tuổi được coi là đẹp nhất của cuộc đời con người với những ước mơ, những hoài bão dự định. Thế nhưng tuổi xuân của nàng giờ đây lại phải sống trong cảnh bị giam lỏng ở đây, giữa lầu Ngưng Bích chơ vơ nơi sườn núi, trải qua những tháng ngày vô vị và tẻ nhạt. **Với một người con gái không chỉ xinh đẹp mà còn tài hoa như nàng thì sống như thế chẳng khác nào đã chết, đau khổ đến tột cùng.**

* Và ở hai câu cuối của đoạn trích, cảnh càng được miêu tả ở gần hơn và cũng dữ dội hơn:

*“Buồn trông gió cuốn mặt duềnh*

*Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”*

**+ “Gió cuốn**” là gió trong ngày dông bão. Nó là ẩn dụ cho những dông gió, tai ương của cuộc đời. Nó như báo trước sóng gió dữ dội của cuộc đời hay cũng là tiếng kêu đau đớn của Kiều đồng vọng với thiên nhiên. Mọi sóng gió dường như chỉ trực chờ để đổ ập xuống cuộc đời của người con gái tài hoa nhưng bạc phận. Nghĩ đến điều đó, Kiều không khỏi lo sợ bởi dù gì nàng cũng chỉ là một cô gái chưa có nhiều trải nghiệm của cuộc đời, khó có thể chống lại được những tai ương của định mệnh.

**3.Đánh giá về nghệ thuật và nội dung**

Đọc 8 câu thơ cuối ta dễ dàng nhận thấy điệp từ “buồn trông” được nhắc lại nhiều lần và được đặt ở đầu các câu thơ. Điều đó như càng nhấn mạnh, xoáy sâu vào nỗi buồn của Thúy Kiều. Nó khiến cho 8 câu thơ cuối giống như một đoạn điệp khúc trong bài ca sầu buồn ảo não. Cũng trong 8 câu thơ ấy, hàng loạt các câu hỏi tu từ, các từ láy giàu giá trị biểu cảm, gợi tả được Nguyễn Du sử dụng để miêu tả thành công 4 bức tranh thiên nhiên. Thiên nhiên được miêu tả từ xa đến gần, từ tĩnh đến động, từ nhạt đến đậm để diễn tả nỗi buồn từ man mác, mông lung đến lo âu kinh sợ. Tả cảnh mà gợi tâm trạng. Nguyễn Du đã thực sự rất thành công khi sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình ở 8 câu thơ này.

**C. Kết bài**

Có thể nói rằng tám câu thơ cuối trong đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” là một trong những đoạn thơ thành công nhất về nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong “Truyện Kiều”. Lời thơ đã khơi gợi trong ta không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng thơ của tác giả Nguyễn Du, khiến ta càng thêm thương cảm cho tình cảnh bất hạnh của nàng Kiều, cho nỗi đau của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Và phải chăng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử “Truyện Kiều” của Nguyễn Du vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**BÀI 1: ĐỒNG CHÍ – CHÍNH HỮU**

**Đề 1.**

Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:

*“Quê hương anh nước măn đồng chua*

*Làng tôi ngheo đất cầy lên sỏi đá.*

*Anh với tôi đôi người xa lạ*

*Tự phương trời chẳng hẹ quen nhau,*

*Súng bên súng đầu sát bên đầu,*

*Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.*

*Đồng chí!*

(Ngữ văn 9, tập I, tr.128-129, NXB Giáo dục 2016)

Dàn ý

**I.Mở bài**:

Đi từ chủ đề, nội dung khái quát.

Giới thiệu tên tác giả, tác phẩm.

Giới hạn nội dung nghị luận.

Trích dẫn đoạn thơ.

Tình cảm là điều quan trọng nhất đối với mỗi con người. Nó như dòng nước ngọt ngào chảy dọc trong ống nhựa tắm mát tâm hồn ta, tưới nước cho hạt giống tinh thần bên trong ta nảy nở. Thiếu đi cái ngọt ngào của tình cảm, ta sẽ chỉ như ống nước rỗng ruột, khô cứng, tâm hồn ta sẽ chẳng khác gì hoang mạc cằn khô nứt nẻ. Tình cảm trong chiến tranh, trong những mưa bom bão đạn, những khói lửa mịt mù lại càng đáng nhớ hơn, nó thể hiện sự gắn bó, yêu thương không điều kiện, đồng cam cộng khổ vượt qua những chông gai của cuộc chiến. Tình cảm thiêng liêng ấy không gì khác chính là tình đồng chí. Nhà thơ Chính Hữu đã viết về tình cảm cao đẹp ấy, đồng thời tái hiện lại một cách chân thực hình ảnh người lính chống Pháp, qua bài thơ *“Đồng chí”* của ông. **Đọc bài thơ ấy, có lẽ người đọc sẽ không thể nào quê được những câu thơ viết về những cơ sở hình thành tình đồng chí, đồng đội.**

*“Quê hương anh nước măn đồng chua*

*Làng tôi ngheo đất cầy lên sỏi đá.*

*Anh với tôi đôi người xa lạ*

*Tự phương trời chẳng hẹ quen nhau,*

*Súng bên súng đầu sát bên đầu,*

*Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.*

*Đồng chí!*

**II. Thân bài:**

**1.Giới thiệu khái quát về bài thơ:**

**- Hoàn cảnh sáng tác (năm, thời kì, động cơ….)**

Bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu được sáng tác vào đầu năm 1948 khi cuộc kháng chiến chống Pháp đang diễn ra vô cùng ác liệt. Sau khi cùng đồng đội tham gia chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc (thu đông 1947) đánh bại cuộc tiến công quy mô lớn của giặc Pháp lên chiến khu Việt Bắc, Chính Hữu bị ốm nặng được đưa về trạm quân y điều trị. Đơn vị cử một người đồng đội ở lại để chăm sóc ông. Cảm kích trước tấm lòng của người đồng đội ấy, ông đã sáng tác bài thơ này. Bài thơ đã giúp người đọc hiểu thêm về một tình cảm cao đẹp - tình đồng chí và vẻ đẹp tâm hồn của những người lính bộ đội cụ Hồ.

**2.Cảm nhận đoạn thơ:**

a) **Cơ sở thứ nhất: Lòng đồng cảm giai cấp**

**- Mở đoạn**

**- Ghi những câu thơ cần phân tích**

**- Nêu cảm nhận 2 câu thơ:**

**+ Giọng điệu**

**+ Nghệ thuật đối**

**+ Thành ngữ, giải thích nghĩa của thành ngữ.**

**+ Bình, cảm nhận.**

**- Kết ý.**

Mở đoạn: Mở đầu bài thơ, tác giả đã đưa người đọc về đến quê hương của những người lính:

*“Quê hương anh nước mặn đồng chua*

*Làng tôi nghèo đất cày nên sỏi đá”*

Đọc hai câu thơ đầu ta nhận ra **giọng điệu rất đỗi mộc mạc, giản dị**. Nó như một lời thủ thỉ, tâm sự, giãi bày. Tác giả sử dụng **nghệ thuật đối** để từ đó gợi lên sự đăng đối, sự tương đồng về cảnh ngộ của những người lính. Chính Hữu đã mượn ***thành ngữ “nước mặn đồng chua” và hình ảnh “đất cày lên sỏi đá”*** để nói về xuất thân của họ. Nếu như “nước mặc đồng chua” chỉnhững vùng đồng chiêm, nước trũng, ngập mặn ven biển, khó làm ăn thì hình ảnh “đất cày lên sỏi đá” lại gợi về những vùng trung du, miền núi, đất đá bị ong hóa, bạc màu, khó canh tác. Lời thơ không đưa ta đến những vùng quê cụ thể nhưng qua cách giới thiệu giản dị, Chính Hữu đã giúp người đọc hình dung được về **quê hương của những người lính. Đó là những vùng quê nghèo lam lũ**. Ở đó những người nông dân đã cởi bỏ áo nâu ruộng đồng để khoác lên mình màu xanh áo lính. **Giữa họ là lòng đồng cảm giai cấp, là cùng chung cảnh ngộ.** **Chính sự tương đồng về cảnh ngộ, sự đồng cảm về giai cấp là sợi dây tình cảm đã nối họ lại với nhau, từ đây họ đã trở thành những người đồng chí, đồng đội.**

**b, Cở sở thứ hai: Cùng chung lí tưởng, nhiệm vụ và lòng yêu nước.**

**- Chuyển đoạn: Không chỉ…..còn.**

**- Viết câu thơ cần phân tích (liên hệ khổ thơ cùng nd nhưng không phân tích)**

**- Nêu cảm nhận 3 câu thơ**

**+ Từ ngữ: “anh-tôi”; “đôi người”**

**+ Hình ảnh: “súng bên súng, đầu sát bên đầu (Nghệ thuật hoán dụ, điệp ngữ, ý nghĩa…)**

**- Bình, cảm nhận.**

**- Kết ý.**

**Chuyển đoạn:** Không chỉ được hình thành từ lòng đồng cảm giai cấp, **tình đồng chí còn được tạo bởi sự đồng điệu về lí tưởng, nhiệm vụ:**

*“Anh với tôi đôi người xa lạ*

*Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau*

*Súng bên súng, đầu sát bên đầu”*

***(\*Liên hệ: Nhớ - Hồng Nguyên***

*Lời thơ khiến ta nhớ tới những vần thơ của Hồng Nguyên trong bài thơ “Nhớ”*

*Lũ chúng tôi  
Bọn người tứ xứ,  
Gặp nhau hồi chưa biết chữ  
Quen nhau từ buổi “Một hai”  
Súng bắn chưa quen,  
Quân sự mươi bài  
Lòng vẫn cười vui kháng chiến)*

Rõ ràng là trước khi nhập ngũ, họ là những người hoàn toàn xa lạ. Nghe theo tiếng gọi của tổ quốc họ lên đường . Ấy vậy mà khi vừa gặp nhau giữa họ đã có một sự gắn kết đến kì lạ. Nếu như ở hai câu thơ đầu, “anh – tôi” được đặt ở hai dòng thơ riêng biệt thì đến đây “anh, tôi” lại được đưa vào cùng một dòng thơ kết hợp với hai chữ “đôi người”. “Đôi người” khác với “hai người” bởi trong “đôi người” có một cái gì đó gắn bó khăng khít lắm. Mặc dù là những người xa lạ nhưng họ chung cảnh ngộ xuất thân giờ lại chung lí tưởng nhiệm vụ nên gắn kết cũng là điều dễ hiểu.

- Hình ảnh thơ “súng bên súng, đầu sát bên đầu” mang ý nghĩa tượng trưng sâu sắc đã diễn tả một cách đầy đủ và trọn vẹn sự gắn bó của những người lính trong quân ngũ. Nếu như “**Súng bên súng” là cách nói giàu hình tượng để diễn tả về những người lính cùng chung lí tưởng, nhiệm vụ chiến đấu,** họ ra đi để chiến đấu và giải phóng cho quê hương, dân tộc, đất nước; đồng thời giải phóng cho chính số phận của họ **thì “Đầu sát bên đầu” là cách nói hoán dụ, tượng trưng cho ý chí, quyết tâm chiến đấu của những người lính trong cuộc kháng chiến trường kì.** Nhà thơ đã sử dụng biện pháp tu từ điệp ngữ với các từ “súng, đầu” được nhắc lại hai lần đã làm cho câu thơ trở nên chắc khỏe, nhấn mạnh sự gắn kết, cùng chung lí tưởng, nhiệm vụ của những người lính. **Có thể nói rằng lí tưởng và mục đích chiến đấu chính là điểm chung lớn nhất, là cơ sở để những con người vốn xa lạ gắn kết với nhau, trở thành đồng chí, đồng đội của nhau.**

**c, Cơ sở thứ ba: Tình đồng chí còn được nảy nở từ trong những gian lao vất vả.**

**- Chuyển ý: cùng với….còn được.**

**- Ghi câu thơ cần phân tích (liên hệ câu thơ khác cùng nd nhưng không phân tích)**

**- Nêu cảm nhận**

**- Kết ý.**

Cùng với lòng đồng cảm giai cấp và sự đồng điệu trong lí tưởng nhiệm vụ, **tình đồng chí của những người lính còn được nảy nở từ trong những vất vả, gian lao.** Ở nơi chiến trường đầy khói bom thuốc súng, người chiến sĩ phải chống chọi với cái rét:

*Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ.*

(Cái rét ở rừng già Việt Bắc đã nhiều lần vào trong thơ bộ đội chống Pháp vì đó là một thực tế ai cũng nếm trải trong những năm chinh chiến ấy:

*Đêm mưa rình giặc tai thao thức*

*Mùa lại mùa qua rét nhức xương.*

( Tố Hữu – *“Lên Tây Bắc”))*

* Khác với thơ Tố Hữu, câu thơ của Chính Hữu mặc dù nói đến cái rét nhưng lại gợi cho người đọc một cảm giác ấm cúng của tình đồng đội, nghĩa đồng bào. Cái hay của nhà thơ là đã biết đem “đêm rét chung chăn” vào bài thơ, sưởi ấm mối tình đồng chí lên thành mức độ *tri kỉ*. Những người lính đến với nhau nhẹ nhàng, bình dị, vừa có cái chung của lí tưởng lớn, vừa có cái riêng của một đôi bạn ý hợp tâm đầu. Và cứ giản dị như thế, những con người cùng chung gian khó ấy trở thành đồng chí của nhau.

**d. Khổ thơ được kết thúc bằng một câu thơ hết sức đặc biệt**

*Đồng chí!*

*Nêu cảm nhận về kiểu câu, mục đích, bình….*

Câu thơ chỉ có hai tiếng và kết thúc bằng dấu chấm than tạo một nốt nhấn, vang lên như một sự phát hiện, lời khẳng định. Đồng thời như một chiếc bản lề khép mở sự lí giải cội nguồn của tình đồng chí ở sáu câu thơ trước với những biểu hiện, sức mạnh của tình đồng chí trong những câu thơ tiếp theo của bài thơ. Nếu coi bài thơ như một cơ thể sống thì hai tiếng “Đồng chí” như một trái tim hồng nuôi sống cả bài thơ. Nó có sức vang dội và ngân nga mãi trong lòng người đọc. Chính Hữu đã từng tâm sự rằng: “*Những năm đầu cách mạng từ “đồng chí” mang ý nghĩa thiêng liêng và máu thịt vô cùng. Nơi khó khăn, cuộc sống của người này trở nên cần thiết với người kia. Một người có thể thay thế cho gia đình, cho cha mẹ, vợ con đối với một người khác. Hơn nữa, họ còn bảo vệ nhau trước mũi súng của kẻ thù, cùng nhau đi qua cái chết, chống lại cái chết, cùng nhau thực hiện một lí tưởng cách mạng. Đó là ý nghĩa thiêng liêng của tình đồng chí bấy giờ”.*

**3. Kết thân bài: Đánh giá:** nghệ thuật + nội dung  
 Như vậy, bằng những ngôn từ giản dị, mộc mạc,chân thực, tự nhiên mà hàm súc, cô đọng, hình ảnh giản dị và giàu sức gợi, cảm xúc dồn nén, nhiều phép tu từ đặc sắc, đoạn thơ đã làm nổi bật những cơ sở hình thành tình đồng chí. Tình đồng chí là một tình cảm cao đẹp. Nó được hình thành từ lòng đồng cảm giai cấp, từ sự đồng điệu về nhiệm vụ, lí tưởng và hơn cả là được nảy nở từ trong những gian lao vất vả. Thông qua đoạn thơ, chúng ta nhận ra ở nhà thơ Chính Hữu là một sự trân trọng đặc biệt dành cho tình cảm cao đẹp ấy và cũng là dành cho những người lính bộ đội cụ Hồ.

**II. Kết bài:**

Có thể nói rằng “Đồng chí” của Chính Hữu là một bài thơ độc đáo. Bài thơ ấy và nhất là khổ thơ đầu đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng của nhà thơ Chính Hữu, càng thêm trân trọng, yêu mến những người lính bộ đội cụ Hồ và hơn cả là càng thêm tự hào về lịch sử oai hùng của dân tộc. Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “ Đồng chí” của Chính Hữu vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

====================================

**Đề 2**

**Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:**

*“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*

*Gian nhà không mặc kệ gió lung lay*

*Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.*

*Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*

*Sốt run người vừng trán ước mồ hôi.*

*Áo anh rách vai*

*Quần tôi có vài mảnh vá*

*Miệng cười buốt giá*

*Chân không giày*

*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.”*

(Ngữ văn 9, tập I, tr.128-129, NXB Giáo dục 2016)

**Dàn ý:**

**A.MB: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn thơ, trích thơ**

**- Giống: cấu trúc đề 1**

**- Khác: nội dung của đoạn thơ và trích dẫn thơ.**

**+** Đọc bài thơ ấy, có lẽ người đọc sẽ không thể nào quên được những câu thơ viết về những biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí đồng đội:

+ “Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

…………………….

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.”

Tình cảm là điều quan trọng nhất đối với mỗi con người. Nó như dòng nước ngọt ngào chảy dọc trong ống nhựa tắm mát tâm hồn ta, tưới nước cho hạt giống tinh thần bên trong ta nảy nở. Thiếu đi cái ngọt ngào của tình cảm, ta sẽ chỉ như ống nước rỗng ruột, khô cứng, tâm hồn ta sẽ chẳng khác gì hoang mạc cằn khô nứt nẻ. Tình cảm trong chiến tranh, trong những mưa bom bão đạn, những khói lửa mịt mù lại càng đáng nhớ hơn, nó thể hiện sự gắn bó, yêu thương không điều kiện, đồng cam cộng khổ vượt qua những chông gai của cuộc chiến. Thứ tình cảm thiêng liêng ấy không gì khác chính là tình đồng chí. Nhà thơ Chính Hữu đã viết về tình cảm cao đẹp ấy, đồng thời tái hiện lại một cách chân thực hình ảnh người lính chống Pháp, qua bài thơ *“Đồng chí”* của ông. Đọc bài thơ ấy, có lẽ người đọc sẽ không thể nào quên được những câu thơ viết về những biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí đồng đội:

*“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*

*…………………….*

*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.”*

**B. TB**

**1. Khái quát về hoàn cảnh ra đời và nội dung chính của bài thơ: giống đề 1.**

Bài thơ được sáng tác vào đầu năm 1948 khi cuộc kháng chiến chống Pháp đang diễn ra vô cùng ác liệt. Sau khi cùng đồng đội tham gia chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc (thu đông 1947) đánh bại cuộc tiến công quy mô lớn của giặc Pháp lên chiến khu Việt Bắc, Chính Hữu bị ốm nặng được đưa về trạm quân y điều trị. Đơn vị cử một người đồng đội ở lại để chăm sóc ông. Cảm kích trước tấm lòng của người đồng đội đó, ông đã sáng tác bài thơ này. Bài thơ đã giúp người đọc hiểu thêm về một tình cảm cao đẹp- tình đồng chí và vẻ đẹp tâm hồn của những người lính bộ đội cụ Hồ.

**2. Tóm tắt sơ lược đoạn thơ trước đó:** Cở sở hình thành tình đồng chí ở đoạn thơ đầu của bài

- Dùng cấu trúc “Ở…..câu thơ đầu”

- Đánh giá nghệ thuật

- Đánh giá về nội dung.

- Chuyển sang nd của đoạn thơ cần phân tích.

Ở 7 câu thơ đầu, bằng những ngôn từ giản dị, mộc mạc, chân thực, tự nhiên mà hàm súc, cô đọng, hình ảnh giản dị và giàu sức gợi, cảm xúc dồn nén, nhiều phép tu từ đặc sắc, đoạn thơ đã làm nổi bật những cơ sở hình thành tình đồng chí. Tình đồng chí là một tình cảm cao đẹp. Nó được hình thành từ lòng đồng cảm giai cấp, từ sự đồng điệu về nhiệm vụ, lí tưởng và hơn cả là được nảy nở từ trong những gian lao vất vả. Và đến khổ thơ thứ 2, Chính Hữu tiếp tục viết về tình cảm ấy mà cụ thể là biểu hiện và sức mạnh của tình đồng chí, đồng đội.

**3. Cảm nhận về đoạn thơ**: Những biểu hiện cao đẹp của tình đồng chí.

**a. Ld1:**

**- Nêu luận điểm**

**- Trích dẫn thơ**

**- Nêu cảm nhận**

**+ Nghệ thuật:**

**. Từ ngữ: mặc kệ/ liên hệ câu thơ cùng nội dung.**

**. Hình ảnh “giếng nước gốc đa”**

**. Phép hoán dụ.**

**. Từ ngữ “nhớ”**

**+ Nội dung , ý nghĩa**

* **Bình, cảm nhận, kết ý.**

**Trước hết, tình đồng chí là sự thấu hiểu, chia sẻ những tâm tư, nỗi lòng của nhau:**

*“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*

*Gian nhà không mặc kệ gió lunglay*

*Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”.*

Ra chiến trường vì lí tưởng bảo vệ Tổ quốc, những người lính đã phải gửi lại quê hương tất cả, là mẹ già, vợ trẻ, con thơ, là luống mạ đang gieo, mảnh ruộng đang cày, là căn nhà tranh gió lùa tốc mái. Mặc dù vậy, họ vẫn ra đi với một sự quyết tâm cao độ. Hai tiếng “mặc kệ” đã minh chứng cho điều đó. Xưa nay, người ta thường dung “mặc kệ” để nói về sự thờ ở, vô cảm nhưng ở đây “mặc kệ” lại thể hiện thái độ dứt khoát, quyết tâm của những người lính bộ đội cụ Hồ.

**\*Liên hệ:** **Đất nước – Nguyễn Đình Thi:** Lời thơ của Chính Hữu có sự đồng điệu với một ý thơ của Nguyễn Đình Thi trong bài thơ “Đất nước”:

*Người ra đi đầu không ngoảnh lại*

*Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy”*

Có thể nói rằng, thái độ dứt khoát, sự quyết tâm ấy chính là một nét chung đẹp đẽ của những người lính trong hai cuộc kháng chiến trường kì. Khi họ đã xác định được lí tưởng, mục tiêu rõ ràng thì họ quyết không để tình riêng vướng bận.

Nhưng dù có dứt khoát đến đâu thì khi ra chiến trường họ cũng luôn nhớ vê quê hương với một tình yêu trọn vẹn:

*Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính*.

Đọc lời thơ ta không khó để nhận ra biện pháp nghệ thuật hoán dụ. Hình ảnh “Giếng nước gốc đa” chính là biểu tượng của quê hương – nơi có gia đình, có người thân, nơi in dấu những kỉ niệm của tuổi thơ, tuổi trẻ. Với ý nghĩa như thế, câu thơ đã diễn tả nỗi nhớ hai chiều giữa hậu phương và tiên tuyến bởi nếu không hướng về quê hương với một tình yêu trọn vẹn thì người lính không thể cảm nhận được quê hương luôn dõi theo bước chân mình. Bao tình cảm sâu nặng như đều dồn tụ trong tiếng “nhớ” giản dị ấy! Song, góc nhớ thương đó không làm cho các anh mềm lòng, mất đi ý chí cứu nước mà nó thôi thúc, động viên người lính nông dân bền gan vững chí, cầm chắc tay súng lập công. Bởi lẽ nước nhà sớm độc lập thì các anh mới sớm được trở về với quê hương, xóm làng… Quả thật, giữa người chiến sĩ và quê hương có mỗi giao cảm vô cùng sâu sắc, đậm đà. Người đọc cảm nhận từ hình ảnh thơ một tình quê ăm ắp và đây cũng là nguồn động viên, an ủi, là sức mạnh tinh thần giúp người chiến sĩ vượt qua mọi gian lao, thử thách suốt một thời máu lửa, đạn bom.

**b. Tình đồng chí còn là sự đồng cam cộng khổ, chia sẻ những khó khăn thiếu thốn của cuộc đời người lính**:

*“Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*

*Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi*

*Áo anh rách vai*

*Quần tôi có vài mảnh vá*

*Miệng cười buốt giá*

*Chân không giày*

*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”.*

Bằng những hình ảnh tả thực, hình ảnh sóng đôi, tác giả đã tái hiện chân thực những **khó khăn thiếu thốn** trong buổi đầu kháng chiến. Đó trước hết là căn **bệnh sốt rét rừng** đã trở thành nỗi ám ảnh. Hai câu thơ “Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh/ Sốt run người vần trán ướt mồ hôi” đã tái hiện một cách chân thực và đầy đủ những biểu hiện của bệnh sốt rét rừng. Khi ấy , người bệnh rét run lên, đắp bao nhiêu chăn cũng không đủ nhưng mồ hôi lại vã ra như tắm. Câu thơ chỉ như một lời kể nhưng lại gieo vào lòng người đọc biết bao nhiêu thương cảm. Ta thương các anh vì trong suốt chặng đường bảo vệ Tổ quốc thân yêu các anh không chỉ bị bệnh tật dày vò mà còn **thiếu thốn tất cả**: thiếu lương thực, thiếu vũ khí, quân trang, thiếu thuốc men…Song **dù thiếu thốn, dù khó khăn thì sức mạnh của tình đồng chí đã giúp họ vượt qua tất cả**. Nếu hình ảnh *“Miệng cười buốt giá”*  đã làm ấm lên, sáng lên tinh thần lạc quan của người chiến sĩ trong gian khổ thì cái nắm tay lại thể hiện tình đồng chí, đồng đội thật sâu sắc! Cách biểu lộ chân thực, không ồn ào mà thấm thía. Tất cả những cảm xúc thiêng liêng được dồn nén trong hìn ảnh thơ rất thực, rất cảm động, chứa đựng biết bao ý nghĩa:

“Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”

Những cái bắt tay chất chứa bao yêu thương trìu mến. Rõ ràng, tác giả đã lấy sự thiếu thốn đến vô cùng về vật chất để tô đậm sự giàu sang vô cùng về tinh thần. Những cái bắt tay là lời động viên chân thành, để những người lính cùng nhau vượt qua những khó khăn, thiếu thốn. Đó là những cái bắt tay của sự cảm thông, mang hơi ấm để truyền cho nhau thêm sức mạnh. Đó còn là lời hứa lập công, của ý chí quyết tâm chiến đấu và chiến thắng quân thù  **Có lẽ không ngôn từ nào có thể diễn tả cho hết tình đồng chí thiêng liêng ấy. Chính những tình cảm, tình đoàn kết gắn bó đã nâng đỡ bước chân người lính và sưởi ấm tâm hồn họ trên mọi nẻo đường chiến đấu.**

**4.Đánhgiá:**  
 Như vậy, bằng những ngôn từ giản dị, mộc mạc, chân thực, tự nhiên mà hàm súc, cô đọng, hình ảnh giản dị và giàu sức gợi, cảm xúc dồn nén; nhiều phép tu từ đặc sắc, đoạn thơ đã khắc họa chân thực, cảm động một tình cảm lớn mang tính thời đại, đó là tình đồng chí bền chặt, thiêng liêng của những người lính cách mạng. Qua đó tác giả đã khắc họa thành công hình ảnh người lính thời kì đầu kháng chiến chống Pháp. Thông qua những lời thơ ấy, chúng ta nhận ra ở nhà thơ Chính Hữu là một sự trân trọng đặc biệt dành cho tình cảm cao đẹp ấy và cũng là dành cho những người lính bộ đội cụ Hồ.

**C. KB**

- Khẳng định lại giá trị, ý nghĩa của đoạn thơ.

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm gì? Trách nhiệm gì? Em rút ra được bài học gì?

- Dư âm của tác phẩm đối với bạn đọc.

- Sự đóng góp của tác phẩm đối với thơ ca hiện đại Việt Nam về hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ.

**Kết 1:** Có thể nói rằng “Đồng chí” của Chính Hữu là một bài thơ độc đáo. Bài thơ ấy và nhất là khổ thơ thứ 2 đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng của nhà thơ Chính Hữu, càng thêm trân trọng, yêu mến những người lính bộ đội cụ Hồ và hơn cả là càng thêm tự hào về lịch sử oai hùng của dân tộc. Đoạn thơ còn đem đến cho ta những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về tinh thần vượt khó, bài học về lòng yêu nước, về tình yêu quê hương. Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “ Đồng chí” của Chính Hữu vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**Kết 2: Có thể khẳng định/ Tóm lại… “Đồng chí” là một bài thơ hay. Và đặc biệt là 10 câu thơ trên đã khắc họa thành công những biểu hiện hiện của tình đồng đội, đồng chí cao đẹp, thiêng liêng của anh bộ đội cụ Hồ thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Đoạn thơ không chỉ cho ta thấy được những gian khổ cuộc đời người lính mà còn làm cho ta thêm yêu những vẻ đẹp của họ.**

**Đọc bài thơ nói chung và đoạn thơ nói riêng khiến chúng ta tự hứa với long phải sống xứng đáng với những gì cha ông đã hy sinh vì độc lập tự do.**

**“Đồng chí” của Chính Hữu đã góp phần làm phong phú hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ trong thơ ca hiện đại. Bài thơ đã mở ra một hướng đi mới cho văn học kháng chiến viết về người lính cách mạng: Cảm hứng thơ đi lên từ hiện thực đời thường mà vẫn dạt dào, lãng mạng, đầy chất thơ.**

==============================

**Đề 3. Có ý kiến cho rằng: Bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu là một tượng đài tráng lệ, cao cả, thiêng liêng về người chiến sĩ trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Em hãy phân tích bài thơ để làm sáng tỏ ý kiến.**

**Lưu ý: Dạng đề, chứng minh, làm sáng tỏ một ý kiến, một nhận định qua một tác phẩm văn học.**

**I.Mở bài**:

- Giống đề 1, 2

- Trích dẫn nhận định, ý kiến.

Tình cảm là điều quan trọng nhất đối với mỗi con người. Nó như dòng nước ngọt ngào chảy dọc trong ống nhựa tắm mát tâm hồn ta, tưới nước cho hạt giống tinh thần bên trong ta nảy nở. Thiếu đi cái ngọt ngào của tình cảm, ta sẽ chỉ như ống nước rỗng ruột, khô cứng, tâm hồn ta sẽ chẳng khác gì hoang mạc cằn khô nứt nẻ. Tình cảm trong chiến tranh, trong những mưa bom bão đạn, những khói lửa mịt mù lại càng đáng nhớ hơn, nó thể hiện sự gắn bó, yêu thương không điều kiện, đồng cam cộng khổ vượt qua những chông gai của cuộc chiến. Tình cảm thiêng liêng ấy không gì khác chính là tình đồng chí. Nhà thơ Chính Hữu đã viết về tình cảm cao đẹp ấy, đồng thời tái hiện lại một cách chân thực hình ảnh người lính chống Pháp, qua bài thơ *“Đồng chí”* của ông. Bàn về bài thơ này, **có ý kiến cho rằng: Bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu là một tượng đài tráng lệ, cao cả, thiêng liêng về người chiến sĩ trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.**

**Mở bài 2:**

**Trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc vĩ đại, hình ảnh người lính mãi mãi là hình ảnh cao quý nhất, đẹp đẽ nhất. Hình ảnh ấy đã đi vào lòng người, văn chương với tư thế, tình cảm và phẩm chất cao đẹp.**

**Một trong những tác phẩm ra đời khá sớm, tiêu biểu và thành công viết về tình cảm những người lính cụ Hồ là “Đồng chí” của Chính Hữu.**

**Bằng chính những rung động mới mẽ và sâu lắng, bằng chính sự trải nghiệm của người trong cuộc, qua bài thơ “Đồng chí”, Chính Hữu đã diễn tả thật sâu sắc tình đồng chí gắn bó thiêng liêng của anh bộ đội thời kháng chiến.**

**Có ý kiến cho rằng “…….”**

**Đọc bài thơ, người đọc sẽ cảm nhận rõ/sâu sắc về điều đó.**

**II. Thân bài:**

**1. Giới thiệu khái quát về bài thơ:**

Bài thơ được sáng tác vào đầu năm 1948 khi cuộc kháng chiến chống Pháp đang diễn ra vô cùng ác liệt. Sau khi cùng đồng đội tham gia chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc (thu đông 1947) đánh bại cuộc tiến công quy mô lớn của giặc Pháp lên chiến khu Việt Bắc, Chính Hữu bị ốm nặng được đưa về trạm quân y điều trị. Đơn vị cử một người đồng đội ở lại để chăm sóc ông. Cảm kích trước tấm lòng của người đồng đội đó, ông đã sáng tác bài thơ này. Bài thơ đã giúp người đọc hiểu thêm về một tình cảm cao đẹp - tình đồng chí và vẻ đẹp tâm hồn của những người lính bộ đội cụ Hồ.

**2. Chứng minh nhận định:**

**2.1. Giải thích nhận định**: Lời nhận định trên đã đánh giá chính xác sự thành công của bài thơ “Đồng chí”. Bởi lẽ, nói tới bức tượng đài tráng lệ chính là hình ảnh của những người lính được khắc họa rực rỡ, đẹp đẽ, cao cả và thiêng liêng. Hình tượng nghệ thuật ấy được xây dựng bằng ngôn từ sống mãi với thời gian, sống mãi trong tâm trí bạn đọc.

**2.2. Chứng minh nhận định:**

**Ld1: Vẻ đẹp rực rỡ, cao cả, thiêng liêng của người chiến sĩ được thể hiện rất rõ trong đoạn thơ nói về cơ sở hình thành tình đồng chí:**

+ Những người lính có xuất thân nghèo khổ. Họ đều là những người nông dân từ đồng bằng ven biển, từ miền núi có nhiều khó khăn, gian khổ.

+ Người lính có chung lí tưởng chiến đấu cao đẹp. Dù ở mọi phương trời khác nhau, nhưng họ nghe theo tiếng gọi của Tổ quốc mà lên đường chiến đấu.

+ Người lính có chung hoàn cảnh sống và chiến đấu: Súng bên súng, đầu sát bên đầu, đêm rét chung chăn. Vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, họ vẫn kề vai, sát cánh bên nhau, để từ xa lạ, đến quan nhau, thành tri kỉ và đòng chí.

+ Kết thúc khổ thơ là một nốt nhấn, một sự kết tinh cảm xúc: Đồng chí!

**Ld2: Vẻ đẹp rực rõ, cao cả, thiêng liêng của người chiến sĩ được thể hiện ở tình đồng chí gắn bó với nhau trong cuộc sống gian lao:**

+ Họ cảm thông, chia sẻ tâm tư, nỗi nhớ quê: nhớ ruộng nương, lo cảnh gian nhà không nghèo khổ. Từ “ mặc kệ” chỉ thái độ cương quyết, quyết tâm lên đường ra đi. Không cần phải nói ra, nhưng họ hiểu cảm xúc của nhau

+ Người lính cùng chia sẻ những gian lao, thiếu thốn, những cơn sốt rét rừng nguy hiểm. Tác giả khắc họa hình ảnh người lính bằng bút pháp hiện thực, những hình ảnh thơ song hành, đối nhau: áo rách vai/ chân không giày…Dù khó khăn, gian khổ nhưng họ vẫn vượt lên, kiên cường chiến đấu bằng tình đồng chí, đồng đội sâu sắc: Thương nhau tay nắm lấy bàn tay. Đó là cái nắm tay để san sẻ khó khăn, động viên nhau bằng tình đồng chí gắn bó keo sơn.

**Ld3: Vẻ đẹp cao cả, thiêng liêng của tình đồng chí được thể hiện thật lãng mạn khi họ sát cánh bên nhau trong chiến hào chờ giặc -Bức tranh đẹp về tình đồng chí, đồng đội.**

+ Những người lính canh gác trong không gian, thời gian khắc nghiệt: đêm, rừng hoang, sương muối.

+ Họ sát cánh bên nhau vì cùng chung chiến hào, chung nhiemj vụ chiến đấu, chủ động trong tư thế: chờ giặc.

+ Hình ảnh người lính cao đẹp, thiêng liêng được kết tinh trong hình ảnh thơ rất đẹp: đầu súng trăng treo. Đó là bức tượng đài người lính, hình ảnh đẹp nhất, cao quý nhất của tình đồng chí. Hình ảnh thơ vừa lãng mạn, vừa hiện thực, vừa là tinh thần thép của những người lính, vừa là tâm hồn thi sĩ lãng mạn.

**3. Đánh giá**

Với nhiều hình ảnh chọn lọc, từ ngữ gợi cảm mà lại gần gũi thân thuộc, với biện pháp sóng đôi, đối ngữ được sử dụng rất thành công, Chính Hữu đã viết nên một bài ca với những ngôn từ chọn lọc, bình dị mà có sức ngân vang. Bài thơ đã ca ngợi tình đồng chí hết sức thiêng liêng, như là một ngọn lửa vẫn cháy mãi, bập bùng không bao giờ tắt, ngọn lửa thắp sáng đêm đen của chiến tranh, tô thắm them trang sử chống Pháp hào hung của dân tộc.

**C. Kết bài:**

Bài thơ vừa giản dị, vừa mang vẻ đẹp thiêng liêng, cao cả. Chân dung người lính vệ quốc trong những ngày đầu kháng chiến chống pháp hiện lên thật đẹp qua những vần thơ mộc mạc, chân tình mở ra những suy nghĩ mới trong lòng người đọc. Nó đã làm sống lại một thời khổ cực của cha anh ta, làm sống lại chiến tranh ác liệt. Bài thơ khơi gợi lại những kỉ niệm đẹp, những tình cảm tha thiết gắn bó yêu thương mà chỉ có những người đã từng là lính mới có thể hiểu và cảm nhận hết được. Và phải chắng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “Đồng chí” của Chính Hữu vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

==================000================

**Đề 4. Viết 1 đoạnv ăn nêu cảm nhận về 3 câu thơ cuối**

**\*Mở đoạn**: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, đoạn thơ

Chính Hữu là nhà thơ trưởng thành trong thời kì kháng chiến chống Pháp. Thơ ông giản dị, hàm súc và dồn nén cảm xúc. Và tiêu biểu nhất cho phong cách sáng tác ấy là bài thơ “ĐỒng chí”. Bài thơ khép lại với bức tranh đẹp về tình đồng chí, đồng đội,là biểu tượng cao đẹp về cuộc đời người chiến sĩ bộ đội cụ Hồ:

*“Đêmnay rừng hoang sương muối*

*Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới*

*Đầu súng trăng treo”.*

Đọc khổ thơ này, người đọc nhận ra **bút pháp tả thực** đã được tác giả sử dụng rất hiệu quả. Lời thơ gợi cho người đọc về **một không gian hoang vu lạnh lẽo** nơi núi rừng Việt Bắc**. Đêm** càng làm cho khung cảnh trở nên đáng sợ hơn bởi kẻ thù và thú giữ có thể đến bất cứ lúc nào. Tuy nhiên hoàn cảnh ấy không hề làm cho những người lính run sợ. Họ **vẫn ung dung “chờ giặc tới**”. Cái từ **“chờ”** trong đoạn thơ này mới thực sự đặc biệt. Chỉ với một động từ ấy nhưng Chính Hữu đã cho người đọc cảm nhận được một cách đầy đủ và trọn vẹn **tư thế ung dung, sự hiên ngang, lòng quả cảm, kiên cường** của những người lính bộ đội cụ Hồ. Và trong phút cùng nhau “chờ giặc tới” ấy họ đã phát hiện ra một hình ảnh rất đẹp: **Hình ảnh “Đầu sung trăng treo”**

Có thể nói “đầu súng trăng treo” là **hình ảnh đẹp nhất** của bài thơ. Đây trước hết là một **hình ảnh thực**. Nó có thể hiểu là: Đêm khuya, trăng tà, cả cánh rừng ngập chìm trong sương muối. Trăng lơ lửng trên không, chiếu ánh sáng qua lớp sương mờ trắng đục. Bầu trời như thấp xuống, trăng như sà xuống theo. Trong khi đó, người chiến sĩ khoác súng trên vai, đầu súng hướng lên trời cao như chạm vào vầng trăng và trăng như treo trên đầu súng. Song lời thơ có lẽ không chỉ có vậy. Xưa nay, ***“Trăng”*là** biểu tượng cho vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước, là sự sống thanh bình. ***“Súng”*là** hiện thân cho cuộc chiến đấu gian khổ, hi sinh và chiến tranh khốc liệt. *Súng* và *trăng*, là cứng rắn và dịu hiền. *Súng* và *trăng* là chiến sĩ và thi sĩ, là hiện thực và lãng mạn. **Hai hình ảnh đó trong thực tế vốn xa nhau vời vợi thậm chí là trái ngược với nhau nay lại gắn kết bên nhau** trong cảm nhận của người chiến sĩ**. Sự kết hợp hai yếu tố hiện thực và lãng mạn đã tạo nên cái vẻ đẹp độc đáo cho lời thơ đồng thời gợi lên vẻ đẹp của người lính cách mạng**. Họ không chỉ là những con người có lí tưởng cao đẹp, có lòng yêu nước nồng nàn, có tinh thần quả cảm, kiên cường mà còn là những con người có ***tâm hồn lãng mạn***. Và phải chăng, cũng chính vì lẽ đó, Chính Hữu đã lấy hình ảnh này làm nhan đề cho cả tập thơ của mình – tập *“Đầu súng trăng treo”* – một bông hoa đầu mùa trong vườn thơ cách mạng.

**\*Kết đoạn**: Những tình cảm trong em khi đọc đoạn thơ

**CẢM NHẬN VỀ HÌNH ẢNH “ĐẦU SÚNG TRĂNG TREO”**

“Đồng chí” là một trong những bài thơ tiêu biểu nhất của nhà thơ Chính Hữu. Bài thơ được kết thúc bằng một hình ảnh thơ rất đẹp: *“Đầu súng trăng treo”.*  Đây trước hết là một hình ảnh thực. Nó có thể hiểu là: Đêm khuya, trăng tà, cả cánh rừng ngập chìm trong sương muối. Trăng lơ lửng trên không, chiếu ánh sáng qua lớp sương mờ trắng, đục. Bầu trời như thấp xuống, trăng như sà xuống theo. Trong khi đó, người chiến sĩ khoác súng trên vai, đầu súng hướng lên trời cao như chạm vào vầng trăng và trăng như treo trên đầu súng. Song lời thơ có lẽ không chỉ có vậy. Xưa nay, *“Trăng”*là biểu tượng cho vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước, là sự sống thanh bình. *“Súng”*là hiện thân cho cuộc chiến đấu gian khổ, hi sinh và chiến tranh khooscs liệt. *Súng* và *trăng*, cứng rắn và dịu hiền. *Súng* và *trăng*, chiến sĩ và thi sĩ, hiện thực và lãng mạn. Hai hình ảnh đó trong thực tế vốn xa nhau vời vợi thậm chí là trái ngược với nhau nay lại gắn kết bên nhau trong cảm nhận của người chiến sĩ. Sự kết hợp hai yếu tố, hiện thực và lãng mạn đã tạo nên cái vẻ đẹp độc đáo cho hình tượng thơ đồng thời gợi lên vẻ đẹp của người lính cách mạng. Họ không chỉ là những con người có lí tươnmgr cao đẹp, có lòng yêu nước nồng nàn, có tinh thần quả cảm, kiên cường mà còn là những con người có tâm hồn lãng mạn. Và phải chăng, cũng chính vì lẽ đó, Chính Hữu đã lấy hình ảnh này làm nhan đề cho cả tập thơ của mình – tập *“Đầu súng trăng treo”* – một bông hoa đầu mùa trong vườn thơ cách mạng.

====================000==================

***Đề số 6: Phân tích vẻ đẹp của người lính qua hai bài thơ: “Đồng chí” và “Tiểu đội xe không kính***”.

**A. Mở bài:**

*Đoàn giải phóng quân một lần ra đi.*

*Nào có sá chi đâu ngày trở về.*

*Ra đi ra đi bảo tồn sông núi.*

*Ra đi ra đi thà chết cho vinh*.

Khúc hát quen thuộc từ xa chợt vọng lại gợi trong lòng chúng ta biết bao suy tưởng. Chúng ta như được sống lại một thời hào hùng của dân tộc theo tiếng hát sôi nổi trẻ trung và cũng bình dị như cuộc đời người lính. Không biết đã có bao nhiêu bài thơ nói về họ - những chàng Thạch Sanh của thế kỉ hai mươi. Tiêu biểu cho hai thời kì chống Pháp và chống Mĩ là hai bài thơ: “Đồng chí” của Chính Hữu và “Tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật. Cả hai bài thơ đều giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của những người lính cụ Hồ - những con người làm nên lịch sử hào hùng của dân tộc

**B.Thân bài**.

**2.1.Giới thiệu khái quát về hoàn cảnh ra đời của hai bài thơ**

-Giới thiệu hoàn cảnh ra đời

- Những người lính trong hai bài thơ thuộc hai thế hệ khác nhau nhưng ở họ có nhiều nét đẹp chung của người lính cách mạng và của con người Việt Nam trong các cuộc kháng chiến cứu nước.

**2.2.Hình ảnh người lính**

**2.1. Họ đều là những con người bình dị, mộc mạc, thấm nhuần tinh thần yêu nước, khát vọng độc lập tự do để đi vào cuộc chiến đấu.**

- Người lính trong bài thơ “Đồng chí” xuất thân từ những cảnh ngộ nghèo khó: “*nước mặn đồng chua”, “đất cày lên sỏi đá*”. Họ là những người nông dân vừa được cách mạng giải phóng khỏi kiếp nô lệ lầm than. Bởi vậy, tình nguyện ra nhập bộ đội cầm lấy khẩu súng của cách mạng cũng chính là cầm vũ khí để giải phóng triệt để cho thân phận của mình, cho quần chúng và cho cả dân tộc. Vì tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc mà họ “mặc kệ” tất cả, sẵn sàng từ biệt làng quê với ruộng nương, nhà cửa vốn hết sức thân thiết, gắn bó để ra đi, dấn thân vào cuộc đời người chiến sĩ:

*Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*

*Gian nhà không mặc kệ gió lung lay*

- Còn người lính trong thơ Phạm Tiến Duật là những chàng trai còn rất trẻ, có tri thức, họ sẵn sàng gác lại những ước vọng tương lai của mình để cống hiến tuổi thanh xuân theo tiếng gọi thiêng liêng của miền Nam yêu dấu:

“*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước.*

*Mà lòng phơi phới dậy tương lai”.*

**2.2.Nhờ có tình đồng chí, đồng đội keo sơn gắn bó bền chặt, chan hoà và nhờ lòng dũng cảm, hiên ngang, mà họ đã bất chấp những gian khổ, thiếu thốn đến tột cùng để hoàn thành nhiệm vụ.**

- Trên trận tuyến gay go ác liệt, các anh phải cùng chịu biết bao khó khăn gian khổ, thiếu thốn.

+ Thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp vô cùng gian nan vất vả, các anh đã từng chịu những cơn “*sốt run người vầng trán ướt mồ hôi”, cùng cảnh “áo rách vai, quần tôi có vài mảnh vá”, “chân không giầy*”… Cũng chính từ trong gian khổ và thiếu thốn của những ngày đầu tiên bước vào quân ngũ ấy đã nẩy sinh ở họ mối tình cao đẹp – tình đồng chí! Và chính có tình đồng chí, đồng đội gắn bó keo sơn, chia bùi sẻ ngọt mà họ có đủ sức mạnh lớn lao để vượt qua tất cả: “thương nhau tay nắm lấy bàn tay”. Đẹp làm sao giữa đêm rừng hoang đầy sương muối, ở nơi mà sự sống và cái chết chỉ trong gang tấc, những người chiến sĩ vẫn ôm súng đứng canh gác quân thù trong đêm trăng sáng. Các anh vẫn chiến đấu và vẫn cứ tin có ngày chiến thắng. Ta thấy được ở các anh một tinh thần chiến đấu dũng cảm kiên cường, một niềm lạc quan bất diệt. Đời lính gian khổ nhưng luôn giữ mãi nụ cười dẫu cho nó cận kề cái chết. “*Đầu súng trăng treo*”, một biểu tượng đẹp của hình ảnh người lính, biểu tượng cao quý của mối tình đồng chí đã khắc sâu trong tâm trí mọi người.

(Nhà thơ Quang Dũng trong bài thơ Tây Tiến cũng cho ta thấy rõ điều đó:

*Tây Tiến đoàn quân không mọc tóc*

*Quân xanh màu lá dữ oai hùm*

*Mắt trừng gửi mộng qua biên giới*

*Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm.”*

Chính điều đó đã giúp ta hiểu được sự quyết tâm của người lính và ta thêm cảm phục sự hi sinh ấy hơn. Tấm lòng của các anh thật cao đẹp và lớn lao biết chừng nào! Đó cũng là hình ảnh chung của những người lính trong thời kì kháng chiến chống Pháp - những con người bình dị mà cũng thật anh dũng, hiên ngang.

+ Cuộc kháng chiến chống Pháp đã giành được thắng lợi vẻ vang với trận Điện Biên Phủ lẫy lừng. Đất nước vẫn chưa được bình yên, cả Miền Nam lại chìm vào máu lửa và những người con của quê hương lại tiếp tục lên đường. Những anh chiến sĩ lái xe trên tuyến đường Trường Sơn hiện lên trong trang thơ của Phạm Tiến Duật là những anh lính thật ngang tàng, yêu đời, dũng cảm, hóm hỉnh. Từng giây, từng phút, các anh phải đối mặt với nhiều gian khổ và sự ác liệt, dữ dội của bom đạn quân thù hằng ngày trút xuống con đường và nhằm vào những chiếc xe của họ. Những gian khổ và ác liệt hiện hình trong hình ảnh những chiếc xe không kính rồi không cả đèn, cả mui xe, thùng xe có xước, méo mó. Gian khổ tưởng chừng như không thể vượt qua được, cái chết như kề bên, vậy mà lúc nào các anh cũng “ung dung buồng lái ta ngồi. Nhìn đất nhìn trời nhìn thẳng”.

Mở đường Trường Sơn để xe tăng tiến vào phía Nam thực hiện chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử là giai đoạn gay go nhất, ác liệt nhất và cũng hào hùng nhất. Có lẽ chỉ có những chàng trai tuổi trẻ ngạo nghễ ngang tàng kia mới có sức thực hiện nhiệm vụ thiêng liêng cao cả này. Những chiếc xe tưởng chừng như không thể sử dụng được vậy mà nó vẫn tiến lên phía trước bởi có những nụ cười rất ngang tàng, rất nghịch ngợm của những anh lái xe rất phớt đời:

*“Không có kính, ừ thì có bụi.*

*Bụi phun tóc trắng như người già.*

*Chưa cần rửa phì phèo châm điếu thuốc.*

*Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha…”*

Bằng sự đồng cảm của một người lính và cảm xúc của một nhà thơ, Phạm Tiến Duật đã xây dựng nên hình ảnh những chiến sĩ lái xe thật hào hùng, thật tếu táo. Cái cử chỉ: “phì phèo châm điếu thuốc” và tiếng cười “ha ha” như một lời thách thức của họ đối với quân thù. Đó là sức mạnh thứ nhất, còn sức mạnh nào nữa khiến cho những chiếc xe ấy vẫn băng băng lên phía trước? Tác giả đã trả lời một cách mạnh mẽ và dứt khoát, trong những chiếc xe không kính có những trái tim yêu nước, luôn hướng về Miền Nam phía trước với là khát vọng cháy bỏng là giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước:

*“Xe vẫn chạy vì Miền Nam phía trước*

*Chỉ cần trong xe có một trái tim”*

**2.3. So sánh hình ảnh người lính ở hai tác phẩm**

**\*Giống nhau:** Qua hình ảnh anh chiến sĩ Trường Sơn, chúng ta chợt nhận ra sự gần gũi, thân quen giữa những người lính qua các thời kì. Từ anh bộ đội cụ Hồ thời kháng chiến chống Pháp trong thơ Chính Hữu đến anh chiến sĩ Trường Sơn thời chống Mĩ trong thơ PTD đều có chung một nét đẹp truyền thống kiên cường, bất khuất, dũng cảm và đầy tinh thần lạc quan yêu đời. Với điều kiện thuận lợi hơn, người lính thời chống Mĩ đã được trau rèn, huấn luyện. Các anh đã kế thừa và phát huy được tinh thần cách mạng vốn đã vững vàng nay lại vững vàng hơn.

**\* Khác nhau:** Tuy cùng khai thác chất liệu thơ từ đời sống thực với những chi tiết thật đến trần trụi của cuộc sống người lính nhưng hai bài thơ còn khác nhau bởi bút pháp và giọng điệu riêng của mỗi tác giả và cảm hứng nổi bật ở mỗi bài. Cảm hứng của Chính Hữu hướng vào vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội của người lính, còn PTD thì lại tập trung làm nổi bật chủ nghĩa anh hùng, tinh thần dũng cảm, bất chấp mọi khó khăn và bom đạn kẻ thù của những người lính lái xe.

**3.Đánh giá**

Có thể nói rằng “Đồng chí” của Chính Hữu và “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” là những tác phẩm đặc sắc nhất viết về người lính. Bằng tài năng và tình cảm của mình, hai nhà thơ đã dựng lên một bức chân dung đẹp đẽ về hình ảnh người lính bộ đội cụ Hồ- những con người mộc mạc, bình dị nhưng có rất nhiều những phẩm chất tốt đẹp. Họ xứng đáng trở thành biểu tượng sáng ngời của dân tộc VN anh hùng. Đọc hai bài thơ ấy, ta nhận ra một sự trân trọng đặc biệt của tác giả dành cho những con người quả cảm ấy.

**C. Kết bài**:

Nhìn lại những chặng đường lịch sử đã đi qua, đọc lại hai bài thơ về người lính qua hai thời kì, trong ta bỗng dấy lên niềm xúc động lẫn tự hào. Hình ảnh những người lính ấy trở nên bất tử và đẹp rực rỡ. Dù lớp bụi thời gian có phủ đầy những trang sách và những đổi mới của cuộc sống làm biến chuyển đi tất cả, nhưng hình ảnh những anh lính cụ Hồ, anh giải phóng quân đến các anh chiến sĩ Trường Sơn vẫn sống mãi trong lòng mọi người với một niềm cảm xúc trào dâng mạnh mẽ.

**BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH – PHẠM TIẾN DUẬT**

**Đề 1. Cảm nhận của em về đoạn thơ sau**

*Không có kính không phải vì xe không có kính  
Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi  
Ung dung buồng lái ta ngồi,  
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.  
  
Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng  
Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim  
Thấy sao trời và đột ngột cánh chim  
Như sa, như ùa vào buồng lái*

*(Bài thơ về tiểu đội xe không kính – Phạm Tiến Duật)*

**Dàn ý**

**A.Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận**

**Tham khảo:**

*Đoàn giải phóng quân một lần ra đi.*

*Nào có sá chi đâu ngày trở về.*

*Ra đi ra đi bảo tồn sông núi.*

*Ra đi ra đi thà chết chớ lui.*

Khúc hát quen thuộc từ xa chợt vọng lại gợi trong lòng chúng ta biết bao suy tưởng. Chúng ta như được sống lại một thời hào hùng của dân tộc theo tiếng hát sôi nổi trẻ trung và cũng bình dị như cuộc đời người lính. Không biết đã có bao nhiêu bài thơ nói về họ - những chàng Thạch Sanh của thế kỉ hai mươi. Tiêu biểu cho thời kì chống Mĩ cứu nước là *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật. Trong bài thơ ấy, có lẽ hai khổ thơ đầu là những vần thơ đặc sắc nhất

**B.Thân bài**

**1. Khái quát hoàn cảnh ra đời, nội dung và nghệ thuật của bài thơ**

**Tham khảo:**

-*Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật được sáng tác năm 1969 trong thời kì cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra rất gay go, ác liệt. Từ khắp các giảng đường đại học, hàng ngàn sinh viên đã gác bút nghiên để lên đường đánh giặc, và điểm nóng lúc đó là tuyến đường Trường Sơn – con đường huyết mạch nối liền hậu phương với tiền tuyến. Phạm Tiến Duật đã ghi lại những hình ảnh tiêu biểu của nơi khói lửa Trường Sơn. Có thể nói, hiện thực đã đi thẳng vào trang thơ của tác giả và mang nguyên vẹn hơi thở của cuộc chiến. Ra đời trong hoàn cảnh ấy, bài thơ đã thực sự trở thành hồi kèn xung trận, trở thành tiếng hát quyết thắng của tuổi trẻ Việt Nam thời kì chống Mĩ. Cảm hứng từ những chiếc xe không kính đã làm nền để nhà thơ chiến sĩ khắc họa thành công chân dung người chiến sĩ lái xe: ung dung tự tại, lạc quan sôi nổi, bất chấp mọi khó khăn gian khổ , tình đồng chí đồng đội gắn bó, tình yêu đất nước thiết tha…

**2.Cảm nhận đoạn thơ**

**2.1. Hình ảnh những chiếc xe không kính:**

Mở đâu bài thơ, tác giả đã giúp người đọc hình dung được hình ảnh **những chiếc xe không kính** trên tuyển lửa Trường Sơn thông qua hai câu thơ giàu chất hiện thực:

*Không có kính không phải vì xe không có kính  
Bom giật, bom rung, kính vỡ đi rồi*

+ Xe không kính là một hình ảnh quen thuộc, thường thấy ở tuyến lửa Trường Sơn trong những năm tháng kháng chiến chống Mĩ. Nhưng trong thơ ca thì có lẽ đây là lần đầu hình ảnh ấy xuất hiện. Ở hai câu thơ này, hình ảnh những chiếc xe không kính được miêu tả rất thực. Lời thơ tự nhiên đến mức buộc người ta phải tin ngay vào sự phân bua của các chàng trai lái xe dũng cảm. Chất thơ của câu thơ này hiện ra chính trong vẻ tự nhiên đến mức khó ngờ của ngôn từ. Bằng **biện pháp tu từ điệp ngữ với các từ phủ định “không” được lặp lại nhiều lần**, Phạm Tiến Duật như muốn nói rằng **xe không kính không phải do cấu tạo ban đầu của nó**. Vậy thì do đâu? Câu thơ thứ 2 đã giải thích cho điều này. Với các **động từ mạnh “giật, rung”** lời thơ đã cho ta nhận ra rằng **chính bom đạn của chiến tranh đã tàn phá khiến cho những chiếc xe vận tải vốn nguyên vẹn, lành lặn giờ đây trở thành không kính**. Hình ảnh những chiếc xe không kính vốn chẳng hiếm trong chiến tranh, song phải có một hồn thơ nhạy cảm, có nét tinh nghịch, ngang tàn như Phạm Tiến Duật mới phát hiện ra được, đưa nó vào thơ và  trở thành biểu tượng độc đáo của thơ ca thời chống Mĩ. Và từ hình ảnh ấy, tác giả đã tạo ấn tượng cho người đọc một cách cụ thể và sâu sắc về **hiện thực chiến tranh khốc liệt**, dữ dội, về cuộc chiến đấu gian khổ mà người lính phải trải qua.

**2.2.. Hình ảnh người lính lái xe:**

\* **Tư thế hiên ngang, ung dung, đường hoàng,tự tin, và tâm hồn lãng mạn:**

Song, chính trong cái ác liệt của cuộc chiến, chính từ những cái “không” đó thì tư thế **ung dung, hiên ngang** của những người lính lại được thể hiện rõ nét:

*“Ung dung buồng lái ta ngồi*

*Nhìn đất, nhìn trời,nhìn thẳng”.*

***Tư thế của những người lính lái xe mới ung dung và đường hoàng làm sao***! Đặt từ “ung dung” lên đầu câu, dường như nhà thơ muốn nhấn mạnh vào tư thế chủ động trước hoàn cảnh. Con mắt “nhìn đất”, “nhìn trời”,”nhìn thẳng” mang vẻ đẹp trang nghiêm, bất khuất như một lời thề. Chữ “nhìn thẳng” khiến ta hình dung như họ đang đối mặt thẳng thắn với gian khổ, hi sinh mà không hề né tránh, không hề run sợ. Không có kính chắn gió, người lính lái xe đã bình tĩnh, tự tin để mà:

“ Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng

Thấy con đường chạy thẳng vào tim

Thấy sao trời và đột ngột cánh chim

Như sa, như ùa vào buồng lái”.

**Nhịp thơ khoan thai, cùng cách điệp lại từ “nhìn” với các hình ảnh cụ thể như “gió” –“con đường”,”sao trời”,”cánh chim”...** đã diễn tả một cách chân thực và sinh động cảm giác, ấn tượng của người lính lái xe không kính trên đường ra trận. Lúc này, mọi khó khăn, nguy hiểm đã lùi lại, nhường chỗ để các anh đón nhận những âm thanh trong trẻo,ùa vào khoảng lặng của cuộc chiến ác liệt. Cuộc sống đẹp biết bao! **Tâm hồn lãng mạn** đã thăng hoa trong bội bề gian truân, mất mát. Sao trời vẫn sáng đường chiến dịch; cánh chim bền bỉ, đột ngột mà không cô đơn. Từ “đột ngột” được dùng rất “đắt” trong câu đảo thành phần này đã diễn tả động thái đẹp của thiên nhiên, của cánh chim trời. Cánh chim được nghệ thuật hóa, để rồi được nhân hóa qua hai từ “sa”, “ùa” hết sức tự nhiên, không vướng bận. Tất cả cho thấy vẻ đẹp tâm hồn của người lính lái xe Trường Sơn. Đúng là“Đường ra trận mùa này đẹp lắm! Trường Sơn Đông nhớ Trường Sơn Tây”. **Có thể nói,người lính đã chiến thắng bom đạn của kẻ thù bằng cái nhìn bình thản.** **Con đường chạy thẳng vào tim** mà họ nhìn thấy không chỉ là con đường chiến lược Trường Sơn xe đang đi mà đó còn là **con đường cách mạng,con đường giải phóng miền Nam**, con đường mà thế hệ trẻ Việt Nam đã mang cả tuổi thanh xuân, máu xương của mình để giữ gìn, bảo vệ;đẹp mà hiên ngang, gian khổ mà lạc quan, chất lãng mạn hòa quyện trong yếu tố hiện thực.

**3,Đánh giá: NT+ ND+ nhận định về tác giả**

Như vậy, bằng các biện pháp tu từ điệp ngữ, so sánh và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, hai khổ thơ đầu của bài thơ đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn sự khốc liệt của chiến tranh thông qua hình ảnh những chiếc xe không kính và tư thế ung dung, hiên ngang, bản lĩnh vững vàng của người lính lái xe trên tuyến lửa Trường Sơn. Lời thơ cho ta nhận ra ở nhà thơ PTD là niềm cảm phục, sự trân trọng , yêu mến dành cho những người lính bộ đội cụ Hồ. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng.

**C. Kết bài**

- Đánh giá chung về đoạn thơ

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

Có thể nói rằng “BTVTĐXKK” của PTD là một bài thơ độc đáo. Bài thơ ấy và nhất là hai khổ thơ đầu đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng của nhà thơ, càng thêm trân trọng, yêu mến những người lính bộ đội cụ Hồ và hơn cả là càng thêm tự hào về lịch sử oai hùng của dân tộc. Từ hình ảnh những người lính lái xe trên tuyến lửa Trường Sơn, bài thơ đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về lí tưởng sống, về lòng yêu nước về tinh thần lạc quan yêu đời…Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “ BTVTĐXKK” của PTD vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

===========000==============

**Đề 2**

**Cảm nhận của em về vẻ đẹp của những người lính lái xe trong đoạn thơ sau**

Không có kính, ừ thì có bụi,  
Bụi phun tóc trắng như người già  
Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc  
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.  
  
Không có kính, ừ thì ướt áo  
Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời  
Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa  
Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi.  
  
Những chiếc xe từ trong bom rơi  
Ðã về đây họp thành tiểu đội  
Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới  
Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi.  
  
Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời  
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy  
Võng mắc chông chênh đường xe chạy  
Lại đi, lại đi trời xanh thêm.

**Gợi ý:**

**A.Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận**

**Tham khảo:**

*Đoàn giải phóng quân một lần ra đi.*

*Nào có sá chi đâu ngày trở về.*

*Ra đi ra đi bảo tồn sông núi.*

*Ra đi ra đi thà chết chớ lui.*

Khúc hát quen thuộc từ xa chợt vọng lại gợi trong lòng chúngta biết bao suy tưởng. Chúng ta như được sống lại một thời hào hùng của dân tộc theo tiếng hát sôi nổi trẻ trung và cũng bình dị như cuộc đời người lính. Không biết đã có bao nhiêu bài thơ nói về họ - những chàng Thạch Sanh của thế kỉ hai mươi. Tiêu biểu cho thời kì chống Mĩ cứu nước là *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật. Trong bài thơ ấy, ấn tượng với người đọc nhất có lẽ là những khổ thơ nói về tinh thần lạc quan và tình đồng đội keo sơn gắn bó của những người lính xế.

**B.Thân bài**

**1. Khái quát hoàn cảnh ra đời, nội dung và nghệ thuật của bài thơ**

**Tham khảo:**

-Bài thơ về tiểu đội xe không kính của PTD được sáng tác năm 1969 trong thời kì cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra rất gay go, ác liệt. Từ khắp các giảng đường đại học, hàng ngàn sinh viên đã gác bút nghiên để lên đường đánh giặc, và điểm nóng lúc đó là tuyến đường Trường Sơn – con đường huyết mạch nối liền hậu phương với tiền tuyến. Phạm Tiến Duật đã ghi lại những hình ảnh tiêu biểu của nơi khói lửa Trường Sơn. Có thể nói, hiện thực đã đi thẳng vào trang thơ của tác giả và mang nguyên vẹn hơi thở của cuộc chiến. Ra đời trong hoàn cảnh ấy, bài thơ đã thực sự trở thành hồi kèn xung trận, trở thành tiếng hát quyết thắng của tuổi trẻ Việt Nam thời kì chống Mĩ. Cảm hứng từ những chiếc xe không kính đã làm nền để nhà thơ chiến sĩ khắc họa thành công chân dung người chiến sĩ lái xe: ung dung tự tại, lạc quan sôi nổi, bất chấp mọi khó khăn gian khổ , tình đồng chí đồng đội gắn bó, tình yêu đất nước thiết tha…

**2. Hình ảnh người lính**

**2.1. Nhắc lại nội dung của 2 khổ đầu**

Bằng các biện pháp tu từ điệp ngữ, so sánh và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, hai khổ thơ đầu của bài thơ đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn sự khốc liệt của chiến tranh thông qua hình ảnh những chiếc xe không kính và tư thế ung dung, hiên ngang, bản lĩnh vững vàng của người lihns lái xe trên tuyến đường TS lịch sử. Và vẻ đẹp của họ tiếp tục đượng PTD ca ngợi ở 4 khổ thơ tiếp

**2.2. Một vẻ đẹp nữa làm nên bức chân dung tinh thần của người lính trong bài thơ chính là tinh thần lạc quan, sôi nổi, bất chấp khó khăn, nguy hiểm:**

Không có kính, ừ thì có bụi,  
Bụi phun tóc trắng như người già  
Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc  
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.  
  
Không có kính, ừ thì ướt áo  
Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời  
Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa  
Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi.  
**Bằng biện pháp tu từ điệp ngữ với cấu trúc “không có kính ừ thì... Chưa** cần ...” được lặp lại ở hai khổ thơ, **nhà thơ đã đem đến cho đoạn thơ giọng điệu ngang tàn, giàu thách thức**. Những câu thơ tả thực, những cái “ừ” bất chấp nhưng không hề lộ ra là cẩu thả, luộm thuộm. Hẳn đó là nhờ chất lính, dẫu mưa có tuôn,có xối, dẫu bụi có phun bạc trắng mái đầu thì người lính vẫn “chưa cần thay”,”chưa cần rửa” để lái trăm cây số nữa. Thật là biết đùa cùng gian khó! **Giọng thơ đã thể hiện trọn vẹn thái độ bất chấp khó khăn, coi thường hiểm nguy của người lính lái xe**. Với họ,những gian khổ khi lái xe không kính ra trận chẳng hề hấn gì. Hai khổ thơ đầy ắp chi tiết hiện thực qua cách dùng từ “xối”,”tuôn”,”phun”. Đó là những gian khổ rất thực như một kiểu hút thuốc phì phèo, một tiếng cười ha ha sảng khoái, một mái đầu bụi phun tóc trắng. **Tất cả thể hiện sự bất chấp cuộc sống đầy gian khó bằng niềm vui sôi nổi, trẻ trung và bằng tinh thần lạc quan của người lính lái xe những năm tháng chống Mỹ cứu nước.**

**2.3. Sâu sắc hơn,bằng ống kính điện ảnh của người nghệ sĩ, nhà thơ đã ghi lại những khoảnh khắc đẹp đẽ thể hiện tình đồng chí đồng đội của những người lính lái xe :**

“Những chiếc xe từ trong bom rơi

Đã về đây họp thành tiểu đội

Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới

Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi.

Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời

Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy”

Tình cảm của những người lính trẻ được nhà thơ diễn tả rất đúng, rất phù hợp với phong cách của họ. Sau những chặng đường đầy gian khổ,đầy mất mát hy sinh, họ đã cùng nhau họp thành tiểu đội xe không kính. Cái bắt tay của họ rất độc đáo – “Bắt tay qua cửa kínhvỡ rồi” – một cái bắt tay mang đầy ý nghĩa. Nó là biểu tượng của niềm tin thắng trận, là lời chúc, lời chào,niềm vui và niềm tự hào. Ở đây, nhà thơ đưa ra một khái niệm hết sức mới mẻ về gia đình: “*Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy”.* Đó là gia đình của những con người cùng chung chí hướng, cùng chung nhiệm vụ. Rõ ràng, những người lính thương yêu nhau như tình ruột thịt. Từ nơi chiến trường ác liệt, họ đã làm thành một gia đình,tạm nghỉ bên nhau, và quây quần trong bữa cơm hội ngộ, để rồi:

“Võng mắc chông chênh đường xe chạy

Lại đi lại đi trời xanh thêm”.

Câu thơ ngắt nhịp 2/2/3, như nhịp hành quân, như niềm lạc quan tin tưởng của người lính lái xe trên đường ra trận. Từ “chông chênh” gợi lên tư thế của người lính, họ vừa đi vừa có người ngủ trên xe, vừa có người chạy xe để xe được chạy liên tục. Từ “chông chênh”giàu sức gợi như tạo hình cho giấc ngủ của người lính. Điệp từ “lại đi” và hình ảnh “trời xanh thêm” khẳng định những người lính như không ngừng tiến tới, không ngừng ra đi vì bầu trời xanh bình yên phía trước, vì viễn cảnh rộng lớn hơn.

=> Chính tình đồng chí, đồng đội đã biến thành động lực giúp các anh vượt qua khó khăn, nguy hiểm, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc thân yêu.Sức mạnh của người lính thời đại Hồ Chí Minh là vẻ đẹp kết hợp truyền thống và hiện đại. Họ là hiện thân của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, là hình tượng đẹp nhất của thế kỷ “Như Thạch Sanh của thế kỷ hai mươi” (Tố Hữu).

**3.Đánh giá**

Như vậy, bằng các biện pháp tu từ điệp ngữ, so sánh và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, đoạn thơ trên đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn Vẻ đẹp tâm hồn của những người lính lái xe. Đó chính là tinh thần lạc quan, là thái độ bất chấp khó khăn gian gian khổ và tình đồng chí đồng đội keo sơn gắn bó. Lời thơ cho ta nhận ra ở nhà thơ PTD là niềm cảm phục, sự trân trọng , yêu mến dành cho những người lính bộ đội cụ Hồ. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng.

**C. Kết bài**

Có thể nói rằng “BTVTĐXKK” của PTD là một bài thơ độc đáo. Bài thơ ấy và nhất là đoạn thơ trên đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng của nhà thơ, càng thêm trân trọng, yêu mến những người lính bộ đội cụ Hồ và hơn cả là càng thêm tự hào về lịch sử oai hùng của dân tộc. Từ hình ảnh những người lính lái xe trên tuyến lửa Trường Sơn, bài thơ đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về lí tưởng sống, về lòng yêu nước về tinh thần lạc quan yêu đời…Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “ BTVTĐXKK” của PTD vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

=========000==========

**Đề 3.** *“Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật đã tái hiện một cách đầy đủ và trọn vẹn sự khốc liệt của những năm tháng chiến tranh chống Mĩ đồng thời ca ngợi vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh”*

**Từ những cảm nhận của em về khổ thơ sau, hãy làm sáng tỏ nhận định trên:**

*Không có kính không phải vì xe không có kính  
Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi  
Ung dung buồng lái ta ngồi,  
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.*

*“Không có kính rồi xe không có đèn*

*Không có mui xe,thùng xe có xước*

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước*

*Chỉ cần trong xe cómột trái tim”.*

*((Bài thơ về tiểu đội xe không kính – Phạm Tiến Duật)*

**A.Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận**

**Tham khảo:**

*Đoàn giải phóng quân một lần ra đi.*

*Nào có sá chi đâu ngày trở về.*

*Ra đi ra đi bảo tồn sông núi.*

*Ra đi ra đi thà chết chớ lui.*

Khúc hát quen thuộc từ xa chợt vọng lại gợi trong lòng chúng ta biết bao suy tưởng. Chúng ta như được sống lại một thời hào hùng của dân tộc theo tiếng hát sôi nổi trẻ trung và cũng bình dị như cuộc đời người lính. Không biết đã có bao nhiêu bài thơ nói về họ - những chàng Thạch Sanh của thế kỉ hai mươi. Tiêu biểu cho thời kì chống Mĩ cứu nước là *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật. *“Bài thơ về tiểu đội xe không kính đã tái hiện một cách đầy đủ và trọn vẹn sự khốc liệt của những năm tháng chiến tranh chống Mĩ đồng thời ca ngợi vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh”. Đến với khổ đầu và khổ cuối của bài thơ chúng ta sẽ cảm nhận được điều đó*

**B.Thân bài**

**1. Khái quát hoàn cảnh ra đời, nội dung và nghệ thuật của bài thơ**

**Tham khảo:**

-*Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật được sáng tác năm 1969 trong thời kì cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra rất gay go, ác liệt. Từ khắp các giảng đường đại học, hàng ngàn sinh viên đã gác bút nghiên để lên đường đánh giặc, và điểm nóng lúc đó là tuyến đường Trường Sơn – con đường huyết mạch nối liền hậu phương với tiền tuyến. Phạm Tiến Duật đã ghi lại những hình ảnh tiêu biểu của nơi khói lửa Trường Sơn. Có thể nói, hiện thực đã đi thẳng vào trang thơ của tác giả và mang nguyên vẹn hơi thở của cuộc chiến. Ra đời trong hoàn cảnh ấy, bài thơ đã thực sự trở thành hồi kèn xung trận, trở thành tiếng hát quyết thắng của tuổi trẻ Việt Nam thời kì chống Mĩ. Cảm hứng từ những chiếc xe không kính đã làm nền để nhà thơ chiến sĩ khắc họa thành công chân dung người chiến sĩ lái xe: ung dung tự tại, lạc quan sôi nổi, bất chấp mọi khó khăn gian khổ , tình đồng chí đồng đội gắn bó, tình yêu đất nước thiết tha…

**2.Chứng minh nhận định**

**2.1. Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật đã tái hiện một cách đầy đủ và trọn vẹn sự khốc liệt của những năm tháng chiến tranh chống Mĩ.** Điều đó được thể hiện rõ nét qua hình ảnh những chiếc xe không kính được tác giả miêu tả trong bài thơ. Mở đầu bài thơ, tác giả có viết:

*Không có kính không phải vì xe không có kính  
Bom giật, bom rung, kính vỡ đi rồi*

+ Xe không kính là một hình ảnh quen thuộc, thường thấy ở tuyến lửa Trường Sơn trong những năm tháng kháng chiến chống Mĩ. Nhưng trong thơ ca thì có lẽ đây là lần đầu hình ảnh ấy xuất hiện. Ở hai câu thơ này, hình ảnh những chiếc xe không kính được miêu tả rất thực. Lời thơ tự nhiên đến mức buộc người ta phải tin ngay vào sự phân bua của các chàng trai lái xe dũng cảm. Chất thơ của câu thơ này hiện ra chính trong vẻ tự nhiên đến mức khó ngờ của ngôn từ. Bằng **biện pháp tu từ điệp ngữ với các từ phủ định “không” được lặp lại nhiều lần**, Phạm Tiến Duật như muốn nói rằng **xe không kính không phải do cấu tạo ban đầu của nó**. Vậy thì do đâu? Câu thơ thứ 2 đã giải thích cho điều này. Với các **động từ mạnh “giật, rung”** lời thơ đã cho ta nhận ra rằng **chính bom đạn của chiến tranh đã tàn phá khiến cho những chiếc xe vận tải vốn nguyên vẹn, lành lặn giờ đây trở thành không kính**.

Không chỉ không kính, những chiếc xe vận tải còn bị hư hỏng nhiều bộ phận khác:

*“Không có kính rồi xe không có đèn*

*Không có mui xe,thùng xe có xước*

Ba chữ “không” lại một lần nữa khẳng định mức độ ác liệt của cuộc chiến in dấu trên những chiếc xe ra trận: “không kính”,”không đèn”,”không mui” và lại có thêm cái xước. Hình ảnh những chiếc xe không kính vốn chẳng hiếm trong chiến tranh, song phải có một hồn thơ nhạy cảm, có nét tinh nghịch, ngang tàn như Phạm Tiến Duật mới phát hiện ra được, đưa nó vào thơ và  trở thành biểu tượng độc đáo của thơ ca thời chống Mĩ. Và từ hình ảnh ấy, tác giả đã tạo ấn tượng cho người đọc một cách cụ thể và sâu sắc về **hiện thực chiến tranh khốc liệt**, dữ dội, về cuộc chiến đấu gian khổ mà người lính phải trải qua.

**2.2. Vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh**

**\* Vẻ đẹp của tư thế hiên ngang, ung dung, đường hoàng,tự tin, và tâm hồn lãng mạn:**

Song, chính trong cái ác liệt của cuộc chiến, chính từ những cái “không” đó thì tư thế **ung dung, hiên ngang** của những người lính lại được thể hiện rõ nét:

*“Ung dung buồng lái ta ngồi*

*Nhìn đất, nhìn trời,nhìn thẳng”.*

***Tư thế của những người lính lái xe mới ung dung và đường hoàng làm sao***! Đặt từ “ung dung” lên đầu câu, dường như nhà thơ muốn nhấn mạnh vào tư thế chủ động trước hoàn cảnh. Con mắt “nhìn đất”, “nhìn trời”,”nhìn thẳng” mang vẻ đẹp trang nghiêm, bất khuất như một lời thề. Chữ “nhìn thẳng” khiến ta hình dung như họ đang đối mặt thẳng thắn với gian khổ, hi sinh mà không hề né tránh, không hề run sợ. Có lẽ chính những khó khăn thử thách, chính bom đạn chiến tranh đã tôi rèn cho họ khiến họ trở nên can trường và bản lĩnh hơn.

**\*Vẻ đẹp của lòng yêu nước và ý chí quyết tâm giải phóng miền nam thống nhất nước nhà**

Không chỉ mang tư thế ung dung, hiên ngang, bản lĩnh vững vàng, những người lính lái xe trong bài thơ này còn là những chàng trai có lòng yêu nước nồng nàn, có ý chí quyết tâm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước*

*Chỉ cần trong xe cómột trái tim”.*

“Trái tim”là hình ảnh hoán dụ mang ý nghĩa tượng trưng, đó chính là người chiến sĩ lái xe, là sức mạnh và tinh thần quả cảm, là nhiệt huyết của tuổi trẻ, là ý chí chiến đầu giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, là tình yêu Tổ quốc thiết tha. Hình ảnh này đã khẳng định: khi trái tim cầm lái thì mọi gian khổ, hiểm nguy đều được người lính chấp nhận và vượt qua với tư thế ung dung và niềm vui sôi nổi, lạc quan phơi phới. Hình ảnh này cũng khẳng định bom đạn của kẻ thù chỉ có thể phá hủy đượcnhững chiếc xe chứ không thể ngăn cản được nhiệt huyết cứu nước của những con người:“Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/Mà lòng phơi phới dậy tương lai” (Tố Hữu).

**3.Đánh giá: Nội dung + Nghệ thuật + nhận định về TG**

Như vậy, bằng các biện pháp tu từ điệp ngữ, liệt kê, hoán dụ và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, hai khổ thơ trên đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn sự khốc liệt của chiến tranh trong những năm tháng chống Mĩ cứu nước và vẻ đẹp tâm hồn của những người lính lái xe, của thế hệ trẻ Việt Nam thời đại HCM. Đó chính là phong thái un gung hiên ngang, là ý chí quyết tâm giải phóng Miền nam thống nhất đất nước. Lời thơ cho ta nhận ra ở nhà thơ PTD là niềm cảm phục, sự trân trọng , yêu mến dành cho những người lính bộ đội cụ Hồ. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng.

**C. Kết bài**

Có thể nói rằng “BTVTĐXKK” của PTD là một bài thơ độc đáo. Bài thơ ấy và nhất là khổ thơ đầu và khổ thơ cuối của bài thơ đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng của nhà thơ, càng thêm trân trọng, yêu mến những người lính bộ đội cụ Hồ và hơn cả là càng thêm tự hào về lịch sử oai hùng của dân tộc. Từ hình ảnh những người lính lái xe trên tuyến lửa Trường Sơn, bài thơ đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về lí tưởng sống, về lòng yêu nước về tinh thần lạc quan yêu đời…Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “ BTVTĐXKK” của PTD vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ – HUY CẬN**

**ĐỀ 1:**

**Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:**

Mặt trời xuống biển như hòn lửa  
Sóng đã cài then, đêm sập cửa.  
Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,  
Câu hát căng buồm cùng gió khơi.  
  
Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng,  
Cá thu biển Đông như đoàn thoi  
Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng.  
Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi!

*(Đoàn thuyền đánh cá – Huy Cận)*

**Dàn ý**

**A.Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận**

**Tham khảo(Mở bài này có thể áp dụng cho nhiều đề)**

Có những tác phẩm đọc xong gấp sách lại là ta quên ngay cho đến khi xem lại mới chợt nhớ là mình đã đọc rồi, nhưng cũng có những tác phẩm như dòng chảy qua tâm hồn ta để lại trong ta những ấn tượng trạm khắc trogn tâm khảm. Và “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận cũng là một tác phẩm như thế. …..BỔ SUNG NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÀI THƠ….Trong bài thơ ấy, có lẽ hai khổ thơ đầu là những vần thơ độc đáo nhất.

**B.Thân bài**

**1.Khái quát về tác phẩm**

- Bài thơ được viết vào giữa năm 1958, khi cuộc kháng chiến chống Pháp đã kết thúc thắng lợi, miền Bắc được giải phóng và bắt tay vào công cuộc xây dựng cuộc sống mới. Niềm vui dạt dào tin yêu trước cuộc sống mới đang hình thành, đang thay da đổi thịt đã trở thành nguồn cảm hứng lớn của thơ ca lúc bấy giờ. Nhiều nhà thơ đã đi tới các miền đất xa xôi của Tổ quốc để sống và để viết: miền núi, hải đảo, nhà máy, nông trường… Huy Cận có chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh. Từ chuyến đi ấy, hồn thơ của ông mới thực sự  nảy nở trở lại và dồi dào cảm hứng về thiên nhiên đất nước, về lao động và niềm vui trước cuộc sống mới. Bài *“Đoàn thuyền đánh cá”* được sáng tác trong thời gian ấy và in trong tập thơ *“Trời mỗi ngày lại sáng”(1958).*

**2.Cảm nhận đoạn thơ**

**2.1. Cảnh đoàn thuyền ra khơi khi hoàng hôn buông xuống**

- Mở đầu bài thơ nhà thơ miêu tả cảnh đoàn thuyền ra khơi khi hoàng hôn buông xuống

*“Mặt trời xuống biển như hòn lửa*

*Sóng đã cài then,đêm sập cửa*

*Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,*

*Câu hát căng buồm cùng gió khơi.”*

Bốn câu thơ có kết cấu gọn gàng, cân đối như một bài tứ tuyệt: hai câu đầu tả cảnh, hai câu sau nói về con người. Cảnh và người tưởng như đối lập song lại hòa hợp, cảnh làm nền để cho hình ảnh con người nổi bật lên như tâm điểm của một bức tranh – bức tranh lao động khỏe khoắn, vui tươi tràn ngập âm thanh và rực rỡ sắc màu.

**+ Hai câu thơ đầu tả cảnh hoàng hôn trên biển, cũng là thời điểm đoàn thuyền đánh cá ra khơi:**

*“Mặt trời xuống biển như hòn lửa*

*Sóng đã cài then, đêm sập cửa”.*

+Nếu chỉ căn cứ vào thực tế sẽ thấy câu thơ có vẻ vô lí, bởi trên vịnh Hạ Long ở hướng Đông, không thể thấy cảnh mặt trời xuống biển như thế, mà chỉ có thấy mặt trời mọc được thôi. Vậy thì ở đây, khi viết “Mặt trời xuống biển” tức là nhà thơ đã lấy điểm nhìn từ trên con thuyền đang ra khơi,giữa biển khơi nhìn về hướng Tây nơi bờ bãi. Lúc đó, xung quanh con thuyền chỉ là mênh mông sóng nước, mặt trời chỉ còn cách lặn xuống biển.

+ Ở hai câu thơ đầu, nhà thơ đã so sánh “mặt trời” với “hòn lửa”. Phép so sánh gợi ra một khung cảnh rực rỡ, huy hoàng, tráng lệ. Ánh mặt trời lúc cuối chiều đỏ rực phả xuống mặt biển làm hồng rực cả một vùng biển, vùng trời – một cảnh tượng thật kì vĩ.

**\*Liên hệ:** Xưa nay, thơ viết về cảnh hoàng hôn thường phảng phất một nỗi buồn như Thôi Hiệu viết trong bài “Hoàng Hạc Lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng” chẳng hạn:

*“Quê hương khuất bóng hoàng hôn*

*Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai”*

Hay chính Huy Cận trong bài thơ “Tràng giang” trước CM cũng viết

*“ Lòng quê rờn rợn vời con nước*

*Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà”*

+ Nhưng ở câu thơ đầu trong bài thơ “ĐTĐC” của Huy Cận, ta lại thấy cảnh hoàng hôn hiện lên rất đẹp. Phải chăng lúc này Huy Cận đang vui, vui vì ông lại tìm được nguồn cảm hứng sáng tác sau 10 năm không thể cầm bút, vui vì ngư dân được làm chủ biển trời nên ông nhìn cảnh mới đẹp như vậy. Có lẽ là thế bởi Nguyễn Du cũng đã từng nói với chúng ta rằng *“Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu/ người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*”. Cảnh chỉ đẹp khi tâm trạng con người phơi phới niềm vui.

**+ Cùng với phép so sánh, HC còn miêu tả thiên nhiên khi chiều xuống bằng một phép nhân hoá cũng đầy sáng tạo:** *“Sóng đã ...cửa*”. Lời thơ với các động từ mạnh ( sập, cài) đã cho ta hình dung được một cảnh tượng thật rộng lớn và đầy bí ẩn. Biển đêm với những con sóng bạc đầu chạy ngang như những chiếc then cài còn màn đêm là cánh cửa đang đóng sập lại. Chỉ với 7 chữ nhưng câu thơ gợi lên trong ta rất nhiều liên tưởng thú vị. Biển đêm vốn bí ẩn, đáng sợ, thậm chí là cuồng nộ nhưng giờ đây cũng trở nên gần gũi, ấm áp, thân thương. Vũ trụ và thiên nhiên bao la lúc này chẳng khác nào một ngôi nhà rộng lớn. còn những người ngư dân chính là các thành viên của gia đình. Thiên nhiên và con người giờ đây vô cùng gần gũi, gắn bó và hoà hợp.

**Và khi thiên nhiên đi vào trạng thái nghỉ ngơi thì con người lại bắt đầu làm việc:**

*“Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi*

*Câu hát căng buồm cùng gió khơi.*

+ Hình ảnh, nhạc điệu trong câu thơ diễn tả khí thế khỏe khoắn, phấn chấn của những người lao động: khẩn trương làm việc bất kể ngày đêm. Đoàn thuyền lại ra khơi, tuần tự, nhịp nhàng như cái nhịp sống không bao giờ ngừng nghỉ. Chữ “lại” trong câu thơ đã diễn tả điều đó, cho ta hiểu đây là công việc, là hoạt động hàng ngày, thường xuyên, trở thành một nếp sống quen thuộc của những người ngư dân vùng biển. “Câu hát căng buồm cùng gió khơi” là hình ảnh ẩn dụ mang tính chất khoa trương. Tiếng hát khỏe khoắn tiếp sức cho gió làm căng cánh buồm. Tiếng hát ấy, làm nổi bật khí thế hồ hởi của người lao động trong buổi xuất quân chinh phục biển cả…

**2.2.Tiếng hát gọi cá vào**

Nếu như ở khổ thơ đầu, tác giả miêu tả những người ngư dân thuyển ra khơi luôn mang theo câu hát thì đến khổ thơ thứ 2, **nhà thơ nói cụ thể hơn về lời hát của họ.**

***“ Hát rằng cá bạc biển đông lặng***

***Cá thu biển đông như đoàn thoi***

***Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng***

***Đến dệt lưới ta đoàn cá ơi”***

+ Từ "**hát rằng"** mở đầu khổ thơ đã gợi lên niềm vui sướng, hạnh phúc ngập tràn của những người dân làng chài và đó còn là sự hứa hẹn một chuyến ra khơi bội thu. Và để rồi, trong lời hát ngập tràn niềm vui ấy, với việc thủ pháp liệt kê - kể ra hai loài cá có giá trị kinh tế cao - "cá bạc", "cá thu" cùng biện pháp so sánh cá thu với "đoàn thoi" dường như tác giả đã cất lên lời ca về sự giàu có của biển cả.

+ Thêm vào đó, trong khổ thơ, tác giả sử dụng **hình ảnh nhân hóa độc đáo,** từ đó gợi lên trong lòng người đọc nhiều ý nghĩa: Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng Hai chữ "đêm ngày" đặt ở đầu câu thơ như khẳng định tính liên tục, không kể ngày đêm những loài cá ấy vẫn cùng nhau "dệt" nên một tấm lưới với "muôn luồng sáng" giữa biển cả mênh mông. Đồng thời, hình ảnh này còn gợi lên những vệt nước lấp lánh được tạo nên khi đoàn cá bơi lội dưới ánh trăng. Đặc biệt, qua hình ảnh này lời thơ cũng thể hiện được không khí lao động hăng say, không kể ngày đêm của người lao động.

+ Để rồi từ sự cảm nhận, ngợi ca sự giàu có, trù phú của biển cả, câu thơ khép lại khổ thơ như một lời ca, một lời mời gọi thiết tha và trìu mến đối với những đàn cá "Đến dệt lưới ta đoàn cá ơi". Lời thơ có sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa. Nhà thơ gọi cá mà như gọi bạn. Giữa con người và thiên nhiên gần như không hề có khoảng cách. Nhưng có lẽ, ẩn sau lời mời gọi thiết tha ấy chính là ước mơ, là mong muốn đánh bắt được nhiều hải sản của những người dân làng chài và những điều đó xét đến cùng là ước mơ, là khao khát muốn chinh phục thiên nhiên, chinh phục biển cả của họ.

**3.Đánh giá**

Như vậy, bằng biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, các từ ngữ, hình ảnh giàu giá trị gợi tả, hai khổ thơ đầu đã phác họa thành công một bức tranh thiên nhiên kì vĩ, thơ mộng và qua đó gợi được tâm hồn phóng khoáng, tình yêu lao động và niềm hi vọng của người dân chài. Lời thơ còn cho ta nhận ra ở nhà thơ Huy Cận là tình yêu với thiên nhiên, với đất nước và niềm vui, niềm tin yêu vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng biết bao.

**C. Kết bài**

Có thể nói rằng “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận là một bài thơ độc đáo. Bài thơ ấy và nhất là hai khổ thơ đầu đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng của nhà thơ, càng thêm yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước mình. Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “ Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

==============000===============

**Đề 2. Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:**

Thuyền ta lái gió với buồm trăng  
Lướt giữa mây cao với biển bằng,  
Ra đậu dặm xa dò bụng biển,  
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.  
  
Cá nhụ cá chim cùng cá đé,  
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,  
Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé,  
Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long.  
  
Ta hát bài ca gọi cá vào,  
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao,  
Biển cho ta cá như lòng mẹ,  
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.

**Dàn ý**

**A.Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận**

**Tham khảo(Mở bài này có thể áp dụng cho nhiều đề)**

Có những tác phẩm đọc xong gấp sách lại là ta quên ngay cho đến khi xem lại mới chợt nhớ là mình đã đọc rồi, nhưng cũng có những tác phẩm như dòng chảy qua tâm hồn ta để lại trong ta những ấn tượng trạm khắc trogn tâm khảm. Và “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận cũng là một tác phẩm như thế. Trong bài thơ ấy, ấn tượng với người đọc nhất có lẽ là những khổ thơ miêu tả cảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển

**B.Thân bài**

**1.Khái quát về tác phẩm**

**2. Cảm nhận đoạn thơ**

**2.1.Khổ 3: Nếu ở hai khổ thơ đầu, tác giả miêu tả cảnh đoàn thuyền chuẩn bị ra khơi giữa một không gian rực rỡ, huy hoàng và tráng lệ thì đến những khổ thơ tiếp theo ông tập trung miêu tả cảnh đánh bắt cá trên biển đêm.**

***“****Thuyền ta lái gió với buồm trăng  
Lướt giữa mây cao với biển bằng,  
Ra đậu dặm xa dò bụng biển,  
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.*

+Không gian vũ trụ lúc này được mở ra nhiều chiều. Có chiều cao của bầu trời, mặt trăng, chiều rộng của mặt biển và lòng biển sâu thẳm. **Thế nhưng giữa cái không gian vô cùng rộng lớn ấy, con thuyền lại không hề nhỏ bé chút nào**. Nó hiện lên lớn lao và kì vĩ.

+ Bằng các **động từ mạnh “lái, lướt” và các hình ảnh giàu giá trị gợi tả** “lái gió, buồm trăng, mây cao, biển bằng”, lời thơ đã cho ta hình dung được **tư thế làm chủ** của đoàn thuyền khi ra khơi đánh cá. Con thuyền như mang cả sinh lực của đất trời, được thiên nhiên giúp sức để đánh cá trên biển.

+ Và **hình ảnh con người lao động hiện lên cũng thật đẹp**. Đoàn thuyền đánh cá lúc này chẳng khác nào một đoàn thám hiểm đang đi chinh phục những vùng đất mới; chẳng khác nào một đoàn quân đang tổ chứng đánh trận với tư thế làm chủ vùng đất của mình.**Con người giờ đây không còn cảm thấy nhỏ bé cô đơ**n như trong “Tràng giang” trước cách mạng mà là **thư thế làm chủ cả vũ trụ bao la rộng lớn**.

**2.Khổ 4**

- Và bức tranh lao động của con người được điểm tô thêm bằng vẻ đẹp của thiên nhiên. Cái nhìn của nhà thơ đối với biển và cá cũng có những sáng tạo bất ngờ,độc đáo:

*Cá nhụ cá chim cùng cá đé,  
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,  
Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé,  
Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long.*

+ Đọc khổ thơ, ta thấy bức tranh biển đêm hiện ra đẹp đẽ, kì ảo, sống động. Để tái hiện vẻ đẹp giàu ấy của biển cả quê hương, tác giả Huy Cận đã sử dụng **phép liệt kê** gợi ra các hình ảnh loài cá : cá nhụ, cá chim, cá đé, cá song, … bơi lội tung tăng ngang dọc, tầng nổi tầng sâu, vun vút lấp lánh muôn màu sắc.   
+ **Ngôn ngữ giàu chất tạo hình “cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe**” đem đến cho người đọc nhiều liên tưởng thú vị. Hình ảnh con cá song giống như ngon đuốc đen hồng đang lao đi trong luồng nước dưới ánh trăng lấp lánh. Ánh trăng in xuống mặt nước, cá song quẫy đuôi như quẫy cả ánh trăng khiến ánh trăng tan ra, vung bắn tung vàng chóe. Đặc biệt hơn, Huy Cận gọi cá bằng “em”, một tiếng gọi xiết bao ân tình trìu mến . Và đằng sau những vần thơ ấy ta nhận ra **tình yêu tha thiết** của nhà thơ với biển cả quê hương .

+ Và khổ thơ được kết thúc bằng một hình ảnh thơ vô cùng độc đáo:

“Đêm thở : sao lùa nước Hạ Long”

Câu thơ là một hình ảnh **nhân hóa** đầy sáng tạo và gợi nhiều liên tưởng trong lòng người đọc. “Đêm” đc miêu tả như một sinh vật đại dương đang “thở”, **hình ảnh biển đêm vì thế mà trở nên giàu đẹp, sống động đến vô cùng**.

**3.Khổ 5:**

Cùng với những lời ca ngợi về vẻ đẹp trù phú của biển cả, **ở khổ thơ thứ 5, Huy Cận lại đưa ta đến với những người lao động luôn tràn đầy tinh thần lạc quan.**

*Ta hát bài ca gọi cá vào*

*Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao*

+ Một lần nữa, **tiếng hát** của người dân lao động lại vang lên trên khắp vung biển bao la. Tiếng hát theo họ khi đoàn thuyền ra khơi, tiếng hát ca ngợi sự giàu có của biển cả. Giờ đây tiếng hát lại vang lên để " *gọi cá vào lưới*". Tiếng hát đã biến một công việc khó khăn, nguy hiểm thành nhẹ nhàng, thi vị. Dường như đoàn thuyền không cần đến kĩ thuật hiện đại mà họ chỉ cần cất cao tiếng hát. Tiếng hát đồng thời thể hiện niềm tin, tinh thần lạc quan của những con người lao động. Họ làm việc với tinh thần miệt mài, say mê, với niềm lạc quan phơi phới. Bởi vì họ đã trở thành người chủ đích thực của biển trời.

+ **Câu thơ thứ hai là một liên tưởng, sáng tạo đặc sắc**. Đoàn thuyền ra khơi khi màn đêm buông xuống, vầng trăng lên cao, ánh trăng tỏa sáng in hình xuống mặt nước. Gió thổi, sóng xô, trăng tan ra như gõ vào mạn thuyền. Câu thơ hàm chứa một ý nghĩa sâu sắc: thiên nhiên vũ trụ như hòa đồng với nhịp sống, nhịp lao động của con người, nâng đỡ con người, giúp con người gọi cá vào lưới. Và có lẽ cũng chính vì thế mà nhà thơ viết :

*Biển cho ta cá như lòng mẹ*

*Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.*

+ **Nghệ thuật nhân hóa, so sánh** làm cho câu thơ thêm giàu sắc thái biểu cảm. Biển như người mẹ nhân hậu, ân tình, bao dung. Biển đã cung cấp cho ta biết bao tài nguyên, khoáng sản. Lòng biển bao la sâu thẳm như lòng mẹ nhân từ. Biển cho ta rất nhiều như bà mẹ nhân hậu, bao dung, đã nuôi lớn biết bao thế hệ trong âm thầm, trong lặng lẽ.

**+ So sánh biển với mẹ, Huy Cận đã thay lời cho những ngư dân nói lên niềm tự hào và lòng biết ơn chân thành với biển quê hương.** Vì vậy, giọng thơ chợt trở nên ấm áp, chan chứa tình người. Đối với người dân chài, biển đã gắn bó với họ. Khi buồn, khi vui họ đều có biển sẻ chia. Nước biển mặn mòi giúp họ rửa đi bao khó nhọc, ưu phiền, cay đắng. Hai câu thơ cuối vừa bộc lộ niềm tự hào, vừa là lời cảm tạ chân thành của con người với biển.

**2.3. Khổ 6**

Sau một đêm lao động hăng say, khi “sao mờ” là lúc đoàn thuyền kéo lưới lên để chuẩn bị về bến:

*Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng*

*Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng*  
+ **“Sao mờ**” là lúc trời gần sáng, mặt trời đang lên. Đó là dấu hiệu báo một ngày mới bắt đầu. Con người đang giành giật với thời gian, chạy đua với thời gian để làm việc và cống hiến. TG trôi càng nhanh, con người lao động càng hăng say. Họ đang khẩn trương để kéo lưới kịp trời sáng. Một cuộc chạy đua âm thầm đang diễn ra giữa con người và thiên nhiên. Con người thì nhỏ bé, thiên nhiên thì lớn lao vậy mà con người dám chạy đua cùng thiên nhiên.

+ **2 câu thơ đã tạo nên bức tượng đài sừng sững của người lao động giữa vùng biển rộng.** Hai chữ "*xoăn tay*" giàu chất tạo hình khiến cho người đọc hình dung tư thế của những người lao động. Đó là tư thế chắc khỏe, cường tráng, tư thế của những người đã khẳng định được vị thế của mình trên biển khơi, vị thế của người làm chủ, người chiến thắng. Bóng dáng họ sừng sững giữa biển khơi với bắp tay nổi cuộn, dưới bàn tay ấy là tấm lưới triều nặng.

+ **Hình ảnh "chùm *cá nặng***" gợi liên tưởng thú vị: cá rất nhiều, che cả mắt lưới. Đó chính là thành quả lao động mà người ngư dân thu được sau một đêm vất vả.

*Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông*

*Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng*

Lời thơ miêu tả cụ thể màu sắc của thân cá. Sắc màu ấy đã khiến cho cả không gian bừng sáng lên khi sao mờ trăng khuất. Sự pha trộn màu sắc: trắng - vàng trong câu thơ thật hài hòa sinh động. Và khi người lao động vừa thu được chùm cá nặng thì cũng là thời điếm kết thúc một ngày lao động mệt nhọc, hăng say.

+ “*Lưới xếp buồm lên*” là hai hình ảnh đối lập. “*Lưới xếp”* là kết thúc của ngày lao động. “*Buồm lên”* là đón chào một ngày mới. Cánh buồm giờ đây không phải vô tri vô giác mà trở nên sống động có hồn. Và ẩn chứa đằng sau cánh buồm ấy là sức sống tiềm tàng mãnh liệt đang trỗi dậy. Cánh buồm đang vươn lên để đón nắng hồng. ***Nắng hồng*** là nắng bình minh của một ngày mới, một ngày trong trẻo, tươi sáng. ***Nắng hồng*** còn là hình ảnh ẩn dụ đặc sắc. Đó là nắng của một ngày mới, một cuộc đời mới mà cách mạng đem lại cho chúng ta.

**3.Đánh giá**

Như vậy, bằng sự kết hợp giữa bút pháp tử thực và bút pháp lãng mạn, các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, các từ ngữ và hình ảnh chọn lọc, đoạn thơ trên đã giúp người đọc cảm nhận được đầy đủ và trọn vẹn một bức tranh thiên nhiên hùng vĩ với sự giàu có hào phóng của thiên nhiên đồng thời khắc họa thành công hình tượng người lao động lớn lao, phi thường. Lời thơ còn cho ta nhận ra ở nhà thơ Huy Cận là tình yêu với thiên nhiên, với đất nước và niềm vui, niềm tin yêu vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng biết bao.

**C. Kết bài**

Có thể nói rằng “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận là một bài thơ độc đáo…..BỔ SUNG ND, NT………….Bài thơ ấy và nhất là đoạn thơ trên đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng của nhà thơ, càng thêm yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước mình. Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “ Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**………………………………………………………………………………..**

**Đề 3. Cảm nhận của em về hai khổ thơ cuối trong bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận.**

Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng,  
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng,  
Vảy bạc đuôi vàng loé rạng đông,  
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.  
  
Câu hát căng buồm với gió khơi,  
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.  
Mặt trời đội biển nhô màu mới  
Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.

**Dàn ý**

**A.Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận**

**Tham khảo(Mở bài này có thể áp dụng cho nhiều đề)**

Có những tác phẩm đọc xong gấp sách lại là ta quên ngay cho đến khi xem lại mới chợt nhớ là mình đã đọc rồi, nhưng cũng có những tác phẩm như dòng chảy qua tâm hồn ta để lại trong ta những ấn tượng trạm khắc trogn tâm khảm. Và “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận cũng là một tác phẩm như thế. Trong bài thơ ấy, ấn tượng với người đọc nhất có lẽ là 2 khổ thơ cuối

(thơ)

**B.Thân bài**

**1.Khái quát về tác phẩm**

**2.Cảm nhận đoạn thơ**

**2.1. Nhắc lại nội dung của những khổ thơ trên**

Ở 5 khổ thơ đầu, bằng các biện pháp tu từ độc đáo, bằng những từ ngữ hình ảnh chọn lọc, các phép liên tưởng đầy thúa Huy Cận đã giúp người đọc hình dung được cảnh đoàn thuyền ra khơi giữa một không gian rộng lớn, huy hoàng, tráng lệ; cảnh đánh cá trên biển kì vĩ lớn lao để từ đó bộc lộ tình yêu, niềm tự hào về quê hương đất nước. Và tình cảm ấy tiếp tục được bộc lộ ở 1 khổ thơ cuối khi nhà thơ miêu tả cảnh đoàn thuyền kéo lưới lên để trở về.

**2.2. Khổ 6**

Sau một đêm lao động hăng say, khi “sao mờ” là lúc đoàn thuyền kéo lưới lên để chuẩn bị về bến:

*Sao mờ kéo lưới kịp trời sáng*

*Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng*  
+ “Sao mờ” là lúc trời gần sáng, mặt trời đang lên. Đó là dấu hiệu báo một ngày mới bắt đầu. Con người đang giành giật với thời gian, chạy đua với thời gian để làm việc và cống hiến. TG trôi càng nhanh, con người lao động càng hăng say. Họ đang khẩn trương để kéo lưới kịp trời sáng. Một cuộc chạy đua âm thầm đang diễn ra giữa con người và thiên nhiên. Con người thì nhỏ bé, thiên nhiên thì lớn lao vậy mà con người dám chạy đua cùng thiên nhiên.

+ 2 câu thơ đã tạo nên bức tượng đài sừng sững của người lao động giữa vùng biển rộng. Hai chữ "*xoăn tay*" giàu chất tạo hình khiến cho người đọc hình dung tư thế của những người lao động. Đó là tư thế chắc khỏe, cường tráng, tư thế của những người đã khẳng định được vị thế của mình trên biển khơi, vị thế của người làm chủ, người chiến thắng. Bóng dáng họ sừng sững giữa biển khơi với bắp tay nổi cuộn, dưới bàn tay ấy là tấm lưới triều nặng.

+ Hình ảnh "chùm *cá nặng*" gợi liên tưởng thú vị: cá rất nhiều, che cả mắt lưới. Đó chính là thành quả lao động mà người ngư dân thu được sau một đêm vất vả.

*Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông*

*Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng*

Lời thơ miêu tả cụ thể màu sắc của thân cá. Sắc màu ấy đã khiến cho cả không gian bừng sáng lên khi sao mờ trăng khuất. Sự pha trộn màu sắc: trắng - vàng trong câu thơ thật hài hòa sinh động. Và khi người lao động vừa thu được chùm cá nặng thì cũng là thời điếm kết thúc một ngày lao động mệt nhọc, hăng say.

+ “*Lưới xếp buồm lên*” là hai hình ảnh đối lập. “*Lưới xếp”* là kết thúc của ngày lao động. “*Buồm lên”* là đón chào một ngày mới. Cánh buồm giờ đây không phải vô tri vô giác mà trở nên sống động có hồn. Và ẩn chứa đằng sau cánh buồm ấy là sức sống tiềm tàng mãnh liệt đang trỗi dậy. Cánh buồm đang vươn lên để đón nắng hồng. ***Nắng hồng*** là nắng bình minh của một ngày mới, một ngày trong trẻo, tươi sáng. ***Nắng hồng*** còn là hình ảnh ẩn dụ đặc sắc. Đó là nắng của một ngày mới, một cuộc đời mới mà cách mạng đem lại cho chúng ta.

**2.3. Khổ 7**

**Và ở khổ thơ cuối, nhà thơ lại miêu tả cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về trong câu hát:**

“Câu hát căng buồm với gió khơi

Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời

Mặt trời dội biển nhô màu mới

Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi”

+ Câu hát ra khơi và câu hát trở về thoạt nghe thì ta tưởng nó cùng là một âm hưởng, cùng là một lối miêu tả. Những nếu đọc kĩ, ta sẽ thấy: câu hát ra khơi là “Câu hát căng buồm cùng gió khơi”, còn câu hát trở về là “Câu hát căng buồm với gió khơi”. Khi viết về câu hát ra khơi, tác giả sử dụng từ “cùng” để gợi cái sự hài hòa giữa ngọn gió và câu hát, từ đó tái hiện một chuyến đi thuận lợi và bình yên Còn khi viết về câu hát trở về, tác giả đã biến đổi từ “cùng” thành từ “với” để gợi niềm vui phơi phới khi họ được trở về trên con thuyền đầy ắp cá. Đó là câu hát của niềm tin vào cuộc sống mới, câu hát của niềm vui trước những thành quả lao động.

- Và ở khổ thơ này hình ảnh đoàn thuyền cũng một lần nữa được tác giả miêu tả thông qua một pháp nhân hóa hết sức độc đáo: “Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”

+Phép nhân hóa đã làm cho đoàn thuyền như trở thành một sinh thể sống để chạy đua với thiên nhiên bằng tốc độ của vũ trụ, nâng tầm vóc của đoàn thuyền, con người sánh ngang với tầm vóc của thiên nhiên. Ko chỉ thế, lời thơ ấy còn gợi tư thế hào hùng, khẩn trương để giành lấy thời gian để lao động. Và trong cuộc chạy đua này, con người đã chiến thắng.

+ Khi “mặt trời dội biển nhô màu mới” thì đoàn thuyền đã về đến bến . Bài thơ được kết thúc bằng một hình ảnh thơ rất đẹp: “Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi”. Câu thơ kết bài vừa mang ý nghĩa tả thực, vừa khiến người đọc liên tưởng tới một tương lai tươi sáng, huy hoàng. Ngày mới bắt đầu – thành quả lao động trải dài muôn dặm phơi – một cuộc đời mới đang sinh sôi, phát triển…

**3.Đánh giá**

Như vậy, bằng sự kết hợp giữa bút pháp tử thực và bút pháp lãng mạn, các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, các từ ngữ và hình ảnh chọn lọc, đoạn thơ trên đã giúp người đọc cảm nhận được đầy đủ và trọn vẹn một bức tranh thiên nhiên hùng vĩ với sự giàu có hào phóng của thiên nhiên đồng thời khắc họa thành công hình tượng người lao động lớn lao, phi thường. Lời thơ còn cho ta nhận ra ở nhà thơ Huy Cận là tình yêu với thiên nhiên, với đất nước và niềm vui, niềm tin yêu vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng biết bao.

**C. Kết bài**

Có thể nói rằng “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận là một bài thơ độc đáo. Bài thơ ấy và nhất là hai khổ thơ cuối đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng của nhà thơ, càng thêm yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước mình. Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “ Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**===========000=============**

**Đề 4: HÌNH ẢNH THIÊN NHIÊN TRONG BÀI THƠ “ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ”**

**A.MB:** ...;…………. **Bài thơ đã cho người đọc cảm nhận được được một cách đầy đủ và trọn vẹn vẻ đẹp của thiên nhiên nhiên vũ trụ mà cụ thể là vùng biển Hạ Long**

**B.TB.**

**1. Khái quát** : Bài thơ “ĐTĐC” được sáng tác năm 1958 nhân một chuyến đi thực tế ở vùng mỏ Quảng Ninh của nhà thơ Huy Cận. Bằng bút pháp tả thực kết hợp bút pháp lãng mạn, các hình ảnh đẹp, tráng lệ, bài thơ đã giúp ta nhận ra sự hoà hợp giữa thiên nhiên và con người lao động đồng thời bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ về quê hương, đất nước.

**2. Vẻ đẹp của thiên nhiên trong bài thơ “ĐTĐC”**

Bài thơ được viết theo mạch cảm xúc, theo trình tự của một chuyến ra khơi. Khi hoàng hôn buông xuống, đoàn thuyền bắt đầu ra khơi rồi đánh cá trong đêm, đến khi trở về cũng là lúc bình minh ló rạng. Và thiên nhiên cũng hiện lên vô cùng đẹp đẽ theo trình tự ấy.

***2.1. Hình ảnh thiên nhiên đẹp tráng lệ, kì vĩ khi hoàng hôn buông xuống nhưng cũng rất đỗi gần gũi thân thương.***

Ngay từ những câu thơ mở đầu, tác giả đã vẽ ra trước mắt người đọc một bức tranh thiên nhiên kì vĩ, huy hoàng, tráng lệ. Miêu tả bức tranh thiên nhiên ấy, Huy Cận đã sử dụng một phép so sánh vô cùng độc đáo:

*“ Mặt trời xuống..... sập cửa”*

Đọc câu thơ mở đầu, người đọc sẽ không khỏi thắc mắc bởi biển VN là biển phía đông, ta chỉ có thể nhìn thấy hình ảnh mặt trời mọc trên biển nhưng ở đây nhà thơ lại viết “mặt trời xuống biển”. Rõ ràng là trong câu thơ này, nhà thơ đã chọn cho mình một điểm nhìn nghệ thuật. Điểm nhìn cấy có thể từ trên một hòn đảo ngoài khơi xa, cũng có thể là trên một con thuyền đang ra khơi bắt cá. Từ điểm nhìn ấy nhìn về đất liền, qua một khoảng biển rộng, nhà thơ có thể thấy được hình ảnh “mặt trời xuống biển”. Và đặt trong hoàn cảnh ra đời của bài thơ thì điểm nhìn nghệ thuật này hẳn là trên một con thuyền. Và nếu như thế thì “ĐTĐC” chính là bài thơ của những con người lao động mà Huy Cận đã nói thay cho tiếng lòng của những người ngư dân.

Ở hai câu thơ đầu, nhà thơ đã so sánh “mặt trời” với “hòn lửa”. Phép so sánh gợi ra một khung cảnh rực rỡ, huy hoàng, tráng lệ. Ánh mặt trời lúc cuối chiều đỏ rực phả xuống mặt biển làm hồng rực cả một vùng biển, vùng trời – một cảnh tượng thật kì vĩ. Xưa nay, thơ viết về cảnh hoàng hôn thường phảng phất một nỗi buồn như Thôi Hiệu viết trong bài “Hoàng Hạc Lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng” chẳng hạn:

*“Quê hương khuất bóng hoàng hôn*

*Trên sông khói sóng cho buồn lòng ai”*

Hay chính Huy Cận trong bài thơ “Tràng giang” trước CM cũng viết

*“ Lòng quê rờn rợn vời con nước*

*Không khói hoàng hôn cũng nhớ nhà”*

Nhưng ở câu thơ đầu trong bài thơ “ĐTĐC” của Huy Cận, ta lại thấy cảnh hoàng hôn hiện lên rất đẹp. Phải chăng lúc này Huy Cận đang vui, vui vì ông lại tìm được nguồn cảm hứng sáng tác sau 10 năm không thể cầm bút, vui vì ngư dân được làm chủ biển trời nên ông nhìn cảnh mới đẹp như vậy. Có lẽ là thế bởi Nguyễn Du cũng đã từng nói với chúng ta rằng *“Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu/ người buồn cảnh có vui đâu bao giờ*”. Cảnh chỉ đẹp khi tâm trạng con người phơi phới niềm vui.

Cùng với phép so sánh, HC còn miêu tả thiên nhiên khi chiều xuống bằng một phép nhân hoá cũng đầy sáng tạo: *“Sóng đã ...cửa*”. Lời thơ với các động từ mạnh ( sập, cài) đã cho ta hình dung được một cảnh tượng thật rộng lớn và đầy bí ẩn. Biển đêm với những con sóng bạc đầu chạy ngang như những chiếc then cài còn màn đêm là cánh cửa đang đóng sập lại. Chỉ với 7 chữ nhưng câu thơ gợi lên trong ta rất nhiều liên tưởng thú vị. Biển đêm vốn bí ẩn, đáng sợ, thậm chí là cuồng nộ nhưng giờ đây cũng trở nên gần gũi, ấm áp, thân thương. Vũ trụ và thiên nhiên bao la lúc này chẳng khác nào một ngôi nhà rộng lớn. còn những người ngư dân chính là các thành viên của gia đình. Thiên nhiên và con người giờ đây vô cùng gần gũi, gắn bó và hoà hợp.

***2.2. Hình ảnh thiên nhiên khi màn đêm buông xuống mang vẻ đẹp giàu có, trù phú và lung linh, thơ mộng.***

Và khi màn đêm buông xuống, cái vẻ đẹp rực rỡ huy hoàng tráng lệ không còn mà thay vào đó là vẻ đẹp của sự giàu có, trù phú, lung linh, huyền ảo. Đêm về, đoàn thuyền hạ lưới giăng câu. Trăng lúc này đã lên cao, rọi xuống mặt biển, in hình trên mặt sóng. Gió thổi, sóng xô, trăng tan ra vỗ vào mạn thuyền gợi lên một cảnh tượng vô cùng đẹp đẽ. Trăng đem đến vẻ đẹp huyền ảo, lung linh cho biển cả. Và vầng trăng ấy dường như cũng đã đem đến chất thơ cho công việc vốn vất vả của những người dân chài lưới, đem đến chất trữ tình, lãng mạn cho bài thơ này.

Miêu tả vẻ đẹp của thiên nhiên, của biển cả tác giả tiếp tục ca ngợi:

*“ Cá nhụ cá chim ..... nước Hạ Long*

Đọc lời thơ ta dễ dàng nhận ra thủ pháp liệt kê được tác giả sử dụng. Nó khiến cho câu thơ giống như một lời ca ngợi về sự giàu đẹp của biển cả quê hương. Lời thơ cho ta hình dung ra được hình ảnh rất nhiều loài cá đang tung tăng bơi lội nhưng đáng chú ý nhất là những chú cá song thân dài, trên thân có những đốm đen hồng. Giữa biển khơi trông chúng hệt như một đoàn rước đèn lộng lẫy. Miêu tả đàn cá song, Huy Cận cất tiếng gọi “em” thật tự nhiên, nhẹ nhàng và trìu mến. BPTT nhân hoá đã làm cho thiên nhiên trở nên sống động và gần gũi hơn với con người. Con người giờ đây không còn nhỏ bé, cô đơn trước trời rộng sông dài mà trở thành bạn của thiên nhiên vũ trụ. Có lẽ vì thế mà nhà thơ nghe được cả tiếng thở của biển đêm:

*“Đêm thở sao lùa nước Hạ Long”*

Lại một lần nữa BPTT nhân hoá được tác giả sử dụng. Đêm về, tiếng gió thổi, tiếng sóng xô, tiếng cá đớp động mặt nước tất cả đã tạo nên nhịp thở của biển. Trăng sao thì in hình trên mặt nước, sóng xô, trăng sao như tan ra hoà vào biển cả làm sáng rực cả một vùng biển, vùng trời. Một cảnh tượng thật kì diệu. HC hẳn phải là một con người tinh tế lắm, có trí tưởng tượng bay bổng lắm mới có được những vần thơ thăng hoa như vậy.

***2.3. Thiên nhiên trong “ĐTĐC” còn rất nhân hậu, ân tình.***

Trong mạch cảm xúc ca ngợi sự giàu có của biển, Huy Cận viết tiếp:

*“Biển cho ta cá như lòng mẹ*

*Nuôi lớn đời ta tự buổi nào”*

Hai câu thơ thật giản dị! Một phép so sánh thôi cũng đủ để ta cảm nhận được trọn vẹn biển hiền hoà, bao dung, gần gũi ra sao. Biển không phải là thiên nhiên vô tri vô giác mà là bạn, là mẹ. Tình mẫu tử luôn là một tình cảm đẹp. So sánh biển với “lòng mẹ” có lẽ Huy Cận vừa muốn ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên hồn hậu lại vừa tỏ lòng biết ơn tới biển cả hiền hòa, bao dung, Con người và thiên nhiên lúc này như hoà vào làm một gắn bó không rời. Câu thơ là tiếng lòng của nhà thơ và cũng chính là tiếng lòng của những người dân lao động, của những ngư dân chài lưới quanh năm gắn bó với biển khơi – một lời cảm tạ chân thành tha thiết

***2.4. Khi bình minh lên, thiên nhiên lại mang một vẻ đẹp tươi sáng rực rỡ đầy hứa hẹn.***

Sau một đêm đánh bắt cá với bao vất vả nhọc nhằn, đoàn thuyền trở về khi “ mặt trời đội biển nhô màu mới”. Thiên nhiên lúc này mang vẻ đẹp tươi sáng, rực rỡ, đấy hứa hẹn :

*“Mặt trời đội biển nhô màu mới*

*Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi”*

Nếu ở những câu thơ mở đầu thiên nhiên là hình ảnh “mặt xuống biển” có ý soi sáng cho đoàn thuỳên ra khơi thì đến đây, “mặt trời đội biển” phải chăng như muốn nâng đoàn thuyền khi về bến? Câu thơ làm cho toàn cảnh thiên nhiên sáng lên với một “màu mới”. Đó là màu của sức sống, của tương lai và hy vọng. Bài thơ khép lại với hình ảnh “mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi” nhưng lại mở ra một khung cảnh lung linh rực rỡ, một cuộc sống hạnh phúc, đủ đầy, ấm no. Thiên nhiên lúc này không chỉ là cảnh mà còn gợi lên trong lòng người đọc biết bao nhiêu cảm xúc. Đó là niềm vui, niềm tự hào về biển trời quê hương, là niềm hy vọng vào một tương lai tươi sáng

**3.Đánh giá.**

Bài thơ “ĐTĐC” của Huy Cận là một bài thơ hay. Trong bài thơ ấy, thong qua các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, các BPTT độc đáo, nhà thơ đã vẽ lên một bức tranh thiên nhiên vừa mang vẻ đẹp rực rỡ, kì vĩ, tráng lệ vừa lung linh huyền ảo lại vừa tươi sáng vô ngần. Và đằng sau bức tranh thiên nhiên ấy, ta nhận ra ở nhà thơ Huy Cận là tài năng quan sát, trí tưởng tượng bay bổng và hơn cả là tình yêu, niềm tự hào, sự trân trọng với biển trời quê hương. Sức lay động của bài thơ một phần được tạo nên từ đó.

**C. Kết bài**

Có thể nói rằng “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận là một bài thơ độc đáo. Bài thơ ấy đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng của nhà thơ, càng thêm yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước mình. Từ hình ảnh của thiên nhiên trong bài thơ, nhà thơ Huy Cận đã gợi nhắc trong chúng ta trách nhiệm của mỗi người đối với việc giữ gìn chủ quyền biển đảo. Chúng ta cần hiểu rằng biển VN, đảo VN là bất khả xâm phạm. Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “ Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**=========000=============**

**Đề 5:**

**VẺ ĐẸP CỦA CON NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG BÀI THƠ “ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ”**

**A.MB:** .... **Bài thơ đã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của những con người lao động mới trong thời kì đi lên xây dựng CNXH.**

**B.TB**

**1. Khái quát: ( đề trước)**

**2. Vẻ đẹp của những con người lao động.**

***2.1. Họ là những con người có tinh thần lạc quan, yêu đời, yêu cuộc sống***

Bài thơ được viết theo mạch cảm xúc, theo trình tự của một chuyến ra khơi. Khi hoàng hôn buông xuống, đoàn thuyền bắt đầu ra khơi rồi đánh cá trong đêm, đến khi trở về cũng là lúc bình minh ló rạng. Và trong suốt hành trình ấy ta nhận ra ở những người lao động, những ngư dân chài lưới là tinh thần lạc quan, yêu đời, yêu cuộc sống, là niềm vui và tâm hồn lãng mạn.

+ Họ ra khơi, đánh bắt cá trên biển và cả khi trở về **luôn có câu hát đi cùng**. Câu hát đã hoà cùng với gió nâng cánh buồm đẩy con thuyền thẳng tiến ra khơi rồi cũng câu hát ấy lại gọi cá vào lưới. Ta không rõ họ hát những gì, những bài hát cụ thể ra sao nhưng có thể chắc chắn một điều rằng mỗi lời ca tiếng hát ấy là một lời ngợi ca cuộc sống mới, ngợi ca vẻ đẹp và sự giàu có, trù phú của biển. Chính tiếng hát của họ đã góp thêm chút thi vị, lãng mạn cho công việc vốn cực nhọc vất vả vô cùng. Và đằng sau những âm điệu khỏe khoắn, hào hung ấy hẳn phải là một tinh thần lạc quan, yêu đời, yêu cuộc sống, là niềm vui, niềm tự hào về cuộc sống mới về biển cả quê hương.

***2.2. Họ luôn hăng say lao động, làm chủ thiên nhiên. Đoàn thuyền ra khơi chẳng khác nào một đoàn thám hiểm.***

Không chỉ lạc quan yêu đời, yêu cuộc sống, ở những người lao động mới ta còn nhận ra tinh thần lao động hăng say và tư thế làm chủ thiên nhiên, làm chủ biển cả.Họ ra khơi đánh cá mà chẳng khác nào một đoàn thám hiểm đi tìm kiếm những vùng đất mới, chẳng khác nào một đội quân đang tổ chức đánh trận.

*“Thuyền ta lái gió với buồm trăng*

*Lướt giữa mây cao với biển bằng*

*Ra đậu dặm xa dò bụng biển*

*Dàn đan thế trận lưới vây giăng”*

+ Lời thơ gợi cho ta thật nhiều liên tưởng thú vị. Đoàn thuềyn ra khơi có gió làm bánh lái, trăng làm cánh buồm. Gió trăng đã nâng con thuyền lên một tầm cao mới với một tốc độ đặc biệt. Thuyền lướt nhanh, lướt cao trên từng con sóng, lúc naỳ biển nước và mây trời như vào làm một. Con thuyền, con người vốn nhỏ bé trước thiên nhiên, biển cả nay trở lên lớn lao kì vĩ lạ thường. Ta còn nhớ trong bài thơ”Tràng giang” của HC trước CMT8, lúc ấy con người đứng trước cảnh trời rộng sông dài thì thấy nhỏ bé cô đơn lắm. Nhìn đâu cũng thấy thấy những ảo não, u buồn. Nhưng ở bài thơ này, con người đã thực sự đứng ở tư thế làm chủ - làm chủ thiên nhiên, làm chủ cuộc đời, làm chủ đất nước.

+ Ở hai câu thơ tiếp theo nhà thơ miêu tả cảnh đoàn thuyền đánh cá

*“ Ra đậu dặm xa dò bụng biển*

*Dàn đan thế trận lưới vây giăng”*

Công việc của những người dân chài giống như một cuộc đánh trận, một cuộc đấu với thiên nhiên bằng cả trí tuệ và kinh nghiệm nghề nghiệp của mình. Nhịp thơ lúc này có vẻ nhanh hơn, điều đó giúp ta thấy đượcnhịp điệu khẩn trương trong lao động của những con người mới. Những ngư dân chài lưới có lúc như một nhà thám hiểm khám phá những vùng đất mới, có lúc lại như đang tổ chức đánh trận. Mật trận sản xuất lúc này cũng cam go chẳng kém mặt trận chiến đấu nơi chiến trường.

***2.3. Họ sống nặng ân tình***

Đối với những người dân chài lưới thì biển giống như cuộc đời của họ. Có khi thời gian đánh bắt trên biển còn nhiều hơn những ngày tháng ở nhà, Họ sống được là nhờ có biển. Hiểu được điều đó Huy Cận đã viết:

*“Biển cho ta cá như long mẹ*

*Nuôi lớn đời ta tự buổi nào”*

Chỉ với một phép so sánh, tác giả đã giúp ta nhận ra sự hiển hoà, bao dung gần gũi của biển. Biển không chỉ là bạn mà còn là mẹ “nuôi lớn đời ta tự buổi nào”. Con người và biển cả lúc này như hoà vào làm một gắn bó không rời. Biển đã cung cấp cho ta biết bao tài nguyên, khoáng sản. Lòng biển bao la sâu thẳm như lòng mẹ nhân từ. Biển cho ta rất nhiều như bà mẹ nhân hậu, bao dung, đã nuôi lớn biết bao thế hệ trong âm thầm, trong lặng lẽ. Câu thơ chính là tiếng lòng của nhà thơ và cũng là những lời cảm tạ của những người dân chài lưới với biển cả. Họ hiểu rằng biển đã mang lại cho họ cả cuộc đời. Cuộc đời ấy có thể lam lũ vất vả nhưng cũng có không ít những tin yêu. Lời thơ có sự đồng điệu với câu thơ của Tế Hanh trong bài thơ “  
Quê hương”

*“Nhờ ơn trời biển lặng cá đầy ghe*

*Những con cá tươi ngon than bạc trắng”*

Bao giờ cũng vậy những người dân chài lưới, những con người lao động dù mộc mạc, chất phác, giản dị nhưng họ luôn sống nặng ân tình.

***2.4. Hình ảnh người lao động hiện lên rõ nét hơn ở những khổ thơ cuối***

Trong cả bài thơ này, hình ảnh những người lao động không được miêu tả cụ thể, ta chỉ thấy bong dáng của họ khi nhà thơ miêu tả cảnh kéo lưới lên

*“Sao mờ kéo lưới kịp trời sang*

*Ta kéo xoăn tay chum cá nặng”*

Cách dùng từ của Huy Cận thật độc đáo. Chỉ với một chữ “kịp” tác giả đã diễn tả được đầy đủ cái không khí lao động khẩn trương hối hả để chạy đua với thời gian, với cuộc sống. Nó giúp ta liên tưởng đến cuộc chạy đua trong lao động sản xuất của những con người lao động để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Và trong cuộc chạy đua ấy, hình ảnh người dân chài cũng hiện lên thật đẹp. Bằng bút pháp tả thực, những từ ngữ giàu giá trị gợi tả, câu thơ “Ta kéo... nặng” đã cho ta cảm nhận được vẻ đẹp khoẻ khắn, rắn rỏi, vạm vỡ của những người dân chài. Đó không chỉ là vẻ đẹp của sức mạnh cơ bắp mà còn là sức mạnh tinh thần, sức mạnh của ý chí, nghị lực và niềm tin

**3. Đánh giá**

Như vậy bằng các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, các BPTT độc đáo, bài thơ “ĐTĐC” của HC đã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của những con người lao động trong thời kì xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Họ là những người luôn lạc quan yêu đời, luôn hăng say lao động, sống ân nghĩa thuỷ chung cùng với sức mạnh tinh thần vô cùng mạnh mẽ. Và đằng sau những vần thơ ấy, ta nhận ra ở nhà thơ Huy Cận là tình yêu, niềm tự hào về cuộc sống mới và về những con người mới – những người lao động đang ra sức dựng xây chủ nghĩa xã hội. Sức lay động của bài thơ một phần được tạo nên từ đó.

**C. Kết bài**

- Đánh giá chung về bài thơ

- Bài thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

Có thể nói rằng “Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận là một bài thơ độc đáo. Bài thơ ấy đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng của nhà thơ, càng thêm yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước mình. Từ hình ảnh của những con người lao động trong bài thơ, nhà thơ Huy Cận đã đem đến cho chúng ta những bài học vô cùng sâu sắc. ĐÓ là bài học về tinh thần lạc quan, về niềm hăng say lao động, ... Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “ Đoàn thuyền đánh cá” của Huy Cận vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**====================000==================**

**BẾP LỬA – BẰNG VIỆT**

**Đề 1. Cảm nhận của em về đoạn thơ sau**

Một bếp lửa chờn vờn sương sớm  
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm  
Cháu thương bà biết mấy nắng mưa!  
  
Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói  
Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi,  
Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy,  
Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu  
Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay!  
  
Tám năm ròng, cháu cùng bà nhóm lửa  
Tu hú kêu trên những cánh đồng xa  
Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà?  
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế.  
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!  
Mẹ cùng cha công tác bận không về,  
Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe,  
Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học,  
Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc,  
Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà,  
Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?

**Dàn ý:**

**A.Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận**

**Tham khảo:**

Trong cuộc sống, con người ta luôn có lúc gặp phải những gian lao, trắc trở. Chính trong những năm tháng khó khăn, gian khổ ấy, chúng ta sẽ nhận ra được những giá trị tinh thần vô cùng thiêng liêng và đáng quý. Những giá trị ấy, những kỉ niệm ấy sẽ tạo nên sức mạnh nâng đỡ bước chân ta trong suốt cuộc đời dài. Bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt đã soi sáng chân lí giản đơn ấy. Hình ảnh “bếp lửa” đã khơi nguồn hồi tưởng của tác giả những năm tháng sống bên bà, cùng bà nhóm lên ngọn lửa nồng ấm của tuổi thơ, để người đọc biết bao thế hệ cùng rung cảm với một bản trường ca về tình bà cháu. Trong bài thơ ấy, ấn tượng với người đọc nhất có lẽ là 4 khổ thơ đầu

**B.Thân bài**

**1. Khái quát hoàn cảnh ra đời, nội dung và nghệ thuật của bài thơ**

**Tham khảo:**

Bài thơ “Bếp lửa” được sáng tác năm 1963, khi tác giả 19 tuổi và đang học ngành Luật ở Liên Xô. Tác phẩm viết theo thể thơ tự do và được đưa vào tập thơ “Hương cây – Bếp lửa”, tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ. Bằng sự kết hợp hài hòa giữa biểu cảm với tự sự, miêu tả và nghị luận, bài thơ đã xây dựng hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà và là điểm tựa khơi gợi mọi cảm xúc và suy nghĩ về tình bà cháu.

**2. Cảm nhận đoạn thơ**

**2.1. Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn dòng kỉ niệm**

Bài thơ được bắt đầu bằng hình ảnh bếp lửa- một hình ảnh rất đỗi quen thuộc, bình dị ở mỗi làng quê Việt Nam:

*Một bếp lửa chờn vờn sương sớm  
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm  
Cháu thương bà biết mấy nắng mưa!*

Ba tiếng ***“****một bếp lửa****”*** láy đi láy lại, trở thành điệp khúc da diết ngay từ những dòng thơ đầu tiên. Bếp lửa được nhóm lên vào buổi sáng sớm, rung rinh, mờ tỏ. Hình ảnh ấy gợi cái ấm áp giữa *“chờn vờn s-ương sớm*”, gợi cái thân thương với biết bao *“ấp iu nồng đượm”.* Hai chữ *“chờn vờn”* giúp ta hình dungđược ngọn lửa bập bùng, lay động, khi tỏ khi mờ; từ láy *“ấp iu”* không chỉ diễn tả thật chính xác công việc nhóm lửa mà còn gợi liên tưởng tới đôi bàn tay kiên trì, khéo léo và tấm lòng ấm áp, đôn hậu của người nhóm lửa.

Từ hình ảnh bếp lửa, rất tự nhiên, dòng hồi tưởng về bà chợt ùa về:

*“Cháu thương bà biết mấy nắng* *mưa”*.

Khổ thơ đầu kết thúc trong cảm xúc của người cháu. Cảm xúc ấy bật ra bằng một chữ *“thương*”, nó lan toả trongcâu thơ và thấm sâu vào lòng người đọc. Cả bài thơ có hai chữ “*thương*”, Bằng Việt đã dành trọn để “*thương bà*” (*Cháu thương bà biết mấy nắng* *mưa, Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc*). *“Biết mấy nắng mưa”*, chỉ 4 chữ đã gợi ra hình ảnh của bà với bao lo toan, vất vả, lặng lẽ, âm thầm. Người cháu hiếuthảo cũng đôi lần nhắc lại: “*Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*” - nỗi vất vả nhọc nhằn của bà trở thành nỗi ám ảnh day dứt khôn nguôi trong lòng cháu suốt đời. Hình ảnh người bà hiện lên trong tâm trí tác giả rất nhẹ nhàng, sâu lắng, mỗi lúc một rõ ràng và trở thành hình ảnh trung tâm trong các khổ thơ tiếp theo.

**2.2.Kỉ nhiệm về những năm tháng sống bên bà**

**\*Kỉ niệm về nạn đói năm 1945**

Theo dòng hồi tưởng ấy, Bằng Việt trở về với những năm tháng tuổi thơ thiếu thốn, nhọc nhằn ám đầy mùi khói :

*Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói  
Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi,  
Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy,  
Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu  
Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay!*

5 câu thơ gợi lại cả một tuổi thơ nhọc nhằn, gian khổ. Tuổi thơ ấy có bóng đen ghê rợn của nạn đói khủng khiếp năm 1945. Bởi vậy, gây ấn tượng mạnh mẽ với cháu là cái đói, cái nghèo. Cái đói dai dẳng và mòn mỏi khắp chốn thôn quê. Thành ngữ *“đói mòn đói mỏi”* và cách diễn đạt bằng hình ảnh đầy ấn tượng *“khô rạc ngựa gầy”* vừa phản ánh chân thực cuộcsống, vừa gợi những xúc cảm thật sâu sắc và đậm nétcủa người trong cuộc. Song ấn tượng và khó quên hơn cả lại là mùi khói bếp:

*Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu*

*Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay*.

*“Khói hun nhèm mắt”* là khói từ củi ướt cay xè từ bếp lửa nhà nghèo. Nhà thơ đã lựa chọn được mộtchi tiết sát thực để vừa miêu tả được chân thực cuộc sống tuổi thơ, vừa diễn tả được những xúc động bâng khuâng, da diết: *“Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay”.* “*Còn cay*” là còn nguyên nỗi xúc động. Cảm xúc hiện tại và kỉ niệm năm xưa đồng hiện, hoà lẫn vào nhau. Hai dòng thơ rất thực mà tràn ngập cảm xúc. Thơ Bằng Việt có sức truyền cảm mạnh mẽ nhờ ở những chi tiết, ngôn từ giản dị mà chân thực. Cái “bếp lửa” kỉ niệm của ông mới chỉ khơi lên, thoang thoảng mùi khói, mờ mờ sắc khói mà đã đầy ắp những hình ảnh hiện thực, thấm đẫm bao tình nghĩa sâu nặng.

**\*Kỉ niệm về 8 năm sống cùng bà và âm thanh tiếng chim tu hú**

Và như một thước phim quay chậm, những kỉ niệm gắn liền với hình ảnh người bà ùa về :

Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa  
Tu hú kêu trên những cánh đồng xa  
Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà  
Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế  
Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế !

Giặc đói chưa qua thì giặc ngoại xâm tràn tới. Gia đình li tán “*Mẹ cùng cha công tác bận không về*”, cháu lại gắn bó cùng bà. *“Tám năm ròng”* con số không lớn, nhng ngày tháng sao kéo dài nặng nề, ròng rã thế! Vì *“Những ngày ở Huế”* ấy, cuộc sống gia đình thật quạnh vắng, chỉ có hai bà cháu cặm cụi bên nhau, nhóm lửa mỗi sớm, mỗi chiều trong tiếng tu hú kêu da diết. Nếu trong hồi ức xa là *“mùi khói*”, thì ở đây, ấn tượng khắc chạm trong tâm khảm người cháu chính là tiếng chim tu hú ấy. Mười một câu thơ mà âm vang tới 5 lần tiếng kêu của loài chim lẻ loi ấy. Lúc vẳng vẳng, mơ hồ từ *“những cánh đồng xa”*, lúc gần gũi, giục giã *“sao mà tha thiết thế”****,*** lúc gióng giả, dồn dập *“kêu hoài”****,*** lúc khắc khoải như than thở, sẻ chia....

Tiếng chim tu hú gợi ra cả một không gian trống vắng, khơi sâu thêm cái cảm giác quạnh vắng, cô đơn. Trên cái nền hoang tàn vì khói lửa chiến tranh, giữa cái âm thanh khắc khoải bồn chồn của tiếng chim tu hú, hai bà cháu nương tựa vào nhau để duy trì cuộc sống. Thương con tu hú bơ vơ mới càng thêm thấm thía cái ơn được bà yêu thương, chắm chút, đùm bọc. Giọng thơ thủ thỉ như giọng kể của một câu chuyện cổ tích. Đưa âm thanh đồng nội ấy vào trong thơ, thi sĩ Bằng Việt quả có một tâm hồn gắn bó sâu nặng với quê hương, xứ sở. Trong những cung bậc khác nhau của tiếng chim tu hú, tình cảm của người cháu mỗi lúc một thiết tha và hình ảnh người bà dần hiện rõ:

*Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe*

*Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học*

Bên bếp lửa hồng, bà đã thay thế vai trò người mẹ. Bà “kể chuyện”, chuyện đời thực ngày nay, chuyện cổ tích ngày xa... Rồi *“bà bảo cháu nghe, bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học*”. Từng việc, từng việc, nhỏ nhẹ, âm thầm. Các câu thơ ngắn, liệt kê diễn tả một cách sâu sắc tấm lòng yêu thương, chăm chút, tỉ mỉ, ân cần mà bà đã dành cho cháu, nuôi cháu lớn khôn, soi sáng trí tuệ và tâm hồn của cháu. Sống trong tình yêu thương, chở che của bà, cháu ơn bà biết bao, nên những dòng thơ cứ bật ra thật tự nhiên mà cảm động: *“thương bà khó nhọc*”.

*Tu hú ơi chẳng đến ở cùng bà*

*Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa*

Nghệ thuật nhân hoá khiến lời thơ thành lời gọi tâm tình. Ẩn sau lời trách cứ nhẹ nhàng ấy là bao nỗi nhớ thương. Bây giờ là thương bà cô đơn, quạnh vắng...

**3,Đánh giá: NT+ ND**

Như vậy, bằng biện pháp tu từ điệp ngữ và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, bốn khổ thơ đầu của bài thơ đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn tình bà cháu thiêng liêng sâu đậm. Từ hình ảnh một bếp lửa, nhà thơ nhớ về bà và những kỉ niệm sống bên bà để từ đó bộc lộ niềm yêu thương, sự thấu hiểu, lòng biết ơn đến người bà của mình và cũng là với quê hương đất nước. Tình cảm cao đẹp ấy thật đáng trân trọng.

**C. Kết bài**

Có thể nói rằng “Bếp lửa” của Bằng Việt là một bài thơ độc đáo. …BỔ SUNG NỘI DUNG NGHỆ THUẬT………..Bài thơ ấy và nhất là ba khổ thơ đầu đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng của nhà thơ, càng thêm yêu mến, trân trọng những năm tháng tuổi thơ của mình, trân trọng gia đình và quê hương đất nước. Và có lẽ chính vì thế mà sau hơn nửa thế kỉ, “ Bếp lửa” của Bằng Việt vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

===============000================

**Đề 2**

**Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:**

*Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi  
Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi  
Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh  
Vẫn vững lòng, bà dặn cháu đinh ninh:  
“Bố ở chiến khu, bố còn việc bố,  
Mày có viết thư chớ kể này kể nọ,  
Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”  
  
Rồi sớm rồi chiều, lại bếp lửa bà nhen,  
Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn,  
Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...*

**Dàn ý:**

**A.Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận**

**Tham khảo:**

Trong cuộc sống, con người ta luôn có lúc gặp phải những gian lao, trắc trở. Chính trong những năm tháng khó khăn, gian khổ ấy, chúng ta sẽ nhận ra được những giá trị tinh thần vô cùng thiêng liêng và đáng quý. Những giá trị ấy, những kỉ niệm ấy sẽ tạo nên sức mạnh nâng đỡ bước chân ta trong suốt cuộc đời dài. Bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt đã soi sáng chân lí giản đơn ấy. Hình ảnh “bếp lửa” đã khơi nguồn hồi tưởng của tác giả những năm tháng sống bên bà, cùng bà nhóm lên ngọn lửa nồng ấm của tuổi thơ, để người đọc biết bao thế hệ cùng rung cảm với một bản trường ca về tình bà cháu. Trong bài thơ ấy, ấn tượng với người đọc nhất có lẽ là khổ thơ thứ 4 và thứ 5 của tác phẩm

**B.Thân bài**

**1. Khái quát hoàn cảnh ra đời, nội dung và nghệ thuật của bài thơ**

**Tham khảo:**

. Bài thơ “Bếp lửa” được sáng tác năm 1963, khi tác giả 19 tuổi và đang học ngành Luật ở Liên Xô. Tác phẩm viết theo thể thơ tự do và được đưa vào tập thơ “Hương cây – Bếp lửa”, tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ. Bằng sự kết hợp hài hòa giữa biểu cảm với tự sự, miêu tả và nghị luận, bài thơ đã xây dựng hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà và là điểm tựa khơi gợi mọi cảm xúc và suy nghĩ về tình bà cháu.

**2. Cảm nhận đoạn thơ**

**2.1. Nhắc lại nội dung của phần trước**

**Tham khảo:**

Ở 4 khổ thơ đầu, bằng biện pháp tu từ điệp ngữ và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, BV đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn tình bà cháu thiêng liêng sâu đậm. Từ hình ảnh một bếp lửa, nhà thơ nhớ về bà và những kỉ niệm sống bên bà để từ đó bộc lộ niềm yêu thương, sự thấu hiểu, lòng biết ơn đến người bà của mình và cũng là với quê hương đất nước. Và tình cảm ấy tiếp tục được bộc lộ ở khổ thơ tiếp theo.

**2.2. Kỉ niệm về những năm chiến tranh tàn phá**

*Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi  
Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi  
Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh  
Vẫn vững lòng, bà dặn cháu đinh ninh :  
“Bố ở chiến khu, bố còn việc bố,  
Mày có viết thư chớ kể này, kể nọ,   
Cứ bảo nhà vẫn được bình yên !”*

+ Chiến tranh đã gây ra bao đau thương, mất mát, tàn phá khắp mọi nơi trên đất nước ta, cướp đi của con người tất cả mọi thứ. Chính chiến tranh đã gây nên bi kịch của tình cha con trong “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng, khơi dậy những vần thơ vang tiếng căm thù của những nhà thơ cách mạng… Nhưng với Bằng Việt, cũng từ đó mà ông mới cảm nhận được vẻ đẹp trong góc khuất của tâm hồn bà.

+ Câu thơ với động từ “cháy” được lặp lại, từ ghép “tàn rụi” được tách ra khiến hiện thực thời chiến không chỉ lấp đầy câu thơ mà còn tràn ngập khắp không gian ký ức. Trong từ láy “lầm lụi” hiện lên dáng hình của những con người phải chịu đau thương, mất mát, làm cả câu thơ như trĩu xuống.

+ Và nổi bật lên là hình ảnh người bà với một sức sống mãnh liệt và nghị lực bền bỉ. Từ láy “đinh ninh” diễn tả một điều gì đó chắc chắn từ trong tâm khảm, một lời nói nhẹ nhàng mà vẫn mạnh mẽ, trái ngược hẳn với quang cảnh “lầm lụi” xung quanh. Dẫu túp lều tranh đã bị đốt rụi, nơi nương thân của hai bà cháu không con, bà vẫn đứng vững, chống chọi với tất cả nghịch cảnh để dắt cháu vượt qua khó khăn. Chính từ sự “vững lòng” ấy mà người đọc cảm nhận được góc khuất trong tâm hồn bà, nơi ẩn giấu lòng yêu nước và tấm lòng hy sinh của người phụ nữ ấy.

+ Lời bà dặn cháu thật nôm na nhưng vô cùng chân thực và cảm động – hậu phương có gian khổ, thiếu thốn, nhớ nhung, mất mát,… cách mấy vẫn phải giấu đi, nén lại trong lòng cho tiền tuyến được an lòng. Bà không chỉ thương con thương cháu mà còn vô cùng ân cần, chu đáo, hiểu được tâm trạng của người con đang đi chiến đấu.

+ Tác giả - và cũng là đứa cháu – đã thật tinh tế và nhạy cảm khi thể hiện được hạt ngọc ẩn kín trong tâm hồn người bà. Bà không còn là của riêng Bằng Việt nữa mà đã hòa cùng vào biết bao người phụ nữ Việt Nam khác, những con người cần mẫn, giàu đức hy sinh, là chỗ dựa tinh thần lớn lao cho tiền tuyến, góp một phần vô cùng quan trọng vào chiến thắng chung của nhân dân. Mạnh mẽ là vậy nhưng trong hình ảnh bà vẫn có cái hồn giản dị, tự nhiên vốn có.

+ Trong suốt cả bài thơ, chỉ có ở ba câu thơ cuối khổ bốn người đọc mới được tiếp xúc trực tiếp với bà. Với cách nói bình dị, mộc mạc (“kể này, kể nọ”, “cứ bảo”…), bà hiện lên thật gần gũi, thân thương, khiến ta có cảm giác như được nghe tiếng nói của chính bà mình vậy. Ngay cả cái cách bà gọi cháu là “mày” cũng thể hiện một sự thương yêu, trìu mến vô bờ, một cách gọi vô cùng dân dã.

=>Những câu thơ không cầu kì, gọt giữa hay có nghệ thuật đặc biệt gì cả, chỉ giản dị đến chân thành như lời nói của bà. Nhưng từ đó, tấm lòng người bà ấy hiện lên mênh mông như biển cả, lặng sóng thôi nhưng bát ngát tình thương con thương cháu và sâu thẳm với một nghị lực vô cùng bền vững.

**2.3. Hình ảnh bếp lửa chuyển thành ngọn lửa tinh thần**

Vì sao mà tấm lòng người bà chứa đựng được biết bao điều như vậy ? Vì trong tấm lòng đó luôn âm ỉ một ngọn lửa tinh thần:

*Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen  
Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn  
Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng…*

+ “Rồi sớm rồi chiều” ẩn chứa cả một dòng thời gian âm ỉ, dai dẳng mang theo cả cuộc đời bà, mang theo bao tâm tình của đứa cháu phương xa.

+ Từ hình ảnh bếp lửa cụ thể, tác giả đã nâng lên thành “ngọn lửa” mang ý nghĩa khái quát, tượng trưng. “Bếp lửa” với những ấm áp, giản dị của tình cảm gia đình, của tình bà cháu đã bùng lên thành “ngọn lửa” của niềm tin và sức sống cho các thế hệ mai sau. Hình ảnh ấy được lặp lại hai lần trong điệp từ “một ngọn lửa” càng khẳng định đó chính là cội nguồn của bao yêu thương, của những tần tảo hy sinh nơi bà. Trong hình ảnh “lòng bà luôn ủ sẵn”, người đọc cảm nhận được một ngọn lửa không bao giờ tắt qua năm tháng, một ngọn lửa bất diệt từ trong chính trái tim bà.

+ Lời thơ thủ thỉ, dịu êm mà sao tiếng lòng của thi sĩ như có sức mạnh thần kì làm người đọc thấy trong tim mình như có lửa bùng lên. Từ láy “dai dẳng” như càng tiếp thêm cho sự bền bỉ, lan tỏa của hình ảnh ấy. Đến nỗi tới bây giờ “ngọn lửa chứa niềm tin ấy” vẫn còn cháy trong cháu, mang theo bao cảm xúc không thể nói hết được mà phải dùng đến một dấu chấm lửng, để lại bao suy ngẫm trong lòng độc giả. Bà không để lại cho con cháu những giá trị vật chất thông thường mà là một điều quý giá hơn gấp bội : ngọn lửa của sự sống. Khái quát lên, bà là hiện thân cho vẻ đẹp thiêng liêng của người giữ lửa, truyền lửa.

**3.Đánh giá lại nội dung và nghệ thuật của cả đoạn**

Có thể nói rằng qua đoạn thơ trên, bằng việc sáng tạo nhiều hình ảnh mang ý nghĩa biểu tượng, đặc biệt là hình ảnh ngọn lửa; thể thơ tám chữ phù hợp với cảm xúc hồi tưởng và suy ngẫm; Bằng Việt đã để lại trong người đọc chúng ta tình bà cháu vô cùng cao đẹp. Tình cảm ấy là sự khởi đầu của tình yêu thương con người, tình yêu đất nước. Ngọn lửa của tình bà theo suốt những năm tháng cuộc đời nhà thơ, nuôi dưỡng, ấp ủ, chở che, mang đến cho cháu nghị lực.Ngọn lửa ấy sưởi ấm tấm lòng nhà thơ cũng như mỗi người đọc chúng ta.  
**C. Kết bài**

- Đánh giá chung về đoạn thơ

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

Có thể nói rằng “Bếp lửa” của Bằng Việt là một bài thơ độc đáo. Bài thơ ấy và nhất là đoạn thơ trên đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng của nhà thơ, càng thêm yêu mến, trân trọng những năm tháng tuổi thơ của mình, trân trọng gia đình và quê hương đất nước. Và có lẽ chính vì thế mà sau hơn nửa thế kỉ, “ Bếp lửa” của Bằng Việt vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

================000================

**Đề 3. Cảm nhận của em về tình bà cháu trong đoạn thơ sau:**

*Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa  
Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ  
Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm  
Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm,  
Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi,  
Nhóm niềm xôi gạo mới, sẻ chung vui,  
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ...  
Ôi kỳ lạ và thiêng liêng – bếp lửa!  
  
Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu,  
Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả,  
Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở:  
- Sớm mai này, bà nhóm bếp lên chưa?...*

**A.Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận**

**Tham khảo:**

Trong cuộc sống, con người ta luôn có lúc gặp phải những gian lao, trắc trở. Chính trong những năm tháng khó khăn, gian khổ ấy, chúng ta sẽ nhận ra được những giá trị tinh thần vô cùng thiêng liêng và đáng quý. Những giá trị ấy, những kỉ niệm ấy sẽ tạo nên sức mạnh nâng đỡ bước chân ta trong suốt cuộc đời dài. Bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt đã soi sáng chân lí giản đơn ấy. Hình ảnh “bếp lửa” đã khơi nguồn hồi tưởng của tác giả những năm tháng sống bên bà, cùng bà nhóm lên ngọn lửa nồng ấm của tuổi thơ, để người đọc biết bao thế hệ cùng rung cảm với một bản trường ca về tình bà cháu. Trong bài thơ ấy, ấn tượng với người đọc nhất có lẽ là 4 khổ thơ đầu

**B.Thân bài**

**1. Khái quát hoàn cảnh ra đời, nội dung và nghệ thuật của bài thơ**

**Tham khảo:**

Bài thơ “Bếp lửa” được sáng tác năm 1963, khi tác giả 19 tuổi và đang học ngành Luật ở Liên Xô. Tác phẩm viết theo thể thơ tự do và được đưa vào tập thơ “Hương cây – Bếp lửa”, tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ. Bằng sự kết hợp hài hòa giữa biểu cảm với tự sự, miêu tả và nghị luận, bài thơ đã xây dựng hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà và là điểm tựa khơi gợi mọi cảm xúc và suy nghĩ về tình bà cháu.

**2. Cảm nhận về tình bà cháu trong đoạn thơ**

**2.1. Nhắc lại nội dung của những khổ thơ đầu**

Ở những khổ thơ đầu, BV đã đưa người đọc đến với những kỉ niệm của ông trong những năm tháng sống bên bà để từ đó bộc lộ tình cảm yêu thương, thấu hiểu cho những vất vả nhọc nhằn mà bà phải trải qua đồng thời bộc lộ lòng biết ơn bởi những gì mà bà đã làm cho cháu. Và tình cảm ấy tiếp tục được bộc lộ ở khổ thơ thứ 6 khi nhà thơ bộc bạch những suy ngẫm về cuộc đời của bà.

**2.2. Từ những suy nghĩ về bà, cháu bộc lộ tình yêu thương và biết ơn bà vô hạn**

*Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa  
Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ  
Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm  
Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm  
Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi  
Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui  
Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ*

+ Chất biểu cảm trữ tình vẫn còn nhưng đã dòng suy tưởng đã nhuốm màu nghị luận. “Lận đận” - từ láy gợi hình với hai thanh trắc đã diễn tả cả cuộc đời vất vả của bà, kết hợp với “biết mấy nắng mưa” - ẩn dụ để chỉ những thăng trầm của cuộc sống càng làm đậm thêm sự hy sinh cần mẫn của bà. Trải qua tất cả những khó khăn, thách thức ấy, hình ảnh bà vẫn chưa bao giờ tách rời với bếp lửa.

+ “Mấy chục năm rồi”, lời thơ kể mà như đếm, gợi lên cả một tuổi thanh xuân, cả một đời người thức khuya dậy sớm gắn liền với khói bếp cay nồng. Ấy vậy mà trong “thói quen dậy sớm” ta cảm nhận được sự tần tảo, đức hy sinh vẫn nguyên vẹn như thuở nào.

+ “Nhóm”, “nhóm”, “nhóm”, “nhóm” – điệp ngữ ấy ngân lên, lan tỏa và khơi dậy biết bao yêu thương, biết bao rung cảm và xúc động trong lòng người đọc. Mỗi hình ảnh liệt kê trong mỗi câu thơ là cả một dòng suy ngẫm gợi lên trong cả tác giả lẫn độc giả. “Bếp lửa ấp iu nồng đượm” ở khổ một nay được lặp lại làm mạch cảm xúc được nối liền, ngân vang như một lời khẳng định về sự cần mẫn, khéo léo của bà. Chính tấm lòng nồng ấm đó đã “nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi” nuôi cháu trong những lúc thiếu thốn. Để từ đó, bà nhắc cháu rằng không bao giờ được quên những năm tháng nghĩa tình chia nhau từng củ khoai, củ sắn cho đỡ đói lòng.

+ Những năm tháng mà hai bà cháu sống trong sự đùm bọc, san sẻ cùng xóm làng với “nồi xôi gạo mới sẻ chung vui”. Câu thơ như một lời răn dạy cháu hãy luôn sống chan hòa và biết nghĩ đến mọi người, đừng ích kỉ cho riêng mình. Chính những bài học thầm lặng và gắn liền với cuộc sống ấy đã rọi vào tâm hồn người cháu và thắp sáng những ước mơ, khát vọng.

+ Chính vì vậy mà tác giả đã thốt lên rằng “Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ” ?

-> Bà không chỉ thấu hiểu cháu mà còn là tấm gương cho cháu noi theo. Ký ức tuổi thơ tuy không rõ ràng nhưng vẫn ghi dấu từng hình ảnh cụ thể “khoai sắn”, “xôi gạo” và tượng trưng “yêu thương”, “tâm tình” đan xen, quấn quít vào nhau giữa cuộc sống đời thường và giá trị tinh thần. Bà thì nhóm lửa còn Bằng Việt thì nhóm lên biết bao hoài niệm, khơi dậy bao đợt sóng yêu thương trong lòng người đọc. Hình ảnh người bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa, truyền niềm tin và sức sống cho người cháu. Người bà ấy giản dị nhưng lại có một sức mạnh kì diệu. Suốt dọc bài thơ, mười lần xuất hiện hình ảnh bếp lửa là mười lần tác giả nhắc tới bà – người phụ nữ Việt Nam giàu đức hi sinh

+ Để rồi từ đó nhà thơ thốt lên trong bao nhung nhớ và trân trọng :

*Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa !*

+ Câu thơ với từ cảm thán “ôi” như chất chứa, dồn nén biết bao điều. Trong đó là sức mạnh “kì lạ” đã nhóm dậy cả một chân trời kỉ niệm, cả một tuổi thơ, cả một tâm hồn. Trong đó là sự “thiêng liêng” nhà thơ đã trân trọng gìn giữ trong tim nơi đất khách quê người. Ngay cả dấu gạch ngang cũng là một dấu lặng đầy nghệ thuật, là sự im lặng rất lạ, rất riêng giữa các từ, chứa đựng bao cảm xúc không thể diễn tả hết. Hãy lắng nghe sự im lặng đó để cảm nhận một lần nữa sự “kì lạ và thiêng liêng” kia, để thấu được tiếng lòng thi sĩ dội lại trong đó. Dấu gạch ấy như khoảng lặng trong bản nhạc để làm nền cho hai tiếng “bếp lửa” ngân lên diễn tả bao tâm tình, bao sự kính trọng và ngưỡng mộ đối với bà. Đến đây, ta mới thực sự cảm nhận được toàn bộ vẻ đẹp của hình ảnh “bếp lửa”. Hình ảnh ấy cùng chất trữ tình kết hợp với bình luận đã trở thành cái nền hoàn hảo để mở ra dòng suy ngẫm của cả tác giả lẫn độc giả về cuộc đời tần tảo và nghĩa tình của bà.

2.3.Khi đi xa cháu không nguôi nhớ về bà

Để giờ đây, khi đang ở cách xa bà hàng nghìn dặm, Bằng Việt vẫn luôn hướng lòng mình về người bà yêu thương :

*Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu  
Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả  
Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở :  
- Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa ?...*

+ Ở nước Nga xa xôi lạnh giá, bếp ga, bếp điện đã thay thế bếp củi nhem nhuốc khói, nhưng hình ảnh người bà và bếp lửa sớm mai vẫn đọng lại mãi trong tâm trí cháu. Bút pháp liệt kê và phép lặp cấu trúc “có…trăm…” đã vẽ nên một chân trời bao la rộng lớn với biết bao điều vui tươi, mới mẻ. Thế nhưng cuộc sống hiện đại ấy vẫn không thể làm cháu nguôi đi nỗi nhớ đau đáu, thường trực về bà, một nỗi nhớ tới mức “chẳng lúc nào quên nhắc nhở”.

+ Hồ Cẩm Sa từng thốt lên những câu thơ đồng cảm với Bằng Việt :

“Cuộc đời tuy chất vật

Nhưng tâm hồn thảnh thơi

Bởi bóng bà luôn tỏa

Che đời cháu, bà ơi !”.

+ Người bà nói riêng hay người phụ nữ trong gia đình nói riêng luôn gắn với những gì gần gũi, thân thiết nhất. Họ giữ cho nhịp sống của tổ ấm được duy trì, là nơi bình yên cuối cùng để ta trở về sau những thăng trầm của cuộc đời. Trong dáng hình bình khiêm nhường quá đỗi ấy ẩn giấu một trái tim lớn đầy lòng nhân ái, để họ trở thành hiện thân của gia đình, quê hương, đất nước.

+ Nay ở nơi đất khách quê người, những câu thơ như hát ra từ ngọn lửa ấm nóng năm xưa của bà càng gợi nhắc để người đọc thấm thía điều đó. Niềm kính yêu và trân trọng đối với bà đã trở thành sự gắn bó với gia đình, tình yêu và nỗi nhớ quê hương, đất nước cũng như lòng biết ơn của Bằng Việt đối với cội nguồn che chở nơi ấy. Để mỗi ngày, mỗi giờ lòng ông đều vang lên một câu hỏi : “ Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa ?”. “Bếp lửa” đã thực sự trở thành kỉ niệm ấm lòng, thành niềm tin thiêng liêng kì diệu theo nhà thơ suốt cả cuộc đời.

**3.Đánh giá**

Như vậy, bằng biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, hai khổ thơ cuối của bài thơ “Bếp lửa” đã giúp ngươuif đọc cảm nhận được trọn vẹn những suy nghĩ của cháu về cuộc đời bà để từ đó bộc lộ nỗi nhớ thương bà da diết. Đọc những vẫn thơ ấy, ta nhận ra ở nhà thơ Bằng Việt là tình yêu thương, sự thấu hiểu và lòng biết ơn vô tận của nhà thơ đối với bà và cũng là đối với quê hương đất nước. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng biết bao.

**C. Kết bài**

- Đánh giá chung về đoạn thơ

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

Có thể nói rằng “Bếp lửa” của Bằng Việt là một bài thơ độc đáo. Bài thơ ấy và nhất là hai khổ thơ cuối đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng của nhà thơ, càng thêm yêu mến, trân trọng những năm tháng tuổi thơ của mình, trân trọng gia đình và quê hương đất nước. Và có lẽ chính vì thế mà sau hơn nửa thế kỉ, “ Bếp lửa” của Bằng Việt vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**………………………………………………………………………**

**Đề 4. Cảm nhận của em về hình ảnh người bà trong bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt**

**A.Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận**

**Tham khảo:**

Trong cuộc sống, con người ta luôn có lúc gặp phải những gian lao, trắc trở. Chính trong những năm tháng khó khăn, gian khổ ấy, chúng ta sẽ nhận ra được những giá trị tinh thần vô cùng thiêng liêng và đáng quý. Những giá trị ấy, những kỉ niệm ấy sẽ tạo nên sức mạnh nâng đỡ bước chân ta trong suốt cuộc đời dài. Bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt đã soi sáng chân lí giản đơn ấy. Hình ảnh “bếp lửa” đã khơi nguồn hồi tưởng của tác giả những năm tháng sống bên bà, cùng bà nhóm lên ngọn lửa nồng ấm của tuổi thơ, để người đọc biết bao thế hệ cùng rung cảm với một bản trường ca về tình bà cháu. Đọc bài thơ ấy, người đọc không khỏi ấn tượng với hình ảnh người bà- một người phụ nữ tảo tần, chịu khó, giàu tình yêu thương và giàu đức hi sinh.

**B.Thân bài**

**1. Khái quát hoàn cảnh ra đời, nội dung và nghệ thuật của bài thơ**

**Tham khảo:**

Bài thơ “Bếp lửa” được sáng tác năm 1963, khi tác giả 19 tuổi và đang học ngành Luật ở Liên Xô. Tác phẩm viết theo thể thơ tự do và được đưa vào tập thơ “Hương cây – Bếp lửa”, tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ. Bằng sự kết hợp hài hòa giữa biểu cảm với tự sự, miêu tả và nghị luận, bài thơ đã xây dựng hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà và là điểm tựa khơi gợi mọi cảm xúc và suy nghĩ về tình bà cháu.

**2. Hìn ảnh người bà**

**\*LĐ1**: ***Là người chịu thương chịu khó, tần tảo hi sinh***

- Tuy giờ đây được sống trong điều kiện vật chất đầy đủ với tiện nghi hiện đại, nhưng mỗi lần nhớ về bếp lửa, cháu lại nhớ về bà - người bà với cuộc đời biết bao vất vả, lam lũ.

*Cháu thương bà biết mấy nắng mưa.*

- Cụm từ "*biết mấy nắng mưa*" diễn tả vòng tuần hoàn khép kín của thời gian. Tình cảm mà cháu giành cho bà vượt qua thời gian, qua năm tháng. Hình ảnh "*nắng mưa*" là ẩn dụ đặc sắc cho cuộc đời lận đận lắm đắng cay, cơ cực của bà.

- Kí ức còn đưa nhà thơ trở về với nạn đói rùng rợn năm 1945. Cái đói chỉ là cái cớ để tác giả gợi nhớ về một tuổi thơ nhiều đắng cay cơ cực, thiếu thốn về vật chất nhưng không thiếu thốn nghĩa tình. Vượt lên trên gian khổ, thiếu thốn, vượt lên trên cái "*đói mòn đói mỏi*", với sự chịu thương chịu khó, tần tảo lam lũ, bà đã cùng mọi người vượt qua những năm tháng cơ cực ấy.

- Sự tần tảo và đức hy sinh chăm lo cho người của bà được tác giả thể hiện trong một chi tiết rất tiêu biểu

*“Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*

*Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ*

*Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm*

*Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi*

*Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui*

*Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ”.*

+ Cuộc đời bà là một cuộc đời đầy gian truân, vất vả, nhiều lận đận, trải qua nhiều nắng mưa tưởng như không bao giờ dứt. Hình ảnh của bà cũng là hình ảnh của bao người phụ nữ Việt Nam giàu đức hy sinh dù gian truân vất vả vẫn sáng lên tình yêu thương.

**\* LĐ 2**: ***Bà là người phụ nữ nông thôn thuần hậu nhưng có bản lĩnh vững vàng, là chỗ dựa tinh thần cho con cháu.***

- Tuy chỉ là một người phụ nữ nông thôn thuần phác, thật thà nhưng ẩn đằng sau đó là sự kiên cường, bản lĩnh vững vàng, là sức sống mãnh liệt, dẻo dai. Bà đã giúp mọi người trong gia đình vượt qua nạn đói 1945 để đến bây giờ mỗi khi nghĩ lại cháu vẫn thấy “*sống mũi còn cay*”. Nhớ về bà, cháu nhớ về những năm mà thực dân Pháp chiếm đóng. Hiện thực đau thương như được tái hiện lên qua từng câu chữ:

*Năm giặc đốt nhà cháy tàn cháy rụi*

*Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi*

*Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh*

- Trong gian khổ khó khăn, bà vẫn không gục ngã. Bà vẫn "*vững lòng*" dặn cháu:

*Mày có viết thư chớ kể này kể nọ*

*Cứ bảo ở nhà vẫn được bình yên*

- Qua lời bà dặn cháu ta thấy được tâm hồn thật đẹp. Bà là người **lo lắng, yêu thương con cháu, nhân hậu và giàu đức hi sinh**. Bà muốn con được yên tâm công tác nên đã một mình vượt qua tất cả những khó khăn nơi quê nhà.

- Như vậy ta thấy rằng, dẫu chiến tranh tàn phá, đau khổ chồng chất cũng không thể thay đổi ý chí, niềm tin của bà. Bà là **hiện thân đầy đủ nhất, sinh động nhất** cho hậu phương lớn. Bà chính là **điểm tựa, chỗ dựa tinh thần** cho con cháu:

*Rồi sớm chiều bếp lửa bà nhen*

*Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn*

*Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng*

- Chính bà đã nhóm lên ngọn lửa - ngọn lửa của tình yêu thương, niềm tin bất diệt. Bởi đó là ngọn lửa - trái tim, tình cảm và tâm hồn bà. Bà đã truyền cho cháu nghị lực, niềm tin một cách tự nhiên như người truyền lửa cho thế hệ sau. Một ngọn lửa thổi bùng lên mơ ước, khát vọng về ngày mới thanh bình.

**\* LĐ3**: ***Bà là người yêu thương, chăm sóc và dạy cháu lên người. Bà đã nhóm lên trong cháu tình yêu thương, mơ ước và khát vọng về tương lai***

- Trong những năm đói khổ tuổi thơ của tác giả vẫn luôn tươi sáng bởi bên nhà thơ luôn có bà. Nhà thơ luôn nhận được tình yêu thương, sự chăm sóc của bà. Đó là thời gian:

*Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe*

*Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học*

- Bố mẹ đi công tác, cháu sống trong sự yêu thương, đùm bọc, chăm sóc của bà. Bà đã thay con nuôi cháu khôn lớn trưởng thành..

- Cấu trúc song hành góp phần khẳng định vai trò của bà với cuộc đời cháu. Đồng thời còn nói lên tình yêu thương vô bờ mà bà đã dành cho đứa cháu bé bỏng. Không chỉ chăm sóc, nuôi nấng, dạy dỗ cháu khôn lớn trưởng thành mà bà còn là người nâng đỡ, chắp cánh ước mơ cho cháu. Nếu cơm gạo của bà nuôi lớn cháu về thể xác thì tình yêu thương của bà nuôi lớn cháu về tinh thần, vể ý chi, nghị lực niềm tin. Để rồi, mỗi khi nhớ về bà, cháu lại nhớ về hình ảnh:

*Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi*

*Nhóm nồi xôi gạo mới sẽ chung vui*

*Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ*

- Cũng chính bàn tay bà đã nhóm lên bếp lửa với khoai sắn ngọt bùi, với nồi xôi gạo mới làm ấm lòng cháu những ngày đông tháng giá. Và cũng chính là bà đã thổi bùng lên trong cháu ngọn lửa của tình yêu thương, khát vọng và ước mơ. Bà đã trở thành người bạn lớn, chia sẻ tâm tình. Cháu khôn lớn và trưởng thành như ngày hôm nay phần lớn là nhờ công lao chăm sóc, dạy dỗ của bà. Hình ảnh bà và bếp lửa đã trở thành kí ức thiêng liêng nâng đỡ cháu trên suốt chặng đường đời.

***3.Đánh giá***

- “Bếp lửa” là bài thơ cảm động viết về tình bà cháu. Qua lời thơ dung dị của BV ta thấy hiển hiện hình ảnh một người bà thật đẹp – người bà Việt Nam.

- Phải là người yêu bà sâu sắc và mãnh liệt mới có thể tạo nên những dòng thơ chân thành, chứa chan tình cảm dành cho bà đến như vậy.

**C. Kết bài**

- Đánh giá chung về bài thơ thơ

- Bài thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

Có thể nói rằng “Bếp lửa” của Bằng Việt là một bài thơ độc đáo……..BỔ SUNG NỘI DUNG NGHỆ THUẬT…………….. Bài thơ ấy đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng của nhà thơ, càng thêm yêu mến, trân trọng những năm tháng tuổi thơ của mình, trân trọng gia đình và quê hương đất nước. Từ hình ảnh người bà trong bài thơ, Bằng Việt đã đem đến cho ngườ đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về lòng yêu nước, về đức hi sinh và về sự kiên cường, mạnh mẽ vượt lên trên mọi khó khăn gian khổ. Và có lẽ chính vì thế mà sau hơn nửa thế kỉ, “ Bếp lửa” của Bằng Việt vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**ÁNH TRĂNG – NGUYỄN DUY**

**ĐỀ 1. Cảm nhận của em về những khổ thơ sau:**

Hồi nhỏ sống với đồng  
với sông rồi với biển  
hồi chiến tranh ở rừng  
vầng trăng thành tri kỷ  
  
Trần trụi với thiên nhiên  
hồn nhiên như cây cỏ  
ngỡ không bao giờ quên  
cái vầng trăng tình nghĩa

**Dàn ý:**

**A.Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận**

**Tham khảo**

Có những tác phẩm đọc xong gấp sách lại là ta quên ngay cho đến khi xem lại mới chợt nhớ là mình đã đọc rồi, nhưng cũng có những tác phẩm như dòng chảy qua tâm hồn ta để lại trong ta những ấn tượng trạm khắc trogn tâm khảm. Và “Ánh trăng ” của Nguyễn Duy cũng là một tác phẩm như thế. Trong bài thơ ấy, ấn tượng với người đọc nhất có lẽ là 2 khổ thơ đầu.

**B.Thân bài**

**1.Khái quát về tác phẩm**

**Bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy được sang tác năm 1978 – 3 năm sau ngày đất nước giành được độc lập. Khi đó nhà thơ đang sống và làm việc ở** thành phố Hồ Chí Minh - nơi đô thị của cuộc sống tiện nghi hiện đại, nơi nhiều người lính trở về sau khi kết thúc những năm tháng chiến tranh gian khổ nhưng đầy ý nghĩa. Bài thơ là một lời nhắc nhở của tác giả với người đọc về đạo lí sống “Uống nước nhớ nguồn”, về lẽ sống thủy chung tình nghĩa.

**2.Cảm nhận đoạn thơ**

**2.1. Khổ 1**

Mở đầu bài thơ là dòng hồi tưởng của nhân vật trữ tình về những năm tháng tuổi thơ, tuổi trẻ:  
*”Hồi nhỏ sống với đồng  
với sông rồi với bể  
hồi chiến tranh ở rừng  
vầng trăng thành tri kỉ”* + Trong khổ thơ này, tác giả có nhắc đến hai thời điểm của cuộc đời người lính. “Hồi nhỏ” là biểu thị thời gian trong quá khứ, cho những năm tháng tuổi thơ hồn nhiên trong sáng của cuộc đời mỗi con người. Khi ấy con người đã có những phút giây sống chan hòa với thiên nhiên.

+ Các hình ảnh lớn dần “đồng, sông, bể” mang nhiều ý nghĩa đặc biệt khác nha nhưng tất cả đều là thiên nhiên hồn hậu, bình dị. Cánh đồng lúa, hay cỏ hoa, lúc nào cũng ngập tràn nắng gió, ngập tràn những tâm tư dịu dàng, ngập tràn cái thanh bình, hạnh phúc. “Sông” dạt dào chảy, nước sông trong vắt “soi tóc những hàng tre”, soi bóng cả cái tâm hồn ngây thơ, đong đầy biết bao ước mơ trẻ nhỏ. “Bể” hiền hậu nhưng cũng vô cùng dữ dội, mang theo bao con sóng vỗ bờ, mang theo bao hoài bão của tuổi hồng mộng mơ.

+ Và “đồng, sông, bể” đã gắn bó với nhân vật trữ tình, một cách thắm thiết, như người bạn thuở ấu thơ thân thương gần gũi. Điệp từ “với” được lặp lại ba lần càng tô đậm thêm sự kết nối con người với những tươi đẹp tuổi thơ, với vầng trăng dung dị của quá khứ.

-Thế rồi những đứa bé ấy cũng dần lớn lên, trưởng thành và tham gia vào quân ngũ. Ở nơi chiến trường, anh luôn có trăng làm bạn:   
*”hồi chiến tranh ở rừng  
vầng trăng thành tri kỉ”*

+ Nhà thơ không nhắc đến những khó khăn, gian khổ mà người lính phải trải qua nhưng hai chữ “ở rừng” đã cho người đọc hình dung được một cách đầy đủ và trọn vẹn những tối tăm, gian khổ trong những ngày tham gia quân ngũ. Nhưng dù có khó khăn, tăm tối thì người lính vẫn vượt qua được vì họ luôn có tinh thần lạc quan và hơn cả là luôn có ánh trăng làm người bạn đồng hành. + Biện pháp nhân hóa đã được tác giả sử dụng để biến trăng thành “tri kỷ”, thành người bạn chí cốt lúc nào cũng hiểu hết về nhau. Hành quân giữa đêm, trên những nẻo đường chông gai ra mặt trận, những phiên gác giữa rừng khuya lạnh lẽo, những tối nằm yên giấc dưới màn trời đen đặc, người lính đều có vầng trăng bên cạnh. Trăng ở bên, bầu bạn, cùng cảm nhận cái giá buốt nơi “Rừng hoang sương muối” cùng trải qua bao gian khổ của cuộc sống chiến đấu, cùng chia ngọt sẻ bùi, đồng cam cộng khổ; cùng hân hoan trong niềm vui thắng trận, cung xao xuyến, bốn chồn, khắc khoải mỗi khi người lính nhớ nhà, nhớ quê. Vầng trăng vẫn tròn đầy dù trải qua bao mưa bom bão đạn, vẫn sáng trong dù đã trải qua thời gian khó khăn nhất, tối tăm nhất.   
”Trần trụi với thiên nhiên  
hồn nhiên như cây cỏ”  
 Vầng trăng ngày ấy mới đẹp làm sao! Phép liên tưởng đầy tính nghệ thuật “trần trụi với thiên nhiên” cho ta thấy rõ hơn vẻ đôn hậu hiền hòa của ánh trăng. Đó cũng chính là hình ảnh con người lúc bây giờ: không giả tạo, giả dối, không lọc lừa nhỏ nhen, không có những toan tính thiệt hơn, những đố kị ghen ghét. Trong sáng vô tư như tuổi thơ, chân thành và thật thà như nhiệt huyết sục sôi của người lính trẻ\_ cách so sánh trăng với vẻ hồn nhiên như cây cỏ của nhà thơ Nguyễn Duy đã đem lại cho ta ấn tượng đó về ánh trăng quá khứ. “Cây cỏ”\_những sự vật tưởng chừng vô tri giác nhưng lại mang một hàm ý lớn lao: cây cỏ tạo ra dưỡng khí giúp ích cho đời, sống cuộc sống hồn nhiên, không chen lấn giành giật với đời, không nghi kị xảo trá mà tự nhiên, chan hòa với mọi người mọi vật. Vầng trăng của ngày ấy thật tự nhiên, không giấu, không che đậy, gần gũi hoang sơ như dáng vóc mộc mạc của người lính, tỏa sáng vằng vặc, đẹp đến nỗi nhân vật trữ tính – người lính đã phải nói rằng:  
*ngỡ không bao giờ quên  
cái vầng trăng tình nghĩa*+ Từ “ngỡ” ở đây không dưng lại làm ta hình dung rõ cái mầm mống, cái dự báo của sự lãng quên. Lãng quên cái vầng trăng tròn ắp đầy tình nghĩa, hoang sơ mộc mạc như cây cỏ, chân chất đôn hậu như người chiến sĩ đã trải lòng mình ra với thiên nhiên.   
+ Đoạn thơ cũng diễn tả một cách rõ nét những nỗi đau trong lòng con người: Lúc nào cũng nghĩ là mình sẽ nhớ, cũng khăng khăng sẽ khắc sâu vào tâm tưởng nhưng rồi tự bao giờ, ta đã không thể cùng ánh trăng tình nghĩa kia đi trọn kiếp người được nữa. Bởi vì nó đã bị ta bỏ lại đằng sau, cùng với những kỉ niệm đáng nhớ của một thời xưa cũ ấy\_ ta đã quên. Ý thơ lay động tâm hồn, thức tỉnh lương tâm những kẻ vô tình, gợi nhắc về cái “vầng trăng tình nghĩa”, về biểu tượng đẹp của một thời quá khứ hào hùng.

**3,Đánh giá: NT+ ND**

Như vậy, bằng biện pháp tu từ điệp ngữ, so sánh, nhân hóa và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, hai khổ thơ đầu của bài thơ đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn ý nghĩa của hình ảnh vầng trăng trong quá khứ. Trong quá khứ, trăng ko chỉ là thiên nhiên hồn hậu,trữ tình mà còn là người bạn của tuổi thơ, là tri kỉ của người lính trong những năm tháng chiến tranh gian khổ. Vầng trăng ấy đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc đời của nhân vật trữ tình mà chính anh cũng nghĩ rằng không bao giờ quên được. Mỗi vần thơ của Nguyễn Duy được cất lên, ta lại cảm nhận được sự trân trọn của ông dành cho thiên nhiên nghĩa tình, cho quá khứ vẹn nguyên đẹp đẽ. Tình cảm cao đẹp ấy thật đáng trân trọng.

**C. Kết bài**

- Đánh giá chung về đoạn thơ

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

Có thể nói rằng “Ánh trăng” của Nguyễn Duy là một bài thơ độc đáo. Bài thơ ấy đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng của nhà thơ, càng thêm yêu mến, trân trọng những năm tháng tuổi thơ của mình, trân trọng gia đình và quê hương đất nước. Từ sự đa nghĩa của hình ảnh vaanfd trăng trong bài thơ, Nguyễn Duy đã đem đến cho ngườ đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về tình yêu thien nhiên, về đạo lí sống uống nước nhớ nguồn, về lẽ sống thủy chung tình nghĩa. Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “ Ánh trăng” của Nguyễn Duy vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**======================000========================**

**Đề 2**

**Cảm nhận của em về đoạn thơ sau:**

*Từ hồi về thành phố  
quen ánh điện cửa gương  
vầng trăng đi qua ngõ  
như người dưng qua đường  
  
Thình lình đèn điện tắt  
phòng buyn-đinh tối om  
vội bật tung cửa sổ  
đột ngột vầng trăng tròn  
  
Ngửa mặt lên nhìn mặt  
có cái gì rưng rưng  
như là đồng là bể  
như là sông là rừng*

**Dàn ý:**

**A.Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận**

**Tham khảo**

Có những tác phẩm đọc xong gấp sách lại là ta quên ngay cho đến khi xem lại mới chợt nhớ là mình đã đọc rồi, nhưng cũng có những tác phẩm như dòng chảy qua tâm hồn ta để lại trong ta những ấn tượng trạm khắc trogn tâm khảm. Và “Ánh trăng ” của Nguyễn Duy cũng là một tác phẩm như thế. Trong bài thơ ấy, ấn tượng với người đọc nhất có lẽ là những khổ thơ cuối.

**B.Thân bài**

**1.Khái quát về tác phẩm**

**2.Cảm nhận đoạn thơ**

**2.1. Nhắc lại nội dung ở hai khổ thơ đầu**

Ở hai khổ thơ đầu, bằng biện pháp tu từ điệp ngữ, so sánh, nhân hóa và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, tác giả đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn ý nghĩa của hình ảnh vầng trăng trong quá khứ. Trong quá khứ, trăng ko chỉ là thiên nhiên hồn hậu,trữ tình mà còn là người bạn của tuổi thơ, là tri kỉ của người lính trong những năm tháng chiến tranh gian khổ. Vầng trăng ấy đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc đời của nhân vật trữ tình mà chính anh cũng nghĩ rằng không bao giờ quên được.

**2.2. Khổ 3: Người lính đã quên đi tất cả.**

- Ấy thế mà khi cuộc chiến vừa kết thúc, áo chưa hết mùi khói đạn thậm chí vết thương cũng chưa lành thì những người lính năm xưa đã vội quên đi tất cả:

”Từ hồi về thành phố  
quen ánh điện, cửa gương  
vầng trăng đi qua ngõ  
như người dưng qua đường”  
+ Câu thơ đột ngột quay trở về thực tại, dứt khỏi khoảng không kí ức của nhân vật trữ tình. Ở cái thực tại không xa ấy, nhân vật trữ tình bắt đầu quen với những thuận lợi vật chất, những “ánh điện cửa gương” bóng loáng giả tạo.

+ Hình ảnh ẩn dụ đối lập giữa “vầng trăng tình nghĩa” mộc mạc, hiền hòa với “ánh điện cửa gương” tuy có sáng hơn ánh trăng thật, nhưng thứ ánh sáng nhân tạo đó không thể nào bằng được cái ánh sáng nghĩa tình mà trăng đem lại.

+ Biện pháp liệt kê “ánh điện, cửa gương” như cũng đồng thời liệt kê ra cái tiện nghi đủ đầy vật chất xuất hiện trong đời sống người lính, bên cạnh những bộn bề lo toan của cuộc sống thường ngày. Và mới thật bạc bẽo làm sao, cái đủ đầy vật chất, cái ngổn ngang bận bịu của sự đời đã lấn át đi nhu cầu đủ đầy về mặt tinh thần, về tình cảm son sắt từng một thời được coi như máu thịt của người lính.

+ Vầng trăng bây giờ đối với anh lính năm xưa giờ chỉ là dĩ vãng, dĩ vãng nhạt nhòa của quãng thời gian xa xôi nào đó. Cái bóng của sự xa hoa đã che lấp đi “vầng trăng tình nghĩa”, vòng xoay của thời gian đã thay đổi cả bản chất, tâm hồn con người. Để rồi giờ đây, khi mà anh lính năm xưa bị che mắt bởi những phồn vinh thành thị, người đã không thể thấy được sự hiện diện của trăng, dù trăng vẫn đều đặn “đi qua ngõ”. Trăng vẫn tồn tại, vẫn thủy chung, tròn đầy, sáng vằng vặc, không thay đổi nhưng thật đau xót làm sao, lòng người đã lại đổi thay\_ không còn đủ sáng để hòa nhịp tâm hồn cùng trăng, không còn đủ yêu thương để gắn bó với những ân tình quá khứ.

+ Đối với người lính lúc này, trăng chẳng khác gì “người dưng qua đường”, hờ hững, lạnh nhạt, không đáng để bận tâm. Trăng được nhân hóa, đi qua ngõ mà như người dưng. Một hình ảnh đối lập tinh tế mang nặng màu chua xót: “vầng trăng thành tri kỉ” – “như người dưng qua đường”. Một sự đổi thay quá là phù phàng của con người. Tình cảm là thứ dễ bị chia lìa đến thế sao, lòng người dễ dàng phôi pha chỉ bởi những phù phiếm vật chất đến thế sao?

+ Thông qua khổ thơ này, Nguyễn Du muốn khẳng định một hiện thực xã hội có tính chất quy luật: Khi người ta được sống trong đủ đầy thì người ta thương quên đi những năm tháng quá khứ khó khăn gian khổ.

**2.3. Khổ 4: Tình huống bất ngờ xảy ra đưa nhân vật trữ tình trở về với quá khứ**

Thế rồi một tình huống bất ngờ xảy ra đã đưa nhân vật trở vê với quá khứ. Đó là tình huống thành phố đột ngột mất điện:  
*“Thình lình đèn điện tắt  
phòng buyn-đinh tối om  
vội bật tung cửa sổ  
đột ngột vầng trăng tròn”*+ Mất điện. Cả căn phòng “tối om”. Không còn chút ánh sáng nào cạnh bên, nhân vật trữ tình bèn theo phản xạ tự nhiên mà “bật tung cửa sổ”, và cái mà người lính nhìn thấy, cảm nhận thấy đầu tiên không phải là ngọn gió mát rượi hay ngọn đèn đường rọi vào phòng mà là vầng trăng\_ vầng trăng tròn như những nghĩa tình thủy chung không phai nhòa theo thời gian\_ xuất hiện một cách “đột ngột”.

+ Các từ ngữ “thình lình, vội, bật tung, đột ngột” gợi tả cảm xúc mạnh mẽ, bất ngờ của con người. Ánh trăng tròn hiện lên sừng sững giữa bầu trời đen đặc kia đâu phải chỉ lúc “đèn điện tắt” mới có? Trăng vẫn luôn ở đó, vẫn luôn mang tấm lòng trọn vẹn thủy chung với người, nhưng chính sự vô tâm lạnh lùng đã ngăn cản nhân vật trữ tình để ý đến trăng, nhìn thấy trăng.

+ “Bật tung cửa sổ” là một hình ảnh gợi nhiều liên tưởng trong lòng bạn đọc.Cái cửa sổ ấy có lẽ không chỉ đơn thuần là cửa sổ bình thường, mà là cái cửa sổ của lạnh nhạt che khuất tâm hồn người lính, là rào cản đưa lòng người rời xa tình cảm quá khứ, là bức tường vốn đang từng ngày đưa tâm hồn con người vào bóng tối của sự hững hờ, bạc bẽo, tách dần khỏi ánh sáng nghĩa tình của vầng trăng yêu thương. Đến khi người lính vội vàng “bật tung cửa sổ”, không còn gì ngăn cách, không còn một ranh giới rào cản nào nữa, người chiến sĩ xưa mới nhận ra trăng, một cách thình lình và đột ngột, như không hề ngờ tới, không hề nghĩ tới.

+ Trăng vẫn tròn như những nghĩa tình vẫn đầy ắp không sứt mẻ, vẫn hiện diện bên cạnh nhân vật trữ tình như thuở ấu thơ, như thời chiến đấu; nhưng người đã không còn nhớ gì cả để rồi khi gặp mặt, người lính cảm thấy ngỡ ngàng tột độ.

**2.4.Khổ 5- Cảm xúc khi gặp lại vầng trăng**

Và khi người lính gặp lại vầng trăng năm xưa thì mọi quá khứ lại ùa về như một thước phim quay chậm:  
*“Ngửa mặt lên nhìn mặt  
có cái gì rưng rưng  
như là đồng là bể  
như là sông là rừng”*+ Vần thơ có cái gì đó khiến lòng người cảm động. Hai từ “mặt” trong cùng một dòng thơ: mặt người và mặt trăng, mặt đối mặt, lòng đối lòng. Bao cảm xúc bên trong nhân vật trữ tình lúc này cũng như cánh cửa sổ “bật tung” ra, trào dâng đến nỗi như “có cái gì rưng rưng”. Rưng rưng của những niềm thương nỗi nhớ, của những lãng quên lạnh nhạt với người bạn cố tri; của một lương tri đang thức tỉnh sau những ngày đắm chìm trong cõi u mê mộng mị; rưng rưng của nỗi ân hận ăn năn về thái độ của chính mình trong suốt thời gian qua. Một chút áy náy, một chút tiếc nuối, một chút xót xa đau lòng, tất cả đã làm nên cái “rưng rưng”, cái thổn thức trong sâu thẳm trái tim người lính.

+ Và trong phút giây nhân vật trữ tình nhìn thẳng vào trăng\_ biểu tượng đẹp đẽ của một thời xa vắng, nhìn thẳng vào tâm hồn của mình, bao kỉ niệm chợt ùa về chiếm trọn tâm tư. Kí ức về quãng đời ấu thơ trong sáng, về lúc chiến tranh máu lửa, về cái ngày xưa hồn hậu hiện lên rõ dần theo dòng cảm nhận trào dâng, “như là đồng là bể, như là sông là rừng”. Đồng, bể, sông, rừng, những hình ảnh gắn bó nơi khoảng trời kỉ niệm.

+ Cấu trúc song hành của hai câu thơ, nhịp điệu dồn dập cùng biện pháp tu từ so sánh, điệp ngữ và liệt kê như muốn khắc họa rõ hơn kí ức về thời gian gắn bó chan hòa với thiên nhiên, với vầng trăng lớn lao sâu nặng, nghĩa tình, tri kỉ. Chính thứ ánh sáng dung dị đôn hậu đó của trăng đã chiếu tỏ nhiều kỉ niệm thân thương, đánh thức bao tâm tình vốn tưởng chừng ngủ quên trong góc tối tâm hồn người lính.

+ Với chất thơ mộc mạc chân thành như vầng trăng hiền hòa, ngôn ngữ hàm súc, giàu tính biểu cảm như “có cái gì rưng rưng”, đoạn thơ đã đánh động tình cảm nơi người đọc. Đọc bốn câu thơ, ta thấy thương thay cho trăng và tiếc thay cho người chiến sĩ.

**3,Đánh giá: NT+ ND**

Như vậy, bằng biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh, nhân hóa, điệp ngữ và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, ba khổ thơ trên đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn ý nghĩa của hình ảnh vầng trăng trong hiện tại. Khi cuộc sống đủ đầy, người lính đã quên đi tất cả kể cả vầng trăng mà anh đã từng nghĩ rằng mình sẽ không thể nào quên được. Đọc những lời thơ ấy, người đọc nhận ra ở nhà thơ Nguyễn Duy là một nỗi niềm trăn trở, là cảm xúc khó tả nghẹn ngào, là sự trân trọng đặc biệt dành cho những năm tháng quá khứ gian lao mà có những lúc chính nhà thơ cũng đã từng quên đi.

**C. Kết bài**

- Đánh giá chung về đoạn thơ

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

Có thể nói rằng “Ánh trăng” của Nguyễn Duy là một bài thơ độc đáo. Bài thơ ấy và nhất là đoạn thơ trên đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng của nhà thơ, càng thêm yêu mến, trân trọng những năm tháng tuổi thơ của mình, trân trọng gia đình và quê hương đất nước. Từ sự đa nghĩa của hình ảnh vần trăng trong bài thơ, Nguyễn Duy đã đem đến cho ngườ đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về tình yêu thien nhiên, về đạo lí sống uống nước nhớ nguồn, về lẽ sống thủy chung tình nghĩa. Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “ Ánh trăng” của Nguyễn Duy vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**=================000================**

**Đề 3. Cảm nhận về chiều sâu suy ngẫm trong bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy thông qua đoạn thơ sau:**

*Ngửa mặt lên nhìn mặt  
có cái gì rưng rưng  
như là đồng là bể  
như là sông là rừng  
  
Trăng cứ tròn vành vạnh  
kể chi người vô tình  
ánh trăng im phăng phắc  
đủ cho ta giật mình*

**Dàn ý:**

**A.Mở bài: Giới thiệu vấn đề nghị luận**

**Tham khảo**

Có những tác phẩm đọc xong gấp sách lại là ta quên ngay cho đến khi xem lại mới chợt nhớ là mình đã đọc rồi, nhưng cũng có những tác phẩm như dòng chảy qua tâm hồn ta để lại trong ta những ấn tượng trạm khắc trogn tâm khảm. Và “Ánh trăng ” của Nguyễn Duy cũng là một tác phẩm như thế. Bài thơ đã gửi gắm những suy ngẫm của nhà thơ về con người và cuộc đời. Điều đó được thể hiện rõ nhất ở 2 khổ thơ cuối.

**B.Thân bài**

**1.Khái quát về tác phẩm**

Bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy được sang tác năm 1978 – 3 năm sau ngày đất nước giành được độc lập. Khi đó nhà thơ đang sống và làm việc ởthành phố Hồ Chí Minh - nơi đô thị của cuộc sống tiện nghi hiện đại, nơi nhiều người lính trở về sau khi kết thúc những năm tháng chiến tranh gian khổ nhưng đầy ý nghĩa. Bài thơ là một lời nhắc nhở của tác giả với người đọc về đạo lí sống “Uống nước nhớ nguồn”, về lẽ sống thủy chung tình nghĩa.

**2.Cảm nhận đoạn thơ**

**2.1. Nhắc lại nội dung ở hai khổ thơ đầu**

Ở những khổ thơ đầu, bằng biện pháp tu từ điệp ngữ, so sánh, nhân hóa và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, tác giả đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn ý nghĩa của hình ảnh vầng trăng trong quá khứ và hiện tại. Trong quá khứ, trăng ko chỉ là thiên nhiên hồn hậu,trữ tình mà còn là người bạn của tuổi thơ, là tri kỉ của người lính trong những năm tháng chiến tranh gian khổ. Vầng trăng ấy đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc đời của nhân vật trữ tình. Nhưng trong hiện tại khi cuộc sống đủ đầy, người lính đã quên đi tất cả kể cả vầng trăng mà anh đã từng nghĩ rằng mình sẽ không thể nào quên được.

2.2. Cảm xúc của người lính khi gặp lại vầng trăng

Và khi người lính gặp lại vầng trăng năm xưa thì mọi quá khứ lại ùa về như một thước phim quay chậm:  
*“Ngửa mặt lên nhìn mặt  
có cái gì rưng rưng  
như là đồng là bể  
như là sông là rừng”*+ Vần thơ có cái gì đó khiến lòng người cảm động. Hai từ “mặt” trong cùng một dòng thơ: mặt người và mặt trăng, mặt đối mặt, lòng đối lòng. Bao cảm xúc bên trong nhân vật trữ tình lúc này cũng như cánh cửa sổ “bật tung” ra, trào dâng đến nỗi như “có cái gì rưng rưng”. Rưng rưng của những niềm thương nỗi nhớ, của những lãng quên lạnh nhạt với người bạn cố tri; của một lương tri đang thức tỉnh sau những ngày đắm chìm trong cõi u mê mộng mị; rưng rưng của nỗi ân hận ăn năn về thái độ của chính mình trong suốt thời gian qua. Một chút áy náy, một chút tiếc nuối, một chút xót xa đau lòng, tất cả đã làm nên cái “rưng rưng”, cái thổn thức trong sâu thẳm trái tim người lính.

+ Và trong phút giây nhân vật trữ tình nhìn thẳng vào trăng\_ biểu tượng đẹp đẽ của một thời xa vắng, nhìn thẳng vào tâm hồn của mình, bao kỉ niệm chợt ùa về chiếm trọn tâm tư. Kí ức về quãng đời ấu thơ trong sáng, về lúc chiến tranh máu lửa, về cái ngày xưa hồn hậu hiện lên rõ dần theo dòng cảm nhận trào dâng, “như là đồng là bể, như là sông là rừng”. Đồng, bể, sông, rừng, những hình ảnh gắn bó nơi khoảng trời kỉ niệm.

+ Cấu trúc song hành của hai câu thơ, nhịp điệu dồn dập cùng biện pháp tu từ so sánh, điệp ngữ và liệt kê như muốn khắc họa rõ hơn kí ức về thời gian gắn bó chan hòa với thiên nhiên, với vầng trăng lớn lao sâu nặng, nghĩa tình, tri kỉ. Chính thứ ánh sáng dung dị đôn hậu đó của trăng đã chiếu tỏ nhiều kỉ niệm thân thương, đánh thức bao tâm tình vốn tưởng chừng ngủ quên trong góc tối tâm hồn người lính.

+ Với chất thơ mộc mạc chân thành như vầng trăng hiền hòa, ngôn ngữ hàm súc, giàu tính biểu cảm như “có cái gì rưng rưng”, đoạn thơ đã đánh động tình cảm nơi người đọc. Đọc bốn câu thơ, ta thấy thương thay cho trăng và tiếc thay cho người chiến sĩ.

**2.3.Khổ 6. Suy ngẫm của nhà thơ**

Nhân vật trữ tình đã có biết bao lần có thể hội ngộ cùng trăng, nhưng người đều bỏ lỡ dịp đó. Người đã xem trăng như người dưng, và giờ là lúc người bị cắn rứt lương tâm tột độ. Mặc dù như vậy, trăng – gương mặt của ân tình quá khứ, vẫn điềm đạm, bao dung và cao thượng:   
*“Trăng cứ tròn vành vạnh  
kể chi người vô tình  
ánh trăng im phăng phắc  
đủ cho ta giật mình.”*  
+ Trăng vẫn tròn như tình nghĩa trọn vẹn thủy chung son sắt, nhân hậu của đất nước, cuộc đời, trái ngược với cái hờ hững của kẻ sống bạc bẽo. Trăng không lên tiếng trách móc mà im lặng, chẳng giận dỗi “người vô tình” mà bao dung. Tuy vậy, người lính vẫn không tránh khỏi bản án lương tâm, không tránh khỏi ám ảnh bởi ánh nhìn im lặng đầy vẻ trách cứ.

+ Trăng độ lượng, khoan dung, nhưng chính cái khoan dung ấy của trăng lại khiến lòng người nhói đau hơn bao giờ hết. Phải chi trăng cứ hờn dỗi, cứ trách mắng người lính năm xưa thì người lính đã chẳng phải đau lòng như thế. Đôi khi sự im lặng lại là sự trừng phạt nặng nề nhất.

+ “Ánh trăng im phăng phắc”\_ cái im lặng của trăng lại càng làm cho sóng gió trỗi dậy trong tâm trí, càng làm lương tri nhân vật trữ tình – người lính cảm thấy đau xót, đau xót đến “giật mình”.

+ Giật mình đồng nghĩa với việc thức tỉnh, nhưng không phải sự thức tỉnh nhẹ nhàng mà lại vô cùng dữ dội. Cả bài thơ như lắng đọng trong từ “giật mình”, và tâm trạng giật mình đó cũng chính là cái kết của bài thơ, của một câu chuyện đời đầy ý nghĩa.

=>Bài học tình nghĩa về tri ân quá khứ được viết ra, nhưng con người đã phải trả cái giá quá đắt để học nó. Người ta không thể nào mải chìm đắm trong quá khứ mà tiến lên, nhưng cũng không thể nào tiến lên mà không có bước đệm của quá khứ. Trân trọng, khắc ghi, tri ân kỉ niệm. Luôn nhớ, yêu thương, không quên ngày đã qua. Một triết lý sống giản đơn nhưng sâu sắc: tình người.

**3.Đánh giá**

Với ngôn ngữ giản dị mà hàm súc, cô đọng, giọng điệu tâm tình tự nhiên, hình ảnh giàu tính biểu cảm được thể hiện qua thể thơ năm chữ kết hợp hài hòa giữa tự sự và trữ tình, hai khổ thơ cuối của bài thơ “Ánh trăng” như một lời tâm sự, nhắc nhớ người ta sống tình cảm với những quá khứ đã qua, trân trọng, biết ơn những thứ mình đã có và đang có. “Ánh trăng” thực sự để lại trong lòng người đọc rất nhiều những suy tư đáng quý.

**C. Kết bài**

- Đánh giá chung về đoạn thơ

- Đoạn thơ khơi gợi trong em những tình cảm, trách nhiệm gì? Em học được bài học gì?

Có thể nói rằng “Ánh trăng” của Nguyễn Duy là một bài thơ độc đáo. Bài thơ ấy và nhất là hai khổ thơ cuối đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng của nhà thơ, càng thêm yêu mến, trân trọng những năm tháng tuổi thơ của mình, trân trọng gia đình và quê hương đất nước. Từ sự đa nghĩa của hình ảnh vaanfd trăng trong bài thơ, Nguyễn Duy đã đem đến cho ngườ đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về tình yêu thien nhiên, về đạo lí sống uống nước nhớ nguồn, về lẽ sống thủy chung tình nghĩa. Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “ Ánh trăng” của Nguyễn Duy vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**………………………………………………………………………**

**Đề 4:**

Suy nghĩ của em về hình ảnh con người đối diện với vầng trăng trong hai đoạn thơ sau:

*Đêm nay rừng hoang sương muối*

*Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới*

*Đầu súng trăng treo.*

(Trích *Đồng chí*, Chính Hữu, *Ngữ văn 9,* Tập 1,trang 129, NXB Giáo dục 2009)

*Ngửa mặt lên nhìn mặt*

*có cái gì rưng rưng*

*như là đồng là bể*

*như là sông là rừng*

*Trăng cứ tròn vành vạnh*

*kế chi người vô tình*

*ánh trăng im phăng phắc*

*đủ cho ta giật mình.*

(Trích *Ánh trăng*, Nguyễn Duy, *Ngữ văn 9*, Tập 1,trang 165, NXB Giáo Dục )

**Gợi ý**

**a. Về kỹ năng**

- Biết cách làm kiểu bài nghị luận về một đoạn thơ.

- Kết hợp tốt các thao tác giải thích, phân tích, chứng minh…

- Diễn đạt lưu loát, có cảm xúc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

**b. Về kiến thức**

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau song cần tập trung làm rõ các ý sau:

**1. Mở bài**

- Đi từ chủ đề

- Dẫn trích và giới thiệu về vầng trăng trong văn học và trong hai đoạn trích: Ánh trăng, Đồng chí,

**2. Thân bài**

**2.1.Khái quát về hoàn cảnh ra đời và nội dung chính của hai bài thơ**

**2.2. Cảm nhận về hình ảnh con người đối diện với vaanfd trăng trong 2 bài thơ**

**a. Đoạn thơ bài Ánh trăng.**

\* Được bắt đầu từ khi gặp lại vầng trăng:

- Điệp từ “mặt”, lối chuyên nghĩa độc đáo:

+ Diễn tả giây phút soi chiếu, giao hòa giữa con người và vầng trăng

+ Soi vào trăng để con người nhận ra mình và nhận ra cả sự đổi thay của mình.

- “Rưng rưng”: là những cảm xúc đang ùa về trong giây phút con người nhận ra vầng trăng tri kỉ của đời mình > để rồi thức tỉnh.

- “Đồng, bể, sông, rừng”:

+ Xóa đi thời gian, không gian, đưa con người về quá khứ.

+ Kéo trăng và người xích lại gần nhau.

+ Để trăng vẫn vẹn nguyên là tri kỉ.

+ Để con người nhận ra sự nông cạn, thờ ơ, bạc bẽo của chính mình,

\* Càng sâu sắc hơn khi:

-“Trăng”:

+ *“tròn vành vạnh*”, ẩn dụ cho nghĩa tình không bao giờ thay đổi, không bao giờ vơi cạn của nhân dân, đất nước.

+ "*im phăng phắc";* bao dung, độ lượng và nghiêm khắc => cái im lặng chứa đựng lời nhắc nhở, cảnh báo, thức tỉnh con người,.

- Người "*giật mình”* => thức tỉnh:

+ Nhận ra những cám dỗ vật chất khiến con người đánh mất đi những giá trị tinh thần đẹp đẽ, khiến tâm hồn họ trống rỗng, nghèo nàn.

+ Nhận ra: không được lãng quên quá khứ, không được thờ ơ, bội bạc với nghĩa tình sâu nặng, thiêng liêng,

+ Biết trở về nâng niu, trân trọng quá khứ, biết sống ân nghĩa, thủy chung.

=> Với khoảnh khắc giật mình, nhà thơ đã gieo vào lòng người đọc niềm tin và sức sống mãnh liệt của lương tri con người.

- Nghệ thuật:

+ Thể thơ ngũ ngôn với nhiều sáng tạo độc đáo,

+ Sự kết hợp hài hòa giữa chất tự sự và trữ tình.

+ Ngôn ngữ, hình ảnh giản dị, gần gũi mà giàu sức gợi.

+ Giọng điệu tâm tình thấm thía, khi thì thiết tha cảm xúc, lúc lại trầm lắng, suy tư,

**b. Đoạn thơ bài Đồng chí**

Sức mạnh và vẻ đẹp của tình đồng chí:

\* Được xây dựng trên nền một hoàn cảnh khắc nghiệt:

- Thời gian, không gian: Từng đêm hoang vu, lạnh lẽo,

- Không khí căng thẳng trước một trận chiến đấu.

=> Tâm hồn họ vẫn bay lên với hình ảnh vầng trăng nơi đầu súng. ->Họ vẫn xuất hiện trong tư thế điềm tĩnh, chủ động “chở giặc tới”.

=> Nhờ tựa vào sức mạnh của tinh thần đồng đội. Họ “đứng cạnh bên nhau” và trở thành một khối thống nhất không gì lay chuyển nổi.

\* Được biểu hiện qua một hình ảnh thơ độc đáo, đầy sáng tạo: “Đẩu súng trăng treo”.

- Vốn là một hình ảnh thơ được cảm nhận từ thực tiễn chiến đấu.

- Song hình ảnh này mang nhiều ý nghĩa biểu tượng phong phú

+ Gợi liên tưởng chiến tranh - hòa bình, hiện thực - ảo mộng, kiên cường - lãng mạn, chất chiến sĩ - chất thi sĩ,

+ Gợi vẻ đẹp của tình đồng chí sáng trong, sâu sắc. Sự xuất hiện của vầng trăng là một bằng chứng về sức mạnh kì diệu của tình đồng đội. Tình cảm ấy giúp tâm hồn người lính bay lên giữa lúc gay go, khốc liệt của chiến tranh.

+ Gợi vẻ đẹp của tâm hồn người lính – một tâm hồn luôn trong trẻo, tươi mát dẫu phải băng qua lửa đạn chiến tranh.

+ Gợi vẻ đẹp tâm hồn dân tộc Việt Nam - một bàn tay giữ chắc cây súng mà trái tim luôn hưởng đến những khát vọng thanh bình.

- Nghệ thuật: Lối miêu tả chân thực, tự nhiên, từ ngữ, hình ảnh giản dị và giàu sức gợi, cảm xúc dồn nén.

**c. Suy ngẫm về giây phút con người đối diện với vầng trăng**

- Giống nhau:

+ Vầng trăng là người bạn thủy chung, tình nghĩa.

+ Vầng trăng luôn bên cạnh con người, nâng đỡ con người trong những phút khó khăn, đưa đường dẫn lối con người trở về với những giá trị nhân văn tốt đẹp.

**- Khác nhau**

+ Đồng chí: vầng trăng là người đồng chí, là người bạn, là biểu tượng của hòa bình, tự do.

+ Ánh trăng: vầng trăng mang ý nghĩa thức tỉnh, giúp con người sống với những giá trị đẹp đẽ của dân tộc “Uống nước, nhớ nguồn”

**2.3..Đánh giá nghệ thuật, nội dung của 2 đoạn thơ, nhận định về tác giả qua 2 đoạn thơ đó**

**3. Kết bài:**

Tự làm

Khẳng định: ý nghĩa được gợi ra từ đoạn thơ, cảm xúc, tình cảm của bản than khi tìm hiểu về hai đoạn thơ.

**LÀNG – KIM LÂN**

**Đề 2:** **Cảm nhận của em về nhân vật ông Hai trong đoạn trích sau:**

*Ông lão ôm thằng con út lên lòng, vỗ nhè nhẹ vào lưng nó, khẽ hỏi:  
- Húc kia! Thầy hỏi con nhé, con là con ai?  
- Là con thầy mấy lại con u.  
- Thế nhà con ở đâu?  
- Nhà ta ở làng Chợ Dầu.  
- Thế con có thích về làng chợ Dầu không?  
Thằng bé nép đầu vào ngực bố trả lời khe khẽ:  
- Có.  
Ông lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu ông lại hỏi:  
- À, thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai?  
Thằng bé dơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt:  
- Ủng hộ cụ Hồ Chí Minh muôn năm!  
Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thỉ:  
- Ừ đúng rồi, ủng hộ cụ Hồ con nhỉ.  
Mấy hôm nay ru rú ở xó nhà, những lúc buồn khổ quá chẳng biết nói cùng ai, ông lại thủ thỉ với con như vậy. Ông nói như để ngỏ lòng mình, như để mình lại minh oan cho mình nữa.  
Anh em đồng chí biết cho bố con ông.  
Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông.  
Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai: Mỗi lần nói ra được đôi câu như vậy nỗi khổ trong lòng ông cũng vơi đi được đôi phần.*(Trích Làng - Kim Lân, Ngữ văn lớp 9, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr.169 - 170)

**Dàn ý:**

**A. Mở bài**: Giới thiệu vấn đề nghị luận

Kim Lân là một nhà văn gắn bó máu thịt với những người nông dân nghèo, những kiếp người chịu nhiều khốn khổ bần cùng. Ông cũng là một văn nhân có trái tim yêu nước son sắt, một tấm lòng thiết tha với dân tộc. Bởi vậy mà những sáng tác của ông thường viết về những người nông dân có lòng yêu nước, yêu cách mạng sâu sắc. Nói đến các sáng tác của Kim Lân ta không thể không kể đến truyện ngắn “Làng”. Tác phẩm đã khắc hoạ sinh động chân dung nhân vật ông Hai - một người nông dân chân chính với tình yêu làng, yêu quê hương tha thiết và sự gắn bó máu thịt với bộ đội cụ Hồ. Điều đó được thể hiện một cách rõ nét nhất qua đoạn trích kể cuộc trò chuyện giữa ông Hai với đứa con út.

B .Thân bài:

1.Khái quát về tác phẩm

Truyện ngắn “làng” của nhà văn Kim Lân được viết năm 1948,thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.Truyện thành công không chỉ bởi tài năng viết truyện của Kim Lân mà còn do sự am hiểu người nông dân cùng thời kì lịch sử lúc bấy giờ.Nhà văn đã có lần tâm sự:" cái không khí ngày đầu kháng chiến ở nông thôn ,tôi đã vào làng.Lúc ấy Tây còn đóng ở cầu Đuống ,tôi về làng chơi mấy lần chứng kiến tận mắt thế nào là làng chiến đấu".Truyện hấp dẫn bạn đọc ở nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật trong những tình huống đặc biệt cùng với cách viết đơn giản ngôn ngữ mộc mạc dân dã .

**2.Cảm nhận ông Hai trong đoạn trích**

**2.1. Khái quát nội dung đoạn trước đó.**

Ở phần đầu của tác phẩm, người đọc đã được chứng kiến một ông Hai rất yêu và tự hào về làng của mình. Đi đâu ông cũng khoe về làng thế nên khi nghe tin làng theo giặc ông vô cùng bàng hoàng sửng sốt. Không không tin đó là sự thật nhưng khi buộc phải tin ông đã vô cùng đau khổ, tủi nhục đến mức phải đi đến quyết định *thù làng.* Và để củng cố thêm niềm tin cho quyết định của mình, ông đã tìm đến thằng con út để trò chuyện.

**2.2. Cảm nhận về ông Hai trong đoạn trích**

**\*Tại sao ông Hai chọn trò chuyện với con?**

Sẽ có không ít người đọc thắc mắc rằng tại sao ông Hai lại chọn trò chuyện với đứa con út – một đứa trẻ chưa hiểu chuyện gì, chưa biết gì về kháng chiến, về cách mạng. Trò chuyện với đứa con còn bé là cái cách để ông trải lòng mình, để tự minh oan cho mình và cũng là để ông có thêm niềm tin vào những điều mà ông đã chọn lựa. Xây dựng chi tiết này cho thấy Kim Lân thực sự rất am hiểu tâm lí của con người, nhất là người nông dân trong kháng chiến.

**\* Trong cuộc trò chuyện ông vẫn hướng con về làng, về quê hương nguồn cội**

Mặc dù cái làng mà ông rất mực tin yêu đã theo giặc, dù cho làng đã phản bội ông đến mức ông phải thù làng thế nhưng khi nói chuyện với con ông vẫn hỏi: *:"Thế nhà con ở đâu?Thế con có thích về làng chợ Dầu không?"* Câu hỏi có vẻ ngô nghê mà ông biết trước được câu trả lời của con nhưng dường như ông vẫn muốn nghe . **Hỏi con như vậy là ông vẫn muốn con nhớ về cội nguồn, gôc gác của mình**. Muốn con hiểu rằng Chợ Dầu chính là quê hương của con, là nơi con được sinh ra và lớn lên, được yêu thương và che chở. **Điều đó có nghĩa là dù đã thù làng nhưng trong sâu thẳm tâm hồn người nông dân chất phác ấy vẫn dành cho làng một tình yêu tha thiết, mãnh liệt**. **Câu hỏi của ông với con cũng là cái cách ông kiểm tra tình cảm của mình.** Nghe câu trả lời của con chắc ông vui lắm,vui vì dường như nó đã trùng với suy nghĩ của ông.**Như vậy có thể khẳng định tình yêu với làng chợ Dầu trong chưa chết hẳn,chỉ có điều giờ đây đó là một tình yêu đau đớn,một bi kịch.**

**\* Nhưng hơn cả ở ông Hai là tình yêu đất nước và niềm tin dành cho kháng chiến.**

**Ông Hai yêu làng ai cũng phải thừa nhận nhưng hơn cả ở nhân vật này là tình yêu đất nước và niềm tin dành cho kháng chiến.** Điều đó cũng được bộc lộ một cách rõ nét trong cuộc trò chuyện của ông với con. Ông hỏi con tiếp : *“Thế con ủng hộ ai?".* Câu trả lời của đứa con*:" Ủng hộ Hồ Chí Minh Muôn năm"* dường như đã hoàn toàn trùng khít với suy nghĩ và tình cảm của ông.Ông hãnh diện vì điều đó,ông tự hào về điều đó,ông hạnh phúc vô cùng. Nghe con nói vậy, nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thỉ “ Ừ đúng rồi, ủng hộ cụ Hồ con nhỉ”. **Ông khóc vì hạnh phúc, khóc vì con ồn còn rất nhỏ nhưng đã có tinh thần kháng chiến,đã có niềm tin bất diệt vào cách mạng, vào cụ Hồ.** Ông lặp lại câu nói của con nhưng thực chất là để nói rõ lòng mình. **Ông tin kháng chiến, tin cách mạng, ông sẵn sang hi sinh tình cảm riêng của mình vì tình cảm cao đẹp đó**. Đến đây ta không chỉ trân trọng tình cảm của ông đối với làng quê đối với đất nước mà ta còn vui sướng tự hào về truyền thống yêu nước của dân tộc Việt nam,tự hào về dòng máu yêu nước luôn chảy trong trái tim mỗi con người Việt Nam,trong dòng máu của ông và trong dòng máu đứa con ông. Mấy hôm nay ru rú ở xó nhà, những lúc buồn khổ quá chẳng biết nói cùng ai, ông lại thủ thỉ với con như vậy. Ông nói như để ngỏ lòng mình, như để mình lại minh oan cho mình nữa. “Anh em đồng chí biết cho bố con ông. Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông. Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai” Mỗi lần nói ra được đôi câu như vậy nỗi khổ trong lòng ông cũng vơi đi được đôi phần. **Tình yêu làng, yêu nước, yêu cách mạng nơi ông thật sâu sắc, mãnh liệt!**

**3.Đánh giá về nội dung và nghệ thuật**

**- Nhà văn Kim Lân đã tạo dựng một tình huống thử thách tâm lí nhân vật rất đặc sắc, qua đó, tính cách, phẩm chất của nhân vật nổi lên thật rõ ràng. Lối kể chuyện giản dị tự nhiên, gần gũi., ngòi bút phân tích tâm lí sắc sảo, sự kết hợp hài hòa giữa ngôn ngữ đối thoại và độc thoại nội tâm cũng góp phần tạo nên một hình tượng chân thực và đẹp đẽ về người nông dân Việt Nam. Đoạn trích đã cho ta thấy sự phát triển trong nhận thức của người nông dân Việt Nam: tình yêu làng là cơ sở của tình yêu nước, yêu cách mạng song tình yêu nước vẫn bao trùm lên tất cả và là định hướng hành động cho họ.**

**3. Kết bài:**

**Có thể nói rằng truyện ngắng “Làng” của nhà văn Kim Lân là một tác phẩm vô cùng đặc sắc. Tác phẩm và đặc biệt là đoạn trích kể lại cuộc trò chuyện giữa ông Hai với con đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng kể chuyện của nhà văn Kim Lân, càng thêm trân trọng và yêu mến những người nông dân Việt Nam trong kháng chiến. Từ cuộc trò chuyện của ông Hai với con, tác phẩm đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về tình yêu quê hương, về niềm tin, về lòng yêu nước. Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử truyện ngắn “Làng” của nhà văn Kim Lân vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.**

==============000===============

**Đề 2**

**Đề bài:** Cảm nhận về nhân vật ông Hai trong đoạn trích sau:

*Dứt lời ông lão lại lật đật đi thẳng sang bên gian bác Thứ.*

*Chưa đến bực cửa ông lão đã bô bô:*

*-Bác Thứ đâu rồi? Bác Thứ làm gì đấy? Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhẵn! Ông chủ tịch làng tôi vừa mới lên trên này cải chính, ông ấy cho biết...cái chính là cái tin làng chợ Dầu chúng tôi đi Việt gian ấy mà. Láo! Láo hết! Toàn là sai sự mục đích cả.*

*Bác Thứ chưa nghe thủng câu chuyện ra sao, ông lão đã lật đật bỏ lên nhà trên.*

*-Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn. Ông chủ tịch làng em vừa lên cải chính...cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng em Việt gian ấy mà. Ra láo! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn sai sự mục đích cả!*

*Cũng chỉ được bằng ấy câu, ông lão lại lật đật bỏ đi nơi khác*.

                                         (Trích Làng - Kim Lân, Ngữ văn lớp 9, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr.169 - 170)

**Dàn ý:**

**A. Mở bài**

Kim Lân là một nhà văn gắn bó máu thịt với những người nông dân nghèo, những kiếp người chịu nhiều khốn khổ bần cùng. Ông cũng là một văn nhân có trái tim yêu nước son sắt, một tấm lòng thiết tha với dân tộc. Bởi vậy mà những sáng tác của ông thường viết về những người nông dân có lòng yêu nước, yêu cách mạng sâu sắc. Nói đến các sáng tác của Kim Lân ta không thể không kể đến truyện ngắn “Làng”. Tác phẩm đã khắc hoạ sinh động chân dung nhân vật ông Hai - một người nông dân chân chính với tình yêu làng, yêu quê hương tha thiết và sự gắn bó máu thịt với bộ đội cụ Hồ. Điều đó được thể hiện một cách rõ nét nhất qua đoạn trích kể về tâm trạng của ông Hai khi nghe được tin cải chính.

B .Thân bài:

1.Khái quát về tác phẩm

Truyện làng được viết năm 1948,thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.Truyện thành công không chỉ bởi tài năng truyện ngắn của ông mà còn do sự am hiểu người nông dân cùng thời kì lịch sử lúc bấy giờ.Nhà văn đã có lần tâm sự:" cái không khí ngày đầu kháng chiến ở nông thôn ,tôi đã vào làng.Lúc ấy Tây còn đóng ở cầu Đuống ,tôi về làng chơi mấy lần chứng kiến tận mắt thế nào là làng chiến đấu".Truyện hấp dẫn bạn đọc ở nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật trong những tình huống đặc biệt cùng với cách viết đơn giản ngôn ngữ mộc mạc dân dã .

**2.Cảm nhận ông Hai trong đoạn trích**

**2.1. Khái quát nội dung đoạn trước đó.**

Ở phần đầu của tác phẩm, người đọc đã được chứng kiến một ông Hai rất yêu và tự hào về làng của mình. Đi đâu ông cũng khoe về làng thế nên khi nghe tin làng theo giặc ông vô cùng bàng hoàng sửng sốt. Không không tin đó là sự thật nhưng khi buộc phải tin ông đã vô cùng đau khổ, tủi nhục đến mức phải đi đến quyết định *thù làng.* Nhưng tất cả những khổ đau, tủi nhục ấy đã tan biến hết khi ông nghe được tin cải chính. Ông Hai như được hồi sinh, “bệnh” hay khoe của ông lại “tái phát”.

**2.2. Cảm nhận về ông Hai trong đoạn trích**

**\*Ông Hai là một người nông dân ít chữ, chân chất, mộc mạc.**

Đọc đoạn trích này, ta không khỏi ấn tượng với hình ảnh ông Hai- một người nông dân ít học, chân chất mộc mạc. Nhận được tin cải chính, ông đi khoe khắp nơi. Ông gọi “Bác Thứ đâu rồi? Bác Thứ làm gì đấy?” rồi “Láo! Láo hết! Toàn là sai sự mục đích cả” Cái cách ông Hai trò chuyện và giao tiếp với mọi người mới thân thiện và gần gũi làm sao. Ông ít học, không thông thạo chữ nghĩa nhưng lại thích dùng chữ. Kim Lân để cho ông năm lần bảy lượt nói “Toàn là sai sự mục đích” nhưng không hề biết rằng mình đang dùng sai từ. Thế đấy, người nông dân bao giờ cùng mộc mạc và giản dị như vậy.

**\*Tuy nhiên, nổi bật hơn cả ở ông Hai trong đoạn trích này là tinh thần sẵn sàng hi sinh vì kháng chiến.**

Đọc đoạn trích, có lẽ gây ấn tượng với người đọc nhất là hình ảnh ông Hai chạy đi khắp nơi chỉ để khoe “Tây nó đốt nhà tôi rồi. Đốt nhẵn!” Mới đọc chi tiết này, ta thấy dường như vô lý bởi ngôi nhà là cả một tài sản quá lớn, người ta phải dành dụm cả đời mới có thể làm được một căn nhà. Hơn thế nó còn gắn với bao kỷ niệm vui buồn rất thiêng liêng của mỗi con người. Mất nó ai mà không xót xa đau đớn? Nhưng ông Hai lại có cử chỉ “Múa tay lên để khoe” đó là biểu hiện của tâm trạng sung sướng, sung sướng đế tột độ. Tâm trạng này dường như có vẻ không bình thường? Không! Đặt ông Hai trong hoàn cảnh của “Làng” - làng Dầu đang bị hai tiếng việt gian theo tây - thì ông Hai không vui sướng sao được vì nhà bị tây đót là bằng chứng hùng hồn rằng làng Dầu của ông vẫn theo kháng chiến, theo cách mạng, đó là một làng quê anh hùng, đứng dậy chống thực dân Pháp. Chắc hẳn mất nhà ông Hai cũng đau lắm chứ, xót xa lắm chứ. Nhưng dù thế nào thì nhà còn có thể xây dựng lại được, song danh dự của làng đâu dễ lấy lại? Ông đã quên nỗi đau, sự mất mát riêng để tự hào sung sướng trong vẻ đẹp, sức mạnh chung của làng quê, đất nước. Thế đấy niềm vui, nỗi buồn của ông Hai luôn gắn liền với vận mệnh của Làng Dầu. Thế mới biết ông Hai yêu làng quê tha thiết đến chừng nào! Tình yêu làng quê được mở rộng, hoà quyện trong tình yêu tổ quốc thật sâu nặng và thiêng liêng.

**3.Đánh giá**

**- Nhà văn Kim Lân đã tạo dựng một tình huống thử thách tâm lí nhân vật rất đặc sắc, qua đó, tính cách, phẩm chất của nhân vật nổi lên thật rõ ràng. Lối kể chuyện giản dị tự nhiên, gần gũi, ngòi bút phân tích tâm lí sắc sảo, sự kết hợp hài hòa giữa ngôn ngữ đối thoại và độc thoại nội tâm cũng góp phần tạo nên một hình tượng chân thực và đẹp đẽ về người nông dân Việt Nam.**

**- Đoạn trích đã cho ta thấy sự phát triển trong nhận thức của người nông dân Việt Nam: tình yêu làng là cơ sở của tình yêu nước, yêu cách mạng song tình yêu nước vẫn bao trùm lên tất cả và là định hướng hành động cho họ.**

**C. Kết bài:**

**Có thể nói rằng truyện ngắng “Làng” của nhà văn Kim Lân là một tác phẩm vô cùng đặc sắc. Tác phẩm và đặc biệt là đoạn trích kể diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai khi nghe tin làng được cải chính đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng kể chuyện của nhà văn Kim Lân, càng thêm trân trọng và yêu mến những người nông dân Việt Nam trong kháng chiến. Từ tình huống ông Hai nghe được tin cải chính về làng, tác phẩm đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về tình yêu quê hương, về đức hi sinh, về lòng yêu nước. Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử truyện ngắn “Làng” của nhà văn Kim Lân vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.**

**========================================**

**Đề 3:**

**Cảm nhận của em về tâm trạng của nhân vật ông Hai trong đoạn trích sau:**

Cổ ông lão nghẹn ắng hằn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới rặn è è, nuốt một cái gì vướng ở có, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi:

- Liệu có thật không hở bác? Hay là chỉ lại …

[...] Ông lão vờ vờ đứng lảng ra chỗ khác, rồi đi thẳng [...]

Ông Hai củi gằm mặt xuống mà đi. Ông thoáng nghĩ đến vụ chủ nhà.

Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lét đưa nhau ra đầu nhà chơi sặm chơi sụi với nhau.

Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu... Ông lão năm chặt hai tay lại mà rít lên:

- Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này.

***(Làng – Kim Lân)***

**Gợi ý:**

**A. Mở bài**: Giới thiệu vấn đề nghị luận

Kim Lân là một nhà văn gắn bó máu thịt với những người nông dân nghèo, những kiếp người chịu nhiều khốn khổ bần cùng. Ông cũng là một văn nhân có trái tim yêu nước son sắt, một tấm lòng thiết tha với dân tộc. Bởi vậy mà những sáng tác của ông thường viết về những người nông dân có lòng yêu nước, yêu cách mạng sâu sắc. Nói đến các sáng tác của Kim Lân ta không thể không kể đến truyện ngắn “Làng”. Tác phẩm đã khắc hoạ sinh động chân dung nhân vật ông Hai - một người nông dân chân chính với tình yêu làng, yêu quê hương tha thiết và sự gắn bó máu thịt với bộ đội cụ Hồ. Điều đó được thể hiện một cách rõ nét nhất qua đoạn trích kể lại diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai khi ông vừa nghe được tin làng mình theo giặc

B .Thân bài:

1.Khái quát về tác phẩm

Truyện ngắn “làng” của nhà văn Kim Lân được viết năm 1948,thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.Truyện thành công không chỉ bởi tài năng viết truyện của Kim Lân mà còn do sự am hiểu người nông dân cùng thời kì lịch sử lúc bấy giờ.Nhà văn đã có lần tâm sự:" cái không khí ngày đầu kháng chiến ở nông thôn ,tôi đã vào làng.Lúc ấy Tây còn đóng ở cầu Đuống ,tôi về làng chơi mấy lần chứng kiến tận mắt thế nào là làng chiến đấu".Truyện hấp dẫn bạn đọc ở nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật trong những tình huống đặc biệt cùng với cách viết đơn giản ngôn ngữ mộc mạc dân dã .

**2.Cảm nhận về tâm trạng ông Hai trong đoạn trích**

**2.1. Khái quát nội dung đoạn trước đó.**

Ở phần đầu của tác phẩm, người đọc đã được chứng kiến một ông Hai rất yêu và tự hào về làng của mình. Đi đâu ông cũng khoe về làng. Ở nơi tản cư ông nhớ làng và chỉ muốn quay về làng cùng anh em tham gia kháng chiến. Không về làng được, ông hay đến phòng thông tin để nghe tin kháng chiến, tin về làng mình. Thế nhưng đang trong tâm trạng vô cùng vui sướng khi nghe được nhiều tin vui về cách mạng thì ông bất ngờ nghe được một tin sét đánh: Tin làng chợ Dầu theo giặc

**2.2.Cảm nhận về tâm trạng ông Hai trong đoạn trích**

**\* Tâm trạng bàng hoàng, sửng sốt đau khổ khi bất ngờ nghe được tin làng theo giặc.**

Nhà văn Kim Lân đã thực sự rất tài tình khi xây dựng tình huống truyện. Ông để cho ông Hai vui sướng đến tột độ khi nghe được nhiều tin kháng chiến rồi bất ngờ cho ông nghe được tin làng theo Tây. Cuộc gặp gỡ với đoàn tản cư trên đường trở về từ phòng thông tin diễn ra thật bất ngờ.Gặp được đoàn tản cư với ông là một cơ hội để ông hỏi về cái làng quê yêu dấu của mình và háo hức được nghe tin làng chiến đấu chống giặc ngoan cường.Nhưng cái điều ông chờ đợi không đến. Lời kể của người đàn bà cho con bú đã dập tắt tất cả:"cả làng chúng nó việt gian theo tây còn giết gì nữa". Lời nói đỏng đảnh đầy chế giễu của người đàn bà cho con bú giống như một nhát dao cứa vào trái tim ông,nghe như một tiếng sét bên tai làm ông hoảng loạn và sụp đổ:" Cổ nghẹn ắng hẳn lại,da mặt tê rân rân.Ông lão lặng đi tưởng đến không thở được". Đó là cái cảm giác sững sờ choáng váng ,co thắt từng khúc ruột của ông; là trạng thái phản ác tâm lí hết sức tự nhiên của một người quá yêu làng. Nếu không yêu thì cái tin làng Chợ Dầu theo giặc không thể gây chấn động mạnh tựa như một cú sốc tinh thần như thế với ông Hai. Sở dĩ ông choáng váng ,sững sờ vì trong thâm tâm của ông cái làng chợ Dầu quê ông vốn rất kiên cường, ấy vậy mà giờ đây niềm tin ấy đã hoàn toàn sụp đổ. Nỗi đau khổ cực độ ấy càng chứng minh ông là người yêu làng chợ Dầu tha thiết lắm.càng yêu bao nhiêu càng đau khổ bấy nhiêu. Như thế là phù hợp với quy luật của cảm xúc

**\*Tuy nhiên ông vẫn chưa tin vào những điều mà mình vừa nghe**

Tuy nhiên ông vẫn nghi nghi hoặc hoặc : "*Liệu có thật không hở bá?c*".Câu hỏi thể hiện sự bán tín, bán nghi. Ông mong mỏi tin ấy không đúng, chỉ là một sự nhầm lẫn… Ông làm sao có thể tin được rằng làng chợ Dầu theo Tây, người dân làng ông là Việt gian. Niềm yêu thương mãnh liệt, sâu nặng của ông làm sao chó thể chấp nhận được điều ấy. « Hay là chỉ lại….” Lời ông nói được kết thúc bằng dấu chấm lửng. Ông không nói hết câu, có thể bởi những tin tức mà người phụ nữ tản cư nói rất chính xác, cụ thể. Nhưng cũng có thể dấu chấm lửng ấy còn cho ta thấy nỗi lo sợ đến tột cùng của ông Hai. Phải chăng ông Hai ngừng lời vì sau câu hỏi của ông là sự xác nhận làm ông đau xót, tin tức ấy sẽ được xác nhận 1 lần nữa, ông không muốn nghe, không muốn thấy…

**\*Cái tin làng theo Tây khiến ông xấu hổ đành đánh trông lảng ra về.**

Ông thể nghe thêm điều gì nữa, ông Hai đánh trống lảng ra về. Dường như **cái tin dữ ấy trở thành một nỗi ám ảnh cứ bám diết** lấy ông,nó làm cho bước chân ông khi trở vệ trở nên rất nặng nề.Nều khi đến phong thông tin tuyên truyền ông đi nghênh ngang giữa đường vắng thì bây giờ:" Cúi gằm mặt xuống mà đi". Ông **không giám ngẩng mặt lên vì xấu hổ**,xấu hổivới mọi người và xấu hổ với chính mình bởi ông đã trót khoe về làng mình nhiều quá. Không chỉ khoe làng đẹp mà còn khoe những ngày khởi nghĩa dồn dập ở làng , khoe các cụ gì râu tóc bạc phơ cũng vác gậy đi tập một hai. Bây giờ thì mọi người đều biết làng ông theo Tây,ô ng sẽ giải thích thế nào.

**\* Ông trở về nhà mang theo tâm trạng vừa xấu hổ vừa nhục nhã.**

Về đến nhà,sự mệt nhọc như đã chiếm hết tâm trí ông, và thứ ông suy nghĩ duy nhất đó là đứa con của mình. ông hai nằm vật ra giường.nhìn lũ con tủi thân nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu. Cái nỗi đau đớn căm giận đến tột cùng của ông đã nhấn chìm ông xuống chiếc giường. Ông khóc vì ông thương lũ nhỏ vì mới mấy tuổi đầu đã mang tiếng là con người việt gian bán nước. Ông lo cho tương lai của những đứa nhỏ không biết đi đâu về đâu. Càng thương con bao nhiêu thì nỗi căm tức của ông lại càng lớn bấy nhiêu. Ông căm thù bọn theo Tây phản bội làng ông nắm chặt hai bàn ay và rít lên: “Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này”. Ông cảm thấy như chính ông mang nỗi nhục của một tên bán nước theo giặc, cả các con ông cũng sẽ mang nỗi nhục ấy. Niềm tin nỗi nhớ cứ giằng xé trong ông. Tủi thân ông hai thương con,thương dân làng chợ Dầu,thương thân mình mang tiếng là người làng việt gian.

**3.Đánh giá**

**- Nhà văn Kim Lân đã tạo dựng một tình huống thử thách tâm lí nhân vật rất đặc sắc, qua đó, tính cách, phẩm chất của nhân vật nổi lên thật rõ ràng. Lối kể chuyện giản dị tự nhiên, gần gũi, ngòi bút phân tích tâm lí sắc sảo, sự kết hợp hài hòa giữa ngôn ngữ đối thoại và độc thoại nội tâm cũng góp phần tạo nên một hình tượng chân thực và đẹp đẽ về người nông dân Việt Nam.**

**- Đoạn trích đã cho ta thấy sự phát triển trong nhận thức của người nông dân Việt Nam: tình yêu làng là cơ sở của tình yêu nước, yêu cách mạng song tình yêu nước vẫn bao trùm lên tất cả và là định hướng hành động cho họ.**

**C. Kết bài:**

**Có thể nói rằng truyện ngắng “Làng” của nhà văn Kim Lân là một tác phẩm vô cùng đặc sắc. Tác phẩm và đặc biệt là đoạn trích kể diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai khi vừa nghe tin làng theo giặc đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng kể chuyện của nhà văn Kim Lân, càng thêm trân trọng và yêu mến những người nông dân Việt Nam trong kháng chiến. Từ tình huống ông Hai nghe được tin cải chính về làng, tác phẩm đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về tình yêu quê hương, về lòng yêu nước. Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử truyện ngắn “Làng” của nhà văn Kim Lân vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.**

**ĐỀ 4. *Truyện ngắn “làng” của Kim Lân gợi cho em những suy nghĩ gì về những chuyển biến mới trong tình cảm của người nông dân Việt Nam thời kháng chiến chống Pháp?***

**II. Dàn ý**:

**A. Mở bài**

- Kim Lân là nhà văn am hiểu cuộc sống nông thôn và người dân Miền Bắc. Ông có sở trường viết truyện ngắn và truyện của ông thường viết về đề tài nông dân. Truyện ngắn “Làng” được ông sáng tác trong lúc cuộc kháng chiến chống Pháp đang bùng nổ trên quy mô toàn quốc. Đây là một tác phẩm xuất sắc thể hiện thành công hình ảnh người nông dân thời đại cách mạng và kháng chiến mà tình yêu làng quê đã hoà nhập trong lòng yêu nước và tinh thần của người dân kháng chiến. Đọc truyện ngắn này ta nhận ra những chuyển biến mới mẻ trong tình cảm của người nông dân Việt Nam thời kháng chiến chống Pháp.

B .Thân bài:

1.Khái quát về tác phẩm

Truyện “Làng” được viết năm 1948, thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.Truyện thành công không chỉ bởi tài năng truyện ngắn của ông mà còn do sự am hiểu người nông dân cùng thời kì lịch sử lúc bấy giờ.Nhà văn đã có lần tâm sự:" cái không khí ngày đầu kháng chiến ở nông thôn ,tôi đã vào làng.Lúc ấy Tây còn đóng ở cầu Đuống ,tôi về làng chơi mấy lần chứng kiến tận mắt thế nào là làng chiến đấu".Truyện hấp dẫn bạn đọc ở nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật trong những tình huống đặc biệt cùng với cách viết đơn giản ngôn ngữ mộc mạc dân dã .

2. Chứng minh nhận định

2.1.Trước cách mạng, người nông đân VN thuần túy là những người rất yêu làng.

- Ở mỗi người nông dân, quả thực tình yêu làng quê là bản chất có tính truyền thống. Yêu làng, gắn bó với làng, tự hào về làng của mình vốn là tâm lý rất quen thuộc có tính gốc rễ. Và ông Hai trong truyện ngắn này cũng không phải là ngoại lệ.

- Ông Hai luôn tự hào về cái làng của mình, đi đến đâu ông cũng khoe về nó

+ Ông khoe làng ông nhà ngói san sát, đường lát đá xanh …; khoe làng ông có cái chòi phát thanh cao tận ngọn tre, khoe cái sinh phần của viên tổng đốc làng ông

=> Tất cả những điều đó chứng tỏ ông Hai là một người rất yêu làng

2.2. Sau cách mạng, tình cảm của ông đã có những chuyển biến rõ rệt. Tình cảm trong ông lúc này ko chỉ đơn thuần là tình yêu quê hương mà nó đã gắn liền với tihnf yêu kháng chiến, yêu đất nước. Điều đó được thể hiện ở diễn biến tâm trạng của ông khi ông nghe tin làng chợ Dầu theo giặc.

*\*Tình cảm của ông Hai với làng khi đi tản cư*

**-**  Cũng như bao con người Việt Nam khác ông Hai cũng có một quê hương để yêu thương, gắn bó. Làng chợ Dầu luôn là niềm tự hào, kiêu hãnh của ông. Kháng chiến bùng nổ, người dân phải dời làng đi sơ tán, ông Hai cũng theo dòng người ấy sơ tán đến một miền quê xa xôi, hẻo lánh. Ông Hai thực sự buồn khi phải xa làng. Ở nơi tản cư, lòng ông đau đáu nhớ quê, cứ “ *nghĩ về những ngày làm việc cùng anh em”,* ông nhớ làng quá.

- Ông Hai luôn khoe và tự hào về cái làng Dầu không chỉ vì nó đẹp mà còn bởi nó tham gia vào cuộc chiến đấu chung của dân tộc.

- Ông luôn tìm cách nghe tin tức về kháng chiến *“chẳng sót một câu nào”.* Nghe được nhiều tin hay , những tin chiến thắng của quân ta, ruột gan ông cứ múa cả lên, náo nức, bao nhiêu ý nghĩ vui thích chen chúc trong đầu óc.

***2.2. Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai khi nghe tin làng theo giặc***: (Nhưng khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc thì bao nhiêu tình cảm tốt đẹp ấy trong ông Hai bỗng nhiên biến thành những nỗi lo âu, dằn vặt)

- Khi nghe tin quá đột ngột, ông Hai sững sờ, xấu hổ và uất ức: “cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi tưởng như không thở được”. Khi trấn tĩnh lại được phần nào, ông còn cố chưa tin cái tin ấy”. Nhưng rồi những người tản cư đã kể rành rọt quá, lại khẳng định họ “vừa ở dưới ấy lên” làm ông không thể không tin. Niềm tự hào về làng thế là sụp đổ tan tành trước cái tin sét đánh ấy. Cái mà ông yêu quý nhất nay cũng đã lại quay lưng lại với ông. Không chỉ xấu hổ trước bà con mà ông cũng tự thấy ông mất đi hạnh phúc của riêng ông, cuộc đời ông cũng như chết mất một nửa.

- Từ lúc ấy trong tâm trí ông Hai chỉ còn có cái tin dữ ấy xâm chiếm, nó thành một nỗi ám ảnh day dứt. Ông tìm cách lảng tránh những lời bàn tán và cúi gằm mặt xuống ra về. Nghe tiếng chửi bọn Việt gian, ông “*cúi gằm mặt mà đi*”, về đến nhà ông nằm vật ra giường, rồi tủi thân nhìn đàn con, “*nước mắt ông lão cứ giàn ra*”. Bao nhiêu câu hỏi dồn về xoắn xuýt, bủa vây làm tâm trạng ông rối bời trong cơn đau đớn, hụt hẫng đến mê dại, dữ dằn và gay gắt.. Ông cảm thấy như chính ông mang nỗi nhục của một tên bán nước theo giặc, cả các con ông cũng sẽ mang nỗi nhục ấy.

- Suốt mấy ngày ông không dám đi đâu. Ông quanh quẩn ở nhà, nghe ngóng tình hình bên ngoài. “Một đám đông túm lại, ông cũng để ý, dăm bảy tiếng cười nói xa xa, ông cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến “cái chuyện ây”. Thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam –nhông… là ông lủi ra một góc nhà, nín thít. Thôi lại chuyện ấy rồi!”

- Nhưng chính lúc này, tình cảm đẹp trong con người ông Hai lại càng được bộc lộ rõ hơn bao giờ hết. Những đau đớn, dằn vặt, sự hổ thẹn đến tột cùng đã đẩy ông Hai vào một tình huống phải lựa chọn. Quê hương và Tổ Quốc, bên nào nặng hơn? Quê hương đáng yêu, đang tự hào... Nhưng giờ đây.... dường như mới chỉ nghĩ tới đó, lòng ông Hai đã nghẹn đắng lại. Tình yêu quê hương và tình yêu tổ quốc xung đột dữ dội trong lòng ông. Một ý nghĩ tiêu cực thoáng qua trong đầu: Hay là quay về làng. Nhưng rồi ông cảm thấy “rợn cả người”. Ông đã từng nhớ làng da diết, từng ao ước được trở về làng. Nhưng “vừa chớm nghĩ, lập tức ông *lão phản đối ngay*” bởi vì “*về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ*”. Cuối cùng ông đã quyết định: “không thể được! Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”. Như vậy,tình yêu làng dẫu có thiết tha, mãnh liệt đến đâu, cũng không thể mạnh hơn tình yêu đất nước.

- Chuẩn mực cho tình yêu và niềm tự hào về quê hương, đối với ông Hai lúc bấy giờ là cuộc kháng chiến. Tuy đau xót tưởng chừng bế tắc nhưng trong cõi thẳm sâu của tấm lòng, người nông dân ấy vẫn hướng về kháng chiến, vẫn tin ở những điều tốt đẹp, cố giữ cho tâm hồn không vẩn đục, để đón đợi một điều gì đỡ đau đớn, tuyệt vọng hơn.

+ Khi tâm sự với đứa con nhỏ còn rất ngây thơ, nghe con nói: “Ủng hộ cụ Hồ Chí Minh”, nước mắt ông Hai cứ giàn ra, chảy ròng ròngtrên hai má, giọng ông như nghẹn lại: “ừ đúng rồi, ủng hộ cụ Hồ con nhỉ?”. Phải chăng, trong tâm hồn người nông dân chất phác ấy vẫn không phút nào nguôi ngoai nỗi nhớ quê hương, yêu quê hương và nỗi đau đớn khi nghe tin quê hương rời xa công việc chiến đấu chung của đất nước bấy giờ? Tâm sự với đứa con, ông Hai muốn bảo con nhớ câu “nhà ta ở làng chợ Dầu”. Đồng thời ông nhắc con- cũng là tự nhắc mình “ủng hộ cụ Hồ Chí Minh”. Tấm lòng thuỷ chung với kháng chiến, với cách mạng thật sâu nặng, bền vững và thiêng liêng: “Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ đám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ đám đơn sai”.

2.3 *Tình yêu làng, yêu nước của ông Hai khi nghe tin làng kháng chiến (Niềm vui của ông Hai khi tin đồn được cải chính.*

- Đến khi biết đích xác làng Dầu yêu quý của ông không phải là làng Việt gian, nỗi vui mừng của ông Hai thật là vô bờ bến: *“Ông cứ múa tay lên mà khoe cái tin ấy với mọi người”, mặt ông “tươi vui, rạng rỡ hẳn lên*”. Đối với người nông dân, căn nhà là cơ nghiệp của cả một cuộc đời, vậy mà ông sung sướng hể hả loan báo cho mọi người biết cái tin “*Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ*” một cách tự hào như một niềm hạnh phúc thực sự của mình. Đó là nỗi lòng sung sướng trào ra hồn nhiên như không thể kìm nén được của người dân quê khi được biết làng mình là làng yêu nước dẫu cho nhà mình bị giặc đốt. Tình yêu làng của ông Hai thật là sâu sắc và cảm động.

- So với lão Hạc trong truyện ngắn cùng tên của nhà văn Nam Cao trước cách mạng tháng Tám, rõ ràng ta thấy ông Hai có những điểm tiến bộ vượt bậc trong nhận thức, tâm hồn, tình cảm và tính cách. Đó chính là nhờ vào đường lối giác ngộ cách mạng của Đảng, Bác Hồ mà học có được. Lão Hạc và ông Hai có những điểm tính cách khác nhau nhưng họ vẫn có những phẩm chất của những người nông dân giống nhau, đều hiền lành, chất phác, lương thiện. Khi cách mạng tháng Tám thành công đã đem đến sự đổi đời cho mỗi người nông dân. Từ một thân phận nô lệ phụ thuộc họ trở thành một người tự do làm chủ cuộc đời, làm chủ đất nước. Từ đó đã củng cố và làm nền tảng vững chắc cho tình yêu quê hương, đất nước, trở thành một tình cảm vững bền, thiêng liêng sâu nặng, nồng cháy. => Trong hoàn cảnh toàn dân đang hướng tới cuộc kháng chiến chống pháp, bảo vệ độc lập dân tộc, ông Hai đã biết đặt tình yêu đất nước lên trên tình yêu cá nhân của mình với làng chợ Dầu, ông dành tất cả cho cách mạng. Đó chính là nét đẹp trong con người ông Hai nói riêng và người nông dân Việt Nam nói chung.

- Văn hào I li a, E ren bua có nói: …” Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu đồng quê trở nên lòng yêu tổ quốc. Ông Hai đúng là một con người như thế. Niềm vui, nỗi buồn của ông đều gắn bó với làng. Lòng yêu làng của ông chính là cội nguồn của lòng yêu nước.

*3.Đánh giá*

Qua truyện ngắn “Làng”, tác giả đã khắc hoạ thành công hình tượng một người nông dân yêu làng, yêu nước hồn nhiên chất phác nhưng xúc động. Hình tượng nhân vật ông Hai vừa phản ánh chân thực những nếp cảm, nếp nghĩ của người nông dân Việt Nam trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, vừa có ý nghĩa giáo dục sâu sắc đối với nhiều thế hệ bạn đọc. Qua truyện ngắn này, ta có thể hiểu được một cách sâu sắc thêm về hình ảnh những người dân kháng chiến Việt Nam với tình yêu quê hương đất nước.

C. Kết bài

**- Khẳng định lại vẻ đẹp của người nông dân Việt Nam và tấm lòng của nhà văn đối với họ.**  
- Ông Hai tiêu biểu cho tầng lớp nông dân thời kì kháng chiến chống Pháp.  
- Qua nhân vật ông Hai trong tác phẩm, tác giả muốn biểu đạt một cách thấm thía, xúc động tình yêu làng, yêu nước sâu sắc của người nông dân trong kháng chiến chống Pháp.  
- Tác giả viết bằng trái tim, tình cảm của mình nên dễ tìm được sự đồng cảm từ người đọc.

**LẶNG LẼ SA PA**

**ĐỀ 1. Cảm nhận của em về vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Sapa trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sapa” của nhà văn Nguyễn Thành Long**

**A.MB: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận**

Mỗi một tác phẩm văn học ra đời đều mang một số phận riêng. Có tác phẩm vừa cất tiếng chào đời đã chết yểu đáng thương. Có tác phẩm gây dư luận xôn xao một thời rồi bị độc giả quên lãng với thời gian. Nhưng cũng cả những bài thơ, quyển truyện có một sức sống lâu bền trong lòng bạn đọc, có một sức hút lạ kì. Truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long là một truyện đặc sắc, để lại trong lòng mỗi chúng ta nhiều rung cảm đẹp đẽ. Truyện đã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên và con người của vùng đất Sapa.

**B.TB**

**1.Khái quát**

Lặng lẽ Sa Pa là kết quả của chuyến công tác ở Lào Cai trong mùa hè năm 1970, sau này được in trong tập  *Giữa trong xanh (* 1972). Đây là truyện ngắn tiêu biểu ở đề tài viết về cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc. Truyện kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa nhân vật anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ để từ đó ca ngợi những con người những công việc thầm lặng.

**2.Thiên nhiên và con người Sapa**

***2.1.Thiên nhiên Sapa***

-Thiên nhiên sapa được tác giả miêu tả ở phần đầu và phần cuối của tác phẩm

+Nắng đốt cháy rừng cây, mạ bạc con đèo…

+Cây hoa tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng.

+Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe.

=> bằng vài nét chấm phá điểm xuyết, nghệ thuật nhân hóa, sosánh ->Tác giả đã khắc họa bức tranh thiên nhiên Sa Pa với vẻ đẹp trong trẻo, thơ mộng, hữu tình. Miêu tả bức tranh thiên nhiên bằng ngôn ngữ trong sáng, mỗi chữ, mỗi câu như có đường nét,hình khối, sắc màu. Văn xuôi truyện ngắn mà giàu nhịp điệu mang âm hưởng một bài thơ về thiên nhiên đất nước.

***2.2. Vẻ đẹp con người Sapa***

***a. Nhân vật anh thanh niên:***

Đây là nhân vật chính của truyện.Tuy nhiên tác giả không cho nhân vật xuất hiện ngay từ đầu mà chỉ gián tiếp qua lời giới thiệu rất ấn tượng của bác lái xe ( rằng anh ta là “một trong những người cô độc nhất thế gian”,rằng anh ta rất “thèm người” và nếu họa sĩ đến gặp thì thế nào “cũng thích vẽ”; sau đó xuất hiện trực tiếp qua cuộc gặp gỡ, trò chuyện với các nhân vật khác trong khoảng thời gian ngắn ngủi ( ba mươi phút). Chỉ 30 phút nhưng cũng đủ để những người tiếp xúc kịp ghi một ấn tượng – kịp để ông họa sĩ thực hiện bức kí họa chân dung, kịp để cô kỹ sư bàng hoàng và có những cái gì đó như hàm ơn về anh.Rồi dường như anh lại khuất lấp vào trong mây mù bạt ngàn và cái lặng lẽ muôn thuở của núi cao Sa Pa. Và mọi người thấm thía điều mà nhà văn muốn nói: *Trong cái im lặng của Sa Pa, dưới những dinh thự cũ kĩ của Sa Pa, Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước.*

-> Với cách dựng truyện như thế, anh thanh niên được hiện ra qua sự nhìn nhận, đánh giá của các nhân vật khác: bác lái xe, ông họa sĩ, cô kĩ sư. Qua cách nhìn nhận và cảm xúc của mỗi người, nhân vật anh thanh niên càng thêm rõ nét và đáng mến hơn.

***a.1: Hoàn cảnh sống và làm việc:***

- Lật từng trang văn của Nguyễn Thành Long, ta thấy anh thanh niên 27 tuổi sống và làm việc một mình trên đỉnh núi cao 2600m, quanh năm làm bạn với mây mù và cây cỏ.

- Anh làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu . Công việc của anh là “đo gió, đo mưa, đo nắng,tính mây và đo chấn động mặt đất, dự báo thời tiết hằng ngày để phục vụ sản xuất và phục vụ chiến đấu”. Một công việc gian khó nhưng đòi hỏi sự chính xác, tỉ mỉ và tinh thần trách nhiệm cao. “Nửa đêm dù mưa tuyết, gió lạnh, đúng giờ ốp thì cũng phải trở dậy ra ngoài trời làm việc”.

- Hoàn cảnh sống khắc nghiệt vô cùng bởi sự heo hút, vắng vẻ; cuộc sống và công việc có phần đơn điệu, giản đơn…là thử thách thực sự đối với tuổi trẻ vốn sung sức và khát khao trời rộng, khát khao hành động. Nhưng cái gian khổ nhất đối với chàng trai trẻ ấy là phải vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ quanh năm suốt tháng ở nơi núi cao không một bóng người. Cô đơn đến mức *“thèm người”*, phải lăn cây chặn đường dừng xe khách qua núi để được gặp gỡ, trò chuyện.

- Và anh đã vượt qua hoàn cảnh bằng những suy nghĩ rất đẹp,giản dị mà sâu sắc.

***a.2. Vẻ đẹp trong tính cách người thanh niên.***

***\* Lòng yêu nghề,tinh thần trách nhiệm với công việc:***

- Anh hiểu rằng, công việc mình làm tuy nhỏ bé nhưng liên quan đến công việc chung của đất nước, của mọi người.

- Làm việc một mình trên đỉnh núi cao,không có ai giám sát,thúc giục anh vẫn luôn tự giác, tận tụy. Suốt mấy năm ròng rã ghi và báo “ốp”đúng giờ. Phải ghi và báo về nhà trong mưa tuyết lạnh cóng, gió lớn và đêm tối lúc 1h sáng, anh vẫn không ngần ngại.

- Và anh đã sống thật hạnh phúc khi được biết do kịp thời phát hiện đám mây khô mà anh đã góp phần vào chiến thắng của không quân ta trên bầu trời Hàm Rồng.

- Anh yêu công việc của mình, anh kể về nó một cách say sưa và tự hào.Với anh, công việc là niềm vui, là lẽ sống. Hãy nghe anh tâm sự với ông họa sĩ*:“[…] khi ta làm việc, ta với công việc là đôi,sao gọi là một mình được? Huống chi công việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất".*Qua lời anh kể và lời bộc bạch này, ta hiểu rằng anh đã thực sự tìm thấy niềm vui và hạnh phúc trong công việc thầm lặng giữa Sa Pa và sương mù bao phủ.

***\* Anh biết tạo ra một cuộc sống nền nếp văn minh và thơ mộng:***

- Sống một mình trên đỉnh núi cao, anh đã chủ động sắp xếp cho mình một cuộc sống ngăn nắp: “một căn nhà ba gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm”.Cuộc sống riêng của anh “thu gọn lại một góc trái gian với chiếc giường con,một chiếc bàn học, một giá sách”.

- Ngoài công việc, anh còn trồng hoa, nuôi gà, làm cho cuộc sống của mình thêm thi vị, phong phú về vật chất và tinh thần.

- Cuộc sống của anh không cô đơn, buồn tẻ vì anh có một nguồn vui đó là đọc sách. Anh coi sách như một người bạn để trò chuyện, để thanh lọc tâm hồn. Sách là nhịp cầu kết nối với thế giới nhộn nhịp bên ngoài. (khi bác lái xe đưa gói sách cho anh, anh“mừng quýnh” như bắt được vàng)

***\* Sự chân thành, cởi mở và lòng hiếu khách:***

- Sống trong hoàn cảnh như thế sẽ có người dần thu mình lại trong nỗi cô đơn.Nhưng anh thanh niên này thật đáng yêu ở nỗi “ thèm người”,lòng hiếu khách đến nồng nhiệt và sự quan tâm đến người khác một cách chu đáo.

- Biểu hiện:

+ Tình thân với bác lái xe, thái độ ân cần chu đáo, tặng củ tam thất cho vợ bác vừa mới ốm dậy.

+ Vui sướng cuống cuồng khi có khách đến thăm nhà.

+ Anh đón tiếp khách nồng nhiệt, ân cần chu đáo : hái một bó hoa rực rỡ sắc màu tặng người con gái chưa hề quen biết: “Anh con trai, rất tựnhiên như với một người bạn đã quen thân, trao bó hoa đã cắt cho người con gái,và cũng rất tự nhiên, cô đỡ lấy”, pha nước chè cho ông họa sĩ.

+ Anh trò chuyện cởi mở với ông họa sĩ và cô kĩ sư về công việc, cuộc sống của mình, của bạn bè nơi Sa Pa lặng lẽ.

+ Đếm từng phút vì sợ hết mất ba mươi phút gặp gỡ vô cùng quý báu.

+ Lưu luyến với khách khi chia tay, xúc động đến nỗi phải “quay mặt đi” và ấn vào tay ông hoạ sĩ già cái làn trứng làm quà, không dám tiễn khách ra xe dù chưa đến giờ “ốp”

-> Tất cả không chỉ chứng tỏ tấm lòng hiếu khách của người thanh niên mà còn thể hiện sự cởi mở, chân thành, nhiệt tình đáng quí.

***\* Sự khiêm tốn,thành thật:***

Anh còn là người rất khiêm tốn, thành thực cảm thấy công việc và những lời giới thiệu nhiệt tình của bác lái xe là chưa xứng đáng, đóng góp của mình chỉ là bình thường nhỏ bé, anh vẫn còn thua ông bố vì chưa được đi bộ đội, trực tiếp ra chiến trường đánh giặc. Khi ông hoạ sĩ kí hoạ chân dung,anh từ chối, e ngại và nhiệt tình giới thiệu những người khác đáng vẽ hơn anh nhiều (ông kĩ sư ở vườn rau Sa Pa, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét...)

=>Tóm lại, chỉ bằng một số chi tiết và anh thanh niên chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc của truyện, nhưng  tác giả đã phác hoạ được chân dung nhân vật chính với những nét đẹp về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa của công việc.

=> Anh thanh niên là hình ảnh tiêu biểu cho những con người ở Sa Pa, là chân dung con người lao động mới trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

***b) Trong tác phẩm,còn có những nhân vật không xuất hiện trực tiếp mà chỉ xuất hiện gián tiếp qua câu chuyện kể của anh thanh niên cũng góp phần thể hiện chủ đề của tác phẩm. Đó là:***

- Anh bạn đồng nghiệp lặng lẽ cống hiến trên đỉnhPhan-xi-păng cao 3142 mét.

- Ông kĩ sư vườn rau Sa Pa hết lòng với công việc. Kiên trì, bền bỉ, làm việc trong âm thầm lặng lẽ “ngày này sang ngàykhác”. Ông ngồi im trong vườn su hào rình xem cách ong lấy phấn, thụ phận chohoa su hào. Và tự ông đi thụ phấn cho từng cây su hào để củ su hào nhân dântoàn miền Bắc ăn được to hơn, ngọt hơn. Ông kĩ sư làm cho anh thanh niên cảmthấy cuộc đời đẹp quá! Công việc thầm lặng ấy chỉ những con người  nơimảnh đất Sa Pa mói hiểu hết được ý nghĩa của nó.

- Anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét. Anh luôn ởtrong tư thế sẵn sằng suốt ngày chờ sét “nửa đêm mưa gió,rét buốt,mặc, cứ nghesét là choáng choàng chạy ra”. Anh đã hi sinh hạnh phúc cá nhân vì niềm đam mêcông việc để khai thác “của chìm nông, của chìm sâu” dưới lòng đất làm giàu choTổ quốc.

-> Dù không xuấthiện trực tiếp trong truyện mà chỉ gián tiếp qua lời kể của anh thanh niên,song họ hiện lên với những nét tuyệt đẹp trong tâm hồn và cách sống. Họ lànhững người say mê công việc. Vì công việc làm giàu cho đất nước, họ sẵn sànghi sinh tuổi thanh xuân, hạnh phúc và tình cảm gia đình. Cuộc sống của họ lặnglẽ và nhân ái biết bao.

**4.Đánh giá**

Như vậy bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, truyện ngắn “LLSP” cuả nhà văn NTL đã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Sapa.Thiên nhiên sapa thì hữu tình thơ mộng còn con người nơi ấy đang thầm lặng cống hiến hết mình vì đất nước. Dù anh thanh niên chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc, nhưng bằng cách đặt nhân vật vào tình huống gặp gỡ tình cờ, qua cảm xúc và đánh giá của mọi người xung quanh , những chi tiết tiêu biểu… tác giả đã phác họa chân dung nhân vật với những nét đẹp về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa công việc.

**C.Kết bài**

- Khẳng định lại giá trị của tác phẩm

- Cảm xúc của bản thân khi đọc tác phẩm

- Tác phẩm đem đến cho em bài học gì?

Có thể nói rằng “Lặng lẽ Sapa” của Nguyễn Thành Long là một tác phẩm độc đáo. Tác phẩm ấy đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng kể chuyện của nhà văn, càng thêm yêu mến, trân trọng, cảm phục những con người đang thầm lặng cống hiến hết mình vì đất nước. . Từ hình ảnh của thiên nhiên và con người trong bài thơ, Nguyễn Thành Long đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về tình yêu thien nhiên, về lẽ sống cống hiến, hi sinh, sống hết mình vì cuộc đời, vì đất nước. Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “ Lặng lẽ sapa” của Nguyễn Thành Long vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

=================000======================

**ĐỀ 2.**

**Cảm nhận về anh thanh niên trong đoạn trích sau:**

            Anh hạ giọng, nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều:

-   Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Vả, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắm liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả “thèm” hở bác? Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy. Bác lái xe đi, về Lai Châu cứ đến đây dừng lại một lát. Không vào “ốp” là cháu chạy xuống chơi, lâu thành lệ. Cháu bỗng dưng tự hỏi: Cái nhớ xe, nhớ người ấy thật ra là cái gì vậy? Nếu là nỗi nhớ phồn hoa đô hội thì xoàng. Cháu ở liền trong trạm hàng tháng. Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toe, mặc, cháu gan lì nhất định không xuống. Ấy thế là một hôm, bác lái phải thân hành lên trạm cháu. Cháu nói: “Đấy, bác cũng chẳng “thèm” người là gì?”.

Anh xoay sang người con gái đang một mắt đọc cuốn sách, một mắt lắng nghe, chân cô đung đưa khe khẽ, nói:

-   Và cô cũng thấy đấy, lúc nào tôi cũng có người trò chuyện. Nghĩa là có sách ấy mà. Mỗi người viết một vẻ.

**Dàn ý:**

**A.MB: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận**

Mỗi một tác phẩm văn học ra đời đều mang một số phận riêng. Có tác phẩm vừa cất tiếng chào đời đã chết yểu đáng thương. Có tác phẩm gây dư luận xôn xao một thời rồi bị độc giả quên lãng với thời gian. Nhưng cũng cả những bài thơ, quyển truyện có một sức sống lâu bền trong lòng bạn đọc, có một sức hút lạ kì. Truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long là một truyện đặc sắc, để lại trong lòng mỗi chúng ta nhiều rung cảm đẹp đẽ. Tác phẩm đã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật anh thanh niên – nhân vật chính của truyện. Chúng ta hãy đến với những lời anh tâm sự với bác họa sĩ và cô kĩ sư để hiểu thêm về vẻ đẹp của nhân vật này.

**B.TB**

**1.Khái quát**

Lặng lẽ Sa Pa là kết quả của chuyến công tác ở Lào Cai trong mùa hè năm 1970, sau này được in trong tập  *Giữa trong xanh (* 1972). Đây là truyện ngắn tiêu biểu ở đề tài viết về cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc. Truyện kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa nhân vật anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ để từ đó ca ngợi những con người những công việc thầm lặng.

**2.Cảm nhận về vẻ đẹp của anh thanh niên trong đoạn trích**

**2.Cảm nhận về vẻ đẹp của anh thanh niên trong đoạn trích**

**\*Giới thiệu về hoàn cảnh sống và công việc của anh thanh niên**.

Đoạn trích đưa ta đến vùng đất Sapa để gặp một chàng thanh niên 27 tuổi làm công tác khí tượng khí tượng kiêm vật lí địa cầu. Qua lời kể của bác lái xe cũng như qua cuộc trò chuyện ngắn ngủi trên đỉnh Yên Sơn giữa anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ, ta phần nào hiểu được hoàn cảnh sống, công việc và con người anh. Anh sống 1 mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 m. quanh năm làm bạn với thiên nhiên cây cỏ mây mù lạnh lẽo hoàn toàn vắng bóng con người. Khó khăn lớn nhất không phải là thiên nhiên khắc nghiệt mà chính là nỗi cô đơn. Hoàn cảnh sống ấy quả là một thử thách đối với tuổi trẻ vốn sung sức khao khát khao hành động. Tuy nhiên cũng chính hoàn cảnh sống đó đã làm choc ho những vẻ đẹp của anh tỏa sáng lung linh hơn.

**\*Anh là một người yêu nghề, có niềm đam mê với khoa học**

- Nói về anh thanh niên trong đoạn trích này, trước hết ta nhận ra ở anh là tình yêu nghề và niềm đam mê với khoa học. Anh sống 1 mình trên đỉnh Yên Sơn với công việc bình dị: Đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất*.* Anh quan niệm*:” Khi làm việc ta với công việc là đôi sao gọi là một mình được”.*Một quan niệm thật giản dị nhưng thể hiện một lẽ sống đẹp. Với anh khi lao động con người với công việc là đôi, là bạn bởi thế anh khoông cảm thấy lẻ loi cô độc. Hơn nữa “ *công việc của cháu còn gắn với việc của bao anh em ,đồng chí dưới kia*”. Bên cạnh anh còn biết bao anh em đồng chí cùng đồng hành với anh, cùng anh âm thầm làm việc phấn đấu hết mình vì việc chung nên ko thể gọi là “*1 mình được”*

- Anh tiếp tục lời tâm sự chân tình, cởi mở “*Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi , cháu buồn đến chết mất”.* Thực tế công việc vào giờ “ốp” đầy gian nan và vất vả. Chỉ một mình anh đúng một giờ sáng, phải đậy đúng giờ, phải đi ra ngoài trời giá lạnh” gió tuyết &lặng im”, núi non trùng điệp lạnh lẽo , hoang vu. Đó là 1 thử thách lớn không phải ai cũng dễ dàng vượt qua.Nhưng lạ lùng làm sao” *cất nó đi cháu buồn đến chết mất*”. Lời tâm sự chân thành làm ta khâm phục biết bao.. Không biết tự bao giờ anh đã yêu công việc đày gian khổ ấy. Được sống nơi này để làm việc, được cống hiến với anh là niềm hạnh phúc lớn nhất cuộc đời. Nhân vật anh thanh niên đã giúp ta hiểu hơn về thế hệ cha ông trong những năm đầu của thập niên 70 ở thế kỉ XX, về tinh thần xây dựng CNXH của nhân dân ta ở miền Bắc

**\*Một người sống có lý tưởng, có trách nhiệm.**

Không chỉ yêu nghề, anh thanh niên trong đoạn trích này còn là một người sống có lý tưởng, có trách nhiệm. Anh ý thức một cách rất rõ ràng: *Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc?*. Nhận thức đó cho thấy anh trẻ nhưng không hời hợt. Anh sống một mình nhưng không cô đơn vì lúc nào trong tư tưởng của anh mục đích sống, lẽ sống vẫn luôn luôn tồn tại và nhắc nhở. Làm một công việc đơn độc, phải dậy vào lúc nửa đêm, phải ra ngoài trời lúc mưa bão, lạnh lẽo, anh có thể nằm ở trong nhà, lấy số liệu cũ mà gọi bộ đàm về để báo cáo. Nhưng anh không làm điều đó. Vì anh có trách nhiệm và anh hiểu rõ việc anh làm ở đây có liên quan, có ảnh hưởng đến cuộc sống lao động và chiến đấu của rất nhiều người lúc bấy giờ. Một con người như anh thật đáng để ta trân trọng.

**\*Một người sống cởi mở chân thành , quí trọng tình cảm.**

Cùng với vẻ đẹp của tình yêu nghề, của tinh thần trách nhiệm, anh thanh niên còn là một người sống cởi mở, chân thành và rất quý trọng tình cảm. Chỉ gặp họa sĩ và cô kĩ sư một cách tình cờ, trong thời gian rất ngắn ngủi- 30 phút, thế nhưng anh đã tâm tình cởi mở biết bao điều về công việc của mihnf với họ.. Anh cứ thủ thỉ tâm tình trò chuyện như đã quen thân tự bao giờ. Bởi với anh được gặp người, trò chuyện với mọi người là 1 một niềm mong mỏi. Anh khẳng định nỗi khao khát của mình: *Còn người thì ai mà chả“thèm ”hở bác*? Nỗi thèm người của anh là một nhu cầu chính đáng, đáng quí. Điều đó cho thấy nỗi khát khao giao cảm được trò chuyện của một con người sống cởi mở , nồng nhiệt. Chính bởi sống cởi mở quí trọng tình cảm mà “ *Không vào giờ “ốp” là cháu xuống chơi, lâu thành lệ*”. Nghĩa là gặp người, giao cảm trò chuyện với mọi người đã trở thành nhu cầu, thành niềm hạnh phúc của anh. Sự chân thành ,cởi mở quí trọng tình cảm của anh khiến ta xúc động và trân trọng vô cùng.

**\*Một người ham học hỏi, rất quan tâm đến đời sống nội tâm.**

Không chỉ vậy, anh thanh niên còn là một người ham học hỏi và rất quan tâm đến đời sống nội tâm. Ngắm nhìn cô kỹ sư đang mải mê đọc sách , anh nói : “*Cô cũng thấy đấy , lúc nào tôi cũng có người trò chuyện . Nghĩa là có sách ấy* ’’. Vậy là sống nơi SaPa lặng lẽ , anh ko cô đơn buồn tẻ vì đã có sách làm bạn . Sách giúp đỡ đời sống tinh thần của anh thêm phong phú, giúp anh mở rộng tri thức vốn sống để không ngừng theo kịp thời đại. Anh tự lo liệu xoay sở đẻ thường xuyên có sách đọc. Sách không chỉ giúp anh nâng cao hiểu biết, nâng cao kiến thức, sách còn giúp anh khuây khoả trong những phút giây rảnh rỗi. Say mê đọc sách là một thói quen, một đức tính đáng quý ở anh.

**3. Đánh giá**

- Như vậy, bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, bằng sự đan xen giữa tự sự và miêu tả, đoạn trích đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn những vẻ đẹp trong tâm hồn nhân vật anh thanh niên- một chàng trai có lí tưởng sống cao đẹp, có tình yêu nghề, quý trọng tình cảm và rất ham học hỏi. Anh thanh niên chính là hình ảnh đại diện của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước. Xây dựng nhân vật này, Nguyễn Thành Long muốn gửi vào đó lời ngợi ca đến những con người đang ngày đêm thầm lặng cống hiến cho dân tộc.

1. **Kết bài:**

**Có thể nói rằng truyện ngắng “LLSP” của nhà văn NTL là một tác phẩm vô cùng đặc sắc. Tác phẩm và đặc biệt là đoạn trích trên đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng kể chuyện của nhà văn Nguyễn Thanh Long, càng thêm trân trọng và yêu mến những con người đang lao động cống hiến hết mình vì đất nước. Từ cuộc trò chuyện của anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ, tác phẩm đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về lí tưởng sống, về trách nhiệm và về tinh thần vượt khó vươn lên . Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử truyện ngắn “LLSP” của nhà văn NTL vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.**

**===========000===========**

**Đề 3: Cảm nhận của em về nhân vật anh thanh niên trong đoạn trích sau:**

“Thôi, chấm dứt tiết mục hái hoa – Người con trai bất chợt quyết định – Bác lái xe chỉ cho ba mươi phút thôi. Hết năm phút rồi. Cháu nói qua công việc của cháu, năm phút. Còn hai mươi phút, mời bác và cô vào nhà uống chè, cho cháu nghe chuyện. Cháu thèm nghe chuyện dưới xuôi lắm. Công việc của cháu cũng quanh quẩn ở mấy chiếc máy ngoài vườn này thôi. Những cái máy vườn trạm khí tượng nào cũng có. Dãy núi này có một ảnh hưởng quyết định tới gió mùa đông bắc đối với miền Bắc nước ta. Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. Đây là máy móc của cháu. Cái thùng đo mưa này, ở đâu bác cũng trông thấy, mưa xong đổ nước ra cốc li phân mà đo. Cái này là máy nhật quang kí, ánh nắng mặt trời xuyên qua cái kính này, đốt các mảnh giấy này, cứ theo mức độ, hình dáng vết cháy mà định nắng. Đây là máy Vin, nhìn khoảng cách giữa các răng cưa mà đoán gió. Ban đêm, không nhìn mây, cháu nhìn gió lay lá hay nhìn trời, thấy sao nào khuất, sao nào sáng, có thể nói được mây, tính được gió. Cái máy nằm dưới sâu kia là máy đo chấn động vỏ quả đất. Cháu lấy những con số, mỗi ngày báo về “nhà” bằng máy bộ đàm bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối, lại một giờ sáng. Bản báo ấy trong ngành gọi là “ốp”. Công việc nói chung dễ, chỉ cần chính xác. Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. Ở đây có mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống những nhát chổi lớn, muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung… Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ lại được.

**Gợi ý:**

**a. Đảm bảo cấu trúc của một bài nghị luận văn học:** có đầy đủ Mở đoạn , thân đoạn , Kết đoạn . Mở đoạn giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân triển khai được các luận điểm làm rõ vấn đề nghị luận; Kết khái quát được nội dung nghị luận.

**b. Xác định đúng vấn đề nghị luận**

**c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ gữa lí lẽ và dẫn chứng. Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:**

**1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề**

**Tham khảo:** Mỗi một tác phẩm văn học ra đời đều mang một số phận riêng. Có tác phẩm vừa cất tiếng chào đời đã chết yểu đáng thương. Có tác phẩm gây dư luận xôn xao một thời rồi bị độc giả quên lãng với thời gian. Nhưng cũng cả những bài thơ, quyển truyện có một sức sống lâu bền trong lòng bạn đọc, có một sức hút lạ kì. Truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long là một truyện đặc sắc, để lại trong lòng mỗi chúng ta nhiều rung cảm đẹp đẽ. Tác phẩm đã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật anh thanh niên – nhân vật chính của truyện nhất là qua những lời anh chia sẻ với bác họa sĩ về công việc và cuộc sống của mình.

**2. Thân bài**

**2.1.Khái quát về tác phẩm**

Lặng lẽ Sa Pa là kết quả của chuyến công tác ở Lào Cai trong mùa hè năm 1970, sau này được in trong tập  *Giữa trong xanh (* 1972). Đây là truyện ngắn tiêu biểu ở đề tài viết về cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc. Truyện kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa nhân vật anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ để từ đó ca ngợi những con người những công việc thầm lặng.

**2.2.Cảm nhận về nhân vật anh thanh niên qua đoạn trích**

***a. Công việc của anh thanh niên***

– Đoạn văn là lời của nhân vật thanh niên, nhân vật chính trong truyện Lặng lẽ Sa Pa. Nhân vật thanh niên đó sống một mình trên núi cao, quanh năm suốt tháng làm việc với cây và mây núi ở Sa Pa.

– Công việc của anh là làm khí tượng kiêm vật lý địa cầu. Nhiệm vụ của anh là đo gió, đo mưa, đo gió, đo chấn động mặt đất và dự báo thời tiết hằng ngày phục vụ cho công việc chiến đấu và sản xuất.

 Công việc của anh làm âm thầm, lặng lẽ một mình, báo về “ốp” đều đặn những con số để phục vụ sản xuất, chíên đấu. Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác, có tính trách nhiệm cao.

=> Hoàn cảnh sống khắc nghiệt, công việc gian khổ, vất vả. Đó là thử thách rất lớn nhưng anh thiên niên đã vượt qua hoàn cảnh ấy bằng ý chí, nghị lực và những suy nghĩ rất đẹp

***b. Phẩm chất của anh thanh niên được thể hiện qua đoạn trích***

**\*Ở anh trước hết ta nhận ra là tình yêu với công việc. Anh giới thiệu chi tiết từng loại máy, từng dụng cụ của mình cho ông họa sĩ và cô kĩ sư**. Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. Đây là máy móc của cháu. Cái thùng đo mưa này, ở đâu bác cũng trông thấy, mưa xong đổ nước ra cốc li phân mà đo. Cái này là máy nhật quang kí, ánh nắng mặt trời xuyên qua cái kính này, đốt các mảnh giấy này, cứ theo mức độ, hình dáng vết cháy mà định nắng. Đây là máy Vin, nhìn khoảng cách giữa các răng cưa mà đoán gió. Để có thể hiểu và giới thiệu một cách đầy đủ về công việc cũng như các thiết bị làm việc của mình một cách rành rọt như vậy hẳn là anh đã phải dành rất nhiều thời gian để tìm hiểu về nó thậm chí coi nó như người bạn của mình**. Và anh cũng có rất nhiều kinh nghiệm trong công việc của mình.** Ban đêm, không nhìn mây, cháu nhìn gió lay lá hay nhìn trời, thấy sao nào khuất, sao nào sáng, có thể nói được mây, tính được gió. Những kinh nghiệm ấy anh đã tích lũy được trong quá trình làm việc, trong suốt 4 năm anh gắn bó với công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu.

**\* Anh thanh niên còn là một người có tinh thần tự giác rất cao, có thái độ nghiêm túc trong công việc.** Một mình sống trên đỉnh Yên Sơn, không có ai đôn đốc, kiểm tra  nhưng **anh vẫn vượt qua hoàn cảnh làm việc một cách nghiêm túc**. . Dù thời tiết khắc nghiệt mùa đông giá rét mà anh đều thức dậy thắp đèn đi “ốp” đúng giờ. Ngày nào cũng vậy anh làm việc một cách đều đặn, chính xác 4 lần trong ngày, âm thầm, bền bỉ trong nhiều năm trời. Khó nhất là lúc đo và báo về cơ quan vào lúc 1 giờ sáng. Theo lời anh kể : Rét, bác ạ. Ở đây có mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống những nhát chổi lớn, muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung… Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ lại được”. Giữa chon von nơi đỉnh núi, lại vào lúc một giờ sáng, khi nhà nhà, người người đang chìm trong giấc ngủ thì anh thanh niên lại phải bật dậy, xách đèn bão ra vườn thực hiện công việc của mình. Anh có thế không dậy, có thể lấy con số cũ hoặc một cọn số bất kì nào đó để báo về cơ quan. Nhưng không, anh đã không làm như vậy bởi **anh nhận thức được rất rõ tầm quan trọng của công việc mà anh đang đảm nhận. và hơn cả tinh thần vượt khó để hoàn thành công việc ấy chính là xuất phát từ tinh thần tự giác cao của anh. Một người trẻ tuổi như anh thật đáng trân quý biết bao.**

**3. Đánh giá**

- Như vậy, bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, bằng sự đan xen giữa tự sự và miêu tả, đoạn trích đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn những vẻ đẹp trong tâm hồn nhân vật anh thanh niên- một chàng yêu nghề và có tinh thần trách nhiệm, tinh thần tự giác đáng trọng. Anh thanh niên chính là hình ảnh đại diện của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước. Xây dựng nhân vật này, Nguyễn Thành Long muốn gửi vào đó lời ngợi ca đến những con người đang ngày đêm thầm lặng cống hiến cho dân tộc.

1. **Kết bài:**

**Có thể nói rằng truyện ngắng “LLSP” của nhà văn NTL là một tác phẩm vô cùng đặc sắc. Tác phẩm và đặc biệt là đoạn trích trên đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng kể chuyện của nhà văn Nguyễn Thanh Long, càng thêm trân trọng và yêu mến những con người đang lao động cống hiến hết mình vì đất nước. Từ cuộc trò chuyện của anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ, tác phẩm đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về lí tưởng sống, về trách nhiệm và về tinh thần vượt khó vươn lên . Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử truyện ngắn “LLSP” của nhà văn NTL vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.**

**CHIẾC LƯỢC NGÀ**

**Đề 1: Phân tích tình cảm của ông Sáu dành cho con gái qua đoạn trích dưới đây**

*[...] Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hớt hải chạy về, tay cầm khúc ngà đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà.*

*Sau đó anh lấy vỏ đạn hai mươi ly của Mĩ, đập mỏng làm thành một cây cưa nhỏ, ca khúc ngà thành từng miếng nhỏ. Những lúc rồi, anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc... Một ngày anh chưa được một vài răng. Không bao lâu sau, cây lược được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi... cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tẩn mẩn khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”... Những đêm nhớ con, .... anh lấy cây lược ra ngắm nghía, rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Có cây lược, anh càng mong gặp lại con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra...Anh bị viên đạn của máy bay Mỹ bắn vào ngực. Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trồi lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh.*

**Gợi ý:**

**I. Mở bài:** Giới thiệu tác giả, tác phẩm và vấn đề nghị luận

**Tham khảo:**

Bom đạn chiến tranh đã khiến cho đất nước mang trên mình những vết thương, khiến cho bao gia đình tan nát vì chia xa, những nỗi đau cứ thế mà chồng chất. Tuy nhiên, giữa bản nhạc buồn của chiến tranh, văn học vẫn mang đến cho đời sống tình cảm của con người những cung bậc, những âm thanh da diết, tuyệt đẹp về tinh thần đoàn kết, về tình đồng đội, đồng chí và cả tình cảm gia đình thiêng liêng bất diệt. Một trong những tác phẩm hay nhất viết về tình cảm gia đình trong chiến tranh là “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. **Tác phẩm đã giúp người đọc cảm nhận được tình cảm yêu thương con mãnh liệt của ông Sáu. Tình cảm ấy được bộc lộ rõ nét nhất trong những ngày anh Sáu trở lại chiến trường cùng lời hứa tặng con cây lược.**

**II. Thân bài:**

1. **Khái quát**

Tuyện ngắn *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó làm nổi bật tình cha con sâu nặng đồng thời khẳng định:Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.

1. **Khái quát nội dung đoạn trước**

Ở phần đầu của tác phẩm, Nguyễn Quang Sáng đã cho người đọc thấy được tình cảnh éo le của cha con ông Sáu. Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến, mãi đến khi con gái ông lên tám tuổi, ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Nhưng trớ trêu thay, bé Thu – con gái ông lại không chịu nhận cha vì vết theo trên mặt làm ba em không giống với người chụp chung với má trong bức ảnh mà em đã biết. Thu đối xử với ba như người xa lạ dù cho ba có hết mực quan tâm. Và đến lúc em nhận ra, tình cảm cha con thức dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải lên đường. Ơ tình huống thứ nhất, người đọc đã cảm nhận được một cách rõ nét tình cảm của ông Sáu dành cho con. Tình cảm ấy được thể hiện ở niềm khao khát được gặp con, ở sự quan tâm dành cho cô con gái bé nhỏ. Và tình cảm đó tiếp tục được bộc lộ một cách đầy đủ và trọn vẹn khi anh Sáu trở lại chiến trường.

**2. 2. Tình cảm của ông Sáu dành cho con khi ông ở căn cứ kháng chiến.**

**\*Tình yêu con được thể hiện ở niềm vui khi có thể thực hiện lời hứa với cô con gái bé nhỏ.**

**Tình cảm của ông Sáu đối với con trước hết được thể hiện ở niềm vui khi có thể thực hiện được lời hứa với cô con gái bé nhỏ.** Vào chiến trường ông Sáu không nguôi nhớ về con. Nhớ con, ông lại ân hận, day dứt khi mình đã đánh con bé. Và có lẽ cũng vì thế mà khi **kiếm được một khúc ngà,** mặt ông “hớn hở như một đứa trẻ được quà”. Nguyễn Quang Sáng đã rất thành công khi miêu tả tâm lí của người cha. Tác giả so sánh niềm vui của ông Sáu với niềm vui của “một đứa trẻ được quà”. Trẻ con nhận được quà bao giờ cũng cảm thấy rất sung sướng. So sánh như vậy là nhà văn muốn làm nổi bật niềm hạnh phúc của người cha khi có thể thực hiện được lời hứa với con, khi có thể làm tặng con một cây lược.

**\*Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ trở thành một nghệ nhân**

**Và chính tình yêu thương con mãnh liệt đã biến một người chiến sĩ cách mạng như ông Sáu trở thành một nghệ nhân** - nghệ nhân chỉ sáng tạo ra một tác phẩm duy nhất trong đời. Có khúc ngà rồi, những lúc rỗi, ông Sáu “ngồi cưa từng chiếc răng lược, thận trọng tỉ mỉ và khổ công như người thợ bạc”. Trên sống lưng cây lược, ông đã tận mẩn khắc một dòng chữ nhỏ: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”. Dòng chữ nhỏ mà chứa bao tình cảm lớn lao. Đó là tình yêu, là nỗi nhớ con luôn thường trực. Việc làm chiếc lược vừa là cách ông giải tỏa tâm trạng mong nhớ, ân hận vừa là cách gửi vào đó những yêu thương khao khát cháy bỏng dành cho đứa con gái yêu của mình. Chiếc lược ngà giờ đây đã trở thành một vật quí giá thiêng liêng với ông Sáu. Nó làm dịu đi nỗi ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm yêu mến, nhớ thương, mong đợi của của người cha đối với đứa con xa cách. Ông gửi vào đó bao lời nhắn nhủ thiêng liêng, gửi vào đó bao nỗi nhớ mong con. Chiếc lược ngà là kết tinh tình phụ tử mộc mạc mà đằm thắm, đơn sơ mà diệu kì là hiện hữu của tình cha con sâu nặng giữa ông Sáu và bé Thu. Tình thương ông dành cho con cháy bỏng, như một dòng sông chảy mãi từ suối nguồn, như dòng máu chảy sâu vào tim ông, vào tâm hồn ông đến phút cuối vẫn bùng cháy chẳng nguôi.

**\* Trong giờ phú cuối cùng, điều duy nhất a Sáu nghĩ đến là con gái**

**Bao nhiêu yêu thương và mong nhớ được ông Sáu gửi gắm vào cây lược những mong ngày đất nước độc lập, được trở về bên con, được tận tay trao cho con cây lược ấy. Thế nhưng** Một tình cảnh đau thương lại đến với cha con ông Sáu.Trong một trận càn của quân Mỹ ngụy, ông Sáu bị một viên đạn bắn vào ngực và ông đã hi sinh. “Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trồi lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được”, tất cả tàn lực cuối cùng chỉ còn cho ông làm một việc “đưa tay vào túi, móc cây lược” đưa cho người bạn chiến đấu. Đó là điều trăng trối không lời nhưng nó thiêng liêng hơn cả những lời di chúc. Nó là sự ủy thác, là ước nguyện cuối cùng, ước nguyện của tình phụ tử. Chiếc lược ngà như là biểu tượng của tình thương yêu, săn sóc của người cha dành cho con gái, cho dù đến khi không còn nữa anh chưa một lần được chải tóc cho con.Những dòng cuối cùng của đoạn trích khép lại trong nỗi buồn mênh mang mà chứa chan ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Chiến tranh là hiện thực đau xót của nhân loại. Chiến tranh đã làm cho con người phải xa nhau, chiến tranh làm khuôn mặt ông Sáu biến dạng, chiến tranh khiến cuộc gặp gỡ của hai cha con vô cùng éo le, bị thử thách rồi một lần nữa chiến tranh lại khắc nghiệt để ông Sáu chưa kịp trao chiếc lược ngà đến tận tay cho con mà đã phải hi sinh trên chiến trường. “Chiếc lược ngà” như một truyện cổ tích hiện đại dẫn người đọc dõi theo số phận của nhân vật. Người còn, người mất những kỉ vật gạch nối giữa cái mất mát và sự tồn tại là chiếc lược ngà nói với chúng ta nhiều điều về tình người, tình đồng chí, tình cha con. Cảm động nhất, đề lại ấn tượng nhiều nhất cho người đọc là tình phụ tử thiêng liêng, sâu đậm – tình yêu thương mà ông Sáu dành cho đứa con gái.

1. **Đánh giá:**

**N**hân vật ông Sáu được nhà văn xây dựng bằng những nét nghệ thuật đặc sắc, ngòi bút miêu tả tâm lí tinh tế đã phát hiện bao cung bậc cảm xúc của tình phụ tử.Ngôn ngữ kể chuyện vừa truyền cảm, vừa mang đậm chất địa phương Nam Bộ đem đến cho người đọc nhiều xúc động.Những chi tiết nghệ thuật rất đắt giá như lời dặn mua cho con cây lược của bé Thu, ông Sáu hớn hở khi kiếm được chiếc ngà voi... Tất cả đã góp phần tô đậm vẻ đẹp của người chiến sĩ Cách mạng, của người cha yêu con nồng thắm.

**III. Kết bài:**

Có thể nói rằng “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng là một câu chuyện vô cùng cảm động. Tác phẩm ấy đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng kể chuyện của nhà văn, càng thêm trân trọng hơn tình cảm gia đình, thêm xót xa cho những hi sinh mất mát của dân tộc ta trong những năm tháng kháng chiến. Từ câu chuyện của cha con anh Sáu, Nguyễn Quang Sáng đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về tình cảm gia đình, về trách nhiệm với quê hương đất nước. Chúng ta nhận ra rằng mình phải sống sao cho xứng đáng với quá khứ, với lịch sử của dân tộc. Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.  
**Đề 2: Cảm nhận của em về đoạn trích sau:**

Chúng tôi, mọi người – kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con bỗng như nổi dậy trong người đó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên:

- Ba…a…a….ba!

Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa . Đó là tiếng “Ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “Ba” như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Tôi thấy làn tóc tơ sau ót nó như dựng đứng lên.

Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc:

- Ba! Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con!

Ba nó bế nó lên. Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa.

( Trích Chiếc lược ngà, Nguyễn Quang Sáng, Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục)

**Dàn bài:**

**A.Mở bài: +** Giới thiệu tác giả, giới thiệu văn bản; + Nêu vấn đề nghị luận

**Tham khảo**

Bom đạn chiến tranh đã khiến cho đất nước mang trên mình những vết thương, khiến cho bao gia đình tan nát vì chia xa, những nỗi đau cứ thế mà chồng chất. Tuy nhiên, giữa bản nhạc buồn của chiến tranh, văn học vẫn mang đến cho đời sống tình cảm của con người những cung bậc, những âm thanh da diết, tuyệt đẹp về tinh thần đoàn kết, về tình đồng đội, đồng chí và cả tình cảm gia đình thiêng liêng bất diệt. Một trong những tác phẩm hay nhất viết về tình cảm gia đình trong chiến tranh là “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Tác phẩm đã giúp người đọc cảm nhận được tình cảm cha con sâu nặng giữa bé Thu và ông Sáu trong những năm tháng chiến tranh ác liệt nhất. Và gây xúc động với người đọc nhất có lẽ là đoạn truyện kể lại giây phút chia tay của cha con ông Sáu

**B.Thân bài**

1. **Khái quát**

- Tác phẩm *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó làm nổi bật tình cha con sâu nặng đồng thời khẳng định:Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.

**2.Cảm nhận đoạn trích**

**2.1.Nhắc lại nội dung đoạn trước**

Ở phần đầu của tác phẩm, Nguyễn Quang Sáng đã cho người đọc thấy được tình cảnh éo le của cha con ông Sáu. Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến, mãi đến khi con gái ông lên tám tuổi, ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Nhưng trớ trêu thay, bé Thu – con gái ông lại không chịu nhận cha vì vết theo trên mặt làm ba em không giống với người chụp chung với má trong bức ảnh mà em đã biết. Thu đối xử với ba như người xa lạ dù cho ba có hết mực quan tâm. Và đến lúc em nhận ra, tình cảm cha con thức dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải lên đường.

**2.2. Cảm nhận đoạn trích**

**a)Cảm nhận về nội dung của đoạn trích**

**Có thể nói rằng đây là đoạn truyện hay nhất, để lại nhiều xúc động nhất trong lòng người đọc. Chỉ với một đoạn truyện ngắn nhưng NQS đã làm nổi bật được tình cảm cha chon sâu nặng giữa anh Sáu và bé Thu.**

**a1) Đó trước hết là tình cảm của con dành cho cha.**

**\*Thái độ của bé Thu lúc này đã hoàn toàn thay đổi.** Trong khi mọi người vây xung quanh ba nó còn mẹ nó đang lo chuản bị đồ đạc cho ba thì bé Thu lại đứng trong góc nhà, đôi mắt đượm buồn, tâm trạng bồn chồn, lo lắng. Cái vẻ mặt ngơ ngác, lạ lùng, cái thái độ ngang ngạnh, bướng bỉnh giờ đây không còn nữa mà thay vào đó là ánh nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa. Có lẽ con bé lúc này đang ân hận và day dứt lắm bởi trong suốt những ngày qua nó đã có những cư xử, những thái độ thật không đúng với cha của mình.

**\* Tình cảm của em được gửi trọn trong tiếng gọi “ba” đầy cảm động**

Trong giờ phút chia tay ấy, kho không ai ngờ tới thì bé Thu lại cất tiếng gọi *“Ba…a…a…ba”* trong sự ngỡ ngàng của anh Sáu và của cả mọi người. Tiếng kêu của nó như tiếng xe, xé sự im lặng, xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “ba” nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay như vỡ tung từ đáy lòng nó”. Tiếng gọi thân thương ấy đứa trẻ nào cũng gọi đến thành quen nhưng với cha con Thu là nỗi khát khao của 8 năm trời xa cách thương nhớ. Đó là tiếng gọi của trái tim, của tình yêu trong lòng đứa bé 8 tuổi mong chờ giây phút gặp ba. Nó vừa kêu, vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc:-Ba!Không cho ba đi nữa!Ba ở nhà với con!”.Tình cảm con với ba được thể hiện một cách mãnh liệt, mạnh mẽ, cuống quýt, hối hả và có xen lẫn phần hối hận. Đó là những cảm xúc đã dồn nén từ lâu bỗng vỡ òa ra: “Ba bế nó lên. Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc,hôn cổ, hôn vai, và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa”. Bà con và người kể chuyện cũng như người đọc không thể kìm được nỗi xúc động như có ai đang nắm chặt tim mình bởi vì cái éo le của tình cha con ở đây. Lúc cha con nhận nhau lại cũng chính là lúc người cha phải ra đi. Sự níu kéo của đứa con càng khắc nhấn sự éo le của chiến tranh: “Con bé hét lên, hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó và đôi vai nhỏ bé của nó run run”. Những nỗ lực của Thu không giữ được ba nó. Ông Sáu vẫn phải ra đi dù giây phút cha con nhận nhau thật ngắn ngủi! Xót thương thay cho Thu bởi cô đâu hiểu rằng cuộc gặp gỡ đầu tiên này cũng là lần cuối cùng. Ba cô đã hi sinh trong một trận càn. Chứng kiến những biểu hiện tình cảm ấy trong cảnh ngộ cha con ông Sáu phải chia tay, có người không cầm được nước mắt và người kể chuyện thì cảm thấy như có bàn tay ai nắm lấy trái tim mình.

+ Anh Sáu: bế nó lên, ôm chặt lấy bé Thu và anh đã khóc, khóc vì bé Thu đã nhận ra anh và dành tình cảm cho anh; khóc vì khi hai cha con vừa nhận ra nhau cũng là lúc anh phải lên đường. Đó là giọt nước mắt tình cảm cha con sâu đậm.

=> Tình cảm cha con ấy đã gây nên một xúc cảm mãnh liệt đối với những người chứng kiến: tiếng kêu của bé Thu không chỉ xé sự im lặng mà còn xé cả ruột gan mọi người, nghe mà xót xa.

a 2) Đó còn là tình cảm của cha dành cho con

Không chỉ giúp người đọc cảm nhận được tình cảm của con dành cho cha, đoạn trích còn cho ta thấy được tình cảm cha dành cho con cũng vô cùng mãnh liệt. Khi chia tay cử chỉ, tâm trạng của anh Sáu thật đặc biệt: anh Sáu chỉ dám đưa mắt nhìn con, vì anh sợ bất cứ sự quan tâm nào của mình cũng sẽ bị bé Thu cự tuyệt, anh chỉ lặng nhìn đứa con yêu quý của mình. Ông muốn ôm con,nhưng lại sợ con không nhận đành chỉ nhìn. Song chính trong lúc này, tình cảm dành cho người cha ở bé Thu òa ra mãnh liệt. Nó cất tiếng gọi “ba”, ông xúc động đến phát khóc và “không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc của con”.Người chiến sĩ ấy nước mắt đã khô cạn nơi chiến trường, giờ đây là những giọt nước mắt hiếm hoi – nước mắt của niềm hạnh phúc và tình cha con. ông luôn muốn hình ảnh của mình đẹp đẽ tronmg mắt con.. Ông không muốn con nhìn thấy minh khóc, không muốn con thấy được vẻ yếu đuối của mình vì ông biết con gái mình luôn tôn thờ một người cha mạnh mẽ và dũng cảm.

**3.Đánh giá về nghệ thuật và nội dung của đoạn trích**

- Đoạn trích đã tạo nên bước ngoặt cho câu chuyện: hóa giải được những thắc mắc, hoài nghi của bé Thu, khiến cha con thực sự được đoàn tụ và ông Sáu được thỏa lòng mong nhớ con; đồng thời thể hiện rõ nét tính cách của bé Thu: cá tính và yêu cha hết mực.

- Đoạn trích nói riêng và truyện ngắn nói chung đã thể hiện tình cảm cha con, tình cảm gia đình trong chiến tranh một cách cảm động. Qua đó, ta nhận ra một thông điệp thật ý nghĩa: Chiến tranh là kẻ thù của tình yêu và hạnh phúc!

**C. Kết bài:**

Có thể nói rằng “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng là một câu chuyện vô cùng cảm động. Tác phẩm ấy đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng kể chuyện của nhà văn, càng thêm trân trọng hơn tình cảm gia đình, thêm xót xa cho những hi sinh mất mát của dân tộc ta trong những năm tháng kháng chiến. Từ câu chuyện của cha con anh Sáu, Nguyễn Quang Sáng đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về tình cảm gia đình, về trách nhiệm với quê hương đất nước. Chúng ta nhận ra rằng mình phải sống sao cho xứng đáng với quá khứ, với lịch sử của dân tộc. Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “ Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

…………………………………………………………………………….

**Đề 3 : Phân tích diễn biến tâm lí và tình cảm của bé Thu trong đoạn trích truyện *Chiếc lược ngà*  của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.**

**A.Mở bài**

**+** Giới thiệu tác giả, giới thiệu văn bản.

+ Nêu vấn đề nghị luận

**Tham khảo**

Bom đạn chiến tranh đã khiến cho đất nước mang trên mình những vết thương, khiến cho bao gia đình tan nát vì chia xa, những nỗi đau cứ thế mà chồng chất. Tuy nhiên, giữa bản nhạc buồn của chiến tranh, văn học vẫn mang đến cho đời sống tình cảm của con người những cung bậc, những âm thanh da diết, tuyệt đẹp về tinh thần đoàn kết, về tình đồng đội, đồng chí và cả tình cảm gia đình thiêng liêng bất diệt. Một trong những tác phẩm hay nhất viết về tình cảm gia đình trong chiến tranh là “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Truyệnđã thể hiện những diễn biến tâm lí tinh tế và tình cảm sâu sắc, mạnh mẽ mà bé Thu dành cho cha.

**B.Thân bài**

**1.Khái quát về tác phẩm**

Tác phẩm *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó khẳng định rằng: Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.

**2. Thân bài:** Lần lượt đi đưa ra các luận điểm và chứng minh.

**2.1. Cảnh ngộ của bé Thu**

Bé Thu sinh và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh. Ba em lên đường đánh giặc khi em chưa tròn một tuổi, em chỉ được gặp ba trong những ngày ba về phép ngắn ngủi. Tình cảm cha con của Thu được đặt trong tình thế éo le, trắc trở của chiến tranh nên càng xúc động lòng người.

**2.2. Thái độ và hành động của bé Thu trước khi nhận ra ông Sáu**

- Tình huống: gặp lại con sau nhiều năm xa cách với bao nỗi nhớ thương nên ông Sáu không kìm được nỗi vui mừng trong phút đầu nhìn thấy con.

- Diễn biến tâm lí của bé Thu:

+ Hốt hoảng, mặt tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét khi mới gặp ông Sáu.

+ Gọi trống không với ông Sáu mà không chịu gọi cha.

+ Nhất định không chịu nhờ ông Sáu chắt nước nồi cơm to đang sôi, hắt cái trứng có mà ông gắp cho.

+ Khi bị ông Sáu tức giận đánh một cái thì bò về nhà bà ngoại, khi xuống xuống còn cố ý khua dây cột xuống kêu rổn rảng thật to.

Thật trớ trêu, đáp lại sự vồ vập của người cha, bé Thu lại tỏ ra ngớ vực, lảng tránh, xa cách. Sự ương ngạnh của bé Thu hoàn toàn không đáng trách. Trong hoàn cảnh xa cách và trắc trở của chiến tranh., nó còn quá bé nhỏ để có thể hiểu được những tinh tế khắc nghiệt, éo le của đời sống và người lớn cũng chưa kịp chuẩn bị cho nó đón nhận những khả năng bất thường. Nó không tin ông Sáu là ba chỉ vì mặt ông có vết sẹo, khác với hình ba mà nó được biết. Qua những diễn biến tâm lí, Bé Thu thể hiện cá tính mạnh mẽ và tình cảm sâu sắc, chân thật, em chỉ yêu ba khi tin chắc đó đúng là ba.

**2.3. Thái độ và hành động của bé Thu khi nhận ra ông sáu là cha.**

- Trong buổi sáng cuối cùng, trước phút ông Sáu phải lên đường, thái độ và hành động của bé Thu đã đột ngột thay đổi hoàn toàn. Lần đầu tiên Thu cất tiếng gọi : ba” và tiếng kêu như tiếng xé, rồi “ nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó”, “ Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa”, “ Hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nói, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai bó nhỏ của nó run run”.

- Sau khi được bà ngoại giải thích về vết thẹo làm thay đổi khuôn mặt ba nó. Thu dường như đã ân hận, hối tiếc. Vì thế, trong giờ phút chia tay với cha, tình yêu và nỗi mong nhớ với người cha xa cách đã bị dồn nén bấy lâu, nay bùng ra thật mạnh mẽ, hối hả, cuống quýt, có xen lẫn cả sự hối hận.

Đó là tình cảm thật sâu sắc, mạnh mẽ, nhưng cũng thật dứt khoát, rạch ròi của một đứa trẻ cá tính, hồn nhiên, ngây thơ.

**3. Đánh giá**

- Truyện đặt nhân vật bé Thu vào tình huống gặp ba nhưng không nhận ra, khi nhận ba lại vào đúng lúc chia tay để bộc lộ diễn biến tâm lý và tình cảm sâu sắc bé Thu dành cho ba. Từ đó, nhân vật bé Thu hiện ra thật có tình, yêu ghét rõ ràng, nhưng cũng thật hồn nhiên, trong sáng.

- Qua những diễn biến tâm lí của bé Thu, ta thấy tác giả tỏ ra rất am hiểu tâm lí bé trẻ thơ và diễn tả rất sinh động với tấm lòng yêu mến, trân trọng những tình cảm trẻ thơ.

**C. Kết bài :**

- Truyện đã khơi gợi trong em những tình cảm gì?

- Em rút ra đượng bài học gì?

Có thể nói rằng “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng là một câu chuyện vô cùng cảm động. Tác phẩm ấy đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng kể chuyện của nhà văn, càng thêm trân trọng hơn tình cảm gia đình, thêm xót xa cho những hi sinh mất mát của dân tộc ta trong những năm tháng kháng chiến. Từ câu chuyện của cha con anh Sáu, Nguyễn Quang Sáng đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về tình cảm gia đình, về trách nhiệm với quê hương đất nước. Chúng ta nhận ra rằng mình phải sống sao cho xứng đáng với quá khứ, với lịch sử của dân tộc. Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “ Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

==================000================

**Đề 4: Cảm nhận của em về nhân vật ông Sáu trong đoạn *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng.**

**A.Mở bài**

**+** Giới thiệu tác giả, giới thiệu văn bản.

+ Nêu vấn đề nghị luận

**Tham khảo**

Bom đạn chiến tranh đã khiến cho đất nước mang trên mình những vết thương, khiến cho bao gia đình tan nát vì chia xa, những nỗi đau cứ thế mà chồng chất. Tuy nhiên, giữa bản nhạc buồn của chiến tranh, văn học vẫn mang đến cho đời sống tình cảm của con người những cung bậc, những âm thanh da diết, tuyệt đẹp về tinh thần đoàn kết, về tình đồng đội, đồng chí và cả tình cảm gia đình thiêng liêng bất diệt. Một trong những tác phẩm hay nhất viết về tình cảm gia đình trong chiến tranh là “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Truyệnđã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật ông Sáu – một người lính cách mạng dũng cảm, một người cha yêu thương con mãnh liệt.

**B.Thân bài**

**1.Khái quát về tác phẩm**

Tác phẩm *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó khẳng định rằng: Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.

**2.2. Cảm nhận về ông Sáu**

*2.1. Ông Sáu là người chiến sĩ cách mạng dũng cảm*

- Ông Sáu đi kháng chiến chống Pháp 7-8 năm chưa một lần về thăm nhà mặc dù nhớ nhà, nhớ vợ con khôn xiết. Người chiến sĩ ấy đã luôn đặt nhiệm vụ đối với Tổ quốc, với kháng chiến lên trên tình cảm riêng tư.

- Trong một trận càn của giặc, ông Sáu đã bị thương, vết sẹo làm khuôn mặt không giống như trước.

- Sau đợt nghỉ phép, ông Sáu cùng đồng đội trở lại chiến trường miền Đông tiếp tục chiến đấu.

- Một ngày cuối năm năm mươi tám, trong một trận càn lớn của quân Mĩ- ngụy ông Sáu đã bị thương nặng và hi sinh.

Như vậy, ông Sáu là người chiến sĩ có lòng yêu nước, dũng cảm, luôn biết hi sinh vì độc lập dân tộc. Đó cũng là vẻ đẹp của người chiến sĩ cách mạng, của con người Việt Nam trong những năm chiến tranh đau thương mà anh dũng.\

*2.2. Ông Sáu là người cha rất yêu thương con*

*\* Tình huống thứ nhất* : Ông Sáu đi kháng chiến chống Pháp sau 7-8 năm được về nhà thăm nhưng bé Thu lại không nhận ba.

- Nỗi khao khát gặp con của ông Sáu.

+ Hai cha con không hề biết mặt nhau, chỉ biết qua tấm ảnh cách đó bảy năm. Vì vậy, ông Sáu hồi hộp và mong chờ được gặp con bằng tất cả tình cảm yêu thương mà ông đã dồn nén trong xa cách.

+ Bằng linh cảm của người cham, ông đã nhận ra con – đứa bé độ tám tuổi đang chơi dưới bóng cây xoài trước nhà, ông chạy ngay đến chỗ con. Nhưng bất ngờ. Nhưng bất ngờ Thu hoảng sợ bỏ chạy, không chịu nhìn nhận cha mình. Lúc đ, “ Anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy”. Ông Sáu hụt hẫng, đau đớn khi đứa con không nhận ra mình.

- Nỗi khổ và niềm vui trong ba ngày về thăm nhà.

+ Ông Sáu tranh thủ ba ngày phép ngắn ngủi để chăm chút, bù đắp cho con cả vật chất lẫn tinh thần “ suốt ngày anh chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con”. Ông tìm mọi cách để gần gũi để trò chuyện với con nhưng dù phải mới ba ăn cơm hay nhờ chắt nước nồi cơm. Thu đều lảng tránh không gọi một tiếng “ ba”. Vui vì gặp lại gia đình, vợ con, nhưng ông Sáu đau khổ lắm, những lúc con lảng tránh, ông chỉ “nhìn con vừa khe khẽ lắc đầu vừa cười”, cười “ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được”.

+ Bị con đối xử lạnh nhạt, ông vẫn cố gắng kiên trì chờ đợi, mong con nhận ra và gọi tiếng “ Ba” âu yếm. Bé Thu đã từ chối sự quan tâm của ông Sáu, bé “hắt đổ miếng trứng cá khỏi chén cơm” khiến ông sáu nổi nóng đánh con để rồi sau này dằn vặt, ân hận mãi. Tình tiết này cho thấy sự tức giận, thất vọng của ông Sáu khi không làm thế nào để con nhận ba và cũng thể hiện niềm khát khao của người cha muốn được cảm nhận tình cảm của con.

- Giây phút cảm động khi bé Thu nhận cha:

+ Trước khi chia tay gia đình để vào chiến trường, ông Sáu đã rất buồn vì đứa con không chịu nhận mặt cha, nỗi ân hận vì trót nóng nảy đánh con khiến đứa trẻ càng xa cách. Nhìn thấy con đứng trong góc nhà, ông “ muốn ôm con, hôn con”, nhưng “ lại sợ nó giãy lên lại bỏ chạy” nên ông Sáu chỉ đứng nhìn, đôi mắt trìu mến lẫn buồn rầu, khe khẽ nói…

- Bất ngờ bé Thu cất tiếng gọi: “ Ba…a…a…ba!”, tiếng kêu như xé ruột vừa yêu thương, kính trọng xen lẫn hối hận ( bé Thu đã biết “ ba nó đi đánh Tây bị Tây bắn bị thương”), rồi nó chạy thót lại, ôm lấy ba, “ hôn ba cùng khắp”, “ hôn cả vết thẹo dài trên má”, nó dang cả hai tay xiết chặt lấy cổ, dang cả hai chân câu chặt lấy ba nó để níu giữ. Ông Sáu đã xúc động đến khóc, và “ không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc của con”. Hai cha con nhận ra nhau thật hạnh phúc, sung sướng nhưng cũng thật đớn đau bởi giây phút đó thật ngắn ngủi. Tình cảm cha con thiêng liêng cao đẹp nhưng đặt trong một hoàn cảnh thật éo le của cuộc chiến tranh với những chia li, xa cách.

*\* Tình huống thứ 2:* ông Sáu làm cây lược tặng con nhưng chưa kịp tặng thì ông đã hi sinh. Tình huống này đã bộc lộ tình yêu con sâu nặng của người cha.

- Ở chiến khu, nỗi day dứt, ân hận ám ảnh ông luôn suốt nhiều ngày sau khi chia tay với gia đình là việc ông đã đánh con khi nóng giận.

- Lời dặn của đứa con “ Ba về! Ba mua cho con một cây Lược nghe Ba!”, đã thúc đẩy ông nghĩa đến việc làm một chiếc lược ngà dành cho con. Khi tìm được khúc ngà ông vô cùng vui mừng, sung sướng, rồi đánh hết tâm trí, công sức vào việc vào việc làm cây lược: “ những lúc rỗi, anh cưa từng chiếc răng lược , thận trọng, ti mỉ và cố công như người thợ bạc”.

- Ông làm cây lược bằng tất cả tình yêu thương con, trên sống có khắc một hành chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tẩn mẩn, khắc từng nét: “ Yêu nhớ tặng Thu con của Ba”. Những đêm nhớ con, ông lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Mỗi lần chải tóc như vậy là mỗi lầm ông Sáu gửi gắm yêu thương vào chiếc lược nhỏ xinh. Chiếc lược ngà đã trở thành một vật quý giá, thiêng liêng với ông Sáu. Nó làm dịu đi nỗi ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm yêu mến, nhớ thương, mong đợi của người cha với đứa con xa cách.

- Nhưng trong một trận chiến đấu, ông đã bị thương nặng. Trước lúc hi sinh, không thể trăng trổi được điều gì, ông có trao cây lược cho người đồng đội và chỉ đến khi tin rằng chiếc lược đó sẽ đến tận tay bé Thu ông mới nhắm mắt. Qua ánh mắt nhìn đồng đội lúc lâm chung, bác Ba hiểu không chỉ mang cây lược về cho Thu mà còn trao lại một tình cha con thiêng liêng cao đẹp. Một tình cha con không bao giờ chết!

- Sau nhiều lần tìm Thu không gặp, tình cờ bác Ba gặp Thu, bấy giờ là môt cô giao liên trên một tuyến đường bí mật. Bác trao cho Thu cây lược ngà mà người cha yêu quý nhất đã tự tay mình làm và gửi tặng con gái “ Cây lược như đánh thức kỉ niệm ngày chia tay…”

Như vậy, cả cuộc đời người cha đã dành cho con một tình cảm yêu thương sâu nặng.

**3. Đánh giá**

- Xây dựng nhân vật ông sáu, tác giả đã đặt nhân vật vào các tình huống éo le để khai thác những diễn biến tâm lí, tình cảm; ngôn ngữ lời thoại nhân vật có sự chọn lọc, chi tiết cụ thể giàu biểu cảm…

- Truyện đã ca ngợi ông sáu là người chiến sĩ cách mạng dũng cảm và là người cha có tình thương con sâu nặng và cao đẹp. Qua đó, tác giả khẳng định tình cảm cha con là thứ tình cảm nhân bản bền vững, có thể tồn tại trong bất cứ hoàn cảnh nào; đồng thời cũng cho thấy những nỗi đau thương, mất mát mà chiến tranh gây ra cho cuộc sống con người.

**C.Kết bài**

- Truyện đã khơi gợi trong em những tình cảm gì?

- Em rút ra đượng bài học gì?

Có thể nói rằng “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng là một câu chuyện vô cùng cảm động. Tác phẩm ấy đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng kể chuyện của nhà văn, càng thêm trân trọng hơn tình cảm gia đình, thêm xót xa cho những hi sinh mất mát của dân tộc ta trong những năm tháng kháng chiến. Từ câu chuyện của cha con anh Sáu, Nguyễn Quang Sáng đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về tình cảm gia đình, về trách nhiệm với quê hương đất nước. Chúng ta nhận ra rằng mình phải sống sao cho xứng đáng với quá khứ, với lịch sử của dân tộc. Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “ Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

================000==============

**Đề 5: Suy nghĩ của em về tình cảm cha con trong chiến tranh qua truyện ngắn *Chiếc lược ngà*  của Nguyễn Quang Sáng.**

**A.Mở bài**

**+** Giới thiệu tác giả, giới thiệu văn bản.

+ Nêu vấn đề nghị luận

**Tham khảo**

Bom đạn chiến tranh đã khiến cho đất nước mang trên mình những vết thương, khiến cho bao gia đình tan nát vì chia xa, những nỗi đau cứ thế mà chồng chất. Tuy nhiên, giữa bản nhạc buồn của chiến tranh, văn học vẫn mang đến cho đời sống tình cảm của con người những cung bậc, những âm thanh da diết, tuyệt đẹp về tinh thần đoàn kết, về tình đồng đội, đồng chí và cả tình cảm gia đình thiêng liêng bất diệt. Một trong những tác phẩm hay nhất viết về tình cảm gia đình trong chiến tranh là “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Tác phẩm đã giúp người đọc cảm nhận được tình cảm cha con sâu nặng giữa bé Thu và ông Sáu trong những năm tháng chiến tranh ác liệt nhất.

**B.Thân bài**

**1.Khái quát về tác phẩm**

Tác phẩm *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó khẳng định rằng: Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.

**2. Tình cha con rong hoàn ảnh éo le của chiến tranh**

*2.1. Chiến tranh đã khiến cho gia đình ông sáu cũng như bao gia đình Việt Nam phải lâm vào cảnh ngộ chia li.*

- Theo tiếng gọi của non sông, ông Sáu cũng như bao người dân Nam Bộ sẵn sàng rời xa gia đình lên đường đi kháng chiến khi bé Thu, con gái ông, chưa đầy một tuổi. Suốt những tháng ngày xa cách, con ông chỉ biết cha qua tấm ảnh, qua lời kể của người mẹ.

- Kháng chiến chống Pháp kết thúc, cha con, gia đình gặp nhau, đoàn tụ chỉ có ba ngày để bù lại tám năm ròng xa cách. Nhưng trong những ngày phép ngắn ngủi ấy, họ chưa kịp nhận ra nhau, khi nhận ra nhau lại là lúc phải tiếp tục chia xa.

- Cuộc chia tay lần thứ hai của cha con ông Sáu là chi li mãi mãi. Ông Sáu tiếp tục đi chiến đấu và mãi mãi nằm lại nơi chiến trường, hai cha con chẳng bao giờ được gặp lại, được ở bên nhau nữa.

*2.2. Chiến tranh không thể chia cắt nổi tình cảm gia đình, tình cha con.*

Tình cảm cha con của ông Sáu và bé Thu dành cho nhau trong cảnh ngộ éo le, trắc trở của chiến tranh được thể hiện vô cùng cảm động.

- Bé thu thể hiện tình yêu ba theo cách thật đặc biệt

+ Thu xa cách, ngờ vực, lạnh nhạt ngay từ giây phút đầu tiên gặp ba.

- Tỏ ra ương ngạnh, hỗn xược với ông Sáu trong suốt ba ngày ông nghỉ phép, Thu từ chối mọi sự chăm chút, vỗ về của ông sáu; cố tình lảnh tránh tiếng “ba” để bảo vệ người cha trẻ đẹp trong tấm ảnh chụp trung với má của em.

Hành động, phản ứng của bé Thu rất cá tính, có phần ương ngạnh nhưng xuất phát từ tình yêu thương ba một cách ngây thơ, trong sáng, chân thật. Thu chỉ yêu, chỉ nhận người cha giống với bức hình trong tấm ảnh chụp chung với má. Em đối xử với ông Sáu như thế là cách em yêu thương ba mình nồng cháy, yêu thương đến mực tôn thờ, yêu đến mức chỉ khắc ghi bóng một người ba duy nhất trong tim, không ai có thể thay thế được.

+ Được bà ngoại giải thích: Thu hiểu ra mọi sự nhầm lẫn của mình từ vết sẹo trên má của Ba, Thu đã chủ động bày tỏ tình cảm sâu sắc, mãnh liệt với ông Sáu trong tiếng gọi “ Ba” như tiếng xé, trong những cử chỉ vồ vập, hối hả thể hiện tình cảm yêu ba chân thành, sâu sắc mãnh liệt.

- Ông Sáu dành cho con tình yêu thương vô bờ nhưng hết sức thầm lặng,

+ Xa con, ông luôn nhớ con, ngắm con qua ảnh, háo hức được trở về thăm nhà, thăm con.

+ Hạnh phúc làm cha trào dâng, không kìm nổi xúc động khi gặp lại con

+ Tranh thủ ba ngày phép ngắn ngủi để chăm chút, bù đắp cho con cả vật chất lẫn tinh thần. Bị con đối xử lạnh nhạt. Ông vẫn cố gắng kiên trì chờ đợi, mong con nhận ra và gọi tiếng “ba” âu yếm, Khi không thể nào kìm chế được sự tức giận. Vì thất vọng không làm thế nào để con nhận ba, ông đã đánh con để rồi sau này dằn vặt, ân hận mãi.

+ Hạnh phúc đến rơi lệ khi con nhận ra ông, khi nghe tiếng gọi “ ba” từ miệng con.

+ Xa con, sống trong gian khổ, hiểm nguy luôn rình rập, ông luôn nhớ lời con dặn về canh cánh bên lòng về món quà con dặn. Ông dồn hết tình thương, nỗi nhớ vào việc làm cho con một chiếc lược bằng ngà voi trong những lúc rảnh rỗi. Chiếc lược ngà là cầu nối tình cảm cha con ông,, chiếc lược ngà mang bóng hình đứa con gái bé bỏng, xoa dịu trong ông Sáu nỗi đau xa cách con. Tiếp cho ông niềm tin, sức mạnh trên mỗi ngả chiến trường. Chiếc lược ngà là minh chứng cho tình cha sâu nặng ông Sáu dành cho con, là kì vật mộc mạc, thiêng liêng của tình phụ tử.

+ Biết không thể trở về trao chiếc lược cho con, ngay cả trong giờ phút hấp hối ông sáu vẫn không quên lời dặn của con lúc chia tay. Ông đã dồn tất cả sinh lực cuối cùng vào cử chỉ móc chiếc lược ngà để trao cho đồng đội để cậy nhờ, ủy thác cho bác Ba thay ông đem cây lược về trao tận tay cho con gái. Ông Sáu đã vĩnh viễn ra đi, chiến tranh, bom đạn kẻ thù đã cướp đi sinh mạng ông nhưng chiếc lược ngà vẫn ngày ngày theo bác Ba dõi tìm Thu trên mỗi ngả chiến trường.

Tình cha con của ông Sáu không bao giờ chết, nó sống mãi trong chiếc lược ngà giản dị mà thiêng liêng.

**3.Đánh giá**

- Đánh giá sức hấp dẫn trong nghệ thuật kể chuyện: Cách tạo tình huống truyện bất ngờ, hợp lí, lựa chọn ngôi kể thích hợp, ngôn ngữ kể chuyện tự nhiên đậm sắc màu Nam Bộ, cách miêu tả nội tâm nhân vật tinh tế.

- Khẳng định và liên hệ: Câu chuyện chiếc lược ngà còn âm vang mãi trong lòng người đọc bởi nó là bài ca bất diệt về tình phụ tử thắm thiết, sâu nặng.

**C.Kết bài:**

“Chiếc lược ngà” của nhà văn NQS đã giúp người đọc có những suy ngẫm và thấm thía hơn về quá khứ đau thương của dân tộc, thấm thía nỗi đau thương, mất mát, éo le do chiến tranh gây ra khiến bao gia đình phải chịu cảnh tan nát, chia lìa. Đồng thời cũng giúp mỗi người biết trân trọng, nâng niu hạnh phúc gia đình mình đang có.

===========000==============

**Đề 5: Đề bài: Sự khám phá và thể hiện vẻ đẹp tình cảm gia đình - tình cha con - qua hai tác phẩm: “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng và “Nói với con” của Y Phương.**

**A. Mở bài**: Giới thiệu hai tác phẩm + tình cha con trong hai tác phẩm đó  
**B. Thân bài:**

**1.Khái quát về 2 tác phẩm** : Hoàn cảnh ra đời, nội dung chính

**2. Tình cảm gia đình trong hai tác phẩm**  
**2.1. Khám phá và thể hiện vẻ đẹp tình cảm gia đình trong “Chiếc lược ngà”**   
\*Tình cảm của người cha – ông Sáu dành cho con sâu sắc:  
- Ở chiến trường, nỗi nhớ con luôn giày vò ông Sáu, chính vì vậy về tới quê, nhìn thấy Thu, ông đã nhảy vội lên bờ và định ôm hôn con cho thỏa nỗi nhớ mong.  
- Mấy ngày về phép, ông luôn tìm cách gần gũi con mong bù lại cho con những tháng ngày xa cách dù cho bé Thu hiểu lầm có thái độ hỗn hào phản kháng, ông vẫn kiên nhẫn chiều chuộng, thuyết phục.   
\*Tình cảm của người cha dành cho con trong sự hy sinh thầm lặng:   
- Lúc ra đi, ông âm thầm, lặng lẽ nhìn con, chỉ khi bé Thu nhận ra ba và nhảy lên ôm chặt lấy cổ ba, lúc bấy giờ nước mắt ông mới trào ra.   
- Những ngày ở căn cứ, lúc rảnh rỗi là ông gửi hết tình thương con vào việc làm chiếc lược ngà. Trước lúc hy sinh, điều mà ông nghĩ tới duy nhất là nhờ đồng đội mang chiếc lược về cho con.   
- Tình cảm yêu thương con sâu nặng của ông Sáu làm cho người đọc xúc động và thấm thía nỗi đau thương mất mát, éo le do chiến tranh gây ra. Nhưng điều đáng quý nhất trong cái mất mát ấy đó là tình cảm cha con, tình cảm muôn thuở có tính nhân bản bền vững, tình cảm ấy bất diệt trước sự hủy diệt tàn khốc của chiến tranh.   
**2.2. Sự khám phá và thể hiện vẻ đẹp tình cảm gia đình trong “Nói với con”:**  
\* Vẻ đẹp về tình cha con:  
-Tình yêu người cha dành cho con thể hiện qua lời tâm sự, nhắc nhở về nguồn cội sinh dưỡng, cho con thấy được sự đầm ấm của gia đình và sức sống mạnh mẽ, bền bỉ về truyền thống tốt đẹp của quê hương. (dẫn chứng)   
-Là tình yêu mà người cha muốn thắp sáng ý chí, nghị lực và niềm tin cho con mình trong cuộc sống để kế thừa, tự hào và phát huy truyền thống của “người đồng mình” … (dẫn chứng)  
\* Cách thể hiện:   
-Lựa chọn hình thức mượn lời mộc mạc mà gợi cảm, mạnh mẽ, người cha đã thể hiện khung cảnh núi rừng quê hương thật thơ mộng và nghĩa tình. Thiên nhiên ấy đã chở che nuôi dưỡng con cả tâm hồn và lối sống.  
-Dùng cách nói giàu hình ảnh, cụ thể, mộc mạc mà có tính khái quát, giàu chất thơ, người cha đã truyền đến con thái độ sống nghĩa tình, biết chấp nhận, vượt qua thử thách; giúp con hiểu thêm sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của dân tộc mình - gợi nhắc tình cảm gia đình luôn gắn bó với truyền thống quê hương.   
**2.3. So sánh, đánh giá, mở rộng và nâng cao vấn đề**   
a. So sánh   
-Những nét giống nhau: Tình yêu thương của sự chăm sóc, ân cần dạy dỗ, tấm lòng vị tha, đức hy sinh một đời vì con của cha, một tình cảm mang tính gia đình cao cả. Đây cũng là truyền thống đạo lý của dân tộc, cần kế thừa và gìn giữ.  
-Những nét riêng: Hoàn cảnh, tình cảm, xuất phát từ mối quan hệ, tình cảm cha -con...và nét riêng trong hình thức thể hiện ...   
b. Đánh giá, mở rộng và nâng cao vấn đề:   
-Tình cảm gia đình – tình cha con là một trong những thứ tình cảm thiêng liêng và quý giá của mỗi người. Mỗi nhà thơ, nhà văn bằng sự khám phá và thể hiện của mình đã đem đến cho văn học những tác phẩm giàu giá trị nhân bản, nhân văn sâu sắc, có ý nghĩa giáo dục và đánh thức tình cảm tốt đẹp của con người về tình cảm gia đình.   
-Vẻ đẹp của tình cảm gia đình – tình cha con trong hai tác phẩm như những nét vẽ góp phần hoàn thiện bức chân dung gia đình của mỗi con người. Tình cảm ấy lại được hoà quyện thống nhất, gắn bó chặt chẽ với tình yêu quê hương đất nước. Đây cũng là một mạch nguồn tình cảm được lưu chuyển qua dòng chảy truyền thống của thơ ca dân tộc nhưng luôn có những khám phá, phát hiện và cách thể hiện theo những nét riêng - một đặc trưng quan trọng trong sáng tạo nghệ thuật.   
(HS có thể liên hệ đến các tác phẩm cùng đề tài khác)  
**III. Kết bài:**  
- Khẳng định lại nội dung của hai tác phẩm:   
Tình cha đối với con ở hai hoàn cảnh khác nhau, cách biểu hiện khác nhau nhưng đều có điểm chung là tình thương yêu hết sức sâu sắc, đằm thắm, thầm lặng và đầy sự hy sinh.   
- Liên hệ bài học cho bản thân:  
+ Tình cảm cha con nói riêng, tình cảm gia đình nói chung là tình cảm quý báu, mỗi người cần biết trân trọng, giữ gìn, phát huy.  
+ Con người phải sống và làm việc sao cho xứng đáng với các tình cảm cao quý đó

………………………………………………………………………..

**Đề 7: Phân tích sự thay đổi tâm trạng của bé Thu trong đoạn trích sau:**

*(...) Trong bữa cơm đó, anh Sáu gắp một cái trứng cá to vàng để vào chén nó. Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả mâm. Giận quá và không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên:*

*- Sao mày cứng đầu quá vậy hả?*

*Tôi tưởng con bé sẽ lăn ra khóc, sẽ giẫy, sẽ đạp đổ cả mâm cơm, hoặc sẽ chạy vụt đi. Nhưng không, nó ngồi im, đầu cúi gằm xuống. Nghĩ thế nào mà nó cầm đũa, gắp lại cái trứng cá để vào chén rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm. Xuống bến, nó nhảy xuống xuồng, mở lòi tói cố làm cho dây lòi tói khua rổn rảng, khua thật to, rồi lấy đầm bơi qua sông. Nó sang qua nhà nhà ngoại, mét với ngoại và khóc ở bên ấy. Chiều đó, mẹ nó sang dỗ dành mấy nó cũng không về.*

*Và:*

*(….) Trong lúc đó, nó vẫn ôm chặt lấy ba nó. Không ghìm được xúc động và không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con:*

*- Ba đi rồi ba về với con*

*- Không! – Con bé hét lên, hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chan rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run.*

*Nhìn cảnh ấy bà con xung quanh có người không cầm được nước mắt, còn tôi bỗng thấy khó thở như có bàn tay a nắm lấy trái tim tôi.*

(Nguyễn Quang Sáng, Chiếc lược ngà, Ngữ văn 9, Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019)

**Gợi ý:**

1. **Mở bài:**Giới thiệu vấn đề NL

**Tham khảo:**

Bom đạn chiến tranh đã khiến cho đất nước mang trên mình những vết thương, khiến cho bao gia đình tan nát vì chia xa, những nỗi đau cứ thế mà chồng chất. Tuy nhiên, giữa bản nhạc buồn của chiến tranh, văn học vẫn mang đến cho đời sống tình cảm của con người những cung bậc, những âm thanh da diết, tuyệt đẹp về tinh thần đoàn kết, về tình đồng đội, đồng chí và cả tình cảm gia đình thiêng liêng bất diệt. Một trong những tác phẩm hay nhất viết về tình cảm gia đình trong chiến tranh là “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Tác phẩm đã giúp người đọc cảm nhận được sự thay đổi trong tâm trạng của bé Thu trước vfa sau khi em nhận ra ông Sáu là cha. Sự thay đổi ấy được thể hiện rõ nét nhất là trong bữa ăn cơm ông Sáu gắp cho con cái trứng cá và khi Thu đã nhận ra cha nhưng cha em lại phải trở lại chiến trường.

**II. Thân bài:**

1. **Khái quát**

- Tác phẩm *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó khẳng định rằng: Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.

- Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến, mãi đến khi con gái ông lên tám tuổi, ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Bé Thu không chịu nhận cha vì vết theo trên mặt làm ba em không giống với người chụp chung với má trong bức ảnh mà em đã biết.

- Thu đối xử với ba như người xa lạ, đến lúc hiệu ra, tình cảm cha con thức dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải lên đường.

- Ở khu căn cứ, bao nỗi nhớ thương con sông dồn vào việc làm cho con cây lược. Ông hi sinh trong một trận càn của Mỹ nguy. Trước lúc nhắm mắt, ông còn kịp trao cây lược cho một người bạn.

**2.Sự thay đổi trong tâm trạng của bé Thu ở hai đoạn truyện**

**Đoạn 1:**

**- Tính cách rắn rỏi, bướng bình, ngang bướng rất trẻ con của bé Thu được thể hiện trong đoạn văn thứ nhất: "Trong bữa cơm đó.... nó cũng không về”.**

+ Hất đổ cả chén cơm khi anh Sáu gắp cho nó cái trứng cá. Bị ba đánh, tưởng đâu “con bé sẽ lăn ra khóc, sẽ giẫy, sẽ đạp đổ cả mâm cơm, hoặc sẽ chạy vụt đi. Nhưng không, nó ngồi im, đầu cúi gằm xuống. Nghĩ thể nào nó cầm đũa, gấp lại cái trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng đậy, bước ra khỏi mâm.” => Hình ảnh một đứa trẻ gan góc, lì lợm.

+ "Nhảy xuống xuồng, mở lòi tói có làm cho dây lòi tói khua rộn ràng, khua thật to" => tính cách trẻ con, hình ảnh của một đứa trẻ lúc giận đỗi được khắc họa rất tinh tế với chỉ một chỉ tiết nhỏ.

+ "Nó sang nhà bà ngoại và khóc ở bên đây" => dù gan lì và bướng bỉnh nhưng bởi Thu vẫn còn là một đứa trẻ nên vẫn có những hành động mè nheo khóc nhè.

=> Bẻ Thu là một đứa bé gan góc, có cá tính mạnh mẽ, thà sang nhà ngoại khóc thật to nhưng khi đứng trước mặt ông Sáu - người mà bé đang căm ghét thì lầm lì, im lặng trông như nét hờn dỗi của người lớn. Nhưng suy cho cùng, Thu vẫn là một đứa bé nên vẫn có những hành động trẻ con để thể hiện nỗi bực dọc của mình. Bên cạnh đó, hành động quyết liệt của bé Thu cũng thể hiện tình yêu thương cha mãnh liệt, bé kiên quyết cự tuyệt ông Sáu vì ông không giống bức hình trong ảnh, trên mặt ông có vết thẹo dài. Chính yếu tố đó vừa thể hiện tình yêu thương cha vừa thể hiện cá tính mạnh mẽ của bé Thu.

=> Nguyễn Quang Sáng đã rất tinh tế, tài tình khi khắc họa được hình ảnh của bé Thu đa chiều và sâu sắc như thế chỉ trong một hành động nhỏ.

**Đoạn 2:**

**- Tình yêu thương ba vô bờ bên được thể hiện ở đoạn văn thứ hai "Trong lúc đó... nắm lấy trái tìm tôi"**

+ Bé Thu bướng bỉnh bao nhiêu, lì lợm gan góc bao nhiêu thì lại bởi bé thương ba của mình bấy nhiêu: "Con bé hét lên, hai tay nó siết lấy chặt cô....và đôi vai nhỏ bé của nó run run”

=> Những cái ôm như cố gắng để chặt nhất có thể, như để bù đắp cho những tháng ngày xa lánh ba của mình, những cái ôm cuối cùng như để lấp đi tất thảy những khoảng trống của tình ba – con trong những ngày tháng vừa qua.

=> Đoạn văn là những gì xúc động nhất, sâu lắng nhất về tình cảm mà bé Thu dành cho ba của mình.

**3.Đánh giá:**

- Nghệ thuật: cách kể chuyện tự nhiên, đầy cảm động, cách xây dựng tình uống éo le

- Hai đoạn văn đã cho thấy được sự thay đổi trong tâm lý của nhân vật bé Thu đối với người cha của mình. Nếu như đoạn trên, bé Thu xa lánh, xù lông với ba mình bao nhiêu thì đoạn 2 lại thấy được sự gần gũi không còn khỏang trống của tình cảm mà Thu dành cho người ba của mình. Đoạn l bé Thu lì lợm bướng bỉnh bao nhiêu thi đoạn 2, bé Thu lại trở nên nhẹ nhàng, tỉnh cảm bấy nhiêu

- Hai đoạn trích cũng cho thấy được sự tài tình trong miêu tả diễn biến tâm lý nhân vật, đặc biệt là tâm lý của trẻ con của nhà văn: tinh tế, sâu sắc.

**C. Kết bài:**

Có thể nói rằng “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng là một câu chuyện vô cùng cảm động. Tác phẩm ấy đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng kể chuyện của nhà văn, càng thêm trân trọng hơn tình cảm gia đình, thêm xót xa cho những hi sinh mất mát của dân tộc ta trong những năm tháng kháng chiến. Từ câu chuyện của cha con anh Sáu, Nguyễn Quang Sáng đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về tình cảm gia đình, về trách nhiệm với quê hương đất nước. Chúng ta nhận ra rằng mình phải sống sao cho xứng đáng với quá khứ, với lịch sử của dân tộc. Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “ Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**TRUYỆN LỤC VÂN TIÊN**

**A.MB**

Nguyễn Đình Chiểu - một nhà thơ lớn của dân tộc ta mà cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng gọi ông là “Ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc”. Một trong những tác phẩm xuất sắc gắn với tên tuổi của Nguyễn Đình Chiểu là “Truyện Lục Vân Tiên”, trong đó bài thơ “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” là trích đoạn để lại nhiều ấn tượng với người đọc đặc biệt là nhân vật Lục Vân Tiên - một hình tượng trang nam tử hành hiệp trượng nghĩa cứu người hoạn nạn, đại diện cho người anh hùng lý tưởng của nhân dân.

**B.TB**

**1.Khái quát** :

“Truyện Lục Vân Tiên” là một tác phẩm truyện thơ nôm, gồm 2082 câu thơ lục bát xoay quanh cuộc đời nhân vật Lục Vân Tiên. Lục Vân Tiên là nhân vật trung tâm của tác phẩm đồng thời cũng là nhân vật mà nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu xây dựng để kí thác những tư tưởng, quan điểm cũng như thể hiện một ước mơ về thế giới công bằng, con người sống với nhau bằng tình nghĩa chứ không phải bằng những thứ vật chất thông thường. Có thể nói trích đoạn “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” là trích đoạn thể hiện được rõ nét và sâu sắc nhất được những phẩm chất đáng quý ở Lục Vân Tiên.

**2. Nhân vật Lục Vân Tiên**

***2.1. Vân Tiên mang dáng dấp của một người anh hùng hiệp nghĩa***

- Nói về nhân vật LVT trong đoạn trích “LVTCKNN” trước hết ta nhận thất ở nhân vật này là ***bóng dáng của một người anh hung hiệp nghĩa, một chàng trai dũng cảm.*** Điều đó được thể hiện ngay từ những câu thơ mở đầu của đoạn trích.

“Vân Tiên ghé lại bên đàng  
Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô”

+ Đọc những câu thơ đầu tiên này, ta không khỏi ấn tượng với một chàng trai có nghĩa khí và lí tưởng sống cao đẹp. Trên đường đi, Vân Tiên tình cờ gặp bọn cướp Phong Lai đang hoành hành làm hại người dân vô tội. Chứng kiến cảnh đó, LVT không đành lòng khoanh tay đứng nhìn, chàng vội vàng “bẻ cây làm gậy” rồi xông vào đánh cướp. Trong khi lúc này bọn cướp vừa đông lại gươm giáo đầy mình còn chàng thì chỉ có một mình lại không có vũ khí. Rõ ràng là LVT không hề toan tính, không suy nghĩ thiệt hơn, chỉ biết rằng điều cần làm lúc này là đánh tan bọn cướp để cứu dân lành. Không phải là một người anh hùng nghĩa hiệp có tinh thần dũng cảm hẳn là chàng sẽ chẳng thể hành động được như vậy

+ Không chỉ thể hiện trong hành động, sự dũng cảm và tinh thần hiệp nghĩa của LVT còn được thể hiện trong lời nói của chàng:

“Kêu rằng bớ đảng hung đồ  
Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân”

-> Câu nói của VT đã thể hiện rõ thái độ của chàng. Đó là sự bất bình trước những kẻ ngang nhiên cướp bóc làm hại người dân vô tội. Lời nói ấy chính là lời tuyên chiến giữa chính nghĩa đối với thế lực phi nghĩa bạo tàn. Sau câu nói ấy là hành động Vân Tiên đánh cướp. Nguyễn Đình Chiểu đã miêu tả cụ thể hành động ấy:

Vân Tiên tả đột hữu xông

Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang”

- Mặc dù kẻ thù lúc này đã “ truyền quân bốn phía” với gươm giáo đầy mình nhưng Vân Tiên không hề sợ hãi. Chàng “tả đột hữu xông”. Thành ngữ “tả đột hữu xông” cùng với phép so sánh đã cho ta nhận ra ở VT là bóng dáng của một dũng tướng, một con người có tài thao lược và tinh thần dũng cảm. Tài năng ấy được cổ vũ bởi sức mạnh của chính nghĩa nên cuối cùng bọn cướp Phong Lai đã phải quăng gươm giáo bỏ chạy. Và chính những phẩm chất ấy của Vân Tiên càng làm ta thêm yêu mến và cảm phục .

***2.2. Vân Tiên là một chàng chai có tấm lòng nhân hậu, biết quan tâm và yêu thương mọi người.***

Không chỉ là một người hiệp nghĩa, dũng cảm, LVT trong đoạn trích này còn là ***một chàng trai có tấm lòng nhân hậu, biết yêu thương và quan tâm người khác***.Nghe tiếng khóc ở trong xe, Vân Tiên đã đến gần vừa là để hỏi han quan tâm vừa là để thông báo cho người trong xe yên tâm vì giờ lũ cướp đã bị dẹp tan, không còn mối đe dọa nào nữa.Người đọc không khỏi ngạc nhiên bởi một chàng trai trẻ tuổi sao có thể chu đáo ân cần đến như vậy? Thật đáng trân trọng.

***2.3. Vân Tiên là một chàng trai trọng lễ tiết***

Và khi đọc những câu thơ tiếp theo của đoạn trích, ta lại nhận ra Vân Tiên còn nhiều những phẩm chất đáng quý nữa. Chàng thực sự ***là một người trọng lễ tiết***. Khi biết lũ cướp đã bỏ đi, Kiều Nguyệt Nga muốn ra khỏi xe để tạ lạy tỏ lòng biết ơn Vân Tiên nhưng chàng đã vội ngăn lại bằng lời nói có phần gấp gáp:

“ Khoan khoan ngồi đó chớ ra  
Nàng là phận gái ta là phận trai”

Trong XH phong kiến, nam nữ không được tùy tiện mà gặp mặt bởi quan niệm “nam nữ thụ thụ bất thân” đặc biệt là với con gái. Việc một người con gái giao lưu, gặp gỡ với một người đàn ông không phải chồng mình có thể bị đánh giá không tốt về phẩm giá. Và vì thế mà họ cũng không được coi trọng. Hiểu được điều đó nên LVT đã ngăn cản không cho KNN ra ngoài, chàng không muốn làm ảnh hưởng đến danh dự, phẩm giá của KNN. Những chi tiết như thế chứng tỏ chàng là một người trọng lễ tiết.

***2.4. Quan điểm về việc nghĩa và người anh hùng***

Tất cả những phẩm chất đó đã khiến cho Vân Tiên trở thành một hình tượng đẹp trong lòng bạn đọc nhưng đẹp hơn cả ***là quan niệm về việc nhân nghĩa*** của chàng ở cuối đoạn trích này:

“Làm ơn há dễ trông người trả ơn  
Nay đã rõ đặng nguồn cơn  
Nào ai tính thiệt so hơn làm gì  
Nhớ câu kiến nghĩa bất vi  
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”

Theo quan điểm của mình, Vân Tiên cho rằng làm ơn vốn xuất phát từ tinh thần chính nghĩa tự nguyện đầy chân thành, mong muốn chỉ là giúp người chứ không phải mong báo đáp, hàm ơn. Và nếu một người gặp việc nghĩa mà không làm thì không phải là người anh hùng đáng trọng. Từ quan niệm của Vân Tiên và cũng là của NĐC, chúng ta đã có thêm cái nhìn khác về một người anh hùng. Người anh hùng đâu chỉ là những người xông pha trận mạc đánh đuổi kẻ thù mà còn là những người dám xả thân vì nghĩa, dám đứng ra bênh vực lẽ phải, bảo vệ dân lành. Đó là người anh hùng của cuộc sống thường nhật.

**3. Đánh giá** : Có thể thấy rằng “Truyện Lục Vân Tiên” của Nguyễn Đình Chiểu là một tác phẩm bất hủ của văn học trung đại. Bằng sự kết hợp giữa tự sự và miêu tả, tác phẩm đã xây dựng thành công hình tượng nhân vật Lục Vân Tiên. Chàng là người tiêu biểu cho cái thiện mang vẻ đẹp hào hiệp trong cái xã hội đầy bất công tàn ác. Nhân vật Vân Tiên mãi là hình ảnh đẹp mà Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm niềm tin khát vọng về truyền thống đạo đức tốt đẹp của nhân dân ta. Thông qua nhân vật này chúng ta nhận ra ở nhà thơ Nguyễn ĐÌnh Chiểu là sự trân trọng, ngợi ca dành cho những con người dám xả thân vì nghĩa. Ông đã dạy cho chúng ta một bài học về lẽ sống đẹp ở đời.

**C.Kết bài**

“Truyện Lục Vân Tiên” đã khép lại rồi nhưng dường như những điều mà NĐC gửi gắm trong tác phẩm vẫn còn vang vọng mãi. Hơn hai thế kỉ đã trôi qua nhưng hình tượng Lục Vân Tiên vẫn mãi là một hình ảnh đẹp. Đọc tác phẩm này, ta không khỏi cảm phục trước tài năng và đức độ của NĐC, ta lại càng thêm trân trọng những con người sẵn sàng vì nghĩa quên thân như Lục Vân Tiên. Chàng trai trẻ tuổi ấy đã nhắc nhở thế hệ trẻ chúng ta sống phải có trách nhiệm với mọi người, sống đẹp, sống có ích cho xã hội.

**BỘ TÀI LIỆU ĐOẠN TRÍCH TRUYỆN NGỮ VĂN 9**

**ÔN THI VÀO THPT**

**CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG – NGUYỄN DỮ**

**(4 ĐỀ)**

**Đề 1: Trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương trong đoạn trích sau:**

*“...Vũ Thị Thiết, người con gái quê ở Nam Xương, tính đã thùy mị, nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp. Trong làng có chàng Trương sinh, mến vì dung hạnh, xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới về. Song Trương có tính đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức. Nàng cũng giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa. Cuộc sum vầy chưa được bao lâu thì xảy ra việc triều đình bắt lính đi đánh giặc Chiêm. Trương tuy con nhà hào phú nhưng không có học, nên tên phải ghi trong sổ lính đi vào loại đầu. Buổi ra đi mẹ chàng có dặn rằng:*

*-Nay con phải tạm ra tòng quân, xa lìa dưới gối. Tuy hội công danh từ xưa ít gặp, nhưng trong chỗ binh cách, phải biết giữ mình làm trọng, gặp khó nên lui, lường sức mà tiến, đừng nên tham miếng mồi thơm để lỡ mắc vào cạm bẫy. Quan cao tước lớn nhường để người ta. Có như thế, mẹ ở nhà mới khỏi lo lắng vì con được.*

*Chàng quỳ xuống đất vâng lời dạy. Nàng rót chén rượu đầy tiễn chồng rằng:  
 -Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi. Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường, giặc cuồng còn lẫn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến cho tiện thiếp băn khoăn, mẹ hiền lo lắng. Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trông liễu tàn rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng, cũng sợ không có cánh hồng bay bổng.*

*Nàng nói đến đây, mọi người đều ứa hai hàng lệ. Rồi đó, tiệc tiễn vừa tàn, áo chàng đành rứt. Ngước mắt cảnh vật vẫn còn như cũ, mà lòng người đã nhuộm mối tình muôn dặm quan san.”*

*(Chuyện người con gái Nam Xương – SGK Ngữ văn 9 tập 1)*

**A.Dàn ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần** | Nội dung |
| **I. Mở bài** | **1. Mở bài: Giới thiệu nhà văn, tác phẩm và vấn đề nghị luận:**  **- Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**  - **Giới thiệu vấn đề nghị luận:** Khái quát về vẻ đẹp của Vũ Nương qua đoạn trích: đẹp người, đẹp nết, yêu thương chồng rất mực  - Trích dẫn đoạn trích |
| **II.Thân bài** | **1. Khái quát:**  - “Chuyện người con gái Nam Xương” là một trong số 20 truyện trích trong “Truyền kì mạn lục”, áng văn được người đời đánh giá là “thiên cổ kì bút”- cây bút kì diệu truyền tới ngàn đời. - - Truyện được viết từ cốt truyện cổ tích “Vợ chàng Trương”, nhưng với ngòi bút tài năng của mình, Nguyễn Dữ đã sáng tạo nên “Chuyện người con gái Nam Xương” rất riêng, giàu giá trị và ý nghĩa.  - Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, tác phẩm đã làm nổi bật vẻ đẹp và số phận đau thương của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.  - Truyện có sức hấp dẫn người đọc bởi các chi tiết đắt giá, các yếu tố hoang đường kì ảo  **- Tóm tắt truyện:**  Chuyện kể về Vũ Nương, quê ở Nam Xương đẹp người đẹp nết, lấy chồng là Trương Sinh – con nhà giàu, ít học, tính đa nghi, cả ghen. Gia đình đang yên ấm hạnh phúc thì chàng Trương phải đi lính. Ở nhà, Vũ Nương sinh được con trai đặt tên là Đản. Nàng chăm sóc con và mẹ chồng chu đáo, lo thuốc thang, cầu khấn thần Phật khi mẹ chồng ốm, lo ma chay chu tất khi mẹ chồng mất. Khi trở về, Trương Sinh nghe theo lời con trẻ nghi ngờ vợ phản bội. Vũ Nương một mực phân trần, giải thích nhưng Trương Sinh không nghe, thậm chí còn mắng nhiếc đánh đuổi đi. Vũ Nương không minh oan được bèn trẫm mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. Nàng không chết do được các nàng tiên cứu. Dưới thuỷ cung, tình cờ nàng gặp người cùng làng là Phan Lang. Nghe kể chuyện nhà, Vũ Nương rơm rớm nước mắt và muốn trở về dương gian. Phan Lang về nói với Trương Sinh, chàng Trương hối hận, lập đàn giải oan cho nàng. Vũ Nương trở về lộng lẫy, rực rỡ giữa dòng sông, nói với chồng vài lời cảm tạ rồi biến mất. |
|  | **2. Cảm nhận về Vũ Nương**  **a. Vũ Nương là một người phụ nữ xinh đẹp, nết na, đức hạnh, khéo léo, tế nhị, biết nhún nhường.** (chứng minh qua lời giới thiệu của của tác giả và cách ứng xử của nàng với Trương Sinh)  - Nguyễn Dữ đã giới thiệu *“Vũ Thị Thiết người con gái quê ở Nam Xương, tính đã thùy mị nết na lại thêm tư dung tốt đẹp”.* => **nàng không chỉ đẹp về hình thức bên ngoài mà còn có một tâm hồn đẹp, ở nàng hội tụ đầy đủ cả công – dung – ngôn – hạnh.**  - **Trương Sinh đã xin mẹ trăm lạng vàng cưới về**. Chi tiết này càng **tô đậm thêm vẻ đẹp của Vũ Nương**.  - Giữa hai nhân vật có sự cách bức.  + Vũ Nương xinh đẹp nết na đức hạnh thì Trương Sinh lại có tính đa nghi.  + Trương Sinh có cái quyền của một người đàn ông trong xã hội phong kiến Nam quyền, có quyền của nhà giàu đã phải bỏ trăm lạng vàng để cưới vợ.  =>Cuộc sống của Vũ Nương sẽ gặp rất nhiều khó khăn.  + Hơn thế nữa, Trương Sinh với vợi lại luôn phòng ngừa quá sức  + Nhưng *Vũ Nương luôn giữa gìn khuôn phép, không từng để vợ chồng phải đến thất hòa*.  => **VN là một người phụ nữ khéo léo, tế nhị**  **b. Vũ Nương còn là một người vợ yêu thương chồng. (**chứng minh qua lời nói của Vũ Nương khi tiễn chồng ra trận)  - Trương Sinh và Vũ Nương cưới nhau chưa được bao lâu thì Trương Sinh phải ra trận bởi Trương Sinh tuy con nhà hào phú nhưng thất học nên phải đi lính vào buổi đầu.  - Lúc tiễn chồng ra trận, Vũ Nương đã rót chén rượu đầy mà rằng *“Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong được đeo ấn hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi.*  => Trong lời nói của Vũ Nương ta nhận ra tình cảm tha thiêt mà nàng dành cho chồng.  + Mong ước của nàng thật giản dị.  + Nàng mong chồng trở về bình yên chứ không cần công danh hiển hách, ko cần phú quý vinh hoa. Nàng sợ con nàng khi chào đời sẽ ko có được sự chăm sóc, yêu thương của cả bố và mẹ, không muốn hôn nhân vừa đến đã tàn.  - Nàng lo cho nỗi vất vả, an nguy của chồng nơi chiến trận và dự cảm cả nỗi cô đơn trong những ngày vắng bóng chồng: *Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường.Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến thiếp ôm nỗi quan hoài, mẹ già triền miên lo lắng.Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trông liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng,cũng sợ không có cánh hồng bay bổng*.”  + Lời nói của nàng thật khiến người đọc cảm động  + Nàng không một lời than vãn về những vất vả mà mình sẽ phải gánh vác.  + Nàng chỉ sợ một ngày kia chồng chẳng thể trở về, sợ rằng một mình nàng sẽ phải trải qua những tháng ngày nhớ nhung, trống trải.  => Những lời nói của Vũ Nương cảm động đến mức khiến cho những người xung quanh ai nấy đều ứa hai hàng lệ và có lẽ người đọc cũng không khỏi động lòng.  **- Liên hệ: chị Dậu:** Tấm lòng, tình yêu thương chồng của Vũ Nương khiến ta nhớ đến nhân vật chị Dậu trong tiểu thuyết “Tắt đèn” của nhà văn Ngô Tất Tố. |
|  | **3. Đánh giá**  **\*Đánh giá về nội dung và nghệ thuật**  - Bằng việc sử dụng linh hoạt ngôn ngữ (trần thuật và đối thoại) giàu tính ước lệ - (lời văn biền ngẫu), kết hợp miêu tả hành động; dùng nhiều điển tích, điển cố, Nguyễn Dữ đã làm nổi bật vẻ đẹp của nhân vật VN – một người phụ nữ đẹp người đẹp nết.  - Nàng chính là hình ảnh đại diện của những người phụ nữ trong xã hội xưa – những con người dù cho cuộc sống có nhiều trái ngang, bất hạnh nhưng vẫn giữ được những phẩm chất vô cùng đẹp đẽ.  - Qua đoạn trích, người đọc thấy được tấm lòng yêu mến, trân trọng của tác giả Nguyễn Dữ dành cho những người phụ nữ trong xã hội xưa  **\* Mở rộng nâng cao vấn đề, liên hệ thực tiễn, rút ra bài học:**  - Trong xã hội hiện đại, người phụ nữ đã khẳng định vị thế nhưng vẫn còn phải chịu nhiều bất công, thiệt thòi *(bị bạo hành, bóc lột, lạm dụng...)*. Để hạnh phúc, người phụ nữ phải luôn cố gắng hoàn thiện bản thân, độc lập, tự chủ và nỗ lực đấu tranh đạt đến sự bình đẳng.  - Trân trọng, tôn vinh phụ nữ là biểu hiện quan trọng và rõ nhất của tiến bộ xã hội và  hạnh phúc gia đình. |
| **III.Kết bài** | **-Nhận xét chung về đoạn trích**  **- Đoạn trích khơi gợi tình cảm gì**  **- Em rút ra được bài học gì từ đoạn trích** |

**Bài viết tham khảo:**

**I.MỞ BÀI:**

Nguyễn Dữ là người học rộng tài cao, ông sống trong thời gian nhà Lê bắt đầu khủng khoảng, các tập đoàn phong kiến tranh quyền, đoạt vị với nhau. Bởi vậy ông ra làm quan không lâu sau đó lui về ở ẩn. Thời gian lui về ở ẩn, ông sưu tầm các truyện dân gian để sáng tác lại thành tập “Truyền kì mạn lục”. Trong số hai mươi truyện của truyền kì mạn lục, nổi bật nhất là tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương. Tác phẩm vừa giàu giá trị hiện thực vừa thể hiện giá trị nhân đạo sâu sắc của tác giả. Đọc tác phẩm này người đọc không khỏi ấn tượng với nhân vật Vũ Nương- một người phụ nữ đẹp người, đẹp nết, yêu chồng hết mực. Đến với đoạn trích sau ta sẽ thấy được điều đó:

“*Vũ Thị Thiết, người con gái quê ở Nam Xương, tính đã thùy mị, nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp.*

*[...]*

*Ngước mắt cảnh vật vẫn còn như cũ, mà lòng người đã nhuộm mối tình muôn dặm quan san.”*

**II.THÂN BÀI:**

**1. Khái quát chung về tác phẩm**

**\*Khái quát**

“Chuyện người con gái Nam Xương” là một trong số 20 truyện trích trong “Truyền kì mạn lục”, áng văn được người đời đánh giá là “thiên cổ kì bút”- cây bút kì diệu truyền tới ngàn đời. - Truyện được viết từ cốt truyện cổ tích “Vợ chàng Trương”, nhưng với ngòi bút tài năng của mình, Nguyễn Dữ đã sáng tạo nên “Chuyện người con gái Nam Xương” rất riêng, giàu giá trị và ý nghĩa. Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, tác phẩm đã làm nổi bật vẻ đẹp và số phận đau thương của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Truyện có sức hấp dẫn người đọc bởi các chi tiết đắt giá, các yếu tố hoang đường kì ảo

**\*Tóm tắt**

Chuyện kể về Vũ Nương, quê ở Nam Xương đẹp người đẹp nết, lấy chồng là Trương Sinh – con nhà giàu, ít học, tính đa nghi, cả ghen. Gia đình đang yên ấm hạnh phúc thì chàng Trương phải đi lính. Ở nhà, Vũ Nương sinh được con trai đặt tên là Đản. Nàng chăm sóc con và mẹ chồng chu đáo, lo thuốc thang, cầu khấn thần Phật khi mẹ chồng ốm, lo ma chay chu tất khi mẹ chồng mất. Khi trở về, Trương Sinh nghe theo lời con trẻ nghi ngờ vợ phản bội. Vũ Nương một mực phân trần, giải thích nhưng Trương Sinh không nghe, thậm chí còn mắng nhiếc đánh đuổi đi. Vũ Nương không minh oan được bèn trẫm mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. Nàng không chết do được các nàng tiên cứu. Dưới thuỷ cung, tình cờ nàng gặp người cùng làng là Phan Lang. Nghe kể chuyện nhà, Vũ Nương rơm rớm nước mắt và muốn trở về dương gian. Phan Lang về nói với Trương Sinh, chàng Trương hối hận, lập đàn giải oan cho nàng. Vũ Nương trở về lộng lẫy, rực rỡ giữa dòng sông, nói với chồng vài lời cảm tạ rồi biến mất.

**2. Cảm nhận về nhân vật qua đoạn trích**

**a. Vũ Nương là một người phụ nữ xinh đẹp, nết na, đức hạnh, khéo léo, tế nhị, biết nhún nhường.**Điều đó được thể hiện trong lời giới thiệu của của tác giả và trong chính cuộc sống của nàng với Trương Sinh***.*** Mở đầu tác phẩm, Nguyễn Dữ đã giới thiệu *“Vũ Thị Thiết người con gái quê ở Nam Xương, tính đã thùy mị nết na lại thêm tư dung tốt đẹp”.* Như vậy, chỉ với một câu nói ngắn gọn, Nguyễn Du đã khái quát một cách đầy đủ và trọn vẹn vẻ đẹp tâm hồn của Vũ Nương, **nàng không chỉ đẹp về hình thức bên ngoài mà còn có một tâm hồn đẹp, ở nàng hội tụ đầy đủ cả công – dung – ngôn – hạnh.**Và cũng bởi mến vì dung hạnh của nàng nên **Trương Sinh đã xin mẹ trăm lạng vàng cưới về**. Chi tiết này càng **tô đậm thêm vẻ đẹp của Vũ Nương**. Nhưng điều đó có nghĩa là ngay ở phần đầu của tác phẩm, Nguyễn Dữ đã xây dựng giữa hai nhân vật này là một **sự cách bức**. Nếu như Vũ Nương xinh đẹp nết na đức hạnh thì Trương Sinh lại có tính đa nghi. Trương Sinh lại có cái quyền của một người đàn ông trong xã hội phong kiến Nam quyền, có quyền của nhà giàu đã phải bỏ trăm lạng vàng để cưới vợ. Với sự cách bức như thế thì hẳn là cuộc sống của Vũ Nương sẽ gặp rất nhiều khó khăn. Hơn thế nữa, Trương Sinh với vợi lại luôn phòng ngừa quá sức nhưng *Vũ Nương luôn giữa gìn khuôn phép, không từng để vợ chồng phải đến thất hòa*. **Nếu không phải là một người phụ nữ khéo léo, tế nhị thì hẳn là nàng sẽ không giữ được hòa khí trong gia đình như vậy.**

**b. Không chỉ là một người phụ nữ xinh đẹp, nết na, đức hạnh , Vũ Nương còn là một người vợ yêu thồng, một người mẹ thương con và luôn khao khát hạnh phúc gia đình.** Vẻ đẹp ấy của nàng được Nguyễn Du làm nổi bật khi Trương Sinh ra trận. Trương Sinh và Vũ Nương cưới nhau chưa được bao lâu thì Trương Sinh phải ra trận bởi Trương Sinh tuy con nhà hào phú nhưng thất học nên phải đi lính vào buổi đầu. Lúc tiễn chồng ra trận, Vũ Nương đã rót chén rượu đầy mà rằng *“Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong được đeo ấn hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi.* Trong lời nói của Vũ Nương ta nhận ra tình cảm tha thiêt mà nàng dành cho chồng. Mong ước của nàng thật giản dị! Nàng mong chồng trở về bình yên chứ không cần công danh hiển hách, ko cần phú quý vinh hoa. Nàng sợ con nàng khi chào đời sẽ ko có được sự chăm sóc, yêu thương của cả bố và mẹ, không muốn hôn nhân vừa đến đã tàn. Ko chỉ vậy, nàng còn lo cho nỗi vất vả, an nguy của chồng nơi chiến trận và dự cảm cả nỗi cô đơn trong những ngày vắng bóng chồng: *Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường.Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến thiếp ôm nỗi quan hoài, mẹ già triền miên lo lắng.Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trông liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng,cũng sợ không có cánh hồng bay bổng*.” Lời nói của nàng thật khiến người đọc cảm động. Nàng không một lời than vãn về những vất vả mà mình sẽ phải gánh vác. Nàng chỉ sợ một ngày kia chồng chẳng thể trở về, sợ rằng một mình nàng sẽ phải trải qua những tháng ngày nhớ nhung, trống trải. Những lời nói của Vũ Nương cảm động đến mức khiến cho những người xung quanh ai nấy đều ứa hai hàng lệ và có lẽ người đọc cũng không khỏi động lòng. **Tấm lòng, tình yêu thương chồng của Vũ Nương khiến ta nhớ đến nhân vật chị Dậu trong tiểu thuyết “Tắt đèn” của nhà văn Ngô Tất Tố.** Dù chỉ là một người phụ nữ nông dân thấp cổ bé họng nhưng chị đã liều mạng để bảo vệ chồng. Có thể nói rằng tấm lòng thủy chung son sắt, tình yêu thương dành cho chồng con chính là những nét chung đẹp đẽ trong tâm hồn của những người phụ nữ Việt Nam. Vẻ đẹp ấy thật đáng trân trọng.

**3.Đánh giá**

Bằng việc sử dụng linh hoạt ngôn ngữ (trần thuật và đối thoại) giàu tính ước lệ - (lời văn biền ngẫu), kết hợp miêu tả hành động; dùng nhiều điển tích, điển cố, Nguyễn Dữ đã làm nổi bật vẻ đẹp của nhân vật VN – một người phụ nữ đẹp người đẹp nết. Nàng chính là hình ảnh đại diện của những người phụ nữ trong xã hội xưa – những con người dù cho cuộc sống có nhiều trái ngang, bất hạnh nhưng vẫn giữ được những phẩm chất vô cùng đẹp đẽ. Qua đoạn trích, người đọc thấy được tấm lòng yêu mến, trân trọng của tác giả Nguyễn Dữ dành cho những người phụ nữ trong xã hội xưa**.**Trong xã hội hiện đại, người phụ nữ đã khẳng định vị thế nhưng vẫn còn phải chịu nhiều bất công, thiệt thòi *(bị bạo hành, bóc lột, lạm dụng...)*. Để hạnh phúc, người phụ nữ phải luôn cố gắng hoàn thiện bản thân, độc lập, tự chủ và nỗ lực đấu tranh đạt đến sự bình đẳng. Nhưng dù ở xã hội nào, dù cuôc đời và số phận có ra sao thì họ vẫn xứng đáng để ta yêu thương và trân trọng.

**III.KẾT BÀI:**

Có thể nói trong “Chuyện người con gái Nam Xương” thì đoạn trích trên là một trong những đoạn truyện độc đáo nhất. Đoạn trích đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta thêm cảm phục trước tài năng của nhà văn, thêm trân trọng, yêu mến những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Từ hình ảnh của nhân vật Vũ Nương, tác giả muốn nhắc nhở chúng ta cần biết trân trọng và yêu thương những người phụ nữ ngay chính xung quanh mình. Và có lẽ cũng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**Đề 2*: Cảm nhận của em về vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương qua đoạn trích sau:***

*“... Chàng quỳ xuống đất vâng lời dạy. Nàng rót chén rượu đầy tiễn chồng mà rằng:*

*- Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thể là đủ rồi. Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến cho tiện thiếp băn khoăn, mẹ hiền lo lắng. Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trồng liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng, cũng sợ không có cảnh không bay bổng.*

*Nàng nói đến đây, mọi người đều ứa hai hàng lệ. Rồi đó, tiệc tiễn vừa tàn, áo chàng đành rứt. Ngước mắt cảnh vật vẫn còn như cũ, mà lòng người đã nhuộm mối tình muôn dặm quan san!*

*Bấy giờ, nàng đương có mang, sau khi xa chồng vừa đẩy tuần thì sinh ra một đứa con trai, đặt tên là Đản. Ngày qua tháng lại, thoắt đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi, thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được, bà mẹ cũng vì nhớ con mà dân sinh ổm. Nàng hết sức thuốc thang lễ bái thần phật và lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn, song bệnh tình mỗi ngày một trầm trọng, bà biết không sống được, bèn trối lại với nàng rằng:*

*- Ngắn dài có số, tươi héo bởi trời. (...) Sau này, trời xét lòng lành, ban cho phúc đức, giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chẳng phụ mẹ..*

*Bà cụ nói xong thì mất, nàng hết lời thương xót, phàm việc và cay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình."*

*(Chuyện người con gái Nam Xương – SGK Ngữ văn 9 tập 1)*

**A.Dàn ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung** |
| **I. Mở bài** | **1. Mở bài: Giới thiệu nhà văn, tác phẩm và vấn đề nghị luận:**  **- Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**  - **Giới thiệu vấn đề nghị luận:** Khái quát về vẻ đẹp của Vũ Nương qua đoạn trích: Yêu chồng, thủy chung, hiếu thảo  - Trích dẫn đoạn trích |
| **II.Thân bài** | 1. **Khái quát:**   **\*Khái quát**  - “Chuyện người con gái Nam Xương” là một trong số 20 truyện trích trong “Truyền kì mạn lục”, áng văn được người đời đánh giá là “thiên cổ kì bút”- cây bút kì diệu truyền tới ngàn đời. - - Truyện được viết từ cốt truyện cổ tích “Vợ chàng Trương”, nhưng với ngòi bút tài năng của mình, Nguyễn Dữ đã sáng tạo nên “Chuyện người con gái Nam Xương” rất riêng, giàu giá trị và ý nghĩa.  - Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, tác phẩm đã làm nổi bật vẻ đẹp và số phận đau thương của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.  - Truyện có sức hấp dẫn người đọc bởi các chi tiết đắt giá, các yếu tố hoang đường kì ảo  **- Tóm tắt truyện:**  Chuyện kể về Vũ Nương, quê ở Nam Xương đẹp người đẹp nết, lấy chồng là Trương Sinh – con nhà giàu, ít học, tính đa nghi, cả ghen. Gia đình đang yên ấm hạnh phúc thì chàng Trương phải đi lính. Ở nhà, Vũ Nương sinh được con trai đặt tên là Đản. Nàng chăm sóc con và mẹ chồng chu đáo, lo thuốc thang, cầu khấn thần Phật khi mẹ chồng ốm, lo ma chay chu tất khi mẹ chồng mất. Khi trở về, Trương Sinh nghe theo lời con trẻ nghi ngờ vợ phản bội. Vũ Nương một mực phân trần, giải thích nhưng Trương Sinh không nghe, thậm chí còn mắng nhiếc đánh đuổi đi. Vũ Nương không minh oan được bèn trẫm mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. Nàng không chết do được các nàng tiên cứu. Dưới thuỷ cung, tình cờ nàng gặp người cùng làng là Phan Lang. Nghe kể chuyện nhà, Vũ Nương rơm rớm nước mắt và muốn trở về dương gian. Phan Lang về nói với Trương Sinh, chàng Trương hối hận, lập đàn giải oan cho nàng. Vũ Nương trở về lộng lẫy, rực rỡ giữa dòng sông, nói với chồng vài lời cảm tạ rồi biến mất. |
|  | **2. Cảm nhận về Vũ Nương**  **a. Vũ Nương còn là một người vợ yêu thương chồng. (**chứng minh qua lời nói của Vũ Nương khi tiễn chồng ra trận)  - Trương Sinh và Vũ Nương cưới nhau chưa được bao lâu thì Trương Sinh phải ra trận bởi Trương Sinh tuy con nhà hào phú nhưng thất học nên phải đi lính vào buổi đầu.  - Lúc tiễn chồng ra trận, Vũ Nương đã rót chén rượu đầy mà rằng *“Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong được đeo ấn hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi.*  => Trong lời nói của Vũ Nương ta nhận ra tình cảm tha thiêt mà nàng dành cho chồng.  + Mong ước của nàng thật giản dị.  + Nàng mong chồng trở về bình yên chứ không cần công danh hiển hách, ko cần phú quý vinh hoa. Nàng sợ con nàng khi chào đời sẽ ko có được sự chăm sóc, yêu thương của cả bố và mẹ, không muốn hôn nhân vừa đến đã tàn.  - Nàng lo cho nỗi vất vả, an nguy của chồng nơi chiến trận và dự cảm cả nỗi cô đơn trong những ngày vắng bóng chồng: *Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường.Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến thiếp ôm nỗi quan hoài, mẹ già triền miên lo lắng.Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trông liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng,cũng sợ không có cánh hồng bay bổng*.”  + Lời nói của nàng thật khiến người đọc cảm động  + Nàng không một lời than vãn về những vất vả mà mình sẽ phải gánh vác.  + Nàng chỉ sợ một ngày kia chồng chẳng thể trở về, sợ rằng một mình nàng sẽ phải trải qua những tháng ngày nhớ nhung, trống trải.  => Những lời nói của Vũ Nương cảm động đến mức khiến cho những người xung quanh ai nấy đều ứa hai hàng lệ và có lẽ người đọc cũng không khỏi động lòng.  - Rồi Trương Sinh ra trận ra trận, Vũ Nương ở nhà nhớ chồng da diết. : “Ngày qua tháng lại, thoắt đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được”.  + Bằng một vài hình ảnh ước lệ tượng trưng, Nguyễn Du đã diễn tả trọn vẹn **nỗi nhớ triền miên, dai dẳng, ngày qua ngày, tháng qua tháng của Vũ Nương với người chồng nơi chiến trận của nàng.**  **+Nàng vừa thương chồng, vừa nhớ chồng, vừa thương xót cho chính mình đêm ngày phải đối mặt với nỗi cô đơn vò võ**.  + Tâm trạng nhớ thương đau buồn ấy của Vũ Nương cũng là tâm trạng chung của những người chinh phụ trong mọi thời loạn lạc xưa nay:   "… Nhớ chàng đằng đẵng đường lên bằng trời       Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu       Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong…"  (Chinh phụ ngâm)  + Thể hiện tâm trạng ấy, **Nguyễn Dữ vừa cảm thông với nỗi đau khổ** của Vũ Nương, **vừa ca ngợi tấm lòng thủy chung, thương nhớ đợi chờ chồng của nàng.**  **- Liên hệ: chị Dậu:** Tấm lòng, tình yêu thương chồng của Vũ Nương khiến ta nhớ đến nhân vật chị Dậu trong tiểu thuyết “Tắt đèn” của nhà văn Ngô Tất Tố.  **b. Vũ Nương là một người con hiếu thảo**  - Vũ Nương đã hóa giả được những định kiến của người xưa về mối quan hệ mẹ chồng nàng dâu.  + Chồng xa nhà**, nàng đã thay chồng phụng dưỡng mẹ chu đáo**.  + Khi **bà ốm nàng đã thuốc thang lễ  bái thần phật và lấy những lời khôn khéo để  khuyên răn** để bà vơi bớt nỗi nhớ thương con.  =>Tình cảm nàng dành cho mẹ chồng thật khiến ta cảm động  + Cái tình ấy quả có thể cảm thấu cả trời đất cho nên trước lúc chết n**gười mẹ già ấy đã trăng trối những lời yêu thương, động viên, trân trọng con dâ**u *“Sau này, trời xét lòng lành, ban cho phúc đức giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ lòng con như con đã chẳng phụ mẹ"*. Đây quả là sự ghi nhận, đánh giá rất cao công lao của Vũ Nương đối với gia đình chồng. Nhà văn Nguyễn Dữ rất già dặn khi ông để cho bà mẹ chồng nhận xét về nàng dâu chứ không phải là ai khác. Đặt trong xã hội lúc bấy giờ thì đây là lời đánh giá thật xác đáng và khách quan khiến ta cảm nhận được nét đẹp trong phẩm chất của Vũ Nương.  + Rồi đến khi mẹ chồng mất, “*nàng hết lời thương xót, phàm việc ma chay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ đẻ của mình”*. Nàng làm những việc đó không chỉ vì bổn phận và trách nhiệm của người con dâu mà còn xuất phát từ lòng yêu thương, sự hiếu thảo mà nàng đã dành cho mẹ chồng.  **- Liên hệ: Thúy Kiều** |
|  | **3. Đánh giá**  **\*Đánh giá về nội dung và nghệ thuật**  - Bằng việc sử dụng linh hoạt ngôn ngữ (trần thuật và đối thoại) giàu tính ước lệ - (lời văn biền ngẫu), kết hợp miêu tả hành động; dùng nhiều điển tích, điển cố, Nguyễn Dữ đã làm nổi bật vẻ đẹp của nhân vật VN – một người vợ yêu thương chồng và một người con dâu hiếu thảo.  - Nàng chính là hình ảnh đại diện của những người phụ nữ trong xã hội xưa – những con người dù cho cuộc sống có nhiều trái ngang, bất hạnh nhưng vẫn giữ được những phẩm chất vô cùng đẹp đẽ.  - Qua đoạn trích, người đọc thấy được tấm lòng yêu mến, trân trọng của tác giả Nguyễn Dữ dành cho những người phụ nữ trong xã hội xưa  **\* Mở rộng nâng cao vấn đề, liên hệ thực tiễn, rút ra bài học:**  - Trong xã hội hiện đại, người phụ nữ đã khẳng định vị thế nhưng vẫn còn phải chịu nhiều bất công, thiệt thòi *(bị bạo hành, bóc lột, lạm dụng...)*. Để hạnh phúc, người phụ nữ phải luôn cố gắng hoàn thiện bản thân, độc lập, tự chủ và nỗ lực đấu tranh đạt đến sự bình đẳng.  - Trân trọng, tôn vinh phụ nữ là biểu hiện quan trọng và rõ nhất của tiến bộ xã hội và  hạnh phúc gia đình. |
| **III.Kết bài** | **-Nhận xét chung về đoạn trích**  **- Đoạn trích khơi gợi tình cảm gì**  **- Em rút ra được bài học gì từ đoạn trích** |

**Bài viết tham khảo:**

**I.MỞ BÀI:**

Nguyễn Dữ là người học rộng tài cao, ông sống trong thời gian nhà Lê bắt đầu khủng khoảng, các tập đoàn phong kiến tranh quyền, đoạt vị với nhau. Bởi vậy ông ra làm quan không lâu sau đó lui về ở ẩn. Thời gian lui về ở ẩn, ông sưu tầm các truyện dân gian để sáng tác lại thành tập “Truyền kì mạn lục”. Trong số hai mươi truyện của truyền kì mạn lục, nổi bật nhất là tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương. Tác phẩm vừa giàu giá trị hiện thực vừa thể hiện giá trị nhân đạo sâu sắc của tác giả. Đọc tác phẩm này người đọc không khỏi ấn tượng với nhân vật Vũ Nương- một người vợ yêu chồng, một người con dâu hiếu thảo. Đến với đoạn trích sau ta sẽ thấy được điều đó:

“*“... Chàng quỳ xuống đất vâng lời dạy. Nàng rót chén rượu đầy tiễn chồng mà rằng:*

*[...]*

*Bà cụ nói xong thì mất, nàng hết lời thương xót, phàm việc và cay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình."*

**II.THÂN BÀI:**

**1. Khái quát chung về tác phẩm**

**\*Khái quát**

“Chuyện người con gái Nam Xương” là một trong số 20 truyện trích trong “Truyền kì mạn lục”, áng văn được người đời đánh giá là “thiên cổ kì bút”- cây bút kì diệu truyền tới ngàn đời. - Truyện được viết từ cốt truyện cổ tích “Vợ chàng Trương”, nhưng với ngòi bút tài năng của mình, Nguyễn Dữ đã sáng tạo nên “Chuyện người con gái Nam Xương” rất riêng, giàu giá trị và ý nghĩa. Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, tác phẩm đã làm nổi bật vẻ đẹp và số phận đau thương của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Truyện có sức hấp dẫn người đọc bởi các chi tiết đắt giá, các yếu tố hoang đường kì ảo

**\*Tóm tắt**

Chuyện kể về Vũ Nương, quê ở Nam Xương đẹp người đẹp nết, lấy chồng là Trương Sinh – con nhà giàu, ít học, tính đa nghi, cả ghen. Gia đình đang yên ấm hạnh phúc thì chàng Trương phải đi lính. Ở nhà, Vũ Nương sinh được con trai đặt tên là Đản. Nàng chăm sóc con và mẹ chồng chu đáo, lo thuốc thang, cầu khấn thần Phật khi mẹ chồng ốm, lo ma chay chu tất khi mẹ chồng mất. Khi trở về, Trương Sinh nghe theo lời con trẻ nghi ngờ vợ phản bội. Vũ Nương một mực phân trần, giải thích nhưng Trương Sinh không nghe, thậm chí còn mắng nhiếc đánh đuổi đi. Vũ Nương không minh oan được bèn trẫm mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. Nàng không chết do được các nàng tiên cứu. Dưới thuỷ cung, tình cờ nàng gặp người cùng làng là Phan Lang. Nghe kể chuyện nhà, Vũ Nương rơm rớm nước mắt và muốn trở về dương gian. Phan Lang về nói với Trương Sinh, chàng Trương hối hận, lập đàn giải oan cho nàng. Vũ Nương trở về lộng lẫy, rực rỡ giữa dòng sông, nói với chồng vài lời cảm tạ rồi biến mất.

**2. Cảm nhận về vẻ đẹp của nhân vật qua đoạn trích**

**a. Đọc đoạn trích này, trước hết ta nhận ra Vũ Nương còn là một người vợ yêu thồng, một người mẹ thương con và luôn khao khát hạnh phúc gia đình.** Vẻ đẹp ấy của nàng được Nguyễn Du làm nổi bật khi Trương Sinh ra trận. Trương Sinh và Vũ Nương cưới nhau chưa được bao lâu thì Trương Sinh phải ra trận bởi Trương Sinh tuy con nhà hào phú nhưng thất học nên phải đi lính vào buổi đầu. Lúc tiễn chồng ra trận, Vũ Nương đã rót chén rượu đầy mà rằng *“Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong được đeo ấn hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi.* Trong lời nói của Vũ Nương ta nhận ra tình cảm tha thiêt mà nàng dành cho chồng. Mong ước của nàng thật giản dị! Nàng mong chồng trở về bình yên chứ không cần công danh hiển hách, ko cần phú quý vinh hoa. Nàng sợ con nàng khi chào đời sẽ ko có được sự chăm sóc, yêu thương của cả bố và mẹ, không muốn hôn nhân vừa đến đã tàn. Ko chỉ vậy, nàng còn lo cho nỗi vất vả, an nguy của chồng nơi chiến trận và dự cảm cả nỗi cô đơn trong những ngày vắng bóng chồng: *Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường.Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến thiếp ôm nỗi quan hoài, mẹ già triền miên lo lắng.Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trông liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng,cũng sợ không có cánh hồng bay bổng*.” Lời nói của nàng thật khiến người đọc cảm động. Nàng không một lời than vãn về những vất vả mà mình sẽ phải gánh vác. Nàng chỉ sợ một ngày kia chồng chẳng thể trở về, sợ rằng một mình nàng sẽ phải trải qua những tháng ngày nhớ nhung, trống trải. Những lời nói của Vũ Nương cảm động đến mức khiến cho những người xung quanh ai nấy đều ứa hai hàng lệ và có lẽ người đọc cũng không khỏi động lòng.Bên cạnh đó nàng càng bày tỏ nỗi khắc khoải nhớ mong da diết của mình trong những ngày chồng đi xa“*Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trồng liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng, cũng sợ không có cảnh không bay bổng”.* ". Những câu văn biền ngẫu sóng đôi, cân xứng nhịp nhàng như nhịp đập thổn thức của trái tim người vợ trẻ, lời tiễn biệt ân tình thể hiện tình yêu thương chồng và niềm khát khao một mái ấm hạnh phúc. Xa chồng, Vũ Nương không lúc nào không nghĩ đến, không nhớ thương: *"Ngày qua tháng lại, thoắt đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi thì nỗi buồn nơi góc bể chân trời không thể nào ngăn được".* **Tác giả đã dùng những hình ảnh ước lệ, mượn cảnh vật thiên nhiên để diễn tả sự trôi chảy của thời gian**. Thời gian trôi qua, không gian cảnh vật thay đổi, mùa xuân tươi vui đi qua, mùa đông ảm đạm lại đến còn lòng người thì dằng dặc một nỗi nhớ mong. Tâm trạng đó của Vũ Nương cũng là tâm trạng chung của những người vợ có chồng đi lính trong thời loạn lạc:

*"Nhớ chàng đằng đẵng đường lên bằng trời*

*Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu*

*Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong"*

( Trích "*Chinh phụ ngâm"* - Đoàn Thị Điểm)

Thể hiện tâm trạng ấy, **Nguyễn Dữ vừa cảm thông với nỗi đau khổ** của Vũ Nương, **vừa ca ngợi tấm lòng thủy chung, thương nhớ đợi chờ chồng của nàng. Tấm lòng, tình yêu thương chồng của Vũ Nương khiến ta nhớ đến nhân vật chị Dậu trong tiểu thuyết “Tắt đèn” của nhà văn Ngô Tất Tố.** Dù chỉ là một người phụ nữ nông dân thấp cổ bé họng nhưng chị đã liều mạng để bảo vệ chồng. Có thể nói rằng tấm lòng thủy chung son sắt, tình yêu thương dành cho chồng con chính là những nét chung đẹp đẽ trong tâm hồn của những người phụ nữ Việt Nam. Vẻ đẹp ấy thật đáng trân trọng.

**b.Cùng với tình yêu thương chồng con, Vũ Nương còn là một người con dâu hiếu thảo.**  Xưa nay mối quan hệ mẹ chồng nàng dâu rất phức tạp. Người xưa thường nói *Trời mưa ướt lá dai bì*/ *Con mẹ, mẹ xót, xót gì con dâu!* Thế nhưng Vũ Nương đã hóa giả được những định kiến ấy. Vũ Nương vẫn rất yêu quý, chăm sóc mẹ chồng như đối với cha mẹ đẻ của mình. Khi mẹ chồng ốm, nàng "*hết sức thuốc thang và lễ bái thần phật, lấy lời ngọt ngào, khôn khéo, khuyên lơn*". Những lời nói dịu dàng, những cử chỉ ân cần của nàng thật đáng trân trọng. Đặc biệt lời trăn trối của bà mẹ chồng trước khi mất đã khẳng định lòng hiếu thảo, tình cảm chân thành của Vũ Nương : *"Ngắn dài có số, tươi héo bởi trời. Mẹ không phải không muốn đợi chồng con về, mà không gắng ăn miếng cơm miếng cháo đặng cùng vui sum họp. Song lòng tham vô cùng mà vận trời khó tránh. Nước hết chuông rền, số cùng khí kiệt . Một tấm thân tàn, nguy trong sớm tối, việc sống chết không khỏi phiền đến con. Chồng con nơi xa xôi chưa biết sống chết thế nào, không thể về đền ơn được. Sau này, trời xét lòng lành, ban cho phúc đức, giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ con cũng như con đã chẳng phụ mẹ"* . Đây quả là sự ghi nhận, đánh giá rất cao công lao của Vũ Nương đối với gia đình chồng. Nhà văn Nguyễn Dữ rất già dặn khi ông để cho bà mẹ chồng nhận xét về nàng dâu chứ không phải là ai khác. Đặt trong xã hội lúc bấy giờ thì đây là lời đánh giá thật xác đáng và khách quan khiến ta cảm nhận được nét đẹp trong phẩm chất của Vũ Nương. Rồi đến khi mẹ chồng mất, “*nàng hết lời thương xót, phàm việc ma chay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ đẻ của mình”*. Nàng làm những việc đó không chỉ vì bổn phận và trách nhiệm của người con dâu mà còn xuất phát từ lòng yêu thương, sự hiếu thảo mà nàng đã dành cho mẹ chồng.

**3.Đánh giá**

Bằng việc sử dụng linh hoạt ngôn ngữ (trần thuật và đối thoại) giàu tính ước lệ - (lời văn biền ngẫu), kết hợp miêu tả hành động; dùng nhiều điển tích, điển cố, Nguyễn Dữ đã làm nổi bật vẻ đẹp của nhân vật VN – một người vợ thương chồng, một người con dâu hiếu thảo. Nàng chính là hình ảnh đại diện của những người phụ nữ trong xã hội xưa – những con người dù cho cuộc sống có nhiều trái ngang, bất hạnh nhưng vẫn giữ được những phẩm chất vô cùng đẹp đẽ. Qua đoạn trích, người đọc thấy được tấm lòng yêu mến, trân trọng của tác giả Nguyễn Dữ dành cho những người phụ nữ trong xã hội xưa**.** Trong xã hội hiện đại, người phụ nữ đã khẳng định vị thế nhưng vẫn còn phải chịu nhiều bất công, thiệt thòi *(bị bạo hành, bóc lột, lạm dụng...)*. Để hạnh phúc, người phụ nữ phải luôn cố gắng hoàn thiện bản thân, độc lập, tự chủ và nỗ lực đấu tranh đạt đến sự bình đẳng. Nhưng dù ở xã hội nào, dù cuôc đời và số phận có ra sao thì họ vẫn xứng đáng để ta yêu thương và trân trọng.

**III.KẾT BÀI:**

Có thể nói trong “Chuyện người con gái Nam Xương” thì đoạn trích trên là một trong những đoạn truyện độc đáo nhất. Đoạn trích đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta thêm cảm phục trước tài năng của nhà văn, thêm trân trọng, yêu mến những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Từ hình ảnh của nhân vật Vũ Nương, tác giả muốn nhắc nhở chúng ta cần biết trân trọng và yêu thương những người phụ nữ ngay chính xung quanh mình. Và có lẽ cũng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**Đề 3: Phân tích nhân vật Vũ Nương trong đoạn trích sau:**

...*Qua năm sau, giặc ngoan cố đã chịu trói, việc quân kết thúc. Trương Sinh về tới nhà, được biết mẹ qua đời, con vừa học nói. Chàng hỏi mồ mẹ, rồi bế đứa con nhỏ đi thăm; đứa trẻ không chịu, ra đến đồng, nó quấy khóc. Sinh dỗ dành:*

*- Nín đi con, đừng khóc. Cha về, bà đã mất, lòng cha buồn khổ lắm rồi.*

*Đứa con ngây thơ nói:*

*- Ô hay! Thế ra ông cũng là cha tôi ư? Ông lại biết nói, chứ không như cha tôi trước kia chỉ nín thin thít.*

*Chàng ngạc nhiên gạn hỏi. Đứa con nhỏ nói:*

*- Trước đây, thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả.*

*Tính chàng hay ghen, nghe con nói vậy, đinh ninh là vợ hư, mối nghi ngờ ngày càng sâu, không có gì gỡ ra được.*

*Về đến nhà, chàng la um cho hả giận. Vợ chàng khóc mà rằng:*

*- Thiếp vốn con nhà kẻ khó, được nương tựa nhà giàu. Sum họp chưa thỏa tình chăn gối, chia phôi vì động việc lửa binh. Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót. Đâu có sự mất nết hư thân như lời chàng nói. Dám xin bày tỏ để cởi mối nghi ngờ. Mong chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp.*

*Chàng vẫn không tin. Nhưng nàng hỏi chuyện kia do ai nói ra, thì lại giấu không kể lời con nói; chỉ lấy chuyện bóng gió này nọ mà mắng nhiếc nàng, và đánh đuổi đi. Họ hàng làng xóm bênh vực và biện bạch cho nàng, cũng chẳng ăn thua gì cả. Nàng bất đắc dĩ nói:*

*- Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng vì có cái thú vui nghi gia nghi thất. Nay bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thẳm buồm xa, đâu còn có thể lại lên núi Vọng Phu kia nữa.*

*Đoạn rồi nàng tắm gội chay sạch, ra bến Hoàng Giang ngửa mặt lên trời mà than rằng:*

*- Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu mĩ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ.*

*Nói xong nàng gieo mình xuống sông mà chết...”*

***(“Chuyện người con gái Nam Xương”*** - Nguyễn Dữ, Ngữ văn 9, tập I, NXB Giáo dục Viết Nam, 2019)

**A.Dàn ý**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung** |
| **I. Mở bài** | **1. Mở bài: Giới thiệu nhà văn, tác phẩm và vấn đề nghị luận:**  **- Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**  - **Giới thiệu vấn đề nghị luận:** Giới thiệu nhân vật Vũ Nương  - Trích dẫn đoạn trích |
| **II.Thân bài** | **1. Khái quát:**  - “Chuyện người con gái Nam Xương” là một trong số 20 truyện trích trong “Truyền kì mạn lục”, áng văn được người đời đánh giá là “thiên cổ kì bút”- cây bút kì diệu truyền tới ngàn đời. - - Truyện được viết từ cốt truyện cổ tích “Vợ chàng Trương”, nhưng với ngòi bút tài năng của mình, Nguyễn Dữ đã sáng tạo nên “Chuyện người con gái Nam Xương” rất riêng, giàu giá trị và ý nghĩa.  - Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, tác phẩm đã làm nổi bật vẻ đẹp và số phận đau thương của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.  - Truyện có sức hấp dẫn người đọc bởi các chi tiết đắt giá, các yếu tố hoang đường kì ảo  **- Tóm tắt truyện:**  Chuyện kể về Vũ Nương, quê ở Nam Xương đẹp người đẹp nết, lấy chồng là Trương Sinh – con nhà giàu, ít học, tính đa nghi, cả ghen. Gia đình đang yên ấm hạnh phúc thì chàng Trương phải đi lính. Ở nhà, Vũ Nương sinh được con trai đặt tên là Đản. Nàng chăm sóc con và mẹ chồng chu đáo, lo thuốc thang, cầu khấn thần Phật khi mẹ chồng ốm, lo ma chay chu tất khi mẹ chồng mất. Khi trở về, Trương Sinh nghe theo lời con trẻ nghi ngờ vợ phản bội. Vũ Nương một mực phân trần, giải thích nhưng Trương Sinh không nghe, thậm chí còn mắng nhiếc đánh đuổi đi. Vũ Nương không minh oan được bèn trẫm mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. Nàng không chết do được các nàng tiên cứu. Dưới thuỷ cung, tình cờ nàng gặp người cùng làng là Phan Lang. Nghe kể chuyện nhà, Vũ Nương rơm rớm nước mắt và muốn trở về dương gian. Phan Lang về nói với Trương Sinh, chàng Trương hối hận, lập đàn giải oan cho nàng. Vũ Nương trở về lộng lẫy, rực rỡ giữa dòng sông, nói với chồng vài lời cảm tạ rồi biến mất. |
|  | **2. Phân tích nhân vật VN**  **a. Vũ Nương bị chính người chồng của mình đẩy vào một nỗi oan nghiệt ngã.**  - Ngày Trương Sinh trở vể cũng là lúc bi kịch cuộc đời nàng xảy ra. Câu chuyện của bé Đản, đứa con trai vừa lên ba tuổi, về “ một người đàn ông đêm nào cũng đến” đã làm cho Trương Sinh nghi ngờ. Với bản tính hay ghen cộng thêm tính gia trưởng, thất học, Trương Sinh đối xử với vợ hết sức tàn nhẫn. Giấu biệt lời con nói, Trương Sinh đã “ mắng nhiếc nàng và đánh đuổi đi” mặc cho Vũ Nương hết sức phân trần, mặc cho “hàng xóm can ngăn cũng chẳng ăn thua gì”.  -  Khi hạnh phúc gia đình có nguy cơ tan vỡ: Vũ Nương ra sức cứu vãn, hàn gắn.  + Khi người chồng trút cơn ghen bóng gió lên đầu, Vũ Nương đã ra sức thanh minh, phân trần.  + Nàng đã viện đến cả  thân phận và tấm lòng của mình để  thuyết phục chồng “Thiếp vốn con kẻ  khó được nương tựa nhà giàu.....cách biệt ba năm giữ  gìn một tiết.....”  -Lời nói của VN khiến người đọc cảm động  - Nàng muốn thanh minh, muốn giải thích vì:  + Để chứng minh cho tấm lòng trong sạch của mình, để chồng thấu hiểu những tình cảm của nàng bấy lau nay  + Níu kéo và hàn gắn hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ tan vỡ, nàng ko muốn bé Đản phải sống trong cảnh cha mẹ chia lìa, không muốn vợ chồng mỗi người một ngả  => Những lời nói nhún nhường tha thiết đó cho thấy thái độ  trân trọng chồng, trân trọng gia đình nhà chồng, niềm tha thiết gìn giữ gia đình nhất mực của Vũ Nương.  -> Người đọc thấy vô cùng xót xa phẫn nộ vì vô cớ Vũ Nương phải chịu nỗi oan tày trời, bế tắc không thể trông dựa vào đâu, phải tự thanh minh để cầu xin sự thấu hiểu của Trương Sinh mà không được. Thật không ngờ được rằng một cái bóng vô hình có thể đẩy nàng vào nỗi oan nghiệt ngã  **=> Từ những lời thanh minh, giải thích =>Vũ Nương VN là người phụ nữ luôn khao khát hạnh phúc gia đình => đáng trân trọng.**  **b. Giải thích, minh oan ko được, nàng đành tìm đến cái chết để tự giải thoát cho chính mình.**  **- Trước khi chết, VN đã tắm gội chay sạch rồi mới ra bến sông Hoàng Giang**  + Chi tiết này tưởng như ko có gì đáng chú ý  + Nhg nó cho thấy VN ko hề vội vã, nàng vì quá phẫn uất, quá tuyệt vọng nên phải tìm đến cái chết để tự giải thoát cho mình  + Nàng muốn rửa gột tất cả những oan ức, những nhuốc nhơ mà người chồng đã phủ lên danh dự của nàng  => 1 chi tiết nhưng cho thấy VN rất trọng danh dự, trọng nhân phẩm.  **- Trước khi trẫm mình xuống sông, nàng đã *ngửa mặt lên trời mà than rằng:***  ***“Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, ... người phỉ nhổ.***  + Lời nói của nàng chẳng khác nào một lời thề  +Lời thề là một lời khẳng định sống cũng như chết mình luôn là một người trinh trắng trong sạch ,luôn là một người vợ đoan trang chung thuỷ. Lời thề của nàng trước dòng sông chính là lời nguyền của những người phụ nữ bị oan khuất trong xã hội phong kiến.  **-Sau lời thề đó là hành động tự vẫn của nàng.**  + Hành động của nàng thật quyết liệt đã đẩy câu chuyện đến độ cao trào và kịch tính.Vũ Nương đã tìm đên cái chết để bảo toàn danh dự.  + Cái chết thể hiện sự bế tắc về số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến nam quyền.  + Nàng đã chọn cái “chết vinh” thay vì “sống nhục”, chọn cái chết để tự chứng minh cho tấm lòng trong sạch của mình, để tự giải thoát cho mình khỏi nỗi oan nghiệt ngã.  Cho thấy ở nàng là phẩm chất của một người phụ nữ trọng danh dự  **3.Nguyên nhân và ý nghĩa trong cái chét của Vũ Nương**  **- Đánh giá về nguyên nhân cái chết của Vũ Nương:**  + Cuộc hôn nhân của nàng là gả bán, không bình đẳng; nàng không có quyền tự chủ.  + Nàng bơ vơ bế tắc, không thể về với bố mẹ đẻ vì nếu về với tội danh như vậy làm nhơ nhuốc bố mẹ, là bất hiếu.  + Nàng là người trọng danh dự không thể nương tựa vào ai.  + Nàng bị nghi oan là phản bội nên mối quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn. Đó là quy luật tâm lí. Cái chết là kết cục tất yếu đối với Vũ Nương.  + Tư tưởng trọng nam khinh nữ, thói gia trưởng, sự đọc đoán chuyên quyền...  + Chiến tranh phi nghĩa là nguyên nhân dẫn đến hiểu lầm, bi kịch...  **- Qua cái chết của VN, Nguyễn Dữ muốn gửi gắm rất nhiều điều**  + Cái chết của nhân vật Vũ Nương là lời tố cáo xã hội phong kiến đã dung túng cho cái ác xấu xa, tàn bạo  + Là lời cảnh tỉnh cho những kẻ đa nghi, hồ đồ độc đoán  + Là sự chối bỏ hoàn toàn của người phụ nữ đối với xã hội phong kiế đương thời  + Là tiếng nói đòi quyền sống cho những người pn trong cái xã hội pong kiến đầy bất công, thối nát |
|  | **3. Đánh giá**  **\*Đánh giá về nội dung và nghệ thuật**  - Bằng việc sử dụng linh hoạt ngôn ngữ (trần thuật và đối thoại) giàu tính ước lệ - (lời văn biền ngẫu), kết hợp miêu tả hành động; dùng nhiều điển tích, điển cố, Nguyễn Dữ đã làm nổi bật vẻ đẹp của nhân vật VN – một người phụ nữ đẹp người đẹp nết.  - Nàng chính là hình ảnh đại diện của những người phụ nữ trong xã hội xưa – những con người dù cho cuộc sống có nhiều trái ngang, bất hạnh nhưng vẫn giữ được những phẩm chất vô cùng đẹp đẽ.  - Qua đoạn trích, người đọc thấy được tấm lòng yêu mến, trân trọng của tác giả Nguyễn Dữ dành cho những người phụ nữ trong xã hội xưa  **\* Mở rộng nâng cao vấn đề, liên hệ thực tiễn, rút ra bài học:**  - Trong xã hội hiện đại, người phụ nữ đã khẳng định vị thế nhưng vẫn còn phải chịu nhiều bất công, thiệt thòi *(bị bạo hành, bóc lột, lạm dụng...)*. Để hạnh phúc, người phụ nữ phải luôn cố gắng hoàn thiện bản thân, độc lập, tự chủ và nỗ lực đấu tranh đạt đến sự bình đẳng.  - Trân trọng, tôn vinh phụ nữ là biểu hiện quan trọng và rõ nhất của tiến bộ xã hội và  hạnh phúc gia đình. |
| **III.Kết bài** | **-Nhận xét chung về đoạn trích**  **- Đoạn trích khơi gợi tình cảm gì**  **- Em rút ra được bài học gì từ đoạn trích** |

**Bài viết tham khảo:**

**I.MỞ BÀI:**

Nguyễn Dữ là người học rộng tài cao, ông sống trong thời gian nhà Lê bắt đầu khủng khoảng, các tập đoàn phong kiến tranh quyền, đoạt vị với nhau. Bởi vậy ông ra làm quan không lâu sau đó lui về ở ẩn. Thời gian lui về ở ẩn, ông sưu tầm các truyện dân gian để sáng tác lại thành tập “Truyền kì mạn lục”. Trong số hai mươi truyện của truyền kì mạn lục, nổi bật nhất là tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương. Tác phẩm vừa giàu giá trị hiện thực vừa thể hiện giá trị nhân đạo sâu sắc của tác giả. Đọc tác phẩm này người đọc không khỏi ấn tượng với nhân vật Vũ Nương nhất là qua đoạn trích sau:

“*“...Qua năm sau, giặc ngoan cố đã chịu trói, việc quân kết thúc.:*

*[...]*

*Nói xong nàng gieo mình xuống sông mà chết...”*

**II.THÂN BÀI:**

**1. Khái quát chung về tác phẩm**

**\*Khái quát**

“Chuyện người con gái Nam Xương” là một trong số 20 truyện trích trong “Truyền kì mạn lục”, áng văn được người đời đánh giá là “thiên cổ kì bút”- cây bút kì diệu truyền tới ngàn đời. - Truyện được viết từ cốt truyện cổ tích “Vợ chàng Trương”, nhưng với ngòi bút tài năng của mình, Nguyễn Dữ đã sáng tạo nên “Chuyện người con gái Nam Xương” rất riêng, giàu giá trị và ý nghĩa. Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, tác phẩm đã làm nổi bật vẻ đẹp và số phận đau thương của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Truyện có sức hấp dẫn người đọc bởi các chi tiết đắt giá, các yếu tố hoang đường kì ảo

**\*Tóm tắt**

Chuyện kể về Vũ Nương, quê ở Nam Xương đẹp người đẹp nết, lấy chồng là Trương Sinh – con nhà giàu, ít học, tính đa nghi, cả ghen. Gia đình đang yên ấm hạnh phúc thì chàng Trương phải đi lính. Ở nhà, Vũ Nương sinh được con trai đặt tên là Đản. Nàng chăm sóc con và mẹ chồng chu đáo, lo thuốc thang, cầu khấn thần Phật khi mẹ chồng ốm, lo ma chay chu tất khi mẹ chồng mất. Khi trở về, Trương Sinh nghe theo lời con trẻ nghi ngờ vợ phản bội. Vũ Nương một mực phân trần, giải thích nhưng Trương Sinh không nghe, thậm chí còn mắng nhiếc đánh đuổi đi. Vũ Nương không minh oan được bèn trẫm mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. Nàng không chết do được các nàng tiên cứu. Dưới thuỷ cung, tình cờ nàng gặp người cùng làng là Phan Lang. Nghe kể chuyện nhà, Vũ Nương rơm rớm nước mắt và muốn trở về dương gian. Phan Lang về nói với Trương Sinh, chàng Trương hối hận, lập đàn giải oan cho nàng. Vũ Nương trở về lộng lẫy, rực rỡ giữa dòng sông, nói với chồng vài lời cảm tạ rồi biến mất.

**2. Phân tích nhân vật Vũ Nương**

**a. Ở phần đầu của tác phẩm, Nguyễn Dữ đã cho người đọc thấy được ở nhân vật Vũ Nương là rất nhiều những phẩm chât tốt đẹp. Nàng xinh đẹp, nết na, yêu chồng, thương con, hiếu thảo. Với những phẩm chất đẹp đẽ ấy, nàng xứng đáng có được một cuộc đời hạnh phúc nhưng có ai ngờ nàng lại bị chính người chồng của mình đẩy vào một nỗi oan nghiệt ngã.** Ngày Trương Sinh trở vể cũng là lúc bi kịch cuộc đời nàng xảy ra. Câu chuyện của bé Đản, đứa con trai vừa lên ba tuổi, về “ một người đàn ông đêm nào cũng đến” đã làm cho Trương Sinh nghi ngờ. Với bản tính hay ghen cộng thêm tính gia trưởng, thất học, Trương Sinh đối xử với vợ hết sức tàn nhẫn. Giấu biệt lời con nói, Trương Sinh đã “ mắng nhiếc nàng và đánh đuổi đi” mặc cho Vũ Nương hết sức phân trần, mặc cho “hàng xóm can ngăn cũng chẳng ăn thua gì”. Khi hạnh phúc gia đình có nguy cơ tan vỡ, Vũ Nương ra sức cứu vãn, hàn gắn. Khi người chồng trút cơn ghen bóng gió lên đầu, Vũ Nương đã ra sức thanh minh, phân trần. Nàng đã viện đến cả  thân phận và tấm lòng của mình để  thuyết phục chồng “*Thiếp vốn con nhà kẻ khó, được nương tựa nhà giàu. Sum họp chưa thỏa tình chăn gối, chia phôi vì động việc lửa binh. Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót. Đâu có sự mất nết hư thân như lời chàng nói. Dám xin bày tỏ để cởi mối nghi ngờ. Mong chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp.”* Lời nói của nàng thật khiến ta cảm động. Nàng thanh minh, giải thích là để chứng minh cho tấm lòng trong sạch của mình, để chồng thấu hiểu những tình cảm của nàng bấy lau nay. Nàng muốn níu kéo và hàn gắn hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ tan vỡ, nàng ko muốn bé Đản phải sống trong cảnh cha mẹ chia lìa, không muốn vợ chồng mỗi người một ngả Những lời nói nhún nhường tha thiết đó cho thấy thái độ  trân trọng chồng, trân trọng gia đình nhà chồng, niềm tha thiết gìn giữ gia đình nhất mực của Vũ Nương. Đọc đến đây, người đọc thấy vô cùng xót xa phẫn nộ vì vô cớ Vũ Nương phải chịu nỗi oan tày trời, bế tắc không thể trông dựa vào đâu, phải tự thanh minh để cầu xin sự thấu hiểu của Trương Sinh mà không được. Thật không ngờ được rằng một cái bóng vô hình có thể đẩy nàng vào nỗi oan nghiệt ngã.  **Từ những lời thanh minh, giải thích ấy của nàng ta nhận ra Vũ Nương là một người phụ nữ luôn khao khát hạnh phúc gia đình. Điều đó thật đáng trân trọng.**

**b. Giải thích, minh oan ko được, nàng đành tìm đến cái chết để tự giải thoát cho chính mình. Trước khi chết, Vũ Nương đã tắm gội chay sạch rồi mới ra bến sông Hoàng Giang**. Chi tiết này tưởng như ko có gì đáng chú ý. Nhg nó đã cho thấy Vũ Nương không hề vội vã với quyết định của mình. Nàng vì quá phẫn uất, quá tuyệt vọng nên mới phải tìm đến cái chết để tự giải thoát cho mình. Và dù có phải chết , nàng muốn rửa gột tất cả những oan ức, những nhuốc nhơ mà người chồng đã phủ lên danh dự của nàng. Chỉ một chi tiết ấy thôi nhưng cũng đủ cho thấy Vũ Nương là một người phụ nữ rất trọng danh dự, trọng nhân phẩm. **Và trước khi trẫm mình xuống sông, nàng đã *ngửa mặt lên trời mà than rằng: “*** *Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu mĩ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ.* Lời nói của nàng chẳng khác nào một lời thề, một lời khẳng định sống cũng như chết nàng sẽ luôn là một người trinh trắng, trong sạch, luôn là một người vợ đoan trang chung thuỷ. Lời thề của nàng trước dòng sông chính là lời nguyền của những người phụ nữ bị oan khuất trong xã hội phong kiến. **Sau lời thề đó là hành động tự vẫn của nàng.**  Hành động của nàng thật quyết liệt đã đẩy câu chuyện đến độ cao trào và kịch tính.Vũ Nương đã tìm đên cái chết để bảo toàn danh dự. Cái chết thể hiện sự bế tắc về số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến nam quyền. Nàng đã chọn cái “chết vinh” thay vì “sống nhục”, chọn cái chết để tự chứng minh cho tấm lòng trong sạch của mình, để tự giải thoát cho mình khỏi nỗi oan nghiệt ngã. Quyết định ấy chính là minh chứng cho một con người trọng danh dự, trọng nhân phẩm.

**c) Vậy nguyên nhân nào đã đẩy Vũ Nương đến cái chết? Phải chăng mầm mống của bi kịch chính là c**uộc hôn nhân của nàng là gả bán, không bình đẳng? Trong cuộc hôn nhân ấy, nàng như một cánh bèo trôi giữa dòng đời. Nàng bơ vơ bế tắc, không thể về với bố mẹ đẻ vì nếu về với tội danh như vậy làm nhơ nhuốc bố mẹ, là bất hiếu.Hơn nữa, nàng lại là một người phụ nữ trọng danh dự, nàng không muốn dựa dẫm vào ai, lại càng không muốn bản thân mình và con trai chịu tiếng nhuốc nhơ cả đời. Nàng bị chính người chồng của mình nghi oan là phản bội nên mối quan hệ vợ chồng không thể hàn gắn. Nàng vì quá oan ức nên phải tìm đến cái chết. Nhưng có lẽ nguyên nhân sâu xa hơn cả khiến nàng phải chết là bởi cái xã hội phong kiến nam quyền với Tư tưởng trọng nam khinh nữ, với thói gia trưởng, sự đôc đoán chuyên quyền của người đàn ông. Cái xã hội thối nát, bất công ấy đã không cho nàng được cất lên tiếng nói của mình và cái chết đến với nàng là một kết cục tất yếu. **Qua cái chết của VN, Nguyễn Dữ muốn gửi gắm rất nhiều điều** Cái chết của nàng chính là lời tố cáo xã hội phong kiến đã dung túng cho cái ác xấu xa, tàn bạo**; l**à lời cảnh tỉnh cho những kẻ đa nghi, hồ đồ độc đoán**. Nàng chọn cái chết chính là** sự chối bỏ hoàn toàn của nàng nói riêng, của người phụ nữ nói chung đối với xã hội phong kiến . Cái chết ấy đã cất lên tiếng nói đòi quyền sống cho những người phụ nữ trong cái xã hội phong kiến đầy bất công.

**3.Đánh giá**

Bằng việc sử dụng linh hoạt ngôn ngữ trần thuật, đối thoai và độc thoại, lời văn giàu tính ước lệ - (lời văn biền ngẫu), kết hợp giữa miêu tả hành động và ngôn ngữ của nhân vật, đoạn trích đã cho người đọc nhận ra nỗi oan nghiệt và kết cục đầy bi thương, bất hạnh của nhân vật VN. Và cũng từ đó ta nhận ra ở nàng rất nhiều những phẩm chất tốt đẹp. Nàng chính là hình ảnh đại diện của những người phụ nữ trong xã hội xưa – những con người dù cho cuộc sống có nhiều trái ngang, bất hạnh nhưng vẫn giữ được những phẩm chất vô cùng đẹp đẽ. Qua đoạn trích, người đọc thấy được tấm lòng yêu mến, trân trọng của tác giả Nguyễn Dữ dành cho những người phụ nữ trong xã hội xưa**.** Trong xã hội hiện đại, người phụ nữ đã khẳng định vị thế nhưng vẫn còn phải chịu nhiều bất công, thiệt thòi *(bị bạo hành, bóc lột, lạm dụng...)*. Để hạnh phúc, người phụ nữ phải luôn cố gắng hoàn thiện bản thân, độc lập, tự chủ và nỗ lực đấu tranh đạt đến sự bình đẳng. Nhưng dù ở xã hội nào, dù cuôc đời và số phận có ra sao thì họ vẫn xứng đáng để ta yêu thương và trân trọng.

**III.KẾT BÀI:**

Có thể nói trong “Chuyện người con gái Nam Xương” thì đoạn trích trên là một trong những đoạn truyện hay và cảm động nhất. Đoạn trích đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta thêm cảm phục trước tài năng của nhà văn, thêm trân trọng, yêu mến, xót xa, thương cảm cho những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Từ hình ảnh của nhân vật Vũ Nương, tác giả muốn nhắc nhở chúng ta cần biết trân trọng và yêu thương những người phụ nữ ngay chính xung quanh mình. Và có lẽ cũng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**====================o0o====================**

**Đề 4: Cảm nhận của em về đoạn trích sau:**

*“Phi bèn đặt yến ở gác Triêu Dương để thết đãi Phan Lang. Dự tiệc hôm ấy có vô số những mĩ nhân, quần áo thướt tha, mái tóc búi xễ. Trong số đó, có một người mặt chỉ hơi điểm qua một chút son phấn trông rất giống Vũ Nương. Phan có ý nhìn trộm, nhưng không dám nhận. Tiệc xong, người đàn bà ấy nói với Phan Lang rằng:*

*- Tôi với ông vốn người cùng làng, cách mặt chưa bao, đã quên nhau rồi ư?*

*Bấy giờ Phan mới nhận đích người ấy là Vũ Nương và gạn hỏi duyên cớ. Nàng nói:*

*- Tôi ngày trước không may bị người vu oan, phải gieo mình xuống sông tự tử. Các nàng tiên trong cung nước thương tôi vô tội, rẽ một đường nước cho tôi thoát chết, nếu không thì đã vùi vào bụng cá, còn đâu mà gặp ông.*

*Phan nói:*

*- Nương Tử nghĩa khác Tào Nga, hờn không Tinh Vệ mà phải ôm mối hận gieo mình xuống nước. Nay thóc cũ không còn, thóc mới vừa gặt, há lại không tưởng nhớ đến quê hương ư?*

*Vũ Nương nói:*

*- Tôi bị chồng ruồng rẫy, thà già ở chốn làng mây cung nước, chứ còn mặt mũi nào về nhìn thấy người ta nữa!*

*Phan nói:*

*- Nhà cửa tiên nhân của nương tử, cây cối thành rừng, phần mộ tiên nhân của nương tử, cỏ gai rợp mắt. Nương tử dù không nghĩ đến, nhưng tiên nhân còn mong đợi nương tử thì sao?*

*Nghe đến đây, Vũ Nương ứa nước mắt khóc, rồi quả quyết đổi giọng mà rằng:*

*- Có lẽ không thể gửi hình ẩn bóng ở đây được mãi, để mang tiếng xấu xa. Phải chăng, ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam. Cản vì nỗi ấy, tôi tất phải tìm về có ngày.*

*Hôm sau, Linh Phi lấy một cái túi bằng lụa tía, đựng mười hạt minh châu, sai sứ giả Xích Hỗn đưa Phan ra khỏi nước. Vũ Nương nhân đó cũng đưa gửi một chiếc hoa vàng mà dặn:*

*- Nhờ nói hộ với chàng Trương, nếu còn nhớ chút tình xưa nghĩa cũ, xin lập một đàn giải oan ở bến sông, đốt cây đèn thần chiếu xuống nước, tôi sẽ trở về.*

*Lúc đến nhà, Phan đem chuyện kể lại với họ Trương. Ban đầu Trương không tin. Nhưng khi nhận được chiếc hoa vàng, chàng mới sợ hãi mà nói:*

*- Đây quả là vật dùng mà vợ tôi mang lúc ra đi.*

*Chàng bèn theo lời, lập một đàn tràng ba ngày đêm ở bến Hoàng Giang. Rồi quả thấy Vũ Nương ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, võng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện.*

*Chàng vội gọi, nàng vẫn ở giữa dòng mà nói vọng vào:*

*- Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thề sống chết cũng không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa.*

*Rồi trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất.”*

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung** |
| **I. Mở bài** | **1. Mở bài: Giới thiệu nhà văn, tác phẩm và vấn đề nghị luận:**  **- Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**  - **Giới thiệu vấn đề nghị luận:** Giới thiệu đoạn trích  - Trích dẫn đoạn trích |
| **II.Thân bài** | **1. Khái quát:**  - “Chuyện người con gái Nam Xương” là một trong số 20 truyện trích trong “Truyền kì mạn lục”, áng văn được người đời đánh giá là “thiên cổ kì bút”- cây bút kì diệu truyền tới ngàn đời. - - Truyện được viết từ cốt truyện cổ tích “Vợ chàng Trương”, nhưng với ngòi bút tài năng của mình, Nguyễn Dữ đã sáng tạo nên “Chuyện người con gái Nam Xương” rất riêng, giàu giá trị và ý nghĩa.  - Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, tác phẩm đã làm nổi bật vẻ đẹp và số phận đau thương của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.  - Truyện có sức hấp dẫn người đọc bởi các chi tiết đắt giá, các yếu tố hoang đường kì ảo  **- Tóm tắt truyện:**  Chuyện kể về Vũ Nương, quê ở Nam Xương đẹp người đẹp nết, lấy chồng là Trương Sinh – con nhà giàu, ít học, tính đa nghi, cả ghen. Gia đình đang yên ấm hạnh phúc thì chàng Trương phải đi lính. Ở nhà, Vũ Nương sinh được con trai đặt tên là Đản. Nàng chăm sóc con và mẹ chồng chu đáo, lo thuốc thang, cầu khấn thần Phật khi mẹ chồng ốm, lo ma chay chu tất khi mẹ chồng mất. Khi trở về, Trương Sinh nghe theo lời con trẻ nghi ngờ vợ phản bội. Vũ Nương một mực phân trần, giải thích nhưng Trương Sinh không nghe, thậm chí còn mắng nhiếc đánh đuổi đi. Vũ Nương không minh oan được bèn trẫm mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. Nàng không chết do được các nàng tiên cứu. Dưới thuỷ cung, tình cờ nàng gặp người cùng làng là Phan Lang. Biết việc Phan Lang được trở về, Vũ Nương đã gửi tín vật nhắn Trương Sinh lập đàn giải oan cho nàng. Cuối cùng Vũ Nương trở về lộng lẫy, rực rỡ giữa dòng sông, nói với chồng vài lời cảm tạ rồi biến mất. |
|  | **2.Cảm nhận về đoạn trích**  **2.1.Cảm nhận về nội dung của đoạn trích:** Đoạn trích là sự sáng tạo của Nguyễn Dữ so với sự tích “Vợ chàng Trương”. Nguyễn Dữ đã vô cùng trăn trở với số phận của người con gái đa đoan trong tác phẩm của mình. Tin tưởng và yêu mến nhân vật, nhà văn đã để nàng gửi mình chốn cung mây dưới nước của Linh Phi. Chốn ấy dẫu chẳng được sum vầy cùng con trẻ, người thân song vẫn là nơi biết trọng những tâm hồn trong đẹp. Các sự việc trong đoạn trích tiếp tục cho ta nhận ra vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương đồng thời đem đến cho người đọc những cảm nhận sâu sắc, những bài học trong cuộc sống của chính mình.  **\*Sự việc 1: Cuộc gặp gỡ trò chuyện giữa Vũ Nương với Phan Lang dưới thủy cung**  - Vũ Nương tình cờ gặp Phan Lang – một người cùng làng với nàng cũng được Linh Phi cứu trong một lần đắm thuyền ở biển. Sau một thoáng ngạc nhiên, cuối cùng Phan Lang đã nhân ra Vũ Nương là người cùng làng với mình. Họ có một cuộc trò chuyện ngắn ngủi nhưng qua cuộc trò chuyện ấy, người đọc vẫn thấy được những phẩm chất tốt đẹp của nhân vật Vũ Nương.  + Ở chốn làn mây, cung nước nhưng nàng vẫn một lòng hướng về chồng con, quê hương và khao khát được đoàn tụ.  + Nghe Phan lang kể về chuyện gia đình mà ứa nước mắt xót thương.  + Không phải Vũ Nương không muốn trở về, nàng chắc chắn rất muốn được gặp con, gặp người thân của mình nhưng nghĩ đến việc bị chính người chồng của mình nghi ngờ ruồng rẫy, nàng lại ko còn mặt mũi nào để trở về. Với nàng, danh dự là điều mà không gì có thể đánh đổi được. Nàng đã từng chọn cái chết để chứng mĩnh cho tấm lòng trong sạch của mình, đã từng mang cả sinh mệnh quý giá của mình để thề với trời đất thì giờ đây làm sao nàng có thể dễ dàng quên được nỗi oan ức ấy.  ++ Nàng khao khát được trả lại phẩm giá, danh dự nên đã gửi chiếc thoa vàng, nhờ Phan Lang nói với TS lập đàn giải oan cho mình. Dù đã có cuộc sống mới, không còn khổ đau, bất hạnh nhưng nàng vẫn muốn được giải oan, được gột sạch cái tiếng nhuốc nhơ mà nàng đã từng phải gánh chịu.  => Qua cuộc trò chuyện ta thấy Vũ Nương là một người phụ nữ trọng danh dự.  **\*Sự việc 2: Vũ Nương trở về trong chốc lát rồi biến mất**  - Nghe Phan Lang kể chuyện gặp vợ cùng với việc nhận được tín vật, Trương Sinh đã quyết định lập đàn giải oan cho vợ mình.  **- Ở phần cuối truyện, ta thấy** *Vũ Nương ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, võng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện.* Số phận oan trái, đắng cay của nàng được thể hiện ngay trong chi tiết mang vẻ đẹp lung linh, kì ảo nơi khói sóng Hoàng Giang. Cái vẻ đẹp lung linh, lộng lẫy đến đâu cũng không thể khỏa lấp được sự thật là nàng ẩn mình ở chốn không có thực, rồi khói hương của đàn tràng giải oan dẫu có nghi ngút khói sương cũng không xoá nhoà được khoảng cách âm dương đôi ngả, vợ chồng chia lìa, mẹ con xa cách.  - Khoảnh khắc ẩn hiện, mờ ảo trên bến sông Hoàng Giang, Vũ Nương không một lời oán hận, trách móc: “Đa tạ tình chàng. Thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa” cho thấy Vũ Nương không chỉ là người phụ nữ đức hạnh, người con dâu tốt nết mà còn là một người phụ nữ bao dung, giàu lòng vị tha với người chồng đã đẩy đến bước đường cùng. Vũ Nương là hiện thân cho vẻ đẹp người phụ nữ Việt Nam thảo hiền, đức hạnh.  **2.2.Cảm nhận cái hay về mặt nghệ thuật của đoạn trích**  **Điều khiến cho đoạn trích này trở nên hấp dẫn chính là nhờ những yếu tố kì ảo**  + Trước hết, những chi tiết này đã **phủ lên câu chuyện một lớp sương mờ hư ảo, kỳ quái, đậm chất dân gian**,**làm cho câu chuyện trở nên lung linh kỳ ảo, tạo nên sự tò mò, hấp dẫn, lôi cuốn cho người đọc.** Cách kết cấu này cũng phức tạp và hấp dẫn hơn cách kết cấu của truyện cổ tích. Nếu như trong truyện kể dân gian, sau khi Vũ Nương chết, Trương Sinh tỉnh ngộ, nhận ra sai lầm của mình thì cũng là lúc truyện cổ tích khép lại, điều đó đã để lại niềm xót xa đau đớn cho người đọc về thân phận bất hạnh oan khiên của người phụ nữ tiết hạnh, thì trong “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ, ông đã sáng tạo thêm phần đuôi của truyện, góp phần làm lên những giá trị thẩm mĩ và tư tưởng mới của truyện.  + Các chi tiết kỳ ảo **có vai trò thúc đẩy kết cấu truyện phát triển, giúp nhà văn triển khai được câu chuyện và đạt được mục đích nghệ thuật của mình**. Việc nhờ có phép màu của Linh Phi mà Vũ Nương và Phan Lang được cứu sống để tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ sự đó. Phan Lang có thể trở về báo cho Trương Sinh biết sự việc, Vũ Nương có thể trở về giải oan trên bến sông.  + Các chi tiết kỳ ảo **góp phần hoàn thiện tính cách và nhân phẩm của nhân vật**. Vũ Nương trở về trực tiếp nói lời từ biệt cuối cùng. Nàng hãy còn lưu luyến trần gian nhưng nàng không trở về được nữa vì thế gian này đâu còn chỗ nào để người hiền lành, thủy chung và đức hạnh như nàng dung thân được nữa. Trương Sinh vì thế mà cũng tỏ ra là người biết hối lỗi, khát khao hạnh phúc trong muộn màng.  + Nguyễn Dữ đã thành công trong việc sử dụng, sắp xếp hài hoà giữa yếu tố kỳ ảo và hiện thực. Các yếu tố kỳ ảo được đưa vào xen kẽ với những yếu tố thực vể địa danh, về thời điểm lịch sử, nhân vật và sự kiện lịch sử, những chi tiết thực về trang phục của các mĩ nhân, về tình cảnh nhà Vũ Nương không người chăm sóc sau khi nàng mất… làm cho thế giới kỳ ảo lung linh, mơ hồ trở nên gần với cuộc đời thực, làm tăng độ tin cậy, khiến người đọc không cảm thấy ngỡ ngàng.  **+ Các chi tiết kỳ ảo làm tăng thêm giá trị hiện thực và nhân đạo cho tác phẩm. Đó là tiếng nói bênh vực con người, là minh chứng cho đạo lý ở hiền gặp lành của nhân gian.**Hình ảnh thuỷ cung nguy nga tráng lệ tượng trưng cho một thế giới tuyệt mĩ, hạnh phúc mà người phụ nữ nết na, giàu phẩm hạnh được sống xứng đáng. Chi tiết này thể hiện ước mơ thầm kín của Nguyễn Dữ trong việc **“tích thiện phùng thiện”:** Vũ Nương ở hiển, chịu đau khổ tủi nhục nhưng rồi sẽ được đền đáp xứng đáng. Chi tiết này cũng giúp hoàn thiện tính cách của Vũ Nương, làm hoàn chỉnh thêm nét đẹp vốn có của nàng: nặng tình, nặng nghĩa, quan tầm đến chồng con, phẩn mộ tổ tiên, khao khát được phục hồi danh dự.  + Cách kết thúc truyện – Vũ Nương hiện về đẹp lộng lẫy, huyền ảo rồi biến mất –**thể hiện ước mơ về công bằng của người phụ nữ và cũng là của chính tác giả:** Vũ Nương được giải oan, sống trong nhung lụa giàu có và được bất tử nơi thuỷ cung.  + Chi tiết kỳ ảo cuối truyện làm cho người đọc nghĩ về một cái kết có hậu nhưng thực ra nó ẩn chứa bi kịch bên trong. Vũ Nương trở về mà vẫn xa cách giữa dòng bởi nàng và chồng con vẫn âm dương chia hai đôi ngả, hạnh phúc vĩnh viễn rời xa. Hạnh phúc gia đình, thiên chức làm mẹ của Vũ Nương đã mã mãi bị tước đoạt. Tác giả đưa người đọc vào giấc chiêm bao rồi lại kéo chúng ta sực tỉnh giấc mơ để trở vê’ cõi thực, rằng Vũ Nương không thể trở về hưởng hạnh phúc nơi dương gian được nữa. Sự ân hận muộn màng của người chồng hay đàn tràng giải oan đều không cứu vãn được hạnh phúc cho người phụ nữ. Đây là lời cảnh tỉnh của tác giả. Nó để lại dư vị ngậm ngùi trong lòng người đọc và là bài học thấm thìa về giữ gìn hạnh phúc gia đình. |
|  | **3. Đánh giá**  **\*Đánh giá về nội dung và nghệ thuật**  - Bằng việc sử dụng linh hoạt ngôn ngữ (trần thuật và đối thoại) giàu tính ước lệ - (lời văn biền ngẫu), kết hợp miêu tả hành động; dùng nhiều điển tích, điển cố, đoạn trích đã cho ta thấy được vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương – một người phụ nữ vị tha, bao dung, trọng ân nghĩa, trọng danh dự. Tuy nhiên đằng sau những phẩm chất tốt đẹp ấy, đằng sau cái kết lung linh kì ảo mà tác giả tạo ra, ta vẫn phải xót xa mà thừa nhận những khổ đau, những bất hạnh mà người phụ nữ phải gánh chịu. Vũ Nương có nhiều phẩm chất tốt đẹp nhưng cuối cùng vẫn k thể trở về mà phải gửi mình ở cõi hư vô.  - Qua đoạn trích, người đọc thấy được tấm lòng yêu mến, trân trọng, niềm tương cảm xót ca của tác giả Nguyễn Dữ dành cho những người phụ nữ trong xã hội xưa  **\* Mở rộng nâng cao vấn đề, liên hệ thực tiễn, rút ra bài học:**  - Trong xã hội hiện đại, người phụ nữ đã khẳng định vị thế nhưng vẫn còn phải chịu nhiều bất công, thiệt thòi *(bị bạo hành, bóc lột, lạm dụng...)*. Để hạnh phúc, người phụ nữ phải luôn cố gắng hoàn thiện bản thân, độc lập, tự chủ và nỗ lực đấu tranh đạt đến sự bình đẳng.  - Trân trọng, tôn vinh phụ nữ là biểu hiện quan trọng và rõ nhất của tiến bộ xã hội và  hạnh phúc gia đình. |
| **III.Kết bài** | **-Nhận xét chung về đoạn trích**  **- Đoạn trích khơi gợi tình cảm gì**  **- Em rút ra được bài học gì từ đoạn trích** |

**Bài viết tham khảo:**

1. **MỞ BÀI:**

Nguyễn Dữ là người học rộng tài cao, ông sống trong thời gian nhà Lê bắt đầu khủng khoảng, các tập đoàn phong kiến tranh quyền, đoạt vị với nhau. Bởi vậy ông ra làm quan không lâu sau đó lui về ở ẩn. Thời gian lui về ở ẩn, ông sưu tầm các truyện dân gian để sáng tác lại thành tập “Truyền kì mạn lục”. Trong số hai mươi truyện của truyền kì mạn lục, nổi bật nhất là tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương. Tác phẩm vừa giàu giá trị hiện thực vừa thể hiện giá trị nhân đạo sâu sắc của tác giả. Trong tác phẩm này những chi tiết ở phần cuối truyện đã để lại nhiều tấn tượng trong lòng bạn đọc

**B.THÂN BÀI:**

**1. Khái quát chung về tác phẩm**

**\*Khái quát**

“Chuyện người con gái Nam Xương” là một trong số 20 truyện trích trong “Truyền kì mạn lục”, áng văn được người đời đánh giá là “thiên cổ kì bút”- cây bút kì diệu truyền tới ngàn đời. - Truyện được viết từ cốt truyện cổ tích “Vợ chàng Trương”, nhưng với ngòi bút tài năng của mình, Nguyễn Dữ đã sáng tạo nên “Chuyện người con gái Nam Xương” rất riêng, giàu giá trị và ý nghĩa. Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, tác phẩm đã làm nổi bật vẻ đẹp và số phận đau thương của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Truyện có sức hấp dẫn người đọc bởi các chi tiết đắt giá, các yếu tố hoang đường kì ảo

**\*Tóm tắt**

Chuyện kể về Vũ Nương, quê ở Nam Xương đẹp người đẹp nết, lấy chồng là Trương Sinh – con nhà giàu, ít học, tính đa nghi, cả ghen. Gia đình đang yên ấm hạnh phúc thì chàng Trương phải đi lính. Ở nhà, Vũ Nương sinh được con trai đặt tên là Đản. Nàng chăm sóc con và mẹ chồng chu đáo, lo thuốc thang, cầu khấn thần Phật khi mẹ chồng ốm, lo ma chay chu tất khi mẹ chồng mất. Khi trở về, Trương Sinh nghe theo lời con trẻ nghi ngờ vợ phản bội. Vũ Nương một mực phân trần, giải thích nhưng Trương Sinh không nghe, thậm chí còn mắng nhiếc đánh đuổi đi. Vũ Nương không minh oan được bèn trẫm mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn. Nàng không chết do được các nàng tiên cứu. Dưới thuỷ cung, tình cờ nàng gặp người cùng làng là Phan Lang. Biết việc Phan Lang được trở về, Vũ Nương đã gửi tín vật nhắn Trương Sinh lập đàn giải oan cho nàng. Cuối cùng Vũ Nương trở về lộng lẫy, rực rỡ giữa dòng sông, nói với chồng vài lời cảm tạ rồi biến mất.

**2.Cảm nhận về đoạn trích**

**2.1.Cảm nhận về nội dung của đoạn trích:**

Đoạn trích là sự sáng tạo của Nguyễn Dữ so với sự tích “Vợ chàng Trương”. Nguyễn Dữ đã vô cùng trăn trở với số phận của người con gái đa đoan trong tác phẩm của mình. Tin tưởng và yêu mến nhân vật, nhà văn đã để nàng gửi mình chốn cung mây dưới nước của Linh Phi. Chốn ấy dẫu chẳng được sum vầy cùng con trẻ, người thân song vẫn là nơi biết trọng những tâm hồn trong đẹp. Các sự việc trong đoạn trích tiếp tục cho ta nhận ra vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương đồng thời đem đến cho người đọc những cảm nhận sâu sắc, những bài học trong cuộc sống của chính mình.

**\*Sự việc 1: Cuộc gặp gỡ trò chuyện giữa Vũ Nương với Phan Lang dưới thủy cung**

Sau khi được các tiên nữ cứu sống và cho sống dưới thủy cung, Vũ Nương tình cờ gặp Phan Lang – một người cùng làng với nàng cũng được Linh Phi cứu trong một lần đắm thuyền ở biển. Họ có một cuộc trò chuyện ngắn ngủi nhưng qua cuộc trò chuyện ấy, người đọc vẫn thấy được những phẩm chất tốt đẹp của nhân vật Vũ Nương. Ở chốn làn mây, cung nước nhưng nàng vẫn một lòng hướng về chồng con, quê hương và khao khát được đoàn tụ. Nghe Phan lang kể về chuyện gia đình mình, nàng đã không kìm được mà ứa nước mắt xót thương. Không phải Vũ Nương không muốn trở về, nàng chắc chắn rất muốn được gặp con, gặp người thân của mình nhưng nghĩ đến việc bị chính người chồng của mình nghi ngờ ruồng rẫy, nàng lại ko còn mặt mũi nào để trở về được nữa. Với nàng, danh dự là điều mà không gì có thể đánh đổi được. Nàng đã từng chọn cái chết để chứng mĩnh cho tấm lòng trong sạch của mình, đã từng mang cả sinh mệnh quý giá của mình để thề với trời đất thì giờ đây làm sao nàng có thể dễ dàng quên được nỗi oan ức ấy. Nàng khao khát được trả lại phẩm giá, danh dự nên đã gửi chiếc thoa vàng, nhờ Phan Lang nói với Trương Sinh lập đàn giải oan cho mình. Có thể thấy rằng dù đã có cuộc sống mới, không còn khổ đau, bất hạnh nhưng nàng vẫn muốn được giải oan, được gột sạch cái tiếng nhuốc nhơ mà nàng đã từng phải gánh chịu. Cuộc trò chuyện ngắn ngủi của Vũ Nươngvới Phan Lang tiếp tục cho ta thấy được những phẩm chất đẹp đẽ trong tâm hồn của người phụ nữ đa đoan bất hạnh. Qua cuộc trò chuyện ta thấy Vũ Nương là một người phụ nữ trọng danh dự.

**\*Sự việc 2: Vũ Nương trở về trong chốc lát rồi biến mất**

Sau đó Phan Lang được đưa về trần gian, Phan đến gặp Trương Sinh để kể rõ sự tình. Nghe Phan Lang kể chuyện gặp vợ cùng với việc nhận được tín vật, Trương Sinh đã quyết định lập đàn giải oan cho vợ mình.Ở phần cuối truyện, ta thấy*Vũ Nương ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, võng lọng, rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện.* Số phận oan trái, đắng cay của nàng được thể hiện ngay trong chi tiết mang vẻ đẹp lung linh, kì ảo nơi khói sóng Hoàng Giang. Cái vẻ đẹp lung linh, lộng lẫy đến đâu cũng không thể khỏa lấp được sự thật là nàng ẩn mình ở chốn không có thực, rồi khói hương của đàn tràng giải oan dẫu có nghi ngút khói sương cũng không xoá nhoà được khoảng cách âm dương đôi ngả, vợ chồng chia lìa, mẹ con xa cách. Khoảnh khắc ẩn hiện, mờ ảo trên bến sông Hoàng Giang, Vũ Nương không một lời oán hận, trách móc: *“Đa tạ tình chàng. Thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa”* cho thấy Vũ Nương không chỉ là người phụ nữ đức hạnh, người con dâu tốt nết mà còn là một người phụ nữ bao dung, giàu lòng vị tha với người chồng đã đẩy đến bước đường cùng. Vũ Nương là hiện thân cho vẻ đẹp người phụ nữ Việt Nam thảo hiền, đức hạnh. Nhưng nàng là người trọng tình, trong nghĩa nên dù thương nhớ chồng con, khao khát được đoàn tụ nhưng vẫn quyết giữ lời hứa sống chết bên Linh Phi.

**2.2.Cảm nhận cái hay về mặt nghệ thuật của đoạn trích**

Tuy nhiên, điều khiến cho đoạn trích này trở nên hấp dẫn không phải chỉ bởi giá trị nội dung của nó mà nó còn hấp dẫn chính là nhờ những yếu tố kì ảo, hoang đường. Toàn bộ phần cuối truyện từ việc Phan Lang được cứu, cuộc gặp gỡ của Vũ Nương với Phan Lang hay cảnh Nàng trở về lúc ẩn lúc hiện giữa dòng đều là những chi tiết kì ảo được Nguyễn Dữ sáng tạo thêm cho câu chuyện. Trước hết, những chi tiết này đã **phủ lên câu chuyện một lớp sương mờ hư ảo, kỳ quái, đậm chất dân gian**,**làm cho câu chuyện trở nên lung linh kỳ ảo, tạo nên sự tò mò, hấp dẫn, lôi cuốn cho người đọc.** Cách kết cấu này cũng phức tạp và hấp dẫn hơn cách kết cấu của truyện cổ tích. Nếu như trong truyện kể dân gian, sau khi Vũ Nương chết, Trương Sinh tỉnh ngộ, nhận ra sai lầm của mình thì cũng là lúc truyện cổ tích khép lại, điều đó đã để lại niềm xót xa đau đớn cho người đọc về thân phận bất hạnh oan khiên của người phụ nữ tiết hạnh, thì trong “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ, ông đã sáng tạo thêm phần kết của truyện, góp phần làm lên những giá trị thẩm mĩ và tư tưởng mới của truyện.

Các chi tiết kỳ ảo **có vai trò thúc đẩy kết cấu truyện phát triển, giúp nhà văn triển khai được câu chuyện và đạt được mục đích nghệ thuật của mình**. Việc nhờ có phép màu của Linh Phi mà Vũ Nương và Phan Lang được cứu sống để tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ sau đó. Phan Lang có thể trở về báo cho Trương Sinh biết sự việc, Vũ Nương có thể trở về giải oan trên bến sông. Không chỉ thế các chi tiết kỳ ảo này còn  **góp phần hoàn thiện tính cách và nhân phẩm của nhân vật**. Vũ Nương trở về trực tiếp nói lời từ biệt cuối cùng. Nàng hãy còn lưu luyến trần gian nhưng nàng không trở về được nữa vì thế gian này đâu còn chỗ nào để người hiền lành, thủy chung và đức hạnh như nàng dung thân được nữa. Trương Sinh vì thế mà cũng tỏ ra là người biết hối lỗi, khát khao hạnh phúc trong muộn màng. Nguyễn Dữ thực sự đã rất thành công trong việc sử dụng, sắp xếp hài hoà giữa yếu tố kỳ ảo và hiện thực. Các yếu tố kỳ ảo được đưa vào xen kẽ với những yếu tố thực vể địa danh, về thời điểm lịch sử, nhân vật và sự kiện lịch sử, những chi tiết thực về trang phục của các mĩ nhân, về tình cảnh nhà Vũ Nương không người chăm sóc sau khi nàng mất… làm cho thế giới kỳ ảo lung linh, mơ hồ trở nên gần với cuộc đời thực, làm tăng độ tin cậy, khiến người đọc không cảm thấy ngỡ ngàng. Mặt khác c**ác chi tiết kỳ ảo cũng làm tăng thêm giá trị hiện thực và nhân đạo cho tác phẩm. Đó là tiếng nói bênh vực con người, là minh chứng cho đạo lý ở hiền gặp lành của nhân gian.**Hình ảnh thuỷ cung nguy nga tráng lệ tượng trưng cho một thế giới tuyệt mĩ, hạnh phúc mà người phụ nữ nết na, giàu phẩm hạnh được sống xứng đáng. Chi tiết này thể hiện ước mơ thầm kín của Nguyễn Dữ trong việc **“tích thiện phùng thiện”:** Vũ Nương ở hiển, chịu đau khổ tủi nhục nhưng rồi sẽ được đền đáp xứng đáng. Chi tiết này cũng giúp hoàn thiện tính cách của Vũ Nương, làm hoàn chỉnh thêm nét đẹp vốn có của nàng: nặng tình, nặng nghĩa, quan tầm đến chồng con, phẩn mộ tổ tiên, khao khát được phục hồi danh dự. Cách kết thúc truyện – Vũ Nương hiện về đẹp lộng lẫy, huyền ảo rồi biến mất –**thể hiện ước mơ về công bằng của người phụ nữ và cũng là của chính tác giả:** Vũ Nương được giải oan, sống trong nhung lụa giàu có và được bất tử nơi thuỷ cung.

**Chi tiết kỳ ảo cuối truyện làm cho người đọc nghĩ về một cái kết có hậu nhưng thực ra nó ẩn chứa bi kịch bên trong.** Vũ Nương trở về mà vẫn xa cách giữa dòng bởi nàng và chồng con vẫn âm dương chia hai đôi ngả, hạnh phúc vĩnh viễn rời xa. Hạnh phúc gia đình, thiên chức làm mẹ của Vũ Nương đã mã mãi bị tước đoạt. Tác giả đưa người đọc vào giấc chiêm bao rồi lại kéo chúng ta sực tỉnh giấc mơ để trở vê’ cõi thực, rằng Vũ Nương không thể trở về hưởng hạnh phúc nơi dương gian được nữa. Sự ân hận muộn màng của người chồng hay đàn tràng giải oan đều không cứu vãn được hạnh phúc cho người phụ nữ. Đây là lời cảnh tỉnh của tác giả. Nó để lại dư vị ngậm ngùi trong lòng người đọc và là bài học thấm thìa về giữ gìn hạnh phúc gia đình.

**3.Đánh giá**

Bằng việc sử dụng linh hoạt ngôn ngữ (trần thuật và đối thoại) giàu tính ước lệ - (lời văn biền ngẫu), kết hợp miêu tả hành động; dùng nhiều điển tích, điển cố, đoạn trích đã cho ta thấy được vẻ đẹp của nhân vật Vũ Nương – một người phụ nữ vị tha, bao dung, trọng ân nghĩa, trọng danh dự. Tuy nhiên đằng sau những phẩm chất tốt đẹp ấy, đằng sau cái kết lung linh kì ảo mà tác giả tạo ra, ta vẫn phải xót xa mà thừa nhận những khổ đau, những bất hạnh mà người phụ nữ phải gánh chịu. Vũ Nương có nhiều phẩm chất tốt đẹp nhưng cuối cùng vẫn k thể trở về mà phải gửi mình ở cõi hư vô. Qua đoạn trích, người đọc thấy được tấm lòng yêu mến, trân trọng, niềm tương cảm xót ca của tác giả Nguyễn Dữ dành cho những người phụ nữ trong xã hội xưa Trong xã hội hiện đại, người phụ nữ đã khẳng định vị thế nhưng vẫn còn phải chịu nhiều bất công, thiệt thòi *(bị bạo hành, bóc lột, lạm dụng...)*. Để hạnh phúc, người phụ nữ phải luôn cố gắng hoàn thiện bản thân, độc lập, tự chủ và nỗ lực đấu tranh đạt đến sự bình đẳng. Nhưng dù ở xã hội nào, dù cuôc đời và số phận có ra sao thì họ vẫn xứng đáng để ta yêu thương và trân trọng.

**C.KẾT BÀI:**

Có thể nói trong “Chuyện người con gái Nam Xương” thì đoạn trích trên là một trong những đoạn truyện hay và cảm động nhất. Đoạn trích đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta thêm cảm phục trước tài năng của nhà văn, thêm trân trọng, yêu mến, xót xa, thương cảm cho những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Từ hình ảnh của nhân vật Vũ Nương, tác giả muốn nhắc nhở chúng ta cần biết trân trọng và yêu thương những người phụ nữ ngay chính xung quanh mình. Và có lẽ cũng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**BỘ TÀI LIỆU ĐOẠN TRÍCH TRUYỆN NGỮ VĂN 9**

**ÔN THI VÀO THPT**

**TRUYỆN NGẮN “LÀNG” – KIM LÂN**

**Đề 1: Cảm nhận của em về nhân vật ông Hai** trong đoạn trích sau:

“Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới rặn è è, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc đi:

- Liệu có thật không hở bác? Hay là chỉ lại…

…Vừa về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lét đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau.

Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu…Ông lão nắm chặt hai tay mà rít lên:

- Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này.

Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng cho lắm. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được. Ông kiểm điểm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà. Họ đã ở lại làng, quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy!

Nhưng sao lại nảy ra cái tin như vậy được? Mà thằng chánh Bệu thì đích là người làng không sai rồi. Không có lửa làm sao có khói? Ai người ta hơi đâu bịa tạc ra những chuyện ấy làm gì. Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chưa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước … Lại con bao nhiêu người làng tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa? ….”

(Trích Làng, Kim Lân, Ngữ văn 9, tập 1, NXBGD, 2013)

**A.Dàn ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung** |
| **I. Mở bài** | **1. Mở bài: Giới thiệu nhà văn, tác phẩm và vấn đề nghị luận:**  **- Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**  - **Giới thiệu vấn đề nghị luận:** Khái quát về nhân vật ông Hai qua đoạn trích: Một người yêu làng, yêu nước và có tinh thần kháng chiến  - Trích dẫn đoạn trích |
| **II.Thân bài** | **1. Khái quát:**  - Truyện ngắn “làng” của nhà văn Kim Lân được viết năm 1948,thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.  - Truyện kể về diễn biến tâm trạng nhân vật ông hai xoay quanh việc ông nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc để từ đó làm nổi bật tình yêu quê hương đất nước của người nông dân Việt Nam trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.  Truyện hấp dẫn bạn đọc ở nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật trong những tình huống đặc biệt cùng với cách viết đơn giản ngôn ngữ mộc mạc dân dã .  **- Tóm tắt truyện:**  Ông Hai là một nông dân thật thà, chất phác, quê ở làng Chợ Dầu. Do điều kiện kháng chiến, gia đình ông phải đi tản cư. Ở đây lúc nào ông cũng nhớ về làng và luôn dõi theo tin tức cách mạng. Nhưng một hôm ông nghe tin làng Chợ Dầu theo Tây, ông bàng hoàng, tủi nhục, đau đớn, không muốn gặp ai bỏ cả thói quen ra phòng thông tin. Ông thấy thù làng, bị bà chủ nhà đuổi, gia đình ông không biết đi về đâu nhưng kiên quyết không về làng. Sau đó, ông nhận được tin cải chính, ông vui mừng khoe với mọi người làng Chợ Dầu không theo giặc, nhà ông bị đốt và lại say sưa kể về làng. |
|  | **2. Cảm nhận về nhân vật ông Hai trong đoạn trích.**  **Qua đoạn trích ta thấy ông Hai là một người yêu quê hương, đất nước. Điều này được thể hiện rõ nét qua diễn biến tâm trạng của ông trong đoạn trích này.**  **a. Lúc mới nghe tin làng theo giặc**  **-Lúc mới nghe tin làng mình theo giặc, ông Hai bàng hoàng đến sửng sốt** *"Cổ ông lão nghẹn ng hắn lại, da mặt tê rần rần, ông lão lặng đi đến không thở được. Một lúc lâu, ông mới rặn è è như nuốt một cái gì vướng trong cô, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi".*  + Trạng thái bàng hoàng, hụt hẫng này là phản ứng tâm lý hết sức tự nhiên của một người quá yêu làng và quá tin vào cái làng chợ Dầu của ông. Nếu không yêu thì cái tin làng Chợ Dầu theo giặc không thể gây chấn động mạnh tựa như một cú sốc tinh thần như thế với ông Hai.  -Song, ông Hai vẫn còn nghi ngờ chưa thể tin ngay lời đồn đại, ông lắp bắp hỏi lại: *"Liệu có thật không hở bác, hay là chi lại ..."*.  + Ông hỏi lại để khẳng định cũng là để cố bấu víu vào một tia hi vọng rằng đó chỉ là sự nhầm lẫn là một lời đồn đại vô căn cứ.  + Nhưng khi cái tin được khẳng định từ những người tản cư thì ông Hai không thể không tin.  + Từ lúc ấy, tâm trạng ông bị ám ảnh, day dứt bởi mặc cảm là người làng Việt gian.  -Nghe tiếng chửi bọn Việt gian bán nước *"ông cúi gằm mặt xuống mà đi"*  + Ông cảm thấy xấu hổ, nhục nhã, đau đớn. Nỗi nhục khiến ông không thể ngẩng đầu lên được.  + Ông Hai đã đồng nhất danh dự của ông với danh dự của làng ông. Với ông, danh dự của làng cũng là danh dự của chính ông .  => Đây là nét tâm lý cộng đồng của người nông dân Việt Nam trong thời đại mới.  **b.Tâm trạng của ông Hai khi về đến nhà**  - Về đến nhà, ông Hai càng tủi thân, thương con thương mình và thương cả nhữn người nông dân làng chợ Dầu vì mang tiếng là làng Việt gian*"Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lại cứ giàn ra, chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư. Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng, hắt hủi đấy ư”.*  *-* Nghĩ đến sự khinh bỉ của mọi người, ông Hai càng căm giận những kẻ Việt gian bán nước. Ông nắm chặt hai tay lại mà rít lên: "*Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này".*  + Nhà văn Kim Lân đã sử dụng ngôn ngữ độc thoại để bộc lộ nỗi lòng nhân vật. Sự căm giận, nỗi tủi hổ, nhục nhã trong lòng người nông dân này không kìm nén nổi đã bật ra thành tiếng chửi. Trong nội tâm nhân vật ông Hai đã diễn ra một sự giằng xé giữa tin và không tin.  -Ông Hai kiểm điểm lại từng người trong óc *"họ toàn là những người có tinh thần cả mà".* Ông tin những người ở lại làng không ai can tâm làm điều nhục nhã ấy. Nhưng rồi ông lại phân vân: "*Thằng Chảnh Bệu thì đích là người làng không sai rồi. Không có lửa làm sao có khói? Ai người ta hơi đâu bia tạo ra những chuyện ấy làm gì".*Vì quá yêu làng nên ông Hai cố tìm một chút hy vọng để bấu víu.  - Nhưng trước những chứng cứ hiển' nhiên, ông đành cay đắng chấp nhận sự thật. Từ lúc ấy, nỗi nhục nhã lại sôi réo trong lòng ông: *“Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian!".*  *-***Ông Hai lại càng hoang mang, lo sợ,** sẽ tuyệt đường sinh sống khi nghĩ đến việc người ta sẽ không chứa, không buôn bán gì người làng Việt gian “Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chưa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước … Lại con bao nhiêu người làng tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa?...”  **=>** Tác giả đã để cho nhân vật trải qua từng cung bậc tâm lí, đẩy lên cao trào rồi bật ngược như vỡ òa ở phần sau. Ngẫm kĩ, ta thấy đối với người nông dân chất phác, tay lấm chân bùn thì cái tin làng theo giặc quả thật là cú sốc to lớn, là điều đau đớn và nặng nề mà họ phải chịu đựng. |
|  | **3. Đánh giá**  **\*Đánh giá về nội dung và nghệ thuật**  - Với lối kể chuyện giản dị, tự nhiên, ngôn ngữ mang tính khẩu ngữ, ngòi bút phân tích tâm lí sắc sảo, Kim Lân đã thành công khi xây dựng nhân vật ông Hai- một người nông dân trong buổi đầu chống Pháp yêu làng, yêu nước tha thiết.  - Ông chính là hình ảnh đại diện của những người nông dân yêu nước trong hai cuộc kháng chiến trường kì – những con người đã đóng góp một phần không nhỏ vào sự thắng lợi của hai cuộc kháng chiến.  - Qua đoạn trích, người đọc thấy được tấm lòng yêu mến, trân trọng của tác giả Kim Lân dành cho những người nông dân đôn hậu, chân chất mộc mạc như ông Hai  **\* Mở rộng nâng cao vấn đề, liên hệ thực tiễn, rút ra bài học:**  - Nhà văn I-li-a đã từng nói : “Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc.” Ngày nay, cuộc sống của người nông dân đã có nhiều thay đổi, chiến tranh đã không còn nhưng họ vẫn giữ một vai trò, nhiệm vụ quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Hơn ai hết họ vẫn xứng đáng để được trân trọng và ngợi ca. |
| **III.Kết bài** | **-Nhận xét chung về đoạn trích**  **- Đoạn trích khơi gợi tình cảm gì**  **- Em rút ra được bài học gì từ đoạn trích** |

**Bài văn tham khảo:**

**I.Mở bài:**

Kim Lân là một nhà văn gắn bó máu thịt với những người nông dân nghèo, những kiếp người chịu nhiều khốn khổ bần cùng. Ông cũng là một văn nhân có trái tim yêu nước son sắt, một tấm lòng thiết tha với dân tộc. Bởi vậy mà những sáng tác của ông thường viết về những người nông dân có lòng yêu nước, yêu cách mạng sâu sắc. Nói đến các sáng tác của Kim Lân ta không thể không kể đến truyện ngắn “Làng”. Tác phẩm đã khắc hoạ sinh động chân dung nhân vật ông Hai - một người nông dân chân chính với tình yêu làng, yêu quê hương tha thiết và sự gắn bó máu thịt với bộ đội cụ Hồ. Điều đó được thể hiện một cách rõ nét nhất qua đoạn trích sau:

“Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân.

**[...]**

Lại con bao nhiêu người làng tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa? ….”

II .Thân bài:

1.Khái quát và tóm tắt tác phẩm

**Truyện** ngắn “làng” của nhà văn Kim Lân được viết năm 1948,thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.Truyện kể về diễn biến tâm trạng nhân vật ông hai xoay quanh việc ông nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc để từ đó làm nổi bật tình yêu quê hương đất nước của người nông dân Việt Nam trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Câu chuyện hấp dẫn bạn đọc ở nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật trong những tình huống đặc biệt cùng với cách viết đơn giản ngôn ngữ mộc mạc dân dã .

Ông Hai trong câu chuyện này là một nông dân thật thà, chất phác, quê ở làng Chợ Dầu. Do điều kiện kháng chiến, gia đình ông phải đi tản cư. Ở đây lúc nào ông cũng nhớ về làng và luôn dõi theo tin tức cách mạng. Nhưng một hôm ông nghe tin làng Chợ Dầu theo Tây, ông bàng hoàng, tủi nhục, đau đớn, không muốn gặp ai bỏ cả thói quen ra phòng thông tin. Ông thấy thù làng, bị bà chủ nhà đuổi, gia đình ông không biết đi về đâu nhưng kiên quyết không về làng. Sau đó, ông nhận được tin cải chính, ông vui mừng khoe với mọi người làng Chợ Dầu không theo giặc, nhà ông bị đốt và lại say sưa kể về làng.

**2. Cảm nhận về ông Hai trong đoạn trích**

**a) Đọc đoạn trích này, người đọc có thể dễ dàng nhận ra ở nhân vật ông Hai là tình yêu làng, yêu nước tha thiết. Tình yêu ấy được thể hiện một cách đầy đủ và trọn vẹn qua diễn biến tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng chợ Dầu theo tây.** Diễn biến tâm trạng ông Hai khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc đã được nhà văn Kim Lân thể hiện thật sinh động và tinh tế. **Lúc mới nghe tin làng mình theo giặc, ông Hai bàng hoàng đến sửng sốt** *"Cổ ông lão nghẹn ng hắn lại, da mặt tê rần rần, ông lão lặng đi đến không thở được. Một lúc lâu, ông mới rặn è è như nuốt một cái gì vướng trong cô, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi".* Trạng thái bàng hoàng, hụt hẫng này là phản ứng tâm lý hết sức tự nhiên của một người quá yêu và quá tin vào cái làng của mình. Nếu không yêu thì cái tin làng Chợ Dầu theo giặc không thể gây chấn động mạnh tựa như một cú sốc tinh thần như thế với ông Hai. Song, ông Hai vẫn còn nghi ngờ chưa thể tin ngay lời đồn đại, ông lắp bắp hỏi lại: *"Liệu có thật không hở bác, hay là chi lại ..."*. Ông hỏi lại để khẳng định cũng là để cố bấu víu vào một tia hi vọng rằng đó chỉ là sự nhầm lẫn, là một lời đồn đại vô căn cứ. Nhưng khi cái tin được khẳng định từ những người tản cư thì ông Hai không thể không tin. Từ lúc ấy, tâm trạng ông bị ám ảnh, day dứt bởi mặc cảm là người làng Việt gian. Nghe tiếng chửi bọn Việt gian bán nước *"ông cúi gằm mặt xuống mà đi"* ta nhận thấy trong cái cúi mặt này biết bao nỗi xấu hổ, nhục nhã, nỗi đau đớn khôn cùng. Nỗi nhục khiến ông không thể ngẩng đầu lên được. Phải chăng, ông Hai đã đồng nhất danh dự của ông với danh dự của làng ông. Với ông, danh dự của làng cũng là danh dự của chính ông . Đây là nét tâm lý cộng đồng của người nông dân Việt Nam trong thời đại mới.

**b.Tâm trạng của ông Hai khi về đến nhà.**

Về đến nhà, ông Hai càng tủi thân, thương con thương mình và thương cả nhữn người nông dân làng chợ Dầu vì mang tiếng là làng Việt gian ông đã khóc. Ông khóc vì thương con và vì thương cho chính bản thân mình. Ông thương bởi chúng chưa hiểu gì nhưng đã phải mang tiếng là trẻ con làng Việt gian, rồi chúng sẽ bị người ta rẻ rúng, hắt hủi. Nghĩ đến sự khinh bỉ của mọi người, ông Hai càng căm giận những kẻ Việt gian bán nước. Ông nắm chặt hai tay lại mà rít lên: "*Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này".* Nhà văn Kim Lân đã sử dụng thật tài tình độc thoại để bộc lộ nỗi lòng nhân vật. Sự căm giận, nỗi tủi hổ, nhục nhã trong lòng người nông dân này không kìm nén nổi đã bật ra thành tiếng chửi. Trong nội tâm nhân vật ông Hai đã diễn ra một sự giằng xé giữa tin và không tin. Một mặt, ông Hai kiểm điểm lại từng người trong óc *"họ toàn là những người có tinh thần cả mà".* Ông tin những người ở lại làng không ai can tâm làm điều nhục nhã ấy. Nhưng rồi ông lại phân vân: "*Thằng Chảnh Bệu thì đích là người làng không sai rồi. Không có lửa làm sao có khói? Ai người ta hơi đâu bia tạo ra những chuyện ấy làm gì".***Nhà văn Kim Lân đã rất tinh tế khi phát hiện ra nét tâm lý nửa tin nửa ngờ ở nhân vật.** Vì quá yêu làng nên ông Hai cố tìm một chút hy vọng để bấu víu. Nhưng rồi trước những chứng cứ hiển' nhiên, ông đành cay đắng chấp nhận sự thật. Từ lúc ấy, nỗi nhục nhã lại sôi réo trong lòng ông: *“Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian!".***Ông Hai lại càng hoang mang, lo sợ,** sẽ tuyệt đường sinh sống khi nghĩ đến việc người ta sẽ không chứa, không buôn bán gì người làng Việt gian “Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chưa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước … Lại con bao nhiêu người làng tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa?...” **Có lẽ đây là đoạn miêu tả nội tâm độc đáo nhất, thành công nhất của nhà văn.** Tác giả đã để cho nhân vật trải qua từng cung bậc tâm lí, đẩy lên cao trào rồi bật ngược như vỡ òa ở phần sau. Ngẫm kĩ, ta thấy đối với người nông dân chất phác, tay lấm chân bùn thì cái tin làng theo giặc quả thật là cú sốc to lớn, là điều đau đớn và nặng nề mà họ phải chịu đựng.

**3. Đánh giá**

Với lối kể chuyện giản dị, tự nhiên, ngôn ngữ mang tính khẩu ngữ, ngòi bút phân tích tâm lí sắc sảo, Kim Lân đã thành công khi xây dựng nhân vật ông Hai- một người nông dân trong buổi đầu chống Pháp yêu làng, yêu nước tha thiết. Ông chính là hình ảnh đại diện của những người nông dân yêu nước trong hai cuộc kháng chiến trường kì – những con người đã đóng góp một phần không nhỏ vào sự thắng lợi của hai cuộc kháng chiến. Qua đoạn trích, người đọc thấy được tấm lòng yêu mến, trân trọng của tác giả Kim Lân dành cho những người nông dân đôn hậu, chân chất mộc mạc như ông Hai. Nhà văn I-li-a đã từng nói : “Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc.” Ngày nay, cuộc sống của người nông dân đã có nhiều thay đổi, chiến tranh đã không còn nhưng họ vẫn giữ một vai trò, nhiệm vụ quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Hơn ai hết họ vẫn xứng đáng để được trân trọng và ngợi ca.

**III.Kết bài**

Có thể nói rằng trong truyện ngắng “Làng” của nhà văn Kim Lân thì đoạn trích trên là một trong những đoạn trích đặc sắc nhất. Đoạn trích đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng kể chuyện của nhà văn Kim Lân, càng thêm trân trọng và yêu mến những người nông dân Việt Nam trong kháng chiến. Từ tình huống ông Hai nghe được tin cải chính về làng, tác phẩm đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về tình yêu quê hương, về lòng yêu nước. Mỗi chúng ta hãy biết yêu thương nơi mình sinh ra và lớn lên, hãy biết trân trọng và luôn tin tưởng về một tương lai tươi sáng.

**Đề 2: Em hãy phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Hai trong các đoạn trích sau:**

*“Ông lại nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ đến những ngày cùng làm việc với anh em. Ô, sao mà độ ấy vui thế. Ông thấy mình như trẻ ra. Cũng hát hỏng, bông phèng(1), cũng đào, cũng cuốc mê man suốt ngày. Trong lòng ông lão lại thấy náo nức hẳn lên. Ông lại muốn về làng, lại muốn được cùng anh em đào đường đắp ụ, xẻ hào, khuân đá... Không biết cái chòi gác ở đầu làng đã dựng xong chưa? Những đường hầm bí mật chắc còn là khướt(2) lắm, Chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cải làng quá."*

*[...]*

*“Ông Hai quay phắt lại, lắp bắp hỏi:*

*- Nó... Nó vào làng Chợ Dầu hở bác? Thế ta giết được bao nhiêu thằng? Người đàn bà ẵm con cong môi lên đỏng đảnh:*

*- Có giết được thằng nào đâu. Cả làng chúng nó Việt gian(3) theo Tây còn giết gì nữa!*

*Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới dặn è è, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi:*

*-Liệu có thật không hở bác? Hay chỉ lại…[….]*

*Ông lão vờ vờ đứng lảng ra chỗ khác, rồi đi thẳng[…]*

*Ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi. Ông thoáng nghĩ đến mụ chủ nhà.*

*Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lét đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau.*

*Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư?Chúng nó cũng bị người ta rẻ rung hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu…ông lão nắm chặt hai tay lại mà rít lên:*

*-Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này.*

(Trích *Làng*, Kim Lân, Ngữ văn 9, tập một,NXB Giáo dục Việt Nam, 2017, tr.162-**166)**

**Chú thích:**

(1) Bông phèng: nói để đùa vui.

(2) Khướt: mệt, vất vả, lâu lắm.

(3) Việt gian: những kẻ là người Việt Nam nhưng theo giặc.

(4) Chơi sậm chơi sụi: chơi một cách lặng lẽ, kín đáo.

**A.Dàn ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung** |
| **I. Mở bài** | **1. Mở bài: Giới thiệu nhà văn, tác phẩm và vấn đề nghị luận:**  **- Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**  - **Giới thiệu vấn đề nghị luận:** Đoạn trích miêu tả tâm lí của nhân vật ông Hai trước và sau khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc  - Trích dẫn đoạn trích |
| **II.Thân bài** | **1. Khái quát:**  - Truyện ngắn “làng” của nhà văn Kim Lân được viết năm 1948,thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.  - Truyện kể về diễn biến tâm trạng nhân vật ông hai xoay quanh việc ông nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc để từ đó làm nổi bật tình yêu quê hương đất nước của người nông dân Việt Nam trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.  Truyện hấp dẫn bạn đọc ở nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật trong những tình huống đặc biệt cùng với cách viết đơn giản ngôn ngữ mộc mạc dân dã .  **- Tóm tắt truyện:**  Ông Hai là một nông dân thật thà, chất phác, quê ở làng Chợ Dầu. Do điều kiện kháng chiến, gia đình ông phải đi tản cư. Ở đây lúc nào ông cũng nhớ về làng và luôn dõi theo tin tức cách mạng. Nhưng một hôm ông nghe tin làng Chợ Dầu theo Tây, ông bàng hoàng, tủi nhục, đau đớn, không muốn gặp ai bỏ cả thói quen ra phòng thông tin. Ông thấy thù làng, bị bà chủ nhà đuổi, gia đình ông không biết đi về đâu nhưng kiên quyết không về làng. Sau đó, ông nhận được tin cải chính, ông vui mừng khoe với mọi người làng Chợ Dầu không theo giặc, nhà ông bị đốt và lại say sưa kể về làng. |
|  | **2. Phân tích tâm lí nhân vật ông Hai trong đoạn trích.**  **a)Niềm vui, nỗi nhớ của ông Hai khi nghĩ đến làng Chợ Dầu**  **- Ông Hai vốn là một người rất yêu làng**  **- Đi đâu ông cũng khoe về làng của mình**  **- Ở nơi tản cư ông luôn muốn về làng:** *“Ông lại nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ đến những ngày cùng làm việc với anh em. […] Ông lại muốn về làng, lại muốn được cùng anh em đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá.”*  *+* Những ký ức về làng xưa, xóm cũ trở thành niềm an ủi, động viên ông Hai mỗi khi chán nản.  + Chỉ cần được ở lại làng, cùng chiến đấu với anh em thì như có một luồng sinh lực mới chảy dồi dào trong ông, và dù có gian khổ, khó nhọc, nguy hiểm đến bao nhiêu ông cũng chịu được.  + Hình ảnh đó hoàn toàn trái ngược với ông Hai lúc nào cũng buồn chán, bức bối, không biết làm gì trong căn bếp tản cư.  -Vì không thể về làng nên trong ông lại trào dâng một nỗi nhớ khôn nguôi: *“Ông Hai nhớ cái làng, nhớ cái làng quá.”*  =>**Tâm sự của ông Hai là tâm sự của một người gắn bó với làng tha thiết, yêu làng bằng một niềm tự hào chân chính.**  **b. Tâm trạng của ông Hai lúc mới nghe tin làng theo giặc**  **-Lúc mới nghe tin làng mình theo giặc, ông Hai bàng hoàng đến sửng sốt** *"Cổ ông lão nghẹn ng hắn lại, da mặt tê rần rần, ông lão lặng đi đến không thở được. Một lúc lâu, ông mới rặn è è như nuốt một cái gì vướng trong cô, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi".*  + Trạng thái bàng hoàng, hụt hẫng này là phản ứng tâm lý hết sức tự nhiên của một người quá yêu làng và quá tin vào cái làng chợ Dầu của ông. Nếu không yêu thì cái tin làng Chợ Dầu theo giặc không thể gây chấn động mạnh tựa như một cú sốc tinh thần như thế với ông Hai.  -Song, ông Hai vẫn còn nghi ngờ chưa thể tin ngay lời đồn đại, ông lắp bắp hỏi lại: *"Liệu có thật không hở bác, hay là chi lại ..."*.  + Ông hỏi lại để khẳng định cũng là để cố bấu víu vào một tia hi vọng rằng đó chỉ là sự nhầm lẫn là một lời đồn đại vô căn cứ.  + Nhưng khi cái tin được khẳng định từ những người tản cư thì ông Hai không thể không tin.  + Từ lúc ấy, tâm trạng ông bị ám ảnh, day dứt bởi mặc cảm là người làng Việt gian.  -Nghe tiếng chửi bọn Việt gian bán nước *"ông cúi gằm mặt xuống mà đi"*  + Ông cảm thấy xấu hổ, nhục nhã, đau đớn. Nỗi nhục khiến ông không thể ngẩng đầu lên được.  + Ông Hai đã đồng nhất danh dự của ông với danh dự của làng ông. Với ông, danh dự của làng cũng là danh dự của chính ông .  => Đây là nét tâm lý cộng đồng của người nông dân Việt Nam trong thời đại mới.  **c.Tâm trạng của ông Hai khi về đến nhà**  - Về đến nhà, ông Hai càng tủi thân, thương con thương mình và thương cả nhữn người nông dân làng chợ Dầu vì mang tiếng là làng Việt gian*"Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lại cứ giàn ra, chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư. Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng, hắt hủi đấy ư”.*  *-* Nghĩ đến sự khinh bỉ của mọi người, ông Hai càng căm giận những kẻ Việt gian bán nước. Ông nắm chặt hai tay lại mà rít lên: "*Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này".*  + Nhà văn Kim Lân đã sử dụng ngôn ngữ độc thoại để bộc lộ nỗi lòng nhân vật. Sự căm giận, nỗi tủi hổ, nhục nhã trong lòng người nông dân này không kìm nén nổi đã bật ra thành tiếng chửi. Trong nội tâm nhân vật ông Hai đã diễn ra một sự giằng xé giữa tin và không tin.  **=>** Tác giả đã để cho nhân vật trải qua từng cung bậc tâm lí, đẩy lên cao trào rồi bật ngược như vỡ òa ở phần sau. Ngẫm kĩ, ta thấy đối với người nông dân chất phác, tay lấm chân bùn thì cái tin làng theo giặc quả thật là cú sốc to lớn, là điều đau đớn và nặng nề mà họ phải chịu đựng. |
|  | **3. Đánh giá**  **\*Đánh giá về nội dung và nghệ thuật**  - Với lối kể chuyện giản dị, tự nhiên, ngôn ngữ mang tính khẩu ngữ, ngòi bút phân tích tâm lí sắc sảo, Kim Lân đã thành công khi xây dựng nhân vật ông Hai- một người nông dân trong buổi đầu chống Pháp yêu làng, yêu nước tha thiết.  - Ông chính là hình ảnh đại diện của những người nông dân yêu nước trong hai cuộc kháng chiến trường kì – những con người đã đóng góp một phần không nhỏ vào sự thắng lợi của hai cuộc kháng chiến.  - Qua đoạn trích, người đọc thấy được tấm lòng yêu mến, trân trọng của tác giả Kim Lân dành cho những người nông dân đôn hậu, chân chất mộc mạc như ông Hai  **\* Mở rộng nâng cao vấn đề, liên hệ thực tiễn, rút ra bài học:**  - Nhà văn I-li-a đã từng nói : “Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc.” Ngày nay, cuộc sống của người nông dân đã có nhiều thay đổi, chiến tranh đã không còn nhưng họ vẫn giữ một vai trò, nhiệm vụ quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Hơn ai hết họ vẫn xứng đáng để được trân trọng và ngợi ca. |
| **III.Kết bài** | **-Nhận xét chung về đoạn trích**  **- Đoạn trích khơi gợi tình cảm gì**  **- Em rút ra được bài học gì từ đoạn trích** |

**B Bài văn tham khảo:**

**I.Mở bài:**

Kim Lân là một nhà văn gắn bó máu thịt với những người nông dân nghèo, những kiếp người chịu nhiều khốn khổ bần cùng. Ông cũng là một văn nhân có trái tim yêu nước son sắt, một tấm lòng thiết tha với dân tộc. Bởi vậy mà những sáng tác của ông thường viết về những người nông dân có lòng yêu nước, yêu cách mạng sâu sắc. Nói đến các sáng tác của Kim Lân ta không thể không kể đến truyện ngắn “Làng”. Đọc tác phẩm này, người đọc không khỏi ấn tượng với diễn biến tâm lí của ông Hai qua hai đoan trích sau:

*“Ông lại nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ đến những ngày cùng làm việc với anh em*. ...*Ông lão nhớ làng, nhớ cải làng quá."*

*Và:*

*“Ông Hai quay phắt lại, lắp bắp hỏi: ...Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này.*

II .Thân bài:

1.Khái quát và tóm tắt tác phẩm

**Truyện** ngắn “làng” của nhà văn Kim Lân được viết năm 1948,thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.Truyện kể về diễn biến tâm trạng nhân vật ông hai xoay quanh việc ông nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc để từ đó làm nổi bật tình yêu quê hương đất nước của người nông dân Việt Nam trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Câu chuyện hấp dẫn bạn đọc ở nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật trong những tình huống đặc biệt cùng với cách viết đơn giản ngôn ngữ mộc mạc dân dã .

Ông Hai trong câu chuyện này là một nông dân thật thà, chất phác, quê ở làng Chợ Dầu. Do điều kiện kháng chiến, gia đình ông phải đi tản cư. Ở đây lúc nào ông cũng nhớ về làng và luôn dõi theo tin tức cách mạng. Nhưng một hôm ông nghe tin làng Chợ Dầu theo Tây, ông bàng hoàng, tủi nhục, đau đớn, không muốn gặp ai bỏ cả thói quen ra phòng thông tin. Ông thấy thù làng, bị bà chủ nhà đuổi, gia đình ông không biết đi về đâu nhưng kiên quyết không về làng. Sau đó, ông nhận được tin cải chính, ông vui mừng khoe với mọi người làng Chợ Dầu không theo giặc, nhà ông bị đốt và lại say sưa kể về làng.

**2. Cảm nhận về ông Hai trong đoạn trích**

**a) Ở đoạn trích thứ nhất, người đọc có thể dễ dàng nhận ra niềm vui, nỗi nhớ của ông Hai khi ông nghĩ về làng chợ Dầu. Ông vốn là một người rất yêu làng.** Ông có tính hay khoe làng với tất cả niềm hãnh diện. *“Ông nói về cái làng ấy một cách say mê và náo nức lạ thường. Hai mắt ông sáng hẳn lên, khuôn mặt biến chuyển hoạt động.”* Tình yêu làng đã biến ông Hai thành một con người hoàn toàn khác so với một ông Hai bị gò bó, tù túng trong căn bếp tản cư. Một nguồn sinh lực mới như dồi dào trong ông lúc đó. Tối này đến tối khác, ông nói đi nói lại về cái làng của ông. Kim Lân điểm nhịp câu chuyện bằng những lời trách móc ông hàng xóm nhãng ý không nghe chuyện, nhưng kỳ thực là để cho ta thấy rằng ông Hai không thực sự cần bác Thứ nghe, ông nói cho chính mình, nói để cho sướng miệng và cũng để thỏa nỗi nhớ làng. *“Ông lại nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ đến những ngày cùng làm việc với anh em. […] Ông lại muốn về làng, lại muốn được cùng anh em đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá.”* Những ký ức về làng xưa, xóm cũ trở thành niềm an ủi, động viên ông Hai mỗi khi chán nản. Chỉ cần được ở lại làng, cùng chiến đấu với anh em thì như có một luồng sinh lực mới chảy dồi dào trong ông, và dù có gian khổ, khó nhọc, nguy hiểm đến bao nhiêu ông cũng chịu được. Hình ảnh đó hoàn toàn trái ngược với ông Hai lúc nào cũng buồn chán, bức bối, không biết làm gì trong căn bếp tản cư. Thế nhưng đó cũng chỉ là hồi ức, một hồi ức tươi vui và đầy tự hào đến nỗi mỗi khi nhớ lại, trong ông lại trào dâng một nỗi nhớ khôn nguôi: *“Ông Hai nhớ cái làng, nhớ cái làng quá.”* Với ông, ngôi làng của ông vốn đã là một điều gì đó vô cùng thiêng liêng và đẹp đẽ. Nay ở trong căn bếp tản cư chật hẹp, cái làng ấy lại càng đẹp hơn, trở thành một niềm mong ước, khao khát mãnh liệt. Điều đó hoàn toàn không phải phóng đại. **Tâm sự của ông Hai là tâm sự của một người gắn bó với làng tha thiết, yêu làng bằng một niềm tự hào chân chính.**

**b) Nhưng càng yêu làng bao nhiêu, ông Hai càng đau đớn bấy nhiêu khi nghe tin làng mình theo giặc.** Diễn biến tâm trạng ông Hai khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc đã được nhà văn Kim Lân thể hiện thật sinh động và tinh tế. **Lúc mới nghe tin làng mình theo giặc, ông Hai bàng hoàng đến sửng sốt** *"Cổ ông lão nghẹn ng hắn lại, da mặt tê rần rần, ông lão lặng đi đến không thở được. Một lúc lâu, ông mới rặn è è như nuốt một cái gì vướng trong cô, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi".* Trạng thái bàng hoàng, hụt hẫng này là phản ứng tâm lý hết sức tự nhiên của một người quá yêu và quá tin vào cái làng của mình. Nếu không yêu thì cái tin làng Chợ Dầu theo giặc không thể gây chấn động mạnh tựa như một cú sốc tinh thần như thế với ông Hai. Song, ông Hai vẫn còn nghi ngờ chưa thể tin ngay lời đồn đại, ông lắp bắp hỏi lại: *"Liệu có thật không hở bác, hay là chi lại ..."*. Ông hỏi lại để khẳng định cũng là để cố bấu víu vào một tia hi vọng rằng đó chỉ là sự nhầm lẫn, là một lời đồn đại vô căn cứ. Nhưng khi cái tin được khẳng định từ những người tản cư thì ông Hai không thể không tin. Từ lúc ấy, tâm trạng ông bị ám ảnh, day dứt bởi mặc cảm là người làng Việt gian. Nghe tiếng chửi bọn Việt gian bán nước *"ông cúi gằm mặt xuống mà đi"* ta nhận thấy trong cái cúi mặt này biết bao nỗi xấu hổ, nhục nhã, nỗi đau đớn khôn cùng. Nỗi nhục khiến ông không thể ngẩng đầu lên được. Phải chăng, ông Hai đã đồng nhất danh dự của ông với danh dự của làng ông. Với ông, danh dự của làng cũng là danh dự của chính ông . Đây là nét tâm lý cộng đồng của người nông dân Việt Nam trong thời đại mới.

**b.**

**Về đến nhà**, ông Hai càng tủi thân, thương con thương mình và thương cả nhữn người nông dân làng chợ Dầu vì mang tiếng là làng Việt gian ông đã khóc. Ông khóc vì thương con và vì thương cho chính bản thân mình. Ông thương bởi chúng chưa hiểu gì nhưng đã phải mang tiếng là trẻ con làng Việt gian, rồi chúng sẽ bị người ta rẻ rúng, hắt hủi. Nghĩ đến sự khinh bỉ của mọi người, ông Hai càng căm giận những kẻ Việt gian bán nước. Ông nắm chặt hai tay lại mà rít lên: "*Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này".* Nhà văn Kim Lân đã sử dụng thật tài tình độc thoại để bộc lộ nỗi lòng nhân vật. Sự căm giận, nỗi tủi hổ, nhục nhã trong lòng người nông dân này không kìm nén nổi đã bật ra thành tiếng chửi. Trong nội tâm nhân vật ông Hai đã diễn ra một sự giằng xé giữa tin và không tin. Một mặt, ông Hai kiểm điểm lại từng người trong óc *"họ toàn là những người có tinh thần cả mà".* Ông tin những người ở lại làng không ai can tâm làm điều nhục nhã ấy. Nhưng rồi ông lại phân vân: "*Thằng Chảnh Bệu thì đích là người làng không sai rồi. Không có lửa làm sao có khói? Ai người ta hơi đâu bia tạo ra những chuyện ấy làm gì".***Nhà văn Kim Lân đã rất tinh tế khi phát hiện ra nét tâm lý nửa tin nửa ngờ ở nhân vật.** Vì quá yêu làng nên ông Hai cố tìm một chút hy vọng để bấu víu. Nhưng rồi trước những chứng cứ hiển' nhiên, ông đành cay đắng chấp nhận sự thật. Từ lúc ấy, nỗi nhục nhã lại sôi réo trong lòng ông: *“Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian!".***Ông Hai lại càng hoang mang, lo sợ,** sẽ tuyệt đường sinh sống khi nghĩ đến việc người ta sẽ không chứa, không buôn bán gì người làng Việt gian “Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chưa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước … Lại con bao nhiêu người làng tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa?...” **Có lẽ đây là đoạn miêu tả nội tâm độc đáo nhất, thành công nhất của nhà văn.** Tác giả đã để cho nhân vật trải qua từng cung bậc tâm lí, đẩy lên cao trào rồi bật ngược như vỡ òa ở phần sau. Ngẫm kĩ, ta thấy đối với người nông dân chất phác, tay lấm chân bùn thì cái tin làng theo giặc quả thật là cú sốc to lớn, là điều đau đớn và nặng nề mà họ phải chịu đựng.

**3. Đánh giá**

Với lối kể chuyện giản dị, tự nhiên, ngôn ngữ mang tính khẩu ngữ, ngòi bút phân tích tâm lí sắc sảo, đoạn trích đã thành công khi khắc họa tâm lí của nhân vật ông Hai. Ông vui sướng khi nghĩ về làng rồi bàng hoàng, đau khổ, tuyệt vọng khi nghe tin làng mình theo giặc. Tâm trạng ấy cho thấy trong tâm hồn ông là một tình yêu tha thiết không chỉ với quê hương mà còn là tình yêu dành cho đất nước thân yêu. Ông chính là hình ảnh đại diện của những người nông dân yêu nước trong hai cuộc kháng chiến trường kì – những con người đã đóng góp một phần không nhỏ vào sự thắng lợi của hai cuộc kháng chiến. Qua đoạn trích, người đọc thấy được tấm lòng yêu mến, trân trọng của tác giả Kim Lân dành cho những người nông dân đôn hậu, chân chất mộc mạc. Nhà văn I-li-a đã từng nói : “Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc.” Ngày nay, cuộc sống của người nông dân đã có nhiều thay đổi, chiến tranh đã không còn nhưng họ vẫn giữ một vai trò, nhiệm vụ quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Hơn ai hết họ vẫn xứng đáng để được trân trọng và ngợi ca.

**III.Kết bài**

Có thể nói rằng trong truyện ngắng “Làng” của nhà văn Kim Lân thì đoạn trích trên là một trong những đoạn trích đặc sắc nhất. Đoạn trích đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng kể chuyện của nhà văn Kim Lân, càng thêm trân trọng và yêu mến những người nông dân Việt Nam trong kháng chiến. Từ tình huống ông Hai nghe được tin cải chính về làng, tác phẩm đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về tình yêu quê hương, về lòng yêu nước. Mỗi chúng ta hãy biết yêu thương nơi mình sinh ra và lớn lên, hãy biết trân trọng và luôn tin tưởng về một tương lai tươi sáng.

**Đề 3:** **Cảm nhận của em về nhân vật ông Hai trong đoạn trích sau:**

*Ông lão ôm thằng con út lên lòng, vỗ nhè nhẹ vào lưng nó, khẽ hỏi:  
- Húc kia! Thầy hỏi con nhé, con là con ai?  
- Là con thầy mấy lại con u.  
- Thế nhà con ở đâu?  
- Nhà ta ở làng Chợ Dầu.  
- Thế con có thích về làng chợ Dầu không?  
Thằng bé nép đầu vào ngực bố trả lời khe khẽ:  
- Có.  
Ông lão ôm khít thằng bé vào lòng, một lúc lâu ông lại hỏi:  
- À, thầy hỏi con nhé. Thế con ủng hộ ai?  
Thằng bé dơ tay lên, mạnh bạo và rành rọt:  
- Ủng hộ cụ Hồ Chí Minh muôn năm!  
Nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thỉ:  
- Ừ đúng rồi, ủng hộ cụ Hồ con nhỉ.  
Mấy hôm nay ru rú ở xó nhà, những lúc buồn khổ quá chẳng biết nói cùng ai, ông lại thủ thỉ với con như vậy. Ông nói như để ngỏ lòng mình, như để mình lại minh oan cho mình nữa.  
Anh em đồng chí biết cho bố con ông.  
Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông.  
Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai: Mỗi lần nói ra được đôi câu như vậy nỗi khổ trong lòng ông cũng vơi đi được đôi phần.*(Trích Làng - Kim Lân, Ngữ văn lớp 9, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr.169 - 170)

**Dàn ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung** |
| **I. Mở bài** | **1. Mở bài: Giới thiệu nhà văn, tác phẩm và vấn đề nghị luận:**  **- Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**  - **Giới thiệu vấn đề nghị luận:** Cảm nhận khái quát về ông Hai – một người nông dân yêu làng, yêu nước và có tinh thần kháng chiến  - Trích dẫn đoạn trích |
| **II.Thân bài** | **1. Khái quát:**  - Truyện ngắn “làng” của nhà văn Kim Lân được viết năm 1948,thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.  - Truyện kể về diễn biến tâm trạng nhân vật ông hai xoay quanh việc ông nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc để từ đó làm nổi bật tình yêu quê hương đất nước của người nông dân Việt Nam trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.  Truyện hấp dẫn bạn đọc ở nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật trong những tình huống đặc biệt cùng với cách viết đơn giản ngôn ngữ mộc mạc dân dã .  **- Tóm tắt truyện:**  Ông Hai là một nông dân thật thà, chất phác, quê ở làng Chợ Dầu. Do điều kiện kháng chiến, gia đình ông phải đi tản cư. Ở đây lúc nào ông cũng nhớ về làng và luôn dõi theo tin tức cách mạng. Nhưng một hôm ông nghe tin làng Chợ Dầu theo Tây, ông bàng hoàng, tủi nhục, đau đớn, không muốn gặp ai bỏ cả thói quen ra phòng thông tin. Ông thấy thù làng, bị bà chủ nhà đuổi, gia đình ông không biết đi về đâu nhưng kiên quyết không về làng. Sau đó, ông nhận được tin cải chính, ông vui mừng khoe với mọi người làng Chợ Dầu không theo giặc, nhà ông bị đốt và lại say sưa kể về làng. |
|  | **2. Cảm nhận về nhân vật ông Hai trong đoạn trích.**  **a)Tại sao ông Hai chọn trò chuyện với con?**  - Trò chuyện với đứa con còn bé là cái cách để ông trải lòng mình, để tự minh oan cho mình và cũng là để ông có thêm niềm tin vào những điều mà ông đã chọn lựa.  **b) Trong cuộc trò chuyện ông vẫn hướng con về làng, về quê hương nguồn cội**  **- Ông**  hỏi: *:"Thế nhà con ở đâu?Thế con có thích về làng chợ Dầu không?" +*Câu hỏi có vẻ ngô nghê mà ông biết trước được câu trả lời của con nhưng dường như ông vẫn muốn nghe .  **+ Ông vẫn muốn con nhớ về cội nguồn, gôc gác của mình**. Muốn con hiểu rằng Chợ Dầu chính là quê hương của con, là nơi con được sinh ra và lớn lên, được yêu thương và che chở.  **+Dù đã thù làng nhưng trong sâu thẳm tâm hồn người nông dân chất phác ấy vẫn dành cho làng một tình yêu tha thiết, mãnh liệt**.  =>**Câu hỏi của ông với con cũng là cái cách ông kiểm tra tình cảm của mình.** **Tình yêu với làng chợ Dầu trong chưa chết hẳn,chỉ có điều giờ đây đó là một tình yêu đau đớn,một bi kịch.**  **c)Nhưng hơn cả ở ông Hai là tình yêu đất nước và niềm tin dành cho kháng chiến.**  - Ông hỏi con tiếp : *“Thế con ủng hộ ai?".*  - Câu trả lời của đứa con*:" Ủng hộ Hồ Chí Minh Muôn năm"*  =>Ông hãnh diện, ông hạnh phúc vì nghe câu trả lời của con.  - Nghe con nói vậy, nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thỉ “ Ừ đúng rồi, ủng hộ cụ Hồ con nhỉ”.  + **Ông khóc vì hạnh phúc, khóc vì con ồn còn rất nhỏ nhưng đã có tinh thần kháng chiến,đã có niềm tin bất diệt vào cách mạng, vào cụ Hồ.**  + Ông lặp lại câu nói của con nhưng thực chất là để nói rõ lòng mình. **Ông tin kháng chiến, tin cách mạng, ông sẵn sang hi sinh tình cảm riêng của mình vì tình cảm cao đẹp đó**.  - Mấy hôm nay ru rú ở xó nhà, những lúc buồn khổ quá chẳng biết nói cùng ai, ông lại thủ thỉ với con như vậy. Ông nói như để ngỏ lòng mình, như để mình lại minh oan cho mình nữa.Mỗi lần nói ra được đôi câu như vậy nỗi khổ trong lòng ông cũng vơi đi được đôi phần. |
|  | **3. Đánh giá**  **\*Đánh giá về nội dung và nghệ thuật**  - Với lối kể chuyện giản dị, tự nhiên, ngôn ngữ mang tính khẩu ngữ, ngòi bút phân tích tâm lí sắc sảo, Kim Lân đã thành công khi xây dựng nhân vật ông Hai- một người nông dân trong buổi đầu chống Pháp yêu làng, yêu nước tha thiết.  - Ông chính là hình ảnh đại diện của những người nông dân yêu nước trong hai cuộc kháng chiến trường kì – những con người đã đóng góp một phần không nhỏ vào sự thắng lợi của hai cuộc kháng chiến.  - Qua đoạn trích, người đọc thấy được tấm lòng yêu mến, trân trọng của tác giả Kim Lân dành cho những người nông dân đôn hậu, chân chất mộc mạc  **\* Mở rộng nâng cao vấn đề, liên hệ thực tiễn, rút ra bài học:**  - Nhà văn I-li-a đã từng nói : “Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc.” Ngày nay, cuộc sống của người nông dân đã có nhiều thay đổi, chiến tranh đã không còn nhưng họ vẫn giữ một vai trò, nhiệm vụ quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Hơn ai hết họ vẫn xứng đáng để được trân trọng và ngợi ca. |
| **III.Kết bài** | **-Nhận xét chung về đoạn trích**  **- Đoạn trích khơi gợi tình cảm gì**  **- Em rút ra được bài học gì từ đoạn trích** |

**A. Mở bài : Giới thiệu vấn đề nghị luận**

Kim Lân là một nhà văn gắn bó máu thịt với những người nông dân nghèo, những kiếp người chịu nhiều khốn khổ bần cùng. Ông cũng là một văn nhân có trái tim yêu nước son sắt, một tấm lòng thiết tha với dân tộc. Bởi vậy mà những sáng tác của ông thường viết về những người nông dân có lòng yêu nước, yêu cách mạng sâu sắc. Nói đến các sáng tác của Kim Lân ta không thể không kể đến truyện ngắn “Làng”. Tác phẩm đã khắc hoạ sinh động chân dung nhân vật ông Hai - một người nông dân chân chính với tình yêu làng, yêu quê hương tha thiết và sự gắn bó máu thịt với bộ đội cụ Hồ. Điều đó được thể hiện một cách rõ nét nhất qua đoạn trích kể cuộc trò chuyện giữa ông Hai với đứa con út.

*Ông lão ôm thằng con út lên lòng, vỗ nhè nhẹ vào lưng nó, khẽ hỏi:*[..]

*Mỗi lần nói ra được đôi câu như vậy nỗi khổ trong lòng ông cũng vơi đi được đôi phần.*

B .Thân bài:

1.Khái quát và tóm tắt tác phẩm

**Truyện** ngắn “làng” của nhà văn Kim Lân được viết năm 1948,thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.Truyện kể về diễn biến tâm trạng nhân vật ông hai xoay quanh việc ông nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc để từ đó làm nổi bật tình yêu quê hương đất nước của người nông dân Việt Nam trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Câu chuyện hấp dẫn bạn đọc ở nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật trong những tình huống đặc biệt cùng với cách viết đơn giản ngôn ngữ mộc mạc dân dã .

Ông Hai trong câu chuyện này là một nông dân thật thà, chất phác, quê ở làng Chợ Dầu. Do điều kiện kháng chiến, gia đình ông phải đi tản cư. Ở đây lúc nào ông cũng nhớ về làng và luôn dõi theo tin tức cách mạng. Nhưng một hôm ông nghe tin làng Chợ Dầu theo Tây, ông bàng hoàng, tủi nhục, đau đớn, không muốn gặp ai bỏ cả thói quen ra phòng thông tin. Ông thấy thù làng, bị bà chủ nhà đuổi, gia đình ông không biết đi về đâu nhưng kiên quyết không về làng. Sau đó, ông nhận được tin cải chính, ông vui mừng khoe với mọi người làng Chợ Dầu không theo giặc, nhà ông bị đốt và lại say sưa kể về làng.

**2.Cảm nhận ông Hai trong đoạn trích**

Ở phần đầu của tác phẩm, người đọc đã được chứng kiến một ông Hai rất yêu và tự hào về làng của mình. Đi đâu ông cũng khoe về làng thế nên khi nghe tin làng theo giặc ông vô cùng bàng hoàng sửng sốt. Không không tin đó là sự thật nhưng khi buộc phải tin ông đã vô cùng đau khổ, tủi nhục đến mức phải đi đến quyết định *thù làng.* Và để củng cố thêm niềm tin cho quyết định của mình, ông đã tìm đến thằng con út để trò chuyện.

**\*Tại sao ông Hai chọn trò chuyện với con?**

Đọc đoạn trích này, sẽ có không ít người đọc thắc mắc rằng tại sao ông Hai lại chọn trò chuyện với đứa con út – một đứa trẻ chưa hiểu chuyện gì, chưa biết gì về kháng chiến, về cách mạng. Trò chuyện với đứa con còn bé là cái cách để ông trải lòng mình, để tự minh oan cho mình và cũng là để ông có thêm niềm tin vào những điều mà ông đã chọn lựa. Xây dựng chi tiết này cho thấy Kim Lân thực sự rất am hiểu tâm lí của con người, nhất là người nông dân trong kháng chiến.

**\* Trong cuộc trò chuyện ông vẫn hướng con về làng, về quê hương nguồn cội**

Mặc dù cái làng mà ông rất mực tin yêu đã theo giặc, dù cho làng đã phản bội ông đến mức ông phải thù làng thế nhưng khi nói chuyện với con ông vẫn hỏi: *:"Thế nhà con ở đâu?Thế con có thích về làng chợ Dầu không?"* Câu hỏi có vẻ ngô nghê mà ông biết trước được câu trả lời của con nhưng dường như ông vẫn muốn nghe . **Hỏi con như vậy là ông vẫn muốn con nhớ về cội nguồn, gôc gác của mình**. Muốn con hiểu rằng Chợ Dầu chính là quê hương của con, là nơi con được sinh ra và lớn lên, được yêu thương và che chở. **Điều đó có nghĩa là dù đã thù làng nhưng trong sâu thẳm tâm hồn người nông dân chất phác ấy vẫn dành cho làng một tình yêu tha thiết, mãnh liệt**. **Câu hỏi của ông với con cũng là cái cách ông kiểm tra tình cảm của mình.** Nghe câu trả lời của con chắc ông vui lắm,vui vì dường như nó đã trùng với suy nghĩ của ông.**Như vậy có thể khẳng định tình yêu với làng chợ Dầu trong chưa chết hẳn,chỉ có điều giờ đây đó là một tình yêu đau đớn, một bi kịch.**

**\* Nhưng hơn cả ở ông Hai là tình yêu đất nước và niềm tin dành cho kháng chiến.**

**Ông Hai yêu làng ai cũng phải thừa nhận nhưng hơn cả ở nhân vật này là tình yêu đất nước và niềm tin dành cho kháng chiến.** Điều đó cũng được bộc lộ một cách rõ nét trong cuộc trò chuyện của ông với con. Ông hỏi con tiếp : *“Thế con ủng hộ ai?".* Câu trả lời của đứa con*:" Ủng hộ Hồ Chí Minh Muôn năm"* dường như đã hoàn toàn trùng khít với suy nghĩ và tình cảm của ông.Ông hãnh diện vì điều đó,ông tự hào về điều đó,ông hạnh phúc vô cùng. Nghe con nói vậy, nước mắt ông lão giàn ra, chảy ròng ròng trên hai má. Ông nói thủ thỉ “ Ừ đúng rồi, ủng hộ cụ Hồ con nhỉ”. **Ông khóc vì hạnh phúc, khóc vì con ồn còn rất nhỏ nhưng đã có tinh thần kháng chiến,đã có niềm tin bất diệt vào cách mạng, vào cụ Hồ.** Ông lặp lại câu nói của con nhưng thực chất là để nói rõ lòng mình. **Ông tin kháng chiến, tin cách mạng, ông sẵn sang hi sinh tình cảm riêng của mình vì tình cảm cao đẹp đó**. Đến đây ta không chỉ trân trọng tình cảm của ông đối với làng quê đối với đất nước mà ta còn vui sướng tự hào về truyền thống yêu nước của dân tộc Việt nam,tự hào về dòng máu yêu nước luôn chảy trong trái tim mỗi con người Việt Nam,trong dòng máu của ông và trong dòng máu đứa con ông. Mấy hôm nay ru rú ở xó nhà, những lúc buồn khổ quá chẳng biết nói cùng ai, ông lại thủ thỉ với con như vậy. Ông nói như để ngỏ lòng mình, như để mình lại minh oan cho mình nữa. “Anh em đồng chí biết cho bố con ông. Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông. Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai” Mỗi lần nói ra được đôi câu như vậy nỗi khổ trong lòng ông cũng vơi đi được đôi phần. **Tình yêu làng, yêu nước, yêu cách mạng nơi ông thật sâu sắc, mãnh liệt!**

**3. Đánh giá, mở rộng**

Với lối kể chuyện giản dị, tự nhiên, ngôn ngữ mang đậm tính khẩu ngữ, ngòi bút phân tích tâm lí sắc sảo, đoạn trích đã thành công khi xây dựng nhân vật ông Hai – một người nông dân yêu làng, yêu nước và có niềm tin vào kháng chiến, vào cách mạng. Ông chính là hình ảnh đại diện của những người nông dân yêu nước trong hai cuộc kháng chiến trường kì – những con người đã đóng góp một phần không nhỏ vào sự thắng lợi của hai cuộc kháng chiến. Qua đoạn trích, người đọc thấy được tấm lòng yêu mến, trân trọng của tác giả Kim Lân dành cho những người nông dân đôn hậu, chân chất mộc mạc. Nhà văn I-li-a đã từng nói : “Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc.” Ngày nay, cuộc sống của người nông dân đã có nhiều thay đổi, chiến tranh đã không còn nhưng họ vẫn giữ một vai trò, nhiệm vụ quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Hơn ai hết họ vẫn xứng đáng để được trân trọng và ngợi ca.

**III.Kết bài**

Có thể nói rằng trong truyện ngắng “Làng” của nhà văn Kim Lân thì đoạn trích trên là một trong những đoạn trích đặc sắc nhất. Đoạn trích đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng kể chuyện của nhà văn Kim Lân, càng thêm trân trọng và yêu mến những người nông dân Việt Nam trong kháng chiến. Từ tình huống ông Hai nghe được tin cải chính về làng, tác phẩm đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về tình yêu quê hương, về lòng yêu nước. Mỗi chúng ta hãy biết yêu thương nơi mình sinh ra và lớn lên, hãy biết trân trọng và luôn tin tưởng về một tương lai tươi sáng.

**Đề 4. Cảm nhận về nhân vật ông Hai trong đoạn trích sau:**

*Dứt lời ông lão lại lật đật đi thẳng sang bên gian bác Thứ.*

*Chưa đến bực cửa ông lão đã bô bô:*

*-Bác Thứ đâu rồi? Bác Thứ làm gì đấy? Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhẵn! Ông chủ tịch làng tôi vừa mới lên trên này cải chính, ông ấy cho biết...cái chính là cái tin làng chợ Dầu chúng tôi đi Việt gian ấy mà. Láo! Láo hết! Toàn là sai sự mục đích cả.*

*Bác Thứ chưa nghe thủng câu chuyện ra sao, ông lão đã lật đật bỏ lên nhà trên.*

*-Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn. Ông chủ tịch làng em vừa lên cải chính...cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng em Việt gian ấy mà. Ra láo! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn sai sự mục đích cả!*

*Cũng chỉ được bằng ấy câu, ông lão lại lật đật bỏ đi nơi khác*.

                                         (Trích Làng - Kim Lân, Ngữ văn lớp 9, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr.169 - 170)

**Dàn ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung** |
| **I. Mở bài** | **1. Mở bài: Giới thiệu nhà văn, tác phẩm và vấn đề nghị luận:**  **- Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**  - **Giới thiệu vấn đề nghị luận:** Khái quát về nhân vật ông Hai qua đoạn trích: Một người nông dân yêu nước và có tinh thần kháng chiến  - Trích dẫn đoạn trích |
| **II.Thân bài** | **1. Khái quát:**  - Truyện ngắn “làng” của nhà văn Kim Lân được viết năm 1948,thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.  - Truyện kể về diễn biến tâm trạng nhân vật ông hai xoay quanh việc ông nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc để từ đó làm nổi bật tình yêu quê hương đất nước của người nông dân Việt Nam trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.  Truyện hấp dẫn bạn đọc ở nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật trong những tình huống đặc biệt cùng với cách viết đơn giản ngôn ngữ mộc mạc dân dã .  **- Tóm tắt truyện:**  Ông Hai là một nông dân thật thà, chất phác, quê ở làng Chợ Dầu. Do điều kiện kháng chiến, gia đình ông phải đi tản cư. Ở đây lúc nào ông cũng nhớ về làng và luôn dõi theo tin tức cách mạng. Nhưng một hôm ông nghe tin làng Chợ Dầu theo Tây, ông bàng hoàng, tủi nhục, đau đớn, không muốn gặp ai bỏ cả thói quen ra phòng thông tin. Ông thấy thù làng, bị bà chủ nhà đuổi, gia đình ông không biết đi về đâu nhưng kiên quyết không về làng. Sau đó, ông nhận được tin cải chính, ông vui mừng khoe với mọi người làng Chợ Dầu không theo giặc, nhà ông bị đốt và lại say sưa kể về làng. |
|  | **2. Cảm nhận về nhân vật ông Hai trong đoạn trích.**  **a)Ông Hai là một người nông dân ít chữ, chân chất, mộc mạc.**  - Nhận được tin cải chính, ông đi khoe khắp nơi.  +Ông gọi “Bác Thứ đâu rồi? Bác Thứ làm gì đấy?”  + Ông nói: “Láo! Láo hết! Toàn là sai sự mục đích cả”  =>Cái cách ông Hai trò chuyện và giao tiếp với mọi người mới thân thiện và gần gũi làm sao.  - Ông ít học, không thông thạo chữ nghĩa nhưng lại thích dùng chữ.  =>Sự chân chất mộc mạc khiến cho hình ảnh của ông Hai trở nên đáng yêu, đáng quý t  **b)Ông có tinh thần sẵn sàng hi sinh vì kháng chiến.**  - Ông Hai chạy đi khắp nơi chỉ để khoe “Tây nó đốt nhà tôi rồi. Đốt nhẵn!” + Chi tiết này có vẻ vô lí vì văn nhà là tài sản cô cùng quý giá  + Nhưng ông Hai lại có cử chỉ “Múa tay lên để khoe” đó là biểu hiện của tâm trạng sung sướng, sung sướng đến tột độ. Tâm trạng này dường như có vẻ không bình thường? Nhưng đặt trong hoàn cảnh của ông thì đây là điều dễ hiểu  - Ông đã quên nỗi đau, sự mất mát riêng để tự hào sung sướng trong vẻ đẹp, sức mạnh chung của làng quê, đất nước. => Tình yêu làng quê được mở rộng, hoà quyện trong tình yêu tổ quốc thật sâu nặng và thiêng liêng |
|  | **3. Đánh giá**  **\*Đánh giá về nội dung và nghệ thuật**  - Với lối kể chuyện giản dị, tự nhiên, ngôn ngữ mang tính khẩu ngữ, ngòi bút phân tích tâm lí sắc sảo, Kim Lân đã thành công khi xây dựng nhân vật ông Hai- một người nông dân yêu làng, yêu ước  - Ông chính là hình ảnh đại diện của những người nông dân yêu nước trong hai cuộc kháng chiến trường kì – những con người đã đóng góp một phần không nhỏ vào sự thắng lợi của hai cuộc kháng chiến.  - Qua đoạn trích, người đọc thấy được tấm lòng yêu mến, trân trọng của tác giả Kim Lân dành cho những người nông dân đôn hậu, chân chất mộc mạc như ông Hai  **\* Mở rộng nâng cao vấn đề, liên hệ thực tiễn, rút ra bài học:**  - Nhà văn I-li-a đã từng nói : “Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc.” Ngày nay, cuộc sống của người nông dân đã có nhiều thay đổi, chiến tranh đã không còn nhưng họ vẫn giữ một vai trò, nhiệm vụ quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Hơn ai hết họ vẫn xứng đáng để được trân trọng và ngợi ca. |
| **III.Kết bài** | **-Nhận xét chung về đoạn trích**  **- Đoạn trích khơi gợi tình cảm gì**  **- Em rút ra được bài học gì từ đoạn trích** |

**B Bài văn tham khảo:**

**I.Mở bài:**

Kim Lân là một nhà văn gắn bó máu thịt với những người nông dân nghèo, những kiếp người chịu nhiều khốn khổ bần cùng. Ông cũng là một văn nhân có trái tim yêu nước son sắt, một tấm lòng thiết tha với dân tộc. Bởi vậy mà những sáng tác của ông thường viết về những người nông dân có lòng yêu nước, yêu cách mạng sâu sắc. Nói đến các sáng tác của Kim Lân ta không thể không kể đến truyện ngắn “Làng”. Đọc tác phẩm này, người đọc không khỏi ấn tượng nhân vật ông Hai – một người nông dân chân chất, yêu làng, yêu nước và sẵn sáng hi sinh vì cách mạng. Điều đó được bộc lộ một cách rõ nét qua đoạn trích sau:

*“Dứt lời ông lão lại lật đật đi thẳng sang bên gian bác Thứ.*

*[...]*

*Cũng chỉ được bằng ấy câu, ông lão lại lật đật bỏ đi nơi khác*.”

II .Thân bài:

1.Khái quát và tóm tắt tác phẩm

**Truyện** ngắn “làng” của nhà văn Kim Lân được viết năm 1948,thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.Truyện kể về diễn biến tâm trạng nhân vật ông hai xoay quanh việc ông nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc để từ đó làm nổi bật tình yêu quê hương đất nước của người nông dân Việt Nam trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Câu chuyện hấp dẫn bạn đọc ở nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật trong những tình huống đặc biệt cùng với cách viết đơn giản ngôn ngữ mộc mạc dân dã .

Ông Hai trong câu chuyện này là một nông dân thật thà, chất phác, quê ở làng Chợ Dầu. Do điều kiện kháng chiến, gia đình ông phải đi tản cư. Ở đây lúc nào ông cũng nhớ về làng và luôn dõi theo tin tức cách mạng. Nhưng một hôm ông nghe tin làng Chợ Dầu theo Tây, ông bàng hoàng, tủi nhục, đau đớn, không muốn gặp ai bỏ cả thói quen ra phòng thông tin. Ông thấy thù làng, bị bà chủ nhà đuổi, gia đình ông không biết đi về đâu nhưng kiên quyết không về làng. Sau đó, ông nhận được tin cải chính, ông vui mừng khoe với mọi người làng Chợ Dầu không theo giặc, nhà ông bị đốt và lại say sưa kể về làng.

**2.Cảm nhận ông Hai trong đoạn trích**

Ở phần đầu của tác phẩm, người đọc đã được chứng kiến một ông Hai rất yêu và tự hào về làng của mình. Đi đâu ông cũng khoe về làng thế nên khi nghe tin làng theo giặc ông vô cùng bàng hoàng sửng sốt. Không không tin đó là sự thật nhưng khi buộc phải tin ông đã vô cùng đau khổ, tủi nhục đến mức phải đi đến quyết định *thù làng.* Nhưng tất cả những khổ đau, tủi nhục ấy đã tan biến hết khi ông nghe được tin cải chính. Ông Hai như được hồi sinh, “bệnh” hay khoe của ông lại “tái phát”.

**a)Ông Hai là một người nông dân ít chữ, chân chất, mộc mạc.**

Đọc đoạn trích này, ta không khỏi ấn tượng với hình ảnh ông Hai- một người nông dân ít học, chân chất mộc mạc. Nhận được tin cải chính, ông đi khoe khắp nơi. Ông gọi “Bác Thứ đâu rồi? Bác Thứ làm gì đấy?” rồi “Láo! Láo hết! Toàn là sai sự mục đích cả” Cái cách ông Hai trò chuyện và giao tiếp với mọi người mới thân thiện và gần gũi làm sao. Ông ít học, không thông thạo chữ nghĩa nhưng lại thích dùng chữ. Kim Lân để cho ông năm lần bảy lượt nói “Toàn là sai sự mục đích” nhưng không hề biết rằng mình đang dùng sai từ. Thế đấy, người nông dân bao giờ cùng mộc mạc và giản dị như vậy.

**b)Tuy nhiên, nổi bật hơn cả ở ông Hai trong đoạn trích này là tinh thần sẵn sàng hi sinh vì kháng chiến.**

Đọc đoạn trích, có lẽ gây ấn tượng với người đọc nhất là hình ảnh ông Hai chạy đi khắp nơi chỉ để khoe “Tây nó đốt nhà tôi rồi. Đốt nhẵn!” Mới đọc chi tiết này, ta thấy dường như vô lý bởi ngôi nhà là cả một tài sản quá lớn, người ta phải dành dụm cả đời mới có thể làm được một căn nhà. Hơn thế nó còn gắn với bao kỷ niệm vui buồn rất thiêng liêng của mỗi con người. Mất nó ai mà không xót xa đau đớn? Nhưng ông Hai lại có cử chỉ “Múa tay lên để khoe” đó là biểu hiện của tâm trạng sung sướng, sung sướng đế tột độ. Tâm trạng này dường như có vẻ không bình thường? Không! Đặt ông Hai trong hoàn cảnh của “Làng” - làng Dầu đang bị hai tiếng việt gian theo tây - thì ông Hai không vui sướng sao được vì nhà bị tây đót là bằng chứng hùng hồn rằng làng Dầu của ông vẫn theo kháng chiến, theo cách mạng, đó là một làng quê anh hùng, đứng dậy chống thực dân Pháp. Chắc hẳn mất nhà ông Hai cũng đau lắm chứ, xót xa lắm chứ. Nhưng dù thế nào thì nhà còn có thể xây dựng lại được, song danh dự của làng đâu dễ lấy lại? Ông đã quên nỗi đau, sự mất mát riêng để tự hào sung sướng trong vẻ đẹp, sức mạnh chung của làng quê, đất nước. Thế đấy niềm vui, nỗi buồn của ông Hai luôn gắn liền với vận mệnh của Làng Dầu. Thế mới biết ông Hai yêu làng quê tha thiết đến chừng nào! Tình yêu làng quê được mở rộng, hoà quyện trong tình yêu tổ quốc thật sâu nặng và thiêng liêng.

**3. Đánh giá:**

Với lối kể chuyện giản dị, tự nhiên, ngôn ngữ mang đậm tính khẩu ngữ, ngòi bút phân tích tâm lí sắc sảo, đoạn trích đã thành công khi xây dựng nhân vật ông Hai – một người nông dân yêu làng, yêu nước và có niềm tin vào kháng chiến, vào cách mạng. Ông chính là hình ảnh đại diện của những người nông dân yêu nước trong hai cuộc kháng chiến trường kì – những con người đã đóng góp một phần không nhỏ vào sự thắng lợi của hai cuộc kháng chiến. Qua đoạn trích, người đọc thấy được tấm lòng yêu mến, trân trọng của tác giả Kim Lân dành cho những người nông dân đôn hậu, chân chất mộc mạc. Nhà văn I-li-a đã từng nói : “Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu miền quê trở nên lòng yêu Tổ quốc.” Ngày nay, cuộc sống của người nông dân đã có nhiều thay đổi, chiến tranh đã không còn nhưng họ vẫn giữ một vai trò, nhiệm vụ quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Hơn ai hết họ vẫn xứng đáng để được trân trọng và ngợi ca.

**III.Kết bài:**

Có thể nói rằng trong truyện ngắng “Làng” của nhà văn Kim Lân thì đoạn trích trên là một trong những đoạn trích đặc sắc nhất. Đoạn trích đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng kể chuyện của nhà văn Kim Lân, càng thêm trân trọng và yêu mến những người nông dân Việt Nam trong kháng chiến. Từ tình huống ông Hai nghe được tin cải chính về làng, tác phẩm đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về tình yêu quê hương, về lòng yêu nước. Mỗi chúng ta hãy biết yêu thương nơi mình sinh ra và lớn lên, hãy biết trân trọng và luôn tin tưởng về một tương lai tươi sáng.

====================o0o=======================

**BỘ TÀI LIỆU ĐOẠN TRÍCH TRUYỆN NGỮ VĂN 9**

**ÔN THI VÀO THPT**

**TRUYỆN NGẮN “LẶNG LẼ SAPA” – NGUYỄN THÀNH LONG**

**( 6 ĐỀ)**

**Đề 1: Cảm nhận về anh thanh niên trong đoạn trích sau:**

            Anh hạ giọng, nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều:

-   Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Vả, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắm liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả “thèm” hở bác? Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy. Bác lái xe đi, về Lai Châu cứ đến đây dừng lại một lát. Không vào “ốp” là cháu chạy xuống chơi, lâu thành lệ. Cháu bỗng dưng tự hỏi: Cái nhớ xe, nhớ người ấy thật ra là cái gì vậy? Nếu là nỗi nhớ phồn hoa đô hội thì xoàng. Cháu ở liền trong trạm hàng tháng. Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toe, mặc, cháu gan lì nhất định không xuống. Ấy thế là một hôm, bác lái phải thân hành lên trạm cháu. Cháu nói: “Đấy, bác cũng chẳng “thèm” người là gì?”.

Anh xoay sang người con gái đang một mắt đọc cuốn sách, một mắt lắng nghe, chân cô đung đưa khe khẽ, nói:

-   Và cô cũng thấy đấy, lúc nào tôi cũng có người trò chuyện. Nghĩa là có sách ấy mà. Mỗi người viết một vẻ.

**A.Dàn ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung** |
| **I. Mở bài** | **1. Mở bài: Giới thiệu nhà văn, tác phẩm và vấn đề nghị luận:**  **- Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**  - **Giới thiệu vấn đề nghị luận:** Khái quát về nhân vật anh thanh niên qua đoạn trích: Một người có lí tưởng sống cao đẹp, có tình yêu nghề, yêu người và rất ham học hỏi  - Trích dẫn đoạn trích |
| **II.Thân bài** | **1. Khái quát:**  - “Lặng lẽ Sa Pa” là kết quả của chuyến công tác ở Lào Cai trong mùa hè năm 1970, sau này được in trong tập  *Giữa trong xanh (* 1972). Đây là truyện ngắn tiêu biểu ở đề tài viết về cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc.  -Truyện kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa nhân vật anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ để từ đó ca ngợi những con người những công việc thầm lặng.  Truyện hấp dẫn bạn đọc ở cốt truyện nhẹ nhàng, giàu chất thơ và vẻ đẹp lí tưởng của con người cũng như cảnh vật.  **- Tóm tắt truyện:**  Câu chuyện được bắt đầu với hình ảnh một họa sĩ già trước khi nghỉ hưu đã có một chuyến đi thực tế ở vùng núi cao Tây Bắc. Trên chuyến xe ông ngồi cùng hàng ghế với cô kĩ sư trẻ lên nhận công tác ở Lai Châu. Đến SaPa, bác lái xe cho xe dừng lại lấy nước nhân tiện giới thiệu với nhà họa sĩ anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m. Cuộc gặp gỡ giữa nhà họa sĩ, cô kĩ sư và anh thanh niên diễn ra rất vui vẻ, cảm động. Anh thanh niên hào hứng giới thiệu với khách về cuộc sống và công việc hàng ngày của mình. Họa sĩ già phát hiện ra phẩm chất đẹp đẽ cao quý của anh nên đã phác họa một bức chân dung về anh. Qua lời kể của anh, các vị khách còn biết thêm rất nhiều gương sáng trong lao động sản xuất, đem hết nhiệt tình phục vụ sự nghiệp xây dựng và chiến đấu bảo vệ tổ quốc. Sau ba mươi phút trò chuyện, họ chia tay. Anh tặng một làn trứng gà tươi để khách ăn đường. Lúc bấy giờ, nắng dã mạ bạc cả con đèo. |
|  | **2. Cảm nhận về nhân vật anh thanh niên trong đoạn trích.**  **a)Giới thiệu về hoàn cảnh sống và công việc của anh thanh niên**.  - Qua lời kể của bác lái xe cũng như qua cuộc trò chuyện ngắn ngủi trên đỉnh Yên Sơn giữa anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ, ta phần nào hiểu được hoàn cảnh sống, công việc và con người anh.  - Anh sống 1 mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 m. quanh năm làm bạn với thiên nhiên cây cỏ mây mù lạnh lẽo hoàn toàn vắng bóng con người. Khó khăn lớn nhất không phải là thiên nhiên khắc nghiệt mà chính là nỗi cô đơn. Hoàn cảnh sống ấy quả là một thử thách đối với tuổi trẻ vốn sung sức khao khát khao hành động nhưng anh thiên niên đã vượt qua hoàn cảnh ấy bằng ý chí, nghị lực và những suy nghĩ rất đẹp  **b)Anh là một người yêu nghề, có niềm đam mê với khoa học**  - Anh sống 1 mình trên đỉnh Yên Sơn với công việc bình dị: Đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất*.*  *-*Anh quan niệm*:” Khi làm việc ta với công việc là đôi sao gọi là một mình được”.*  - Với anh khi lao động con người với công việc là đôi, là bạn bởi thế anh không cảm thấy lẻ loi cô độc.  - Anh tiếp tục lời tâm sự chân tình, cởi mở “*Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi , cháu buồn đến chết mất”.*  **\*Một người sống có lý tưởng, có trách nhiệm.**  - Anh ý thức một cách rất rõ ràng: *Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc?*.  +Nhận thức đó cho thấy anh trẻ nhưng không hời hợt.  +Anh sống một mình nhưng không cô đơn vì lúc nào trong tư tưởng của anh mục đích sống, lẽ sống vẫn luôn luôn tồn tại và nhắc nhở.  -Làm một công việc đơn độc, phải dậy vào lúc nửa đêm, phải ra ngoài trời lúc mưa bão, lạnh lẽo, anh có thể nằm ở trong nhà, lấy số liệu cũ mà gọi bộ đàm về để báo cáo. Nhưng anh không làm điều đó. Vì anh có trách nhiệm và anh hiểu rõ việc anh làm ở đây có liên quan, có ảnh hưởng đến cuộc sống lao động và chiến đấu của rất nhiều người lúc bấy giờ.  **\*Một người sống cởi mở chân thành , quí trọng tình cảm.**  - Chỉ gặp họa sĩ và cô kĩ sư một cách tình cờ, trong thời gian rất ngắn ngủi- 30 phút, thế nhưng anh đã tâm tình cởi mở biết bao điều về công việc của mihnf với họ..  - Anh thủ thỉ tâm tình trò chuyện như đã quen thân tự bao giờ.  - Anh khẳng định nỗi khao khát của mình: *Còn người thì ai mà chả“thèm ”hở bác*?  - Chính bởi sống cởi mở quí trọng tình cảm mà “ *Không vào giờ “ốp” là cháu xuống chơi, lâu thành lệ*”.  =>Sự chân thành ,cởi mở quí trọng tình cảm của anh khiến ta xúc động và trân trọng vô cùng.  **\*Một người ham học hỏi, rất quan tâm đến đời sống nội tâm.**  - Ngắm nhìn cô kỹ sư đang mải mê đọc sách , anh nói : “*Cô cũng thấy đấy , lúc nào tôi cũng có người trò chuyện . Nghĩa là có sách ấy* ’’.  - Sống nơi SaPa lặng lẽ , anh ko cô đơn buồn tẻ vì đã có sách làm bạn .  - Sách giúp đời sống tinh thần của anh thêm phong phú, giúp anh mở rộng tri thức vốn sống để không ngừng theo kịp thời đại.  - Anh tự lo liệu xoay sở để thường xuyên có sách đọc. Sách không chỉ giúp anh nâng cao hiểu biết, nâng cao kiến thức, sách còn giúp anh khuây khoả trong những phút giây rảnh rỗi. Say mê đọc sách là một thói quen, một đức tính đáng quý ở anh. |
|  | **3. Đánh giá**  **\*Đánh giá về nội dung và nghệ thuật**  - Bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, bằng sự đan xen giữa tự sự và miêu tả, đoạn trích đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn những vẻ đẹp trong tâm hồn nhân vật anh thanh niên- một chàng trai có lí tưởng sống cao đẹp, có tình yêu nghề, quý trọng tình cảm và rất ham học hỏi.  - Anh thanh niên chính là hình ảnh đại diện của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước.  - Xây dựng nhân vật này, Nguyễn Thành Long muốn gửi vào đó lời ngợi ca đến những con người đang ngày đêm thầm lặng cống hiến cho dân tộc.  **\* Mở rộng nâng cao vấn đề, liên hệ thực tiễn, rút ra bài học:**  - Ngày nay, khi cuộc sống hiện đại, chiến tranh không còn, chúng ta vẫn bắt gặp những con người trẻ tuổi đang cống hiến hết mình vì đất nước. Đó là những y bác sĩ trẻ tuổi, những sinh viên ngành y luôn sẵn sàng xông pha vào nơi tuyến đầu chống dịch, là những người chiến sĩ nơi biên cương hải đảo không quản vất vả khó khăn đã và đang theo đuổi lí tưởng bảo vệ tổ quốc. Không ai khác, chính họ đã tiếp nối truyền thống của cha anh. Họ là những “anh thanh niên” của thời đại mới. |
| **III.Kết bài** | **-Nhận xét chung về đoạn trích**  **- Đoạn trích khơi gợi tình cảm gì**  **- Em rút ra được bài học gì từ đoạn trích** |

**Bài làm tham khảo**

**A.MB: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận**

Mỗi một tác phẩm văn học ra đời đều mang một số phận riêng. Có tác phẩm vừa cất tiếng chào đời đã chết yểu đáng thương. Có tác phẩm gây dư luận xôn xao một thời rồi bị độc giả quên lãng với thời gian. Nhưng cũng cả những bài thơ, quyển truyện có một sức sống lâu bền trong lòng bạn đọc, có một sức hút lạ kì. Truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long là một tác phẩm đặc sắc, để lại trong lòng mỗi chúng ta nhiều rung cảm đẹp đẽ. Tác phẩm đã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật anh thanh niên – một chàng trai có lí tưởng sống đẹp, có tình yêu nghề, yêu người và rất ham hiểu biết. Chúng ta hãy đến với những lời anh tâm sự với bác họa sĩ và cô kĩ sư để hiểu thêm về vẻ đẹp của nhân vật này:

“Anh hạ giọng, nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều:

[...]

Và cô cũng thấy đấy, lúc nào tôi cũng có người trò chuyện. Nghĩa là có sách ấy mà. Mỗi người viết một vẻ.”

**B.TB**

**1.Khái quát và tóm tắt truyện**

Lặng lẽ Sa Pa là kết quả của chuyến công tác ở Lào Cai trong mùa hè năm 1970, sau này được in trong tập  *Giữa trong xanh (* 1972). Đây là truyện ngắn tiêu biểu ở đề tài viết về cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc. Truyện kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa nhân vật anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ để từ đó ca ngợi những con người những công việc thầm lặng.

Câu chuyện được bắt đầu với hình ảnh một họa sĩ già trước khi nghỉ hưu đã có một chuyến đi thực tế ở vùng núi cao Tây Bắc. Trên chuyến xe ông ngồi cùng hàng ghế với cô kĩ sư trẻ lên nhận công tác ở Lai Châu. Đến SaPa, bác lái xe cho xe dừng lại lấy nước nhân tiện giới thiệu với nhà họa sĩ anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m. Cuộc gặp gỡ giữa nhà họa sĩ, cô kĩ sư và anh thanh niên diễn ra rất vui vẻ, cảm động. Anh thanh niên hào hứng giới thiệu với khách về cuộc sống và công việc hàng ngày của mình. Họa sĩ già phát hiện ra phẩm chất đẹp đẽ cao quý của anh nên đã phác họa một bức chân dung về anh. Qua lời kể của anh, các vị khách còn biết thêm rất nhiều gương sáng trong lao động sản xuất, đem hết nhiệt tình phục vụ sự nghiệp xây dựng và chiến đấu bảo vệ tổ quốc. Sau ba mươi phút trò chuyện, họ chia tay. Anh tặng một làn trứng gà tươi để khách ăn đường. Lúc bấy giờ, nắng dã mạ bạc cả con đèo.

**2.Cảm nhận về vẻ đẹp của anh thanh niên trong đoạn trích**

**\*Giới thiệu về hoàn cảnh sống và công việc của anh thanh niên**.

Đoạn trích đưa ta đến vùng đất Sapa để gặp một chàng thanh niên 27 tuổi làm công tác khí tượng khí tượng kiêm vật lí địa cầu. Qua lời kể của bác lái xe cũng như qua cuộc trò chuyện ngắn ngủi trên đỉnh Yên Sơn giữa anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ, ta phần nào hiểu được hoàn cảnh sống, công việc và con người anh. Anh sống 1 mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 m. quanh năm làm bạn với thiên nhiên cây cỏ mây mù lạnh lẽo hoàn toàn vắng bóng con người. Khó khăn lớn nhất không phải là thiên nhiên khắc nghiệt mà chính là nỗi cô đơn. Hoàn cảnh sống ấy quả là một thử thách đối với tuổi trẻ vốn sung sức khao khát khao hành động. Tuy nhiên cũng chính hoàn cảnh sống đó đã làm cho những vẻ đẹp của anh tỏa sáng lung linh hơn.

**\*Anh là một người yêu nghề, có niềm đam mê với khoa học**

- Nói về anh thanh niên trong đoạn trích này, trước hết ta nhận ra ở anh là tình yêu nghề và niềm đam mê với khoa học. Anh sống một mình trên đỉnh Yên Sơn với công việc bình dị: Đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất*.* Đây là một công việc vô cùng gian khổ vì mỗi ngày anh phải “ốp” đến 4 lần thậm chí cả những đêm mưa tuyết anh vẫn phải xách đèn ra vườn làm việc. Ấy vậy mà khi nói về công việc của mình, anh không hề than vãn, không một lần có ý định từ bỏ.Chính công việc ấy đã khiến anh có những suy nghĩ tích cực hơn về cuộc sống. Hồi chưa vào nghề, nhìn thấy một ngôi sao trên bầu trời đen, anh thường nghĩ chúng lẻ loi một mình nhưng từ khi làm nghề này anh không nghĩ như vậy nữa. Suy nghĩ của anh đã trở nên tích cực hơn bởi anh luôn coi công việc là bạn. Anh quan niệm*:” Khi làm việc ta với công việc là đôi sao gọi là một mình được”.*Một quan niệm thật giản dị nhưng thể hiện một lẽ sống đẹp. Với anh khi lao động con người với công việc là đôi, là bạn bởi thế anh không cảm thấy lẻ loi cô độc. Hơn nữa “ *công việc của cháu còn gắn với việc của bao anh em ,đồng chí dưới kia*”. Bên cạnh anh còn biết bao anh em đồng chí cùng đồng hành với anh, cùng anh âm thầm làm việc phấn đấu hết mình vì việc chung nên ko thể gọi là “*1 mình được”*

- Anh tiếp tục lời tâm sự chân tình, cởi mở “*Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi , cháu buồn đến chết mất”.* Lời tâm sự của anh mới thật đáng yêu làm sao! Dường như công việc đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc đời của anh vậy.Thực tế công việc vào giờ “ốp” đầy gian nan và vất vả. Đó là 1 thử thách lớn không phải ai cũng dễ dàng vượt qua. Nhưng lạ lùng làm sao anh lại nói” *cất nó đi cháu buồn đến chết mất*”. Lời tâm sự chân thành làm ta khâm phục biết bao.. Không biết tự bao giờ anh đã yêu cái công việc đầy gian khổ ấy. Được sống nơi này để làm việc, được cống hiến với anh là niềm hạnh phúc lớn nhất cuộc đời. Nhân vật anh thanh niên đã giúp ta hiểu hơn về thế hệ cha ông trong những năm đầu của thập niên bảy mươi ở thế kỉ XX, về tinh thần xây dựng xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta ở miền Bắc

**\*Một người sống có lý tưởng, có trách nhiệm.**

Không chỉ yêu nghề, anh thanh niên trong đoạn trích này còn là một người sống có lý tưởng, có trách nhiệm. Anh ý thức một cách rất rõ ràng: *Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc?*. Những suy nghĩ của anh thật khiến ta cảm phục. Nó cho thấy anh trẻ nhưng không hời hợt. Đặt ra những câu hỏi ấy là anh đã nhận thức được trách nhiệm của mình với quê hương đất nước. Mình sinh ra là con người mình cần phải sống đúng với trách nhiệm, với sứ mệnh của một con người. Mình đẻ ra ở cái mảnh đất Lào Cai này, mình phải có trách nhiệm góp phần xây dựng mảnh đất ấy. Và anh cũng hiểu rất rõ rằng anh vì ai mà làm việc. Ta còn nhớ anh đã từng tâm sự công việc của anh dự vào việc báo thời tiết phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. Anh ý thức rõ điều đó nên dù có mưa tuyết, dù có là nửa đêm anh vẫn trở dậy để xách đèn ra vườn đo những con số sao cho chính xác nhất. Anh sống một mình nhưng không cô đơn vì lúc nào trong tư tưởng của anh mục đích sống, lẽ sống vẫn luôn luôn tồn tại và nhắc nhở. Làm một công việc đơn độc, phải dậy vào lúc nửa đêm, phải ra ngoài trời lúc mưa bão, lạnh lẽo, anh có thể nằm ở trong nhà, lấy số liệu cũ mà gọi bộ đàm về để báo cáo. Nhưng anh không làm điều đó. Vì anh có trách nhiệm và anh hiểu rõ việc anh làm ở đây có liên quan, có ảnh hưởng đến cuộc sống lao động và chiến đấu của rất nhiều người lúc bấy giờ. Một con người như anh thật đáng để ta trân trọng.

**\*Một người sống cởi mở chân thành , quí trọng tình cảm.**

Cùng với vẻ đẹp của tình yêu nghề, của tinh thần trách nhiệm, anh thanh niên còn là một người sống cởi mở, chân thành và rất quý trọng tình cảm. Chỉ gặp họa sĩ và cô kĩ sư một cách tình cờ, trong thời gian rất ngắn ngủi- 30 phút, thế nhưng anh đã tâm tình cởi mở biết bao điều về cuộc sống và công việc của mình với họ.. Anh cứ thủ thỉ tâm tình trò chuyện với họ như với những người đã quen thân tự bao giờ. Bởi với anh được gặp người, trò chuyện với mọi người là 1 một niềm mong mỏi. Anh khẳng định nỗi khao khát của mình: *Còn người thì ai mà chả“thèm ”hở bác*? Lời nói của anh hồn nhiên, chân thật chẳng khác nào con người của anh. Nỗi thèm người của anh là một nhu cầu chính đáng, đáng quí. Điều đó cho thấy nỗi khát khao giao cảm được trò chuyện của một con người sống cởi mở , nồng nhiệt. Chính bởi sống cởi mở quí trọng tình cảm mà “ *Không vào giờ “ốp” là cháu xuống chơi, lâu thành lệ*”. Nghĩa là gặp người, giao cảm trò chuyện với mọi người đã trở thành nhu cầu, thành niềm hạnh phúc của anh. Thậm chí có hôm anh ở liền trong trạm hàng tháng. Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toe, mặc, anh cứ gan lì nhất định không xuống. Ấy thế là một hôm, bác lái phải thân hành lên trạm của anh. Anh nói: “Đấy, bác cũng chẳng “thèm” người là gì?”. Hành động của anh thật sự khiến ta ấn tượng. Anh muốn thử kiểm chứng bản thân mình xem vì sao anh lại muốn xuống đường trò chuyện với mọi người mỗi ngày. Và anh đã nhận ra rằng không chỉ riêng anh mà cả bác lái xe cũng có nỗi “thèm người” như thế. Việc làm ấy của anh đã cho ta nhận ra tình cảm quan trọng như thế nào trong cuộc sống này. Sự chân thành ,cởi mở quí trọng tình cảm của anh khiến ta xúc động và trân trọng vô cùng.

**\*Một người ham học hỏi, rất quan tâm đến đời sống nội tâm.**

Không chỉ vậy, anh thanh niên còn là một người ham học hỏi và rất quan tâm đến đời sống nội tâm. Ngắm nhìn cô kỹ sư đang mải mê đọc sách , anh nói : “*Cô cũng thấy đấy , lúc nào tôi cũng có người trò chuyện . Nghĩa là có sách ấy* ’’. Vậy là sống nơi SaPa lặng lẽ , anh ko cô đơn buồn tẻ vì đã có sách làm bạn . Sách giúp đỡ đời sống tinh thần của anh thêm phong phú, giúp anh mở rộng tri thức vốn sống để không ngừng theo kịp thời đại. Anh tự lo liệu xoay sở để thường xuyên có sách đọc. Sách không chỉ giúp anh nâng cao hiểu biết, nâng cao kiến thức, sách còn giúp anh khuây khoả trong những phút giây rảnh rỗi. Say mê đọc sách là một thói quen, một đức tính đáng quý ở anh.

**3. Đánh giá và mở rộng**

Như vậy, bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, bằng sự đan xen giữa tự sự và miêu tả, đoạn trích đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn những vẻ đẹp trong tâm hồn nhân vật anh thanh niên- một chàng trai có lí tưởng sống cao đẹp, có tình yêu nghề, quý trọng tình cảm và rất ham học hỏi. Anh thanh niên chính là hình ảnh đại diện của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước. Xây dựng nhân vật này, Nguyễn Thành Long muốn gửi vào đó lời ngợi ca đến những con người đang ngày đêm thầm lặng cống hiến cho dân tộc. Ngày nay, khi cuộc sống hiện đại, chiến tranh không còn, chúng ta vẫn bắt gặp những con người trẻ tuổi đang cống hiến hết mình vì đất nước. Đó là những y bác sĩ trẻ tuổi, những sinh viên ngành y luôn sẵn sàng xông pha vào nơi tuyến đầu chống dịch, là những người chiến sĩ nơi biên cương hải đảo không quản vất vả khó khăn đã và đang theo đuổi lí tưởng bảo vệ tổ quốc. Không ai khác, chính họ đã tiếp nối truyền thống của cha anh. Họ là những “anh thanh niên” của thời đại mới.

1. **Kết bài:**

**Tóm lại,** đây là một đoạn truyện ngắn nhưng biểu hiện được những nét tiêu biểu của nhân vật anh thanh niên. Tác giả Nguyễn Thành Long đã thành công trong việc khắc họa nét đẹp của tuổi trẻ Việt Nam, của lớp trí thức trẻ trong những năm tháng chống Mĩ cứu nước. Với truyện ngắn này, phải chăng nhà văn muốn khẳng định cuộc sống của chúng ta được làm nên từ bao phấn đấu, hy sinh lớn lao và thầm lặng? Những con người cần mẫn, nhiệt thành như anh thanh niên ấy khiến cuộc sống này thật đáng trân trọng, thật đáng tin yêu. Từ cuộc trò chuyện của anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ, tác phẩm đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về lí tưởng sống, về trách nhiệm và về tinh thần vượt khó vươn lên. Đó chính là những giá trị đích thực mà tác phẩm mang đến cho bạn đọc.

**Đề số 2: Cảm nhận của em về nhân vật anh thanh niên trong đoạn trích sau:**

[…] “Thôi, chấm dứt tiết mục hái hoa – Người con trai bất chợt quyết định – Bác lái xe chỉ cho ba mươi phút thôi. Hết năm phút rồi. Cháu nói qua công việc của cháu, năm phút. Còn hai mươi phút, mời bác và cô vào nhà uống chè, cho cháu nghe chuyện. Cháu thèm nghe chuyện dưới xuôi lắm. Công việc của cháu cũng quanh quẩn ở mấy chiếc máy ngoài vườn này thôi. Những cái máy vườn trạm khí tượng nào cũng có. Dãy núi này có một ảnh hưởng quyết định tới gió mùa đông bắc đối với miền Bắc nước ta. Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu […] Cháu lấy những con số, mỗi ngày báo về “nhà” bằng máy bộ đàm bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối, lại một giờ sáng. Bản báo ấy trong ngành gọi là “ốp”. Công việc nói chung dễ, chỉ cần chính xác. Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió giống những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung … Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ được.

(Trích Lặng lẽ Sa Pa, Nguyễn Thành Long, Ngữ văn 9, tập I)

**Dàn ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung** |
| **I. Mở bài** | **1. Mở bài: Giới thiệu nhà văn, tác phẩm và vấn đề nghị luận:**  **- Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**  - **Giới thiệu vấn đề nghị luận:** Khái quát về nhân vật anh thanh niên qua đoạn trích: yêu nghề và có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc  - Trích dẫn đoạn trích |
| **II.Thân bài** | **1. Khái quát:**  - “Lặng lẽ Sa Pa” là kết quả của chuyến công tác ở Lào Cai trong mùa hè năm 1970, sau này được in trong tập  *Giữa trong xanh (* 1972). Đây là truyện ngắn tiêu biểu ở đề tài viết về cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc.  -Truyện kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa nhân vật anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ để từ đó ca ngợi những con người những công việc thầm lặng.  Truyện hấp dẫn bạn đọc ở cốt truyện nhẹ nhàng, giàu chất thơ và vẻ đẹp lí tưởng của con người cũng như cảnh vật.  **- Tóm tắt truyện:**  Câu chuyện được bắt đầu với hình ảnh một họa sĩ già trước khi nghỉ hưu đã có một chuyến đi thực tế ở vùng núi cao Tây Bắc. Trên chuyến xe ông ngồi cùng hàng ghế với cô kĩ sư trẻ lên nhận công tác ở Lai Châu. Đến SaPa, bác lái xe cho xe dừng lại lấy nước nhân tiện giới thiệu với nhà họa sĩ anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m. Cuộc gặp gỡ giữa nhà họa sĩ, cô kĩ sư và anh thanh niên diễn ra rất vui vẻ, cảm động. Anh thanh niên hào hứng giới thiệu với khách về cuộc sống và công việc hàng ngày của mình. Họa sĩ già phát hiện ra phẩm chất đẹp đẽ cao quý của anh nên đã phác họa một bức chân dung về anh. Qua lời kể của anh, các vị khách còn biết thêm rất nhiều gương sáng trong lao động sản xuất, đem hết nhiệt tình phục vụ sự nghiệp xây dựng và chiến đấu bảo vệ tổ quốc. Sau ba mươi phút trò chuyện, họ chia tay. Anh tặng một làn trứng gà tươi để khách ăn đường. Lúc bấy giờ, nắng dã mạ bạc cả con đèo. |
|  | **2. Cảm nhận về nhân vật anh thanh niên trong đoạn trích.**  **a)Giới thiệu về hoàn cảnh sống và công việc của anh thanh niên**.  - Qua lời kể của bác lái xe cũng như qua cuộc trò chuyện ngắn ngủi trên đỉnh Yên Sơn giữa anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ, ta phần nào hiểu được hoàn cảnh sống, công việc và con người anh.  - Anh sống 1 mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 m quanh năm làm bạn với thiên nhiên cây cỏ mây mù lạnh lẽo hoàn toàn vắng bóng con người. Khó khăn lớn nhất không phải là thiên nhiên khắc nghiệt mà chính là nỗi cô đơn. Hoàn cảnh sống ấy quả là một thử thách đối với tuổi trẻ vốn sung sức khao khát khao hành động nhưng anh thiên niên đã vượt qua hoàn cảnh ấy bằng ý chí, nghị lực và những suy nghĩ rất đẹp  **b)Anh luôn biết quý trọng thời gian**  **-** Được bác lái xe cho 30 phút để trò chuyện với mọi người, anh đã sắp xếp từng việc cho 30 phút đầy quý giá ấy. 5 phút cho “tiết mục hái hoa”, 5 phút để anh kể với bác họa sĩ và cô kĩ sư về công việc của mình còn 20 phút anh dành để mời họ uống trà và nghe họ kể chuyện.  - Anh nhận thức được ý nghĩa của thời gian, anh không muốn một giây một phút trôi qua trong vô ích.  - Anh tận dụng thời gian rảnh của mình để làm rất nhiều việc. Bởi thế mà dù ở một mình nhưng anh vẫn không hề cảm thấy cô đơn.  **Anh thanh niên là một người yêu nghề và có niềm đam mê khoa học**  -Anh nhận thức rất rõ ý nghĩa trong công việc của mình: Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. Vì nhận thức được ý nghĩa của công việc mình đang đảm nhận nên anh luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Chưa bao giờ anh than khó than khổ, cũng chưa bao giờ anh có ý định từ bỏ công việc này.  - Anh say sưa giới thiệu với bác họa sĩ già về các loại máy móc của anh: Đây là máy móc của cháu. Cái thùng đo mưa này, ở đâu bác cũng trông thấy, mưa xong đổ nước ra cốc li phân mà đo. Cái này là máy nhật quang kí, ánh nắng mặt trời xuyên qua cái kính này, đốt các mảnh giấy này, cứ theo mức độ, hình dáng vết cháy mà định nắng. Đây là máy Vin, nhìn khoảng cách giữa các răng cưa mà đoán gió.  => Những lời giới thiệu rành rọt, chi tiết, tỉ mỉ cho thấy anh rất gắn bó với nghề  - Tình yêu và sự gắn bó với công việc khiến anh có nhiều kinh nghiệm trong công việc của mình: Ban đêm, không nhìn mây, cháu nhìn gió lay lá hay nhìn trời, thấy sao nào khuất, sao nào sáng, có thể nói được mây, tính được gió.  **\* Anh thanh niên là một chàng trai có tinh thần vượt khó, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc**  - Công việc của anh vô cùng gian khổ, có khi làm việc trong đêm mưa tuyết, mỗi ngày anh phải “ốp” 4 lần để báo về cơ quan : Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. ... Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ lại được.  -Làm một công việc đơn độc, phải dậy vào lúc nửa đêm, phải ra ngoài trời lúc mưa bão, lạnh lẽo, anh có thể nằm ở trong nhà, lấy số liệu cũ mà gọi bộ đàm về để báo cáo. Nhưng anh không làm điều đó. Vì anh có trách nhiệm và anh hiểu rõ việc anh làm ở đây có liên quan, có ảnh hưởng đến cuộc sống lao động và chiến đấu của rất nhiều người lúc bấy giờ.  **\*Một người sống cởi mở chân thành , quí trọng tình cảm.**  - Chỉ gặp họa sĩ và cô kĩ sư một cách tình cờ, trong thời gian rất ngắn ngủi- 30 phút, thế nhưng anh đã tâm tình cởi mở biết bao điều về công việc của mình với họ..  - Anh thủ thỉ tâm tình trò chuyện như đã quen thân tự bao giờ.  - Anh hái tặng cô gái một bó hoa thật to, mời họ uống trà rồi cùng trò chuyện với họ.  =>Sự chân thành ,cởi mở quí trọng tình cảm của anh khiến ta xúc động và trân trọng vô cùng. |
|  | **3. Đánh giá**  **\*Đánh giá về nội dung và nghệ thuật**  - Bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, bằng sự đan xen giữa tự sự và miêu tả, đoạn trích đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn những vẻ đẹp trong tâm hồn nhân vật anh thanh niên- một chàng trai yêu nghề, yêu người, biết quý trọng thời gian và luôn có tinh thần trách nhiệm cao với công việc  - Anh thanh niên chính là hình ảnh đại diện của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước.  - Xây dựng nhân vật này, Nguyễn Thành Long muốn gửi vào đó lời ngợi ca đến những con người đang ngày đêm thầm lặng cống hiến cho dân tộc.  **\* Mở rộng nâng cao vấn đề, liên hệ thực tiễn, rút ra bài học:**  - Ngày nay, khi cuộc sống hiện đại, chiến tranh không còn, chúng ta vẫn bắt gặp những con người trẻ tuổi đang cống hiến hết mình vì đất nước. Đó là những y bác sĩ trẻ tuổi, những sinh viên ngành y luôn sẵn sàng xông pha vào nơi tuyến đầu chống dịch, là những người chiến sĩ nơi biên cương hải đảo không quản vất vả khó khăn đã và đang theo đuổi lí tưởng bảo vệ tổ quốc. Không ai khác, chính họ đã tiếp nối truyền thống của cha anh. Họ là những “anh thanh niên” của thời đại mới. |
| **III.Kết bài** | **-Nhận xét chung về đoạn trích**  **- Đoạn trích khơi gợi tình cảm gì**  **- Em rút ra được bài học gì từ đoạn trích** |

**A.MB: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận**

Mỗi một tác phẩm văn học ra đời đều mang một số phận riêng. Có tác phẩm vừa cất tiếng chào đời đã chết yểu đáng thương. Có tác phẩm gây dư luận xôn xao một thời rồi bị độc giả quên lãng với thời gian. Nhưng cũng cả những bài thơ, quyển truyện có một sức sống lâu bền trong lòng bạn đọc, có một sức hút lạ kì. Truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long là một tác phẩm đặc sắc, để lại trong lòng mỗi chúng ta nhiều rung cảm đẹp đẽ. Tác phẩm đã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật anh thanh niên – một chàng trai yêu nghề, yêu người, biết quý trọng thời gian và luôn có tinh thần trách nhiệm cao với công việc . Chúng ta hãy đến với những lời anh tâm sự với bác họa sĩ và cô kĩ sư để hiểu thêm về vẻ đẹp của nhân vật này:

“Thôi, chấm dứt tiết mục hái hoa – Người con trai bất chợt quyết định – Bác lái xe chỉ cho ba mươi phút thôi.

[..]

Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ được.

**B.TB**

**1.Khái quát và tóm tắt truyện**

Lặng lẽ Sa Pa là kết quả của chuyến công tác ở Lào Cai trong mùa hè năm 1970, sau này được in trong tập  *Giữa trong xanh (* 1972). Đây là truyện ngắn tiêu biểu ở đề tài viết về cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc. Truyện kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa nhân vật anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ để từ đó ca ngợi những con người những công việc thầm lặng.

Câu chuyện được bắt đầu với hình ảnh một họa sĩ già trước khi nghỉ hưu đã có một chuyến đi thực tế ở vùng núi cao Tây Bắc. Trên chuyến xe ông ngồi cùng hàng ghế với cô kĩ sư trẻ lên nhận công tác ở Lai Châu. Đến SaPa, bác lái xe cho xe dừng lại lấy nước nhân tiện giới thiệu với nhà họa sĩ anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m. Cuộc gặp gỡ giữa nhà họa sĩ, cô kĩ sư và anh thanh niên diễn ra rất vui vẻ, cảm động. Anh thanh niên hào hứng giới thiệu với khách về cuộc sống và công việc hàng ngày của mình. Họa sĩ già phát hiện ra phẩm chất đẹp đẽ cao quý của anh nên đã phác họa một bức chân dung về anh. Qua lời kể của anh, các vị khách còn biết thêm rất nhiều gương sáng trong lao động sản xuất, đem hết nhiệt tình phục vụ sự nghiệp xây dựng và chiến đấu bảo vệ tổ quốc. Sau ba mươi phút trò chuyện, họ chia tay. Anh tặng một làn trứng gà tươi để khách ăn đường. Lúc bấy giờ, nắng dã mạ bạc cả con đèo.

**2.Cảm nhận về vẻ đẹp của anh thanh niên trong đoạn trích**

**\*Giới thiệu về hoàn cảnh sống và công việc của anh thanh niên**.

Đoạn trích đưa ta đến vùng đất Sapa để gặp một chàng thanh niên 27 tuổi làm công tác khí tượng khí tượng kiêm vật lí địa cầu. Qua lời kể của bác lái xe cũng như qua cuộc trò chuyện ngắn ngủi trên đỉnh Yên Sơn giữa anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ, ta phần nào hiểu được hoàn cảnh sống, công việc và con người anh. Anh sống 1 mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 m. quanh năm làm bạn với thiên nhiên cây cỏ mây mù lạnh lẽo hoàn toàn vắng bóng con người. Khó khăn lớn nhất không phải là thiên nhiên khắc nghiệt mà chính là nỗi cô đơn. Hoàn cảnh sống ấy quả là một thử thách đối với tuổi trẻ vốn sung sức khao khát khao hành động. Tuy nhiên cũng chính hoàn cảnh sống đó đã làm choc ho những vẻ đẹp của anh tỏa sáng lung linh hơn.

**\*Anh luôn biết quý trọng thời gian**

**Đọc đoạn trích này trước hết ta nhận ra anh thanh niên là một người rất biết quý trọng thời gian.** Được bác lái xe cho ba mươi phút để trò chuyện với mọi người, anh đã sắp xếp từng việc cho 30 phút đầy quý giá ấy. Năm phút cho “tiết mục hái hoa”, năm phút để anh kể với bác họa sĩ và cô kĩ sư về công việc của mình còn hai mươi phút anh dành để mời họ uống trà và nghe họ kể chuyện. Cái cách anh bố trí thời gian cho từng việc thật đáng để ta ngưỡng mộ. Ta không thể ngờ được rằng một con người trẻ tuổi như anh lại có những suy nghĩ và việc làm như thế. Có lẽ do anh nhận thức được ý nghĩa của thời gian, anh không muốn một giây một phút trôi qua trong vô ích. Ở nơi trên đỉnh Yên Sơn quanh năm mây mù bao phủ và anh đã tận dụng thời gian rảnh của mình để làm rất nhiều việc. Anh nuôi gà, đọc sách, trồng hoa. Bởi thế mà dù ở một mình nhưng anh vẫn không hề cảm thấy buồn chán và đơn độc.

**\*Anh thanh niên là một người yêu nghề và có niềm đam mê khoa học**

Ko chỉ quý trọng thời gian, ở đoạn trích này ta còn thấy anh thanh niên rất yêu nghề và có niềm đam mê với khoa học. Anh nhận thức rất rõ ý nghĩa trong công việc của mình. Anh tâm sự: Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. Vì nhận thức được ý nghĩa của công việc mình đang đảm nhận là phục vụ cho việc sản xuất của nhân dân, phục vụ cho sự nghiệp bảo vệ tổ quốc nên anh luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình Chưa bao giờ anh than khó, than khổ, cũng chưa bao giờ anh có ý định từ bỏ công việc.Anh say sưa giới thiệu với bác họa sĩ già về các loại máy móc của anh: “Đây là máy móc của cháu. Cái thùng đo mưa này, ở đâu bác cũng trông thấy, mưa xong đổ nước ra cốc li phân mà đo. Cái này là máy nhật quang kí, ánh nắng mặt trời xuyên qua cái kính này, đốt các mảnh giấy này, cứ theo mức độ, hình dáng vết cháy mà định nắng. Đây là máy Vin, nhìn khoảng cách giữa các răng cưa mà đoán gió”Để có thể hiểu và giới thiệu một cách đầy đủ về công việc cũng như các thiết bị làm việc của mình một cách rành rọt như vậy hẳn là anh đã phải dành rất nhiều thời gian để tìm hiểu về nó thậm chí coi nó như người bạn của mình**.** Những lời giới thiệu rành rọt, chi tiết, tỉ mỉ ấy cho thấy anh rất gắn bó với cái nghề khí tượng của anh. Và chính tình yêu cũng như sự gắn bó với công việc đã khiến anh có nhiều kinh nghiệm trong công việc của mình: Ban đêm, không nhìn mây, cháu nhìn gió lay lá hay nhìn trời, thấy sao nào khuất, sao nào sáng, có thể nói được mây, tính được gió. Những kinh nghiệm ấy thật đáng quý. Đó là những điều anh đã tích lũy được trong quá trình làm việc, trong suốt bốn năm anh gắn bó với công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu.

**\* Anh thanh niên là một chàng trai có tinh thần vượt khó, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc**

Yêu nghề nên anh đã vượt mọi khó khăn để hoàn thành công việc. Nhưn đã nói ở trên, công việc của anh vô cùng gian khổ, có khi làm việc trong đêm mưa tuyết, mỗi ngày anh phải “ốp” 4 lần để báo về cơ quan. Anh tâm sự : “Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. ... Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ lại được”. Những lời tâm sự chân thành của anh khiến người đọc không khỏi xúc động. Anh đã phải trải qua biết bao gian khổ khi làm công việc này. Hàng loạt các phép so sánh, nhân hóa, các câu văn dài ngắn khác nhau đã gợi lên cái khăc nghiệt của thời tiết nơi Yên Sơn lúc một giờ sáng. Gió. Tuyết. Đêm tối. Tất cả chỉ đợi anh ra là ào ào xô tới. Giữa chon von nơi đỉnh núi, lại vào lúc một giờ sáng, khi nhà nhà, người người đang chìm trong giấc ngủ thì anh thanh niên lại phải bật dậy, xách đèn bão ra vườn thực hiện công việc của mình. Anh có thế không dậy, có thể lấy con số cũ hoặc một cọn số bất kì nào đó để báo về cơ quan. Nhưng không, anh đã không làm như vậy bởi anh nhận thức được rất rõ tầm quan trọng của công việc mà anh đang đảm nhận. Và hơn cả tinh thần vượt khó để hoàn thành công việc ấy chính là xuất phát từ tinh thần tự giác cao của anh. Một người trẻ tuổi như anh thật đáng trân quý, đáng ngưỡng mộ!

**\*Một người sống cởi mở chân thành , quí trọng tình cảm.**

Và cũng trong đoạn trích này, người đọc còn nhận ra ở anh thanh niên là sự cởi mở, chân thành, lòng hiếu khách và tấm lòng quý trọng tình cảm. Chỉ gặp họa sĩ và cô kĩ sư một cách tình cờ, trong thời gian rất ngắn ngủi- ba mươi phút, thế nhưng anh đã tâm tình cởi mở biết bao điều về công việc của mình với họ.Anh thủ thỉ tâm tình trò chuyện như đã quen thân họ tự bao giờ. Nỗi “thèm người” trong anh hôm nay được giải tỏa. Anh hái tặng cô gái một bó hoa thật to, mời họ uống trà rồi cùng trò chuyện với họ. Sự chân thành ,cởi mở quí trọng tình cảm của anh khiến ta xúc động và trân trọng vô cùng.

**3. Đánh giá và mở rộng**

Như vậy, bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, bằng sự đan xen giữa tự sự và miêu tả, đoạn trích đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn những vẻ đẹp trong tâm hồn nhân vật anh thanh niên- một chàng trai yêu nghề, yêu người, biết quý trọng thời gian và luôn có tinh thần trách nhiệm cao với công việc. Anh thanh niên chính là hình ảnh đại diện của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước. Xây dựng nhân vật này, Nguyễn Thành Long muốn gửi vào đó lời ngợi ca đến những con người đang ngày đêm thầm lặng cống hiến cho dân tộc. Ngày nay, khi cuộc sống hiện đại, chiến tranh không còn, chúng ta vẫn bắt gặp những con người trẻ tuổi đang cống hiến hết mình vì đất nước. Đó là những y bác sĩ trẻ tuổi, những sinh viên ngành y luôn sẵn sàng xông pha vào nơi tuyến đầu chống dịch, là những người chiến sĩ nơi biên cương hải đảo không quản vất vả khó khăn đã và đang theo đuổi lí tưởng bảo vệ tổ quốc. Không ai khác, chính họ đã tiếp nối truyền thống của cha anh. Họ là những “anh thanh niên” của thời đại mới.

1. **Kết bài:**

**Tóm lại,** đây là một đoạn văn ngắn nhưng biểu hiện được những nét tiêu biểu của nhân vật anh thanh niên. Tác giả Nguyễn Thành Long đã thành công trong việc khắc họa nét đẹp của tuổi trẻ Việt Nam, của lớp trí thức trẻ trong những năm tháng chống Mĩ cứu nước. Với truyện ngắn này, phải chăng nhà văn muốn khẳng định cuộc sống của chúng ta được làm nên từ bao phấn đấu, hy sinh lớn lao và thầm lặng? Những con người cần mẫn, nhiệt thành như anh thanh niên ấy khiến cuộc sống này thật đáng trân trọng, thật đáng tin yêu. **Từ cuộc trò chuyện của anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ, tác phẩm đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về lí tưởng sống, về trách nhiệm và về tinh thần vượt khó vươn lên. Đó chính là những giá trị đích thực mà tác phẩm mang đến cho bạn đọc.**

**Đề số 3:** Cảm nhận của em về đoạn trích sau:

   “ - Trời ơi, chỉ còn có năm phút!

   Chính là anh thanh niên giật mình nói to, giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ. Anh chạy ra nhà phía sau, rồi trở vào liền, tay cầm một cái làn. Nhà họa sĩ tặc lưỡi đứng dậy. Cô gái cũng đứng lên, đặt lại chiếc ghế, thong thả đi đến chỗ bác già.

   - Ô! Cô còn quên chiếc mùi soa đây này!

   Anh thanh niên vừa vào, kêu lên. Để người con gái khỏi trở lại bàn, anh lấy chiếc khăn tay còn vo tròn cặp giữa cuốn sách tới trả cho cô gái. Cô kĩ sư mặt đỏ ửng, nhận lại chiếc khăn và quay vội đi.

   - Chào anh. - Đến bậu cửa, bỗng nhà họa sĩ già quay lại chụp lấy tay người thanh niên lắc mạnh. - Chắc chắn rồi tôi sẽ trở lại. Tôi ở với anh ít hôm được chứ?

Đến lượt cô gái từ biệt. Cô chìa tay ra cho anh nắm, cẩn trọng, rõ ràng, như người ta cho nhau cái gì chứ không phải là cái bắt tay. Cô nhìn thẳng vào mắt anh - những người con gái sắp xa ta, biết không bao giờ gặp ta nữa, hay nhìn ta như vậy.

   - Chào anh.

   Lần đầu, chính là anh thanh niên quay mặt đi. Anh ấn cái làn vào tay bác già và nói vội vã:

   - Cái này để ăn trưa cho bác, cho cô và bác lái xe. Cháu có bao nhiêu là trứng, ăn không xuể. Cháu không tiễn bác và cô ra xe được, vì gần tới giờ “ốp” rồi. Thôi chào bác, chào cô. Bác sẽ trở lại nhé.

   Hai ông con theo bậc cấp bước xuống đồi, đến mặt đường nhìn lên, không thấy người con trai đứng đấy nữa. Anh ta đã vào nhà trong. Ông xách cái làn trứng, cô ôm bó hoa to. Lúc bấy giờ, nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ và làm cho cô gái cảm thấy mình rực rỡ theo. Hai người lững thững đi về phía chiếc xe đỗ, im lặng rất lâu. Bỗng bác già nhìn chiếc đồng hồ nói một mình:

- Thanh niên bây giờ lạ thật! Các anh chị cứ như con bướm. Mà đã mười một giờ, đến giờ “ốp” đâu? Tại sao anh ta không tiễn mình đến tận xe nhỉ?

   Cô gái liếc nhìn bác già một cái rất nhanh, tự nhiên hồi hộp, nhưng vẫn im lặng.

   (Trích Lặng lẽ Sa Pa, Nguyễn Thành Long, Ngữ văn 9, Tập một)

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung** |
| **I. Mở bài** | **1. Mở bài: Giới thiệu nhà văn, tác phẩm và vấn đề nghị luận:**  **- Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**  - **Giới thiệu vấn đề nghị luận: Giới thiệu và nêu cảm nhận khái quát về đoạn trích**  - Trích dẫn đoạn trích |
| **II.Thân bài** | **1. Khái quát:**  - “Lặng lẽ Sa Pa” là kết quả của chuyến công tác ở Lào Cai trong mùa hè năm 1970, sau này được in trong tập  *Giữa trong xanh (* 1972). Đây là truyện ngắn tiêu biểu ở đề tài viết về cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc.  -Truyện kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa nhân vật anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ để từ đó ca ngợi những con người những công việc thầm lặng.  Truyện hấp dẫn bạn đọc ở cốt truyện nhẹ nhàng, giàu chất thơ và vẻ đẹp lí tưởng của con người cũng như cảnh vật.  **- Tóm tắt truyện:**  Câu chuyện được bắt đầu với hình ảnh một họa sĩ già trước khi nghỉ hưu đã có một chuyến đi thực tế ở vùng núi cao Tây Bắc. Trên chuyến xe ông ngồi cùng hàng ghế với cô kĩ sư trẻ lên nhận công tác ở Lai Châu. Đến SaPa, bác lái xe cho xe dừng lại lấy nước nhân tiện giới thiệu với nhà họa sĩ anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m. Cuộc gặp gỡ giữa nhà họa sĩ, cô kĩ sư và anh thanh niên diễn ra rất vui vẻ, cảm động. Anh thanh niên hào hứng giới thiệu với khách về cuộc sống và công việc hàng ngày của mình. Họa sĩ già phát hiện ra phẩm chất đẹp đẽ cao quý của anh nên đã phác họa một bức chân dung về anh. Qua lời kể của anh, các vị khách còn biết thêm rất nhiều gương sáng trong lao động sản xuất, đem hết nhiệt tình phục vụ sự nghiệp xây dựng và chiến đấu bảo vệ tổ quốc. Sau ba mươi phút trò chuyện, họ chia tay. Anh tặng một làn trứng gà tươi để khách ăn đường. Lúc bấy giờ, nắng dã mạ bạc cả con đèo. |
|  | **2. Cảm nhận về đoạn trích**  **2.1.Cảm nhận về nội dung của đoạn trích thông qua các nhân vật**  - **Anh thanh niên:**không chỉ là người có tinh thần trách nhiệm với công việc, có phong cách sông đẹp, anh còn rất biết quan tâm đến mọi người:      + Anh ngỡ ngàng sao thời gian trôi qua nhanh quá “Anh thanh niên giật mình nói to, giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ. Ba mươi phút được gặp để nói chuyện với người khác với anh là rất ngắn ngủi, trong tiếng kêu trời ơi ấy của anh có thái độ tiếc nuối, bịn rịn.      + Biếu ông họa sĩ giỏ trứng để làm bữa trưa.      + Gửi cô kĩ sư cái khăn tay      + Anh luôn đề cao, có tinh thần trách nhiệm với công việc của mình.  → Anh thanh niên khơi dậy trong ông họa sĩ và cô kĩ sư những tình cảm tốt đẹp.  - **Ông họa sĩ:**không chỉ là một người nghệ sĩ chân chính, say mê tìm kiếm cái đẹp, trong hành trình lên Sa Pa lần này, bằng đôi mắt tinh tường của mình, ông đã có cái nhìn mới mẻ, lạc quan về thế hệ trẻ:    + Khi nhận xét về anh thanh niên, cô kĩ sư ông nhận xét “anh chị cứ như con bướm”. Trong câu nói đó, “con bướm” là một hình ảnh ẩn dụ đẹp về nét hồn nhiên, muôn màu sắc về cả thế hệ thanh niên mà ông hi vọng.  → Nhân vật ông họa sĩ là nhân vật phụ, miêu tả không nhiều nhưng hiện lên với nét đáng yêu, đáng quý. Thông qua nhân vật này, tác giả gửi gắm những suy nghĩ về cuộc sống và con người.  **- Nhân vật cô kĩ sư**      + Đây là cô gái xuất hiện trực tiếp trong tác phẩm: một người con gái Hà Nội đã bỏ lại sau lưng mối tình nhạt nhẽo để lên Lào Cai công tác.      + Trong cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh thanh niên, được nghe những điều anh nói, cô bàng hoàng hiểu về cuộc sống một mình dũng cảm tuyệt đẹp của anh thanh niên và về cả thế giới những con người như anh. Giây phút bàng hoàng của cô là sự xúc động khi bắt gặp một tình yêu đích thực, một tình yêu lớn, làm bừng dậy trong cô những tình cảm lớn lao, cao đẹp. Từ đó cô nhận ra, bấy lâu nay mình đã sống cuộc đời nhạt nhẽo, tầm thường, giúp cô yên tâm tin tưởng vào con đường mình đã chọn. Cùng với đó là một sự hàm ơn khó tả đối với anh thanh niên. Đó không chỉ vì bó hoa rất to mà anh đã tặng cô, mà còn là một bó hoa khác - bó hoa của những khát khao, háo hức, mộng mơ, của những khát vọng cống hiến cao đẹp đã truyền sang cô.  → Cuộc gặp gỡ và trò chuyện ngắn ngủi đã khơi gợi cho cô suy nghĩ về cuộc sống mới.  **2.2.Cảm nhận về nghệ thuật của đoạn trích**  **- Đoạn truyện được kể một cách rất tự nhiên, chân thực. Có lời kể, lời đối thoại, độc thoại; có sự kết hợp giữa tự sự và miêu tả. Những hình thức ngôn ngữ và phương thức biểu đạt đó đã làm cho đoạn truyện trở nên sinh động giống như cuộc sống đời thường.**  - Đoạn trích được kể theo ngôi thứ ba. Người kể nhập vào nhân vật ông hoạ sĩ nên cảnh thiên nhiên hiện ra thật đẹp,và các nhân vật cũng hiện lên thật sâu sắc và tinh tế.  - Đoạn truyện hấp dẫn ở tính chất trữ tình: :  + Đoạn tả cảnh thiên nhiên rất thơ mộng: Lúc bấy giờ, nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn. Một phép nhân hóa, một phép so sánh được tác giả sử dụng => gợi lên cảnh tượng rực rỡ nhưng đầy thơ mộng của mảnh đất SaPa đẹp đẽ.  +Chất trữ tình chủ yếu toát ra từ vẻ đẹp tâm hồn, ý nghĩ, cảm xúc của những người trong truyện. Cô gái thì hồn nhiên trẻ trung có chút e lệ; ông hoạ sĩ thì có khát vọng cháy bỏng về nghệ thuật và cũng rất yêu đời. Còn anh thanh niên thì có thế giới tâm hồn phong phú.  **=>Tất cả khiến cho “Lặng Lẽ Sapa” của Nguyễn Thành Long giống như một bài thơ ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên và đặc biệt là ca ngợi những con người thầm lặng** |
|  | **3. Đánh giá**  **\*Đánh giá về nội dung và nghệ thuật**  - Bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, bằng sự đan xen giữa tự sự và miêu tả, sự kết hợp giữa đối thoại, độc thoại đoạn trích đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn vẻ đẹp của thiên nhiên và những con người đang thầm lặng cống hiến cho cuộc sống.  - Anh thanh niên, cô kĩ sư chính là hình ảnh đại diện của lớp trí thức trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước; ông họa sĩ là hình ảnh của những người nghệ sĩ chân chính, sống hết mình vì nghệ thuật nhưng cũng rất cởi mở chân thành.  - Qua đoạn trích này, Nguyễn Thành Long muốn ca ngợi những con người đang thầm lặng cống hiến hết mình vì đất nước.  **\* Mở rộng nâng cao vấn đề, liên hệ thực tiễn, rút ra bài học:**  - Ngày nay, khi cuộc sống hiện đại, chiến tranh không còn, chúng ta vẫn bắt gặp những con người đang cống hiến hết mình vì đất nước. Đó là những y bác sĩ trẻ tuổi, những sinh viên ngành y luôn sẵn sàng xông pha vào nơi tuyến đầu chống dịch, là những người chiến sĩ nơi biên cương hải đảo không quản vất vả khó khăn đã và đang theo đuổi lí tưởng bảo vệ tổ quốc; là những văn nghệ sĩ vẫn đang miệt mài và nghiêm túc thực hiện sứ mệnh của mình. Những con người như thế thật đáng để ta trân trọng. |
| **III.Kết bài** | **-Nhận xét chung về đoạn trích**  **- Đoạn trích khơi gợi tình cảm gì**  **- Em rút ra được bài học gì từ đoạn trích** |

**I.MB: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận**

Mỗi một tác phẩm văn học ra đời đều mang một số phận riêng. Có tác phẩm vừa cất tiếng chào đời đã chết yểu đáng thương. Có tác phẩm gây dư luận xôn xao một thời rồi bị độc giả quên lãng với thời gian. Nhưng cũng cả những bài thơ, quyển truyện có một sức sống lâu bền trong lòng bạn đọc, có một sức hút lạ kì. Truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long là một tác phẩm đặc sắc, để lại trong lòng mỗi chúng ta nhiều rung cảm đẹp đẽ. Đọc tác phẩm này, có lẽ người đọc sẽ không khỏi ấn tượng với những chi tiết cuối truyện – giây phút chia tay giữa anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ già:

“- Trời ơi, chỉ còn có năm phút!

[…]

Cô gái liếc nhìn bác già một cái rất nhanh, tự nhiên hồi hộp, nhưng vẫn im lặng.”

**II.TB**

**1.Khái quát và tóm tắt truyện**

Lặng lẽ Sa Pa là kết quả của chuyến công tác ở Lào Cai trong mùa hè năm 1970, sau này được in trong tập  *Giữa trong xanh (* 1972). Đây là truyện ngắn tiêu biểu ở đề tài viết về cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc. Truyện kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa nhân vật anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ để từ đó ca ngợi những con người những công việc thầm lặng.

Câu chuyện được bắt đầu với hình ảnh một họa sĩ già trước khi nghỉ hưu đã có một chuyến đi thực tế ở vùng núi cao Tây Bắc. Trên chuyến xe ông ngồi cùng hàng ghế với cô kĩ sư trẻ lên nhận công tác ở Lai Châu. Đến SaPa, bác lái xe cho xe dừng lại lấy nước nhân tiện giới thiệu với nhà họa sĩ anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m. Cuộc gặp gỡ giữa nhà họa sĩ, cô kĩ sư và anh thanh niên diễn ra rất vui vẻ, cảm động. Anh thanh niên hào hứng giới thiệu với khách về cuộc sống và công việc hàng ngày của mình. Họa sĩ già phát hiện ra phẩm chất đẹp đẽ cao quý của anh nên đã phác họa một bức chân dung về anh. Qua lời kể của anh, các vị khách còn biết thêm rất nhiều gương sáng trong lao động sản xuất, đem hết nhiệt tình phục vụ sự nghiệp xây dựng và chiến đấu bảo vệ tổ quốc. Sau ba mươi phút trò chuyện, họ chia tay. Anh tặng một làn trứng gà tươi để khách ăn đường. Lúc bấy giờ, nắng dã mạ bạc cả con đèo.

**2.Cảm nhận về đoạn trích**

**2.1.Cảm nhận về nội dung của đoạn trích thông qua các nhân vật**

Đoạn trích trên chính là những sự việc cuối cùng của tác phẩm. Một đoạn truyện không dài, không có những tình huống đặc biệt nhưng cũng gây ấn tượng không nhỏ với bạn đọc bởi **giá trị nội dung** của nó. Thông qua mỗi nhân vật trong đoạn truyện này, Nguyễn Thành Long lại khiến ta có những suy ngẫm, những trăn trở về cuộc đời của chính mình về lẽ sống mà mình đang theo đuổi. **Anh thanh niên** vẫn là hình ảnh trung tâm của đoạn truyện. Qua đoạn truyện này ta nhận raanhkhông chỉ là người có tinh thần trách nhiệm với công việc, có phong cách sông đẹp, anh còn rất biết quan tâm đến mọi người. Anh ngỡ ngàng sao thời gian trôi qua nhanh quá “ Trời ơi, chỉ còn năm phút.” Anh thanh niên giật mình nói to, giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ. Ba mươi phút được gặp để nói chuyện với người khác với anh là rất ngắn ngủi, trong tiếng kêu trời ơi ấy của anh có thái độ tiếc nuối, bịn rịn. Anh biếu ông họa sĩ giỏ trứng để làm bữa trưa ăn ngang đường. Anh lại cô kĩ sư chiếc khăn tay mà không biết rằng cô gái đã cố tình để lại cho anh để kỉ niệm cho lần gặp gỡ đầu tiên và rất có thể cũng là duy nhất. Hành động của anh mới thật hồn nhiên và đáng yêu làm sao. Không biết anh cố tình hay vô ý mà không nhận ra ý đồ của cô họa sĩ. Nhưng dù là vô ý hay hữu tình thì chi tiết ấy cũng cho thấy anh rất biết quan tâm đến mọi người. Hơn nữa qua đoạn trích ta còn thấy anh luôn đề cao, có tinh thần trách nhiệm với công việc. Dù rất muốn tiễn bác họa sĩ và cô kĩ sư, rất muốn được trò chuyện thêm với họ nhưng vì “sắp đến giờ ốp” nên anh phải trở vào. Chính vì thế mà anh thanh niên đã khơi dậy trong ông họa sĩ và cô kĩ sư những tình cảm tốt đẹp.

Trong đoạn trích, nếu như hình ảnh anh thanh niên hiện lên với ấn tượng về một chàng trai chu đáo và có tinh thần trách nhiệm cao với công việc thì  **Ông họa sĩ** lại hiện lên với hình ảnh của một người nghệ sĩ chân chính, say mê tìm kiếm cái đẹp. Trong hành trình lên Sa Pa lần này, bằng đôi mắt tinh tường của mình, ông đã có cái nhìn mới mẻ, lạc quan về thế hệ trẻ. Khi nhận xét về anh thanh niên, cô kĩ sư ông nhận xét “anh chị cứ như con bướm”. Trong câu nói đó, “con bướm” là một hình ảnh ẩn dụ đẹp về nét hồn nhiên, muôn màu sắc về cả thế hệ thanh niên mà ông hi vọng. Nhân vật ông họa sĩ là nhân vật phụ, miêu tả không nhiều nhưng hiện lên với nét đáng yêu, đáng quý. Thông qua nhân vật này, tác giả gửi gắm những suy nghĩ sâu sắc về con người và cuộc sống. Còn **cô kĩ sư,** đây là cô gái xuất hiện trực tiếp trong tác phẩm: một người con gái Hà Nội đã bỏ lại sau lưng mối tình nhạt nhẽo để lên Lào Cai công tác. Trong cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh thanh niên, được nghe những điều anh nói, cô bàng hoàng hiểu về cuộc sống một mình dũng cảm tuyệt đẹp của anh thanh niên và về cả thế giới những con người như anh. Giây phút bàng hoàng của cô là sự xúc động khi bắt gặp một tình yêu đích thực, một tình yêu lớn, làm bừng dậy trong cô những tình cảm lớn lao, cao đẹp. Từ đó cô nhận ra, bấy lâu nay mình đã sống cuộc đời nhạt nhẽo, tầm thường, giúp cô yên tâm tin tưởng vào con đường mình đã chọn. Cùng với đó là một sự *hàm ơn khó tả* đối với anh thanh niên. Đó không chỉ vì bó hoa rất to mà anh đã tặng cô, mà còn là một bó hoa khác - bó hoa của những khát khao, háo hức, mộng mơ, của những khát vọng cống hiến cao đẹp đã truyền sang cô. Cuộc gặp gỡ và trò chuyện ngắn ngủi đã khơi gợi cho cô suy nghĩ về cuộc sống mới, giúp cô tin tưởng hơn vào quyết định của mình.

**2.2.Cảm nhận về nghệ thuật của đoạn trích**

**Tuy nhiên đoạn trích không chỉ hấp dẫn bạn đọc bởi nội dung mà nó mang lại, bởi vẻ đẹp của các nhân vật anh thanh niên, bác họa sĩ và cô kĩ sư mà còn hấp dẫn bởi cách nhà văn Nguyễn Thành Long kể chuyện. Đoạn truyện được kể một cách rất tự nhiên, chân thực. Có lời kể, lời đối thoại, độc thoại; có sự kết hợp giữa tự sự và miêu tả. Những hình thức ngôn ngữ và phương thức biểu đạt đó đã làm cho đoạn truyện trở nên sinh động giống như cuộc sống đời thường.**  Đoạn trích được kể theo ngôi thứ ba. Người kể nhập vào nhân vật ông hoạ sĩ bởi vậy mà cảnh thiên nhiên hiện ra thật đẹp,và các nhân vật cũng hiện lên thật sâu sắc và tinh tế. Hơn nữa đoạn truyện này còn hấp dẫn người đọc ở tính chất trữ tình. Chất trữ tình dạt dào của đoạn truyện được làm nên bởi những câu văn tả cảnh thiên nhiên rất thơ mộng: Lúc bấy giờ, nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn. Một phép nhân hóa, một phép so sánh được tác giả sử dụng đã gợi lên cảnh tượng rực rỡ nhưng đầy thơ mộng của mảnh đất SaPa đẹp đẽ. Nhưng có lẽ chất trữ tình chủ yếu toát ra từ vẻ đẹp tâm hồn, ý nghĩ, cảm xúc của những người trong truyện. Cô gái thì hồn nhiên trẻ trung có chút e lệ; ông hoạ sĩ thì có khát vọng cháy bỏng về nghệ thuật và cũng rất yêu đời. Còn anh thanh niên thì có thế giới tâm hồn phong phú. Tất cả những điều đó đã khiến cho “Lặng Lẽ Sapa” của Nguyễn Thành Long giống như một bài thơ – bài thơ ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên và đặc biệt là ca ngợi những con người thầm lặng

**3. Đánh giá**

Bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, bằng sự đan xen giữa tự sự và miêu tả, sự kết hợp giữa đối thoại, độc thoại đoạn trích đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn vẻ đẹp của thiên nhiên và những con người đang thầm lặng cống hiến cho cuộc sống. Anh thanh niên, cô kĩ sư chính là hình ảnh đại diện của lớp trí thức trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước; ông họa sĩ là hình ảnh của những người nghệ sĩ chân chính, sống hết mình vì nghệ thuật nhưng cũng rất cởi mở chân thành. Qua đoạn trích này, Nguyễn Thành Long muốn ca ngợi những con người đang thầm lặng cống hiến hết mình vì đất nước. Ngày nay, khi cuộc sống hiện đại, chiến tranh không còn, chúng ta vẫn bắt gặp những con người đang cống hiến hết mình vì đất nước. Đó là những y bác sĩ trẻ tuổi, những sinh viên ngành y luôn sẵn sàng xông pha vào nơi tuyến đầu chống dịch, là những người chiến sĩ nơi biên cương hải đảo không quản vất vả khó khăn đã và đang theo đuổi lí tưởng bảo vệ tổ quốc; là những văn nghệ sĩ vẫn đang miệt mài và nghiêm túc thực hiện sứ mệnh của mình. Những con người như thế thật đáng để ta trân trọng.

**III. Kết bài:**

**Tóm lại,** đây là một đoạn truyện ngắn nhưng biểu hiện được những nét tiêu biểu của nhân vật anh thanh niên. Tác giả Nguyễn Thành Long đã thành công trong việc khắc họa nét đẹp của tuổi trẻ Việt Nam, của lớp trí thức trẻ trong những năm tháng chống Mĩ cứu nước. Với truyện ngắn này, phải chăng nhà văn muốn khẳng định cuộc sống của chúng ta được làm nên từ bao phấn đấu, hy sinh lớn lao và thầm lặng? Những con người như anh thanh niên, như cô kĩ sư và bác họa sĩ trong đoạn trích khiến cuộc sống này thật đáng trân trọng, thật đáng tin yêu.

**Đề số 4: Cảm nhận của em về vẻ đẹp của anh thanh niên trong đoạn trích sau:**

*Anh xoay sang người con gái đang một mắt đọc cuốn sách, một mắt lắng nghe, chân cô đung đưa khe khẽ, nói:*

*- Và cô cũng thấy đấy, lúc nào tôi cũng có người trò chuyện. Nghĩa là có sách ấy mà. Mỗi người viết một vẻ.*

*- Quê anh ở đâu thế? - Họa sĩ hỏi.*

*- Quê cháu ở Lào Cai này thôi. Năm trước, cháu tưởng cháu được đi xa lắm cơ đấy, hóa lại không. Cháu có ông bố tuyệt lắm. Hai bố con cùng viết đơn xin ra lính đi mặt trận. Kết quả: bố cháu thắng cháu một - không. Nhân dịp Tết, một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở Sa Pa. Không có cháu ở đấy. Các chú lại cử một chú lên tận đây. Chú ấy nói: nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy, tháng ấy, không quân ta hạ đựơc bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Đối với cháu, thật là đột ngột, không ngờ lại là như thế. Chú lái máy bay có nhắc đến bố cháu, ôm cháu mà lắc “Thế là một - hòa nhé!”. Chưa hòa đâu bác ạ. Nhưng từ hôm ấy cháu sống thật hạnh phúc. Ơ, bác vẽ cháu đấy ư? Không, không, đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn.*

   (Trích Lặng lẽ Sa Pa, Nguyễn Thành Long, Ngữ văn 9, Tập một)

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung** |
| **I. Mở bài** | **1. Mở bài: Giới thiệu nhà văn, tác phẩm và vấn đề nghị luận:**  **- Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**  - **Giới thiệu vấn đề nghị luận:** Khái quát về nhân vật anh thanh niên qua đoạn trích: Một người có lí tưởng sống cao đẹp,cởi mở chân thành, khiêm tốn thật thà và và rất ham học hỏi  - Trích dẫn đoạn trích |
| **II.Thân bài** | **1. Khái quát:**  - “Lặng lẽ Sa Pa” là kết quả của chuyến công tác ở Lào Cai trong mùa hè năm 1970, sau này được in trong tập  *Giữa trong xanh (* 1972). Đây là truyện ngắn tiêu biểu ở đề tài viết về cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc.  -Truyện kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa nhân vật anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ để từ đó ca ngợi những con người những công việc thầm lặng.  Truyện hấp dẫn bạn đọc ở cốt truyện nhẹ nhàng, giàu chất thơ và vẻ đẹp lí tưởng của con người cũng như cảnh vật.  **- Tóm tắt truyện:**  Câu chuyện được bắt đầu với hình ảnh một họa sĩ già trước khi nghỉ hưu đã có một chuyến đi thực tế ở vùng núi cao Tây Bắc. Trên chuyến xe ông ngồi cùng hàng ghế với cô kĩ sư trẻ lên nhận công tác ở Lai Châu. Đến SaPa, bác lái xe cho xe dừng lại lấy nước nhân tiện giới thiệu với nhà họa sĩ anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m. Cuộc gặp gỡ giữa nhà họa sĩ, cô kĩ sư và anh thanh niên diễn ra rất vui vẻ, cảm động. Anh thanh niên hào hứng giới thiệu với khách về cuộc sống và công việc hàng ngày của mình. Họa sĩ già phát hiện ra phẩm chất đẹp đẽ cao quý của anh nên đã phác họa một bức chân dung về anh. Qua lời kể của anh, các vị khách còn biết thêm rất nhiều gương sáng trong lao động sản xuất, đem hết nhiệt tình phục vụ sự nghiệp xây dựng và chiến đấu bảo vệ tổ quốc. Sau ba mươi phút trò chuyện, họ chia tay. Anh tặng một làn trứng gà tươi để khách ăn đường. Lúc bấy giờ, nắng dã mạ bạc cả con đèo. |
|  | **2. Cảm nhận về nhân vật anh thanh niên trong đoạn trích.**  **a)Giới thiệu về hoàn cảnh sống và công việc của anh thanh niên**.  - Qua lời kể của bác lái xe cũng như qua cuộc trò chuyện ngắn ngủi trên đỉnh Yên Sơn giữa anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ, ta phần nào hiểu được hoàn cảnh sống, công việc và con người anh.  - Anh sống 1 mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 m. quanh năm làm bạn với thiên nhiên cây cỏ mây mù lạnh lẽo hoàn toàn vắng bóng con người. Khó khăn lớn nhất không phải là thiên nhiên khắc nghiệt mà chính là nỗi cô đơn. Hoàn cảnh sống ấy quả là một thử thách đối với tuổi trẻ vốn sung sức khao khát khao hành động nhưng anh thiên niên đã vượt qua hoàn cảnh ấy bằng ý chí, nghị lực và những suy nghĩ rất đẹp  **b)Anh thanh niên là một chàng trai yêu nước và có lí tưởng sống cao đẹp**  - Anh còn rất trẻ nhưng đã ý thức được trách nhiệm của mình với đất nước. Anh đã từng viết đơn xin ra mặt trận nhưng không thành.  - Anh sẵn sàng đến làm việc ở đỉnh Yên Sơn cao 2600m quanh năm mây mù lạnh lẽo để có thể đóng góp công sức của mình vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.  - Hạnh phúc với anh không phải là những thú vui của tuổi trẻ mà là khi công việc của anh giúp ích được cho đất nước. Anh đã rât vui bởi nhờ việc anh phát hiện một đám mây khô mà bộ đội ta đã tiêu diệt được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rổng  + Tất cả những điều đó cho thấy anh trẻ nhưng không hời hợt.  + Anh sống một mình nhưng không cô đơn vì lúc nào trong tư tưởng của anh mục đích sống, lẽ sống vẫn luôn luôn tồn tại và nhắc nhở.  b) **Một người ham học hỏi, rất quan tâm đến đời sống nội tâm.**  - Ngắm nhìn cô kỹ sư đang mải mê đọc sách , anh nói : “*Cô cũng thấy đấy , lúc nào tôi cũng có người trò chuyện . Nghĩa là có sách ấy* ’’.  - Sống nơi SaPa lặng lẽ , anh ko cô đơn buồn tẻ vì đã có sách làm bạn .  - Sách giúp đời sống tinh thần của anh thêm phong phú, giúp anh mở rộng tri thức vốn sống để không ngừng theo kịp thời đại.  - Anh tự lo liệu xoay sở để thường xuyên có sách đọc. Sách không chỉ giúp anh nâng cao hiểu biết, nâng cao kiến thức, sách còn giúp anh khuây khoả trong những phút giây rảnh rỗi. Say mê đọc sách là một thói quen, một đức tính đáng quý ở anh.  **\*Một người sống cởi mở chân thành và vô cùng khiêm tốn**  - Chỉ gặp họa sĩ và cô kĩ sư một cách tình cờ, trong thời gian rất ngắn ngủi- 30 phút, thế nhưng anh đã tâm tình cởi mở biết bao điều về công việc của mình với họ  - Anh thủ thỉ tâm tình trò chuyện như đã quen thân tự bao giờ.  =>Sự chân thành ,cởi mở quí trọng tình cảm của anh khiến ta xúc động và trân trọng vô cùng.  - Khi ông họa sĩ định vẽ chân dung anh thì anh từ chối, giới thiệu người khác xứng đáng hơn *“Bác đừng mất công vẽ cháu! Để cháu giới thiệu cho bác những người đáng vẽ hơn”*. Qua lời tâm sự ấy ta thấy anh là người rất khiêm tốn, bởi anh cảm thấy đóng góp của mình còn nhỏ bé, chưa xứng đáng. Anh nhận thấy xung quanh còn bao nhiêu người đáng vẽ hơn mình, đóng góp nhiều hơn mình. Đọc tới đây, ta càng thêm yêu quý anh thanh niên nhiều hơn và anh cảm thấy yêu đời, yêu cuộc sống , thấy cuộc đời đẹp và ý nghĩa hơn khi chứng kiến bao người đang ngày đêm miệt mài, hi sinh và đóng góp cho Tổ quốc. |
|  | **3. Đánh giá**  **\*Đánh giá về nội dung và nghệ thuật**  - Bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, bằng sự đan xen giữa tự sự và miêu tả, đoạn trích đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn những vẻ đẹp trong tâm hồn nhân vật anh thanh niên- một chàng trai có lí tưởng sống cao đẹp,cởi mở chân thành, khiêm tốn thật thà và và rất ham học hỏi  - Anh thanh niên chính là hình ảnh đại diện của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước.  - Xây dựng nhân vật này, Nguyễn Thành Long muốn gửi vào đó lời ngợi ca đến những con người đang ngày đêm thầm lặng cống hiến cho dân tộc.  **\* Mở rộng nâng cao vấn đề, liên hệ thực tiễn, rút ra bài học:**  - Ngày nay, khi cuộc sống hiện đại, chiến tranh không còn, chúng ta vẫn bắt gặp những con người trẻ tuổi đang cống hiến hết mình vì đất nước. Đó là những y bác sĩ trẻ tuổi, những sinh viên ngành y luôn sẵn sàng xông pha vào nơi tuyến đầu chống dịch, là những người chiến sĩ nơi biên cương hải đảo không quản vất vả khó khăn đã và đang theo đuổi lí tưởng bảo vệ tổ quốc. Không ai khác, chính họ đã tiếp nối truyền thống của cha anh. Họ là những “anh thanh niên” của thời đại mới. |
| **III.Kết bài** | **-Nhận xét chung về đoạn trích**  **- Đoạn trích khơi gợi tình cảm gì**  **- Em rút ra được bài học gì từ đoạn trích** |

**A.MB: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận**

Mỗi một tác phẩm văn học ra đời đều mang một số phận riêng. Có tác phẩm vừa cất tiếng chào đời đã chết yểu đáng thương. Có tác phẩm gây dư luận xôn xao một thời rồi bị độc giả quên lãng với thời gian. Nhưng cũng cả những bài thơ, quyển truyện có một sức sống lâu bền trong lòng bạn đọc, có một sức hút lạ kì. Truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long là một tác phẩm đặc sắc, để lại trong lòng mỗi chúng ta nhiều rung cảm đẹp đẽ. Đọc tác phẩm này, có lẽ người đọc sẽ không khỏi ấn tượng với nhân vật anh thanh niên - một chàng trai có lí tưởng sống cao đẹp,cởi mở chân thành, khiêm tốn thật thà và và rất ham học hỏi. Đến với đoạn trích sau, chúng ta sẽ cảm nhận được điều đó:

*“Anh xoay sang người con gái đang một mắt đọc cuốn sách, một mắt lắng nghe, chân cô đung đưa khe khẽ, nói:*

*[...]*

*Ơ, bác vẽ cháu đấy ư? Không, không, đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn.”*

**B.TB**

**1.Khái quát và tóm tắt truyện**

Lặng lẽ Sa Pa là kết quả của chuyến công tác ở Lào Cai trong mùa hè năm 1970, sau này được in trong tập  *Giữa trong xanh (* 1972). Đây là truyện ngắn tiêu biểu ở đề tài viết về cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc. Truyện kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa nhân vật anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ để từ đó ca ngợi những con người những công việc thầm lặng.

Câu chuyện được bắt đầu với hình ảnh một họa sĩ già trước khi nghỉ hưu đã có một chuyến đi thực tế ở vùng núi cao Tây Bắc. Trên chuyến xe ông ngồi cùng hàng ghế với cô kĩ sư trẻ lên nhận công tác ở Lai Châu. Đến SaPa, bác lái xe cho xe dừng lại lấy nước nhân tiện giới thiệu với nhà họa sĩ anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m. Cuộc gặp gỡ giữa nhà họa sĩ, cô kĩ sư và anh thanh niên diễn ra rất vui vẻ, cảm động. Anh thanh niên hào hứng giới thiệu với khách về cuộc sống và công việc hàng ngày của mình. Họa sĩ già phát hiện ra phẩm chất đẹp đẽ cao quý của anh nên đã phác họa một bức chân dung về anh. Qua lời kể của anh, các vị khách còn biết thêm rất nhiều gương sáng trong lao động sản xuất, đem hết nhiệt tình phục vụ sự nghiệp xây dựng và chiến đấu bảo vệ tổ quốc. Sau ba mươi phút trò chuyện, họ chia tay. Anh tặng một làn trứng gà tươi để khách ăn đường. Lúc bấy giờ, nắng dã mạ bạc cả con đèo.

**2.Cảm nhận về vẻ đẹp của anh thanh niên trong đoạn trích**

**\*Giới thiệu về hoàn cảnh sống và công việc của anh thanh niên**.

Đoạn trích đưa ta đến vùng đất Sapa để gặp một chàng thanh niên 27 tuổi làm công tác khí tượng khí tượng kiêm vật lí địa cầu. Qua lời kể của bác lái xe cũng như qua cuộc trò chuyện ngắn ngủi trên đỉnh Yên Sơn giữa anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ, ta phần nào hiểu được hoàn cảnh sống, công việc và con người anh. Anh sống 1 mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 m. quanh năm làm bạn với thiên nhiên cây cỏ mây mù lạnh lẽo hoàn toàn vắng bóng con người. Khó khăn lớn nhất không phải là thiên nhiên khắc nghiệt mà chính là nỗi cô đơn. Hoàn cảnh sống ấy quả là một thử thách đối với tuổi trẻ vốn sung sức khao khát khao hành động. Tuy nhiên cũng chính hoàn cảnh sống đó đã làm cho những vẻ đẹp của anh tỏa sáng lung linh hơn.

**b)Anh thanh niên là một chàng trai yêu nước và có lí tưởng sống cao đẹp**

Trước hết, thông qua đoạn trích này ta thấy được anh thanh niên là một chàng trai yêu nước và lí tưởng sống đẹp. Qua lời giới thiệu của nhà văn Nguyễn Thành Long ta nhận ra anh còn khá trẻ. Mới hai mươi bảy tuổi. Thế nhưng anh đã ý thức được rất rõ về trách nhiệm của mình với đất nước. Cũng giống như biết bao nhiêu người trẻ tuổi lúc bấy giờ, anh đã từng viết đơn xin ra mặt trận nhưng không thành. Nhưng anh không bỏ cuộc, anh vẫn muốn bằng một cách nào đó có thể đóng góp sức trẻ của mình cho đất nước. Có lẽ bởi vậy mà anh chọn lên Yên Sơn làm việc một mình. Anh sẵn sàng đến làm việc ở đỉnh Yên Sơn cao 2600m quanh năm mây mù lạnh lẽo này để có thể đóng góp công sức của mình vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Anh thanh niên khiến ta nhớ đến những chàng trai trong “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật hay những cô gái thanh niên xung phong trong “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê. Không ai khác chính họ đã góp phần làm nên hình hài của đất nước. Trở lại với đoạn trích, ta hãy xem anh thanh niên quan niệm về hạnh phúc như thế nào? Với anh hạnh phúc không phải là những thú vui của tuổi trẻ mà là khi công việc của anh giúp ích được cho đất nước. Anh đã rât vui bởi nhờ việc anh phát hiện một đám mây khô mà bộ đội ta đã tiêu diệt được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rổng. Tất cả những điều đó cho thấy anh trẻ nhưng không hời hợt. Anh sống một mình nhưng không cô đơn vì lúc nào trong tư tưởng của anh mục đích sống, lẽ sống vẫn luôn luôn tồn tại và nhắc nhở.

b) **Một người ham học hỏi, rất quan tâm đến đời sống nội tâm.**

Không chỉ vậy, anh thanh niên còn là một người ham học hỏi và rất quan tâm đến đời sống nội tâm. Ngắm nhìn cô kỹ sư đang mải mê đọc sách , anh nói : “*Cô cũng thấy đấy , lúc nào tôi cũng có người trò chuyện . Nghĩa là có sách ấy* ’’. Vậy là sống nơi SaPa lặng lẽ , anh ko cô đơn buồn tẻ vì đã có sách làm bạn . Sách giúp đỡ đời sống tinh thần của anh thêm phong phú, giúp anh mở rộng tri thức vốn sống để không ngừng theo kịp thời đại. Anh tự lo liệu xoay sở để thường xuyên có sách đọc. Sách không chỉ giúp anh nâng cao hiểu biết, nâng cao kiến thức, sách còn giúp anh khuây khoả trong những phút giây rảnh rỗi. Say mê đọc sách là một thói quen, một đức tính đáng quý ở anh.

**c)Một người sống cởi mở chân thành và vô cùng khiêm tốn**

Cùng với vẻ đẹp của tình yêu nghề, của tinh thần trách nhiệm, anh thanh niên còn là một người sống cởi mở, chân thành và vô cùng khiêm tốn. Chỉ gặp họa sĩ và cô kĩ sư một cách tình cờ, trong thời gian rất ngắn ngủi- 30 phút, thế nhưng anh đã tâm tình cởi mở biết bao điều về cuộc sống và công việc của mình với họ.. Anh cứ thủ thỉ tâm tình trò chuyện với họ như với những người đã quen thân tự bao giờ. Sự chân thành ,cởi mở quí trọng tình cảm của anh khiến ta xúc động và trân trọng vô cùng. Và có lẽ chính ông họa sĩ cũng cảm nhận được những tuyệt đẹp trong tâm hồn của chàng trai trẻ tuổi này. Ông quyết định phác họa bức chân dung của anh mặc dù ông biết để phác họa được con người ấy, cho người xem hiểu được anh ta mà không phải hiểu như một ngôi sao xa là cả một chặng đường dài. Thế nhưng khi ông họa sĩ định vẽ chân dung anh thì anh từ chối, giới thiệu người khác xứng đáng hơn. Anh hồn nhiên nói:*“Bác đừng mất công vẽ cháu! Để cháu giới thiệu cho bác những người đáng vẽ hơn”*. Qua câu nói vừa hồn nhiên vừa chân thành ấy ta thấy anh là người rất khiêm tốn, bởi anh cảm thấy đóng góp của mình còn nhỏ bé, chưa xứng đáng. Anh nhận thấy xung quanh còn bao nhiêu người đáng vẽ hơn mình, đóng góp nhiều hơn mình. Đọc tới đây, ta càng thêm yêu quý anh thanh niên nhiều hơn và anh cảm thấy yêu đời, yêu cuộc sống , thấy cuộc đời đẹp và ý nghĩa hơn khi chứng kiến bao người đang ngày đêm miệt mài, hi sinh và đóng góp cho Tổ quốc. Đúng là khiêm tốn không bao giờ làm ta mất đi giá trị thậm chí nó còn làm cho những giá trị trong ta thêm đẹp, thêm tỏa sáng hơn.

**3. Đánh giá**

Như vậy, bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, bằng sự đan xen giữa tự sự và miêu tả, đoạn trích đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn những vẻ đẹp trong tâm hồn nhân vật anh thanh niên- một chàng trai có lí tưởng sống cao đẹp,cởi mở chân thành, khiêm tốn thật thà và và rất ham học hỏi. Anh thanh niên chính là hình ảnh đại diện của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước. Xây dựng nhân vật này, Nguyễn Thành Long muốn gửi vào đó lời ngợi ca đến những con người đang ngày đêm thầm lặng cống hiến cho dân tộc. Ngày nay, khi cuộc sống hiện đại, chiến tranh không còn, chúng ta vẫn bắt gặp những con người trẻ tuổi đang cống hiến hết mình vì đất nước. Đó là những y bác sĩ trẻ tuổi, những sinh viên ngành y luôn sẵn sàng xông pha vào nơi tuyến đầu chống dịch, là những người chiến sĩ nơi biên cương hải đảo không quản vất vả khó khăn đã và đang theo đuổi lí tưởng bảo vệ tổ quốc. Không ai khác, chính họ đã tiếp nối truyền thống của cha anh. Họ là những “anh thanh niên” của thời đại mới.

1. **Kết bài:**

Tóm lại, đây là một đoạn văn ngắn nhưng biểu hiện được những nét tiêu biểu của nhân vật anh thanh niên. Tác giả Nguyễn Thành Long đã thành công trong việc khắc họa nét đẹp của tuổi trẻ Việt Nam, của lớp trí thức trẻ trong những năm tháng chống Mĩ cứu nước. Với truyện ngắn này, phải chăng nhà văn muốn khẳng định cuộc sống của chúng ta được làm nên từ bao phấn đấu, hy sinh lớn lao và thầm lặng? Những con người cần mẫn, nhiệt thành như anh thanh niên ấy khiến cuộc sống này thật đáng trân trọng, thật đáng tin yêu. Từ cuộc trò chuyện của anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ, tác phẩm đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về lí tưởng sống, tinh thần ham học hỏi, về sự khiêm tốn. Đó chính là những giá trị đích thực mà tác phẩm mang đến cho bạn đọc.

**ĐỀ 5: Cảm nhận của em về vẻ đẹp của anh thanh niên qua đoạn trích sau:**

**(Bài làm tham khảo của cô Nhung)**

*“ Trời ơi chỉ còn 5 phút !*

*Chính là anh thanh niên giật mình nói to, giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ. Anh chạy ra ngoài phía sau, rồi trở vào liền, tay cầm một cái làn. Nhà họa sĩ tặc lưỡi đứng dậy. Cô gái cũng đứng lên, đặt chiếc ghế , thong thả đi đến chỗ bác già.*

*Ô! Cô còn quên chiếc khăn mùi xoa đây này!*

*Anh thanh niên vừa vào, kêu lên. Để người con gái trở lại bàn, anh lấy chiếc khăn tay còn vo tròn cặp giữa cuốn sách tới trả cho cô gái. Cô kĩ sư mặt đỏ ửng, nhận lại chiếc khăn và vội quay đi.*

*Chào anh – Đến bậu cửa, bỗng nhà họa sĩ già quay lại chụp lấy tay người thanh niên lắc mạnh. – Chắc chắn rồi tôi sẽ trở lại. Tôi ở với anh ít hôm được chứ?*

*{ .. .}*

*Cái này để trưa cho bác, cho cô và bác lái xe. Cháu có bao nhiêu là trứng, ăn không xuể. Cháu không tiễn bác và cô ra xe được, vì gần tới giờ “ốp” rồi. Thôi chào bác, chào cô. Bác sẽ trở lại nhé”*

**I. Mở bài**

Nguyễn Thành Long là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông đã để lại nhiều tác phẩm văn học có giá trị mà đặc sắc nhất là truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” . Đọc tác phẩm ta bắt gặp những con người lao động thầm lặng mà đầy ý nghĩa trong công cuộc xây dựng đất nước mà tiêu biểu nhất là nhân vật anh thanh niên. Mặc dù phải sống và làm việc trong điều kiện khắc nghiệt nhưng ở anh thanh niên lại tỏa sáng nhiều phẩm chất tốt đẹp đáng để chúng ta ngưỡng mộ, học tập. Có lẽ khi gấp trang sách lại, người đọc vẫn không thể nào quên được hình ảnh anh thanh niên với lí tưởng cao đẹp, một người cởi mở, chân thành, hiếu khách, vô tư trong sáng, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Một trong những đoạn truyện thể hiện nét đẹp của anh là: *“ Trời ơi chỉ còn 5 phút….. Bác sẽ trở lại nhé”*

**II. Thân bài**

**1. Khái quát**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Lặng lẽ Sa Pa là kết quả của chuyến công tác ở Lào Cai trong mùa hè năm 1970, sau này được in trong tập  *Giữa trong xanh (* 1972). Đây là truyện ngắn tiêu biểu ở đề tài viết về cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc. Truyện kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa nhân vật anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ để từ đó ca ngợi những con người những công việc thầm lặng.

**- Khái quát chủ đề:** Đoạn trích trên là lời tâm sự của anh thanh niên với ông họa sĩ và cô kĩ sư khi hai người lên thăm nhà anh trên đỉnh cao Yên Sơn. Qua đoạn trích ta thấy được ở anh một con người với lí tưởng cao đẹp, một người cởi mở, chân thành, hiếu khách, vô tư trong sáng, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

- Anh thanh niên là nhân vật chính trong truyện, nhân vật không xuất hiện từ đầu truyện, mà chỉ xuất hiện qua cuộc gặp gỡ với ông họa sĩ, cô kĩ sư và bác lái xe, khi xe của họ dừng lại nghỉ. Nhân vật ấy chỉ hiện ra trong chốc lát đủ để các nhân vật khác ghi nhận được ấn tượng, một kí họa chân dung của anh và dường như khuất lấp trong mây núi bạt ngàn và trong cái lặng lẽ muôn thuở của núi cao Sa Pa. Anh thanh niên sống và làm việc một mình trên đỉnh núi cao Yên Sơn cao 2600m quanh năm suốt tháng giữa cỏ cây và mây núi Sa Pa. Anh làm công tác khí tượng, kiêm vật lí địa cầu. Công việc của anh là đo nắng, đo mưa, đo gió, tính mây, đo chấn động mặt đất dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày. Đây là công việc đòi hỏi sự tỉ mỉ, chính xác và tinh thần trách nhiệm cao.

**2. Vẻ đẹp của anh thanh niên qua đoạn trích.**

**a) Trước hết ở đoạn trích này ta thấy anh thanh niên hiện lên là một người cởi mở, chân thành, hiếu khách và chu đáo.** Sự cởi mở chu đáo của anh thanh niên được thể hiện qua những hành động cử chỉ hết sức giản dị. Khi chia tay anh đã gửi làn trứng để ông họa sĩ và cô kĩ sư ăn đường: *“ Cái này để ăn trưa cho Bác, cho cô và bác lái xe”.* Hành động này với việc anh gửi biếu vợ bác lái xe củ tam thất. Cắt hoa tặng cô gái, khi cô lên thăm nhà, pha nước trà ngon để mời khách…. Đã cho thấy sự ân cần, quan tâm đến người khác.

- Với anh thanh niên thì ông họa sĩ, cô kĩ sư và bác lái xe chỉ là những người mới quen nhau, gặp nhau chưa đầy 30 phút ngắn ngủi mà anh đã chia sẻ, tâm sự với họ một cách cởi mở không hề dấu diếm. Chính sự cởi mở, chân thành của anh đã ngay lập tức xóa bỏ khoảng cách giữa họ tạo nên mối tâm giao đầy thân tình cảm động khiến ông họa sĩ có ngay ý định sẽ trở lại: *“Chắc chắn rồi tôi sẽ trở lại. Tôi ở với anh ít hôm được chứ”.* Còn anh thanh niên nhiệt tình mời ông họa sĩ già trở lại *“ Bác sẽ trở lại nhé”.* Cũng chỉ vì để lại ý nghĩa của cuộc gặp gỡ này mà cô kĩ sư đã để lại tặng anh chiếc khăn mùi xoa. Cũng chính sự cởi mở hiếu khách mà anh cảm thấy tiếc nuối thời gian còn quá ít: *“ Trời ơi chỉ còn 5 phút”.* Câu nói mà anh buộc miệng nói ra ẩn chứa trong đó là sự tiếc nuối, sự hiếu khách đến nồng nhiệt.

**b). Ở đoạn truyện này anh thanh niên còn là người chân thành, vô tư, trong sáng.**

**-** Cô kĩ sư vì cảm mến vẻ đẹp tâm hồn anh đã để lại một vật kỉ niệm là chiếc khăn mùi xoa cặp giữa cuốn sách. Tuy nhiên khi nhìn thấy, anh đã kêu lên: *“ Ô! Cô còn quên chiếc khăn mùi xoa đây này”*. Phải chăng anh thanh niên chưa cảm nhận được tình cảm mà cô kĩ sư dành cho anh và anh chưa sẵn sàng đón nhận tình cảm ấy. Vì thế anh vô tư hồn nhiên gửi lại cô kĩ sư. Khi cô gái bắt tay anh để chào từ biệt, cô nhìn thẳng vào mắt anh thì anh quay mặt đi. Như vậy chỉ bằng vài cử chỉ, lời nói, ta thấy anh thanh niên là người rất vô tư, trong sáng.

**c). Ở đoạn trích này ta còn thấy anh thanh niên là người co trách nhiệm cao trong công việc.**

- Vốn là người coi công việc như sinh thể gắn bó với mình, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Mặc dù rất quý mến hai vị khách là ông họa sĩ và cô kĩ sư, thế nhưng đến giờ “ ốp” anh không tiễn được ông họa sĩ và cô kĩ sư ra xe được vì gần tới giờ ốp rồi.

-Thái độ vui vẻ, niềm nở, hiếu khách của anh cũng đã để lại trong lòng mọi người những ấn tượng khó quên.

**3. Đánh giá và liên hệ**

Bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, bằng sự đan xen giữa tự sự và miêu tả, đoạn trích đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn những vẻ đẹp trong tâm hồn nhân vật anh thanh niên- một chàng trai cởi mở, chân thành, chu đáo, hiếu khách và luôn có tinh thần trách nhiệm cao với công việc của mình. Anh thanh niên chính là hình ảnh đại diện của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước. Xây dựng nhân vật này, Nguyễn Thành Long muốn gửi vào đó lời ngợi ca đến những con người đang ngày đêm thầm lặng cống hiến cho dân tộc. Ngày nay, khi cuộc sống hiện đại, chiến tranh không còn, chúng ta vẫn bắt gặp những con người trẻ tuổi đang cống hiến hết mình vì đất nước. Đó là những y bác sĩ trẻ tuổi, những sinh viên ngành y luôn sẵn sàng xông pha vào nơi tuyến đầu chống dịch, là những người chiến sĩ nơi biên cương hải đảo không quản vất vả khó khăn đã và đang theo đuổi lí tưởng bảo vệ tổ quốc. Không ai khác, chính họ đã tiếp nối truyền thống của cha anh. Họ là những “anh thanh niên” của thời đại mới.

**III. Kết bài**

Chiến tranh đã lùi xa, đất nước đã thanh bình, ngày nay chúng ta được sống bình yên, hạnh phúc khiến ta càng trân trọng sự cống hiến thầm lặng của các thế hệ cha anh. Vì thế đã nhiều năm trôi qua nhưng đến nay truyện ngắn “ Lặng lẽ Sapa” của nhà văn Nguyễn Thành Long vẫn nguyên giá trị, và để lại trong lòng bạn đọc nhiều ấn tượng khó quên. Qua cuộc trò chuyện của anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ, đoạn trích đã khắc họa một trong những phẩm chất đáng quý ở anh thanh niên - một con người sống có lí tưởng, sống có trách nhiệm, nhiệt tình cống hiến sức trẻ cho đất nước. Anh thanh niên đã trở thành tấm gương cho thế hệ trẻ chúng ta học tập và noi theo. Với những giá trị trên truyện ngắn “ Lặng lẽ Sapa” qua bao thăng trầm của lịch sử vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc hôm nay và mai sau.

**=====================o0o====================**

**Đề số 6: Cảm nhận của em về vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Sapa qua hai đoạn trích sau:**

*Nắng bây giờ bắt đầu lèn tới, đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tít trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kính thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe.*

*Và:*

*Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Vả, khi ta việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả “thèm” hở bác? Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy.*

**I/Mở bài:**

Mỗi một tác phẩm văn học ra đời đều mang một số phận riêng. Có tác phẩm vừa cất tiếng chào đời đã chết yểu đáng thương. Có tác phẩm gây dư luận xôn xao một thời rồi bị độc giả quên lãng với thời gian. Nhưng cũng cả những bài thơ, quyển truyện có một sức sống lâu bền trong lòng bạn đọc, có một sức hút lạ kì. Truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long là một tác phẩm đặc sắc, để lại trong lòng mỗi chúng ta nhiều rung cảm đẹp đẽ. Đọc tác phẩm này, có lẽ người đọc sẽ không khỏi ấn tượng vớivẻ đẹp của thiên nhiên và con người Sapa. Đến với hai đoạn trích sau, chúng ta sẽ cảm nhận được điều đó:

*“Nắng bây giờ bắt đầu lèn tới, đốt cháy rừng cây.*

*[...]*

*Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe.*

*Và:*

*“Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình.*

*Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy.*”

**II/.Thân bài**

**1. Khái quát**

Lặng lẽ Sa Pa là kết quả của chuyến công tác ở Lào Cai trong mùa hè năm 1970, sau này được in trong tập  *Giữa trong xanh (* 1972). Đây là truyện ngắn tiêu biểu ở đề tài viết về cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc. Truyện kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa nhân vật anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ để từ đó ca ngợi những con người những công việc thầm lặng.

- Hai đoạn trích trên đã khắc họa rõ nét vẻ đẹp thơ mộng, đắm say của thiên nhiên Sa Pa và vẻ đẹp của con người Sa Pa qua nhân vật anh thanh niên- nhân vật chính của truyện

**2. Bức tranh thiên nhiên và con người Sa pa**

**a. Thiên nhiên Sapa**

Trước hết ngay từ những dòng đầu của tác phẩm tác giả đã đưa người đọc đến với vẻ đẹp thơ mộng đắm say của thiên nhiên Sa Pa. Trong trời đất tây bắc bạt ngàn, khi nghĩ đến Sa Pa người ta thường nghĩ đến nơi đây quanh năm sương phủ lạnh lẽo. Nhưng dưới con mắt của người họa sĩ hình ảnh rừng cây trong nắng hiện ra một cách kì lạ khiến ông họa sĩ và cô gái lần đầu lên Sa Pa bỗng nhiên im bặt: “ Nắng bây giờ đã bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây” Bằng biện pháp nhân hóa nắng hiện lên thật rực rỡ như một sinh thể có các trạng thái vận động khác nhau. Nắng không chỉ “len tới” mà còn “ Đốt cháy rừng cây”. Nắng di chuyển đẹp, kì thú, đem lại cho Sa Pa một vẻ đẹp huyền ảo đầy sức sống. Mây Sa Pa cũng hiện lên thật sinh động: “Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe.”=> bằng vài nét chấm phá điểm xuyết, vẫn là biện pháp nghệ thuật nhân hóa, tác giả đã thổi hồn vào những sự vật vô tri, vô giác để chúng hiện lên thật hồn nhiên, tinh nghịch, khiến cho bức tranh thiên nhiên hiện lên thật sinh động và tràn đầy sức sống. Tác giả đã khắc họa bức tranh thiên nhiên Sa Pa với vẻ đẹp trong trẻo, thơ mộng, hữu tình. Miêu tả bức tranh thiên nhiên bằng ngôn ngữ trong sáng, mỗi chữ, mỗi câu như có đường nét, hình khối, sắc màu. Văn xuôi truyện ngắn mà giàu nhịp điệu mang âm hưởng một bài thơ về thiên nhiên đất nước.  Rừng cây dưới nắng qua cách miêu tả của nhà văn cũng hiện lên thật đẹp. Cây thông thì “ rung tít trong nắng những ngón tay bằng bạc, còn những cây tử kinh thì nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng” Vẫn bằng nghệ thuật nhân hóa tác giả đã khiến cho rừng cây trở lên vô cùng sinh động, với những màu sắc tươi tắn: Màu xanh bạc của cây thông, màu hoa cà của cây tử kinh... tất cả đã làm cho thiên nhiên Sa Pa như bừng sáng, tinh nghịch, vui vẻ như một đứa trẻ Có thể nói đoạn văn miêu tả thiên nhiên Sa Pa dưới con mắt của người họa sĩ hiện lên như một tác phẩm hội họa lung linh, kì ảo. Không gian của bức tranh như được nới rộng, không có đường viền, giới hạn. Bức tranh ấy lại vừa có nhịp điệu âm thanh êm ái của bài thơ gợi lên sự yên bình, làm say đắm lòng người. Tác giả muốn đem đến cho các nhân vật sự khao khát, háo hức khi lần đầu tiên được đặt chân lên vùng đất mới.

**b. Vẻ đẹp con người Sapa hiện lên qua nhân vật anh thanh niên**

Đến với mảnh đất Sa Pa nhà văn Nguyễn Thành Long không chỉ cho chúng ta cảm nhận được vẻ đẹp thơ mộng của thiên nhiên mà còn cho ta cảm nhận sâu sắc về vẻ đẹp của con người qua nhân vật anh thanh niên. Đây là nhân vật chính của truyện. Tuy nhiên tác giả không cho nhân vật xuất hiện ngay từ đầu mà chỉ gián tiếp qua lời giới thiệu rất ấn tượng qua cuộc gặp gỡ ngắn ngủi, bất ngờ giữa anh với những vị khách trên chuyến xe đi Lào Cai khi họ dừng chân nghỉ. Nhân vật anh thanh niên chỉ hiện ra trong chốc lát nhưng đủ để các nhân vật khác kịp ghi nhận một ấn tượng, một kí họa chân dung về anh rồi anh lại khuất lấp trong mây mù bạt ngàn với cái lặng lẽ muôn thuở của Sa Pa.

**b.1: Hoàn cảnh sống và làm việc:**

Đoạn trích đưa ta đến vùng đất Sapa để gặp một chàng thanh niên 27 tuổi làm công tác khí tượng khí tượng kiêm vật lí địa cầu. Qua lời kể của bác lái xe cũng như qua cuộc trò chuyện ngắn ngủi trên đỉnh Yên Sơn giữa anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ, ta phần nào hiểu được hoàn cảnh sống, công việc và con người anh. Anh sống 1 mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 m. quanh năm làm bạn với thiên nhiên cây cỏ mây mù lạnh lẽo hoàn toàn vắng bóng con người. Khó khăn lớn nhất không phải là thiên nhiên khắc nghiệt mà chính là nỗi cô đơn. Hoàn cảnh sống ấy quả là một thử thách đối với tuổi trẻ vốn sung sức khao khát khao hành động. Tuy nhiên cũng chính hoàn cảnh sống đó đã làm choc ho những vẻ đẹp của anh tỏa sáng lung linh hơn.

**b2. Vẻ đẹp trong tính cách người thanh niên qua đoạn trích trên**

**\*Anh là một người yêu nghề, có niềm đam mê với khoa học**

- Nói về anh thanh niên trong đoạn trích này, trước hết ta nhận ra ở anh là tình yêu nghề và niềm đam mê với khoa học. Anh sống một mình trên đỉnh Yên Sơn với công việc bình dị: Đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất*.* Đây là một công việc vô cùng gian khổ vì mỗi ngày anh phải “ốp” đến 4 lần thậm chí cả những đêm mưa tuyết anh vẫn phải xách đèn ra vườn làm việc. Ấy vậy mà khi nói về công việc của mình, anh không hề than vãn, không một lần có ý định từ bỏ.Chính công việc ấy đã khiến anh có những suy nghĩ tích cực hơn về cuộc sống. Hồi chưa vào nghề, nhìn thấy một ngôi sao trên bầu trời đen, anh thường nghĩ chúng lẻ loi một mình nhưng từ khi làm nghề này anh không nghĩ như vậy nữa. Suy nghĩ của anh đã trở nên tích cực hơn bởi anh luôn coi công việc là bạn. Anh quan niệm*:” Khi làm việc ta với công việc là đôi sao gọi là một mình được”.*Một quan niệm thật giản dị nhưng thể hiện một lẽ sống đẹp. Với anh khi lao động con người với công việc là đôi, là bạn bởi thế anh không cảm thấy lẻ loi cô độc. Hơn nữa “ *công việc của cháu còn gắn với việc của bao anh em ,đồng chí dưới kia*”. Bên cạnh anh còn biết bao anh em đồng chí cùng đồng hành với anh, cùng anh âm thầm làm việc phấn đấu hết mình vì việc chung nên ko thể gọi là “*1 mình được”*

- Anh tiếp tục lời tâm sự chân tình, cởi mở “*Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi , cháu buồn đến chết mất”.* Lời tâm sự của anh mới thật đáng yêu làm sao! Dường như công việc đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc đời của anh vậy.Thực tế công việc vào giờ “ốp” đầy gian nan và vất vả. Đó là 1 thử thách lớn không phải ai cũng dễ dàng vượt qua. Nhưng lạ lùng làm sao anh lại nói” *cất nó đi cháu buồn đến chết mất*”. Lời tâm sự chân thành làm ta khâm phục biết bao.. Không biết tự bao giờ anh đã yêu cái công việc đầy gian khổ ấy. Được sống nơi này để làm việc, được cống hiến với anh là niềm hạnh phúc lớn nhất cuộc đời. Nhân vật anh thanh niên đã giúp ta hiểu hơn về thế hệ cha ông trong những năm đầu của thập niên bảy mươi ở thế kỉ XX, về tinh thần xây dựng xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta ở miền Bắc

**\*Một người sống có lý tưởng, có trách nhiệm.**

Không chỉ yêu nghề, anh thanh niên trong đoạn trích này còn là một người sống có lý tưởng, có trách nhiệm. Anh ý thức một cách rất rõ ràng: *Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc?*. Những suy nghĩ của anh thật khiến ta cảm phục. Nó cho thấy anh trẻ nhưng không hời hợt. Đặt ra những câu hỏi ấy là anh đã nhận thức được trách nhiệm của mình với quê hương đất nước. Mình sinh ra là con người mình cần phải sống đúng với trách nhiệm, với sứ mệnh của một con người. Mình đẻ ra ở cái mảnh đất Lào Cai này, mình phải có trách nhiệm góp phần xây dựng mảnh đất ấy. Và anh cũng hiểu rất rõ rằng anh vì ai mà làm việc. Ta còn nhớ anh đã từng tâm sự công việc của anh dự vào việc báo thời tiết phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. Anh ý thức rõ điều đó nên dù có mưa tuyết, dù có là nửa đêm anh vẫn trở dậy để xách đèn ra vườn đo những con số sao cho chính xác nhất. Anh sống một mình nhưng không cô đơn vì lúc nào trong tư tưởng của anh mục đích sống, lẽ sống vẫn luôn luôn tồn tại và nhắc nhở. Làm một công việc đơn độc, phải dậy vào lúc nửa đêm, phải ra ngoài trời lúc mưa bão, lạnh lẽo, anh có thể nằm ở trong nhà, lấy số liệu cũ mà gọi bộ đàm về để báo cáo. Nhưng anh không làm điều đó. Vì anh có trách nhiệm và anh hiểu rõ việc anh làm ở đây có liên quan, có ảnh hưởng đến cuộc sống lao động và chiến đấu của rất nhiều người lúc bấy giờ. Một con người như anh thật đáng để ta trân trọng.

**\*Một người sống cởi mở chân thành , quí trọng tình cảm.**

Cùng với vẻ đẹp của tình yêu nghề, của tinh thần trách nhiệm, anh thanh niên còn là một người sống cởi mở, chân thành và rất quý trọng tình cảm. Chỉ gặp họa sĩ và cô kĩ sư một cách tình cờ, trong thời gian rất ngắn ngủi- 30 phút, thế nhưng anh đã tâm tình cởi mở biết bao điều về cuộc sống và công việc của mình với họ.. Anh cứ thủ thỉ tâm tình trò chuyện với họ như với những người đã quen thân tự bao giờ. Bởi với anh được gặp người, trò chuyện với mọi người là 1 một niềm mong mỏi. Anh khẳng định nỗi khao khát của mình: *Còn người thì ai mà chả“thèm ”hở bác*? Lời nói của anh hồn nhiên, chân thật chẳng khác nào con người của anh. Nỗi thèm người của anh là một nhu cầu chính đáng, đáng quí. Điều đó cho thấy nỗi khát khao giao cảm được trò chuyện của một con người sống cởi mở , nồng nhiệt. Sự chân thành ,cởi mở quí trọng tình cảm của anh khiến ta xúc động và trân trọng vô cùng.

**3. Đánh giá và mở rộng**

Như vậy, bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, bằng sự đan xen giữa tự sự và miêu tả, đoạn trích đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Sapa. Thiên nhiên Sapa thơ mộng trữ tình như một bức tranh đẹp còn con người SaPa mà tiêu biếu là anh thanh niên cũng hiện lên với rất nhiều những nét đẹp trong tâm hồn. Anh thanh niên chính là hình ảnh đại diện của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước. Xây dựng nhân vật này, Nguyễn Thành Long muốn gửi vào đó lời ngợi ca đến những con người đang ngày đêm thầm lặng cống hiến cho dân tộc. Ngày nay, khi cuộc sống hiện đại, chiến tranh không còn, chúng ta vẫn bắt gặp những con người trẻ tuổi đang cống hiến hết mình vì đất nước. Đó là những y bác sĩ trẻ tuổi, những sinh viên ngành y luôn sẵn sàng xông pha vào nơi tuyến đầu chống dịch, là những người chiến sĩ nơi biên cương hải đảo không quản vất vả khó khăn đã và đang theo đuổi lí tưởng bảo vệ tổ quốc. Không ai khác, chính họ đã tiếp nối truyền thống của cha anh. Họ là những “anh thanh niên” của thời đại mới.

1. **Kết bài:**

Qua hai đoạn văn trên giúp ta thấy được vẻ đẹp của thiên nhiên Sa Pa, cũng như con người Sa Pa tiêu biểu là nhân vật anh thanh niên. Tác giả Nguyễn Thành Long đã thành công trong việc khắc họa cảnh đẹp thiên nhiên của đất nước và nét đẹp của tuổi trẻ Việt Nam trong chiến tranh cũng như trong giai đoạn hiện nay. Với truyện ngắn này, phải chăng nhà văn muốn khẳng định cuộc sống của chúng ta được làm nên từ bao phấn đấu, hy sinh lớn lao và thầm lặng? Những con người cần mẫn, nhiệt thành như anh thanh niên ấy khiến cuộc sống này thật đáng trân trọng, thật đáng tin yêu.

**BỘ TÀI LIỆU ĐOẠN TRÍCH TRUYỆN NGỮ VĂN 9**

**ÔN THI VÀO THPT**

**TRUYỆN NGẮN “CHIẾC LƯỢC NGÀ” – NGUYỄN QUANG SÁNG**

**(3 đề)**

**ĐỀ 1: Cảm nhận về tình cha con của ông Sáu và bé Thu trong đoạn trích sau:**

*Đến lúc chia tay, mang ba lô lên vai, sau khi bắt tay hết mọi người, anh Sáu mới đưa mắt nhìn con, thấy nó đứng trong góc nhà.*

*Chắc anh cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng lại sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó. Anh nhìn với đôi mắt trìu mến lẫn buồn rầu. Tôi thấy đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao.*

*- Thôi ! Ba đi nghe con ! – Anh Sáu khe khẽ nói.*

*Chúng tôi, mọi người – kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên:*

*- Ba…a…a… ba!*

*Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “ba” như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Tôi thấy làn tóc tơ sau ót nó như dựng đứng lên.*

*Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc:*

*- Ba! Không cho ba đi nữa ! Ba ở nhà với con !*

*Ba nó bế nó lên. Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa...*

*[…]*

*Trong lúc đó, nó vẫn ôm chặt lấy ba nó. Không ghìm được xúc động và không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con:*

*- Ba đi rồi ba ba về với con.*

*- Không! – Con bé hét lên, hai tay siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run”*

(Nguyễn Quang Sáng, Chiếc lược ngà, Ngữ văn 9, tập 1)

**Dàn ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung** |
| **I. Mở bài** | **1. Mở bài: Giới thiệu nhà văn, tác phẩm và vấn đề nghị luận:**  **- Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**  - **Giới thiệu vấn đề nghị luận:** Tình cảm sâu nặng của cha con anh Sáu  - Trích dẫn đoạn trích |
| **II.Thân bài** | **1. Khái quát:**  -Tác phẩm *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt.  -Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó làm nổi bật tình cha con sâu nặng đồng thời khẳng định:Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.  Truyện hấp dẫn bạn đọc ở cách kể chuyện tự nhiên, đầy cảm động, cách xây dựng tình huống bất ngờ nhưng cũng đấy trớ trêu.  **- Tóm tắt truyện và dẫn dắt tình huống:**  Ở phần đầu của tác phẩm, Nguyễn Quang Sáng đã cho người đọc thấy được tình cảnh éo le của cha con ông Sáu. Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến, mãi đến khi con gái ông lên tám tuổi, ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Nhưng trớ trêu thay, bé Thu – con gái ông lại không chịu nhận cha vì vết theo trên mặt làm ba em không giống với người chụp chung với má trong bức ảnh mà em đã biết. Thu đối xử với ba như người xa lạ dù cho ba có hết mực quan tâm. Và đến lúc em nhận ra, tình cảm cha con thức dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải lên đường. Đoạn trích trên đã ghi lại những giây phút cảm động nhất khi bé Thu nhận ra anh Sáu. |
|  | **2. Cảm nhận về tình cha chon trong đoạn trích**  **a. Tình yêu thương của ông Sáu với con**  - Lúc chia tay, ông nhìn con trìu mến lẫn *“buồn rầu”* đôi mắt của người cha giàu tình thương yêu, độ lượng, có phần thất vọng, sợ con không đón nhận tình cảm của mình. =>Ánh mắt cho thấy nỗi xót xa, cả sự yếu đuối của một người lính trước tình cảm gia đình.  - Vào giây phút cuối cùng , khi sắp phải chia tay, ông Sáu lại vỡ òa trong hạnh phúc vì tiếng gọi ba bất ngờ từ bé Thu *"b...a..".*  - Ông Sáu sững sờ, một lần nữa không kìm nén được xúc động, người đàn ông ấy “*một tay ôm con, một tay lấy khen lau nước mắt rồi hôn lên mái tóc con”*.  - Lời hứa trở về cùng chiếc lược ngà cho con đã gói trọn tình cảm yêu thương, gắn bó sâu sắc, mãnh liệt mà ông dành cho con .  =>Đây là món quà ý nghĩa nhất mà ông Sáu nhận được trước giây phút lên đường. =>**Tình yêu con của ông Sáu đã chiến thắng mọi khoảng cách của sự biệt li. Tình cảm ấy luôn vẹn nguyên, ấm áp và tràn đầy.**  **b. Tình yêu thương bé Thu dành cho ông Sáu**  - Khi được nghe bà ngoại giải thích, anh Sáu không giống trong bức ảnh thì bé Thu hiểu ra mình đã sai. Thu đã rất ân hận về hành động của mình.  **-** Trong giờ phút cuối cùng trước khi cha đi, tình cảm dồn nén bấy lâu nay bùng lên thật mãnh liệt, mạnh mẽ.Mọi thái độ và hành động của bé Thu bỗng đột ngột thay đổi.  - Khi nhìn thẳng, đối diện với người cha *"đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao*". Đằng sau đôi mắt mênh mông ấy chắc đang xao động biết bao ý nghĩ, tình cảm.  - Lần đầu tiên bé cất tiếng gọi *"Ba...ba"* và tiếng kêu “*như tiếng xé , xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người*” cùng với đó là hành động *“chạy nhanh như sóc ôm lấy cổ ba nó*" cùng với cử chỉ *“hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài trên má của ba nó nữa”.*  - Và khi ông Sáu nói "*Ba đi rồi ba về với con*", bé Thu đã hét lên *"không*", rồi *“hai tay siết chặt lấy cổ”,* “*dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba”*, “*đôi vai nhỏ bé run run”.*  => Từ giây phút bé Thu thức tỉnh, tình cảm tính cách của bé đã thay đổi. **Sự ương ngạnh, bướng bỉnh của cô bé tám tuổi đã không còn, mà thay vào đó là tình yêu cha, thương cha, tự hào về cha.**  **-** Chính tình yêu thương cha ấy đã tạo nên một sức mạnh thôi thúc, rèn giũa để Thu trưởng thành sau này, khi trở thành một cô giao liên gan dạ, dũng cảm.  =>Qua đó ta thấy Thu yêu thương ba vô cùng, một tình yêu mãnh liệt, chân thành, thắm thiết. Tình yêu đó được bộc lộ một cách cảm động qua hoàn cảnh éo le của chiến tranh. |
|  | **3. Đánh giá**  **\*Đánh giá về nội dung và nghệ thuật**  - Bằng nghệ thuật **miêu tả tâm lí và xây dựng tính cách nhân vật** đặc sắc cùng với **ngôn ngữ giản dị, đậm chất Nam Bộ**, nghệ thuật xây dựng **tình huống truyện bất ngờ nhưng tự nhiên hợp lí ,** đoạn trích thể hiện một cách chân thực và cảm động **tình cảm yêu thương sâu nặng của hai cha con ông Sáu trong giờ phút chia tay.**  - Đoạn trích cho ta nhận ra ở nhà văn Nguyễn Quang Sáng là sự am hiểutâm lí trẻ thơ, sự trân trọng đặc biệt đối với tình cảm gia đình và đặc biệt là tình phụ tử.  **\* Mở rộng nâng cao vấn đề, liên hệ thực tiễn**  - Ngày nay cuộc sống đã có nhiều thay đổi, chiến tranh đã không còn nhưng dù trong thời đại nào, trong hoàn cảnh nào thì tình phụ tử bao giờ cũng là thứ tình cảm thiêng liêng và cao đẹp. Không ai khác, cha chính là chỗ dựa vững chắc cho mỗi chúng ta trong suốt hành trình trình dài và rộng của cuộc đời. |
| **III.Kết bài** | **-Nhận xét chung về đoạn trích**  **- Đoạn trích khơi gợi tình cảm gì**  **- Em rút ra được bài học gì từ đoạn trích** |

**Bài viết tham khảo:**

**I.Mở bài**

Bom đạn chiến tranh đã khiến cho đất nước mang trên mình những vết thương, khiến cho bao gia đình tan nát vì chia xa, những nỗi đau cứ thế mà chồng chất. Tuy nhiên, giữa bản nhạc buồn của chiến tranh, văn học vẫn mang đến cho đời sống tình cảm của con người những cung bậc, những âm thanh da diết, tuyệt đẹp về tinh thần đoàn kết, về tình đồng đội, đồng chí và cả tình cảm gia đình thiêng liêng bất diệt. Một trong những tác phẩm hay nhất viết về tình cảm gia đình trong chiến tranh là truyện ngắn “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Tác phẩm đã giúp người đọc cảm nhận được tình cảm cha con sâu nặng giữa bé Thu và ông Sáu trong những năm tháng chiến tranh ác liệt nhất. Điều đó được thể hiện một cách rõ nét qua đoạn trích sau:

*“Đến lúc chia tay, mang ba lô lên vai, sau khi bắt tay hết mọi người, anh Sáu mới đưa mắt nhìn con, thấy nó đứng trong góc nhà.*

*[...]*

*- Không! – Con bé hét lên, hai tay siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run”*

**II. Thân bài**

1. **Khái quát về tác phẩm và tóm tắt để dẫn vào đoạn trích**

**1. Khái quát:**

Tác phẩm *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó làm nổi bật tình cha con sâu nặng đồng thời khẳng định: Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được. Truyện hấp dẫn bạn đọc ở cách kể chuyện tự nhiên, đầy cảm động, cách xây dựng tình huống bất ngờ nhưng cũng đầy trớ trêu.

Ở phần đầu của tác phẩm, Nguyễn Quang Sáng đã cho người đọc thấy được tình cảnh éo le của cha con ông Sáu. Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến, mãi đến khi con gái ông lên tám tuổi, ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Nhưng trớ trêu thay, bé Thu – con gái ông lại không chịu nhận cha vì vết theo trên mặt làm ba em không giống với người chụp chung với má trong bức ảnh mà em đã biết. Thu đối xử với ba như người xa lạ dù cho ba có hết mực quan tâm. Và đến lúc em nhận ra, tình cảm cha con thức dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải lên đường. Đoạn trích trên đã ghi lại những giây phút cảm động nhất khi bé Thu nhận ra anh Sáu.

**2.Cảm nhận về tình cha con của ông Sáu và bé Thu trong đoạn trích**

**a. Tình yêu thương của ông Sáu với con**

Đọc đoạn trích này, người đọc không khỏi cảm động trước tình cảm mà ông Sáu dành cho con. Dù không được con bé chấp nhận và yêu thương, nhưng đối với ông Sáu ba ngày ngắn ngủi đó cũng khiến ông vơi đi nỗi nhớ về con sau tám năm xa cách đằng đẵng. Lúc chia tay, ông nhìn con trìu mến lẫn *“buồn rầu”* . Đó là ánh nhìn của người cha giàu tình thương yêu, độ lượng nhưng có phần thất vọng, sợ con không đón nhận tình cảm của mình. *Có lẽ ông cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng lại sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy, nên ôngchỉ đứng nhìn nó từ xa.*  Ánh mắt cho thấy nỗi xót xa, cả sự yếu đuối của một người lính trước tình cảm gia đình. Nhưng thật bất ngờ, vào giây phút cuối cùng , khi sắp phải chia tay, ông Sáu lại vỡ òa trong hạnh phúc vì tiếng gọi ba bất ngờ của con gái*"b...a..".* Ông Sáu sững sờ, một lần nữa không kìm nén được xúc động, người đàn ông ấy “*một tay ôm con, một tay lấy khen lau nước mắt rồi hôn lên mái tóc con”*. Một người lính cách mạng vào sinh ra tử biết bao lần nhưng hôm nay đã khóc vì nghẹn ngào, xúc động. Đó là giọt nước mắt của hạnh phúc, của niềm vui sướng bởi ông cảm nhận được tình ruột thịt từ cô con gái bé bỏng của mình. Nhưng dù vui sướng bao nhiêu thì ông cũng vẫn phải vào chiến trường để tiếp tục với con đường, với lí tưởng bảo vệ tổ quốc. Trước khi trở lại chiến trường, ông đã hứa sẽ làm tặng con gái cây lược. Giọt nước mắt mà ông cố giấu và lời hứa trở về cùng chiếc lược ngà cho con đã gói trọn tình cảm yêu thương, gắn bó sâu sắc, mãnh liệt mà ông dành cho con . Có thể nói, đây là món quà ý nghĩa nhất mà ông Sáu nhận được trước giây phút lên đường. **Tình yêu con của ông Sáu đã chiến thắng mọi khoảng cách của sự biệt li. Tình cảm ấy luôn vẹn nguyên, tràn đầy và ấm áp.**

**b. Tình yêu thương bé Thu dành cho ông Sáu**

Cùng với tình cảm của người cha, đoạn trích còn ghi lại một cách xúc động nhất tình cảm của bé Thu dành cho cha của mình. Sau khi được bà ngoại giải thích vì sao cha không giống trong bức ảnh thì bé Thu hiểu ra mình đã sai. Thu đã rất ân hận về hành động của mình. Nếu trước đây Thu bướng bỉnh, ương ngạnh không nhận anh Sáu quyết liệt bao nhiêu thì khi nhận ra cha tình cảm yêu thương lại càng sâu nặng bấy nhiêu. Trong giờ phút cuối cùng trước khi cha đi, tình cảm dồn nén bấy lâu nay bùng lên thật mãnh liệt, mạnh mẽ.Mọi thái độ và hành động của bé Thu bỗng đột ngột thay đổi. Khi đối diện với người cha *"đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao*". Đằng sau đôi mắt mênh mông ấy chắc đang xao động biết bao ý nghĩ, tình cảm. Đó có thể là sự ân hận về thái độ của mình, là niềm ao ước giá như mình không cư xử với cha như vậy. Lần đầu tiên con bé cất tiếng gọi *"Ba...ba"* . Nhà văn Nguyễn Quang Sáng miêu tả: “*Tiếng kêu của nó* *như tiếng xé , xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người*” . Đó là tiếng “ba” nó cố đè nén trong bao nhiêu năm, nay như vỡ tung ra từ đáy lòng nó”. Tiếng gọi thân thương ấy đứa trẻ nào cũng gọi đến thành quen nhưng với cha con Thu là nỗi khát khao của tam năm trời cách xa thương nhớ. Đó là tiếng gọi của trái tim, của tình yêu trong lòng đứa bé tám tuổi mong chờ giây phút gặp ba. Cùng với đó là hành động *“chạy nhanh như sóc ôm lấy cổ ba nó*" , là cử chỉ *“hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài trên má của ba nó nữa”.* Tâm lý ngờ vực chỉ vì vết sẹo đã được giải tỏa.Vì thế trong phút chia tay với cha, tình yêu và nỗi mong nhớ suốt bao năm trời bị dồn nén nay trở nên mạnh mẽ và có cả sự hối hận. Cảnh tượng ấy diễn ra thật xúc động. Và khi ông Sáu nói "*Ba đi rồi ba về với con*", bé Thu đã hét lên *"không*", rồi hai tay nó siết chặt cổ ba. Như thấy hai tay không thể giữ được ba, nó đã “*dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba”*, “*đôi vai nhỏ bé run run”.* Chắc cô bé đã khóc, khóc và ân hận vì mình đã không nhận ra cha, khóc vì xót thương người cha vì chiến tranh mà phải xa gia đình. Chỉ vì bom đạn quân thù, mà ba đã mang sẹo trên mặt. Đó là điều đau khổ.Vậy mà, bé Thu đã không hiểu, lại còn xa lánh cha khiến cha đau khổ hơn. Khi được bà ngoại giảng cho, bé đã hiểu. Nhưng có lẽ khi bé hiểu ra thì đã muộn rồi. Cha bé lại phải xa gia đình trở lại chiến trường, phải chịu bao gian khổ của mưa bom bão đạn. Vì vậy, mà bé Thu mới siết chặt lấy cổ cha, níu chặt lấy người cha như muốn đền bù những hành động sai lầm của bé. Từ giây phút bé Thu thức tỉnh, tình cảm tính cách của bé đã thay đổi. Sự ương ngạnh, bướng bỉnh của cô bé tám tuổi đã không còn, mà thay vào đó là tình yêu cha, thương cha, tự hào về cha. Chính tình yêu thương cha ấy đã tạo nên một sức mạnh thôi thúc, rèn giũa để Thu trưởng thành sau này, khi trở thành một cô giao liên gan dạ, dũng cảm. Qua phân tích tất cả những hành động ấy cho thấy Thu yêu thương ba vô cùng, một tình yêu mãnh liệt, chân thành, thắm thiết. Tình yêu đó được bộc lộ một cách cảm động qua hoàn cảnh éo le của chiến tranh.

**3.Đánh giá + mở rộng :**

Bằng nghệ thuật **miêu tả tâm lí và xây dựng tính cách nhân vật** đặc sắc cùng với **ngôn ngữ giản dị, đậm chất Nam Bộ**, nghệ thuật xây dựng **tình huống truyện bất ngờ nhưng tự nhiên hợp lí ,** đoạn trích thể hiện một cách chân thực và cảm động **tình cảm yêu thương sâu nặng của hai cha con ông Sáu trong giờ phút chia tay.** Đoạn trích cho ta nhận ra ở nhà văn Nguyễn Quang Sáng là sự am hiểutâm lí trẻ thơ, sự trân trọng đặc biệt đối với tình cảm gia đình và đặc biệt là tình phụ tử. Ngày nay cuộc sống đã có nhiều thay đổi, chiến tranh đã không còn nhưng dù trong thời đại nào, trong hoàn cảnh nào thì tình phụ tử bao giờ cũng là thứ tình cảm thiêng liêng và cao đẹp. Không ai khác, cha chính là chỗ dựa vững chắc cho mỗi chúng ta trong suốt hành trình trình dài và rộng của cuộc đời.

**III/ Kết bài**

Tóm lại, với truyện ngắn “*Chiếc lược ngà*” Nguyễn Quang Sáng đã ca ngợi tình phụ tử giản dị mà thiêng liêng, với những con người giàu tình cảm và đẹp đẽ như nhân vật bé Thu và ông Sáu. Đoạn trích trên không chỉ **ca ngợi tình cha con sâu nặng thắm thiết trước lúc chia tay**, mà còn gợi cho chúng ta những suy ngẫm và thấm thía được những mất mát đau thương, éo le mà chiến tranh gây ra… Vì thế mà ta càng **quý cuộc sống thanh bình của ngày hôm nay, quý tình cha cao thượng và vĩ đại.**

**=============o0o==============**

**Đề số 2: Phân tích tình cảm của ông Sáu dành cho con gái qua đoạn trích dưới đây**

*[...] Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hớt hải chạy về, tay cầm khúc ngà đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà.*

*Sau đó anh lấy vỏ đạn hai mươi ly của Mĩ, đập mỏng làm thành một cây cưa nhỏ, ca khúc ngà thành từng miếng nhỏ. Những lúc rồi, anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc... Một ngày anh chưa được một vài răng. Không bao lâu sau, cây lược được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi... cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tẩn mẩn khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”... Những đêm nhớ con, .... anh lấy cây lược ra ngắm nghía, rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Có cây lược, anh càng mong gặp lại con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra...Anh bị viên đạn của máy bay Mỹ bắn vào ngực. Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trồi lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh.*

(Nguyễn Quang Sáng, Chiếc lược ngà, Ngữ văn 9, tập 1)

**Dàn ý:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung** |
| **I. Mở bài** | **1. Mở bài: Giới thiệu nhà văn, tác phẩm và vấn đề nghị luận:**  **- Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**  - **Giới thiệu vấn đề nghị luận:** Tình cảm sâu nặng của ông Sáu dành cho con |
| **II.Thân bài** | **1. Khái quát:**  -Tác phẩm *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt.  -Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó làm nổi bật tình cha con sâu nặng đồng thời khẳng định:Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.  Truyện hấp dẫn bạn đọc ở cách kể chuyện tự nhiên, đầy cảm động, cách xây dựng tình huống bất ngờ nhưng cũng đấy trớ trêu.  **- Tóm tắt truyện và dẫn dắt tình huống:**  Ở phần đầu của tác phẩm, Nguyễn Quang Sáng đã cho người đọc thấy được tình cảnh éo le của cha con ông Sáu. Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến, mãi đến khi con gái ông lên tám tuổi, ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Nhưng trớ trêu thay, bé Thu – con gái ông lại không chịu nhận cha vì vết theo trên mặt làm ba em không giống với người chụp chung với má trong bức ảnh mà em đã biết. Thu đối xử với ba như người xa lạ dù cho ba có hết mực quan tâm. Và đến lúc em nhận ra, tình cảm cha con thức dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải lên đường. Ra đi, ông đã hứa mua tặng cho con một cây lược. Ở nơi chiến trường, tìm được khúc ngà, ông đã dồn hết tình cảm yêu thương, mong nhớ của mình để làm tặng cây lược cho con nhưng lược chưa kịp trao cho con gái thì ông đã hi sinh trong một trận càn của giặc Đoạn trích trên đã ghi lại những cảnh tượng cuối cùng đầy xúc động đó. |
|  | **2. Tình cảm của ông Sáu dành cho con qua đoạn trích**  **\*Tình yêu con được thể hiện ở niềm vui khi có thể thực hiện lời hứa với cô con gái bé nhỏ.**  **-** Vào chiến trường ông Sáu không nguôi nhớ về con. Nhớ con, ông lại ân hận, day dứt khi mình đã đánh con bé.  - Khi **kiếm được một khúc ngà,** mặt ông “hớn hở như một đứa trẻ được quà”.  - Tác giả so sánh niềm vui của ông Sáu với niềm vui của “một đứa trẻ được quà”. => So sánh như vậy là nhà văn muốn làm nổi bật niềm hạnh phúc của người cha khi có thể thực hiện được lời hứa với con, khi có thể làm tặng con một cây lược.  **\*Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ trở thành một nghệ nhân**  **-**  Có khúc ngà rồi, những lúc rỗi, ông Sáu*“ngồi cưa từng chiếc răng lược, thận trọng tỉ mỉ và khổ công như người thợ bạc*”.  - Trên sống lưng cây lược, ông đã tận mẩn khắc một dòng chữ nhỏ: *“Yêu nhớ tặng Thu con của ba”*. Đó là tình yêu, là nỗi nhớ con luôn thường trực.   - Việc làm chiếc lược vừa là cách ông giải tỏa tâm trạng mong nhớ, ân hận vừa là cách gửi vào đó những yêu thương khao khát cháy bỏng dành cho đứa con gái yêu của mình.  - Chiếc lược ngà trở thành một vật quí giá thiêng liêng với ông Sáu. Nó làm dịu đi nỗi ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm yêu mến, nhớ thương, mong đợi của của người cha đối với đứa con xa cách. Ông gửi vào đó bao lời nhắn nhủ thiêng liêng, gửi vào đó bao nỗi nhớ mong con.  - Chiếc lược ngà là kết tinh tình phụ tử mộc mạc mà đằm thắm, đơn sơ mà diệu kì là hiện hữu của tình cha con sâu nặng giữa ông Sáu và bé Thu.  => Vì thế mà hình ảnh “chiêc lược ngà” được tác giả chọn làm nhan đề cho tp  **\* Trong giờ phú cuối cùng, điều duy nhất ông Sáu nghĩ đến là con gái**  **-** Trong một trận càn của quân Mỹ ngụy, ông Sáu bị một viên đạn bắn vào ngực và ông đã hi sinh. *“Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trồi lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được”,* tất cả tàn lực cuối cùng chỉ còn cho ông làm một việc “đưa tay vào túi, móc cây lược” đưa cho người bạn chiến đấu.  **-**  Đó là điều trăng trối không lời nhưng nó thiêng liêng hơn cả những lời di chúc. Nó là sự ủy thác, là ước nguyện cuối cùng, ước nguyện của tình phụ tử. - Chiếc lược ngà như là biểu tượng của tình thương yêu, săn sóc của người cha dành cho con gái, cho dù đến khi không còn nữa anh chưa một lần được chải tóc cho con.  - Chiến tranh đã làm cho con người phải xa nhau, chiến tranh làm khuôn mặt ông Sáu biến dạng, chiến tranh khiến cuộc gặp gỡ của hai cha con vô cùng éo le, bị thử thách rồi một lần nữa chiến tranh lại khắc nghiệt để ông Sáu chưa kịp trao chiếc lược ngà đến tận tay cho con mà đã phải hi sinh trên chiến trường. Nhưng có một điều chiến tranh không thể giết chết được, đó là tình cảm gia đình, tình phụ tử.  - “Chiếc lược ngà” như một truyện cổ tích hiện đại dẫn người đọc dõi theo số phận của nhân vật. Người còn, người mất những kỉ vật gạch nối giữa cái mất mát và sự tồn tại là chiếc lược ngà nói với chúng ta nhiều điều về tình người, tình đồng chí, tình cha con. Cảm động nhất, đề lại ấn tượng nhiều nhất cho người đọc là tình phụ tử thiêng liêng, sâu đậm – tình yêu thương mà ông Sáu dành cho đứa con gái. |
|  | **3. Đánh giá**  **\*Đánh giá về nội dung và nghệ thuật**  **- N**hân vật ông Sáu được nhà văn xây dựng bằng những nét nghệ thuật đặc sắc, ngòi bút miêu tả tâm lí tinh tế đã phát hiện bao cung bậc cảm xúc của tình phụ tử.Ngôn ngữ kể chuyện vừa truyền cảm, vừa mang đậm chất địa phương Nam Bộ đem đến cho người đọc nhiều xúc động.Những chi tiết nghệ thuật rất đắt giá như lời dặn mua cho con cây lược của bé Thu, ông Sáu hớn hở khi kiếm được chiếc ngà voi... Tất cả đã góp phần tô đậm vẻ đẹp của người chiến sĩ Cách mạng, của người cha yêu con nồng thắm.  - Đoạn trích cho ta nhận ra ở nhà văn Nguyễn Quang Sáng là sự am hiểu tâm lí con người, sự trân trọng đặc biệt đối với tình cảm gia đình và đặc biệt là tình phụ tử.  **\* Mở rộng nâng cao vấn đề, liên hệ thực tiễn**  - Ngày nay cuộc sống đã có nhiều thay đổi, chiến tranh đã không còn nhưng dù trong thời đại nào, trong hoàn cảnh nào thì tình phụ tử bao giờ cũng là thứ tình cảm thiêng liêng và cao đẹp. Không ai khác, cha chính là chỗ dựa vững chắc cho mỗi chúng ta trong suốt hành trình trình dài và rộng của cuộc đời. |
| **III.Kết bài** | **-Nhận xét chung về đoạn trích**  **- Đoạn trích khơi gợi tình cảm gì**  **- Em rút ra được bài học gì từ đoạn trích** |

**Bài viết tham khảo:**

**I.Mở bài**

Bom đạn chiến tranh đã khiến cho đất nước mang trên mình những vết thương, khiến cho bao gia đình tan nát vì chia xa, những nỗi đau cứ thế mà chồng chất. Tuy nhiên, giữa bản nhạc buồn của chiến tranh, văn học vẫn mang đến cho đời sống tình cảm của con người những cung bậc, những âm thanh da diết, tuyệt đẹp về tinh thần đoàn kết, về tình đồng đội, đồng chí và cả tình cảm gia đình thiêng liêng bất diệt. Một trong những tác phẩm hay nhất viết về tình cảm gia đình trong chiến tranh là truyện ngắn “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Tác phẩm đã giúp người đọc cảm nhận được tình cảm cha con sâu nặng đặc biệt là tình cảm yêu thương tha thiết mà ông Sáu dành cho con. Đến với đoạn trích sau, người đọc sẽ thấy được điều đó:

*“Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hớt hải chạy về, tay cầm khúc ngà đưa lên khoe với tôi.*

*[...]*

*Tôi không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh.”*

**II. Thân bài**

1. **Khái quát về tác phẩm và tóm tắt để dẫn vào đoạn trích**

**1. Khái quát:**

Tác phẩm *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó làm nổi bật tình cha con sâu nặng đồng thời khẳng định: Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được. Truyện hấp dẫn bạn đọc ở cách kể chuyện tự nhiên, đầy cảm động, cách xây dựng tình huống bất ngờ nhưng cũng đầy trớ trêu.

Ở phần đầu của tác phẩm, Nguyễn Quang Sáng đã cho người đọc thấy được tình cảnh éo le của cha con ông Sáu. Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến, mãi đến khi con gái ông lên tám tuổi, ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Nhưng trớ trêu thay, bé Thu – con gái ông lại không chịu nhận cha vì vết theo trên mặt làm ba em không giống với người chụp chung với má trong bức ảnh mà em đã biết. Thu đối xử với ba như người xa lạ dù cho ba có hết mực quan tâm. Và đến lúc em nhận ra, tình cảm cha con thức dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải lên đường Ra đi, ông đã hứa mua tặng cho con một cây lược. Ở nơi chiến trường, tìm được khúc ngà, ông đã dồn hết tình cảm yêu thương, mong nhớ của mình để làm tặng cây lược cho con nhưng lược chưa kịp trao cho con gái thì ông đã hi sinh trong một trận càn của giặc Đoạn trích trên đã ghi lại những cảnh tượng cuối cùng đầy xúc động đó.

**2. Tình cảm của ông Sáu dành cho con khi ông ở căn cứ kháng chiến.**

**\*Tình yêu con được thể hiện ở niềm vui khi có thể thực hiện lời hứa với cô con gái bé nhỏ.**

**Tình cảm của ông Sáu đối với con trước hết được thể hiện ở niềm vui khi có thể thực hiện được lời hứa với cô con gái bé nhỏ.** Vào chiến trường ông Sáu không nguôi nhớ về con. Nhớ con, ông lại ân hận, day dứt khi mình đã đánh con bé. Rồi lời dặn của con: *“Ba về ba mua cho con một cây lược nghe ba”*đã thôi thúc ông nghĩ đến việc làm cho con một cây lược bằng ngà. Làm cây lược trở thành bổn phận của người cha, thành tiếng gọi cầu khẩn của tình yêu thương con. Và có lẽ cũng vì thế mà khikiếm được một khúc ngà, mặt ông “hớn hở như một đứa trẻ được quà”. Nguyễn Quang Sáng đã rất thành công khi miêu tả tâm lí của người cha. Tác giả so sánh niềm vui của ông Sáu với niềm vui của “một đứa trẻ được quà”. Trẻ con nhận được quà bao giờ cũng cảm thấy rất sung sướng. So sánh như vậy là nhà văn muốn làm nổi bật niềm hạnh phúc của người cha khi có thể thực hiện được lời hứa với con, khi có thể làm tặng con một cây lược.

**\*Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ trở thành một nghệ nhân**

**Và chính tình yêu thương con mãnh liệt đã biến một người chiến sĩ cách mạng như ông Sáu trở thành một nghệ nhân** - nghệ nhân chỉ sáng tạo ra một tác phẩm duy nhất trong đời. Có khúc ngà rồi, những lúc rỗi, ông Sáu “ngồi cưa từng chiếc răng lược, thận trọng tỉ mỉ và khổ công như người thợ bạc”. Trên sống lưng cây lược, ông đã tận mẩn khắc một dòng chữ nhỏ: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”. Dòng chữ nhỏ mà chứa bao tình cảm lớn lao. Đó là tình yêu, là nỗi nhớ con luôn thường trực. Việc làm chiếc lược vừa là cách ông giải tỏa tâm trạng mong nhớ, ân hận vừa là cách gửi vào đó những yêu thương khao khát cháy bỏng dành cho đứa con gái yêu của mình. Chiếc lược ngà giờ đây đã trở thành một vật quí giá thiêng liêng với ông Sáu. Nó làm dịu đi nỗi ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm yêu mến, nhớ thương, mong đợi của của người cha đối với đứa con xa cách. Ông gửi vào đó bao lời nhắn nhủ thiêng liêng, gửi vào đó bao nỗi nhớ mong con. Chiếc lược ngà là kết tinh tình phụ tử mộc mạc mà đằm thắm, đơn sơ mà diệu kì là hiện hữu của tình cha con sâu nặng giữa ông Sáu và bé Thu. Tình thương ông dành cho con cháy bỏng, như một dòng sông chảy mãi từ suối nguồn, như dòng máu chảy sâu vào tim ông, vào tâm hồn ông đến phút cuối vẫn bùng cháy chẳng nguôi. Và có lẽ cũng chính vì ý nghĩa thiêng liêng ấy nên hình anh chiếc lược ngà đã được nhà văn chọn để đặt làm tên nhan đề cho tác phẩm.

**\* Trong giờ phút cuối cùng, điều duy nhất a Sáu nghĩ đến là con gái**

Bao nhiêu yêu thương và mong nhớ được ông Sáu gửi gắm vào cây lược những mong ngày đất nước độc lập, được trở về bên con, được tận tay trao cho con cây lược ấy. Thế nhưngMột tình cảnh đau thương lại đến với cha con ông Sáu.Trong một trận càn của quân Mỹ ngụy, ông Sáu bị một viên đạn bắn vào ngực và ông đã hi sinh. *“Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trồi lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được”,* tất cả tàn lực cuối cùng chỉ còn cho ông làm một việc *“đưa tay vào túi, móc cây lược”* đưa cho người bạn chiến đấu. Đó là điều trăng trối không lời nhưng nó thiêng liêng hơn cả những lời di chúc. Nó là sự ủy thác, là ước nguyện cuối cùng, ước nguyện của tình phụ tử. Chiếc lược ngà như là biểu tượng của tình thương yêu, săn sóc của người cha dành cho con gái, cho dù đến khi không còn nữa anh chưa một lần được chải tóc cho con.Những dòng cuối cùng của đoạn trích khép lại trong nỗi buồn mênh mang mà chứa chan ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Chiến tranh là hiện thực đau xót của nhân loại. Chiến tranh đã làm cho con người phải xa nhau, chiến tranh làm khuôn mặt ông Sáu biến dạng, chiến tranh khiến cuộc gặp gỡ của hai cha con vô cùng éo le, bị thử thách rồi một lần nữa chiến tranh lại khắc nghiệt để ông Sáu chưa kịp trao chiếc lược ngà đến tận tay cho con mà đã phải hi sinh trên chiến trường. “Chiếc lược ngà” như một truyện cổ tích hiện đại dẫn người đọc dõi theo số phận của nhân vật. Người còn, người mất những kỉ vật gạch nối giữa cái mất mát và sự tồn tại là chiếc lược ngà nói với chúng ta nhiều điều về tình người, tình đồng chí, tình cha con. Cảm động nhất, đề lại ấn tượng nhiều nhất cho người đọc là tình phụ tử thiêng liêng, sâu đậm – tình yêu thương mà ông Sáu dành cho đứa con gái.

**3.Đánh giá + mở rộng :**

**N**hân vật ông Sáu được nhà văn xây dựng bằng những nét nghệ thuật đặc sắc, ngòi bút miêu tả tâm lí tinh tế đã phát hiện bao cung bậc cảm xúc của tình phụ tử.Ngôn ngữ kể chuyện vừa truyền cảm, vừa mang đậm chất địa phương Nam Bộ đem đến cho người đọc nhiều xúc động.Những chi tiết nghệ thuật rất đắt giá như lời dặn mua cho con cây lược của bé Thu, ông Sáu hớn hở khi kiếm được chiếc ngà voi... Tất cả đã góp phần tô đậm vẻ đẹp của người chiến sĩ Cách mạng, của người cha yêu con nồng thắm. Đoạn trích cho ta nhận ra ở nhà văn Nguyễn Quang Sáng là sự am hiểu tâm lí con người, sự trân trọng đặc biệt đối với tình cảm gia đình và đặc biệt là tình phụ tử. Ngày nay cuộc sống đã có nhiều thay đổi, chiến tranh đã không còn nhưng dù trong thời đại nào, trong hoàn cảnh nào thì tình phụ tử bao giờ cũng là thứ tình cảm thiêng liêng và cao đẹp. Không ai khác, cha chính là chỗ dựa vững chắc cho mỗi chúng ta trong suốt hành trình trình dài và rộng của cuộc đời. **III/ Kết bài**

**Hình ảnh ông Sáu** – người chiến sĩ cách mạng, người cha trong truyện **“Chiếc lược ngà”** đã để lại bao thổn thức trong lòng người đọc về tình phụ tử sâu sắc. Chiếc lược ngà và những dòng chữ trên sống lưng lược mãi mãi là kỉ vật, là nhân chứng về nỗi đau, về bi kịch đầy máu và nước mắt của những năm chiến tranh. Ông Sáu là người lính của một thế hệ anh hùng mở đường đi trước đã nếm trải nhiều gian khổ và hi sinh. Ông là hình ảnh tiêu biểu của con người Việt Nam sẵn sàng hi sinh tất cả vì độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.**Tác phẩm khép lại nhưng tình phụ tử ấm áp, thiêng liêng, cao cả sẽ mãi là ngọn lửa lấp lánh sáng, sưởi ấm trái tim độc giả.**

**=============o0o==============**

**Đề 3: Phân tích sự thay đổi tâm trạng của bé Thu trong đoạn trích sau:**

*(...) Trong bữa cơm đó, anh Sáu gắp một cái trứng cá to vàng để vào chén nó. Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả mâm. Giận quá và không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên:*

*- Sao mày cứng đầu quá vậy hả?*

*Tôi tưởng con bé sẽ lăn ra khóc, sẽ giẫy, sẽ đạp đổ cả mâm cơm, hoặc sẽ chạy vụt đi. Nhưng không, nó ngồi im, đầu cúi gằm xuống. Nghĩ thế nào mà nó cầm đũa, gắp lại cái trứng cá để vào chén rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm. Xuống bến, nó nhảy xuống xuồng, mở lòi tói cố làm cho dây lòi tói khua rổn rảng, khua thật to, rồi lấy đầm bơi qua sông. Nó sang qua nhà nhà ngoại, mét với ngoại và khóc ở bên ấy. Chiều đó, mẹ nó sang dỗ dành mấy nó cũng không về.*

*Và:*

*(….) Trong lúc đó, nó vẫn ôm chặt lấy ba nó. Không ghìm được xúc động và không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con:*

*- Ba đi rồi ba về với con*

*- Không! – Con bé hét lên, hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chan rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run.*

*Nhìn cảnh ấy bà con xung quanh có người không cầm được nước mắt, còn tôi bỗng thấy khó thở như có bàn tay a nắm lấy trái tim tôi.*

(Nguyễn Quang Sáng, Chiếc lược ngà, Ngữ văn 9, Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019)

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung** |
| **I. Mở bài** | **1. Mở bài: Giới thiệu nhà văn, tác phẩm và vấn đề nghị luận:**  **- Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**  - **Giới thiệu vấn đề nghị luận:** Sự thay đổi trong tâm lí của bé Thu trước và sau khi nhận ra cha  - Trích dẫn đoạn trích |
| **II.Thân bài** | **1. Khái quát:**  -Tác phẩm *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt.  -Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó làm nổi bật tình cha con sâu nặng đồng thời khẳng định:Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.  Truyện hấp dẫn bạn đọc ở cách kể chuyện tự nhiên, đầy cảm động, cách xây dựng tình huống bất ngờ nhưng cũng đấy trớ trêu.  **- Tóm tắt truyện và dẫn dắt tình huống:**  Ông sáu đi kháng chiến khi bé Thu chưa đầy một tuổi để rồi khi 8 năm sau trở về bé Thu đã không chịu nhận ông là cha bởi vết thẹo trên mặt của ông. Mấy ngày ông ở nhà bé Thu đều rất bướng bỉnh không chịu gọi ông một tiếng ba. Vậy mà lúc ông đang chuẩn bị đi thì bé Thu lại cất tiếng gọi “Ba...” thắm thiết rồi chạy tới ôm ông. Nó hôn ông, hôn lên cả vết thẹo dài trên mặt. Nó không muốn cho ông Sáu đi. Lúc chia tay, nó dặn ông mua cho nó một chiếc lược ngà. Vào chiến trường ông Sáu cất công làm cho con chiếc lược n hưng chưa kịp trao cây lược cho con thì ông sáu đã hi sinh. Trước lúc nhắm mắt, ông rút từ trong người ra chiếc lược ngà nhờ bác Ba\_ bạn của ông đưa về cho đứa con gái yêu quý của mình. Và khi chiếc lược ngà đến tay bé Thu thì cô đã trở thành một cô giao liên dũng cảm. Đoạn trích trên đã ghi lại thái độ, tình cảm của bé Thu đối với cha trong những ngay ông Sáu ở nhà và khi em đã hiểu vì sao ba khác với người ba của em trong ảnh. |
|  | **2.Sự thay đổi trong tâm trạng của bé Thu**  Sự thay đổi trong tâm trạng bé Thu trong hai đoạn văn rất tự nhiên và hợp lí.  **a)Đoạn 1: Trước khi nhận cha: Bé Thu là đứa bé bướng bỉnh, ương ngạnh**  - Ở đoạn văn này, Bé Thu hiện lên với tính cách rắn rỏi, bướng bỉnh, lì lợm rất trẻ con *"Trong bữa cơm đó.... nó cũng không về”*  - Thu gặp lại cha sau tám năm xa cách. Trước sự vồ vập của cha, bé Thu tỏ ra ngờ vực và hoảng sợ. Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt nhìn mình như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên: *"Má! Má".*  - Những ngày sau đó, bé Thu hiện lên là một cô bé không ngoan, thiếu lễ phép với người lớn, nó còn khước từ mọi sự quan tâm của ông Sáu.  - Với bé Thu, việc có một người đột nhiên xuất hiện xưng “cha” và gọi mình là “con” thực sự là một “*cú sốc tinh thần*”.  - Khi thấy ông Sáu “gắp một cái trứng cá to vàng để vào chén nó”, Thu “*l*iền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả mâm”.  **-** Sự bướng bỉnh, ngang ngạnh không phải là bản chất tính cách của bé Thu nên dù bị cha đánh em không “*khóc, giẫy, đạp đổ cả mâm cơm*” mà “gắp lại cái trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm rồi sang nhà ngoại, mét với ngoại và khóc ở bên đấy”.  - Bé Thu là cô bé bướng bỉnh, song em thực sự là người có tình cảm, biết suy nghĩ. Nếu không như vậy, chắc hẳn em sẽ quậy đến cùng chứ không sang nhà ngoại để *“khóc”.* Với em yêu ghét rõ ràng, kiên định trong nhận thức, trong tình cảm.  - Thái độ ngang ngạnh của em với ông Sáu không làm người đọc giận, trái lại làm người đọc thấy đau xót. Sự tàn phá của chiến tranh thật ghê gớm, nó khiến cho con không nhận ra ba… **Qua phân tích ta thấy bé Thu dù *“cứng đầu”* ương ngạnh nhưng rất giàu tình yêu thương cha.**  **b)Đoạn 2: Khi nhận ra ba: Bé Thu có tình yêu thương cha tha thiết, mãnh liệt**  **- Thay vì bướng bỉnh, ương ngạnh thì Thu dành cho ba một tình yêu thương vô bờ *"Trong lúc đó... nắm lấy trái tìm tôi"*.** Điều kì diệu đã xảy ra vào những phút giây cuối cùng trước khi ông Sáu chia tay gia đình lên đường chiến đấu.  - Trong khi mọi người đang chuẩn bị cho ông Sáu lên đường “con bé như bị bỏ rơi, nó không bướng bỉnh hay nhăn mày cau có nữa, vẻ mặt nó sầm tại, buồn rầu”.  - **Bé Thu đã có sự thay đổi thái độ rõ rệt** “đôi mắt nó như to hơn, cái nhìn của nó không ngơ ngúc, không lạ lùng, nó nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa”.  - Em đã thét lên: *“Ba..a…a..ba”.* Thu ra sức níu giữ *“nó vẫn ôm chặt lấy ba nó”* nhưng rồi nó sợ ba nó đi thế nên “hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai của nó run run  - Thu chấp nhận để ông Sáu ra đi và không quên kèm theo lời dặn trong nước mắt : “Ba về ! Ba mua cho con một cây lược nghe ba ”. Nhìn cảnh ấy không ai cầm được nước mắt còn ông Ba-người kế chuyện cảm thấy khó thở như có bàn tay ai đó đang nắm lấy trái tim mình.  - Từ giây phút bé Thu thức tỉnh, tình cảm tính cách của bé đã thay đổi. **Sự ương ngạnh, bướng bỉnh của cô bé tám tuổi đã không còn, mà thay vào đó là tình yêu cha, thương cha, tự hào về cha.** Chính tình yêu thương cha ấy đã tạo nên một sức mạnh thôi thúc, rèn giũa để Thu trưởng thành sau này, khi trở thành một cô giao liên gan dạ, dũng cảm.  Qua phân tích ta thấy **hai đoạn văn đã cho thấy được sự thay đổi trong tâm lý của nhân vật bé Thu đối với người cha của mình.** Nếu như đoạn trên, bé Thu xa lánh, với ba mình bao nhiêu thì đoạn dưới ta lại thấy được sự gần gũi không còn khoảng trống của tình cảm mà Thu dành cho người ba của mình. Đoạn l bé Thu lì lợm, bướng bỉnh bao nhiêu thì đoạn 2, bé Thu lại trở nên nhẹ nhàng, tỉnh cảm bấy nhiêu |
|  | **3. Đánh giá**  **\*Đánh giá về nội dung và nghệ thuật**  - Bằng nghệ thuật **miêu tả tâm lí và xây dựng tính cách nhân vật** đặc sắc cùng với **ngôn ngữ giản dị, đậm chất Nam Bộ**, nghệ thuật xây dựng **tình huống truyện bất ngờ nhưng tự nhiên hợp lí ,** hai đoạn văn đã cho thấy được sự thay đổi trong tâm lý của nhân vật bé Thu đối với người cha của mình. Nếu như đoạn trên, bé Thu xa lánh với ba mình thì đoạn dưới ta lại thấy được sự gần gũi không còn khoảng trống của tình cảm mà Thu dành cho cha. Đoạn l bé Thu lì lợm, bướng bỉnh bao nhiêu thì đoạn 2, bé Thu lại trở nên nhẹ nhàng, tỉnh cảm bấy nhiêu. Sự thay đổi ấy diễn ra bất ngờ nhưng cũng rất tự nhiên và hợp lí.  - Đoạn trích cho ta nhận ra ở nhà văn Nguyễn Quang Sáng là sự am hiểutâm lí trẻ thơ, sự trân trọng đặc biệt đối với tình cảm gia đình và đặc biệt là tình phụ tử.  **\* Mở rộng nâng cao vấn đề, liên hệ thực tiễn**  - Ngày nay cuộc sống đã có nhiều thay đổi, chiến tranh đã không còn nhưng dù trong thời đại nào, trong hoàn cảnh nào thì tình phụ tử bao giờ cũng là thứ tình cảm thiêng liêng và cao đẹp. Không ai khác, cha chính là chỗ dựa vững chắc cho mỗi chúng ta trong suốt hành trình trình dài và rộng của cuộc đời. |
| **III.Kết bài** | **-Nhận xét chung về đoạn trích**  **- Đoạn trích khơi gợi tình cảm gì**  **- Em rút ra được bài học gì từ đoạn trích** |

**Bài viết tham khảo:**

**Bài viết tham khảo:**

**I.Mở bài**

Bom đạn chiến tranh đã khiến cho đất nước mang trên mình những vết thương, khiến cho bao gia đình tan nát vì chia xa, những nỗi đau cứ thế mà chồng chất. Tuy nhiên, giữa bản nhạc buồn của chiến tranh, văn học vẫn mang đến cho đời sống tình cảm của con người những cung bậc, những âm thanh da diết, tuyệt đẹp về tinh thần đoàn kết, về tình đồng đội, đồng chí và cả tình cảm gia đình thiêng liêng bất diệt. Một trong những tác phẩm hay nhất viết về tình cảm gia đình trong chiến tranh là truyện ngắn “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Đọc tác phẩm này, người đọc không khỏi ấn tượng với sự thay đổi trong tâm lí, thái độ, tình cảm của bé Thu trước và sau khi nhận ra cha. Đến với hai đoạn trích sau đây, người đọc sẽ thấy được điều đó:

*“Trong bữa cơm đó, anh Sáu gắp một cái trứng cá to vàng để vào chén nó....Chiều đó, mẹ nó sang dỗ dành mấy nó cũng không về.”*

*Và:*

*“Trong lúc đó, nó vẫn ôm chặt lấy ba nó. ... Nhìn cảnh ấy bà con xung quanh có người không cầm được nước mắt, còn tôi bỗng thấy khó thở như có bàn tay a nắm lấy trái tim tôi.”*

**II. Thân bài**

1. **Khái quát về tác phẩm và tóm tắt để dẫn vào đoạn trích**

**1. Khái quát:**

Tác phẩm *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó làm nổi bật tình cha con sâu nặng đồng thời khẳng định: Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được. Truyện hấp dẫn bạn đọc ở cách kể chuyện tự nhiên, đầy cảm động, cách xây dựng tình huống bất ngờ nhưng cũng đầy trớ trêu.

Ông sáu đi kháng chiến khi bé Thu chưa đầy một tuổi để rồi khi 8 năm sau trở về bé Thu đã không chịu nhận ông là cha bởi vết thẹo trên mặt của ông. Mấy ngày ông ở nhà bé Thu đều rất bướng bỉnh không chịu gọi ông một tiếng ba. Vậy mà lúc ông đang chuẩn bị đi thì bé Thu lại cất tiếng gọi “Ba...” thắm thiết rồi chạy tới ôm ông. Nó hôn ông, hôn lên cả vết thẹo dài trên mặt. Nó không muốn cho ông Sáu đi. Lúc chia tay, nó dặn ông mua cho nó một chiếc lược ngà. Vào chiến trường ông Sáu cất công làm cho con chiếc lược n hưng chưa kịp trao cây lược cho con thì ông sáu đã hi sinh. Trước lúc nhắm mắt, ông rút từ trong người ra chiếc lược ngà nhờ bác Ba\_ bạn của ông đưa về cho đứa con gái yêu quý của mình. Và khi chiếc lược ngà đến tay bé Thu thì cô đã trở thành một cô giao liên dũng cảm. Đoạn trích trên đã ghi lại thái độ, tình cảm của bé Thu đối với cha trong những ngay ông Sáu ở nhà và khi em đã hiểu vì sao ba lại khác với người ba của em trong ảnh.

**2.Phân tích sự thay đổi tâm trạng của bé Thu trong đoạn trích**

**Trước hết là ở đoạn văn thứ nhất**. Ở đoạn trích này, Bé Thu hiện lên với tính cách rắn rỏi, bướng bỉnh, lì lợm rất trẻ con. Như ta đã biết, Thu gặp lại cha sau tám năm xa cách. Trước sự vồ vập của cha, bé Thu tỏ ra ngờ vực và hoảng sợ. Những ngày sau đó, bé Thu hiện lên là một cô bé không ngoan, thiếu lễ phép với người lớn, nó còn khước từ mọi sự quan tâm của ông Sáu. Điều đó cũng thật dễ hiểu bởi em đã có một*“người cha”* – người vốn đã có trong hình dung, tiềm thức của bé nhưng nay lại có người xa lạ lại đến bắt em gọi bằng ba. Với bé Thu, đây thực sự là một “*cú sốc tinh thần*”. Mặc dù vậy, bé Thu không phải là đứa trẻ chỉ biết “chống đối”, quậy phá, bé cũng có suy nghĩ. Khi thấy ông Sáu “gắp một cái trứng cá to vàng để vào chén nó”, Thu “*l*iền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả mâm”. Từ “bất thần” như nhãn tự của câu văn, nó cho chúng ta thấy đó không phải là hành động cố tình mà phải chăng là hành động bột phát vì những dồn nén trong tâm trạng? Nhưng do quá yêu con, quá thương con và mong mỏi một tiếng gọi *“ba”* ấm áp mà luôn bị chối từ nên khi con bé làm như vậy, ông Sáu đã không kiềm chế được nên đã đánh và mắng con : “Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?“. Sự bướng bỉnh, ngang ngạnh không phải là bản chất tính cách của bé Thu nên dù bị cha đánh em không “*khóc, giẫy, đạp đổ cả mâm cơm*” mà “gắp lại cái trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm rồi sang nhà ngoại, mét với ngoại và khóc ở bên đấy”. Bé Thu là cô bé bướng bỉnh, song em thực sự là người có tình cảm, biết suy nghĩ. Nếu không như vậy, chắc hẳn em sẽ quậy đến cùng chứ không sang nhà ngoại để *“khóc”.* Với em yêu ghét rõ ràng, kiên định trong nhận thức, trong tình cảm.Thái độ ngang ngạnh của em với ông Sáu không làm người đọc giận, trái lại làm người đọc thấy đau xót. Sự tàn phá của chiến tranh thật ghê gớm, nó khiến cho con không nhận ra ba… Thật xót xa. **Qua phân tích ta thấy bé Thu dù *“cứng đầu”* ương ngạnh nhưng rất giàu tình yêu thương cha.**

**b) Đoạn 2: Khi nhận ra ba: Bé Thu có tình yêu thương cha tha thiết, mãnh liệt**

**Nếu như ở đoạn văn thứ nhất bé Thu bướng bỉnh, ương ngạnh bao nhiêu thì ở đoạn văn thứ hai này bé Thu thay đổi bấy nhiêu. Thay vì bướng bỉnh, ương ngạnh thì Thu dành cho ba một tình yêu thương vô bờ *.*** Điều kì diệu đã xảy ra vào những phút giây cuối cùng trước khi ông Sáu chia tay gia đình lên đường chiến đấu. Trong khi mọi người đang chuẩn bị cho ông Sáu lên đường “con bé như bị bỏ rơi, nó không bướng bỉnh hay nhăn mày cau có nữa, vẻ mặt nó sầm tại, buồn rầu”. **Bé Thu đã có sự thay đổi thái độ rõ rệt.** Nhà văn miêu tả cô bé như già hơn so với tuổi “đôi mắt nó như to hơn, cái nhìn của nó không ngơ ngác, không lạ lùng, nó nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa”. Người đọc hiểu rằng chắc hẳn đang có sự giằng co, day dứt trong lòng bé. Liệu bé có nhận ông Sáu làm cha ? Tiếng thét nức nở của em như trả lời cho tất cả: *“Ba..a…a..ba”.* Bé Thu thật đáng thương bởi giây phút nhận ba cũng là giây phút em phải chia tay ba. Hạnh phúc đến với em ngắn ngủi quá. Như ý thức được điều đó, Thu ra sức níu giữ *“nó vẫn ôm chặt lấy ba nó”* nhưng rồi nó sợ ba nó đi thế nên “hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai của nó run run”. Chắc cô bé đã khóc, khóc vì sự ân hận của mình đã không nhận ra cha, khóc vì xót thương người cha vì chiến tranh mà phải xa gia đình. Nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã vượt qua các nhà điện ảnh hay các nhiếp ảnh gia để tạo dựng một cảnh chia tay đẫm nước mắt bằng ngôn từ thông qua việc lựa chọn câu chữ giàu chất tạo hình, biểu cảm. Chiến tranh khiến cho cả những đứa trẻ ngây thơ cũng phải hi sinh. Thu chấp nhận để ông Sáu ra đi và không quên kèm theo lời dặn trong nước mắt : “Ba về ! Ba mua cho con một cây lược nghe ba ”. Nhìn cảnh ấy không ai cầm được nước mắt còn ông Ba-người kế chuyện cảm thấy khó thở như có bàn tay ai đó đang nắm lấy trái tim mình. Chỉ vì bom đạn quân thù, mà ba đã mang sẹo trên mặt. Đó là điều đau khổ.Vậy mà, bé Thu đã không hiểu, lại còn xa lánh cha khiến cha đau khổ hơn. Khi được bà ngoại giảng cho, bé đã hiểu. Nhưng có lẽ khi bé hiểu ra thì đã ...muộn rồi. Cha bé đã phải xa gia đình trở về chiến trường, phải chịu bao gian khổ của mưa bom bão đạn. Vì vậy, mà bé Thu mới siết chặt lấy cổ cha, níu chặt lấy người cha, như muốn đền bù những hành động sai lầm của bé. Từ giây phút bé Thu thức tỉnh, tình cảm, tính cách của bé đã thay đổi. **Sự ương ngạnh, bướng bỉnh của cô bé tám tuổi đã không còn, mà thay vào đó là tình yêu cha, thương cha, tự hào về cha.** Chính tình yêu thương cha ấy đã tạo nên một sức mạnh thôi thúc, rèn giũa để Thu trưởng thành sau này, khi trở thành một cô giao liên gan dạ, dũng cảm. Đoạn văn là những gì xúc động nhất, sâu lắng nhất về tình cảm mà bé Thu dành cho ba của mình.

**3.Đánh giá + mở rộng :**

Bằng nghệ thuật **miêu tả tâm lí và xây dựng tính cách nhân vật** đặc sắc cùng với **ngôn ngữ giản dị, đậm chất Nam Bộ**, nghệ thuật xây dựng **tình huống truyện bất ngờ nhưng tự nhiên hợp lí ,** hai đoạn văn đã cho thấy được sự thay đổi trong tâm lý của nhân vật bé Thu đối với người cha của mình. Nếu như đoạn trên, bé Thu xa lánh với ba mình thì đoạn dưới ta lại thấy được sự gần gũi không còn khoảng trống của tình cảm mà Thu dành cho cha. Đoạn l bé Thu lì lợm, bướng bỉnh bao nhiêu thì đoạn 2, bé Thu lại trở nên nhẹ nhàng, tỉnh cảm bấy nhiêu. Sự thay đổi ấy diễn ra bất ngờ nhưng cũng rất tự nhiên và hợp lí. Đoạn trích cho ta nhận ra ở nhà văn Nguyễn Quang Sáng là sự am hiểutâm lí trẻ thơ, sự trân trọng đặc biệt đối với tình cảm gia đình và đặc biệt là tình phụ tử. Ngày nay cuộc sống đã có nhiều thay đổi, chiến tranh đã không còn nhưng dù trong thời đại nào, trong hoàn cảnh nào thì tình phụ tử bao giờ cũng là thứ tình cảm thiêng liêng và cao đẹp. Không ai khác, cha chính là chỗ dựa vững chắc cho mỗi chúng ta trong suốt hành trình trình dài và rộng của cuộc đời.

**III/ Kết bài**

Với cái nhìn của người từng trải, Nguyễn Quang Sáng đã làm sống dậy hình ảnh **một bé Thu hồn nhiên, bướng bỉnh mà giàu tình cảm.** Tình cảm của em dành cho cha thật xúc động. Những trang văn của Nguyễn Quang Sáng thực sự là những trang văn đẫm nước mắt. Nó giúp người đọc hiểu được sự tàn phá khốc liệt của chiến tranh nhưng cũng thấy được sự bất diệt của tình cảm thiêng liêng, cao quý của con người. Câu chuyện đã khép lại mà vẫn còn văng vẳng đâu đây tiếng gọi ba đến xé lòng của bé Thu. Đó thực sự là một âm vang ám ảnh trong lòng người đọc hôm nay và mai sau

**BỘ TÀI LIỆU ĐOẠN TRÍCH TRUYỆN NGỮ VĂN 9**

**ÔN THI VÀO THPT**

**TRUYỆN NGẮN “NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI” LÊ MINH KHUÊ**

**(3 đề)**

**Đề 1: Cảm nhận của em về nhân vật Phương Đinh trong đoạn trích sau:**

Bây giờ là buổi trưa. Im ắng lạ. Tôi ngồi dựa vào thành đá và khe khẽ hát. Tôi mê hát. Thường cứ thuộc một điệu nhạc nào đó rồi bịa ra lời mà hát. Lời tôi bịa lộn xộn mà ngớ ngẩn đến tôi cũng ngạc nhiên, đôi khi bò ra mà cười một mình.

Tôi là con gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm!”.

Xa đến đâu mặc kệ, nhưng tôi thích ngắm mắt tôi trong gương. Nó dài dài, màu nâu, hay nheo lại như chói nắng.

Không hiểu sao các anh pháo thủ và lái xe lại hay hỏi thăm tôi. Hỏi thăm hoặc viết những thư dài gửi đường dây, làm như ở cách nhau hàng nghìn cây số, mặc dù có thể chào nhau hàng ngày. Tôi không săn sóc, vồn vã. Khi bọn bạn gái tôi xúm nhau lại đối đáp với một anh bộ đội nói giỏi nào đấy, tôi thường đứng ra xa, khoanh hai tay trước ngực và nhìn đi nơi khác, môi mím chặt. Nhưng chẳng qua tôi điệu thế thôi. Thực tình trong suy nghĩ của tôi, những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ.

**(Trích “Những ngôi sao xa xôi”- Ngữ văn 9 tập 2, NXBGD)**

Dàn ý:

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung** |
| **I. Mở bài** | **1. Mở bài: Giới thiệu nhà văn, tác phẩm và vấn đề nghị luận:**  **- Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**  - **Giới thiệu vấn đề nghị luận:** Khái quát về vẻ đẹp của Phương Định trong đoạn trích: Một cô gái trẻ trung, xinh đẹp, yêu đời và có những suy nghĩ rất đẹp.  - Trích dẫn đoạn trích |
| **II.Thân bài** | **1. Khái quát:**  - Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê được sáng tác năm 1971 – thời điểm cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra vô cùng ác liệt. - -  - Truyện kể về cuộc sống, chiến đấu của ba cô gái Nho, Thao, Phương Định để từ đó làm nổi bật vẻ đẹp của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến lửa Trường Sơn, vẻ đẹp của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước.  - Truyện hấp dẫn bạn đọc ở cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, ở khả năng miêu tả tâm lí nhân vật của nhà văn.  **- Tóm tắt truyện:**  “Những ngôi sao xa xôi” là câu chuyện về tổ trinh sát mặt đường tại một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn trong cuộc kháng chiến chống Mĩ ác liệt, gồm ba nữ thanh niên xung phong là Nho, Thao và Phương Định. Tổ đội trinh sát này có nhiệm vụ quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá cần phải san lấp, đồng thời đánh dấu vị trí các quả bom chưa nổ và phá bỏ chúng, đảm bảo cho xe bộ đội có thể thuận lợi di chuyển. Đoạn trích trên là những lời Phương Định tự giới thiệu về mình. |
|  | **2. Cảm nhận về nhân vật Phương Định trong đoạn trích**  **a)Hoàn cảnh sống chiến đấu của Phương Định**  - Phương Định là nhân vật chính trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê và cũng đồng thời là người kể chuyện.  - Cô và hai người đồng đội của mình sống ở chân một cao điểm trên tuyến lửa Trường Sơn nơi được mệnh danh là túi bom của địch.  - Công việc của cô là “Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất đá lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Phá bom là công việc hằng ngày của cô. Có ngày 5 lần, ngày nào ít thì 3 lần.  =>Sống ở đây và làm công việc phá bom này là cô phải đối mặt với nguy hiểm, với cái chết bởi bom đạn không phải là chuyện đùa song điều đó không làm cô sờn lòng, nản chí thậm chí nó còn khiến cho vẻ đẹp của cô thêm tỏa sáng hơn.  **b)Vẻ đẹp của tinh thần lạc quan, niềm yêu đời, yêu cuộc sống**  **-** Phương Định thích hát.  - Đôi khi thuộc một điệu nhạc nào đó Phương Định còn bịa ra lời mà hát. Lời cô bịa lộn xộn mà ngớ ngẩn đến cô cũng ngạc nhiên, đôi khi bò ra mà cười một mình.  **+** Thích hát là nét tâm lí của thời đại – cái thời tiếng hát át tiếng bom, nhưng đây cũng là nét cá tính ở Phương Định hé lộ vẻ đẹp phong phú của tâm hồn. Trong tiếng hát, có ý thức về lý tưởng, có khao khát về quê hương, tình yêu của tuổi trẻ và có cả khát vọng được trở về cuộc sống thanh bình.  + Phương Định không chỉ là “ca sĩ” mà còn là một “nhạc sĩ không chuyên” giữa nơi chiến trường đầy gian khổ.  + Tiếng hát khiến cô quên đi những gian khổ, những nguy hiểm nơi chiến trường đầy bom đạn; khiến cô thêm yêu đời và trẻ trung hơn.  - Liên hệ: Những cô gái mở đường trong bài hát cùng tên của Xuân Giao  **c) Phương Định là cô gái Hà thành trẻ trung, xinh đẹp, đáng yêu và tràn đầy sức sống**  - Là con gái Hà Nội xung phong vào chiến trường miền Nam khói bom, đạn lửa*.* Cô có một tuổi thơ êm đềm, hồn nhiên, vui tươi ở bên mẹ, một căn buồng nhỏ nơi con phố yên tĩnh những ngày trước chiến tranh. Cô là người nhạy cảm và luôn quan tâm đến hình thức của mình.  - Cô tự giới thiệu: *“Tôi là con gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm””.*  - Lời giới thiệu cho thấy Định là một cô gái đẹp, một vẻ duyên dáng, đầy nữ tính và có chiều sâu của một cô gái thị thành.  - Qua những lời cô giới thiệu, người đọc hình dung được hình ảnh một cô gái Hà Nội còn rất trẻ với gương mặt xinh đẹp, với một mái tóc dày, mượt mà, mềm mại; một cái cổ cao kiêu hãnh và một đôi mắt với ánh nhìn xa xăm.  - Cô ý thức được về vẻ đẹp của mình và tự hào về điều đó.  - Vì xinh đẹp nên cô thường được các anh pháo thủ hỏi thăm hoặc viết thư dài gửi đường dây giống như cách xa hàng nghìn cây số. Chi tiết này càng tô đậm thêm vẻ đẹp của người con gái trẻ đất Hà thành.  =>Phương Định đã vào chiến trường ba năm – ba năm đối mặt với chiến tranh, với bom đạn vậy mà cô vẫn giữ được vẹn nguyên vẻ đẹp cũng như tâm hồn mình. Điều đó thật đáng quý.  **c.Phương Định có một chút kiêu kì đầy đáng yêu**  - Khi được các anh bộ đội, các anh pháo thủ hỏi thăm, cô thường *không săn sóc vồn vã*  - Khi bọn bạn gái tôi xúm nhau lại đối đáp với một anh bộ đội nói giỏi nào đấy, cô thường đứng ra xa, khoanh hai tay trước ngực và nhìn đi nơi khác, môi mím chặt.  - Đây là tâm lí thường thấy của các cô gái trẻ trung, xinh đẹp. Có lẽ cô hiểu con gái dễ dãi thường mất đi giá trị của mình nên dù rất thích, rất yêu, rất ngưỡng mộ nhưng cô thường tỏ ra thờ ơ, không săn sóc, vồn vã.  - Một chút kiêu kì làm cho Phương Định trở nên khác biệt với những cô gái khác, làm nên nét riêng của nhân vật này.  - Chút kiêu kì ấy ko hề khiến cô trở nên phản cảm thậm chí nó còn làm cho cô càng trở nên đáng yêu, và ấn tượng hơn.  **d.Cô có những suy nghĩ, những quan niệm rất đẹp**  - Cô kể: Nhưng chẳng qua tôi điệu thế thôi. Thực tình trong suy nghĩ của tôi, những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ.  - Cô yêu mến, cô ngưỡng mộ, cô thần tượng những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ – những người lính bộ đội cụ Hồ  - Cô yêu mến bởi họ là những con người có lí tưởng, có khát vọng sống đẹp. Họ đến với nơi chiến trường đầy bom đạn này đều vì một lí tưởng cao đẹp – lí tưởng bảo vệ tổ quốc. Họ ra đi với khát vọng một ngày không xa đất nước sẽ giành được độc lập, họ được trở về trong niềm vui chiến thắng  - Cô yêu mến, thán phục họ cũng là bởi nhờ có họ mà cô có thêm niềm tin, có thêm sức mạnh để vượt qua cái cảm giác sợ hãi khi đối mặt với quả bom khi cô thực hiện nhiệm vụ của mình  =>Quan niệm và suy nghĩ đó cho thấy chính Phương Định cũng có một lí tưởng sống rất đẹp. |
|  | **3. Đánh giá**  **\*Đánh giá về nội dung và nghệ thuật**  - Bằng hàng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực; bằng sự kết hợp giữa tự sự với miêu tả, đoạn trích trên đã giup người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của nhân vật Phương Định – cô gái trẻ trung, xinh đẹp, yêu đời và có những suy nghĩ rất đẹp.  - Phương Định là hình ảnh đại diện của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến lửa Trường Sơn, đại diện cho thế hệ trẻ Việt Nam thời kì chống Mĩ cứu nước.  - Xây dựng nhân vật này, Lê Minh Khuê muốn gửi gắm vào đó lời ngợi ca đối với thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước. Đó là những con người không ai nhớ mặt đặt tên nhưng họ đã góp phần làm nên đất nước.  **\* Mở rộng nâng cao vấn đề, liên hệ thực tiễn**  - Ngày nay, khi cuộc sống hiện đại, chiến tranh không còn, chúng ta vẫn bắt gặp những con người trẻ tuổi đang cống hiến hết mình vì đất nước. Đó là những y bác sĩ trẻ tuổi, những sinh viên ngành y luôn sẵn sàng xông pha vào nơi tuyến đầu chống dịch, là những người chiến sĩ nơi biên cương hải đảo không quản vất vả khó khăn đã và đang theo đuổi lí tưởng bảo vệ tổ quốc. Không ai khác, chính họ đã tiếp nối truyền thống của cha anh. Họ là những “cô gái thanh niên xung phong”, những “người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ” trong thời đại mới. |
| **III.Kết bài** | **-Nhận xét chung về đoạn trích**  **- Đoạn trích khơi gợi tình cảm gì**  **- Em rút ra được bài học gì từ đoạn trích** |

**Bài viết tham khảo:**

**I/Mở bài**

Lê Minh Khuê là một cây bút nữ chuyên viết truyện ngắn, trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ  của dân tộc . Ngòi bút của bà trong chiến tranh thường hướng về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ trên tuyến đường Trường Sơn. Truyện ngắn “ Những ngôi sao xa xôi” là tác phẩm tiêu biểu của bà khi viết về đề tài này. Tác phẩm là bức tranh về cuộc sống chiến đấu vô cùng ác liệt mà ánh sáng của nó là ánh sáng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Đọc tác phẩm này, người đọc không khỏi ấn tượng với nhân vật Phương Định – một cô gái xinh đẹp, trẻ trung, yêu đời và có những suy nghĩ, những quan niệm rất đẹp. Đến với đoạn trích sau, chúng ta sẽ thấy được điều đó:

“Bây giờ là buổi trưa. Im ắng lạ.

[...]

Thực tình trong suy nghĩ của tôi, những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ.”

**B.Thân bài**

**1. Khái quát và tóm tắt**

Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê được sáng tác năm 1971 – thời điểm cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra vô cùng ác liệt. Truyện kể về cuộc sống, chiến đấu của ba cô gái Nho, Thao, Phương Định để từ đó làm nổi bật vẻ đẹp của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến lửa Trường Sơn, vẻ đẹp của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước. Tác phẩm này hấp dẫn bạn đọc ở cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, ở khả năng miêu tả tâm lí nhân vật của nhà văn.

“Những ngôi sao xa xôi” là câu chuyện về tổ trinh sát mặt đường tại một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn trong cuộc kháng chiến chống Mĩ ác liệt, gồm ba nữ thanh niên xung phong là Nho, Thao và Phương Định. Tổ đội trinh sát này có nhiệm vụ quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá cần phải san lấp, đồng thời đánh dấu vị trí các quả bom chưa nổ và phá bỏ chúng, đảm bảo cho xe bộ đội có thể thuận lợi di chuyển. Đoạn trích trên là những lời Phương Định tự giới thiệu về mình.

**2. Cảm nhận về nhân vật Phương Định trong đoạn trích**

**a)Hoàn cảnh sống chiến đấu của Phương Định**

Phương Định là nhân vật chính trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê và cũng đồng thời là người kể chuyện. Cô và hai người đồng đội của mình sống ở chân một cao điểm trên tuyến lửa Trường Sơn nơi được mệnh danh là “túi bom của địch”. Công việc của cô là “Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất đá lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Phá bom là công việc hằng ngày của cô. Có ngày 5 lần, ngày nào ít thì 3 lần. Sống ở đây và làm công việc phá bom này là cô luôn phải đối mặt với nguy hiểm, với cái chết bởi bom đạn không phải là chuyện đùa song điều đó không làm cô sờn lòng, nản chí thậm chí nó còn khiến cho vẻ đẹp của cô thêm tỏa sáng hơn.

**b)Vẻ đẹp của tinh thần lạc quan, niềm yêu đời, yêu cuộc sống**

**Đọc đoạn trích, có lẽ điều đầu tiên khiến người đọc ấn tượng về Phương Định là tinh thần lạc quan, niềm yêu đời, yêu cuộc sống của cô. Cô rất thích hát. Cô kể: “**Tôi mê hát. Thường cứ thuộc một điệu nhạc nào đó rồi bịa ra lời mà hát. Lời tôi bịa lộn xộn mà ngớ ngẩn đến tôi cũng ngạc nhiên, đôi khi bò ra mà cười một mình.” Thích hát là nét tâm lí của thời đại – cái thời tiếng hát át tiếng bom, nhưng đây cũng là nét cá tính ở Phương Định hé lộ vẻ đẹp phong phú của tâm hồn. Trong tiếng hát của cô có ý thức về lý tưởng, có khao khát về quê hương, có tình yêu của tuổi trẻ và có cả khát vọng được trở về cuộc sống thanh bình. Phương Định không chỉ là “ca sĩ” mà còn là một “nhạc sĩ không chuyên” giữa nơi chiến trường đầy gian khổ. Tiếng hát khiến cô quên đi những gian khổ, những nguy hiểm nơi chiến trường đầy bom đạn; khiến cô thêm yêu đời và trẻ trung hơn.

Cô hát đâu cần đúng nhạc đúng lời mà sao ta vẫn cảm thấy thích thú ,vẫn đắm say bởi đó là tiếng hát từ trái tim của một con người lạc quan yêu đời, yêu cuộc sống.Tiếng hát có sức mạnh át đi cả tiếng bom rơi, đạn lạc. Cô khiến ta nhớ đến những cô gái mở đường trong bài hát cùng tên của nhạc sĩ Xuân Giao: *" Đi dưới trời khuya sao đêm lấp lánh/ Tiếng hát ai vang động cây rừng".* Thế mới biết tuổi trẻ Việt Nam thời đánh Mĩ đẹp như thế nào. Họ đi vào chiến tranh mà như đi vào ngày hội.

**c) Phương Định là cô gái Hà thành trẻ trung, xinh đẹp, đáng yêu và tràn đầy sức sống**

Không chỉ lạc quan, yêu đời, Phương Định còn là một **cô gái Hà thành trẻ trung, xinh đẹp, đáng yêu và tràn đầy sức sống.**  Cô là con gái Hà Nội xung phong vào chiến trường miền Nam khói bom, đạn lửa*.* Cô có một tuổi thơ êm đềm, hồn nhiên, vui tươi ở bên mẹ, một căn buồng nhỏ nơi con phố yên tĩnh những ngày trước chiến tranh. Cô là người nhạy cảm và luôn quan tâm đến hình thức của mình. Cô tự giới thiệu: *“Tôi là con gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm””.* Lời giới thiệu cho thấy Định là một cô gái đẹp, một vẻ duyên dáng, đầy nữ tính và có chiều sâu của một cô gái thị thành. Qua những lời cô giới thiệu, người đọc hình dung được hình ảnh một cô gái Hà Nội còn rất trẻ với gương mặt xinh đẹp, với một mái tóc dày, mượt mà, mềm mại; một cái cổ cao kiêu hãnh và một đôi mắt với ánh nhìn xa xăm. Cô ý thức được về vẻ đẹp của mình và tự hào về điều đó. **Và cũng v**ì xinh đẹp nên cô thường được các anh pháo thủ hỏi thăm hoặc viết thư dài gửi đường dây giống như cách xa hàng nghìn cây số. Họ hỏi thăm cô, viết thư cho cô là vì họ yêu mến cái vẻ đẹp trong trẻo, tràn đầy sức sống của cô, họ muốn làm quen để mỗi ngày đều được nghe cô hát. Chi tiết này tưởng chừng như rất nhỏ nhưng lại càng tô đậm thêm vẻ đẹp của người con gái trẻ đất Hà thành. Phương Định đã vào chiến trường ba năm – ba năm đối mặt với chiến tranh, với bom đạn vậy mà cô vẫn giữ được vẹn nguyên vẻ đẹp cũng như tâm hồn mình. Điều đó thật đáng quý.

**c.Phương Định có một chút kiêu kì đầy đáng yêu**

Và có lẽ cũng vì xinh đẹp nên Phương Định có một chút kiêu kì đầy đáng yêu. Khi được các anh bộ đội, các anh pháo thủ hỏi thăm, cô thường *không săn sóc vồn vã*. Khi bọn bạn gái tôi xúm nhau lại đối đáp với một anh bộ đội nói giỏi nào đấy, cô thường đứng ra xa, khoanh hai tay trước ngực và nhìn đi nơi khác, môi mím chặt. Đây là tâm lí thường thấy của các cô gái trẻ trung, xinh đẹp. Có lẽ cô hiểu con gái dễ dãi thường mất đi giá trị của mình nên dù rất thích, rất yêu, rất ngưỡng mộ nhưng cô thường tỏ ra thờ ơ, không săn sóc, vồn vã. Một chút kiêu kì làm cho Phương Định trở nên khác biệt với những cô gái khác, làm nên nét riêng của nhân vật này.

Chút kiêu kì ấy không hề khiến cô trở nên phản cảm thậm chí nó còn làm cho cô càng trở nên đáng yêu, và ấn tượng hơn.

**d.Cô có những suy nghĩ, những quan niệm rất đẹp**

Song ấn tượng hơn cả có lẽ là những quan niệm, những suy nghĩ rất đẹp của nhân vật này. Cô kể: Nhưng chẳng qua tôi điệu thế thôi. Thực tình trong suy nghĩ của tôi, những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ. Suy nghĩ của cô thật đẹp, thật đáng trân trọng! Cô yêu mến, cô ngưỡng mộ, cô thần tượng những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ – những người lính bộ đội cụ Hồ. Vì sao vậy? Vì họ là những con người có lí tưởng, có khát vọng sống đẹp. Họ đến với nơi chiến trường đầy bom đạn này đều vì một lí tưởng cao đẹp – lí tưởng bảo vệ tổ quốc. Họ ra đi với khát vọng một ngày không xa đất nước sẽ giành được độc lập, họ được trở về trong niềm vui chiến thắng. Cô yêu mến, thán phục họ cũng là bởi nhờ có họ mà cô có thêm niềm tin, có thêm sức mạnh để vượt qua cái cảm giác sợ hãi khi đối mặt với quả bom khi cô có thể bình tĩnh hoàn thành nhiệm vụ của mình. Họ khiến cho cô thấy rằng cuộc sống phải cống hiến, phải hi sinh mới thực sự có ý nghĩa. Quan niệm và suy nghĩ đó cho thấy chính Phương Định cũng có một lí tưởng sống rất đẹp.

**3.Đánh giá + mở rộng, liên hệ**

Bằng hàng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực; bằng sự kết hợp giữa tự sự với miêu tả, đoạn trích trên đã giup người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của nhân vật Phương Định – cô gái trẻ trung, xinh đẹp, yêu đời và có những suy nghĩ rất đẹp. Phương Định là hình ảnh đại diện của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến lửa Trường Sơn, đại diện cho thế hệ trẻ Việt Nam thời kì chống Mĩ cứu nước. Xây dựng nhân vật này, Lê Minh Khuê muốn gửi gắm vào đó lời ngợi ca đối với thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước. Đó là những con người không ai nhớ mặt đặt tên nhưng họ đã góp phần làm nên đất nước. Ngày nay, khi cuộc sống hiện đại, chiến tranh không còn, chúng ta vẫn bắt gặp những con người trẻ tuổi đang cống hiến hết mình vì đất nước. Đó là những y bác sĩ trẻ tuổi, những sinh viên ngành y luôn sẵn sàng xông pha vào nơi tuyến đầu chống dịch, là những người chiến sĩ nơi biên cương hải đảo không quản vất vả khó khăn đã và đang theo đuổi lí tưởng bảo vệ tổ quốc. Không ai khác, chính họ đã tiếp nối truyền thống của cha anh. Họ là những “cô gái thanh niên xung phong”, những “người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ” trong thời đại mới.

**III/Kết bài**

Giờ đây, Trường Sơn đã im tiếng súng, màu xanh đã hồi sinh trên những cánh rừng già. Tuy nhiên, “*Những ngôi sao xa xôi”* của Lê Minh Khuê mang dấu ấn thời đại vẫn còn lưu giữ những nét son một thời hào hùng của tuổi trẻ Việt Nam mà tiêu biểu là nhân vật Phương Định. Đọc lại đoạn trích trên, ai trong chúng ta không dậy lên tình yêu mến và khâm phục thế hệ đi trước đã không tiếc máu xương để dệt gấm thêu hoa trên trang sử vàng đất nước? Vậy chúng ta hôm nay phải sống sao cho xứng đáng với sự hi sinh ấy?

==================o0o================

**Đề số 2:** Phân tích tâm lí của nhân vật Phương Định trong đoạn trích sau

*“…Vắng lặng đến phát sợ. Cây còn lại xơ xác. Đất nóng. Khói đen vật vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì từ xa. Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không? Chắc có, các anh ấy có những cái ống nhòm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt. Tôi đến gần quả bom. Cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ theo dõi mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới.  
 Quả bom nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Đầu này có vẽ hai vòng tròn màu vàng…  
 Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Đất rắn. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thỉnh thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng từ bên trong quả bom. Hoặt là mặt trời nung nóng. Chị Thao thổi còi. Như thế là đã hai mươi phút trôi qua. Tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi. Dây mìn dài, cong, mềm. Tôi khỏa đất rồi chạy lại chỗ ẩn nấp của mình. Hồi còi thứ hai của chị Thao. Tôi nép người vào bức tường đất, nhìn đồng hồ. Không có gió. Tim tôi cũng đập không rõ. Dường như vật duy nhất vẫn bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung là chiếc kim đồng hồ. Nó chạy, sinh động và nhẹ nhàng, đè lên những con số vĩnh cửu. Còn đằng kia, lửa đang chui bên trong cái dây mìn, chui vào ruột quả bom…  
 Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ tới cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đứng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi, mằn mặn, cát lạo xạo trong miệng. Nhưng quả bom nổ. Một thứ tiếng kì quái, đến váng óc. Ngực tôi nhói, mắt cay mãi mới mở ra được. Mùi thuốc bom buồn nôn. Ba tiếng nổ nữa tiếp theo. Đất rơi lộp bộp, tan đi âm thầm trong những bụi cây. Mảnh bom xé không khí, lao và rít vô hình trên đầu.”...* (Lê Minh Khuê, *Những ngôi sao xa xôi*, Ngữ văn 9, tập hai, trang 117-118)

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung** |
| **I. Mở bài** | **1. Mở bài: Giới thiệu nhà văn, tác phẩm và vấn đề nghị luận:**  **- Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**  - **Giới thiệu vấn đề nghị luận:**Tâm lí của Phương ĐỊnh khi cô phá bom nổ chậm  - Trích dẫn đoạn trích |
| **II.Thân bài** | **1. Khái quát:**  - Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê được sáng tác năm 1971 – thời điểm cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra vô cùng ác liệt. - -  - Truyện kể về cuộc sống, chiến đấu của ba cô gái Nho, Thao, Phương Định để từ đó làm nổi bật vẻ đẹp của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến lửa Trường Sơn, vẻ đẹp của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước.  - Truyện hấp dẫn bạn đọc ở cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, ở khả năng miêu tả tâm lí nhân vật của nhà văn.  **- Tóm tắt truyện:**  “Những ngôi sao xa xôi” là câu chuyện về tổ trinh sát mặt đường tại một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn trong cuộc kháng chiến chống Mĩ ác liệt, gồm ba nữ thanh niên xung phong là Nho, Thao và Phương Định. Tổ đội trinh sát này có nhiệm vụ quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá cần phải san lấp, đồng thời đánh dấu vị trí các quả bom chưa nổ và phá bỏ chúng, đảm bảo cho xe bộ đội có thể thuận lợi di chuyển. |
|  | **2. Cảm nhận về nhân vật Phương Định trong đoạn trích**  **a)Hoàn cảnh sống chiến đấu của Phương Định**  - Phương Định là nhân vật chính trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê và cũng đồng thời là người kể chuyện.  - Cô và hai người đồng đội của mình sống ở chân một cao điểm trên tuyến lửa Trường Sơn nơi được mệnh danh là túi bom của địch.  - Công việc của cô là “Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất đá lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Phá bom là công việc hằng ngày của cô. Có ngày 5 lần, ngày nào ít thì 3 lần. Đoạn trích trên đã miêu tả một cách chi tiết, cụ thể tâm lí của Phương Định trong một lần phá bom như thế. \  **a)Tâm lí sợ hãi khi xung quanh vô cùng vắng lặng.**  - Ban đầu cô cảm thấy rất sợ hãi.  - Sự sợ hãi khiến cho các giác quan của cô trở nên nhạy bén.  + Phương Định nhận xét về bầu không khí ấy *“Vắng lặng đến phát sợ”.* Đó là sự tĩnh lặng tuyệt đối và căng thẳng như đè nặng lên tâm hồn nhân vật. Tất cả cảnh vật đều thiếu sức sống.  + Bom giặc hủy diệt thiên nhiên, những cái cây sót lại thì “*xơ xác”. “Đất nóng”*- câu văn ngắn khiến người đọc cảm nhận được mặt đất nóng rẫy bởi lửa đạn chiến tranh.  + Trong không khí là “*khói đen vật vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì ở xa”*. Hình ảnh đám khói tạo cảm giác hiu quạnh, hoang tàn.  => **Tất cả các cảnh vật đều gợi đến sự hủy diệt, đều gợi nhắc đến lằn ranh giữa sự sống và cái chết chỉ tích tắc, bởi đó là sự tàn tích sót lại sau một đợt càn quét dữ dội của quân giặc. Vậy mà giữa không gian hoang tàn chết chóc đó, Phương Định chỉ có một mình.**  **b) Vì tự trọng, sau đó cô đã vượt qua được nỗi sợ hãi của mình**  - Cô nghĩ: *“Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không?”.*  - Sự hiện diện của các anh như tiếp thêm cho cô sức mạnh và niềm tin để hoàn thành nhiệm vụ. Mặt khác trong cái tĩnh lặng và cô độc đến đáng sợ ấy ánh mắt dõi theo của các anh cao xạ giống như một sự đồng tình, một sự ủng hộ, một động lực lớn lao đồng hành cùng Phương Định. Nó xua tan cảm giác cô quạnh và xua tan sự sợ hãi. Nó giúp Phương Định nhận ra sợi dây gắn bó vô hình nhưng bền chặt giữa cô và đồng đội, giữa một cá nhân và một tập thể, để có được thứ sức mạnh đoàn kết to lớn làm điểm tựa tinh thần.  - Mặc dù lúc đầu sự không chắc chắn thể hiện qua hình thức câu hỏi, qua cụm từ *“chắc có”,* Phượng Định vẫn tin tưởng mạnh mẽ vào các anh lính cao xạ.  - Có một điểm tựa tinh thần như thế nên Phương Định trở nên mạnh mẽ hơn. Cô nhận ra mình không còn sợ nữa. Và hơn hết cô có can đảm để khẳng định *“Tôi sẽ không đi khom”.*  => Ở Phương Định sáng lên vẻ đẹp của **lòng tự trọng và một trái tim dũng cảm, bản lĩnh.**  **c) Sự căng thẳng, hồi hộp khi phá bom**  - Hình ảnh quả bom hiện ra “*Quả bom nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Đầu này có vẻ hai vòng tròn màu vàng...”.*  - Hình ảnh quả bom tách ra, chỉ có hai câu, tô đậm thêm sự nguy hiểm và bầu không khí căng thẳng, nặng nề của công việc phá bom.  - Phương Định nhanh chóng bắt tay vào công việc.  - Những câu trần thuật ngắn đặt kề nhau như những nhịp hoạt động liên tục, thành thục của Phương Định “*Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom”, “ Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên”.*  - Công việc gian khổ, nguy hiểm này có lẽ Phương Định phải đối mặt mỗi ngày cho nên cô hành động dứt khoát, không do dự.  - Câu đặc biệt “*Đất rắn*” ngắn và bình thản. Nó cho thấy sự cảm nhận trong tích tắc và **sự phán đoán mau lẹ** của Phương Định. Công việc phá bom không chỉ căng thẳng cần một thần kinh thép mà còn đòi hỏi một sức khỏe bền bỉ và sự cẩn thận, chính xác từng li, từng tí.  - Đôi lúc lưỡi xẻng chạm vào quả bom, cô thấy: *“Một tiếng động sắc đến gai người, cứa vào da thịt tôi”.*. **Tiếng động ấy như một lưỡi dao cứa vào da thịt Phương Định và như cứa vào trái tim người đọc. Âm thanh ấy** **là thông điệp của cái chết**.  - Âm thanh chát chúa này dội vào tâm hồn Phương Định, cô nhận ra sao mình làm quá chậm.  - Cô tự nhắc mình: *“Nhanh lên một tí”*. Cần phải nhanh chóng hoàn thành nhiệm vụ trước khi có điều bất trắc gì xảy ra.  - Chi tiết *“vỏ quả bom nóng”* là một chi tiết đắt giá. Bởi đó là *“một dấu hiệu chẳng lành”.* Có thể vỏ quả bom nóng do mặt trời nung, như vậy thì mọi việc vẫn bình an. Nhưng cũng có thể vỏ quả bom nóng do sức nóng từ bên trong , có nghĩa là nó sắp phát nổ.  - Câu văn “*vỏ quả bom nóng”* như dồn nén tất cả sự căng thẳng. Trong một khoảnh khắc đó là sự giằng co giữa sự sống và cái chết, an toàn và hiểm nguy, là một thử thách lớn lao ngay cả với những tâm hồn can đảm nhất.  - Đứng giữa lằn ranh sống chết ấy, Phương Định quên đi sự an nguy của chính mình và vượt qua mọi nổi sợ hãi, dồn toàn bộ tâm trí để hoàn thành nhiệm vụ.  **c)Tâm trạng hồi hộp chờ kết quả và những suy nghĩ của Phương Định sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ**  - Đặt mìn phá bom xong, Phương Định hồi hộp chờ kết quả. Lê Minh Khuê khắc họa sự nguy hiểm, căng thẳng của công việc phá bom qua hai dấu hiệu của thời gian đó là: hồi còi của chị Thao và chiếc kim đồng hồ.  - Không gian tĩnh lặng đến tận cùng. Và dường như thời gian ngưng đọng. “*Không có gió” –*không có dù chỉ một âm thanh nhỏ và không khí vẫn khô nóng đầy ngột ngạt.  - Không gian tĩnh lặng đủ để Phương Định cảm nhận trái tim mình. *“Tim tôi đập không rõ”.* => Đó là những nhịp tim loạn nhịp cho thấy sự căng thẳng, hồi họp ngự trị trong tâm hồn cô thanh niên xung phong.  - Đối lập với tâm hồn đầy biến động của Phương Định là hình ảnh những chiếc kim đồng hồ *“bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung”* như một sinh vật sống dửng dưng, lạnh lùng. Những câu văn dài như dòng chảy của thời gian *“Nó chạy sinh động và nhẹ nhàng, đè lên những con số vĩnh cửu”.*  => **Ở đây bằng sự tương phản giữa thời gian vật lí và thời gian tâm lí**, Lê Minh Khuê đã khắc họa được bức tranh tâm hồn của Phương Định. **Nếu thời gian của đời người trong cuộc phá bom đầy nguy hiểm này chỉ là từng khoảnh khắc giằng co giữa sống-chết thì thời gian vật lí lạnh lùng vô tri bởi chúng ta chỉ là *“những con số vĩnh cửu*”.** Nếu tâm lí căng thẳng của Phương Định cảm nhận thời gian trôi chậm chạp, nặng nề thì những chiếc kim đồng hồ chỉ đơn giản là “*chạy, sinh động và nhẹ nhàng”* theo nhịp vận động từ ngày xưa của nó.  - Khi công việc phá bom thành công. Phương Định tâm tình cùng bạn đọc : “*Quen rồi”.* Câu đặc biệt vừa chân thành như một lời tâm tình vừa bình thản gan dạ đến lạ lùng. Thì ra sức mạnh tinh thần lớn lao ấy giống như một thứ kim loại quý giá và vững vàng đã được ngọn lửa chiến tranh tôi luyện để càng rắn rỏi. Chính cái hoàn cảnh *“một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít:ba lần”* đã tạo cho Phương Định và đồng đội của mình một **tinh thần thép** để vượt qua nỗi sợ hãi và những khoảnh khắc căng thẳng đối diện với cái chết.  - Cô có nghĩ đến cái chết nhưng là một cái chết mờ nhạt, không cụ thể *.* Thông thường những người yêu cuộc sống tha thiết sẽ sợ cái chết thế nhưng thật nghịch lí trong hoàn cảnh chiến tranh lúc con người ta dám can đảm đối mặt với cái chết là lúc con người ta yêu cuộc sống nhất. Bởi cái chết khi làm nhiệm vụ khiến cuộc đời của họ kết thúc một cách có ý nghĩa, họ ngã xuống trở thành một phần máu thịt của đất mẹ quê hương.  - Lí do khác khiến Phương Định cảm thấy cái chết *“mờ nhạt không cụ thể”* chính là bởi tâm trí cô có một mục tiêu rõ ràng, quan trong, cần phải quan tâm hơn: nhiệm vụ. “*Liệu mìn có nổ không?”, “Không thì làm cách nào để châm mìn lần hai”* đã lấn át ý niệm về cái chết và khiến nó trở nên thật mờ nhạt.  Và giây phút chờ đợi đã qua. Bom nổ - *“Một thứ tiếng kì quái đến váng óc*”, ngực nhói, mắt cay, …*“Mảnh bom xé không khí, lao và rít vô hình trên đầu.”...*cô vẫn phủi áo và chạy xuống ngay nơi nổ. *“*Bom nổ”. “Thắng rồi”. Phương Định đã hoàn thành công việc. Đây quả là một cuộc đấu trí gan góc, kiên cường. Từ đó ta thấy tinh thần, ý chí và lòng dũng cảm của người con gái nhỏ bé, bình dị nhưng không bao giờ chịu khuất phục. Một ngày trong những năm tháng Trường Sơn của cô là như vậy! Những trang lịch sử Trường Sơn không thể quên ghi một ngày như thế! |
|  | **3. Đánh giá**  **\*Đánh giá về nội dung và nghệ thuật**  - Bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực; bằng sự kết hợp giữa tự sự với miêu tả và khả năng miêu tả tâm lí tài tình của nhà văn, đoạn trích trên đã giup người đọc thấy được một cách chi tiết, cụ thể, sinh động tâm lí của Phương Định khi phá bom nổ chậm. Cô có sợ hãi, có lo lắng, căng thẳng nhưng chính lòng dũng cảm, kiên cường đã giúp cô hoàn thành được nhiệm vụ của mình.  - Phương Định là hình ảnh đại diện của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến lửa Trường Sơn, đại diện cho thế hệ trẻ Việt Nam thời kì chống Mĩ cứu nước.  - Xây dựng nhân vật này, Lê Minh Khuê muốn gửi gắm vào đó lời ngợi ca đối với thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước. Đó là những con người không ai nhớ mặt đặt tên nhưng họ đã góp phần làm nên đất nước.  **\* Mở rộng nâng cao vấn đề, liên hệ thực tiễn**  - Ngày nay, khi cuộc sống hiện đại, chiến tranh không còn, chúng ta vẫn bắt gặp những con người trẻ tuổi đang cống hiến hết mình vì đất nước. Đó là những y bác sĩ trẻ tuổi, những sinh viên ngành y luôn sẵn sàng xông pha vào nơi tuyến đầu chống dịch, là những người chiến sĩ nơi biên cương hải đảo không quản vất vả khó khăn đã và đang theo đuổi lí tưởng bảo vệ tổ quốc. Không ai khác, chính họ đã tiếp nối truyền thống của cha anh. Họ là những “cô gái thanh niên xung phong”, những “người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ” trong thời đại mới. |
| **III.Kết bài** | **-Nhận xét chung về đoạn trích**  **- Đoạn trích khơi gợi tình cảm gì**  **- Em rút ra được bài học gì từ đoạn trích** |

**Bài viết tham khảo:**

**I/Mở bài**

Lê Minh Khuê là một cây bút nữ chuyên viết truyện ngắn, trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ  của dân tộc . Ngòi bút của bà trong chiến tranh thường hướng về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ trên tuyến đường Trường Sơn. Truyện ngắn “ Những ngôi sao xa xôi” là tác phẩm tiêu biểu của bà khi viết về đề tài này. Tác phẩm là bức tranh về cuộc sống chiến đấu vô cùng ác liệt mà ánh sáng của nó là ánh sáng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Đọc tác phẩm này, người đọc không khỏi ấn tượng với nhân vật Phương Định – một cô gái xinh đẹp, trẻ trung, yêu đời và có những suy nghĩ, những quan niệm rất đẹp. Đến với đoạn trích sau, chúng ta sẽ thấy được điều đó:

*“Vắng lặng đến phát sợ. Cây còn lại xơ xác. Đất nóng. Khói đen vật vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì từ xa.*

*[...]*

*Đất rơi lộp bộp, tan đi âm thầm trong những bụi cây. Mảnh bom xé không khí, lao và rít vô hình trên đầu.”...*

**B.Thân bài**

**1. Khái quát và tóm tắt**

Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê được sáng tác năm 1971 – thời điểm cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra vô cùng ác liệt. Truyện kể về cuộc sống, chiến đấu của ba cô gái Nho, Thao, Phương Định để từ đó làm nổi bật vẻ đẹp của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến lửa Trường Sơn, vẻ đẹp của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước. Tác phẩm này hấp dẫn bạn đọc ở cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, ở khả năng miêu tả tâm lí nhân vật của nhà văn.

“Những ngôi sao xa xôi” là câu chuyện về tổ trinh sát mặt đường tại một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn trong cuộc kháng chiến chống Mĩ ác liệt, gồm ba nữ thanh niên xung phong là Nho, Thao và Phương Định. Tổ đội trinh sát này có nhiệm vụ quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá cần phải san lấp, đồng thời đánh dấu vị trí các quả bom chưa nổ và phá bỏ chúng, đảm bảo cho xe bộ đội có thể thuận lợi di chuyển.

**2. Cảm nhận về nhân vật Phương Định trong đoạn trích**

**a)Hoàn cảnh sống chiến đấu của Phương Định**

Phương Định là nhân vật chính trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê và cũng đồng thời là người kể chuyện. Cô và hai người đồng đội của mình sống ở chân một cao điểm trên tuyến lửa Trường Sơn nơi được mệnh danh là “túi bom của địch”. Công việc của cô là “Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất đá lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Phá bom là công việc hằng ngày của cô. Có ngày 5 lần, ngày nào ít thì 3 lần. Và đoạn trích trên đã ghi lại một cách rất chi tiết, cụ thể, sinh động tâm lí của Phương Đinh trong một lần phá bom như thế.

**a)Tâm lí sợ hãi khi xung quanh vô cùng vắng lặng.**

Rời ghế nhà trường phổ thông, Phương Định xung phong ra mặt trận, nguyện dâng hiến cả tuổi thanh xuân cho đất nước. Cuộc sống nơi chiến trường luôn đối mặt với thử thách, nguy hiểm và cái chết đã tôi luyện ở Phương Định lòng quả cảm, không sợ hi sinh. Tâm lí Phương Định trong một lần phá bom được miêu tả rất cụ thể, tinh tế đến từng cảm giác. **Ban đầu cô cảm thấy rất sợ hãi. Sự sợ hãi khiến cho các giác quan của cô trở nên nhạy bén.** Lê Minh Khuê đã rất tinh tế khi miêu tả không gian tĩnh lặng, hoang tàn trên đường Phương Định đi đến chỗ quả bom để làm, bật lên sự tàn khốc, căng thẳng của cuộc chiến. Phương Định nhận xét về bầu không khí ấy *“Vắng lặng đến phát sợ”.* Đó là sự tĩnh lặng tuyệt đối và căng thẳng như đè nặng lên tâm hồn nhân vật. Tất cả cảnh vật đều thiếu sức sống. Bom giặc hủy diệt thiên nhiên, những cái cây sót lại thì “*xơ xác”. “Đất nóng”*- một câu văn ngắn khiến người đọc cảm nhận được mặt đất nóng rẫy bởi lửa đạn chiến tranh. Trong không khí là “*khói đen vật vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì ở xa”*. Hình ảnh đám khói tạo cảm giác hiu quạnh, hoang tàn. **Tất cả các cảnh vật đều gợi đến sự hủy diệt, đều gợi nhắc đến lằn ranh giữa sự sống và cái chết chỉ tích tắc, bởi đó là sự tàn tích sót lại sau một đợt càn quét dữ dội của quân giặc. Vậy mà giữa không gian hoang tàn chết chóc đó, Phương Định chỉ có một mình.**

**b) Vì tự trọng, sau đó cô đã vượt qua được nỗi sợ hãi của mình**

Trong tình huống nguy hiểm và cô độc ấy, tâm trí Phương Định bỗng hiện ra câu hỏi *“Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không?”.* Câu hỏi ấy cất lên thật tự nhiên, phù hợp với tâm lí nhân vật vì Phương Định luôn dành tình cảm đặc biệt cho các anh lính giải phóng. Tuy cô có nét kiêu kì của một người con gái Hà Thành không săn sóc, vồn vã nhưng thực tâm cô luôn nghĩ rằng “*những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ”.* Sự hiện diện của các anh như tiếp thêm cho cô sức mạnh và niềm tin để hoàn thành nhiệm vụ. Mặt khác trong cái tĩnh lặng và cô độc đến đáng sợ ấy ánh mắt dõi theo của các anh cao xạ giống như một sự đồng tình, một sự ủng hộ, một động lực lớn lao đồng hành cùng Phương Định. Nó xua tan cảm giác cô quạnh và xua tan sự sợ hãi. Nó giúp Phương Định nhận ra sợi dây gắn bó vô hình nhưng bền chặt giữa cô và đồng đội, giữa một cá nhân và một tập thể, để có được thứ sức mạnh đoàn kết to lớn làm điểm tựa tinh thần. Cho nên, mặc dù lúc đầu sự không chắc chắn thể hiện qua hình thức câu hỏi, qua cụm từ *“chắc có”,* Phượng Định vẫn tin tưởng mạnh mẽ vào các anh lính cao xạ. Biện pháp **nói quá** *“Các anh ấy có những cái ống nhòm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt”* vừa cho thấy sự nể phục vừa cho thấy niềm tin vững chắc của Phương Định vào các anh chiến sĩ. Có một điểm tựa tinh thần như thế nên Phương Định trở nên mạnh mẽ hơn. Cô nhận ra mình không còn sợ nữa. Và hơn hết cô có can đảm để khẳng định *“Tôi sẽ không đi khom”.* Ta có thể hình dung một dáng đi hiên ngang, mạnh mẽ, ngẩng cao đầu đầy kiêu hãnh của cô thanh niên xung phong đầy can trường giữa hoàn cảnh khắc nghiệt. Ở Phương Định sáng lên vẻ đẹp của **lòng tự trọng và một trái tim dũng cảm, bản lĩnh.**

**c) Sự căng thẳng, hồi hộp khi phá bom**

Thế rồi hình ảnh quả bom hiện ra “*Quả bom nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Đầu này có vẻ hai vòng tròn màu vàng...”.* Phép nhân hóa qua từ “*lạnh lùng”* khiến quả bom như một kẻ thù hiểm ác, vừa như đe dọa, vừa như thách thức. Hình ảnh quả bom tách ra, chỉ có hai câu, tô đậm thêm sự nguy hiểm và bầu không khí căng thẳng, nặng nề của công việc phá bom. Phương Định nhanh chóng bắt tay vào công việc. Những câu trần thuật ngắn đặt kề nhau như những nhịp hoạt động liên tục, thành thục của Phương Định “*Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom”, “ Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên”.* Công việc gian khổ, nguy hiểm này có lẽ Phương Định phải đối mặt mỗi ngày cho nên cô hành động dứt khoát, không do dự. Câu đặc biệt “*Đất rắn*” ngắn và bình thản. Nó cho thấy sự cảm nhận trong tích tắc và **sự phán đoán mau lẹ** của Phương Định. Công việc phá bom không chỉ căng thẳng cần một thần kinh thép mà còn đòi hỏi một sức khỏe bền bỉ và sự cẩn thận, chính xác từng li, từng tí.

Đôi lúc lưỡi xẻng chạm vào quả bom, Lê Minh Khuê miêu tả âm thanh ấy: *“Một tiếng động sắc đến gai người, cứa vào da thịt tôi”.* **Phép chuyển đổi cảm giác đầy sống động** đã giúp người đọc hình dung ra cái âm thanh chát chúa của kim loại chạm vào nhau. **Tiếng động ấy như một lưỡi dao cứa vào da thịt Phương Định và như cứa vào trái tim người đọc. Bởi âm thanh ấy**, trong những dao động gai người của nó, **là thông điệp của cái chết**. Biết đâu sau một trong những va chạm nhỏ nhất, quả bom sẽ phát nổ? Lưỡi hái thần chết luôn rình rập trong công việc đầy nguy hiểm, gian khổ này. Âm thanh chát chùa này dội vào tâm hồn Phương Định, cô nhận ra sao mình làm quá chậm. Câu cầu khiến *“Nhanh lên một tí”* vang ra như một sự thúc giục. Cần phải nhanh chóng hoàn thành nhiệm vụ trước khi có điều bất trắc gì xảy ra. Chi tiết *“vỏ quả bom nóng”* là một chi tiết đắt giá. Bởi đó là *“một dấu hiệu chẳng lành”.* Có thể vỏ quả bom nóng do mặt trời nung, như vậy thì mọi việc vẫn bình an. Nhưng cũng có thể vỏ quả bom nóng do sức nóng từ bên trong , có nghĩa là nó sắp phát nổ. Câu văn “*vỏ quả bom nóng”* như dồn nén tất cả sự căng thẳng. Trong một khoảnh khắc đó là sự giằng co giữa sự sống và cái chết, an toàn và hiểm nguy, là một thử thách lớn lao ngay cả với những tâm hồn can đảm nhất. Trước thử thách tâm lí nặng nề ấy, người đọc nhận ra một sức mạnh phi thường trong tâm hồn Phương Định. **Điệp cấu trúc “*hoặc là”...***lặp đi lặp lại hai lần cho thấy **sự phán đoán bình thản đến bất ngờ.** Dường như đứng giữa lằn ranh sống chết ấy, Phương Định quên đi sự an nguy của chính mình và vượt qua mọi nổi sợ hãi, dồn toàn bộ tâm trí để hoàn thành nhiệm vụ.

**c)Tâm trạng hồi hộp chờ kết quả và những suy nghĩ của Phương Định sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ**

Đặt mìn phá bom xong, Phương Định hồi hộp chờ kết quả. Nếu ở phần trên, Lê Minh Khuê khắc họa sự nguy hiểm, căng thẳng của công việc phá bom trên bình diện không gian còn đến đây thì nữ nhà văn giúp người đọc hình dung điều đó rõ hơn qua bình diện thời gian. Hai dấu hiệu của thời gian đó là: hồi còi của chị Thao và chiếc kim đồng hồ.

Không gian tĩnh lặng đến tận cùng. Và dường như thời gian ngưng đọng. “*Không có gió” –*không có dù chỉ một âm thanh nhỏ và không khí vẫn khô nóng đầy ngột ngạt. Không gian tĩnh lặng đủ để Phương Định cảm nhận trái tim mình. *“Tim tôi đập không rõ”.* Đó là những nhịp tim loạn nhịp cho thấy sự căng thẳng, hồi họp ngự trị trong tâm hồn cô thanh niên xung phong. Đối lập với tâm hồn đầy biến động của Phương Định là hình ảnh những chiếc kim đồng hồ *“bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung”* như một sinh vật sống dửng dưng, lạnh lùng. Những câu văn dài như dòng chảy vô thủy vô chung của thời gian *“Nó chạy sinh động và nhẹ nhàng, đè lên những con số vĩnh cửu”.* **Ở đây bằng sự tương phản giữa thời gian vật lí và thời gian tâm lí**, Lê Minh Khuê đã khắc họa được bức tranh tâm hồn của Phương Định. **Nếu thời gian của đời người trong cuộc phá bom đầy nguy hiểm này chỉ là từng khoảnh khắc giằng co giữa sống-chết thì thời gian vật lí lạnh lùng vô tri bởi chúng ta chỉ là *“những con số vĩnh cửu*”.** Nếu tâm lí căng thẳng của Phương Định cảm nhận thời gian trôi chậm chạp, nặng nề thì những chiếc kim đồng hồ chỉ đơn giản là “*chạy, sinh động và nhẹ nhàng”* theo nhịp vận động từ ngày xưa của nó. Tại sao Phương Định lại có thể mạnh mẽ đến như vậy khi đối mặt với cái chết? Tại sao cô lại hồi hộp, căng thẳng đến mức tim loạn nhịp khi dõi theo ngọn lửa chạy vào quả bom? Khi công việc phá bom thành công. Phương Định tâm tình cùng bạn đọc và lí giải những điều đó “*Quen rồi”.* Câu đặc biệt vừa chân thành như một lời tâm tình vừa bình thản gan dạ đến lạ lùng. Thì ra sức mạnh tinh thần lớn lao ấy giống như một thứ kim loại quý giá và vững vàng đã được ngọn lửa chiến tranh tôi luyện để càng rắn rỏi. Chính cái hoàn cảnh *“một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít:ba lần”* đã tạo cho Phương Định và đồng đội của mình một **tinh thần thép** để vượt qua nỗi sợ hãi và những khoảnh khắc căng thẳng đối diện với cái chết.

Tất nhiên họ không phải là những kẻ liều mạng. Họ đủ tỉnh táo để nhận ra *“Tôi có nghĩ tới cái chết nhưng cái chết mờ nhạt, không cụ thể”.* Thông thường những người yêu cuộc sống tha thiết sẽ sợ cái chết bởi như một danh nhân từng nói *“Bị kịch thật sự của cái chết không phải là ta chết mà chính là ở chỗ ta không còn được sống nữa”.* Thế nhưng thật nghịch lí trong hoàn cảnh chiến tranh lúc con người ta dám can đảm đối mặt với cái chết là lúc con người ta yêu cuộc sống nhất. Bởi cái chết khi làm nhiệm vụ khiến cuộc đời của họ kết thúc một cách có ý nghĩa, họ ngã xuống trở thành một phần máu thịt của đất mẹ quê hương. Lí do khác khiến Phương Định cảm thấy cái chết *“mờ nhạt không cụ thể”* chính là bởi tâm trí cô có một mục tiêu rõ ràng, quan trong, cần phải quan tâm hơn: nhiệm vụ. Các câu hỏi như những làn sóng xoáy sâu vào tâm trí “*Liệu mìn có nổ không?”, “Không thì làm cách nào để châm mìn lần hai”* đã lấn át ý niệm về cái chết và khiến nó trở nên thật mờ nhạt. Như vậy, chính tinh thần trách nhiệm cao độ mà cơ sở của nó chính là tình yêu nước, là khát vọng hòa bình đã tiếp thêm sức mạnh cho Phương Định để cô có thể vững vàng vượt qua tất cả.

Và giây phút chờ đợi đã qua. Bom nổ - *“Một thứ tiếng kì quái đến váng óc*”, ngực nhói, mắt cay, …*“Mảnh bom xé không khí, lao và rít vô hình trên đầu.”...*cô vẫn phủi áo và chạy xuống ngay nơi nổ. *“*Bom nổ”. “Thắng rồi”. Phương Định đã hoàn thành công việc. Đây quả là một cuộc đấu trí gan góc, kiên cường. Từ đó ta thấy tinh thần, ý chí và lòng dũng cảm của người con gái nhỏ bé, bình dị nhưng không bao giờ chịu khuất phục. Một ngày trong những năm tháng Trường Sơn của cô là như vậy! Những trang lịch sử Trường Sơn không thể quên ghi một ngày như thế!

**3.Đánh giá + mở rộng, liên hệ**

Bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực; bằng sự kết hợp giữa tự sự với miêu tả và khả năng miêu tả tâm lí tài tình của nhà văn, đoạn trích trên đã giup người đọc thấy được một cách chi tiết, cụ thể, sinh động tâm lí của Phương Định khi phá bom nổ chậm. Cô có sợ hãi, có lo lắng, căng thẳng nhưng chính lòng dũng cảm, kiên cường đã giúp cô hoàn thành được nhiệm vụ của mình. Phương Định là hình ảnh đại diện của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến lửa Trường Sơn, đại diện cho thế hệ trẻ Việt Nam thời kì chống Mĩ cứu nước. Xây dựng nhân vật này, Lê Minh Khuê muốn gửi gắm vào đó lời ngợi ca đối với thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước. Đó là những con người không ai nhớ mặt đặt tên nhưng họ đã góp phần làm nên đất nước. Ngày nay, khi cuộc sống hiện đại, chiến tranh không còn, chúng ta vẫn bắt gặp những con người trẻ tuổi đang cống hiến hết mình vì đất nước. Đó là những y bác sĩ trẻ tuổi, những sinh viên ngành y luôn sẵn sàng xông pha vào nơi tuyến đầu chống dịch, là những người chiến sĩ nơi biên cương hải đảo không quản vất vả khó khăn đã và đang theo đuổi lí tưởng bảo vệ tổ quốc. Không ai khác, chính họ đã tiếp nối truyền thống của cha anh. Họ là những “cô gái thanh niên xung phong”, những “người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ” trong thời đại mới.

**III/Kết bài**

Giờ đây, Trường Sơn đã im tiếng súng, màu xanh đã hồi sinh trên những cánh rừng già. Tuy nhiên, “*Những ngôi sao xa xôi”* của Lê Minh Khuê mang dấu ấn thời đại vẫn còn lưu giữ những nét son một thời hào hùng của tuổi trẻ Việt Nam mà tiêu biểu là nhân vật Phương Định. Đọc lại đoạn trích trên, ai trong chúng ta không dậy lên tình yêu mến và khâm phục thế hệ đi trước đã không tiếc máu xương để dệt gấm thêu hoa trên trang sử vàng đất nước? Vậy chúng ta hôm nay phải sống sao cho xứng đáng với sự hi sinh ấy?

*Bài viết có tham khảo tư liệu của thầy giáo Trần Lê Duy*

================o0o================

**Đề bài 3 :Cảm nhận của em về vẻ đẹp của nhân vật Phương Định qua đoạn văn sau:**

*“ Còn chúng tôi thì chạy trên cao điểm cả ban ngày. Mà ban ngày chạy trên cao điểm không phải chuyện chơi. Thần chết là một tay không thích đùa. Hắn ta lẩn trong ruột những quả bom. Tôi bây giờ còn một vết thương chưa lành miệng ở đùi. Tất nhiên, tôi không vào viện quân y. Việc nào cũng có cái thú của nó. Có ở đâu như thế này không: đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ì xa dần. Thần kinh thì căng như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn biết rằng khắp xung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa. Nhưng nhất định sẽ nổ... Rồi khi xong việc, quay lại nhìn cảnh đoạn đường một lần nữa, thở phào, chạy về hang. Bên ngoài nóng trên 30 độ chui vào hang là sà ngay đến một thế giới khác. Cái mát lạnh làm toàn thân rung lên đột ngột. Rồi ngửa cổ uống nước, trong ca hay trong bi đông. Nước suối pha đường. Xong thì nằm dài trên nền ẩm, lười biếng nheo mắt nghe ca nhạc từ cái đài bán dẫn nhỏ mà lúc nào cũng có pin đầy đủ. Có thể nghe, có thể nghĩ lung tung...  
      Hình như ta sắp mở chiến dịch lớn. Đêm nào xe cũng đi nườm nượp ngoài đường. Ban đêm chúng tôi được ngủ. Nhưng mấy đêm nay thì chịu. Đứa nào cũng leo tót lên trọng điểm, cầm xẻng xúc, nói vài câu buồn cười với một anh lái xe nào đó.”*

(Trích Những ngôi sao xa xôi- Ngữ văn 9 – tập hai, NXB giáo dục, 2015)

|  |  |
| --- | --- |
| **Phần** | **Nội dung** |
| **I. Mở bài** | **1. Mở bài: Giới thiệu nhà văn, tác phẩm và vấn đề nghị luận:**  **- Giới thiệu tác giả, tác phẩm:**  - **Giới thiệu vấn đề nghị luận:** Khái quát về vẻ đẹp của Phương Định : Một cô gái dũng cảm kiên cường, trẻ trung yêu đời và luôn có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.  - Trích dẫn đoạn trích |
| **II.Thân bài** | **1. Khái quát:**  - Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê được sáng tác năm 1971 – thời điểm cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra vô cùng ác liệt. - -  - Truyện kể về cuộc sống, chiến đấu của ba cô gái Nho, Thao, Phương Định để từ đó làm nổi bật vẻ đẹp của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến lửa Trường Sơn, vẻ đẹp của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước.  - Truyện hấp dẫn bạn đọc ở cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, ở khả năng miêu tả tâm lí nhân vật của nhà văn.  **- Tóm tắt truyện:**  “Những ngôi sao xa xôi” là câu chuyện về tổ trinh sát mặt đường tại một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn trong cuộc kháng chiến chống Mĩ ác liệt, gồm ba nữ thanh niên xung phong là Nho, Thao và Phương Định. Tổ đội trinh sát này có nhiệm vụ quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá cần phải san lấp, đồng thời đánh dấu vị trí các quả bom chưa nổ và phá bỏ chúng, đảm bảo cho xe bộ đội có thể thuận lợi di chuyển. Đoạn trích trên là lời Phương Định kể về công việc và cuộc sống của mình trên tuyến lửa Trường Sơn. |
|  | **2. Cảm nhận về nhân vật Phương Định trong đoạn trích**  **a)Hoàn cảnh sống chiến đấu của Phương Định**  - Phương Định là nhân vật chính trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê và cũng đồng thời là người kể chuyện.  - Cô và hai người đồng đội của mình sống ở chân một cao điểm trên tuyến lửa Trường Sơn nơi được mệnh danh là túi bom của địch.  - Công việc của cô là “Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất đá lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Phá bom là công việc hằng ngày của cô. Có ngày 5 lần, ngày nào ít thì 3 lần. Đoạn trích trên đã miêu tả một cách chi tiết, cụ thể tâm lí của Phương Định trong một lần phá bom như thế.  =>Sống ở đây và làm công việc này là Phương Định luôn phải đối mặt với gian khổ và nguy hiểm, cái chết luôn luôn cận kề. Tuy nhiên điều đó không hề làm cô sờn lòng nản chí, thậm chí chính hoàn cảnh khó khăn ấy lại khiến cho vẻ đẹp của cô càng tỏa sáng hơn.  **a) Vẻ đẹp của lòng cũng cảm kiên cường, không sợ hi sinh gian khổ.**  - Công việc của Phương Định rất gian khổ:  + Cô kể: *Còn chúng tôi thì chạy trên cao điểm cả ban ngày. Mà ban ngày chạy trên cao điểm không phải chuyện chơi. Thần chết là một tay không thích đùa. Hắn ta lẩn trong ruột những quả bom.*  *+* Nơi cô làm việc cũng thật đáng sợ*: Có ở đâu như thế này không: đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ì xa dần.*  *+* Khi làm việc thì Thần kinh thì luôn cảm thấy *căng như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn biết rằng khắp xung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa. Nhưng nhất định sẽ nổ...*  + Mỗi câu văn đọc lên, người đọc có thể hình dung rất rõ về sự nguy hiểm và không khí căng thẳng nơi cô làm việc. Lối miêu tả chân thực khiến người đọc cũng phải rùng mình khi tưởng tượng lại không khí của những cuộc gỡ bom. Bom mìn dội khắp nơi và có thể nổ bất cứ lúc nào còn máy bay địch thì gầm rú liên tục.  -Nhưng trong những lời cô kể, người đọc không hề thấy có bóng dáng của sự sợ hãi. Cô không một lời than vãn, không kể khổ. Cô kể thật bình thản và tự nhiên giống như kể về cuộc sống hoà bình thường nhật của mình.  + Cô không sợ bởi cô hiểu rõ khi xung phong vào chiến trường là cô phải đối mặt với bom đạn, với cái chết thậm chí cô có thể sẽ không quay trở về. Và vì công việc này đã quá quen với cô. Có những ngày cô phá bom đến 5 lần.  - Đặc biệt, hi sinh mất mát của bản thân cũng được Phương Định coi hết sức nhẹ nhàng: “Tôi bây giờ vẫn còn một vết thương chưa lành miệng ở đùi. Tất nhiên Tôi không vào viện quân y”. Nếu không có cái nhìn lạc quan và một tinh thần dũng cảm thì Phương Định không thể có cách nói bình thản như thế. **b) Phương Định còn là người có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc**  - Xong việc Phương Định không về ngay mà còn quay lại nhìn cảnh đoạn đường một lần nữa, thở phào rồi mới chạy về hang.  - Cô hiểu được tâm quan trọng trong công việc của mình. Cô phải cẩn trọng bởi sứ mệnh của cô là ở đây, san lấp những hố bom và phá những quả bom nổ chậm để nối liên con đường huyết mạch của tổ quốc, để hậu phương miền Bắc có thể chi viện cho tiền tuyến Miền Nam. Công việc ấy là một phần của sự nghiệp bảo vệ tổ quốc.  - Chỉ cần một thoáng vô trách nhiệm thôi rất có thể những người đồng đội của cô sẽ phải nằm lại nơi này, có thể sẽ chẳng có một ngày nào mang tên “Ngày chiến thắng”  - Liên hệ: Anh thanh niên  **c) Phương Định là một cô gái trẻ trung, hồn nhiên, yêu đời**  - Vừa ở trên cao điểm, phải đối mặt với muôn vàn hiểm nguy, giam khổ ấy thế mà khi chạy về đến hang là Phương Định lại trở về với vẻ đẹp trong trẻo, trẻ trung, hồn nhiên, yêu đời  + Phương Định khi ở trong hang khác hoàn toàn với cô ngoài cao điểm: Trên cao điểm cô gan góc, kiên cường bao nhiêu thì khi trở về hang cô lại nhẹ nhàng, trẻ trung bấy nhiêu.  + Cô cảm nhận được cái không khí trong hang mát lạnh như ở một thế giới khác. Cô cảm thấy toàn thân rung lên đột ngột khi tận hưởng cái cảm giác mát mẻ trong hang. Dường như cái khốc liệt của bom đạn ngoài kia đã không còn nữa mà thay vào đó là cảm giác bình yên đến lạ. Phương Định ngửa cổ uống nước suối pha đường. Xong thì nằm dài trên nền ẩm, nheo mắt nghe ca nhạc từ cái đài bán dẫn. Ta không thể tin nổi một cô gái dũng cảm, kiên cường khi đối mặt với quả bom nổ chậm trên cao điểm đến khi về hang lại mang vẻ đẹp trong trẻo, bình dị đến vậy. Và có lẽ chính điều đó càng làm cho cô trở nên đẹp đẽ hơn. |
|  | **3. Đánh giá**  **\*Đánh giá về nội dung và nghệ thuật**  - Bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực; bằng sự kết hợp giữa tự sự với miêu tả, đoạn trích trên đã giup người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của nhân vật Phương Định – một cô gái dũng cảm, kiên cường, trẻ trung, yêu đời và có tinh thần trách nhiệm cao với công việc.  - Phương Định là hình ảnh đại diện của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến lửa Trường Sơn, đại diện cho thế hệ trẻ Việt Nam thời kì chống Mĩ cứu nước.  - Xây dựng nhân vật này, Lê Minh Khuê muốn gửi gắm vào đó lời ngợi ca đối với thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước. Đó là những con người không ai nhớ mặt đặt tên nhưng họ đã góp phần làm nên đất nước.  **\* Mở rộng nâng cao vấn đề, liên hệ thực tiễn**  - Ngày nay, khi cuộc sống hiện đại, chiến tranh không còn, chúng ta vẫn bắt gặp những con người trẻ tuổi đang cống hiến hết mình vì đất nước. Đó là những y bác sĩ trẻ tuổi, những sinh viên ngành y luôn sẵn sàng xông pha vào nơi tuyến đầu chống dịch, là những người chiến sĩ nơi biên cương hải đảo không quản vất vả khó khăn đã và đang theo đuổi lí tưởng bảo vệ tổ quốc. Không ai khác, chính họ đã tiếp nối truyền thống của cha anh. Họ là những “cô gái thanh niên xung phong”, những “người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ” trong thời đại mới. |
| **III.Kết bài** | **-Nhận xét chung về đoạn trích**  **- Đoạn trích khơi gợi tình cảm gì**  **- Em rút ra được bài học gì từ đoạn trích** |

**Bài viết tham khảo:**

**I/Mở bài**

Lê Minh Khuê là một cây bút nữ chuyên viết truyện ngắn, trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ  của dân tộc . Ngòi bút của bà trong chiến tranh thường hướng về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ trên tuyến đường Trường Sơn. Truyện ngắn “ Những ngôi sao xa xôi” là tác phẩm tiêu biểu của bà khi viết về đề tài này. Tác phẩm là bức tranh về cuộc sống chiến đấu vô cùng ác liệt mà ánh sáng của nó là ánh sáng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Đọc tác phẩm này, người đọc không khỏi ấn tượng với nhân vật Phương Định – một cô gái dũng cảm, kiên cường, trẻ trung, yêu đời và có tinh thần trách nhiệm cao với công việc. Đến với đoạn trích sau, chúng ta sẽ thấy được điều đó:

*“Còn chúng tôi thì chạy trên cao điểm cả ban ngày.*

*[...]*

*Đứa nào cũng leo tót lên trọng điểm, cầm xẻng xúc, nói vài câu buồn cười với một anh lái xe nào đó.”*

**B.Thân bài**

**1. Khái quát và tóm tắt**

Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê được sáng tác năm 1971 – thời điểm cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra vô cùng ác liệt. Truyện kể về cuộc sống, chiến đấu của ba cô gái Nho, Thao, Phương Định để từ đó làm nổi bật vẻ đẹp của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến lửa Trường Sơn, vẻ đẹp của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước. Tác phẩm này hấp dẫn bạn đọc ở cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, ở khả năng miêu tả tâm lí nhân vật của nhà văn.

“Những ngôi sao xa xôi” là câu chuyện về tổ trinh sát mặt đường tại một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn trong cuộc kháng chiến chống Mĩ ác liệt, gồm ba nữ thanh niên xung phong là Nho, Thao và Phương Định. Tổ đội trinh sát này có nhiệm vụ quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá cần phải san lấp, đồng thời đánh dấu vị trí các quả bom chưa nổ và phá bỏ chúng, đảm bảo cho xe bộ đội có thể thuận lợi di chuyển.

**2. Cảm nhận về nhân vật Phương Định trong đoạn trích**

**a)Hoàn cảnh sống chiến đấu của Phương Định**

Phương Định là nhân vật chính trong truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê và cũng đồng thời là người kể chuyện. Cô và hai người đồng đội của mình sống ở chân một cao điểm trên tuyến lửa Trường Sơn nơi được mệnh danh là “túi bom của địch”. Công việc của cô là “Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất đá lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Sống ở đây và làm việc công việc này là cô sẽ phải đối mặt với nguy hiểm, với cái chết bởi bom đạn không phải là chuyện đùa. Nhưng điều đó không hề khiến cô sờn lòng nản chí, thậm chí nó còn khiến cho vẻ đẹp của cô thêm tỏa sáng hơn.

**b) Vẻ đẹp của lòng cũng cảm kiên cường, không sợ hi sinh gian khổ.**

Vẻ đẹp đầu tiên mà người đọc nhận ra ở nhân vật Phương ĐỊnh trong đoạn trích này là lòng dũng cảm, kiên cường, không sợ hi sinh, gian khổ. Như đã nói ở trên, công việc của Phương Định rất gian khổ và nguy hiểm. Và cô tiếp tục kể: *Còn chúng tôi thì chạy trên cao điểm cả ban ngày. Mà ban ngày chạy trên cao điểm không phải chuyện chơi. Thần chết là một tay không thích đùa. Hắn ta lẩn trong ruột những quả bom.* Nơi cô làm việc cũng thật đáng sợ*: đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ì xa dần.*  Và khi làm việc thì cô luôn cảm thấn *thần kinh* *căng như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn biết rằng khắp xung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa. Nhưng nhất định sẽ nổ...* Mỗi câu văn đọc lên, người đọc có thể hình dung rất rõ về sự nguy hiểm và không khí căng thẳng nơi cô làm việc. Lối miêu tả chân thực khiến người đọc cũng phải rùng mình khi tưởng tượng lại không khí của những cuộc gỡ bom. Bom mìn dội khắp nơi và có thể nổ bất cứ lúc nào còn máy bay địch thì gầm rú liên tục. Ấy vậy mà trong những lời cô kể, người đọc không hề thấy có bóng dáng của sự sợ hãi. Cô không một lời than vãn, không kể khổ. Cô kể thật bình thản và tự nhiên giống như kể về cuộc sống hoà bình thường nhật của mình. Cô không sợ bởi cô hiểu rõ khi xung phong vào chiến trường là cô phải đối mặt với bom đạn, với cái chết thậm chí cô có thể sẽ không quay trở về. Và vì công việc này đã quá quen với cô, mỗi ngày cô phá bom đến ba lần thậm chí có những hôm cô năm lần phá bom nổ chậm. Đặc biệt, hi sinh mất mát của bản thân cũng được Phương Định coi hết sức nhẹ nhàng: *“Tôi bây giờ vẫn còn một vết thương chưa lành miệng ở đùi. Tất nhiên Tôi không vào viện quân y”.* Nếu không có cái nhìn lạc quan và một tinh thần dũng cảm thì Phương Định không thể có cách nói bình thản như thế. Sự dũng cảm của cô khiến ta nhớ đến hình ảnh cô thanh niên xung phong Nguyệt trong truyện ngắn “Mảnh trăng cuối rừng”. Khi bị thương, cô cũng chẳng hề bận tâm: *Anh cứ yên tâm, vết thương chỉ sướt da thôi. Từ giờ đến sáng em có thể đi lên đến tận trời được.* Có thể nói rằng, dũng cảm, kiên cường là nét phẩm chất chung đẹp đẽ của những cô gái thanh niên xung phong – những con người *không ai nhớ mặt đặt tên* nhưng họ đã góp phần *làm nên đất nước.*

**c) Phương Định còn là người có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc**

Không chỉ dũng cảm, kiên cường, Phương Định còn là một cô gái có tinh thần trách nhiệm cao với công việc. Mỗi khi xong việc cô không về ngay mà còn quay lại nhìn cảnh đoạn đường một lần nữa, thở phào rồi mới chạy về hang. Cái cách cô làm việc thật đáng để ta trân trọng. Cô hiểu được tầm quan trọng trong công việc của mình. Cô phải cẩn trọng bởi nhiệm vụ của cô là ở đây, san lấp những hố bom và phá những quả bom nổ chậm để nối liền con đường huyết mạch của tổ quốc, để hậu phương miền Bắc có thể chi viện cho tiền tuyến Miền Nam. Công việc ấy là một phần quan trọng của sự nghiệp bảo vệ tổ quốc của thế hệ trẻ Việt Nam thời kì chống Mĩ cứu nước. Thế nên chỉ cần một thoáng vô trách nhiệm thôi rất có thể những người đồng đội của cô sẽ phải nằm lại nơi này, có thể sẽ chẳng có một ngày nào mang tên “Ngày chiến thắng”. Một chi tiết tưởng chừng nhưng rất nhỏ nhưng lại cho thấy vẻ đẹp tuyệt vời của cô gái thanh niên xung phong. Đột nhiên ta lại nhớ đến nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sapa” của nhà văn Nguyễn Thành Long. Dù làm việc một mình, không ai quản lí nhưng anh cũng chưa bao giờ bỏ bê công việc của mình. Những con người như anh, như Phương Định chính là những tấm gương sáng ngời về lí tưởng sống, về tinh thần trách nhiệm để thế hệ trẻ ngày nay học tập và noi theo.

**d) Phương Định là một cô gái trẻ trung, hồn nhiên, yêu đời**

Dũng cảm, kiên cường nhưng lạ thay, Phương Định lại rất trẻ trung, hồn nhiên, yêu đời. Vừa ở trên cao điểm, phải đối mặt với muôn vàn hiểm nguy, giam khổ ấy thế mà khi chạy về đến hang là Phương Định lại trở về với một hình ảnh rất khác. Phương Định khi ở trong hang khác hoàn toàn với cô ngoài cao điểm. Trên cao điểm cô gan góc, kiên cường bao nhiêu thì khi trở về hang cô lại nhẹ nhàng, trẻ trung bấy nhiêu. Cô cảm nhận được cái không khí trong hang mát lạnh như ở một thế giới khác. Cô cảm thấy toàn thân rung lên đột ngột khi tận hưởng cái cảm giác mát mẻ trong hang. Dường như cái khốc liệt của bom đạn ngoài kia đã không còn nữa mà thay vào đó là cảm giác bình yên đến lạ. Phương Định ngửa cổ uống nước suối pha đường. Xong thì nằm dài trên nền ẩm, nheo mắt nghe ca nhạc từ cái đài bán dẫn. Ta không thể tin nổi một cô gái dũng cảm, kiên cường khi đối mặt với quả bom nổ chậm trên cao điểm đến khi về hang lại mang vẻ đẹp trong trẻo, bình dị đến vậy. Và có lẽ chính điều đó càng làm cho cô trở nên đẹp đẽ hơn.

**3.Đánh giá + mở rộng, liên hệ**

Bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực; bằng sự kết hợp giữa tự sự với miêu tả, đoạn trích trên đã giup người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của nhân vật Phương Định – một cô gái dũng cảm, kiên cường, trẻ trung, yêu đời và có tinh thần trách nhiệm cao với công việc. Phương Định là hình ảnh đại diện của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến lửa Trường Sơn, đại diện cho thế hệ trẻ Việt Nam thời kì chống Mĩ cứu nước. Xây dựng nhân vật này, Lê Minh Khuê muốn gửi gắm vào đó lời ngợi ca đối với thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước. Đó là những con người không ai nhớ mặt đặt tên nhưng họ đã góp phần làm nên đất nước. Ngày nay, khi cuộc sống hiện đại, chiến tranh không còn, chúng ta vẫn bắt gặp những con người trẻ tuổi đang cống hiến hết mình vì đất nước. Đó là những y bác sĩ trẻ tuổi, những sinh viên ngành y luôn sẵn sàng xông pha vào nơi tuyến đầu chống dịch, là những người chiến sĩ nơi biên cương hải đảo không quản vất vả khó khăn đã và đang theo đuổi lí tưởng bảo vệ tổ quốc. Không ai khác, chính họ đã tiếp nối truyền thống của cha anh. Họ là những “cô gái thanh niên xung phong”, những “người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ” trong thời đại mới.

**III/Kết bài**

Giờ đây, Trường Sơn đã im tiếng súng, màu xanh đã hồi sinh trên những cánh rừng già. Tuy nhiên, “*Những ngôi sao xa xôi”* của Lê Minh Khuê mang dấu ấn thời đại vẫn còn lưu giữ những nét son một thời hào hùng của tuổi trẻ Việt Nam mà tiêu biểu là nhân vật Phương Định. Đọc lại đoạn trích trên, ai trong chúng ta không dậy lên tình yêu mến và khâm phục thế hệ đi trước đã không tiếc máu xương để dệt gấm thêu hoa trên trang sử vàng đất nước? Vậy chúng ta hôm nay phải sống sao cho xứng đáng với sự hi sinh ấy?

***Ánh trăng***

***Nguyễn Duy***

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Nguyễn Duy, tên khai sinh là Nguyễn Duy Nhuệ (1948) quê ở Thanh Hoá.  - Ông thuộc thế hệ nhà thơ quân đội trưởng thành trước cuộc chiến chống Mỹ cứu nước.  + Trước đổi mới : Nguyễn Duy tập trung viết về đề tài chiến tranh và quê hương với khuynh hướng sử thi , phản ánh những vẻ đẹp đơn sơ, bình dị ; những mất mát, hi sinh và cuộc sống lam lũ của người nông dân.  + Sau đổi mới : Nguyễn Duy mạnh mẽ, táo bạo, dám phơi bày những bất cập của xã hội đương thời.  - Sau chiến tranh, Nguyễn Duy vẫn say sưa và tiếp tục con đường thơ của mình. Thơ ông ngày càng đậm đà, ổn định một phong cách, một giọng điệu “quen thuộc mà không nhàm chán”.  - Phong cách sáng tác : Thơ Nguyễn Duy có giàu chất triết lý, thiên về chiều sâu nội tâm với những trăn trở, day dứt, suy tư. Có sự thống nhất của nhiều yếu tố đối lập : mộc mạc, dân dã mà tinh tế, sâu sắc ; ngang tàng, tếu táo mà thiết tha, sâu lắng ; tự nhiên ngẫu hứng mà trau chuốt, công phu.  - Các tác phẩm chính: Cát trắng (thơ 1973), ánh trăng (1978), Mẹ và em (thơ 1987)…  - Tác giả đã được nhận các giải thưởng: Giải nhất thơ tuần báo “Văn nghệ (1973); Giải A về thơ của hội nhà văn Việt Nam (1985). |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Bài thơ ra đời năm 1978 tại thành phố Hồ Chí Minh. (Ba năm sau ngày kết thúc chiến tranh, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước).  - Bài thơ được in trong tập thơ cúng tên và được giải A của Hội nhà văn Việt Nam năm 1984. |
| ***Thể loại*** | - Thể thơ 5 chữ với những chữ cái đầu khổ được viết hoa. Toàn bài chỉ có một dấu phẩy và dấu chấm cuối bài. Nó khiến cho cảm xúc liền mạch, sâu lắng, |
| ***Mạch cảm xúc và bố cục*** | \* **Mạch vận động cảm xúc**: Bài thơ là câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian từ quá khứ đến hiện tại với các mốc sự kiện trong cuộc đời con người. Dòng cảm xúc của nhà thơ cũng được bộc lộ theo mạch tự sự. Theo dòng tự sự ấy mạch cảm xúc đi từ quá khứ đến hiện tại và lắng kết trong cái “giật mình” cuối bài thơ.  \* **Bố cục**: Bài thơ chia làm 3 phần:  - 3 khổ thơ đầu: ký ức về vầng trăng trong quá khứ của tác giả và trong hiện tại.  - Khổ 4 tình huống bất ngờ khiến hồi ức lùa về.  - 2 khổ cuối: sự hối hận của tác giả vì đã lãng quên vầng trăng. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | - Nhan đề : “Ánh trăng” trước hết là một phần của thiên nhiên với tất cả những gì gần gũi, thân thuộc.  - “Ánh trăng” là biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình, thủy chung gắn với lịch sử hào hùng của dân tộc.  - Gợi cho ta liên tưởng đến những con người giản dị mà thủy chung, nghĩa tình : nhân dân, đồng đội. |
| ***PT biểu đạt*** | - Bài thơ là sự kết hợp hài hào hai phương thức tự sự và trữ tình. |
| ***Chủ đề*** | Bài thơ ca ngợi vầng trăng tri kỉ của tuổi thơ, của người lính một thời trận mạc, đồng thời gợi nhắc mọi người biết sống ân nghĩa thủy chung, giữ tròn đạo lí tốt đẹp |
| ***Giá trị nội dung*** | - Bài thơ là lời nhắc nhở về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước, bình dị, hiền hậu.  - Từ đó, gợi nhắc người đọc thái độ sống “*uống nước nhớ nguồn*”, ân nghĩa thuỷ chung cùng quá khứ. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | - Giọng điệu tâm tình, tự nhiên kết hợp giữa yếu tố trữ tình và tự sự.  - Hình ảnh giàu tính biểu cảm: trăng giàu ý nghĩa biểu tượng. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

***\* Khái quát:*** Bài thơ ra đời năm 1978 tại thành phố Hồ Chí Minh, ba năm sau ngày đất nước giải phóng. Bài thơ in tron gtaapj thơ cùng tên và được tặng giâir A của hội nhà văn Việt Nam năm 1984.

**1. Vầng trăng trong quá khứ ( hai khổ đầu):**

Trong 2 khổ thơ đàu, tác gải gợi lại những kỉ niệm đẹp, tình cảm gắn bó giữa con người và vầng trăng trong quá khứ:

“Hồi nhỏ sống với đồng

với sông rồi với bể

hồi chiến tranh ở rừng

vầng trăng thành tri kỉ

Trần trụi với thiên nhiên

hồn nhiên như cây cỏ

ngỡ không bao giờ quên

cái vầng trăng tình nghĩa”

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Với giọng điệu tâm tình, thủ thỉ | Tác giả đưa ta về với quá khứ êm đềm. |
| Cách gieo vần lưng “đồng”, “sông” và điệp ngữ “ với” lặp lại 3 lần | Đã nhấn mạnh sự gắn bó giữa con người với thiên nhiên, diễn tả niềm hạnh phúc của tuổi thơ được đi nhiều, tiếp xúc nhiều và ngắm những cảnh đẹp thiên nhiên của tác giả.  -> Vầng trăng đã trở thành tri kỉ, thành người bạn tâm tình, gần gũi gắn bó với tuổi thơ tươi đẹp, trong sáng. Cứ như thế, trăng theo nhịp bước người chiến sĩ lướn dần theo năm tháng, đến cả những nơi gian khổ, hiểm nguy nhất, là trong chiến tranh. |
| Nghệ thuật nhân hóa “ vầng trăng thành tri kỉ” | Cho thấy trăng luôn gắn bó, trở thành người bạn thân thiết, luôn đồng cam công khổ với người lính. |
| Vần lưng một lần nữa lại xuất hiện: “hồn nhiên”, “thiên nhiên” | làm cho âm điệu câu thơ thêm liền mạch, dường như nguồn cảm xúc cũa tác giả vẫng đang tràn đầy. |
| Từ láy “ trần trụi”, hình ảnh so sánh ẩn dụ “ hồn nhiên như cây cỏ” | Gợi vẻ đẹp bình dị, đơn sơ, mộc mạc, trong sáng của vầng trăng. Đó cũng là cốt cách, vẻ đẹp hồn nhiên, vô tư, mộc mạc trong tâm hồn người lính trong những năm tháng ở rừng. |
| Nghệ thuật nhân hóa “ vầng trăng tình nghĩa” | Vầng trăng mang vẻ đẹp nguyên thủy như vẻ đẹp của thiên nhiên, khiến cho nhân vật trữ tình cảm nhận dường như sẽ không bao giờ có thể quên cái vầng trăng tri kỉ-tình nghĩa ấy Nhấn mạnh thêm bản chất thủy chung, mộc mạc của vầng trăng. Chính vì thế, nhân vật trữ tình tâm niệm “không bao giờ quên” |
| Từ “ ngỡ” | Như báo hiệu những chuyển biến trong câu chuyện cũng như trong tình cảm của con người. |
| => Trong quá khứ, dẫu hoàn cảnh đầy gian khó, trăng luôn đồng hành cùng con người trên mỗi bước đường, trở thành người bạn tri âm tri kỉ chia se niềm vui nỗi buồn. Trăng là biểu tượng của quá khứ tình nghĩa, thủy chung. | |

**2. Vầng trăng trong hiện tại ( hai khổ tiếp):**

Qua thời gian, sự biến đổi của của hoàn cảnh đã làm mọi thứ trở nên thay đổi.

|  |  |
| --- | --- |
| “Từ hồi về thành phố quen ánh điện, cửa gương  vầng trăng đi qua ngõ  như người dưng qua đường” | |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Nghệ thuật đối sử dụng giữa 2 đoạn thơ | Đã cho thấy sự đối lập về hoàn cảnh sống giữa hiện tịa và quá khứ. |
| “ quen ánh điện cửa gương” là cách nói hoán dụ | Để tô đậm cuộc sống đầy đủ, tện nghi, khép kín trong căn nhà hiện đại, xa rời thiên nhiên. |
| Hình ảnh so sánh, nhân hóa  “ vầng trăng… qua đường” | Diễn tả sự thay dổi trong tình cảm của con người: vầng trăng vẫn như xưa, vẫn hàng nagyf qua ngõ như dõi theo cuộc sống của con ng]ời nhưng người thì thờ ơ không nhận ra. |
| => Câu thơ cho thấy một ý nghĩa khái quát: khi hoàn cảnh sống thay đổi thì con người có thể dễ dàng quen đi quá khứ, quên đi những gian khổ nhọc nhằn của một thời đã qua. Song, cái sự “ quên” ấy cũng là lẽ thường tình bởi những lo toan thường nhật từ cuộc sống. | |

- Tác giả đặt con người vào một tình huống bất ngờ:

“Thình lình đèn điện tắt   
phòng buyn -đinh tối om   
vội bật tung cửa sổ   
đột ngột vầng trăng tròn”

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Cách đảo trật tự cú pháp ở câu thơ đầu, kết hợp từ láy “ thình lình” | đã diễn tả tình huống mất điện đột ngột vào ban đêm. |
| Ba dộng từ “vội, bật, tung” đặt liền nhau | đã diễn tả sự khó chịu, bức bối và hành động khẩn trương đi tìm nguồn sáng của con người trong giây phút mất điện hiếm hoi giữa lòng thành phố. |
| Từ láy “đột ngột” được lựa chọn rất đắt: | nhằm diễn tả một tình huống hết sức bất ngờ. |
| Hình ảnh “ vầng trăng tròn”  xuất hiện chiếu rọi vào căn phòng tối om | Đã tạo nên một sự đối lập giữa ánh sáng và bóng tối. Chính khoảnh khắc bất ngờ ấy đã tạo nên bước ngoặt trong mạch cảm xúc và sự bừng tỉnh trong nhận thức của nhân vật trữ tình. |
| => Đây là khổ thơ quan trọng của bài thơ, giống như một nút thắt, có ý nghĩa bước ngoặt trong mạch cảm xúc, góp phần bộc lộ tư tưởng và mở ra những suy ngẫm của nhà thơ. | |

***Luận điểm 3:*** Cảm xúc và suy ngẫm của nhân vật trữ tình ( hai khổ tiếp):

- Từ tình huống bất ngờ, đã mở ra những dòng cảm xúc mãnh liệt của nhân vật trữ tình:

|  |  |
| --- | --- |
| “Ngửa mặt lên nhìn mặt  có cái gì rưng rưng  như là đồng là bể  như là sông là rừng” | |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** | |
| Điệp ngữ “mặt” xuất hiện hai lần trong một câu thơ | nhấn mạnh sự giao cảm giữa trăng và người trong một tư thế tập trung, chú ý.  -> Một cái nhìn trực diện và cảm xúc thiết tha dâng trào trong lòng nhà thơ, đó là cảm xúc về những kỉ niệm ấu thơ, những gì thân thiết, gần gũi êm đềm trong sáng mà bấy lâu dường như bị lu mờ, phai nhạt dưới ánh điện cửa gương. | |
| Từ “ mặt” thứ 2 là từ nhiều nghĩa, mang lại sự hàm súc cho ý thơ: | + Đó là khuôn mặt tri kỉ mà nhân vật trữ tình lãng quên.  + Mặt đối mặt còn là hiện tại đối diện với quá khứ, sự vô tình đối diện với sự thủy chung. | |
| Cuộc đối htoaij không lời trong khoảnh khắc đã khiến cho cảm xúc dâng trào. Từ láy “rưng rưng”: | là cảm xúc nghẹn ngào, bồi hồi, xúc động như trực trào nước mắt của nhân vật trữ tình | |
| Cấu trúc song hành : “như là…là” kết hợp với bptt so sánh, điệp ngữ “ như là”, “ là”, liệt kê: đồng, bể, sông, rừng | đã diễn tả dòng kí ức của một thời gắn bó, chan hòa với thiên nhiên bỗng như ùa về | |

- Khổ thơ cuối thể hiện những suy ngẫm và triết lí sâu sắc của nhà thơ:

|  |
| --- |
| “Trăng cứ tròn vành vạnh  kề chi người vô tình  ánh trăng im phăng phắc  đủ cho ta giật mình” |

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Hình ảnh vầng trăng “tròn vành vạnh” | biểu tượng cho quá khứ đẹp đẽ, vẹn nguyên, viên mãn, tròn đầy không bị phai nhạt. |
| Nghệ thuật nhân hóa “ánh trăng im phăng phắc” | là sự im lặng nghiêm khắc nhưng cũng đầy bao dung, độ lượng. Sự im lặng ấy khiến cho nhân vật trừ tình “ giật mình” thức tỉnh. |
| Từ “ giật mình” là một sự sáng tạo dộc đáo Nguyễn Duy. | + Cái giật mình là cảm giác và phản xạ tâm lí của một con người biết suy nghĩ chợt nhận ra sự vô tình của bản thân và sự nông nổi trong cách sống của mình  + Cái giật mình của sự ăn năn, để tự thây cần phải thay đổi  + Nhắc nhở bản thân phải trân trọng những gì đã qua |
| => Khổ thơ dồn nén bao tâm sự, suy ngẫm, triết lí sâu sắc. Qua đó, nhà thơ muốn gửi gắm đến mọi người về lẽ sống, về đạo lí “ uống…”, ân nghĩa, thủy chung. | |

**\* Đánh giá:**

Thể thơ 5 chữ, giọng điệu thơ tâm tình, tự nhiên kết hợp tự sự với trữ tình; nhịp thơ khi chảy trôi tự nhiên, nhịp nhàng theo lời kể, khi thì ngân nga thiết tha cảm xúc, lúc lại trầm lắng biểu hiện suy tư , “ Ánh trăng” như là một lời tâm sự của tác giả về những năm tháng gian khỗ đã đi qua với những tình cảm bình dị, hiền hậu.

Đồng thời bài thơ còn gửi gắm đến chúng ta một thái độ sống tích cực: “ Uống…”

***Bài thơ về tiểu đội xe không kính***

***Phạm Tiến Duật***

**KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Phạm Tiến Duật (1941-2007), quê ở huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.  - Sau khi tốt nghiệp trường Đại học Sư phạm Hà Nội, năm 1964, Phạm Tiến Duật gia nhập quân đội, hoạt động trên tuyến đường Trường Sơn và trở thành một trong những gương mặt tiêu biểu của thế hệ các nhà thơ trẻ thời chống Mỹ cứu nước.  - ***Phong cách sáng tác:***  + Thơ Phạm Tiến Duật tập trung thể hiện hình ảnh thế hệ trẻ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ qua các hình tượng người lính và cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.  + Thơ ông có giọng điệu sôi nổi, trẻ trung, hồn nhiên, tinh nghịch mà sâu sắc. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Bài thơ viết năm 1969, thời kỳ cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra rất ác liệt trên con đường chiến lược Trường Sơn.  - Bài thơ được tặng giải nhất cuộc thi thơ của báo Văn nghệ năm 1969 và được đưa vào tập thơ  “Vầng trăng quầng lửa” của tác giả. |
| ***Thể loại*** | Thơ tự do |
| ***Bố cục : 4 phần*** | - Phần một : Khổ 1,2 : Hình ảnh những chiếc xe không kính và tư thế hiên ngang của người lính.  - Phần hai : Khổ 3,4 : Tinh thần lạc quan, bất chấp gian khổ, coi thường hiểm nguy của người lính.  - Phần 3 : Khổ 5,6 : Tình đồng chí, đồng đội cao đẹp của người lính lái xe.  - Phần 4 : Khổ 7 : Ý chí chiến đấu, tinh thần yêu nước và lí tưởng cách mạng của người lính. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | - Bài thơcó nhan đề khá dài, khá đặc biệt : *“Bài thơ về tiểu dội xe không kính”*. Nhan đề bài thơ thoạt nghe sẽ thấy như có chỗ thừa : thừa hai chữ  *“bài thơ”*. Nhưng chính chỗ thừa ấy sẽ tạo sức hút cho người đọc ở vẻ khác lạ và độc đáo ở sức gợi : gợi chất thơ của cuộc sống nơi chiến trường.  - Hình ảnh *“tiểu đội xe không kính”* được đưa vào nhan đề bài thơ :  + Gợi hiện thực phổ biến, quen thuộc trên tuyến đường Trường Sơn trong những năm tháng kháng chiến chống Mĩ cứu nước.  + Gợi hiện thực của cuộc chiến vô cùng gay go, khốc liệt.  + Gợi vẻ đẹp của người lính lái xe Trường Sơn, vẻ đẹp của lòng dũng cảm, của ý chí nghị lực, của sự kiên cường. |
| ***PT biểu đạt*** | Biểu cảm xen lẫn miêu tả và tự sự |
| ***Chủ đề*** | Bài thơ ca ngợi những chiến sĩ lái xe Trường Sơn thời đánh Mĩ dũng cảm ngoan cường, lạc quan yêu đời trong mưa bom bão đạn, quyết chiến đấu hi sinh vì một lí tưởng cao cả là giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc. |
| ***Giá trị nội dung*** | “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*" của Phạm Tiến Duật đã khắc hoạ một hình ảnh độc đáo: những chiếc xe không kính. Qua đó, tác giả khắc hoạ nổi bật hình ảnh những người lính lái xe ở Trường Sơn trong thời chống Mỹ, với tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm, bất chấp khó khăn nguy hiểm và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Tác giả đã đưa vào bài thơ chất liệu hiện thực sinh động của cuộc sống ở chiến trường, ngôn ngữ và giọng điệu giàu tính khẩu ngữ tự nhiên, khoẻ khoắn. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**\* Khái quát:** Bài thơ được sáng tác năm 1969. Đây là thời điểm cuộc kháng chiến chống mĩ đang diễn ra vô cùng ác liệt. Bài thơ nằm trong chùm thơ đoạt giải nhất cuộc thi thơ do báo văn nghệ tổ chức và được in trong tập thơ “ Vầng trăng quầng lửa” năm 1970.

**1.** **Hình ảnh những chiếc xe không kính:**

- Xưa nay, xe cộ rất ít khi đi vào thơ ca, nếu có thì thường được “ thi vị hóa”, “ lãng mạn hóa’. Nhưng những chiếc xe đượ Phạm Tiến Duật đưa vào thơ lại thực đến trần trụi:

*Không có kính không phải vì xe không có kính*

*Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Với giọng điệu thản nhiên pha chút ngang tàng , lời thơ mang tính khẩu ngữ, hình ảnh độc đáo, điệp ngữ “không” kết hợp với nghệ thuật liệt kê, động từ mạnh “giật, rung” | tác giả đã làm hiện lên hình ảnh những chiếc xe mang trên mình đầy thương tích bởi bom đạn chiến tranh. |
| => Hai câu thơ đầu lí giải nguyên nhân những chiếc xe không có kính, đồng thời thể hiện tâm trạng xót xa cho những chiếc xe- người bạn đồng hành thủy chung của những người lính.  Qua đó, tác giả tạo ấn tượng cho người đọc một cách cụ thể và sâu sắc về hiện thực chiến tranh khốc liệt, về cuộc chiến đấu gian khổ mà người lính phải trải qua. | | |

-Hình ảnh những chiếc xe không kính một lần nữa lại được tác giả miêu tả một cách chân thực, sinh động ở khổ thơ cuối:

*Không có kính rồi xe không có đèn*

*Không có mui xe thùng xe có xước*

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước*

*Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Nghệ thuật liệt kê “không có kính, không có đèn, không có mui, thùng xe có xước” kết hợp với điệp ngữ : “không có” mang ý phủ định | đã nhấn mạnh những chiếc xe không chỉ không kính mà còn không đèn, không mui… bị biến dạng, tàn phá nặng nề. Mặc dù vậy, xe vẫn băng ra chiến trường. |
| => Từ trong hiện thực khốc liệt đến trần trụi, những chiếc xe không kính bỗng trở nê thành một hình ảnh độc đáo, “nên thơ”- chất thơ của lòng yêu nước, tinh thần quả cảm mà những người lính đã đem lại cho chiếc xe từ chính trái tim nhiệt huyết của mình- trái tim cầm lái. | |

**2. Hình ảnh những người lính lái xe.**

- Thiếu những phương tiện vật chất tối thiểu lại là hoàn cảnh để người lái xe bộc lộ những phẩm chất cao đẹp:

**a. Tư thế ung dung, hiên ngang, sẵn sàng ra trận.**

*Ung dung buồng lái ta ngồi,*

*Nhìn đất, nhìn trời nhìn thẳng*

*Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng*

*Thấy con đường chạy thẳng vào tim*

*Thấy sao trời và đột ngột cánh chim*

*Như sa như ùa vào buồng lái*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Nghệ thuật đảo ngữ: đưa từ láy “ung dung” lên đầu câu kết hợp với đại từ “ta” | Đã nhấn mạnh tư thế bình thản, hiên ngang, tự tin tiến về phía trước của người lính lái xe. |
| - Với nhịp thơ: 2/2/2(*Nhìn đất, nhìn trời nhìn thẳng*)  - Giọng điệu: đùa vui hóm hỉnh, điệp ngữ “nhìn” kết hợp với nghệ thuật liệt kê | Đã cho thấy cái nhìn đầy tự chủ, nhìn thẳng về phía trước như sẵn sàng chấp nhận mọi khó khăn. |
| - Qua khung cửa xe, người lái xe tiếp xúc trực tiếp với thế giới bên ngoài, với mọi khó khăn, gian khổ. |  |
| + Điệp ngữ “ nhìn thấy”, nghệ thuật nhân hóa “ gió xoa mắt đắng”, từ láy “ đột ngột” và nghệ thuật so sánh | Đã diễn tả sự cảm nhận thế giới bên ngoài một cách chân thực, sinh động của người lính do những chiếc xe không kính đem lại. |
| + Hình ảnh “con đường chạy thẳng vào tim” | - Gợi đến tốc độ lao nhanh của chiếc xe, khiến cho người cầm lái và con đường như không còn khoảng cách. Điều đó cho thấy sự khẩn trương của người lính đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.  - Còn là hình ảnh ẩn dụ về con đường chiến đấu vì mền Nam độc lập. |
| + Hình ảnh “gió, sao trời, cánh chim” là những hình ảnh là hình ảnh của thiên nhiên đẹp, gợi cảm | thể hện nét lãng mạn trong tâm hồn người lính. |

**b. Tinh thần lạc quan, bất chấp gian khổ, coi thường hiểm nguy của người lính.**

Xe không kính, người lính còn phải chịu thêm những khắc nghiệt của Trường Sơn:

*Không có kính ừ thì có bụi*

*Bụi phun tóc trắng như người già*

*Chưa cần rửa phì phèo châm điếu thuốc*

*Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha*

*Không có kính ừ thì ướt áo*

*Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời*

*Chưa cần rửa, lái trăm*[*cây*](http://sotayvanhoc.com/tag/cay-coi)*số nữa*

*Mưa ngừng gió lùa khô mau thôi*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Hình ảnh “ mưa, gió, bụi” | tượng trưng cho những gian khổ mà người lính gặp phải do những chiếc xe không kính đem lại. |
| Điệp cấu trúc “không có… ừ thì” “chưa cần”  - BPNT so sánh: như, từ láy “ phì phèo”, “ha ha”. | Đã cho thấy thái độ bất chấp khó khăn , coi thường gian khổ, hiểm nguy, tinh thần lạc quan, dũng cảm của người lính. |
| Sự phối hợp thanh điệu: những thanh trắc “ bụi, tóc trắng, lấm, ướt áo, xối”…đặc tả những khó khăn, gian khổ kết hợp với những thanh bằng, đặc biệt câu cuối đoạn gợi những phút yên ả, ung dung trong buồng lái. | => Ngay trong hoàn cảnh khắc nghiệt, người lính vẫn tìm được giây phút thư thái. Đó là bản lĩnh của những chiến sĩ lái xe. |
| - Ngôn ngữ: mang tính khẩu ngữ  - Giọng điệu thơ hóm hỉnh, khẩu khí ngang tàng, lời thơ gần với ngôn ngữ đời thường. | Đã làm nổi bật lên niềm vui, tiếng cười của người lính. Tiếng cười bật lên sảng khoái, lạc quan khác với tiếng cười “ buốt giá” ngậm ngùi động viên nhau của người lính thời kí kháng chiến chống Pháp g thơ Chính Hữu. |
| => Chính sự lạc quan, tinh thần dũng cảm của người lính lái xe ấy đã giúp những chiếc xe không kính vượt qua bao mưa bom bão đạn, giúp cuộc chiến đi gần hơn đến thắng lợi. | | |

**c. Tình đồng chí, đồng đội cao đẹp của người lính lái xe ( khổ 5, 6)**

Và trong cuộc chiến tranh đầy gian lao, thử thách ấy, tình cảm đồng chí, đồng đội lại càng trở nên gắn bó và gần gũi với nhau hơn:

*Những chiếc xe từ trong bom rơi*

*Đã về đây họp thành tiểu đội*

*Gặp*[*bạn*](http://sotayvanhoc.com/tag/ban-than)*bè suốt dọc đường đi tới*

*Bắt tay nhau qua của kính vỡ rồi*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Hình ảnh “ những chiếc xe từ trong bom rơi” | là một hình ảnh tả thực về những chiếc xe vượt qua bao thử thách khốc liệt của chiến trường trở về |
| Cách gọi “ tiểu đội” | là cách nói dí dỏm, giàu hình ảnh, vừa gợi lên những đoàn xe mang trên mình biết bao thương tích của chiến tranh, vừa gợi lên được cái thân thương thắm tình đồng đội. |
| Hình ảnh “ bắt tay …” rất giàu sức gợi | Những chiếc xe không kính lại đem lại sự tiện lợi để người lính trao cho nhau những cái bắt tay. Cái bắt tay:  + Đã cho thấy tinh thần đoàn kết, gắn bó với nhau của các chiến sĩ lái xe.  - Thể hiện được sự đồng cảm sâu sắc trong tâm hồn của những người lính.  .+ Là lời động viên ngắn ngủi, thầm lặng mà họ dành cho nhau, là lời hứa quyết tâm…  + Là sự chia sẻ vội vàng tất cả những vui buồn kiêu hãnh trên những cung đường đã qua. |

Cuộc trú quân ngắn ngủi mà thắm tình đồng đội, những bữa cơm nhanh dã chiến, chung bát chung đũa là sợi dây vô hình giúp các chiến sĩ xích lại gần nhau hơn:

*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời  
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy  
Võng mắc chông chênh đường xe chạy  
Lại đi, lại đi trời xanh thêm*.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Câu thơ “ chung…” | là cách định nghĩa “ rất lính”, tếu táo nhưng chân tình, sâu nặng. Gắn bó với nhau trong chiến đấu, họ càng gắn bó với nhau trong đời thường. |
| Từ láy ‘ chông chênh” | Gợi cảm giác bấp bênh, tạm bợ, cho thấy phút nghỉ ngơi vội vàng của người lính. |
| Điệp ngữ “lại đi” kết hợp với nhịp thơ 2/2/3 | tạo âm điệu nhịp nhàng cho câu thơ, khẳng định đoàn xe không ngừng tiến về phá trước. Đó là nhịp sống, chiến đáu và hành quân của tiểu đội xe không kính mà không một sức mạnh tàn bạo nào ngăn cản được. |
| Nghệ thuật ẩn dụ “ trời xanh thêm” | Màu xanh của niềm tin, hi vọng vào ngày mai, gợi sự lạc quan của người lính. |

**d. Tình yêu tổ quốc thiết tha và ý chí giải phóng miền Nam**

*Không có kính rồi xe không có đèn*

*Không có mui xe thùng xe có xước*

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước*

*Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

Một lần nữa, sự tàn khốc của chiến tranh lại được Phạm Tiến Duật nhắc đến thông qua hình ảnh những chiếc xe chân thực, sinh động:

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Thủ pháp liệt kê “ không kính, không đèn…” | Gợi lên hình ảnh những chiếc xe bị tàn phá, méo mó, biến dạng, qua đó phản ánh hiện thực chiến tranh khốc liệt |
| Nghệ thuật điệp ngữ “ không có” kết hợp với thủ pháp đối lập | Đã nhấn mạnh dù chiếc xe không nguyên vẹn, nhưng chỉ cần có “ một trái tim”, những chiếc xe ấy vẫn băng ra chiến trường giải phóng miền Nam. |
| Hình ảnh hoán dụ “ trái tim” | Thể hiện lòng yêu nước thiết tha, căm thù giặc Mĩ sôi sục, ý chí kiên cường giải phóng miền Nam. |
| -> Trái tim yêu thương, trái tim cầm lái đã giúp người lính chiến thắng bom đạn của kẻ thù. Trái tim ấy đã trở thành nhãn tự của bài thơ và để lại cảm xúc sâu lắng trong lòng bạn đọc. | |

**\* Đánh giá: Với việc:**

- Lựa chọn chi tiết độc đáo, hình ảnh chân thực.

- Ngôn ngữ giàu tính khẩu ngữ, nhịp điệu linh hoạt, giọng điệu ngang tàng, trẻ trung.

- Và một số BPNT

“ Bài thơ về…” đã :

- Khắc họa h/ ả độc đáo: những chiếc xe không kính.

- Qua đó làm nổi bật hình ảnh người chiến sĩ lái xe Trường Sơn …

***Bếp lửa***

***Bằng Việt***

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Bằng Việt, tên khai sinh là Nguyễn Việt Bằng – sinh năm 1941, quê ở huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây.  - Bằng Việt làm thơ từ đầu những năm 60 và thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.  - Hiện nay ông là chủ tịch Hội liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội.  - Phong cách sáng tác : Thơ Bằng Việt mang giọng điệu thủ thỉ, tâm tình ; ngôn ngữ điềm đạm ; cấu tứ mạch lạc và hệ thống thi ảnh đặc sắc. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Bài thơ được sáng tác năm 1963, khi tác giả đang là sinh viên học ngành luật ở nước ngoài.  - Bài thơ được đưa vào tập Hương cây – Bếp lửa (1968), tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ. |
| ***Thể loại*** | Kết hợp linh hoạt thể thơ 7 chữ, 8 chữ |
| ***Mạch cảm xúc và bố cục*** | \* **Mạch cảm xúc**: Bài thơ là lời tâm sự của người cháu hiếu thảo ở phương xa gửi về người bà.  Bài thơ được mở ra với hình ảnh bếp lửa, từ đó gợi về những kỷ niệm tuổi thơ sống bên bà tám năm ròng, làm hiện lên hình ảnh bà với sự chăm sóc, lo toan, vât vả và tình yêu thương trìu mến dành cho đứa cháu. Từ những kỷ niệm, đứa cháu nay đã trưởng thành suy ngẫm và thấu hiểu về cuộc đời bà, về lẽ sống giản dị mà cao quý của bà. Cuối cùng, người cháu muốn gửi niềm mong nhớ về với bà. Mạch cảm xúc bài thơ đi từ hồi tưởng đến hiện tại, từ kỷ niệm đến suy ngẫm.  \* **Bố cục**: 4 phần.  - Khổ đầu: hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng cảm xúc hồi tưởng về bà.  - 4 khổ tiếp: những kỷ niệm ấu thơ, hình ảnh bà và bếp lửa.  - Khổ 6: những suy nghĩ của tác giả về bà và hình ảnh cuộc đời bà.  - Khổ cuối: nỗi nhớ của cháu về bà và bếp lửa. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | *“Bếp lửa”* là một hình ảnh độc đáo, sáng tạo, xuất hiện nhiều lần trong bài thơ, nó vừa mang ý nghĩa tả thực, vừa mang ý nghĩa biểu tượng :  - Trước hết, đây là một bếp lửa thực, quen thuộc, gần gũi trong mỗi gia đình của người Việt. Đồng thời, nó là hình ảnh gắn với kỉ niệm ấu thơ về một người bà cụ thể, có thật của tác giả.  - Bếp lửa là biểu tượng giàu ý nghĩa :  + Bếp lửa gợi lên sự tần tảo, chăm sóc, yêu thương cảu người bà dành cho người cháu trong những năm tháng đói nghèo, chiến tranh để trưởng thành và khôn lớn.  + Bếp lửa gợi lên bao vất vả, cực nhọc của đời bà. Song bà nhóm bếp lửa cũng chính là nhóm lên sự sống, niềm vui, niềm tin và hi vọng cho cháu vào một tương lai phía trước.  + Bếp lửa còn là biểu tượng của gia đình, quê hương, đất nước, cội nguồn… đã nâng bước người cháu trên suốt hành trình dài rộng của cuộc đời. |
| ***PT biểu đạt*** | Biểu cảm+ Tự sự+ Miêu tả+ Nghị luận |
| ***Chủ đề*** | Qua hình ảnh bếp lửa- ngọn lửa, tác giả thể hiện long thương nhớ và biết ơn bà của đứa cháu đi xa, đồng thời nói lên tình yêu thiết tha đối với gia đình, quê hương, đất nước. |
| ***Giá trị nội dung*** | qua hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ “Bếp lửa” gợi lại những kỷ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kính yêu trân trọng và biết ơn của người cháu đối với bà cũng là đối với gia đình quê hương đất nước. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | bài thơ đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm với miêu tả tự sự và bình luận. Thành công của bài thơ còn ở sự sáng tạo hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà, làm điểm tựa khơi gợi một kỷ niệm, ***cảm xúc, suy nghĩ về bà và tình bà cháu.*** |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**\* Khái quát:** Bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt sáng tác năm 1963, khi tác giả là sinh viên du học ở Liên Xô và bắt đàu đến với thơ. Bài thơ in trong tập “ Hương cây- Bếp lửa” (1968), là tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ.

Qua dòng hồi tưởng và suy ngầm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ gợi lại những kỉ niệm xúc động tình bà cháu, thể hiện tình cảm kính yêu và biết ơn vô hạn của cháu đối với bà, cũng là đối với quê hương, đất nước.

**\* Phân tích:**

**1. Bếp lửa khơi nguồn cảm xúc nhớ thương (3 câu đầu) :**

Dòng hồi tưởng bắt đầu từ hình ảnh thân thương về bếp lửa.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Mở đầu bài thơ, điệp ngữ “ một bếp lửa” được nhắc lại hai lần ngân lên như một điệp khúc thiết tha, sâu lắng | gợi lên một hình ảnh quen thuộc trong mọi gia đình. |
| Hình ảnh “ bếp lửa” trước tiên là một hình ảnh tả thực | Là một hình ảnh quen thuộc, không thể thiếu trong mỗi gia đình. |
| Còn là hình ảnh ẩn dụ | gợi bóng dáng của người bà tảo tần thức khuya dậy sớm |
| Từ láy “ chờn vờn” | là từ láy tượng hình vừa miêu tả ngọn lửa bốc cao, bập bùng tỏa sáng, ẩn hiện giữa làn sương sớm vừa gợi cái mờ nhòa của hình ảnh ký ức theo thời gian. |
| “*Ấp iu*” là một sáng tạo mới mẻ của nhà thơ . Đó không phải là từ láy, từ ghép đơn thuần mà là sự kết hợp và biến thể của hai từ “*ấp ủ*” và “*nâng niu*”. | “*Ấp iu*” gợi đến bàn tay kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng chi chút của người nhóm bếp, lại đúng với công việc nhóm lửa cụ thể |

- Hình ảnh bếp lửa đã làm trỗi dậy những cảm xúc yêu thương trong lòng cháu.

“ Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”

Chữ “ thương” là từ biểu cảm trực tiếp, diễn tả cảm xúc đến tự nhiên trong lòng cháu, đồng thời bộc lộ thấu hiểu đến tận cùng những vất vả, nhọc nhằn, lam lũ của đời bà.

“*Biết mấy nắng mưa*” là một cách nói ẩn dụ gợi ra phần nào cuộc đời vất vả lo toan của bà.

**2. Những kỷ niệm tuổi thơ bên bà và bếp lửa(năm khổ tiếp theo):**

a. Đó là tuổi thơ nhiều gian khổ, thiếu thốn, nhọc nhằn:

*Lên bốn tuổi , cháu đã quen mùi khói*

*Năm ấy ,là năm đói mòn, đói mỏi*

*Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy*

*Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu*

*Nghĩ lại đến bây giờ sống mũi còn cay!*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| - Hình ảnh những năm tháng chiến tranh chống Pháp gian khổ được hiện về qua thành ngữ “*đói mòn, đói mỏi*” - cái đói kéo dài làm mệt mỏi , kiệt sức và hình ảnh “ khô rạc ngựa gầy” | Đã miêu tả một hiện thực đau thương trong lịch sử- nạn đói năm 1945, do chính sách cai trị hà khắc của phát xít Nhật và thực dân Pháp đã khiến hơn hai triệu dồng bào ta chết đói và hình ảnh những con người xơ xác trong cuộc sống mưu sinh.  -> Những câu thơ trĩu xuống khiến lòng người nao nao nghẹn ngào khi nghĩ về kí ức đau thương ấy. |
| - Nhưng ấn tượng sâu đậm nhất vẫn là mùi khói bếp: |  |
| Từ “ khói” được nhắc lại nhiều lần trong khổ thơ qua những hình ảnh: “ mùi khói”, “ khói hun” | Gợi ám ảnh về một thời gian khó đã đi qua. |
| Cảm giác “ sống mũi còn cay” | là cái cay cay vì khói bếp và cũng là cái cay cay bởi nỗi xúc động của người cháu như hòa quyện. |

b- Tuổi thơ luôn được sống trong tình yêu thương, đùm bọc, cưu mang trọn vẹn của bà:  
- Bếp lửa đánh thức kỉ niệm tuổi thơ: tiếng chim tu hú:

*Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa*

*Tu hú kêu trên những cánh đồng xa*

*Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà*

*Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế*

*Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!*

Cuộc sống của hai bà cháu đầy vất vả, khó khăn nhưng tràn đầy tình yêu thương.

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| “ Tám năm ròng” | gợi khoảng thời gian tám năm cháu nhận được sự yêu thương, che chở của bà. |
| Lời thơ da diết kết hợp với câu hỏi tu từ, dấu chấm cảm cuối dòng thơ | Khiến những câu thơ như lời tâm tình cảu cháu gửi đến bà. |

- Tám năm ấy, đất nước có chiến tranh “*Mẹ cùng cha bận công tác không về*”, cháu ở cùng bà, cháu lớn lên trong tình thương và sự chăm sóc nuôi dưỡng của bà:

*Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Hai câu thơ 16 chữ mà chữ **bà**, chữ **cháu** đã chiếm đúng một nửa. | Ngôn từ đã hội tụ tất cả tình thương của bà dành cho cháu, gợi tả tình bà cháu quấn quýt yêu thương, một tình thương ấp ủ, chở che. |
| Hay nhất, hàm súc nhất là từ ngữ “*cháu ở cùng bà*”, “*bà bảo*”, “*bà dạy”, “bà chăm”* | đã diễn tả một cách sâu sắc tấm lòng đôn hậu, tình thương bao la , sự chăm chút của bà đối với cháu nhỏ. |
| Năm chữ “*nghĩ thương bà khó nhọc*” nói lên lòng biết ơn bà của đứa cháu đã và mang nặng trong trái tim mình tình thương của bà dành cho cháu. | | |
| Nghĩ về ngọn lửa hồng của bếp lửa, nghĩ về tiếng chim tu hú gọi bầy, đứa cháu gọi nhắn thiết tha chim tu hú “*kêu chi hoài*”. | Câu thơ cảm thán và câu hỏi tu từ diễn tả nỗi thương nhớ bà bồi hồi tha thiết. Nhà thơ đắm chìm trong suy tưởng để trò chuyện với con chim quê hương, trách nó không đến ở với bà để bà đỡ nhớ cháu, đỡ cô đơn tuổi già. |
| Trong nhiều gia đình Việt Nam, do nhiều cảnh ngộ khác nhau, mà vai trò của người bà đã thay thế vai trò của người mẹ hiền. | | |

c. Miên man theo dòng cảm xúc hồi tưởng, hình ảnh bà càng hiện lên rõ nét, cụ thể với những phẩm chất cao quý:

- Bình tĩnh, vững lòng, đinh ninh vượt qua mọi thử thách khốc liệt của chiến tranh, làm trọn nhiệm vụ hậu phương để người đi xa công tác được yên lòng.

- Bà là chỗ dựa tinh thần vững chắc.

*Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi*

*Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi*

*Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh*

*Vẫn vững lòng, bà dặn cháu đinh ninh:*

*“Bố ở chiến khu, bố còn việc bố*

*Mày có viết thư chớ kể này kể nọ*

*Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”*

Lời dặn trực tiếp của bà khi cháu viết thư cho bố không chỉ giúp ta hình dung giọng nói, tiếng nói, tình cảm và suy nghĩ của bà mà còn làm sáng lên phẩm chất của người bà, người mẹ Việt Nam yêu nước, đầy lòng hy sinh, kiên trì nhóm lửa, giữ lửa

**3. Những suy ngẫm về bà và bếp lửa:**

Từ những kỉ niệm tuổi thơ được sống bên bà, nhận được sự yêu thương, chăm sóc của bà bên bếp lửa quê hương, người cháu suy ngẫm về cuộc đời bà và bếp lửa:

***a. Những suy ngẫm về hình ảnh bếp lửa:***

*Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen*

*Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn*

*Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng*

- Hình ảnh ‘ bếp lửa” ở dòng thơ đầu là hình ảnh tả thực về sự vật hữu hình, cụ thể, gần gũi và gắn liền với những gian khổ của đời bà.

- Từ hình ảnh “*bếp lửa*” hữu hình, tác giả liên tưởng đến “*ngọn lửa*” vô hình “ lòng bà luôn ủ sẵn” với ý nghĩa trừu tượng và khái quát:

+ Bếp lửa bà nhóm lên không chỉ bằng nhiên liệu bên ngoài mà còn bằng chính ngọn lửa từ lòng bà- ngọn lửa cảu tình yêu thương, niềm tin vô cùng dai dẳng, bền bỉ và bất diệt.

+ Ngọn lửa bền bỉ và bất diệt ngày ngày bà nhóm cũng chính lànhoms niềm vui, niềm tin, niềm yêu thương để nâng đỡ cháu trên chặng đường dài.

+ Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa- ngọn lửa của sự sống, của niềm tin cho các thế hệ nối tiếp.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Các động từ “ nhen”, “ủ”, “ chứa” | Đã khẳng định ý chí, bản lĩnh sống của bà |
| Điệp ngữ “*một ngọn lửa*” và kết cấu song hành | đã làm cho giọng thơ vang lên mạnh mẽ, đầy xúc động tự hào. |
| -> Thông qua những suy ngẫm về hình ảnh bếp lửa, tác gải đã khẳng định và ngợi ca vẻ đẹp tần tảo, nhẫn nại, đầy yêu thương của bà hiện lên lấp lánh như một thứ ánh sáng diệu kì. | | |

***b. Những suy ngẫm sâu sắc của nhà thơ, của đứa cháu về người bà yêu kính, về bếp lửa trong mỗi gia đình Việt nam chúng ta.***

Bà cần mẫn lo toan, chịu thương chịu khó, thức khuya dậy sớm vì bát cơm, manh áo của con cháu trong gia đình. Để rồi mỗi khi nhứ lại, cháu vô cùng cảm phục và biết ơn bà:

*Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*

*Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ*

*Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Nghệ thuật đảo ngữ: đưa từ láy “ lận đận” lên đầu câu, kết hợp với cụm từ “ đời bà”, “ mấy chục năm rồi”, hình ảnh ẩn dụ “ nắng mưa” | Đã diễn tả một cách sâu sắc và trọn vẹn về cuộc đời đầy những lận đận, gian nan, vất vả của bà. Đồng thời thể hiện sự thấu hiểu một cách sâu sắc trong tình cảm của cháu. |
| Phó từ “ vẫn” | khẳng định thói quen không bao giờ thay đổi cảu bà “ thói quen dậy sớm’ để làm công việc nhóm lửa, nhóm lên niềm tin, tình yêu thương cho cháu. |
| -> Tình thương yêu tác giả dành cho bà được thể hiện trong từng câu chữ. Tình cảm ấy giản dị, chân thành mà sâu nặng, thiết tha. | |

- Bà không chỉ nhóm lửa bằng đôi tay khẳng khiu, gầy guộc mà còn bằng tất cả tấm lòng đôn hậu đối với con cháu.

*Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi*

*Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui*

*Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Điệp ngữ “*nhóm”*được nhắc lại 4 lần mang đến nhiều liên tưởng | + *“Nhóm bếp lửa”, “nhóm nồi xôi gạo”* là hình ảnh tả thực công việc nhóm bếp, nhóm lửa của bà.  + *“ Nhóm niềm yêu thương”, “nhóm dậy cả những tâm tình”* là hình ảnh ẩn dụ về công việc thiêng liêng và cao quý: bà đã khơi dậy trong tâm hồn cháu và những người xung quanh niềm yêu thương, chia sẻ. |
| Chính từ đó mà, theo mạch suy ngẫm, nhà thơ đi lên khái quát rất tự nhiên và hợp lý: “*Ôi kỳ diệu và thiêng liêng - bếp lửa*”. Đúng vậy, vì bếp lửa thật giản dị , bình thường và phổ biến trong mọi gia đình Việt Nam, nhưng bếp lửa cũng thật cao quý, kỳ diệu và thiêng liêng vì nó luôn gắn liền với bà - người giữ lửa, nhóm lửa, truyền lửa, người tạo nên tuổi thơ của cháu. Bếp lửa trở thành một mảnh tâm hồn, một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của cháu.  -> Có thể nói, cảm xúc của nhà thơ như dâng trào khi suy ngẫm về bà và bếp lửa. Khổ thơ như một sự tổng kết để ngợi ca, khẳng định về bà: bà là người phụ nữ tần tảo, giàu đức hi sinh, luôn chăm lo cho mọi người. | |

**4. Nỗi nhớ bà và bếp lửa:**

Bốn câu kết thể hiện một cách đằm thắm tình thương nhớ, lòng kính yêu và biết ơn của đứa cháu bé bỏng nay đã đi xa:

*Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu*

*Có lửa trăm nhà , niềm vui trăm ngả*

*Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở*

*- Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Dấu chấm giữa dòng thơ ngắt câu thơ thành hai câu tự sự | Để gợi sự chảy trôi của thời gian, sự biến đổi của không gian và vẽ lên một thực tại: người cháu năm xưa giờ đã lớn khôn, trưởng thành, đã được chắp cánh bay xa, được làm quen với những chân trời rộng mở. |
| Điệp ngữ “ trăm” | mở ra một thế giới rộng lớn với bao điều mới mẻ |
| Điệp ngữ “ có’ kết hợp với thủ pháp liệt lê và câu hỏi tu từ cuối câu | Cho thấy người cháu có những thay đổi lớn trong cuộc đời, đã tòm được bao niềm vui mới.  + Khẳng định đứa cháu không thể quên được ngọn lửa của bà, ngọn lửa ấy đã thành kỉ niệm, niềm tin nâng bước người cháu trên suốt chặng đường dài. |
| -> Khổ thơ chứa đựng đạo lí thủy chung, cao đẹp bao đời của người Việt: “ uống nước nhớ nguồn”. Đạo lí ấy được nuôi dưỡng ở mỗi tâm hồn con người từ ấu thơ, để rồi như chắp cánh cho mỗi người bay cao, bay xa trên hành trình cuộc đời. | |

**\* Đánh giá:**

Với sự kết hợp hài hòa của các phương thức biểu đạt: biểu cảm, tự sự, mjieeu tả, bình luận, hình ảnh thơ đẹp, chất thơ trong trẻo, trẻ trung… qua dòng hồi tưởng của người cháu đã trưởng thành, nhớ lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và bếp lửa, nhà thơ đã bộc lộ những tình cảm thiêng liêng, sâu nặng đối với gia đình, quê hương, đất nước.

***Chiếc lược ngà***

***Nguyễn Quang Sáng***

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Nguyễn Quang Sáng – sinh năm 1932, quê ở huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.  - Trong kháng chiến chống Pháp, ông tham gia bộ đội, hoạt động ở chiến trường Nam Bộ. Từ sau 1954, tập kết ra miền Bắc, Nguyễn Quang Sáng bắt đầu viết văn. Những năm chống Mỹ ông trở về Nam Bộ tham gia kháng chiến và tiếp tục sáng tác văn học.  - Tác phẩm của Nguyễn Quang Sáng có nhiều thể loại truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản phim và hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ trong 2 cuộc kháng chiến cũng như sau hoà bình.  - Phong cách sáng tác : Truyện ngắn của Nguyễn Quang Sáng là lối viết chân chất, mộc mạc, bình dị với giong văn đậm chất Nam Bộ. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Truyện ngắn "Chiếc lược ngà” được viết năm 1966 khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ. Đây là giai đoạn mà cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra ác liệt.  - Truện được in trong tập truyện ngắn cùng tên. |
| ***Thể loại*** | Truyện ngắn |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | ***-***Chiếc lược ngà là hình ảnh, chi tiết trung tâm của tác phẩm, gắn kết cuộc đời, tính cách của các nhân vật và góp phần khắc họa sâu nội dung truyện.  - Với bé Thu, chiếc lược ngà là mơ ước, là món quà đầu tiên và cũng là kỷ vật cuối cùng của người cha. Bởi vậy, chiếc lược ngà *là kỷ vật, là hình ảnh của người cha.*  - Với ông Sáu, chiếc lược ngà không chỉ là món quà ông dành tặng con mà còn là hình bóng của cô con gái yêu quý. Bởi vậy, chiếc lược ngà *là tất cả tình thương nỗi nhớ* ông gửi gắm cho cô con gái bé bỏng.  - Với bác Ba, chiếc lược ngà *là sự trao gửi thiêng liêng giữa người cán bộ cách mạng* với đứa con gái của người đồng đội đã nằm lại nơi chiến trường.  - Với cha con ông Sáu, chiếc lược ngà là biểu tượng thiêng liêng bất diệt và cầu nối tình cảm sâu nặng của hai cha con. |
| ***Bố cục***  3 phần | - Phần 1 (từ đầu đến "chị cũng không muốn bắt nó về"): Ông Sáu trở về thăm nhà trong ba ngày nghỉ phép nhưng bé Thu không nhận ông là ba.  - Phần 2 (tiếp theo đến "vừa nói vừa từ từ tuột xuống"): Bé Thu nhận ra ba và cuộc chia tay của hai cha con.  - Phần 3 (đoạn còn lại): Ông Sáu hi sinh ở chiến trường và chuyện chiếc lược ngà. |
| ***Tóm tắt*** | - Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến. Mãi đến khi con gái lên tám tuổi ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Bé Thu – con ông – không nhận ra cha vì vết thẹo trên mặt làm ông không giống với người cha trong bức ảnh mà em biết. Em đối xử với ba như với người xa lạ. Cho đến lúc em nhận ra cha, tình cha con trỗi dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải ra đi.  - Ở khu căn cứ, người cha ấy đã dồn hết tình cảm yêu thương và nỗi nhớ mong con vào một việc làm một chiếc lược bằng ngà voi để tặng cô con gái bé bỏng. Trong một trận càn, ông đã hy sinh. Trước lúc nhắm mắt, ông còn kịp trao cây lược ngà nhờ người bạn gửi về cho con gái của mình. |
| ***Ngôi kể*** | Thứ nhất |
| ***Chủ đề*** | Truyện kể về tình cảm cha con sâu nặng của ông Sáu và bé Thu, qua đó tác giả ca ngợi tình cha con sâu nặng, tình đồng đội thiết tha trong cảnh ngộ éo le thời chiến tranh, đồng thời ca ngợi truyền thống cách mạng yêu nước của người nông dân Nam Bộ. |
| ***Giá trị nội dung*** | thể hiện tình cha con cảm động và sâu nặng trong hoàn cảnh éo le, khắc nghiệt của chiến tranh. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | tình huống bất ngờ, tự nhiên, hợp lý; thành công trong việc miêu tả tâm lý và xây dựng tính cách nhân vật, đặc biệt là nhân vật trẻ em (bé Thu). |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Tình huống truyện :*\* Tác giả đã xây dựng hai tình huống truyện đặc sắc:***

- Tình huống thứ nhất: Cuộc gặp gỡ của hai cha con ông Sáu sau tám năm xa cách, nhưng thật trớ trêu là bé Thu không nhận cha, đến lúc em nhận ra và biểu lộ tình cảm thắm thiết thì ông Sáu lại phải ra đi. Đây là ***tình huống cơ bản*** của truyện.

- Tình huống thứ hai: ở khu căn cứ, ông Sáu dồn tất cả tình yêu thương và mong nhớ đứa con vào việc làm cây lược ngà để tặng con, nhưng ông Sáu đã hy sinh khi chưa kịp trao món quà ấy cho con gái.

=> Nếu tình huống thứ nhất bộc lộ tình cảm mãnh liệt của bé Thu với cha thì tình huống thứ hai lại biểu lộ tình cảm sâu sắc của người cha với đứa con.

***\* Ý nghĩa:*** - Tình huống truyện kịch tính, chứa nhiều yếu tố bất ngờ tạo nên nghệ thuật tắt nút. Từ đó, thể hiện tình cảm cha con thiêng liêng, sâu nặng.

- Đặt nhân vật vào những tình huống éo le, làm cho những tình cảm được đẩy lên cao trào. Qua đó, tác giả muốn khẳng định một điều hết sức thiêng liêng: tình cảm cha con là thứ tình cảm bất tử, không súng đạn nào chia cắt được.

**2. Nhân vật bé Thu:*\* Hoàn cảnh của bé Thu:***

  - Bé Thu sinh ra trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh, cha phải đi lính chiến đấu chống giặc, bé Thu chỉ biết cha qua một tấm ảnh chụp.

- Sau tám năm dòng xa cách, ông Sáu- cha của bé trở thăm nhà, thật trớ trêu thay, bé Thu lại không nhận ra cha và tỏ thái độ lảng tránh ông.

***a. Trước khi bé Thu nhận ra ông Sáu là ba:***

- Thoạt đầu, khi thấy ông Sáu vui mừng, vồ vập mình, Thu tỏ ra ngờ vực, lảng tránh và sợ hãi chạy đi. Cảnh gặp gỡ diễn ra trong phút chốc nhưng cũng khiến người đọc không cầm được nước mắt.

- Trong những ngày ông Sáu ở nhà, bé Thu có thái độ ngang ngạnh, thậm chí hỗn xược với ông Sáu.

- Thu xa lánh ông Sáu trong khi ông Sáu luôn tìm cách vỗ về, Thu nhất quyết không chịu gọi tiếng ba.

    - Má dọa đánh, Thu buộc phải gọi ông Sáu vô ăn cơm, nhờ ông chắt nước cơm nhưng lại nói trổng.

    - Bị dồn vào thế bí nó nhăn nhó muốn khóc nhưng tự lấy rá chắt nước cơm chứ không chịu gọi ba.

    - Thu hất tung cái trứng cá ra mâm, cơm văng tung tóe, bị ba đánh đòn nhưng cô không khóc mà chạy sang nhà ngoại.

***\* Nhận xét:*** Sự ngang ngạnh và hành động ngang ngược của Thu không đáng trách. Cô bé không nhận ông Sáu là cha vì cô bé chỉ nhớ một người duy nhất là cha, đó là người chụp chung ảnh với má. Ông Sáu có thêm vết thẹo trên má khi bị thương nên khác với người trong ảnh. Đó thực sự là tình yêu thương sâu sắc và cảm động mà Thu dành cho người cha của mình.

Miêu tả thái độ, hành động bất thường của cô bé, tác giả đã tái hiện hoàn cảnh éo le trong chiến tranh; đồng thời khắc họa được hình ảnh một cô bé đầy cá tính.  
***b. Khi bé Thu nhận ra ông Sáu là ba:***

- Được bà ngoại trò chuyện, tìm ra lí do Thu không nhận ông Sáu là cha và khuyên nhủ, con bé lăn lộn suốt đêm không ngủ được, nó ân hận rồi căm thù giặc và thương ba nó vô hạn.

- Không còn ngang ngạnh, cau có, cố chấp mà thay vào đó là khuôn mặt “sầm lại buồn rầu” và “ nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa”.

- Khi cô bé bắt gặp cái nhìn trìu mến và và buồn rầu cảu ba thì “ đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao”.

    + Tiếng gọi ba cất lên trong sâu thẳm tâm hồn bé bỏng của con bé, sự khao khát tình cha con bị kìm nén bỗng bật lên, tiếng gọi suốt 8 năm chờ đợi.

    + “Nó vừa kêu vừa chạy xô tới dang hai chân ôm lấy cổ ba nó”. Nó hôn khắp người ông Sáu và hôn cả vết sẹo dài trên má ông

    + Hai tay Thu ôm chặt cổ ba, chân quắp chặt lấy ba không muốn ông Sáu rời đi: “ Ba! Không cho ba đi nữ! Ba ở nhà với con!” Đây là một ước mơ rất thực. Em không muốn rời xa ba của mình khi đã nhận ra ba, em khao khát được bù đắp những thiếu thốn tình cảm mà chiến tranh đã cắt lìa.

+ Khi buộc phải chia tay, Thu ao ước được ba mua cho cây lược ngà, cho thấy cô muốn có vật kỉ niệm của ba để được thấy ba luôn bên mình.

***\* Nhận xét:*** Bé Thu có tình yêu thương cha mãnh liệt, vô bờ. Miêu tả những biến đổi tình cảm của bé Thu, tác giả đã một lần nữa tô đậm tình yêu thương ba của cô bé. Qua đó, ta thấy Thu bướng bỉnh, cá tính nhưng cũng rất giàu tình cảm.

**2. Nhân vật ông Sáu:**

***\* Hoàn cảnh:*** Ông Sáu là một nông dân Nam Bộ, tham gia kháng chiến từ năm 1946, khi con gái chưa được một tuổi, lúc con lên tám tuổi ông mới được về thăm quê ba ngày.

***a. Trong ba ngày phép về thăm nhà:***

   - Trong những ngày ông về thăm quê, giây phút gặp lại con sau bao năm xa cách, ông Sáu hết sức vui mừng.

  + Háo hức, vội vã, nôn nóng mong gặp con: nhảy lên bờ, bước vội: “ không thể chờ xuồng cập lại bến, anh nhón chân nhảy thót lên, xô chiếc xuồng tạt ra… vội vàng với những bước chân dài”.

+ Kêu to gọi con đầy xúc động: “ Thu! Con”.

   + Sừng sờ, bàng hoàng khi con bỏ chạy: mặt sầm lại, hai tay buông xuống.

⇒ Những từ miêu tả: “ đứng sứng lại”, “ mặt anh sầm lại” và “ tay buông xuống như bị gãy” đã diễn tả được nỗi đau dường như quá lớn, quá sức chịu đựng với ông Sáu. Ông Sáu đang xúc động thì phải nhận sự sợ hãi, xa lánh của bé Thu, tâm trạng từ trông chờ, vui sướng trở thành bàng hoàng, đau đớn.

- Thời gian ở bên con:

+ Ông Sáu chỉ ở nhà với con, chờ con gọi một tiếng “ba”, lúc nào cũng “ lúc nào cũng vỗ về con”. Ông muốn bù đắp tình cảm cho con.

+ Mọi sự cố gắng của ông từ giả vờ không nghe con gọi khi nó nói trỏng, không giúp con chắt nước cơm, gắp thức ăn cho con là một sự nỗ lực đau đớn của người cha khi con gái không nhận mình. Cảm xúc đau đớn dồn nén đến tức giận, ông đánh con.

   - Cảnh chia li:

+ Ông không dám lại gần con bé, ánh mắt của ông trìu mến lẫn buồn rầu, bất lực nhìn con gái.

+ Khi con gái nhận và ôm chặt lấy mình, ông Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con.

+ Ông hứa vơi con bé sẽ trở về với chiếc lược ngà tặng con.

⇒ Tình phụ tử đã vượt qua sự ngăn cách của thời gian, của chiến tranh. Ông Sáu đã nhận được sự công nhận và yêu thương của bé Thu.

***b. Trong những ngày ông ở căn cứ:***

- Ông thương nhớ con, ân hận vì mình đã đánh con.

- Tình yêu thương con dồn vào việc thể hiện lời hứa với con, làm cho con một chiếc lược ngà.

- Tự ông đi tìm ngà voi rồi tự tay ông ngồi cưa từng cái răng lược, thận trọng, khổ công như một người thợ bạc gò lưng, tỉ mỉ khắc lên đó một dòng chữ: “Yêu nhớ tặng Thu – con của ba”. Thỉnh thoảng những lúc rảnh rỗi, ông lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho thêm bóng, thêm mượt…

-> Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ thành một nghệ nhân chỉ sáng tạo ra một sản phẩm duy nhất trong đời. Cho nên cây lược ngà kết tinh trong nó tình phụ tử: mộc mạc mà đằm thắm, sâu sa, đơn sơ mà kỳ diệu.

+ Khi bị thương nặng, biết không thể sống được, ông đã dồn tất cả tàn lực của mình làm một việc: “đưa tay vào túi móc cây lược đưa lại cho ông Ba” như trao lại lời trăng trối cuối cùng, tuy không thành lời nhưng nói rõ ràng, thiêng liêng hơn cả một lời di chúc. Bởi đó là uỷ thác, là ước nguyện cuối cùng đối với người bạn thân.

⇒ Ông Sáu đã dồn tất cả tình cảm của mình dành cho con vào việc làm chiếc lược ngà. Dẫu cây lược đó chưa lần nào được chải trên mái tóc của bé Thu nhưng đã phần nào gỡ rối những mối tơ long, vơi đi nỗi dày vò ân hận và nuôi dưỡng khát vọng đoàn viên. Chiếc lược ngà là vật chứa đựng biết bao yêu thương, nhung nhớ của ông Sáu dành cho con gái. Đó là một tín vật của tình phụ tử. Đó cũng là một lời hứa với con gái của ông. Dù ông không thể trở về, nhưng chiếc lược minh chứng cho tình yêu của ông dành cho con vẫn còn đó. Chiếc lược ngà -biểu tượng cao quý của tình cha con giữa ông Sáu và bé Thu.

**\* Đánh giá:**

   - “ Chiếc lược ngà” là một trong những truyện ngắn tiêu biểu, sáng tác trong thời kì kháng chiến, ca ngợi tình cảm gia đình, tình đồng chí, niềm tin và khát vọng hòa bình.

- Cốt truyện chặt chẽ, cách lựa chọn tình huống bất ngờ mà tự nhiên, hợp lý.

- Lựa chọn ngôi kể, cảnh kể và ngôn ngữ lời thoại cho nhân vật…

-> Góp phần không chỉ làm cho câu chuyện đảm bảo tính khách quan, chân thực, tin cậy mà còn hoàn toàn chủ động điều khiển nhịp kể và dẫn dắt nội dung câu chuyện theo dòng cảm xúc của mình.

***Chuyện người con gái Nam Xương***

***(Trích “Truyền kỳ mạn lục” - Nguyễn Dữ)***

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Nguyễn Dữ (chưa rõ năm sinh, năm mất), quê ở Trường Tân- Thanh Miện- Hải Dương.  - Nguyễn Dữ sống vào nửa đầu thế **kỷ XVI**, là thời kỳ Triều đình nhà Lê đã bắt đầu khủng hoảng, các tập đoàn phong kiến Lê, Mạc, Trịnh tranh giành quyền lực, gây ra những cuộc nội chiến kéo dài.  - Ông nổi tiếng là người học rộng, tài cao. Ông là học trò xuất sắc của Tuyết Giang Phu Tử Nguyễn Bỉnh Khiêm; nhưng chỉ làm quan một năm rồi cáo về, sống ẩn dật ở vùng núi Thanh Hoá. Đó là cách phản kháng của nhiều tri thức tâm huyết đương thời. |
| ***PT biểu đạt*** | Tự sự có kết hợp yếu tố biểu cảm |
| ***Xuất xứ*** | “***Chuyện người con gái Nam Xương***” là truyện thứ 16 trong số 20 truyện nằm trong tác phẩm nổi tiếng nhất của Nguyễn Dữ “*Truyền kỳ mạn lục*” (ghi chép tản mạn những truyện kỳ lạ vẫn được lưu truyền). Viết bằng chữ Hán.  Truyện có nguồn gốc từ một truyện cổ dân gian trong kho tàng cổ tích Việt Nam “Vợ chàng Trương”. |
| ***Thể loại*** | ***Truyện truyền kỳ:***  - Là loại văn xuôi tự sự có nguồn gốc từ Trung Quốc và thịnh hành từ thời Đường,  - Truyện truyền kì thường mô phỏng những cốt truyện từ dân gian hoặc dã sử. Sau đó, được tác giả sắp xếp lại tình tiết, bồi đắp thêm cho đời sống các nhân vật, đặc bệt là xen kẽ các yếu tố kì ảo… |
| ***Bố cục***  3 đoạn | - *Đoạn 1*:… của mình: **Cuộc** **hôn nhân** giữa Trương Sinh và Vũ Nương, sự xa cách vì chiến tranh và phẩm hạnh của nàng trong thời gian xa cách.  - *Đoạn 2*: … qua rồi: ***Nỗi oan khuất*** và ***cái chết bi thảm*** của Vũ Nương.  - *Đoạn 3*: Còn lại: ***Cuộc gặp gỡ giữa Vũ Nương và Phan Lang*** trong đội Linh Phi. Vũ Nương được giải oan. |
| ***Tóm tắt*** | Vũ Thị Thiết (Vũ Nương) là người phụ nữ nhan sắc, đức hạnh. Chồng nàng là Trương Sinh phải đi lính sau khi cưới ít lâu. Nàng ở nhà, một mình vừa nuôi con nhỏ vừa chăm sóc mẹ chồng đau ốm rồi làm ma chu đáo khi bà mất. Trương Sinh trở về, nghe lời con, nghi vợ thất tiết nên đánh đuổi đi. Vũ Nương uất ức gieo mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn, được thần Rùa Linh Phi và các tiên nữ cứu. Sau đó Trương Sinh mới biết vợ bị oan. Ít lâu sau, Vũ Nương gặp Phan Lang, người cùng làng chết đuối được Linh Phi cứu. Khi Lang trở về, Vũ Nương nhờ gửi chiếc hoa vàng nhắn chàng Trương lập đàn giải oan cho nàng. Trương Sinh nghe theo, Vũ Nương ẩn hiện giữa dòng, nói vọng vào bờ lời tạ từ rồi biến mất. |
| ***Chủ đề*** | Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, “***Chuyện người con gái Nam Xương***” thể hiện niềm thương cảm đối với số phận oan nghiệt, đồng thời ca ngợi vẻ đẹp truyền thống của những phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến. |
| ***Giá trị nội dung*** | - “***Chuyện người con gái Nam Xương***” đã thể hiện niềm cảm thương sâu sắc đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến. Qua đó thể hiện những vẻ đẹp phẩm chất quý baud của họ.  - Tác phẩm còn như một thông điệp vượt thời gian: Tất cả mọi người đều có quyền sống và quyền hạnh phúc. Đặc biệt là những người phụ nữ, họ có quyền bình đẳng để phát huy tài năng và phẩm chất của mình. Đó cũng chính là những biểu hiện của một xã hội hiện đại, văn minh. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | - Xây dựng tình huống truyện độc đáo, đặc biệt là chi tiết chiếc bóng. Đây là sự khái quát hoá tấm lòng, sự ngộ nhận và sự hiểu lầm của từng nhân vật. Hình ảnh này hoàn thiện thêm vẻ đẹp nhân cách của Vũ Nương, đồng thời cũng thể hiện rõ nét hơn số phận bi kịch của Vũ Nương nói riêng và người phụ nữ Việt Nam nói chung.  - *Nghệ thuật dựng truyện*. Dẫn dắt tình huống truyện hợp lý. Chi tiết chiếc bóng là đầu mối câu chuyện lại chỉ xuất hiện một lần duy nhất ở cuối truyện, tạo sự bất ngờ, bàng hoàng cho người đọc và tăng tính bi kịch cho câu chuyện.  - Có nhiều sự sáng tạo so với cốt truyện cổ tích "***Vợ chàng Trương***" bằng cách sắp xếp thêm bớt chi tiết một cách độc đáo.  - *Nghệ thuật xây dựng nhân vật*: Nhân vật được xây dựng qua lời nói và hành động. Các lời trần thuật và đối thoại của nhân vật sử dụng nhiều hình ảnh ước lệ nhưng vẫn khắc hoạ đậm nét và chân thật nội tâm nhân vật.  - *Sử dụng yếu tố truyền kỳ (kỳ ảo) làm nổi bật giá trị nhân đạo của tác phẩm*. Yếu tố kỳ ảo, hoang đường làm câu chuyện vừa thực vừa mơ, vừa có hậu vừa không có hậu, làm hoàn chỉnh vẻ đẹp của Vũ Nương.  - *Kết hợp các phương thức biểu đạt*: Tự sự + biểu cảm (trữ tình) làm nên một áng văn xuôi tự sự còn sống mãi với thời gian. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Nhân vật Vũ Nương:**

- Vũ nương được giới thiệu là người phụ nữ thùy mị, nết na, tư dung tốt đẹp.

- Chính vì cảm kích trước vẻ đẹp của nàng mà Trương Sinh đã xin mẹ “đem 100 lạng vàng cưới về”. Chi tiết này đã tô đậm vẻ đẹp nhan sắc và phẩm chất của nàng.

**a. Vũ Nương là người phụ nữ có nhiều phẩm chất tốt đẹp:**

***\* Trong quan hệ với chồng:*** Là người vợ thủy chung, luôn giữ gìn khuôn phép, yêu thương chồng hết mực, khát khao có một mái ấm gia đìnhg hạnh phúc:

- Khi xây dựng gia đình, gắn kết cuộc đời với Trương Sinh, biết chồng có tính đa nghi, nàng luôn *“giữ gìn khuôn phép, không từng lúc nào để vợ chồng phải thất hoà”*=> khao khát và luôn có ý thức xây dưng vun vén cho máI ấm gia đình, giữ gìn hạnh phúc cho trọn vẹn-> đó cũng là ước mơ chung của bất cứ người phụ nữ nào.

- Rồi khi chồng nàng phải đi lính, Vũ Nương rót chén rượu đầy với lời tiễn biệt đầy cảm động: *“Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng mong được đeo ấn, phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang dượcc hai chữ bình yên”* => Ước mong đó thật giản dị nhưng ẩn chứa sau đó là niềm khao khát và ý thức trân trọng giữ gìn mái ấm hạnh phúc gia đình mà nàng đang có. Mặt khác nó cũng khẳng định được tấm lòng thuỷ chung yêu thương và lo lắng cho chồng của Vũ Nương.

- Những tháng ngày Trương sinh đi lính, nàng luôn mong nhớ đợi chờ: *“Mỗi khi bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được”=>* Phép ẩn dụ tượng trưng đã diễn tả đầy đủ được nỗi mong nhớ tháng ngày như biển trời cũng như đức hi sinh và tinh thần chịu đựng của người chinh phụ.

- Khi bị chồng nghi oan, nàng hết sức phân trần để chồng hiểu. Qua nhũng lời nói tha thiết đó, ta thấy được thái độ trân trọng và mong muốn được chồng thấu hiểu của nàng.

- Khi không còn hi vọng, nàng mượn bến Hoàng Giang để chứng minh tấm long trong sạch của mình. Hành động kết liễu cuộc đời là hành động quyết liệt cuối cùng để bảo vệ phẩm giá của nàng.

***\* Trong quan hệ với mẹ chồng:*** Nàng là một người con dâu hiếu thảo.

- Vũ nương thay Trương Sinh làm tròn bổn phận của một người con: chăm sóc mẹ chồng khi già yếu, ốm đau*“Lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn, thuốc thang, lễ bái thần phật”*.

- Khi mẹ chồng mất, nàng hết lòng thương xót *“Phàm việc ma chay tế lễ như đối với cha mẹ để mình”.*

- Lời trăn trối của mẹ chồng trước khi mất đã khẳng định long hiếu thảo, tình cảm chân thành và công lao to lớn của Vũ Nương: *“ Xanh kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chẳng phụ mẹ”*.

***\* Trong quan hệ với con:***

- Ở nhà, Vũ Nương một mình vượt cạn, sinh bé Đản, vừa thực hiện thiên chức của người mẹ chăm sóc nuôi dưỡng con nhỏ, lại vừa thay chồng thực hiện chức trách của người cha dạy dỗ bé Đản.

- Nàng còn là một người mẹ tâm lí, không chỉ chăm lo cho con về mặt vật chất, mà còn cả về mặ tinh thần: bé Đản sinh ra chưa biết mặt cha, lo con thiếu thốn tình cảm của cha nên chỉ vào cái bóng của mình trên vách mà bảo *“ cha Đản”*.

***\* Đánh giá:*** *Vũ Nương không chỉ hoàn thành tốt trách nhiệm của một người vợ, người con, người mẹ, người cha mà còn là người trụ cột gia đình, người đem lại ngọn lửa ấm áp tình yêu thương thắp lên trong ngôi nhà vắng bóng đàn ông trụ cột. Nàng xứng đáng được hưởng những gì hạnh phúc, tuyệt vời nhất. Nhưng trớ trêu thay, hạnh phúc đã không mỉm cười với nàng.*

**b.** **Vũ Nương là người phụ nữ bất hạnh:**

- Khi Trương Sinh trở về tưởng chừng như hạnh phúc sẽ mỉm cười với Vũ Nương nhưng đó lại là lúc những oan khuất đổ ập xuống cuộc đời và số phận nàng. Dù vậy trong nỗi oan khất tày trời thì những phẩm chất tốt đẹp của nàng càng có cơ hội toả sáng, đặc biệt là tấm lòng trinh bạch.

+ Thấy hạnh phúc đang có nguy cơ đứng trước bờ vực thẳm nàng cố phân trần, níu giữ, nàng cố phân trần trước tháiđộ độc đoán, gia trưởng nhất quyết đuổi đI của Trương Sinh : *“Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết, tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót, đâu có sự hư thân mất nết như chàng nghĩ, dám mong bày tỏ để cởi mối nghi ngờ, xin chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp”.*

+ Không thể tự minh oan cho mình được, nàng giã bày: *“Thiếp nếu đoan trang giữ tiết trinh bạch gìn lòng vào nước xin làm ngọc Mỵ nương, xuống đất xin làm cỏ ngu mĩ, nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm,ủtên xin làm cơm cho diêù quạ và xin khắp mọi người phỉ nhổ”*

=> Tất cả những lời bộc bạch ấy đã gop phần minh chứng cho những phẩm hạnh tốp đẹp và tấm lòng trinh bạch thuỷ chung của Vũ Nương.

- Dù sống dưới thuỷ cung (ở một thế giới khác) nhưng nàng vẫn luôn hướng về chồng con. Điều này được thể hiện rõ trong câu chuyện giữa nàng với Phan Lang “Vả chăng, ngựa Hồ gầm gió Bắc, chim Việt đậu cành Nam. Cảm vì nỗi ấy , tôI tất phảI tìm về có ngày”. => Đóp là tấm lòng nhân nghĩa, vị tha, nhân hậu và rất cao thượng của nàng, ngay cả đối với Trương Sinh –kẻ đã phụ bạc và ruồng rẫy nàng, vứt bỏ nàng không mảy may thương tiếc. Phẩm chất đáng quý đó đại diện cho biết bao người phụ nữ Việt Nam từ xưa tới nay.

- Chi tiết cuối truyện, Vũ Nương hiện về với câu nói : *“Thiếp cảm ơn đức Linh Phi, Đa tạ tình chàng… không thể về nhân gian được nữa”* Có ý nghĩa khắc sâu phẩm chất nhân hậu rộng lượng của người phụ nữ việt Nam: Sống nội tâm, có trước, có sau.

***\* Đánh giá:***

*- Câu chuyện là lời tố cáo đanh thép với chế độ phong kiến đã chà đạp lên quyền sống của con người. Hiện thân của chế độ ấy là nhân vật Trương Sinh.*

*- Liên hệ thực tế: Hiện nay chúng ta đang phấn đấu xây dựng một xã hội bình đẳng…*

**2. Nguyên nhân cái chết của Vũ Nương:**

**a. Nguyên nhân trực tiếp:** Chiếc bóng trên vách khiến bé Đản ngộ nhận đó là cha mình, khi người cha thật trở về thì không chịu nhận và vô tình gây ra hiểu lầm dẫn đến người mẹ bị nghi oan.

**b. Nguyên nhân gián tiếp:**

- Tính cách cảu Trương Sinh: đa nghi, độc đoán, gia trưởng.

- Cuộc hôn nhân không bình đẳng: Vũ Nương vốn là “ con kẻ khó” được Trương Sinh đem trăm lạng vàng mà cưới về.

- Hơn nữa xã hội cũ “ trọng nam khinh nữ”, người phụ nữ trong gia đình không có tiếng nói, Vũ Nương không thể minh oan cho mình.

- Chiến tranh phong kiến: Trương Sinh phải đi lính, nên không có cơ hội hiểu vợ.

**3. Ý nghĩa của chi tiết kỳ ảo**

***\* Các chi tiết kỳ ảo trong câu chuyện:***

- Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa.

- Phan Lang gặp nạn, lạc vào động rùa, gặp Linh Phi, được cứu giúp; gặp lại Vũ Nương, được sứ giả của Linh Phi rẽ đường nước đưa về dương thế.

- Vũ Nương hiện về trong lễ giải oan trên bến Hoàng Giang giữa lung linh, huyền ảo rồi lại biến đi mất.

***\* Cách đưa các chi tiết kỳ ảo:***

- Các yếu tố này được đưa vào xen kẽ với những yếu tố thực về địa danh, về thời điểm lịch sử, những chi tiết thực về trang phục của các mỹ nhân, về tình cảnh nhà Vũ Nương không người chăm sóc sau khi nàng mất… Cách thức này làm cho thế giới kỳ ảo lung linh, mơ hồ trở nên gần với cuộc đời thực, làm tăng độ tin cậy, khiến người đọc không cảm thấy ngỡ ngàng.

***\* Ý nghĩa của các chi tiết kỳ ảo:***

- Cách kết thúc này làm nên đặc trưng của thể loại truyện truyền kỳ.

- Làm hoàn chỉnh thêm nét đẹp vốn có của Vũ Nương: nặng tình, nặng nghĩa, quan tâm đến chồng con, phần mộ tổ tiên, khao khát được phục hồi danh dự.

- Tạo nên một kết thúc phần nào có hậu cho câu chuyện.

- Thể hiện về ước mơ, về lẽ công bằng ở cõi đời của nhân dân ta.

- Chi tiết kỳ ảo đồng thời cũng không làm mất đi tính bi kịch của câu chuyện. Vũ Nương trở về mà vẫn xa cách ở giữa dòng bởi nàng và chồng con vẫn âm dương chia lìa đôi ngả, hạnh phúc đã vĩnh viễn rời xa. Tác giả đưa người đọc vào giấc chiêm bao rồi lại kéo chúng ta sực tỉnh giấc mơ - giấc mơ về những người phụ nữ đức hạnh vẹn toàn. Sương khói giải oan tan đi, chỉ còn một sự thực cay đắng: nỗi oan của người phụ nữ không một đàn tràng nào giải nổi. Sự ân hận muộn màng của người chồng, đàn cầu siêu của tôn giáo đều không cứu vãn được người phụ nữ. Đây là giấc mơ mà cũng là lời cảnh tỉnh của tác giả. Nó để lại dư vị ngậm ngùi trong lòng người đọc và là bài học thấm thía về giữ gìn hạnh phúc gia đình.

-> Yêu cầu trả lời ngắn gọn, giải thích rõ yêu cầu của đề bài; các ý có sự liên kết chặt chẽ; trình bày rõ ràng, mạch lạc.

***Đoàn thuyền đánh cá***

***Huy Cận***

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Huy Cận (1919-2005) tên đầy đủ là **Cù Huy Cận**, quê ở làng Ân Phú, huyện Vụ Quang (trước đây thuộc huyện Hương Sơn, sau là Đức Thọ), tỉnh Hà Tĩnh.  - Ông là một trong những gương mặt xuất sắc của nên fthi ca Việt Nam hiện đại.  - Huy Cận đã nổi tiếng trong phong trào thơ mới với tập thơ “***Lửa thiêng***” (1940). Ông tham gia cách mạng từ trước năm 1945 và sau cách mạng tháng Tám từng giữ nhiều trọng trách trong chính quyền cách mạng, đồng thời là một trong những nhà thơ tiêu biểu của nền thơ hiện đại Việt Nam.  - Huy Cận đã được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996).  - Phong cách sáng tác : Thơ Huy Cận luôn vận động ở nhiều đối cực : vũ trụ- cuộc đời, sự sống- cái chết, hiện thực- lãng mạn, nềm vui- nỗi buồn… ; giọng điệu mộc mạc, chân tình, lắng đọng ; hình ảnh thâm trầm, khơi gợi. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Bài thơ ra đời năm 1958. Đây là thời kì miền Bắc được giải phóng, bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội để chi viện cho chiến trường miền Nam  - Bài thơ là kết quả sau chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh. Từ chuyến đi thực tế này, hồn thơ Huy Cận mới thực sự nảy nở trở lại, dồi dào trong cảm hứng về thiên nhiên đất nước, về lao động và niềm vui trước cuộc sống mới.  - Bài "Đoàn thuyền đánh cá" được sáng tác trong thời gian ấy và in trong tập thơ “***Trời mỗi ngày lại sáng***” (1986). |
| ***Thể loại*** | Thể thơ 7 chữ |
| ***Mạch cảm xúc và bố cục*** | Bài thơ được bố cục theo trình tự thời gian, không gian chuyến ra khơi của đoàn thuyền, gồm 3 phần:  - Phần 1 (2khổ đầu): cảnh đoàn thuyền ra khơi  - Phần 2 (4 khổ tiếp theo): cảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển.  - Phần 3 (khổ cuối): hình ảnh đoàn thuyền đánh cá trở về.  Nêu thời gian và không gian được miêu tả trong bài thơ:  Bài thơ đã tạo ra một khung cảnh không gian và thời gian rất đáng chú ý:  - Không gian rộng lớn bao la với mặt trời, biển, trăng, sao, mây, gió;  - Thời gian là nhịp tuần hoàn của vũ trụ từ lúc hoàng hôn đến bình minh, cũng là thời gian của một chuyến ra biển rồi trở về của đoàn thuyền đánh cá: mặt trời xuống biển, cả trời đất vào đêm, trăng lên cao, đêm thở, sao lùa… rồi sao mờ, mặt trời đội biển nhô lên trong một ngày mới. Điểm nhịp thời gian cho công việc của đoàn thuyền đánh cá là nhịp tuần hoàn của thiên nhiên vũ trụ. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | - Hình ảnh đoàn thuyền gợi về một sự đoàn kết, ở đó có sự đòng long, chung sức giữa các thành viên.  - Phản ánh không khí lao động sôi nổi, hăng say của những người dẫn chài.  - Gợi lên những thành quả lao động góp phần xây dựng đất nước theo nhịp sống mới sau chiến tranh. |
| ***PT biểu đạt*** | Tự sự, miêu tả, biểu cảm |
| ***Chủ đề*** | Ca vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước, sự giàu có của biển khơi; ngợi ca khí thế lao động hăng say, yêu đời của người lao động mới đã được giải phóng, đang làm chủ bản thân, làm chủ cuộc đời và đất nước. |
| ***Giá trị nội dung*** | Bài thơ khắc hoạ nhiều hình ảnh đẹp tráng lệ, thể hiện sự hài hoà giữa thiên nhiên và con người lao động, bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Nghệ thuật: - Sáng tạo hình ảnh thơ bằng liên tưởng, tưởng tượng phong phú, độc đáo.  - Âm hưởng khoẻ khoắn, hào hùng, lạc quan. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

***\* Khái quát:*** Bài thơ rút từ tập “ Trời mỗi ngày lại sáng” (1958), được Huy Cận sáng tác trong chuyến đi thực tế tại vùng mỏ Quảng Ninh năm 1958. Bài thơ ca ngợi thiên nhiên vũ trụ và con người lao động trong cuộc sống mới ở miền Bắc thời kỳ xây dụng chủ nghĩa xã hội. Từ đó, nhà thơ bộc lộ niềm vui, niềm tự hào trước đất nước, con người và cuộc sống.  
**1. Cảnh ra khơi và tâm trạng náo nức của con người( 2 khổ đầu).  
a. Cảnh hoàng hôn trên biển.**  
 Mở đầu bài thơ là cảnh mặt hoàng hôn trên biển được miêu tả thật độc đáo và ấn tượng:  
*Mặt trời xuống biển như hòn lửa  
Sóng đã cài then đêm sập cửa*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Cảnh được miêu tả ở một điểm nhìn, một vị trí đặc biệt. Đó là điểm nhìn di động trên con thuyền trên biển | Vì thế, khi người quan sát nhìn về phía mặt trời lặn qua một khoảng biển sẽ thấy mặt trời như đang lặn xuống biển. |
| Nghệ thuật so sánh, nhân hóa “ Mặt trời…lửa” | Vừa gợi được cái kì vĩ, tráng lệ của hoàng hôn trên biển, mặt trời như một hòn than cháy hồng đang từ từ lặn xuống biển, vừa gợi được bước đi của thời gian. |
| Hình ảnh nhân hóa” sóng…” | Gợi cảm giác gần gũi, thân thương, vũ trụ như ngôi nhà lớn, màn đêm là tấm cửa khổng lồ, những con sóng lăn tăn trên đại dương là những chiếc then cửa. |
| -> Huy Cận đã miêu tả rất thực sự chuyển đổi thời khắc giữa ngày và đêm khiến cảnh biển vào đêm thật đẹp, kỳ vĩ, tráng lệ như thần thoại đồng thời gợi sự gần gũi như ngôi nhà thân quen, gợi sự bình yên đối với người dân chài. | | |

**b. Cảnh ra khơi :**

- Khi thiên nhiên bước vào trạng thái nghỉ ngơi thì con người bắt đầu làm việc.  
“ Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi  
Câu hát căng buồm cùng gió khơi”

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Hình ảnh “ Đoàn thuyền” | gợi ra sự tấp nập, không khí lao động sôi nổi trên biển. |
| Chữ “lại” | vừa khẳng định nhịp điệu lao động của người dân chài đã đi vào ổn định, vừa thể hiện sự đối lập giữa sự nghỉ ngơi của đất trời và sự làm việc của con người. |
| Ba hình ảnh: Câu hát, cánh buồm và gió khơi. | - Trước hết, thể hiện trí tưởng tượng phong phú, lãng mạn: người đánh cá căng buồm và cất câu hát, nhà thơ có cảm giác như chính câu hát đó đã làm căng cánh buồm. Câu hát mang theo niềm vui, sự phấn chấn của người lao động trở thành sức mạnh cùng với gió biển làm căng cánh buồm để con thuyền lướt sóng ra khơi.  - Còn là hình ảnh ẩn dụ thể hiện niềm vui phơi phới, tinh thần lạc quan của người dân chài. Họ ra khơi trong tâm trạng đầy hứng khởi vì học tìm thấy niềm vui trong lao động, yêu biển và say mê với công việc chinh phục biển khơi làm giàu cho Tổ quốc. |

- Người dân chài ra khơi mang tâm trạng phấn chấn, náo nức:

“Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng,  
Cá thu biển Đông như đoàn thoi  
Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng  
Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi!”

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Câu thơ mở đầu sử dụng cách ngắt nhịp 2/5 | Tạo âm hưởng vừa trang trọng, vừa khỏe khoắn |
| Từ “hát rằng” | Gợi lên niềm vui và hi vọng của người dân chài |
| Phép liệt kê kết hợp với hình ảnh so sánh “ cá thu…” | mang âm hưởng ngợi ca, tự hào về sự giàu có của biển. |
| Phép nhân hóa “ đêm ngày…” | - Cho thấy không khí lao động hăng say, không kể ngày đêm của người lao động.  - Gợi hình ảnh đàn cá chao qua chao lại trên mặt biển, biển như một tấm lụa khổng lồ mà cá là “ đoàn thoi” đang mải miết dệt. Liên tưởng này kéo theo một liên tưởng khác: “ đoàn thoi” cá dệt nên tấm lưới của người dân chài |
| Lời mời gọi kết hợp với dấu chấm cảm | Thể hiện mong ước hồn hậu của ngư dân, họ hát bài ca gọi cá vào lưới và thể hiện tình yêu với biển. |
| => Hai khổ thơ đầu đã phác họa rất thành công một bức tranh thiên nhiên kì vĩ, thơ mộng và qua đó gợi được tâm hồn phóng khoáng, tình yêu lao động và niềm hi vọng của người dân chài. | |

**2. Hình ảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển và và khí thế của người lạo động( 4 khổ giữa)**

**a. Hình ảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển được miêu tả cụ thể và rất sinh động:**

“Thuyền ta lái gió với buồm trăng  
Lướt giữa mây cao với biển bằng

Ra đậu dặm xa dò bụng biển

Dàn dan thế trận lưới vây giăng”

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Hình ảnh đoàn thuyền được tái hiện trên nền thiên nhiên bao la, rộng lớn: | chiều cao của gió trăng, chiều rộng của mặt biển và chiều sâu của lòng biển. |
| Cách nói khoa trương, phóng đại và thủ pháp nhân hóa qua hình ảnh “ lái…” | cho thấy con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé trước biển cả bao la giờ đây qua cái nhìn của nhà thơ trở nên lớn lao, kỳ vĩ và ngang tầm vũ trụ. Con thuyền ấy có gió là người cầm lái, còn trăng là cánh buồm -> cho thấy trí tưởng tượng bay bổng, lãng mạn đồng thời gợi sự nhịp nhàng, hoà quyện của đoàn thuyền với biển trời. |
| Hàng loạt những động từ: lái, lướt, dò, dàn đan, vây giăng | Cho thấy hoạt động của đoàn thuyền và con người. Con thuyền lao đi với tốc độ rất nhanh “ lướt”.  -> Câu thơ vừa gợi sự khéo léo như nghệ sĩ của người dân chài vừa cho thấy tâm hồn phóng khoáng, chinh phục biển cả, làm chủ thiên nhiên của họ. |
| => Như vậy, tầm vóc của con người và đoàn thuyền đã được nâng lên, hoà nhập vào kích thước của thiên nhiên vũ trụ. Không còn cái cảm giác nhỏ bé lẻ loi khi con người đối diện với trời rộng, sông dài như trong thơ Huy Cận trước cách mạng. Hình ảnh thơ thật lãng mạn, bay bổng và con người có tâm hồn cũng thật vui vẻ, phơi phới. Công việc lao động nặng nhọc của người đánh cá đã trở thành bài ca đầy niềm vui, nhịp nhàng cùng thiên nhiên. | |

**b. Theo đoàn thuyền đánh cá, tác giả mở ra sự giàu có, hào phóng của biển cả:**

“Cá nhụ, cá chim cùng cá đé,  
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,  
Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé,  
Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long”.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Bằng cách liệt kê tên của các loài cá khác nhau: “Cá nhụ, cá chim, cá đé, cá song”. | Tác giả đã miêu tả sự phong phú và giàu có của biển cả quê hương qua những loài cá ngon, quý hiếm. |
| Nghệ thuật nhân hóa, ẩn dụ kết hợp với các tính từ chỉ màu sắc: lấp lánh, đen hồng, vàng choé. | Đã cho thấy biển không chỉ giàu mà còn rất đẹp. Tất cả tạo nên một bức tranh sơn mài nên thơ và đầy chất lãng mạn.  - Hình ảnh ẩn dụ độc đáo: những con cá song giống như ngọn đuốc đen hồng đang lao đi trong luồng nước dưới ánh trăng lấp lánh.  - Hình ảnh nhân hóa “Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé” là hình ảnh đẹp nhất. Ánh trăng in xuống mặt nước, những con cá quẫy đuôi vào nước mà như quẫy ánh trăng tan ra, lóe sáng. Từ “ em” thể hiện tình cảm yêu mến, thiết tha của tác giả. |
| Tác giả sử dụng nghệ thuật nahan hóa: “Đểm thở: sao lùa nước Hạ Long”. | - Vừa miêu tả nhịp điệu của những cánh sóng, vừa gợi nhịp thở của biển, vũ trụ lúc đêm về. Biển như mang linh hồn của con người.  - Câu thơ còn độc đáo ở chỗ: tác giả đã tạo ra hình ảnh đảo ngược: ánh sao in bóng xuống biển đêm, nhưng không phải sao bị sóng đẩy vào mạn thuyền mà dường như chính ánh sao như lùa nước Hạ Long làm nên tiếng thở của đêm. |
| -> Tất cả làm nên một bức tranh hoà nhịp kỳ diệu giữa thiên nhiên và con người lao động. | |

**c. Trước sự giàu có của biển cả, lòng người háo hức, vui tươi:**“Ta hát bài ca gọi cá vào,  
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.  
Biển cho ta cá như lòng mẹ,  
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào".

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Cụm từ “Ta hát” | Gợi sự thân thiết, gợi niềm vui, phấn chấn yêu lao động. |
| Hình ảnh nhân hóa  “Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao” | Gợi nhiều liên tưởng: trong đêm trăng sáng, vầng trăng in xuống mặt nước, sóng xô bóng trăng dưới nước gõ vào mạn thuyền tạo nên nhịp điệu cho bài ca lao động.  -> Có thể nói đây là hình ảnh lãng mạn đầy chất thơ làm đẹp thêm công việc đánh cá trên biển. Thiên nhiên đã cùng con người hoà đồng trong lao động. |
| Hình ảnh so sánh “như lòng mẹ” | Gợi sự bao dung, ân tình của biển cả dành cho con người, đồng thời thể hiện lòng biết ơn sâu nặng của con người với biển quê hương. |

**d. Khung cảnh lao động hăng say trên biển lúc bình minh:**“Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng  
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng.  
Vẫy bạc đuôi vàng loé rạng đông,  
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng”.  
Khổ thơ miêu tả hình ảnh người lao động trên nền trời đang sáng dần, ửng hồng.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Nhịp thơ 2/2/3 | Cho thấy hoạt động nhịp nhàng, khẩn trương của người dân chài. |
| Hình ảnh “ kéo xoăn tay” | Gợi vẻ đẹp khỏe khoắn của người dân chài trong lao động, đồng thời gợi lên mẻ lưới bội thu. |
| Hình ảnh “ vẩy bạc”, “ đuôi vàng” đầy ắp khoang thuyền | vừa gợi màu sắc sáng đẹp, vừa cho thấy sự giàu có của biển cả quê hương và niềm vui phơi phới của người lao động. |
| Nhịp thơ 2/2/3 ở câu cuối khổ thơ | tạo một sự nhịp nhàng giữa lao động của con người với sự vận hành của vũ trụ. |
| => Đoạn thơ đã diến tả được một bức tranh thiên nhiên hùng vĩ với sự giàu có hào phóng của thiên nhien, đồng thời khắc họa thành công hình tượng người lao động lướn lao, phi thường. | |

**3.Cảnh đoàn thuyền thắng lợi trở về trong bình minh rực rỡ, tráng lệ.**

**(Khổ cuối).**  
“Câu hát căng buồm với gió khơi

Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời

Mặt trời đội biển nhô màu mới

Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi”.

4 câu cuối đã dựng lên quang cảnh kỳ vĩ về cuộc chạy đua của con người (đoàn thuyền) với mặt trời.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Ở câu thơ đầu, tác giả sử dụng cấu trúc lặp lại câu thơ cuối của khổ thơ đầu tiên. Chỉ khác nhau từ “ cùng” và từ “ với”: | - “ cùng” và “ với” đều thể hiện sự gắn kết giữa câu hát và gió khơi, nhưng “ cùng” sử dụng thanh bằng, gợi lên sự hài hòa giữa ngọn gió và câu hát, từ đó tái hiện một chuyến đi biển thuận lợi và bình yên. Còn từ “ với” sử dụng thanh trắc tạo nên sự khỏe khoắn và niềm vui phơi phới khi người dân chài trở về với mẻ lưới bội thu.  “Câu hát” mở đầu lúc họ bắt đầu lên đường ra khơi, và khi trở về lại những câu hát ấy. Cấu trúc lặp như một điệp khúc ngân nga, nhấn mạnh niềm vui lao động làm giàu đẹp quê hương.  -> Có lẽ câu hát lúc ra đi là câu hát lạc quan tin tưởng khi trở về con thuyền sẽ đầy ắp cá tươi, còn câu hát lúc trở về là câu hát vui sướng trước thành quả lao động sau một đêm vất vả. |
| Hình ảnh nhân hóa, phóng đại “Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”. | Cho thấy đoàn thuyền như một sinh thể sống chạy đua với thiên nhiên bằng tốc độ vũ trụ. Qua đó cho thấy khí thế khẩn trương, sức lực sức dồi dào, vẫn hăng say mạnh mẽ sau một đêm lao động vất vả của người dân chài.  -> Bằng hình ảnh thơ bay bổng, tác giả đã làm nổi bật tư thế của những con người lao động- tư thế sánh ngang với vũ trụ, chiến thắng thiên nhiên và làm chủ thiên nhiên. |
| Cùng với câu hát được lặp lại ở khổ cuối, ta còn thấy hình ảnh mặt trời cũng xuất hiện. Hình ảnh nhân hóa “ mặt trời đội biển” kết hợp với động từ “ nhô”: | Vừa gợi cái kì vĩ, tráng lệ của thiên nhiên, vừa gợi bước đi của thời gian.  -> Bình minh báo hiệu một ngày mới, báo hiệu một sự sống sinh sôi nảy nở, là sự khởi đầu của những niềm vui, niềm hạnh phúc mà người dân chài có được sau một chuyến hành trình rất vất vả và cực nhọc. |
| Hình ảnh hoán dụ “ mắt cá… phơi” | Ta lại bắt gặp một hình ảnh mặt trời khác, không phải của thiên nhiên mà của muôn ngàn mắt cá lấp lánh trong buổi bình minh- đó là ánh sáng của thành quả lao động lấp lánh niềm vui, hi vọng. |
| => Ý thơ phảng phất không khí thần thoại, khổ thơ mang âm hưởng của bản anh hùng ca lao độngthể hiện niềm vui phơi phới của con người lao động khi làm chủ đất trời, làm chủ cuộc đời. | |

**\* Đánh giá:**

- Với ngòi bút tràn đầy cảm hứng thiên nhiên, vũ trụ; hình ảnh thơ phong phú, giàu sức gợi; kết cấu đầu cuối tương ứng đặc sắc...

- Bài thơ đã phác họa thành công vẻ dẹp thiên nhiên và con người lao động mới. Đồng thời thấy được sự hồi sinh của thiên nhiên, đất nước sau chiến tranh.

***Đồng chí***

***Chính Hữu***

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Tên khai sinh: **Trần Đình Đắc(**1926-2007), quê Can Lộc, Hà Tĩnh. Bút danh : Chính Hữu.  **- Là nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Pháp**.  - Chính Hữu bắt đầu cầm bút từ năm 1947 và tập trung khai thác ở hai mảng đề tài chính là người lính và chiến tranh. Đặc biệt là tình cảm đồng chí, đồng đội, sự gắn bó của tiền tuyến với hậu phương.  - ***Phong cách sáng tác***: Thơ Chính Hữu vừa bình dị vừa trí tuệ; **ngôn ngữ giàu hình ảnh; giọng điệu phong phú, cảm xúc dồn nén, khi thiết tha, trầm hùng khi lại sâu lắng, hàm súc.** |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - **Bài thơ sáng tác mùa xuân 1948, sau khi tác giả tham gia chiến dịch Việt Bắc Thu- Đông( 1947)- thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.**  - Bài thơ là kết quả từ những trải nghiệm của tác giả về thực tế cuộc sống và chiến đấu của bộ đội ta trong những ngày đầu kháng chiến.  **- Bài thơ được in trong tập “ Đầu súng trăng treo” (1966).**  \* Bài thơ được đánh giá là tiêu biểu của thơ ca kháng chiến giai đoạn 1946-1954. |
| ***Thể thơ*** | Thơ tự do |
| ***Mạch cảm xúc và bố cục*** | **\* Mạch cảm xúc:** Bài thơ theo thể tự do, 20 dòng chia làm 3 đoạn. Cả bài thơ tập trung thể hiện vẻ đẹp và sức mạnh của tình đồng chí, đồng đội, nhưng ở mỗi đoạn sức nặng của tư tưởng và cảm xúc được dẫn dắt để dồn tụ vào những dòng thơ gây ấn tượng sâu đậm (các dòng 7, 17 và 20).  **Sáu dòng đầu có thể xem là sự lý giải về cơ sở của tình đồng chí**. Dòng 7 có cấu trúc đặc biệt (chỉ một từ với dấu chấm than) như một phát hiện, một lời khẳng định sự kết tinh tình cảm giữa những người lính.  **Mười dòng tiếp theo,** mạch cảm xúc sau khi dồn tụ ở dòng 17 lại tiếp tục khơi mở trong những hình ảnh, chi tiết **biểu hiện cụ thể, thấm thía tình đồng chí và sức mạnh của nó.**  Ba dòng thơ cuối được tác giả tách ra thành một đoạn kết, đọng lại và ngân rung với hình ảnh đặc sắc “Đầu súng trăng treo” như là **một biểu tượng giàu chất thơ về người lính.**  **\* Bố cục:** 3 đoạn  + Đoạn 1: 7 câu thơ đầu: Cơ sở hình thành tình đồng chí của những người lính.  + Đoạn 2: 10 câu thơ tiếp theo: những biểu hiện của tình đồng chí và sức mạnh của tình cảm ấy ở những người lính.  + Đoạn 3: 3 câu kết: Biểu tượng đẹp về tình đồng chí. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | - **Đồng chí** (đồng là cùng; chí là chí hướng) Đồng chí là chung chí hướng, chung lý tưởng: là tên gọi của một tình cảm mới, đặc biệt, xuất hiện từ đầu thời kỳ kháng chiến chống Pháp và phổ biến trong những năm cách mạng và kháng chiến.  - Vì vậy, tình đồng chí là bản chất cách mạng của tình đồng đội và thể hiện sâu sắc tình đồng đội.  - Tên bài thơ gợi chủ đề tác phẩm: ca ngợi tình đồng chí của những người lính trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. |
| ***PT biểu đạt*** | Biểu cảm |
| ***Chủ đề*** | Bài thơ ca ngợi tình đồng chí đồng đội thiêng liêng cao cả, vào sinh ra tử có nhau của các anh bộ đội thời kháng chiến chống Pháp. |
| ***Giá trị nội dung*** | Bài thơ nói về tình đồng chí, đồng đội thắm thiết, sâu nặng của những người lính cách mạng. Đồng thời còn làm hiện lên hình ảnh chân thực, giản dị mà cao đẹp của anh bộ đội cụ Hồ thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | - Bài thơ sử dụng những chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, cô đọng và giàu sức biểu cảm  - Giọng điệu tự nhiên, trầm bổng thể hiện cảm xúc dồn nén, chân thành |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Cơ sở hình thành nên tình đồng chí, đồng đội(7 câu đầu):**

**CS1-** *Tình đồng chí bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân.*

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| - Thủ pháp đối được sử dụng trong 2 câu thơ đầu quê anh- làng tôi  - Lời thơ mộc mạc, giản dị, chân thành | => đã cho thấy những người lính tự giới thiệu về mình : họ đều xuất thân từ những người nông dân chân lấm tay bùn, vất vả và nghèo khó. |
| - + Thành ngữ "nước mặn đồng chua":  + Còn cụm từ “đất cày lên sỏi đá” | -> gợi lên một miền đất nắng gió ven biển, đất đai bị nhiễm phèn, nhiễm mặn, rất khó trồng trọt và một vùng đồi núi, trung du đất đai cằn cỗi, khó canh tác. |
| -> Các anh tuy có khác nhau về địa giới, người miền xuôi, kẻ miền ngược thì cũng giống nhau ở cái nghèo, cái khổ. Chính sự tương đồng về cảnh ngộ, sự đồng cảm giai cấp là sợi dây tình cảm nối họ lại với nhau, là cơ sở ban đầu để hình thành trong họ tình đồng chí, đồng đội gắn bó keo sơn. | | |

***CS2****- Cùng chung chí hướng, lí tưởng cách mạng cao đẹp.*

**Từ hai con người vốn chẳng hề thân quen, nay cùng chung lí tưởng cách mạng mà gặp gỡ, từ đó mà làm nên tình đồng chí**.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Anh với tôi đôi người xa lạ  Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau  Súng bên súng, đầu sát bên đầu  Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ  Đồng chí! | | |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| - Tõ “đ«i”( danh từ đv)  -Tù ph­¬ng trêi tuy ch¼ng quen nhau | - Từ “đôi” chỉ 2 người, 2 đối tượng chẳng thể tách rời nhau kết hợp với từ “xa lạ” làm cho ý xa lạ được nhấn mạnh hơn.  -Tự phương trời tuy chẳng quen nhau nhưng cùng một nhịp đập của trái tim, cùng tham gia chiến đấu, giữa họ đã nảy nở một thứ tình cảm cao đẹp: Tình đồng chí - tình cảm ấy không phải chỉ là cùng cảnh ngộ mà còn là sự gắn kết trọn vẹn cả về lý trí, lẫn lý tưởng và mục đích cao cả: chiến đấu giành độc lập tự do cho tổ quốc. |
| + “Súng bên súng”: là cách nói giàu hình tượng | để diễn tả sự cùng nhau kề vai sát cánh đi bên nhau trong chiến đấu; cùng chung mục tiêu, cùng chung nhiệm vụ. |
| + “ Đầu sát bên đầu”: là cách nói hoán dụ | tượng trưng cho ý chí, quyết tâm chiến đấu của những người lính trong cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc. |

***CS3- Cùng trải qua những khó khăn, thiếu thốn.***

**Trong cuộc sống nơi chiến trường, họ cùng trải qua những khó khăn, thiếu thốn**

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| + “đêm rét chung chăn”- là một hình ảnh đẹp | -> thể hiện sự gắn bó, sẻ chia, sẵn sàng chia ngọt, sẻ bùi những lúc thiếu thốn về vật chất. Chính sự sẻ chia, đồng cam cộng khổ ấy đã tạo nên hơi ấm để xua tan đi cái lạnh lẽo, cái khắc nghiệt, khó khăn của cuộc đời người lính, giúp họ gắn kết với nhau mà vượt lên gian khó. |
| + Tõ “chung” | - C¶ 7 c©u th¬ cã duy nhÊt 1 tõ “chung” nh­ng bao hµm nhiÒu ý: chung c¶nh ngé, chung giai cÊp, chung chÝ h­íng, chung mét kh¸t väng… |
| + Tác giả đã rất khéo léo khi sử dụng từ “ đôi” | Từ “ đôi người xa lạ”, họ đã trở “ đôi tri kỉ”, thành đôi bạn tâm tình thân thiết, hiểu bạn như hiểu mình. |
| **-> Tất cả những hành động và tình cảm chân thành ấy đã làm nên những người bạn “tri kỉ” tri âm mà cao hơn là tình đồng chí, đồng đội bền chặt, thiêng liêng**. | |
| - Khép lại đoạn thơ là một câu thơ có vị trí rất đặc biệt, được cấu tạo bởi hai chữ  “ đồng chí!”. | + Vang lên như một phát hiện, một lời khẳng định, một định nghĩa về đồng chí.  + Thể hiện cảm xúc dồn nén, được thốt ra như một cao trào của cảm xúc, trở thành tiếng gọi thiết tha của tình đồng chí, đồng đội.  + Dòng thơ đặc biệt ấy như một bản lề gắn kết. Nó nâng cao ý thơ đoạn trước và mở ra ý thơ đoạn sau. Dấu chấm cảm đi kèm hai tiếng ấy bỗng như chất chứa bao trìu mến yêu thương. |
| *=> Đoạn thơ đã đi sâu khám phá, lí giải cơ sở của tình đồng chí. Đồng thời tác giả đã cho thấy sự biến đổi kì diệu từ những người nông dân hoàn toàn xa lạ trở thành những người đồng chí đồng, đội sống chết có nhau.* | |

**2. Những biểu hiện cao đẹp của tình đồng chí, đồng đội( 10 câu tiếp).**

1. ***Trước hết, là sự cảm thông sâu xa những hoàn cảnh, tâm tư, nỗi niềm sâu kín của nhau.***

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nghệ thuật** | | **Nội dung** |
| **- Trước hết, họ thấu hiểu cảnh ngộ, mối bận lòng của nhau về chốn quê nhà:** | | |
| + Đó là một hoàn cảnh còn nhiều khó khăn: neo người, thiếu sức lao động “ ruộng …cày” | | |
| + Hình ảnh “ gian nhà không” | đã diễn tả cái nghèo về vật chất và thiếu thốn cả người trụ cột trong gia đình các anh.  Ruộng nương, căn nhà là những tài sản quý giá, gần gũi, gắn bó, vậy mà họ sẵn sàng bỏ lại nơi hậu phương. | |
| **- Không những thế, họ còn thấu hiểu lí tưởng, ý chí lên đường giải phóng quê hương của bạn mình.** | | |
| + Từ “mặc kệ” | đã cho thấy sự quyết tâm ra đi của những người lính; họ gửi lại quê hương, ruộng nương, gian nhà và cả những tình cảm buồn vui của thời thơ ấu cho người thân yêu để lên đường cầm súng đánh giặc cứu nước. | |
| **- Những người lính còn thấu hiểu cả nỗi nhớ quê nhà luôn đau đáu, thường trực trong tâm hồn của nhau.** | | |
| + Hình ảnh “giếng nước gốc đa” | là một hình ảnh rất giàu sức gợi, đây vừa là nhân hóa, lại vừa là hoán dụ biểu trưng cho quê hương, người thân nơi hậu phương luôn luôn dõi theo và nhớ nhung người lính da diết. | |
| + Câu thơ nói quê hương nhớ người lính mà thực ra là người lính đang nhớ nhà. Nỗi nhớ hai chiều nên càng da diết, khôn nguôi. Nhưng chính nỗi nhớ quê hương ấy lại là động lực mạnh mẽ giúp người lính quyết tâm chiến đấu. | | |

***b. Đồng cam, cộng khổ trong cuộc đời quân ngũ:***

Chính Hữu là người trực tiếp tham gia chiến dịch việt Bắc Thu- Đông năm 1947. Hơn ai khác, ông thấu hiểu những thiếu thốn và gian khổ của cuộc đời người lính.

|  |
| --- |
| Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh  Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi  Áo anh rách vai  Quần tôi có vài mảnh vá  Miệng cười buốt giá  Chân không giày.  Thương nhau tay nắm lấy bàn tay. |

- Bằng bút pháp miêu tả hết sức chân thực, hình ảnh thơ chọn lọc, nhà thơ đã vẽ lên bức tranh hiện thực sống động về người lính với sự đồng cảm sâu sắc.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| + Đầu tiên, người lính chia sẻ, đùm bọc lẫn nhau khi mắc phải bệnh tật. | |
| . Hình ảnh: “ớn lạnh, sốt run người, ướt mồ hôi” | là những biểu hiện cụ thể để nói về căn bệnh sốt rét rừng rất nguy hiểm khi mà trong chiến tranh không hề có đủ thuốc men để chạy chữa. Đây là một hình ảnh xuất phát từ cái nhìn chân thực của người lính trong chiến tranh. |
| Từ “với” trong cụm từ “anh với tôi” | đã diễn tả sự sẻ chia của người lính đối với người bạn của mình khi bị ốm sốt rét. |
| => Chính sự quan tâm giữa những người lính đã trở thành điểm tựa vững chắc để họ vượt qua những gian khổ, khó khăn. | |
| Người lính không chỉ chia sẻ với nhau về bệnh tật mà còn đồng cam, cộng khổ khi phải đối diện với sự thiếu thốn, khó khăn về vật chất. | |
| Hình ảnh: "áo rách vai, quần vài mảnh vá, chân không giày" là những hình ảnh liệt kê  - cÆp c©u sãng ®«i, ®èi øng nhau  “Th­¬ng nhau tay n¾m lÊy bµn tay” | đã miêu tả chính xác, cụ thể những thiếu thốn của người lính.  - T¸c gi¶ ®· x©y dùng nh÷ng cÆp c©u sãng ®«i, ®èi øng nhau (trong tõng cÆp c©u vµ tõng c©u). §¸ng chó ý lµ ng­êi lÝnh bao giê còng nh×n b¹n, nãi vÒ ban tr­íc khi nãi vÒ m×nh, ch÷ “anh” bao giê còng xuÊt hiÖn tr­íc ch÷ “t«i”. C¸ch nãi Êy ph¶i ch¨ng thÓ hiÖn nÐt ®Ñp trong t×nh c¶m th­¬ng ng­êi nh­ thÓ th­¬ng th©n, träng ng­êi h¬n träng m×nh. ChÝnh t×nh ®ång ®éi ®· lµm Êm lßng nh÷ng ng­êi lÝnh ®Ó hä vÉn c­êi trong buèt gi¸ vµ v­ît lªn trªn buèt gi¸.  - Hä quªn m×nh ®i ®Ó ®éng viªn nhau, truyÒn cho nhau h¬i Êm: “Th­¬ng nhau tay n¾m lÊy bµn tay”. §©y lµ mét cö chØ rÊt c¶m ®éng chøa chan t×nh c¶m ch©n thµnh. Nã kh«ng ph¶i c¸i b¾t tay th«ng th­êng mµ lµ hai bµn tay tù t×m ®Õn víi nhau truyÒn cho nhau h¬i Êm ®Ó v­ît lªn buèt gi¸, nh÷ng bµn tay nh­ biÕt nãi. Vµ ®ã kh«ng ph¶i sù g¾n bã bÊt chît mµ lµ sù g¾n bã trong chiÕn ®Êu, ®ång cam céng khæ khiÕn t×nh ®ång chÝ thªm s©u dµy ®Ó ®i tíi chiÒu cao: cïng sèng chÕt cho lý t­ëng. Trong suèt cuéc kh¸ng chiÕn tr­êng kú ®Çy gian lao vÊt v¶ Êy, t×nh c¶m ®ång chÝ ®· ®i vµo chiÒu s©u cña sù sèng vµ t©m hån ng­êi chiÕn sÜ ®Ó trë thµnh nh÷ng kû niÖm kh«ng bao giê quªn.  =>C©u th¬ kh«ng chØ nãi lªn t×nh c¶m g¾n bã s©u nÆng cña nh÷ng ng­êi lÝnh mµ cßn thÓ hiÖn søc m¹nh cña t×nh c¶m Êy. |

**3.** **Sức mạnh và vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội( 3 câu cuối).**

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo.

- Đó là khoảng thời gian “đêm nay” rất cụ thể với khung cảnh “rừng hoang – sương muối” hiu quạnh, lạnh lẽo và khắc nghiệt.

- Tuy nhiên, người lính vẫn *“ đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới”.*

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| + Hình ảnh “ đứng cạnh bên nhau” | cho thấy tinh thần đoàn kết, luôn sát cánh bên nhau trong mọi hoàn cảnh. |
| + Động từ “chờ” | cho thấy được tư thế chủ động, hiên ngang và sẵn sàng chiến đấu của người lính. |
| + Nghệ thuật tương phản đối lập | được tạo ra rất cân đối giữa một bên là không gian núi rừng lạnh lẽo, hoang vu, vắng lặng; với một bên là tư thế chủ động mạnh mẽ như lấn át cả không gian toàn cảnh của người lính. |
| + Kết thúc bài thơ là một hình ảnh độc đáo, là điểm sáng của bức tranh về tình đồng chí, rất thực nhưng cũng rất lãng mạn.  Chất hiện thực: Trên cao là ánh trăng treo lơ lửng trên bầu trời, trong tầm ngắm, người lính phát hiện một điều thú vị và bất ngờ: vầng trăng lơ lửng như treo ở đầu mũi súng.  Chất lãng mạn: Vầng trăng xuất hiện trong không gian căng thẳng, khắc nghiệt của cuộc chiến mà lại như đang “ treo” trên đầu ngọn súng, chữ “treo” rất thơ mộng, như nối liền mặt đất với bầu trời.  Hình ảnh “súng – trăng” được đặt cạnh bên nhau khiến người đọc có nhiều liên tưởng: giữa hiện thực – ảo mộng; khắc nghiệt- lãng mạn; chiến tranh – hòa bình; chiến sĩ – thi sĩ. Sự đan cài giữa hiện thực và lãng mạn ấy vừa cho thấy được hiện thực chiến tranh khó khăn, vất vả; lại vừa toát lên vẻ đẹp tâm hồn của người lính: họ vừa là chiến sĩ lại vừa là thi sĩ, họ cầm súng chiến đấu để bảo vệ quê hương, đem lại nền độc lập, tự do cho Tổ quốc thân yêu. Có thể nói, ba câu thơ cuối một bức tranh đẹp, như một bức tượng đài sừng sững cho tình đồng chí thiêng liêng, cao cả. | |

***\* Đánh giá:***

- Nghệ thuật- ngôn ngữ thơ hàm súc, cô đọng, giàu sức biểu cảm, lời thơ giản dị mà giàu sức tạo hình; giọng điệu tâm tình, nhẹ nhàng, thiết tha, sử dụng sáng tạo bút pháp tả thực và lãng mạn,

- Nội dung: Chính Hữu đã khắc họa thành công vẻ đẹp chân chất, mộc mạc, bình dị của người lính cụ Hồ trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Khép lại trang thơ, bức tượng đài người chiến sĩ với tình cảm đồng chí, đồng đội cứ dội lên trong tâm trí độc giả với lòng biết ơn sâu sắc sự hi sinh lớn lao vì hòa bình đất nước của các anh. Từ đó, ta mới thấy hết được trách nhiệm của bản thân trong việc bảo vệ và phát triển quê hương, dân tộc mình.

- Bài thơ đã đánh dấu 1 bước ngoặt mới cho khuynh hướng sáng tác của thơ ca kháng chiến.

Đặc biệt là cách xây dựng hình tượng người chiến sĩ Cách mạng, anh bộ đội Cụ Hồ trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

VĂN BẢN LÀNG

***( Kim Lân)***

**PHÂN TÍCH NHÂN VẬT ÔNG HAI QUA TRUYỆN NGẮN “LÀNG” - KIM LÂN ( Cách 1)**

Kim Lân là nhà văn tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông để lại nhiều tác phẩm có giá trị, trong đó đặc sắc nhất là truyện ngắn « Làng » .Truyện ngắn *“Làng”* được viết vào những năm đầu của cuộc kháng chiến chống quân Pháp xâm lược. Truyện viết về hình ảnh người nông dân trong thời kì đổi mới - Đó là ông Hai một người có tình yêu với làng quê tha thiết gắn bó, hòa quyện thống nhất trong tình yêu đất nước vô cùng sâu nặng. Tình cảm thiêng liêng ấy được thể hiện xuyên suốt tác phẩm.

**Trước khi nghe tin làng theo giặc, ở nơi tản cư, ông Hai luôn nhớ làng da diết, muốn về làng, muốn tham gia kháng chiến:** Trước hết ông Hai hiện lên là một người yêu nước, yêu làng, luôn tự hào về quê hương - nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Trước Cách mạng tháng Tám: Khi nhắc đến làng là ông Hai tự hào về cái *“sinh phần”* của viên tổng đốc làng ông, nó nguy nga, đồ sộ. Không những thế, ông còn khoe và hãnh diện với mọi người về: *“con đường làng trải toàn là đá xanh. Trời mưa, trời gió bão, bùn đi không dính gót. Trong làng, nhà ngói san sát như trên tỉnh”.* Sau cách mạng tháng Tám: Khi khoe làng, ông còn nhắc đến những ngày *“cùng anh em đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá….”*. Điều đó cho thấy rõ ràng trong ông Hai đã có sự thay đổi về nhận thức. Trước đây ông chỉ chú ý đến cái hào nhoáng, bóng bẩy bên ngoài thì giờ đây ông trân trọng những kỉ niệm khi cùng mọi người xây dựng cho làng.

**Ngoài ra, tình yêu ấy còn thể hiện khi gia đình ông xa làng đi tản cư. Ông nhớ: *“Ôi nhớ làng, nhớ cái làng quá”*. Điều đó không lạ bởi *“làng”* là nơi thân thương gắn bó, là nơi chôn nhau cắt rốn gắn với những kỉ niệm sâu sắc của người nông dân.**

**Điều khiến người đọc trân trọng và cảm phục đó chính là lòng yêu nước nồng nàn. Mặc dù rất muốn cùng anh em ở lại giữ ngôi làng thân thuộc nhưng vì chính sách của cụ Hồ, ông Hai đành phải làm theo và tự nhủ *“tản cư cũng là kháng chiến”.* Có thể thấy, ông Hai và những người có suy nghĩ như ông đều tin rằng bản thân mình tuân theo điều lệnh cũng chỉ để phục vụ cho việc kháng chiến diễn ra suôn sẻ.**

**Ở nơi xa quê hương, hình ảnh một ông lão đứng ngóng chờ nghe tin tức kháng chiến . Mỗi khi có tin báo thắng lợi từ đài phát thanh “*ruột gan ông như múa cả lên”,* lúc ấy, ông Hai rất vui và hòa cùng tiếng reo với mọi người. Tình yêu làng của ông Hai cũng là tình yêu của biết bao nhiêu con người Việt Nam trong kháng chiến.**

Tình yêu làng quê hòa quyện với tình yêu đất nước của ông Hai được nhà văn khắc họa chân thực và cảm động qua một tình huống gây cấn, và kịch tính đó là tình huống ông Hai nghe tin làng chợ Dầu theo Tây.

**Nghe tin sét đánh ấy, ông Hai bàng hoàng: *“cổ ông nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như không thở được. Một lúc sau ông mới rặn è è, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi”.* Từ đỉnh cao của niềm vui, niềm tin ông Hai rơi xuống vực thẳm của sự đau đớn, tủi hổ vì cái tin ấy quá bất ngờ. - Cái tin ấy được những người tản cư đã kể rảnh rọt quá, lại khẳng định họ *“chúng tôi vừa ở dưới ấy lên đây mà lại”* làm ông không thể không tin. Sự đau đớn thể hiện rõ qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của ông lão.**

**Vì vậy mà trên đường về nhà *“ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi”,* ông xấu hổ không dám nhìn ai, ông tự vấn lương tâm của chính mình. Rồi ông thoáng nghĩ đến mụ chủ nhà. Còn gì chua chát, đau đớn hơn khi giọng nói của người đàn bà cho con bú vẳng vọng theo: “*Cha mẹ tiên sư chúng nó! Đói khổ ăn cắp ăn trộm bắt được người ta còn tha. Còn cái giống Việt gian bán nước chỉ cho mỗi đứa một nhát.”* Tình yêu làng bị sụp đổ, tình cảm của ông bị tổn thương.**

**Sự uất ức đến căm giận theo đuổi ông mãi *“Về đến nhà ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác nên bọn nó len lén đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau”*. Lúc ấy, *“nước mắt ông lão cứ giàn ra”*, ông rít lên những tiếng kêu đau đớn, nhục nhã. Có lẽ đây là đoạn miêu tả nội tâm độc đáo nhất, thành công nhất của nhà văn: *“Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư?”.***

**Nghệ thuật độc thoại nội tâm diễn tả cụ thể những câu hỏi giằng xé trong đầu ông Hai. Nếu không yêu làng đến thế thì ông không đau đớn, tủi nhục đến vậy. Ông căm thù những kẻ theo Tây, phản bội làng, ông nắm chặt hai tay lại mà rít lên: *“Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này”.* Niềm tin, nỗi ngờ vực giằng xé trong ông. *“Ông kiểm điểm lại từng người trong óc”*, thấy họ đều có tinh thần cả *“có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy”.* Ông đau xót nghĩ đến cảnh *“người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước”.***

**Từ đau đớn, nhục nhã, ông Hai trở nên gắt gỏng với vợ con. Rồi tâm trạng ông Hai chuyển dần sang lo** **lắng, sợ hãi: “*Đã ba bốn hôm nay, ông Hai không bước chân ra đến ngoài, cả đến bên bác Thứ ông cũng không dám sang. Suốt ngày ông chỉ quanh quẩn ở trong cái gian nhà chật chội ấy mà nghe ngóng* . Nỗi ám ảnh, day dứt nặng nề biến thành sự sợ hãi thường xuyên trong ông. Ông cảm thấy như mình mang nỗi nhục của tên bán nước Việt gian theo Tây.**

**Tình thế của ông càng trở nên bế tắc, tuyệt vọng khi bà chủ nhà có ý đuổi gia đình ông với lý do không chứa người của làng Việt gian. Ông đau khổ không phải vì bị đuổi đi mà đau khổ vì lí do bị đuổi. Có lúc ông lại nghĩ đến việc về lại làng nhưng lại nghĩ: *“Về làm gì cái làng ấy nữa, chúng nó theo Tây cả rồi. Về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ.”,* là cam chịu quay trở lại làm nô lệ cho thằng Tây. Tình yêu làng lúc này đã lớn rộng thành tình yêu nước.**

**Thật khó để ông đi đến lựa chọn: *“Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù”.* Câu nói ấy thể hiện tấm lòng son sắc của ông dành cho quê hương, đất nước, qua đó ông đưa ra quyết định, thà không quay về làng cho thấy sự kiên quyết trong cách nghĩ, cách sống của ông Hai. Niềm mơ ước lớn lao nhất của ông chính là được quay về làng thăm lại anh em, đồng chí. Vậy mà giờ đây, ông không những buộc phải bỏ làng mà còn thù làng.**

**Trong tâm trạng bị dồn nén và bế tắc ấy, để vợi bớt nỗi đau đớn, dằn vặt trong lòng và yên tâm về quyết định của mình, ông chỉ biết trò chuyện với cu Húc, đứa con út, giúp ông bày tỏ tình yêu sâu nặng với làng Chợ Dầu, bày tỏ tấm lòng thủy chung son sắt với kháng chiến, với Cụ Hồ(chết thì chết có bao giờ dám đơn sai). Đó là một cuộc trò chuyện đầy xúc động. Trong ông vẫn cháy lên một niềm tin tưởng sắt đá, tin tưởng vào Cụ Hồ, tin tưởng vào cuộc kháng chiến của dân tộc. Niềm tin ấy đã phần nào giúp ông có thêm nghị lực để vượt qua khó khăn này. Tình quê và lòng yêu nước thật sâu nặng và thiêng liêng.**

Tình yêu làng, yêu nước lại một lần nữa được thể hiện rõ nét trong đoạn cuối của tác phẩm, khi đúng lúc ông Hai có được quyết định khó khăn nhất thì cái tin làng Chợ Dầu phản bội đã được cải chính.

**Sự đau khổ của ông Hai trong những ngày qua nhiều bao nhiêu thì niềm phấn khởi và hạnh phúc của ông lúc này càng lớn bấy nhiêu. Miệng ông *“bô bô”* từ đầu ngõ, chạy hết nơi này đến nơi khác khoe với mọi người về cái tin làng ông bị đốt, nhà ông bị đốt rằng *“Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ, đốt nhẵn! Toàn là sai sự mục đích cả. Láo. Láo hết”*. Cái cách ông đi khoe việc Tây đốt sạch nhà của ông là biểu hiện cụ thể ý chí *“Thà hi sinh tất cả chứ không chịu mất nước”* của người nông dân lao động bình thường. Mất hết cả cơ nghiệp mà ông không hề buồn tiếc, thậm chí còn rất sung sướng, hạnh phúc. Phải chăng, niềm hạnh phúc to lớn hơn đằng sau ấy là một tấm lòng yêu nước ?** **Đây chính là chi tiết khiến người đọc trân trọng hơn tình yêu của ông Hai dành cho làng, cho kháng chiến và cho tổ quốc Việt Nam yêu dấu.**

**Nhân vật** **ông Hai là nhân vật tiêu biểu, điển hình về người nông dân trong buổi đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, người nông dân yêu làng, yêu nước, có niềm tin tuyệt đối vào cách mạng. Qua nhân vật ông Hai, ta thấy được nhận thức của người nông dân về cuộc kháng chiến. Thấy được nghệ thuật miểu tả nhân vật tài tình của nhà văn Kim Lân cũng như tình cảm gắn bó, quý trọng người nông dân của nhà văn. Đọc truyện, ta càng thêm khâm phục và yêu thương biết bao tình yêu nước và sự hy sinh cao cả của những thế hệ đi trước và từ đó tự rút ra bài học quý giá cho bản thân: hãy biết yêu thương nơi mình sinh ra và lớn lên, hãy biết trân trọng và luôn tin tưởng về một tương lai tươi sáng.**

LÀNG

***( Kim Lân)***

**PHÂN TÍCH NHÂN VẬT ÔNG HAI QUA TRUYỆN NGẮN “LÀNG” - KIM LÂN ( Cách 2 )**

**Đề tài người nông dân đã trở thành mảnh đất màu mỡ để các nhà văn ươm trồng lên biết bao kiệt tác.** **Trước CMT8 Ngô Tất Tố đã đem đến cho người đọc một chị Dậu với sức sống mãnh liệt của người nông dân bị áp bức, Nam Cao đem đến một lão Hạc một người giàu lòng tự trọng và lòng thương con vô bờ bến. Sau CM Kim Lân nhà văn của nông dân đã đem đến cho người đọc hình ảnh người nông dân trong thời kì đổi mới, đó là nhân vật ông Hai trong truyện ngắn «  Làng ». Truyện kể về ông Hai một người nông dân có tình yêu với làng quê tha thiết gắn bó, hòa quyện thống nhất trong tình yêu đất nước vô cùng sâu nặng. Tình cảm thiêng liêng ấy được thể hiện xuyên suốt tác phẩm.**

**Ông Hai là một Lão nông quê ở làng Chợ Dầu. Ông lão yêu làng nên hay khoe về làng Chợ Dầu của mình. Nếu trước cách mạng ông hay khoe với sự giàu có trù phú của làng thì sau cách mạng ông lão luôn yêu và tự hào về phong trào kháng chiến của làng ông.**

**Trước khi nghe tin làng theo giặc, ở nơi tản cư, ông Hai luôn nhớ làng da diết, muốn về làng, muốn tham gia kháng chiến:** Trước hết ông Hai hiện lên là một người yêu nước, yêu làng, luôn tự hào về quê hương - nơi chôn nhau cắt rốn của mình. Trước Cách mạng tháng Tám: Khi nhắc đến làng là ông Hai tự hào về cái *“sinh phần”* của viên tổng đốc làng ông, nó nguy nga, đồ sộ. Không những thế, ông còn khoe và hãnh diện với mọi người về: *“con đường làng trải toàn là đá xanh. Trời mưa, trời gió bão, bùn đi không dính gót. Trong làng, nhà ngói san sát như trên tỉnh”.* Sau cách mạng tháng Tám: Khi khoe làng, ông còn nhắc đến những ngày *“cùng anh em đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá….”*. Điều đó cho thấy rõ ràng trong ông Hai đã có sự thay đổi về nhận thức.

**Ngoài ra, tình yêu ấy còn thể hiện khi gia đình ông xa làng đi tản cư. Ông nhớ: *“Ôi nhớ làng, nhớ cái làng quá”*. Điều đó không lạ bởi *“làng”* là nơi thân thương gắn bó, là nơi chôn nhau cắt rốn gắn với những kỉ niệm sâu sắc của người nông dân.**

**Điều khiến người đọc trân trọng và cảm phục đó chính là lòng yêu nước nồng nàn. Mặc dù rất muốn cùng anh em ở lại giữ ngôi làng thân thuộc nhưng vì chính sách của cụ Hồ, ông Hai đành phải làm theo và tự nhủ *“tản cư cũng là kháng chiến”.* Có thể thấy, ông Hai và những người có suy nghĩ như ông đều tin rằng bản thân mình tuân theo điều lệnh cũng chỉ để phục vụ cho việc kháng chiến diễn ra suôn sẻ.**

**Ở nơi xa quê hương, hình ảnh một ông lão luôn đứng ngóng chờ nghe tin tức kháng chiến. Mỗi khi có tin báo thắng lợi từ đài phát thanh “*ruột gan ông như múa cả lên”,* lúc ấy, ông Hai rất vui và hòa cùng tiếng reo với mọi người. Chính tình yêu ấy là động lực thôi thúc họ giữ đất, giữ làng, giữ nét văn hóa cổ truyền của dân tộc.**

Tình yêu làng quê hòa quyện với tình yêu đất nước của ông Hai được nhà văn khắc họa chân thực và cảm động qua một tình huống gây cấn, và kịch tính đó là tình huống ông Hai nghe tin làng chợ Dầu theo Tây.

**Nghe tin sét đánh ấy, ông Hai bàng hoàng: *“cổ ông nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như không thở được. Một lúc sau ông mới rặn è è, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi”.* Từ đỉnh cao của niềm vui, niềm tin ông Hai rơi xuống vực thẳm của sự đau đớn, tủi hổ vì cái tin ấy quá bất ngờ. - Cái tin ấy được những người tản cư đã kể rảnh rọt quá, lại khẳng định họ *“chúng tôi vừa ở dưới ấy lên đây mà lại”* làm ông không thể không tin. Sự đau đớn thể hiện rõ qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của ông lão. Không đau đớn và bàng hoàng sao được vì sâu thẳm trong con tim ông làng Chợ Dầu là làng anh hùng, làng của kháng chiến và cách mạng. Thế mà giờ đây, tất cả niềm tin, hi vọng, niềm tự hào đã hoàn toàn sụp đổ trong ông.**

**Vì vậy mà trên đường về nhà *“ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi”,* ông xấu hổ không dám nhìn ai, ông tự vấn lương tâm của chính mình. Rồi ông thoáng nghĩ đến mụ chủ nhà. Còn gì chua chát, đau đớn hơn khi giọng nói của người đàn bà cho con bú vẳng vọng theo: “*Cha mẹ tiên sư chúng nó! Đói khổ ăn cắp ăn trộm bắt được người ta còn tha. Còn cái giống Việt gian bán nước chỉ cho mỗi đứa một nhát.”* Tình yêu làng bị sụp đổ, tình cảm của ông bị tổn thương.**

**Sự uất ức đến căm giận theo đuổi ông mãi *“Về đến nhà ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác nên bọn nó len lén đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau”*. Lúc ấy, *“nước mắt ông lão cứ giàn ra”*, ông rít lên những tiếng kêu đau đớn, nhục nhã. Đồng cảm với nhân vật ấy, người đọc như cảm nhận sự đau đớn, hổ thẹn và uất ức theo từng cử chỉ, từng hành động của ông. Có lẽ đây là đoạn miêu tả nội tâm độc đáo nhất, thành công nhất của nhà văn. *“Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư?”.***

**Nghệ thuật độc thoại nội tâm diễn tả cụ thể những câu hỏi giằng xé trong đầu ông Hai. Nếu không yêu làng đến thế thì ông không đau đớn, tủi nhục đến vậy. Ông căm thù những kẻ theo Tây, phản bội làng, ông nắm chặt hai tay lại mà rít lên: *“Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này”.* Niềm tin, nỗi ngờ vực giằng xé trong ông. *“Ông kiểm điểm lại từng người trong óc”*, thấy họ đều có tinh thần cả *“có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy”.* Ông đau xót nghĩ đến cảnh *“người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước”.***

**Tác giả đã để cho nhân vật trải qua từng cung bậc tâm lí, đẩy lên cao trào rồi bật ngược như vỡ òa ở phần sau. Ngẫm kĩ, ta thấy đối với người nông dân chất phác, chân lấm, tay bùn thì cái tin làng theo giặc quả thật là cú sốc to lớn, là điều đau đớn và nặng nề mà họ phải chịu đựng.**

**Từ đau đớn, nhục nhã, ông Hai trở nên gắt gỏng với vợ con. Rồi tâm trạng ông Hai chuyển dần sang lo** **lắng, sợ hãi: “*Đã ba bốn hôm nay, ông Hai không bước chân ra đến ngoài, cả đến bên bác Thứ ông cũng không dám sang. Suốt ngày ông chỉ quanh quẩn ở trong cái gian nhà chật chội ấy mà nghe ngóng.*  Nỗi ám ảnh, day dứt nặng nề biến thành sự sợ hãi thường xuyên trong ông. Ông cảm thấy như mình mang nỗi nhục của tên bán nước Việt gian theo Tây. Từ chỗ một con người sống cởi mở, niềm nở, ông trở thành người khép nép, lo lắng.**

**Tình thế của ông càng trở nên bế tắc, tuyệt vọng khi bà chủ nhà có ý đuổi gia đình ông với lý do không chứa người của làng Việt gian. Ông đau khổ không phải vì bị đuổi đi mà đau khổ vì lí do bị đuổi. Có lúc ông lại nghĩ đến việc về lại làng nhưng lại nghĩ: *“Về làm gì cái làng ấy nữa, chúng nó theo Tây cả rồi. Về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ.”,* là cam chịu quay trở lại làm nô lệ cho thằng Tây. Tình yêu làng lúc này đã lớn rộng thành tình yêu nước.**

**Thật khó để ông đi đến lựa chọn: *“Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù”.* Câu nói ấy thể hiện tấm lòng son sắc của ông dành cho quê hương, đất nước, qua đó ông đưa ra quyết định, thà không quay về làng cho thấy sự kiên quyết trong cách nghĩ, cách sống của ông Hai. Niềm mơ ước lớn lao nhất của ông chính là được quay về làng thăm lại anh em, đồng chí. Vậy mà giờ đây, ông không những buộc phải bỏ làng mà còn thù. Dù đã xác định thế nhưng ông vẫn không thể dứt bỏ tình cảm của mình đối với quê hương. Bởi thế mà ông càng xót xa, đau đớn.**

**Trong tâm trạng bị dồn nén và bế tắc ấy, để vợi bớt nỗi đau đớn, dằn vặt trong lòng và yên tâm về quyết định của mình, ông chỉ biết trò chuyện với cu Húc, đứa con út, giúp ông bày tỏ tình yêu sâu nặng với làng Chợ Dầu, bày tỏ tấm lòng thủy chung son sắt với kháng chiến, với Cụ Hồ(chết thì chết có bao giờ dám đơn sai). Đó là một cuộc trò chuyện đầy xúc động. Nỗi nhớ quê, yêu quê, nỗi đau đớn khi nghe tin quê hương theo giặc cứ chồng chéo đan xen trong lòng ông lão. Nhưng trong ông vẫn cháy lên một niềm tin tưởng sắt đá, tin tưởng vào Cụ Hồ, tin tưởng vào cuộc kháng chiến của dân tộc. Niềm tin ấy đã phần nào giúp ông có thêm nghị lực để vượt qua khó khăn này. Tình quê và lòng yêu nước thật sâu nặng và thiêng liêng.**

Tình yêu làng, yêu nước lại một lần nữa được thể hiện rõ nét trong đoạn cuối của tác phẩm, khi đúng lúc ông Hai có được quyết định khó khăn nhất thì cái tin làng Chợ Dầu phản bội đã được cải chính.

**Sự đau khổ của ông Hai trong những ngày qua nhiều bao nhiêu thì niềm phấn khởi và hạnh phúc của ông lúc này càng lớn bấy nhiêu. Miệng ông *“bô bô”* từ đầu ngõ, chạy hết nơi này đến nơi khác khoe với mọi người về cái tin làng ông bị đốt, nhà ông bị đốt rằng *“Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ, đốt nhẵn! Toàn là sai sự mục đích cả. Láo. Láo hết”*. Cái cách ông đi khoe việc Tây đốt sạch nhà của ông là biểu hiện cụ thể ý chí *“Thà hi sinh tất cả chứ không chịu mất nước”* của người nông dân lao động bình thường. Mất hết cả cơ nghiệp mà ông không hề buồn tiếc, thậm chí còn rất sung sướng, hạnh phúc. Phải chăng, niềm hạnh phúc to lớn hơn đằng sau ấy là một tấm lòng yêu nước, kiên định theo chính sách của cụ Hồ.**

**Truyện ngắn *"Làng"* đã rất thành công khi miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật ông Hai từ một tình huống có tính bất ngờ, căng thẳng, thử thách. Nhân vật ông Hai là nhân vật tiêu biểu, điển hình về người nông dân trong buổi đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, người nông dân yêu làng, yêu nước, có niềm tin tuyệt đối vào cách mạng. Qua nhân vật ông Hai, ta thấy được nhận thức của người nông dân về cuộc kháng chiến. Thấy được nghệ thuật miểu tả nhân vật tài tình của nhà văn Kim Lân cũng như tình cảm gắn bó, quý trọng người nông dân của nhà văn.**

PHÂN TÍCH NHÂN VẬT ÔNG HAI TRONG TRUYỆN NGẮN “ LÀNG ’’ – KIM LÂN ( Cách 3 )

**Kim Lân tên thật là Nguyễn Văn Tài, sinh năm 1920, quê ở huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Ông là nhà văn chuyên viết truyện ngắn và có tác phẩm đăng báo từ trước Cách mạng tháng Tám năm 1945. Vốn gắn bó và am hiểu sâu sắc cuộc sống nông thôn nên Kim Lân thường viết về đề tài sinh hoạt ở làng quê và cảnh ngộ của người nông dân nghèo trong chế độ phong kiến, thực dân. Truyện ngắn Làng được ông sáng tác trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp và in trên tạp chí Văn nghệ năm 1948. Tình yêu làng quê và lòng yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân đã được tác giả thể hiện chân thực, sâu sắc và cảm động qua nhân vật ông Hai.**

**Bối cảnh của truyện là những năm đầu kháng chiến. Theo lệnh của ủy ban xã, ông Hai cùng dân làng phải đi tản cư để tránh những trận càn lớn của giặc. Xa làng, ông nhớ cảnh, nhớ người, muôn về thăm nhà. Một hôm ra phố huyện, nghe đám người mới ở dưới xuôi lên bảo rằng dân làng Chợ Dầu theo giặc làm Việt gian, ồng buồn lắm.**

**Nhưng rồi ông ngẫm nghĩ, có thế là một sự nhầm lẫn. Kiểm điểm lại từng người trong óc, ông thấy ai cũng quyết chiến với giặc. Trong lúc ông Hai đang băn khoăn, khổ sở thì bà chủ nhà lại muốn đuổi đi, không cho ở nhờ nữa vì ông là dân làng Chợ Dầu “phản động”. Ông Hai càng buồn tủi và xấu hổ. Bây giờ về làng là theo giặc, ở lại thì không được. Trong lúc ông Hai dường như tuyệt vọng thì chủ tịch làng Chợ Dầu lên tận nơi tản cư cải chính và thông báo tin chiến thắng của quân dân làng Chợ Dầu. Ông Hai vui lắm, đi đâu cũng kể về làng Chợ Dầu, tưởng như chính mình vừa cùng dân làng đánh giặc.  
 Ở phần đầu truyện (không đưa vào đoạn trích), tác giả thuật lại rằng, mỗi khi kể về cái làng Chợ Dầu nổi tiếng khắp vùng Kinh Bắc, ông Hai đều kể bằng giọng say mê náo nức Lạ thường. Nào là làng mình nhà ngói san sát, sầm uất như tỉnh lị nào là đường làng toàn lát đá xanh, trời mưa đi từ đầu làng đến cuối làng không hề lấm gót, ngày mùa phơi thóc phơi rơm thì tốt thượng hạng… Yêu mến, hãnh diện về làng mình, nên ông Hai mắc tật hay khoe. Theo ông thì cái gì của làng Chợ Dầu quê ông cũng hơn hẳn thiên hạ.**

**Kháng chiến chống Pháp bùng nổ, cuộc sống của gia đình ông Hai có nhiều thay đổi, duy niềm tự hào về làng Chợ Dầu dường như vẫn y nguyên. Ở nơi tản cư, ông hay kể cho mọi người nghe về làng mình với những hố, những ụ chống càn, những giao thông hào chằng chịt như mạng nhện, những cụ phụ lão râu tóc bạc phơ vẫn tập đi một hai, một hai… Làng ông có chòi phát thanh cao nhất vùng, có nhà thông tin rộng rãi sáng sủa nhất vùng… Ông Hai rất kiêu hãnh về phong trào kháng chiến sôi nổi của làng Chợ Dầu. Ông đã tích cực cùng mọi người đào đường đắp luỹ, rào làng kháng chiến, góp phần vào những thành tích đáng tự hào của quê hương.**

**Lúc nào ông cũng nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ đến những ngày cùng làm việc với anh em,… cùng anh em đào đường đắp ụ, xẻ hào khuân đá… Chao ôi ! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá. Khi đứa con gái lớn từ quán về, giao vội nhà cho con, ông Hai náo nức ra phòng thông tin rồi rẽ lên huyện để nghe tin tức kháng chiến.**

**Tác giả đặt nhân vật vào một tình huống gay cấn để làm nổi bật tính cách nhân vật, bộc lộ sâu sắc tình cảm yêu làng, yêu nước của ông Hai. Tình huống ấy là cái tin làng Chợ Dầu theo giặc, mà chính ông nghe được từ miệng những người mới tản cự dưới xuôi lên.**

**Khi nghe cái tin đột ngột ấy, ông Hai đau đớn, sững sờ: cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được… Lúc đã trấn tĩnh được phần nào, ông vẫn ngờ ngợ ! Nhưng rồi những người tản cư đã kể rành rọt, lại khẳng định vừa ở dưới ấy lên, khiến ông không thể không tin.**

**Ông cảm thấy đau đớn vì làng Chợ Dầu yêu quý của ông đã rời bỏ kháng chiến. Không chịu nổi sự nhục nhã, ông vờ đứng lảng ra chỗ khác. Từ lúc ấy, trong tâm trí của ông Hai, cái tin dữ ấy trở thành một nỗi ám ảnh day dứt. Nghe tiếng bà con chửi bọn Việt gian, ông cúi gằm mặt mà đi. Về đến nhà, ông nằm vật ra giường. Nhìn đàn con, ông Hai tủi thân. Nước mắt ông lão cữ giàn rụa. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư?**

**Tủi nhục và xấu hổ, lúc nào ông Hai cũng nơm nớp lo sợ người ta để ý, bàn tán về dân làng Chợ Dầu theo giặc. Có lúc uất quá, ông nắm chặt tay, nghiến răng nguyền rủa: Chủng bay ăn miếng cơm hay ăn miếng gì vào mồm mà di làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thể này.**

**Suốt mấy ngày sau, ông Hai không dám đi đâu, ông chỉ quanh quẩn ở nhà nghe ngóng tình hình bên ngoài: Một đám đông túm lại, ông cũng để ý, dăm bảy tiếng cười nói xa xa, ông cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến “cái chuyện ấy”. Cứ thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam-nhông… Là ông lủi ra một góc nhà, nín thít. Thôi lại chuyện ấy rồi!**

**Tác giả đã diễn tả rất cụ thể nỗi ám ảnh nặng nề biến thành sự sợ hãi thường xuyên cùng với nỗi đau xót, tủi hổ của ông Hai trước cái tin làng mình theo giặc.**

**Ông lão yêu làng tha thiết nhưng lại vô cùng căm uất khi nghe tin dân làng theo giặc. Hai tình cảm tưởng chừng mâu thuẫn ấy đã dẫn đến một sự xung đột nội tâm dữ dội. Ông Hai dứt khoát lựa chọn theo cách của ông: Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù. Tình cảm yếu nước rộng lớn hơn đã bao trùm lên tình cảm đối với làng quê. Dù đã xác định như thế, nhưng ông Hai vận không thể dứt bỏ tình cảm đối với quê hương; vì thế mà ông càng xót xa, cay đắng.**

**Ông Hai càng bị đẩy vào tình thế bế tắc, tuyệt vọng khi bà chủ nhà nơi tản cư muốn đuổi gia đình ông đi. Đi đâu bây giờ? Không ai muốn chứa chấp dân của cái làng Việt gian ý. Cũng không thể quay về vì về làng tức là chịu quay về làm nô lệ cho Tây. Mâu thuẫn trong tình thế và trong nội tâm nhân vật dường như đã tới đỉnh điểm, đòi hỏi phải được giải quyết.**

**Có lẽ đây là lần đầu tiên trong đời, ông Hai oán giận làng mình. Không thể san sẻ với người ngoài, ông chỉ còn biết tâm sự với đứa con nhỏ cho vơi nỗi đau.**

**Cái lòng bố con ống là như thể đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai. Mỗi lần nói ra được đôi câu như vậy nồi khổ trong lòng cũng vợi đi được đôi phần.**

**Qua những lời tâm sự với đứa con nhỏ, thực chất là tự nhủ với mình, tự giãi bày nỗi lòng mình, ta thấy rõ ở ông Hai tình yêu sâu nặng với cái làng Chợ Dầu của ông. Ông muôn đứa con nhỏ ghi nhớ câu Nhà ta ở làng Chợ Dầu, thuỷ chung với kháng chiến, với cách mạng, với Cụ Hồ. Tình cảm ấy thật bền vững và thiêng liêng.**

**Nhưng rồi nỗi đau khổ, nhục nhã đã được thay thế bằng niềm vui sướng, hân hoan. Ông Hai vội vã thông báo với mọi người cái tin làng ông bị giặc phá, nhà ông bị giặc đốt: “ Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn. Ổng chủ tịch làng em vừa lên cải chính… cải chính cái tỉn làng Chợ Dầu chúng em là Việt gian ấy mà. Ra là láo Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là “sai sự mục đích” cả !” Ông Hai mừng rỡ vì dân làng Chợ Dầu vẫn trung thành với kháng chiến. Làng Chợ Dầu vẫn xứng đáng với niềm tự hào của ông. Không nén nổi cảm xúc, ông Hai múa tay lên mà khoe.**

  Mỗi người dân Việt Nam đều yêu thương, gắn bó với quê hương mình bởi đó là nơi tổ tiên, ông cha đã sinh cơ lập nghiệp bao đời; là nơi chôn nhau cắt rốn ; nơi có những người thân yêu đang cần cù làm lụng một nắng hai sương. Vì vậy, lòng yêu mến làng quê đã trở thành tình cảm truyền thông của dân tộc Việt Nam, đặc biệt là người nông dân Việt Nam. Yêu làng cũng là yêu nước, ông Hai đã buồn vui sướng khổ, đã kiêu hãnh, tự hào vì làng Chợ Dầu quê hương ông. Đó chính là vẻ đẹp mới trong tâm hồn người nông dân thời kháng chiến chông Pháp đã được nhà văn Kim Lân khám phá và thể hiện rất thành công.

**LẶNG LẼ SA PA**

*( Nguyễn Thành Long)*

**PHÂN TÍCH NHÂN VẬT ANH THANH NIÊN TRONG TRUYỆN NGẮN “ LẶNG LẼ SA PA” - NGUYỄN THÀNH LONG ( Cách 1 )**

Nguyễn Thành Long là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông đã để lại nhiều tác phẩm văn học có giá trị mà đặc sắc nhất là truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa”. Đọc tác phẩm ta bắt gặp những con người lao động thầm lặng mà đầy ý nghĩa trong công cuộc xây dựng đất nước mà tiêu biểu nhất là nhân vật anh thanh niên. Mặc dù phải sống và làm việc trong điều kiện khắc nghiệt nhưng ở anh thanh niên lại tỏa sáng nhiều phẩm chất tốt đẹp đáng để chúng ta ngưỡng mộ, học tập. Đặc biệt nhân vật anh thanh niên là nhân vật chính của tác phẩm để lại cho nhiều ấn tượng sâu sắc về một con người có phẩm chất tốt đẹp. Tình yêu nghề tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, luôn lạc quan yêu đời, biết sắp xếp cuộc sống một cách khoa học, hợp lý, sống chân thành cởi mở và khiêm tốn.

Công việc chính của anh là: đo nắng, đo mưa, đo gió, tính mây, đo chấn động mặt đất. Góp phần dự báo thời tiết, phục vụ lao động sản xuất và chiến đấu. Quả thực điều kiện sống và làm việc đó của anh thanh niên là vô cùng gian khổ và khốc liệt. Nhưng chính hoàn cảnh sóng khắc nghiệt ấy lại có thể để anh tỏa sáng nhiều phẩm chất.

**Trước hết ta thấy ở anh thanh niên là một người yêu đời, yêu nghề và có tinh thần trách nhiệm trong công việc.** Một người yêu nghề, dám chấp nhận hy sinh: Anh thanh niên còn rất trẻ mới 27 tuổi vậy mà anh lại xung phong lên nhận công tác ở nơi xa xôi hẻo lánh, 4 năm qua anh chỉ sống và làm việc có một mình, và làm công việc hết sức đơn điệu, buồn tẻ. Chỉ nghĩ đến sự cô đơn thôi đã làm ta chán nản và muốn buông bỏ. Anh chấp nhận sống và làm việc trong một hoàn cảnh, môi trường đặc biệt: Trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m, quanh năm chỉ có cỏ cây và mây mù lạnh lẽo.

Vậy mà anh lại suy nghĩ về công việc của mình vô cùng tích cực. Anh chia sẻ với ông họa sĩ : “Khi ta làm việc,ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được?.. Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi,cháu buồn chết mất”. Anh coi công việc như người bạn của mình, anh tìm thấy niềm vui trong mỗi việc làm. Chính vì tình yêu với công việc nên anh không cảm thấy cô đơn.

Anh tìm thấy những ý nghĩa trong công việc: “báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu”.Tự hào và hạnh phúc bởi anh không chỉ giúp ích cho lao động mà cả trong chiến đấu: Phát hiện một đám mây khô giúp không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Anh cảm thấy vô cùng hạnh phúc khi được cống hiến công sức nhỏ bé của mình cho đất nước, với anh thanh niên hạnh phúc là được làm việc, được cống hiến.

**Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc:** Đó là ý thức tự giác tận tụy trong công việc: Làm việc một mình trên đỉnh núi cao,không có ai giám sát song anh vẫn luôn tự giác,tận tụy: Mỗi ngày đều có 4 lần đi “ốp” để báo về nhà,không ngần ngại những đêm mưa tuyết, anh tâm sự: “ Gian khổ nhất là vào lúc 1h sáng. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn không đủ sáng. Xách đèn ra ngoài gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chực đợi mình ra là ào ào xô tới”.Với thời tiết khắc nghiệt như vậy chỉ cần một chút ngần ngại anh sẽ tặc lưỡi rồi ngủ tiếp nhưng không anh vẫn hoàn thành công việc của mình mặc cho giá rét, tuyết rơi mặc cho cái im lặng thật dề sợ “ Nó như bị chặt ra từng khúc, giống như chổi lớn quét đi tất cả ... những lúc lạnh cóng mà hừng hực như cháy. Xong việc trở vào không thể nào ngủ được”. Sự quyết tâm đã chiến thắng nỗi sợ. Sự yêu nghề và tinh thần trách nhiệm giúp anh hoàn thành tốt công việc của mình. Anh hiểu công việc của mình là móc xích quan trọng trong công việc chung của đất nước.

Tác phong làm việc khoa học,nghiêm túc,đúng giờ giấc và chính xác đến từng phút: Anh đếm từng phút trong cuộc gặp gỡ vì sợ hết ba mươi phút. Anh luôn hoàn thành xuất sắc công việc của mìnhAnh thanh niên là hiện thân cho những con người lao động mới trong công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương,đất nước thêm giàu đẹp. Có thể nói tình yêu nghề, trách nhiệm cao trong công việc và sự nhiệt tình cống hiến của anh chính là biểu hiện cho tình yêu tổ quốc.

**Không chỉ là một người biết đến công việc, ở anh thanh niên còn có tinh thần lạc quan và yêu tha thiết cuộc sống, biết sắp xếp cuộc sống một cách nề nếp khoa học.**

Anh biết tạo ra niềm vui trong cuộc sống:Một mình sống trên đỉnh núi quanh năm chỉ làm bạn với cây cỏ và sương mù lạnh lẽo gần như không có ai đến thăm, vậy mà anh không để ngôi nhà của mình trở lên bừa bộn, anh đã tạo ra không gian sống cho mình thật lí tưởng. bằng việc trồng đủ các loài hoa rực rỡ để làm đẹp cho ngôi nhà mình ở. Khi đến thăm vườn hoa của anh trồng ông họa sĩ và cô kĩ sư bất ngờ “ Đứng trong mây mù ngang tầm với chiếc cầu vồng kia bỗng nhiên lại gặp hoa dơn, hoa thược dược, vàng tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong...” vườn hoa ấy chính là bằng chính sinh động của anh về tâm hồn yêu cuộc sống của anh. Không chỉ biết trồng hoa, chăm chút vườn hoa, làm đẹp cho ngôi nhà của mình mà anh còn biết nuôi gà để cải thiện cuộc sống, vừa để tạo ra niềm vui cho mình, làn trứng anh biếu bác họa sĩ, bó hoa tặng cô kĩ sư chính là những thành quả tự tay anh chăm sóc vun trồng. Luôn tự trau rồi bản thân bằng cách đọc qua sách, để nâng cao hiểu biết và chất lượng cuộc sống.

**Không chỉ sắp xếp, tổ chức công việc một cách khoa học, mà ngay trong cuộc sống anh cũng thật gọn gàng, ngăn nắp**: Ngôi nhà anh ở được ông họa sĩ khắc họa bằng một vài đường nét “ Một căn nhà ba gian sạch sẽ với bàn ghế, sổ sách, bản đồ thống kê, máy bộ đàm. Cuộc đời riêng của anh được thu gọn lại một góc trái gian với một chiếc giường con, môt chiếc bàn học, một cái giá sách” khiến ông họa sĩ phải trầm trồ và bất ngờ. Chỉ bấy nhiêu thôi cũng đủ ta hình dung về ngôi nhà của anh. Nó tuy nhỏ bé đơn sơ, giản dị nhưng lại vô cùng gọn gàng, ngăn nắp, khoa học.

Sống ở một nơi hẻo lánh hầu như không có người đến thăm vậy mà anh vẫn chủ động sắp xếp công việc của mình một cách khoa học, bởi anh luôn có lối sống đẹp và trân trọng cái đẹp. Sống một mình nhưng anh không cảm thấy cô đơn vì bên cạnh công việc anh còn có niềm đam mê đọc sách để trau dồi cho bản thân. Anh coi sách là người bạn tâm tình. Chính vì vậy mà bác lái xe mua hộ sách “anh mừng quýnh” vì anh coi sách là món ăn tinh thần không thể thiếu. Có thể nói chính niềm lạc quan, yêu cuộc sống, yêu cái đẹp, đam mê đọc sách là động lực giúp anh vượt qua khó khăn thử thách, hoàn thành tốt công việc.

**Ở anh thanh niên ta còn bắt gặp một phẩm chất đáng quý đó là sự cởi mở, chân thành, hiếu khách luôn quý trọng tình cảm của mọi người.**

Sống một mình trên đỉnh cao nên anh được bác lái xe gọi là “ Người cô độc nhất thế gian” và mắc bệnh “ Thèm người”. Vậy nên anh luôn khao khát được trò chuyện với mọi người bằng cách lấy khúc gỗ chắn ngang đường để chặn xe lại: “ Đang đi thế này chợt thấy một khúc thân cây chặn ngang đường phải hãm lại một anh thanh niên từ từ chạy đến giúp đỡ” Thì ra anh thèm người quá nên anh thanh niên kiếm cớ để dừng xe lại nhìn và nói chuyện một lát, cái hành động ấy của anh đáng yêu và thật đáng thông cảm biết bao.

Anh còn biết quan tâm chu đáo đến những người tình cờ gặp gỡ và sẵn sàng chia sẻ yêu thương, biết vợ bác lái xe bị ốm “anh còn gửi củ tam thất để cho bác gái ngâm rượu uống”. Hành động ấy cho thấy anh luôn biết quan tâm đến mọi người. Khi gặp được người thì anh mừng đến mức tất cả cuống cuồng như không kiềm được cảm xúc: “anh chạy vụt đi,cũng tất tả như khi đến”.

Anh là một người thân thiện, cởi mở ngay cả với những người mới gặp lần đầu như ông họa sĩ và cô kĩ sư: Niềm nở, hồ hởi không giấu lòng, pha trà, tặng hoa và cả quà ăn đường. Và không dấu được lòng mình anh nói to những điều đáng nhẽ người ta chỉ nghĩ: “Bác và cô là đoàn khách thứ hai thăm nhà tôi từ tết và cô là cô gái thứ nhất từ Hà Nội lên tới nhà tôi từ bốn năm nay. Trân trọng từng giây từng phút gặp gỡ: Đếm từng phút vì sợ hết mất ba mươi phút gặp gỡ vô cùng quý báu.

**Mặc dù anh thanh niên hội tụ rất nhiều đức tính quý báu, nhưng ở anh lại có đức tính khiêm tốn:**Công việc của anh đang làm góp một phần quan trọng cho những bước chuyển mình của đất nước: phục vụ sản xuất và phục vụ chiến đấu. Nhưng anh lại cho những đóng góp của mình là vô cùng nhỏ bé so với bao người khác. Khi ông họa sĩ xin kí họa chân dung, anh từ chối, e ngại: “Không, không, đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn”.

Đã gần nửa thế kỉ trôi qua nhưng đến nay truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long vẫn còn nguyên giá trị. Tác phẩm đã cho người đọc cảm nhận rõ nét về chân dung nhân vật anh thanh niên với những nét đẹp hoàn hảo lí tưởng. Nhân vật anh thanh niên tiêu biểu cho những con người lao động ở Sa Pa nói riêng và những con người lao động trong thời đại mới nói chung. Đọc tác phẩm ta càng thêm tự hào, ngưỡng mộ và quý trọng hơn những con người đang lặng lẽ, âm thầm làm việc và cống hiến cho tổ quốc. Hình ảnh anh đã truyền cảm hứng cho bao thế hệ bạn đọc. Qua câu chuyện về anh thanh niên, về những mảnh đời lặng lẽ tưởng như thầm lặng, Nguyễn Thành Long muốn nhắn nhủ với chúng ta rằng: Hãy sống một cuộc đời có ý nghĩa không chỉ vì bản thân mà còn vì xã hội, đất nước.

**LẶNG LẼ SA PA**

**PHÂN TÍCH NHÂN VẬT ANH THANH NIÊN TRONG TRUYỆN NGẮN “ LẶNG LẼ SA PA” - NGUYỄN THÀNH LONG ( Cách 2 )**

**Nguyễn Thành Long là một cây bút chuyên viết về truyện ngắn. Ông cũng có khá nhiều tác phẩm nhưng tiêu biểu trong đó là tác phẩm Lặng Lẽ Sa Pa. Truyện ngắn này là kết quả một chuyến đi công tác ở Lào Cai năm 1970. Qua câu chuyện nhà văn muốn ca ngợi những phẩm chất của những thế hệ thanh niên cống hiến hết mình cả tuổi trẻ, tình yêu cho Tổ Quốc trong thời kì đổi mới đi lên xã hội chủ nghĩa ở Miền bắc.**

**Đến với Sa Pa Nguyễn Thành Long không quên nói đến những cảnh đẹp thiên nhiên nơi đây. Nào là ánh nắng tới đốt cháy rừng cây, mây trời thì như từng cục lăn tròn, những cây thông cao quá đầu thì rung tít trong nắng. Có thể nói chỉ cần vài nét chấm phá mà nhà văn đã mang đến cho chúng ta một khung cảnh Sa Pa có nắng, có gió, có mây và có thông. Mây gần người như rơi xuống đường cái, lăn vào cả bánh xe. Nói chúng khung cảnh ấy thật giống như một chốn bồng lai tiên cảnh. Cứ thế Sa Pa hiện lên với những vẻ đẹp trong sáng nhất, trong trẻo mộng mơ nhất. Bức tranh dường như có đủ cả đường nét, hình khối và màu sắc.**

**Xe dừng nghỉ tại chỗ và chính khoảng thời gian ấy đã khiến cho cuộc gặp gỡ giữa họ diễn ra. Họ dành cho nhau một khoảng thời gian ngắn nhưng lại có thể biết hết chỗ ở cũng như là công việc của anh thanh niên kia. Anh thanh niên xuất hiện gián tiếp qua lời nói của bác lái xe rằng anh là một người “cô độc nhất thế gian” và anh mắc bệnh “thèm người” và ông họa sĩ nếu gặp thì thế nào cũng thích vẽ cho mà xem. Và rồi không cần ai phải nói đến nữa mà họ đã dành cho nhau ba mươi phút, ông họa sĩ kịp thời vẽ một bức tranh kí họa về chân dung của anh thanh niên áy còn cô kĩ sư có chút bàng hoàng và biết ơn anh. Để rồi khi họ đi anh lại lặng lẽ một mình trong mây ngàn gió núi ấy.**

**Nhân vật anh thanh niên quả thật đã để lại trong ta biết bao nhiêu là niềm thương mến. Anh hai mươi bảy tuổi, anh sống và làm việc trên đỉnh núi cao 2600 mét. Công việc của anh là theo dõi những diễn biến của thời tiết để báo vệ bảo vệ mùa màng sản xuất cho người dân. Trách nhiệm ấy vô cùng cao cả mặc thời tiết khắc nghiệt “Nửa đêm dù mưa tuyết, gió lạnh, đúng giờ ốp thì cũng phải trở dậy ra ngoài trời làm việc”. Cũng chính vì hoàn cảnh sống ấy cho nên anh phải lặng lẽ một mình không có ai ở trên đó với anh cả. Anh sống trong cảnh heo hút, thế nhưng tâm hồn anh vẫn trẻ trung lạc quan yêu đời đến thế.Có lẽ mỗi chúng ta thấy được ở nhân vật này một tình cảm yêu công việc rất lớn. Sống trong cảnh cô đơn không có ai bên cạnh thế nhưng anh vẫn quyết tâm làm việc ở đó để cống hiến công sức của mình cho công cuộc đưa đất nước đi lên. Khi có người hỏi thì anh nói “Khi làm ta với công việc là đôi”. Có lẽ chính vì thế mà người ta thì thấy anh cô đơn còn anh thì không hề thấy điều đó. Anh không cần ai thúc giục vẫn tận tụy với công việc của mình.**

**Sống một mình như thế nhưng anh vẫn xây dựng cho mình được một nếp sống rất văn minh, sạch sẽ, gọn gàng. Cái sự gọn gàng của anh khiến cho nhiều cô gái còn phải thua xa. Chính vì thế mà ông họa sĩ và cô kĩ sư không khỏi ngạc nhiên về điều đó. Không những thế anh còn có cả trà để pha. Ngoài công việc anh còn nuôi gà, trồng hoa và thật ngạc nhiên khi anh cầm những cành hoa ấy tặng cho cô kĩ sư trẻ. Cô chỉ biết đỏ mặt ngượng nghịu  e thẹn trước hành động vô cùng ga lăng lãng mạn của anh. Anh có thói quen đọc sách và chính vì thế mà anh không hề cô độc.**

**Qua đây ta thấy anh thanh niên là một người rất cởi mở với khách, thân thiện giúp người. Anh biết vợ bác lái xe ốm thì đã đem tặng cho bác củ tam thất về cho bác gái. Chỉ cần bấy nhiêu thôi đã khiến cho ông họa sĩ cô kĩ sư có cái nhìn khâm phục anh thanh niên ấy. Anh khiêm tốn nhận những lời khen của bác lái xe như thế là không xứng đáng.**

**Về những nhân vật phụ trong truyện thì họ có vai trò làm cho nhân vật anh thanh niên hiện lên một cách tự nhiên chân thành. Bác họa sĩ thì có thêm một bức tranh chân dung tuyệt vời còn cô kĩ sư thì nhận ra sau nhưng câu chuyện của anh thanh niên về cuộc sống. Cô  nhận thấy mỗi tình bấy lâu nay của mình là nhạt nhẽo. Còn Bác lái xe thì luôn là người yêu cuộc sống và đã quá thân thiết với anh thanh niên kia.**

**Như vậy nhà văn Nguyễn Thành Long đã mang đến cho chúng ta một hình ảnh anh thanh niên hết lòng vì công việc. Anh thanh niên ấy không có một cái tên cụ thể không phải nhà văn không nghĩ ra được một cái tên cho anh mà đó là ý đố nghệ thuật. Nhà văn muốn nói tới biết bao nhiêu thanh niên cống hiến cho tổ quốc quên mình trong xã hội ấy.**

**LẶNG LẼ SA PA**

**PHÂN TÍCH NHÂN VẬT ANH THANH NIÊN TRONG TRUYỆN NGẮN “ LẶNG LẼ SA PA” - NGUYỄN THÀNH LONG ( Cách 3 )**

Nguyễn Thành Long (1925 – 1991) quê ở huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, Viết văn từ thời kì kháng chiến chống Pháp. Ông là cây bút chuyên viết truyện ngắn và kí. Ông là một cây bút cần mẫn và nghiêm túc trong lao động nghệ thuật, lại rất coi trọng thâm nhập thực tế đời sống. Sáng tác của Nguyễn Thành Long hầu như chỉ viết về những vẻ đẹp bình dị của con người và thiên nhiên đất nước. Truyện ngắn *“Lặng lẽ Sa Pa”* là kết quả của chuyến đi lên Lào Cai trong mùa hè năm 1970 của tác giả. Truyện rút từ tập *“Giữa trong xanh”* in năm 1972. Nổi bật lên trong truyện chính là nhân vật anh thanh niên với những suy nghĩ sâu sắc và lòng yêu nghề nghiệp, với cách sống đẹp, trong công việc thầm lặng một mình giữa núi cao mà vẫn không cô độc, buồn tẻ.

Anh thanh niên là nhân vật trung tâm của truyện, chỉ xuất hiện trong giây lát nhưng vẫn là điểm sáng nổi bật nhất trong bức tranh mà tác giả thể hiện.

Hoàn cảnh sống và làm việc: một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 mét, với công việc “đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày”. Công việc đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao.

Gian khổ nhất đối với anh là phải sống trong hoàn cảnh cô độc, một mình trên đỉnh núi cao hàng tháng hàng năm. Điều ấy khiến anh trở thành một trong những người “cô độc nhất thế gian” và thèm người đến nỗi thỉnh thoảng phải ngăn cây chặn đường dừng xe khách qua núi để gặp người trò chuyện.

Ý thức công việc và lòng yêu nghề của mình. Thấy được công việc lặng thầm này là có ích cho cuộc sống và cho mọi người (cụ thể khi ấy là phục vụ cho cuộc kháng chiến chống Mĩ; Góp phần bắn rơi nhiều máy bay Mĩ trên cầu Hàm Rồng, Thanh Hóa). Anh thấy cuộc sống và công việc của mình thật có ‎ ý nghĩa, thật hạnh phúc.

Yêu sách và rất ham đọc sách – những người thầy, người bạn tốt lúc nào cũng sẵn sàng bên anh.

Anh không cảm thấy cô đơn vì biết tổ chức, sắp xếp cuộc sống khoa học, ngăn nắp, chủ động, ngoài công việc anh còn chăm hoa, nuôi gà, nhà cửa và nơi làm việc nhỏ nhắn, xinh xắn, gọn gàng và khá đẹp.

Ở người thanh niên ấy còn có những nét tính cách và phẩm chất rất đáng quí: sự cởi mở, chân thành, rất quí trọng tình cảm con người, khao khát gặp gỡ mọi người.

Anh còn là người rất khiêm tốn, thành thực. Cảm thấy công việc và những lời giới thiệu nhiệt tình của bác lái xe về mình là chưa xứng đáng, đóng góp của mình chỉ là bình thường nhỏ bé so với bao nhiêu người khác. Khi ông họa sĩ muốn kí họa chân dung, anh từ chối, e ngại và giới thiệu những người khác cho ông vẽ.

Anh còn là người rất ân cần chu đáo, hiếu khách: Trao gói tam thất cho bác lái xe, tiếp đón nồng nhiệt, chân thành tự nhiên với ông học sĩ và cô kĩ sư, tặng hoa, tặng làn trứng tươi cho hai vị khách quí…

Chỉ qua một cuộc gặp gỡ ngắn ngủi, qua cảm nhận của các nhân vật khác, chân dung tinh thần của người thanh niên làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu đã hiện lên rõ nét và đầy sức thuyết phục với những phẩm chất tốt đẹp, trong sáng về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về nghề nghiệp, cuộc sống. Đó là một trong những con người lao động trẻ tuổi, làm công việc lặng lẽ mà vô cùng cần thiết, có ích cho nhân dân, đất nước.

**VĂN BẢN NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI – LÊ MINH KHUÊ**

**\* Phân tích nhân vật PHƯƠNG ĐỊNH ( Cách 1 )**

Nhắc đến khoảng trời Trường Sơn là nhắc đến biết bao sự hy sinh mất mát, nơi mà lính Mỹ đã thả bom dồn dập nhằm ngăn cản bước tiền dũng mãnh của các đoàn quân tiến về Sài Gòn giải phóng miền Nam. Nhưng Trường Sơn đâu chỉ mang trong mình bao sự thương đau, Trường Sơn con là nơi ghi dấu của những tâm hồn tự nhiên, lạc quan của những người chiến sĩ lái xe không kính, những chàng trai cô gái thanh niên xung phong đã hy sinh tuổi trẻ để cống hiến cho đất nước. Là một người đã từng gắn bó với khoảng trời bom đạn ấy, nhà văn Lê Minh Khuê đã khai thác đề tài quen thuộc đã làm nên nhiều tên tuổi lớn trân văn đàn chống Mỹ nhưng cùng với sự sáng tạo và một chút lãng mạn của mình, “Những ngôi sao xa xôi” của bà, đã khắc họa hình ảnh của những cô gái thanh niên xung phong, mà tiêu biểu là nhân vật Phương Định với những vẻ đẹp hồn nhiên vốn có của tuổi trẻ Việt Nam trong thời chống Mỹ.

Câu chuyện kể về ba cô gái, ba cô gái thanh niên xung phong Nho, Thao và Phương Định, sống trên một cao điểm giữa mênh mông khói bụi Trường Sơn, nơi mà “màu đất đỏ, trắng lẫn lộn”. Công việc của họ là “ngôi đây”,”khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hồ bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom”. Trong lúc đơn vị thường làm việc khi mặt trời lặn, thì tổ trinh sát lại làm việc ban ngày, khi thần chết luôn “lẩn trong ruột những quả bom”, khi mà lính Mỹ thả bom nhiều nhất và cái chết luôn theo sát ba cô gái ấy.

Phương Định là một cô gái Hà Nội, “một cô gái khá”. Cô có vẻ bề ngoài đáng yêu trẻ trung và xinh xắn, “ hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn”, còn đôi mặt thì có “cái nhìn sao mà xa xăm”. Những nét đẹp của cô đã được những anh lái xe để ý đến, bằng chứng là những bức thư dài gửi đường dây mặc dù có thể chào nhau hằng ngày, nhưng Phương Định cũng không săn sóc vồn vã, cô gái vẫn hay đứng ra xa, khoanh tay trước mặt và nhìn đi nơi khác mỗi khi một đám con gái xúm lại đối đáp với một anh bộ đội nói giỏi nào đấy.

Tâm hồn cô giữa khoảng trời Trường Sơn thật làm cho người ta thật ngạc nhiên. Cô mê hát, “thường cứ thuộc một điệu nhạc nào đó rồi bịa ra lời mà hát”, lời cô bịa lộn xộn ngớ, ngẩn ngởn đến không ngờ, đôi lúc nó cũng làm cho cô bò ra mà cười một mình, cô thích “những bài hành khúc bộ đội hay hát trên những ngả đường mặt trận”, cô thích “dân ca quan họ mềm mại dịu dàng” và kể cả “Ca-chiu-sa của Hồng quân Liên Xô”, “ ngồi bó gối mơ màng: “Về đây khi mái tóc còn xanh xanh””. Và Phương Định hát khi có sự im lặng không bình thường, “tiếng máy bay trinh sát rè rè”, cô hát để cổ động viên hai người đồng đội Nho, Thao và cũng là hát để động viên chính bản thân mình. Chính những lúc mê hát ấy đã làm cô quên đi cái sự buồn chán của cuộc sống Trường Sơn, quên đi mùi khói bom đạn mà cô vẫn tiếp xúc hằng ngày, và đó cũng là bước đà để cô có được một tâm hồn mơ mộng khi cơn mưa đá vừa ập đến. Mang theo tuổi trẻ của mình vào Trường Sơn, Phương Định còn mang theo cả những kỉ niệm đẹp về góc phố Hà Nội của mình, đó là hình ảnh người mẹ, cái cửa sổ, tiếng rao của bà bán xôi có cái mủng đội trên đầu, kể cả những cú sút vô tội vạ của bọn trẻ con trong một góc phố. Cơn mưa đá đi nhanh cũng như lúc nó vừa đến, nhưng lại mang những dòng kí ức tuổi thơ về cho Phương Định, và tất cả như xoáy mạnh trong tâm trí cô. Có lẽ chính những điều ấy đã tiếp thêm sức mạnh cho cô gái, để cô luôn nghĩ rằng, gia đình, bạn thân và cả những kỉ niệm kia sẽ luôn theo cô trong suốt quãng đời ở Trường Sơn.

Tâm hồn, tính cách của Phương Định hồn nhiên như thế, nhưng nổi bật lên trên tất cả vẫn là tinh thần dũng cảm, vượt lên trên hiểm nguy luôn ẩn chứa trong thân hình nhỏ bé của cô gái Hà Nội kia. Đó là những lúc mà bom của giặc Mỹ vẫn còn chưa nổ, và cô phải làm nhiệm vụ của mình, còn thần chết thì có vẻ vẫn đang “lẩn trong ruột những quả bom” chờ đợi cô. Tuy vậy, Phương Định vẫn tỏ ra thật bình thản, cái chết thì cô có nghĩ đến nhưng lại là “một cái chết mờ nhạt, không cụ thể”, mà cô quan tâm nhất là liệu bom có nổ hay không, không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai, cô luôn đặt nhiệm vụ của mình lên hàng đầu. Và trong những lúc phá bom như vậy, ta vẫn còn thấy thấp thoáng cái sự nhạy cảm, tinh tế trong cảm xúc của cô, “một tiếng động sắc đến gai người, cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! ! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành.”, phải là một người bình tĩnh mới có dược những cảm nhận chân thực như vậy. Chính những lúc đó, ta mới thấy được cái sự dũng cảm của cô gái. Công việc không có một chút gì là an toàn, nhưng do “quen rồi”, ngày nào cũng phải phá bom đến năm lần, ngày nào ít thì ba lần, mà Phương Định luôn cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Và trong cái sự dũng cảm ấy, ta vẫn thấy Phương Định luôn thường trực một tình cảm đồng chí đồng đội nồng ấm và chân thành. Đó là tấm lòng vị tha với mọi người mà cô quan tâm, cô lo lắng khi Thao lên cao điểm chưa về, cô tận tình, vỗ về chăm sóc Nho khi cô ấy bị thương lúc phá bom. Ngược lại, chính tình cảm đồng chí đồng đội, đã làm cho Phương Định thêm một chút tự tin, ấm lòng khi được sống giữa tình yêu thương của mọi người. Hiểu được công việc của mình là gian khổ, nhưng Phương Định vẫn luôn ngưỡng mộ “những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ” bởi họ là những đẹp nhất, thông mình, can đảm và cao thượng nhất. Những lúc chạy đi phá bom, vẫn mang một chút lo sợ trong người, nhưng nhờ những cái nhìn của những người chiến sĩ, đã dập tan đi nỗi sợ trong cô và chỉ còn một mục tiêu hoàn thành nhiệm vụ, “ cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ dõi theo mình, tôi không sợ nữa”.

Mang trong mình những phẩm chất cao đẹp, Phương Định xứng đáng là biểu tượng của những cô gái thanh niên thời chồng Mỹ, là hình tượng người con gái Việt Nam trong thời gian chiến đấu, là đại diện của thế hệ trẻ Việt Nam thời kháng chiến chống Mỹ. Cũng giống như tựa đề “Những ngôi sao xa xôi”, những con người được ví như vì sao lấp lánh giữa bầu trời đêm, mang trong mình những phẩm chất đáng quý, “xa xôi” là bởi vì phải ngắm nhìn thật kỹ thì mới có thể thấy được những tâm hồn cao đẹp ấy.

**Phân tích nhân vật Phương Định trong truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" của Lê Minh Khuê. ( Cách 2 )**

**Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê lại đem đến cho người đọc những cảm xúc mới mẻ về hình ảnh những nữ thanh niên xung phong trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt. Họ vừa mang vẻ đẹp của những cô gái tuổi mười tám, đôi mơi hồn nhiên giàu mộng mơ, lại vừa mang vẻ đẹp của người lính giữa chiến trường gan dạ, dũng cảm không sợ hi sinh. In đậm nhất trong tâm trí bạn đọc là hình ảnh nhân vật chính, cô thanh niên xung phong, cô “hoa hậu” trong lòng bom đạn – Phương Định.  
 Ấn tượng sâu đậm nhất mà Lê Minh Khuê để lại trong lòng bạn đọc ở “Những ngôi sao xa xôi” là hình ảnh những con người dũng cảm, có tinh thần trách nhiệm cao, có tình đồng chí, đồng đội sáng ngời, có tâm hồn trong trẻo, giàu mơ mộng, và nhạy cảm. Tất cả những vẻ đẹp ấy được thể hiện tập trung nhất ở nhân vật Phương Định, và chủ yếu qua đời sống nội tâm của cô.  
 Hoàn cảnh sống và chiến đấu đầy gian khổ: Phương Định cùng những người đồng đội của mình ở trong một cái hang dưới chân cao điểm, giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung nhiều nhất bom đạn, sự nguy hiểm và ác liệt, từng ngày từng giờ phải đối mặt với bom rơi, đạn nổ. Có biết bao thương tích vì bom đạn giặc: “Đường bị đánh lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn. Hai bên đường không có lá xanh. Chỉ có những thân cây bị tước khô cháy. Những cây nhiều rễ nằm lăn lóc. Những tảng đá to. Một vài cái thùng xăng hoặc thành ô tô méo mó, han gỉ nằm trong đất”. Đó là hiện thực đầy mùi chiến tranh, không có màu xanh của sự sống, chỉ thấy thần chết luôn rình rập.  
 Công việc của các cô đặc biệt nguy hiểm. Họ phải chạy trên cao điểm giữa ban ngày, phơi mình ra giữa vùng trọng điểm đánh phá của máy bay địch để đo và ước tính khối lượng đất đá lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Nhiệm vụ của họ thật quan trọng nhưng cũng đầy gian khổ, hi sinh, phải mạo hiểm với cái chết, luôn căng thẳng thần kinh, đòi hỏi sự dũng cảm và bình tĩnh hết sức.  
 Cuộc sống gian khổ giữa chiến trường ác liệt, công việc đầy nguy hiểm và luôn phải đối mặt với cái chết, nhưng Phương Định vẫn giữ được sự hồn nhiên, trong sáng của tuổi trẻ, luôn thể hiện tinh thần dũng cảm không sợ hi sinh, lòng lạc quan và tình đồng đội gắn bó sâu sắc. Cô ngời sáng lên vẻ đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu, vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mĩ.  
 Vẻ đẹp của nhân vật Phương Định được tỏa sáng ở lí tưởng sống cao đẹp và tinh thần dũng cảm, không sợ gian khổ, hi sinh  
 Rời ghế nhà trường phổ thông, Phương Định xung phong ra mặt trận. Đối mặt với nguy hiểm, cô và những người đồng đội của mình thật sự là những anh hùng. Phương Định nghĩ về hoàn cảnh sống nơi đây một cách giản dị và cho là có cái thú riêng: “Có ở đâu như thế này không: đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ì xa dần. Thần kinh căng như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn biết rằng khắp chung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa. Nhưng nhất định sẽ nổ…”. Công việc phá bom đầy nguy hiểm và phải luôn đối mặt với thần chết được cô kể với giọng điệu bình thản, pha sự hóm hỉnh: “Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần”.   
 Đặc biệt, hi sinh mất mát của bản thân cũng được Phương Định coi hết sức nhẹ nhàng: “Tôi bây giờ vẫn còn một vết thương chưa lành miệng ở đùi. Tất nhiên Tôi không vào viện quân y”. Nếu không có cái nhìn lạc quan và một tinh thần dũng cảm thì Phương Định không thể có cách nói bình thản như thế.  
 Cuộc sống nơi chiến trường luôn đối mặt với thử thách, nguy hiểm và cái chết đã tôi luyện ở Phương Định lòng quả cảm, không sợ hi sinh. Tâm lí Phương Định trong một lần phá bom được miêu tả rất cụ thể, tinh tế đến từng cảm giác. Khung cảnh và không khí chưa đầy sự căng thẳng nhưng Phương Định vẫn có nét tâm lí rất con gái, cảm giác: “Có ánh mắt các chiến sĩ dõi theo mình” để rồi sự dũng cảm ở cô như được kích thích bởi lòng tự trọng: “Tôi đến gần quả bom,… tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom”. Ở bên quả bom, cận kề với cái chết im lìm và bất ngờ, từng cảm giác của con người cũng trở nên sắc nhọn: “Thỉnh thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người, cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành”. Tiếp đó, là cái giây phút căng thẳng chờ đợi tiếng nổ của quả bom. Phương Định có nghĩ đến cái chết nhưng là “một cái chết mờ nhạt, không cụ thể”, còn cái chính vẫn là: “liệu mìn có nổ, bom có nổ không?”. Đây là một trách nhiệm rất cao trong công việc, là lòng dũng cảm vô song.  
 Nét nổi bật và cũng là điểm hấp dẫn nhất ở Phương Định chính là vẻ đẹp của một tâm hồn trong sáng, hồn nhiên và mơ mộng: Phương Định là nữ sinh của thủ đô thanh lịch bước vào chiến trường. Những hoài niệm của cô về thời học trò thật đáng yêu. Người con gái với những mơ mộng: nằm dài trên nền ẩm, lười biếng nheo mắt nghe ca nhạc từ cái đài bán dẫn nhỏ, có thể nghe, có thể nghĩ ngợi lung tung… Phương Định mê hát và thích nhiều bài hát: những bài hành khúc bộ đội hay hát trên những ngả đường mặt trận; thích dân ca quan họ mềm mại, dịu dàng; thích ngồi bó gối mơ màng trước lời bài hát dân ca Ý trữ tình… Thích hát, Phương Định còn bịa ra lời mà hát, ngồi dựa vào thành đá và khe khẽ hát. Rõ ràng, thích hát là nét tâm lí của thời đại – cái thời tiếng hát át tiếng bom, nhưng đây cũng là nét cá tính ở Phương Định hé lộ vẻ đẹp phong phú của tâm hồn. Trong tiếng hát, có ý thức về lý tưởng, có khao khát về quê hương, tình yêu của tuổi trẻ và có cả khát vọng được trở về cuộc sống thanh bình. Cũng như bao cô gái mới lớn, Phương Định rất nhạy cảm và quan tâm đến hình thức của mình. Phương Định đẹp với “hai bím tóc dày tương đối mềm, một cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn” và “đôi mắt nâu nâu dài dài hay nheo lại như chói năng, hay có cái nhìn xa xăm”. Biết mình đẹp, cô thích ngắm mình trong gương. Lê Minh Khuê đã rất tinh tế khi phát hiện ra cái nét tâm lí kiêu ngầm ấy ở Phương Định. Chính nét tâm lí rất đời thường, rất con gái này khiến nhân vật Phương Định càng trở nên gần gũi, chân thực và đáng yêu.  
 Vẻ đẹp tâm hồn Phương Định ngời sáng nhất khi cơn mưa đá bất ngờ ập đến. Chỉ một cơn mưa đá mà bao ngột ngạt, căng thẳng, hiểm nguy của chiến trường tan biến, để nhường chỗ cho niềm vui con trẻ òa nở, cuống cuồng:” Mưa đá!Cha mẹ ơi!Mưa đá!”. Chỉ một trận mưa đá vụt đi qua cũng đánh thức ở Phương Định rất nhiều kỉ niệm và nỗi nhớ về thành phố, quê hương, về gia đình, về tuổi thơ thanh bình của mình. Sau cái say sưa của niềm vui con trẻ là nỗi nhớ da diết khôn nguôi.**

**Ở Phương Định nét đẹp còn được ngời sáng trong tình đồng đội thắm thiết. Cô luôn yêu thương trìu mến và quan tâm đến đồng đội. Cô lo lắng cho chị Thao và Nho lên cao điểm chưa về đến nỗi “nói như gắt vào máy” khi đại đội trưởng hỏi tình hình. Cô hiểu chị Thao và Nho như biết về những chị em ruột thịt. Đó là chị Thao sợ máu và vắt nhưng khi chiến đấu lại rất dũng cảm. Trong cuộc việc, ai cũng gờm chị bởi sự bình tĩnh, cương quyết, táo bạo. Với Nho, cô em út của tổ trinh sát thì Phương Định rất muốn bế trên tay. “trông nói nhẹ mát như một que kem trắng. Biết bao trìu mến, yêu thương trong cái nhìn ấy. Khi Nho bị thương, cô vỗ về và chăm sóc như một người y tá: “moi đất, bế Nho đặt lên đùi”,”rửa cho Nho bằng nước đun sôi trên bếp than”,”tiêm cho Nho” rồi “pha sữa trong cái ca sắt…”. Đặc biệt, cô dành tình yêu và niềm cảm phục cho tất cả những chiến sĩ mà cô gặp ngày đêm trên con đường ra mặt trận. Với cô “những người đẹp nhất, thông minh, cam đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ”.  
 Đọc truyện ngắn "Những ngôi sao xa xôi" khám phá vẻ đẹp nhân vật Phương Định, ta yêu mến, tự hào về các cô thanh niên xung phong, Phương Định, Nho,chị Thao, mười cô gái ngã ba Đồng Lộc và bao nhiêu cô gái mở đường khác trên tuyến lửa Trường Sơn đã “Xẻng tay mà viết nên trang sử hồng” (Tố Hữu). Vẻ đẹp của họ mãi mãi tỏa sáng như vì sao lấp lánh trên bầu trời, trong sự cảm phục và lòng biết ơn của cả dân tộc.**

**Phân tích nhân vật Phương Đinh qua truyện ngắn “ Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê ( Cách 3 )**

**Lê Minh Khuê là nhà văn có sở trường về truyện ngắn với ngòi bút miêu tả tâm lí tinh tế, sắc sảo, đặc biệt là tâm lý nhân vật phụ nữ. Những tác phẩm của Lê Minh Khuê đều viết về cuộc sống chiến đấu của nữ thanh niên xung phong và bộ đội trên tuyến đường Trường Sơn. Một trong những tác phẩm của Lê Minh Khuê để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc là truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” truyện viết năm 1971 lúc cuộc chiến kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra ác liệt, truyện viết về ba cô gái tổ trinh sát mặt đường, nổi bật nhất là hình ảnh nhân vật Phương Định với tâm hồn trong sáng, lạc quan, hồn nhiên và dũng cảm trong cuộc sống đầy gian khổ.**

**Phương Định, Nho và chị Thao là một tổ trinh sát mặt đường. Cô cùng đồng đội ở trong một cái hang dưới chân cao điểm giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn. Nơi tập trung nhất bom đạn sự nguy hiểm và ác liệt. Công việc của cô và đồng đội đặc biệt nguy hiểm: “chạy trên cao điểm cả ban ngày, phơi mình ra giữa vùng trọng điểm đánh phá của máy bay địch, sau mỗi trận bom phải lao ra trọng điểm để đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm những quả bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom đó là công việc phải mạo hiểm với cái chết, đòi hỏi sự dũng cảm và bình tĩnh hết sức.**

**Mặc dù sống ở một nơi khói lửa, bom đạn khốc liệt của chiến tranh, làm công việc nguy hiểm như vậy nhưng không định vẫn gợi lên vẻ đẹp tâm hồn trong sáng. Vẻ đẹp đầu tiên người đọc cảm thấy ở những thanh niên này là sự nhạy cảm và mơ mộng. Phương Định là cô gái Hà Nội còn rất trẻ vào chiến trường đã được ba năm. Cô từng có một thời học sinh thật hồn nhiên vô tư bên người mẹ, một căn buồng nhỏ ở thành phố yên tĩnh trước chiến tranh. Những kỷ niệm ấy luôn sống lại ngay trong chiến trường dữ dội, chỉ một cơn mưa đá vụt qua, sau trận phá bom đầy nguy hiểm đã làm thức dậy trong cô bao kỷ niệm, cơn mưa đá bất ngờ đã làm thức dậy những kỉ niệm về thành phố gia đình, về tuổi thơ thanh bình của cô. Những kỷ niệm ấy vừa là niềm khao khát, vừa làm dịu mát trong tâm hồn cô trong hoàn cảnh căng thẳng, khốc liệt của chiến tranh.**

**Vào chiến trường đã được ba năm đã quen với thử thách và nguy hiểm, giáp mặt hàng ngày với cái chết nhưng Phương Định không mất đi sự hồn nhiên, trong sáng và những ước mơ về tương lai Phương Định vẫn là cô gái hồn nhiên hay mơ mộng và thích hát. Cô đêm cả niềm say mê ca hát và chiến trường khốc liệt: “Tôi mê hát thường cứ thuộc một điệu nào rồi bịa ra lời bài hát”, “ Tôi thích hát những bài hát hành khúc bộ đội, hay hát trên những ngả đường mặt trận…”, “ thích ngồi bó gối mơ mộng và hát”. Dưới cơn mưa đá cô vui thích cuống cuồng, say sưa, tận hưởng cơn mưa đá một cách hồn nhiên, thích thú như chưa từng nghe thấy bom rơi, đạn nổ “Tôi chạy vào bỏ trên bàn tay đang xòe ra của Nho mấy viên đá nhỏ”. Đó chính là sự hồn nhiên, trong sáng, đáng yêu của nhân vật Phương Định.**

**Ở Phương Định còn có nét điệu đà, hồn nhiên, duyên dáng của một cô gái mới lớn. Phương Định nhạy cảm và quan tâm đến hình thức của mình cô tự đánh giá: “Nói một cách khiêm tốn tôi cũng là một cô gái khá với hai bím tóc dày tương đối mềm, một cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn, còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo cô có cái nhìn sao mà xa xăm!”. Cô mang một vẻ đẹp nữ tính và có chiều sâu. Chính vì thế cô thích ngắm mình trong gương, cô biết mình được nhiều người để ý, nhất là các anh lính để ý và có thiện cảm điều đó làm cho cô vui và tự hào. Nhưng cô chưa dành tình cảm cho ai. Nhạy cảm nhưng cô không bộc lộ tình cảm của mình mà tỏ ra kín đáo giữa đám đông như kiêu kỳ: “Tôi không săn sóc vồn vã khi bọn con gái xúm lại nhau đối đáp với một anh bộ đội nói giỏi nào đấy, tôi thường đứng ra khoanh tay trước ngực nhìn đi nơi khác, môi mím chặt”.**

**Cũng giống như hai người đồng chí đồng đội, Phương Định yêu mến những người trong tổ và cả đơn vị mình, cô hiểu được sở thích của Nho, đó là Nho thích ăn kẹo khi tắm dưới suối lên. Với chị Thao, Phương Định rất hiểu chị, hiểu nỗi lo lắng của chị, hiểu từng sở thích của chị “chị thích thêu thùa, thích tỉa lông mày”, Phương Định hiểu rằng trong công việc chị rất kiên định, táo bạo. Nhưng trong đời thường chị lại rất sợ máu và vắt. Khi Nho bị thương Phương Định đã chăm sóc Nho chu đáo như chăm sóc một đứa em, rửa vết thương băng bó sức vết thương, pha sữa cho Nho, đặc biệt cô dành tình yêu và cảm phục cho tất cả những chiến sĩ cô đã có mặt trên trọng điểm, trên con đường ra mặt trận: “Thực tình trong suy nghĩ của tôi những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục có một ngôi sao trên mũ” . Chính những tình cảm đó đã khiến cô làm công việc có tinh thần, trách nhiệm hơn, bình tĩnh hơn, đồng thời cũng làm cho người đọc xúc động hơn.**

**Mặc dù là một cô gái trẻ, mơ mộng, nữ tính nhưng Phương Định lại là một cô gái có phẩm chất anh hùng. Là một nữ sinh Phương Định xung phong ra mặt trận cùng thế hệ của mình “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước” để giành độc lập cho tổ quốc. Phương Định là người có tinh thần trách nhiệm cao với công việc. Cô nhận nhiệm vụ phá bom đầy nguy hiểm như một việc làm quen thuộc hàng ngày, khi nói về công việc của mình gọn gàng, nhẹ nhàng như không; “ Công việc của chúng tôi là ngồi đấy khi có bom nổ thì chạy lên” , cô nghĩ về công việc của mình quá giản dị như một thứ riêng: “Có ở đâu như thế này không, đất bốc khói, không khí bàng hoàng máy bay đang ầm ĩ xa dần.**

**Đặc biệt trong cảnh phá bom, Phương định còn thể hiện lên là một cô gái dũng cảm, gan dạ bình tĩnh, tự tin và rất tự trọng. Bởi đó là những bản chất của cô, mặc dù đã quen với công việc phá bom đầy nguy hiểm, thậm chí một ngày phải đến 5 quả bom nhưng mỗi lần vẫn là một thử thách và kiên với thần kinh cho đến từng cảm giác. Lúc đến gần quả bom: “ Trong không khí vắng lặng đến phát sợ “. Nhưng rồi một cảm giác đến với cô làm cô không sợ nữa, “Cảm giác ánh mắt của các chiến sĩ đang dõi theo mình, tôi không sợ nữa, tôi sẽ không đi khom”. Ở trên quả bom kề sát với cái chết im lìm và bất ngờ từng cảm giác của con người như cũng trở nên sắc nhọn hơn: “Thỉnh thoảng lưỡi xẻng lại chạm vào quả bom. Một tiếng động sắp đến gai người, cứa vào da thịt tôi, tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm”. Chính vì thế cô tự động viên mình nhanh lên một tí ! vỏ quả bom nóng một dấu hiệu chẳng lành lòng dũng cảm và sự bình tĩnh khiến cô hành động thật mau lẹ và chính xác: “Tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mìn vào cái lỗ đã đào, châm ngòi. Tôi khỏa lấp rồi chạy đến chỗ ẩn nấp của mình” và tiếp tục đó là cảm giác căng thẳng chờ đợi tiếng nổ của quả bom “Tôi lép mình vào bức tường nhìn đồng hồ tim tôi cũng đập không rõ. Dường như vật duy nhất khiến tôi bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung là chiếc đồng hồ” . Khi nguy hiểm kể bên cô, cô có nghĩ đến cái chết, nhưng điều ấy chỉ thoảng qua rất mờ nhạt cụ thể: “ Tôi nghĩ tới cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể… lần 2” chính suy nghĩ đó khiến cô đứng vững hơn. Như vậy sự khốc liệt của chiến tranh đã tôi luyện tâm hồn vốn nhạy cảm, mơ mộng thành một bản lĩnh dũng cảm, gan dạ. Qua dòng suy nghĩ của Phương Định người đọc không chỉ thấy được sự tỏa sáng của phẩm chất anh hùng mà còn hình dung được thế giới nội tâm phong phú của cô.**

**Phương Định cũng như Nho và chị Thao là hình ảnh tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mỹ cứu nước. Phương vịnh tiêu biểu cho hàng bạn thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn chiến đấu hi sinh quên mình, giữ gìn mạch máu giao thông từ hậu Phương lớn miền Bắc và tiền tuyến lớn Miền Nam.**

**Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” được trần thuật ở ngôi thứ nhất. người kể chuyện cũng là nhân vật chính đã tạo ra một điểm nhìn phù hợp để miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế. Ngòi bút của Lê Minh Khuê đã miêu tả chân thực, sinh động tâm lí nhân vật, làm hiện lên thế giới nội tâm phong phú nhưng trong sáng, không phức tạp. Nhân vật Phương Định hiện lên là một cô gái có tâm hồn trong sáng, mơ mộng đẩy dũng cảm. Chúng ta luôn tự hào về những chiến sĩ những thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn như Phương Định và đồng đội của cô. Chúng ta cần yêu mến, tự hào về họ bao nhiêu, thế hệ trẻ chúng ta cần phải kế thừa phát huy truyền thống cách mạng của cha anh.**

Phân tích văn bản nhân vật Phương Định ( Cách 4 )

Nhắc đến khoảng trời Trường Sơn là nhắc đến biết bao sự hy sinh mất mát, nơi mà lính Mỹ đã thả bom dồn dập nhằm ngăn cản bước tiền dũng mãnh của các đoàn quân tiến về Sài Gòn giải phóng miền Nam. Nhưng Trường Sơn đâu chỉ mang trong mình bao sự thương đau, Trường Sơn con là nơi ghi dấu của những tâm hồn tự nhiên, lạc quan của những người chiến sĩ lái xe không kính, những chàng trai cô gái thanh niên xung phong đã hy sinh tuổi trẻ để cống hiến cho đất nước. Là một người đã từng gắn bó với khoảng trời bom đạn ấy, nhà văn Lê Minh Khuê đã khai thác đề tài quen thuộc đã làm nên nhiều tên tuổi lớn trân văn đàn chống Mỹ nhưng cùng với sự sáng tạo và một chút lãng mạn của mình, “Những ngôi sao xa xôi” của bà, đã khắc họa hình ảnh của những cô gái thanh niên xung phong, mà tiêu biểu là nhân vật Phương Định với những vẻ đẹp hồn nhiên vốn có của tuổi trẻ Việt Nam trong thời chống Mỹ.

Câu chuyện kể về ba cô gái, ba cô gái thanh niên xung phong Nho, Thao và Phương Định, sống trên một cao điểm giữa mênh mông khói bụi Trường Sơn, nơi mà “màu đất đỏ, trắng lẫn lộn”. Công việc của họ là “ngồi đây”,”khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hồ bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom”. Trong lúc đơn vị thường làm việc khi mặt trời lặn, thì tổ trinh sát lại làm việc ban ngày, khi thần chết luôn “lẩn trong ruột những quả bom”, khi mà lính Mỹ thả bom nhiều nhất và cái chết luôn theo sát ba cô gái ấy. Công việc của họ là công việc quan trọng và cũng đầy gian khổ hy sinh, đòi hỏi tinh thần dũng cảm, sự nhạy bén quyết đoán và sự nhanh nhẹn. Trong hoàn cảnh ấy, ta mới thấy sáng ngời lên là những phẩm chất cao đẹp của ba nhân vật, và đặc biệt là Phương Định, nhân vật chính của truyện.

Phương Định là một cô gái Hà Nội, “một cô gái khá”, chỉ vừa mới bước ra khỏi cuộc đời hồn nhiên vô tư lự của mình. Cô có vẻ bề ngoài đáng yêu trẻ trung và xinh xắn, “ hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn”, còn đôi mặt thì có “cái nhìn sao mà xa xăm”. Những nét đẹp của cô đã được những anh lái xe để ý đến, bằng chứng là những bức thư dài gửi đường dây mặc dù có thể chào nhau hằng ngày, nhưng Phương Định cũng không săn sóc vồn vã, cô gái vẫn hay đứng ra xa, khoanh tay trước mặt và nhìn đi nơi khác mỗi khi một đám con gái xúm lại đối đáp với một anh bộ đội nói giỏi nào đấy. Một hành động đó thôi đã làm Phương Định trở nên thật kiêu kì, cái điệu của cô thật đáng yêu và cũng thật phù hợp với một người con gái như vậy.

Tâm hồn cô giữa khoảng trời Trường Sơn thật làm cho người ta thật ngạc nhiên. Cô mê hát, “thường cứ thuộc một điệu nhạc nào đó rồi bịa ra lời mà hát”, lời cô bịa lộn xộn ngớ, ngẩn ngởn đến không ngờ, đôi lúc nó cũng làm cho cô bò ra mà cười một mình, cô thích “những bài hành khúc bộ đội hay hát trên những ngả đường mặt trận”, cô thích “dân ca quan họ mềm mại dịu dàng” và kể cả “Ca-chiu-sa của Hồng quân Liên Xô”, “ ngồi bó gối mơ màng: “Về đây khi mái tóc còn xanh xanh””. Và Phương Định hát khi có sự im lặng không bình thường, “tiếng máy bay trinh sát rè rè”, cô hát để cổ động viên hai người đồng đội Nho, Thao và cũng là hát để động viên chính bản thân mình. Chính những lúc mê hát ấy đã làm cô quên đi cái sự buồn chán của cuộc sống Trường Sơn, quên đi mùi khói bom đạn mà cô vẫn tiếp xúc hằng ngày, và đó cũng là bước đà để cô có được một tâm hồn mơ mộng khi cơn mưa đá vừa ập đến. Mang theo tuổi trẻ của mình vào Trường Sơn, Phương Định còn mang theo cả những kỉ niệm đẹp về góc phố Hà Nội của mình, đó là hình ảnh người mẹ, cái cửa sổ, tiếng rao của bà bán xôi có cái mủng đội trên đầu, kể cả những cú sút vô tội vạ của bọn trẻ con trong một góc phố. Cơn mưa đá đi nhanh cũng như lúc nó vừa đến, nhưng lại mang những dòng kí ức tuổi thơ về cho Phương Định, và tất cả như xoáy mạnh trong tâm trí cô. Có lẽ chính những điều ấy đã tiếp thêm sức mạnh cho cô gái, để cô luôn nghĩ rằng, gia đình, bạn thân và cả những kỉ niệm kia sẽ luôn theo cô trong suốt quãng đời ở Trường Sơn.

Tâm hồn, tính cách của Phương Định hồn nhiên như thế, nhưng nổi bật lên trên tất cả vẫn là tinh thần dũng cảm, vượt lên trên hiểm nguy luôn ẩn chứa trong thân hình nhỏ bé của cô gái Hà Nội kia. Đó là những lúc mà bom của giặc Mỹ vẫn còn chưa nổ, và cô phải làm nhiệm vụ của mình, còn thần chết thì có vẻ vẫn đang “lẩn trong ruột những quả bom” chờ đợi cô. Tuy vậy, Phương Định vẫn tỏ ra thật bình thản, cái chết thì cô có nghĩ đến nhưng lại là “một cái chết mờ nhạt, không cụ thể”, mà cô quan tâm nhất là liệu bom có nổ hay không, không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai, cô luôn đặt nhiệm vụ của mình lên hàng đầu. Và trong những lúc phá bom như vậy, ta vẫn còn thấy thấp thoáng cái sự nhạy cảm, tinh tế trong cảm xúc của cô, “một tiếng động sắc đến gai người, cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! ! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành.”, phải là một người bình tĩnh mới có dược những cảm nhận chân thực như vậy. Chính những lúc đó, ta mới thấy được cái sự dũng cảm của cô gái. Công việc không có một chút gì là an toàn, nhưng do “quen rồi”, ngày nào cũng phải phá bom đến năm lần, ngày nào ít thì ba lần, mà Phương Định luôn cố gắng hoàn thành nhiệm vụ của mình.

Và trong cái sự dũng cảm ấy, ta vẫn thấy Phương Định luôn thường trực một tình cảm đồng chí đồng đội nồng ấm và chân thành. Đó là tấm lòng vị tha với mọi người mà cô quan tâm, cô lo lắng khi Thao lên cao điểm chưa về, cô tận tình, vỗ về chăm sóc Nho khi cô ấy bị thương lúc phá bom. Ngược lại, chính tình cảm đồng chí đồng đội, đã làm cho Phương Định thêm một chút tự tin, ấm lòng khi được sống giữa tình yêu thương của mọi người. Hiểu được công việc của mình là gian khổ, nhưng Phương Định vẫn luôn ngưỡng mộ “những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ” bởi họ là những đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất. Những lúc chạy đi phá bom, vẫn mang một chút lo sợ trong người, nhưng nhờ những cái nhìn của những người chiến sĩ, đã dập tan đi nỗi sợ trong cô và chỉ còn một mục tiêu hoàn thành nhiệm vụ, “ cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ dõi theo mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi mà có thể đàng hoàng mà bước tới”.

Trong truyện ngắn, nhân vật kể chuyện cũng là nhân vật chính, điều đó giúp cho tác phẩm càng trở nên chân thực.Mang trong mình những phẩm chất cao đẹp, Phương Định xứng đáng là biểu tượng của những cô gái thanh niên thời chồng Mỹ, là hình tượng người con gái Việt Nam trong thời gian chiến đấu, là đại diện của thế hệ trẻ Việt Nam thời kháng chiến chống Mỹ. Cũng giống như tựa đề “Những ngôi sao xa xôi”, những con người được ví như vì sao lấp lánh giữa bầu trời đêm, mang trong mình những phẩm chất đáng quý, “xa xôi” là bởi vì phải ngắm nhìn thật kỹ thì mới có thể thấy được những tâm hồn cao đẹp ấy.

PHÂN TÍCH BÀI THƠMÙA XUÂN NHO NHỎ

**Thanh Hải là một nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Là con người tài hoa, giàu sức sống nghệ thuật và lắng nghe được nhiều âm thanh của cuộc sống, Thanh Hải đã dâng cho đời nhiều áng thơ có giá trị. Ngòi bút của ông đã góp phần xây dựng nền văn học cách mạng ở miền Nam từ những ngày đầu.**

**Bài thơ Mùa xuân nho nhỏ là tâm sự của ông trong những ngày cuối của cuộc đời. Tình cảm dạt dào và suy nghĩ sâu lắng trong tâm tư của ông đã gởi gắm vào bài thơ. Đó là tình yêu đất nước bao la, niềm yêu mến thiết tha đối với cuộc sống đang bước vào thời kì xây dựng.**

**Mở đầu bài thơ, Thanh Hải đưa ta về với thiên nhiên tươi đẹp, về với đất trời đang bước vào mùa xuân mới:**

**Mọc giữa dòng sông xanh,   
 Một bông hoa tím biếc,   
 Ơi con chim chiền chiện   
 Hót chi mà vang trời.**

**Mùa xuân được miêu tả bằng những hình ảnh dòng sông xanh, bông hoa tím biếc cùng với tiếng hót trong trẻo của chim chiền chiện. Cảnh mùa xuân ấy gợi ra một không gian tươi mát, dịu dàng và đằm thắm. Cảnh vật mùa xuân đã làm tác giả dâng lên một niềm cảm xúc. Tiếng ơi trong câu thơ là hô ngữ, là từ gợi cảm biểu lộ sự thân thiết, yêu thương. Hai tiếng hót chi là cách, nói dịu ngọt của người dân xứ Huế đã làm tăng tính biểu cảm của vần thơ. Tác giả đã mượn tiếng chim hót để biểu lộ cảm xúc của mình về bức tranh mùa xuân. Tác giả không chỉ biểu lộ sự trân trọng, nâng niu những cái đẹp trong mùa xuân ấy:**

**Từng giọt long lanh rơi   
 Tôi đưa tay tôi hứng.**

**Động từ hứng đã diễn tả được tâm trạng của tác giả trước cảnh sắc mùa xuân. Có ai ngờ tiếng chim hót vang trời lại đọng thành giọt long lanh rơi xuống? Phải chăng đây không chỉ là âm thanh của tiếng chim mà là âm thanh của mùa xuân, âm thanh của cuộc sống đang khơi dậy trong lòng tác giả? Tâm hồn nhà thơ đang chan hòa cùng cuộc sống, cùng mùa xuân tươi đẹp một cách bất ngờ.   
  Từ mùa xuân của đất trời, cảm xúc thơ chuyển sang mùa xuân của đất nước một cách tự nhiên:**

**Mùa xuân người cầm súng   
 Lộc giắt đầy quanh lưng   
 Mùa xuân người ra đồng   
 Lộc trài dài nương mạ.**

**Đây là hình ảnh của đất nước với hai nhiệm vụ chiến lược: chiến đấu và sản xuất. Mùa xuân của đất nước hòa cung niềm vui trong chiến đấu và niềm vui trong lao động sản xuất. Lộc là hình ảnh của mùa xuân. Đó là chồi non, cành biếc mơn mởn. Lộc là sự sinh sôi, nảy nở, là sức sống mãnh liệt đang vươn lên. Trong chiến đấu, lộc giắt đầy quanh lưng là hình ảnh người lính khoác trên lưng vành lá ngụy trang xanh biếc để che mắt quân thù và còn là biểu tượng của sức sống mùa xuân, là sức mạnh của dân tộc. Trong sản xuất, lộc trải dài nương mạ là hình ảnh của sự lao động cần cù đã làm nên một màu xanh bát ngát ruộng đồng. Người nông dân đã góp phần tô điểm cho mùa xuân đất nước. Hậu phương và tiền tuyến luôn song hành. Người cầm súng và người nông dân lao động, đều đem đến mùa xuân cho đất nước giữa mùa xuân của đất trời. Cả dân tộc đang bước vào mùa xuân với tâm thế khẩn trương và hào hứng:**

**Tất cả như hổi hả   
 Tất cả như xôn xao.**

**Hối hả, xôn xao là những từ láy diễn tả sự gấp gáp, khẩn trương, náo nhiệt. Cặp từ láy ấy cùng với điệp ngữ tất cả như… làm cho câu thơ vang lên nhịp diệu vui tươi, mạnh mẽ. Đó là hình ảnh đất nước và dân tộc đang bước vào mùa xuân của thời đại mới, thời đại Hồ Chí Minh. Trong mùa xuân tươi đẹp ấy tác giả không quên suy ngẫm về quá khứ của đất nước và cội nguồi dân tộc:**

**Đất nước bốn ngàn năm   
 Vất vả và gian lao   
 Đất nước như vì sao   
 Cứ đi lên phía trước.**

**Tác giả đã bộc lộ niềm cảm thụ và tự hào về đất nước. Chặng đường lịch sử đã qua với bao gian lao, vất vả. Bốn nghìn năm lập quốc tỏa sáng nền văn hiến Đại Việt, sức mạnh dân tộc được khẳng định, đất nước vẫn trường tồn và đi lên. Đất nước như vì sao là sự so sánh đầy ý nghĩa. Sao là nguồn sáng vô tận, là vẻ đẹp của vũ trụ, vẻ đẹp vĩnh hằng trong không gian và thời gian. Đây là niềm tự hào về đất nước Việt Nam anh hùng, bất diệt.**

**Đất nước ấy luôn lớn mạnh, đi lên từng ngày. Hành trình đi tới tương lai của đất nước vẫn không ngừng, cứ đi lên là sự thể hiện chí khí, quyết tâm của dân tộc Việt Nam.**

**Trước mùa xuân của thiên nhiên, mùa xuân của đất nước, sự đi lên của cuộc sống, tác giả khát khao được hòa nhập vào cuộc sống của đất nước:**

**Ta làm con chim hót   
 Ta làm một cành hoa .   
 Ta nhập vào hòa ca   
 Một nốt trầm xao xuyến.**

**Điều tâm niệm của tác giả thật chân thành sâu sắc. Con chim hót, một cành hoa là những hình ảnh đẹp của thiên nhiên. Một nốt trầm trong giàn hợp xưởng là âm thanh mà mọi người đều thích nghe. Tác giả muốn làm việc, muốn cống hiến cho cuộc đời, cống hiến cho đất nước. Điệp từ một trong đoạn thơ diễn tả sự ít ỏi, khiêm tốn nhưng hình ảnh con chim, cành hoa, nốt trầm cuối cùng dã dồn vào hình ảnh thật đặc sắc:**

**Một mùa xuân nho nhỏ   
 Lặng lẽ dâng cho đời   
 Dù là tuổi hai mươi   
 Dù là khi tóc bạc.**

**Khát vọng của tác giả tuy ẩn chứa sự khiêm nhường qua hình ảnh nho nhỏ, lặng lẽ nhưng thể hiện một tiếng lòng cao cả, thể hiện một nhân sinh quan cao đẹp: phải cống hiến cho đất nước, dù là nhỏ bé, và phải không ngừng cống hiến cho cuộc đời. Mỗi con người hãy là một mùa xuân nho nhỏ để làm nên mùa xuân bất diệt của đất nước. Một xã hội tốt đẹp thì mỗi con người phải tốt đẹp. Đây là điều tâm niệm và khát vọng của nhà thơ trước lúc đi xa vĩnh biệt cuộc đời.**

**Cảm xúc chân thành của nhà thơ không chỉ dừng lại ở khát vọng về cuộc sống, tâm niệm về cuộc đời, tình cảm đối với quê hương, đất nước mà còn thể hệ qua khúc hát yêu thương:**

**Mùa xuân ta xin hát   
 Câu Nam ai, Nam bình   
 Nước non ngàn dặm mình   
 Nước non ngàn dặm tình   
 Nhịp phách tiền đất Huế.**

**Nam ai và Nam bình là hai điệu dân ca Huế, phách tiền là một nhạc cụ dân tộc điểm nhịp cho lời ca. Hình ảnh xin hát diễn tả tình yêu thương, gắn bó với quê hương, sự khao khát về cuộc sống mùa xuân. Tiếng hát ở đây cũng là tiếng lòng của tác giả, nó ngọt ngào sâu lắng và gây được sự đồng cảm với tất cả mọi người.**

**Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải là một bài thơ đặc sắc. Với thể thơ năm chữ, giọng thơ lúc mạnh mẽ, lúc tha thiết ngân vang, âm hưởng nhẹ nhàng xuyên khổ thơ, tác giả đã bộc lộ cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên, đất nước và khát vọng đẹp đẽ muôn được dâng hiến cho cuộc đời trước lúc đi xa.**

Phân tích 3 khổ thơ đầu của bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” – Thanh Hải ( Cách 1 )

**Thanh Hải là nhà thơ luôn gắn bó với quê hương xứ Huế. Một trong những bài thơ của ông để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc là bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”. Bài thơ được sáng tác năm 1980 khi tác giả đang nằm trên giường bệnh, chẳng bao lâu trước khi ông qua đời trong đó có đoạn thơ rất hay:**

***“ Mọc giữa dòng song xanh***

***………………………………***

***Cứ đi lên phía trước”***

Đoạn thơ là 3 khổ thơ đầu bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ”. Đoạn thơ đã thể hiện cảm xúc của tác giả trước thiên nhiên đất trời.

Đoạn thơ bắt đầu bằng những cảm xúc trực tiếp, hồn nhiên, trong trẻo, trước vẻ đẹp đầy sức sống của mùa xuân thiên nhiên đất trời. Từ đó mở rộng ra hình ành mùa xuân đất nước vừa cụ thể với “ người cầm súng”, “ người ra đồng”, vừa khái quát “đất nước như vì sao, cứ đi lên phía trước”. Đoạn thơ đầu đã diễn tả cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân thiên nhiên đất trời.

***“Mọc giữa dòng sông xanh***

***Một bông hoa tím biếc***

***Ơi con chim chiền chiện***

***Hót chi mà vang trời”***

**Chỉ bằng vài nét phác họa nhưng rất đặc sắc (dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, chim chiền chiện hót vang trời), Thanh Hải đã làm hiện ra trước mắt chúng ta một bức tranh Xứ Huế với không gian cao rộng (có chiều dài của dòng sông, chiều cao của bầu trời, chiều rộng của mặt đất và bầu trời bao la, màu sắc thật hài hòa, tươi thắm( màu xanh của dòng sông, màu tím biếc của bông hoa) và rất đặc trưng ưng quê hương xứ Huế (tím biếc). Màu Tím của bông hoa hòa quyện với màu xanh của dòng sông tạo nên cảm giác dịu mát, đồng thời cũng là tín hiệu của mùa xuân Xứ Huế. Tác giả đảo động từ “mọc” lên đầu câu thơ và số từ “một” ( mọc giữa dòng sông xanh, một bông hoa tím biếc). Để nhấn mạnh sự xuất hiện đột ngột, bất ngờ của một bông hoa đang xòe nở. Hình ảnh bông hoa đang xòe nở từ từ nhô lên, cho thấy sức sống mạnh mẽ của mùa xuân, đồng thời tạo cho bức tranh xuân thêm sống động. Bức tranh xuân còn rộn rã, tươi vui với âm thanh của tiếng “chim chiền chiện hót chi mà vang trời”. Tiếng chim trong ánh sáng xuân lan tỏa khắp bầu trời. Phải là người có tâm hồn nhạy cảm, tình yêu tha thiết với thiên nhiên với cuộc sống. Thanh Hải mới vẽ được bức tranh mùa xuân xứ Huế đẹp thơ mộng và đầy sức sống đến như vậy.**

**Trước vẻ đẹp của thiên nhiên đất trời lúc vào xuân, nhà thơ có cảm xúc say sưa, ngất ngây. Thái độ nâng lưu, quý trọng vẻ đẹp ấy, cảm xúc ấy, tình cảm ấy được thể hiện qua tư thế độc đáo của một động tác trữ tình.**

***“Từng giọt long lanh rơi***

***Tôi đưa tay tôi hứng”***

**“Giọt long lanh” có thể hiểu là giọt mưa xuân, giọt sương long lanh trong ánh sang của trời xuân. Nhưng giọt long lanh cũng có thể hiểu theo nghĩa ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: giọt tiếng chim. Tiếng chim từ chỗ âm thanh cảm nhận bằng thính giác chuyển thành từng giọt( Cảm nhận bằng thị giác). Từng giọt ấy lại long lanh trong ánh sáng của trời xuân có thể cảm nhận bằng xúc giác ( tôi đưa tay tôi hứng). Nhà thơ đưa tay hứng từng giọt tiếng chim. Nhưng dù hiểu theo cách nào thì hai câu thơ vẫn biểu hiện niềm say sưa, ngây ngất của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời vào lúc mùa xuân và thái độ nâng niu, trân trọng vẻ đẹp ấy, cảm xúc đó, thái độ đó chỉ có được một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế ở một tấm lòng chân thành tha thiết với cuộc sống.**

**2.Từ cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên đất trời, mạch thơ chuyển sang biểu hiện những cảm xúc trước mùa xuân đất nước.**

***a.Trước hết mùa xuân đất nước được cảm nhận bằng hình ảnh “người cầm sung”, “người ta đồng”***

***“ Mùa xuân người cầm súng***

***Lộc trải dài nương mạ”***

**“Người cầm sung”, “người ra đồng” biểu tượng cho hai nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ tổ quốc và lao động xây dựng đất nước. Thanh Hải đã tạo nên sức gợi cảm cho câu thơ bằng hình ảnh “lộc non” của mùa xuân gắn với “người cầm sung”, “người ra đồng” (lộc giắt đầy trên lưng, lộc trải dài nương mạ ). “Lộc” là trồi non, nhành non, cây non, “ Lộc” tượng trưng cho sức sống mùa xuân. Mùa xuân của đất trời đọng lại trong hình ảnh lộc non đã theo người cầm súng ra trận, người nông dân ra đồng hay chính họ đang đem mùa xuân đến cho mọi miền đất nước?**

**Sức sống của mùa xuân đất nước còn được tác giả cảm nhận trong nhịp điệu hối hả, âm thanh xôn xao:**

***“Tất cả như hối hả***

***Tất cả như xôn xao”***

**“Hối hả”, “ xôn xao” hai từ láy có sức biểu cảm lớn. Các từ láy kết hợp với điệp ngữ “tất cả” cùng với nhịp điệu thơ nhanh, dồn dập, khỏe khoắn giúp ta cảm nhận được không khí náo nhiệt, tinh thần lao động khẩn trương của con người khi đất nước vào xuân. Đồng thời ta thấy được tâm trạng như reo vui, náo nức của tác giả trước không khí và tinh thần lao động ấy. Như vậy, hình ảnh mùa xuân đất nước được mở rộng từ đôi vai, tấm lưng của người ra trận đến những cánh đồng bát ngát, đến không khí lao động khẩn trương.**

**Từ hình ảnh mùa xuân đất nước, nhà thơ tin tưởng vào tương lai tươi sáng của đất nước dù còn nhiều khó khăn, vất vả. Hình ảnh đất nước Việt Nam hiện lên qua lời thơ của Thanh Hải với bề dày lịch sử 4000 năm dựng nước và giữ nước trải qua nhiều thử thách gian lao:**

***“Đất nước như vì sao***

***Vất vả và gian lao”***

**Những tin tưởng vào tương lai đất nước. Nhà thơ đã hình dung đất nước bằng một hình ảnh đẹp, mang nhiều ý nghĩa:**

***“Đất nước như vì sao***

***Cứ đi lên phía trước”***

**“Sao” là nguồn sáng lấp lánh một vẻ đẹp vĩnh hằng vượt qua mọi không gian, thời gian. sao cũng là hình ảnh rạng ngời trên lá cờ tổ quốc Việt Nam. So sánh “đất nước” với “vì sao” đã cho thấy hình ảnh đất nước mãi trường tồn vĩnh cửu cùng vũ trụ, nó sẽ tỏa sáng như những vì sao trong hành trình đi đến tương lai rạng rỡ. Hình ảnh so sánh đã bộc lộ niềm tự hào về một đất nước Việt Nam anh hùng giàu đẹp. Đó chính là ý chí, quyết tâm, niềm tin sắt đá, niềm tự hào lạc quan không chỉ riêng Thanh Hải mà của cả dân tộc. Như vậy, qua những câu thơ ngắn gọn, người đọc thấy được cảm xúc, lạc quan, tin tưởng Thanh Hải với đất nước khi mùa xuân về.**

**Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” nói chung và khổ thơ trên nói riêng được làm theo thể thơ 5 chữ, giọng điệu trong sang, thiết tha gần với âm điệu dân ca miền Trung, nhiều hình ảnh đẹp, tự nhiên,giản dị mà còn gợi cảm, giàu ý nghĩa biểu tượng, khái quát, giọng thơ thể hiện phù hợp với tâm trạng, cảm xúc của nhà thơ.**

  Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” giản dị về lời thơ, chân thành với cảm xúc đã chiếm được tình yêu của đông đảo bạn đọc. Ba khổ thơ đầu bài thơ với những hình ảnh giản dị, tự nhiên và chân thực đã diễn tả cảm xúc tự nhiên, sâu lắng của nhà thơ trước mùa xuân thiên nhiên đất nước. Từ cảm xúc đó ta cảm nhận được tình yêu thiên nhiên gắn bó với quê hương xứ Huế, lòng yêu đời lạc quan sống của tác giả. Tiếng lòng của nhà thơ Thanh Hải khiến chúng ta trân trọng và cảm phục vô cùng. Là một học sinh đang ngồi trên ghế nhà trường chúng ta cần bổi đức, luyện tài góp phần làm cho mùa xuân quê hương, đất nướcthêm tươi đẹp

**Phân tích 3 khổ thơ đầu Mùa xuân nho nhỏ ( Cách 2 )**

       Đã từ lâu, mùa xuân vốn là đề tài quen thuộc trong thơ ca, là nguồn thi hứng dạt dào để người nghệ sĩ viết lên những trang thơ đong đầy cảm xúc. Cũng lấy cảm hứng từ mùa xuân, Thanh Hải đã viết lên bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" . Bài thơ bộc lộ cảm xúc của tác giả trước mùa xuân của thiên nhiên đất nước và khát vọng đẹp đẽ muốn làm một “mùa xuân nho nhỏ” dâng hiến cho đời. Đặc biệt ba khổ thơ đầu của bài thơ đã mang đến cho người đọc cảm nhận về mùa xuân của thiên nhiên và mùa xuân đất nước, con người.

       Mở đầu bài thơ, là hình ảnh mùa xuân của thiên nhiên. Bức tranh thiên nhiên được mở ra bằng hình ảnh "dòng sông xanh "," bông hoa tím biếc" . Đây là những hình ảnh mùa xuân của thiên nhiên tươi đẹp, tràn đầy sức sống. Bên cạnh hình ảnh thiên nhiên, bức tranh xuân còn có sự xuất hiện của âm thanh tươi đẹp, rộn ràng. Tiếng chim chiền chiện hót vang trời là âm thanh rộn ràng, náo nhiệt báo hiệu xuân về. Đứng trước thiên nhiên tươi đẹp, tâm trạng của tác giả rất trân trọng, nâng niu . Nhà thơ "đưa tay hứng", nâng niu, trân trọng tất cả những gì tươi đẹp của sự sống. Tác giả say đắm trong mùa xuân của thiên nhiên, đất nước với tâm thế đón nhận, trân trọng từng sự sống của thiên nhiên.

       Từ mùa xuân của thiên nhiên, đất trời, nhà thơ chuyển sang cảm nhận về mùa xuân của đất nước. Mùa xuân của đất nước như tươi đẹp hơn, xuân sắc hơn vì ở đó có sự góp mặt của những người lao động . Bằng cảm xúc dạt dào, nhà thơ đã liên tưởng đến những người chiến sĩ ra trận mà trên vai, trên lưng họ có cành lá nguỵ trang. Những cành lá ấy mang lộc biếc, chồi non, mang theo mùa xuân của thiên nhiên, cây cỏ. Như vậy, người lính khi ra trận, không chỉ có hành ngũ, tư trang mà họ còn mang theo sức sống của cả dân tộc, mang theo cả mùa xuân của thiên nhiên, đất trời. Không chỉ nói đến những người lính, mùa xuân trong thơ Thanh Hải còn có sự xuất hiện của những người lao động bình thường, đó là những người nông dân trên đồng ruộng. Nói về những người lao động là nói đến những người ươm mầm cho sự sống, ươm những hạt mầm non trên những cánh đồng quê hương. Chính họ đã lao động và tạo nên sức sống của mùa xuân thiên nhiên, đất nước. Bằng một tâm hồn tinh tế, nhà thơ nhận ra "tất cả như hối hả/ tất cả như xôn xao ". Sức sống của đất nước, của dân tộc, cũng được tạo nên từ sự hối hả, náo nức của người cầm súng, người ra đồng. Và từ đây, nhà thơ xuôi chiều dài lịch sử để nghĩ tới một đất nước bốn nghìn năm văn hiến lâu đời, một đất nước mà nhà thơ tin tưởng rằng nó sẽ như vì sao sáng rực, vụt bay trên bầu trời rộng lớn. Tất cả điều đó đã làm nổi bật lên cảm xúc lạc quan, tin tưởng, sự ngợi ca sức sống quê hương đất nước, dân tộc khi mùa xuân về của tác giả.

       Với ba khổ thơ, tác giả đã vẽ ra trước mắt người đọc mùa xuân của thiên nhiên, đất nước đầy tươi đẹp, rộn ràng . Bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời, thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước, góp một “mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc.

       Có thể nói, ba khổ thơ đầu của bài "Mùa xuân nho nhỏ" là ba khổ thơ hay mang nhiều ý nghĩa. Với ba khổ thơ đầu, tác giả đã mang đến cho người đọc cảm nhận hết sức tinh tế về mùa xuân của thiên nhiên, đất trời. Qua đó, đánh thức tình yêu thiên nhiên và ý thức trách nhiệm, ước muốn cống hiến một phần công sức nhỏ bé của mình góp phần làm rạng rỡ thêm mùa xuân của thiên nhiên, đất nước.

**Phân tích 3 khổ thơ đầu Mùa xuân nho nhỏ ( Cách 3 )**

       Thanh Hải là nhà thơ tiêu biểu của nền thơ ca Việt Nam. Trong số những tác phẩm mà ông để lại cho bạn đọc thì nổi bật nhất có lẽ là "Mùa xuân nho nhỏ". Thi phẩm đã vẽ nên một bức tranh thiên nhiên đẹp tuyệt vời của xứ Huế mộng mơ qua đó làm nổi bật nên hình ảnh của mùa xuân đất nước. Điều này được thể hiện rõ nét qua ba khổ thơ đầu "Mọc giữa.... phía trước".

       Bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" được ra đời trong hoàn cảnh rất đặc biệt trước khi nhà thơ sắp vĩnh biệt cuộc đời. Vậy mà bài thơ vẫn rất trẻ trung và đầy khát vọng cống hiến. Bài thơ được cấu tạo theo mạch cảm xúc dạt dào của tác giả. Bằng sự quan sát tinh tế các giác quan nhạy cảm nhưng hơn thế là cả một tấm lòng yêu quê hương Thanh Hải đã vẽ bức tranh xuân thật nhẹ nhàng đằm thắm giản dị nhưng hết sức thơ mộng:

*"Mọc giữa dòng sông xanh*

*....... ……*

*Hót chi mà vang trời"*

       Khung cảnh mùa xuân dần dần được hiện ra với một vẻ đẹp thật bình dị, đơn sơ nhưng cũng không kém phần nên thơ và sâu sắc. Ở đây, mùa xuân của Thanh Hải đến với ta không rực rỡ kiêu sa với cành đào Hà Nội, với những nụ mai vàng đang phô trương sắc thắm, mà chỉ đơn giản là một bông hoa tím đang mọc lên giữa dòng sông nước xanh như lọc. Cành hoa nghiêng mình xuống mặt nước tựa như gương ấy để nổi bật lên trên một khung trời được in bóng dưới lòng sông, với màu sắc thật nhẹ, thật hài hòa mà cũng rất dễ thương, Thanh Hải đã tạo nên cho bức tranh mùa xuân của mình một nét gì đó vô cùng độc đáo. Và bức tranh ấy lại càng được đẹp hơn, có "hồn" khi cái màu tím kia được nhà thơ tô đậm lên thành "tím biếc". Gam màu ấy đã được tô vẽ vào bức tranh thật khéo léo, tài tình, làm cho người đọc chúng ta có thể hình dung ra ngay trước mắt cả một bông hoa tím biếc, thật nhỏ, thật xinh, nhưng dường như cũng có đủ khả năng để nhuộm tím cả bầu trời, cả không gian mùa xuân đang căng tràn sức sống. Cái màu tím ấy lan ra, chơi vơi, và khẽ lay động theo những ngọn gió xuân đang thổi lên từ lòng sông xanh mát rượi. Cảnh vật mùa xuân trong bài thơ có lẽ cũng bình dị, giản đơn, và thâm trầm, tĩnh lặng như vùng đất miền Trung quê hương tác giả. Xứ Huế vốn nổi tiếng mộng mơ với núi Ngự sông Hương, với những điệu hò mái nhì mái đẩy, giờ lại càng thêm xinh đẹp dưới ngòi bút tô vẽ của nhà thơ...

       Bức tranh thiên nhiên kia nãy giờ đang tĩnh lặng như chất chứa suy tư, chợt sinh động và "sống" hẳn lên vì một nét đâm ngang của cánh chim chiền chiện:

*Ơi! Con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời*

*Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng!*

       Bức tranh ấy giờ đây chợt đẹp hẳn lên và cũng độc đáo hơn vì có sự pha trộn giữa hai sắc màu: hài hoa (xanh, tím) và lung linh rực rỡ (long lanh). Câu thơ giờ cũng mang một nét gì đó lạ lùng chừng như là vô lí; con chim chiền chiện mà lại hót đến vang cả trời! Thực ra, khoảng trời ấy chính là khoảng không gian của riêng tác giả, trong tim tác giả, vì vậy mà chỉ có một mình tác giả mới cảm nhận được và nghe thấy được mà thôi. Tâm hồn nhà thơ nhỏ bé trước đất trời, chính vì vậy mà tất cả mọi cảnh của tâm hồn ấy cũng trở nên nhỏ xinh và dễ thương đến lạ: con chim nhỏ của mùa xuân nhỏ trong một khoảng không gian nhỏ. Nhưng chính cái "nhỏ" ấy đã phần nào tạo nên được nét độc đáo riêng trong thế đối lập của câu thơ. Tâm hồn ấy, trái tim ấy tuy nhỏ nhưng chỉ chính nó mới cảm nhận được hết mùa xuân của đất trời và vũ trụ thiên nhiên... Và giờ đây tiếng chim lại vang lên, tiếng chim quen thuộc của đồng quê dân dã:

*Ồ! tiếng hát vui say*

*Con chim chiền chiện*

*Trên đồng lúa chiêm*

*Xuân chao mình bay liệng...*

(Tố Hữu)

       Say mê với tiếng chim, trước mắt nhà thơ dường như xuất hiện những giọt long lanh đang nhẹ nhàng rơi xuống: "Từng giọt long lanh rơi/ Tôi đưa tay tôi hứng!".

       "Từng giọt long lanh"... giọt gì? Giọt nắng, giọt sương, giọt hạnh phúc, hay là giọt xuân đang êm đềm rơi xuống từ cánh chim chiền chiện nhỏ đang tung mình bay lượn để ban phát mùa xuân đến cho mọi người? Nhưng chính xác hơn nhất có lẽ là giọt tiếng chim, giọt tiếng chim mà chỉ có một mình tác giả cảm nhận được, và "trông thấy" được! Nhìn được những vật mà mắt thường không thấy có lẽ do Thanh Hải đang nhìn bằng con mắt của một nhà thơ. Tiếng chim thì nghe, nhưng ở đây tác giả lại nhìn. Hiện tượng chuyển đổi cảm giác này lẽ ra chỉ có được ở những người say. Câu thơ đang vô lí giờ lại bỗng nhiên hợp lí. Quả thật Thanh Hải đang say, ông say trước khung cảnh thiên nhiên vào mùa xuân thật xinh tươi, đẹp đẽ, say vì nàng chúa xuân quá diễm lệ, yêu kiều. Và từ đó trân trọng, thật nhẹ nhàng, tác giả đã đưa tay ra hứng để đón lấy những điều may mắn, cái tốt đẹp và cái "lộc" của mùa xuân đã ban tặng cho tâm hồn của mỗi con người, và đặc biệt là cho tác giả.

       Nếu khổ thơ thứ nhất của bài thơ đã mở ra khung cảnh mùa xuân của thiên nhiên thì khổ thơ thứ hai đã mở ra khung cảnh mùa xuân của đất nước.

*Mùa xuân người cầm súng*

*Lộc giắt đầy quanh lưng*

*Mùa xuân người ra đồng*

*Lộc trải dài nương mạ*

*Tất cả như hối hả*

*Tất cả như xôn xao..*

       Có thể thấy, nhà thơ Thanh Hải đã cảm nhận và tái hiện khung cảnh mùa xuân của đất nước qua hai hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng là "người cầm súng" và "người ra đồng". Người đọc dễ dàng nhận thấy, "người cầm súng" và "người ra đồng" là hai hình ảnh biểu tượng cho hai nhiệm vụ chiến lược quan trọng nhất của đất nước ta ở thời điểm bài thơ ra đời đó chính là cùng lúc vừa chiến đấu ở tiền tuyến vừa lao động, sản xuất để xây dựng hậu phương vững chắc. Đặc biệt, hình ảnh "người cầm súng" lại đi liền với hình ảnh "lộc giắt đầy quanh lưng" đã gợi cho người đọc liên tưởng đến những vòng lá ngụy trang của người chiến sĩ trên đường hành quân ra trận như đang nảy lên những chồi non xanh mơn mởn cùng các anh ra trận, mùa xuân như đang về trên khắp mọi nơi, mọi nẻo đường. Còn hình ảnh "người ra đồng" được sử dụng kết hợp với hình ảnh "lộc trải dài nương mạ" gợi liên tưởng đến những cánh đồng tươi tốt, xanh thẳm, màu mỡ được những bàn tay khéo léo, chăm chỉ, cần mẫn của những người lao động chăm bón và tạo nên. Tất cả những hình ảnh và sự kết hợp độc đáo ấy đã gợi lên một bức tranh mùa xuân tràn đầy sắc xanh, tươi mới và tuyệt diệu. Thêm vào đó, khổ thơ còn sử dụng điệp từ "mùa xuân" và điệp từ "lộc" đã gợi lên quang cảnh mùa xuân tươi đẹp đang vươn ra những chồi lộc non và đồng thời cũng gợi lên thành quả của công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Khổ thơ khép lại với những dòng thơ sử dụng điệp từ "tất cả" đi liền với những từ láy "hối hả", "xôn xao" làm cho nhịp thơ trở nên gấp gáp, gợi một nhịp sống sôi động, hối hả, khẩn trương trong nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

       Và để rồi, trước khung cảnh tươi đẹp và tràn đầy sức sống ấy của mùa xuân đất nước tác giả đã bày tỏ niềm tự hào, niềm tin của mình vào một tương lai ngày mai tươi sáng, tốt đẹp.

*Đất nước bốn ngàn năm*

*Vất vả và gian lao*

*Đất nước như vì sao*

*Cứ đi lên phía trước*

       Nhà thơ Thanh Hải đã nhắc lại chặng đường bốn nghìn năm của đất nước thông qua hệ thống các tính từ "vất vả", "gian lao" từ đó có thể cho thấy chặng đường dựng nước và giữ nước của dân tộc ta là một chặng đường đầy những gian nan, khó khăn và thử thách, mất mát. Và cũng trong chính những năm tháng khó khăn ấy, dân tộc mình đã khẳng được ý chí, sức mạnh và bản lĩnh. Đặc biệt hình ảnh so sánh "đất nước như vì sao" đã mở ra nhiều liên tưởng độc đáo và giàu ý nghĩa. Hình ảnh so sánh ấy vừa gợi đến nguồn sáng trường tồn mãi với không gian, thời gian, vừa gợi lên niềm tin của tác giả về một tương lai tươi sáng, rộng mở của đất nước với khí thế mạnh mẽ không gì cản nổi. Cùng với đó, cấu trúc song hành "đất nước bốn ngàn năm", "đất nước như vì sao" đã diễn tả sự vận động đi lên của lịch sử và là lời khẳng định về sự trường tồn vĩnh cửu của đất nước. Cụm từ "cứ đi lên phía trước" khép lại khổ thơ như một lời khẳng định, một sự thể hiện ý chí và lòng quyết tâm và niềm tin sắt đá của nhà thơ và của cả dân tộc về tương lai tươi sáng, tốt đẹp của quê hương, đất nước.

       Càng đọc thơ Thanh Hải, ta càng thêm cảm thấy thú vị và say sưa. Nhất là sau khi đọc "Mùa xuân nho nhỏ", ta như thấy được cả men rượu của mùa xuân đang lan tỏa vào đất trời, hòa vào trong lòng mùa xuân và trong lòng người đọc. Đây quả thật đúng là mùa một "mùa xuân nho nhỏ" mà Thanh Hải đã dâng tặng cho đời. Nếu chúng ta biết rằng Thanh Hải viết bài thơ này khi ông đang nằm trên giường bệnh, ông viết không phải vào dịp xuân... và chỉ ít tháng thôi ông đã ra đi mãi mãi... dù sao, bông hoa tím biếc chung với đời, dòng sông xanh biếc của hi vọng, của niềm tin với đời vẫn là hình ảnh nhỏ nhẹ nói với ta bao điều.

**PHÂN TÍCH BA KHỔ THƠ CUỐI BÀI MÙA XUÂN NHO NHỎ ( Cách 1 )**

Thanh Hải là nhà thơ tiêu biểu trong nền thơ ca hiện đại Việt Nam. Là con người tài hoa, giàu sức sống nghệ thuật và lắng nghe được âm thanh của cuộc sống, ngay cả những phút giây cận kề với cái chết Thanh Hải vẫn lạc quan khao khát sống, được cống hiến cho đời. Ước nguyện ấy được gói gém trong một bài thơ nhỏ xinh “ Mùa xuân nho nhỏ”. Bài thơ được xem như lời tâm nguyện thiết tha đáng trân trọng mà nhà thơ Thanh Hải để lại cho đời trước lúc đi xa. Tiếng long tha thiết, yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời được thể hiện rõ nhất qua ba khổ thơ đầu.

Ở 3 khổ thơ đầu, bằng biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ, nghệ thuật đảo ngữ cùng các từ ngữ, hình ảnh giàu giá trị gợi tả, lời thơ đã giúp người đọc cảm nhận được những cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân của thiên nhiên, của đất nước. Đó là niềm say sưa ngây ngất trước vẻ đẹp mộng mơ, dịu dàng của bức tranh thiên nhiên xứ Huế, là niềm tin, niềm vui, niềm tự hào khi đất nước bước vào xuân. Và đằng sau những vần thơ ấy, ta nhận ra ở Thanh Hải là niềm yêu đời, yêu cuộc sống, là tình yêu tha thiết với thiên nhiên, với quê hương đất nước.

Từ những cảm xúc về mùa xuân, tác giả đã chuyển mạch thơmột cách tự nhiên sang bày tỏ những suy ngẫm và tâm niệm của mình về lẽ sống,về ý nghĩa giá trị của cuộc đời mỗi con người:

*“ Ta làmcon chim hót*

*Ta làm một cànhhoa*

*Ta nhập vào hoà ca*

*Một nốt trầm xaoxuyến”.*

Để bày tỏ lẽ sống của mình, ngay từ những câu thơ mở đầu đoạn, Thanh Hải đã đem đến cho người đọc cái giai điệu ngọt ngào, êm ái của những thanh bằng liên tiếp “ta”-“hoa”-“ca”.Điệp từ “ta” được lặp đi lặp lại thể hiện một ước nguyện chân thành, thiết tha.Động từ “làm”-“nhập” ở vai trò vị ngữ biểu lộ sự hoá thân đến diệu kỳ - hoá thân để sống đẹp, sống có ích cho cuộc đời. Nhà thơ đã lựa chọn những hình ảnh đẹp của thiên nhiên,của cuộc sống để bày tỏ ước nguyện: *con chim, một cành hoa, một nốt trầm*. Còn gì đẹp hơn khi làm một cành hoa đem sắc hương tô điểm cho mùa xuân đất mẹ!Còn gì vui hơn khi được làm con chim nhỏ cất tiếng hót rộn rã làm vui cho đời! Các hình ảnh bông hoa, tiếng chim đã xuất hiện trong cảm xúc của thi nhân về mùa xuân thiên nhiên tươi đẹp, giờ lại được sử dụng để thể hiện lẽ sống của mình. Một ý nghĩa mới đã mở ra, đó là mong muốn được sống có ích, sống làm đẹp cho đời là lẽ thường tình.

Cái “tôi”của thi nhân trong phần đầu bài thơ giờ chuyển hoá thành cái “ta”. Có cả cái riêng và chung trong cái “ta” ấy. Với cách sử dụng đại từ này, nhà thơ đã khẳng định giữa cá nhân và cộng đồng, giữa cái riêng và cái chung luôn có sự gắn bó với nhau. Hình ảnh “nốt trầm”và lặp lại số từ “một” tác giả cho thấy ước muốn tha thiết, chân thành của mình. Không ồn ào, cao giọng, nhà thơ chỉ muốn làm “một nốt trầm” nhưng phải là“một nốt trầm xao xuyến” để góp vào bản hoà ca chung. Nghĩa là nhà thơ muốn đem phần nhỏ bé của riêng mình để góp vào công cuộc đổi mới và đi lên của đất nước.

Đọc đoạn thơ,ta xúc động trước ước nguyện của nhà thơ xứ Huế và cũng là ước nguyện của nhiềungười.

Lẽ sống của Thanh Hải còn được thể hiện trong những vần thơ sâu lắng:

*“ Một mùa xuân nhỏ*

*Lặng lẽ dâng cho đời*

*Dù là tuổi hai mươi*

*Dù là khi tóc bạc.”*

Cách sử dụng ngôn từ của nhà thơ Thanh Hải rất chính xác,tinh tế và gợi cảm. Làm cành hoa,làm con chim,làm nốt trầm và làm một mùa xuân nho nhỏ để lặng lẽ dâng hiến cho cuộc đời. “Mùa xuân nho nhỏ” là một ẩn dụ đầy sáng tạo, biểu lộ một cuộc đời đáng yêu, một khát vọng sống cao đẹp.Mỗi người hãy làm một mùa xuân,hãy đem tất cả những gì tốt đẹp, tinh tuý của mình, dẫu có nhỏ bé để góp vàolàm đẹp cho mùa xuân đất nước.

Cặp từ láy “nho nhỏ”, “lặng lẽ” cho thấy một thái độ chân thành, khiêm nhường, lấy tình thương làm chuẩn mực cho lẽ sống đẹp, sống để cống hiến đem tài năng phục vụ đất nước, phục vụ nhân dân.

Không khoe khoang, cao điệu mà chỉ lặng lẽ âm thầm dâng hiến.Ý thơ thể hiện một ước nguyện, một khát vọng, một mục đích sống.Biết lặng lẽ dâng đời,biết sống vì mọi người cũng là cách sống mà nhà thơ Tố Hữu đãviết:

*“Nếu là con chim chiếc lá*

*Thì con chim phải hót, chiếc là phải xanh,*

*Lẽ nào vay mà không trả*

*Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình”.*

Còn bây giờ, Thanh Hải – nhà thơ xứ Huế trước khi về với thế giới “người hiền” cũngđã ước nguyện: “Lặng lẽ dâng cho đời/Dù là tuổi hai mươi/Dù là khi tóc bạc”.Lời ước nguyện thật thuỷ chung, son sắt. Sử dụng điệp ngữ “dù là” nhắc lại hai lần như tiếng lòng tự dặn mình đinh ninh: dẫu có ở giai đoạn nào của cuộcđời, tuổi hai mươi tràn đầy sức trẻ, hay khi đã già,bệnh tật thì vẫn phải sống có ích cho đời, sống làm đẹp cho đất nước.

Đây là một vấn đề nhân sinh quan nhưng đã được chuyển tải bằng những hình ảnh thơ sáng đẹp, bằng giọng thơ nhẹ nhàng, thủ thỉ, thiết tha. Vì vậy, mà sức lan tỏa của nó thật lớn.

Như trên đã nói, bài thơ được viết vào thời gian cuối đời,trước khi nhà thơ đi vào cõi vĩnh hằng, nhưng trong bài thơ không hề gợi chút băn khoăn về bệnh tật, về những suy nghĩ riêng tư cho bản thân. Chỉ “lặng lẽ” mà cháy bỏng một nỗi khát khao được dâng những gì đẹp đẽ nhất của cuộc đời mình cho đất nước. Đây không phải là câu khẩu hiệu của một thanh niên vào đời mà là lời tâm niệm của một con người đã từng trải qua hai cuộc chiến tranh, đã cống hiến trọn vẹn cuộc đời và sự nghiệp của mình cho cách mạng. Điều đó càng làm tăng thêm giá trị tư tưởng của bài thơ.

Bài thơ kết thúc bằng sự trở về với những cảm xúc thiết tha, tự hào về quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế :

*“Mùa xuân – ta xin hát*

*Câu Nam ai, Nam bình*

*Nước non ngàn dặm mình*

*Nước non ngàn dặm tình*

*Nhịp phách tiền đất Huế.”*

Tác giả có nhắc đến những khúc dân ca xứ Huế “Nam ai”, “Nam bình”, có giai điệu buồn thương nhưng vô cùng tha thiết. Và qua những khúc “Nam ai”, “nam bình” này thì nhà thơ đã bộc lộ tình yêu tha thiết của mình đối với quê hương, đất nước; thể hiện niềm tin yêu vào cuộc đời, vào đất nước với những giá trị truyền thống vững bền.

Như vậy, bằng biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ, cùng các từ ngữ, hình ảnh giàu giá trị gợi tả, biểu cảm, ba khổ thơ trên đã giúp người đọc cảm nhận được những ước nguyện của nhà thơ Thanh Hải. Đó là ước nguyện được hòa nhập và dâng hiến để làm đẹp cho cuộc đời. Và đằng sau những vần thơ ấy, ta nhận ra ở Thanh Hải là niềm yêu đời, yêu cuộc sống, là tình yêu tha thiết, sự gắn bó sâu nặng với quê hương đất nước. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng biết bao.

Như vậy, bằng biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ, cùng các từ ngữ, hình ảnh giàu giá trị gợi tả, biểu cảm, ba khổ thơ trên đã giúp người đọc cảm nhận được những ước nguyện của nhà thơ Thanh Hải. Đó là ước nguyện được hòa nhập và dâng hiến để làm đẹp cho cuộc đời. Và đằng sau những vần thơ ấy, ta nhận ra ở Thanh Hải là niềm yêu đời, yêu cuộc sống, là tình yêu tha thiết, sự gắn bó sâu nặng với quê hương đất nước. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng biết bao.

**Phân tích 3 khổ thơ cuối bài Mùa xuân nho nhỏ ngắn nhất ( Cách 2 )**

     Chặng đường lịch sử của đất nước qua bốn ngàn năm trường tồn đã trải qua biết bao thăng trầm, với bao nhiêu là “vất vả và gian lao”. So sánh đất nước với vì sao sáng, nhà thơ đã thể hiện niềm tự hào đối với đất nước và dân tộc. Sao là nguồn sáng bất diệt, là vẻ đẹp vĩnh hằng trong không gian và thời gian. Ngôi sao sáng đã trở thành vẻ đẹp lộng lẫy trên lá cờ VIệt Nam, trở thành biểu tượng cho vẻ đẹp ngời sáng của con người và đất nước Việt Nam. Đất nước vẫn không ngừng phát triển, vẫn “cứ đi lên phía trước” để sánh vai cùng các cường quốc năm châu trên thế giới. Đoạn thơ thể hiện ý chí vươn lên không ngừng của con người và dân tộc Việt Nam.

       Trong không khí tưng bừng của đất nước vào xuân, nhà thơ cảm nhận được một mùa xuân tươi trẻ, rạo rực trỗi dậy trong tâm hồn. Đó là mùa xuân của lòng người, mùa xuân của sức sống tươi trẻ, mùa xuân của sự cống hiến và hòa nhập:

*Ta làm con chim hót*

*Ta làm một nhành hoa*

*Ta nhập vào hòa ca*

*Một nốt trầm xao xuyến*

       Nhịp thơ dồn dập và điệp từ “ta làm” diễn tả rõ nét khát vọng cống hiến của nhà thơ. Nhà thơ muốn làm một con chim, muốn làm một nhành hoa thắm trong vườn hoa xuân để dâng tiếng hót tha thiết, để tỏa hương sắc tô điểm cho mùa xuân đất nước. “Nốt trầm” là nốt nhạc tạo nên sự lắng đọng sâu xa trong một bản nhạc. Trong cái không khí tưng bừng của ngày hội mùa xuân, nhà thơ muốn làm một nốt nhạc trầm để góp vào khúc ca xuân của dân tộc một chút vấn vương, xao xuyến. Từ khát vọng hòa nhập, nhà thơ thể hiện rõ hơn khát vọng cống hiến của mình ở những câu thơ tiếp theo:

*“Một mùa xuân nho nhỏ*

*Lặng lẽ dâng cho đời*

*Dù là tuổi hai mươi*

*Dù là khi tóc bạc”*

       “Mùa xuân nho nhỏ” là cách nói ẩn dụ đầy sáng tạo của nhà thơ. Mỗi con người đều có thể góp một phần công sức của mình như “một mùa xuân nho nhỏ” để tô hương thêm sắc cho quê hương đất nước. “Dâng” là một hành động cống hiến, cho đi mà không đòi hỏi sự đền đáp. Phép đảo ngữ nhằm nhấn mạnh khát vọng cống hiến chân thành của nhà thơ. Nhà thơ muốn góp công sức của mình trong công cuộc xây dựng đất nước nhưng chỉ với một thái độ hết sức khiêm tốn, không khoa trương mà chỉ “lặng lẽ”, âm thầm nhưng lại là toàn tâm toàn ý, như nhà thơ Tố Hữu đã khẳng định:

*“Lẽ nào cho vay mà không trả*

*Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình.”*

       Điệp từ “dù là” được điệp lại hai lần thể hiện rõ sự tự tin, bất chấp thời gian và tuổi tác của nhà thơ. Qua khổ thơ, nhà thơ đã nhấn mạnh một ý nghĩa hết sức sâu sắc: nhiệm vụ cống hiến xây dựng đất nước là của mọi người và là mãi mãi. Không ai là không có nghĩa vụ xây dựng đất nước, và nghĩa vụ ấy kéo dài cả một đời người, từ tuổi đôi mươi cho đến khi đầu đã điểm bạc theo năm tháng. Đây là lời kêu gọi mọi người cùng chung vai gánh vác công việc xây dựng và phát triển đất nước, để đất nước có thể vững vàng mà tiếp tục “đi lên phía trước”.

       Khổ thơ cuối là tiếng hát yêu thương nhà thơ ban tặng cho đất nước và dân tộc, như một sự hiến dâng cuối cùng cho quê hương đất nước:

*“Mùa xuân-ta xin hát*

*Câu Nam ai, Nam bình*

*Nước non ngàn dặm mình*

*Nước non ngàn dặm tình*

*Nhịp phách tiền đất Huế”*

       Trong những ngày cuối cùng của cuộc đời, Thanh Hải muốn hát lại hai làn điệu dân ca quen thuộc của quê hương xứ Huế. Có lẽ trong những ngày tháng nằm trên giường bệnh, khi bị tử thần rình rập, nhà thơ lại thấy quê hương của mình đẹp hơn, bản sắc quê hương mình cũng đáng tự hào hơn. Đây cũng là cách để nhà thơ thể hiện tình yêu quê hương, nguồn cội. Đoạn thơ cho ta thấy rõ nhà thơ rất yêu mến quê hương thơ mộng của mình, có lẽ cũng từ đó mà nhà thơ có thể mở rộng tình cảm để yêu mến đất nước, mới có thể cống hiến cả cuộc đời cho nước nhà. Bởi lẽ, chỉ có những người biết yêu thương quê hương xóm làng thì mới có thể mở rộng lòng mình để yêu mến đất nước dân tộc.

       Bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” được viết theo thể thơ năm tiếng, với cấu trúc gồm bảy khổ, mỗi khổ từ bốn đến sáu câu. Những hình ảnh ẩn dụ sáng tạo, biện pháp nhân hóa, điệp ngữ và những từ ngữ tượng hình được sử dụng thành công đã tạo nên nét đặc sắc của bài thơ. Qua đó, ta có thể cảm nhận được cái thi vị trong hồn thơ Thanh Hải.

       Tình yêu thiên nhiên, sự xúc động trước vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, mùa xuân cách mạng và khát vọng cống hiến đã được Thanh Hải gửi gắm qua bài thơ “mùa xuân nho nhỏ”. Tuy là tác phẩm được viết không lâu trước khi nhà thơ qua đời nhưng bài thơ vẫn để lại trong lòng bao thế hệ bạn đọc những cảm xúc sâu lắng khó phai mờ. Và, Bài thơ vẫn sẽ tiếp tục trường tồn cùng với những bước đi lên của đất nước, gợi nhắc cho những thế hệ trẻ một cách sống đẹp: góp một “mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc, để đất nước ta sẽ mãi tươi đẹp như trong tiết xuân. Thế mới biết, cuộc đời của con người thì có hạn nhưng những giá trị tinh thần mà con người để lại cho đời sau thì có giá trị vĩnh hằng.

**Phân tích 3 khổ thơ cuối bài Mùa xuân nho nhỏ ngắn nhất ( Cách 3 )**

       Mùa xuân là khoảng thời gian quen thuộc gợi lên biết bao xúc cảm, rung động trong tâm hồn người nghệ sĩ. Nếu nhà thơ Xuân Diệu cảm thức về mùa xuân trong nhịp sống "Vội vàng" chạy đua từng ngày với dòng thời gian trôi chảy để bắt trọn từng khoảnh khắc, Nguyễn Bính say sưa trong không gian làng quê thân quen "Từng nhà mở cửa đón vui tươi" qua "Thơ xuân" thì Thanh Hải thưởng thức vẻ đẹp của mùa xuân đất trời trong sự gắn bó chặt chẽ với đất nước cùng những ước nguyện cống hiến. Ba khổ thơ cuối của bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" đã thể hiện rõ điều này. Qua những vần thơ tha thiết, ngọt ngào, chúng ta có thể thấy được khát vọng chân thành và lí tưởng sống cao đẹp của nhà thơ.

       Bài thơ "Mùa xuân nho nhỏ" ra đời vào năm 1980. Đây là quãng thời gian tác giả đang chống chọi với căn bệnh hiểm nghèo. Bởi vậy, thi phẩm giống như một bản tổng kết thể hiện khát khao mãnh liệt, cháy bỏng của nhà thơ. Sau khi vận dụng mọi giác quan để đón nhận vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời bằng tình yêu thiên nhiên, tác giả đã thể hiện niềm tự hào về sự đổi thay của đất nước. Tiếp nối mạch cảm xúc đó, ở ba khổ thơ cuối, tác giả đã thể hiện ước nguyện cống hiến qua những vần thơ thiết tha và cảm động:

*"Ta làm con chim hót*

*Ta làm một cành hoa*

*Ta nhập vào hòa ca*

*Một nốt trầm xao xuyến"*

       Tác giả đã sử dụng đại từ "ta" kết hợp điệp cấu trúc ngữ pháp "Ta làm... Ta nhập" để giãi bày trực tiếp khát vọng chân thành. Cái "tôi" xuất hiện ở khổ thơ thứ nhất "Tôi đưa tay tôi hứng" đã chuyển hóa thành cái "ta" để bộc bạch những ước nguyện hết sức bình dị và giản đơn: làm một con chim cất cao tiếng hót rộn rã góp vui cho đời, làm một cành hoa khoe sắc thắm tô điểm trong bức tranh muôn sắc màu của thiên nhiên, làm nốt trầm tạo nên âm vang "xao xuyến" trong bản hòa ca. Qua hệ thống hình ảnh thân thuộc, gần gũi, chúng ta có thể thấy được mong ước khiêm nhường nhưng hết sức cao đẹp của nhà thơ, đồng thời gợi lên mối quan hệ gắn bó giữa cá nhân và cộng đồng. Điều này đã được thể hiện rõ hơn qua khổ thơ tiếp theo:

*"Một mùa xuân nho nhỏ*

*Lặng lẽ dâng cho đời*

*Dù là tuổi hai mươi*

*Dù là khi tóc bạc"*

       Hình ảnh "mùa xuân nho nhỏ" được nhà thơ sử dụng làm nhan đề của tác phẩm xuất hiện trong khổ thơ này đã góp phần nhấn mạnh ước muốn, khát vọng của tác giả. Vào những năm tháng cuối cùng đối chọi với bệnh tật, Thanh Hải xin được hóa thân làm "Một mùa xuân nho nhỏ" để hòa quyện, tô điểm làm đẹp thêm mùa xuân của thiên nhiên đất trời và mùa xuân của đất nước. Các từ "nho nhỏ", "lặng lẽ" đã làm nổi bật nguyện ước cống hiến thầm lặng, tự nguyện, không ồn ào, khoa trương. Đó chính là lí tưởng sống giản dị nhưng hết sức cao đẹp của nhà thơ Thanh Hải. Điệp cấu trúc câu "Dù là... Dù là..." kết hợp với hai hình ảnh mang tính chất tương phản "tuổi hai mươi" - "khi tóc bạc" đã khẳng định sự bền vững theo thời gian, năm tháng của khát vọng cống hiến, hi sinh thầm lặng. Cuối cùng, bài thơ khép lại bằng những giai điệu dân ca xứ Huế ngọt ngào, đằm thắm và trữ tình:

*"Mùa xuân ta xin hát*

*Khúc Nam ai, Nam bình*

*Nước non ngàn dặm mình*

*Nước non ngàn dặm tình*

*Nhịp phách tiền đất Huế"*

       Trong những năm tháng cuối đời đối chọi với bệnh tật, nhà thơ đã cất cao tiếng hát những làn điệu dân ca quen thuộc của quê hương. Khúc nhạc "Nam ai" da diết, buồn thương gợi nhớ về những năm tháng bốn nghìn năm "vất vả và gian lao" quyện hòa cùng giai điệu "Nam bình" dịu ngọt, êm ái gợi cuộc sống ấm no, bình yên hiện tại của đất nước. Khúc hát ngân vang đã thể hiện tình yêu đối với quê hương, đất nước của nhà thơ. Giai điệu dịu ngọt đó hòa cùng "nhịp phách tiền" tươi vui, giòn giã khép lại bài thơ nhưng vẫn để lại những dư âm về cuộc sống mới và sức sống mới của dân tộc bởi sự kết hợp với điệp khúc: "Nước non ngàn dặm mình - Nước non ngàn dặm tình".

       Lý tưởng cùng khát vọng nhân văn trong tâm hồn thi sĩ đã được thể hiện thành công thông qua thể thơ năm chữ giàu nhạc điệu, cách ngắt nhịp linh hoạt phù hợp với việc thể hiện những mong ước tha thiết. Tác giả còn vận dụng thành công nhiều biện pháp tu từ nghệ thuật như so sánh, ẩn dụ, điệp ngữ,... kết hợp với ngôn ngữ, hình ảnh thơ giàu sức gợi để thể hiện dòng cảm xúc chân thành và tiếng lòng của nhà thơ đối với thiên nhiên, đất nước.

       Như vậy, sau khi tái hiện vẻ đẹp của thiên nhiên đất trời và sự đổi thay nhịp sống của quê hương, đất nước trong cuộc sống mới, tác giả đã bày tỏ những ước nguyện của bản thân.. Đó là một quan niệm sống tích cực, lấp lánh vẻ đẹp nhân văn của sự cống hiến, hi sinh bình dị và cao đẹp.

Phân tích bài thơ “ Viếng lăng Bác ’’- Viễn Phương ( Cách 1 )

**Bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương là một tác phẩm như thế. Được sáng tác vào năm 1976, bài thơ mang đậm chất trữ tình này đã ghi lại tình cảm sâu lăng, thành kính cảu nhà thơ khi hoà vào dòng người viếng lăng Bác. Bài thơ cũng là tiếng nói, là nỗi niềm tâm sự của nhận dân Nam bộ và nhân dân cả nước dành cho Bác.**

**Mở đầu bài thơ là cảm xúc của tác giả khi vừa bước chân vào lăng. Nhà thơ xưng “con” và gọi “Bác”; lời thơ giản dị, mộc mạc mà chát chức bao tình cảm gần gũi, thân thương, kính trọng chủ tịch Hồ Chí Minh của ông. Điều đó càng cho thấy Bác là một con nguời rất hoà đồng và gần gũi. Chính vậy nhà thơ Tố hữ có viết “Người là Cha, là Bác, là Anh”. Chi tiết thơ “Con ở miền Nam” còn mang một sắc thái đầy xúc độgn. Khúc ruột miền Nam là miền đất xa xôi mà Bác không nguôi ngóng chờ, cho đến những ngày trước luc lâm chung thì trái tim ngươờ vẫn luôn huớng về mìen Nam ruột thịt. Nơi đó có biết bao đồng bào ta đang ngày đêm chiến đấu và anh dũng hy sinh vì một ngày mai nước nhà thống nhất. Nhưng…Bác đã không chờ được đến ngày đó. Người đã ra đi mãi mãi vào cõi vĩnh hằng để lại muôn vàn niềm thương tiếc cho nhân dân ta. Câu thơ đầu gọn như một lời thông báo nhưng lại chứa chan bao tình cảm xúc độgn, bồi hồi của tác giả đối với vị cha già kính yêu của dân tộc.**

**Và trong cái mênh mang sương mù của một ngày mùa thu Hà Nội, qua con mắt thi nhân của Viễn Phương, ta chợt tìm thấy một “hàng tre” Việt Nam. Đến với Bác, đến với hàng tre, ta như đến với quê hương làng mạc, đến với mái nhà tranh âm vang lời ru của bà, của mẹ; đến với Bác là đến với dân tộc mình, thế mới đẹp làm sao! Hình ảnh nhân hoá hàng tre “bão táp mưa sa đứng thẳng hàng” còn là biểu tượng bất diệt của con người VN kiên cường, bất khuất biền bỉ. Màu xanh của tre chính là màu xanh của sức sống VN, màu xanh của hy vnọg, hạnh phúc và hoà bình. Đây quả là một tứ thơ độc đáo, giàu ý nghĩa tượng trưng:**

**“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác**

**Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát**

**Ôi hàng tre xanh xanh Việt Nam**

**Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng”**

**Và nhà thơ phải kính yêu Bác lắm mới viết được những hình ảnh ẩn dụ tài tình này:**

**“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng**

**Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”**

**Cũng là “mặt trời” nhưng “mặt trời” ở câu thơ thứ nhất là mặt trời của thiên nhiên vũ trụ, ngày ngày tỏ sáng, đem sự sống cho muôn loài, vạn vật, nó cũng có lúc quạnh quẽo, u ám. Còn “mặt trời” của nhận dân VN. “mặt trời” trong lăng thì vẫn luôn chiếu ánh sáng vĩnh hằng, đỏ mãi. Bác chính là vầng mặt trời hồng toả tia sáng soi rọi con đừơng giúp dân tộc ta thoát khỏi kiếp đời nô lệ, là sức mạnh giúp nhân dân ta chèo lái con thuyền cách mạng cập bến vinh quang, đi đến bờ thắng lợi. Dù rằng đã ra đi mãi mãi nhưng Bác vẫn luôn bất tử, tư tưởng HCM vẫn luôn trường tồn, soi đường dẫn lối cho dân tộc ta đứng lên.**

**Hoà nhịp với gần trăm triệu bàn chân VN, hàng triệu bàn chân lao độgn trên thế giới, Viễn Phương bùi ngùi xúc động bước vào lăng:**

**“Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ**

**Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân”**

**Hình ảnh dòng người vào lăng viếng Bác được tác giả ví như nhưng tràng hoa dâng lên người. “Bảy mươi chín” tràng hoa, ấy là bày mươi chín màu xuân, bày mươi chín năm cống hiến, hy sinh hết mình của Bác đối với dân tộc và nhân dân ta. Và quả thật, Bác chính là mùa xuân, và mùa xuân ấy đã làm cho cuộc đời người dân VN nở hoa. Điệp ngữ “ngày ngày” đứng mỗi ý thơ giữ vị trí “nhãn tự”, vừa thể hiện một qui luật trình tự của dòng người vào lăng viếng Bác, lại vừa thể hiện một qui luật tự nhiên của tạo hoá.**

**Đứng trước sự vĩ đại, to lớn của Bác, ta cũng vô thức bị dòng thơ cuốn và trong lăng lúc nào không hay:**

**“Bác nằm trong giấc ngủ bình yên**

**Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền**

**Vãn biết trời xanh là mãi mãi**

**Mà sao nghe nhói ở trong tim”**

**Bác đang nằm đây, ngay trước mắt nhà thơ, hiền hậu, nhân từ như một vầng trăng “dịu hiền”, mát mẻ mà vãn trong sáng rạng ngời.Ta có cảm giác như Bác vẫn chưa đi xa, vẫn chưa rời khỏi thế gian này mà Người đang ngủ đấy thôi. Lí trí thì nói bác đang ngủ, nghĩa là Bác vẫn còn sống mãi với đất nước, với dân tộc ta như trời xanh còn mãi trên đầu. Mỗi ngày ngẩng đầu nhìn ta lại thấy trời xanh, lại thấy Bác. Bác không bao giờ mất, Bác sống mãi cùng dân tộc ta, trong mỗi cuộc đời, trong mỗi sự việc mà chúng ta làm vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội. Ta biết thế, ta nghĩ thế nhưng sao tim ta vẫn “đau nhói”, mắt ta vẫn trào dâng khi nhận ra rằng: Bác đã không còn nữa! Khổ thơ thứ hai và ba là một chuỗi các hình ảnh vũ trụ: mặt trời, vầng trăng, trời xanh lồng vào nhau như để ca ngời tầm vóc lớn lao của Bác; đồng thời thể hiện lòng tôn kíh vô hạn của tác giả, của nhân dân đối với vị cha già kính yêu của dân tộc.**

**Bài thơ bắt đầu bằng sự kiện “Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác” và cũng kết thúc bằng chi tiết “Mai về miền Nam”. Đây là giờ phút sắp chia tay với Bác, tâm trạng nhà thơ tràn đầy niềm cảm thương xen lẫn bùi ngùi, lưu luyến. Điều đó được thể hiện qua hình ảnh cuờng điệu: “Thương trào nước mắt” :**

**“Mai về miền Nam thương trào nước mắt**

**Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác**

**Muốn làm đóa hoa toả hương đâu đây**

**Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này”**

**Tình thương xót nên giữa tâm hồn đã làm nảy sinh bao ước muốn: “muốn là con chim” để dâng lên tiếng hót vui, “muốn là đoá hoa” dâng hương thơm ngát, “muốn làm cây tre trung hiếu” canh gác cho giấc ngủ yên lành của Bác. Nhịp điệu khổ thơ lúc này dồn dập với điệp ngữ “muốn làm” nhắc lại đến ba lần và các hình ảnh liên tiếp xuất hiện như một dòng khát khao mãnh liệt của nhà thơ muốn được gần Bác mãi mãi.**

**Bằng tất cả tình cảm chân thành, Viễn Phương đã làm “Viếng lăng Bác” trở thành một bản tình ca bất tận để lại ấn tượng sâu sắc cho bao người dân Việt Nam. Bài thơ hay không chỉ vì các nghệ thuật, kĩ sảo độc đáo mà quan trọgn hơn, đó là sự kết hợp nhuẫn nhị giữa cái “tâm” của một người con yêu nước và cái “tài” của người nghệ sĩ. Rất nhiều năm tháng đã đi qua nhưng mỗi thế hệ đọc lại “Viếng lăng Bác” đều đón nhận vào tâm hồn mình một ánh sáng tư tưởng, tình cảm của nhà thơ và đồng thời cũng thấm nhuần vẻ đẹp trong suốt, lấp lánh toả ra từ chính cuộc đời, trí tuệ và trái tim Bác Hồ.**

\* **Phân tích bài thơ “Viếng Lăng Bác” Ngữ Văn 9 ( Cách 2 )**

**Bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương là một tác phẩm như thế. Được sáng tác vào năm 1976, bài thơ mang đậm chất trữ tình này đã ghi lại tình cảm sâu lăng, thành kính cảu nhà thơ khi hoà vào dòng người viếng lăng Bác. Bài thơ cũng là tiếng nói, là nỗi niềm tâm sự của nhận dân Nam bộ và nhân dân cả nước dành cho Bác.**

**Mở đầu bài thơ là cảm xúc của tác giả khi lần đầu đứng trước lăng Bác**

“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác

Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát

Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam

Bão táp mưa sa, đứng thẳng hàng”

Viễn Phương vốn là một người con miền Nam, từng tham gia chiến đấu nơi chiến trường Nam Bộ xa xôi. Cũng như bao đồng bào và chiến sĩ miền Nam khác, Viễn Phương luôn mong mỏi một ngày được ra thăm Bác. Vì vậy, khi đứng trước lăng Hồ Chủ tịch, đặc biệt sau khi miền Nam giải phóng, thống nhất đất nước, nhà thơ đã không giấu nổi sự xúc động. Cảm xúc bồi hồi xen lẫn sự xúc động sâu xa thể hiện ngay trong câu thơ đầu tiên:

“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác”

Sử dụng*ngôn từ giản dị*, câu thơ như một lời trần thuật, thông báo ngắn gọn: tác giả từ miền Nam, nơi tuyến đầu chống dịch của Tổ quốc, sau bao nhiêu năm mong mỏi nay cũng được về thăm Bác, vào đúng thời điểm lăng Bác vừa khánh thành.

***Nét đặc sắc trong việc tác giả sử dụng đại từ nhân xưng thân tình “Con – Bác”:*** Đây là lối nói đặc trưng người miền Nam: thể hiện tình cảm mà tác giả dành cho Bác mang một sự gần gũi, thân thiết, như mối quan hệ giữa hai người thân ruột thịt. Đại từ nhân xưng thân tình còn thể hiện được lòng tôn kính và tình cảm yêu thương ruột thịt. Tạo cảm giác như một đứa con xa nhà, nay mới được trở về bên vị cha già kính yêu của dân tộc. ***Sử dụng biện pháp nghệ thuật tu từ nói giảm, nói tránh khi qua từ “thăm” để thay cho từ “viếng”***.Hai từ tuy biểu thị cùng một hoạt động nhưng với từ “thăm”, tác giả muốn dùng nhằm giảm bớt nỗi đau thương, mất mát khi những đứa con từ miền Nam chỉ còn được gặp Bác trong Lăng. Từ ngữ nhằm giảm bớt sự tiếc nuối của tác giả khi Bác đã không thể cùng nhân dân, đặc biệt là những người con Miền Nam, cùng đón nền hòa bình độc lập dân tộc mà Bác đã cống hiến cả đời để thực hiện hóa. Nghệ thuật dùng từ khai thác hình tượng bất tử của Bác không chỉ trong lòng những người con miền Nam mà còn đối với cả dân tộc Việt Nam.

Câu thơ đầu tiên với sự giản dị như một lời kể, đã bộc lộ tình cảm bao lâu nay của người con miền Nam, sau bao đợi chờ cuối cùng cũng được về thăm Người

***Khi đứng trước lăng Chủ tịch kính yêu, tác giả đã viết về ấn tượng đầu tiên về hàng tre xanh mát trong 3 câu thơ tiếp theo:***

“Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát

Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam

Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng”

Sử dụng*từ cảm thán “Ôi!”*, tác giả đã biểu thị niềm xúc động, niềm tự hào trước hình ảnh hàng tre đứng quanh lăng Bác. *Hình ảnh “hàng tre bát ngát”*vừa có ý nghĩa là hình ảnh tả thực về quang cảnh tác giả đã nhìn thấy quanh lăng Bác, vừa liên tưởng đến những xóm làng Việt Nam với sự gần gũi, thân thương

***Nghệ thuật ẩn dụ trong hình ảnh “hàng tre xanh xanh Việt Nam” mang ý nghĩa tượng trưng:*** Tre vốn là loài cây thường xuyên xuất hiện trong các câu chuyện dân gian Việt Nam. Sức sống tràn trề của tre tượng trưng cho những con người Việt Nam trong chiến tranh, mạnh mẽ và kiên cường.“Hàng tre” mà tác giả miêu tả gợi hình ảnh một quân đội hùng tráng với tinh thần kiên cường, bất khuất. Dù trong “bão táp mưa sa”, “hàng tre” ấy vẫn đứng bên cạnh canh giữ cho giấc ngủ ngàn thu của Người. Sử dụng *thành ngữ “bão táp mưa sa”* gắn với “hàng tre”, tác giả đang tự mình nhớ về những khó khăn, gian khổ mà đất nước, nhân dân ta đã cùng nhau trải qua. Trong những cuộc chiến khắc nghiệt ấy, dân ta đã phải “chung lưng, đấu cật” để mang lại hòa bình độc lập như ngày hôm nay. Cách *miêu tả hình ảnh hàng tre qua cụm từ “đứng thẳng hàng”*đã đem lại cho người đọc hình dung về dáng dấp cứng cỏi, hiên ngang, kiên cường, bất khuất, đúng như tính cách vốn có của người dân Việt Nam

Khổ thơ đầu diễn tả niềm xúc động sâu sắc, niềm tự hào, thành kính của tác giả khi có dịp đến thăm và đứng trước lăng Bác sau bao ngày tháng mong mỏi

**Tâm trạng, cảm xúc của tác giả khi chứng kiến dòng người vào viếng lăng Bác:**

“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ

Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ

Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân…”

Bốn câu thơ là hình ảnh của dòng người vào viếng lăng Bác với nỗi tiếc thương và lòng biết ơn vô hạn. ***Tác dụng của nghệ thuật sóng đôi giữa hai hình ảnh “mặt trời” của thiên nhiên và “mặt trời” ẩn dụ:*** Trong câu thơ “Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng” mặt trời chính là *hình ảnh tả thực*. Đây là mặt trời của mẹ thiên nhiên, mặt trời mà chúng ta thường biết đến, giúp sưởi ấm, soi sáng không gian vũ trụ và mang lại sự sống cho vạn vật. Trong câu thơ “Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ” mặt trời là *hình ảnh ẩn dụ* về Bác Hồ. Đối với nhân dân Việt Nam, Bác chính là mặt trời chân lí, giúp sưởi ấm và soi sáng cho dân tộc thoát khỏi kiếp nô lệ, thoát khỏi chiến tranh và có một cuộc sống ấm no, hạnh phúc.  Hình ảnh ẩn dụ mặt trời cho thấy tấm lòng thành kính, lòng biết ơn sâu sắc mà tác giả cũng như người dân cả nước đang và sẽ mãi dành cho Bác. Sử dụng *biện pháp nghệ thuật nhân hóa* với hai hành động ngày ngày “đi qua trên lăng” và thấy trong lăng có một mặt trời “rất đỏ” có tác dụng tô đậm tầm vóc vĩ đại của Người trong mắt những người con xa xứ như Viễn Phương

***Hình ảnh “dòng người” kết hợp với điệp từ “ngày ngày”:*** Sử dụng điệp ngữ “ngày ngày”: chỉ dòng thời gian vô tận giống như tấm lòng của người dân chưa bao giờ nguôi nỗi nhớ về Bác; mang nỗi tiếc thương vô hạn trước thời khắc tiến vào lăng Bác. “Dòng người” là từ mang giá trị tạo hình, thể hiện quang cảnh nhiều đoàn người nối hàng dài vào lăng để viếng Bác. Có thể thấy, tình thương mà người dân dành cho Bác là vô cùng lớn, đến mức họ chấp nhận xếp thành từng hàng chỉ để được vào nhìn Bác, gặp Bác ít nhất 1 lần trong đời

Sử dụng *hình ảnh “tràng hoa” để ẩn dụ*cho những đoàn người, cho ta thấy khung cảnh “dòng người” đông như kết lại thành hàng vạn trái tim, thành một “tràng hoa” với tấm lòng thương xót, thành kính dâng lên Bác. Sử dụng *hình ảnh hoán dụ “bảy mươi chín mùa xuân”*, tác giả muốn nhắc đến 79 năm trong cuộc đời của Bác, ứng với 79 mùa xuân mà Bác đã hi sinh cho độc lập tự do của toàn dân tộc

Khổ thơ thứ hai đã lột tả được một cách rõ nét tấm lòng tiếc thương của nhân dân cả nước dành cho “vị Cha già kính yêu” của dân tộc. Tuy đã ra đi nhưng trái tim và sự hi sinh của Người sẽ luôn sống và được nhân dân khắc ghi ngàn đời sau.

**Cảm xúc của tác giả khi vào trong lăng và nhìn thấy Bác:**

“Bác nằm trong giấc ngủ bình yên

Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền

Vẫn biết trời xanh là mãi mãi

Mà sao nghe nhói ở trong tim”

Khi vào đến trong lăng, thời gian như ngưng đọng trong không khí yên bình, trang nghiêm cùng ánh sáng dịu nhẹ, trong trẻo của không gian bên trong lăng Bác:

“Bác nằm trong lăng giấc ngủ bình yên

Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền.”

Sử dụng *biện pháp nghệ thuật nói giảm* “giấc ngủ” để miêu tả hình ảnh Bác nằm trong lăng. Tác giả dường như đang muốn phủ nhận sự thật đau lòng rằng Bác đã mất. Tuy nhiên trong mắt tác giả, Bác như chỉ đang ngủ một giấc bình yên vì sau bao năm cống hiến, hi sinh vì đất nước, nay ngày độc lập tự do đã đến, mong ước cả cuộc đời của Bác đã được toại nguyện

***Sử dụng hình ảnh “vầng trăng sáng dịu hiền” mang nhiều ý nghĩa ẩn dụ:*** Hình ảnh “vầng trăng sáng” như đại diện cho tâm hồn, phong cách sống thanh tao, cao đẹp của Bác trong suốt cuộc đời. Cách tác giả đưa hình ảnh “vầng trăng” đã bộc lộ tấm lòng biết ơn sâu sắc dành cho Bác, với tư cách là một người con miền Nam. Hồ Chí Minh vốn nổi tiếng với các tập thơ viết về ánh trăng, việc sử dụng hình ảnh “vầng trăng” như một cách tác giả gửi lời tri ân đến những tác phẩm thơ ca của Bác, dưới danh nghĩa là một nhà thơ, từng trưởng thành trong chiến tranh

***Sử dụng hình ảnh ẩn dụ sâu xa “Vẫn biết trời xanh là mãi mãi” để thể hiện tâm trạng xúc động của nhà thơ***.“Trời xanh” trong lớp nghĩa đầu tiên được hiểu là thiên nhiên, là bầu trời thân thuộc của chúng ta. Một bầu trời bao la rộng lớn, cùng với “mặt trời”, tồn tại vĩnh hằng theo thời gian. “Trời xanh” trong lớp nghĩa thứ hai mang nghĩa ẩn dụ sâu xa về hình ảnh Bác. Trong mắt người dân Việt Nam, Bác sẽ gắn bó mãi với non sông đất nước, với tình yêu nước lan tỏa đến toàn dân, như “trời xanh” vĩnh hằng và ánh sáng “mặt trời” không bao giờ tắt

***Tuy đã coi hình bóng của Bác sẽ sống mãi theo thời gian nhưng nhân dân vẫn không thể tránh khỏi tâm trạng đau xót và nuối tiếc trước sự ra đi của Bác. Niềm tiếc nuối ấy được thể hiện rõ nhất qua câu thơ:***

“Mà sao nghe nhói ở trong tim”

Sử dụng*từ biểu cảm trực tiếp: “Nhói”*, tác giả đã biểu hiện một nỗi đau đột ngột, quặn thắt. Đây không phải sự mất mát thông thường mà là nỗi đau tận đáy sâu trong tâm hồn của một người con xa xứ, một nỗi đau đầy uất nghẹn đến nỗi không nói thành lời. Tất cả những gì mà tác giả có thể miêu tả về sự mất mát ấy chính là “nhói”sự nhức nhối, cơn đau quặn đến từ bên trong mà khó có thể ngừng lại. Tác giả sử dụng *cặp quan hệ từ “vẫn” và “mà”* để diễn tả sự mâu thuẫn. Sự mâu thuẫn giữa cảm giác “nhói” với sự thật “trời xanh là mãi mãi”. Đó là mâu thuẫn giữa tình cảm và lý trí. Con người tuy biết được sự thật nhưng đứng trước khoảnh khắc thiêng liêng, vẫn không thể thoát khỏi phút yếu lòng

Cảm xúc trong 4 câu thơ này là đỉnh điểm của nỗi nhớ thương, của niềm đau xót khi đứng trước di hài của Bác. Và đó cũng là nguyên nhân dẫn đến khát vọng của tác giả trong khổ cuối của bài thơ

**Cảm xúc của tác giả sau khi hoàn thành chuyến thăm lăng Bác và nói lời tạm biệt:**

“Mai về miền Nam thương trào nước mắt

Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác

Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây

Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này…”

Sau khi được gặp Bác đúng như ý nguyện, tác giả dường như không muốn rời xa Bác. Nỗi đau mất mát cùng những giọt nước mắt đầy lưu luyến đã được diễn tả qua câu thơ:

“Mai về miền Nam thương trào nước mắt”

**S***ử dụng từ chỉ thời gian “mai” đi liền với địa danh “miền Nam”* thể hiện sự chia xa, xa cách cả về thời gian và không gian. Tuy khoảng cách có xa nhưng tấm lòng, tình cảm của tác giả, của những người con miền Nam vẫn dõi theo hình bóng của Người, muốn ở bên Người lâu hơn. Bằng*lối nói diễn tả cảm xúc: “thương trào nước mắt”*, tác giả đã cụ thể hóa nỗi nhớ thương vô cùng da diết. Cảm xúc “trào nước mắt” mặt khác còn thể hiện sự gắn bó của tác giả với miền Bắc (nơi đặt lăng Bác), với Bác Hồ trong trái tim của những người con miền Nam.

Sau khi hoàn thành chuyến thăm lăng Bác và nói lời tạm biệt, tác giả dường như đang bày tỏ khát vọng hóa thân, làm sao để được ở lại bên Bác lâu hơn. Khát vọng ấy thể hiện rõ nét qua ba câu thơ cuối của bài thơ:

“Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác

Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây

Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.”

Ba câu thơ với *nhịp điệu dồn dập*, kết hợp cùng *điệp từ “muốn làm”* ở đầu cho mỗi dòng thơ đã góp phần tô đậm sự tha thiết, mong ước mãnh liệt của tác giả khi muốn bất chấp hóa thân thành vạn vật, chỉ để được ở gần bên Bác

Bài thơ đã khép lại bằng hình ảnh “cây tre trung hiếu”, tương đồng với hình ảnh “hàng tre bát ngát” ở đầu bài thơ, xây dựng thành một kết cấu đầu cuối tương ứng, thể hiện được mong ước và tấm lòng tác giả dành cho Bác.

 PHÂN TÍCH BÀI THƠ “ VIẾNG LĂNG BÁC ” ( Cách 3 )

**Viễn Phương tên là Phan Thanh Viễn, quê ở An Giang. Là một cây bút có mặt sớm nhất của lực lượng văn nghệ giải phóng ở miền Nam thời kì chống Mĩ cứu nước. Bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương được sáng tác vào năm 1976, bài thơ mang đậm chất trữ tình này đã ghi lại tình cảm sâu lắng, thành kính của nhà thơ khi hoà vào dòng người viếng lăng Bác. Bài thơ cũng là tiếng nói, là nỗi niềm tâm sự của nhân dân Nam Bộ và nhân dân cả nước dành cho Bác.**

**Mở đầu bài thơ là cảm xúc của tác giả khi vừa bước chân vào lăng. Nhà thơ xưng “con” và gọi “Bác”; lời thơ giản dị, mộc mạc mà chứa chan bao tình cảm gần gũi, thân thương, kính trọng chủ tịch Hồ Chí Minh của ông. Điều đó càng cho thấy Bác là một con người rất hoà đồng và gần gũi. Chính vậy nhà thơ Tố Hữu có viết “Người là Cha, là Bác, là Anh”. Chi tiết thơ “Con ở miền Nam” còn mang một sắc thái đầy xúc động. Khúc ruột miền Nam là miền đất xa xôi mà Bác không nguôi ngóng chờ, cho đến những ngày trước lúc lâm chung thì trái tim ngươì vẫn luôn hướng về miền Nam ruột thịt. Nơi đó có biết bao đồng bào ta đang ngày đêm chiến đấu và anh dũng hy sinh vì một ngày mai nước nhà thống nhất. Nhưng…Bác đã không chờ được đến ngày đó. Người đã ra đi mãi mãi vào cõi vĩnh hằng để lại muôn vàn niềm thương tiếc cho nhân dân ta. Câu thơ đầu gọn như một lời thông báo nhưng lại chứa chan bao tình cảm xúc độgn, bồi hồi của tác giả đối với vị cha già kính yêu của dân tộc.**

**Và trong cái mênh mang sương mù của một ngày mùa thu Hà Nội, qua con mắt thi nhân của Viễn Phương, ta chợt tìm thấy một “hàng tre” Việt Nam. Đến với Bác, đến với hàng tre, ta như đến với quê hương làng mạc, đến với mái nhà tranh âm vang lời ru của bà, của mẹ; đến với Bác là đến với dân tộc mình, thế mới đẹp làm sao! Hình ảnh nhân hoá hàng tre “bão táp mưa sa đứng thẳng hàng” còn là biểu tượng bất diệt của con người VN kiên cường, bất khuất biền bỉ. Màu xanh của tre chính là màu xanh của sức sốg VN, màu xanh của hy vnọg, hạnh phúc và hoà bình. Đây quả là một tứ thơ độc đáo, giàu ý nghĩa tượng trưng:**

**“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác**

**Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát**

**Ôi hàng tre xanh xanh Việt Nam**

**Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng”**

**Và nhà thơ phải kính yêu Bác lắm mới viết được những hình ảnh ẩn dụ tài tình này:**

**“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng**

**Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”**

**Cũng là “mặt trời” nhưng “mặt trời” ở câu thơ thứ nhất là mặt trời của thiên nhiên vũ trụ, ngày ngày tỏ sáng, đem sự sống cho muôn loài, vạn vật, nó cũng có lúc quạnh quẽo, u ám. Còn “mặt trời” của nhân dân VN “mặt trời” trong lăng thì vẫn luôn chiếu ánh sáng vĩnh hằng, đỏ mãi. Bác chính là vầng mặt trời hồng toả tia sáng soi rọi con đường giúp dân tộc ta thoát khỏi kiếp đời nô lệ, là sức mạnh giúp nhân dân ta chèo lái con thuyền cách mạng cập bến vinh quang, đi đến bờ thắng lợi. Dù rằng đã ra đi mãi mãi nhưng Bác vẫn luôn bất tử, tư tưởng HCM vẫn luôn trường tồn, soi đường dẫn lối cho dân tộc ta đứng lên.**

**Hoà nhịp với gần trăm triệu bàn chân VN, hàng triệu bàn chân lao độgn trên thế giới, Viễn Phương bùi ngùi xúc động bước vào lăng:**

**“Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ**

**Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân”**

**Hình ảnh dòng người vào lăng viếng Bác được tác giả ví như nhưng trànghoa dâng lên người. “Bảy mươi chín” tràng hoa, ấy là bày mươi chín màu xuân, bày mươi chín năm cống hiến, hy sinh hết mình của Bác đối với dân tộc và nhân dân ta. Và quả thật, Bác chính là mùa xuân, và mùa xuân ấy đã làm cho cuộc đời người dân VN nở hoa. Điệp ngữ “ngày ngày” đứng mỗi ý thơ giữ vị trí “nhãn tự”, vừa thể hiện một qui luật trình tự của dòng người vào lăng viếng Bác, lại vừa thể hiện một qui luật tự nhiên của tạo hoá.**

**Đứng trước sự vĩ đại, to lớn của Bác, ta cũng vô thức bị dòng thơ cuốn và trong lăng lúc nào không hay:**

**“Bác nằm trong giấc ngủ bình yên**

**Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền**

**Vẫn biết trời xanh là mãi mãi**

**Mà sao nghe nhói ở trong tim”**

**Bác đang nằm đây, ngay trước mắt nhà thơ, hiền hậu, nhân từ như một vầng trăng “dịu hiền”, mát mẻ mà vãn trong sáng rạng ngời.Ta có cảm giác như Bác vẫn chưa đi xa, vẫn chưa rời khỏi thế gian này mà Người đang ngủ đấy thôi. Lí trí thì nói bác đang ngủ, nghĩa là Bác vẫn còn sống mãi với đất nước, với dân tộc ta như trời xanh còn mãi trên đầu. Mỗi ngày ngẩng đầu nhìn ta lại thấy trời xanh, lại thấy Bác. Bác không bao giờ mất, Bác sống mãi cùng dân tộc ta, trong mỗi cuộc đời, trong mỗi sự việc mà chúng ta làm vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội. Ta biết thế, ta nghĩ thế nhưng sao tim ta vẫn “đau nhói”, mắt ta vẫn trào dâng khi nhận ra rằng: Bác đã không còn nữa! Khổ thơ thứ hai và ba là một chuỗi các hình ảnh vũ trụ: mặt trời, vầng trăng, trời xanh lồng vào nhau như để ca ngời tầm vóc lớn lao của Bác; đồng thời thể hiện lòng tôn kíh vô hạn của tác giả, của nhân dân đối với vị cha già kính yêu của dân tộc.**

**Bài thơ bắt đầu bằng sự kiện “Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác” và cũng kết thúc bằng chi tiết “Mai về miền Nam”. Đây là giờ phút sắp chia tay với Bác, tâm trạgn nhà thơ tràn đầy niềm cảm thương xen lẫn bùi ngùi, lưu luyến. Điều đó được thể hiện qua hình ảnh cuờng điệu: “Thương trào nước mắt” :**

**“Mai về miền Nam thương trào nước mắt**

**Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác**

**Muốn làm đóa hoa toả hương đâu đây**

**Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này”**

**Tình thương xót nén giữa tam hồn đã làm nảy sinh bao ước muốn: “muốn là con chin” để dâng lên tiếng hót vui, “muốn là đoá hoa” dâng hương thơm ngát, “muốn làm cây tre trung hiếu” canh gác chi giấc ngủ yên lành của Bác. Nhịp điệu khổ thơ lúc này dồn dập với điệp ngữ “muốn làm” nhắc lại đến ba lần và các hình ảnh liên tiếp xuất hiện như một dòng khát khao mãnh liệt của nhà thơ muốn được gần Bác mãi mãi.**

**Bằng tất cả tình cảm chan thành, Viễn Phương đã làm “Viếng lăng Bác” trở thành một bản tình ca bất tận để lại ấn tượgn sâu sắc cho bao người dân Việt Nam. Bài thơ hay không chỉ vì các nghệ thuật, kĩ sảo độc đáo mà quan trọgn hơn, đó là sự kết hợp nhuẫn nhị giữa cái “tâm” của một nguời con yêu nước và cái “tài” của người nghệ sĩ. Rất nhiều năm tháng đã đi qua nhưng mỗi thế hệ đọclại “Viếng lăng Bác” đều đón nhận vào tâm hồn mình một ánh sáng tư tưởng, tình cảm của nhà thơ và đồng thời cũng thấm nhuần vẻ đẹp trong suốt, lấp lánh toả ra từ chính cuộc đời, trí tuệ và trái tim Bác Hồ.**

**Phân tích hai khổ đầu bài thơ Viếng lăng Bác ( Cách 1 )**

Viễn Phương là một trong những cây bút có mặt sớm nhất của lực lượng văn nghệ giải phóng miền Nam thời chống Mỹ. Ông sáng tác không nhiều song cũng đã để lại cho đời những tình cảm thiết tha đối với cuộc sống với quê hương, đất nước. Viễn Phương cũng là người có may mắn được nhiều năm sống và làm việc gần gũi với Bác Hồ. Đặc biệt, đối với Bác Hồ kính yêu, nhà thơ đã có nhiều bài thơ thể hiện lòng luyến thương tiếc nhớ khâm phục tự hào về Bác Hồ. 2 khổ thơ đầu bài thơ Viếng lăng Bác thể hiện sâu sắc tình cảm ấy:

*“Con ở miền Nam thăm lăng Bác*  
*Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát*  
*Ôi ! Hàng tre xanh xanh Việt Nam*  
*Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.*

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*  
*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ*  
*Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ*  
*Kết tràng hoa dâng bảy chín mùa xuân…”*

Mở đầu bài thơ Viễn Phương đã bày tỏ cảm xúc của mình qua lời tự giới thiệu như lời tâm tình nhẹ nhàng:

*“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác”.* Đại từ nhân xưng “con”, “Bác” nghe sao ngọt ngào thân thương, gần gũi đến thế. Cách xưng hô này thật gần gũi, thật thân thiết, ấm áp tình thân thương mà vẫn rất mực thành kính, thiêng liêng. Đồng thời, cũng diễn tả tâm trạng xúc động của người con ra thăm cha sau bao nhiêu năm xa cách.“Con” ở đây cũng là cả miền Nam, là tất cả tấm lòng của đồng bào Nam Bộ đang hướng về Bác, hướng về vị cha già kính yêu của dân tộc với một niềm xúc động lớn lao. Nhà thơ sử dụng từ “thăm” thay cho từ “viếng” một cách tinh tế. “Viếng” là đến chia buồn với thân nhân người chết, thành kính phân ưu cùng tang chủ. Còn “thăm” là gặp gỡ, trò chuyện với người đang sống, là cuộc hội ngộ được mong ngóng từ lâu ngày.

Đây là cách nói giảm, nói tránh nhằm làm giảm nhẹ nỗi đau thương mất mát. Bác đã mãi mãi ra đi nhưng hình ảnh của Người vẫn còn mãi trong trái tim nhân dân miền Nam, trong lòng dân tộc, đồng thời ý thơ còn gợi sự thân mật, gần gũi như đưa con phương xa về thăm cha, thăm người thân ruột thịt, thăm chỗ Bác nằm, thăm nơi Bác ở để thỏa lòng khát khao mong nhớ bấy lâu để tìm lại chính mình trong nỗi đau thương vô tận. Đọc lên câu thơ, ta không không khỏi nghẹn ngào. Đó không chỉ là tình cảm riêng của nhà thơ mà còn là tình cảm chung của đồng bào miền Nam, tình cảm của cả dân tộc Việt Nam. Thế hệ này tiếp nối thế hệ khác, song tất cả đều có chung một tình cảm như thế với Bác Hồ kính yêu.

Với niềm sung sướng dâng trào, với niềm vui chất ngất Viễn Phương đã tập trung chiêm ngưỡng cảnh quan quanh lăng Bác:

*“Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát*  
*Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam*  
*Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.*

Bằng bút pháp tả thực, tác giả đã giúp ta hình dung một hiện thực trong màu sương trắng mờ ảo, cảnh quan quanh lăng Bác hiện ra thật lung linh mà cũng vô cùng thú vị. Màn sương trắng là dấu hiệu của cảnh trời hãy còn sớm tinh mơ. Ấy thế mà tác giả đã có mặt tự bao giờ! Điều đó chứng tỏ Viễn Phương đã rất mong mỏi và cũng rất háo hức khi được đến thăm lăng Bác dù chỉ qua việc viếng lăng.

Trong màn sương trắng, hình ảnh gây ấn tượng nhất đối với Viễn Phương là hàng tre. Từ “hàng tre” được điệp lại hai lần trong khổ thơ. Nhờ phép dùng điệp ngữ ấy, hàng tre hiện lên vẻ đẹp đẽ vô cùng. Nó đẹp trong sắc “xanh xanh” thật tươi thắm. Kết hợp phép nhân hóa vận dụng trong dòng thơ: “Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng” giúp hình ảnh hàng tre hiện lên càng thêm đẹp đẽ vô cùng.

Trước hết, hàng tre là hình ảnh thực hết sức thân thuộc và gần gũi của làng quê, đất nước Việt Nam. Hình ảnh hàng tre còn là một biểu tượng con người, dân tộc Việt Nam kiên trung bất khuất. Thành ngữ “bão táp mưa sa” nhằm chỉ những khó khăn thử thách của lịch sử dân tộc tộc. Dáng “đứng thẳng hàng” là tinh thần đoàn kết đấu tranh, chiến đấu anh hùng, không bao giờ khuất phục của một dân tộc tuy nhỏ bé nhưng vô cùng mạnh mẽ.

Từ hình ảnh hàng tre bát ngát trong sương quanh lăng Bác, nhà thơ đã suy nghĩ, liên tưởng và mở rộng khái quát thành một hình ảnh hàng tre mang ý nghĩa ẩn dụ, biểu tượng cho sức sống bền bỉ, kiên cường, bất khuất của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam trong lớp lớp thời gian.

Nhắc tới hình ảnh hàng tre ta không thể quên đó là một loại vũ khí vốn gắn bó với truyền thống đánh giặc thật hào hùng của dân tộc Việt Nam thân yêu này. Nó làm hiện ra trước mắt người đọc những đau thương, mất mát, sự hi sinh của dân tộc trong cuộc chiến đấu chống xâm lược và âm mưu đồng hóa của kẻ thù.

Chỉ một khổ thơ ngắn thôi nhưng cũng đủ để thể hiện những cảm xúc chân thành, thiêng liêng của nhà thơ và cũng là của nhân dân đối với Bác kính yêu. Với cảm xúc dâng trào ấy, nhà thơ đã thả hồn liên tưởng tới hình ảnh vĩ đại khi bước đến gần lăng Bác:

*“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*  
*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ*  
*Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ*  
*Kết tràng hoa dâng bảy chín mùa xuân.”*

Khổ thơ được bắt đầu bằng cụm từ chỉ thời gian: “ngày ngày” vận dụng như một điệp ngữ như muốn diễn tả hiện thực đang vận chuyển của thiên nhiên, vạn vật mà sự vận chuyển của mặt trời là một điển hình. Để diễn tả sự vận chuyển của mặt trời, Viễn Phương đã viết: “Mặt trời đi qua” và “thấy”. Hầu như Viễn Phương đã có chuyển tự nhiên chính là hoạt động “đi” của con người. Hình ảnh “mặt trời đi qua trên lăng” là hình ảnh thực. Đó là mặt trời thiên tạo, là nguồn sáng của vũ trụ, nó gợi ra sự kì vĩ, sự bất tử, vĩnh hằng. Mặt trời là nguồn cội của sự sống và ánh sáng. Hình ảnh “mặt trời trong lăng” còn là một ẩn dụ đầy sáng tạo và độc đáo. Đó là hình ảnh của Bác Hồ vĩ đại. Giống như “mặt trời”, Bác Hồ cũng là nguồn ánh sáng, nguồn sức mạnh.

Ở Bác Hồ là sự kết tinh của tình yêu thương ấm áp, là ý chí vượt khó, là tinh thần bất khuất, là niềm tin tất thắng. Bác đã cùng nhân dân vượt qua trăm ngàn gian khổ, hi sinh để đi tới chiến thắng quang vinh, trọn vẹn. Ý thơ vừa góp phần đề cao tầm vóc vĩ đại của Bác, đồng thời cũng đã miêu tả được thái độ đầy tôn kính của nhà thơ đối với Bác.Nhìn dòng người đang tuần tự tiến vào thăm lăng Bác Viễn Phương đã liên tưởng đó là “tràng hoa”. Một lần nữa nhà thơ đã kết hợp hai hình ảnh thực và ẩn dụ sóng đôi nhau để miêu tả sự nhớ thương của nhân dân đối với Bác và đồng thời cũng khắc họa công ơn Bác:

*“Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ*  
*Kết tràng hoa dâng bảy chín mùa xuân”.*

“Tràng hoa” được kết từ dòng người đang tuần tự, trang nghiêm bước vào viếng lăng như đang dâng hương hoa lòng thơm ngát lên Bác kính yêu. Điệp ngữ “ngày ngày” cùng cấu trúc câu giống hình thức của câu thơ trước đã góp phần miêu tả thời gian cứ dần trôi qua còn dòng người cứ đến viếng lăng Bác không hết.

Hình ảnh ấy còn góp phần thể hiện tấm lòng yêu kính, biết ơn của muôn dân đối với Bác. Để rồi, cuối cùng bằng những hình ảnh hoán dụ: “bảy mươi chín mùa xuân”, Viễn Phương đã trân trọng ngợi ca cả cuộc đời Bác là một trường ca xuân đem lại cho đời, cho người niềm hạnh phúc ấm no. Hình ảnh hoán dụ ấy đồng thời cũng bày tỏ lòng tri ân của tác giả mà cũng là của tất cả mọi người đối với Bác.

Những dòng người bất tận đang ngày ngày vào lăng viếng Bác, nối kết nhau như những tràng hoa bất tận dâng lên Người. Những tràng hoa rực rỡ đó dưới ánh mặt trời của Bác đã trở thành những tràng hoa đẹp nhất dâng lên “bảy mươi chín mùa xuân” là 79 năm cuộc đời của Người với sự thành kính và mến yêu vô hạn.

Ngày nay, yêu kính, nhớ ơn Bác, toàn dân, toàn Đảng ra sức bồi đắp, xây dựng, phát triển đất nước. Riêng học sinh chúng em xin luôn tâm niệm lời nhắn nhủ của Bác “Non sông Việt Nam có tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước lên đài vinh quang sánh vai các cường quốc năm châu được hay không chính nhờ phần lớn ở công học tập của các cháu” mà cố gắng chăm ngoan ra sức học tập, rèn luyện tốt nhân cách đạo đức, mai sau góp công sức nhỏ bé của mình vào việc xây dựng, bảo vệ quê hương đất nước, đền đáp phần nào công lao vĩ đại của Bác.

**Phân tích hai khổ đầu bài thơ Viếng lăng Bác ( Cách 2 )**

Bác Hồ là vị lãnh tụ vĩ đại, vị cha già đáng kính của cả dân tộc Việt Nam. Vì thế, sự ra đi của Bác là một sự mất mát to lớn của toàn thể dân tộc. Đã có rất nhiều vần thơ thể hiện lòng nhớ thương của những người con Việt Nam đối với Bác. Tuy là một bài thơ ra đời khá muộn, nhưng "***Viếng lăng Bác***" của Viễn Phương vẫn để lại trong lòng người đọc những cảm xúc sâu lắng, bởi đó là tình cảm của một người con miền Nam lần đầu được gặp Bác. Toàn bài thơ là một lời tâm sự thiết tha, là nỗi lòng thành kính và tha thiết của một người con miền Nam đối với Bác Hồ.

Bài thơ được mở đầu như một lời thông báo nhưng dạt dào tình cảm:

*"Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác"*

Từ miền Nam xa xôi, Viễn Phương cùng các chiến sĩ ra thủ đô Hà Nội để thăm lăng Bác. Đây là một cuộc hành hương xa xôi cách trở. Khi đến lăng Bác, nhà thơ bồi hồi xúc động. Câu thơ thể hiện tình cảm thiết tha của một người con miền Nam qua cách xưng hô gần gũi, mang đậm chất Nam Bộ: "Con - Bác".

Đứng từ xa ngắm nhìn lăng Bác, hình ảnh hàng tre bát ngát hiện lên trong màn sương huyền ảo của bầu trời Hà Nội. Từ lâu, lũy tre xanh đã trở thành một nét đẹp của làng quê Việt Nam. Tre là người bạn thân thiết, luôn giúp đỡ con người trong mọi công việc: "Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín". Nhưng ở đây, hình ảnh hàng tre không chỉ dừng lại ở tầng nghĩa đó, hàng tre ở đây được so sánh ngầm với con người và đất nước Việt Nam. Tre luôn đoàn kết, gắn bó tạo nên một lũy thành kiên cường thách thức gió mưa, giông bão.

Tre là hình ảnh tượng trưng cho tình đoàn kết, cho khí thái hiên ngang, bất khuất và dũng cảm chiến đấu với kẻ thù của người Việt Nam. Tre luôn đứng thẳng như con người Việt Nam thà chết đứng chứ không chịu sống quỳ. Biểu tượng đẹp đẽ ấy được nhà thơ chọn lọc miêu tả quanh lăng Bác, như cả dân tộc Việt Nam vẫn đang sát cánh bên Bác. Hàng tre Việt Nam ấy, phải chăng là hình ảnh của những người con Việt Nam đang quây quần bên vị cha già đáng kính đang đi vào giấc ngủ an lành? Hình ảnh tượng trưng có ý nghĩa biết bao!

Tiến gần hơn đến lăng Bác, nhà thơ bắt gặp hình ảnh mặt trời đỏ rực trên lăng:

*"Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ"*

Mặt trời rực sáng đem đến sự sống, đem đến ánh sáng tươi đẹp cho trái đất. Nếu mặt trời trong câu thơ thứ nhất là một hình ảnh thực, là một vật thể không thể thiếu của vũ trụ, thì mặt trời trong câu thơ thứ hai lại là một hình ảnh ẩn dụ được nhà thơ sử dụng một cách sáng tạo. Bác như một vầng thái dương sáng ngời, chiếu rọi ánh sáng cách mạng vào tâm hồn để vực dậy sự sống tươi đẹp cho những con người đắm chìm trong bóng đêm nô lệ. Bác là người đã dẫn dắt con đường cách mạng cho toàn thể dân tộc, đã cống hiến cả cuộc đời mình cho sự nghiệp giải phóng đất nước. Vì thế, Bác là một mặt trời vẫn luôn ngời sáng, sưởi ấm cho linh hồn của những người con Việt Nam:

*"Bác sống như trời đất của ta*

*Yêu từng ngọn lúa, mỗi nhành hoa*

*Tự do cho mỗi đời nô lệ*

*Sữa để em thơ, lụa tặng già"*

(Tố Hữu)

Hình ảnh dòng người vào thăm lăng Bác đã được nhà thơ miêu tả một cách độc đáo và để lại nhiều ấn tượng:

*"Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân"*

Ta nhận thấy cụm từ "ngày ngày" được điệp lại một lần nữa. "Ngày ngày" là sự lặp đi lặp lại, không thay đổi. Điệp lại cụm từ này, có lẽ nhà thơ muốn nhấn mạnh một chân lý. Nếu mỗi ngày mặt trời đi qua trên lăng, tỏa ánh sáng sưởi ấm vạn vật là một điệp khúc không thay đổi của thời gian, thì công ơn của Bác ngự trị trong lòng người dân Việt Nam cũng không phai nhòa theo năm tháng, và hình ảnh dòng người ngày ngày vào viếng lăng Bác cũng đã trở thành một điệp khúc của lòng kính yêu Bác. "Tràng hoa" cũng là một hình ảnh ẩn dụ sáng tạo của nhà thơ. Mỗi người con Việt Nam là một đóa hoa tươi thắm, hàng triệu con người Việt Nam sẽ trở thành một tràng hoa rực rỡ sắc màu dâng lên Bác. Hình ảnh hoán dụ "bảy mươi chín mùa xuân" tượng trưng cho bảy mươi chín năm Bác đã cống hiến cuộc đời cho đất nước, cho cách mạng.

Mỗi tuổi đời của Bác là một mùa xuân tươi đẹp dâng hiến cho Tổ quốc. Và giờ đây, Bác chính là mùa xuân còn dòng người là những đóa hoa tươi thắm. Hoa nở giữa mùa xuân, một hình ảnh đẹp đẽ, ý nghĩa biết bao!

**Phân tích hai khổ đầu bài thơ Viếng lăng Bác ( Cách 3 )**

Sinh thời Hồ Chí Minh vừa là một nhà văn, một nhà thơ vừa là một nhà hoạt động Cách mạng. Sự cống hiến của Người dành cho dân tộc Việt Nam là khôn kể. Chính sự hi sinh độ lượng ấy đã làm nên một Hồ Chí Minh sống mãi trong tâm trí hàng triệu người dân Việt Nam cũng như bạn bè quốc tế để rồi bức tượng đài hùng vĩ về Người đã dần đi vào thơ ca một cách rất đỗi tự nhiên. Có thi nhân viết về Bác với những công lao vĩ đại, cũng có những thi nhân đi sâu vào ca ngợi tài năng thơ ca, con người Bác còn Viễn Phương lại khác. Ông đã chọn cho mình một cách viết rất riêng. Đó là dòng cảm xúc của một lần tới lăng viếng Bác qua bài thơ "***Viếng lăng Bác***" mà trong đó hai khổ thơ đầu đã bộc lộ cảm xúc của tác giả lần đầu vào lăng viếng Bác.

Mở đầu bài thơ như một lời kể rất đỗi tự nhiên:

*"Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác"*

"Con" – "Bác" cách xưng hô sao mà gần gũi, thân thiết đến thế? Không phải đến đây để viếng mà là để "thăm". Chữ "thăm" là cách nói giảm, nói tránh vô cùng tinh tế, nó giúp giảm bớt đi sự mất mát, đau thương. Câu thơ mở đầu hướng ta đến với hình ảnh một người con lâu ngày mới có dịp về thăm người cha già kính yêu của mình. Về nơi đây, người con ấy còn thấy:

*"Đã thấy trong sương hàng tre xanh bát ngát*

*Ôi hàng tre xanh xanh Việt Nam*

*Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng"*

Ba câu thơ là ba biện pháp nghệ thuật hoàn toàn khác nhau. Từ láy "xanh xanh, bát ngát", thành ngữ "bão táp mưa sa", biện pháp nhân hóa "đứng thẳng hàng" đã cùng nhau làm nên cái hồn cho một hàng tre vốn vô hồn. Mỗi câu thơ hiện ra dần hay hơn, có hồn hơn khi đặc tả sức sống gan góc, kiên cường của hàng tre xanh bát ngát một màu. Và ở đây, tre xanh không chỉ còn là loài cây thân thẳng nữa mà nó đã được biến thành biểu tượng tượng trưng cho con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam bất khuất, kiên cường. Ẩn sâu trong ý thơ là niềm tự hào còn xen lẫn cả sự bồi hồi, xúc động.

Bước sang khổ thơ thứ hai là những hình ảnh hoàn toàn quen thuộc nhưng được diễn tả với một giọng thơ đầy mới lạ:

*"Ngày ngày mặt trời đi qua lăng*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ"*

Nếu mặt trời trong câu thơ thứ nhất là mặt trời của thiên nhiên, vũ trụ tỏa ánh nắng rực rỡ, chói chang xuống nơi trần gian, ban tặng sự sống đến muôn loài, vạn vật thì mặt trời trong câu thơ tiếp theo lại là hình ảnh ẩn dụ cho Bác. Người là vị cha già vĩ đại của dân tộc, là người dẫn dắt cách mạng Việt Nam cập bến vinh quang. Bác là mặt trời đang ngự trị trong lăng để hàng ngày mặt trời của thiên nhiên, vũ trụ đi qua phải ngắm nhìn mặt trời của dân tộc Việt Nam. Ví Bác như mặt trời nhằm ca ngợi công lao của Bác với dân tộc Việt Nam và Bác vĩnh viễn hóa, bất tử hóa trong lòng người Việt Nam. Bên cạnh hình ảnh mặt trời tráng lệ còn là dòng người nối tiếp:

*"Ngày ngày mặt trời đi trong thương nhớ*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân"*

Với điệp từ "Ngày ngày" kết hợp cùng hai từ "dòng người" đã diễn tả hình ảnh lặp đi lặp lại thường xuyên, liên tục, là sự nối tiếp không dừng lại của đoàn người vào lăng. Và cũng thông qua hai nghệ thuật ẩn dụ và hoán dụ tác giả đã vẽ nên bức tranh dòng người đang lần lượt xếp hàng thành vòng tròn để dâng lên cuộc đời bảy mươi chín mùa xuân là dâng lên Người những thành quả đã gặt hái được.

Như vậy xuyên suốt hai khổ thơ là những cảm nhận rất thực và vô cùng tinh tế của Viễn Phương trong một lần vào lăng. Cảm xúc ấy khi thì bồi hồi, xúc động, tự hào, khi lại vô cùng biết ơn, thành kính. Hai khổ thơ cũng đã đưa ta về với hình ảnh rực rỡ của vị cha già vĩ đại, kính yêu ngàn đời còn sống mãi theo năm tháng, theo thời gian.

-/-

### PHÂN TÍCH HAI KHỔ THƠ 3 VÀ 4 BÀI THƠ VIẾNG LĂNG BÁC ( Cách 1 )

**“*Viếng lăng Bác*” của Viễn Phương là một bài thơ xuất sắc được sáng tác vào năm 1976, bài thơ mang đậm chất trữ tình ghi lại tình cảm thành kính, sâu lắng của nhà thơ khi hòa vào dòng người đang vào viếng lăng Bác. Qua đó bài thơ được xem là tiếng nói nỗi niềm tâm sự của nhân dân dành cho Bác. Đặc biệt, những tình cảm ấy lại chan chứa và dạt dào ở hai khổ thơ 3 và 4.**

**Hai khổ 3 và 4 cuối bài thơ như những nốt nhạc du dương, trầm bổng, réo rắt như tấm lòng tha thiết yêu mến của nhà thơ với Hồ Chủ tịch. Bằng những ngôn từ ẩn dụ đặc sắc, từ ngữ bình dị mà giàu sức gợi, câu thơ đã khơi gợi trong lòng người đọc những rung động sâu sắc và đáng quý...**

**“Bác nằm trong giấc ngủ bình yên**

**Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền”**

**Khung cảnh bên trong lăng thật êm dịu, thanh bình. Lúc này, trước mặt mọi người chỉ có hình ảnh Bác. Bác nằm đó trong giấc ngủ vĩnh hằng. Bác mất thật rồi sao? Không đâu. Bác chỉ nằm đó ngủ thôi, Bác chỉ ngủ thôi mà! Suốt bảy mươi chín năm cống hiến cho đất nước, bây giờ đất nước đã bình yên, Bác phải được nghỉ ngơi chứ. Bao quanh giấc ngủ của Bác là một “vầng trăng sáng dịu hiền”. Đó là hình ảnh ẩn dụ cho những năm tháng làm việc của Bác, lúc nào cũng có vầng trăng bên cạnh bầu bạn. Từ giữa chốn tù đày, đến “cảnh khuya” núi rừng Việt Bắc, rồi “nguyên tiêu”…Tuy vậy, Bác chưa bao giờ thảnh thơi để ngắm trăng đúng nghĩa. Khi thì “trong tù không rựơu cũng không hoa”, khi thì “việc quân đang bận”. Chỉ có bây giờ, trong giấc ngủ yên, vầng trăng ấy mới thật sự là vầng trăng yên bình, để Bác nghỉ ngơi và ngắm. Trăng dịu hiền, soi sáng hình ảnh Bác. Nhìn Bác ngủ ở đấy thật bình yên, nhưng có một sự thật dù đau lòng cách mấy ta vẫn phải chấp nhận: Bác đã thật sự ra đi mãi mãi.**

**“Vẫn biết trời xanh là mãi mãi**

**Mà sao nghe nhói ở trong tim!”**

**Trời xanh bao la kia kéo dài đến vô tận, không bao giờ chấm dứt. Dù lí trí vẫn luôn trấn an lòng mình rằng Bác vẫn sống đấy, vẫn còn dõi theo Tổ quốc mãi mãi như màu xanh thanh bình trên nền trời Tổ quốc độc lập nhưng con tim ta vẫn nhói đau vì một sự thật đau lòng. Một từ “nhói” của nhà thơ nói hộ ta nỗi đau đớn, nỗi đau vượt lên mọi lí lẽ, mọi lập luận lí trí. Bác như trời xanh, Bác là mãi mãi, Bác vẫn sống trong tâm tưởng mỗi chúng ta, Bác mãi hiện diện trên mỗi phần đất, mỗi thành quả, mỗi phần tử tạo nên đất nước này. Nhưng mà Bác mất thật rồi, ta không còn có Bác trong cuộc đời thường này. Mất Bác, cái thiếu vắng ấy liệu có thể nào bù đắp được? Tổ quốc ta đã thật sự không còn Bác dõi theo từng bước chân, không còn được Bác nâng đỡ mỗi khi vấp ngã. Bác ra đi, nỗi đau ấy liệu có từ ngữ nào diễn tả hết? Cả đàn con Việt Nam luôn tiếc thương Bác, luôn nhớ về Bác như một cái gì đó thật vĩ đại, không thể xoá nhoà. Dù Bác ra đi thật sự rồi nhưng những điều Bác đã làm vẫn sẽ đọng lại trong tâm hồn, hình ảnh Bác vẫn tồn tại trường kì trong trái tim mỗi người dân Việt Nam.**

**Cuối cùng dẫu thương tiếc Bác đến mấy, cũng đến lúc phải rời lăng Bác để ra về. Khổ thơ cuối như một lời từ biệt đầy xúc động:**

**“Mai về miền Nam thương trào nước mắt”**

**Ngày mai phải rời xa Bác rồi. Một tiếng “thương của miền Nam” lại vang lên, gợi về miền đất xa xôi của Tổ quốc, một nơi từng có vị trí sâu sắc trong trái tim người. Một tiếng “thương” ấy là yêu, là biết ơn, là kính trọng cuộc đời cao thượng, vĩ đại của Người. Đó là tiếng thương của nỗi đau xót khi mất Bác. Thương Bác lắm, nước mắt trào ra, thật đúng là tình thương của người Việt Nam, vô bờ bến và rất thật.**

**“Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác**

**Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây**

**Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này”**

**Cùng với nỗi niềm yêu thương vô hạn, tác giả nói lên muôn vàn lời tự nguyện. Điệp ngữ “muốn làm” khẳng định mạnh mẽ những ước nguyện ấy. Ước chi ta có thể biến hình thành những gì thân yêu quanh nơi Bác ngủ để mãi mãi được chiêm ngưỡng Bác, cuộc đời và tâm hồn của Bác, để bày tỏ lòng ta với Bác. Một con chim nhỏ góp tiếng hót làm vui những bình minh của Bác, một đóa hoa góp mùi hương làm thơm không gian quanh Bác hay một cây tre trong hàng tre xanh xanh Việt Nam tỏa bóng mát dịu dàng quê hương của Bác, tất cả đều làm Bác vui và ngủ an giấc hơn. Đây cũng chính là nguyện ước chân thành, sâu sắc của hàng triệu con tim người Việt sau một lần ra thăm lăng Bác. Bác ơi! Bác hãy ngủ lại bình yên nhé, chúng cháu về miền Nam tiếp tục xây dựng Tổ quốc từ nền móng Bác đã tạo ra đây! Câu thơ trầm xuống để kết thùc, ngừng lặng hòan toàn…**

**Về nghệ thuật, baài thơ có nhiều điểm nghệ thuật rất đặc sắc, giúp biểu hiện thành công thêm về những giá trị nội dung. Bài thơ viết theo thể tám chữ, trong có có xen một vài câu bảy và chín chữ. Nhiều hình ảnh trong bài thơ lấy từ ngoài đời thực đã được ẩn dụ, trở thành một cách thể hiện cảm xúc thành kính của tác giả. Nhịp thơ của bài linh hoạt, lúc nhanh là biểu hiện cho ước nguyện đền đáp công ơn Bác, lúc chậm là lúc thể hiện lòng thành kính với Bác. Giọng điêu của bài trang trọng, tha thiết, ngôn ngữ thơ bình dị mà cô đúc.**

**Bằng những từ ngữ, lời lẽ chân thành, giàu cảm xúc, nhà thơ Viễn Phương đã bày tỏ được niềm xúc động cùng lòng biết ơn sâu sắc đến Bác trong một dịp ra miền Bắc viếng lăng Bác. Bài thơ như một tiếng nói chung của toàn thể nhân dân Việt Nam, biểu lộ niềm đau xót khi thấy Bác kính yêu ra đi. Qua bài thơ, chúng ta cảm thấy rằng đất nước ta có hoà bình như ngày hôm nay một phần lớn là nhờ công lao của Bác, như vậy chúng ta cần phải biết xây dựng và bảo vệ tổ quốc.**

PHÂN TÍCH HAI KHỔ THƠ 3 VÀ 4 BÀI THƠ VIẾNG LĂNG BÁC ( Cách 2 )

**Viễn Phương là một trong những cây bút có mặt sớm nhất của lực lượng văn nghệ giải phóng miền Nam thời chống Mỹ cứu nước. Thơ Viễn Phương bình dị, đằm thắm mang đậm tính cahs Nam Bộ. Đến sau trong đề tài thơ về Bác do điều kiện, hoàn cảnh: là người con miền Nam, cầm súng ở ngoài tiền tuyến… nhà thơ Viễn Phương đã để lại bài thơ “Viếng lăng Bác” độc đáo, có sức cảm hóa sâu sắc bởi tình ý đẹp, bởi lời hay. Đặc biệt ở hai thơ cuối thể hiện sâu sắc và cảm động tinh thần kính yêu lãnh tụ và ý nguyện muốn được dâng hiến đời mình bồi đắp thêm cho vẻ đẹp của đất nước:**

**“Bác nằm trong giấc ngủ bình yên**

**Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền**

**Vẫn biết trời xanh là mãi mãi**

**Mà sao nghe nhói ở trong tim!**

**Mai về miền Nam thương trào nước mắt**

**Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác**

**Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây**

**Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này”.**

**Đã từ rất lâu, cũng như các chiến sĩ và đồng bào miền Nam xa xôi, Viễn Phương luôn khao khát được viếng thăm lăng Bác, được trở về với người cha già vĩ đại. Nhưng cuộc chiến kéo dài, kẻ thù còn ngoan cố nên đến sau ngày đất nước giải phóng, ông mới có dịp thực hiện ước nguyện ấy.**

**Tác giả đến với lăng Bác trong tâm trạng bùi ngùi, vừa cảm thương, tiếc nuối vì người đã ra đi mãi mãi vừa cảm thấy tự hào, thỏa nguyện vì đã được trở về với tinh thần vĩ đại của dân tộc, trở về với nguồn sức mạnh thiêng liêng. Bước vào trong lăng, khung cảnh và không khí như ngưng kết cả thời gian, không gian. Hình ảnh thơ đã diễn tả thật chính xác, tinh tế sự yên tĩnh, trang nghiêm cùng ánh sáng dịu nhẹ, trong trẻo của không gian trong lăng Bác:**

**“Bác nằm trong giấc ngủ bình yên**

**Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền**

**Vẫn biết trời xanh là mãi mãi**

**Mà sao nghe nhói ở trong tim!”.**

**Khổ thơ được bắt đầu với việc tả thực hình ảnh của Bác. Đứng trước Bác, nhà thơ cảm nhận như Người đang ngủ giấc ngủ bình yên, thanh thản giữa vầng trăng sáng dịu hiền. Tất cả gợi nên một khung cảnh thiêng liêng, vô cùng thành kính. Sự tĩnh mịch đến phi thường, không âm thanh, chỉ có ánh sáng, đủ sức đưa con người đi vào tâm tưởng.**

**Cái ranh giới mỏng manh giữa sự hiện hữu và hư vô càng khiến cho không gian trở nên huyền ảo. Vầng trăng tỏa sáng lung linh quanh linh cữu của Người, cùng đồng hành với người trong thế giới siêu nhiên. Hình ảnh “vầng trăng sáng dịu hiền” gợi cho chúng ta nghĩ đến tâm hồn, cách sống cao đẹp, thanh cao, sáng trong của Bác**

**Với niềm cảm xúc chất ngất, Viễn Phương lại liên tưởng Bác là: “trời xanh”. Trong toàn bài thơ “*Viếng lăng Bác*”, đây lần thứ hai Viễn Phương đã vận dụng hình ảnh ẩn dụ ấy mới tài tình, mới chính xác. Bởi vì, trong thế giới tự nhiên bao la vô tận, “trời xanh” có khả năng bao trùm vạn vật như muốn chở che, bảo vệ cho muôn vật, muôn loài. Bác Hồ của chúng ta cũng vĩ đại như thế.**

**Cả cuộc đời Người, từ lúc còn là thanh niên trẻ cho đến khi da mồi tóc bạc, Bác hi sinh cả vì nền độc lập dân tộc Việt Nam thân yêu này. Biết bao năm bôn ba hải ngoại, biết bao lần gối tuyết nằm sương, bao phen bị giam cầm xiềng xích, Bác vẫn quyết định chịu đựng, vượt qua để ánh sáng cách mạng rọi soi khắp nhân dân, để đạp tan mọi gông cùm khổ ải cho non song Việt nam thống nhất mọi nhà. Cho nên việc nhà thơ ví Bác như “trời xanh” là thật đúng và mãi mãi đúng với dân tộc ta.**

**Tuy nhiên, khi đọc kĩ lại câu thơ: “Vẫn biết trời xanh là mãi mãi”, ta nghe như có cái gì đó vừa chùng xuống, có gì làm nghèn ghẹn trong lòng ta. Cảm xúc ấy đã được chứng thực khi đọc đến câu thơ:**

**“Mà sao nghe nhói ở trong tim”**

**Như vậy mặc dù dòng cảm xúc, sự liên tưởng của Viễn Phương đang thật dạt dào, phong phú, đang say sưa ngây ngất với niềm sung sướng, từ hào niềm tôn kính dâng trào khi được ở bên Bác, thỏa tấm lòng “Miền nam mong Bác nỗi mong cha”. Động từ “nhói” mang đậm phong cách Nam Bộ. Đặt trong giọng thơ đầy xót xa, thương nhớ nghe gần gũi, chân thật đã miêu tả thật rõ nét cảm xúc đau đớn tột cùng của tác giả khi đứng trước hiện thực đau lòng: Bác đã ra đi mãi mãi. Và ý thơ ấy của Viễn Phương đã giúp ta hình dung hình ảnh nhà thơ đang đứng thật trang nghiêm, cúi đầu kính cẩn tưởng niệm Bác đã dành cho dân tộc thân yêu này bằng tấm lòng yêu thương, kính phục.**

**Thương yêu Bác thật nhiều mà gần gũi chẳng được bao nhiêu nên phút giây chia tay thật bùi ngùi lưu luyến. Nghĩ đến ngày mai về miền Nam xa Bác, xa Hà Nội, tình cảm của nhà thơ không kìm nén, ẩn giấu trong lòng mà được bộc lộ thể hiện ra ngoài:**

**“Mai về miền Nam thương trào nước mắt**

**Muốn làm con chim hót quanh Bác**

**Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây**

**Muốn làm cây tre chung hiếu chốn này”.**

**Vẫn với cách diễn đạt đậm chất Nam Bộ “thương trào nước mắt” cùng điệp ngữ: “muốn làm” vận dụng như một điệp khúc, lại được dồn đặt lên đầu ba câu thơ liên tiếp, các câu thơ đã trở thành đỉnh cao của mạch cảm xúc, giúp ông giúp chọn mọi tâm tư tình cảm yêu thương, kính phục dành cho Bác. Đó là không chỉ là tâm trạng của tác giả mà còn là của muôn triệu trái tim khác. Được gần Bác dù chỉ trong giây phút nhưng không bao giờ ta muốn xa Bác bởi Người ấm áp quá, rộng lớn quá.**

**Chính vì yêu thương, kính phục, thấy xót xa, bịn rịn không nỡ rời đi, nhà thơ đã ước nguyện làm “con chim” yêu thương “hót quanh lăng”, muốn làm “đóa hoa tỏa hương” tỏa hương quanh lăng, muốn “làm cây tre” trung hiếu trọn đời yêu thương tôn kính vị cha già của nhân dân. Đặc biệt là ước nguyện “Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này” để nhập vào hàng tre bát ngát, canh giữ giấc ngủ thiên thu của Người. Hình ảnh cây tre có tính chất tượng trưng một lần nữa nhắc lại khiến bài thơ có kết cấu đầu cuối tương ứng.**

**Nếu ở khổ thơ đầu là một hàng tre như những tầng lớp nhân dân đang vây quần bên Bác, cùng Bác sống, cùng Bác đấu tranh để gìn giữ cho nền hòa bình, độc lập của dân tộc thì khổ thơ cuối chỉ là “cây tre” biểu trưng cho nhà thơ, cho nhân cách nhà thơ, cho ý chí kiên trung, bất khuất của dân tộc. Hình ảnh hàng tre quanh lăng Bác được lặp ở câu thơ cuối như mang thêm nghĩa mới, tạo ấn tượng sâu sắc, làm dòng cảm xúc được trọn vẹn. “Cây tre trung hiếu” là hình ảnh ẩn dụ thể hiện lòng kính yêu, sự trung thành vô hạn với Bác, nguyện mãi mãi đi theo con đường cách mạng mà Người đã đưa đường chỉ lối. Đó là lời hứa thủy chung của riêng nhà thơ và cũng là ý nguyện của đồng bào miền Nam, của mỗi chúng ta đối với Bác.**

**Ngày nay, yêu kính, nhớ ơn Bác, toàn dân, toàn Đảng ra sức bồi đắp, xây dựng, phát triển đất nước. Riêng học sinh chúng em luôn tâm niệm lời nhắn nhủ của Bác “Non song Việt Nam có tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước đến đài vinh quang sánh vai với cường quốc năm châu được hay không chính nhờ phần lớn công học tập của các cháu” mà cố gắng chăm ngoan ra sức học tập, rèn luyện tốt nhân cách đạo đức, mai sau góp công sức nhỏ bé của mình vào việc xây dựng, bảo vệ quê hương, đất nước, đền đáp phần nào công lao vĩ đại của Bác. Bằng những cảm xúc trào dâng, cách diễn đạt thật chân thật, tha thiết, với tư cái nhìn hình ảnh ẩn dụ đẹp đẽ, bài thơ “*Viếng lăng Bác*” nói chung các khổ thơ trên nói riêng và tình cảm yêu thương, kính trọng của nhà thơ, cũng là của đồng bào cả nước đối với Bác.**

**PHÂN TÍCH HAI KHỔ THƠ CUỐI BÀI “ VIẾNG LĂNG BÁC ’’ ( Cách 3 )**

**Bác Hồ - vị lãnh tụ vĩ đại, người cha già của dân tộc, không biết có bao nhiêu bài thơ, bài văn đã viết về Bác, nhưng một trong những tác phẩm để lại nhiều xúc động, ấn tượng nhất cho người đọc đó là bài thơ Viếng Lăng Bác của tác giả Viễn Phương. Trong một lần ra thăm Lăng Bác, Viễn Phương vô cùng xúc động và đã viết lên bài thơ để tỏ lòng thành kính đối với Bác. Đặc biệt hai khổ thơ cuối thể hiện sâu sắc lòng thành kính và xúc động của nhà thơ đối với Bác Hồ khi vào lăng viếng Bác.**

*"Bác nằm trong giấc ngủ bình yên*  
*Giữa một vầng trăng sáng diệu hiền*  
*Vẫn biết trời xanh là mãi mãi*  
*Mà sao nghe nhói ở trong tim”*

Khi Bác mất, nhà thơ Tố Hữu đã từng viết bài thơ Bác ơi đầy xúc động:

*Suốt mấy hôm rày đau tiễn đưa  
Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa…  
Chiều nay con chạy về thǎm Bác  
Ướt lạnh vườn cau, mấy gốc dừa!*

Phân tích 2 khổ cuối bài viếng lăng bác - Khi Bác mất, không chỉ dân tộc khóc, những người con đất Việt khóc mà cả “Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa”. Bài thơ xúc động và giàu cảm xúc, diễn tả đúng với tâm trạng của dân tộc. Và giờ đây, khi Bác nằm trong Lăng, Viễn Phương vào thăm Bác vẫn một cảm giác đấy, đau thương vô cùng, dù Bác nằm đó, yên tĩnh, nghiêm trang nhưng trái tim nhà Thơ vẫn đau nhói.

*Bác nằm trong giấc ngủ bình yên*  
*Giữa một vầng trăng sáng diệu hiền*

Trái tim của một con người chỉ luôn đau đáu vì dân tộc, hết một đời vì dân vì nước, không nghĩ gì đến lợi ích cá nhân. Và giờ đây, Bác đang nằm trong lăng với giấc ngủ ngàn thu, bình yên nhẹ nhàng, như trút bỏ mọi gánh nặng cuộc đời. Cuộc kháng chiến chống Mỹ đã thành công vang dội, Miền Nam Miền Bắc lại sum họp anh em một nhà như mong mỏi và ước nguyện của Bác. Có lẽ, vì vậy mà giấc ngủ của Bác thật bình yên, nhẹ nhàng. Tác giả sử dụng “vầng trăng sáng dịu hiền” cho thấy hình ảnh Bác ngủ nhẹ nhàng, đẹp tựa như vầng trăng sáng dịu dàng, một ánh sáng nhè nhẹ, ấm áp như trái tim Bác sưởi ấm cho toàn dân tộc Việt Nam.

Tuy vậy, cảm xúc của Viễn Phương vẫn rất xúc động, thấy Bác trong lăng mà trái tim vẫn nhói đau:

*"Vẫn biết trời xanh là mãi mãi*  
*Mà sao nghe nhói ở trong tim”*

Dù Bác đã ra đi nhưng hình ảnh của Bác vẫn còn mãi với non sông đất nước như trời xanh còn mãi mãi. Trong lời thơ của Viễn Phương, Bác đã hóa thành non sông, thành đất nước, thiên nhiên và dân tộc, Bác vẫn sống mãi trong lòng dân tộc vĩnh hằng như trời xanh không bao giờ mất đi. Nhưng dẫu biết là thế mà trái tim của Viễn Phương vẫn thấy đau nhói, vẫn thương yêu Bác vô cùng:

*Mai về miền Nam thương trào nước mắt  
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác  
Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây  
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này”*

Phân tích 2 khổ cuối bài viếng lăng bác - Khổ thơ cuối diễn tả tâm trạng lưu luyến của nhà thơ. Nhà thơ chỉ muốn được mãi ở bên Bác mà thôi nhưng tác giả biết rằng, đã đến lúc phải trở về Miền Nam. Vì vậy, chỉ có cách gửi lòng mình vào thiên nhiên được ở bên Bác mãi mãi.

Trong niềm xúc động nhớ thương, tác giả viết: “Mai về Miền Nam thương trào nước mắt” cho thấy sự lưu luyến khó dứt. Cho thấy tấm lòng tác giả thương Bác thế nào, một người cả cuộc đời vì nước vì dân, nếu không có Bác dẫn đường liệu hai miền Nam Bắc có được sum họp một nhà? Để rồi, chỉ mong rằng mình như còn chim hàng ngày hót quanh lăng Bác để mang cho Bác niềm vui, như đóa hoa kia nở hương thơm ngát và như cây tre bên Bác mỗi ngày. Mỗi câu thơ tác giả viết ra là cả tâm tình yêu thương dành cho Bác. Đặc biệt động từ “muốn làm” lặp đi lặp lại nhiều lần thể hiện ước muốn và sự tự nguyện của tác giả.

Hình ảnh cây tre khép lại bài thơ thật khéo léo cho thấy sự trung hiếu của tác giả dành cho Bác, hay đúng hơn là cho dân tộc, một lòng vì dân tộc.

Suốt một đời Bác hi sinh cho dân tộc, không tư lợi cá nhân. Bác ơi, nếu không có Bác dân tộc Việt Nam có lẽ đã không được như ngày hôm nay. Miền Nam và Miền Bắc có lẽ không thể sum vầy. Tấm lòng của Viễn Phương dành cho Bác trong bài thơ cũng chính là tấm lòng của cả dân tộc Việt Nam dành cho Bác, mãi mãi nhớ thương Bác, hình bóng Bác không bao giờ phai trong trái tim người Việt Nam .

PHÂN TÍCH BÀI THƠ “ SANG THU ” ( CÁCH 1 )

**Nhà thơ Hữu Thỉnh tên đầy đủ là Nguyễn Hữu Thỉnh, sinh năm 1942, quê ở huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc. Năm 1963, Hữu Thỉnh nhập ngũ, vào binh chủng Tăng – Thiết giáp rồi trở thành cán bộ văn hóa, tuyên huấn trong quân đội và bắt đầu sáng tác thơ. Hữu Thỉnh là nhà thơ đi nhiều, viết nhiều và có một số bài thơ đặc sắc về con người cùng cuộc sống ở nông thôn. Bài thơ Sang thu được sáng tác vào cuối năm 1977, in lần đầu tiên trên báo Văn nghệ. Nội dung thể hiện tâm trạng bâng khuâng, xao xuyến của nhà thơ trước những chuyển biến tinh tế của trời đất và là bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp của nông thôn đồng bằng Bắc bộ lúc giao mùa từ hạ sang thu.**

**Từ cuối mùa hạ sang đầu mùa thu, đất trời có những biến chuyển nhẹ nhàng mà rõ rệt. Những biến chuyển này đã được Hữu Thỉnh cảm nhận bằng sự rung động của trái tim thi sĩ và thể hiện qua những hình ảnh thơ mộng, giàu sức biểu cảm.**

**Ở khổ thơ đầu, dấu hiệu của mùa thu không phải là Ngô đồng nhất diệp lạc, Thiên hạ cộng tri thu như trong thơ cổ ; cũng không phải là Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang, Tóc buồn buông xuống; lệ ngàn hàng như trong thơ Xuân Diệu cách đây hai phần ba thế kỉ. Vốn hiểu biết nhiều về nông thôn nên Hữu Thỉnh đã đưa vào bài thơ những hình ảnh đơn sơ, mộc mạc mà vô cùng quen thuộc của quê hương:**

**Bỗng nhận ra hương ổi**

**Phả vào trong gió se  
 Sương chùng chình qua ngõ**

**Hình như thu đã về**

**Đây là khung cảnh một sáng chớm thu ở làng quê Bắc Bộ. Trước hết nhà thơ bất chợt nhận ra tín hiệu của sự chuyển mùa từ ngọn gió mang hương ổi chín. Gió se là làn gió nhẹ, thoáng chút hơi lạnh, còn gọi là gió heo may. Hương ổi gắn liền với bao kỉ niệm của thời thơ ấu, là mùi vị của quê hương đã thấm đẫm trong tâm tưởng nhà thơ và cứ mỗi độ thu về thì nó lại trở thành tác nhân gợi nhớ.**

**Tiếp theo là hình ảnh màn sương giăng trước ngõ. Lập thu, tiết trời mát mẻ. Sáng sớm và chiều tối thường có sương. Sương cũng là một trong những dấu hiệu của mùa thu. Sương chùng chình qua ngỗ như để nhắc nhở lòng người đang mong đợi rằng mùa thu đã tới. Nhà thơ ngỡ ngàng và sung sướng thầm thốt lên: Hình như thu đã về.**

**Hai từ bỗng và hình như làm tăng thêm cảm giác bâng khuâng, xao xuyến, rất đúng với tâm trạng của nhà thơ trước khung cảnh mùa thu – nguồn cảm hứng bất tận của thơ, ca, nhạc, họa.**

**Nhà thơ cảm nhận mùa thu bằng tất cả con người mình, tâm hồn mình. Bắt đầu là khứu giác : Bỗng nhận ra hương ổi, Phả vào trong gió se. Tiếp theo là thị giác mở rộng để tiếp nhận những tín hiệu báo thu sang. Từ làn sương vấn vít trong những rặng cây, lũy tre dọc theo lối ngõ cho đến dòng sông đã qua mùa lũ, giờ đây nhẹ nhàng, thanh thản trôi xuôi. Trên nền trời mùa thu trong xanh, những cánh chim dường như cũng vội vã hơn.**

**Cảm giác giao mùa được nhà thơ diễn tả bằng một hình ảnh bật ngờ đầy thi vị: Có đám mây mùa hạ, Vắt nửa mình sang thu. Đây là hình ảnh đặc sắc miêu tả cảnh mùa hạ chưa qua hẳn nhưng mùa thu đã tới. Ấn tượng về cái ào ạt, mạnh mẽ của những cơn mưa mùa hạ vẫn còn nguyên nhưng nỗi bâng khuâng trước vẻ dịu dàng êm mát của mùa thu đã len nhẹ vào hồn từ lúc nào chẳng rõ.  
 Nắng cuối hạ vẫn còn nhưng đã bớt nồng nàn, rực rỡ và những cơn mưa rào ào ạt cũng đã thưa dần :**

**Vẫn còn bao nhiêu nắng**

**Đã vơi dần cơn mưa**

**Nhà thơ thể hiện cảm xúc của mình rất thành công bằng những từ ngữ diễn tả cảm giác, trạng thái: bỗng, phả vào, chùng chình, hình như; dềnh dàng, vắt nửa mình… Cả bài thơ là bức tranh thiên nhiên tuyệt mĩ của trời đất lúc vào thu được tác giả vẽ nên bằng sự rung động tinh vi của trái tim nghệ sĩ. Chính điều đó khiến cho mỗi từ ngữ, hình ảnh đều phập phồng sự sống. Ba khổ thơ, mười hai câu thơ, câu nào cũng đẹp, cũng hay nhưng nét riêng của thời điểm giao mùa hạ – thu được Hữu Thỉnh thể hiện tập trung nhất ở hai câu thơ cuối bài :**

**Sấm cũng bớt bất ngờ  
 Trên hàng cây đứng tuổi.**

Hai câu thơ này có hai tầng nghĩa. Tầng nghĩa thứ nhất tả thực hiện tượng sấm chớp và hình ảnh hàng cây trong cơn mưa cuối hạ. Tầng nghĩa thứ hai là nghĩa hàm ngôn thông qua hình ảnh có tính chất ẩn dụ nghệ thuật. Sấm là những vang động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời ; hàng cây đứng tuổi ngụ ý chỉ con người đã từng trải.

  Lúc sang thu, tiếng sấm dữ dội và bất ngờ của những cơn mưa giông mùa hạ đã bớt đi. Hàng cây không còn bị giật mình, run rẩy vì tiếng sấm. Nhà thơ Hữu Thỉnh tâm sự rằng với hình ảnh có giá trị tả thực về hiện tượng thiên nhiên này, ông muốn gửi gắm suy ngẫm của mình: Khi con người đã từng trải thì bản lĩnh cũng vững vàng hơn trước những thử thách của cuộc đời.

Bằng cảm nhận tinh tế và cách dùng từ tự nhiên, chân thật, cùng nghệ thuật ẩn dụ, nhân hóa tài tình, Hữu Thỉnh đã vẽ nên bức tranh đặc sắc về thời điểm giao mùa hạ – thu ở nông thôn đồng bằng Bắc bộ. Với bài Sang thu, Hữu Thỉnh đã góp thêm một nét thu mang dấu ấn riêng của mình vào những chùm thơ thu hay và đẹp của thơ ca Việt Nam.

**PHÂN TÍCH BÀI THƠ “ SANG THU ’’ – HỮU THỈNH ( Cách 2 )**

          “Thơ là thu của lòng người, thu là thơ của đất trời”, có lẽ bởi thế chăng mà mùa thu đã trở thành nguồn thi cảm cho biết bao tâm hồn nghệ sĩ, đã từng có chùm thơ thu của Tam nguyên yên đổ Nguyễn Khuyến, ta lại thêm xốn xang trước những rung cảm tinh tế của Xuân Diệu trong Đây mùa thu tới, nhỏ nhẹ và khiêm nhường, Hữu Thỉnh góp vào thế giới thơ thu một tiếng “Sang Thu”.

          Bao giờ cũng thế, tín hiệu luôn là thứ để ta nhận biết sự hiện của bất kì điều gì, nhưng điều khiến cho người đọc thấy thú vị và bất ngờ, đó là tín hiệu mùa thu trong thơ Hữu Thỉnh:

*“Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se”*

         Nếu như trong “Đất nước”. hương cốm mới thơm mùi lúa non đã phả vào trang thơ của Nguyễn Đình Thi để gọi dậy hương vị về một thu Hà Nội nay đã xa, thì trong thơ Hữu Thỉnh mùa thu lại được gợi nên bằng hương ổi. Hương ổi vốn vô hình, chỉ có thể cảm nhận bằng những rung cảm tinh tế của tâm hồn nghệ sĩ, thế nhưng động từ “phả” trong câu thơ dưới đã tạo cho người đọc cảm giác mãnh liệt hơn về sự hòa quyện nồng nàn giữa hương ổi và gió se. Hương ổi quê hương mộc mạc, giản dị, như đang thì thầm trong gió rằng nàng thu đã ghé chơi, rằng nhân gian lại được một lần ngắm cảnh trời trong xanh biếc, nhưng phải chăng hương ổi trong thơ Hữu Thỉnh còn gợi về hương vị của tuổi thơ, của quê hương dấu yêu mang những êm đềm một thuở. Có lẽ vì thế mà Sang thu không phải là lần đầu hương ổi được nhắc đến trong thơ ông. Không chỉ cảm nhận bằng khứu giác, xúc giác, Hữu Thỉnh còn đề thơ vào lòng người khi dường như đang nghe cả nhịp bước chuyển mình tinh tế của mùa thu:

*“Sương chùng chình qua ngõ*

*Hình như thu đã về”.*

          Từ láy “chùng chình” giúp người đọc hình dung thu đến như một nàng thiếu nữ duyên dáng đang  nghe thăm trần gian, đang mang phấn thông vàng của tình yêu đến muôn nơi, để gửi hương cho gió, để đề thơ vào cảnh vật. Cái chùng chình vốn vô hình, dịu nhẹ mà cũng ngập ngừng ấy, hồn thơ của Hữu Thỉnh đã kịp nắm bắt, nhưng vẫn còn băn khoăn lưỡng lự, “hình như” thu đã về mà vẫn chưa về hẳn, thu mới chỉ đang dạm ngõ chứ chưa bén duyên ở muôn nơi. Cái hình như vang lên nghe vừa mang sắc thái thảng thốt, ngỡ ngàng lại cũng nhẹ nhàng như một tiếng reo vui “đây mùa thu đã về” rồi.

          Nếu như ở khổ thơ trên, mùa thu được cảm nhận, được lắng nghe ở trong thế giới nội cảm của Hữu Thỉnh thì đến khổ thơ tiếp sau, đôi mắt của ông đã mở rộng điểm nhìn, quan sát cảnh vật ở một không gian bao quát, toàn cảnh hơn:

*"Sông được lúc dềnh dàng*

*Chim bắt đầu vội và*

*Có đám mây mùa hạ*

*Vắt nửa mình sang thu"*

        Thiên nhiên cũng như đang chuyển mình trên trang thơ của Hữu Thỉnh, chọn cảnh điểm tên, chỉ một vài nét phác họa thô sơ, Hữu như đang họa nên một bức tranh mùa thu trên trang hoa tờ hoa của mình vậy. Dòng sông qua cái nắng nồng mùa hạ, không còn chảy xiết một cách dữ dội đầy giận dữ mà êm đềm hơn, yên ả hơn, nhân hóa gọi con sông được lúc “dềnh dàng”, Hữu Thỉnh tưởng như đã bỏ một chút nét buồn của mùa thu cho con sông quê hương, bỏ một chút nét đợi nét chờ cho dòng chảy của xứ sở, khiến con sông hiện lên hiền hòa biết mấy. Nhưng ngược với chuyển động của dòng sông, những đàn chim lại nô nức bay về phương Nam tránh rét, nên những cánh chim thoáng nét lo âu “vội vã” trên khoảng trời của riêng mình. Song có lẽ, ấn tượng hơn cả với người đọc là hình ảnh đám mây “vắt nửa mình sang thu”. Động từ “vắt” thật duyên, thật đẹp biết mấy, đã nhân hóa dòng sông giống như chiếc khăn voan mềm mại, duyên dáng, như người thiếu nữ thôn quê ngập ngừng e thẹn, mà cũng như bỏ ngỏ một chút nhớ chút thương cho mùa hè đã qua, một chút hẹn chút mong chờ mùa thu đang gõ cửa. Hình ảnh đám mây vắt nửa mình hay chính là thời khắc giao mùa không tên, nhưng Hữu Thỉnh một lần nữa đã hữu hình hóa những chuyển động vô hình, gần gũi hóa những rung cảm tinh tế xa xôi ấy trên trang viết của mình. Lắng nghe cả được bước đi của thời gian, cả thiên nhiên cảnh vật, không có một tâm hồn đan dệt bởi những sợi tơ tinh tế, Hữu Thỉnh sao có thể bén duyên với khoảnh khắc “sang thu” đẹp đến nao lòng như vậy.

       Để rồi, không chỉ cho người đọc cảm nhận thu sang bằng các giác quan, Hữu Thỉnh còn bỏ ngỏ những chiêm nghiệm sâu sắc của mình:

*"Vẫn còn bao nhiêu nắng*

*Đã vơi dần cơn mưa*

*Sấm cũng bớt bất ngờ*

*Trên hàng cây đứng tuổi"*

         Hàng cây đứng tuổi phải chăng là ẩn dụ cho hình ảnh con người khi đã kinh qua nhiều sóng gió của cuộc đời, trưởng thành hơn, chững chạc hơn, vậy nên những khó khăn, hay những thử thách không khiến con người ta sợ hãi, bất ngờ nữa, mà trái lại đối diện với nó bằng một tâm thế bình thản, bằng sự chắt chiu dành dụm những bài học của trường đời. Cây sang thu, cây thay lá, hay cũng chính là hình ảnh khác của con người sang thu, sang một dốc cao hơn của cuộc đời, trầm mặc, bình lặng trước bão giông.

          Sang thu là tiếng thơ đẹp nhất của Hữu Thỉnh khi viết về mùa thu, tưởng như mùa thu đã mài mực để dệt nên biết bao nhiêu vần thơ hay, nhưng Sang thu vẫn mang một nét riêng bởi thời khắc chuyển giao mùa đầy tinh tế, bởi Hữu Thỉnh không chỉ cho người đọc cảm về mùa thu, mà còn gợi về cả một mùa thơ, mùa của cái đẹp, cái nhớ, cái đợi, cái chờ.

**PHÂN TÍCH BÀI THƠ “ SANG THU ’’ – HỮU THỈNH ( Cách 3 )**

Trong nền văn học Việt Nam, Hữu Thỉnh là thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong phong trào kháng chiến chống Mỹ. Thơ ông thiên về vẻ đẹp tĩnh lặng, thanh bình của thiên nhiên và cuộc sống. “Sang thu” là tác phẩm tiêu biểu thể hiện rõ điều này. Qua bài thơ, chúng ta có thể thấy được những cảm nhận sâu sắc về sự chuyển biến của đất trời trong khoảnh khắc giao mùa từ hạ sang thu cùng giọng thơ trong sáng, nhẹ nhàng, giàu cảm xúc.

Trong khổ thơ đầu tiên, tác giả Hữu Thỉnh đã thể hiện những cảm nhận tinh tế của mình thông qua việc tái hiện những tín hiệu đầu tiên của mùa thu

“Bỗng nhận ra hương ổi  
Phả vào trong gió se  
Sương chùng chình qua ngõ  
Hình như thu đã về”

“Bỗng” gợi cảm giác bất ngờ, đột ngột, không hẹn trước. Với một từ “bỗng” tác giả không chỉ diễn tả lại cảm giác bất ngờ, xao xuyến khi bất ngờ đón nhận những tín hiệu của mùa thu mà còn làm cho mở đầu bài thơ được tự nhiên, chân thực hơn**.** Bằng những nét vẽ cụ thể, bức tranh mùa thu lúc giao mùa được tái hiện qua hình ảnh, hương vị cụ thể. Tín hiệu đầu tiên để tác giả nhận ra mùa thu thật độc đáo. Đó không phải từ bầu trời xanh trong cao vợi bình yên, không phải là hương vị cốm mới phảng phất, không phải là chiếc lá rơi trong gió thu mà là hương ổi - thứ hương thơm dân dã, mộc mạc, đặc trưng của các làng quê Bắc bộ lúc cuối hạ đầu thu**.**Hương thơm ấy càng trở nên nồng đậm, xao xuyến lòng người hơn nhờ làn gió se**.** Tác giả đã sử dụng thành công động từ “phả” chứ không phải là lan, tỏa, bay để diễn tả sự quyện hòa của hương ổi và đánh thức không gian làng quê yên bình. Dấu hiệu tiếp theo của mùa thu được tái hiện là sương thu lãng đãng: “sương chùng chình qua ngõ”. Thông qua biện pháp nhân hóa, hình ảnh những hạt sương thu ươn ướt mềm mại giăng màn qua ngõ đầy tâm trạng, chùng chình như chưa muốn nói lời tạm biệt với mùa hè. Như vậy, tác giả đã tái hiện cảnh vật trong trạng thái động để diễn tả trạng thái vận động khi giao mùa. Tuy nhiên, đứng trước sự biến chuyển đó, nhà thơ vẫn băn khoăn tự hỏi: “Hình như thu đã về?”. Tình thái từ “hình như” cùng câu hỏi tu từ đã thể hiện tâm trạng hoài nghi cùng cái giật mình đầy bối rối của tác giả. Như vậy, trong khổ thơ đầu tiên, tác giả đã huy động mọi giác quan để cảm nhận những tín hiệu sang thu. Qua đó, chúng ta có thể thấy được những sự tinh tế cùng tình yêu thiên nhiên của tác giả.

Trong khổ thơ thứ hai, tác giả đã tái hiện không gian biến chuyển của đất trời khi sang thu:

“Sông được lúc dềnh dàng  
Chim bắt đầu vội vã  
Có đám mây mùa hạ  
Vắt nửa mình sang thu”

Nếu như ở khổ thơ đầu tiên, tín hiệu sang thu chỉ được tái hiện qua những trạng thái nhẹ nhàng, mơ hồ thì trong khổ thơ thứ hai, sự chuyển biến khi sang thu đã hiện lên rõ nét và hữu hình hơn. Bức tranh mùa thu đã được miêu tả ở chiều kích không gian cao và rộng từ điểm nhìn hướng về bầu trời và dòng sông. Trong hai câu thơ đầu, bằng cấu trúc đối, nhịp nhàng, tác giả đã tái hiện những động thái trái ngược nhau nhưng rất đặc trưng cho mùa thu: “Sông được lúc dềnh dàng/ chim bắt đầu vội vã”. Khi sang thu, dòng sông không còn cuồn cuộn, gấp gáp như trong những ngày hè mưa lũ mà dềnh dàng thong thả trôi nhẹ nhàng. Tuy nhiên, đối lập với dòng chảy lững lờ của dòng sông là trạng thái vội vã của những cánh chim trên bầu trời thu cao rộng khi chuẩn bị cho hành trình di trú tránh rét.

Hai câu thơ sau mới là bức tranh tuyệt đẹp về mùa thu, thể hiện sáng tạo của tác giả: “Có đám mây mùa hạ - Vắt nửa mình sang thu”. Hình ảnh đám mây như dải lụa vắt ngang bầu trời đã tạo nên cái nhìn độc đáo về ranh giới của mùa thu và mùa hạ. Bước đi của thời gian, sự chuyển biến vô hình lúc giao mùa bỗng hiện lên cụ thể, hữu hình qua trạng thái “vắt nửa mình”. Như vậy, ở khổ thứ hai, bước đi của mùa thu đã trở nên đậm nét hơn nhưng dường như, cảnh vật vẫn còn lưu luyến, vấn vương mùa hạ.

Nối tiếp mạch cảm xúc về những tín hiệu về sang thu, bài thơ kết thúc bằng những biến chuyển của tạo vật và suy ngẫm của đời người:

“Vẫn còn bao nhiêu nắng

Đã vơi dần cơn mưa  
Sấm cũng bớt bất ngờ  
 Trên hàng cây đứng tuổi”

Những hình ảnh quen thuộc “nắng”, “mưa”, “sấm”, “chớp” thể hiện mùa thu đến một cách rõ ràng, đậm nét hơn. Ánh nắng cuối hạ vẫn còn nồng nhưng đã bớt oi ả, gay gắt,  những cơn mưa chợt đến, chợt đi của mùa hè đã vơi dần, những tiếng sấm cũng thưa thớt với thanh âm nhỏ dần. Những dư âm còn sót lại của mùa hạ đã nhạt dần và cảnh sắc mùa thu trở nên đậm nét hơn. Bài thơ kết thúc bằng những chiêm nghiệm mang tính triết lí của tác giả về cuộc đời. Nhà thơ Hữu Thỉnh từng chia sẻ: “Có thể hiểu hàng cây đã lớn, đã trải qua bao mùa thay lá, sẽ vững vàng hơn trước những tiếng sấm bất ngờ”. Hai câu thơ cuối vừa mang ý nghĩa tả thực về sự đổi thay của đất trời, vừa mang ý nghĩa ẩn dụ về những phong ba, bão táp trong cuộc đời mỗi một con người. Thông qua phép nhân hóa hình ảnh ẩn dụ “sấm” để chỉ những vang động bất thường, những khó khăn của cuộc đời, “hàng cây đứng tuổi” biểu tượng cho những con người từng trải, tác giả đã truyền tải bức thông điệp về nghị lực của con người. Khi trải qua những mùa thay lá, con người từng trải sẽ không còn bồng bột như lúc còn thanh xuân mà còn sâu sắc, điềm đạm hơn. Họ đón nhận những khó khăn, thử thách bằng tâm thái vững vàng, bình tĩnh.

Như vậy, bằng thể thơ năm chữ, ngôn ngữ bình dị, hình ảnh thơ giàu sức gợi, tác giả Hữu Thỉnh đã tái hiện bức tranh thiên nhiên khi sang thu để thể hiện những chiêm nghiệm sâu sắc về đời người. Qua đó, chúng ta có thể thấy được sự cảm nhận tinh tế cùng tình yêu thiên nhiên của tác giả.

**PHÂN TÍCH BÀI THƠ “ SANG THU ’’ – HỮU THỈNH ( Cách 4 )**

**Mùa thu luôn là nguồn cảm hứng bất tận của thi ca. Trước cái tiết trời se lạnh của mùa thu, đã có rất nhiều nhà thơ gửi gắm tâm tư, tình cảm của mình vào đó. Hữu Thỉnh là một nhà thơ như thế. Ông đã viết nên “Sang thu” bằng tất cả những rung cảm, của mình. Bài thơ thể hiện những cảm xúc tinh tế của nhà thơ khi đất trời đang dần chuyển mình từ hạ qua thu. Bài thơ được viết vào cuối năm 1977 đã tái hiện lại một cách nhẹ nhàng, sinh động sự giao mùa của trời đất. Đó là lúc thiên nhiên đang có chút gì đó tiếc nuối, có chút ngập ngừng, cũng có chút bồi hồi trước khi bước sang thu.**

Mở đầu bài thơ tác giả đã cảm nhận thu đến bằng những cảm xúc rất mới, rất riêng bằng chính những rung cảm thực tế của nhà thơ:

“Bỗng nhận ra hương ổi  
Phả vào trong gió se”

Nếu các nhà thơ khác cảm nhận thu đến bằng sắc vàng của lá, của hoa, của ngô đồng chín thì Hữu Thỉnh lại cảm nhận thu bằng một mùi vị rất riêng: hương ổi. Thu nhẹ nhàng đến trong sự bất ngờ của chính nhà thơ. “Bỗng nhận ra” là cảm xúc là cảm xúc ngỡ ngàng và dường như Hữu Thỉnh đang giật mình nhận ra thu đến giữa hương sắc của trời dần sang thu. Gió se lành lạnh đặc trưng của mùa thu mang theo hương ổi đến. Động từ “phả” như một khẳng định về sự xuất hiện của hương ổi bởi đây không phải là hương thơm nồng nàn, ngọt ngào nhưng cũng đủ để đánh thức khứu giác của tác giả. Thu đến nhẹ nhàng, trong trẻo mang theo màn sương sớm bao trùm không gian:

“Sương chùng chình qua ngõ  
Hình như thu đã về”

Từ láy “chùng chình” gợi cảm giác về sự chậm rãi cùng với chuyển động ngắt quãng nhịp nhàng. Phải chăng đây cũng chính là nhịp chuyển động trong xúc cảm của nhà thơ. Một chút gì đó bâng khuâng, một chút ngỡ ngàng, một chút mang thu về, một chút tiếc nuối của mùa hạ. Hương ổi cùng màn sương sớm đã khiến nhà thơ giật mình nhận ra thu đã về. Chỉ qua bốn câu thơ tác giả đã thể hiện mọi cung bậc cảm xúc của mình qua khứu giác, xúc giác, thị giác để mang đến những cảm nhận rất riêng của mùa thu.

Tiếp đến mùa thu được cảm nhận ở không gian rộng lớn hơn, nhiều tầng bậc hơn:

“Sông được lúc dềnh dàng  
Chim bắt đầu vội vã  
Có đám mây mùa hạ  
Vắt nửa mình sang thu”

Đến lúc này nhà thơ đã có thể khẳng định được sự tồn tại của mùa thu. Thu đến, sự chuyển động của dòng sông cũng trở nên nhẹ nhàng, chậm rãi hơn chứ không còn dữ dội như nước lũ mùa hạ. Dường như mọi chuyển động đang chậm lại khi thu đến, chỉ có cánh chim là bắt đầu vội vã bay đi tránh rét. Điểm nhìn của nhà thơ đã được chuyển dần lên bầu trời cao rộng. Bằng cảm nhận tinh tế của mình, đám mây thật mềm mại, êm ái như một dải lụa duyên dáng “vắt nửa mình sang thu”. Dường như đám mây cũng đang còn lưu luyến mùa hạ, đang muốn níu giữ lại chút không gian của mùa hạ trước khi trời đất thật sự chuyển mình. Càng vậy ta lại càng nhận ra sự tinh tế của nhà thơ bởi mùa thu chỉ vừa mới chớm vào mùa mà ông có thể nhận ra và miêu tả rất sinh động về nó.

Nếu hai khổ thơ trên, Hữu Thỉnh miêu tả rất sinh động về mùa thu của thiên nhiên, đất trời thì ở khổ cuối thu đã được cảm nhận bằng sự chiêm nghiệm, suy tư:

“Vẫn còn bao nhiêu nắng  
Đã vơi dần cơn mưa  
Sấm cũng bớt bất ngờ  
Trên hàng cây đứng tuổi”

Thời khắc giao mùa nắng vẫn còn đó nhưng đã vơi dần những cơn mưa rào mùa hạ. Nắng, mưa, sấm, chớp – những đặc trưng của mùa thu vẫn còn đó nhưng mức độ đã vơi dần đi. Hai câu thơ kết thúc bài mang đến cho người đọc những cảm giác thú vị:

“Sấm cũng bớt bất ngờ  
Trên hàng cây đứng tuổi”

“Hàng cây đứng tuổi” gợi cho người đọc liên tưởng đến cuộc đời của mỗi người. Đời người cũng giống như hàng cây, cũng có lúc còn trẻ, trưởng thành rồi già cỗi. Đứng tuổi ở đây phải chăng chính là đứng tuổi của đời người? Hàng cây ở đây lại được hiện lên trong mưa gió, sấm chớp, bão giông của đất trời sang thu. Ở độ tuổi này con người đã đủ chín chắn, đủ trưởng thành để không còn bất ngờ trước những giông bão của cuộc sống.

“Sang thu” đã mang đến cho người đọc những cảm giác rất mới, rất lạ về mùa thu. Thu trong thơ ca không chỉ là lá vàng rơi xào xạc, là sắc vàng của hoa cúc… mà còn là hương ổi, là màn sương chùng chình, là dòng sông dùng dằng chảy… Những hình ảnh gần gũi, thân quen bằng xúc cảm tinh tế của nhà thơ đã được miêu tả thật tình, thật thơ. Bài thơ được viết theo mạch cảm xúc của tác giả đã dẫn người đọc dần dần thả mình theo sự chuyển động của mùa thu. Bằng ngôn từ giản dị, hình ảnh thân quen, Hữu Thỉnh không chỉ cho người đọc thấy được cảm nhận tinh tế mà còn thể hiện được tình yêu thiên nhiên, đất trời của mình.

**Phân tích nhân vật bé Thu trong truyện ngắn “ Chiếc lược ngà” ( Cách 1)**

Nguyễn Quang Sáng là một trong những cây bút nổi tiếng trong dòng văn học hiện đại. Ông đã từng là người lính nên ông có những cảm nhận sâu sắc về cuộc đời và hoàn cảnh trong chiến tranh. Một trong những tác phẩm nổi tiếng của ông là tác phẩm chiếc lược ngà. Trong tác phẩm thì nhân vật bé Thu cho ta thấy được khá rõ tình cảm sâu đậm của cha con. Em rất thích nhân vật này, vậy chúng ta cùng tìm hiểu nhân vật bé Thu.

Bé Thu có một người cha đang đi lính. Khi cha bé Thu trở về nhà thì lúc đó bé Thu đã được tám tuổi. Bé Thu không nhận ông Sáu là cha của bé Thu là cha. Vì vết sẹo bên má phải nhìn rất đáng sợ và không giống với hình chụp với mẹ bé Thu mà bé Thu đã biết. Khi ông Sáu phải trở về căn cứ thì lúc đó bé Thu đã nhận ông Sáu là cha. Ông Sáu đã hứa khi trở về sẽ tặng cho bé Thu một chiếc lược.

Xuyên suốt cả tác phẩm thái độ của bé Thu có nhiều thay đổi. Nhưng tính cách của cô bé đã được tác giả khắc họa rất tinh tế và nhạy bén là một cô bé giàu cá tính, bướng bỉnh và gan góc khi bé Thu kiên quyết không nhận ông Sáu là cha. Lần đầu tiên được gặp ông Sáu và cũng là lần đầu tiên được ông gọi là con nhưng cộ bé đã: "giật mình, tròn mắt nhìn" kèm theo đó là: "ngơ ngác, lạ lung". Có lẽ, đây là một hành động đổi là bình thường đối với cái suy nghĩ của cô bé bây giờ. Và từ bất ngờ đến hốt hoảng và lo sợ khi thấy vết sẹo trên má của ông Sáu đỏ ững lên và giần giật. Lúc này bé Thu chỉ biết chay vào nhà và kêu thốt lên: "Má! Má!" Trong suốt những ngày ông Sáu ở nhà bé Thu vẫn không nhận ông là cha. Vì cô bé quá nhỏ và vẫn chưa chấp nhận được tâm lý nên chưa thể chấp nhận ông Sáu là cha chăng? Khi mẹ bảo bé Thu kêu ba vô ăn cơm thì bé Thu nói trổng: "Vô ăn cơm". Và cương quyết không nhận ông Sáu và kêu ông Sáu là cha trong mọi tình huống: "Cơm sôi rồi, chắt nước dùm cái." ,"cơm nhão bây giờ" Khi ông Sáu gắp cái trứng cá vào chén thì : "Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả bàn" Hành động của bé Thu khi hất cái trứng cá và bị ông Sáu đánh mà vẫn không khóc: "Gấp cái trứng cá vào chén" đã nhấn mạnh tình cảm của cô bé. Tác giả đã dung rất nhiều chi tiết thách đố cho nhân vật bé Thu như khi cô bé bị mẹ dọa đánh, bị đưa vào thế bí và khi bị ông Sáu đánh. Những hình ảnh xảy ra nhằm thể hiện tình cảm của một cô bé có một tính cách rất bướng bỉnh và cũng rất lì lợm. Nhưng trong cô bé vẫn còn một chút gì đó rất ngây thơ, dễ thương của một cô bé tám tuổi: "xuống bến, nó nhảy xuống xuồng, mở lòi tói cố làm cho dây lòi tói khua rổn rảng, khua thật to" Sau đó chạy sang nhà bà ngoại Thu đã cho bà ngoại là người yêu thương, quan tâm cô nhất nên đã chạy sang nhà bà ngoại mà khóc. Đây là một khía cạnh khác trong nhân vật bé Thu. Ở đây, cô bé là một người rất hồn nhiên, ngây thơ, dễ thương và cần sự yêu thương, dỗ dành. Khác hẳn với một cô bé cứng cỏi, lì lượm của hằng ngày. Nhưng đối với hôm đó khi cô bé đã nghe bà ngoại kể về chuyện nhận vết sẹo và chứng mình được rằng ông Sáu là cha, cô bé im lặng: "thỉnh thoảng lại thở dài như người lớn".

**Phân tích nhân vật bé Thu trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà’’ ( Cách 2 )**

Nguyễn Quang Sáng là nhà văn có rất nhiều những tác phẩm hay viết về những người dân Nam Bộ. Bởi ông vừa là một nhà văn nhưng cũng là một người chiến sĩ nên ông hiểu rõ những góc sâu trong tình cảm của những con người chiến sĩ luôn gần gũi bên cạnh mình. Những tác phẩm của ông mang lại rất nhiều dấu ấn trong lòng người đọc như Con chim vàng, Người quê hương, Chiếc lược ngà,... Trong số đó, tác phẩm mà em thích nhất chính là Chiếc lược ngà (1966). Câu chuyện đã làm cho chúng ta xúc động về tình cha con thắm thiết của bé Thu và anh Sáu trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt.

Bé Thu là một cô bé ương ngạnh và bướng bỉnh. Từ nhỏ, bé Thu đã không được gặp anh Sáu- cha của mình mà chỉ biết cha qua tấm ảnh cưới của cha mẹ. Bởi thế, trong lòng của cô bé, anh Sáu là một chiến sĩ cứu nước đẹp trai và thật yêu thương nó. Mãi cho tới khi bé Thu được bảy tuổi, anh mới có thời gian để về thăm nhà vài ngày. Những tưởng bé Thu sẽ nồng nhiệt đón chờ anh, thế nhưng, bé lại xa lánh người cha của mình và nhất quyết không chịu gọi một tiếng " Ba" nào cả. Lần đầu tiên gặp anh, bé chỉ " tròn mắt nhìn","ngơ ngác, lạ lùng" sau đó là " vụt chạy và kêu thét lên". Trong lòng anh Sáu luôn khao khát có thể có được một tiếng gọi của con gái, thế nhưng, bé Thu nhất quyết không chịu gọi anh một tiếng nào. Thậm chí, bé còn có những hành động chống đối lại anh. Khi mẹ bảo gọi cha ăn cơm, bé chỉ nói trống không những câu như " Thì má cứ kêu đi","Vô ăn cơm", "Cơm chín rồi". Ngay cả lúc lâm vào tình huống khó xử cần nhờ giúp đỡ của anh Sáu mà bé Thu cũng nhất quyết không chịu gọi anh một tiếng ba mà chỉ hì hục một mình làm công việc. Những khi anh Sáu ân cần chăm sóc, bé cũng không chấp nhận. Bé hất miếng trứng cá anh Sáu gắp cho mình. Và trong những phút nóng giận, anh đã đánh vào mông bé " Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?". Có lẽ tới đây, ai cũng nghĩ rằng, bé sẽ khóc to hay giẫy lên nhưng tình huống không hề như vậy. Bé Thu chỉ im lặng rồi sau đó bé đi sang bên nhà bà ngoại," mét với ngoại và khóc ở bên đó". Ở tình huống này, có rất nhiều người sẽ trách mắng bé Thu. Thế nhưng, tới đây, chúng ta mới hiểu được lí do tại sao bé Thu lại không chịu gọi anh Sáu một tiếng "Ba".

Bài văn Phân tích nhân vật bé Thu trong đoạn trích truyện ngắn Chiếc lược ngà ngắn

Tất cả chỉ bởi vết sẹo ở trên mặt anh. Đây có lẽ là kết quả mà không ai có thể ngờ được. Thì ra trong bức ảnh của anh khi đưa cho bé Thu xem là khi anh chưa đi kháng chiến nên không hề có vết sẹo nào ở trên mặt. Trong khi giờ đây, khi anh đứng trước mặt của bé thì mặt của anh lại có một vết sẹo dài. Mỗi lần xúc động, vết sẹo ấy lại giật giật trông rất đáng sợ. Chính bởi lí do như vậy mà bé Thu nhất quyết không nhận người cha của mình bởi trong trí óc non nớt của bé, người cha không hề có vết sẹo đáng sợ ấy. Nghe được lời giải thích của bà, lúc này, bé mới có thể hiểu được những điều đó và cũng hiểu thêm về người cha của mình.

Tới lúc chia tay, anh Sáu chỉ khẽ nói với con:" Thôi! Ba đi nghe con!" Cứ nghĩ rằng cho tới lúc chia tay, anh cũng không thể nghe được tiếng gọi ba, thế nhưng một điều không ngờ đã xảy tới. Thu bỗng thét lên " Ba!...Ba!" Tiếng kêu như gào xé cả bầu không gian. Bé vội chạy tới, ôm chầm lấy người cha của mình mà hôn lên khắp khuôn mặt của người cha, hôn cả lên vết seo mà bé vẫn thường sợ ấy. Bé khóc nấc lên, đòi giữ lấy người cha ở cạnh mình, không cho ba đi vì thời gian nhận ra nhau của họ quá ngắn ngủi. Không còn cách nào, bé đành xin ba làm cho bé một chiếc lược. Đây cũng chính là yêu cầu duy nhất của bé.

Đây cũng là lần cuối cùng của bé Thu được gặp người cha của mình. Qua đây, chúng ta thấy được tình cảm của cả hai cha con. Bằng giọng văn nhẹ nhàng, tác phẩm cũng kín đáo lên án chiến tranh, bởi chiến tranh đã tàn phá và để lại vết thương trên cơ thể anh Sáu và cũng làm cho cha con anh không thể gặp được nhau mới gây nên những tình huống như lúc này. Và hình ảnh của bé Thu mãi mãi là hình ảnh đẹp trong tâm trí của mỗi chúng ta.

**PHÂN TÍCH NHÂN VẬT ÔNG SÁU TRONG “ Chiếc lược ngà’’ ( Cách 1 )**

**Nguyễn Quang Sáng là nhà văn Nam Bộ, các tác phẩm của ông chủ yếu viết cho con người và cuộc sống ở Nam Bộ. Trong đó "Chiếc lược ngà” là một trong những truyện ngắn tiêu biểu được viết năm 1966 tại chiến trường Nam Bộ khi cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra ác liệt, điều đáng lưu ý là truyện ngắn này viết trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh nhưng lại tập trung nói về tình người, cụ thể là tình cha con, tình cảm ấy được diễn ra một cách sâu sắc cảm động từ 2 nhân vật bé Thu và ông Sáu, nhưng có lẽ xúc động và gây ám ảnh hơi cả với người đọc là tình cảm người cha - ông Sáu với đứa con gái của mình.**

**Ông Sáu là người nông dân Nam Bộ giàu lòng yêu nước, lúc đi kháng chiến đứa con gái của ông chưa đầy một tuổi, mãi đến khi con gái lên tám tuổi ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Nhưng bé Thu đã cự tuyệt tình cảm của ông chỉ vì trên mặt ông có vết thẹo khác với người cha trong bức hình mà em đã biết.**

**Đến phút chia tay ông mới đón nhận được tình cảm của con nhưng giây phút ấy quá ngắn ngủi. Vì nhiệm vụ, ông phải trở lại chiến trường, ông lên đường với lời hứa sẽ mua cho con một cây lược. Chính trong hoàn cảnh ấy tình cảm ông dành cho con thật sâu nặng và cảm động.**

**Trước hết tình cảm của ông Sáu dành cho con được thể hiện phần nào trong chuyến về phép thăm nhà. Đến lúc được về ” cái tình cha con nôn nao trong lòng anh” Khát khao đốt cháy lòng ông lúc này là được gặp con và mong con gọi một tiếng ba để ông được sống trong tình cha con mà bấy lâu nay ông từng mong đợi, vì thế mà khi xuống xuồng vào bến thấy một đứa bé chạc bảy đến tám tuổi, đoán biết la con không chờ xuồng cập bến, ông nhún nhảy thốt lên, xô chiếc xuồng tạt ra.**

**Anh bước vội vàng với những bước dài rồi dừng kêu to” Thu con” tiếng gọi của ông Sáu nghe thật xúc động. Nó chứa đựng bao tình cảm yêu thương và khát khao gặp lại con. Nhưng thật trớ trêu bé Thu lại tỏ ra ngờ vực lảng tráng. Điều đó khiến ông vô cùng đau đớn, thất vọng ”nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trong thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy”.**

**Đặc biệt, mấy ngày ông Sáu ở nhà, ông chẳng dám đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con, ông mong được nghe một tiếng ”ba” của con bé nhưng tất cả đều không trọn vẹn. Ông Sáu càng tỏ ra gần gũi con bao nhiêu thì con bé tỏ ra lạnh nhạt bấy nhiêu. Nó nhất định không chịu gọi ông là ”ba”, không nhờ ông chắt nước nồi cơm đang sôi, những lúc như vậy ông khổ tâm hết sức, yêu con ông không lỡ mắng mà chỉ ”nhìn con khe khẽ lắc đầu vừa cười”.**

**Nụ cười lúc này không phải là vui mà phản ảnh sự khổ tâm của ông ” có lẽ vì khổ tâm quá đến nỗi không khóc được nên phải cười vậy thôi. Sự mất mát quá trong tình cảm của ông chính là bi kịch của chiến tranh, nó đã làm cho mặt ông đổi khác ”vết thẹo dài” nên con bé trông ông không còn giống trong hình với má nó.**

**Ông vẫn không nản lòng, vẫn quan tâm tới con, nhưng ông càng quyết tâm thì nó phản ứng càng dữ dội hơn, đó là trong bữa ăn ông gắp cái trứng cá to vàng để vào chén nó, tưởng nó sẽ hiểu được thành ý nhưng ngược lại nó liền ” lấy đũa soi vào chén rồi hất cái trứng cá ra, cơm văng tung tóe” lúc này ông bị con cự tuyệt hoàn toàn. Vì quá thất vọng không kịp suy nghĩ ” anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên ”sao mày cứng đầu vậy hả”. Tình yêu thương con của ông trở nên bất lực.**

**Đến lúc chia tay, ông cũng muốn ôm con hôn con nhưng lại sợ nó từ chối và bỏ chạy nên ông chỉ nhìn con với đôi mắt trìu mến và buồn rầu nhưng rồi trước những biển hiện tình cảm mãnh liệt của con, ông thực sự xúc động khi con bé cất tiếng gọi ”ba”. Không kìm được xúc động và không muốn cho con nhìn thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt rồi hôn lên tóc con. Giọt nước mắt của ông lúc này không vì đau khổ mà nó là ”giọt châu” rơi trong sự sung sướng hạnh phúc của một người cha yêu thương con sâu sắc.**

**Tình cảm yêu thương của ông Sáu được thể hiện tập trung và sâu sắc ở phần sau của truyện, khi ông Sáu trở lại chiến tranh. Sau khi chia tay với gia đình, ông Sáu vô cùng nhớ con. Những lúc ấy ông lại thấy dằn vặt day dứt vì đã đánh con trong lúc nóng giận, rồi lời dặn của con: ”Ba về, ba mua cho con một cây lược nghe Ba” đã thôi thúc ông nghĩ đến việc làm một chiếc lược ngà để tặng cho con.**

**Khi kiếm được khúc ngà voi ông đã vô cùng vui mừng sung sướng "mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà”. Vậy đấy, khi người ta "hóa thành” trẻ con lại chính là lúc người ta đang hiện lên cá tư cách người cha cao quý của mình, rồi ông Sáu dồn hết tâm sức và tình yêu thương và chiếc lược " những lúc rỗi, anh cưa từng chiếc răng lược thận trọng, tỉ mỉ và cố gắng như một người thợ bạc”.**

**Trên sống lưng lược có khắc một chữ nhớ mà ông gò lưng tẩn mẩn khắc từng nét “yêu nhớ tặng Thu con của ba” chiếc lược ngà trở thành kỉ vật thiêng liêng của ông Sáu là kết tinh của tình phụ tử mộc mạc đằm thắm sâu lặng. Nó làm dịu đi lỗi ân hận và chứa đựng bao tình cảm yêu mến nhớ thương mong đợi của người cha đến với đứa con xa cách ”cây lược ấy chưa chải được mái tóc của con nhưng như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh”.**

**Những đêm nhớ con anh anh mang chiếc lược ngà ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Lòng yêu thương con được kết tinh trong cây lược ngà ấy đã khiến cho người cha – người đã trở thành một nghệ nhân – nghệ nhân chỉ sáng tác ra một tác phẩm duy nhất của cuộc đời.**

**Nhưng rồi trong tình cảnh đau thương lại đến với ông Sáu, ông bị trúng đạn của giặc. Trong giờ phút cuối cùng không kịp chăng chối lại điều gì, ông đưa tay lên túi, móc cây lược cho ông Ba- người bạn chiến đấu và nhìn bạn một hồi lâu, cái nhìn như một lời chăng chối ủy thác thiêng liêng là ước nguyện giữ gìn tình phụ tử muôn đời. Ông Sáu đã hi sinh nhưng tình cha con ở ông thì không thể nào chết được, tình cha con mãi thiêng liêng bất diệt.**

**Có thể nói, chiến tranh đã lùi xa hơn ba mươi năm nhưng hình ảnh nhân vật ông Sáu và câu chuyện về ”Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng vẫn để lại bao ám ảnh day dứt trong lòng bạn đọc. Câu chuyện ấy không chỉ nói lên tình cha con thắm thiết sâu nặng của cha con ông Sáu, đặc biệt là tình cảm ông Sáu dành cho con, mà còn gợi cho người đọc nỗi đau thương mất mát của chiến tranh gây ra bao nhiêu gia đình, con người. Từ đó, ta càng có ý thức trân trọng giữ gìn tình phụ tử cao đẹp đồng thời trân trọng cuộc sống hòa bình đang được hưởng hôm nay.**

### Phân tích nhân vật ông Sáu trong "Chiếc lược ngà” ( Cách 2 )

**Xuất thân là một người lính hoạt động ở chiến trường Nam Bộ từ thời kháng chiến chống Pháp, Nguyễn Quang Sáng hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến cũng như sau hòa bình. Chính sự gắn bó chặt chẽ ấy đã giúp ông khắc họa một cách chân thực và rõ nét hình tượng nhân vật ông Sáu - nhân vật chính trong truyện ngắn "Chiếc lược ngà". Truyện được coi là một trong những tác phẩm nổi bật nhất của Nguyễn Quang Sáng với sự thành công trong việc xây dựng hình tượng một ông Sáu giàu tình yêu thương con, yêu thương đất nước.**

**Là người kể lại câu chuyện, bác Ba có thể dễ dàng bộc lộ được cảm xúc của bản thân, chủ động xen vào những bình luận, nhận xét để từ đó, làm nổi bật tình cha con trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh. Dưới góc nhìn và lời kể của bác Ba, nhân vật ông Sáu hiện lên là một người cha trở về nhà sau tám năm xa cách bởi chiến tranh nhưng bé Thu- con gái ông Sáu lại không nhận ra ba mình, đến lúc bé nhận ra và bộc lộ tình cảm thắm thiết thì cũng là lúc hai ba con phải chia tay nhau. Trở về căn cứ, ông Sáu dồn hết tình yêu thương và niềm mong nhớ, làm cho con gái chiếc lược ngà, nhưng chưa kịp trao tận tay thì ông đã hy sinh vì bảo vệ Tổ quốc.**

**Chiến tranh xảy ra, đất nước lâm nguy, anh Sáu cũng như nhiều thanh niên, đàn ông khác đều xung phong lên đường đi đánh giặc. Ngày anh đi, bé Thu- con gái anh còn chưa đầy một tuổi, trong suốt khoảng thời gian gần chục năm trời ở chiến trường bom đạn khốc liệt, anh chỉ được nhìn thấy con gái qua nhưng tấm ảnh nhỏ hiếm hoi mà vợ anh đem đến mỗi lần liều mình đi thăm chồng nơi tiền tuyến.**

**Khi có cơ hội được nghỉ, về thăm nhà, anh Sáu đã mong chờ biết nhường nào cái thời khắc được nhìn thấy con gái mình: “cái tình người cha cứ nôn nao trong người anh”. Trong giây phút đầu gặp gỡ, anh Sáu nhận biết con chỉ bằng linh cảm, nhưng đó là linh cảm của một người làm cha đã tám năm đằng đẵng chỉ được nhìn thấy con gái qua vài tấm ảnh nhỏ, nay trở về thăm nhà với niềm mong chờ và nỗi nhớ mãnh liệt: “đoán biết là con, không thể chờ xuồng cặp lại bến, anh nhún chân nhảy thót lên”.**

**Khao khát, mong chờ đến nôn nóng muốn gặp con: “anh bước vội vàng với những bước dài”, “vừa bước vừa khom người đưa tay đón chờ con”. Người cha ấy chờ đợi đã bao lâu rồi thời khắc được ôm con vào lòng, xúc động, nghẹn ngào cất tiếng gọi đầy trìu mến: “Thu! Con”. Thế nhưng, trái ngược hoàn toàn với sự mong chờ của anh Sáu, đáp lại nỗi nhớ của anh lại là thái độ “ngơ ngác, lạ lùng” của bé Thu.**

**Anh Sáu, vẫn với “vẻ mặt xúc động ấy”, “hai tay vẫn đưa về phía trước” “giọng lặp bặp run run”: “Ba đây con!”. Câu nói được lặp lại tới hai lần đã diễn tả được trọn vẹn sự mong nhớ cùng đợi chờ, xúc động của người cha khi đứng trước đứa con gái nhỏ mình luôn nhớ nhung bấy lâu, hoàn toàn chạm đến trái tim bạn đọc.**

**Nhưng chính nỗi xúc động đó đã khiến vết sẹo dài trên má phải của anh Sáu đỏ ửng lên, khiến bé Thu sợ hãi: “mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên”. Nỗi buồn, sự đau đớn, thất vọng đổ ập lên anh Sáu, “anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy”.**

**Trở về nhà, con người ta sẽ được sống trong tình yêu thương tràn ngập, được cảm nhận sự quan tâm ấm áp từ những người thân trong gia đình, nhưng đối với anh Sáu, ba ngày ở nhà lại trở nên thật buồn bã, đau xót. Anh đã cố gắng gần gũi, bù đắp cho con sự thiếu thốn về tình cảm trong suốt tám năm xa cách, “lúc nào cũng vỗ về con. Nhưng càng vỗ về con bé càng đẩy ra”.**

**Trong hoàn cảnh éo le như thế, anh chỉ “nhìn con vừa khe khẽ lắc đầu vừa cười”. Khi quá khổ tâm, người ta thậm chí chẳng thể khóc được nữa, nên có lẽ đành cười vậy thôi nụ - cười chua xót, đau khổ của một người cha bị chính con gái mình xa lánh. Buồn bã là thế, đau xót là thế nhưng anh Sáu vẫn luôn tận tình quan tâm, chăm sóc bé Thu bằng tất cả tình yêu thương. Trong bữa cơm, anh Sáu gắp cho con một miếng trứng cá to vàng, đó là hành động chăm sóc bình thường của cha dành cho con.**

**Nhưng bé Thu không nhận ra ba mình nên cũng từ chối mọi sự quan tâm từ anh Sáu. Nó hất cái trứng ra khỏi bát khiến cơm văng tung tóe khắp cả mâm, và vì quá tức giận, anh Sáu đã “vung tay đánh vào mông nó và hét lên: -Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?”.**

**Hành động và lời nói của anh chỉ là sự giận dữ bột phát, nhất thời sau những tức giận, thất vọng đến không thể kìm nén trong suốt hai ngày qua. Nỗi buồn bã, đau khổ của anh Sáu dường như đến tận cùng khi chỉ còn một đêm nữa thôi, anh sẽ phải trở lại căn cứ, rời xa vợ con.**

**Cuối cùng, dù không muốn, giây phút chia tay cũng đã đến. Anh Sáu bận sắp xếp đồ đạc rồi lại lo tiếp bà con, họ hàng đến chia tay nên không chú ý nhiều đến con nữa. Thế nhưng ngay lúc anh chuẩn bị đi, bé Thu lại chạy đến ôm chầm lấy cổ anh và cất tiếng gọi ba mà anh Sáu đã mong chờ bấy lâu nay. Sự buồn bã được thay thế bằng xúc động, hạnh phúc. Anh khóc. Khóc vì vui, vì hạnh phúc, khóc vì tiếc nuối khi giây phút chia ly đã cận kề.**

**Không muốn để con nhìn thấy những giọt nước của mình bởi không muốn không khí buổi chia tay trở nên nặng nề, “anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt”. Chính anh cũng không muốn phải xa con, giá như thời gian cứ dừng lại mãi ở giây phút này, anh sẽ có thể cảm nhận được tình yêu thương cùng niềm mong nhớ mà con gái anh dành cho người cha dấu yêu của mình suốt những năm tháng qua.**

**Nhưng đó tất nhiên chỉ là một điều ước không thể trở thành sự thật, những giọt nước mắt tiếc nuối nhanh chóng được anh Sáu lau đi, bởi nếu để bé Thu nhìn thấy sự yếu đuối ấy, con bé sẽ không để cho anh đi. Giây phút chia tay cũng chính là thời khắc anh Sáu chính thức được đoàn tụ với con gái. Thật éo le, đau đớn!**

**Mang theo tình yêu thương và lời hứa mua cho con chiếc lược ngà trở về căn cứ, khi nhặt được khúc ngà, anh Sáu đã “hớt hải chạy về, tay cầm khúc ngà đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà”. Lời hứa với con gái sắp được hoàn thành, anh Sáu tràn ngập niềm vui, hạnh phúc.**

**Ở giữa chiến trường máu lửa khốc liệt, anh càng mong nhớ con gái nhiều hơn. Làm cho con cây lược bằng tất cả tình yêu thương và niềm mong nhớ, anh Sáu càng khát khao được trở về gặp lại con: “Anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc”. Tất cả tình cảm của anh được gửi gắm ở “hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tẩn mẩn khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba””.**

**Với tình yêu thương và niềm mong nhớ con tha thiết, anh Sáu đã trở thành nghệ nhân một lần duy nhất trong cuộc đời. Chiếc lược ngà do chính tay mình làm ra dường như đã giải tỏa được mối ân hận vì đã trót đánh con mà anh vẫn day dứt, dằn vặt bấy lâu. Chiếc lược ngà chính là biểu tượng của tình cha con, tình phụ tử thiêng liêng, bất diệt, cũng chính là kỉ vật mà anh Sáu để lại cho con gái trước lúc hy sinh nơi chiến trường khốc liệt.**

**Với lời văn giản dị, chân thành, nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã khắc họa nên nhân vật ông Sáu, nhân vật chính, cũng là nhân vật đóng vai trò cốt lõi làm nên thành công của tác phẩm. Ông Sáu hiện lên trong truyện ngắn khiến người đọc xúc động, nghẹn ngào với tình yêu thương con tha thiết, mãnh liệt, cùng với đó là tình yêu và sự hy sinh đối với độc lập, tự do của Tổ quốc.**

**Có thể thấy được tác phẩm “Chiếc lược ngà’ chính là một trong những truyện ngắn xuất sắc của nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã viết thật xúc động, chân thực về tình cha – con và nỗi đau trong chiến tranh do quân giặc gieo rắc thời chống Mĩ. Ông Sáu được khắc họa đó chính là một trong những nhân vật thể hiện sâu sắc chủ đề ấy mà nhà văn gửi gắm.**

**Phân tích nhân vật ông Sáu trong truyện Chiếc lược ngà ( Cách 3 )**

“Chiếc lược ngà“ là truyện ngắn xuất sắc của nhà văn Nguyễn Quang Sáng viết về tình cha – con và nỗi đau trong chiến tranh do quân giặc gieo rắc thời chống Mĩ. Ông Sáu là một trong những nhân vật thể hiện sâu sắc chủ đề ấy.

Ông Sáu, một nông dân Nam Bộ giàu lòng yêu nước đã tham gia hai cuộc kháng chiến (đánh Pháp và đánh Mĩ), và đã anh dũng hi sinh. Ra đi đánh giặc từ năm 1946 mãi đến năm 1954, hòa bình lập lại, ông mới được về thăm quê một vài ngày. Ngày ra đi bộ đội, đứa con gái bé bỏng thân yêu của ông mới lên một tuổi, ngày về thì con đã 8, 9 tuổi. Cái khao khát của một người lính sau những năm dài vào sinh ra từ được trở lại quê hương, được gặp lại vợ con, được nghe con cất tiếng gọi “ba” một tiếng cũng không trọn vẹn! Đó là bi kịch thời chiến tranh. Lúc chia tay vợ con lần thứ hai để bước vào một cuộc chiến đấu mới, ông mới được một khoảnh khắc hạnh phúc khi đứa con gái ngây thơ “nhận ra” ba mình và kêu thét lên: “Ba… ba!”. Ông ôm con “rút khăn lau nước mắt rồi hôn lên mái tóc con”. Ông Sáu đã ra đi với nỗi nhớ thương vợ con không thể nào kể xiết. Bom đạn giặc đã làm thay đổi hình hài ông. Vết thẹo dài trên má phải – vết thương chiến tranh – đã làm cho đứa con gái thương yêu, bé bỏng không nhận ra bóng dáng người cha nữa! Ông đã ra đi, mang theo hình ảnh vợ con, với lời hứa mang về cho, con gái chiếc lược cùng với nỗi ân hận day dứt “sao mình lại đánh con” cứ giày vò ông mãi. Nỗi đau, nổi nhớ thương và mất mát… do quân giặc đem đến cho ông Sáu, cho bao người lính, cho bao bà mẹ, em thơ trên khắp mọi miền đất nước ta có bao giờ nguôi! Sự hi sinh của thế hệ đi trước để làm nên độc lập, thống nhất, dân chủ, hòa bình là vô giá.

Sau năm 1954, ông Sáu không tập kết ra Bắc, ông nhận nhiệm vụ mói ở lại miền Nam “nằm vùng“ hoạt động bí mật. Trong những ngày ở rừng, ở cứ bị giặc ruồng bố triền miên. Thiếu gạo phải ăn bắp. Gian khổ và nguy hiểm. Cái chết bủa vây cuộc chiến đấu thầm lặng. Ông Sáu vẫn không nguôi nhớ vợ con. Ông đã biến vỏ đạn 20 li của giặc Mĩ thành chiếc cưa nhỏ, đã tỉ mỉ, kiên nhẫn và khéo léo như một người thợ bạc chế tác khúc ngà voi thành một chiếc lược ngà xinh xắn có khắc dòng chữ: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba". Chiếc lược ngà với dòng chữ ấy mang theo bao tình cảm sâu nặng của người cha đối với đứa con bé bỏng. Tình thương con của ông Sáu thật vô cùng tha thiết. Điều đó cho thấy, ông Sáu cũng như hàng triệu chiến sĩ, đồng bào ta hi sinh chiến đấu vì đất nước và dân tộc, vì hạnh phúc gia đình, vì tình vợ chồng, tình cha con.

Chiếc lược ngà như một vật kí thác thiêng liêng của người lính về tình phụ – tử sâu nặng mà bom đạn quân thù không thể nào tàn phá được. Chính vì thế, khi bị trúng đạn máy bay Mĩ bắn vào ngực, lúc hấp hối, ông “đưa tay vào túi, móc cái lược đưa cho bạn, nhìn bạn hồi lâu rồi tắt thở… ông Sáu đã hi sinh trong những ngày đen tối vì gian khổ. Ngôi mộ ông là “ngôi mộ bằng giữa rừng sâu”. Nhưng chỉ có “tình cha con là không thể chết được!”.

Hình ảnh ông Sáu, hình ảnh người cha trong truyện “Chiếc lược ngà“ sâu nặng về tình cha – con. Chiếc lược ngà với dòng chữ mãi mãi là kỉ vật, là nhân chứng về nỗi đau, về bi kịch đầy máu và nước mắt đã để lại nhiều ám ảnh bi thương trong lòng ta. Ông Sáu là người lính của một thế hệ anh hùng đi trước mở đường đã nếm trải nhiều thử thách, gian khổ và hi sinh.

Truyện “Chiếc lược ngà” và hình ảnh ông Sáu đã khơi gợi trong lòng ta bao ý nghĩa về sự hi sinh và hạnh phúc ở đời do các thế hệ cha anh đã đổ xương máu làm nên. Và bài học “uống nước nhớ nguồn” càng thêm thấm thía.

LẶNG LẼ SA PA

Nguyễn Thành Long

**ĐỀ 1: PHÂN TÍCH TRUYỆN NGẮN “ LẶNG LẼ SA PA”**

**I.Mở bài:** Giới thiệu tác giả, tác phẩm.

Nguyễn Thành Long là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông đã đẻ lại nhiều tác phẩm văn học có giá trị mà đặc sắc nhất là truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” . Đọc tác phẩm ta bắt gặp những con người lao động thầm lặng mà đầy ý nghĩa trong công cuộc xây dựng đất nước mà tiêu biểu nhất là nhân vật anh thanh niên. Mặc dù phải sống và làm việc trong điều kiện khắc nghiệt nhưng ở anh thanh niên lại tỏa sáng nhiều phẩm chất tốt đẹp đáng để chúng ta ngưỡng mộ, học tập.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tác:**Truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” được Nguyễn Thành Long sáng tác năm 1970 trong một chuyến đi thực tế ở Lào Cai. Được in trong tập “ Giữa trong xanh” (1972). Tác phẩm tiêu biểu cho phong cách sáng tác của NTL. Đặc biệt nhân vật anh thanh niên là nhân vật chính của tác phẩm để lại cho nhiều ấn tượng sâu sắc về một con người có phâẩm chất tốt đẹp. Tình yêu nghề tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, luôn lạc quan yêu đời, biết sắp xếp cuộc sống một cách khoa học, hợp l, sống chân thành cởi mở và khiêm tốn.

**- Tóm tắt truyện:**Chuyến xe chở hành khách lên Lai Châu trèo lên núi. Trên chuyến xe có 3 vị khách đặc biệt, Bác lái xe, ông hoạ sĩ già, cô kĩ sư trẻ mới ra trường trò chuyện với nhau về Sa Pa, về hội hoạ, về hạnh phúc, tình yêu. Chiếc xe dừng lại để lấy nước và cho hành khách nghỉ ngơi. Bác lái xe giới thiệu với ông hoạ sĩ và cô gái về một người cô độc nhất thế gian. Đó là anh thanh niên 27 tuổi, làm công tác vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m. Anh mời hai người lên nhà chơi, sau đấy họ nói chuyện với nhau khoảng 30 phút. Anh kể chuyện mình sống và làm việc tại đây. Anh rất yêu và gắn bó với công việc của mình. Anh còn thích đọc sách, trồng cây thuốc, trồng hoa, nuôi gà. Nơi anh ở ngăn nắp, gọn gàng. Nói chuyện với anh, ông hoạ sĩ đã vẽ anh. Nhưng anh đã giới thiệu với ông hoạ sĩ về ông kĩ sư dưới vườn rau Sa Pa, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét - những người cũng giống như anh, say mê làm việc, cống hiến tuổi trẻ, trí tuệ, hạnh phúc cá nhân cho đất nước. Cô kĩ sư sau khi nói chuyện với anh TN nhận thấy bàng hoàng mối tình đầu nhạt nhẽo của mình từ bỏ là đúng đắn và yên tâm với quyết định nhận công tác miền núi. Sau 30 phút nói chuyện, đến giờ ốp, anh TN phải chia tay mọi người trong sự bịn rịn và quyến luyến. Anh không quên tặng hai người một làn trứng, tặng cô gái một bó hoa thật đẹp.

**III. Phân tích**

**1. Tình huống truyện và hệ thống nhân vật**

- Tình huống truyện khá đơn giản, đó chỉ là một cuộc gặp gỡ tình cờ giữa anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn với bác lái xe và hai hành khách

**2. Bức tranh thiên nhiên của Sa Pa**

- Thiên nhiên Sa Pa hiện lên êm đềm, lãng mạn và thật sống động: “Nắng bất ngờ bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây . Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tít trong nắng những ngón tay bằng bằng bạc dưới cái nhìn bao che của cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên những vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe...”

+Sử dụng biện pháp liệt kê để phô bày tất cả những nét riêng, đặc và độc đáo của thiên nhiên Sa Pa. Vẻ đẹp ấy làm say đắm lòng người và như mời gọi con người hãy đến vùng đất này để khám phá, thưởng thức.

+ Sử dụng biện pháp nhân hóa qua hình ảnh “nắng...đốt cháy rừng cây”, “nắng mạ bạc cả con đèo” gợi không gian như bừng sáng, khiến cảnh vật thêm lung linh, rực rỡ.

- Nghệ thuật nhân hóa “nắng...cháy rừng cây”, “mây bị nắng xua” khiến cho cảnh vật sống động như mang được linh hồn của thiên nhiên Sa Pa.

- Tác giả đã khắc họa được một bức tranh tráng lệ, rực rỡ, thơ mộng với những đường nét,hình khối,màu sắc đặc trưng của thiên nhiên Sa Pa. Và đó còn là cái nền để Nguyễn Thành Long tô đậm, khắc sâu vẻ đẹp của con người.

**3. Con người SaPa**

**a. Nhân vật anh thanh niên**

**a1: Hoàn cảnh sống:**

- Anh thanh niên là nhân vật chính của tác phẩm, nhưng anh xuất hiện không nhiều chỉ qua lời giới thiệu của bác lái xe và hiện ra trong cuộc gặp gỡ đầy bất ngờ, ngắn ngủi với ông họa sĩ và cô kĩ sư nhưng cũng đủ để nhân vật anh thanh niên tỏa sáng.

- Đó là một chàng trai 27 tuổi, sống một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m. Bốn bề chỉ có cây cỏ và mây mù lạnh lẽo.

- Công việc chính của anh là: đo nắng, đo mưa, đo gió, tính mây, đo chấn động mặt đất.

=> Góp phần dự báo thời tiết, phục vụ lao động sản xuất và chiến đấu.

- Gian khổ nhất là làm việc lúc 1h sáng, dù mưa gió tuyết lạnh thế nào cũng phải trở dậy ra ngoài làm việc.

=> Quả thực điều kiện sống và làm việc đó của anh thanh niên là vô cùng gian khổ và khốc liệt, là một thử thách lớn đối với tuổi trẻ vốn thích tự do, bay nhảy, phóng khoáng. Nhưng chính hoàn cảnh sóng khắc nghiệt ấy lại có thể để anh tỏa sáng nhiều phẩm chất.

**Luận điểm 1: Trước hết ta thấy ở anh thanh niên là một người yêu đời, yêu nghề và có tinh thần trách nhiệm trong công việc.**

**+ Yêu nghề**

- Một người yêu nghề, dám chấp nhận hy sinh:

- Anh thanh niên còn rất trẻ mới 27 tuổi vậy mà anh lại xung phong lên nhận công tác ở nơi xa xôi hẻo lánh, 4 năm qua anh chỉ sống và làm việc có một mình, và làm công việc hết sức đơn điệu, buồn tẻ. Chỉ nghĩ đến sự cô đơn thôi đã làm ta chán nản và muốn buông bỏ. Anh chấp nhận sống và làm việc trong một hoàn cảnh, môi trường đặc biệt:Trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m, quanh năm chỉ có cỏ cây và mây mù lạnh lẽo.

- Vậy mà anh lại suy nghĩ về công việc của mình vô cùng tích cực. Anh chia sẻ với ông họa sĩ : “Khi ta làm việc,ta với công việc là đôi,sao gọi là một mình được?.. Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi,cháu buồn chết mất”. Anh coi công việc như người bạn của mình, anh tìm thấy niềm vui trong mỗi việc làm. Chính vì tình yêu với công việc nên anh không cảm thấy cô đơn.

- Anh Tìm thấy những ý nghĩa trong công việc: “báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu”.

+Tự hào và hạnh phúc bởi anh không chỉ giúp ích cho lao động mà cả trong chiến đấu: Phát hiện một đám mây khô giúp không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Anh cảm thấy vô cùng hạnh phúc khi được cống hiến công sức nhỏ bé của mình cho đất nước, với anh thanh niên hạnh phúc là được làm việc, được cống hiến.

**+ Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc:**

- Đó là ý thức tự giác tận tụy trong công việc: Làm việc một mình trên đỉnh núi cao,không có ai giám sát song anh vẫn luôn tự giác,tận tụy: Mỗi ngày đều có 4 lần đi “ốp” để báo về nhà,không ngần ngại những đêm mưa tuyết, anh tâm sự: “ Gian khổ nhất là vào lúc 1h sáng. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn không đủ sáng. Xách đèn ra ngoài gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chực đợi mình ra là ào ào xô tới”.

=> Với thời tiết khắc nghiệt như vậy chỉ cần một chút ngần ngại anh sẽ tặc lưỡi rồi ngủ tiếp nhưng không anh vẫn hoàn thành công việc của mình mặc cho giá rét, tuyết rơi mặc cho cái im lặng thật dề sợ “ Nó như bị chặt ra từng khúc, giống như chổi lớn quét đi tất cả ... những lúc lạnh cóng mà hừng hực như cháy. Xong việc trở vào không thể nào ngủ được”. Sự quyết tâm đã chiến thắng nỗi sợ yêu nghề và tinh thần trách nhiệm giúp anh hoàn thành tốt công việc của mình. Anh hiểu công việc của mình là móc xích quan trọng trong công việc chung của đất nước.

- Tác phong làm việc khoa học,nghiêm túc,đúng giờ giấc và chính xác đến từng phút: Anh đếm từng phút trong cuộc gặp gỡ vì sợ hết ba mươi phút.

- Anh luôn hoàn thành xuất sắc công việc của mình

- Anh thanh niên là hiện thân cho những con người lao động mới trong công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương,đất nước thêm giàu đẹp.

=> Có thể nói tình yêu nghề, trách nhiệm cao trong công việc và sự nhiệt tình cống hiến của anh chính là biểu hiện cho tình yêu tổ quốc.

**Luận điểm 2: Không chỉ là một người biết đến công việc, ở anh thanh niên còn có tinh thần lạc quan và yêu tha thiết cuộc sống, biết sắp xếp cuộc sống một cách nề nếp khoa học.**

**+ Anh biết tạo ra niềm vui trong cuộc sống:**

Một mình sống trên đỉnh núi quanh năm chỉ làm bạn với cây cỏ và sương mù lạnh lẽo gần như không có ai đến thăm, vậy mà anh không để ngôi nhà của mình trở lên bừa bộn, anh đã tạo ra không gian sống cho mình thật lí tưởng. bằng việc trồng đủ các loài hoa rực rỡ để làm đẹp cho ngôi nhà mình ở. Khi đến thăm vườn hoa của anh trồng ông họa sĩ và cô kĩ sư bất ngờ “ Đứng trong mây mù ngang tầm với chiếc cầu vồng kia bỗng nhiên lại gặp hoa dơn, hoa thược dược, vàng tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong...” vườn hoa ấy chính là bằng chính sinh động của anh về tâm hồn yêu cuộc sống của anh.

- Không chỉ biết trồng hoa, chăm chút vườn hoa, làm đẹp cho ngôi nhà của mình mà anh còn biết nuôi gà để cải thiện cuộc sống, vừa để tạo ra niềm vui cho mình, làn trứng anh biếu bác họa sĩ, bó hoa tặng cô kĩ sư chính là những thành quả tự tay anh chăm sóc vun trồng.

- Luôn tự trau rồi bản thân bằng cách đọc qua sách, để nâng cao hiểu biết và chất lượng cuộc sống.

**- Không chỉ sắp xếp, tổ chức công việc một cách khoa học, mà ngay trong cuộc sống anh cũng thật gọn gàng,ngăn nắp**: Ngôi nhà anh ở được ông họa sĩ khắc họa bằng một vài đường nét “ Một căn nhà ba gian sạch sẽ với bàn ghế, sổ sách, bản đồ thống kê, máy bộ đàm. Cuộc đời riêng của anh được thu gọn lại một góc trái gian với một chiếc giường con, môt chiếc bàn học, một cái giá sách” khiến ông họa sĩ phải trầm trồ và bất ngờ. Chỉ bấy nhiêu thôi cũng đủ ta hình dung về ngôi nhà của anh. Nó tuy nhỏ bé đơn sơ, giản dị nhưng lại vô cùng gọn gàng, ngăn nắp, khoa học. => Đặt địa vị bản thân mỗi chúng ta vào địa vị anh thanh niên vậy thử hỏi mấy ai làm được như anh?

- Sống ở một nơi hẻo lánh hầu như không có người đến thăm vậy mà anh vẫn chủ động sắp xếp công việc của mình một cách khoa học, bởi anh luôn có lối sống đẹp và trân trọng cái đẹp.

- Sống một mình nhưng anh không cảm thấy cô đơn vì bên cạnh công việc anh còn có niềm đam mê đọc sách để trau dồi cho bản thân. Anh coi sách là người bạn tâm tình, chiếu sáng tâm hồn anh cũng như giúp anh kết nối với thế giới đẻ chống chọi lại sự cô đơn đang bủa vây quanh anh.

- Chính vì vậy mà bác lái xe mua hộ sách “anh mừng quýnh” vì anh coi sách là món anh tinh thần không thể thiếu .

=>Có thể nói chính niềm lạc quan, yêu cuộc sống, yêu cái đẹp, đam mê đọc sách là động lực giúp anh vượt qua khó khăn thử thách, hoàn thành tốt công việc.

**Luận điểm 3: Ở anh thanh niên ta còn bắt gặp một phẩm chất đáng quý đó là sự cởi mở, chân thành, hiếu khách luôn quý trọng tình cảm của mọi người.**

- Sống một mình trên đỉnh cao nên anh được bác lái xe gọi là “ Người cô độc nhất thế gian” và mắc bệnh “ Thèm người”. Vậy nên anh luôn khao khát được trò chuyện với mọi người bằng cách lấy khúc gỗ chắn ngang đường để chặn xe lại: “ Đâng đi thế này chợt thấy một khúc thân cây chặn ngang đường phải hãm lại một anh thanh niên từ từ chạy đến giúp đỡ” Thì ra anh thèm người quá nên anh thanh niên kiếm cớ để dừng xe lại nhìn và nói chuyện một lát, cái hành động ấy của anh đáng yêu và thật đáng thông cảm biết bao.

- Anh còn biết quan tâm chu đáo đến những người tình cờ gặp gỡ và sẵn sàng chia sẻ yêu thương, biết vợ bác lái xe bị ốm “anh còn gửi củ tam thất để cho bác gái ngâm rượu uống”. Hành động ấy cho thấy anh luôn biết quan tâm đến mọi người.

- Khi gặp được người thì anh mừng đến mức tất cả cuống cuồng như không kiềm được cảm xúc: “anh chạy vụt đi,cũng tất tả như khi đến”, “người con trai nói to những điều đáng lẽ người ta chỉ nghĩ”.

- Anh là một người thân thiện,cởi mở ngay cả với những người mới gặp lần đầu như ông họa sĩ và cô kĩ sư: Niềm nở,hồ hởi không giấu lòng,pha trà,tặng hoa và cả quà ăn đường. Và không dấu được lòng mình anh nói to những điều đáng nhẽ người ta chỉ nghĩ: “Bác và cô là đoàn khách thứ hai thăm nhà tôi từ tết và cô là cô gái thứ nhất từ Hà Nội lên tới nhà tôi từ bốn năm nay.

- Trân trọng từng giây từng phút gặp gỡ:Đếm từng phút vì sợ hết mất ba mươi phút gặp gỡ vô cùng quý báu.

=>Anh thanh niên xứng đáng trở thành biểu tượng cho phẩm chất và con người nơi mảnh đất Sa Pa

**Luận điểm 4: Mặc dù anh thanh niên hội tụ rất nhiều đức tính quý báu, nhưng ở anh lại có đức tính khiêm tốn.**

-Công việc của anh đang làm góp một phần quan trọng cho những bước chuyển mình của đất nước:phục vụ sản xuất và phục vụ chiến đấu. Nhưng anh lại cho những đóng góp của mình là vô cùng nhỏ bé so với bao người khác.

-Khi ông họa sĩ xin kí họa chân dung, anh từ chối, e ngại: “Không, không, đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn”.

=>Qua những nét phác họa của Nguyễn Thành Long, anh thanh niên hiện lên thật chân thực, sinh động, đẹp đẽ. Giữa thiên nhiên im lặng, hắt hiu, giữa cái lặng lẽ muôn thuở của Sa Pa đã vang lên những âm thanh trong sáng,những sắc màu lung linh của những con người lao động mới như anh.

**4.Các nhân vật phụ**

**a. Nhân vật ông họa sĩ**

- Tuy không phải là nhân vật chính của truyện, nhưng ông họa sĩ có vị trí quan trọng,mang quan điểm trần thuật của tác giả.Người kể chuyện đã nhập vào cái nhìn và suy nghĩ của nhân vật ông họa sĩ để quan sát,miêu tả từ cảnh thiên nhiên đến nhân vật chính của truyện.

- Trước hết,ông là một nghệ sĩ chân chính, nghiêm túc, say mê đi tìm cái đẹp: “Hơn bao nhiêu người khác, ông biết rất rõ sự bất lực của nghệ thuật, của hội họa trong cuộc hành trình vĩ đại của cuộc đời ...Đối với chính nhà họa sĩ, vẽ bao giờ cũng là một việc khó, nặng nhọc, gian nan”.

- Ngay từ những phút đầu gặp anh thanh niên,anh họa sĩ đã xúc động và bối rối. “Vì họa sĩ đã bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước được biết. Ôi! Một nét thôi cũng đủ định một tâm hồn,khơi gợi một ý sáng tác”.

- Trước chàng trai trẻ đáng yêu,ông họa sĩ bỗng thấy như “nhọc quá” vì những điều người ta suy nghĩ về anh.

- Những lời tâm sự anh thanh niên,khiến ông chấp nhận những thử thách của quá trình sáng tác.

- Những cảm xúc và suy tư của ông họa sĩ về anh thanh niên và những vấn đề của nghệ thuật,của đời sống được gợi lên từ câu chuyện của anh thanh niên,đã làm cho chân dung nhân vật chính thêm sáng đẹp và tạo được chiều sâu tư tưởng của tác phẩm.

**b. Nhân vật cô kĩ sư**

- Cô kĩ sư là một hình ảnh đẹp đẽ, biểu tượng cho sức sống mãnh liệt của tuổi trẻ: cô vừa tốt nghiệp đã tình nguyện lên miền núi Lai Châu nhận nhiệm vụ.

- Cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh than niên, được nghe những điều anh tâm sự, chia sẻ về bản thân và những người khác khiến cô “bàng hoàng”

- Cái “bàng hoàng” như một sự va đập giúp cô bừng dậy những tình cảm và suy nghĩ lớn lao, đẹp đẽ:

+ Cô đánh giá, kiểm điểm đúng hơn mối tình đầu nhạt nhẽo mà cô đã từ bỏ

+ Vững tin và quyết tâm về quyết định cho chuyến ra đi đầu đời của mình.

- Từ quý mến, khâm phục cô dần dần thấy biết ơn vô cùng anh thanh niên. Không phải chỉ vì bó hoa to mà anh tặng mà còn vì “một bó hoa nào khác nữa, bó hoa của những háo hức và mơ mộng ngẫu nhiên anh cho thêm cô”

=> Cuộc gặp gỡ đã khơi lên trong tâm tư cô gái trẻ những tình cảm và những suy nghĩ mới mẻ, cao đẹp về con người, về cuộc sống. Đó là sự đồng cảm về lý tưởng của thế hệ thanh niên Việt Nam thời chống Mĩ. Đồng thời, qua tâm tư, cảm xúc của cô kĩ sư, ta nhận ra vẻ đẹp và sức mạnh của nhân vật anh thanh niên.

**c. Nhân vật bác lái xe**

- Là người xuất hiện từ đầu tác phẩm, bác là người dẫn dắt, giới thiệu một cách sơ lược và kích thích sự chú ý về nhân vật chính của tác phẩm – “Người cô độc nhất thế gian”

- Bác là một người yêu nghề và có trách nhiệm với công việc: Đã có ba mươi năm lái xe và hiểu tường tận Sa Pa

- Là một con người niềm nở và cởi mở: trên khuôn mặt hồ hởi, bác giới thiệu về thiên nhiên và cảnh sắc Sa Pa; chia sẻ với ông họa sĩ và cô kĩ sư về anh thanh niên

- Có một tâm hồn nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên Sa Pa

- Bác là cầu nối giữa anh thanh niên với cuộc đời: bác mua sách giúp anh; giới thiệu anh với những người bạn mới; ...

=> Mặc dù chỉ xuất hiện qua một vài chi tiết của truyện nhưng bác họa sĩ là một phần quan trọng giúp nhân vật anh thanh niên xuất hiện một cách tự nhiên và góp phần dẫn dắt chuyện

**4. Những nhân vật được giới thiệu gián tiếp**

- Đó là những con người làm việc miệt mài, cống hiến thầm lặng: anh bạn trên trạm đỉnh Phan-Xi - Păng cao 3142 mét; ông kĩ sư vườn rau dưới Sa Pa ngày ngày ngồi im trong vườn xu hào rình xem cách ong lấy phấn, thụ phấn cho hoa xu hào

- Dám hi sinh cả tuổi và hạnh phúc cá nhân: anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét, luôn trong tư thế sẵn sàng chờ sét, “nửa đêm mưa gió, rét buốt, mặc, cứ nghe sét là choáng choàng chạy ra” và mười một năm chưa ngày nào xa cơ quan

=> Trong tác phẩm, những nhân vật này không xuất hiện một cách trực tiếp mà chỉ được giới thiệu gián tiếp qua lời kể của anh thanh niên. Song, họ đã thể hiện được những phảm chất vàng trong tâm hồn, cách sống và góp phần làm sáng tỏ chủ đề, tư tưởng của truyện được mở rộng.

**5. Đánh giá nghệ thuật**

- Truyện xây dựng thành công nhân vật anh thanh niên nhờ vào nghệ thuật xây dựng tình huống truyện hợp lí.

- Cách kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu, kết hợp hài hòa giữa miêu tả, tự sự và bình luận.

- Điểm nhìn trần thuật phù hợp với nhân vật hiện lên khách quan chân thật.

=> Giúp cho nhân vật anh thanh niên hiện lên với những vẻ đẹp về tinh thần với những nét đẹp về tinh thần về tình cảm, lối sống.

Nội dung: Tóm lại nhân vật anh thanh niên chỉ xuất hiện trong một khoảnh khắc ngắn ngủi nhưng tác giả đã kịp khắc họa được bức chân dung về con người lao động với những nét đẹp cả tinh thần, tình cảm và lối sống.

Anh thanh niên tiêu biểu cho hình ảnh những con người lao động mới với phong cách sống đẹp, sống có lí tưởng hết mình cho tổ quốc.

**III. Kết bài**

Đã gần nửa thế kỉ trôi qua nhưng đến nay truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long vẫn còn nguyên giá trị. Tác phẩm đã cho người đọc cảm nhận rõ nét về chân dung nhân vật anh thanh niên với những nét đẹp hoàn hảo lí tưởng. Nhân vật anh thanh niên tiêu biểu cho những con người lao động ở Sa Pa nói riêng và những con người lao động trong thời đại mới nói chung. Đọc tác phẩm ta càng thêm tự hào, ngưỡng mộ và quý trọng hơn những con người đang lặng lẽ, âm thầm làm việc và cống hiến cho tổ quốc. Hình ảnh anh đã truyền cảm hứng cho bao thế hệ bạn đọc. Qua câu chuyện về anh thanh niên, về những mảnh đời lặng lẽ tưởng như thầm lặng, Nguyễn Thành Long muốn nhắn nhủ với chúng ta rằng: Hãy sống một cuộc đời có ý nghĩa không chỉ vì bản thân mà còn vì xã hội, đất nước.

**ĐỀ 2: CẢM NHẬN VỀ THIÊN NHIÊN SA PA QUA ĐOẠN TRÍCH SAU**

*{...} “Nắng bây giờ len tới, đốt cháy rừng cây... luồn cả vào gầm cây”*

*{....}Hồi chưa vào nghề, những đêm trên bầu trời {....} Đấy cháu tự nói với cháu thế đấy.”*

**Mở bài:**

Nguyễn Thành Long là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông đã đẻ lại nhiều tác phẩm văn học có giá trị mà đặc sắc nhất là truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” . Đọc tác phẩm ta bắt gặp những con người lao động thầm lặng mà đầy ý nghĩa trong công cuộc xây dựng đất nước mà tiêu biểu nhất là nhân vật anh thanh niên. Mặc dù phải sống và làm việc trong điều kiện khắc nghiệt nhưng ở anh thanh niên lại tỏa sáng nhiều phẩm chất tốt đẹp đáng để chúng ta ngưỡng mộ, học tập.Chúng ta hãy đến với vẻ đẹp của thiên nhiên Sa Pa để hiểu thêm vẻ đẹp của của vùng đất này.*“Nắng bây giờ len tới, đốt cháy rừng cây... luồn cả vào gầm xe” { .... }Những đêm trên bầu trời {...}Đấy cháu tự nói với cháu thế đấy.”*

**B.Thân bài**

**1. Khái quát**

Lặng lẽ Sa Pa là kết quả của chuyến công tác ở Lào Cai trong mùa hè năm 1970, sau này được in trong tập  *Giữa trong xanh (* 1972). Đây là truyện ngắn tiêu biểu ở đề tài viết về cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc. Truyện kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa nhân vật anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ để từ đó ca ngợi những con người những công việc thầm lặng.

- Hai đoạn trích trên đã khắc họa rõ nét vẻ đẹp thơ mộng, đắm say của thiên nhiên Sa Pa và vẻ đẹp của con người Sa Pa qua nhân vật anh thanh niên.

**2. Bức tranh thiên nhiên và con người Sa pa**

**a.Thiên nhiên Sapa**

*\* Chuyển ý:* Trước hết ngay từ những dòng đầu của tác phẩm tác giả đã đưa người đọc đến với vẻ đẹp thơ mộng đắm say của thiên nhiên Sa Pa.

- Trong trời đất tây bắc bạt ngàn, khi nghĩ đến Sa Pa người ta thường nghĩ đến nơi đây quanh năm sương phủ lạnh lẽo. Nhưng dưới con mắt của người họa sĩ hình ảnh rừng cây trong nắng hiện ra một cách kì lạ khiến ông họa sĩ và cô gái lần đầu lên Sa Pa bỗng nhiên im bặt: “ Nắng bây giờ đã bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây”

=> Bằng biện pháp nhân hóa nắng hiện lên thật rực rỡ như một sinh thể có các trạng thái vận động khác nhau. Nắng không chỉ “len tới” mà còn “ Đốt cháy rừng cây”. Nắng di chuyển đẹp, kì thú, đem lại cho Sa Pa một vẻ đẹp huyền ảo đầy sức sống.

- Mây Sa Pa cũng hiện lên thật sinh động: “Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe.”=> bằng vài nét chấm phá điểm xuyết, vẫn là biện pháp nghệ thuật nhân hóa, tác giả đã thổi hồn vào những sự vật vô tri, vô giác để chúng hiện lên thật hồn nhiên, tinh nghịch, khiến cho bức tranh thiên nhiên hiện lên thật sinh động và tràn đầy sức sống.

- Tác giả đã khắc họa bức tranh thiên nhiên Sa Pa với vẻ đẹp trong trẻo, thơ mộng, hữu tình. Miêu tả bức tranh thiên nhiên bằng ngôn ngữ trong sáng, mỗi chữ, mỗi câu như có đường nét,hình khối, sắc màu. Văn xuôi truyện ngắn mà giàu nhịp điệu mang âm hưởng một bài thơ về thiên nhiên đất nước.

- Rừng cây dưới nắng qua cách miêu tả của nhà văn cũng hiện lên thật đẹp. Cây thông thì “ rung tít trong nắng những ngón tay bằng bạc, còn những cây tử kinh thì nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng”

=> Vẫn bằng nghệ thuật nhân hóa tác giả đã khiến cho rừng cây trở lên vô cùng sinh động, với những màu sắc tươi tắn: Màu xanh bạc của cây thông, màu hoa cà của cây tử kinh... tất cả đã làm cho thiên nhiên Sa Pa như bừng sáng, tinh nghịch, vui vẻ như một đứa trẻ

- Có thể nói đoạn văn miêu tả thiên nhiên Sa Pa dưới con mắt của người họa sĩ hiện lên như một tác phẩm hội họa lung linh, kì ảo. Không gian của bức tranh như được nới rộng, không có đường viền, giới hạn. Bức tranh ấy lại vừa có nhịp điệu âm thanh êm ái của bài thơ gợi lên sự yên bình, làm say đắm lòng người. Tác giả muốn đem đến cho các nhân vật sự khao khát, háo hức khi lần đầu tiên được đặt chân lên vùng đất mới.

**b. Vẻ đẹp con người Sapa hiện lên qua nhân vật anh thanh niên**

*\* Chuyển ý*: Đến với mảnh đất Sa Pa nhà văn Nguyễn Thành Long không chỉ cho chúng ta cảm nhận được vẻ đẹp thơ mộng của thiên nhiên mà còn cho ta cảm nhận sâu sắc về vẻ đẹp của con người qua nhân vật anh thanh niên.

- Đây là nhân vật chính của truyện.Tuy nhiên tác giả không cho nhân vật xuất hiện ngay từ đầu mà chỉ gián tiếp qua lời giới thiệu rất ấn tượng qua cuộc gặp gỡ ngắn ngủi, bất ngờ giữa anh với những vị khách trên chuyến xe đi Lào Cai khi họ dừng chân nghỉ. Nhân vật anh thanh niên chỉ hiện ra trong chốc lát nhưng đủ để các nhân vật khác kịp ghi nhận một ấn tượng, một kí họa chân dung về anh rồi anh lại khuất lấp trong mây mù bạt ngàn với cái lặng lẽ muôn thuở của Sa Pa.

**b.1: Hoàn cảnh sống và làm việc:**

- Lật từng trang văn của Nguyễn Thành Long, ta thấy anh thanh niên 27 tuổi sống và làm việc một mình trên đỉnh núi cao 2600m, quanh năm làm bạn với mây mù và cây cỏ.

- Anh làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu. Công việc của anh là “đo gió, đo mưa, đo nắng,tính mây và đo chấn động mặt đất, dự báo thời tiết hằng ngày để phục vụ sản xuất và phục vụ chiến đấu”. Một công việc gian khó nhưng đòi hỏi sự chính xác, tỉ mỉ và tinh thần trách nhiệm cao. “Nửa đêm dù mưa tuyết, gió lạnh, đúng giờ ốp thì cũng phải trở dậy ra ngoài trời làm việc”.

- Hoàn cảnh sống khắc nghiệt vô cùng bởi sự heo hút, vắng vẻ; cuộc sống và công việc có phần đơn điệu, giản đơn…là thử thách thực sự đối với tuổi trẻ vốn sung sức và khát khao trời rộng, khát khao hành động. Nhưng cái gian khổ nhất đối với chàng trai trẻ ấy là phải vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ quanh năm suốt tháng ở nơi núi cao không một bóng người. Cô đơn đến mức *“thèm người”*, phải lăn cây chặn đường dừng xe khách qua núi để được gặp gỡ, trò chuyện.

=>  Có thể nói anh thanh niên phải sống và làm việc trong một hoàn cảnh hết sức cô đơn và khắc nghiệt nhưng anh đã vượt qua tất cả để hoàn thành tốt công việc của mình vì anh coi sự khắc nghiệt ấy là môi trường rèn luyện, ý chí và quyết tâm của con người.

- Đoạn trích trên đã bộc lộ rõ nét vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên khi phải sống và làm việc trong hoàn cảnh khó khăn ấy. Đoạn trích là lời tâm sự của anh với ông họa sĩ và cô kĩ sư khi họ đến thăm nhà anh trên đỉnh núi Yên Sơn.

**b2. Vẻ đẹp trong tính cách người thanh niên qua đoạn trích trên**

- Đọc đoạn trích ta thấy anh thanh niên là người có suy nghĩ rất đúng đắn về công việc

- Khi chưa vào nghề anh rất sợ nỗi cô đơn: “ Hồi chưa vào nghề những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngôi sao kia lẻ loi một mình” => Tuy nhiên công việc đã làm thay đổi nhận thức của anh khiến anh luôn suy nghĩ tích cực: “ Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa”

- Anh coi công việc giống như một người bạn đồng hành: “ Khi ta làm việc ta với công việc là đôi sao gọi một mình được ?” => Lời tâm sự của anh thanh niển thể hiện quan niệm tích cực của một con người yêu cuộc sống, yêu lao động, coi công việc là bạn, là niềm hạnh phúc nên mặc dù sống một mình giữa đỉnh núi cao nhưng chưa bao giờ anh thấy mình lẻ loi cô độc giữa cái mênh mông lặng lẽ của núi rừng Sa Pa.

- Anh có ý thức thật đúng và sâu sắc về công việc của mình đang làm bởi nó có ích cho đất nước: “ Huống chi công việc của mình gắn liền với bao anh em bạn bè, đồng chí dưới kia. Anh yêu công việc đến độ say mê khi thành thực bày tỏ với ông họa sĩ: “ Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi cháu buồn chết mất” => Với anh tình yêu công việc trở thành lẽ sống , đốt lên trong anh một ngọn lửa đam mê, là động lực để giúp anh vượt qua những khó khăn thử thách để hoàn thành công việc.

-Ngoài yêu nghề ra anh còn rất yêu người. Sống đơn độc nên anh rất khao khát được gặp gỡ và trò chuyện với mọi người. Vì *“thèm người”* nên anh đã nghĩ ra việc lấy cây chặn đường xe chạy để được nói chuyện một lát với mọi người. Anh nói với bác họa sĩ: *“Cháu thèm nghe chuyện dưới xuôi lắm”*  hay *“con người thì ai mà chả “thèm” hở bác”*.

- Không những yêu nghề, yêu người anh còn là người sống có lý tưởng, có trách nhiệm. Anh ý thức một cách rất rõ ràng “*Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc?”*. Nhận thức đó cho thấy anh trẻ nhưng không hời hợt. Anh sống một mình nhưng không cô đơn vì lúc nào trong tư tưởng của anh mục đích sống, lẽ sống vẫn luôn luôn tồn tại và nhắc nhở. Làm một công việc đơn độc, phải dậy vào lúc nửa đêm, phải ra ngoài trời lúc mưa bão, lạnh lẽo, anh có thể nằm ở trong nhà, lấy số liệu cũ mà gọi bộ đàm về để báo cáo. Nhưng anh không làm điều đó. Vì anh có trách nhiệm và anh hiểu rõ việc anh làm ở đây có liên quan, có ảnh hưởng đến cuộc sống lao động và chiến đấu của rất nhiều người lúc bấy giờ. Việc phái đoàn không quân - phòng không đến thăm và khen ngợi anh đã cho thấy rõ điều đó.

**\* Đánh giá đoạn trích**

Qua phân tích ta thấy, nhân vật anh thanh niên được xây dựng bằng một nghệ thuật đặc sắc. Nó được miêu tả và thể hiện qua cuộc gặp gỡ đặc biệt với ông họa sĩ già và cô kĩ sư trẻ; được bộc lộ qua lời đối thoại của nhân vật; nhân vật không có tên riêng, không có ngoại hình cụ thể mà chỉ có tên gọi theo kiểu chung, phiếm chỉ. Và vì thế, hình ảnh anh thanh niên thể hiện vẻ đẹp của người thanh niên Việt Nam nói chung trong giai đoạn chống Mĩ: giản dị, chân thành và giàu lý tưởng; góp phần thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm, thể hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam trong chiến đấu; thể hiện cảm hứng của Nguyễn Thành Long khi sáng tác: “*SaPa không chỉ là một sự yên tĩnh. Bên dưới sự yên tĩnh ấy, người ta làm việc”,* hy sinh, yêu thương và mơ ước.Hình ảnh này gợi cho người đọc đến hình ảnh của thế hệ trẻ Việt Nam trong giai đoạn chống Mĩ nói riêng và theo dòng chảy thời gian nói chung.

b/ Liên hệ với hình ảnh của thế hệ trẻ trong một tác phẩm văn học khác hoặc trong thực tế đời sống để thấy được vẻ đẹp của sức trẻ Việt Nam

Nó gợi chúng ta nhớ đến hình ảnh những người như cô Phương Định, Nho, Thao trong tác phẩm *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê. Họ là những cô thanh niên xung phong làm công tác trinh sát mặt đường trên đường mòn Trường Sơn trong giai đoạn kháng chiến chống Mĩ gian khổ, ác liệt và đầy nguy hiểm. Nhưng trên hết họ là những người rất lạc quan, thích đùa tếu, mỗi người một vẻ góp phần làm nên vẻ đẹp của những nữ thanh niên xung phong lúc bấy giờ. Trong đó tiêu biểu nhất là nhân vật Phương Định. Đó là một cô gái Hà Nội xinh đẹp, có tâm hồn nhạy cảm, lao động và chiến đấu gan góc, dũng cảm và cũng là người có ý thức, có tình cảm đẹp về tình đồng đội của mình. Họ là những người:

“*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*

*Mà lòng phơi phới dậy tương lai*”.

**3. So sánh hai hình ảnh đã nêu trên**

Qua tìm hiểu ta thấy họ là những nhân vật khác nhau trong những tác phẩm văn học khác nhau. Họ khác nhau về giới tính, về môi trường sống, về công việc cụ thể. Nhưng họ là những người thanh niên của cùng một thời kì chiến tranh, cùng thể hiện vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong một thời kì lịch sử đầy khốc liệt của Tổ quốc và cùng để lại những ấn tượng sâu đậm đối với người đọc ở các giai đoạn sau.

**III. Kết bài**

Qua hai đoạn văn trên giúp ta thấy được vẻ đẹp của thiên nhiên Sa Pa, cũng như con người Sa Pa tiêu biểu là nhân vật anh thanh niên. Tác giả Nguyễn Thành Long đã thành công trong việc khắc họa cảnh đẹp thiên nhiên của đất nước và nét đẹp của tuổi trẻ Việt Nam trong chiến tranh cũng như trong giai đoạn hiện nay. Với truyện ngắn này, phải chăng nhà văn muốn khẳng định cuộc sống của chúng ta được làm nên từ bao phấn đấu, hy sinh lớn lao và thầm lặng? Những con người cần mẫn, nhiệt thành như anh thanh niên ấy khiến cuộc sống này thật đáng trân trọng, thật đáng tin yêu.

**HÌNH ẢNH CON NGƯỜI SA PA XUYÊN SUỐT TÁC PHẨM**

**\* Lòng yêu nghề, tinh thần trách nhiệm với công việc:**

- Anh hiểu rằng, công việc mình làm tuy nhỏ bé nhưng liên quan đến công việc chung của đất nước, của mọi người.

- Làm việc một mình trên đỉnh núi cao,không có ai giám sát,thúc giục anh vẫn luôn tự giác, tận tụy. Suốt mấy năm ròng rã ghi và báo “ốp”đúng giờ. Phải ghi và báo về nhà trong mưa tuyết lạnh cóng, gió lớn và đêm tối lúc 1h sáng, anh vẫn không ngần ngại.

- Và anh đã sống thật hạnh phúc khi được biết do kịp thời phát hiện đám mây khô mà anh đã góp phần vào chiến thắng của không quân ta trên bầu trời Hàm Rồng.

- Anh yêu công việc của mình, anh kể về nó một cách say sưa và tự hào.Với anh, công việc là niềm vui, là lẽ sống. Hãy nghe anh tâm sự với ông họa sĩ*:“[…] khi ta làm việc, ta với công việc là đôi,sao gọi là một mình được? Huống chi công việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất".*Qua lời anh kể và lời bộc bạch này, ta hiểu rằng anh đã thực sự tìm thấy niềm vui và hạnh phúc trong công việc thầm lặng giữa Sa Pa và sương mù bao phủ.

***\* Anh biết tạo ra một cuộc sống nền nếp văn minh và thơ mộng:***

- Sống một mình trên đỉnh núi cao, anh đã chủ động sắp xếp cho mình một cuộc sống ngăn nắp: “một căn nhà ba gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm”.Cuộc sống riêng của anh “thu gọn lại một góc trái gian với chiếc giường con,một chiếc bàn học, một giá sách”.

- Ngoài công việc, anh còn trồng hoa, nuôi gà, làm cho cuộc sống của mình thêm thi vị, phong phú về vật chất và tinh thần.

- Cuộc sống của anh không cô đơn, buồn tẻ vì anh có một nguồn vui đó là đọc sách. Anh coi sách như một người bạn để trò chuyện, để thanh lọc tâm hồn. Sách là nhịp cầu kết nối với thế giới nhộn nhịp bên ngoài. (khi bác lái xe đưa gói sách cho anh, anh“mừng quýnh” như bắt được vàng)

***\* Sự chân thành, cởi mở và lòng hiếu khách:***

- Sống trong hoàn cảnh như thế sẽ có người dần thu mình lại trong nỗi cô đơn.Nhưng anh thanh niên này thật đáng yêu ở nỗi “ thèm người”, lòng hiếu khách đến nồng nhiệt và sự quan tâm đến người khác một cách chu đáo.

- Biểu hiện:

+ Tình thân với bác lái xe, thái độ ân cần chu đáo, tặng củ tam thất cho vợ bác vừa mới ốm dậy.

+ Vui sướng cuống cuồng khi có khách đến thăm nhà.

+ Anh đón tiếp khách nồng nhiệt, ân cần chu đáo: hái một bó hoa rực rỡ sắc màu tặng người con gái chưa hề quen biết: “Anh con trai, rất tựnhiên như với một người bạn đã quen thân, trao bó hoa đã cắt cho người con gái,và cũng rất tự nhiên, cô đỡ lấy”, pha nước chè cho ông họa sĩ.

+ Anh trò chuyện cởi mở với ông họa sĩ và cô kĩ sư về công việc, cuộc sống của mình, của bạn bè nơi Sa Pa lặng lẽ.

+ Đếm từng phút vì sợ hết mất ba mươi phút gặp gỡ vô cùng quý báu.

+ Lưu luyến với khách khi chia tay, xúc động đến nỗi phải “quay mặt đi” và ấn vào tay ông hoạ sĩ già cái làn trứng làm quà, không dám tiễn khách ra xe dù chưa đến giờ “ốp”

=> Tất cả không chỉ chứng tỏ tấm lòng hiếu khách của người thanh niên mà còn thể hiện sự cởi mở, chân thành, nhiệt tình đáng quí.

***\* Sự khiêm tốn, thành thật:***

Anh còn là người rất khiêm tốn, thành thực cảm thấy công việc và những lời giới thiệu nhiệt tình của bác lái xe là chưa xứng đáng, đóng góp của mình chỉ là bình thường nhỏ bé, anh vẫn còn thua ông bố vì chưa được đi bộ đội, trực tiếp ra chiến trường đánh giặc. Khi ông hoạ sĩ kí hoạ chân dung,anh từ chối, e ngại và nhiệt tình giới thiệu những người khác đáng vẽ hơn anh nhiều (ông kĩ sư ở vườn rau Sa Pa, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét...)

=>Tóm lại, chỉ bằng một số chi tiết và anh thanh niên chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc của truyện, nhưng  tác giả đã phác hoạ được chân dung nhân vật chính với những nét đẹp về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa của công việc.

=> Anh thanh niên là hình ảnh tiêu biểu cho những con người ở Sa Pa, là chân dung con người lao động mới trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

**b.3. Trong tác phẩm,còn có những nhân vật không xuất hiện trực tiếp mà chỉ xuất hiện gián tiếp qua câu chuyện kể của anh thanh niên cũng góp phần thể hiện chủ đề của tác phẩm. Đó là:**

- Anh bạn đồng nghiệp lặng lẽ cống hiến trên đỉnhPhan-xi-păng cao 3142 mét.

- Ông kĩ sư vườn rau Sa Pa hết lòng với công việc. Kiên trì, bền bỉ, làm việc trong âm thầm lặng lẽ “ngày này sang ngàykhác”. Ông ngồi im trong vườn su hào rình xem cách ong lấy phấn, thụ phận chohoa su hào. Và tự ông đi thụ phấn cho từng cây su hào để củ su hào nhân dântoàn miền Bắc ăn được to hơn, ngọt hơn. Ông kĩ sư làm cho anh thanh niên cảm thấy cuộc đời đẹp quá! Công việc thầm lặng ấy chỉ những con người  nơi mảnh đất Sa Pa mói hiểu hết được ý nghĩa của nó.

- Anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét. Anh luôn ở trong tư thế sẵn sằng suốt ngày chờ sét “nửa đêm mưa gió,rét buốt,mặc, cứ nghe sét là choáng choàng chạy ra”. Anh đã hi sinh hạnh phúc cá nhân vì niềm đam mêcông việc để khai thác “của chìm nông, của chìm sâu” dưới lòng đất làm giàu choTổ quốc.

=> Dù không xuấthiện trực tiếp trong truyện mà chỉ gián tiếp qua lời kể của anh thanh niên, song họ hiện lên với những nét tuyệt đẹp trong tâm hồn và cách sống. Họ là những người say mê công việc. Vì công việc làm giàu cho đất nước, họ sẵn sànghi sinh tuổi thanh xuân, hạnh phúc và tình cảm gia đình. Cuộc sống của họ lặnglẽ và nhân ái biết bao.

**4. Đánh giá**

Như vậy bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, truyện ngắn “LLSP” cuả nhà văn NTL đã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên và con người Sapa.Thiên nhiên sapa thì hữu tình thơ mộng còn con người nơi ấy đang thầm lặng cống hiến hết mình vì đất nước. Dù anh thanh niên chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc, nhưng bằng cách đặt nhân vật vào tình huống gặp gỡ tình cờ, qua cảm xúc và đánh giá của mọi người xung quanh, những chi tiết tiêu biểu… tác giả đã phác họa chân dung nhân vật với những nét đẹp về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống, về ý nghĩa công việc.

**C. Kết bài**

**ĐỀ 3: CẢM NHẬN VỀ ANH THANH NIÊN QUA ĐOẠN TRÍCH SAU**

          “Anh hạ giọng, nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều:

-   Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Vả, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắm liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả “thèm” hở bác? Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy. Bác lái xe đi, về Lai Châu cứ đến đây dừng lại một lát. Không vào “ốp” là cháu chạy xuống chơi, lâu thành lệ. Cháu bỗng dưng tự hỏi: Cái nhớ xe, nhớ người ấy thật ra là cái gì vậy? Nếu là nỗi nhớ phồn hoa đô hội thì xoàng. Cháu ở liền trong trạm hàng tháng. Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toe, mặc, cháu gan lì nhất định không xuống. Ấy thế là một hôm, bác lái phải thân hành lên trạm cháu. Cháu nói: “Đấy, bác cũng chẳng “thèm” người là gì?”.

Anh xoay sang người con gái đang một mắt đọc cuốn sách, một mắt lắng nghe, chân cô đung đưa khe khẽ, nói:

-   Và cô cũng thấy đấy, lúc nào tôi cũng có người trò chuyện. Nghĩa là có sách ấy mà. Mỗi người viết một vẻ.”

**A. Mở bài: Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận**

Nguyễn Thành Long là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông đã đẻ lại nhiều tác phẩm văn học có giá trị mà đặc sắc nhất là truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” . Đọc tác phẩm ta bắt gặp những con người lao động thầm lặng mà đầy ý nghĩa trong công cuộc xây dựng đất nước mà tiêu biểu nhất là nhân vật anh thanh niên. Mặc dù phải sống và làm việc trong điều kiện khắc nghiệt nhưng ở anh thanh niên lại tỏa sáng nhiều phẩm chất tốt đẹp đáng để chúng ta ngưỡng mộ, học tập.Chúng ta hãy đến với lời tâm sự của bác họa sĩ và cô kĩ sư để hiểu thêm vẻ đẹp của nhân vật này.

**B.Thân bài**

**1. Khái quát**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Lặng lẽ Sa Pa là kết quả của chuyến công tác ở Lào Cai trong mùa hè năm 1970, sau này được in trong tập  *Giữa trong xanh (* 1972). Đây là truyện ngắn tiêu biểu ở đề tài viết về cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc. Truyện kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa nhân vật anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ để từ đó ca ngợi những con người những công việc thầm lặng.

- Khái quát chủ đề: Đoạn trích trên là lời tâm sự của anh thanh niên với ông họa sĩ và cô kĩ sư khi hai ngườinên thăm nhà anh trên đỉnh cao Yên Sơn. Qua đoạn trích ta thấy được ở anh một tình yêu nghề, một người có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, một người có lí tưởng sống tốt đẹp.

**2. Phân tích nhân vật anh thanh niên trong đoạn trích**

**a. Giới thiệu về hoàn cảnh sống và công việc của anh thanh niên**.

-Đoạn trích đưa ta đến vùng đất Sapa để gặp một chàng thanh niên 27 tuổi làm công tác khí tượng khí tượng kiêm vật lí địa cầu. Tuy là nhân vật chính của tác phẩm, nhưng anh xuất hiện không nhiều chỉ qua lời giới thiệu của bác lái xe và hiện ra trong cuộc gặp gỡ đầy bất ngờ, ngắn ngủi với ông họa sĩ và cô kĩ sư nhưng cũng đủ để nhân vật anh thanh niên tỏa sáng.

- Đó là một chàng trai 27 tuổi, sống một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m. Quanh năm làm bạn với thiên nhiên cây cỏ mây mù, lạnh lẽo, hoàn toàn vắng bóng con người.Khó khăn lớn nhất không phải là thiên nhiên khắc nghiệt mà chính là nỗi cô đơn.

- Công việc chính của anh là: đo nắng, đo mưa, đo gió, tính mây, đo chấn động mặt đất.

=> Góp phần dự báo thời tiết, phục vụ lao động sản xuất và chiến đấu.

- Gian khổ nhất là làm việc lúc 1h sáng, dù mưa gió tuyết lạnh thế nào cũng phải trở dậy ra ngoài làm việc.

=> Quả thực điều kiện sống và làm việc đó của anh thanh niên là vô cùng gian khổ và khốc liệt, là một thử thách lớn đối với tuổi trẻ vốn thích tự do, bay nhảy, phóng khoáng. Nhưng chính hoàn cảnh sóng khắc nghiệt ấy lại có thể để anh tỏa sáng nhiều phẩm chất.

**\*Trước hết ở đoạn trích ta thấy anh thanh niên là một người yêu nghề, có niềm đam mê với khoa học.**

- Mở đầu đoạn trích ta thấy anh những suy nghĩ, chia sẻ với ông họa sĩ về công việc của mình vô cùng tích cực: “*Khi làm việc ta với công việc là đôi sao gọi là một mình được”.*Một quan niệm thật giản dị nhưng thể hiện một lẽ sống đẹp. Anh coi công việc như một người bạn của mình và anh hiểu rằng công việc của anh còn gắn bó với bao công việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. “*Công việc của cháu còn gắn với việc của bao anh em,đồng chí dưới kia*”. Bên cạnh anh còn biết bao anh em đồng chí cùng đồng hành với anh, cùng anh âm thầm làm việc phấn đấu hết mình vì việc chung nên ko thể gọi là “*1 mình được”*

- Anh tiếp tục lời tâm sự chân tình, cởi mở: “*Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi , cháu buồn đến chết mất”.* Thực tế công việc vào giờ “ốp” đầy gian nan và vất vả. Chỉ một mình anh đúng một giờ sáng, phải đậy đúng giờ, phải đi ra ngoài trời giá lạnh” gió tuyết &lặng im”, núi non trùng điệp lạnh lẽo , hoang vu. Đó là 1 thử thách lớn không phải ai cũng dễ dàng vượt qua.Nhưng lạ lùng làm sao” *cất nó đi cháu buồn đến chết mất*”.

=>Lời tâm sự chân thành làm ta khâm phục biết bao. Không biết tự bao giờ anh đã yêu công việc đày gian khổ ấy. Được sống nơi này để làm việc, được cống hiến với anh là niềm hạnh phúc lớn nhất cuộc đời. Nhân vật anh thanh niên đã giúp ta hiểu hơn về thế hệ cha ông trong những năm đầu của thập niên 70 ở thế kỉ XX, về tinh thần xây dựng CNXH của nhân dân ta ở miền Bắc

**\*Một người sống có lý tưởng, có trách nhiệm.**

- Không chỉ yêu nghề, anh thanh niên trong đoạn trích này còn là một người sống có lý tưởng, có trách nhiệm. Anh ý thức một cách rất rõ ràng: *Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc?*.

Mặc dù trẻ tuổi nhưng anh không hời hợt. Anh sống một mình nhưng không cô đơn vì lúc nào trong tư tưởng của anh mục đích sống, lẽ sống vẫn luôn luôn tồn tại và nhắc nhở. Làm một công việc đơn độc, phải dậy vào lúc nửa đêm, phải ra ngoài trời lúc mưa bão, lạnh lẽo, anh có thể nằm ở trong nhà, lấy số liệu cũ mà gọi bộ đàm về để báo cáo. Nhưng anh không làm điều đó. Vì anh có trách nhiệm và anh hiểu rõ việc anh làm ở đây có liên quan, có ảnh hưởng đến cuộc sống lao động và chiến đấu của rất nhiều người lúc bấy giờ. Một con người như anh thật đáng để ta trân trọng biết bao.

**\*Một người sống cởi mở chân thành, quí trọng tình cảm.**

- Cùng với vẻ đẹp của tình yêu nghề, của tinh thần trách nhiệm, anh thanh niên còn là một người sống cởi mở, chân thành và rất quý trọng tình cảm. Chỉ gặp họa sĩ và cô kĩ sư một cách tình cờ, trong thời gian rất ngắn ngủi 30 phút, thế nhưng anh đã tâm tình cởi mở biết bao điều về công việc của mình với họ. Anh cứ thủ thỉ tâm tình trò chuyện như đã quen thân tự bao giờ. Bởi với anh được gặp người, trò chuyện với mọi người là 1 một niềm mong mỏi. Anh khẳng định nỗi khao khát của mình: *Còn người thì ai mà chả“thèm ”hở bác*?

=>Nỗi thèm người của anh là một nhu cầu chính đáng, đáng quí. Điều đó cho thấy nỗi khát khao giao cảm được trò chuyện của một con người sống cởi mở , nồng nhiệt. Chính bởi sống cởi mở quí trọng tình cảm mà “ *Không vào giờ “ốp” là cháu xuống chơi, lâu thành lệ*”. Nghĩa là gặp người, giao cảm trò chuyện với mọi người đã trở thành nhu cầu, thành niềm hạnh phúc của anh. Sự chân thành ,cởi mở quí trọng tình cảm của anh khiến ta xúc động và trân trọng vô cùng.

**\*Một người ham học hỏi, rất quan tâm đến đời sống nội tâm.**

Không chỉ vậy, anh thanh niên còn là một người ham học hỏi và rất quan tâm đến đời sống nội tâm. Ngắm nhìn cô kỹ sư đang mải mê đọc sách, anh nói: “*Cô cũng thấy đấy, lúc nào tôi cũng có người trò chuyện . Nghĩa là có sách ấy*”. Vậy là sống nơi SaPa lặng lẽ, anh ko cô đơn buồn tẻ vì đã có sách làm bạn. Sách giúp đỡ đời sống tinh thần của anh thêm phong phú, giúp anh mở rộng tri thức vốn sống để không ngừng theo kịp thời đại. Anh tự lo liệu xoay sở để thường xuyên có sách đọc. Sách không chỉ giúp anh nâng cao hiểu biết, nâng cao kiến thức, sách còn giúp anh khuây khoả trong những phút giây rảnh rỗi. Vì vậy sống một mình trên đỉnh cao Yên Sơn anh không cảm thấy cô đơn vì lúc nào bên cạnh cũng có sách. Say mê đọc sách là một thói quen, một đức tính đáng quý ở anh.

**3. Đánh giá**

- Như vậy, bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, bằng sự đan xen giữa tự sự và miêu tả, đoạn trích đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn những vẻ đẹp trong tâm hồn nhân vật anh thanh niên- một chàng trai có lí tưởng sống cao đẹp, có tình yêu nghề, quý trọng tình cảm và rất ham học hỏi. Anh thanh niên chính là hình ảnh đại diện của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước. Xây dựng nhân vật này, Nguyễn Thành Long muốn gửi vào đó lời ngợi ca đến những con người đang ngày đêm thầm lặng cống hiến cho dân tộc.

**4. Liên hệ mở rộng:** Nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long gợi ta nhớ đến hình ảnh những cô gái thanh niên trong truyện ngắn “ Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê đó là ba cô gái thanhnên xung phong tuổi đời còn rất trẻ, họ là những trinh sát mặt đường trên tuyến đường Trường Sơn máu lửa trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

- Anh thanh niên trong truyện ngắn “ LLSP”và những cô gái thanh niên xung phong họ là những nhân vật khác nhau trong các tác phẩm khác nhau. Họ khác nhau về giới tính, về môi trường sống , về hoàn cảnh công việc... nhưng họ đều có một điểm chung đó là họ đều lặng lẽ cống hiến tuổi trẻ, tuổi thanh xuân của mình trong công việc bảo vệ đất nước thật dáng ngợi ca và được ghi nhớ mãi mãi.

**Kết bài:**

Chiến tranh đã lùi xa, đất nước đã thanh bình, ngày nay chúng ta được sống bình yên, hạnh phúc khiến ta càng trân trọng sự cống hiến thầm lặng của các thế hệ cha anh. Vì thế đã nhiều năm trôi qua nhưng đến nay truyện ngắn “ LLSP” của nhà văn Nguyễn Thành Long vẫn nguyên giá trị, và để lại trong lòng bạn đọc nhiều ấn tượng khó quên. Qua cuộc trò chuyện của anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ, đoạn trích đã khắc họa một trong những phẩm chất đáng quý ở anh thanh niên - một con người sống có lí tưởng, sống có trách nhiệm, nhiệt tình cống hiến sức trẻ cho đất nước. Anh thanh niên đã trở thành tấm gương cho thế hệ trẻ chúng ta học tập và noi theo. Với những giá trị trên truyện ngắn “ LLSP” qua bao thăng trầm của lịch sử vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc hôm nay và mai sau.

**ĐỀ4: CẢM NHẬN VỀ NHÂN VẬT ANH THANH NIÊN QUA ĐOẠN TRÍCH SAU:**

“Thôi, chấm dứt tiết mục hái hoa - Người con trai bất chợt quyết định - Bác lái xe chỉ cho ba mươi phút thôi. Hết năm phút rồi. Cháu nói qua công việc của cháu, năm phút. Còn hai mươi phút, mời bác và cô vào nhà uống chè, cho cháu nghe chuyện. Cháu thèm nghe chuyện dưới xuôi lắm. Công việc của cháu cũng quanh quẩn ở mấy chiếc máy ngoài vườn này thôi. Những cái máy vườn trạm khí tượng nào cũng có. Dãy núi này có một ảnh hưởng quyết định tới gió mùa đông bắc đối với miền Bắc nước ta. Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. Đây là máy móc của cháu. Cái thùng đo mưa này, ở đâu bác cũng trông thấy, mưa xong đổ nước ra cốc li phân mà đo. Cái này là máy nhật quang kí, ánh nắng mặt trời xuyên qua cái kính này, đốt các mảnh giấy này, cứ theo mức độ, hình dáng vết cháy mà định nắng. Đây là máy Vin, nhìn khoảng cách giữa các răng cưa mà đoán gió. Ban đêm, không nhìn mây, cháu nhìn gió lay lá hay nhìn trời, thấy sao nào khuất, sao nào sáng, có thể nói được mây, tính được gió. Cái máy nằm dưới sâu kia là máy đo chấn động vỏ quả đất. Cháu lấy những con số, mỗi ngày báo về “nhà” bằng máy bộ đàm bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối, lại một giờ sáng. Bản báo ấy trong ngành gọi là “ốp”. Công việc nói chung dễ, chỉ cần chính xác. Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. Ở đây có mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống những nhát chổi lớn, muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung… Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ lại được.

**Gợi ý:**

a. Đảm bảo cấu trúc của một bài nghị luận văn học: có đầy đủ Mở đoạn , thân đoạn , Kết đoạn . Mở đoạn giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân triển khai được các luận điểm làm rõ vấn đề nghị luận; Kết khái quát được nội dung nghị luận.

b. Xác định đúng vấn đề nghị luận

c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ gữa lí lẽ và dẫn chứng. Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:

**A. Mở bài:**

Nguyễn Thành Long là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông đã đẻ lại nhiều tác phẩm văn học có giá trị mà đặc sắc nhất là truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” . Đọc tác phẩm ta bắt gặp những con người lao động thầm lặng mà đầy ý nghĩa trong công cuộc xây dựng đất nước mà tiêu biểu nhất là nhân vật anh thanh niên. Mặc dù phải sống và làm việc trong điều kiện khắc nghiệt nhưng ở anh thanh niên lại tỏa sáng nhiều phẩm chất tốt đẹp đáng để chúng ta ngưỡng mộ, học tập.Chúng ta hãy đến với lời tâm sự của bác họa sĩ và cô kĩ sư để hiểu thêm vẻ đẹp của nhân vật này.

**B.Thân bài**

**1. Khái quát**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Lặng lẽ Sa Pa là kết quả của chuyến công tác ở Lào Cai trong mùa hè năm 1970, sau này được in trong tập  *Giữa trong xanh (* 1972). Đây là truyện ngắn tiêu biểu ở đề tài viết về cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc. Truyện kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa nhân vật anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ để từ đó ca ngợi những con người những công việc thầm lặng.

**- Khái quát chủ đề:** Đoạn trích trên là lời tâm sự của anh thanh niên với ông họa sĩ và cô kĩ sư khi hai người lên thăm nhà anh trên đỉnh cao Yên Sơn. Qua đoạn trích ta thấy được ở anh một con người có tình yêu với công việc, một người tự giác có tinh thần trách nhiệm cao, có thái độ nghiêm túc trong công việc.

**2. Phân tích nhân vật anh thanh niên qua đoạn trích**

**a. Khái quát về công việc của anh thanh niên**

-Đoạn trích đưa ta đến vùng đất Sapa để gặp một chàng thanh niên 27 tuổi làm công tác khí tượng khí tượng kiêm vật lí địa cầu. Tuy là nhân vật chính của tác phẩm, nhưng anh xuất hiện không nhiều chỉ qua lời giới thiệu của bác lái xe và hiện ra trong cuộc gặp gỡ đầy bất ngờ, ngắn ngủi với ông họa sĩ và cô kĩ sư nhưng cũng đủ để nhân vật anh thanh niên tỏa sáng.

- Đó là một chàng trai 27 tuổi, sống một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m. Quanh năm làm bạn với thiên nhiên cây cỏ mây mù, lạnh lẽo, hoàn toàn vắng bóng con người.Khó khăn lớn nhất không phải là thiên nhiên khắc nghiệt mà chính là nỗi cô đơn.

- Công việc chính của anh là: đo nắng, đo mưa, đo gió, tính mây, đo chấn động mặt đất.

=> Góp phần dự báo thời tiết, phục vụ lao động sản xuất và chiến đấu.

- Gian khổ nhất là làm việc lúc 1h sáng, dù mưa gió tuyết lạnh thế nào cũng phải trở dậy ra ngoài làm việc. Công việc của anh làm âm thầm, lặng lẽ một mình, báo về “ốp” đều đặn những con số để phục vụ sản xuất, chíên đấu. Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác, có tính trách nhiệm cao.

=> Quả thực điều kiện sống và làm việc đó của anh thanh niên là vô cùng gian khổ và khốc liệt, là một thử thách lớn đối với tuổi trẻ vốn thích tự do, bay nhảy, phóng khoáng. Nhưng chính hoàn cảnh sóng khắc nghiệt ấy lại có thể để anh tỏa sáng nhiều phẩm chất.

**b. Phẩm chất của anh thanh niên được thể hiện qua đoạn trích**

**\*Ở anh trước hết ta nhận ra là tình yêu với công việc. Anh giới thiệu chi tiết từng loại máy, từng dụng cụ của mình cho ông họa sĩ và cô kĩ sư***.* Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. Đây là máy móc của cháu. Cái thùng đo mưa này, ở đâu bác cũng trông thấy, mưa xong đổ nước ra cốc li phân mà đo. Cái này là máy nhật quang kí, ánh nắng mặt trời xuyên qua cái kính này, đốt các mảnh giấy này, cứ theo mức độ, hình dáng vết cháy mà định nắng. Đây là máy Vin, nhìn khoảng cách giữa các răng cưa mà đoán gió. Để có thể hiểu và giới thiệu một cách đầy đủ về công việc cũng như các thiết bị làm việc của mình một cách rành rọt như vậy hẳn là anh đã phải dành rất nhiều thời gian để tìm hiểu về nó thậm chí coi nó như người bạn của mình.Và anh cũng có rất nhiều kinh nghiệm trong công việc của mình. Ban đêm, không nhìn mây, cháu nhìn gió lay lá hay nhìn trời, thấy sao nào khuất, sao nào sáng, có thể nói được mây, tính được gió. Những kinh nghiệm ấy anh đã tích lũy được trong quá trình làm việc, trong suốt 4 năm anh gắn bó với công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu.

**\* Anh thanh niên còn là một người có tinh thần tự giác rất cao, có thái độ nghiêm túc trong công việc.** Một mình sống trên đỉnh Yên Sơn, không có ai đôn đốc, kiểm tra  nhưng **anh** vẫn vượt qua hoàn cảnh làm việc một cách nghiêm túc. Dù thời tiết khắc nghiệt mùa đông giá rét mà anh đều thức dậy thắp đèn đi “ốp” đúng giờ. Ngày nào cũng vậy anh làm việc một cách đều đặn, chính xác 4 lần trong ngày, âm thầm, bền bỉ trong nhiều năm trời. Khó nhất là lúc đo và báo về cơ quan vào lúc 1 giờ sáng.

- Theo lời anh kể: Rét, bác ạ. Ở đây có mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống những nhát chổi lớn, muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung… Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ lại được”. Giữa chon von nơi đỉnh núi, lại vào lúc một giờ sáng, khi nhà nhà, người người đang chìm trong giấc ngủ thì anh thanh niên lại phải bật dậy, xách đèn bão ra vườn thực hiện công việc của mình. Anh có thế không dậy, có thể lấy con số cũ hoặc một cọn số bất kì nào đó để báo về cơ quan. Nhưng không, anh đã không làm như vậy bởi anh nhận thức được rất rõ tầm quan trọng của công việc mà anh đang đảm nhận. và hơn cả tinh thần vượt khó để hoàn thành công việc ấy chính là xuất phát từ tinh thần tự giác cao của anh. Một người trẻ tuổi như anh thật đáng trân quý biết bao.

**3. Đánh giá**

- Như vậy, bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, bằng sự đan xen giữa tự sự và miêu tả, đoạn trích đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn những vẻ đẹp trong tâm hồn nhân vật anh thanh niên- một chàng yêu nghề và có tinh thần trách nhiệm, tinh thần tự giác đáng trọng. Anh thanh niên chính là hình ảnh đại diện của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước. Xây dựng nhân vật này, Nguyễn Thành Long muốn gửi vào đó lời ngợi ca đến những con người đang ngày đêm thầm lặng cống hiến cho dân tộc.

Kết bài:

Có thể nói rằng truyện ngắng “LLSP” của nhà văn NTL là một tác phẩm vô cùng đặc sắc. Tác phẩm và đặc biệt là đoạn trích trên đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng kể chuyện của nhà văn Nguyễn Thanh Long, càng thêm trân trọng và yêu mến những con người đang lao động cống hiến hết mình vì đất nước. Từ cuộc trò chuyện của anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ, tác phẩm đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về lí tưởng sống, về trách nhiệm và về tinh thần vượt khó vươn lên . Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử truyện ngắn “LLSP” của nhà văn NTL vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**ĐỀ 5: CẢM NHẬN VỀ NHÂN VẬT ANH THANH NIÊN QUA ĐOẠN TRÍCH SAU: (\*)**

[…] Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu […] Cháu lấy những con số, mỗi ngày báo về “nhà” bằng máy bộ đàm bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối, lại một giờ sáng. Bản báo ấy trong ngành gọi là “ốp”. Công việc nói chung dễ, chỉ cần chính xác. Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió giống những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lungtung … Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ được.

*(Trích* Lặng lẽ Sa Pa*, Nguyễn Thành Long, Ngữ văn 9, tập I)*

**I.Mở bài**

Nguyễn Thành Long là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông đã đẻ lại nhiều tác phẩm văn học có giá trị mà đặc sắc nhất là truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” . Đọc tác phẩm ta bắt gặp những con người lao động thầm lặng mà đầy ý nghĩa trong công cuộc xây dựng đất nước mà tiêu biểu nhất là nhân vật anh thanh niên. Mặc dù phải sống và làm việc trong điều kiện khắc nghiệt nhưng ở anh thanh niên lại tỏa sáng nhiều phẩm chất tốt đẹp đáng để chúng ta ngưỡng mộ, học tập.Có lẽ khi gấp trang sách lại, người đọc vẫn không thể nào quên được hình ảnh anh thanh niên với lí tưởng cao đẹp qua cuộc trò chuyện với ông họa sĩ, cô kĩ sư đặc biệt là qua đoạn trích trên. {….}

**II. Thân bài**

**1.Khái quát chung**

Truyện ngắn *“Lặng lẽ Sa Pa”* là kết quả chuyến đi thực tế của Nguyễn Thành Long lên Sa Pa - nơi giao thoa và gặp gỡ của đất trời. Truyện được viết vào mùa hè năm 1970, in trong tập truyện *“Giữa trong xanh”.* Tác phẩm kể lại cuộc gặp gỡ giữa ông họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ với anh thanh niên làm công tác khí tượng thủy văn kiêm vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m giữa núi rừng Lào Cai. Qua đó, tác giả ca ngợi những con người tuy sống lặng lẽ giữa trong xanh nhưng rất nhân hậu, sống sôi nổi, giàu chí hướng và hết lòng phục vụ đất nước.

- Chủ đề đoạn trích: Đoạn trích nằm ở phần giữa của tác phẩm, là lời tâm sự của nhân vật thanh niên về công việc làm của mình với ông họa sĩ già và cô kỹ sư nông nghiệp trẻ qua lời giới thiệu của bác lái xe, lên thăm nơi ở và làm việc của anh trong thời gian ba mươi phút.

**2.Cảm nhận về nhân vật anh thanh niên trong đoạn trích**

**a. Công việc của anh thanh niên**

- Mở đầu đoạn trích, anh thanh niên hiện lên vô cùng rõ nét qua lời tâm sự. Anh mới 27 tuổi, sống một mình trên đỉnh núi cao quanh năm mây mù che phủ, hơn bốn năm qua anh làm việc với cỏ cây và mây núi Sapa. Với công việc làm khí tượng kiêm vật lí địa cầu, anh có nhiệm vụ “đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu ». Công việc anh thanh niên kể trong đoạn văn là ghi báo về những con số lúc một giờ sáng trong hoàn cảnh thời tiết khắc nghiệt. Mặc dù làm công việc ít ai dám làm nhưng anh lại kể cho ông họa sĩ và cô kĩ sư bằng giọng tự hào, hạnh phúc. *“Cái máy nằm dưới sâu kia là máy đo chấn động vỏ quả đất. Cháu lấy những con số, mỗi ngày báo về nhà bằng máy bộ đàm bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối, lại một giờ sáng. Bản báo ấy trong ngành gọi là ốp.”* Vì công việc mà anh không thể ngủ đủ giấc, mỗi đêm đều phải dậy bốn lần.

- Ngoài khó khăn được nói đến trong đoạn trích trên, hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật còn có điều đặc biệt là: Anh thanh niên mới có hai mươi bảy tuổi, cái tuổi đang hừng hực sức sống và sự bay nhảy. Cái tuổi mà nhiều hoài bão đam mê. Cái tuổi mà người sẽ bay cao bay xa với những ước mơ, lập nghiệp ở thủ đô hoa lệ, những thành phố rộng lớn  nhưng anh lại chọn Sapa làm nơi lập nghiệp cho riêng mình. Anh đã sống một mình trong suốt bốn năm trên đỉnh Yên Sơn. Trong bốn năm đó, ông họa sĩ và cô gái trẻ là đoàn khách thứ hai đến thăm nhà anh. Như vậy, cái gian khổ nhất đối với anh là phải vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng chỉ có một mình trên đỉnh núi cao không một bóng người.

- Công việc của anh làm âm thầm, lặng lẽ một mình, báo về “ốp” đều đặn những con số để phục vụ sản xuất, chíên đấu. Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác, có tính trách nhiệm cao. Qua phân tích ta thấy, hoàn cảnh sống khắc nghiệt, công việc gian khổ, vất vả. nhưng anh thiên niên đã vượt qua tất cả bằng ý chí, nghị lực và những suy nghĩ rất đẹp. Có thể nói đây chính là sự hi sinh thầm lặng, cống hiến cao cả của anh với quê hương đất nước, dân tộc.

**b. Phẩm chất của anh thanh niên được thể hiện qua đoạn văn**

*Chuyển ý:***Trước hết, anh thanh niên rất yêu nghề**. Anh có những suy nghĩ đúng và sâu sắc về công việc đối với cuộc sống con người: *“…Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với công việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất”*. Anh đã tự đề ra cho mình nhiệm vụ và đã vượt qua mọi khó khăn thử thách để đạt được kết quả tốt nhất. Một chàng trai trẻ tự nguyện lên đây làm việc không phải vì sự bốc đồng nhất thời mà là cả một nhận thức chín chắn, đúng đắn, sâu sắc nhất. Thân trai tráng đứng trước cảnh nước nhà còn gặp nhiều khó khăn gian khổ thì làm sao anh có thể ngồi yên hưởng thụ được. Từ đáy lòng anh từng tiếng gọi của non sông đất nước cứ mãi vang lên từng hồi thôi thúc như hồi kèn xung trận. Không ai bắt buộc anh phải lên nơi mây mù sương phủ như vậy để làm việc nhưng anh vẫn chọn nơi đây là ngôi nhà thứ hai của mình. **Bởi anh nhận thức “*Ai cũng chọn việc nhẹ nhàng, gian khổ sẽ dành cho ai?”****.* Anh thanh niên như một viên kim cương sáng giữa vùng đất sa mạc cằn cỗi. Anh tự hào với công việc của mình. Phải yêu công việc lắm, gắn bó với công việc lắm mới có thể làm được như vậy.

**- Không những yêu nghề anh còn là người có hành động đẹp**: Một mình sống trên đỉnh Yên Sơn, không có ai đôn đốc, kiểm tra nhưng anh vẫn vượt qua hoàn cảnh làm việc một cách nghiêm túc, tự giác với tinh thần trách nhiệm cao. Dù thời tiết khắc nghiệt mùa đông giá rét mà anh đều thức dậy thắp đèn đi *“ốp”* đúng giờ. Qua lời tâm sự của anh với ông họa sĩ, cô kĩ sư , ta càng hiểu hơn những gian khổ mà anh phải chịu: *“Gian khổ nhất là lần đi và báo về lúc một giờ sáng. Rét bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết ấy.”* Khuya rét, mưa tuyết,..có thể là lí do để anh trốn tránh trách nhiệm. Lúc một giờ khuya lạnh lẽo ấy, liệu ai dậy đi kiểm tra xem anh có làm tốt công việc của mình hay không? Anh có thể trùm chăn ngủ, lấy số cũ rồi báo về *« ốp »* được chứ ? Nhưng anh không làm thế.

- Ngày nào cũng vậy anh làm việc một cách đều đặn, chính xác 4 lần trong ngày, âm thầm, bền bỉ trong nhiều năm trời. Bởi anh thấy được công việc thầm lặng của mình có ích cho cuộc sống, cho mọi người. Anh đã thấy mình *“thật hạnh phúc”* khi được biết một lần do phát hiện kịp thời một đám mây khô mà anh đã góp phần vào chiến thắng của không quân ta bắn rơi nhiều máy bay Mỹ trên bầu trời Hàm Rồng.

=>Công việc của anh thật chẳng kém gì nhiệm vụ của các anh chiến sĩ biên phòng đang ngày đêm bảo vệ Tổ quốc. Nếu như thời xưa, ông cha ta chiến đấu để giành độc lập cho đất nước, cho dân tộc mới được coi là suy nghĩ cho đất nước thì giờ đây, những công việc hi sinh thầm lặng của anh thanh niên là phẩm chất thể hiện lòng yêu nước. Anh mang tuổi trẻ, sức trẻ cùng sự nhiệt huyết  của mình đến vùng cao của tổ quốc.  Như Bác Hồ đã từng nói:

*“Không có việc gì khó*

*Chỉ sợ lòng không bền*

*Đào núi và lấp biển*

*Quyết chí ắt làm nên.”*

Tuổi trẻ cùng với sự kiên trì, bền bỉ, anh thanh niên đã không ngại gian khó, gian khổ để hoàn thành công việc tốt nhất, góp phần đem lại sự phát triển cho đất nước, xã hội.

- Lật giở những trang sách tiếp theo, ta lại càng thêm thán phục về anh thanh niên: người có phong cách sống cao đẹp. Anh có một phong cách sống khiến mọi người phải nể trọng. Tinh thần thái độ làm việc của anh thật nghiêm túc, chính xác, khoa học và nó đã trở thành phong cách sống của anh.

**3. Đánh giá, mở rộng:**

Bằng việc xây dựng cốt truyện đơn giản, cách đặt tên cho nhân vật là những danh từ chung, …đoạn trích đã khắc họa thành công nhân vật anh thanh niên - đại diện tiêu biểu cho thanh niên Việt Nam, hăng say làm việc, hết mình cống hiến cho dân tộc, cho đất nước:

*“ Nếu là con chim, chiếc lá*

*Thì chim phải hót, chiếc lá phải xanh*

*Lẽ nào vay mà không có trả*

*Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”*

(*Khúc ca xuân,Tố Hữu*)

**III. Kết bài**

Chiến tranh đã lùi xa, đất nước đã thanh bình, ngày nay chúng ta được sống bình yên, hạnh phúc khiến ta càng trân trọng sự cống hiến thầm lặng của các thế hệ cha anh. Vì thế đã nhiều năm trôi qua nhưng đến nay truyện ngắn “ LLSP” của nhà văn Nguyễn Thành Long vẫn nguyên giá trị, và để lại trong lòng bạn đọc nhiều ấn tượng khó quên. Qua cuộc trò chuyện của anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ, đoạn trích đã khắc họa một trong những phẩm chất đáng quý ở anh thanh niên - một con người sống có lí tưởng, sống có trách nhiệm, nhiệt tình cống hiến sức trẻ cho đất nước. Anh thanh niên đã trở thành tấm gương cho thế hệ trẻ chúng ta học tập và noi theo. Với những giá trị trên truyện ngắn “ LLSP” qua bao thăng trầm của lịch sử vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc hôm nay và mai sau.

**ĐỀ 6: PHÂN TÍCH NHÂN VẬT ANH THANH NIÊN QUA ĐOẠN TRÍCH SAU:**

*“ Trời ơi chỉ còn 5 phút !*

*Chính là anh thanh niên giật mình nói to, giọng cười nhưng đầy tiếc rẻ. Anh chạy ra ngoài phía sau, rồi trở vào liền, tay cầm một cái làn. Nhà họa sĩ tặc lưỡi đứng dậy. Cô gái cũng đứng lên, đặt chiếc ghế , thong thả đi đến chỗ bác già.*

*Ô! Cô còn quên chiếc khăn mùi xoa đây này!*

*Anh thanh niên vừa vào, kêu lên. Để người con gái trở lại bàn, anh lấy chiếc khăn tay còn vo tròn cặp giữa cuốn sách tới trả cho cô gái. Cô kĩ sư mặt đỏ ửng, nhận lại chiếc khăn và vội quay đi.*

*Chào anh – Đến bậu cửa, bỗng nhà họa sĩ già quay lại chụp lấy tay người thanh niên lắc mạnh. – Chắc chắn rồi tôi sẽ trở lại. Tôi ở với anh ít hôm được chứ?*

*{ .. .}*

*Cái này để trưa cho bác, cho cô và bác lái xe. Cháu có bao nhiêu là trứng, ăn không xuể. Cháu không tiễn bác và cô ra xe được, vì gần tới giờ “ốp” rồi. Thôi chào bác, chào cô. Bác sẽ trở lại nhé”*

**1.Mở bài**

Nguyễn Thành Long là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông đã để lại nhiều tác phẩm văn học có giá trị mà đặc sắc nhất là truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” . Đọc tác phẩm ta bắt gặp những con người lao động thầm lặng mà đầy ý nghĩa trong công cuộc xây dựng đất nước mà tiêu biểu nhất là nhân vật anh thanh niên. Mặc dù phải sống và làm việc trong điều kiện khắc nghiệt nhưng ở anh thanh niên lại tỏa sáng nhiều phẩm chất tốt đẹp đáng để chúng ta ngưỡng mộ, học tập. Có lẽ khi gấp trang sách lại, người đọc vẫn không thể nào quên được hình ảnh anh thanh niên với lí tưởng cao đẹp, một người cởi mở, chân thành, hiếu khách, vô tư trong sáng, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Một trong những đoạn truyện thể hiện nét đẹp của anh là: *“ Trời ơi chỉ còn 5 phút….. Bác sẽ trở lại nhé”*

**2.Thân bài**

**1. Khái quát**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Lặng lẽ Sa Pa là kết quả của chuyến công tác ở Lào Cai trong mùa hè năm 1970, sau này được in trong tập  *Giữa trong xanh (* 1972). Đây là truyện ngắn tiêu biểu ở đề tài viết về cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Miền Bắc. Truyện kể về cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa nhân vật anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ để từ đó ca ngợi những con người những công việc thầm lặng.

**- Khái quát chủ đề:** Đoạn trích trên là lời tâm sự của anh thanh niên với ông họa sĩ và cô kĩ sư khi hai người lên thăm nhà anh trên đỉnh cao Yên Sơn. Qua đoạn trích ta thấy được ở anhmột con người với lí tưởng cao đẹp, một người cởi mở, chân thành, hiếu khách, vô tư trong sáng, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

- Anh thanh niên là nhân vật chính trong truyện, nhân vật không xuất hiện từ đầu truyện, mà chỉ xuất hiện qua cuộc gặp gỡ với ông họa sĩ, cô kĩ sư và bác lái xe, khi xe của họ dừng lại nghỉ. Nhân vật ấy chỉ hiện ra trong chốc lát đủ để các nhân vật khác ghi nhận được ấn tượng, một kí họa chân dung của anh và dường như khuất lấp trong mây núi bạt ngàn và trong cái lặng lẽ muôn thuở của núi cao Sa Pa. Anh thanh niên sống và làm việc một mình trên đỉnh núi cao Yên Sơn cao 2600m quanh năm suốt tháng giữa cỏ cây và mây núi Sa Pa. Anh làm công tác khí tượng, kiêm vật lí địa cầu. Công việc của anh là đo nắng, đo mưa, đo gió, tính mây, đo chấn động mặt đất dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày. Đây là công việc đòi hỏi sự tỉ mỉ, chính xác và tinh thần trách nhiệm cao.

**1. Trước hết ở đoạn trích này ta thấy anh thanh niên hiện lên là một người cởi mở, chân thành, hiếu khách và chu đáo.** Sự cởi mở chu đáo của anh thanh niên được thể hiện qua những hành động cử chỉ hết sức giản dị. Khi chia tay anh đã gửi làn trứng để ông họa sĩ và cô kĩ sư ăn đường: *“ Cái này để ăn trưa cho Bác, cho cô và bác lái xe”.* Hành động này với việc anh gửi biếu vợ bác lái xe củ tam thất. Cắt hoa tặng cô gái, khi cô lên thăm nhà, pha nước trà ngon để mời khách…. Đã cho thấy sự ân cần, quan tâm đến người khác.

- Với anh thanh niên thì ông họa sĩ, cô kĩ sư và bác lái xe chỉ là những người mới quen nhau, gặp nhau chưa đầy 30 phút ngắn ngủi mà anh đã chia sẻ, tâm sự với họ một cách cởi mở không hề dấu diếm. Chính sự cởi mở, chân thành của anh đã ngay lập tức xóa bỏ khoảng cách giữa họ tạo nên mối tâm giao đầy thân tình cảm động khiến ông họa sĩ có ngay ý định sẽ trở lại: *“Chắc chắn rồi tôi sẽ trở lại. Tôi ở với anh ít hôm được chứ”.* Còn anh thanh niên nhiệt tình mời ông họa sĩ già trở lại *“ Bác sẽ trở lại nhé”.* Cũng chỉ vì để lại ý nghĩa của cuộc gặp gỡ này mà cô kĩ sư đã để lại tặng anh chiếc khăn mùi xoa. Cũng chính sự cởi mở hiếu khách mà anh cảm thấy tiếc nuối thời gian còn quá ít: *“ Trời ơi chỉ còn 5 phút”.* Câu nói mà anh buộc miệng nói ra ẩn chứa trong đó là sự tiếc nuối, sự hiếu khách đến nồng nhiệt.

**2. Ở đoạn truyện này anh thanh niên còn là người chân thành, vô tư, trong sáng.**

**-** Cô kĩ sư vì cảm mến vẻ đẹp tâm hồn anh đã để lại một vật kỉ niệm là chiếc khăn mùi xoa cặp giữa cuốn sách. Tuy nhiên khi nhìn thấy, anh đã kêu lên: *“ Ô! Cô còn quên chiếc khăn mùi xoa đây này”*. Phải chăng anh thanh niên chưa cảm nhận được tình cảm mà cô kĩ sư dành cho anh và anh chưa sẵn sàng đón nhận tình cảm ấy. Vì thế anh vô tư hồn nhiên gửi lại cô kĩ sư. Khi cô gái bắt tay anh để chào từ biệt, cô nhìn thẳng vào mắt anh thì anh quay mặt đi. Như vậy chỉ bằng vài cử chỉ, lời nói, ta thấy anh thanh niên là người rất vô tư, trong sáng.

**3. Ở đoạn trích này ta còn thấy anh thanh niên là người co trách nhiệm cao trong công việc.**

- Vốn là người coi công việc như sinh thể gắn bó với mình, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc. Mặc dù rất quý mến hai vị khách là ông họa sĩ và cô kĩ sư, thế nhưng đến giờ “ ốp” anh không tiễn được ông họa sĩ và cô kĩ sư ra xe được vì gần tới giờ ốp rồi.

-Thái độ vui vẻ, niềm nở, hiếu khách của anh cũng đã để lại trong lòng mọi người những ấn tượng khó quên.

**\* Đánh giá:** Chỉ bằng một vài chi tiết và cử chỉ xuất hiện trong một khoảnh khắc, những phút chia tay ngắn ngủi, tác giả đã khắc họa nhân vật chính với những nét đẹp tâm hồn phẩm chất cởi mở, chân thành, chu đáo… Những nét đẹp đó, cùng với những nét đep khác : Lòng yêu nghề, sự khiêm tốn. Làm nên vẻ đẹp hoàn chỉnh của anh thanh niên. Đó là vẻ đẹp của con người mới XHCN có lí tưởng, nghị lực, tinh thần trách nhiệm với công việc, yêu lao động. Anh chính là đại diện cho thế hệ trẻ Việt Nam những năm 70 của thế kỉ XX.

3. Kết bài

Chiến tranh đã lùi xa, đất nước đã thanh bình, ngày nay chúng ta được sống bình yên, hạnh phúc khiến ta càng trân trọng sự cống hiến thầm lặng của các thế hệ cha anh. Vì thế đã nhiều năm trôi qua nhưng đến nay truyện ngắn “ LLSP” của nhà văn Nguyễn Thành Long vẫn nguyên giá trị, và để lại trong lòng bạn đọc nhiều ấn tượng khó quên. Qua cuộc trò chuyện của anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ, đoạn trích đã khắc họa một trong những phẩm chất đáng quý ở anh thanh niên - một con người sống có lí tưởng, sống có trách nhiệm, nhiệt tình cống hiến sức trẻ cho đất nước. Anh thanh niên đã trở thành tấm gương cho thế hệ trẻ chúng ta học tập và noi theo. Với những giá trị trên truyện ngắn “ LLSP” qua bao thăng trầm của lịch sử vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc hôm nay và mai sau.

**Đề 7: Có người nhận xét “ Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long là bài thơ bằng văn xuôi ca ngợi vẻ đẹp trong sự lặng lẽ tỏa hương của thiên nhiên con người” - Hãy phân tích truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long để làm sáng tỏ nhân xét trên.**

**1. Mở bài**

Nguyễn Thành Long là cây bút chuyên viết truyện ngắn và kí. Ông đã thành công trong những tác phẩm về đề tài con người mới trong công cuộc xây dựng CNXH. Một trong những truyên ngắn tiêu biểu của ông là truyện “ Lặng lẽ Sa Pa”. Tác phẩm là chuyến đi thâm nhập thực tế ở Lào Cai của nhà văn trong mùa hè năm 1970. Những yếu tố nghệ thuật tạo nên sức hấp dẫn và góp phần vào thành công của truyện ngắn là chất trữ tình. Vì thế có ý kiến cho rằng: “ Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long là bài thơ bằng văn xuôi ca ngợi vẻ đẹp trong sự lặng lẽ tỏa hương của thiên nhiên con người”

**2. Thân bài**

**\* Giải thích:** Chất trữ tình là tình cảm được tạo nên từ sự hòa quyện giữa vẻ đẹp của cảm xúc, từ tình cảm và vẻ đẹp của cách thể hiện để tạo nên rung động thẩm mĩ và tình cảm nhân văn. Chất trữ tình của truyện “ Lặng lẽ Sa Pa” toát lên từ phong cảnh thiên nhiên đẹp, thơ mộng của Sa Pa và toát lên từ nội dung của truyện, từ vẻ đẹp và con người nơi Sa Pa.

“ Lặng lẽ Sa Pa” là bài thơ bằng văn xuôi bởi đây là áng văn xuôi giàu chất thơ, ca ngợi vẻ đẹp lặng lẽ thơ mộng của thiên nhiên và con người.

*1. Trước hết chất thơ của truyện “ Lặng lẽ Sa Pa” toát lên từ phong cảnh thiên nhiên đẹp, thơ mộng của Sa Pa. Phong cảnh Sa Pa được miêu tả qua cái nhìn của người họa sĩ già. Hình ảnh thiên nhiên Sa Pa mang vẻ đẹp độc đáo, kì lạ.*

Đó là núi cao, thác đổ trắng xóa với mây, nắng, sương đều rất lạ. Sự bắt đầu của Sa Pa là những rặng đào ven đường, hay những đàn bò lang cổ có đeo chuông. Đó là những đặc trưng hữu hình và cuộc sống muôn màu, muôn vẻ nơi đây. Tiếp đó là những rừng cây bao bọc lẫn nhau “ Những cây thông chỉ cao quá đầu rung tít trong nắng, những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng . Rừng cây đep như một bức tranh với sự hài hòa phối màu sắc thật tuyệt. Hiện lên trước bức tranh cao xanh rộng lớn của núi rừng tây bắc một bức tranh thiên nhiên thu nhỏ nơi mảnh vườn của chàng trai khí tượng. Sau gần hai ngày qua ngót 400 cây số đường dài cách xa Hà Nội, đúng trong mây mù ngang tầm với chất cầu vồng kia, bỗng nhiên gặp lại hoa dơn, hoa thược dược , vàng tím đỏ, hồng phấn, tổ ong… ngay lúc dưới kia là mùa hè”. Vườn hoa rực rỡ cũng như tâm hồn và cuộc sống đầy màu sắc dù trong thầm lặng của anh thanh niên, của những người lao động nơi đây.

Đẹp nhất là hình ảnh nắng. Nắng khiến cảnh sắc thêm lộng lẫy, đất trời càng thêm tỏa sáng: “ Nắng đã bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây”, tiếp đến là “ Nắng đã mạ bạc cả con đèo đốt cháy rừng cây hừng hực như mọt bó đuốc lớn”. Nắng làm cho bó hoa ngày một thêm rực rỡ và làm cho cô gái thấy mình rực rỡ theo.

Không chỉ nắng ở Sa Pa, mà mây ở đây cũng rất lạ: “ Mây bị nắng xua cuộn tròn lại từng cục lăn trên những vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe”. Những chi tiết miêu tả khiến người đọc hình dung mây núi Sa Pa bạt ngàn khiến như ta đang đi trên mây. Như vậy hình ảnh mây, nắng cảnh vật nơi Sa Pa được tác giả nhân hóa cùng với sự liên tưởng độc đáo khiến người đọc cảm thấy như nhịp chạy của mây hay sự cuốn hút của nắng. Chỉ bằng vài nét phác thảo cảnh thiên nhiên Sa Pa hiện lên như một bức tranh. Đẹp đến hai lần – Cái đẹp tự nhiên của nó và đẹp qua cái nhìn của người nghệ sĩ. Thiên nhiên đẹp làm nền tôn thêm vẻ đẹp của con người nơi đây. Những đỉnh Yên Sơn, Phan xi Phăng cao vời vợi, gợi ta nghĩ đến sự hi sinh của những con người thầm lặng như anh thanh niên, ông kĩ sư, anh cán bộ nghiên cứu sấm sét. Cái hừng hực của nắng gợi ta nghĩ đến sự nhiệt huyết, hừng hực cháy của những con người nơi đây. Thiên nhiên thơ mộng trong sáng như con người Sa pa trong sáng, thơ mộng.

*2. Nhưng thực chất thơ trong truyện “ LLSP” chủ yếu toát lên từ nội dung của truyện , từ vẻ đẹp của con người nơi Sa Pa.*

Cuộc gặp gỡ bất ngờ thú vị giữa anh thanh niên, ông họa sĩ và cô kĩ sư đã để lại dư âm trong lòng người đọc. Ở cuộc gặp gỡ này ông họa sĩ đã tìm được cảm hứng sáng tác và thấy rõ sự bất lực của nghệ thuật. Còn cô kĩ sư mang một “ấn tượng hàm ơn khó tả… chưa kịp nghĩ kĩ”

Chất thơ thấm đượm ở vẻ đẹp cuộc sống một mình của anh thanh niên, từ những nét đẹp giản dị, đáng mến của anh. Mặc dù phải làm việc trong một hoàn cảnh đặc biệt: “ Một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m”, thiên nhiên khắc nghiệt đòi hỏi sự tỉ mỉ, nhưng anh thanh niên có tinh thần và trách nhiệm cao trong công việc, có suy nghĩ đúng đắn về công việc: “ Khi ta làm việc ta với công việc là đôi… buồn chết mất”. Anh còn tạo cho mình niềm vui đó là đọc sách nghĩa là có người để trò chuyện. Anh tự tổ chức sắp xếp công việc của mình: Trồng hoa, nuôi gà, đọc sách, những lúc không vào giờ “ốp” lại xuongs đường trò chuyện với bác lái xe và mọi người. Nơi anh ở luôn rực rỡ sắc màu và ngát hương thơm của những loài hoa khiến cô kĩ sư vô cùng thích thú. Hơn thế nữa anh còn là người chân thành, cởi mở, hiếu khách: “ Mời bác và cô lên chơi… lên ngay nhé!” anh còn là người rất khiêm tốn.

Vẻ đẹp của con người Sa Pa là vẻ đẹp của sự lao động, cống hiến thầm lặng như ông kĩ sư ở vườn rau, ngày này qua ngày khác ở trong vườn chăm chú quan sát cách lấy mật của ong rồi tự tay thụ phấn cho hàng trăm cây su hào. Đó là anh cán bộ nghiên cứu sấm sét 11 năm ròng không ra khỏi cơ quan, luôn trong tư thế sẵn sàng chờ sét để lập bản đồ tìm tài nguyên cho đất nước.

Chất thơ toát lên từ cái lặng lẽ của công việc thầm lặng ít ai biết trong một không gian vắng lặng. Trong cái lặng lẽ của đất trời là những con người, những tâm hồn không lặng lẽ vì họ làm những công việc ý nghĩa , quan trọng đối với đất nước, là sự hăng say trong công việc, cho đất nước, cho nhân dân: “ Trong cái lặng im Sa Pa… đất nước”. Những con người như anh thanh niên, ông kĩ sư , anh cán bộ nghiên cứu sấm sét giúp ta hiểu thêm ý nghĩa của những công việc thầm lặng . Họ đã viết lên bài ca về tình yêu quốc. Đó chính là vẻ đẹp tâm hồn bình dị, khiêm tốn và hồn nhiên của những con người ở Sa Pa.

Chất thơ còn toát lên từ câu chuyện anh thanh niên kể về cuộc sống của mình và những người xung quanh giữa Sa Pa lặng lẽ. Từ lời anh kể giúp ta hiểu được ý nghĩa và công việc thầm lặng.

**\*Đánh giá**: Có thể nói truyện ngắn “ Lặng lé Sa Pa” có dáng dấp như một bài thơ, chất thơ bàng bạc trong toàn truyện: “ Từ quanh cảnh đẹp, hết sức thơ mộng của thiên nhiên vùng núi cao đến hình ảnh con người sống làm việc trong cái lặng lẽ mà không hề cô độc bởi sự gắn bó của họ với đất nước, với mọi người. Tác giả đã tạo được không khí trữ tình cho tác phẩm, nâng cao ý nghĩa và vẻ đẹp cho những công việc, những con người bình dị được miêu tả trong truyện, nhờ đó mà chủ đề trong truyện được rõ nét và sâu sắc.

**3. Kết bài**

Như vậy “ Lặng lẽ Sa Pa” là bài thơ văn thơ văn xuôi ca ngợi vẻ đẹp trong sự lặng lẽ, tỏa hương của thiên nhiên và con người lao động. Người tri thức mới đang thầm lặng, hiến dâng cả sức lực, cả tuổi trẻ của mình cho đất nước, cho nhân dân. Chính chất thơ là một trong những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn góp vào thành công của truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” để lại dư âm trong lòng người đọc.

**ĐỀ SỐ 13. Lặng lẽ Sa Pa là một truyện ngắn giàu chất thơ. Em hãy phân tích để làm rõ nhận định trên.**

**BÀI LÀM**

**I/ Mở bài**

**Nguyễn Thành Long** (1925-1991), quê ở Duy Xuyên, Quảng Nam, là cây bút chuyên viết truyện ngắn và kí, trưởng thành trong kháng chiến chống Pháp. Thành công trong sáng tác của Nguyễn Thành Long không phải ở khai thác tình huống dữ dội mà là sự nhẹ nhàng, trong trẻo, thấm đẫm chất trữ tình. Tiêu biểu là truyện ngắn **“*Lặng lẽ Sa Pa”*** sáng tác năm 1970, trong chuyến đi thực tế ở Lào Cai, in trong tập *“Giữa trong xanh”* (1972). Đây là một **truyện ngắn thấm đẫm chất thơ**.

**II/ Thân bài**

**1.Khái quát**

Thơ là tiếng nói của tình cảm mãnh liệt, thể hiện qua ngôn ngữ cô đọng, hàm súc, giàu hình ảnh, nhạc điệu. Khái niệm chất thơ trong tác phẩm văn xuôi để chỉ tác phẩm có thiên hướng biểu hiện trực tiếp tình cảm, cảm xúc trước những vẻ đẹp cuộc sống, thiên nhiên, con người và có ý nghĩa khơi gợi cảm xúc trữ tình ở người đọc thông qua ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhạc điệu, giọng văn nhẹ nhàng êm ái...Trong truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa chất thơ được biểu hiện phong phú, bàng bạc trong cả truyện nhưng chủ yếu toát lên từ thiên nhiên đẹp đầy thơ mộng của Sa Pa, thấm đượm trong vẻ đẹp cuộc sống một mình giữa thiên nhiên lặng lẽ của anh thanh niên, từ tình cảm, cảm xúc đẹp đẽ về con người, nghệ thuật, cuộc sống của người họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ...

**2. Biểu hiện của chất thơ trong đoạn trích Lặng lẽ Sa Pa:**

**a1. Chất thơ trong thiên nhiên:**

**Thật vậy, trước hết, chất thơ trong tác phẩm biểu hiện ở vẻ đẹp của thiên nhiên, cụ thể là núi rừng Sa Pa.** Trong truyện, theo chuyến xe đưa ông họa sĩ già và cô kĩ sư trẻ lên Sa Pa, tác giả dẫn người đọc đến với những không gian núi rừng Tây Bắc với vẻ đẹp hoang sơ, thơ mộng. Cảnh Sa Pa đẹp một cách kì lạ, quyến rũ khiến con người ta ngỡ ngàng khi lần đầu tiên bắt gặp. Chất thơ toát lên từ cảnh sắc Sa Pa thơ mộng như một bức tranh. Đó là nơi núi cao, thác đổ trắng xoá, với mây, nắng, sương đều rất la. Sự bắt đầu của Sa Pa là *“những răng đào”* ven đường hay *“những đàn bò lang cổ có đeo chuông”* là đặc trưng hữu hình của cuộc sống muôn màu, muôn vẻ nơi đây. Hình ảnh rừng cây đầu mùa bao bọc lấy nhau “Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tít trong nắng, những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng”. Nhất là vẻ đẹp của nắng khiến cảnh sắc thêm lộng lẫy. “Nắng bây giờ bắt đầu len tới đốt cháy rừng cây”; “nắng đã mạ bạc cả con mèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ và làm cho cô gái cảm thấy mình rực rỡ theo”. Người ta cảm thấy như bị cuốn theo nhịp chạy của mây hay đầy xúc cảm trong sự cuốn hút của nắng. Sa Pa không hoang vu, lạnh lẽo mà mang nét đẹp thơ mộng, huyền ảo và rất đỗi hữu tình.

 Cuối truyện, khi ông họa sĩ và cô kĩ sư tạm biệt Sa Pa, khung cảnh núi rừng lại được miêu tả một lần nữa:*“Lúc bấy giờ, nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ và làm cho cô gái cảm thấy mình rực rỡ theo”.* Tác giả không miêu tả nhiều nhưng chỉ với những nét chấm phá, qua lời văn trong sáng, giàu hình ảnh, ngôn ngữ như có đường nét, hình khối, sắc màu, cảnh sắc thiên nhiên Sa Pa hiện lên ấn tượng với vẻ đẹp trong trẻo, hữu tình. **Khung cảnh nên thơ này có tác dụng làm phông nền cho câu chuyện đầy chất thơ, là chất xúc tác đồng thời là điểm tựa cho chất thơ trong truyện được thăng hoa.**

**a2. Chất thơ trong vẻ đẹp của con người:**

**\*Anh thanh niên**

**Chất thơ không chỉ biểu hiện qua thiên nhiên mà chất thơ còn biểu hiện qua con người.** Trước hết nó biểu hiện qua nhân vật chính là anh thanh niên. Chất thơ toát lên từ những suy nghĩ, cảm xúc, việc làm, cách sống của anh. Đó là con người yêu nghề, có ý thức sâu sắc về công việc mình làm và hiểu rõ ý nghĩa của công việc với cuộc sống con người, có tinh thần trách nhiệm, biết vượt lên khó khăn và gian khổ của hoàn cảnh sống để hoàn thành nhiệm vụ.

Anh là một chàng trai với tâm hồn cởi mở, chân thành, có nếp sống ngăn nắp, khoa học và thơ mộng *(“một căn nhà ba gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm”),* không cảm thấy cô đơn vì có niềm vui trồng hoa, đọc sách; yêu nghề, tận tụy, có trách nhiệm và luôn tìm thấy niềm vui trong công việc  *“Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi công việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất”*; chân thành, cởi mở, chu đáo và biết quan tâm người khác (tặng củ tâm thất để vợ bác lái xe chữa bệnh, vui sướng khi có khách đến thăm, tiếp đãi khách nồng nhiệt, lưu luyến, tặng quà khi chia tay); thành thật, khiêm tốn (tự nhận thấy đóng góp của mình chỉ là nhỏ bé so với những người khác, từ chối khi được vẽ chân dung và giới thiệu những người xứng đáng hơn mình). Có thể nói, hiện lên với những vẻ đẹp dung dị, đời thường mà cao quý, anh thanh niên hình ảnh tiêu biểu của những con người *“lặng lẽ”* giữa “*Sa Pa”,* là chân dung của con người lao động mới trong thời đại mới đang góp sức mình cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Tâm hồn, cách sống, từng câu chuyện về công việc của anh như những bài thơ mang vẻ đẹp nhân văn thấm đẫm. Chất thơ trong truyện bung tỏa từ chính hình tượng nhân vật này.

**\*Các nhân vật khác**

**Chất thơ trong Lặng lẽ Sa Pa còn được thể hiện nổi bật qua vẻ đẹp của các nhân vật khác** với những câu chuyện bình dị mà cảm động của họ. Tất cả đều hiện lên với những vẻ đẹp riêng. Ông họa sĩ già với khát vọng chân chính về nghệ thuật , con người từng trải, tâm huyết với nghệ thuật, khát khao đi tìm đối tượng của nghệ thuật, có tâm hồn nghệ sĩ giàu xúc cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên, vẻ đẹp của tâm hồn con người và nghệ thuật. Cô kĩ sư trẻ mang nhiệt huyết của tuổi trẻ, có niềm khát khao cống hiến, sẵn sàng rời thành phố đến với miền đất xa xôi khi vừa mới ra trường ; cuộc gặp gỡ với người thanh niên đã khơi dậy trong cô những tình cảm lớn lao, cao đẹp, hiểu thêm về cuộc sống tuyệt đẹp của người thanh niên, có những nhận thức sâu sắc về lẽ sống và vững tin vào con đường mình đã lựa chọn. Bác lái xe với hơn 30 năm miệt mài. Ông kĩ sư vườn rau Sa Pa tận tụy với công việc, hàng ngày ngồi trong vườn chăm chú quan sát cách lấy phấn của ông, tự tay thụ phấn cho hoa su hào...Anh cán bộ nghiên cứu sét hi sinh hạnh phúc bản thân vì đam mê khoa học. Anh đồng nghiệp trên đỉnh Phan-xi-păng lặng lẽ cống hiến cho cộng đồng…, Tất cả những nhân vật của Lặng lẽ Sa Pa đều hiện lên với vẻ đẹp rạng ngời trong tâm hồn và cách sống. Không chỉ say mê, hết lòng trong công việc, họ còn biết hi sinh hạnh phúc riêng tư cho lí tưởng xây dựng, làm giàu đất nước. Dù thật lặng lẽ, bình dị (phần lớn các nhân vật đều không có tên - đây là một dụng ý nghệ thuật của tác giả) nhưng nhân cách, tâm hồn của họ vẫn tỏa vẻ đẹp nhân văn lấp lánh.

**a3.Một câu chuyện thơ**

**Không chỉ trên phương diện nội dung, chất thơ trong Lặng lẽ Sa Pa còn được thể hiện sinh động trên nhiều khía cạnh của phương diện hình thức.** Ấn tượng chung của độc giả đối với tác phẩm là câu chuyện nhẹ nhàng với cốt truyện đơn giản, tình tiết không phức tạp, diễn biến truyện không quá gây cấn. Tuy có đôi lúc sôi nổi nhưng chủ yếu truyện vẫn mang giọng điệu chậm rãi, khoan thai. Đặc biệt, truyện có lớp ngôn ngữ trong sáng, giàu sức biểu cảm và hình ảnh với những biểu hiện như: Sử dụng nhiều từ ngữ chỉ màu sắc (thác trắng xóa, mây hắt từng chiếc quạt trắng, thấp thoáng trong màu xanh bao la, một vệt hình ba góc màu vàng, những ngón tay bằng bạc, nhô cái đầu màu hoa cà màu xanh của rừng, anh chỉ đỏ mặt, đứng trông mây mù ngang tầm với chiếc cầu vồng kia, hoa dơn, hoa thược dược, vàng, tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong…);Sử dụng nhiều từ láy (lặng lẽ, lả tả, thấp thoáng, dễ dàng, nhẹ nhàng, bối rối, nhỏ nhẻ, sạch sẽ, toe toe, khe khẽ, hí hoáy, loay hoay, choáng choàng, vắng vẻ, vòi vọi, băn khoăn, rực rỡ,…); sử dụng nhiều so sánh tu từ (nó như con gián gặm nhấm người ta, nó như bị chặt ra từng khúc, các anh chị cứ như con bướm,…).

**Có thể nói, lớp ngôn ngữ truyện giàu chất thơ là một trong những phương diện quan trọng làm nên chất thơ xuyên suốt trong toàn bộ tác phẩm.**

**3. Đánh giá:**

Lặng lẽ Sa Pa là truyện ngắn giàu chất thơ. Bên cạnh vẻ đẹp của thiên nhiên và con người, còn có những chi tiết rất thơ, có ngôn ngữ văn xuôi trau chuốt, nhịp điệu nhẹ nhàng... khơi gợi nhiều xúc cảm cho người đọc. Có thể nói chất thơ là một trong những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn và thành công của truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa đặc biệt là trong đoạn trích, giúp cho chủ đề truyện được rõ nét và sâu sắc (trong cái lặng im của Sa Pa, dưới những dinh thự cũ kĩ của Sa Pa, Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước) làm nên đặc sắc văn phong và khẳng định sự tìm tòi, sáng tạo trong nghệ thuật của nhà văn Nguyễn Thành Long.

**III/ Kết bài**

Với nghệ thuật sử dụng ngôn từ tinh tế, tạo nên những câu văn giàu hình ảnh, nhạc tính, cách kể chuyện tự nhiên, gần gũi, tạo ra những tình tiết giàu mang những chiều sâu chưa nói hết, có thể nói, truyện ngắn “*Lặng lẽ Sa Pa”* mang dáng dấp như **một bài thơ, chất thơ bàng bạc trong toàn truyện**, từ phong cảnh đẹp hết sức thơ mộng của thiên nhiên vùng núi cao đến hình ảnh con người sống và làm việc trong cái lặng lẽ mà không hề cô độc bởi sự gắn bó với đất nước, với mọi người. Chất thơ trong truyện còn góp phần tạo nên dấu ấn phong cách nghệ thuật của nhà văn Nguyễn Thành Long

***Lặng lẽ Sa Pa***

***Nguyễn Thành Long***

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | -Nguyễn Thành Long (1925-1991) quê ở huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, viết văn từ thời kháng chiến chống Pháp, là cây bút chuyên về truyện ngắn và ký.  - Nguyễn Thành Long là một trong những cây bút có nhiều đóng góp cho nền văn xuôi cách mạng nói riêng và văn học Việt Nam hiện đại nói chung.  - Tác phẩm của ông tập trung vào hai đề tài lớn : cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước của nhân dân liên khu 5 và công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.  ***- Phong cách sáng tác :*** Truyện ngắn của Nguyễn Thành Long nhẹ nhàng, tình cảm, thường pha chút chất kí ; ngôn ngữ trong sáng, giàu chất thơ và luôn xây dựng được những nhân vật mang tính hình tượng. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | Truyện ngắn là kết quả chuyến đi lên Lào Cai hè 1970 của tác giả. |
| ***Xuất xứ*** | Truyện từ tập “Giữa trong xanh” in năm 1972. |
| ***Ngôi kể*** | Ngôi kể: thứ 3: tác giả đặt điểm nhìn vào ông họa sĩ.  Tác dụng: làm cho câu chuyện chân thực, khách quan, mặt khác có điều kiện thuận lợi để làm nổi bật chất trữ tình, đào sâu suy nghĩ của nhân vật, phù hợp với suy nghĩ của tác giả. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | ***-*** Nhan đề « Lặng lẽ Sa Pa » là một nhan đề giàu chất thơ, góp phần khắc họa chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.  + Lặng lẽ gỡ đến một khung cảnh rất êm đềm, thanh tĩnh của Sa Pa.  + Nhưng «  Lặng lẽ » chỉ là cái không khí bên ngoài của cảnh vật. Đằng sau vẻ lặng lẽ ấy là sự miệt mài, nhiệt huyết, hăng say để cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.  Dưới vẻ Lặng lẽ của Sa Pa luôn có những con người âm thầm làm việc, cống hiến cho sự đổi thay của đất nước. Họ chính là những dòng sông cuộn chảy mang phù sa bồi đắp cho đất nước thêm đẹp giàu. |
| ***Bố cục***  3 phần | - Phần 1 (từ đầu...*cô độc nhất thế gian*): Anh thanh niên qua lời kể của bác lái xe.  - Phần 2 (tiếp...*có vật gì như thế*): Cuộc gặp gỡ và trò chuyện giữa anh thanh niên, bác hoạ sĩ và cô kỹ sư.  - Phần 3 (còn lại): Cuộc chia tay giữa ba nhân vật. |
| ***Tóm tắt*** | Xe tới chân đỉnh Yên Sơn, bác lái xe dừng lại, giới thiệu với ông hoạ sĩ già và cô kỹ sư trẻ một anh thanh niên làm công tác khí tượng và vật lý địa cầu sống một mình trên núi. Trong cuộc gặp gỡ 30 phút ngắn ngủi, anh thanh niên kể về công việc của mình, công việc đơn giản nhưng gian khổ và cô đơn. Anh đã bộc lộ những suy nghĩ đúng đắn về công việc và cuộc đời. Khi ong hoạ sĩ định vẽ anh, anh đã giới thiệu những người khác mà anh cho là đáng vẽ hơn như ông kỹ sư vườn rau, nhà nghiên cứu sét. Những điều khám phá được ở anh thanh niên làm cho người khách vô cùng xúc động. Khi họ trở về, anh còn tặng cô gái một bó hoa và tặng bác già một làn trứng ăn đường. |
| ***Chủ đề*** | Thông qua cuộc gặp gỡ giữa bốn nhân vật, ông họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ, bác lái xe với anh thanh niên làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn giữa núi rừng Lào Cai, tác giả ca ngợi những con người lao động bình thường âm thầm lặng lẽ cống hiến công sức của mình cho công cuộc xây dựng XHCN và thống nhất đất nước. |
| ***Giá trị nội dung*** | Truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” khắc hoạ thành công hình ảnh những người lao động bình thường, mà tiêu biểu là anh thanh niên làm công tác khí tượng ở một mình trên đỉnh núi cao. Qua đó truyện khẳng định vẻ đẹp của con người lao động và ý nghĩa những công việc thầm lặng. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Truyện đã xây dựng được một tình huống truyện hợp lý, cách kể truyện tự nhiên, có sự kết hợp giữa tự sự, trữ tình với bình luận. |

**B. PHÂN TÍCH TÁC PHẨM**

1. **Tình huống truyện**

- Một trong những mấu chốt của nghệ thuật xây dựng truyện ngắn là xây dựng tình huống truyện.

- Tình huống cơ bản của truyện ngắn "***Lặng lẽ Sa Pa***" khá đơn giản: chính là cuộc gặp gỡ tình cờ của anh thanh niên làm việc một mình ở trạm khí tượng với bác lái xe và hai hành khách trên chuyến xe ấy - ông hoạ sĩ và cô kỹ sư lên thăm trong chốt lát nơi ở và nơi làm việc của anh thanh niên.

- Tác dụng:

+ Tình huống gặp gỡ này là cơ hội thuận tiện để tác giả khắc hoạ "bức chân dung" nhân vật chính một cách tự nhiên, khách quan và tập trung, qua sự quan sát của các nhân vật khác và qua chính lời lẽ, hành động của anh.

+ Được soi chiếu, đánh giá và cảm nhận một cách khách quan từ những nhân vật khác.

+ Đồng thời, qua "bức chân dung" (cả cuộc sống và những suy nghĩ) của người thanh niên, qua sự cảm nhận của các nhân vật khác (chủ yếu là ông hoạ sĩ) về anh và những người như anh, tác giả đã làm nổi bật được chủ đề của tác phẩm: "*Trong cái lặng im của Sa Pa, dưới những dinh thự cũ kỹ của Sa Pa, Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước*".

1. **Nhân vật anh thanh niên**

**\* Hoàn cảnh sống và làm việc:**

- Nhân vật chính trong truyện làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu. Sống một mình trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m, quanh năm suốt tháng giữa cổ cây và mây núi Sa Pa. Công việc của anh là: *“đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dựa vào công việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu*”. Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao (nửa đêm đúng giờ ốp thì dù mưa tuyết, giá lạnh thế nào cũng phải trở dậy ra ngoài trời làm công việc đã quy định).

- Nhưng cái gian khổ nhất là phải vượt qua được sự cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng một mình trên đỉnh núi cao không một bóng người – một hoàn cảnh thật đặc biệt.

**\* Những nét đẹp trong việc làm, cách sống, suy nghĩ, tình cảm và quan hệ với mọi người.**

***a) Một người yêu nghề và có tinh thần trách nhiệm trong công việc***

- Một người yêu nghề, dám chấp nhận hi sinh:

+ Chấp nhận sống và làm việc trong một hoàn cảnh, môi trường đặc biệt: trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m, quanh năm chỉ có cỏ cây và mây mù lạnh lẽo.

+ Coi công việc như một người bạn: "Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được?...Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi, cháu buồn chết mất".

+ Tìm thấy những ý nghĩa trong công việc: "báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu".

+ Tự hào và hạnh phúc bởi anh không chỉ giúp ích cho lao động mà cả trong chiến đấu: Phát hiện một đám mây khô giúp không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mỹ trên cầu Hàm Rồng.

- Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc:

+ Làm việc một mình trên đỉnh núi cao, không có ai dám sát xong anh vẫn luôn tự giác, tận tụy: Mỗi ngày đều bốn lần đi "ốp" để báo về nhà, không ngần ngại những đêm mưa tuyết,...

+ Tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, đúng giờ giấc và chính xác đến từng phút: Anh đếm từng phút trong cuộc gặp gỡ vì sợ hết ba mươi phút.

+ Anh luôn hoàn thành xuất sắc công việc của mình.

***=> Nhận xét:*** Anh thanh niên là hiện thân cho những con người lao động mới trong công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước thêm giàu đẹp.

***b) Một người có tinh thần lạc quan và yêu tha thiết cuộc sống***

- Anh biết tạo ra niềm vui trong cuộc sống của mình bằng việc trồng đủ các loài hoa rực rỡ để làm đẹp cho ngôi nhà mình ở; nuôi gà, nuôi ong để làm giàu nguồn lương thực cho mình.

- Luôn tự trau dồi bản thân bằng cách đọc qua sách, để nâng cao hiểu biết và chất lượng cuộc sống.

- Không chỉ sắp xếp xếp, tổ chức công việc một cách khoa học,mà ngay trong cuộc sống anh cũng thật gọn gàng, ngăn nắp : Một căn nhà ba gian sạch sẽ khiến ông họa sĩ phải trầm trồ và bất ngờ.

***=> Nhận xét***: Tinh thần lạc quan đã làm điểm tựa vững bền giúp anh chủ động vượt lên hoàn cảnh còn nhiều khó khăn cả về vật chất lẫn tinh thần và tìm được niềm vui , ý nghĩa của cuộc sống.

***c) Một con người chân thành, cởi mở và hiếu khách***

- Thể hiện ở nỗi thèm người, muốn được nhìn ngắm, trò chuyện với con người. Vì thế, anh đã lấy khúc cây chắn ngang đường để dừng những chuyến xe hiếm hoi.

- Khi gặp được người thì anh mừng đến mức tất tả, cuống cuồng như không kiềm được cảm xúc: "Anh chạy vụt đi, cũng tất tả như khi đến", "Người con trai nói to những điều đáng lẽ người ta chỉ nghĩ".

- Anh là một người thân thiện, cởi mở ngay cả với những người mới gặp lần đầu : niềm nở, hồ hởi không giấu lòng, pha trà, tặng hoa và cả quà ăn đường.

- Trân trọng từng giây từng phút gặp gỡ: Đếm từng phút vì sợ hết mất ba mươi phút gặp gỡ vô cùng quý báu.

- Anh quan tâm, chu đáo đến cả những người tình cờ gặp gỡ và sẵn sàng yêu thương, sẻ chia: Nghe bác lái xe kể về việc vợ mình bị bệnh, anh đã lặng lẽ đi tìm củ tam thất để bác gái ngâm rượu uống.

***=> Nhận xét:*** Anh thanh niên xứng đáng trở thành biểu tượng cho phẩm chất và con người nơi mảnh đất Sa Pa.

***d) Một con người khiêm tốn***

- Công việc của anh đang làm góp một phần quan trọng cho những bước chuyển mình của đất nước: phục vụ sản xuất và phục vụ chiến đấu. Nhưng anh lại cho những đóng góp của mình là vô cùng nhỏ bé so với bao người khác.

- Khi ông họa sĩ xin ký họa chân dung, anh từ chối, e ngại : "Không, không, đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đánh cho bác vẽ hơn".

**\*** Qua những nét phác họa của Nguyễn Thành Long, anh thanh niên hiện lên thật chân thực, sinh động, đẹp đẽ. Giữa thiên nhiên im lặng, hắt hiu, giữa cái lặng lẽ muôn thuở của Sa Pa đã vang lên những âm thanh trong sáng, những sắc màu lung linh của những con người lao động mới như anh.

**3. Các nhân vật phụ**

***a) Nhân vật ông họa sĩ***

- Tuy không phải là nhân vật chính của truyện, nhưng ông họa sĩ có vị trí quan trọng, mang quan điểm trần thuật của tác giả. Người kể chuyện đã nhập vào cái nhìn và suy nghĩ của nhân vật ông họa sĩ để quan sát, miêu tả từ cảnh thiên nhiên đến nhân vật chính của truyện.

+ Trước hết, ông là một nghệ sĩ chân chính, nghiêm túc, say mê đi tìm cái đẹp: "Hơn bao nhiêu người khác, ông biết rất rõ sự bất lực của nghệ thuật, của hội họa trong cuộc hành trình vĩ đại của cuộc đời... Đối với chính nhà họa sĩ, vẽ bao giờ cũng là một việc khó, nặng nhọc, gian nan".

+ Ngay từ những phút đầu gặp anh thanh niên, ông họa sĩ đã xúc động và bối rối. " Vì họa sĩ đã bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước được biết. Ôi! Một nét thôi cũng đủ khẳng định một tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác" .

+ Trước chàng trai trẻ đáng yêu, ông họa sĩ bỗng thấy như "nhọc quá" vì những điều người ta suy nghĩ về anh.

+ Những lời tâm sự anh thanh niên, khiến ông chấp nhận những thử thách của quá trình sáng tác.

- Những cảm xúc và suy tư của ông họa sĩ về anh thanh niên và những vấn đề của nghệ thuật, của đời sống được gợi lên từ câu chuyện của anh thanh niên, đã làm cho chân dung nhân vật chính thêm sáng đẹp và tạo được chiều sâu tư tưởng của tác phẩm.

***b) Nhân vật cô kĩ sư***

- Cô kỹ sư là một hình ảnh đẹp đẽ, biểu tượng cho sức sống mãnh liệt của tuổi trẻ: cô vừa tốt nghiệp đã tình nguyện lên miền núi Lai Châu nhận nhiệm vụ.

+ Cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh thanh niên, được nghe những điều anh tâm sự, chia sẻ về bản thân và những người khác khiến cô "bàng hoàng".

+ Cái "bàng hoàng" như một sự va đập giúp cô bừng dạy những tình cảm và suy nghĩ lớn lao ,đẹp đẽ:

+ Cô đánh giá, kiểm điểm đúng hơn mối tình đầu nhạt nhẽo mà cô đã từ bỏ.

+ Vững tin và quyết tâm về quyết định cho chuyến ra đi đầu đời của mình.

+ Từ quý mến, khâm phục cô dần dần thấy biết ơn vô cùng anh thanh niên. Không phải chỉ vì bó hoa to mà anh tặng mà còn vì "một bó hoa nào khác nữa, bó hoa của những háo hức và mơ mộng ngẫu nhiên anh cho thêm cô".

- Cuộc gặp gỡ đã khơi lên trong tâm tư cô gái trẻ những tình cảm và suy nghĩ mới mẻ, cao đẹp về con người, về cuộc sống. Đó là sự đồng cảm về lý tưởng của thế hệ thanh niên Việt Nam thời chống Mỹ. Đồng thời, qua tâm tư, cảm xúc của cô kỹ sư, tao nhận ra vẻ đẹp và sức mạnh của nhân vật anh thanh niên.

***c) Nhân vật bác lái xe***

- Là người xuất hiện từ đầu tác phẩm, bác là người dẫn dắt, giới thiệu một cách sơ lược và kích thích sự chú ý về nhân vật chính của tác phẩm - "người cô độc nhất thế gian".

+ Bác là một người yêu nghề và có trách nhiệm với công việc: Đã có ba mươi năm lái xe và hiểu tường tận Sa Pa.

+ Là một con người niềm nở và cởi mở: trên khuôn mặt hồ hởi, bác giới thiệu về thiên nhiên và cảnh sắc Sa Pa; chia sẻ với ông họa sĩ và cô kỹ sư về anh thanh niên.

+ Có một tâm hồn nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên Sa Pa.

+ Bác là cầu nối giữa anh thanh niên với cuộc đời: Bác mua sách giúp anh; giới thiệu anh với những người bạn mới;...

- Mặc dù chỉ xuất hiện qua một vài chi tiết của truyện nhưng bác họa sĩ là một phần quan trọng giúp nhân vật anh thanh niên xuất hiện một cách tự nhiên và góp phần dẫn dắt chuyện.

***d) Những nhân vật được giới thiệu gián tiếp***

- Đó là những con người làm việc miệt mài, cống hiến thầm lặng: Anh bạn trên trạm đỉnh Phan- xi -păng cao 3142m; ông kỹ sư vườn rau dưới Sa Pa ngày ngày ngồi im trong vườn su hào rình xem cách ong lấy phấn, thụ phấn cho hoa su hào.

- Dám hy sinh cả tuổi trẻ và hạnh phúc cá nhân: Anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét, luôn trong tư thế sẵn sàng chờ sét,"nửa đêm mưa gió, rét buốt, mặc, cứ nghe sét là choáng choàng chạy ra" và mười một năm chưa ngày nào xa cơ quan.

\* Trong tác phẩm, những nhân vật này không xuất hiện một cách trực tiếp mà chỉ được giới thiệu gián tiếp qua lời kể của anh thanh niên. Song, họ đã thể hiện được những phẩm chất vàng trong tâm hồn, cách sống và góp phần làm sáng tỏ chủ đề, tư tưởng của truyện được mở rộng.

***Làng***

***Kim Lân***

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Kim Lân tên khai sinh là **Nguyễn Văn Tài**, (1920-2007), quê ở huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.  - Ông là nhà văn chuyên viết truyện ngắn và đã có sáng tác đăng báo trước Cách mạng tháng Tám 1945. Vốn gắn bó và am hiểu sâu sắc cuộc sống ở nông thôn, Kim Lân hầu như chỉ viết về sinh hoạt làng quê và cảnh ngộ của người nông dân.  - ***Phong cách nghệ thuật :*** Kim Lân có một lối viết tự nhiên, chậm rãi, nhẹ nhàng, hóm hỉnh và giàu cảm xúc ; cách miêu tả rất gần gũi, chân thực. Đặc biệt ông có biệt tài phân tích tâm lí nhân vật. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | “Làng” được viết vào giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Trong thời kì này thì người dân nghe theo chính sách của chính phủ: kêu gọi nhân dân ta tản cư, những người dân ở vùng địch tạm chiếm đi lên vùng chiến khu để chúng ta cùng kháng chiến lâu dài. – Kim Lân kể lại: “Hồi ấy gia đình tôi cũng đi sơ tán. Trên khu ở mới, có tin đồn làng tôi là làng Việt gian. Mọi người đều nhìn những người dân làng với con mắt chế giễu, khinh thường. Tôi yêu ngôi làng của tôi và không tin làng tôi lại có thể đi theo giặc Pháp. Tôi viết truyện ngắn “Làng” như thể để khẳng định niềm tin của mình và minh oan cho làng tôi” |
| ***Xuất xứ*** | Đăng lần đầu trên tạp chí Văn nghệ năm 1948. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | ***-*** Xuyên suốt tác phẩm, nhà văn kể về làng chợ Dầu nhưng không lấy tên tác phẩm là «  Làng chợ Dầu ». Nếu lấy tên tác phẩm là «  Làng chợ Dầu » thì câu chuyện sẽ trở thành chuyện riêng của một cái làng cụ thể ; ông Hai sẽ trở thành người nông dân cụ thể của làng chợ Dầu ấy. Như vậy, chủ đề tư tưởng của truyện bị bó hẹp, không mang ý nghĩa khái quát.  - Tác giả đã sử dụng một danh từ chung là «  Làng » mang ý nghĩa khái quát để đặt tên cho tác phẩm. Đó sẽ là câu chuyện về những làng quê nước ta trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp ; ông Hai sẽ trở thành nhân vật biểu tượng cho người nông dân Việt Nam yêu làng, yêu nước. Như vậy, chủ đề tư tưởng, ý nghĩa của truyện được mở rộng. |
| ***Thể loại*** | Truyện ngắn |
| ***Bố cục***  3 đoạn | - Đoạn 1: Từ đầu…đến… “ruột gan ông lão cứ múa cả lên, vui quá!”: Ông Hai trước khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc.  - Đoạn 2: Tiếp…đến…”cũng vợi được đi đôi phần”: Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng mình theo giặc.  - Đoạn 3: Còn lại: Tâm trạng của ông Hai khi tin làng mình theo giặc được cải chính. |
| ***Tóm tắt*** | Câu chuyện kể về ông Hai Thu, người làng Chợ Dầu. Khi cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, theo lời kêu gọi của cụ Hồ Chí Minh, toàn dân tham gia kháng chiến, kể cả hình thức tản cư. Do hoàn cảnh neo đơn, ông Hai đã cùng vợ con lên tản cư ở Bắc Ninh dù rất muốn ở lại làng chiến đấu. Ở nơi tản cư, tối nào ông cũng sang nhà bác Thứ bên cạnh để khoe về làng mình rằng làng ông có nhà cửa san sát, đường thôn ngõ xóm sạch sẽ. Ông khoe cái phòng thông tin, cái chòi phát thanh và phong trào kháng chiến của làng, khi kể về làng ông say mê, háo hức lạ thường. *Ở đây, ngày nào ông cũng ra phòng thông tin để nghe tin tức kháng chiến, ông vui mừng trước những chiến thắng của quân dân ta. Nhưng rồi một hôm, ở quán nước nọ, ông nghe được câu chuyện của một bà dưới xuôi lên tản cư nói rằng làng Dỗu của ông theo giặc. Ông vô cùng đau khổ, xấu hổ, cúi gầm mặt đi thẳng về nhà, suốt ngày chẳng dám đi đâu, chẳng dám nói chuyện với ai, chỉ nơm nớp lo mụ chủ nhà đuổi đi. Buồn khổ quá, ông tâm sự với đứa con út cho khuây khoả. Ông chớm có ý định về làng để xác minh sự thật nhưng lại tự mình phản đối vì nghĩ về làng, làng là bỏ kháng chiến, bỏ cụ Hồ bởi làng ông đã theo Tây mất rồi. Thế rồi một hôm có ông chủ tịch dưới xã lên chơi cải chính tin làng ông theo giặc. Ông lão sung sướng mùa tay đi khoe khắp làng rằng nhà ông đã bị đốt nhẵn. Tối hôm ấy, ông lại sang nhà bác Thứ kể về làng mình*. |
| ***Chủ đề*** | Truyện nói về tình yêu Làng của ông Hai Thu khi phải xa làng đi tản cư, qua đó ca ngợi tình yêu quê hương đất nước và nhiệt tình tham gia kháng chiến chống Pháp của người nông dân Việt Nam |
| ***Ngôi kể*** | - Truyện được kể theo ngôi thứ ba.  - Tác dụng : làm cho câu chuyện trở nên khách quan và tạo cảm giác chân thực cho người đọc. |
| ***Giá trị nội dung*** | Tình yêu làng quê và lòng yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân phải dời làng đi tản cư đã được thể hiện chân thực, sâu sắc và cảm động ở nhân vật ông Hai trong truyện “***Làng***”. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Tác giả đã thành công trong việc xây ***dựng tình huống truyện, trong nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật***. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Tình huống truyện:**

***a. Khái niệm tình huống truyện:***

- Tình huống truyện là một hoàn cảnh có vấn đề xuất hiện trong tác phẩm. Trong hoàn cảnh đó, nhân vật sẽ có hành động bộc lộ rõ nhất, điển hình nhất bản tính của mình. Tính cách nhân vật sẽ rõ, chủ đề tác phẩm sẽ bộc lộ trọn vẹn.

***b. Tình huống truyện trong truyện ngắn “Làng”:***

- Tình huống truyện đặc sắc: khi ông Hai nghe được tin làng Chợ Dầu theo giặc.

+ Tác giả đã đặt nhân vật ông Hai vào một tình huống đối nghịch với tình cảm, niềm tự hào mãnh liệt về làng Chợ Dầu của ông Hai: Một con người vốn yêu làng và luôn hãnh diện về nó thì bỗng nghe tin làng lập tề theo giặc.

+ Vai trò: tạo tâm lí, diễn biến gay gắt trong nhân vật, làm bộc lộ sâu sắc tình cảm yêu làng, yêu nước ở ông Hai.

- Ý nghĩa của tình huống truyện:

+ Về mặt kết cấu của truyện: tình huống này phù hợp với diễn biến của truyện, tô đậm tình yêu làng, yêu nước của người nông dân Việt Nam mà tiêu biểu là nhân vật ông Hai.

+ Về mặt nghệ thuật : tình huống truyện đã tạo nên một cái thắt nút cho câu chuyện, tạo điều kiện để bộc lộ mạnh mẽ tâm trạng và phẩm chất của nhân vật, góp phần thể hiện chủ đề của tác phẩm.

( Gây ra mâu thuẫn giằng xé tâm lí ông lão đáng thương và đáng trọng ấy; tạo ra điều kiện để thể hiện tâm trạng và phẩm chất, tính cách của nhân vật thêm chân thực và sâu sắc; góp phần giải quyết chủ đề tác phẩm: phản ánh và ca ngợi tình yêu làng, yêu nước chân thành, giản dị của người nông dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Sự phát triển của câu chuyện sẽ bám theo cái tình huống oái oăm này).

**2. Diễn biến tâm trạng của ông Hai:**

**a. Trước khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc:** ông là một người nông dân mang tình yêu làng tha thiết.

- Trước Cách mạng tháng Tám: Ông tự hào, hãnh diện về làng và kể về nó với niềm say mê, náo nức đến lạ thường: Ông khoe con đường làng lát đá xanh, trời mưa đi chẳng lấm chân; ông khoe sinh phần của một vị quan tổng đốc trong làng;...

- Khi kháng chiến bùng nổ: ông khoe về một làng quê đi theo kháng chiến làm cách mạng; ông kể một cách rành rọt những hố, những ụ , những giao thông hầm hào;...

- Khi buộc phải tản cư, ông Hai đã rất nhớ về làng:

+ Ông thường xuyên chạy sang nhà bác Thứ để kể lể đủ thứ chuyện về làng, để vơi đi cái nỗi nhớ làng.

+ Ông kể cho sướng cái miệng, cho vơi cái lòng mà không cần biết người nghe có thích hay không.

+ Nhớ làng da diết – muốn về làng, muốn tham gia kháng chiến.

+ Ông thường xuyên theo dõi tình hình của làng cũng như tình hình chiến sự: Mong nắng cho Tây chết, ở phòng thông tin, ông nghe được những tin chiến thắng của quân ta -> Ruột gan ông cứ múa cả lên.

***\* Nhận xét:*** Ông Hai là người nông dân có tính tình vui vẻ, chất phác, có tấm lòng gắn bó với làng quê và cuộc kháng chiến. Ông yêu thương, gắn bó với làng quê, tự hào và có trách nhiệm với cuộc kháng chiến của làng.

Tạo ra một hoàn cảnh đặc biệt, Kim Lân đã thể hiện một cách rất tự nhiên, chân thực tình cảm, niềm tự hào của ông Hai với làng chợ Dầu của mình.

**b. Tâm trạng ông Hai khi nghe tin làng theo giặc:**

- Ông Hai nghe tin xấu về làng khi ông vừa ở phòng thông tin ra, còn đang lâng lâng trong niềm vui chiến thắng của quân và dân ta. Khi nghe tin xấu ông Hai sững sờ, xấu hổ, uất ức: “cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại,da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi tưởng như không thở được”. Từ đỉnh cao của niềm vui, niềm tin ông Hai rơi xuống vực thẳm của sự đau đớn, tủi hổ vì cái tin ấy quá bất ngờ. Khi trấn tĩnh lại được phần nào,ông còn cố chưa tin cái tin ấy. Nhưng rồi những người tản cư đã kể rảnh rọt quá, lại khẳng định họ “vừa ở dưới ấy lên” làm ông không thể không tin. Niềm tự hào về làng thế là sụp đổ,tan tành trước cái tin sét đánh ấy. Cái mà ông yêu quí nhất nay cũng đã quay lưng lại với ông. Không chỉ xấu hổ trước bà con mà ông cũng tự thấy ông mất đi hạnh phúc của riêng ông, cuộc đời ông cũng như chết mất một lần nữa.

- Từ lúc ấy trong tâm trí ông Hai chỉ còn có cái tin dữ ấy xâm chiếm, nó thành một nỗi ám ảnh day dứt. Ông vờ lảng ra chỗ khác, rồi về thẳng nhà. Nghe tiếng chửi bọn Việt gian, ông " cúi gằm mặt mà đi".

- Về đến nhà ông nằm vật ra giường rồi tủi thân nhìn lũ con “nước mắt ông lão cứ giàn ra”.

+ Trong trạng thái khủng hoảng, giận dữ ông nắm chặt hai tay mà rít : "chúng bay ăn miếng cơm hay ăn miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này".

+ Niềm tin bị phản bội, những mối nghi ngờ bùng lên và giằng xé trong ông: " ông kiểm điểm từng người trong óc".

=> Bao nhiêu điều tự hào về quê hương như sụp đổ trong tâm hồn người nông dân rất mực yêu quê hương ấy. Ông cảm thấy như chính ông mang nỗi nhục của một tên bán nước theo giặc, cả các con ông cũng sẽ mang nỗi nhục ấy.

- Sau giây phút ấy, tất cả dường như sụp đổ, tâm trí ông bị ám ảnh, lo lắng, day dứt. Suốt mấy ngày ông không dám đi đâu. Ông quanh quẩn ở nhà,nghe ngóng tình hình bên ngoài. “Một đám đông túm lại, ông cũng để ý, dăm bảy tiếng cười nói xa xa,ông cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến “cái chuyện ấy”. Thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam – nhông… là ông lủi ra một nhà,nín thít. Thôi lại chuyện ấy rồi!”

- Ông Hai rơi vào tình trạng bế tắc, tuyệt vọng khi nghĩ tới tương lai.

+ Ông lo cho số phận của những đứa con rồi sẽ bị khinh bỉ, hắt hủi vì là trẻ con làng Việt gian: "Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng, hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu".

+ Ông lo cho bao nhiêu người tản cư làng ông sẽ bị khinh, tẩy chay, thù hằn, ghê tởm: " Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian!... Suốt cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hận cái giống Việt gian bán nước…"

+ Ông lo cho tương lai của gia đình rồi sẽ đi đâu, về đâu, làm ăn sinh sống ra sao: "Rồi đi biết làm ăn, buôn bán làm sao? Ai người ta chứa".

- Nếu như trước đây, tình yêu làng và tình yêu nước hòa quyện trong nhau thì lúc này, ông Hai buộc phải có sự lựa chọn. Quê hương và Tổ quốc, bên nào nặng hơn? Đó không phải là điều đơn giản vì với ông, làng Chợ Dầu đã trở thành một phần của cuộc đời, không dễ gì vứt bỏ; còn cách mạng là cứu cánh của gia đình ông, giúp cho gia đình ông thoát khỏi cuộc đời nô lệ. Cuối cùng, ông đã quyết định: “Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”. Như vậy, tình yêu làng dẫu có thiết tha, mãnh liệt đến đâu cũng không thể mãnh liệt hơn tình yêu đất nước. Đó là biểu hiện vẻ đẹp trong tâm hồn của con người Việt Nam, khi cần họ sẵn sàng gạt bỏ tình cảm riêng tư để hướng tới tình cảm chung của cả cộng đồng.

=> Quyết định của ông Hai đã khẳng định tình yêu nước mạnh mẽ, thiêng liêng, rộng lớn, bao trùm lên tình cảm của làng quê. Điều gì đã khiến ông có sự lựa chọn dứt khoát đó? Phải chăng chính niềm tin vào Đảng, cách mạng, kháng chiến đã hướng ông có được sự lựa chọn đó.

- Nhưng dù đã dứt khoát như thế, ông vẫn không thể dứt bỏ tình cảm với nơi mà ông đã sinh ra, lớn lên và gắn bó gần hết cuộc đời. Bởi vậy, ông muốn được tâm sự, như để phân bua, để minh oan, cởi bỏ nỗi lòng.

+ Ông trút hết nỗi lòng vào những lời thủ thỉ, tâm sự với đứa con ngây thơ, bé bỏng.

+ Tình yêu sâu nặng với làng, nên ông muốn lý trí và trái tim bé bỏng của con phải khắc sâu, ghi nhớ câu: " Nhà ta ở làng chợ Dầu" - nơi chôn rau cắt rốn của bố con ông.

+ Ông nhắc cho con về tấm lòng thủy chung với kháng chiến, với cụ Hồ của bố con ông: " Anh em đồng chí biết cho bố con ông. Cụ Hồ trên đầu, trên cổ soi xét cho bố con ông".

+ Ông khẳng định tình cảm sâu nặng , bền vững và rất thiêng liêng ấy : " Cái lòng của bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai".

-> Đó là một cuộc trò chuyện đầy xúc động. Nỗi nhớ quê, yêu quê, nỗi đau đớn khi nghe tin quê hương theo giặc cứ chồng chéo đan xen trong lòng ông lão. Nhưng trong ông vẫn cháy lên một niềm tin tưởng sắt đá, tin tưởng vào Cụ Hồ, tin tưởng vào cuộc kháng chiến của dân tộc. Niềm tin ấy đã phần nào giúp ông có thêm nghị lực để vượt qua khó khăn này. Dường như ông Hai đang nói chuyện với chính mình, đang giãi bày với lòng mình và cũng như đang tự nhắc nhở: hãy luôn “Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh”. Tình quê và lòng yêu nước thật sâu nặng và thiêng liêng.

Dưới hình thức trò chuyện, tâm sự với đứa con, nhưng thực chất là lời tự vấn, để tự minh oan và khẳng định tấm lòng thủy chung của mình với làng, kháng chiến, cách mạng; để làm vơi đi phần nào những khổ tâm đã dằn vặt ông bấy lâu nay

**\* Nhận xét:** Qua diễn biến tâm trạng của ông Hai, Kim Lân đã khám phá và làm nổi bật những nét đẹp trong tâm hồn người nông dân cách mạng: hài hòa giữa lòng yêu làng và tình yêu nước, nhiệt tình cách mạng.

**c. Tâm trạng của ông Hai khi tin làng mình theo giặc được cải chính.**

- Đúng lúc ông Hai có được quyết định khó khăn ấy thì cái tin làng Chợ Dầu phản bội đã được cải chính. Sự đau khổ của ông Hai trong những ngày qua nhiều bao nhiêu thì niềm phấn khởi và hạnh phúc của ông lúc này càng lớn bấy nhiêu, như có một phép hồi sinh khiến thái độ ông Hai thay đổi hẳn: " Cái mặt buồn thiu mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên". Ông “bô bô” khoe với mọi người về cái tin làng ông bị “đốt nhẵn”, nhà ông bị “đốt nhẵn”. Nội dung lời “khoe” của ông có vẻ vô lí bởi không ai có thể vui mừng trước cảnh làng, nhà của mình bị giặc tàn phá. Nhưng trong tình huống này thì điều vô lí ấy lại rất dễ hiểu: Sự mất mát về vật chất ấy chẳng thấm vào đâu so với niềm vui tinh thần mà ông đang được đón nhận. Nhà văn Kim Lân đã tỏ ra rất sắc sảo trong việc nắm bắt và miêu tả diễn biến tâm lí của nhân vật. Đó là minh chứng hùng hồn, chứng minh cho làng ông, cho bố con gia đình ông và những người tản cư trên đây không theo giặc, vẫn một lòng thủy chung, tình nghĩa và sẵn sàng hy sinh tất cả cho kháng chiến.

Ông Hai chỉ là một người nông dân bình thường như bao người nông dân khác nhưng ông đã biết hy sinh tài sản riêng của mình cho kháng chiến. Điều này cho thấy cuộc kháng chiến chống Pháp đã đi sâu vào tiềm thức của người dân để trở thành cuộc kháng chiến toàn dân.

**=> Nhận xét:** Từ một người nông dân yêu làng, ông Hai trở thành người công dân nặng lòng với kháng chiến.Tình yêu làng, yêu nước đã hòa làm một trong ý nghĩ, tình cảm, việc làm của ông Hai. Tình cảm ấy thống nhất,hòa quyện như tình yêu nước được đặt cao hơn, lớn rộng lên tình làng. Đây là nét đẹp truyền thống mang tinh thần thời đại. Ông Hai là hình ảnh tiêu biểu của người nông dân trong thời kì kháng chiến chống Pháp.

Tình yêu làng và lòng yêu nước của ông Hai thực sự sâu sắc và khiến người đọc vô cùng cảm động. Tin cải chính đã trả lại cho ông tình yêu, niềm tự hào sâu sắc về làng. Nó đã xây dựng lên trong ông những " bức tường thành" vững chắc không súng đạn nào có thể công phá, cháy rụi được.

**3. Những đặc sắc về nghệ thuật**

- Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện: Tác giả đặt nhân vật vào tình huống cụ thể để thử thách nhân vật, để nhân vật tự bộc lộ chiều sâu tư tưởng và chủ đề của truyện.

- Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật:

+ Khắc họa thành công nhân vật ông Hai, một người nông dân yêu làng, yêu nước tha thiết,...

+ Tác giả miêu tả rất cụ thể những diễn biến nội tâm từ suy nghĩ, hành động đến ngôn ngữ,..

+ Với thủ pháp nghệ thuật đối thoại và độc thoại nội tâm đã diễn tả một cách chính xác và mạnh mẽ những ám ảnh, day dứt của nhân vật.

Điều đó chứng tỏ Kim Lân am hiểu sâu sắc người nông dân và thế giới tinh thần của họ .

- Nghệ thuật sử dụng ngôn từ rất đặc sắc:

+ Ngôn ngữ chuyện mang tính khẩu ngữ và lời ăn, tiếng nói hằng ngày của những nông dân.

+ Lời kể chuyện và lời nói của nhân vật có sự thống nhất về sắc thái, giọng điệu.

+ Ngôn ngữ nhân vật vừa có nét chung của người nông dân Việt Nam cần cù, chịu khó, lại vừa mang đậm những nét cá tính riêng của nhân vật nên rất sinh động.

- Cách trần thuật truyện tự nhiên, linh hoạt với những chi tiết sinh hoạt,đời sống hàng ngày xen vào với mạch tâm trạng khiến cho chuyện sinh động hơn.

**MẠCH CẢM XÚC TRONG CÁC BÀI THƠ HIỆN ĐẠI LỚP 9**

**1. ĐỒNG CHÍ – CHÍNH HỮU**

Cảm xúc của bài thơ bắt nguồn tự niềm xúc động được gợi ra từ cơ sở hình thành tình đỗng chí. Cảm xúc được đẩy cao, được dồn tụ lại trong lời khẳng định kết tinh tình cảm giữa những người lính.

Mạch cảm xúc tiếp tục khơi mở trong những hình ảnh, chi tiết biểu hiện tình đồng chí và sức mạnh của tình đồng chí. Bài thơ khép lại với cảm xúc lắng đọng trước biểu tượng đẹp về tình đồng chí.

**2. BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH -PHẠM TIẾN DUẬT**

Bài thơ được viết theo mạch cảm xúc của tác giả về những chiếc xe không kính và người lính lái xe Trường Sơn trong thời kì kháng chiến chống Mĩ.

Mở đầu bài thơ là cảm xúc về những chiếc xe không kính bị tàn phá bởi bom đạn, cảm xúc được phát triển trước hình ảnh người lính lái xe trẻ trung, lạc quan, giàu tình cảm đồng đội và giàu ý chí giải phóng MN. Cảm xúc khép lại trong hình ảnh chiếc xe không kính một lần nữa xuất hiện, nhưng dù xe bị biến dạng bao nhiêu thì trong chiếc xe vẫn còn một trái tim kiên cường tiến về MN.

**3. BẾP LỬA – BẰNG VIỆT**

Bài thơ mở ra là hình ảnh bếp lửa, từ đó gợi về những hình ảnh tuổi thơ sống bên bà, được bà yêu thương, chăm sóc với bao lo toan, vất vả. Từ kỉ niệm, đứa cháu nay đã trưởng thành suy ngẫm, thấu hiểu về bà với bao cảm phục, biết ơn. Cuối cùng người cháu gửi niềm nhớ mong về với bà. Mạch cảm xúc của bài thơ đi từ hồi tưởng đến hiện tại, từ hiện tại đến suy ngẫm. Bài thơ là lời tâm tình của đứa cháu hiếu thảo với bà, từ nơi xa nhớ về bà.

**4. ÁNH TRĂNG – NGUYỄN DUY**

Bài thơ là câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian từ quá khứ đến hiện tại với các mốc sự kiện trong cuộc đời con người. Dòng cảm xúc của nhà thơ cũng được bộc lộ theo mạch tự sự. Theo dòng tự sự ấy mạch cảm xúc đi từ quá khứ đến hiện tại và lắng kết trong cái “giật mình” cuối bài thơ.

**5. MÙA XUÂN NHO NHỎ - THANH HẢI**

Mạch cảm xúc xuyên suốt trong bài thơ là sự ngây ngất mê say của nhà thơ trước mùa xuân tười đẹp trong trẻo của “dòng sông xanh, bông hoa tím và tiếng chim vang lừng,..". Từ cảm xúc với mùa xuân của thiên nhiên được tác giả mở rộng ra là mùa xuân của đất nước, của dân tộc thông qua hình ảnh người lính cầm súng nơi chiến trường và người nông dân trên đồng ruộng. Từ sự đi lên của đất nước nhà thơ ước nguyện đóng góp sức lực nhỏ bé của mình để dựng xây đất nước ngày càng tươi đẹp hơn.

**6. VIẾNG LĂNG BÁC – VIỄN PHƯƠNG**

Mạch vận động cảm xúc bài thơ đi theo trình tự không gian, thời gian vào lăng viếng Bác. Cảm xúc đầu tiên là cảnh xung quanh lăng Bác (nhìn từ xa), ấn tượng nhất là hàng tre bát ngát trong sương. Tiếp theo là cảnh trước lăng và hình ảnh đoàn người nối nhau như bất tận, ngày ngày vào thăm viếng Bác (khổ 2). Tiếp (khổ 3), cảm xúc khi vào trong lăng, hình ảnh di hài của Bác gợi ra những hình ảnh đẹp mang ý nghĩa biểu tượng: mặt trời, trời xanh. Cuối cùng (khổ cuối) là cảm xúc khi sắp phải rời xa Bác trở về miền Nam. Mạch cảm xúc đã tạo nên bố cục bài thơ rất rõ ràng, mạch lạc, hợp lí.

**7. SANG THU – HỮU THỈNH**

Sang thu là bức thông điệp lúc giao mùa. Mùa thu đang tới xâm lấn dần mùa hạ, khoảnh khắc ấy được diễn tả bằng sự rung cảm tinh tế, sâu sắc về những biến đổi trong không gian, thiên nhiên lúc sang thu: bắt đầu từ hương ổi qua vận động của gió, sương, dòng sông, cánh chim, đám mây, nắng, mưa, tiếng sấm, hàng cây. Từ cảm nhận về thiên nhiên lúc sang thu, nhà thơ suy ngẫm về đời người khi đứng tuổi (tuổi trung niên).

**8. NÓI VỚI CON – Y PHƯƠNG**

Mượn lời nói với con, Y Phương gợi về cội nguồn sinh dưỡng mỗi con người, bộc lộ niềm tự hào về sức sống bền bỉ của quê hương mình.

Bài thơ đi từ tình cảm gia đình và mở rộng ra là tình cảm quê hương, từ những kỉ niệm gần gũi, tha thiết mà nâng lên thành lẽ sống. Cảm xúc, chủ đề bài thơ được bộc lộ, dẫn dắt một cách tự nhiên, có tầm khái quát nhưng vẫn thấm thía.  
**9. CON CÒ – CHẾ LAN VIÊN.**

Mạch cảm xúc được phát triển theo ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh con cò, bắt đầu từ hình ảnh con cò trong ca dao theo lời ru của mẹ đi vào tiềm thức trẻ thơ, rồi đến hình ảnh con cò mang ý nghĩa biểu tượng cho sự nâng niu chăm chút của mẹ dành cho con suốt cả cuộc đời, và cuối cùng là những cảm nhận sâu sắc về tình mẫu tử và ý nghĩa lời ru qua hình ảnh con cò.

**MÙA XUÂN NHO NHỎ**

**(THANH HẢI)**

|  |  |
| --- | --- |
| **\*Khổ 1. Bức tranh thiên nhiên mùa xuân xứ Huế và cảm xúc của nhà thơ** | |
| ***Mọc*** *giữa dòng sông* ***xanh***  *Một bông hoa* ***tím biếc***  *(đảo ngữ)*  ***Ơi*** *con chim chiền chiện*  *(nhân hóa)*  *Hót* ***chi*** *mà* ***vang trời***  *(nói quá)*  *Từng* ***giọt*** *long lanh rơi*  *Tôi đưa tay tôi hứng.*  *(giọt mưa xuân)*  *(giọt âm thanh)*  *=>ẩn dụ chuyển đổi cảm giác* | **a/ Bức tranh thiên nhiên mùa xuân xứ Huế**  **- Hình ảnh** giản dị, gợi cảm: “dòng sông xanh”, “bông hoa tím biếc”  **- Màu sắc** tươi tắn, hài hòa: xanh, tím biếc  **- Sức xuân** mạnh mẽ, dạt dào:  + NT đảo ngữ  + Động từ “mọc” => sức sống mãnh liệt, căng tràn => sự vươn lên, trỗi dậy  **- Không gian** cao rộng, trong sáng: dòng sông, mặt nước, bầu trời.  **- Âm thanh** rộn rã, tươi vui: tiếng chim chiền chiện hót => nói quá => âm thanh xáo động cả không gian => khúc nhạc mùa xuân  **b/Cảm xúc của nhà thơ**  - **Ấn tượng đột ngột, bất ngờ** trước sức sống mùa xuân – sắc hoa tím biếc nổi bật => sự rung động mãnh liệt  **- Thán từ “ơi”, nghệ thuật nhân hóa, các từ “hót *chi* mà…”:**  + Tiếng gọi thiết tha, trìu mến, xúc động  + Cảm xúc ngỡ ngàng, xao xuyến khi đón nhận khúc nhạc xuân của đất trời  + Cách nói dịu ngọt, êm ái của người Huế  + Câu thơ vang lên như một cuộc trò chuyện thân mật yêu thương giữa con người và thiên nhiên => cảm xúc tha thiết, đắm say  **- Nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác**: “Từng giọt long lanh rơi/ Tôi đưa tay tôi hứng”  *Tiếng chim – âm thanh – vô hình – cảm nhận bằng* ***thính giác***  *“Giọt” – hình khối – hữu hình – cảm nhận bằng* ***thị giác***  *“hứng”- cử chỉ, động tác - cảm nhận bằng* ***xúc giác*** *– sự đón nhận trìu mến*   * Miêu tả vẻ đẹp diệu kì của mùa xuân: giọt mưa xuân, giọt âm thanh * Cảm nhận sắc xuân bằng nhiều giác quan & bằng cả tâm hồn   - Tâm trạng say sưa, ngây ngất,  - Thái độ nâng niu, trân trọng  => Lời thơ giàu nhạc điệu, giọng thơ tha thiết  => Tâm hồn lạc quan, yêu đời, yêu thiên nhiên, yêu mùa xuân xứ Huế  (những vần thơ dạt dào tình yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống được nhà thơ viết khi đang nằm trên giường bệnh) |
| * **\*Chốt ý khổ 1:** * **- Bức tranh thiên nhiên tươi đẹp, nên thơ, tràn đầy sức sống** * **- Cảm xúc thiết tha, tràn đầy tình yêu của nhà thơ Thanh Hải trước vẻ đẹp của mùa xuân xứ Huế quê hương.** | |
|  |  |
| **\*Khổ 2,3. Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân đất nước** | |
| ***Mùa xuân*** *người cầm súng*  ***Lộc*** *giắt đầy trên lưng*  ***Mùa xuân*** *người ra đồng*  ***Lộc*** *trải dài nương mạ*  ***Tất cả như*** *hối hả*  ***Tất cả như*** *xôn xao…* | **a/ Cảm xúc về những con người đã làm nên mùa xuân cho đất nước (Khổ 2)**  **- Hai hình ảnh** biểu trưng cho 2 nhiệm vụ trọng tâm của đất nước trong những năm 80 của thế kỉ XX – nhiệm vụ chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và lao động xây dựng đất nước.  + “người cầm súng”- nhiệm vụ chiến đấu  + “người ra đồng” - nhiệm vụ lao động sản xuất  **- Từ “lộc”:**  **+Nghĩa thực:** chồi non, nhành non, cây non  “Lộc giắt đầy trên lưng” – lá non, màu xanh trên cành lá ngụy trang của người chiến sỹ  “Lộc trải dài nương mạ” – màu xanh trên nương mạ xanh non của người nông dân  **+Nghĩa ẩn dụ:**  ***-*** *sự sống dạt dào, sức sống mãnh liệt của* ***mùa xuân đất nước***  *- sự may mắn, những điều tốt đẹp…*  **- Phép điệp ngữ, điệp cấu trúc câu, nghệ thuật so sánh**  **- Từ láy:** *hối hả, xôn xao => từ biểu cảm*  **- Giọng thơ** sôi nổi, khỏe khoắn, nhịp thơ nhanh, lời thơ giàu nhạc điệu  *=>* Nhịp điệu hối hả, những thanh âm xôn xao  => Không khí khẩn trương, sôi nổi, tưng bừng, rộn rã => gợi lên cảnh tất cả mọi người trong mọi lĩnh vực đều hòa chung trong không khí bảo vệ và dựng xây đất nước  => Mùa xuân đất nước mang vẻ đẹp của sức sống vô tận  **\*Cảm xúc của nhà thơ:**  - Hân hoan, náo nức, rộn ràng  - Tràn đầy niềm lạc quan, tin yêu |
| *Đất nước bốn ngàn năm*  *Vất vả và gian lao*  *Đất nước như vì sao*  *Cứ đi lên phía trước.* | **b/Suy ngẫm khái quát về vẻ đẹp của mùa xuân đất nước**  **- NT nhân hóa**: *“Đất nước … vất vả và gian lao”*  +Trải bao thăng trầm, gian lao, thử thách  +Vẫn vững vàng vượt qua => sức sống bền bỉ, mãnh liệt  +Đất nước thân thương như người mẹ hiền giàu nghị lực, ý chí kiên cường  **- NT so sánh:** *“Đất nước như vì sao….”*  +Vẻ đẹp rạng rỡ, tỏa sáng  +Sức sống trường tồn bất diệt, diệu kì => vượt mọi trở ngại, thách thức => “Cứ đi lên phía trước” => khẳng định sự phát triển, vận động, đi lên…  **\*Tình cảm, cảm xúc của nhà thơ:**  - Yêu nước – yêu đất nước với chiều dài lịch sử thăng trầm  - Lạc quan, tin tưởng ở tương lai  - Tự hào, kiêu hãnh về vẻ đẹp và sức sống mãnh liệt của đất nước  - Ngợi ca sức sống của đất nước, dân tộc |
|  |  |
| **\*Khổ 4,5: Suy ngẫm và ước nguyện trước mùa xuân đất nước - lẽ sống cao đẹp của nhà thơ** | |
| ***Ta*** *làm con chim hót*  ***Ta*** *làm một cành hoa*  ***Ta*** *nhập vào hòa ca*  *Một* ***nốt trầm*** *xao xuyến.* | **a/Khát vọng hóa thân, hòa nhập (khổ 4)**  **- NT điệp ngữ** “Ta làm…”:  + Giọng thơ tha thiết  + Khát vọng cháy bỏng, mãnh liệt: muốn **hóa thân** vào thiên nhiên “làm con chim hót”, “làm một cành hoa”; làm “một nốt trầm xao xuyến” **hòa nhập** vào bản hòa ca.  + Khát vọng hòa nhập của cá nhân vào cộng đồng.  **- Hình ảnh tự nhiên, giản dị** => sự lặp lại => kết cấu đối ứng chặt chẽ => mở ra ý nghĩa mới:  + Con chim hót  + Một cành hoa  + Một nốt trầm  - Dùng hình ảnh đẹp trong thiên nhiên để nói lên ước nguyện của mình: Khát vọng được hoà nhập vào cuộc sống của đất nước, góp phần tốt đẹp - dù nhỏ bé của mình cho cuộc đời chung, cho đất nước.  - Mong muốn được sống có ích, cống hiến cho đời là một lẽ tự nhiên như con chim mang đến tiếng hót vui tươi, như bông hoa tỏa hương sắc cho đời.  **- Sự chuyển đổi đại từ “tôi” sang “ta”: đánh dấu sự biến đổi của cảm xúc**  **+ “Ta”: nhà thơ và mọi người =>** Lời tâm niệm của nhà thơ & của chung mọi người  =>Lời thơ vừa trang trọng, thiêng liêng vừa chân thành, tha thiết  =>Khiêm nhường, giản dị => “một nốt trầm” nhưng “xao xuyến”, sống có ý nghĩa  =>Thiết tha sống đẹp, sống có ích |
| *Một* ***mùa xuân nho nhỏ***  ***Lặng lẽ*** *dâng cho đời*  *Dù là tuổi hai mươi*  *Dù là khi tóc bạc.* | **b/Khát vọng cống hiến (khổ 5)**  **- Ẩn dụ** “mùa xuân nho nhỏ”: ước nguyện sống đẹp, sống có ích cống hiến phần nhỏ bé nhưng tốt đẹp cho cuộc đời chung, góp phần làm nên một mùa xuân lớn cho đất nước.  **- Từ láy** “nho nhỏ”, “lặng lẽ”, số từ “một” => khiêm tốn, giản dị  **- Đảo ngữ, động từ** “dâng”: trang trọng, thành kính  **- Hoán dụ:** “tuổi hai mươi”: chỉ tuổi trẻ  “ khi tóc bạc”: chỉ tuổi già  **- Điệp ngữ**, điệp cấu trúc: “Dù là…”: tha thiết, cháy bỏng => khẳng định ước nguyện cống hiến suốt cuộc đời. |
|  |  |
| **\*Khổ 6: Lời ngợi ca quê hương đất nước qua làn điệu dân ca trữ tình xứ Huế** | |
| ***Mùa xuân*** *– ta xin hát*  *Câu Nam ai, Nam bình*  ***Nước non ngàn dặm*** *mình*  ***Nước non ngàn dặm******tình***  *Nhịp phách tiền* ***đất Huế****.* | - “Mùa xuân”: sự quyện hòa của mùa xuân thiên nhiên, mùa xuân đất nước, mùa xuân trong lòng người  - “Ta xin hát” => lạc quan, yêu đời  - Câu Nam ai, Nam bình => điệu dân ca trữ tình xứ Huế - quê hương của nhà thơ  (điệu Nam ai buồn thương, điệu Nam bình dịu dàng, trìu mến).  **- Điệp ngữ, điệp cấu trúc** => giọng điệu tha thiết  - Câu hát Nam ai, nam Bình => **mang âm hưởng ngợi ca:**  + Nước non ngàn dặm trải ra **tươi đẹp, thanh bình**  + Nơi đâu cũng **thắm đượm nghĩa tình sắt son, sâu nặng**  *(“tình” => tình người, tình quê hương, tình đất nước…)*  - Nhịp phách tiền đất Huế => những thanh âm, giai điệu lan tỏa:  => Câu thơ giàu nhạc điệu  => Khúc ca yêu đời, yêu cuộc sống luôn vang vọng => biểu lộ niềm tin yêu của tác giả vào cuộc đời, vào sức sống của quê hương, đất nước qua những giá trị truyền thống bền vững.  => Tạo ấn tượng về một bài ca không dứt, bài ca tràn đầy tình yêu cuộc sống, tràn đầy niềm yêu mến tự hào về đất nước, quê hương.  => Những vần thơ là khúc hát tâm tình mà nhà thơ dâng tặng cho đời trước khi vĩnh biệt cuộc sống => những vần thơ mãi tươi xanh như mùa xuân => đáng quý, đáng trân trọng. |
| **KIẾN THỨC VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM** | |
| **1. Tác giả: Thanh Hải**  **2. Hoàn cảnh sáng tác**  - Tháng 11 năm 1980, khi tác giả đang nằm trên giường bệnh, không bao lâu trước khi nhà thơ qua đời.  **3**. **Thể thơ:** thơ 5 chữ  **4. Bố cục:**  \* Khổ thơ 1: Bức tranh thiên nhiên mùa xuân xứ Huế và cảm xúc của nhà thơ  \* Khổ thơ 2,3: Cảm xúc trước mùa xuân của đất nước  \* Khổ thơ 4,5: Suy ngẫm và ước nguyện trước mùa xuân đất nước – lẽ sống cao đẹp của nhà thơ  \*Khổ thơ 6: Lời ngợi ca quê hương đất nước qua làn điệu dân ca trữ tình xứ Huế  **5. Mạch cảm xúc**  \*Cảm xúc bao trùm là niềm xúc động mãnh liệt của tác giả trước mùa xuân của thiên nhiên, đất nước, cách mạng và khát vọng được hòa nhập, dâng hiến cho cuộc đời một cách chân thành, lặng lẽ.  - Bài thơ bắt đầu bằng cảm xúc thiết tha, ngây ngất của tác giả trước vẻ đẹp đầy sức sống của mùa xuân thiên nhiên.  - Tiếp đó là cảm xúc tự hào trước mùa xuân của đất nước, cách mạng  - Từ cảm xúc, mạch thơ chuyển sang biểu hiện suy nghĩ và ước nguyện của nhà thơ được nhập vào bản hòa ca của cuộc đời “một nốt trầm xao xuyến” của riêng mình; nguyện làm một mùa xuân nho nhỏ góp vào mùa xuân lớn của đất nước, dân tộc  - Bài thơ kết thúc bằng sự trở về với những cảm xúc thiết tha, tự hào về quê hương, đất nước qua làn điệu dân ca xứ Huế.  **6. Hướng dẫn đọc:** giọng trong sáng, thiết tha  **7.Ý nghĩa nhan đề:**  - «Mùa xuân» danh từ - một khái niệm thời gian, kết hợp với « nho nhỏ » tính từ, là một từ láy  **- Đây là một ẩn dụ, một sáng tạo độc đáo, một phát hiện mới mẻ của nhà thơ**  + « Mùa xuân nho nhỏ » là biểu tượng cho những gì tinh túy, đẹp đẽ nhất của sự sống và cuộc đời mỗi con người.  + Nhan đề này thể hiện quan điểm về sự thống nhất giữa cái riêng và cái chung, giữa cá nhân và cộng đồng.  + “Mùa xuân nho nhỏ” là ẩn dụ cho lẽ sống cao đẹp của nhà thơ, muốn dâng hiến những gì đẹp nhất của đời mình để góp phần làm nên mùa xuân lớn của dân tộc; ước nguyện cống hiến rất lặng lẽ, khiêm nhường.  - Tác giả nguyện làm một mùa xuân, nghĩa là sống đẹp, sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình nhưng rất khiêm nhường là một mùa xuân nhỏ góp vào mùa xuân lớn của đất nước, của cuộc đời chung. | |
| **8.Nội dung:**  - Bài thơ là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời  - Thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước, góp một “mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc.  **10.Nghệ thuật:**  - Thể thơ năm chữ  - Nhạc điệu trong sáng, tha thiết, gần gũi với dân ca  - Nhiều hình ảnh đẹp, giản dị, gợi cảm  - Những so sánh và ẩn dụ sáng tạo | |

***Mùa xuân nho nhỏ***

***Thanh Hải***

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Thanh Hải (1930-1980) tên khai sinh là Phạm bá Ngoãn, quê ở huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.  - Ông hoạt động văn nghệ từ cuối những năm kháng chiến chống Pháp. Trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, Thanh Hải ở lại quê hương hoạt động và là một trong những cây bút có công xây dựng nền văn học Cách mạng ở miền Nam từ những ngày đầu.  - Phong cách sáng tác : ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhạc điệu, cảm xúc chân thành, đằm thắm… |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Hoàn cảnh lịch sử: Năm 1980, đất nước lúc này đã hoàn toàn thống nhất, non sông thu về một mối, cả đất nước sục sôi khí thế xây dựng cuộc sống mới.  - Bài thơ được viết vào tháng 11/1980, không bao lâu trước khi nhà thơ qua đời, thể hiện niềm yêu mến cuộc sống đất nước thiết tha và ước nguyện của tác giả. |
| ***Xuất xứ*** | - Bài thơ được in trong tập “Thơ Việt Nam” (1945 1985). |
| ***Thể loại*** | Thơ 5 chữ |
| ***Mạch cảm xúc và bố cục*** | \* **Mạch cảm xúc**: được khơi nguồn, nảy nở từ sức sống, vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, mở rộng ra với mùa xuân đất nước, cách mạng. Cảm xúc lắng đọng dần vào suy tư và ước nguyện: nhà thơ muốn nhập vào bản hoà ca vĩ đại của cuộc đời bằng một nốt trầm xao xuyến của riêng mình, góp vào mùa xuân chung lớn lao “*một mùa xuân nho nhỏ*”. Bài thơ khép lại với những cảm xúc thiết tha, tự hào về quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế.  \* **Bố cục**: Gồm 4 phần:  - Khổ 1: Cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên, đất trời  - Khổ 2+3: Cảm xúc về mùa xuân của đất nước  - Khổ 4+5: Suy nghĩ và ước nguyện của tác giả trước mùa xuân đất nước.  - Khổ cuối: Lời ngợi ca quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | - Tính từ «  nho nhỏ » ở nhan đề bài thơ đã cụ thể hóa, hữu hình hóa mùa xuân và mang đến những lớp nghĩa khác nhau :  + Lớp nghĩa thực : gợi về mùa xuân của đát trời, của thiên nhiên, vũ trụ.  + Là hình ảnh ẩn dụ độc đáo thể hiện khát vọng, lí tưởng muốn cống hiến tất cả những gì đẹp đẽ nhất, tinh túy nhất cho cuộc đời, quê hương, đất nước của nhà thơ. |
| ***Chủ đề*** | Niềm say mê trước mùa xuân thiên nhiên tươi đẹp, đồng thời thể hiện khát vọng được công hiến hết mình để làm đẹp cho mùa xuân của đất nước của tác giả. |
| ***Giá trị nội dung*** | Bài thơ là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời, thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước, góp một “mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Bài thơ theo thể năm tiếng, có nhạc điệu trong sáng, tha thiết, gần gũi với dân ca, nhiều hình ảnh đẹp, giản dị gợi cảm, so sánh ẩn dụ và sáng tạo. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Luận điểm 1: Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân thiên nhiên**

Bài thơ mở ra một khung cảnh thiên nhiên trong trẻo và tràn đầy sức sống của mùa xuân:

"Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Ơi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời "

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Sử dụng nghệ thuật đảo ngữ: | - Đảo động từ " mọc" lên đầu câu thơ để tô đậm sức sống mạnh mẽ đến bất ngờ của một bông hoa trên dòng sông xanh.  - Gợi liên tưởng về một bông hoa đang từ từ vươn lên trên mặt nước tràn đầy sức xuân và sắc xuân. |
| Bức tranh xuân xứ Huế được chấm phá bằng hình ảnh chọn lọc và giàu sức gợi: " Dòng sông xanh", "hoa tím biếc", "chim chiền chiện". | - Đó là những hình ảnh, tín hiệu đặc trưng của mùa xuân xứ Huế.  - Gợi lên không gian mênh mông sóng nước và một bầu trời cao rộng, trong veo. |
| Sử dụng những gam màu tươi tắn "xanh, tím". | Gợi bức tranh thiên nhiên mùa xuân hài hòa, tươi sáng |
| Các từ cảm thán "ơi" , "chi" “mà” | gợi lên một chất giọng ngọt ngào, thân thương, gần gũi. |
| Hình ảnh "giọt long lanh rơi" thật giàu sức gợi : | - Đó có thể là giọt mưa mùa xuân, giọt sương buổi sớm long lanh trong ánh sáng.  - Trong mối quan hệ với câu thơ trước, tiếng hót của con chim chiền chiện vang vọng nhưng không tan biến trong không gian mà đọng lại thành từng giọt trong vắt, "long lanh". Như một thứ quà tặng của thiên nhiên xứ Huế, thi nhân đã vội vàng đưa đôi bàn tay để hứng lấy. Tiếng chim từ chỗ được cảm nhận bằng thính giác chuyển thành thị giác rồi xúc giác. Đó chính là nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác được Thanh Hải sử dụng một cách tài tình. |
| Đại từ "tôi" được điệp hai lần và đi liền với hành động " hứng " | cho thấy thái độ trân trọng của thi nhân trước vẻ đẹp của thiên nhiên. Đồng thời, gợi sự tận hưởng, chiếm lĩnh và giao hòa với mùa xuân. |
| => Chỉ với vài nét vẽ , đang xem một chút chất nhạc, Thanh Hải đã phác họa được một bức tranh có cái hồn mùa xuân xứ Huế . Nó đủ đầy cả màu sắc, hình ảnh, âm thanh. Từ đó, bộc lộ được niềm say xưa, ngây ngất của tác giả trước thiên nhiên đất trời mùa xuân. | | |

**2. Luận điểm 2:** **Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân đất nước**

Từ vẻ đẹp của mùa xuân quê hương, Thanh Hải đã mở rộng để khám phá, ngợi ca vẻ đẹp của mùa xuân đất nước:

"Mùa xuân người cầm súng

Lộc giắt đầy trên lưng

Mùa xuân người ra đồng

Lộc trải dài nương mạ

Tất cả như hối hả

Tất cả như xôn xao…"

***a) Nhà thơ cảm nhận mùa xuân đất nước qua hình ảnh "người cầm súng" và "người ra đồng" : Biểu trưng cho hai nhiệm vụ chiến lược quan trọng của đất nước ta là cùng chiến đấu ở tiền tuyến và lao động xây dựng hậu phương vững chắc.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Hình ảnh "người cầm súng" đi liền với hình ảnh" lộc giắt đầy trên lưng" | gợi liên tưởng đến vòng lá ngụy trang của người chiến sĩ đang nảy những chồi non, lộc biếc cùng các anh ra trận để bảo vệ tổ quốc. |
| Hình ảnh "người ra đồng" đi liền với hình ảnh "lộc trải dài nương mạ" | gợi liên tưởng đến những cánh đồng màu mỡ, xanh tươi của những bàn tay khéo léo gieo trồng. |
| Điệp từ "mùa xuân", "lộc": | - Gợi quang cảnh mùa xuân tươi đẹp đang vươn những chồi non lộc non.  - Gợi thành quả trong công cuộc dựng xây và bảo vệ đất nước. |
| Điệp từ "tất cả" đi liền với những từ láy "hối hả" , "xôn xao" | làm cho nhịp thơ trở nên nhanh gấp, gợi một nhịp sống sôi động, hối hả, khẩn trương trong nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ đất nước. |

***b) Trước mùa xuân của đất nước,nhà thơ đã bày tỏ niềm tự hào và niềm tin vào tương lai tươi sáng:***

" Đất nước bốn ngàn năm

Vất vả và gian lao

Đất nước như vì sao

Cứ đi lên phía trước"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Hệ thống tính từ " vất vả" , "gian lao" | đã giúp tác giả đúc kết chặng đường 4000 năm dựng nước và giữ nước với biết bao thăng trầm, thử thách. Trong suốt chiều dài lịch sử ấy, đất nước ta đã trải qua biết bao đau thương và mất mát, xong đã khẳng định được sức mạnh, ý chí và bản lĩnh của dân tộc mình. |
| Hình ảnh so sánh " đất nước như vì sao" gợi lên những liên tưởng và ý nghĩa thật sâu sắc: | - Gợi liên tưởng đến nguồn sáng lấp lánh, tồn tại vĩnh hằng trong không gian và thời gian.  - Gợi ý nghĩa về dân tộc Việt Nam ta trong suốt chiều dài lịch sử,từ trong đêm tối nô lệ đã phá tan xiềng xích, thoát khỏi phong kiến, thực dân để tỏa sáng.  - Gợi niềm tin của tác giả vào một tương lai tươi sáng, rộng mở với khí thế đi lên mạnh mẽ không gì cản nổi. |
| Điệp từ "đất nước" cộng với cấu trúc song hành " đất nước bốn ngàn năm… đất nước như vì sao…" | diễn tả sự vận động đi lên của lịch sử và khẳng định sự trường tồn vĩnh cửu của đất nước. |
| Cụm từ "cứ đi lên" | thể hiện ý chí, lòng quyết tâm và niềm tin sắt đá của nhà thơ và cả dân tộc về tương lai tươi sáng của đất nước. |
| => Giọng thơ vừa tha thiết sôi nổi,vừa trang trọng đã gói trọn niềm yêu mến tự hào, tin tưởng của nhà thơ vào đất nước. | | |

**3. Luận điểm 3: Khát vọng và lí tưởng sống cao đẹp của nhà thơ**

***a) Từ những cảm xúc vui mừng, say sưa, ngây ngất trước vẻ đẹp của thiên nhiên đất trời xứ Huế vào xuân, vào tương lai tươi sáng của đất nước, Thanh Hải đã có những lời ước nguyện thật thiết tha, cảm động:***

" Ta làm con chim hót

Ta là một cành hoa

Ta nhập vào hòa ca

Một nốt trầm xao xuyến"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Đại từ "ta" | bộc lộ một cách trực tiếp tâm niệm của thi nhân. |
| Điệp cấu trúc ngữ pháp " Ta làm... Ta nhập…" được đặt ở vị trí đầu của ba câu thơ | đã khiến cho nhịp điệu thơ trở nên nhẹ nhàng, khiến cho câu thơ như một lời thủ thỉ tâm tình về ước nguyện hóa thân, hiến dâng cho quê hương, đất nước của nhà thơ. |
| Hệ thống hình ảnh " con chim hót" , "cành hoa" , "nốt trầm xao xuyến" là những hình ảnh giản dị nhưng cũng thật hàm xúc: | - Con chim cất cao tiếng hót để làm vui cho đời; cành hoa điểm sắc để tắm cho mùa xuân, một nốt trầm trong muôn nốt nhạc của bản hòa ca muôn điệu. Đó là những hình ảnh hết sức giản dị,nhỏ bé xong đã cho thấy ước nguyện khiêm nhường mà cao quý của thi nhân.  - Những hình ảnh này có sự đối ứng chặt chẽ với những hình ảnh mở đầu của bài thơ để khẳng định một lẽ tự nhiên, tất yếu: con chim sinh ra là để dâng tiếng hót cho đời; bông hoa sinh ra là để tỏa hương sắc; bản hòa ca tưng bừng, rộn rã xong không thể thiếu nốt trầm.  -> Gợi liên tưởng đến mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, giữa con người và đất nước. |
| => Cống hiến cho đời,cho đất nước là một lẽ sống tốt đẹp mà Thanh Hải luôn theo đuổi. | | |

***b) Từ cái khát vọng sống cao quý, tác giả đã nâng lên thành một lý tưởng sống cao cả:***

"Một mùa xuân nho nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời

Dù là tuổi hai mươi

Dù là khi tóc bạc "

Tác giả xin được làm một "mùa xuân nho nhỏ" để góp phần làm đẹp cho mùa xuân lớn của dân tộc. Đây chính là một hình ảnh ẩn dụ đặc sắc của nhà thơ Thanh Hải.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Từ láy "nho nhỏ": | - Thể hiện ước muốn, khát vọng khiêm tốn và giản dị của nhà thơ.  - Gợi về những gì đẹp đẽ và tinh túy nhất của cuộc đời con người để góp cho mùa xuân đất nước. |
| Tính từ " lặng lẽ" | đã cho thấy vẻ đẹp của một tâm hồn, lối sống và nhân cách. Mùa xuân của Thanh Hải không hề ồn ào, khoa trương, náo nhiệt mà lặng lẽ hiến dâng. Dâng cho đời là dâng một cách tự nguyện, không đòi hỏi sự đền đáp. Đó chính là lối sống, cống hiến đẹp đẽ, vô tư, trong sáng nhất mà con người cần hướng tới. |
| Điệp cấu trúc ngữ pháp " Dù là ... Dù là…" và hình ảnh tương phản "tuổi hai mươi" và "khi tóc bạc" | khiến cho lời thơ như một lời hứa, lời tự nhủ với mình.  Đồng thời, khẳng định sự tồn tại bền vững của những khát vọng sống, lý tưởng sống là cống hiến, hy sinh. |
| => Lời tổng kết của nhà thơ về cuộc đời mình, một cuộc đời thật đẹp xứng đáng để chúng ta suy ngẫm, học tập và noi theo. | |

***c) Bài thơ khép lại trong giai điệu ngọt ngào, êm dịu của làn điệu dân ca trữ tình xứ Huế :***

" Mùa xuân ta xin hát

Câu Nam ai, Nam bình

Nước non ngàn dặm mình

Nước non ngàn dặm tình

Nhịp phách tiền đất Huế "

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| "Khúc Nam ai" | là khúc nhạc buồn thương, da diết để gợi con đường đầy hy sinh, gian khổ mà đất nước đã đi qua. |
| " Khúc Nam bình" | là khúc nhạc êm ái , dịu ngọt để gợi mùa xuân hiện tại với cuộc sống thanh bình, no ấm. |
| "Nhịp phách tiền" | là điệu nhạc rộn ràng để khép lại bài thơ, đó là giai điệu của cuộc sống mới, sức Sống mới của dân tộc. |
| => Tình yêu đời, yêu cuộc sống trỗi dậy thật mãnh liệt, trở thành khúc hát tâm tình trong những dòng thơ cuối. Khúc hát đó thật cảm động, cao quý và đáng trân trọng biết bao. | |

**\* Đánh giá:**

Với việc sử dụng thể thơ năm chữ, cách gieo vần liền giữa các khổ thơ đã tạo ra sự liền mạch của cảm xúc; ngôn ngữ và hình ảnh thơ giản dị, trong sáng, giàu sức gợi.

Tác giả đã tái hiện thành công vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, mùa xuân đất nước. Qua đó bày tỏ lẽ sống cao đẹp, là sẵn sàng dâng hiến cuộc đời mình cho đất nước.

**C. LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU :**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

Trong bài thơ Mùa xuân nho nhỏ, nhà thơ bắt đầu bằng câu:

*Mọc giữa dòng sông xanh*

**Câu 1:** Chép chính xác 5 câu để hoàn thiện đoạn thơ.

**Câu 2:** Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ, trong hoàn cảnh đó có ý nghĩa thế nào đối với việc bày tỏ cảm xúc của nhà thơ?

**Câu 3:** Nêu ý nghĩa nhan đề bài thơ, từ đó liên hệ tới mối quan hệ với tác phẩm.

**Câu 4:** Đoạn thơ vừa chép sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Em hãy nêu tác dụng của biện pháp ấy.

**Câu 5:** Viết đoạn văn quy nạp từ 10 -> 12 câu với chủ đề: Khổ đầu bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” đã vẽ nên một bức tranh thiên nhiên tươi đẹp và tràn đầy sức sống.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:**  HS chép để hoàn thiện khổ thơ:

*Mọc giữa dòng sông xanh*

*Một bông hoa tím biếc*

*Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời*

*Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng*

**Câu 2:**

Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ viết vào tháng 11/1980, không bao lâu sau trước khi nhà thơ qua đời, thể hiện được niềm yêu mến cuộc sống, yêu nước thiết tha và ước nguyện của tác giả.

Từ tình yêu cuộc sống, yêu cuộc đời, thiên nhiên được khơi nguồn, nảy nở từ sức sống, vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, mở rộng ra với mùa xuân đất nước, cách mạng. Cảm xúc lắng đọng dần vào suy tư và ước nguyện: nhà thơ muốn nhập vào bản hòa ca vĩ đại của cuộc đời bằng một nốt trầm xao xuyến của riêng mình, góp vào mùa xuân chung lớn lao “mùa xuân nho nhỏ”. Bài thơ khép lại những cảm xúc thiết tha, tự hào về quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế.

**Câu 3:**

    - Mùa xuân nho nhỏ là một sáng tác độc đáo, một phát hiện mới mẻ của nhà thơ.

    - Hình ảnh “mùa xuân nho nhỏ” là biểu tượng cho những gì tinh túy, đẹp đẽ nhất của sự sống và cuộc đời mỗi con người.

    - Sự hòa quyện giữa cái chung và cái riêng, giữa mối quan hệ cá nhân và cộng đồng.

    - Bài thơ thể hiện nguyện ước của nhà thơ, muốn làm một mùa xuân, nghĩa là sống đẹp sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình rất khiêm nhường. Mong ước nhỏ nhoi, giản dị được cống hiến cho cuộc đời, cho đất nước. Đó là chủ đề mà bài thơ mà nhà thơ muốn gửi gắm.

**Câu 4:**

- Đảo trất tự cú pháp: đưa từ “ mọc” lên đầu câu-> nhấn mạnh sức sống của bông hoa

- Biện pháp ẩn dụ chuyển đổi cảm giác:

+ Giọt long lanh là những giọt mưa xuân, giọt mưa xuân, trong sáng, rơi xuống từng nhành cây, kẽ lá.

+ Tiếng chim từ chỗ là âm thanh (cảm nhận bằng thính giác) chuyển thành “từng giọt” (hình và khối, cảm nhận bằng thị giác), từng giọt long lanh ánh sáng và màu sắc có thể bằng xúc giác (tôi đưa tay tôi hứng).

→ Câu thơ gợi ra niềm cảm xúc say mê, ngây ngất của tác của tác giả trước cảnh trời đất xứ Huế vào mùa xuân, thể hiện mong muốn hòa nhập thiên nhiên, đất trời trong tâm tưởng giữa mùa đông lạnh giá khiến ta vô cùng khâm phục.

**Câu 5:**

- Yêu cầu hình thức: Viết đoạn văn quy nạp tức là câu chủ đề phải đưa xuống cuối đoạn văn (chú ý có từ liên kết: Quả thật, có thể nói…).  
- Yêu cầu nội dung: Đoạn thơ cần bám sát những ý sau:

+ Vài nét phác hoạ của tác giả về mùa xuân: dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, tiếng chim chiền chiện hót vang trời.  
+ Không gian cao rộng (với dòng sông, với mặt đất, bầu trời bao la), cả sắc màu tươi thắm của mùa xuân (sông xanh, hoa tím biếc – màu tím đặc trưng của xứ Huế), cả âm thanh vang vọng, tươi vui của chim chiền chiện hót vang trời.  
+ Cảm xúc say sưa, ngây ngất của nhà thơ: được diễn tả ở chi tiết rất tạo hình: “Từng giọt long lanh rơi. Tôi đưa tay tôi hứng”.  
***\* Đoạn văn tham khảo:***

(1) Bức tranh thiên nhiên mở đầu bằng không gian tháng đãng, yên ả, thơ mộng.

(2) Đó là không gian của một dòng sông xanh.

(3) Dòng sông ấy gợi nhắc đến sông Hương thơ mộng của Xứ Huế và không gian của mùa xuân không ngừng được mở rộng với tiếng hót vang trời của con chim chiền chiện.

(4) Chiền chiện vốn là loài chim báo tin xuân, hình ảnh của nó xuất hiện trong khổ thơ khiến người đọc có cảm giác không gian như được trải đầy một sắc xuân.

(5) Thanh Hải lựa chọn màu sắc trẻ trung, tươi tắn và căng tràn sức sống cho bức tranh mùa xuân của mình.

(6) Đó là màu xanh của dòng sông hoà lẫn màu xanh của bầu trời.

(7) Là một màu tím biếc đến nao lòng của xứ Huế.

(8) Nhưng bức tranh này không chỉ có hình ảnh, màu sắc mà còn có cả âm thanh.

(9) Chỉ có điều ở đây tiếng chim hót như trở nên cụ thể, hữu hình, thành hình khối long lanh náo nức để có thể đưa tay ra mà hứng, mà nâng niu.

(10) *Quả thật, Thanh Hải với lòng yêu thiên nhiên say đắm đã thể hiện mọi bức tranh thiên nhiên tươi đẹp, tràn đầy sức sống.*

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

**Cho đoạn thơ:**

*Mùa xuân người cầm súng*

*Lộc giắt đầy trên lưng*

*Mùa xuân người ra đồng*

*Lộc trải dài nương mạ*

*Tất cả như hối hả*

*Tất cả như xôn xao...*

*(Thanh Hải - Mùa xuân nho nhỏ - Ngữ văn 9, tập hai)*

**Câu 1:** Từ “lộc” trong bài được sử dụng với nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Hãy giải thích tại sao tác giả lại miêu tả người lính là “lộc dắt đầy trên lưng”?

**Câu 2:** Phân tích để làm rõ giá trị của các điệp ngữ trong đoạn thơ trên.

**Câu 3:** Em hãy viết đoạn văn khoảng 8-10 câu theo phương thức diễn dịch để làm rõ vẻ đẹp của mùa xuân đất nước và cảm xúc của nhà thơ trước vẻ đẹp ấy. Đoạn thơ có sử dụng phép thế và câu chứa thành phần phụ chú ngữ.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:**

Từ “lộc” là sự sáng tạo độc đáo của tác giả:

    + Lộc của “người ra đồng”: nói về những người lao động, những người ươm mầm cho sự sống, ươm màm non trên những cách đồng quê hương. Từ “lộc” cho ta liên tưởng tới những cánh đồng mênh mông với những chồi non nhú lên xanh biếc từ những hạt thóc giống mùa xuân. Từ “lộc” còn mang sức sống, sức mạnh của con người. Có thể nói chính con người tạo nên sức sống mùa xuân thiên nhiên đất nước.

    + “Mùa xuân người cầm súng. Lộc giắt đầy trên lưng”: liên tưởng đến những người chiến sĩ, những người cầm súng khi ra trận trên vai trên lưng có cành lá ngụy trang. Những cành lá ấy mang lộc biếc, chồi non, mang theo cả mùa xuân của thiên nhiên, cây cỏ. Từ “lộc” làm cho người ta thấy tràn ngập niềm tin, hy vọng đã tiếp thêm sức mạnh ý chí để họ vươn xa ra, bảo vệ đất nước.

→ Con người chính là nhân tố quyết định tạo ra, thúc đẩy sự phát triển của xã hội, đất nước. Hình ảnh “lộc” xuân tràn theo người ra đồng là đẹp ý thơ với cuộc sống lao động và chiến đấu. Xây dựng và bảo vệ, là hai nhiệm vụ không thể tách rời, họ đem mùa xuân mọi nơi trên đất nước.

**Câu 2:**

- Chỉ rõ những điệp ngữ trong đoạn: *mùa xuân, lộc, tất cả*.

- Vị trí của điệp ngữ: đầu câu thơ.

- Cách điệp: nối liền và cách nhau.

- Tác dụng: tạo nhịp điệu cho câu thơ. Các điệp ngữ tạo nên điểm nhấn cho câu thơ như nốt nhấn của bản nhạc, góp phần gợi không khí sôi nổi, khẩn trương, tấp nập của bức tranh đất nước vừa lao động, vừa chiến đấu.

**Câu 3:**

**a. Về hình thức**:

- Độ dài khoảng 12 câu .

- Bố cục đoạn văn theo cách diễn dịch.

- Không mắc lỗi về diễn đạt.

**b. Về nội dung, trình bày được những cảm nhận về đoạn thơ**:

- Suy ngẫm về mùa xuân của đất nước, dân tộc.

- Những khó khăn, gian khổ mà nhân dân ta đã vượt qua.

- Hình ảnh "người cầm súng" đi liền với hình ảnh" lộc giắt đầy trên lưng"

- Hình ảnh "người ra đồng" đi liền với hình ảnh "lộc trải dài nương mạ"

***Đoạn văn tham khảo:***

(1) ***Trước cảm hứng bất tận về mùa xuân tự nhiên đất trời, tác giả suy ngẫm về mùa xuân của đất nước, dân tộc:***

*Mùa xuân người cầm súng*

*...*

*Tất cả như xôn xao*

*(Thanh Hải - Mùa xuân nho nhỏ - Ngữ văn 9, tập hai)*

(2) Tác giả dùng hai tính từ đặc tả đúng những khó khăn, gian khổ mà nhân dân ta đã vượt qua:

*Đất nước bốn nghìn năm*

*Vất vả và gian lao*

(3) Sự *“vất vả”* và *“gian lao”* ở đây nhà thơ muốn nói tới chính là quá trình nước ta đi vượt qua khó khăn, thử thách để *“cứ đi lên phía trước”*.

(4) Hình ảnh lộc tràn ngập khắp khổ thơ cũng chính là sáng tạo nghệ thuật của Thanh Hải khi nói về những lực lượng nòng cốt, chủ đạo giúp đất nước phát triển, vững bền.

(5) Hình ảnh *“lộc”* của người cầm súng khiến ta liên tưởng tới cành lá ngụy trang cũng như tương lai, sức sống và khát vọng thanh bình về quốc gia độc lập.

(6) Hình ảnh *“lộc”* của người ra đồng là hình ảnh những chồi non, mầm sống từ những cánh đồng quê hương.

(7) Từ *“lộc”* mang sức sống, niềm hy vọng ngày mai ấm no hơn, hạnh phúc hơn.

(8) Nhà thơ tin tưởng, tự hào vào tương lai tươi sáng của đất nước dù trước mắt còn nhiều gian nan, thử thách.

- Phép thế: Tác giả- nhà thơ- Thanh Hải

- Thành phần phụ chú: (Thanh Hải - Mùa xuân nho nhỏ - Ngữ văn 9, tập hai)

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

**Cho hai câu thơ:**

*Đất nước*

*Bốn ngàn năm không nghỉ*

(Chúng con chiến đấu cho con người sống mãi Việt Nam ơi, Nam Hà)

**Câu 1:** Những câu thơ trên gợi cho em liên tưởng tới khổ thơ nào đã học trong bài "Mùa xuân nho nhỏ" của Thanh Hải( chép khổ thơ đó)?

**Câu 2:** Em hãy chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ em vừa chép? Biện pháp tu từ đó đã cho em cảm nhận gì về ý nghĩa khổ thơ đó?

**Câu 3:** Viết đoạn văn khoảng nêu cảm nhận của em về hình ảnh đất nước trong khổ thơ vừa chép.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:**

Những câu thơ trên cho em liên tưởng tới khổ thơ:

*Đất nước bốn nghìn năm*

*Vất vả và gian lao*

*Đất nước như vì sao*

*Cứ đi lên phía trước*

Nhà thơ tin tưởng, tự hào về tương lai đất nước, cho dù trước mắt nhiều khó khăn, gian lao. Và đất nước được hình dung bởi hình ảnh so sánh đẹp và ý nghĩa.

**Câu 2:**

- HS chỉ ra được trong khổ thơ tác giả sử dụng các biện pháp nghệ thuật nhân hóa và so sánh, điệp từ

- Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật:

+ Phép nhân hóa: đất nước vất vả gian lao -> hình ảnh đất nước trở nên gần gũi, mang vóc dáng của người mẹ, người chị tần tảo, cần cù.

+ Phép so sánh đất nước với “ vì sao cứ đi lên phía trước”, nhà thơ đã sáng tạo hình ảnh đất nước rất khiêm nhường nhưng cũng rất tráng lệ. Là 1 vì sao nhưng ở vị trí đi lên trước dẫn đầu. Đó cũng là hình ảnh của cách mạng VN, của đất nước trong lịch sử.

+ Điệp từ : đất nước cùng các biện pháp tu từ trên góp phần làm nổi bật và gợi ấn tượng về hình ảnh đất nước với niềm yêu mến, tự hào của tác giả

**Câu 3:**

***\* Đoạn văn tham khảo:***

Hình ảnh đất nước được thể hiện ngắn gọn qua khổ thơ:

*“Đất nước bốn ngàn năm*

*....*

*Cứ đi lên phía trước”*

Chặng đường phát triển của đất nước gắn chặt với việc đấu tranh chống lại thế lực ngoại xâm, vì vậy tác giả sử dụng từ “vất vả” để nói tới quá trình sống, chiến đấu và làm việc. Tác giả sử dụng hình ảnh so sánh gợi liên tưởng đẹp đẽ về hình hài của đất nước. So sánh đất nước với vì sao là sự trân trọng, ngợi ca sức sống, sự trường tồn bền bỉ của đất nước. Nhà thơ tin tưởng vào sự trường tồn và phát triển của đất nước cho dù quá khứ, hiện tại đất nước luôn gặp khó khăn.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:**

**Cho đoạn thơ:**

*Ta làm con chim hót*

*Ta làm một cành hoa*

*Ta nhập vào hòa ca*

*Một nốt trầm xao xuyến*

*Một mùa xuân nho nhỏ*

*Lặng lẽ dâng cho đời*

*Dù là tuổi hai mươi*

*Dù là khi tóc bạc*

( Trích "Mùa xuân nho nhỏ" – Thanh Hải)

**Câu 1:** Nhan đề "Mùa xuân nho nhỏ" được cấu tạo bởi những từ loại nào? Việc kết hợp như vậy thể hiện nguyện vọng nào của tác giả?

**Câu 2:** Nốt nhạc trong bài thơ thể hiện nét gì? Điều đó góp phần gì vào việc thể hiện nguyện ước của tác giả?

**Câu 3:** Phát hiện và phân tích giá trị của biện pháp tu từ trong hai khổ thơ trên.

**Câu 4:** Hãy nêu ý nghĩa và nhận xét sự lặp lại, biến đổi của những chi tiết, hình ảnh, đại từ trong khổ thơ đầu và khổ thơ thứ tư.

**Câu 5:** Hãy viết đoạn văn khoảng 8-10 câu theo cách lập luận tổng - phân - hợp làm rõ tâm niệm của nhà thơ. Đoạn văn có sử dụng thành phần phụ chú.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:**

*"Mùa xuân nho nhỏ"* có cấu tạo danh từ (mùa xuân) kết hợp với tính từ (nho nhỏ) tạo ra sự hòa kết độc đáo mang ẩn dụ sáng tạo, giàu ý nghĩa góp phần thể hiện nội dung tư tưởng của tác phẩm, cùng ước nguyện chân thành của nhà thơ Thanh Hải dành cho cuộc đời.

    + Mùa xuân: mang nghĩa thực, chỉ mùa khởi đầu của năm, đây là mùa của sự sinh sôi, phát triển.

    + Mùa xuân còn mang ý nghĩa ẩn dụ khi chỉ những thứ đẹp, tinh túy nhất của sự sống và cuộc đời mỗi người, mùa xuân còn tượng trưng cho tuổi trẻ, trí tuệ và sức trẻ nhiệt huyết.

    + Từ láy nho nhỏ thể hiện sự giản dị, khiêm nhường.

→ Đặt nhan đề tác phẩm là "Mùa xuân nho nhỏ", tác giả muốn thể hiện sự khiêm nhường, chân thành trong nguyện ước giản dị và tha thiết được cống hiến sức của mình vào những điều tốt đẹp của đất nước. Nhan đề cũng thể hiện sự hòa quyện cái chung và cái riêng, giữa cá nhân với cộng đồng.

**Câu 2:**

*“Một nốt trầm”* chính là sự khiêm nhường, lặng lẽ của tác giả giữa bản đàn muôn điệu của cuộc sống. Nốt trầm để nâng đỡ các nốt nhạc khác thăng hoa hơn, ở đây tác giả rất tinh tế khi kết hợp nốt trầm lắng với tính từ *“xao xuyến”*. Như vậy, chính nốt trầm tạo dấu ấn, gây được những xao động đẹp đẽ trong lòng người đọc. Nguyện ước chân thành, nhỏ bé của nhà thơ được hóa thân thành những điều đẹp đẽ như nốt trầm xao xuyến kia, luôn có mặt, hiện hữu trong bản đàn muôn bậc của sự sống.

**Câu 3:**

Các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ:

*Ta làm con chim hót*

*....*

*Dù là khi tóc bạc*

    - Biện pháp điệp ngữ: *“ta làm”* diễn tả khát vọng muốn được làm những việc hữu ích dâng hiến cho cuộc đời được bày tỏ qua những hình ảnh tự nhiên, giản dị: chim, nhành hoa, nốt trầm.

       + Điệp từ *“ta”* như một lời khẳng định, đó không chỉ là ước nguyện của nhà thơ mà còn là ước nguyện chung của rất nhiều người.

       + Biện pháp đảo ngữ trong câu thơ *“lặng lẽ dâng cho đời”*: nhấn mạnh vào trạng thái thầm lặng khi cống hiến, khát vọng được hóa thân một cách lặng lẽ, khiêm nhường.

       + Điệp ngữ *“dù là”* nhấn mạnh vào sự tha thiết cũng như sức cống hiến không ngừng nghỉ, có thể nói đây là sự tận hiến của người khát khao sống có ích cho đời dù là khi trẻ hay già.

       + Mùa xuân nho nhỏ: biện pháp ẩn dụ đầy sáng tạo thể hiện thiết tha và cảm động ước mong được cống hiến, sống đẹp và có ích với cuộc đời chung.

**Câu 4:**

Hình ảnh con chim và hình ảnh bông hoa được lặp lại trong hai khổ thơ: khổ đầu và khổ thơ thứ tư.

       + Ở khổ thơ đầu, hình ảnh được miêu tả cụ thể gợi cảm mang ý nghĩa diễn tả sự tươi đẹp của cuộc sống.

       + Sự lặp lại chi tiết bông hoa và con chim hót làm cho hai chi tiết này trở thành biểu tượng của mùa xuân và từ đó xuất hiện hình ảnh “mùa xuân nho nhỏ” ở khổ thơ thứ năm rất tự nhiên.

    - Ở đầu đoạn thơ xưng hô đại từ “tôi” nhưng đến khổ thứ tư chuyển thành đại từ “Ta” diễn tả điều tâm niệm của tác giả là khát vọng chung của nhiều người, nhiều lứa tuổi.

       + Tiếng lòng của nhà thơ gặp và giao hòa với tiếng lòng của nhiều người vì vậy tác giả sử dụng tiếng nói chung “ta”.

**Câu 5:**

***\* Đoạn văn tham khảo:***

*(1) "Mùa xuân nho nhỏ" là bài ca đẹp đẽ và sâu lắng về ước nguyện cống hiến chân thành của nhà thơ muốn được sống đẹp, sống có ích với cuộc đời chung.*

(2) Khao khát đó cháy bỏng, tự nhiên và thuần phác khi nhà thơ lựa chọn những hình ảnh của tự nhiên giản dị để diễn tả:

*Ta làm con chim hót*

*Ta làm một nhành hoa*

*Ta nhập vào hòa ca*

*Một nốt trầm xao xuyến*

(3) Tác giả nguyện làm con chim, làm một cành hoa dâng hương thơm, tiếng hót làm đẹp cho đời.

(4) Đặc biệt ước nguyện muốn hóa thành thành “một nốt trầm” hòa nhịp, nâng đỡ bản đàn muôn điệu của cuộc đời.

(5) Nếu như phần mở đầu, tác giả phác họa hình ảnh mùa xuân của tự nhiên bằng hình ảnh bông hoa và tiếng hót thì tới đoạn thơ này, hình ảnh đó được lặp lại như một sự đối ứng chặt chẽ, sự thống nhất trong tâm tưởng.

(6) Điệp từ “ta” một lần nữa khẳng định và nói thay ước nguyện mong muốn được cống hiến của rất nhiều người trong thời kì đất nước bước vào đổi mới.

(7) Nhưng trên hết, ước nguyện muốn được hóa thân của tác giả cháy bỏng và thật đẹp khi tác giả sử dụng từ “lặng lẽ” đây là cách nói khiêm tốn, chân thành mà giản dị lối sống cao đẹp.

*(8) Khổ thơ cho thấy khát vọng được cống hiến âm thầm, lặng lẽ của tác giả- người từng trải qua hai cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc, đã cống hiến và sống có ích cho tới cuối đời - Thanh Hải!*

- Thành phần phụ chú: *- người từng trải qua hai cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc, đã cống hiến và sống có ích cho tới cuối đời -*

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 5:**

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi :

*Đất nước bốn ngàn năm*

*Vất vả và gian lao*

*Đất nước như vì sao*

*Cứ đi lên phía trước.*

*Ta làm con chim hót*

*Ta làm một cành hoa*

*Ta nhập vào hoà ca*

*Một nốt trầm xao xuyến.*

( Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải )

**Câu 1:** Em hiểu như thế nào về nhan đề “ Mùa xuân nho nhỏ”

**Câu 2:** Xác định một biện pháp tu từ mà em thích nhất trong đoạn thơ trên và cho biết tác dụng của biện pháp tu từ đó?

**Câu 3:** Đoạn thơ gợi cho em suy nghĩ gì về ý nghĩa cuộc sống của mỗi con người?

**Câu 4:** Có bạn cho rằng, bài thơ là một lời giáo huấn đạo lí khô khan?Em có đồng tình với ý kiến đó không?Vì sao?

**Câu 5:** Viết một văn bản ngắn ( khoảng 1 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về một trong các bài học mà em rút ra được từ đoạn thơ trên?

***Hướng dẫn làm bài:***

**Câu 1:** Đây là một sáng tạo mới mẻ, độc đáo.

- Nhà thơ nguyện làm một mùa xuân nghĩa là sống đẹp với tất cả sức sống tươi trẻ nhưng rất khiêm nhường góp vào mùa xuân lớn của đất nước

**Câu 2:**  HS chọn , xác định đúng một phép tu từ : so sánh, điệp ngữ... Nêu tác dụng

Điệp cấu trúc ngữ pháp " Ta làm... Ta nhập…" được đặt ở vị trí đầu của ba câu thơ

đã khiến cho nhịp điệu thơ trở nên nhẹ nhàng, khiến cho câu thơ như một lời thủ thỉ tâm tình về ước nguyện hóa thân, hiến dâng cho quê hương, đất nước của nhà thơ.

**Câu 3:** Từ đoạn thơ HS nêu suy nghĩ:

- Cuộc sống mỗi con người nằm trong cuộc sống chung

- Muốn cuộc sống tốt đẹp, có ý nghĩa, mỗi người phải biết sống có ích, biết cống hiến...

**Câu 4:** HS tự bộc lộ suy nghĩ đúng đắn, hợp lí, phù hợp với nội dung

**Câu 5:**

\* **Yêu cầu về kĩ năng:**

- Đúng phương pháp kiểu bài nghị luận xã hội.

- Có bố cục và hệ thống ý tương đối rõ ràng .

- Biết vận dụng và phối hợp các thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh…).

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục . Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày rõ ràng.

- Dựng đoạn có sự liên kết khá tốt.

- Bài làm viết một đoạn văn

**\* Yêu cầu về kiến thức:**

- Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận: HS chọn một trong các vấn đề: tình yêu quê hương đất nước, khiêm nhường, lối sống đẹp.... Giải thích ngắn

- Học sinh nêu được những biểu hiện

- Lý giải tại sao? Giá trị, vai trò- kèm dẫn chứng.

- Mở rộng vấn đề

- Nêu phương hướng hành động của bản thân.

***Những ngôi sao xa xôi***

***Lê Minh Khuê***

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Lê Minh Khuê, sinh năm 1949, quê Tĩnh Gia – Thanh Hoá  - Là thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.  - Thuộc thế hệ nhà văn thời kỳ chống Mỹ, bắt đầu viết văn vào đầu những năm 70.  - Những sang tác của bà có sự chuyển biến rõ nét qua hai giai đoạn:  + Trước 75: Viết về cuộc sống, chiến đấu của TNXP, bộ đội trên đường Trường Sơn.  + Sáu 75: Viết về những chuyển biến đời sống XH và con người trên tinh thần đổi mới.  - Sở trường: Viết về truyện ngắn với ngòi bút miêu tả kinh tế, đặc sắc (đặc biệt là nhân vật nữ).  - Phong cách sáng tác: Truyện ngắn của Lê Minh Khuê thể hiện một ngòi bút dung dị, giàu nữ tính; một giọng điệu đa sắc thái: khi thì tự hào, ngợi ca; khi lại mỉa mai, châm biếm; lúc lại trữ tình, suy tư; ngôn ngữ mang màu sắc trong trẻo.  - Tác phẩm chính: Cao điểm màu hạ (1978); Đoàn kết (1980); Bi kịch nhỏ (1993); Một mình qua đường (tập truyện – 2006). |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Truyện “Những ngôi sao xa xôi” là một trong những tác phẩm đầu tay của nhà văn Lê Minh Khuê, viết năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc đang diễn ra ác liệt.  - Tác phẩm được đưa vào tuyển tập “ Nghệ thuật truyện ngắn thế giới” và xuất bản ở Mỹ. |
| ***Ý nghĩa nhan đề:*** | - *“Những ngôi sao xa xôi”* vừa mang ý nghĩa cụ thể, vừa gợi đến ý nghĩa tượng trưng:  + Nó gắn liền với hình dung, tưởng tượng của Phương Định về những ngọn đèn trên quảng trường thành phố và những ngọn đèn đó lung linh như những ngôi sao trong truyện cổ tích về xứ sở thần tiên chợt hiện lên trong cảm xúc của Phương Định.  + *“Những ngôi sao”* thường nhỏ bé, không dễ nhận ra, và ở lại ở một vị trí xa xôi, vì thế nó đòi hỏi phải khám phá, kiếm tìm mới phát hiện được vẻ đẹp sức cuốn hút của nó.  +*“Những ngôi sao”* gợi vẻ đẹp hồn nhiên, trong sang, mơ mộng và lãng mạn của những thiếu nữ Hà thành trẻ trung, xinh đẹp.  + *“Những ngôi sao xa xôi”* là ước mơ, khát vọng về một cuộc sống hòa bình giữa khoảnh khắc bàng hoàng của bom đạn, chiến tranh, dường như trở nên xa xôi.  + *“Những ngôi sao”* còn là biểu tượng cho vẻ đẹp sáng ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong tâm hồn của những nữ thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn nói riêng và chống Mỹ nói chung: lạc quan, yêu đời, dũng cảm, kiên cường.  *“Những ngôi sao xa xôi”* là một nhan đề đậm chất lãng mạn, đặc trưng cho văn học Việt Nam thời kỳ chống Mỹ cứu nước. |
| ***Bố cục***  3 phần | - Phần 1 (từ đầu cho đến “ngôi sao trên mũ”): Phương Định kể về cuộc sống của mình cùng các đồng đội trong tổ trinh sát mặt đường của cô.  - Phần 2 (tiếp đến “chị Thao bảo”): Nho bị thương trong một lần phá bom, Phương Định cùng chị Thao lo lắng và chăm sóc.  - Phần 3 (phần còn lại): Sau giờ phút hiểm nguy, hai chị em ngồi hát, niềm vui trước cơn mưa đá đột ngột. |
| ***Tóm tắt*** | - “***Những ngôi sao xa xôi***” là câu chuyện kể về ba nữ thanh niên xung phong: Phương Định, Nho, Thao - tổ trưởng, làm nhiệm vụ trinh sát mặt đường ở một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn. Nhiệm vụ của họ là quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá phải san lấp do bom địch gây ra, đánh dấu vị trí các quả bom chưa nổ và phá bom.  - Công việc của họ hết sức nguy hiểm. Đặc biệt, họ phải bình tĩnh đối mặt với thần chết trong mỗi lần phá bom - công việc diễn ra từ ba đến năm lần mỗi ngày.  - Họ ở trong một cái hang dưới chân cao điểm. Cuộc sống của ba cô gái dù là khắc nghiệt và nguy hiểm nhưng vẫn có những niềm vui hồn nhiên của tuổi trẻ, những giây phút thanh thản thơ mộng và đặc biệt họ gắn bó, yêu thương nhau trong tình đồng đội dù mỗi người cá tính.  - Phương Định - nhân vật kể chuyện và cũng là nhân v ật chính là một cô gái giàu cảm xúc, hay mơ mộng, hồn nhiên và luôn nhớ về những kỷ niệm với gia đình và thành phố của mình. Trong một lần phá bom, Nho bị thương, Phương Định và chị Thao đã hết lòng lo lắng chăm sóc. Một cơn mưa đá bất chợt đến trên điểm cao khiến các cô hết sức vui thích. |
| ***Chủ đề*** | Ca ngợi cuộc sống, chiến đấu của những nữ thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn thời chống Mĩ. |
| **Ngôi kể:** | Truyện kể về ngôi thứ nhất, người kể là Phương Định, nhân vật chính trong tác phẩm.  **Tác dụng**: Thuận lợi trong việc biểu hiện thế giới tâm hồn cảm xúc; suy nghĩ của nhân vật, đồng thời phù hợp với nội dung tác phẩm tăng tính chân thực cho câu chuyện. |
| ***Ý nghĩa nhan đề:*** | - Vừa mang nghĩa cụ thể, vừa mang nghĩa tượng trưng:  + Nhan đề gợi nhớ về những ngôi sao mà Phương Định đã từng nhớ lại, cô nhớ lại khoảng thời gian bình yên từng sống của gia đình, cô có tấm lòng luôn hướng về gia đình, về quê hương.  + Nhan đề còn gợi ước mơ, khát vọng về cuộc sống hòa bình.  + Đồng thời nhan đề còn muốn nói đến ba cô gái thanh niên xung phong trên đỉnh Trường Sơn là Nho, Phương Định và chị Thao. Ba người họ giống như những ngôi sao trên bầu trời rộng lớn, ở họ tỏa ra những vẻ đẹp lấp lánh và diệu kì riêng. |
| ***Giá trị nội dung*** | Truyện “***Những ngôi sao xa xôi***” của Lê Minh Khuê đã làm nổi bật tâm hồn trong sáng, mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. Đó chính là hình ảnh đẹp, tiêu biểu về thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Truyện sử dụng vai kể là nhân vật chính, có cách kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ sinh động, trẻ trung và đặc biệt thành công về nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật.  + Chọn ngôi kể thứ nhất, ngôn ngữ kể chuyện tự nhiên, trẻ trung đầy nữ tính, giàu tính khẩu ngữ.  + Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, chân thực, đời thường (tâm trạng dễ vui, dễ buồn, hay mơ mộng, hoài niệm của tuổi mới lớn; cảm giác sắc nhọn mỗi lần bên trái bom….); đặt nhân vật trong những tình huống đặc biệt, khám phá, phát hiện và miêu tả nhân vật qua những hành động, suy nghĩ,... |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Nhân vật Phương Định**

***a. Hoàn cảnh sống và chiến đấu của Phương Định:***

- Cũng như các cô gái thanh niên xung phong khác, Phương Định sống và chiến đấu trên một cao điểm giữa một vùng trọng điểm, nơi tập trung nhiều bom đạn nhất, sự nguy hiểm và ác liệt.

- Công việc: cùng đơn vị nữ thanh niên xung phong hằng ngày quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá cần san lấp do bom địch gây ra, đánh dấu những vị trí bom chưa nổ và phá bom. Mỗi ngày, có thể phải phá bom từ 3 đến 5 lần.

\* Như vậy, hằng ngày cuộc sống của Phương Định là phải đối diện với bom đạn và có thể hy sinh bất cứ lúc nào. Thế nhưng từ hoàn cảnh sống khắc nghiệt ấy, Phương Định vẫn thể hiện được những nét đẹp tâm hồn đáng quý.

***b. Vẻ đẹp tâm hồn Phương Định***

**\* Phương Định là cô gái Hà Thành trẻ trung, xinh đẹp, tâm hồn trong sáng:**

- Phương Định là cô gái có nét đẹp duyên dáng, yêu kiều: một cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn; hai bím tóc dài, mềm mại; đôi mắt dài dài, màu nâu, hay nheo lại như chói nắng, cái nhìn xa xăm... Vẻ đẹp của Phương Định đã hấp dẫn bao chàng trai, chính cô thừa nhận"Không hiểu sao các anh pháo thủ và lái xe hay hỏi thăm tôi…".

- Cách cư xử: ý nhị, kín đáo, kiêu kỳ của con gái Hà Thành, Phương Định nhạy cảm, biết mình được nhiều anh lính để ý nhưng cô chưa dành tình cảm cho ai,cô không săn sóc vồn vã như những cô gái khác.

- Vào chiến trường, sống ở nơi sự sống hủy diệt nhưng lúc nào Phương Định cũng giữ nguyên những nét đẹp trong sáng của những cô gái mới lớn:

+ Thích làm duyên, làm điệu ngay giữa cuộc sống chiến trường khốc liệt: thích ngắm mắt mình trong gương, thích ngồi bó gối mơ màng…

+ Thích hát, hay hát, tự bịa cả ra lời hát; hát trong mọi khoảnh khắc như chưa bao giờ nghe thấy bom rơi, đạn nổ. Tiếng hát của cô át tiếng bom , hát cả đau thương

gian khổ, hiểm nguy. Đó là biểu hiện của tinh thần lạc quan, yêu đời và niềm tin yêu cuộc sống.

+ Hồn nhiên, mơ mộng: Đêm đêm, cô nhìn lên những ngôi sao trên bầu trời, mơ về ngày mai hòa bình, thống nhất. Khi một trận đánh khốc liệt vừa đi qua,chỉ một cơn mưa đá bất chợt ập xuống nơi núi rừng Trường Sơn cũng khiến Phương Định quên hết cả mưa bom, bão đạn, quên cả căng thẳng, nguy hiểm; cô và đồng đội lại say sưa tận hưởng niềm vui như con trẻ, đưa cô sống lại tất cả những ký ức tươi đẹp thời thiếu nữ kiêu sa bên gia đình nơi thành phố mến thương.

***=> Nhận xét:*** Sống ở nơi thần chết luôn rình rập nhưng tâm hồn Phương Định không hề chai sạn. Chiến tranh,bom đạn kẻ thù có thể hủy diệt sự sống nhưng không bao giờ cướp đi được sự hồn nhiên, tinh thần lạc quan và sự trong sáng, tâm hồn trẻ trung của những cô gái trẻ như Phương Định.

**\* Phương Định là nữ thanh niên xung phong dũng cảm, can trường, tinh thần trách nhiệm cao.**

- Phương Định tiêu biểu cho tuổi trẻ Việt Nam hiến dâng cuộc đời mình cho Tổ quốc:

+ Phương Định cũng có thời học sinh hồn nhiên, trong sáng. Cô có những tháng năm sống yên bình, hạnh phúc cùng với mẹ trong một ngôi nhà nhỏ.

+ Nhưng khi Tổ quốc cần những người con ra trận, cô đã từng biệt Hà Thành trở thành thanh niên xung phong sống và chiến đấu tại một cao điểm ác liệt của mặt trận Trường Sơn.

+ Vào đây mới được ba năm , một khoảng thời gian không dài nhưng cũng đủ để cô quen với bom đạn chiến đấu và hy sinh.

+ Cô nói về công việc của mình:" việc của chúng tôi là ngồi đây. Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom" . Đó là những công việc hết sức nguy hiểm nhưng được cô nói gọn gàng, nhẹ như không, giản dị mà cũng thật anh hùng.

→ Công việc dù gian khổ và nguy hiểm, nhưng với Phương Định được sống và chiến đấu, hi sinh vì Tổ quốc, cô coi đó là trách nhiệm , nghĩa vụ là niềm hạnh phúc của tuổi trẻ khi được hiến dâng cuộc đời mình cho đất nước.

- Phương Định rất dũng cảm và có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc phá bom: Khí phách anh hùng và lòng dũng cảm của cô thể hiện rõ nhất khi cùng đồng đội đi phá bom. Trên tuyến đường Trường Sơn ác liệt, mỗi ngày địch trút bom từ ba đến năm lần. Phá bom là công việc thường xuyên của cô. Nhưng mỗi lần phá bom đều rất căng thẳng, từng cảm giác nhỏ nhất của Phương Định đã được nhà văn miêu tả hết sức tinh tế.

+ Khi đi đến bên quả bom: cô không đi khom "khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới". Khai thác chi tiết này nhà văn muốn ca ngợi tư thế tuyệt đẹp của con người Việt Nam khi ra trận: một cô gái mảnh dẻ , nhỏ bé nhưng không hề run sợ trước bom đạn của kẻ thù.

+ Ở bên quả bom: cô phải làm nhiều động tác: đào lỗ chôn thuốc mìn, dòng dây cháy chậm, châm ngòi, khỏa lấp đất rồi chạy về nơi trú ẩn. Nhưng khi lưỡi xẻng chạm vào vỏ quả bom, cô phát hiện vỏ quả bom đang nóng lên nhưng lại không rõ nguyên nhân. Vậy mà cô vẫn bình tĩnh, thao tác cẩn trọng, tỉ mỉ, thành thạo theo đúng mệnh lệnh chỉ huy của chị Thao.

+ Chờ quả bom nổ: đây là giây phút căng thẳng nhất. Và trong cô còn có thêm sự lo lắng: nhỡ thuốc mìn không nổ phải chôn lại lần thứ hai trong khi quả bom đang nóng lên. Nguy hiểm nhân lên nhiều lần. Trong cô đã nghĩ tới cái chết nhưng rất mờ nhạt. Vì với cô,dù phải hy sinh cô cũng quyết tâm phá bằng được quả bom.

+ Những lúc căng thẳng, nguy hiểm, Phương Định có nghĩ đến cái chết nhưng" chỉ là cái chết mờ nhạt, không cụ thể", chưa bao giờ cái chết trở thành nỗi ám ảnh đến mức có phải lo lắng, phải trằn trọc. Cô đặt mục đích hoàn thành nhiệm vụ phá bom lên trên cả tuổi xuân, trên cả mạng sống của mình.

***=> Nhận xét:*** Phương Định mang lí tưởng sống cao đẹp của tuổi trẻ Việt Nam anh hùng thời chống Mỹ, sẵn sàng"Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước" như bao chàng trai,cô gái Việt Nam tình nguyện lên đường bảo vệ non sông.Chiến công thầm lặng của Phương Định và đồng đội cô đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp thống nhất non sông, Bắc Nam sum họp.

**\* Phương Định là cô gái giàu tình cảm, giàu tình đồng chí, đồng đội:**

Từ giã Thủ đô yêu dấu để vào với Trường Sơn, Phương Định luôn dành tình yêu thương, sự quan tâm cho những người đồng đội.

- Cô yêu mến, khâm phục tất cả những chiến sĩ cô gặp đêm đêm trên mỗi bước đường ra trận. Cô coi họ là thần tượng, là những người dũng cảm, thông minh và can đảm nhất. Họ là động lực tiếp cho cô sức mạnh mỗi khi làm nhiệm vụ phá bom.

- Phương Định dành nhiều tình cảm nhất cho những chị em trong cùng tổ trinh sát. Cô kể về họ bằng giọng kể đầy thân thương, trìu mến và hiểu họ một cách sâu sắc. Cô coi Nho, Thao như người thân trong gia đình. Cô khâm phục , ngưỡng mộ sự " bình tĩnh đến phát bực" của chị Thao; cô hiểu tất cả những điểm yếu, những lo toan đang quay cuồng trong đầu óc chị. Cô nhìn nhận và coi Nho như một đứa em gái đáng yêu. Nho bị thương, cô làm tất cả,chăm sóc cho Nho như một người chị chăm em, như một nữ y tá dạn dày kinh nghiệm chiến trường. Nhìn vào mắt đồng đội,cô hiểu được tất cả những nghĩ suy thầm kín trong lòng họ.

***=> Nhận xét:*** Tình đồng chí đã trở thành chỗ dựa tinh thần vững chắc, xoa dịu trong cô nỗi nhớ gia đình, người thân, là động lực để cô chiến đấu dũng cảm để hướng về ngày mai hòa bình.

**\* Đánh giá:**

- Nhân vật Phương Định là hình ảnh của tuổi trẻ Việt Nam anh hùng thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã mang vào Trường Sơn cả tuổi thanh xuân, cống hiến không tiếc máu xương để giữ cho tuyến đường Trường Sơn không một giờ đứt mạch. Qua nhân vật, người đọc thêm yêu mến, tự hào, trân trọng hơn quá khứ hào hùng của dân tộc.

- Liên hệ trách nhiệm của tuổi trẻ hôm nay: tiếp nối và phát huy những lý tưởng sống cao đẹp của thế hệ cha anh, gìn giữ và xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh,...

**2. Những nét chung và những nét riêng của ba cô gái thanh niên xung phong:**

***a. Hoàn cảnh sống chiến đấu:***

- Phương Định, Nho, chị Thao làm thành một tổ trinh sát mặt đường trên tuyến đường Trường Sơn khói lửa trong những năm thnags chống Mĩ.

- Họ sống trên một cao điểm giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung mất bom đạn, sự nguy hiểm và ác liệt.

- Công việc đặc biệt nguy hiểm (phải chạy ở trên cao cả ban ngày, phơi mình giữa vùng trọng điểm bắn phá của máy bay địch; sau mỗi trận bom, phải đo khối lượng đất đá, đánh dấu những quả bom chưa nổ, phá bom).

-> Đây là công việc hàng ngày của 3 cô gái – một công việc vô cùng mạo hiểm, luôn căng thẳng thần kinh, đòi hỏi sự dũng cảm bình tĩnh… “*Có ở đâu như thế này không: đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ì xa dần. Thần kinh căng như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn biết rằng khắp chung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa. Nhưng nhất định sẽ nổ… Rồi khi xong việc quay lại nhìn cảnh đoạn đường một lần nữa, thở phào, chạy về hang*”.

***b. Những nét chung:***

Tuy ba cô gái mỗi người một cá tính, hoàn cảnh riêng khác nhau nhưng họ đều có phẩm chất chung của người chiến sỹ thanh niên xung phong ở chiến trường.

**\* Phẩm chất:**

***- Trước tiên đó là lòng yêu nước, tinh thần dũng cảm,*** c***ó tinh thần trách nhiệm cao với nhiệm vụ***:

+ Tuy cuộc sống của họ là nơi chiến trường ác liệt, luon đối mặt với nguy hiểm, cái chết có thể đến bất cứ khi nào nhưng để thông mạch giao thông luôn thông suốt nên các cô luôn vẫn sẵn sàng cho việc ra trận địa; mà không chờ vào sự trợ giúp của người khác.

+ Là con gái, các cô cũng có những giây phút sợ hãi, có những lúc nghĩ đến cái chết khi nguy hiểm kề bên, nhưng điều ấy chỉ thoáng qua rất mờ nhạt nhường chỗ cho ý nghĩ làm thế nào để những quả bom kia phải nổ (Đặt nhiệm vụ lên trên cả tính mạng).

+ Lê Minh khuê đã miêu tả chân thật cụ thể đến từng chi tiết khi tạo nên sức gợi tả trong từng câu, từng chữ về cảm giác căng thăng, sắc nhọn rợn người khi kề cận cái chết “*Thỉnh thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom đang nóng. Một dấu hiệu chẳng lành*”. Tiếp đó là cảm giác căng thẳng chờ đợi tiếng nổ của quả bom.

+ Cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ đang dõi theo mình, “tôi không sợ nữa”, “ Tôi sẽ không đi khom khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới” -> bình tĩnh, tự tin thực hiện từng thao tác phá bom, chạy đua với thời gian để vượt qua cái chết.

+ Sau mỗi đợt bom đánh họ lại lao lên mặt đường làm nhiệm vụ. Không biết bao nhiêu lần họ bị bom vùi. Trong 3 người thì 2 người đã từng bị thưong, đó là Nho và Phương Định. Họ nói về cái chết nhẹ nhàng. Để rồi sau mỗi trận bom vượt qua cái chết họ lại hát say sưa những bài hát tươi vui.

***- Họ có tình đồng đội gắn bó, thân thiết***:

+ Hiểu được tính tình, sở thích của nhau.

+ Quan tâm chăm sóc nhau rất chu đáo (Phương Định bồn chồn, lo lắng khi chờ Thao và Nho đi trinh sát bom trên cao điểm; khi Nho bị thương, Phương Định và chị Thao đã lo lắng, băng bó chăm sóc Nho cẩn thận với một niềm xót xa như chị em ruột thịt.

***- Tâm hồn: trẻ trung, trong sáng, nhạy cảm, giàu mơ ước.***

- Sự khốc liệt của chiến tranh đã tôi luyện tâm hồn vốn nhạy cảm yếu đuối thành bản lĩnh kiên cường của người anh hùng cách mạng.

- Tuy nhiên, họ vẫn giữ được những nét hồn nhiên, trong sáng:

+ Chị Thao thích hát, thích làm duên, thêu thùa

+ Nho hồn nhiên, thích ăn kẹo

+ Phương Định hát hay, nhiều mơ ước về tương lai...

- Phương Định (cũng như Nho và Thao) là hình ảnh tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mỹ cứu nước.

***c. Nét riêng:***

Bên cạnh những điểm chung, Mỗi cô gái đều có những vẻ đẹp riêng, làm phong phú và hoàn thiện trên bức chân dung của những cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.

- Nho là một cô gái trẻ, xinh xắn, « trông nó nhẹ, mát mẻ như một que kem trắng », có « cái cổ tròn và những chiếc cúc áo nhỏ nhắn » rất dễ thương khiến Phương Định « muốn bế nó lên tay ». Nho lại rất hồn nhiên – cái hồn nhiên cảu trẻ thơ : « vừa tắm ở dưới suối lên, cứ quần áo ướt, Nho ngồi, đòi ăn kẹo » ; khi bị thương nằm trong hang vẫn nhổm dậy, xoè tay xin mấy viên đá mưa, nhưng khi máy bay giặc đến thì chiến đấu rất dũng cảm, hành động thật nhanh gọn : « Nho cuộn tròn cái gối, cất nhanh vào túi », Nho quay lưng lại chúng tôi, chụp cái mũ sắt lên đầu » … Và trong một lần phá bom, cô đã bị sập hầm, đất phủ kín lên người.

- Phương Định cũng trẻ trung như Nho là một cô học sinh thành phố, nhạy cảm và hồn nhiên, thích mơ mộng và hay sống với những kỉ niệm của tuổi thiếu nữ vô từ về gia đình và về thành phố của mình. Ở đoạn cuối truyện, sau khi trận mưa đá tạnh, là cả một dòng thác kỉ niệm về gia đình, về thành phố trào lên và xoáy mạnh như sóng trong tâm trí cô gái. Có thể nói đây là những nét riêng cảu các cô gái trẻ Hà Nội vào chiến trường tham gia đánh giặc, tuy gian khổ nhưng vẫn giữ được cái phong cách riêng của người Hà Nội, rất trữ tình và đáng yêu.

- Còn Thao, tổ trưởng, ít nhiều có từng trải hơn, mơ ước và dự tính về tương lai có vẻ thiết thực hơn, nhưng cũng không thiếu nhưng khát khao và rung động của tuổi trẻ. « Áo lót của chị cái nào cũng thêu chỉ màu ».Chị lại hay tỉa đôi lông mày của mình, tỉa nhỏ như cái tăm. Nhưng trong công việc, ai cũng gờm chị về tính cương quyết, táo bạo. ĐẶc biệt là sự « bình tĩnh đến phát bực » : máy bay địch đến nhưng chị vẫn « móc bánh quy trong túi, thong thả nhai ». Có ai ngờ con người như thế lại sợ máu và vắt : « thấy máu, thấy vắt là chị nhắm mắt lại, mặt tái mét ».VÀ không ai có thể quên được chị hát : nhạc sai bét, giọng thì chua, chị không hát trôi chảy được bài nào. Nhưng chị lại có ba quyển sổ dày chép bài hát và rỗi là chị ngồi chép bài h át.

=> Những nét riêng đó đã làm cho các nhân vật sống hơn và cũng đáng yêu hơn.

**\* Đánh giá:**

- Bằng cách đặt ba nhân vật vào tình huống sống và chiến đấu tại một cao điểm ác liệt ở mặt trận Trường Sơn, miêu tả diễn biến tâm lý một cách tinh tế; tác giả ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của những cô gái dũng cảm trong chiến đấu, hồn nhiên trẻ trung yêu đời, có tình đồng chí đồng đội gắn bó. Thao, Nho, Phương Định là tiêu biểu cho lý tưởng sống cao đẹp của tuổi trẻ Việt Nam thời chống Mỹ.

- Ở mỗi nhân vật nữ trong Những ngôi sao xa xôi, nhà văn đã miêu tả có những phẩm chất chung và có những nét cá tính riêng của mỗi người làm nên sự phong phú cho thế giới nhân vật trong tác phẩm.

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

***Đọc đoạn văn và trả lời các câu hỏi cho dưới đây:***

***“*** *Nhưng tạnh mất rồi. Tạnh rất nhanh như khi mưa đến. Sao chóng thế? Tôi bỗng thẫn thờ, tiếc không nói nổi. Rõ ràng tôi không tiếc những viên đá. Mưa xong thì tạnh thôi. Mà tôi nhớ một cái gì đấy, hình như mẹ tôi, cái cửa sổ, hoặc những ngôi sao to trên bầu trời thành phố. Phải, có thể những cái đó… Hoặc là cây, hoặc là cái vòm tròn của nhà hát, hoặc bà bán kem đẩy chiếc xe chở đầy thùng kem, trẻ con háo hức bâu xung quanh. Con đường nhựa ban đêm, sau cơn mưa mùa hạ rộng ra, dài ra, lấp loáng ánh đèn trông như một con sông nước đen. Những ngọn điện trên quảng trường lung linh như những ngôi sao trong câu chuyện cổ tích nói về những xứ sở thần tiên. Hoa trong công viên. Những quả bóng sút vô tội vạ của bọn trẻ con trong một góc phố. Tiếng rao của bà bán xôi sáng có cái mủng đội trên đầu…****”***

( Ngữ văn 9 – Tập II/NXB GD )

**Câu 1:**  Đoạn văn trên trích từ tác phẩm nào?

**Câu 2:**  Tác phẩm ra đời vào thời gian nào?

**Câu 3:**  Cho biết nội dung của đoạn trích?

**Câu 4:**  Các tổ hợp từ: *những ngôi sao to trên bầu trời thành phố, một con sông nước đen,*  *những ngọn điện trên quảng trường,* *những ngôi sao trong câu chuyện cổ tích, những xứ sở thần tiên* thuộc loại cụm từ nào?

**Câu 5:**  Câu văn: “*Hoa trong công viên”* thuộc kiểu câu nào?

**Câu 6:**  Câu văn *Con đường nhựa ban đêm, sau cơn mưa mùa hạ rộng ra, dài ra, lấp loáng ánh đèn trông như một con sông nước đen* có sử dụng phép tu từ nào?

**Câu 7:**  Tìm 3 từ thuộc trường từ vựng chỉ tâm trạng trong đoạn văn trên?

**Câu 8:** Viết đoạn văn giới thiệu nhà văn Lê Minh Khuê, có sử dụng thành phần phụ chú và một phép liên kết.

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1:**  Đoạn văn trên trích từ tác phẩm “Những ngôi sao xa xôi”- Lê minh Khuê.

**Câu 2:**  Tác phẩm ra đời vào năm 1971.

**Câu 3:**  Nội dung của đoạn trích: cảm xúc bâng khuâng và dòng hồi tưởng của nhân vật Phương Định sau cơn mưa đá.

**Câu 4:**  Các tổ hợp từ: *những ngôi sao to trên bầu trời thành phố, một con sông nước đen,*  *những ngọn điện trên quảng trường,* *những ngôi sao trong câu chuyện cổ tích, những xứ sở thần tiên* thuộc loại cụm danh từ.

**Câu 5:**  Câu văn: “*Hoa trong công viên”* thuộc kiểu câu đặc biệt.

**Câu 6:**  Câu văn *Con đường nhựa ban đêm, sau cơn mưa mùa hạ rộng ra, dài ra, lấp loáng ánh đèn trông như một con sông nước đen* có sử dụng phép tu từ so sánh. **Câu 7:**  Tìm 3 từ thuộc trường từ vựng chỉ tâm trạng trong đoạn văn: thẫn thờ, tiếc, nhớ.

**Câu 8:** Viết đoạn văn giới thiệu nhà văn Lê Minh Khuê, có sử dụng thành phần phụ chú.

Lê Minh Khuê (sinh năm 1949), quê Tĩnh Gia – Thanh Hoá. Bà là thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn, thuộc thế hệ nhà văn thời kỳ chống Mỹ, bắt đầu viết văn vào đầu những năm 70. Truyện ngắn của Lê Minh Khuê thể hiện một ngòi bút dung dị, giàu nữ tính; một giọng điệu đa sắc thái: khi thì tự hào, ngợi ca; khi lại mỉa mai, châm biếm; lúc lại trữ tình, suy tư; ngôn ngữ mang màu sắc trong trẻo

- Thành phần phụ chú: (sinh năm 1949)

- Phép liên kết: phép thế: “bà” thay thế cho Lê Minh Khuê

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

Dưới đây là trích đoạn trong truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* (Lê Minh Khuê):

*Những cái xảy ra hàng ngày: máy bay rít, bom nổ. Nổ trên cao điểm, cách cái hang này khoảng 300 mét. Đất dưới chân chúng tôi rung. Mấy cái khăn mặt mắc ở dây cũng rung. Tất cả, cứ như lên cơn sốt. Khói lên, và cửa hang bị che lấp. Không thấy mây và bầu trời đâu nữa.*

*Chị Thao cầm cái thước trên tay tôi, nuốt nốt miếng bích quy ngon lành: “Định ở nhà. Lần này nó bỏ ít, hai đứa đi cũng đủ”, rồi kéo tay áo Nho, vác xẻng lên vai và đi ra cửa.*

*Tôi không cãi chị. Quyền hạn phân công là ở chị. Thời gian bắt đầu căng lên. Trí não tôi cũng không thua. Những gì đã qua, những gì sắp tới... không đáng kể nữa. Có gì lý thú đâu, nếu các bạn tôi không quay về?...*

*(*Ngữ văn 9, tập II, NXB Giáo Dục, 2010*)*

**Câu 1.**  Tác phẩm *Những ngôi sao xa xôi* được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

**Câu 2.**  Nêu ngắn gọn nội dung chính của đoạn trích trên.

**Câu 3.**  Tìm hai câu rút gọn trong đoạn văn trên và cho biết hiệu quả của việc sử dụng các câu rút gọn đó.

**Câu 4.**  Từ tình đồng chí, đồng đội của những nữ thanh niên xung phong trong tác phẩm *Những ngôi sao xa xôi* và những hiểu biết xã hội, em hãy trình bày suy nghĩ (khoảng nửa trang giấy thi) về sức mạnh của tình đoàn kết trong cuộc sống hiện nay.

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1.** Truyện Những ngôi sao xa xôi được viết năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc ta đang diễn ra ác liệt

**Câu 2.** Đoạn trích tái hiện lại những cảnh tượng bom đạn chiến tranh khốc liệt trên tuyến đường Trường Sơn. Ở nơi đó có những nữ thanh niên xung phong dũng cảm chiến đấu, phá bom. Họ có tình đồng đội keo sơn, họ vô cùng gắn bó, yêu thương, quan tâm hết mực đến nhau

**Câu 3.**

- Hai câu rút gọn trong đoạn trích:

*Nổ trên cao điểm, cách cái hang này khoảng 300 mét*

*Không thấy mây và bầu trời đâu nữa.*

- Hiệu quả của việc sử dụng các câu rút gọn: Làm cho câu văn ngắn gọn, tránh lặp từ; thông tin nhanh, nhịp văn dồn dập phản ánh được sự khốc liệt của chiến trường.

**Câu 4.** Đoạn văn cần đảm bảo những yêu cầu về:

- Nội dung: Từ tình đồng chí, đồng đội của những nữ thanh niên xung phong trong tác phẩm *Những ngôi sao xa xôi,* nêu được những suy nghĩ của về sức mạnh của tình đoàn kết: giúp con người hòa nhập, gắn kết trong cộng đồng; tạo nên sức mạnh lớn lao để vượt qua khó khăn, đạt được thành công trong mọi hoàn cảnh .

+ Đoàn kết là một nhân tố hết sức cần thiết để dẫn đến sự thành công. Xã hội ngày càng phát triển theo chiều hướng tích cực thì tinh thần đoàn kết lại càng phải được giữ vững và phát huy. Đoàn kết không chỉ mang lại cho ta những kết quả tốt đẹp mà nó cũng đã trở thành sợi dây vô hình liên kết con người lại gần với nhau hơn, từ đó tạo nên những mỗi quan hệ xã hội tốt đẹp.

+ Phải đoàn kết thì chúng ta mới có thể tồn tại và phát triển. Nhưng đoàn kết cũng không có nghĩa là giúp người khác làm việc xấu hay che giấu những lỗi lầm của nhau. Mỗi người chúng ta cần nhận thức rõ về đoàn kết bởi vì nó chỉ mang lại một kết quả tốt đẹp khi ta có mục đích đúng đắn. Nhận thức sai lầm về tình đoàn kết sẽ hại người và đôi khi ta cũng đã vô tình hại chính bản thân.

+ Là một học sinh, chúng ta cần rèn luyện tinh thần đoàn kết và giúp đỡ nhau một cách đúng đắn trong học tập. Ngoài ra, mỗi người học sinh hãy tuyên truyền cho những người thân trong gia đình cũng như mọi người về tinh thần đoàn kết.

- Hình thức: kết hợp các phương thức biểu đạt, diễn đạt rõ ý, độ dài theo qui định...

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

**Đọc kĩ đoạn văn và các câu hỏi:**

“ Có một đám mây kéo ngoài cửa hang. Một đám nữa. Rồi một đám nữa bay qua ngày càng nhanh. Bầu trời mở rộng trước cửa hang đen đi. Cơn giông đến. Cát bay mù. Gió quật lên, quật xuống những cành cây khô cháy. Lá bay loạn xạ. Đột ngột như một biến đổi bất thường trong tim con người vậy. Ở rừng mùa này thường như thế. Mưa. Nhưng mưa đá. Lúc đầu tôi không biết. Nhưng rồi có tiếng lanh canh gõ trên nóc hang. Có cái gì vô cùng sắc xé không khí ra từng mảnh vụn. Gió. Và tôi thấy đau, ướt ở má.”

**Câu 1**: Phương thức biểu đạt chủ yếu của đoạn văn là*:*

**Câu 2**: Chỉ ra phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn trên?

**Câu 4: *Nội dung*** của đoạn văn trên là:

**Câu 5:** Đoạn văn trên sử dụng nhiều câu văn ngắn có tác dụng gì?

**Câu 6: *Ngôi kể*** của ***Những ngôi sao xa xôi*** thuộc ngôi thứ mấy? Kể tên một tác phẩm trong chương trình ngữ văn 9 cũng sử dụng ***Ngôi kể*** giống tác phẩm ***Những ngôi sao xa xôi***?

**Câu 7:** Câu: “ *Gió.*” thuộc ***kiểu câu*** gì?

**Câu 8:** Viết một đoạn văn quy nạp (12 câu): “Những ngôi sao xa xôi” đã khắc hoạ vẻ đẹp tâm hồn của thanh niên Hà Nội qua hình ảnh Phương Định dũng cảm gan dạ mà cũng thật trong trẻo, mộng mơ.

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1**: Phương thức biểu đạt chủ yếu của đoạn văn là: miêu tả

**Câu 2**: Phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn trên:

- Phép liên tưởng: qua các từ ngữ***: mây, bầu trời, cơn giông, gió, lá bay, mưa, mưa đá, lanh canh, ướt.***

- Phép nối: qua từ “ và”

**Câu 4: *Nội dung*** của đoạn văn trên là: Quang cảnh và tâm trạng ngạc nhiên của các cô gái khi có mưa đá.

**Câu5:** Đoạn văn trên sử dụng nhiều câu văn ngắn có tác dụng diễn tả các hiện tượng nối nhau liên tiếp, dồn dập.

**Câu 6: *Ngôi kể*** của ***Những ngôi sao xa xôi*** thuộc ngôi thứ mấy? Kể tên một tác phẩm trong chương trình ngữ văn 9 cũng sử dụng ***Ngôi kể*** giống tác phẩm ***Những ngôi sao xa xôi***?

- Ngôi thứ nhất.

- Tên tác phẩm khác cũng sử dụng ngôi thứ nhất: Chiếc lược ngà

**Câu 7:** Câu: “ *Gió.*” thuộc kiểu câu đặc biệt

**Câu 8:**

- Đoạn văn giàu chất thơ (tâm trạng trước trận mưa đá) => cảm xúc bâng khuâng xao xuyến, niềm vui nỗi buồn chợt đến, chợt đi.

- Niềm tin ấy cứ lấp lánh mãi như ánh sáng của những ngôi sao xa xôi mà không gì, không một thể lực tàn bạo, khắc nghiệt nào có thể dập tắt được.

- Trong cảm xúc bâng khuâng, xao động, thoáng qua của Phương Định, hình ảnh ngôi nhà, người mẹ, những gì thân thuộc gần gũi đến hình ảnh lung linh của những ngôi sao mà tác giả đã hơn một lần nhắc đến, ánh sáng của đèn điện ngỡ là thực mà như là ảo. Tất cả hiện lên trong ánh sáng lung linh của ký ức mộng mơ, rất thiếu nữ, rất dung dị của người Hà Nội.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:**

*“Chúng tôi có ba người. Ba cô gái. Chúng tôi ở trong một hang dưới chân cao điểm. Con đường qua trước hang, kéo lên đồi, đi đến đâu đó, xa! Đường bị đánh lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn. Hai bên đường không có lá xanh. Chỉ có những thân cây bị tước khô cháy. Những cây nhiều rễ nằm lăn lóc. Những tảng đá to. Một vài cái thùng xăng hoặc thành ô tô méo mó, han rỉ nằm trong đất.*

*Việc của chúng tôi là ngồi đây. Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Người ta gọi chúng tôi là tổ trinh sát mặt đường. Cái tên gợi sự khao khát làm nên những sự tích anh hùng. Do đó, công việc cũng chẳng đơn giản. Chúng tôi bị bom vùi luôn. Có khi bò trên cao điểm về chỉ thấy hai con mắt lấp lánh. Cười thì hàm răng lóa lên khuôn mặt nhem nhuốc. Những lúc đó, chúng tôi gọi nhau là* “*những con quỷ mắt đen*”*.*

*Đơn vị chăm chúng tôi ra trò. Có gì lại bảo* “*Để cho bọn trinh sát, chúng nó ở trên đó vắng*” *(Những ngôi sao xa, Lê Minh Khuê, Ngữ văn 9,* tập 2*)*

**Câu 1:** Câu văn *" Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. "* là câu rút gọn thành phần nào?

**Câu 2:** Chỉ ra phép liên kết trong đoạn?

**Câu 3:** Từ ngữ được gạch chân trong câu văn “*Do đó, công việc cũng chẳng đơn giản.*”là từ kết nối chỉ kiểu quan hệ nào?

1. Quan hệ bổ sung C. Quan hệ nghịch đối
2. Quan hệ thời gian D. Quan hệ nhân quả

**Câu 4:** Viết đoạn văn nêu cảm nhận về nhân vật Phương Định (khoảng 12 -> 15 câu).

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1:** Câu văn *" Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. "* là câu rút gọn thành phần Chủ ngữ.

**Câu 2:** Phép liên kết:

* Phép lặp: Chúng tôi
* Phép nối: Do đó

**Câu 3:** Từ ngữ được gạch chân trong câu văn “*Do đó, công việc cũng chẳng đơn giản.*”là từ kết nối chỉ kiểu quan hệ nhân quả.

**Câu 4:**

Gợi ý: Triển khai các ý sau:

Phương Định là hình ảnh tiêu biểu của những người con gái Hà Nội vào chiến trường đánh giặc.

- Cô rất trẻ, có thời học sinh hồn nhiên vô tư bên người mẹ trong những ngày thanh bình của thành phố.

- Ngay giữa chiến trường ác liệt, Phương Định vẫn không mất đi sự hồn nhiên, trong sáng: cô hiện lên rất đời thường, rất thực với những nét đẹp tâm hồn: nhạy cảm, hay mơ mộng và thích hát (cảm xúc của Định trước cơn mưa đá).

- Là cô gái kín đáo trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình (hay ngắm nhìn mình qua gương, biết mình đẹp và được các anh bộ đội để ý nhưng không tỏ ra săn sóc, vồn vã… nét kiêu kỳ của những cô gái Hà Thành).

- Tình cảm đồng đội sâu sắc: yêu mến hai cô bạn cùng tổ, yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn. (chăm sóc Nho khi Nho bị thương…).

- Ngời lên những phẩm chất đáng quý: có trách nhiệm với công việc, dũng cảm, bình tĩnh, tự tin…(thể hiện tâm trạng suy nghĩ của nhân vật trong một lần phá bom). Tác giả am hiểu và miêu tả sinh động nét tâm lý của những nữ thanh niên xung phong.

=> Nhân vật Phương Định đã để lại trong lòng người đọc nỗi niềm đồng cảm, yêu mến và sự kính phục về phẩm chất tốt đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

***Đoạn văn tham khảo :***

Là con gái Hà Nội vào chiến trường đánh giặc, cô mang theo những kỉ niệm đẹp của một thời học sinh vô tư lự bên người mẹ và những hình ảnh, những kỉ niệm thân thương quá đối với thành phố của cô (1). Ở chiến trường 3 năm, đã quen với những thử thách nguy hiểm, giáp mặt hàng ngày với cái chết, nhưng cô không hề  mất đi sự hồn nhiên, trong sáng và những ước mơ về tương lai : nhạy cảm, mơ mộng và thích được hát(2). Cô hồn nhiên đến đáng yêu khi gặp cơn mưa đá trên cao điểm : « *Tôi chạy vào, bỏ trên bàn tay đang xoè ra của Nho mấy viên đá nhỏ. Lại chạy ra, vui thích cuống cuồng. Rồi mưa tạnh, tôi bỗng thẫn thờ tiếc không nói nổi* »(3). Cùng với trận mưa đá ấy, những kỉ niệm thời thiếu nữ lại trào lên trong cô « xoáy mạnh như sóng » biết bao hình ảnh thân thương của gia đình, thành phố và quê hương (4). Nó vừa là niềm khao khát, vừa làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh căng thẳng, khốc liệt của chiến trường (5). Là cô gái xinh đẹp, đầy nữ tính, biết điệu đà làm dáng nhưng Phương Đinh lại rất kín đáo, tế nhị, có chiều sâu trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình (6). Biết mình được các anh lính để mắt, điều đó khiến cô vui và tự hào nhưng cô không hề tỏ ra vồn vã, săn đón, cô luôn kín đáo giữa đám đông : « *đứng ra xa, khoanh tay lại trước ngực và nhìn đi nơi khác, môi mìm chặt* » (7). Cô yêu mến đồng đội, đặc biệt là hai người bạn gái cùng tổ, luôn lo lắng sau mỗi lần phá bom : « *Tôi phủi áo, căng mắt nhìn qua khói và chạy theo chị Thao… Chi Thao vấp ngã. Tôi đỡ chị… Tôi moi đất, bế Nho đặt lên đùi mình*», rồi chăm sóc đồng đội như một y tá(8). Cô còn yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn (9). Trong suy nghĩ của cô : « *những người đẹp nhất, thông mình, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ* (10). Cuộc sống chiến đấu đối mặt với kẻ thù hàng ngày, thần Chết luôn đe doạ từng giây phút đã rèn luyện cho cô gái Hà thành đức tính dũng cảm, gan dạ, tự tin để hoàn thành mọi nhiệm vụ (11). Công việc hàng ngày của cô và đồng đội rất nhiều và nguy hiểm : phá bom, ít nhất là 3 quả, có ngày 5 quả », công việc khủng khiếp bóp nghẹt trái tim, nhưng cô nói về chừng ấy công việc gọn gàng, khô khốc, tĩnh nhẹ như không, cô nghĩ về công việc của mình quá giản dị và còn cho là có cái thú riêng : « *có ở đâu như thê này không. Đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ì xa dần. Thần kinh căng ra như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chận chạy mà vẫn không biết rằng khắp xung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa. Nhưng nhất định sẽ nổ* » (12). Chiến tranh và đạn bom giặc Mỹ đã làm cô lớn lên, trở thành dũng sĩ mạnh mẽ mà cô không hề biết : « *quen rồi. Một ngày tôi phá bom đến 5 lần. Ngày nào ít : ba lần. Tôi có nghĩ đến cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể* » (13). Thế đấy, những cảm xúc, suy nghĩ chân thực của cô đã truyền sang cho người đọc nỗi niềm đồng cảm, yêu mến và sự kính phục (14).Tất cả đã được tác giả kể chân thực, sinh động và tự nhiên qua tâm lí nhân vật ở những sự việc và chi tiết có ý nghĩa trong truyện, và những nét tâm lí này lại được chính nhân vật nói lên qua vai kể của mình nên lại càng thấm thía(15).

**NÓI VỚI CON**

**( Y Phương )**

|  |  |
| --- | --- |
| **1/ Cha nói với con về gia đình và quê hương – cội nguồn sinh dưỡng của mỗi người** | |
| Chân phải// *bước tới* cha  Chân trái //*bước tới* mẹ  (hoán dụ)  (Điệp cấu trúc câu thơ)  (điệp ngữ)  Một bước// chạm **tiếng nói**  Hai bước// tới **tiếng cười**  (ẩn dụ chuyển đổi cảm giác) | **a/ Gia đình:**  - Cách nói cụ thể  - Lối tư duy giàu hình ảnh  - Hoán dụ  - Nhịp thơ 2/3  - Điệp ngữ  - Điệp cấu trúc  => Khung cảnh gia đình êm ấm hạnh phúc  => Mỗi bước đi đầu tiên, tiếng nói cười của con đều được cha mẹ nâng niu, đón nhận trong niềm yêu thương, vui mừng, hạnh phúc.  - “chạm tiếng nói”, “tới tiếng cười” => **ẩn dụ chuyển đổi cảm giác**.  +tiếng nói, tiếng cười => âm thanh (thính giác) => cảm nhận bằng xúc giác (hữu hình – chạm tới) => hạnh phúc hiện hữu  +ngôi nhà nhỏ rộn vang tiếng nói cười => là cái hồn của bức tranh gia đình hạnh phúc  **=>Y Phương nói với con về gia đình:**  *+con được sinh ra và lớn lên trong sự nâng niu vỗ về của cha mẹ.*  *+con được sống trong cái nôi ấm áp, yêu thương của gia đình hạnh phúc*  *+con hãy biết trân trọng, nâng niu những tình cảm ruột thịt, thân thương; trân trọng niềm hạnh phúc giản dị, ngọt ngào và cũng rất đỗi thiêng liêng đó.* |
| **Người đồng mình** yêu lắm con **ơi**  Đan lờ cài nan hoa  **Vách nhà** ken **câu hát**  Rừng cho hoa  Con đường cho những tấm lòng  Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới  Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời. | **b/ Quê hương:**  **\*Cuộc sống lao động và đời sống tinh thần:**  - **Người đồng mình**: người vùng mình, người miền mình => **những người cùng sống trên một miền đất, cùng quê hương, cùng một dân tộc** => sự gắn kết cộng đồng.  -Thán từ gọi đáp “ơi”:  + giọng điệu vô cùng tha thiết, yêu thương  + xúc động, tự hào  **- Những con người trên quê hương Cao Bằng “yêu lắm”, vì**:  +cần cù, chăm chỉ, khéo léo, tài hoa, sáng tạo  +đoàn kết, gắn bó  +lạc quan, yêu đời  **“Nan hoa”:**  **+** hình ảnh đẹp  + dụng cụ đánh bắt cá  + trở thành tác phẩm thủ công mĩ nghệ tinh xảo.  **“Vách nhà ken câu hát”:**  + câu hát giao duyên  + chàng trai, cô gái dân tộc bày tỏ tình cảm qua câu hát, người đứng trong vách, người đứng ngoài vách hát cho nhau nghe tràn đêm đến sáng  + lãng mạn, thi vị => đời sống tâm hồn phong phú  + vách nhà sàn đơn sơ không chỉ ken bằng tre, nứa…mà còn ken bằng những câu hát của người đồng mình => một không gian trữ tình đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc.  **- Động từ « đan », «cài », « ken »:**  + công việc cụ thể của con người lao động trên quê hương  + tinh thần đoàn kết của “người đồng mình”  + sự hòa quyện gắn bó của con người với quê hương xứ sở  **=> Con trưởng thành trong cuộc sống lao động tràn ngập niềm vui**  **=> Tâm hồn con được tắm mát trong bản sắc văn hóa độc đáo của quê hương**  **\*Thiên nhiên thơ mộng và nghĩa tình sâu nặng của quê hương**:  **- «Rừng cho hoa»**  **+ Nghĩa thực:** hình ảnh của thiên nhiên, núi rừng thơ mộng  **+ Nghĩa ẩn dụ:** vẻ đẹp tinh túy, những gì đẹp nhất mà quê hương đã chắt lọc để hun đúc lên vẻ đẹp tâm hồn con.  **- «Con đường cho những tấm lòng»**  + **Nghĩa thực:** con đường của bản làng quê hương – hình ảnh gần gũi thân thuộc.  + **Nghĩa ẩn dụ**: quê hương với tình người rộng mở, quê hương với những con người bao dung, sâu nặng nghĩa tình  **\*Y Phương nói với con về quê hương:**  *=> Người đồng mình đáng yêu, đáng mến*  *=> Quê hương có bản sắc văn hóa độc đáo; có thiên nhiên núi rừng thơ mộng; có nghĩa tình sâu nặng.*  *=> Quê hương nuôi dưỡng con về tâm hồn, lẽ sống*  ***=> Nhắc nhở con****: yêu quê hương, tự hào về quê hương, nâng niu quý trọng những ân tình của quê hương.*  **\*Nhìn con khôn lớn, chập chững những bước đi đầu tiên, người cha vô cùng sung sướng và nghĩ về cội nguồn của hạnh phúc:**  Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới  Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời  + Niềm trân trọng thiêng liêng hướng tới gia đình  + Niềm cảm tạ chân thành với quê hương – nơi khởi nguồn hạnh phúc  ***=> Người cha muốn truyền cho con những tình cảm cội nguồn, nhắn nhủ con: gia đình và quê hương là cội nguồn sinh dưỡng, con được sinh ra trong tình yêu, hạnh phúc; con được lớn lên trong sự bao bọc ân tình của quê hương, vì vậy con hãy biết nâng niu, quý trọng những tình cảm thiêng liêng đó.*** |
| **2. Cha nói với con về những đức tính cao đẹp của « người đồng mình »**  **và thể hiện những mong muốn qua lời tâm tình với con ( khổ 2 )** | |
| Người đồng mình thương lắm con **ơi**  **Cao** đo **nỗi buồn**  **Xa** nuôi chí lớn  Dẫu làm sao thì **cha vẫn muốn**  Sống trên đá **không chê** đá gập ghềnh  Sống trong thung **không chê** thung **nghèo đói**  Sống như **sông** như **suối**  **Lên thác xuống ghềnh**  Không lo cực nhọc | **a/ Cuộc sống của người đồng mình và mong muốn của người cha**  - Người đồng mình: người vùng mình, người miền mình => những người cùng sống trên một miền đất, cùng quê hương, cùng một dân tộc => sự gắn kết cộng đồng.  - Thán từ gọi đáp “ơi” => giọng điệu tha thiết, yêu thương, xúc động  **\* “Người đồng mình thương lắm”, vì**:  **- Cuộc sống:** nhọc nhằn, vất vả, gian lao, nghèo đói  **- Không gian sống:** khắc nghiệt, chứa đựng nhiều khó khăn, thử thách với đá núi, thung lũng, thác ghềnh, cao xa, trắc trở  **- Ý chí, nghị lực:** Luôn bền gan vững chí   * ***« Cao », « xa »*** *=> tính từ => gợi không gian núi rừng hùng vĩ* * *Nỗi buồn càng nhiều thì ý chí càng cao* * *Gian khó càng nhiều thì nghị lực, quyết tâm càng mạnh mẽ.* * *Từ những gian nan, thử thách mà ý chí, nghị lực của con người lớn hơn lên, mạnh mẽ hơn lên.*   **\* Mong muốn của người cha : muốn con gìn giữ những giá trị làm người cao quý :**  **- Điệp ngữ « sống » :** sức sống bền bỉ, mạnh mẽ  **- Các từ :** « Không chê », « không lo » :  + thái độ sống tích cực, nhìn thẳng vào thử thách và đối mặt với nó => bản lĩnh kiên cường  + chấp nhận và vượt qua gian nan thử thách bằng ý chí và niềm tin của mình  + sống ân tình, gắn bó, thuỷ chung với quê hương dù quê hương còn vất vả, đói nghèo  **- So sánh :** « Sống như sông như suối »  + sống cuộc đời bình dị, hồn nhiên, chân thật, gắn bó với thiên nhiên núi rừng   * + sống mạnh mẽ, tâm hồn rộng mở, phóng khoáng như sức sống của thiên nhiên * + sống mạnh mẽ kiên cường như dòng chảy của sông suối luôn vượt qua mọi thác ghềnh |
| **Người đồng mình** thô sơ da thịt  Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con  Người đồng mình **tự đục đá kê cao quê hương**  Còn quê hương thì làm **phong tục** | **b/ Ca ngợi những phẩm chất cao đẹp của « người đồng mình »**  - Cách nói cụ thể, lối tư duy giàu hình ảnh  - **Sự tương phản** : *thô sơ da thịt > < chẳng nhỏ bé*  => vẻ ngoài mộc mạc, chân chất, bình dị, cuộc sống cực nhọc, vất vả hằn in trên da thịt thô ráp, chai sần nhưng họ luôn giàu ý chí, nghị lực  **=> Phẩm chất cao đẹp** :  **+ « chẳng mấy ai nhỏ bé »** => giàu ý chí, nghị lực, niềm tin và khát vọng xây dựng quê hương  **+ « tự đục đá kê cao… »:**  + nghĩa thực => hoạt động có thực và thường thấy của người dân miền núi, đồng bào dân tộc thường đục đá, đẽo đá để làm nhà…  + nghĩa ẩn dụ : khẳng định về tinh thần tự lực cánh sinh, tự lực tự cường trong xây dựng quê hương => tinh thần tự tôn dân tộc, tự khẳng định và đề cao giá trị dân tộc mình => người đồng mình mạnh mẽ, kiên cường như đá núi.   * **- « Còn quê hương thì làm phong tục »** : * + những phong tục tập quán tốt đẹp * + mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc * + tiếp tục được gìn giữ, phát huy * + những giá trị mà người đồng mình đã tạo dựng, xây đắp trở thành những phong tục tập quán tốt đẹp, trở thành những giá trị văn hóa bền vững làm nền tảng vững chắc cho sự phát triển của quê hương. * **\*Tình cảm, cảm xúc của người cha :** * - Yêu mến, tự hào * - Mong muốn con phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương, biết sống tình nghĩa, thủy chung và luôn mang trong tim niềm tự hào về quê hương. |
| Con **ơi** tuy **thô sơ da thịt**  Lên đường  **Không bao giờ nhỏ bé** được  Nghe con. | * **c/ Lời dặn dò của người cha :** * **- Giọng điệu:** * + thiết tha, trìu mến * + chất chứa tin yêu : « con ơi », « nghe con » * **- Tương phản đối lập:** * - « tuy thô sơ da thịt » > < « không bao giờ nhỏ bé được »   => vẻ ngoài chân chất, mộc mạc, thô ráp, chai sần => tâm hồn cao thượng, tràn đầy khát vọng, niềm tin  **- Câu phủ định**: *« không bao giờ nhỏ bé được »*  => Bác bỏ lối sống hèn kém, tự ti, cúi đầu.  **=> Khích lệ con:**  +sống chất phác, giản dị, chân thật mà cao thượng  + kiêu hãnh, ngẩng cao đầu  + đàng hoàng, tự tin, mạnh mẽ  + tự lập, vững bước trên đường đời   * **=> Dặn dò con :** * + tự hào về truyền thống tốt đẹp của quê hương * + phát huy những phẩm chất cao đẹp của người đồng mình * + tiếp nối truyền thống quê hương * =>Tình cảm của gia đình, truyền thống quê hương, những phẩm chất cao đẹp của « người đồng mình » là hành trang tinh thần để con vững bước, tự tin trên đường đời * **- Là lời của người cha nói với con** : gửi tới con niềm yêu thương, tin tưởng mong muốn con trưởng thành * **- Là lời nhà thơ nói với chính mình** : bộc bạch tình yêu với gia đình, quê hương, tự dặn lòng bền gan vững chí giữa lúc khó khăn. * **- Là lời chuyển giao đầy tâm huyết của thế hệ** trước cho thế hệ sau   - Bài thơ ngân lên trong mỗi người tình yêu gia đình và quê hương – cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người. |
| **KIẾN THỨC VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM** | |
| **1.Tác giả:** Y Phương  **-Phong cách sáng tác:** thơ ông thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của con người miền núi.  **2. Hoàn cảnh sáng tác: Năm 1980**  - Tác giả viết khi con gái đầu lòng chưa đầy 1 tuổi – là lời của người cha tâm tình với con  - Bài thơ viết trong thời kì đất nước ta còn gặp muôn vàn khó khăn, đất nước ta đang trong công cuộc khôi phục, xây dựng và phát triển đất nước.  **3. Bố cục : 2 phần**  **\* Phần 1:** Cha nói với con về **gia đình và quê hương** – cội nguồn **sinh dưỡng** của mỗi người (khổ 1)  \* **Phần 2:** Cha nói với con về **những đức tính cao đẹp** của « **người đồng mình** » và thể hiện những **mong muốn** qua lời tâm tình với con ( khổ 2 )  **4. Mạch cảm xúc : bài thơ đi** từ tình cảm **gia đình** mà mở rộng ra là tình cảm **quê hương**; từ những kỉ niệm gần gũi mà nâng lên thành lẽ sống.  **5. Nhan đề: NÓI VỚI CON**  - Cấu tạo : cụm động từ  - Lời người cha nói với con nhưng cũng chính là lời chuyển giao của thế hệ trước cho thế hệ sau  - Nhan đề gợi mở chủ đề tác phẩm : qua lời tâm tình của người cha, nhà thơ muốn gợi từ tình cảm gia đình, mở rộng ra tình cảm quê hương; từ những kỉ niệm gần gũi thiết tha mà nâng lên thành lẽ sống.  **6.Thể thơ:** thơ tự do  **7. Hướng dẫn đọc**: giọng tâm tình, sâu lắng, tha thiết | |
| **8. Nội dung:**  - Thể hiện tình cảm gia đình ấm cúng  - Ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương, dân tộc mình  - Bài thơ giúp ta hiểu thêm về sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của một dân tộc miền núi, gợi nhắc tình cảm gắn bó với truyền thống, với quê hương và ý chí vươn lên trong cuộc sống.  **9. Nghệ thuật:**  - Giọng điệu thiết tha, trìu mến  - Xây dựng các hình ảnh cụ thể mà khái quát, mộc mạc mà vẫn giàu chất thơ  - Bố cục chặt chẽ, hợp lý, dẫn dắt tự nhiên | |

***Nói với con***

***Y Phương***

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Y Phương tên khai sinh là **Hứa Vĩnh Sước**, dân tộc Tày, sinh năm 1948, quê ở huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.  - Cảm hứng chủ đạo trong thơ Y Phương là gia đình, quê hương, đất nước.  - Phong cách sáng tác: Ngôn ngữ thơ giản dị, hồn nhiên, in đậm lối tư duy của người vùng cao; hình ảnh phong phú, mang giá trị biểu tượng… |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Bài thơ được sang tác năm 1980, năm năm sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Đó là giai đoạn mà đời sống vật chất lẫn tinh thần của nhân dân cả nước nói chung và đồng bào miền núi nói riêng còn rất nhiều khó khăn, vất vả. |
| ***Xuất xứ*** | - Bài thơ được in trong tập “Thơ Việt Nam” (1945 1975). |
| ***Thể loại*** | Thơ tự do |
| ***Mạch cảm xúc và bố cục*** | \* **Mạch cảm xúc**:  - Mượn lời nói với con, Y Phương gợi về cội nguồn sinh dưỡng mỗi con người, bộc lộ niềm tự hào về sức sống bền bỉ của quê hương mình.  - Bài thơ đi từ tình cảm gia đình mà mở rộng ra là tình cảm quê hương, từ những kỷ niệm gần gũi, thiết tha mà nâng lên thành lẽ sống. Cảm xúc, chủ đề của bài thơ được bộ lộ, dẫn dắt một cách tự nhiên, có tầm khái quát nhưng vẫn thấm thía.  \* **Bố cục**: 2 phần:  - Đoạn 1: (Từ “Chân phải… trên đời”): người cha nói với con về cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng con  - Đoạn 2: (phần còn lại): Người cha nói về truyền thống quê hương và dặn dò con trên đường đời. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | Nhan đề bài thơ là "Nói với con" nhưng cũng như chính lời nói của nhà thơ nhắc nhở thế hệ con cháu phải biết rõ cội nguốn từ đó giữ gìn truyền thống của quê hương sống xứng đáng là những con người nhỏ mà không bé (nhỏ dáng hình nhưng không nhỏ tâm chí ) Nhan đề bài thơ khái quát được ý nghĩa của toàn bài thơ, tức là bài thơ đi từ tình cảm gia đình rồi mở ra tình cảm quê hương, từ những kỉ niệm gần gũi, thiết tha để nâng lên lẽ sống. Cảm xúc chủ đề của bài thơ được bộc lộ, dẫn dắt một cách tự nhiên, có tầm khái quát nhưng vẫn thắm thiết. |
| ***Chủ đề*** | Lời người cha nói với con về lòng yêu thương con cái, ước mong thế hệ mai sau tiếp nối xứng đáng, phát huy truyền thống của tổ tiên, quê hương là tình cảm cao đẹp của con người Việt Nam suốt bao đời nay. |
| ***Giá trị nội dung*** | Bài thơ thể hiện tình cảm gia đình ấm cúng, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương và dân tộc mình. Bài thơ giúp ta hiểu thêm về sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của một dân tộc miền núi, gợi nhắc tình cảm gắn bó với truyền thống, với quê hương và ý chí vươn lên trong cuộc sống. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Giọng điệu trìu mến tha thiết, thể hiện qua lời tâm sự của cha với con, của thế hệ đi trước với thế hệ mai sau.  Thể thơ tự do làm cho cảm xúc cụ thể, rõ ràng.  Nhịp điệu lúc nhẹ nhàng bay bổng, khi khúc chiết rành rột, lúc mạnh mẽ âm vang -> lời khuyên của cha thấm sâu vào con.  Ngôn ngữ cụ thể mà giàu khái quát, bao hàm nhiều ý nghĩa, hình ảnh thơ độc đáo. |

**1. Những cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng con**

***a) Trong những lời tâm tình , tác giả nói với con cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng con trước hết là gia đình:***

" Chân phải bước tới cha

Chân trái bước tới mẹ

Một bước chạm tiếng nói

Hai bước tới tiếng cười"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Sử dụng hệ thống từ ngữ giàu giá trị tạo hình: "chân phải", "chân trái", "một bước", "hai bước" | gợi cho chúng ta liên tưởng đến những bước chân chập chững đầu tiên của một em bé trong sự vui mừng của cha mẹ. |
| Thủ pháp liệt kê thứ nhất qua hình ảnh "tiếng nói" ,"tiếng cười"kết hợp với biện pháp AD chuyển đổi cảm giác | - Tải hiện được hình ảnh của một em bé đang ở lứa tuổi bi bô tập nói.  - Gợi đến khung cảnh của một gia đình đầm ấm, hòa thuận luôn tràn đầy niềm vui, hạnh phúc, tràn đầy tiếng nói, tiếng cười. |
| Thủ pháp liệt kê thứ hai qua hình ảnh " tới cha","tới mẹ": kết hợp với biện pháp hoán dụ | - Tái hiện hình ảnh em bé đang chập chững tập đi, lúc thì sà vào lòng mẹ, khi lại níu lấy tay cha.  - Gợi lên ánh mắt như đang dõi theo và vòng tay dang rộng đón đợi của cha mẹ. |
| Nhịp thơ 2/3 với cấu trúc đối xứng,kết cấu sóng đoi nhẹ nhàng | đã tạo nên một âm điệu, không khí tươi vui và gợi đến một mái ấm gia đình đề huề, hạnh phúc. |
| Lời thơ giản dị như một lời tâm tình thủ thỉ | Y Phương đã nói với con, gia đình chính là cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng con. Vì thế, trên hành trình vạn dặm của cuộc đời, con không được phép quên. Hãy trân trọng niềm hạnh phúc giản dị, ngọt ngào và cũng rất đỗi thiêng liêng đó. |

,

***b) Cùng với gia đình, thì quê hương chính là mạch nguồn không thể thiếu nuôi dưỡng con khôn lớn và trưởng thành:***

" Người đồng mình yêu lắm con ơi

Đan lờ cài nan hoa

Vách nhà ken câu hát

Rừng cho hoa

Con đường cho những tấm lòng"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| - Người đồng mình yêu lắm con ơi- câu cảm thán  - Quê hương được giới thiệu qua lối nói hình ảnh của người vùng cao - "người đồng mình". | - chan chứa niềm xúc động tự hào  -Là người vùng mình, người miền mình. Đây có thể hiểu là những người cùng sống trên một miền đất, cùng quê hương, cùng một dân tộc.  -Cách giới thiệu hình ảnh ấy lại đi liền với hô ngữ "con ơi" khiến lời của cha với con thật trìu mến, thân thương. |
| - Hệ thống hình ảnh giàu sức gợi: |  |
| "Đan lờ cài nan hoa" : | tả thực công cụ lao động còn thô sơ được "người đồng mình" trang trí trở nên đẹp đẽ; gợi đôi bàn tay cần cù, khéo léo, tải hoa và giàu sáng tạo của "người đồng mình", đã khiến cho những nan nứa, nan tre đơn sơ, thô mộc trở thành "nan hoa". |
| "Vách nhà ken câu hát": | tả thực lối sinh hoạt văn hóa cộng đồng, gia đình của " người đồng mình", khiến cho những vách nhà như được ken dầy trong những câu hát si, hát lượn; gợi một thế giới tâm hồn tinh tế và tràn đầy lạc quan của người miền cao. |
| Các động từ “đan” "cài", "ken" | vừa miêu tả được động tác khéo léo trong lao động vừa gợi sự gắn bó của những "người đồng mình"trong cuộc sống lao động. |
| - Thủ pháp nhân hóa: |  |
| "Rừng cho hoa" | tả thực vẻ đẹp của những rừng hoa mà thiên nhiên, quê hương ban tặng; gợi sự giàu có và hào phóng của thiên nhiên, quê hương. |
| "Con đường cho những tấm lòng" | gợi liên tưởng đến những con đường trở về nhà, về bản; gợi đến tấm lòng, tình cảm của "người đồng mình" với gia đình, quê hương, xứ sở. |
| - Điệp từ "cho" | cho thấy tấm lòng rộng mở mở, hào phóng, sẵn sàng ban tặng tất cả những gì đẹp nhất, tuyệt vời nhất của quê hương, thiên nhiên. |
| => Nếu như gia đình là cội nguồn sinh thành và dưỡng dục con, thì quê hương bằng văn hóa, lao động đã nuôi dưỡng và che chở cho con thêm khôn lớn, trưởng thành. Quê hương nuôi dưỡng con về tâm hồn và lẽ sống. | | |

***c) Cuối cùng, tác giả tâm sự với con về kỉ niệm êm đềm, hạnh phúc nhất của cha mẹ. Bởi đó cũng là cội nguồn để sinh thành nên con:***

" Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới

Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| "Nhớ về ngày cưới" | là nhớ về kỷ niệm cho sự khởi đầu của một gia đình. Nó là minh chứng cho tình yêu và con chính là kết tinh của tình yêu ấy. |
| "Ngày đầu tiên đẹp nhất" | đó có thể là ngày cưới của cha mẹ, nhưng cũng có thể là ngày đầu tiên con chào đời. |
| => Đoạn thơ là lời dặn dò, nhắn nhủ tâm tình của người cha về cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng con: gia đình, quê hương chính là những nền tảng cơ bản để tiếp bước cho con khôn lớn, trưởng thành. Bởi vậy,con phải luôn sống bằng tất cả tình yêu và niềm tự hào. | |

**2. Những phẩm chất cao quý của người đồng mình và lời khuyên của cha**

**a) Cuộc sống của người đồng mình**

"Người đồng mình thương lắm con ơi!

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Sử dụng lối nói hình ảnh của người vùng cao: "người đồng mình" | để gợi lên sự gần gũi, thân thương trong một gia đình. |
| Động từ "thương" đi liền với từ chỉ mức độ "lắm" | - cuộc sống còn vất vả gian lao  - để bày tỏ sự đồng cảm sẻ chia, thấu hiểu với những nỗi vất vả, khó khăn của con người quê hương.  - vẻ đẹp của người đồng mình nhẫn lại âm thầm tỏa sáng trong hoàn cảnh khó khăn  - trân trọng giữ gìn và mong muốn phát huy  => Đây là cảm xúc chủ đạo của đoạn thơ. |
| => Cuộc sống của người đồng mình đầy vất vả gian lao: Sống trên đá gập ghềnh, trong thung nghèo đói, lên thác xuống ghềnh. Thiên nhiên khắc nghiệt cuộc sống cằn khô chứa đượng nhiều khó khăn thử thách. | |

**b.Những phẩm chất cao quý của người đồng mình**

-Nói về cuộc sống của người đồng mình đầy vất vả gian lao người cha đã khéo léo "đan" ,"cài" những phẩm chất tốt đẹp của người đồng mình:

Cao đo nỗi buồn

Xa nuôi chí lớn"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Hệ thống từ ngữ giàu sức gợi qua hai tính từ "cao", "xa": | - Gợi liên tưởng đến những dãy núi cao, trùng điệp là nơi cư trú của đồng bào vùng cao.  - Những tính từ này được sắp xếp theo trình tự tăng tiến, gợi những khó khăn như chồng chất khó khăn để thử thách ý chí con người.  - Hệ thống hình ảnh mang tư duy của người miền núi, khi tác giả lấy cao của trời, của núi để đo nỗi buồn, lấy xa của đất để cho ý chí của con người. |
| => Câu thơ đượm chút ngậm ngùi, xót xa để diễn tả thực tại đời sống còn nhiều những khó khăn, thiếu thốn của đồng bào vùng cao. Đồng thời, cũng đầy tự hào trước ý chí, nghị lực vươn lên của họ. | |

- Từ phẩm chất của người đồng mình, Y Phương tiếp tục nói với con về ý chí và vẻ đẹp truyền thống của người vùng cao:

" Người đồng mình thô sơ da thịt

Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con

Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương

Còn quê hương thì làm phong tục"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Nghệ thuật tương phản: | - Hình ảnh "thô sơ da thịt" đã tả thực vóc dáng, hình hài nhỏ bé của "người đồng mình".  - Cụm từ "chẳng mấy ai nhỏ bé" gợi ý chí, nghị lực phi thường, vượt lên hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn của "người đồng mình".  Nghệ thuật tương phản đã làm tôn lên "tầm vóc" ,"vóc dáng" của "người đồng mình": họ có thể còn "thô sơ da thịt" nhưng họ không hề yếu đuối. |
| Hình ảnh "tự đục đá kê cao quê hương" vừa mang ý nghĩa tả thực , vừa mang ý nghĩa ẩn dụ sâu sắc: | - Tả thực quá trình dựng nhà, dựng bản của người vùng cao, được kê trên những tảng đá lớn để tránh mối mọt.  - Ẩn dụ cho tinh thần tự lực cánh sinh, họ đã dựng xây và nâng tầm quê hương. |
| => Trong quá trình dựng làng, dựng bản , dựng xây quê hương ấy, chính họ đã làm nên phong tục, bản sắc riêng cho cộng đồng. Câu thơ tràn đầy niềm tự hào về những phẩm chất cao quý của người đồng mình. Từ đó, Y Phương nhắn nhủ, răn dạy con phải biết kế thừa, phát huy những vẻ đẹp của con người quê hương. | |

**b) Lời khuyên của người cha**

- Hãy biết sống theo những truyền thống tốt đẹp của người đồng mình:

"Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn

Sống trên đá không chê đá gập ghềnh

Sống trong thung không chê thung nghèo đói

Sống như sông như suối

Lên thác xuống ghềnh

Không lo cực nhọc"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Điệp từ "sống" được lặp đi lặp lại liên tiếp | đã tô đậm được mong ước mãnh liệt của cha dành cho con. |
| Hình ảnh ẩn dụ và phép liệt kê"đá gập ghềnh" và "thung nghèo đói": | - Gợi không gian sống hiểm trở, khó làm ăn, canh tác.  - Gợi đến cuộc sống nhiều vất vả, gian khó và đói nghèo.  Từ đó, người cha mong muốn ở con: hãy biết yêu thương, gắn bó, trân trọng quê hương mình. |
| Hình ảnh so sánh:"Sống như sông như suối" | + Gợi về cuộc sống bình dị, hồn nhiên, gắn bó với thiên nhiên.  + Gợi lối sống trong sáng , phóng khoáng, dào dạt tình cảm như sông, những suối.  - Từ đó, người cha mong muốn ở con: một tâm hồn trong sáng, phóng khoáng như thiên nhiên. |
| Thủ pháp đối: "lên thác" >< "xuống ghềnh" | gợi một cuộc sống vất vả, lam lũ, nhọc nhằn, không hề bằng phẳng, dễ dàng. Từ đó , người cha mong muốn ở con: phải biết đối mặt, không ngại ngần trước những khó khăn và phải biết vươn lên, làm chủ hoàn cảnh. |
| => Đoạn thơ là lời khuyên của cha, khuyên con hãy tiếp nối cái tình cảm ân nghĩa, thủy chung với mảnh đất nơi mình sinh ra. Hãy tiếp nối cả ý chí can đảm, lòng kiên cường của người đồng mình. | | |

- Khép lại bài thơ, là lời dặn dò vừa ân cần, trìu mến vừa nghiêm khắc của người cha:

" Con ơi tuy thô sơ da thịt

Lên đường tình

Không bao giờ được nhỏ bé

Nghe con"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Hai tiếng "lên đường" | cho thấy người con đã khôn lớn, trưởng thành, có thể tự tin, vững bước trên đường đời. |
| Hình ảnh thơ được lặp lại "thô sơ da thịt" | như là lời khẳng định để khắc sâu trong tâm trí con, rằng : con cũng là người đồng mình, cũng mang hình hài, vóc dáng nhỏ bé. |
| Nhưng con "không bao giờ được nhỏ bé" | mà phải kiên cường, bản lĩnh để đương đầu với những gập ghềnh, gian khó của cuộc đời. |
| Hai tiếng "nghe con" | nghe thật thiết tha, ân cần, xúc động, ẩn chứa biết bao mong muốn của người cha. |
| => Với giọng điệu thiết tha, tâm tình, trìu mến,người cha đã gửi gắm cho con những bài học quý giá, để trên suốt hành trình dài rộng của cuộc đời con mãi mãi khắc ghi. | | |

**\* Đánh giá:**

- Thể thơ tự do, phóng khoáng, phù hợp với lối nói, diễn đạt và tư duy của người vùng cao.

- Giọng điệu thơ khi tâm tình, tha thiết, khi mạnh mẽ, nghiêm khắc, rất phù hợp với lời của người cha nói với con mình.

- Bài thơ "Nói với con" thể hiện tình cảm sâu nặng của người cha dành cho con. Đồng thời, bộc lộ tình yêu quê hương, xứ sở và lòng tự hào về người đồng mình.

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

**Cho hai câu thơ**

*Chân phải bước tới cha*

*Chân trái bước tới mẹ*

**Câu 1:** Hãy chép chính xác 9 câu thơ tiếp theo và cho biết đoạn thơ em vừa chép nằm trong bài thơ nào? Tác giả là ai?

**Câu 2:**  Nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ?

**Câu 3:** Em hiểu *“người đồng mình”* là gì? Cách gọi *“người đồng mình”* của tác giả có gì sâu sắc?

**Câu 4:**  Em hiểu như thế nào về hai câu thơ:

*Đan lờ cài nan hoa*

*Vách nhà ken câu hát*

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:**

*Chân phải bước tới cha*

*Chân trái bước tới mẹ*

*Một bước chạm tiếng nói*

*Hai bước tới tiếng cười*

*Người đồng mình thương lắm con ơi*

*Đan lờ cài nan hoa*

*Vách nhà ken câu hát*

*Rừng cho hoa*

*Con đường cho những tấm lòng*

*Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới*

*Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời*

Bài thơ "Nói với con" của Y Phương.

**Câu 2:**

Hoàn cảnh ra đời của bài thơ: Bài thơ sáng tác năm 1980 khi đất nước gặp nhiều khó khăn do vừa thoát khỏi chiến tranh. Bài thơ như lời tâm sự với đứa con gái về những giá trị về tình người và văn hóa.

**Câu 3:**

*“Người đồng mình”* là cách gọi thân thương, chân thành và giản dị của tác giả về người cùng quê, cùng bản với mình.

**Câu 4:**

Hai câu thơ gợi lên khung cảnh lao động của người dân miền núi.

- "Đan lờ cài nan hoa": tả thực công cụ lao động còn thô sơ được "người đồng mình" trang trí trở nên đẹp đẽ; gợi đôi bàn tay cần cù, khéo léo, tải hoa và giàu sáng tạo của "người đồng mình", đã khiến cho những nan nứa, nan tre đơn sơ, thô mộc trở thành "nan hoa".

- "Vách nhà ken câu hát": tả thực lối sinh hoạt văn hóa cộng đồng, gia đình của " người đồng mình", khiến cho những vách nhà như được ken dầy trong những câu hát si, hát lượn; gợi một thế giới tâm hồn tinh tế và tràn đầy lạc quan của người miền cao.

Hai câu thơ thi vị bởi trong lao động, người ta vẫn lạc quan, vui vẻ tận hưởng cuộc sống, và sống hạnh phúc bởi bàn tay lao động.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

*.... "Người đồng mình thương lắm con ơi*

*Cao đo nỗi buồn*

*Xa nuôi chí lớn.*

*Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn*

*Sống trên đá không chê đá gập ghềnh*

*Sống trong thung không chê thung nghèo đói*

*Sống như sông như suối*

*Lên thác xuống ghềnh*

*Không lo cực nhọc*

*Người đồng mình thô sơ da thịt*

*Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con"...*

(Theo Ngữ văn 9, tập hai, trang 72, NXB Giáo dục, 2007)

**Câu 1:** Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm nào? Cho biết tên tác giả.

**Câu 2:** Giải nghĩa cụm từ “Người đồng mình”.

**Câu 3:** Qua hai câu thơ của đoạn trích:

“Sống trên đá không chê đá gập ghềnh

Sống trong thung không chê thung nghèo đói”.

Em hãy cho biết “Người đồng mình” sống ở vùng nào và đặc điểm của hoàn cảnh sống ở đó ra sao?

**Câu 4:** Tìm và nêu ý nghĩa của biện pháp tu từ so sánh có trong đoạn thơ trên.

**Câu 5:** Qua lời tâm tình của đoạn thơ, người cha mong ước ở con cách sống như thế nào?

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm Nói với con của tác giả Y Phương.

**Câu 2:**

- “Người đồng mình” là người vùng mình, người miền mình, có thể hiểu cụ thể là những người cùng sống trên một miền đất, cùng một quê hương, cùng một dân tộc.

**Câu 3:**

- Người đồng mình sống trên đá, trong thung và cuộc sống hiện tại còn nhiều đói nghèo, khó khăn, cực nhọc. Chỉ với những hình ảnh mộc mạc cùng lối so sánh tự nhiên, người cha trong lời dặn dò con biết quý trọng những gì mình đang có, biết gắn bó và yêu thương quê hương còn nhiều khó khăn, đói nghèo.

**Câu 4:**

Phép so sánh “Sống như sông như suối” gợi vẻ đẹp tâm hồn và ý chí của người đồng mình. Gian khó là thế, họ vẫn tràn đầy sinh lực, tâm hồn lãng mạn, khoáng đạt như hình ảnh đại ngàn của sông núi. Tình cảm của họ trong trẻo, dạt dào như dòng suối, con sống trước niềm tin yêu cuộc sống, tin yêu con người.

**Câu 5:**

Bằng những hình ảnh thơ đẹp, giản dị bằng cách nói cụ thể, độc đáo mà gần gũi của người miền núi, người cha muốn nói với con rằng:

- Tiếp nối những truyền thống tốt đẹp của quê hương.

- Cha khuyên con tiếp nối tình cảm ân nghĩa, thủy chung với mảnh đất nơi mình sinh ra của người đồng mình và cả lòng can đảm, ý chí kiên cường của họ.

- Dù gặp trở ngại con phải biết đương đầu với khó khăn, vượt qua thách thức, không được sống yếu hèn, hẹp hòi, ích kỉ. Phải sống sao cho xứng đáng với cha mẹ, với người đồng mình.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

***Con ơi****tuy thô sơ da thịt*

*Lên đường*

*Không bao giờ nhỏ bé được*

*Nghe con.*

(Theo Ngữ văn 9, tập hai, trang 72, NXB Giáo dục, 2007)

**Câu 1:** Những dòng thơ trên có ở trong bài thơ nào? Tác giả là ai?

**Câu 2:** Cụm từ in đậm ở dòng thơ đầu tiên là thành phần gì trong câu?

**Câu 3:** Chỉ ra những từ ngữ mang ý nghĩa hàm ý trong đoạn thơ trên. Điều lớn lao nhất mà người cha muốn truyền cho con qua những lời thơ ấy là gì?

**Câu 4:** Viết đoạn văn khoảng 10 câu theo mô hình tổng – phân – hợp, trong đoạn văn có sử dụng phép liên kết câu để thể hiện mong muốn của người cha với con: Hãy vững bước tự tin trên đường đời.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm Nói với con của tác giả Y Phương.

**Câu 2:** Cụm từ in đậm ở dòng thơ đầu tiên là thành phần ***gọi đáp.***

**Câu 3:** . Điều lớn lao nhất mà người cha muốn truyền cho con qua những lời thơ ấy là gì?

- Những từ ngữ mang ý nghĩa hàm ý trong đoạn thơ trên: *thô sơ da thịt, nhỏ bé*

**+ Thô sơ da thịt:** hình hài, vóc dáng nhỏ bé, mộc mạc.

**+ Không nhỏ bé:** không được tầm thường, mà phải có ý chí.

**Câu 4:** Viết đoạn văn theo mô hình tổng – phân – hợp, trong đoạn văn có sử dụng phép thế và câu cảm thán để thể hiện mong muốn của người cha với con thể hiện qua 4 câu thơ cuối: Hãy vững bước tự tin trên đường đời.

***\* Đoạn văn tham khảo:***

*(1) Kết thúc bài thơ về cha mong muốn con mình phải tự hào về truyền thống tốt đẹp của quê hương, lấy đó làm hành trang để vững bước vào đời.*

(2) Lời nhắn nhủ và mong ước của người cha được thể hiện qua những câu thơ ngắn gọn và dứt khoát:

*Con ơi tuy thô sơ da thịt*

*Lên đường*

*Không bao giờ nhỏ bé được*

*Nghe con.*

(3) Lời cuối nói với con càng trở nên tha thiết.

(4) “Lên đường” là hình ảnh ẩn dụ để chỉ con đường đời, con đường đi tới tương lai, khi đó con phải thật mạnh mẽ, vững vàng, không được phép yếu mềm, buông xuôi trước cuộc đời.

(5) Hình ảnh thơ được lặp lại "thô sơ da thịt" như là lời khẳng định để khắc sâu trong tâm trí con, rằng : con cũng là người đồng mình, cũng mang hình hài, vóc dáng nhỏ bé.

(6) Người cha muốn con phải biết lắng nghe, biết giữ lấy cốt cách giản dị, mộc mạc của người lao động.

(7) Nhưng con "không bao giờ được nhỏ bé" mà phải kiên cường, bản lĩnh để đương đầu với những gập ghềnh, gian khó của cuộc đời.

(8) Hai tiếng "nghe con" nghe thật thiết tha, ân cần, xúc động, ẩn chứa biết bao mong muốn của người cha.

(9) Đó là cả một tấm lòng người cha bao la, đó cũng là niềm tin người cha dành cho con.

*(10) Với giọng điệu thiết tha, tâm tình, trìu mến,người cha đã gửi gắm cho con những bài học quý giá, để trên suốt hành trình dài rộng của cuộc đời con mãi mãi khắc ghi.*

**- Phép liên kết:** (7) ***Nhưng*** con "không bao giờ được nhỏ bé" mà phải kiên cường, bản lĩnh để đương đầu với những gập ghềnh, gian khó của cuộc đời.

*( Nhưng: phép nối)*

**SANG THU**

**(Hữu Thỉnh)**

|  |  |
| --- | --- |
| **\*Khổ 1**  **Những tín hiệu báo thu về và cảm xúc của nhà thơ** | |
| **Bỗng nhận ra** **hương ổi**  Phả vào trong **gió se**  **Sương** *chùng chình* qua ngõ  **Hình như** thu đã về | **a/ Tín hiệu báo thu về (bức tranh giao mùa):**  **- Cảm nhận bằng khứu giác:** “hương ổi” – “phả”  + *“Hương ổi”* => mùi hương quen thuộc, mộc mạc  + *“Phả”* => động từ mạnh => hương thơm lan tỏa, sánh quyện, ấm nồng  **- Cảm nhận bằng xúc giác:** *“gió se”*  + Gió nhẹ, lạnh  + Đặc trưng của tiết trời thu  **- Cảm nhận bằng thị giác** *“sương… ngõ”*  + *“Chùng chình”:* từ láy tượng hình + nhân hóa  Sương chuyển động nhẹ nhàng như cố ý đi chậm lại, lưu luyến mùa hạ, ngập ngừng chưa bước hẳn sang thu  + *“Ngõ”:* từ đa nghĩa  Chỉ ngõ xóm đường quê  Gợi cửa ngõ thời gian giữa hai mùa hạ - thu  <====== CÂU CHUYỂN Ý=========>  **b/ Cảm xúc của nhà thơ:**  **-“Bỗng”:**  + Gợi sự bất ngờ, đột ngột  + Ngỡ ngàng, ngạc nhiên, xúc động trước tín hiệu chuyển mùa  **-“Hình như thu đã về”**  ***“thu đã về”***  => Hữu hình hóa bước đi của thời gian  ***“Hình như”*** => thành phần tình thái  + Phỏng đoán nghi hoặc  + Cảm giác mơ hồ, mong manh, chưa tin hẳn, chưa rõ ràng  + Cảm xúc xao xuyến  + Hồn người lúc sang thu cũng lưu luyến, bâng khuâng  =>Yêu thiên nhiên, yêu vẻ đẹp nhẹ nhàng trong sáng của khoảnh khắc chớm sang thu  => tâm hồn tinh tế, nhạy cảm => xao xuyến rung động trong thời khắc giao mùa |
| **Chốt ý khổ 1: Vẻ đẹp của bức tranh giao mùa và những cảm xúc nhẹ nhàng mà lắng sâu…** | |
|  |  |  |
| **\*Khổ 2:**  **Cảm nhận những biến chuyển của thiên nhiên đất trời sang thu ở không gian rộng mở** | |
| Sông được lúc dềnh dàng  Chim bắt đầu vội vã  Có đám mây mùa hạ  Vắt nửa mình sang thu | **\*Hình ảnh đối lập** *=>* **nghệ thuật tương phản**  *- Sông …dềnh dàng > < chim … vội vã*  + Lời thơ giàu nhạc điệu  + Cảnh đối xứng hài hòa  Không gian rộng mở: dài – rộng, cao – xa, dòng sông – bầu trời  **- Nghệ thuật nhân hóa, từ láy biểu cảm:** *dềnh dàng, vội vã*  - Dòng sông êm đềm, chầm chậm, thong thả trôi  => “được lúc” tận hưởng    => ngẫm ngợi, suy tư  - Cánh chim bắt đầu bay đi tránh rét => cái “vội vã” vừa mới “bắt đầu” trong nhịp cánh => sự tinh tế trong miêu tả, cảm nhận của tác giả  => Hai câu thơ đầu: vừa có sự thống nhất lại vừa có sự khác biệt:  **+ Thống nhất** trong cấu trúc đăng đối chặt chẽ; thống nhất khi miêu tả những đổi thay của cảnh vật lúc sang thu.  + **Khác biệt** ở những hình ảnh tương phản, những chuyển động trái chiều  => Bức tranh thu sống động, có hồn.  **\*Hình ảnh thú vị, đặc sắc:**  *Có đám mây mùa hạ*  *Vắt nửa mình sang thu*  - Nhân hóa, đảo ngữ  - Đám mây mềm mại, mỏng manh vắt ngang trời => thơ mộng  - Mây là nhịp cầu nối hai mùa:  + dùng không gian gợi tả thời gian  + lấy cái **hữu hình** (đám mây) tả cái **vô hình** (thời gian)  => **Miêu tả hình ảnh trong không gian để nói bước chuyển âm thầm của thời gian – phút giao mùa cuối hạ đầu thu**  **\*Nhà thơ Hữu Thỉnh:**  - Có sự cảm nhận tinh tế  - Có khả năng liên tưởng mới lạ đầy sáng tạo  - Cảm xúc say sưa, yêu thiên nhiên, yêu mùa thu tha thiết |  |
|  |  |  |
| **Khổ 3:**  **Bức tranh thiên nhiên cảnh vật lúc sang thu và những suy tư của nhà thơ về cuộc đời, về đất nước.** | |
| Vẫn còn bao nhiêu //nắng  Đã vơi dần //cơn mưa  Sấm cũng bớt bất ngờ  Trên hàng cây đứng tuổi. | **a/ Những hiện tượng thiên nhiên đặc trưng của mùa hạ giảm dần, phai nhạt dần; sắc thu hiện rõ nét:**  **\*Nắng:**  - “Vẫn còn bao nhiêu” => đảo ngữ => nắng tràn ngập không gian mùa thu tươi sáng => nắng vàng tươi rực rỡ.  **\*Mưa:**  - “Đã vơi dần” => đảo ngữ => lượng mưa ít hơn, những cơn mưa đến thưa hơn  **\*Sấm:**  - “bớt bất ngờ” => thưa và nhỏ dần  **\*Hàng cây**:  - “Hàng cây đứng tuổi” => cây to, cây lâu năm, cây cổ thụ  => vững vàng trong mưa gió, giông tố.  *(Nghĩa tả thực)*  **\*Cách dùng từ tinh tế:**  - Các từ ngữ “vẫn còn”, “đã vơi dần”, “cũng bớt”:  + như đo đếm được độ đậm nhạt của nắng  + như tính được khối lượng đầy vơi của mưa  + như định lượng được cường độ của tiếng sấm   * cho thấy **dấu hiệu của sự chuyển mùa ngày càng rõ nét** * Hạ phai nhạt dần, thu đậm sắc hơn => thiên nhiên, đất trời thực sự vào thu.   <====== CÂU CHUYỂN Ý=========>  **b/Những suy tư của nhà thơ:**  **\*Nghĩa ẩn dụ 1:**  - “Sấm”: những tác động của ngoại cảnh, những thay đổi bất thường của cuộc đời – những biến cố, nghịch cảnh...  - “hàng cây đứng tuổi”: những người đã từng trải  => Khi cuộc đời sang thu, con người chín chắn, vững vàng hơn trước những tác động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời.  (Nhân hóa “sấm… bớt bất ngờ”, “hàng cây đứng tuổi”)  **\*Nghĩa ẩn dụ 2:**  - **“Sấm”:** những khó khăn thử thách mà dân tộc Việt Nam đã trải qua hai cuộc chiến tranh ác liệt chống Pháp và chống Mĩ.  - **“Hàng cây...”:** hình ảnh của đất nước, dân tộc ta vững vàng vượt qua thử thách  *=> Đất nước ta đã trải qua sự khốc liệt của chiến tranh nên vững vàng vượt qua mọi thử thách, vững vàng tiến lên phía trước trong công cuộc xây dựng đất nước.*  **\*Cảm xúc:**  *- Bâng khuâng, nuối tiếc*  *- Tâm hồn thi nhân đồng điệu với nhịp chuyển mùa*  *- Từ mùa thu của thiên nhiên => gợi nghĩ về mùa thu của đời người => đất nước*  => Bài thơ dạt dào cảm xúc và còn mang chiều sâu tư tưởng  => Những câu thơ cuối bài giàu sức khái quát, triết lý |  |
| **KIẾN THỨC VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM** | |
| **1/Tác giả: Hữu Thỉnh**  2/ **Hoàn cảnh sáng tác:**  - Mùa thu năm **1977** - **hai năm sau ngày đất nước thống nhất**.  **-** Ý nghĩa của thời điểm sáng tác đó: Là một trong những mùa thu hòa bình đầu tiên, nhà thơ trân trọng và yêu mến khoảnh khắc bình yên của cuộc sống.  **3/ Xuất xứ:** In trong tập thơ **“Từ chiến hào đến thành phố”** (1991)  **4/ Bối cảnh thời gian, không gian trong bài thơ:**   * Thời gian: thời điểm giao mùa từ cuối mùa hạ sang những ngày đầu mùa thu * Không gian: ở vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ   **5/ Bố cục:**  **- Khổ 1:** Những tín hiệu báo thu về và cảm xúc của nhà thơ  **- Khổ 2:** Cảm nhận những biến chuyển của thiên nhiên đất trời sang thu ở không gian rộng mở  **- Khổ 3:** Bức tranh thiên nhiên cảnh vật lúc sang thu và những suy tư của nhà thơ về cuộc đời, về đất nước.  **6/ Mạch cảm xúc:** Mạch cảm xúc của bài thơ bắt đầu từ sự phát hiện những tín hiệu báo thu về ở khổ 1. Tiếp đến là những cảm nhận tinh tế về biến chuyển của thiên nhiên, đất trời lúc sang thu trong khổ thơ 2. Lắng lại trong khổ thơ cuối bài là những suy tư, chiêm nghiệm của nhà thơ: khi con người ta đã từng trải thì cũng vững vàng hơn trước những tác động bất thường của ngoại cảnh, cuộc đời  **7/ Cả bài thơ chỉ có 1 dấu chấm kết thúc bài:** Dụng ý làm liền mạch cảm xúc, suy ngẫm (bức tranh thu được hoàn thiện dần qua từng khổ thơ và trở nên trọn vẹn hơn khi gắn với những suy nghĩ của nhà thơ)  **8/ Ý nghĩa nhan đề: SANG THU**  - Cấu trúc đảo ngữ  - Nhấn mạnh khoảnh khắc giao mùa từ hạ sang thu.  - Nhấn mạnh bước đi của thời gian, nhà thơ như lắng nghe được những biến chuyển âm thầm của thiên nhiên, đất trời.  - Nhan đề cho ta thấy rõ mạch vận động, bước biến chuyển nhẹ nhàng của thiên nhiên, đất trời lúc giao mùa từ cuối hạ sang đầu thu.  **9/ Nội dung:** Bài thơ thể hiện những cảm nhận tinh tế của nhà thơ về **sự biến chuyển nhẹ nhàng mà rõ rệt của đất trời từ cuối hạ sang đầu thu**, qua đó **bộc lộ tình yêu thiên nhiên tha thiết, tâm hồn nhạy cảm sâu sắc của nhà thơ**.  **10/ Nghệ thuật:** Bài thơ viết theo thể thơ 5 chữ, có nhiều hình ảnh đặc sắc, giàu sức biểu cảm  11/ LIÊN HỆ  a/ Tác phẩm/ bài thơ viết ở giai đoạn sau 1975  b/ Văn bản viết về vẻ đẹp thiên nhiên  c/ Câu thơ có cùng biện pháp nghệ thuật  - Nhân hóa  - Đảo ngữ  - Ẩn dụ  d/ Thể thơ  12/DẠNG ĐỀ  a/Viết đoạn để phân tích, cảm nhận từng khổ thơ  b/Cảm nhận về vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên trong bài thơ “Sang thu” => xuyên suốt cả bài thơ  c/Cảm nhận về vẻ đẹp của bài thơ “Sang thu” (xứ sở của cái đẹp trong bài thơ “ST”)  + Luận điểm 1: Vẻ đẹp trước hết được thể hiện ở phương diện nội dung............  + Luận điểm 2: Vẻ đẹp còn được thể hiện ở phương diện hình thức (nghệ thuật)............ | |

***Sang thu***

***Hữu Thỉnh***

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Hữu Thỉnh tên đầy đủ là Nguyễn Hữu Thỉnh, sinh năm 1942, quê ở huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.  - Năm 1963, Hữu Thỉnh nhập ngũ, vào binh chủng Tăng Thiết Giáp rồi trở thành cán bộ văn hoá tuyên huấn trong quân đội và bắt đầu sáng tác thơ.  - Ông đã tham gia Ban chấp hành Hội nhà văn Việt Nam các khoá III, IV, V. Từ năm 2004, Hữu Thỉnh là Tổng thư ký Hội nhà văn Việt Nam.  - Ông là một trong những gương mặt tiêu biểu thuộc lớp nhà thơ chiến sĩ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.  + Trong giai đoạn chống Mĩ cứu nước, bao trùm tron gtoanf bộ sáng tác của Hữu Thỉnh là camrm hứng về quê hương, đất nước, nhân dân.  + Sau chiến tranh, ngòi bút của ôn ghướng về những cảm xúc đời thường hay những thân phận cá nhân.  - ***Phong cách sáng tác***: cảm xúc tinh tế, lãng mạn ; hình ảnh giản dị mà giàu sức gợi cảm. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | Gần cuối năm 1977, in lần đầu trên báo Văn nghệ. Sau đó được in nhiều lần trong các tập thơ. |
| ***Xuất xứ*** | Trong tập thơ “Từ chiến hào đến thành phố”, xuất bản năm 1991. |
| ***Thể loại*** | Thơ 5 chữ |
| ***Mạch cảm xúc và bố cục*** | \* **Mạch cảm xúc**: “***Sang thu***” là 1 bức thông điệp lúc giao mùa. Mùa hạ dần qua, mùa thu tới, khoảnh khắc ấy được diễn tả bằng sự rung cảm tinh tế, sự trải nghiệm sâu sắc của nhà thơ. Mạch cảm xúc xuyên suốt với 2 nội dung nổi bật: cảm nhận về thiên nhiên lúc sang thu và suy ngẫm về đời người khi chớm thu.  \* **Bố cục**: 3 phần:  - Khổ 1: Cảm nhận về thiên nhiên lúc giao mùa, tín hiệu báo thu về.  - Khổ 2: Quang cảnh đất trời ngả dần sang thu  - Khổ 3: Những biến chuyển âm thầm của tạo vật và suy ngẫm về đời người lúc chớm thu. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | - “Sang thu” trước hết gợi lên khoảnh khắc giao mùa của htieen nhiên, khi đất trời chuyển từ hạ sang thu.  - Gợi khoảnh khắc chuyển giao giữa tuổi trẻ sang độ tuổi trưởng thành, vững vàng, từng trải. |
| ***Chủ đề*** | Bài thơ thể hiện những cảm xúc, những rung động tâm hồn trước cảnh vật thiên nhiên trong những ngày cuối hạ đầu thu |
| ***Giá trị nội dung*** | Là sự cảm nhận tinh tế về vẻ đẹp thiên nhiên của bước chuyển mùa từ hạ sang thu. Đồng thời nói lên sự xúc động của lòng người trong khoảnh khắc giao mùa. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Là thơ giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm, cảm xúc tinh tế, sâu lắng, kết hợp tấm lòng chân thành của nhà thơ tạo nên sức cuốn hút cho tác phẩm. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Những tín hiệu giao mùa**

- "Sang thu" là một khoảnh khắc rất đặc biệt của thiên nhiên. Đó là lúc hạ vẫn chưa kịp đi mà hương thu đã lặng lẽ đến rồi.

- Trước sự thay đổi ấy, hẳn phải là một hồn tinh tế và giàu cảm xúc lắm thì nhà thơ mới cảm nhận được:

" Bỗng nhận ra hương ổi

Phả vào trong gió se

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về"

- Hữu Thỉnh đã lựa chọn một hình ảnh quen thuộc, gần gũi để làm nên một tứ thơ mới mẻ khi ông sử dụng một làn "hương ổi" để làm tín hiệu giao mùa:

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| "Hương ổi" đi liền với từ "bỗng" được đặt ở đầu câu thơ | đã diễn tả cảm giác bất ngờ, đột ngột, ngỡ ngàng của nhân vật trữ tình. |
| "Hương ổi" đi liền với động từ "phả" | diễn tả một làn hương ngào ngạt, sánh đậm. Đồng thời gợi cho ta liên tưởng đến không gian thân thuộc của những làng quê. Đó có thể là một làng quê vùng đồng bằng Bắc Bộ với những khu vườn, những lối ngõ sum suê cây trái.  Làn " hương ổi" trở thành phong vị riêng trong thơ thu Hữu Thỉnh. |
| "Gió se" | là ngọn gió heo may đặc trưng của mùa thu đất Bắc. Đó là một thứ gió khô và thoáng chút se lạnh.  Làn "gió se" ấy đã làm dịu đi cái nắng oi ả, gay gắt của mùa hạ và khiến cho làn "hương ổi" như sánh lại và trở nên ngọt ngào hơn. |
| Nghệ thuật nhân hóa qua từ láy "chùng chình" | đã gợi lên dáng vẻ lãng đãng như đợi chờ, cố ý chậm lại đầy lưu luyến của màn sương. |
| Cụm từ "qua ngõ" | gợi liên tưởng đến những đường làng, ngõ xóm hay cũng là cửa ngõ của thời gian thông giữa hai mùa (cuối hạ, đầu thu). |
| "Hình như" | là một lối nói giả định, phán đoán không chắc chắn, với một chút nghi hoặc. Nhưng lại rất phù hợp để diễn tả về cảm nhận mơ hồ lúc giao mùa. |
| Sự kết hợp một loạt các từ "bỗng" , "phả" , "hình như" | đã thể hiện tâm trạng ngỡ ngàng, vui mừng, hạnh phúc của tác giả trong phút giao mùa của vạn vật. |
| => Đó là những cảm nhận tinh tế của tác giả lúc thu sang, và đối diện với những khoảnh khắc ấy là niềm vui, niềm hạnh phúc vô bờ. | |

**2. Quang cảnh thiên nhiên phút giao mùa**

***a) Quang cảnh thiên nhiên được tái hiện chân thực và sống động qua việc lựa chọn những hình ảnh đặc trưng:***

" Sông được lúc dềnh dàng

Chim bắt đầu vội vã"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Hai câu thơ đầu có cấu trúc đối tự nhiên, chặt chẽ | đã diễn tả vẻ đẹp thiên nhiên và lòng người phút giao mùa. |
| Hình ảnh "dòng sông" được nhân hóa qua từ láy "dềnh dàng" : | Tả thực một dòng sông tĩnh lặng, trong trẻo với dòng chảy êm đềm. Con sông được nhân hóa như đang được nghỉ ngơi sau một mùa hạ vất vả với bão giông. |
| Từ "được lúc" | gợi ta liên tưởng đến hình ảnh những con người đã đi qua thời chiến, trải qua lửa đạn giờ đang được sống chậm lại, đến lúc phải nghỉ ngơi. |
| Hình ảnh những chú "chim" được nhân hóa qua từ láy "vội vã" : | - Tả thực những cánh chim di cư bay về phương Nam để tránh rét.  - Những cánh chim được nhân hóa như bắt đầu nhanh hơn, gấp gáp hơn khi nhận ra những đợt gió heo may se lạnh đang ùa về. |
| từ " bắt đầu" | gợi liên tưởng đến những người lính bước ra từ trong chiến tranh. Họ cứ ngỡ đã đến lúc phải nghỉ ngơi để suy ngẫm, song lại chính là lúc họ " bắt đầu" phải vội vã, tất bật trong những lo toan của cuộc sống mới. |
| Nghệ thuật đối được tác giả sử dụng một cách nhịp nhàng, tài tình qua hình ảnh " dềnh dàng" >< "vội vã". | - Làm nổi bật hai động thái trái ngược của thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa.  - Làm nổi rõ hai tâm trạng trái ngược nhau của con người khi bước từ chiến tranh sang hòa bình. |

***b) Quang cảnh thiên nhiên tiếp tục tái hiện qua những sáng tạo vô cùng độc đáo, ấn tượng:***

" Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Nghệ thuật nhân hóa qua cụm từ có ý nghĩa tượng hình “ vắt nửa mình” | - Gợi lên không gian của một bầu trời cao rộng, trong trẻo lúc thu về.  Khiến cho đám mây như có hình, có hồn và trở nên gần gũi, sinh động.  - Gợi liên tưởng đến bước đi của thời gian, đám mây như một cây cầu đặc biệt để nối liền những ngày cuối hạ và đầu thu. |
| Hình ảnh "đám mây" còn mang ý nghĩa thế sự : | gợi sự giao thời của đời sống khi đất nước đang chuyển giao từ chiến tranh sang hòa bình. |
| Khoảnh khắc giao mùa được tái hiện rất tinh tế, sống động bằng những câu thơ giàu giá trị tạo hình. Và ẩn sâu khoảnh khắc đó còn là hình ảnh của đời sống lúc sang thu với biết bao biến chuyển. | |

**3. Những suy ngẫm về đời người lúc chớm thu**

***a) Những biến chuyển của thiên nhiên:***

" Vẫn còn bao nhiêu nắng

Đã vơi dần cơn mưa"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Nghệ thuật đối,đảo qua hình ảnh "vẫn còn" >< "vơi dần" ; "nắng" >< "mưa" | đã tái hiện sự vận động trái chiều của hai hiện tượng thiên nhiên. |
| Hình ảnh "nắng" và "mưa" | là những hiện tượng của thiên nhiên, vận hành theo quy luật và có thể dự báo.  Tác giả đã mượn những hiện tượng thiên nhiên quen thuộc, dễ nắm bắt để cụ thể hóa khoảnh khắc giao mùa. |
| Những từ ngữ chỉ mức độ, ước lượng: "vẫn còn" , "bao nhiêu" , "vơi" , "bớt" | được sắp xếp theo trình tự giảm dần, cho thấy dấu hiệu của mùa hạ đang nhạt dần và những dấu hiệu của mùa thu ngày một đậm nét hơn.  Tác giả đã làm hiện hình bước chân của mùa thu giữa đất trời. |

***b) Đối diện với mùa thu của đất trời, trong lòng nhà thơ dào dạt bao suy ngẫm về đời người lúc chớm thu qua những hình ảnh giàu sức gợi :***

" Sấm cũng bớt bất ngờ

Trên hàng cây đứng tuổi"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Hình ảnh của "sấm": | - Là một hiện tượng, dấu hiệu cho những cơn mưa rào mùa hạ.  - Ẩn dụ cho những biến động, bất thường, thử thách trong cuộc đời của mỗi một con người. |
| Hình ảnh "sấm" đi liền với lối miêu tả "bớt bất ngờ" và "hàng cây đứng tuổi" : | - Tả thực về một hiện tượng, đó là sang thu, tiếng sấm như nhỏ dần,không còn đủ sức làm lay động những hàng cây đã qua bao mùa thay lá.  - Là một ẩn dụ về những con người từng trải, giờ đến tuổi xế chiều thì trở nên vững vàng hơn, ung dung hơn trước những đổi thay , biến động của cuộc đời. |
| => Khổ thơ đã bộc lộ trọn vẹn những khoảnh khắc thiên nhiên và đời người sang thu, với những cảm nhận tinh tế và suy ngẫm sâu sắc của nhà thơ. | |

**\* Đánh giá:**

- Bài thơ "Sang thu" là sự cảm nhận tinh tế của tác giả về vẻ đẹp thiên nhiên với những bước chuyển mình từ hạ sang thu. Đồng thời, qua tác phẩm còn nói lên niềm xúc động, những suy ngẫm và triết lý trong khoảnh khắc giao mùa của nhà thơ.

- Ngôn ngữ, hình ảnh giản dị, tự nhiên nhưng giàu sắc gợi, độc đáo và mới lạ.

- Giọng thơ nhẹ nhàng , sâu lắng.

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1a:**

Câu 3: Có học sinh chép khổ thơ

Bỗng nhận ra hương ổi

Tỏa vào trong gió se

Sương bồng bềnh qua ngõ

Hình như thu đã về

1. Chỉ ra từ học sinh chép sai và sửa lại
2. Giải thích rõ những từ chép sai đó ảnh hưởng như thế nào đến bài thơ?

Gợi ý:

1. Chỉ ra từ chép sai và sửa lại:

*Tỏa -> phả*

*Bồng bềnh -> chùng chình*

1. Giải thích từ chép sai ảnh hưởng đến ý thơ

- Từ *tỏa*

+ Nếu dùng từ tỏa, câu thơ mới chỉ gợi hương thơm từ một điểm lan truyền ra xung quanh.

+ Nếu dùng từ *Phả* gợi mùi hương ổi đang ở vào độ nồng nàn nhất. Nó đậm đà như sánh lại, luồn vào trong gió, ướp hương thơm cho gió gây sự bất ngờ cho cảm nhận.

* Rõ ràng từ *tỏa* và từ *phả* đều là những từ đồng nghĩa nhưng sắc thái biểu cảm của từ Phả mạnh hơn. Bởi vậy nếu dùng từ tỏa sẽ làm mất đi cái hay của ý thơ.

- từ bồng bềnh

+ Nếu dùng từ bồng bềnh, tác giả mới chỉ diễn tả được dáng chuyển động lên xuống nhẹ nhàng của làn sương theo gió. Theo đó câu thơ chỉ thuần túy miêu tả cảnh sắc thiên nhiên, ít sắc thái biểu cảm, và không ẩn chứa hồn người lúc sang thu.

+ Với từ chùng chình, màn sương mùa thu như được tác giả thổi hồn vào khiến nó như một thực thể mang cảm xúc con người cũng bịn rịn, lưu luyến, vấn vương mùa cũ mà chưa muốn đặt chân sang mùa mới. Nó mang trong mình bước chuyển của thời gian, của không gian rất chậm và khẽ.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

**Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi**

*Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se*

*Sương chùng chình qua ngõ*

*Hình như thu đã về*

## Câu 1: Đoạn thơ trích trong văn bản nào? Tác giả?

**Câu 2:** Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?

**Câu 3:** Bài thơ "Sang thu" của Hữu Thỉnh là bức thông điệp lúc giao mùa, em hãy trình bày mạch cảm xúc của bài thơ?

**Câu 4:** Nêu ý nghĩa nhan đề tác phẩm.

**Câu 5:** Xác định thành phần tình thái trong khổ thơ trên, nêu tác dụng.

**Câu 6:** Em hãy chỉ ra các biện pháp tu từ có trong khổ thơ trên của bài "Sang thu"?Nêu tác dụng?

**Câu 7:** Có thể thay thế từ “phả” bằng từ “tỏa” được không? Vì sao?

**Câu 8:** Hãy viết đoạn văn theo phương thức tổng hợp - phân tích - tổng hợp để làm rõ hình ảnh thiên nhiên lúc giao mùa và cảm xúc của con người.

### Hướng dẫn trả lời

## Câu 1: Sang thu (Hữu Thỉnh)

**Câu 2:** Hoàn cảnh sáng tác: Gần cuối năm 1977, in đầu tiên trên báo văn nghệ, sau đó được in nhiều lần trong các tập thơ. Trong tập thơ “Từ chiến hào đến thành phố” xuất bản 1991.

**Câu 3:**

Mạch cảm xúc của bài thơ: Sang thu là bức thông điệp lúc giao mùa, mùa hạ dần qua, mùa thu tới, khoảnh khắc ấy được diễn tả bằng sự rung cảm tinh tế, những trải nghiệm sâu sắc của nhà thơ. Mạch cảm xúc xuyên suốt với nội dung độc đáo nổi bật: cảm nhận về thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa và suy ngẫm về đời người khi sang thu.

**Câu 4:**

Ý nghĩa nhan đề tác phẩm: "Sang thu" như một lời thông báo về bước chuyển mình lúc giao mùa. Nhan đề bài thơ cho người đọc thấy được cảm nhận tinh tế của Hữu Thỉnh về sự chuyển mình trong khoảnh khắc sang thu. Thông qua nhan đề ta cũng cảm nhận được góc nhìn và những rung cảm đẹp đẽ của Hữu Thỉnh trước cuộc sống và tự nhiên.

**Câu 5:**

Thành phần tình thái thể hiện trong câu “Hình như thu đã về”. Cảm xúc “hình như” gợi cảm giác mơ hồ mong manh, chưa thật rõ nét. Gợi cảm xúc bâng khuâng, xao xuyến đến lạ của tác giả trước bước chuyển mùa còn có phần chầm chậm tiếc nuối.

**Câu 6:**

Biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ đầu bài "Sang thu":

    - Biện pháp đảo ngữ:

       + Sử dụng động từ “bỗng” diễn tả sự bất ngờ, như một từ để thu hút tất cả các giác quan phải chú ý tới những dấu hiệu thu sang.

    - Thủ pháp nhân hóa: “sương chùng chình qua ngõ” khiến cho hình ảnh những màn sương giống như cô gái mong manh, tinh khôi vẫn còn ngập ngừng trong từng bước đi của mình → Hình ảnh đẹp về nàng thu mơ mộng, thanh tao.

**Câu 7:**

Không thể thay từ “phả” bằng từ “tỏa” bởi vì:

    + Từ “phả” nghĩa là bốc mạnh hoặc tỏa ra thành luồng - theo từ điển của Hoàng Phê) là động từ có sắc thái mạnh hơn động từ “tỏa” mới diễn tả được mùi vị của hương ổi chín đậm trong gió, mạnh mẽ choáng lấy tâm trí của con người, mùi hương đó quyện thành luồng, hương thơm như sánh lại.

    + “Tỏa” sẽ gợi ra sự lan tỏa về mùi hương trong không gian, hương ổi sẽ không thể kích thích và gây được ấn tượng mạnh với người cảm nhận.

    + Tác giả muốn gây ấn tượng mạnh với người đọc về sự tập trung khi cảm nhận hương vị đặc trưng của mùa thu.

**Câu 8:**

***\* Đoạn văn tham khảo:***

*(1) Khổ thơ đầu bài sang thu giản dị gây ấn tượng mạnh mẽ với người đọc bởi những cảm nhận tinh tế của Hưu Thỉnh trước sự chuyển giao mùa.*

(2) Nhà thơ nhận ra tín hiệu thu sang trong ngọn gió thu mang theo luồng hương ổi chín ngào ngạt khiến tác giả phải thốt lên: “Bỗng nhận ra hương ổi”.

(3) Như một sự phát hiện tạo ra thú vị và bất ngờ cho tác giả, đó cũng là cách tác giả muốn thu hút sự tập trung của mọi giác quan để cảm nhận hết vẻ đẹp mùa thu.

(4) Hình ảnh “sương chùng chình qua ngõ” bắt lấy được cái hồn của thời gian, thời gian tưởng như vô hình bây giờ hiện hữu thành hình ảnh làn sương thu mỏng manh, chảy trôi chầm chậm như còn lưu luyến, quấn quýt những con ngõ nhỏ.

(5) Chính điều đó khiến tác giả cũng mơ hồ “hình như” gợi cảm xúc tác giả về bước chuyển mùa đầy bâng khuâng, xao xuyến.

*(6) Khổ thơ đầu thật đẹp gợi lên được những rung động tinh tế của tác giả trước khoảnh khắc giao mùa.*

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

Sông được lúc dềnh dàng

Chim bắt đầu vội vã

Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu

**Câu 1:** Đoạn thơ trên được trích từ văn bản nào ? Của ai ? Sáng tác vào năm nào?

**Câu 2:** Chỉ rõ và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ từ vựng được sử dụng trong đoạn thơ trên ?

**Câu 3:** Hai từ “dềnh dàng” và cụm từ “bắt đầu, vội vã” trong đoạn thơ vừa chép có ý nghĩa gì trong việc thể hiện dụng ý nghệ thuật của nhà thơ?

**Câu 4:**

Bằng một đoạn văn diễn dịch (6 -8 câu) trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của những hình ảnh được tác giả miêu tả trong khổ thơ trên. Trong đoạn văn em viết có sử dụng một phép liên kết và câu hỏi tu từ.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** Đoạn thơ trên được trích từ bài thơ Sang thu, tác giả Hữu Thỉnh, sáng tác vào năm 1977.

**Câu 2:**

- Trong đoạn thơ trên tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật tu từ nhân hóa.

- Phân tích:

+ "Sông dềnh dàng": từ *dềnh dàng* đã nhân hóa sông, dòng sông không chảy cuồn cuộn, gấp gáp như trong những ngày mưa lũ mùa hạ nữa mà trở nên chậm chạp, thong thả.

+ "chim vội vã": Từ *vội vã* đã nhân hóa những cánh chim, những cánh chim đang chuẩn bị về phương Nam để tránh rét.

+ "đám mây ...vắt nửa mình" Hình ảnh *đám mây* giống như người thiếu nữ vắt chiếc khăn mềm mại nối hai nhịp bờ thời gian giữa hạ và thu.

- Tác dụng: Cách miêu tả đã đem lại hiệu quả diễn đạt rất sinh động, khiến sự vật trở nên sống động, có hồn.

**Câu 3:**

Từ “dềnh dàng” và “cụm từ “bắt đầu vội vã” gợi ra hai trạng thái đối lập của sự vật, hiện tượng.

    + Sông dềnh dàng: gợi hình ảnh dòng sông chầm chậm, lững lờ trôi, giống bước đi của thời gian và của khoảnh khắc giao mùa thanh tao, nhẹ nhàng.

    + “Bắt đầu vội vã” là hình ảnh những đàn chim bắt đầu tìm cho mình cuộc sống ám áp, dễ chịu hơn, tránh đi sự se lạnh của mùa mới đang tới gần.

**Câu 4:**

- Viết đúng đoạn văn diễn dịch, đảm bảo từ 6 đến 8 câu. Hành văn rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả.

- Đoạn văn có thể gồm các ý:

+ Dòng sông và con chim trở nên có hồn, có tâm trạng như con người. Chim vội vã bay đi tìm nơi tránh rét cho mùa đông cũng như con người hối hả hơn khi bước sang mùa thu của cuộc đời.

+ Dòng sông êm trôi nhẹ nhàng, gợi khung cảnh thơ mộng cũng như lòng người thấy man mác, bâng khuâng khi mùa thu tới.

+ Hình ảnh "đám mây mùa hạ"được cảm nhận tinh tế, kết hợp với trí tưởng tượng bay bổng của nhà thơ. Hình ảnh đám mây còn sót lại trên bầu trời thu trong xanh, mỏng, kéo dài, nhẹ trôi hững hờ như còn vương vấn, lưu luyến không nỡ rời xa, cảnh có hồn.

+ Đó là những hình ảnh gợi rõ cảm giác giao mùa, hạ đã qua mà thu chưa đến hẳn.

- Đoạn văn viết có sử dụng thành phần biệt lập tình thái hoặc cảm thán, chỉ rõ.

***\* Đoạn văn tham khảo:***

*(1) Nếu khổ thơ đầu bài "Sang thu" thể hiện tín hiệu thu sang, thì tới khổ thơ thứ hai hình ảnh, sự vật, không gian được mở rộng và có chiều sâu hơn thông qua cảm nhận và quan sát tinh tế của Hữu Thỉnh.*

(2) Hình ảnh dòng sông “dềnh dàng” tiếp nối chuỗi hình ảnh mơ hồ sương khói ở khổ một nhưng lại mang cảm giác thư thái, thảnh thơi của con sông sau những ngày bận rộn chảy trôi trong mùa mưa lũ.

(3) Sự dềnh dàng phải chăng cũng chính là con người trước khoảnh khắc giao mùa muốn lắng mình lại, để suy tư về cuộc đời và để lại dấu ấn đẹp cho cuộc sống?

(4) Đối lập với hình ảnh đó là hình ảnh “chim bắt đầu vội vã”.

Những cánh chim, tiếng hót líu lo vui nhộn của mùa hè giờ đây dường như bận rộn hơn, để tìm nơi ấm áp tránh cái lạnh của mùa mới.

(5) Nhưng kết tinh đẹp nhất là hai câu thơ: “Có đám mây mùa hạ/ Vắt nửa mình sang thu”.

(6) Sức gợi của câu thơ là vô hạn khi gợi lên trong lòng người đọc về hình ảnh chiếc cầu giao mùa mỏng manh như đẹp và nên thơ.

(7) Ranh giới vô hình trong khoảnh khắc giao mùa tác giả bắt trọn vẹn khoảnh khắc đó để rồi cô kết trong câu thơ mềm mại, uyển chuyển như chính hình ảnh mà tác giả vẽ lên trong bài.

- Phép liên kết: phép nối( Nhưng)

- Câu hỏi tu từ: (3) Sự dềnh dàng phải chăng cũng chính là con người trước khoảnh khắc giao mùa muốn lắng mình lại, để suy tư về cuộc đời và để lại dấu ấn đẹp cho cuộc sống?

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

**Câu 1:** Chép thuộc lòng khổ cuối bài thơ “ Sang thu”?

**Câu 2:** Có ý người cho rằng hình ảnh “sấm” và “hàng cây đứng tuổi” là hình ảnh ẩn dụ. Em có đồng ý với ý kiến đó không, tại sao?

**Câu 3:** Dựa vào kiến thức đã học từ bài "Sang thu" em hãy viết đoạn văn khoảng 12 câu phân tích ý kiến: *“Hình ảnh hàng cây đứng tuổi ở cuối bài thơ là chìa khóa quan trọng dẫn lối người đọc tới hồn người sang thu.”* Trong đoạn có sử dụng thành phần biệt lập phụ chú.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** Chép thuộc lòng khổ cuối bài thơ “ Sang thu”:

**Câu 2:**

    + Sấm và hình ảnh hàng cây đứng tuổi ở đây chính là hình ảnh ẩn dụ, chứa đựng suy nghĩ và triết lý về con người và cuộc đời.

    + Sấm tượng trưng cho những điều giông bão, những thử thách khó khăn trong cuộc sống.

    + Hàng cây đứng tuổi ẩn dụ cho những con người từng trải, những trải nghiệm đã tôi luyện thành những con người cứng cáp.

Cả hai câu thơ: *“Sấm cũng bớt bất ngờ/ Trên hàng cây đứng tuổi”* để nói về lắng đọng rất suất để nhận ra xao động mơ hồ huyền ảo của thiên nhiên và những sự xôn xao, bâng khuâng sâu lắng con người. Hai câu thơ cuối nói về hình ảnh con người trải qua biến cố thử thách sẽ có kinh nghiệm, trở nên hiểu mình, hiểu người và hiểu đời hơn.

**Câu 3:**

***\* Đoạn văn tham khảo:***

(1) Khổ thơ cuối bài "Sang thu" là khổ thơ kết tinh những chiêm nghiệm, suy ngẫm của Hữu Thỉnh về con người và cuộc đời trước khoảnh khắc sang thu.

(2) Chẳng thế mà, có người nhận định *“Hình ảnh hàng cây đứng tuổi đứng tuổi ở cuối bài thơ là chìa khóa quan trọng dẫn lối người đọc tới hồn người sang thu”*.

(3) Đất trời sang thu, vạn vật thay đổi, còn lòng người thì bâng khuâng, xao xuyến trước khoảnh khắc của bước chuyển mùa.

(4) Đất Ttrời vào thu được cảm nhận bằng trải nghiệm: cảnh không còn là ngoại cảnh mà lắng đọng vào tâm tư con người.

(5) Đất trời vẫn còn bao nhiêu nắng nhưng không còn gay gắt, chói chang như mùa hạ.

(6) Mưa đã thưa dần, không còn xối xả, bất chợt như những cơn mưa đầu mùa.

(7) Sấm cũng đã bớt bất ngờ.

(8) Thiên nhiên dần đi vào thế ổn định hay cũng chính là sự ổn định của một đời người khi tuổi đã sang thu.

(9) Với thủ pháp nhân hóa và ẩn dụ, hai câu cuối mang ý nghĩa hàm ẩn sâu sắc.

(10) Chiêm nghiệm của đời người, quy luật của tự nhiên (xuân- hạ- thu- đông) cũng ứng với quy luật của đời người (sinh- lão- bệnh- tử)

(11) Đất trời sang thu thật tuyệt nhưng đời người vào thu thì đồng nghĩa với bước vào trạng thái xế chiều của cuộc đời.

(12) Có điều gì nhưn bang khuâng tiếc nuối, nhưng cũng có chút tự hào vì con người lúc này đã từng trải, kiên định, vững vàng hơn tuổi trẻ; sẵn sàng đón nhận và bình tĩnh trước những sóng gió cuộc đời, như nhà thơ Tố Hữu từng viết:

*Thác bao nhiêu thác cũng qua*

*Thênh thênh là chiếc thuyền ta trên đời*

(Tố Hữu, *Nước non ngàn dặm*)

- **Thành phần phụ chú:** (xuân- hạ- thu- đông), (sinh- lão- bệnh- tử), (Tố Hữu, *Nước non ngàn dặm*)

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:**

***Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:***

*"Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se*

*Sương chùng chình qua ngõ*

*Hình như thu đã về"*

(Sang thu, *Hữu Thỉnh*)

**Câu 1**. Đoạn thơ trên chủ yếu được viết theo phương thức biểu đạt nào? Tìm nội dung chính của đoạn thơ?

**Câu 2.** Hãy chỉ ra điểm giống và khác nhau về ý nghĩa của từ chùng chình trong:

"Sương chùng chình qua ngõ"

(Sang thu, Hữu Thỉnh)

và

"Không khéo thằng con trai anh lại trễ mất chuyến đò trong ngày, Nhĩ nghĩ một cách buồn bã, con người ta trên đường đời thật khó tránh được những cái điều vòng vèo hoặc chùng chình…"

(Bến quê, Nguyễn Minh Châu)

**Câu 3**. Nêu cảm nhận sâu sắc của em về nội dung đoạn thơ trên bằng một đoạn văn từ 5-7 câu.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1**.

- Đoạn thơ trên chủ yếu được viết theo phương thức biểu đạt biểu cảm.

-Nội dung chính của đoạn thơ:

+ Dấu hiệu thu sang qua làn hương ổi , gió se, sương chùng chình…

+Tâm trạng ngỡ ngàng của con người khi nhận ra dấu hiệu sang thu.

**Câu 2:**

**-**Thành phần biệt lập: Tình thái "*Hình như"*

*-*Tác dụng: Diễn tả tâm trang ngỡ ngàng, chưa tin chưa dám chắc dù đã nhận ra dấu hiệu thu sang ở một chốn làng quê.

**Câu 3:**

- Điểm giống: chỉ một sự dịch chuyển rất chậm.

- Điểm khác:

+Từ *chùng chình* trong câu *"Sương chùng chình qua ngõ"* là nghệ thuật nhân hóa chỉ làn sương thu nhẹ, mỏng manh, giăng mắc, nửa muốn đi, nửa muốn níu dừng lại nơi ngõ xóm.

+ Từ *chùng chình* trong câu *"…con người ta trên đường đời thật khó tránh được những cái điều vòng vèo hoặc chùng chình…"* là nghệ thuật ẩn dụ chỉ sự lặp lại những điều đáng tiếc như của người bố ở người con: Đó là lãng quên gia đình quê hương. Lỗi sai này bố đã hối hận và đến con cũng không có sự tiến triển đổi thay.Con cũng giống như bố.

**Câu 4 :**

\* Yêu cầu về hình thức: Viết đoạn văn(5-7 câu)

\* Yêu cầu về nội dung: đảm bảo các ý sau:

- Những dấu hiệu sang thu ở một chốn làng quê qua những hình ảnh rất đỗi mộc mạc, gần gũi quen thuộc:

+ Hương thu…

+Gió thu…

+Sương thu…

- Tâm trạng của con người ngỡ ngàng, bất ngờ, bối rối chưa dám tin vào những điều đã nhìn thấy, cảm thấy.

=> Đó chính là giây phút giao mùa sang thu đang diễn ra ở một chốn làng quê.

**GPHẦN 1: ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** |
| **Chuyên đề 1: Ôn tập thơ hiện đại Việt Nam** | |
| 1 | Đồng chí 1 |
| 2 | Bài thơ về tiểu đội xe không kính 17 |
| 3 | Đoàn thuyền đánh cá 25 |
| 4 | Bếp lửa 37 |
| 5 | Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ 50 |
| 6 | Ánh trăng 57 |
| 7 | Mùa xuân nho nhỏ 82 |
| 8 | Viếng lăng Bác 70 |
| 9 | Sang thu 106 |
| 10 | Nói với con 96 |
| **Chuyên đề 2: Ôn tập truyện hiện đại** | |
| 1 | Làng 116 |
| 2 | Lặng lẽ Sa Pa 130 |
| 3 | Chiếc lược ngà 144 |
| 4 | Những ngôi sao xa xôi 156 |
| **Chuyên đề 3: Ôn tập văn học Trung đại** | |
| 1 | Người con gái Nam Xương 170 |
| 2 | Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh 182 |
| 3 | Hoàng Lê Nhất thống chí 188 |
| 4 | Truyện Kiều 198 |
| 5 | Lục Vân Tiên 220 |
| **Chuyên đề 4: Ôn tập văn bản nhật dụng** | |
| 1 | Phong cách Hồ Chí Minh 243 |
| 2 | Đấu tranh cho một thế giới hòa bình 248 |
| 3 | Tuyên bố thế giới về sự sống còn… 245 |
| 4 | Bàn về đọc sách 227 |
| 5 | Tiếng nói của văn nghệ 233 |
| 6 | Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới 237 |

**CHUYÊN ĐỀ 1: THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM**

**BÀI 1: ĐỒNG CHÍ**

***Chính Hữu***

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Tên khai sinh: **Trần Đình Đắc(**1926-2007), quê Can Lộc, Hà Tĩnh. Bút danh : Chính Hữu.  - Là nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Pháp.  - Chính Hữu bắt đầu cầm bút từ năm 1947 và tập trung khai thác ở hai mảng đề tài chính là người lính và chiến tranh. Đặc biệt là tình cảm đồng chí, đồng đội, sự gắn bó của tiền tuyến với hậu phương.  - ***Phong cách sáng tác***: Thơ Chính Hữu vừa bình dị vừa trí tuệ; ngôn ngữ giàu hình ảnh; giọng điệu phong phú, cảm xúc dồn nén, khi thiết tha, trầm hùng khi lại sâu lắng, hàm súc. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Bài thơ sáng tác mùa xuân 1948, sau khi tác giả tham gia chiến dịch Việt Bắc Thu- Đông( 1947)- thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.  - Bài thơ là kết quả từ những trải nghiệm của tác giả về thực tế cuộc sống và chiến đấu của bộ đội ta trong những ngày đầu kháng chiến.  - Bài thơ được in trong tập “ Đầu súng trăng treo” (1966).  \* Bài thơ được đánh giá là tiêu biểu của thơ ca kháng chiến giai đoạn 1946-1954. |
| ***Thể thơ*** | Thơ tự do |
| ***Mạch cảm xúc và bố cục*** | **\* Mạch cảm xúc:** Bài thơ theo thể tự do, 20 dòng chia làm 3 đoạn. Cả bài thơ tập trung thể hiện vẻ đẹp và sức mạnh của tình đồng chí, đồng đội, nhưng ở mỗi đoạn sức nặng của tư tưởng và cảm xúc được dẫn dắt để dồn tụ vào những dòng thơ gây ấn tượng sâu đậm (các dòng 7, 17 và 20).  Sáu dòng đầu có thể xem là sự lý giải về cơ sở của tình đồng chí. Dòng 7 có cấu trúc đặc biệt (chỉ một từ với dấu chấm than) như một phát hiện, một lời khẳng định sự kết tinh tình cảm giữa những người lính.  Mười dòng tiếp theo, mạch cảm xúc sau khi dồn tụ ở dòng 17 lại tiếp tục khơi mở trong những hình ảnh, chi tiết biểu hiện cụ thể, thấm thía tình đồng chí và sức mạnh của nó.  Ba dòng thơ cuối được tác giả tách ra thành một đoạn kết, đọng lại và ngân rung với hình ảnh đặc sắc “Đầu súng trăng treo” như là một biểu tượng giàu chất thơ về người lính.  **\* Bố cục:** 3 đoạn  + Đoạn 1: 7 câu thơ đầu: Cơ sở hình thành tình đồng chí của những người lính.  + Đoạn 2: 10 câu thơ tiếp theo: những biểu hiện của tình đồng chí và sức mạnh của tình cảm ấy ở những người lính.  + Đoạn 3: 3 câu kết: Biểu tượng đẹp về tình đồng chí. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | **Đồng chí:** (đồng là cùng; chí là chí hướng) Đồng chí là chung chí hướng, chung lý tưởng. Người cùng trong một đoàn thể chính trị hay một tổ chức cách mạng thường gọi nhau là “đồng chí”. Từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 “đồng chí” là cách xưng hô quen thuộc trong các cơ quan, đoàn thể cách mạng, đơn vị bộ đội. Vì vậy, tình đồng chí là bản chất cách mạng của tình đồng đội và thể hiện sâu sắc tình đồng đội. |
| ***PT biểu đạt*** | Biểu cảm |
| ***Chủ đề*** | Bài thơ ca ngợi tình đồng chí đồng đội thiêng liêng cao cả, vào sinh ra tử có nhau của các anh bộ đội thời kháng chiến chống Pháp. |
| ***Giá trị nội dung*** | Bài thơ nói về tình đồng chí, đồng đội thắm thiết, sâu nặng của những người lính cách mạng. Đồng thời còn làm hiện lên hình ảnh chân thực, giản dị mà cao đẹp của anh bộ đội cụ Hồ thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | - Bài thơ sử dụng những chi tiết, hình ảnh, ngôn ngữ giản dị, chân thực, cô đọng và giàu sức biểu cảm  - Giọng điệu tự nhiên, trầm bổng thể hiện cảm xúc dồn nén, chân thành |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

***\* Khái quát:***  Bài thơ được viết vào khoảng đầu năm 1948, sau khi tác giả cùng đồng đội tham gia chiến dịch Việt Bắc thu – đông( 1947). Bài thơ là kết quả từ những trải nghiệm của tác giả về thực tế cuộc sống và chiến đấu của bộ đội ta trong những ngày đầu kháng chiến. Qua bài thơ, người đọc thấy được tình cảm đồng chí, đồng đội keo sơn, gắn bó mặn nồng. Bài thơ in trong tập “ Đầu súng trăng treo” (1966).

**1. Cơ sở hình thành nên tình đồng chí, đồng đội(7 câu đầu):**

**CS1-** *Tình đồng chí bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân.*

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| - Thủ pháp đối được sử dụng trong 2 câu thơ đầu | gợi lên sự tương đồng trong cảnh ngộ của người lính. |
| - Lời thơ mộc mạc, giản dị, chân thành | đã cho thấy những người lính, họ đều xuất thân từ những người nông dân chân lấm tay bùn, vất vả và nghèo khó. Chính vì thế mà mối quan tâm hàng đầu của họ chính là về đất đai khi họ giới thiệu về mình. |
| + Thành ngữ "nước mặn đồng chua": | gợi lên một miền đất nắng gió ven biển, đất đai bị nhiễm phèn, nhiễm mặn, rất khó trồng trọt. Cái đói, cái nghèo như manh nha từ trong làn nước. |
| + Còn cụm từ “đất cày lên sỏi đá” | lại gợi lên trong lòng người đọc về một vùng đồi núi, trung du đất đai cằn cỗi, khó canh tác. Cái đói, cái nghèo như ăn sâu vào trong lòng đất. |
| -> Các anh tuy có khác nhau về địa giới, người miền xuôi, kẻ miền ngược thì cũng giống nhau ở cái nghèo, cái khổ. Chính sự tương đồng về cảnh ngộ, sự đồng cảm giai cấp là sợi dây tình cảm nối họ lại với nhau, là cơ sở ban đầu để hình thành trong họ tình đồng chí, đồng đội gắn bó keo sơn. | |

***CS2****- Cùng chung chí hướng, lí tưởng cách mạng cao đẹp.*

Từ hai con người vốn chẳng hề thân quen, nay cùng chung lí tưởng cách mạng mà gặp gỡ, từ đó mà làm nên tình đồng chí.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Anh với tôi đôi người xa lạ  Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau  Súng bên súng, đầu sát bên đầu  Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ  Đồng chí! | | |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| - Tõ “đ«i”  -Tù ph­¬ng trêi tuy ch¼ng quen nhau  - Hình ảnh thơ có sự sóng đôi | - Tõ “đ«i” chØ 2 ng­êi, 2 ®èi t­îng ch¼ng thÓ t¸ch rêi nhau kÕt hîp víi tõ “xa l¹” lµm cho ý xa l¹ ®­îc nhÊn m¹nh h¬n.  -Tù ph­¬ng trêi tuy ch¼ng quen nhau nh­ng cïng mét nhÞp ®Ëp cña tr¸i tim, cïng tham gia chiÕn ®Êu, gi÷a hä ®· n¶y në mét thø t×nh c¶m cao ®Ñp: T×nh ®ång chÝ - t×nh c¶m Êy kh«ng ph¶i chØ lµ cïng c¶nh ngé mµ cßn lµ sù g¾n kÕt trän vÑn c¶ vÒ lý trÝ, lÉn lý t­ëng vµ môc ®Ých cao c¶: chiÕn ®Êu giµnh ®éc lËp tù do cho tæ quèc.  gợi nên tình gắn bó keo sơn của người lính cách mạng. |
| + “Súng bên súng”: là cách nói giàu hình tượng | để diễn tả sự cùng nhau kề vai sát cánh đi bên nhau trong chiến đấu; cùng chung mục tiêu, cùng chung nhiệm vụ. |
| + “ Đầu sát bên đầu”: là cách nói hoán dụ | tượng trưng cho ý chí, quyết tâm chiến đấu của những người lính trong cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc. |

***CS3-*** *Cùng trải qua những khó khăn, thiếu thốn.*

Trong cuộc sống nơi chiến trường, họ cùng trải qua những khó khăn, thiếu thốn

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| + “đêm rét chung chăn”- là một hình ảnh đẹp | thể hiện sự gắn bó, sẻ chia, sẵn sàng chia ngọt, sẻ bùi những lúc thiếu thốn về vật chất. Chính sự sẻ chia, đồng cam cộng khổ ấy đã tạo nên hơi ấm để xua tan đi cái lạnh lẽo, cái khắc nghiệt, khó khăn của cuộc đời người lính, giúp họ gắn kết với nhau mà vượt lên gian khó. |
| -> Tất cả những hành động và tình cảm chân thành ấy đã làm nên những người bạn “tri kỉ” tri âm mà cao hơn là tình đồng chí, đồng đội bền chặt, thiêng liêng. | |
| + Tõ “chung”  + Tác giả đã rất khéo léo khi sử dụng từ “ đôi” | - C¶ 7 c©u th¬ cã duy nhÊt 1 tõ “chung” nh­ng bao hµm nhiÒu ý: chung c¶nh ngé, chung giai cÊp, chung chÝ h­íng, chung mét kh¸t väng…  - Nh×n l¹i c¶ 7 c©u th¬ ®Çu nh÷ng tõ ng÷ nãi vÒ ng­êi lÝnh: ®Çu tiªn lµ “anh” vµ “t«i” trªn tõng dßng th¬ nh­ mét kiÓu x­ng danh khi míi gÆp gì, d­êng nh­ vÉn lµ hai thÕ giíi riªng biÖt. Råi “anh” víi “t«i” trong cïng mét dßng, ®Õn “®«i ng­êi” nh­ng lµ “®«i ng­êi xa l¹”, vµ råi ®· biÕn thµnh ®«i tri kû - mét t×nh b¹n keo s¬n, g¾n bã. Vµ cao h¬n n÷a lµ ®ång chÝ. Nh­ vËy, tõ rêi r¹c riªng lÎ, hai ng­êi ®· dÇn nhËp thµnh chung, thµnh mét, khã t¸ch rêi.  Đôi có nghĩa là “hai”, nhưng từ “ hai” chỉ 2 cá thể hoàn toàn tách biệt, từ “ đôi” thể hiện sự gắn kết không thể tách rời.  Từ “ đôi người xa lạ”, họ đã trở “ đôi tri kỉ”, thành đôi bạn tâm tình thân thiết, hiểu bạn như hiểu mình. |
| - Khép lại đoạn thơ là một câu thơ có vị trí rất đặc biệt, được cấu tạo bởi hai chữ  “ đồng chí!”. | + Vang lên như một phát hiện, một lời khẳng định, một định nghĩa về đồng chí.  + Thể hiện cảm xúc dồn nén, được thốt ra như một cao trào của cảm xúc, trở thành tiếng gọi thiets tha của tình đòng chí, đồng đội.  + Dòng thơ đặc biệt ấy như một bản lề gắn kết. Nó nâng cao ý thơ đoạn trước và mở ra ý thơ đoạn sau. Dấu chấm cảm đi kèm hai tiếng ấy bỗng như chất chứa bao trìu mến yêu thương. |
| *=> Đoạn thơ đã đi sâu khám phá, lí giải cơ sở của tình đồng chí. Đồng thời tác giả đã cho thấy sự biến đổi kì diệu từ những người nông dân hoàn toàn xa lạ trở thành những người đồng chí đồng, đội sống chết có nhau.* | |

**2. Những biểu hiện cao đẹp của tình đồng chí, đồng đội( 10 câu tiếp).**

1. ***Trước hết, là sự cảm thông sâu xa những hoàn cảnh, tâm tư, nỗi niềm sâu kín của nhau.***

Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Nghệ thuật | | Nội dung |
| **- Trước hết, họ thấu hiểu cảnh ngộ, mối bận lòng của nhau về chốn quê nhà:** | | |
| + Đó là một hoàn cảnh còn nhiều khó khăn: neo người, thiếu sức lao động “ ruộng …cày” | | |
| + Hình ảnh “ gian nhà không” | đã diễn tả cái nghèo về vật chất và thiếu thốn cả người trụ cột trong gia đình các anh.  Ruộng nương, căn nhà là những tài sản quý giá, gần gũi, gắn bó, vậy mà họ sẵn sàng bỏ lại nơi hậu phương. | |
| **- Không những thế, họ còn thấu hiểu lí tưởng, ý chí lên đường giải phóng quê hương của bạn mình.** | | |
| + Từ “mặc kệ” | đã cho thấy sự quyết tâm ra đi của những người lính; họ gửi lại quê hương, ruộng nương, gian nhà và cả những tình cảm buồn vui của thời thơ ấu cho người thân yêu để lên đường cầm súng đánh giặc cứu nước. | |
| **- Những người lính còn thấu hiểu cả nỗi nhớ quê nhà luôn đau đáu, thường trực trong tâm hồn của nhau.** | | |
| + Hình ảnh “giếng nước gốc đa” | là một hình ảnh rất giàu sức gợi, đây vừa là nhân hóa, lại vừa là hoán dụ biểu trưng cho quê hương, người thân nơi hậu phương luôn luôn dõi theo và nhớ nhung người lính da diết. | |
| + Câu thơ nói quê hương nhớ người lính mà thực ra là người lính đang nhớ nhà. Nỗi nhớ hai chiều nên càng da diết, khôn nguôi. Nhưng chính nỗi nhớ quê hương ấy lại là động lực mạnh mẽ giúp người lính quyết tâm chiến đấu. | | |

***b. Đồng cam, cộng khổ trong cuộc đời quân ngũ:***

Chính Hữu là người trực tiếp tham gia chiến dịch việt Bắc Thu- Đông năm 1947. Hơn ai khác, ông thấu hiểu những thiếu thốn và gian khổ của cuộc đời người lính.

|  |
| --- |
| Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh  Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi  Áo anh rách vai  Quần tôi có vài mảnh vá  Miệng cười buốt giá  Chân không giày  Thương nhau tay nắm lấy bàn tay. |

- Bằng bút pháp miêu tả hết sức chân thực, hình ảnh thơ chọn lọc, nhà thơ đã vẽ lên bức tranh hiện thực sống động về người lính với sự đồng cảm sâu sắc.

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| + Đầu tiên, người lính chia sẻ, đùm bọc lẫn nhau khi mắc phải bệnh tật. | |
| . Hình ảnh: “ớn lạnh, sốt run người, ướt mồ hôi” | là những biểu hiện cụ thể để nói về căn bệnh sốt rét rừng rất nguy hiểm khi mà trong chiến tranh không hề có đủ thuốc men để chạy chữa. Đây là một hình ảnh xuất phát từ cái nhìn chân thực của người lính trong chiến tranh. |
| Từ “với” trong cụm từ “anh với tôi” | đã diễn tả sự sẻ chia của người lính đối với người bạn của mình khi bị ốm sốt rét. |
| => Chính sự quan tâm giữa những người lính đã trở thành điểm tựa vững chắc để họ vượt qua những gian khổ, khó khăn. | |
| Người lính không chỉ chia sẻ với nhau về bệnh tật mà còn đồng cam, cộng khổ khi phải đối diện với sự thiếu thốn, khó khăn về vật chất. | |
| Hình ảnh: "áo rách vai, quần vài mảnh vá, chân không giày" là những hình ảnh liệt kê  - cÆp c©u sãng ®«i, ®èi øng nhau  “Th­¬ng nhau tay n¾m lÊy bµn tay” | đã miêu tả chính xác, cụ thể những thiếu thốn của người lính.  - T¸c gi¶ ®· x©y dùng nh÷ng cÆp c©u sãng ®«i, ®èi øng nhau (trong tõng cÆp c©u vµ tõng c©u). §¸ng chó ý lµ ng­êi lÝnh bao giê còng nh×n b¹n, nãi vÒ ban tr­íc khi nãi vÒ m×nh, ch÷ “anh” bao giê còng xuÊt hiÖn tr­íc ch÷ “t«i”. C¸ch nãi Êy ph¶i ch¨ng thÓ hiÖn nÐt ®Ñp trong t×nh c¶m th­¬ng ng­êi nh­ thÓ th­¬ng th©n, träng ng­êi h¬n träng m×nh. ChÝnh t×nh ®ång ®éi ®· lµm Êm lßng nh÷ng ng­êi lÝnh ®Ó hä vÉn c­êi trong buèt gi¸ vµ v­ît lªn trªn buèt gi¸.  - Hä quªn m×nh ®i ®Ó ®éng viªn nhau, truyÒn cho nhau h¬i Êm: “Th­¬ng nhau tay n¾m lÊy bµn tay”. §©y lµ mét cö chØ rÊt c¶m ®éng chøa chan t×nh c¶m ch©n thµnh. Nã kh«ng ph¶i c¸i b¾t tay th«ng th­êng mµ lµ hai bµn tay tù t×m ®Õn víi nhau truyÒn cho nhau h¬i Êm ®Ó v­ît lªn buèt gi¸, nh÷ng bµn tay nh­ biÕt nãi. Vµ ®ã kh«ng ph¶i sù g¾n bã bÊt chît mµ lµ sù g¾n bã trong chiÕn ®Êu, ®ång cam céng khæ khiÕn t×nh ®ång chÝ thªm s©u dµy ®Ó ®i tíi chiÒu cao: cïng sèng chÕt cho lý t­ëng. Trong suèt cuéc kh¸ng chiÕn tr­êng kú ®Çy gian lao vÊt v¶ Êy, t×nh c¶m ®ång chÝ ®· ®i vµo chiÒu s©u cña sù sèng vµ t©m hån ng­êi chiÕn sÜ ®Ó trë thµnh nh÷ng kû niÖm kh«ng bao giê quªn.  =>C©u th¬ kh«ng chØ nãi lªn t×nh c¶m g¾n bã s©u nÆng cña nh÷ng ng­êi lÝnh mµ cßn thÓ hiÖn søc m¹nh cña t×nh c¶m Êy. |

-

**3.** **Sức mạnh và vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội( 3 câu cuối).**

Đêm nay rừng hoang sương muối

Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới

Đầu súng trăng treo.

- Đó là khoảng thời gian “đêm nay” rất cụ thể với khung cảnh “rừng hoang – sương muối” hiu quạnh, lạnh lẽo và khắc nghiệt.

- Tuy nhiên, người lính vẫn *“ đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới”.*

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| + Hình ảnh “ đứng cạnh bên nhau” | cho thấy tinh thần đoàn kết, luôn sát cánh bên nhau trong mọi hoàn cảnh. |
| + Động từ “chờ” | cho thấy được tư thế chủ động, hiên ngang và sẵn sàng chiến đấu của người lính. |
| + Nghệ thuật tương phản đối lập | được tạo ra rất cân đối giữa một bên là không gian núi rừng lạnh lẽo, hoang vu, vắng lặng; với một bên là tư thế chủ động mạnh mẽ như lấn át cả không gian toàn cảnh của người lính. |
| + Kết thúc bài thơ là một hình ảnh độc đáo, là điểm sáng của bức tranh về tình đồng chí, rất thực nhưng cũng rất lãng mạn.  Chất hiện thực: Trên cao là ánh trăng treo lơ lửng trên bầu trời, trong tầm ngắm, người lính phát hiện một điều thú vị và bất ngờ: vầng trăng lơ lửng như treo ở đầu mũi súng.  Chất lãng mạn: Vầng trăng xuất hiện trong không gian căng thẳng, khắc nghiệt của cuộc chiến mà lại như đang “ treo” trên đầu ngọn súng, chữ “treo” rất thơ mộng, như nối liền mặt đất với bầu trời.  Hình ảnh “súng – trăng” được đặt cạnh bên nhau khiến người đọc có nhiều liên tưởng: giữa hiện thực – ảo mộng; khắc nghiệt- lãng mạn; chiến tranh – hòa bình; chiến sĩ – thi sĩ. Sự đan cài giữa hiện thực và lãng mạn ấy vừa cho thấy được hiện thực chiến tranh khó khăn, vất vả; lại vừa toát lên vẻ đẹp tâm hồn của người lính: họ vừa là chiến sĩ lại vừa là thi sĩ, họ cầm súng chiến đấu để bảo vệ quê hương, đem lại nền độc lập, tự do cho Tổ quốc thân yêu. Có thể nói, ba câu thơ cuối một bức tranh đẹp, như một bức tượng đài sừng sững cho tình đồng chí thiêng liêng, cao cả. | |

***\* Đánh giá:***

- Nghệ thuật- ngôn ngữ thơ hàm súc, cô đọng, giàu sức biểu cảm, lời thơ giản dị mà giàu sức tạo hình; giọng điệu tâm tình, nhẹ nhàng, thiết tha, sử dụng sáng tạo bút pháp tả thực và lãng mạn,

- Nội dung: Chính Hữu đã khắc họa thành công vẻ đẹp chân chất, mộc mạc, bình dị của người lính cụ Hồ trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

Khép lại trang thơ, bức tượng đài người chiến sĩ với tình cảm đồng chí, đồng đội cứ dội lên trong tâm trí độc giả với lòng biết ơn sâu sắc sự hi sinh lớn lao vì hòa bình đất nước của các anh. Từ đó, ta mới thấy hết được trách nhiệm của bản thân trong việc bảo vệ và phát triển quê hương, dân tộc mình.

- Bài thơ đã đánh dấu 1 bước ngoặt mới cho khuynh hướng sáng tác của thơ ca kháng chiến.

Đặc biệt là cách xây dựng hình tượng người chiến sĩ Cách mạng, anh bộ đội Cụ Hồ trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

*Cho đoạn thơ sau:*

*Quê hương anh nước mặn đồng chua*

*Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá*

*Anh với tôi hai người xa lạ*

*Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau*

*Súng bên sung đầu sát bên đầu*

*Đêm rét chăn chung thành đôi tri kỷ*

*Đồng chí!*

**Câu 1:**  Trong những câu thơ trên có một từ bị chép sai. Đó là từ nào? Hãy chép lại chính xác câu thơ đó. Việc chép sai từ như vậy ảnh hưởng đến giá trị biểu cảm của câu thơ như thế nào?

**Câu 2:**  Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong câu thơ “Súng bên súng, đầu sát bên đầu”, nêu tác dụng của biện pháp đó.

**Câu 3:** Từ “tri kỉ” trong bài có ý nghĩa gì? Em hãy chép chính xác một câu thơ trong bài em đã học cũng sử dụng từ tri kỉ, ghi rõ tên tác giả tác phẩm. So sánh hai từ tri kỉ đó.

**Câu 4:**  *Dòng thơ thứ 7 trong bài thơ có gì đặc biệt?* **Mạch cảm xúc và suy nghĩ trong bài thơ được triển khai như thế nào trước và sau dòng thơ đó?** *Xét theo cấu tạo ngữ pháp câu thơ thứ 7 thuộc kiểu câu nào?* Tại sao?

### Hướng dẫn trả lời

***Câu 1:***Trong đoạn thơ có từ bị chép sai là “hai”

Chép lại: “Anh với tôi đôi người xa lạ”

- Chép sai như vậy sẽ ảnh hưởng đến giá trị biểu cảm của câu thơ và dụng ý nghệ thuật của tác giả: Từ “hai” là chỉ số lượng, có sự tách biệt còn từ “đôi” là danh từ chỉ đơn vị chỉ sự gắn kết không tách rời. Đây chính là sự gần gũi, quen thuộc trong cái xa lạ, một trong những yếu tố tạo nên cơ sở của tình đồng đội, đồng chí

**Câu 2:**

* Biện pháp điệp từ được sử dụng trong câu thơ “Súng bên súng đầu sát bên đầu” nhằm tạo nên sự đối ứng trong một câu thơ:

    + Gợi lên sự khắc nghiệt, nguy hiểm của chiến tranh (hình ảnh súng sẵn sàng chiến đấu).

    + Thể hiện sự chung sức, cùng nhau đoàn kết, chiến đấu.

* Biện pháp hoán dụ:Đầu sát bên đầu

**Câu 3:**

Từ “tri kỉ” có nghĩa: thấu hiểu mình, hiểu bạn như hiểu bản thân mình.

Câu thơ trong bài Ánh trăng của Nguyễn Duy có chứa từ *tri kỉ*:

*“Vầng trăng thành tri kỉ”*

Từ *tri kỉ* trong bài đồng chí diễn tả sự thấu hiểu giữa 2 người lính cùng chiến tuyến, cùng lý tưởng chiến đấu, cùng hoàn cảnh chiến đấu.

Từ *tri kỉ* trong bài Ánh trăng diễn tả sự đồng điệu thấu hiểu của trăng với con người, của con người với chính quá khứ của mình.

**Câu 4:** *Dòng thơ thứ 7 trong bài thơ có gì đặc biệt?* **Mạch cảm xúc và suy nghĩ trong bài thơ được triển khai như thế nào trước và sau dòng thơ đó?** *Xét theo cấu tạo ngữ pháp câu thơ thứ 7 thuộc kiểu câu nào?*

**Ý 1:** Dòng thơ thứ bảy  trong bài thơ “Đồng chí” là một điểm sáng tạo, một nét độc đáo qua ngòi bút của Chính Hữu. Dòng thơ được tác riêng độc lập, là một câu đặc biệt gồm từ hai âm tiết đi cùng dấu chấm than, ngân vang như tiếng gọi tha thiết, tạo một nút nhấn, lắng lại. Hai tiếng *“Đồng chí”* thật giản dị, đẹp đẽ, là điểm hội tụ, là nơi kết tinh bao tình cảm đẹp: tình giai cấp, tình bạn,tình người trong chiến tranh.

Ý 2: Dòng thơ thứ bảy có ý nghĩa như một bản lề gắn kết cơ sở của tình đồng chí và biểu hiện của tình đồng chí, là điểm nhấn, là mạch cảm xúc chung cho toàn bài. Có thể nói, hai tiếng “Đồng chí” vang lên thật giản dị và mang ý nghĩa vô cùng thiêng liêng trong thơ ca kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ.

Ý 3: Xét theo cấu tạo ngữ pháp câu thơ thứ 7 thuộc câu đặc biệt

**Câu 5:** Hãy viết đoạn văn quy nạp, nêu cảm nhận của em về khổ thơ trên.Đoạn văn sử dụng phép liên kết và câu cảm thán (gạch dưới từ ngữ dùng làm phép liên kết).

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

**Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi phía dưới:**

*Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*

*Gian nhà không mặc kệ gió lung lay*

*Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính*

*Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*

*Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi*

*Áo anh rách vai*

*Quần tôi có vài mảnh vá*

*Miệng cười buốt giá*

*Chân không giày*

*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay*

**Câu 1**: Nội dung chính tác giả muốn làm nổi bật đoạn thơ trên là gì?

**Câu 2:** Từ *“mặc kệ”* đặt giữa câu thơ có cùng với hình ảnh làng quê quen thuộc đã gợi cho em cảm xúc gì về tình cảm của người lính cách mạng?

**Câu 3:** Theo em hình ảnh “giếng nước gốc đa” là hình ảnh ẩn dụ hay hoán dụ? Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó.

**Câu 4:** Thông qua hình ảnh “miệng cười buốt giá”, “ sốt run người”, “áo rách vai” và cho em hiểu điều gì về cuộc sống của những người lính?

**Câu 5:** Trong đoạn thơ trên, Chính Hữu viết: *Áo anh rách vai ……….Chân không giày.* Ở bài thơ “Nhớ” (sáng tác cùng thời kì với bài Đồng chí), Hồng Nguyên viết: *Áo vải chân không – Đi lùng giặc đánh”*. Hãy cho biết những câu thơ ấy phản ánh hiện thực nào của cuộc chiến?

**Câu 6:** Viết đoạn văn 5-7 câu, nêu cảm nhận của em về câu thơ “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”. Trong đoạn sử dụng thành phần biệt lập( gạch chân và chỉ rõ thành phần biệt lập đó).

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1**: Nội dung chính tác giả muốn làm nổi bật đoạn thơ trên là: biểu hiện của tình đồng chí và sức mạnh của tình cảm ấy ở những người lính.

**Câu 2:**

-Từ “mặc kệ” được đặt giữa câu thơ có những hình ảnh của làng quê quen thuộc không phải để nói về sự thờ ơ, vô tình của những người lính trước gia đình, quê hương.

- Câu thơ chứa từ “mặc kệ”: “Gian nhà không mặc kệ gió lung lay” giàu sức biểu cảm và gợi hình:

+ Để lại cả cơ nghiệp ra đi, người thân ở lại đó là sự hi sinh lớn lao hạnh phúc cá nhân vì mục tiêu, lý tưởng của cách mạng.

+ Những người lính phải nén lại nỗi nhớ mong quê hương để tiếp tục chiến đấu.

**Câu 3**:

    - “Giếng nước gốc đa” là hình ảnh hoán dụ về quê hương cũng như người thân nơi hậu phương của người lính.

    - Câu thơ có nỗi nhớ hai chiều da diết: quê hương nhớ người lính và người lính nhớ gia đình, quê nhà.

→ Những người lính chia sẻ nỗi nhớ quê hương, nỗi nhớ nhà cùng với nhau. Họ sống với nhau trong tình thương nỗi nhớ, và cùng nhau vượt qua nỗi nhớ để tiếp tục chiến đấu.

**Câu 4:**

Hình ảnh người lính cụ Hồ trong thời kì kháng chiến chống Pháp:

 - Xuất thân từ người nông dân nghèo, tự nguyện đến với cuộc kháng chiến chống Pháp.

 - Cuộc sống gian nan, vất vả và gian khổ, thiếu thốn.

 - Có sự gắn kết bền chặt tình cảm đồng chí, đồng đội, tinh thần chiến đấu.

 - Trong khó khăn vẫn hiện hữu vẻ đẹp của sự sẻ chia, đoàn kết trên những gian khổ, hi sinh.

**Câu 5:**

Những câu thơ của Chính Hữu và Hồng Nguyên phản ánh hiện thực gian khổ, thiếu thốn của cuộc kháng chiến trong những ngày đầu.

**Câu 6:**

***\* Yêu cầu chung:***

- Nội dung: Học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận văn học, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản. Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách xong cần bám sát ngữ liệu, kết hợp các thao tác lập luận.

- Hình thức: Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả.

***\* Yêu cầu cụ thể:***

- Câu thơ thể hiện sức mạnh gắn bó sâu nặng của tình đồng chí.

+ Những người lính quên đi những khó khăn để động viên và truyền cho nhau hơi ấm.

+ Đây là một cử chỉ cảm động chứa chan tình cảm chân thành, sự cảm thông giữa những người lính.

+ Cái bắt tay không phải thông thường mà là những bàn tay tự tìm đến với nhau truyền cho nhau hơi ấm để cùng vượt qua giá lạnh, buốt giá.

- Đánh giá: một cử chỉ tưởng như đơn giản mà sâu sắc.

***Đoạn văn tham khảo:***

(1) Câu thơ “thương nhau tay nắm lấy bàn tay” thể hiện sức mạnh gắn bó sâu nặng của tình đồng chí.

(2) Những người lính quên đi những khó khăn để động viên và truyền cho nhau hơi ấm.

(3) Đây là một cử chỉ cảm động chứa chan tình cảm chân thành, sự cảm thông giữa những người lính.

(3) Cái bắt tay không phải thông thường mà là những bàn tay tự tìm đến với nhau truyền cho nhau hơi ấm để cùng vượt qua giá lạnh, buốt giá.

(4) Chao ôi, một cử chỉ tưởng như đơn giản thôi mà sâu sắc, cảm động biết bao!

**Thành phần biệt lập: cảm thán**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

**Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi phía dưới:**

*Đêm nay rừng hoang sương muối*

*Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới*

*Đầu súng trăng treo*

**Câu 1:** Trong câu thơ *“Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới”*, vì sao Chính Hữu lại dùng từ “chờ” mà không dùng từ “đợi”?

**Câu 2:** Hình ảnh *“đầu súng trăng treo”* cho thấy cảm xúc gì được thể hiện trong bài thơ? Qua đó em hiểu thêm gì về tâm hồn của những người lính trong kháng chiến chống Pháp?

**Câu 3:** Theo em, vì sao tác giả đặt tên cho bài thơ về tình đồng đội của những người lính là “Đồng chí”?

**Câu 4:** Viết đoạn văn 5-7 câu theo phương pháp tổng phân hợp phân tích biểu tượng cao đẹp nhất của tình đồng chí thông qua 3 câu thơ cuối bài.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:**

    - Đối diện cảnh núi rừng lạnh lẽo và hoang vu và hoàn cảnh chiến đấu nguy hiểm, những người lính cùng sát cánh bên cạnh nhau.

       + Nhiệm vụ canh gác, đối mặt với hiểm nguy trong gang tấc cũng chính nơi đó sự sống cái chết cách nhau trong gang tấc.

       + Trong hoàn cảnh khó khăn nguy hiểm tình đồng đội thực sự thiêng liêng, cao đẹp

    - Tâm thế chủ động, sẵn sàng “chờ giặc tới” thật hào hùng:

       + Những người lính sát cánh bên nhau vững chãi làm mờ đi khó khăn, nguy hiểm trực chờ phía trước của cuộc kháng chiến gian khổ.

→ Ca ngợi tình đồng chí, sức mạnh đồng đội giúp người lính vượt lên khắc nghiệt về thời tiết và nỗi nguy hiểm trên trận tuyến.

**Câu 2:** Hình ảnh “đầu súng trăng treo” là hình ảnh độc đáo, bất ngờ, cũng chính là điểm nhấn của toàn bài thơ.

       + Hình ảnh thực và lãng mạn.

       + Súng là hình ảnh đại diện cho chiến tranh, khói lửa.

       + Trăng là hình ảnh của thiên nhiên trong mát, thanh bình.

    - Sự hòa hợp giữa trăng với súng tạo nên vẻ đẹp tâm hồn của người lính và đồng đội , nói lên ý nghĩa cao cả của cuộc chiến tranh vệ quốc.

→ Câu thơ như nhãn tự của toàn bài thơ, vừa mang tính hiện thực, vừa mang sắc thái lãng mạn, là một biểu tượng cao đẹp của tình đồng chí.

**Câu 3:** Đó là tên một tình cảm mới, đặc biệt xuất hiện và phổ biến trong những năm cách mạng và kháng chiến. Đó là cách xưng hô phổ biến của những người lính, công nhân, cán bộ từ sau Cách mạng. Đó là biểu tượng của tình cảm cách mạng, của con người cách mạng trong thời đại mới.**Câu 4:**

***\* Yêu cầu chung:***

- Nội dung: Học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận văn học, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản. Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách xong cần bám sát ngữ liệu, kết hợp các thao tác lập luận.

- Hình thức: Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả.

***\* Yêu cầu cụ thể:***

- Câu đầu nói lên hoàn cảnh làm việc của những người lính: rừng hoang, sương muối.

- Câu thứ hai thể hiện sự gắn bó của họ: Trên cái nền hùng vĩ và khắc nghiệt của thiên nhiên: Trong cảnh *rừng hoang sương muối* rừng mùa đông ở Việt Bắc sương muối phủ đầy trời, nhưng người lính vẫn đứng cạnh nhau, im lặng, phục kích chờ giặc tới, từ “chờ” thể hiện tư thế chủ động.

- Hai câu đầu đối nhau rất chỉnh và gợi cảm giữa khung cảnh và toàn cảnh. Khung cảnh lạnh lẽo, buốt giá nhưng toàn cảnh lại ấm nồng, ấm áp tình đồng chí, đồng đội

- Hình ảnh “Đầu súng, trăng treo” là hình ảnh độc đáo, bất ngờ là điểm nhấn của toàn bài. Hình ảnh thơ rất thực và lãng mạn.

- Chỉ với 3 câu đã vẽ lên bức tranh đẹp kết tinh tình đồng chí, đồng đội của người lính, là biểu tượng đẹp đẽ, giàu chất thơ.

***Đoạn văn tham khảo:***

***(1) Nếu những câu thơ đầu tiên của Chính Hữu thể hiện cơ sở hình thành tình đồng chí tới những biểu hiện cảm động nghĩa tình của những người lính dành cho nhau thì ba câu thơ cuối chính là nhãn tự của cả bài, có sự kết hợp hài hòa giữa hiện thực và lãng mạn thể hiện biểu tượng cao đẹp của tình đồng chí.***

(2) Giữa khung cảnh lạnh lẽ, hoang vu của núi rừng Tây Bắc, những người lính đứng kề cạnh bên nhau xua đi cái lạnh nơi rừng thiêng nước độc.

(3) Chính nơi đó, ranh giới giữa sự sống và cái chết trở nên mong manh, thì những người lính càng trở nên mạnh mẽ, đoàn kết.

(4) Họ sát cánh bên nhau chủ động chờ giặc tạo nên tư thế thành đồng vách sắt trước quân thù.

(5) Hình ảnh cuối bài tỏa sáng với sự hòa kết hình ảnh súng - hình ảnh của khói lửa chiến tranh kết hợp với hình ảnh ánh trăng trong mát, thanh bình nói lên ý nghĩa cao cả của cuộc chiến tranh vệ quốc.

(6) ***Chỉ với ba câu thơ xúc động, chân thực nhưng cũng giàu sự lãng mạn, bức tranh về tình đồng chí của người lính là biểu tượng giàu chất thơ nhất hiện lên thật cao đẹp, ngời sáng.***

**Câu 5:** Học sinh viết đoạn văn theo yêu cầu.

***\* Yêu cầu chung:***

- Nội dung: Học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận văn học, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản. Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách xong cần bám sát ngữ liệu, kết hợp các thao tác lập luận.

- Hình thức: Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả.

***\* Yêu cầu cụ thể:***

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: biểu tượng cao đẹp về tình đồng chí.

- Hoàn cảnh:

+ Thời gian: đêm .

=> Tối tăm, hiểm nguy.

+ Không gian: rừng hoang, sương muối.

=> Hoàn cảnh thời tiết khắc nghiệt, hoang vắng, lạnh lẽo.

- Hình ảnh người lính: đứng cạnh bên nhau.

=> Người lính luôn kề vai sát cánh, đồng hành cùng nhau trong mọi hoàn cảnh.

=> Tình đồng chí đã sưởi ấm lòng họ, giúp người lính vượt qua mọi khó khăn, hiểm nguy nơi chiến trường.

- Tư thế "chờ giặc tới": hiên ngang, sẵn sàng chiến đấu trước mọi kẻ thù.

- Hình ảnh "đầu súng trăng treo": mang lớp nghĩa thực và nghĩa biểu tượng.

+ Nghĩa thực: đêm khuya, sương mờ đục, bầu trời như thấp xuống, trăng như sà xuống,người lính đứng gác giữa rừng khoác chiếc súng trên vai, mũi súng hướng lên trời cao như chạm vào vầng trăng và trăng như treo lơ lửng nơi đầu súng.

+ Nghĩa biểu tượng : " Trăng" là biểu tượng của thiên nhiên, của hòa bình, "súng" là hiện thân của chiến tranh gian khổ, sự hi sinh. Súng và trăng- cứng rắn và dịu dàng, hiện thực và lãng mạn, chiến sĩ và thi sĩ.

=> Hình ảnh độc đáo gợi ra niềm hy vọng vào tương lai chiến thắng của cuộc chiến, ước mơ về hòa bình tươi sáng của dân tộc.

=> Nghệ thuật: câu thơ dài ngắn có nhịp điệu, hình ảnh gần gũi mà sâu sắc, ngôn ngữ tự nhiên, chân thành.

- Sáng tạo, văn viết có dấu ấn cá nhân.

***Đoạn văn tham khảo:***

(1)Chính Hữu khép lại bài thơ bằng một hình tượng thơ:

*Đêm nay rừng hoang sương muối*

*Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới*

*Đầu súng trăng treo*

(2) Đêm khuya chờ giặc tới, trăng đã xế ngang tầm súng. (3) Bất chợt chiến sĩ ta có một phát hiện thú vị: Đầu súng trăng treo. (4) Câu thơ như một tiếng reo vui hồn nhiên mà chứa đựng đầy ý nghĩa. (5) Trong sự tương phản giữa súng và trăng, người đọc vẫn tìm ra sự gắn bó gần gũi. (6)Súng tượng trưng cho tinh thần quyết chiến quyết thắng kẻ thù xâm lược. (7) Trăng tượng trưng cho cuộc sống thanh bình, yên vui. (8) Khẩu súng và vầng trăng là hình tượng sóng đôi trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam bất khuất, hào hoa muôn thuở. (9) ***Chất hiện thực nghiệt ngã và lãng mạn bay bổng đã vào quyện lẫn nhau tạo nên hình tượng thơ để đời.***

- Phép liên kết: lặp: Súng, trăng

**BÀI 2: BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH**

***Phạm Tiến Duật***

**KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Phạm Tiến Duật (1941-2007), quê ở huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.  - Sau khi tốt nghiệp trường Đại học Sư phạm Hà Nội, năm 1964, Phạm Tiến Duật gia nhập quân đội, hoạt động trên tuyến đường Trường Sơn và trở thành một trong những gương mặt tiêu biểu của thế hệ các nhà thơ trẻ thời chống Mỹ cứu nước.  - ***Phong cách sáng tác:***  + Thơ Phạm Tiến Duật tập trung thể hiện hình ảnh thế hệ trẻ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ qua các hình tượng người lính và cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.  + Thơ ông có giọng điệu sôi nổi, trẻ trung, hồn nhiên, tinh nghịch mà sâu sắc. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Bài thơ viết năm 1969, thời kỳ cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra rất ác liệt trên con đường chiến lược Trường Sơn.  - Bài thơ được tặng giải nhất cuộc thi thơ của báo Văn nghệ năm 1969 và được đưa vào tập thơ  “Vầng trăng quầng lửa” của tác giả. |
| ***Thể loại*** | Thơ tự do |
| ***Bố cục : 4 phần*** | - Phần một : Khổ 1,2 : Hình ảnh những chiếc xe không kính và tư thế hiên ngang của người lính.  - Phần hai : Khổ 3,4 : Tinh thần lạc quan, bất chấp gian khổ, coi thường hiểm nguy của người lính.  - Phần 3 : Khổ 5,6 : Tình đồng chí, đồng đội cao đẹp của người lính lái xe.  - Phần 4 : Khổ 7 : Ý chí chiến đấu, tinh thần yêu nước và lí tưởng cách mạng của người lính. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | - Bài thơcó nhan đề khá dài, khá đặc biệt : *“Bài thơ về tiểu dội xe không kính”*. Nhan đề bài thơ thoạt nghe sẽ thấy như có chỗ thừa : thừa hai chữ  *“bài thơ”*. Nhưng chính chỗ thừa ấy sẽ tạo sức hút cho người đọc ở vẻ khác lạ và độc đáo ở sức gợi : gợi chất thơ của cuộc sống nơi chiến trường.  - Hình ảnh *“tiểu đội xe không kính”* được đưa vào nhan đề bài thơ :  + Gợi hiện thực phổ biến, quen thuộc trên tuyến đường Trường Sơn trong những năm tháng kháng chiến chống Mĩ cứu nước.  + Gợi hiện thực của cuộc chiến vô cùng gay go, khốc liệt.  + Gợi vẻ đẹp của người lính lái xe Trường Sơn, vẻ đẹp của lòng dũng cảm, của ý chí nghị lực, của sự kiên cường. |
| ***PT biểu đạt*** | Biểu cảm xen lẫn miêu tả và tự sự |
| ***Chủ đề*** | Bài thơ ca ngợi những chiến sĩ lái xe Trường Sơn thời đánh Mĩ dũng cảm ngoan cường, lạc quan yêu đời trong mưa bom bão đạn, quyết chiến đấu hi sinh vì một lí tưởng cao cả là giải phóng miền Nam thống nhất Tổ quốc. |
| ***Giá trị nội dung*** | “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*" của Phạm Tiến Duật đã khắc hoạ một hình ảnh độc đáo: những chiếc xe không kính. Qua đó, tác giả khắc hoạ nổi bật hình ảnh những người lính lái xe ở Trường Sơn trong thời chống Mỹ, với tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm, bất chấp khó khăn nguy hiểm và ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Tác giả đã đưa vào bài thơ chất liệu hiện thực sinh động của cuộc sống ở chiến trường, ngôn ngữ và giọng điệu giàu tính khẩu ngữ tự nhiên, khoẻ khoắn. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**\* Khái quát:** Bài thơ được sáng tác năm 1969. Đây là thời điểm cuộc kháng chiến chống mĩ đang diễn ra vô cùng ác liệt. Bài thơ nằm trong chùm thơ đoạt giải nhất cuộc thi thơ do báo văn nghệ tổ chức và được in trong tập thơ “ Vầng trăng quầng lửa” năm 1970.

**1.** **Hình ảnh những chiếc xe không kính:**

- Xưa nay, xe cộ rất ít khi đi vào thơ ca, nếu có thì thường được “ thi vị hóa”, “ lãng mạn hóa’. Nhưng những chiếc xe đượ Phạm Tiến Duật đưa vào thơ lại thực đến trần trụi:

*Không có kính không phải vì xe không có kính*

*Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi*

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| Với giọng điệu thản nhiên pha chút ngang tàng , lời thơ mang tính khẩu ngữ, hình ảnh độc đáo, điệp ngữ “không” kết hợp với nghệ thuật liệt kê, động từ mạnh “giật, rung” | tác giả đã làm hiện lên hình ảnh những chiếc xe mang trên mình đầy thương tích bởi bom đạn chiến tranh. |
| => Hai câu thơ đầu lí giải nguyên nhân những chiếc xe không có kính, đồng thời thể hiện tâm trạng xót xa cho những chiếc xe- người bạn đồng hành thủy chung của những người lính.  Qua đó, tác giả tạo ấn tượng cho người đọc một cách cụ thể và sâu sắc về hiện thực chiến tranh khốc liệt, về cuộc chiến đấu gian khổ mà người lính phải trải qua. | |

-Hình ảnh những chiếc xe không kính một lần nữa lại được tác giả miêu tả một cách chân thực, sinh động ở khổ thơ cuối:

*Không có kính rồi xe không có đèn*

*Không có mui xe thùng xe có xước*

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước*

*Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| Nghệ thuật liệt kê “không có kính, không có đèn, không có mui, thùng xe có xước” kết hợp với điệp ngữ : “không có” mang ý phủ định | đã nhấn mạnh những chiếc xe không chỉ không kính mà còn không đèn, không mui… bị biến dạng, tàn phá nặng nề. Mặc dù vậy, xe vẫn băng ra chiến trường. |
| => Từ trong hiện thực khốc liệt đến trần trụi, những chiếc xe không kính bỗng trở nê thành một hình ảnh độc đáo, “nên thơ”- chất thơ của lòng yêu nước, tinh thần quả cảm mà những người lính đã đem lại cho chiếc xe từ chính trái tim nhiệt huyết của mình- trái tim cầm lái. | |

**2. Hình ảnh những người lính lái xe.**

- Thiếu những phương tiện vật chất tối thiểu lại là hoàn cảnh để người lái xe bộc lộ những phẩm chất cao đẹp:

**a. Tư thế ung dung, hiên ngang, sẵn sàng ra trận.**

*Ung dung buồng lái ta ngồi,*

*Nhìn đất, nhìn trời nhìn thẳng*

*Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng*

*Thấy con đường chạy thẳng vào tim*

*Thấy sao trời và đột ngột cánh chim*

*Như sa như ùa vào buồng lái*

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| Nghệ thuật đảo ngữ: đưa từ láy “ung dung” lên đầu câu kết hợp với đại từ “ta” | Đã nhấn mạnh tư thế bình thản, hiên ngang, tự tin tiến về phía trước của người lính lái xe. |
| - Với nhịp thơ: 2/2/2(*Nhìn đất, nhìn trời nhìn thẳng*)  - Giọng điệu: đùa vui hóm hỉnh, điệp ngữ “nhìn” kết hợp với nghệ thuật liệt kê | Đã cho thấy cái nhìn đầy tự chủ, nhìn thẳng về phía trước như sẵn sàng chấp nhận mọi khó khăn. |
| - Qua khung cửa xe, người lái xe tiếp xúc trực tiếp với thế giới bên ngoài, với mọi khó khăn, gian khổ. |  |
| + Điệp ngữ “ nhìn thấy”, nghệ thuật nhân hóa “ gió xoa mắt đắng”, từ láy “ đột ngột” và nghệ thuật so sánh | Đã diễn tả sự cảm nhận thế giới bên ngoài một cách chân thực, sinh động của người lính do những chiếc xe không kính đem lại. |
| + Hình ảnh “con đường chạy thẳng vào tim” | - Gợi đến tốc độ lao nhanh của chiếc xe, khiến cho người cầm lái và con đường như không còn khoảng cách. Điều đó cho thấy sự khẩn trương của người lính đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam.  - Còn là hình ảnh ẩn dụ về con đường chiến đấu vì mền Nam độc lập. |
| + Hình ảnh “gió, sao trời, cánh chim” là những hình ảnh là hình ảnh của thiên nhiên đẹp, gợi cảm | thể hện nét lãng mạn trong tâm hồn người lính. |

**b. Tinh thần lạc quan, bất chấp gian khổ, coi thường hiểm nguy của người lính.**

Xe không kính, người lính còn phải chịu thêm những khắc nghiệt của Trường Sơn:

*Không có kính ừ thì có bụi*

*Bụi phun tóc trắng như người già*

*Chưa cần rửa phì phèo châm điếu thuốc*

*Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha*

*Không có kính ừ thì ướt áo*

*Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời*

*Chưa cần rửa, lái trăm*[*cây*](http://sotayvanhoc.com/tag/cay-coi)*số nữa*

*Mưa ngừng gió lùa khô mau thôi*

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| Hình ảnh “ mưa, gió, bụi” | tượng trưng cho những gian khổ mà người lính gặp phải do những chiếc xe không kính đem lại. |
| Điệp cấu trúc “không có… ừ thì” “chưa cần”  - BPNT so sánh: như, từ láy “ phì phèo”, “ha ha”. | Đã cho thấy thái độ bất chấp khó khăn , coi thường gian khổ, hiểm nguy, tinh thần lạc quan, dũng cảm của người lính. |
| Sự phối hợp thanh điệu: những thanh trắc “ bụi, tóc trắng, lấm, ướt áo, xối”…đặc tả những khó khăn, gian khổ kết hợp với những thanh bằng, đặc biệt câu cuối đoạn gợi những phút yên ả, ung dung trong buồng lái. | => Ngay trong hoàn cảnh khắc nghiệt, người lính vẫn tìm được giây phút thư thái. Đó là bản lĩnh của những chiến sĩ lái xe. |
| - Ngôn ngữ: mang tính khẩu ngữ  - Giọng điệu thơ hóm hỉnh, khẩu khí ngang tàng, lời thơ gần với ngôn ngữ đời thường. | Đã làm nổi bật lên niềm vui, tiếng cười của người lính. Tiếng cười bật lên sảng khoái, lạc quan khác với tiếng cười “ buốt giá” ngậm ngùi động viên nhau của người lính thời kí kháng chiến chống Pháp g thơ Chính Hữu. |
| => Chính sự lạc quan, tinh thần dũng cảm của người lính lái xe ấy đã giúp những chiếc xe không kính vượt qua bao mưa bom bão đạn, giúp cuộc chiến đi gần hơn đến thắng lợi. | |

**c. Tình đồng chí, đồng đội cao đẹp của người lính lái xe ( khổ 5, 6)**

Và trong cuộc chiến tranh đầy gian lao, thử thách ấy, tình cảm đồng chí, đồng đội lại càng trở nên gắn bó và gần gũi với nhau hơn:

*Những chiếc xe từ trong bom rơi*

*Đã về đây họp thành tiểu đội*

*Gặp*[*bạn*](http://sotayvanhoc.com/tag/ban-than)*bè suốt dọc đường đi tới*

*Bắt tay nhau qua của kính vỡ rồi*

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| Hình ảnh “ những chiếc xe từ trong bom rơi” | là một hình ảnh tả thực về những chiếc xe vượt qua bao thử thách khốc liệt của chiến trường trở về |
| Cách gọi “ tiểu đội” | là cách nói dí dỏm, giàu hình ảnh, vừa gợi lên những đoàn xe mang trên mình biết bao thương tích của chiến tranh, vừa gợi lên được cái thân thương thắm tình đồng đội. |
| Hình ảnh “ bắt tay …” rất giàu sức gợi | Những chiếc xe không kính lại đem lại sự tiện lợi để người lính trao cho nhau những cái bắt tay. Cái bắt tay:  + Đã cho thấy tinh thần đoàn kết, gắn bó với nhau của các chiến sĩ lái xe.  - Thể hiện được sự đồng cảm sâu sắc trong tâm hồn của những người lính.  .+ Là lời động viên ngắn ngủi, thầm lặng mà họ dành cho nhau, là lời hứa quyết tâm…  + Là sự chia sẻ vội vàng tất cả những vui buồn kiêu hãnh trên những cung đường đã qua. |

Cuộc trú quân ngắn ngủi mà thắm tình đồng đội, những bữa cơm nhanh dã chiến, chung bát chung đũa là sợi dây vô hình giúp các chiến sĩ xích lại gần nhau hơn:

*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời  
Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy  
Võng mắc chông chênh đường xe chạy  
Lại đi, lại đi trời xanh thêm*.

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| Câu thơ “ chung…” | là cách định nghĩa “ rất lính”, tếu táo nhưng chân tình, sâu nặng. Gắn bó với nhau trong chiến đấu, họ càng gắn bó với nhau trong đời thường. |
| Từ láy ‘ chông chênh” | Gợi cảm giác bấp bênh, tạm bợ, cho thấy phút nghỉ ngơi vội vàng của người lính. |
| Điệp ngữ “lại đi” kết hợp với nhịp thơ 2/2/3 | tạo âm điệu nhịp nhàng cho câu thơ, khẳng định đoàn xe không ngừng tiến về phá trước. Đó là nhịp sống, chiến đáu và hành quân của tiểu đội xe không kính mà không một sức mạnh tàn bạo nào ngăn cản được. |
| Nghệ thuật ẩn dụ “ trời xanh thêm” | Màu xanh của niềm tin, hi vọng vào ngày mai, gợi sự lạc quan của người lính. |
|  | |

**d. Tình yêu tổ quốc thiết tha và ý chí giải phóng miền Nam**

*Không có kính rồi xe không có đèn*

*Không có mui xe thùng xe có xước*

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước*

*Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

Một lần nữa, sự tàn khốc của chiến tranh lại được Phạm Tiến Duật nhắc đến thông qua hình ảnh những chiếc xe chân thực, sinh động:

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| Thủ pháp liệt kê “ không kính, không đèn…” | Gợi lên hình ảnh những chiếc xe bị tàn phá, méo mó, biến dạng, qua đó phản ánh hiện thực chiến tranh khốc liệt |
| Nghệ thuật điệp ngữ “ không có” kết hợp với thủ pháp đối lập | Đã nhấn mạnh dù chiếc xe không nguyên vẹn, nhưng chỉ cần có “ một trái tim”, những chiếc xe ấy vẫn băng ra chiến trường giải phóng miền Nam. |
| Hình ảnh hoán dụ “ trái tim” | Thể hiện lòng yêu nước thiết tha, căm thù giặc Mĩ sôi sục, ý chí kiên cường giải phóng miền Nam. |
| -> Trái tim yêu thương, trái tim cầm lái đã giúp người lính chiến thắng bom đạn của kẻ thù. Trái tim ấy đã trở thành nhãn tự của bài thơ và để lại cảm xúc sâu lắng trong lòng bạn đọc. | |

**\* Đánh giá: Với việc:**

- Lựa chọn chi tiết độc đáo, hình ảnh chân thực.

- Ngôn ngữ giàu tính khẩu ngữ, nhịp điệu linh hoạt, giọng điệu ngang tàng, trẻ trung.

- Và một số BPNT

“ Bài thơ về…” đã :

- Khắc họa h/ ả độc đáo: những chiếc xe không kính.

- Qua đó làm nổi bật hình ảnh người chiến sĩ lái xe Trường Sơn …

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

**Cho hai khổ thơ sau:**

*Không có kính không phải vì xe không có kính*

*Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi*

*Ung dung buồng lái ta ngồi*

*Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng*

*Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng*

*Thấy con đường chạy thẳng vào tim*

*Thấy sao trời và đột ngột cánh chim*

*Như sa như ùa vào buồng lái*

**Câu 1:** Hãy cho biết những câu thơ trên trích trong bài thơ nào, do ai sáng tác. Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ.

**Câu 2:** Có ý kiến cho rằng bài thơ hấp dẫn ngày từ nhan đề độc đáo. Em có đồng ý với ý kiến trên không? Tại sao?

**Câu 3:** Tại sao có thể nói hình ảnh những chiếc xe không kính là một sáng tạo độc đáo của Phạm Tiến Duật.

**Câu 4:** Viết đoạn văn khoảng 5-7 câu theo phương thức diễn dịch để làm rõ hình ảnh của người lính lái xe trên chiếc xe không kính?

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** Những câu thơ trên trích trong bài thơ **Bài thơ về tiểu đội xe không kính** của Phạm Tiến Duật.

    - Bài thơ được sáng tác năm 1969 trong thời kì kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra ác liệt trên tuyến đường chiến lược.

    - Bài thơ đạt giải nhất cuộc thi báo Văn nghệ 1969 và được đưa vào tập “Vầng trăng quầng lửa” của tác giả.

**Câu 2:**

Bài thơ độc đáo ngay từ nhan đề tác phẩm.

- Nhan đề tưởng dài, tưởng như có chỗ thừa nhưng thu hút người đọc bởi vẻ độc đáo, lạ lẫm của nó.

Bài thơ làm nổi bật hình ảnh độc đáo: Những chiếc xe không kính.

    - Hai chữ bài thơ thêm vào cho thấy lăng kính nhìn hiện thực khốc liệt của chiến tranh, chất thơ của tuổi trẻ, hiên ngang, bất khuất, dũng cảm vượt qua thiếu thốn, gian khổ nguy hiểm của thời chiến.

**Câu 3:**

- Hình ảnh những chiếc xe không kính là một sáng tạo độc đáo của Phạm Tiến Duật bởi xưa nay hình ảnh tàu xe đi vào thơ ca đều được lãng mạn hóa, mỹ lệ hóa nhưng Phạm Tiến Duật lại không ngần ngại đưa vào thơ của mình hình ảnh trần trụi, thực tế “những chiếc xe không kính”.

- Hình ảnh những chiếc xe không kính là nhân chứng hùng hồn, chân thực cho hiện thực chiến tranh khốc liệt lúc bấy giờ.

Với tâm hồn lãng mạn, nhạy cảm cùng với nét tinh nghịch, ngang tàng hình tượng những chiếc xe không kính xuất hiện trong thơ như để thử thách con người, cũng như để khẳng định chất thép, tinh thần dũng cảm, lạc quan coi thường hiểm nguy của những người lính lái xe Trường Sơn.

**Câu 4:**

***\* Yêu cầu chung:***

- Nội dung: Học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận văn học, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản. Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách xong cần bám sát ngữ liệu, kết hợp các thao tác lập luận.

- Hình thức: Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả.

***\* Yêu cầu cụ thể:***

***Đoạn văn tham khảo:***

- Tư thế hiên ngang, bất khuất: ung dung, nhìn thẳng ⇒ coi thường khó khăn, nguy hiểm.

- Thái độ, tinh thần lạc quan, bông đùa với những khó khăn: Bụi phun vào tóc, vào mặt là một trò gây cười, mưa ướt áo cứ đi tiếp vì gió lùa áo khô nhanh thôi, xe không kính cũng có cái hay đó là tầm nhìn rộng hơn, thấy được con đường “chạy thẳng vào tim”, thấy sao trời gần hơn “ùa vào buồng lái”.

- Thái độ lạc quan, yêu đời, tự tin có chút bướng bỉnh, ngang ngạnh; hình ảnh người lính lái xe hiện lên vừa đáng yêu vừa đáng nể.

***(1) Trong bom đạn chiến tranh hình ảnh những chiếc xe không kính làm nổi bật hình ảnh những chiến sĩ lái xe Trường Sơn.***

(2) Thiếu đi những phương tiện vật chất tối thiểu không làm khuất phục được ý chí chiến đấu lại khiến người lính lái xe bộc lộ được những phẩm chất cao đẹp, sức mạnh tinh tế lớn lao của họ đặc biệt là lòng dũng cảm, vượt qua mọi khó khăn.

(3) Họ chính là chủ nhân của những chiếc xe không kính nên khi miêu tả, tác giả đã khắc họa những ấn tượng sinh động khi đang ngồi trên những chiếc xe không kính trong tư thế “nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng” qua khung cửa xe đã bị bom đạn làm mất kính.

(4) Những câu thơ tả thực tới từng điểm diễn tả cảm giác về tốc độ của những chiếc xe đang lao nhanh ra đường:

*Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng*

*Thấy con đường chạy thẳng vào tim*

*Thấy sao trời và đột ngột cánh chim*

*Như sa như ùa vào buồng lái*

(5) Những hình ảnh thực như gió, con đường, sao trời, cánh chim vừa thực vừa thơ, lại cái thi vị nảy sinh trên những con đường bom rơi đạn nổ.

(6) Dù trải qua hiện thực chiến tranh khốc liệt những người lính vẫn hướng về phía trước, xem thường mọi hiểm nguy với tinh thần thể hiện cái hiên ngang, trẻ trung của tuổi trẻ.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

**Cho câu thơ:**

*“Những chiếc xe từ trong bom rơi”*

**Câu 1:** Chép tiếp 7 câu thơ tiếp theo để hoàn thiện hai khổ thơ tiếp theo.

**Câu 2:** Cho biết từ “trái tim” dùng theo nghĩa gốc hay nghĩa chuyển. Nêu ý nghĩa của hình ảnh ấy trong việc thể hiện vẻ đẹp người lính lái xe?

**Câu 3:** Em hiểu thế nào về hình ảnh trong hai câu thơ:

*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời*

*Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy*

**Câu 4:** Viết đoạn văn khoảng 12 câu theo phương thức quy nạp nêu cảm nhận về khổ thơ cuối bài "Bài thơ về tiểu đội xe không kính".

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:**

*Những chiếc xe từ trong bom rơi*

*Đã về đây họp thành tiểu đội*

*Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới*

*Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi*

*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời*

*Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy*

*Võng mắc chông chênh đường xe chạy*

*Lại đi lại đi trời xanh thêm.*

**Câu 2:**

- Từ “trái tim” được dùng theo nghĩa chuyển.

 - Trái tim thay thế cho tất cả những thiếu thốn trên xe “không kính, không đèn, không mui”, hợp nhất với tinh thần, ý chí của người lính lái xe không gì có thể ngăn cản, tàn phá được.

 - Xe được chạy bằng chính trái tim, xương máu của chiến sĩ, trái tim ấy là niềm tin, niềm lạc quan và sức mạnh chiến thắng. Những chiếc xe càng thêm độc đáo vì đó là những chiếc xe do ý chí, niềm tin sắt đá cầm lái.

    Hình ảnh trái tim được hiểu theo nghĩa ẩn dụ và hoán dụ: trái tim tượng trưng cho tâm hồn và phẩm chất của người chiến sĩ lái xe. Trái tim nồng cháy một lẽ cao đẹp thiêng liêng: tất cả vì miền Nam thân yêu, trái tim chứa đựng bản lĩnh, chất ngang tàng, lòng dũng cảm cùng tinh thần lạc quan vào ngày thống nhất.

    - Trái tim trở thành nhãn tự toàn bài thơ, hội tụ tất cả vẻ đẹp của tinh thần, ý chí của người lính lái xe cũng như để lại cảm xúc sâu lắng trong lòng người đọc.

**Câu 3:**

- Bếp Hoàng Cầm ra đời trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Đây là bếp dã chiến, có công dụng làm tan loãng khói bếp tỏa ra, khi nấu ăn tránh máy bay phát hiện.

- Hình ảnh bếp Hoàng Cầm trong thơ Phạm Tiến Duật gợi lên tình cảm thắm thiết như ruột thịt của những người lính.

- Tác giả đưa ra cách định nghĩa thật thú vị về gia đình, vừa hài hước, tếu táo lại tình cảm sâu lắng, thiêng liêng giúp con người xích lại gần nhau hơn trong những cái chung: chung bát, chung đũa, chung nắm cơm, bếp lửa, chung hoàn cảnh, chung con đường với vô vàn thách thức nguy hiểm.

**Câu 4:**

***\* Yêu cầu chung:***

- Nội dung: Học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận văn học, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản. Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách xong cần bám sát ngữ liệu, kết hợp các thao tác lập luận.

- Hình thức: Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả.

***\* Yêu cầu cụ thể:***

- Ý chí chiến đấu giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

+ Bài thơ khép lại bằng hình ảnh thể hiện ý chí kiên cường vì Tổ quốc, đó là sức mạnh sâu sắc, phi thường của người lính để vượt lên tất cả, bất chấp mọi nguy nan, mọi sự hủy diệt, tàn phá.

+ Biện pháp liệt kê, điệp ngữ được sử dụng nhằm nhấn mạnh sự ác liệt của chiến tranh ngày càng tăng, và sự thiếu thốn, mất mát ngày càng lớn.

+ Điều kì diệu và đặc biệt là không gì có thể cản trở, tàn phá được chuyển động của chiếc xe vì “xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước”.

+ Mọi thứ trên xe không còn nguyên vẹn nhưng vẫn nguyên vẹn trái tim, ý chí của người lính. Đó chính là sự ngoan cường, dũng cảm, vượt lên trên mọi gian khổ ác liệt mà còn là sức mạnh của tinh thần yêu nước.

+ Đối lập với những cái “không có” ở trên là một cái “có”, sức mạnh từ trái tim có thể chiến thắng bom đạn kẻ thù. Những chiếc xe chạy bằng sức mạnh của trái tim.

+ Trái tim là hình ảnh ẩn dụ, hoán dụ, kết tinh cho vẻ đẹp về tâm hồn và phẩm chất của người lính lái xe. Trái tim nồng cháy một lẽ sống cao đẹp: vì miền Nam, vì sự thống nhất đất nước.

- Hình ảnh những người lính chiến đấu với lý tưởng độc lập tự do gắn với chủ nghĩa xã hội, họ ý thức về trách nhiệm của thế hệ mình. Hình ảnh của họ đã thể hiện thế hệ anh hùng, mạnh mẽ, hiên ngang.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

Kết thúc bài thơ “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”, Phạm Tiến Duật viết:

*… Không có kính, rồi xe không có đèn*

*Không có mui xe, thùng xe có xước*

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:*

*Chỉ cần trong xe có một trái tim.*

(Trích Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục)

**Câu 1**: Theo em vì sao tác giả lại nhắc lại hình ảnh của những chiếc xe không kính ở cuối bài thơ?

**Câu 2:** Chỉ ra các biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu đầu của khổ thơ trên và nêu tác dụng?

**Câu 3:** Trong chương trình Ngữ văn THCS, mối quan hệ giữa cái “không” và cái “có” đã được một nhà thơ khác sử dụng rất thành công để biểu đạt dụng ý nghệ thuật. Em hãy nêu tên tác phẩm và ghi rõ tên tác giả.

**Câu 4**: Hình ảnh “trái tim” có ý nghĩa như thế nào? Qua đó ca ngợi phẩm chất gì của những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn thời chống Mỹ?

**Câu 5**: Dựa vào nội dung của đoạn thơ trên, em hãy viết một văn bản ngắn trình bày suy nghĩ của em về một tình cảm đẹp của người lính lái xe ấy.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** Tác giả nhắc lại hình ảnh những chiếc xe không kính, không đèn, không mui, thùng xe xây xước nhằm khẳng định sự gian khổ, ác liệt nơi chiến trường ngày càng tăng.

**Câu 2:**

- Các biện pháp điệp ngữ và liệt kê (chỉ rõ)

- Tác dụng:

+ Tái hiện chân thực hình ảnh những chiếc xe trên tuyến đường TS

+ Tô đậm những thiếu thốn, khó khăn, gian khổ của người lính, sự khốc liệt của chiến trường và bản lĩnh của những người lính lái xe

**Câu 3:**

- Kể tên văn bản: Bạn đến chơi nhà

- Tác giả: Nguyễn Khuyến

**Câu 4:**

- Trái tim của những người chiến sĩ lái xe một lòng hướng về miền Nam ruột thịt.

- Phẩm chất: yêu nước, ý chí quyết tâm chiến đấu vì miền Nam, vì Tổ quốc.

**Câu 5:**

**a**-**Yêu cầu về kỹ năng:**

- Đúng phương pháp kiểu bài nghị luận xã hội.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng và phối hợp nhiều thao tác nghị luận ( giải thích, chứng minh, bình luận…)

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt ; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày rõ ràng.

- Dựng đoạn có sự liên kết tốt.

**b-** **Yêu cầu về kiến thức:**

- Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận: Học sinh có thể chọn tình đồng đội hoặc lòng yêu nước.

- Giải thích theo đúng yêu cầu đã chọn.

- Nêu biểu hiện và dẫn chứng để làm sáng rõ vấn đề.

- Phê phán lối sống không đúng đắn.

- Nêu phương hướng hành động của bản thân.

**BÀI 3 : ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ**

***Huy Cận***

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Huy Cận (1919-2005) tên đầy đủ là **Cù Huy Cận**, quê ở làng Ân Phú, huyện Vụ Quang (trước đây thuộc huyện Hương Sơn, sau là Đức Thọ), tỉnh Hà Tĩnh.  - Ông là một trong những gương mặt xuất sắc của nên fthi ca Việt Nam hiện đại.  - Huy Cận đã nổi tiếng trong phong trào thơ mới với tập thơ “***Lửa thiêng***” (1940). Ông tham gia cách mạng từ trước năm 1945 và sau cách mạng tháng Tám từng giữ nhiều trọng trách trong chính quyền cách mạng, đồng thời là một trong những nhà thơ tiêu biểu của nền thơ hiện đại Việt Nam.  - Huy Cận đã được Nhà nước trao tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật (1996).  - Phong cách sáng tác : Thơ Huy Cận luôn vận động ở nhiều đối cực : vũ trụ- cuộc đời, sự sống- cái chết, hiện thực- lãng mạn, nềm vui- nỗi buồn… ; giọng điệu mộc mạc, chân tình, lắng đọng ; hình ảnh thâm trầm, khơi gợi. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Bài thơ ra đời năm 1958. Đây là thời kì miền Bắc được giải phóng, bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội để chi viện cho chiến trường miền Nam  - Bài thơ là kết quả sau chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh. Từ chuyến đi thực tế này, hồn thơ Huy Cận mới thực sự nảy nở trở lại, dồi dào trong cảm hứng về thiên nhiên đất nước, về lao động và niềm vui trước cuộc sống mới.  - Bài "Đoàn thuyền đánh cá" được sáng tác trong thời gian ấy và in trong tập thơ “***Trời mỗi ngày lại sáng***” (1986). |
| ***Thể loại*** | Thể thơ 7 chữ |
| ***Mạch cảm xúc và bố cục*** | Bài thơ được bố cục theo trình tự thời gian, không gian chuyến ra khơi của đoàn thuyền, gồm 3 phần:  - Phần 1 (2khổ đầu): cảnh đoàn thuyền ra khơi  - Phần 2 (4 khổ tiếp theo): cảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển.  - Phần 3 (khổ cuối): hình ảnh đoàn thuyền đánh cá trở về.  Nêu thời gian và không gian được miêu tả trong bài thơ:  Bài thơ đã tạo ra một khung cảnh không gian và thời gian rất đáng chú ý:  - Không gian rộng lớn bao la với mặt trời, biển, trăng, sao, mây, gió;  - Thời gian là nhịp tuần hoàn của vũ trụ từ lúc hoàng hôn đến bình minh, cũng là thời gian của một chuyến ra biển rồi trở về của đoàn thuyền đánh cá: mặt trời xuống biển, cả trời đất vào đêm, trăng lên cao, đêm thở, sao lùa… rồi sao mờ, mặt trời đội biển nhô lên trong một ngày mới. Điểm nhịp thời gian cho công việc của đoàn thuyền đánh cá là nhịp tuần hoàn của thiên nhiên vũ trụ. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | - Hình ảnh đoàn thuyền gợi về một sự đoàn kết, ở đó có sự đòng long, chung sức giữa các thành viên.  - Phản ánh không khí lao động sôi nổi, hăng say của những người dẫn chài.  - Gợi lên những thành quả lao động góp phần xây dựng đất nước theo nhịp sống mới sau chiến tranh. |
| ***PT biểu đạt*** | Tự sự, miêu tả, biểu cảm |
| ***Chủ đề*** | Ca vẻ đẹp thiên nhiên, đất nước, sự giàu có của biển khơi; ngợi ca khí thế lao động hăng say, yêu đời của người lao động mới đã được giải phóng, đang làm chủ bản thân, làm chủ cuộc đời và đất nước. |
| ***Giá trị nội dung*** | Bài thơ khắc hoạ nhiều hình ảnh đẹp tráng lệ, thể hiện sự hài hoà giữa thiên nhiên và con người lao động, bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Nghệ thuật: - Sáng tạo hình ảnh thơ bằng liên tưởng, tưởng tượng phong phú, độc đáo.  - Âm hưởng khoẻ khoắn, hào hùng, lạc quan. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

***\* Khái quát:*** Bài thơ rút từ tập “ Trời mỗi ngày lại sáng” (1958), được Huy Cận sáng tác trong chuyến đi thực tế tại vùng mỏ Quảng Ninh năm 1958. Bài thơ ca ngợi thiên nhiên vũ trụ và con người lao động trong cuộc sống mới ở miền Bắc thời kỳ xây dụng chủ nghĩa xã hội. Từ đó, nhà thơ bộc lộ niềm vui, niềm tự hào trước đất nước, con người và cuộc sống.  
**1. Cảnh ra khơi và tâm trạng náo nức của con người( 2 khổ đầu).  
a. Cảnh hoàng hôn trên biển.**  
 Mở đầu bài thơ là cảnh mặt hoàng hôn trên biển được miêu tả thật độc đáo và ấn tượng:  
*Mặt trời xuống biển như hòn lửa  
Sóng đã cài then đêm sập cửa*

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| Cảnh được miêu tả ở một điểm nhìn, một vị trí đặc biệt. Đó là điểm nhìn di động trên con thuyền trên biển | Vì thế, khi người quan sát nhìn về phía mặt trời lặn qua một khoảng biển sẽ thấy mặt trời như đang lặn xuống biển. |
| Nghệ thuật so sánh, nhân hóa “ Mặt trời…lửa” | Vừa gợi được cái kì vĩ, tráng lệ của hoàng hôn trên biển, mặt trời như một hòn than cháy hồng đang từ từ lặn xuống biển, vừa gợi được bước đi của thời gian. |
| Hình ảnh nhân hóa” sóng…” | Gợi cảm giác gần gũi, thân thương, vũ trụ như ngôi nhà lớn, màn đêm là tấm cửa khổng lồ, những con sóng lăn tăn trên đại dương là những chiếc then cửa. |
| -> Huy Cận đã miêu tả rất thực sự chuyển đổi thời khắc giữa ngày và đêm khiến cảnh biển vào đêm thật đẹp, kỳ vĩ, tráng lệ như thần thoại đồng thời gợi sự gần gũi như ngôi nhà thân quen, gợi sự bình yên đối với người dân chài. | |

**b. Cảnh ra khơi :**

- Khi thiên nhiên bước vào trạng thái nghỉ ngơi thì con người bắt đầu làm việc.  
“ Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi  
Câu hát căng buồm cùng gió khơi”

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Hình ảnh “ Đoàn thuyền” | gợi ra sự tấp nập, không khí lao động sôi nổi trên biển. |
| Chữ “lại” | vừa khẳng định nhịp điệu lao động của người dân chài đã đi vào ổn định, vừa thể hiện sự đối lập giữa sự nghỉ ngơi của đất trời và sự làm việc của con người. |
| Ba hình ảnh: Câu hát, cánh buồm và gió khơi. | - Trước hết, thể hiện trí tưởng tượng phong phú, lãng mạn: người đánh cá căng buồm và cất câu hát, nhà thơ có cảm giác như chính câu hát đó đã làm căng cánh buồm. Câu hát mang theo niềm vui, sự phấn chấn của người lao động trở thành sức mạnh cùng với gió biển làm căng cánh buồm để con thuyền lướt sóng ra khơi.  - Còn là hình ảnh ẩn dụ thể hiện niềm vui phơi phới, tinh thần lạc quan của người dân chài. Họ ra khơi trong tâm trạng đầy hứng khởi vì học tìm thấy niềm vui trong lao động, yêu biển và say mê với công việc chinh phục biển khơi làm giàu cho Tổ quốc. |

- Người dân chài ra khơi mang tâm trạng phấn chấn, náo nức:

“Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng,  
Cá thu biển Đông như đoàn thoi  
Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng  
Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi!”

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Câu thơ mở đầu sử dụng cách ngắt nhịp 2/5 | Tạo âm hưởng vừa trang trọng, vừa khỏe khoắn |
| Từ “hát rằng” | Gợi lên niềm vui và hi vọng của người dân chài |
| Phép liệt kê kết hợp với hình ảnh so sánh “ cá thu…” | mang âm hưởng ngợi ca, tự hào về sự giàu có của biển. |
| Phép nhân hóa “ đêm ngày…” | - Cho thấy không khí lao động hăng say, không kể ngày đêm của người lao động.  - Gợi hình ảnh đàn cá chao qua chao lại trên mặt biển, biển như một tấm lụa khổng lồ mà cá là “ đoàn thoi” đang mải miết dệt. Liên tưởng này kéo theo một liên tưởng khác: “ đoàn thoi” cá dệt nên tấm lưới của người dân chài |
| Lời mời gọi kết hợp với dấu chấm cảm | Thể hiện mong ước hồn hậu của ngư dân, họ hát bài ca gọi cá vào lưới và thể hiện tình yêu với biển. |
| => Hai khổ thơ đầu đã phác họa rất thành công một bức tranh thiên nhiên kì vĩ, thơ mộng và qua đó gợi được tâm hồn phóng khoáng, tình yêu lao động và niềm hi vọng của người dân chài. | |

**2. Hình ảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển và và khí thế của người lạo động( 4 khổ giữa)**

**a. Hình ảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển được miêu tả cụ thể và rất sinh động:**

“Thuyền ta lái gió với buồm trăng  
Lướt giữa mây cao với biển bằng

Ra đậu dặm xa dò bụng biển

Dàn dan thế trận lưới vây giăng”

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Hình ảnh đoàn thuyền được tái hiện trên nền thiên nhiên bao la, rộng lớn: | chiều cao của gió trăng, chiều rộng của mặt biển và chiều sâu của lòng biển. |
| Cách nói khoa trương, phóng đại và thủ pháp nhân hóa qua hình ảnh “ lái…” | cho thấy con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé trước biển cả bao la giờ đây qua cái nhìn của nhà thơ trở nên lớn lao, kỳ vĩ và ngang tầm vũ trụ. Con thuyền ấy có gió là người cầm lái, còn trăng là cánh buồm -> cho thấy trí tưởng tượng bay bổng, lãng mạn đồng thời gợi sự nhịp nhàng, hoà quyện của đoàn thuyền với biển trời. |
| Hàng loạt những động từ: lái, lướt, dò, dàn đan, vây giăng | Cho thấy hoạt động của đoàn thuyền và con người. Con thuyền lao đi với tốc độ rất nhanh “ lướt”.  -> Câu thơ vừa gợi sự khéo léo như nghệ sĩ của người dân chài vừa cho thấy tâm hồn phóng khoáng, chinh phục biển cả, làm chủ thiên nhiên của họ. |
| => Như vậy, tầm vóc của con người và đoàn thuyền đã được nâng lên, hoà nhập vào kích thước của thiên nhiên vũ trụ. Không còn cái cảm giác nhỏ bé lẻ loi khi con người đối diện với trời rộng, sông dài như trong thơ Huy Cận trước cách mạng. Hình ảnh thơ thật lãng mạn, bay bổng và con người có tâm hồn cũng thật vui vẻ, phơi phới. Công việc lao động nặng nhọc của người đánh cá đã trở thành bài ca đầy niềm vui, nhịp nhàng cùng thiên nhiên. | |

**b. Theo đoàn thuyền đánh cá, tác giả mở ra sự giàu có, hào phóng của biển cả:**

“Cá nhụ, cá chim cùng cá đé,  
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,  
Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé,  
Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long”.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Bằng cách liệt kê tên của các loài cá khác nhau: “Cá nhụ, cá chim, cá đé, cá song”. | Tác giả đã miêu tả sự phong phú và giàu có của biển cả quê hương qua những loài cá ngon, quý hiếm. |
| Nghệ thuật nhân hóa, ẩn dụ kết hợp với các tính từ chỉ màu sắc: lấp lánh, đen hồng, vàng choé. | Đã cho thấy biển không chỉ giàu mà còn rất đẹp. Tất cả tạo nên một bức tranh sơn mài nên thơ và đầy chất lãng mạn.  - Hình ảnh ẩn dụ độc đáo: những con cá song giống như ngọn đuốc đen hồng đang lao đi trong luồng nước dưới ánh trăng lấp lánh.  - Hình ảnh nhân hóa “Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé” là hình ảnh đẹp nhất. Ánh trăng in xuống mặt nước, những con cá quẫy đuôi vào nước mà như quẫy ánh trăng tan ra, lóe sáng. Từ “ em” thể hiện tình cảm yêu mến, thiết tha của tác giả. |
| Tác giả sử dụng nghệ thuật nahan hóa: “Đểm thở: sao lùa nước Hạ Long”. | - Vừa miêu tả nhịp điệu của những cánh sóng, vừa gợi nhịp thở của biển, vũ trụ lúc đêm về. Biển như mang linh hồn của con người.  - Câu thơ còn độc đáo ở chỗ: tác giả đã tạo ra hình ảnh đảo ngược: ánh sao in bóng xuống biển đêm, nhưng không phải sao bị sóng đẩy vào mạn thuyền mà dường như chính ánh sao như lùa nước Hạ Long làm nên tiếng thở của đêm. |
| -> Tất cả làm nên một bức tranh hoà nhịp kỳ diệu giữa thiên nhiên và con người lao động. | |

**c. Trước sự giàu có của biển cả, lòng người háo hức, vui tươi:**“Ta hát bài ca gọi cá vào,  
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.  
Biển cho ta cá như lòng mẹ,  
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào".

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| Cụm từ “Ta hát” | Gợi sự thân thiết, gợi niềm vui, phấn chấn yêu lao động. |
| Hình ảnh nhân hóa  “Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao” | Gợi nhiều liên tưởng: trong đêm trăng sáng, vầng trăng in xuống mặt nước, sóng xô bóng trăng dưới nước gõ vào mạn thuyền tạo nên nhịp điệu cho bài ca lao động.  -> Có thể nói đây là hình ảnh lãng mạn đầy chất thơ làm đẹp thêm công việc đánh cá trên biển. Thiên nhiên đã cùng con người hoà đồng trong lao động. |
| Hình ảnh so sánh “như lòng mẹ” | Gợi sự bao dung, ân tình của biển cả dành cho con người, đồng thời thể hiện lòng biết ơn sâu nặng của con người với biển quê hương. |

**d. Khung cảnh lao động hăng say trên biển lúc bình minh:**“Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng  
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng.  
Vẫy bạc đuôi vàng loé rạng đông,  
Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng”.  
Khổ thơ miêu tả hình ảnh người lao động trên nền trời đang sáng dần, ửng hồng.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Nhịp thơ 2/2/3 | Cho thấy hoạt động nhịp nhàng, khẩn trương của người dân chài. |
| Hình ảnh “ kéo xoăn tay” | Gợi vẻ đẹp khỏe khoắn của người dân chài trong lao động, đồng thời gợi lên mẻ lưới bội thu. |
| Hình ảnh “ vẩy bạc”, “ đuôi vàng” đầy ắp khoang thuyền | vừa gợi màu sắc sáng đẹp, vừa cho thấy sự giàu có của biển cả quê hương và niềm vui phơi phới của người lao động. |
| Nhịp thơ 2/2/3 ở câu cuối khổ thơ | tạo một sự nhịp nhàng giữa lao động của con người với sự vận hành của vũ trụ. |
| => Đoạn thơ đã diến tả được một bức tranh thiên nhiên hùng vĩ với sự giàu có hào phóng của thiên nhien, đồng thời khắc họa thành công hình tượng người lao động lướn lao, phi thường. | |

**3.Cảnh đoàn thuyền thắng lợi trở về trong bình minh rực rỡ, tráng lệ.**

**(Khổ cuối).**  
“Câu hát căng buồm với gió khơi

Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời

Mặt trời đội biển nhô màu mới

Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi”.

4 câu cuối đã dựng lên quang cảnh kỳ vĩ về cuộc chạy đua của con người (đoàn thuyền) với mặt trời.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Ở câu thơ đầu, tác giả sử dụng cấu trúc lặp lại câu thơ cuối của khổ thơ đầu tiên. Chỉ khác nhau từ “ cùng” và từ “ với”: | - “ cùng” và “ với” đều thể hiện sự gắn kết giữa câu hát và gió khơi, nhưng “ cùng” sử dụng thanh bằng, gợi lên sự hài hòa giữa ngọn gió và câu hát, từ đó tái hiện một chuyến đi biển thuận lợi và bình yên. Còn từ “ với” sử dụng thanh trắc tạo nên sự khỏe khoắn và niềm vui phơi phới khi người dân chài trở về với mẻ lưới bội thu.  “Câu hát” mở đầu lúc họ bắt đầu lên đường ra khơi, và khi trở về lại những câu hát ấy. Cấu trúc lặp như một điệp khúc ngân nga, nhấn mạnh niềm vui lao động làm giàu đẹp quê hương.  -> Có lẽ câu hát lúc ra đi là câu hát lạc quan tin tưởng khi trở về con thuyền sẽ đầy ắp cá tươi, còn câu hát lúc trở về là câu hát vui sướng trước thành quả lao động sau một đêm vất vả. |
| Hình ảnh nhân hóa, phóng đại “Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”. | Cho thấy đoàn thuyền như một sinh thể sống chạy đua với thiên nhiên bằng tốc độ vũ trụ. Qua đó cho thấy khí thế khẩn trương, sức lực sức dồi dào, vẫn hăng say mạnh mẽ sau một đêm lao động vất vả của người dân chài.  -> Bằng hình ảnh thơ bay bổng, tác giả đã làm nổi bật tư thế của những con người lao động- tư thế sánh ngang với vũ trụ, chiến thắng thiên nhiên và làm chủ thiên nhiên. |
| Cùng với câu hát được lặp lại ở khổ cuối, ta còn thấy hình ảnh mặt trời cũng xuất hiện. Hình ảnh nhân hóa “ mặt trời đội biển” kết hợp với động từ “ nhô”: | Vừa gợi cái kì vĩ, tráng lệ của thiên nhiên, vừa gợi bước đi của thời gian.  -> Bình minh báo hiệu một ngày mới, báo hiệu một sự sống sinh sôi nảy nở, là sự khởi đầu của những niềm vui, niềm hạnh phúc mà người dân chài có được sau một chuyến hành trình rất vất vả và cực nhọc. |
| Hình ảnh hoán dụ “ mắt cá… phơi” | Ta lại bắt gặp một hình ảnh mặt trời khác, không phải của thiên nhiên mà của muôn ngàn mắt cá lấp lánh trong buổi bình minh- đó là ánh sáng của thành quả lao động lấp lánh niềm vui, hi vọng. |
| => Ý thơ phảng phất không khí thần thoại, khổ thơ mang âm hưởng của bản anh hùng ca lao độngthể hiện niềm vui phơi phới của con người lao động khi làm chủ đất trời, làm chủ cuộc đời. | |

**\* Đánh giá:**

- Với ngòi bút tràn đầy cảm hứng thiên nhiên, vũ trụ; hình ảnh thơ phong phú, giàu sức gợi; kết cấu đầu cuối tương ứng đặc sắc...

- Bài thơ đã phác họa thành công vẻ dẹp thiên nhiên và con người lao động mới. Đồng thời thấy được sự hồi sinh của thiên nhiên, đất nước sau chiến tranh.

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

**Cho hai câu thơ:**

*Mặt trời xuống biển như hòn lửa*

*Sóng đã cài then đêm sập cửa*

**Câu 1:** Chép tiếp 6 câu thơ tiếp theo?

**Câu 2:** Cho biết tên tác giả và văn bản chứa những câu thơ trên?

**Câu 3:** Bài thơ được viết theo thể thơ nào?

**Câu 4:** Hãy trình bày hoàn cảnh sáng tác của bài thơ. Mạch cảm xúc của bài thơ được triển khai theo trình tự nào? Nêu hiệu quả nghệ thuật của nó?

**Câu 5:**  Viết đoạn văn diễn dịch khoảng 12 câu nêu cảm nghĩ của em về vẻ đẹp của người lao động trong bài thơ Đoàn thuyền đánh cá. Đoạn văn có sử dụng lời dẫn gián tiếp và phép lặp.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:**  Chép tiếp 6 câu thơ tiếp theo:

*Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,  
 Câu hát căng buồm cùng gió khơi.  
  
 Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng,  
 Cá thu biển Đông như đoàn thoi  
 Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng.  
Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi!*

**Câu 2:**  “ Đoàn thuyền đánh cá”- Huy Cận.

**Câu 3:** Thể thơ 7 chữ.

   - Hoàn cảnh sáng tác: giữa năm 1958, Huy Cận có chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh. Từ chuyến đi thực tế này, hồn thơ của Huy Cận mới thực sự nảy nở và dồi dào trở lại khi có nguồn cảm hứng về thiên nhiên đất nước, lao động cũng như cuộc sống mới.

    - Mạch cảm xúc của bài thơ được trình bày theo trình tự thời gian, không gian chuyến ra khơi của đoàn thuyền cho tới khi đoàn thuyền trở về, tất cả đều mang âm hưởng của niềm vui, niềm hạnh phúc trong lao động, đổi mới.

**Câu 4:**

- Bài thơ ra đời năm 1958. Đây là thời kì miền Bắc được giải phóng, bắt tay vào xây dựng chủ nghĩa xã hội để chi viện cho chiens trường miền Nam. Bài thơ là kết quả sau chuyến đi thực tế dài ngày ở vùng mỏ Quảng Ninh. Từ chuyến đi thực tế này, hồn thơ Huy Cận mới thực sự nảy nở trở lại, dồi dào trong cảm hứng về thiên nhiên đất nước, về lao động và niềm vui trước cuộc sống mới.

- Bài thơ được bố cục theo trình tự thời gian, không gian chuyến ra khơi của đoàn thuyền, gồm 3 phần:

+ Phần 1 (2khổ đầu): cảnh đoàn thuyền ra khơi

+ Phần 2 (5 khổ tiếp theo): cảnh đoàn thuyền đánh cá trên biển.

+ Phần 3 (khổ cuối): hình ảnh đoàn thuyền đánh cá trở về.

**Câu 5:**

***\* Yêu cầu chung:***

- Nội dung: Học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận văn học, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản. Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách xong cần bám sát ngữ liệu, kết hợp các thao tác lập luận.

- Hình thức: Đoạn văn cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả; trong đó sử dụng lời dẫn gián tiếp và phép lặp.

***\* Yêu cầu cụ thể:***

- Bài thơ đã khắc họa được vẻ đẹp và sức mạnh của con người lao động trước thiên nhiên kì vĩ.

- Cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi tấp nập.

       + Hình ảnh con người trước thiên nhiên rộng lớn, kì vĩ.

Tầm vóc của con người được nâng lên: công việc đánh cá được dàn đan như thế trận hào hùng, gợi ra tâm hồn phóng khoáng, dũng cảm chinh phục biển cả của người nghệ sĩ.

       + Tầm vóc của con người được nâng lên hòa nhập với kích thước của thiên nhiên, vũ trụ.

Con người không còn nhỏ bé lẻ loi khi đối diện với cuộc đời.

       + Con người ra khơi trong niềm vui câu hát.

Sự lãng mạn bay bổng, tinh thần lạc quan thấm vào từng câu hát khi những người lao động hăng say hát bài ca của niềm tin hi vọng, nhịp nhàng cùng thiên nhiên.

       + Con người với ước mơ trong công việc.

Với khí thế phơi phới, của đoàn thuyền và niềm vui, sức mạnh của người lao động trên biển làm chủ biển khơi, chinh phục biển khơi.

       + Cảm nhận được vẻ đẹp của biển.

Con người thấy được sự giàu có trù phú của biển cả, hiểu được biển là mẹ thiên nhiên mang lại nguồn thức ăn, sức sống dồi dào cho cuộc đời.

       + Người lao động vất vả nhưng tìm thấy niềm vui trong lao động và trước thắng lợi.

→ Hình ảnh người lao động được sáng tạo với cảm hứng lãng mạn cho thấy tinh thần, niềm vui của tác giả trong cuộc sống đổi mới.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

Bài thơ ***Cành phong lan bể*** của Chế Lan Viên có câu: ***Con cá song cầm đuốc dẫn thơ về***… Bài ***Đoàn thuyền đánh cá*** của Huy Cận cũng có một câu thơ giàu hình ảnh tương tự.

**Câu 1**: Em hãy chép chính xác khổ thơ có câu thơ đó theo sách Ngữ văn 9 và cho biết hoàn cảnh ra đời của bài thơ.

**Câu 2**: Con cá song và ngọn đuốc và những sự vật vốn khác nhau trong thực tế nhưng nhà thơ Huy Cận lại có một sự liên tưởng hợp lý. Vì sao vậy? Câu thơ của ông giúp người đọc hiểu thêm những gì về thiên nhiên và tài quan sát của nhà thơ?

**Câu 3**: Dưới đây là câu chủ đề cho một đoạn văn trình bày cảm nhận về khổ thơ được chép theo yêu cầu ở câu 1:

***Chỉ với bốn câu thơ, Huy Cận đã cho ta thấy một bức tranh kỳ thú về sự giàu có và đẹp đẽ của biển cả quê hương.***

Em hãy viết tiếp khoảng 4 đến 6 câu để hoàn chỉnh đoạn văn theo phép lập luận điểm dịch, trong đó có một câu ghép và lời dẫn trự tiếp.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1**:

- Chép chính xác khổ thơ trong bài ***Đoàn thuyền đánh cá***

*Thuyền ta lái gió với buồm trăng*

*Lướt giữa mây cao với biển bằng*

*Ra đậu dặm xa dò bụng biển*

*Dàn đan thế trận lưới vây giăng*

- Nêu đúng hoàn cảnh ra đời: năm 1958, trong chuyến đi thực tế ở Quảng Ninh

**Câu 2**:

- Vì: trong thực tế cá song có thân bài nhiều chấm, vạch màu đen hồng nên dưới ánh trăng chúng bơi lội trông như rước đuốc.

- Hiểu thêm về thiên nhiên:

+ Thiên nhiên biển cả đẹp huyền ảo, lung linh như đêm hội…

+ Tài quan sát tinh tế và trí tưởng tượng bay bổng… của nhà thơ.

**Câu 3**:

\* Yêu cầu chung: Đoạn văn trình bày theo phép lập luận diễn dịch, có độ dài khoảng từ 4 đến 6 câu, liên kết chặt chẽ, đủ lý lẽ và dẫn chứng làm rõ ý khái quát, không mắc lỗi chính tả, ngữ pháp…

***Đoạn văn tham khảo:***

(1) Chỉ với bốn câu thơ, Huy Cận đã cho ta thấy một bức tranh kì thú về sự giàu có và đẹp đẽ của biển cả quê hương.

*“Thuyền ta lái gió với buồm trăng*

*....*

*Dàn đan thế trận lưới vây giăng”*

(2) Hình ảnh con thuyền được lý tưởng hóa trở nên kì vĩ ngang tầm với vũ trụ.

(3) Con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé nay đã lớn lao, trước thiên nhiên.

(4) *Cảm giác cô đơn nhỏ bé của con người không còn nữa bởi con người với sức mạnh tự thân đã dần làm chủ được đời sống của mình.*

(5) Con thuyền băng băng vượt trùng khơi để “dò bụng biển” hình ảnh có tính chất lãng mạn hóa thông qua lăng kính của tác giả, con thuyền trở nên phóng khoáng, dũng cảm chinh phục biển cả.

(6) Công việc lao động nặng nhọc của người đánh cá đã trở thành bài ca đầy niềm vui, nhịp nhàng của thiên nhiên. .

- **Câu ghép:** *Cảm giác cô đơn nhỏ bé của con người không còn nữa bởi con người với sức mạnh tự thân đã dần làm chủ được đời sống của mình.*

- **Lời dẫn trực tiếp:**

*“Thuyền ta lái gió với buồm trăng*

*....*

*Dàn đan thế trận lưới vây giăng”*

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

**Cho đoạn thơ:**

*Câu hát căng buồm với gió khơi*

*Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời*

*Mặt trời đội biển nhô màu mới*

*Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi*

**Câu 1:** Trong đoạn thơ trên có những hình ảnh nào được lặp lại so với khổ thơ đầu? Điều đó có ý nghĩa gì?

**Câu 2:** Nhận xét sự lặp lại và biến đổi về những hình ảnh giữa khổ thơ đầu và khổ thơ cuối.

**Câu 3:** Viết một đoạn văn khoảng 12 câu theo phương thức tổng - phân - hợp cảm nhận về hình ảnh mặt trời ở đầu và cuối cuối bài.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** Trong đoạn thơ trên hình ảnh được lặp lại so với khổ thơ đầu hình ảnh “Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”.

    - Đây là hình ảnh hoành tráng, lãng mạn và đặc biệt.

Đoàn thuyền lớn lao, sánh ngang với hình ảnh mặt trời vĩ đại.

       + Huy Cận lấy một vật nhỏ bé, bình dị để đi ngầm so sánh với hình ảnh vĩ đại của thiên nhiên.

       + Cách nói nhân hóa, nói phóng đại diễn tả nguồn năng lượng, sức sống, sức lao động của vẫn hăng say, mạnh mẽ sau một đêm lao động của người dân chài lưới.

       + Qua đó, tác giả làm nổi bật hình ảnh những người lao động, thực chất là người dân chài lưới.

→ Những người lao động miệt mài với biển khơi nay trở về trong tư thế sóng ngang với vũ trụ, thậm chí trong cuộc chạy đua với thiên nhiên họ đã chiến thắng, họ làm chủ được thiên nhiên và là chủ của cuộc đời mình.

**Câu 2:**

Hình ảnh được lặp lại và những chi tiết có trong có thay đổi trong ai khổ thơ. Việc lặp lại và thay đổi đã tạo nên sự đối ứng đầu cuối, thể hiện trọn vẹn hành trình ra khơi và trở về.

    - Sự khác biệt là ở hướng của đoàn thuyền (ra khơi và trở về); ở thời gian (hoàng hôn và bình minh); hình ảnh bao trùm (mặt trời lặn và mặt trời mọc); ở khí thế con người (hăng hái khi ra đi, phấn chấn trước thành quả lao động khi trở về).

**Câu 3:**

(1) Những câu thơ cuối bài "Đoàn thuyền đánh cá" có cảnh mặt trời “đội biển” trái ngược với hình ảnh mặt trời lặn ở khổ thơ đầu.

(2) Mở đầu khổ thơ là hình ảnh câu hát theo suốt hành trình chinh phục tự nhiên.

Nếu mở đầu câu hát tạo động lực thì nay câu hát ấy là khúc khải hoàn ca về chiến thắng, nhấn mạnh niềm vui lao động làm giàu đẹp quê hương.

(3) Mở đầu là hình ảnh mặt trời đi vào tĩnh lặng của buổi hoàng hôn thì nay hình ảnh mặt trời mới rực rỡ xuất hiện báo hiệu sự sống sinh sôi nảy nở, sự khởi đầu của niềm vui, niềm hạnh phúc sau chuyến hành trình vất vả, cực nhọc.

(4) Khổ thơ cuối là cảnh đoàn thuyền thắng lợi trở về trong bình minh, rực rỡ, tráng lệ.

(5) Hình ảnh đoàn thuyền đánh cá chạy đua cùng mặt trời làm nổi tư thế của những con người lao động, bởi đoàn thuyền thực chất nói tới người dân chài, đoàn thuyền là hình ảnh hoán dụ chỉ con người.

(6) Hai câu thơ cuối, lại là hình ảnh một mặt trời mới, không phải mặt trời tự nhiên mà là hình ảnh mặt trời từ mắt cá lấp lánh trong buổi bình minh, là niềm vui hạnh phúc của những người lao động.

(7) Đó là niềm vui chiến thắng, niềm vui của thành quả lao động, niềm vinh quang của người lao động, rất bình dị, nhỏ bé.

(8) Hình ảnh mặt trời ở khôt thơ đầu và cuối của bài thơ làm nổi bật tư thế làm chủ vũ trụ của con người lao động.

**BÀI 4 : BẾP LỬA**

***Bằng Việt***

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Bằng Việt, tên khai sinh là Nguyễn Việt Bằng – sinh năm 1941, quê ở huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây.  - Bằng Việt làm thơ từ đầu những năm 60 và thuộc thế hệ các nhà thơ trưởng thành trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ.  - Hiện nay ông là chủ tịch Hội liên hiệp Văn học nghệ thuật Hà Nội.  - Phong cách sáng tác : Thơ Bằng Việt mang giọng điệu thủ thỉ, tâm tình ; ngôn ngữ điềm đạm ; cấu tứ mạch lạc và hệ thống thi ảnh đặc sắc. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Bài thơ được sáng tác năm 1963, khi tác giả đang là sinh viên học ngành luật ở nước ngoài.  - Bài thơ được đưa vào tập Hương cây – Bếp lửa (1968), tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ. |
| ***Thể loại*** | Kết hợp linh hoạt thể thơ 7 chữ, 8 chữ |
| ***Mạch cảm xúc và bố cục*** | \* **Mạch cảm xúc**: Bài thơ là lời tâm sự của người cháu hiếu thảo ở phương xa gửi về người bà.  Bài thơ được mở ra với hình ảnh bếp lửa, từ đó gợi về những kỷ niệm tuổi thơ sống bên bà tám năm ròng, làm hiện lên hình ảnh bà với sự chăm sóc, lo toan, vât vả và tình yêu thương trìu mến dành cho đứa cháu. Từ những kỷ niệm, đứa cháu nay đã trưởng thành suy ngẫm và thấu hiểu về cuộc đời bà, về lẽ sống giản dị mà cao quý của bà. Cuối cùng, người cháu muốn gửi niềm mong nhớ về với bà. Mạch cảm xúc bài thơ đi từ hồi tưởng đến hiện tại, từ kỷ niệm đến suy ngẫm.  \* **Bố cục**: 4 phần.  - Khổ đầu: hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng cảm xúc hồi tưởng về bà.  - 4 khổ tiếp: những kỷ niệm ấu thơ, hình ảnh bà và bếp lửa.  - Khổ 6: những suy nghĩ của tác giả về bà và hình ảnh cuộc đời bà.  - Khổ cuối: nỗi nhớ của cháu về bà và bếp lửa. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | *“Bếp lửa”* là một hình ảnh độc đáo, sáng tạo, xuất hiện nhiều lần trong bài thơ, nó vừa mang ý nghĩa tả thực, vừa mang ý nghĩa biểu tượng :  - Trước hết, đây là một bếp lửa thực, quen thuộc, gần gũi trong mỗi gia đình của người Việt. Đồng thời, nó là hình ảnh gắn với kỉ niệm ấu thơ về một người bà cụ thể, có thật của tác giả.  - Bếp lửa là biểu tượng giàu ý nghĩa :  + Bếp lửa gợi lên sự tần tảo, chăm sóc, yêu thương cảu người bà dành cho người cháu trong những năm tháng đói nghèo, chiến tranh để trưởng thành và khôn lớn.  + Bếp lửa gợi lên bao vất vả, cực nhọc của đời bà. Song bà nhóm bếp lửa cũng chính là nhóm lên sự sống, niềm vui, niềm tin và hi vọng cho cháu vào một tương lai phía trước.  + Bếp lửa còn là biểu tượng của gia đình, quê hương, đất nước, cội nguồn… đã nâng bước người cháu trên suốt hành trình dài rộng của cuộc đời. |
| ***PT biểu đạt*** | Biểu cảm+ Tự sự+ Miêu tả+ Nghị luận |
| ***Chủ đề*** | Qua hình ảnh bếp lửa- ngọn lửa, tác giả thể hiện long thương nhớ và biết ơn bà của đứa cháu đi xa, đồng thời nói lên tình yêu thiết tha đối với gia đình, quê hương, đất nước. |
| ***Giá trị nội dung*** | qua hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ “Bếp lửa” gợi lại những kỷ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kính yêu trân trọng và biết ơn của người cháu đối với bà cũng là đối với gia đình quê hương đất nước. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | bài thơ đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm với miêu tả tự sự và bình luận. Thành công của bài thơ còn ở sự sáng tạo hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà, làm điểm tựa khơi gợi một kỷ niệm, ***cảm xúc, suy nghĩ về bà và tình bà cháu.*** |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**\* Khái quát:** Bài thơ “Bếp lửa” của Bằng Việt sáng tác năm 1963, khi tác giả là sinh viên du học ở Liên Xô và bắt đàu đến với thơ. Bài thơ in trong tập “ Hương cây- Bếp lửa” (1968), là tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ.

Qua dòng hồi tưởng và suy ngầm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ gợi lại những kỉ niệm xúc động tình bà cháu, thể hiện tình cảm kính yêu và biết ơn vô hạn của cháu đối với bà, cũng là đối với quê hương, đất nước.

**\* Phân tích:**

**1. Bếp lửa khơi nguồn cảm xúc nhớ thương (3 câu đầu) :**

Dòng hồi tưởng bắt đầu từ hình ảnh thân thương về bếp lửa.

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| Mở đầu bài thơ, điệp ngữ “ một bếp lửa” được nhắc lại hai lần ngân lên như một điệp khúc thiết tha, sâu lắng | gợi lên một hình ảnh quen thuộc trong mọi gia đình. |
| Hình ảnh “ bếp lửa” trước tiên là một hình ảnh tả thực | Là một hình ảnh quen thuộc, không thể thiếu trong mỗi gia đình. |
| Còn là hình ảnh ẩn dụ | gợi bóng dáng của người bà tảo tần thức khuya dậy sớm |
| Từ láy “ chờn vờn” | là từ láy tượng hình vừa miêu tả ngọn lửa bốc cao, bập bùng tỏa sáng, ẩn hiện giữa làn sương sớm vừa gợi cái mờ nhòa của hình ảnh ký ức theo thời gian. |
| “*Ấp iu*” là một sáng tạo mới mẻ của nhà thơ . Đó không phải là từ láy, từ ghép đơn thuần mà là sự kết hợp và biến thể của hai từ “*ấp ủ*” và “*nâng niu*”. | “*Ấp iu*” gợi đến bàn tay kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng chi chút của người nhóm bếp, lại đúng với công việc nhóm lửa cụ thể |

- Hình ảnh bếp lửa đã làm trỗi dậy những cảm xúc yêu thương trong lòng cháu.

“ Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”

Chữ “ thương” là từ biểu cảm trực tiếp, diễn tả cảm xúc đến tự nhiên trong lòng cháu, đồng thời bộc lộ thấu hiểu đến tận cùng những vất vả, nhọc nhằn, lam lũ của đời bà.

“*Biết mấy nắng mưa*” là một cách nói ẩn dụ gợi ra phần nào cuộc đời vất vả lo toan của bà.

**2. Những kỷ niệm tuổi thơ bên bà và bếp lửa(năm khổ tiếp theo):**

a. Đó là tuổi thơ nhiều gian khổ, thiếu thốn, nhọc nhằn:

*Lên bốn tuổi , cháu đã quen mùi khói*

*Năm ấy ,là năm đói mòn, đói mỏi*

*Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy*

*Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu*

*Nghĩ lại đến bây giờ sống mũi còn cay!*

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| - Hình ảnh những năm tháng chiến tranh chống Pháp gian khổ được hiện về qua thành ngữ “*đói mòn, đói mỏi*” - cái đói kéo dài làm mệt mỏi , kiệt sức và hình ảnh “ khô rạc ngựa gầy” | Đã miêu tả một hiện thực đau thương trong lịch sử- nạn đói năm 1945, do chính sách cai trị hà khắc của phát xít Nhật và thực dân Pháp đã khiến hơn hai triệu dồng bào ta chết đói và hình ảnh những con người xơ xác trong cuộc sống mưu sinh.  -> Những câu thơ trĩu xuống khiến lòng người nao nao nghẹn ngào khi nghĩ về kí ức đau thương ấy. |
| - Nhưng ấn tượng sâu đậm nhất vẫn là mùi khói bếp: |  |
| Từ “ khói” được nhắc lại nhiều lần trong khổ thơ qua những hình ảnh: “ mùi khói”, “ khói hun” | Gợi ám ảnh về một thời gian khó đã đi qua. |
| Cảm giác “ sống mũi còn cay” | là cái cay cay vì khói bếp và cũng là cái cay cay bởi nỗi xúc động của người cháu như hòa quyện. |

b- Tuổi thơ luôn được sống trong tình yêu thương, đùm bọc, cưu mang trọn vẹn của bà:  
- Bếp lửa đánh thức kỉ niệm tuổi thơ: tiếng chim tu hú:

*Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa*

*Tu hú kêu trên những cánh đồng xa*

*Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà*

*Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế*

*Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!*

Cuộc sống của hai bà cháu đầy vất vả, khó khăn nhưng tràn đầy tình yêu thương.

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| “ Tám năm ròng” | gợi khoảng thời gian tám năm cháu nhận được sự yêu thương, che chở của bà. |
| Lời thơ da diết kết hợp với câu hỏi tu từ, dấu chấm cảm cuối dòng thơ | Khiến những câu thơ như lời tâm tình cảu cháu gửi đến bà. |

- Tám năm ấy, đất nước có chiến tranh “*Mẹ cùng cha bận công tác không về*”, cháu ở cùng bà, cháu lớn lên trong tình thương và sự chăm sóc nuôi dưỡng của bà:

*Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe*

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| Hai câu thơ 16 chữ mà chữ **bà**, chữ **cháu** đã chiếm đúng một nửa. | Ngôn từ đã hội tụ tất cả tình thương của bà dành cho cháu, gợi tả tình bà cháu quấn quýt yêu thương, một tình thương ấp ủ, chở che. |
| Hay nhất, hàm súc nhất là từ ngữ “*cháu ở cùng bà*”, “*bà bảo*”, “*bà dạy”, “bà chăm”* | đã diễn tả một cách sâu sắc tấm lòng đôn hậu, tình thương bao la , sự chăm chút của bà đối với cháu nhỏ. |
| Năm chữ “*nghĩ thương bà khó nhọc*” nói lên lòng biết ơn bà của đứa cháu đã và mang nặng trong trái tim mình tình thương của bà dành cho cháu. | |
| Nghĩ về ngọn lửa hồng của bếp lửa, nghĩ về tiếng chim tu hú gọi bầy, đứa cháu gọi nhắn thiết tha chim tu hú “*kêu chi hoài*”. | Câu thơ cảm thán và câu hỏi tu từ diễn tả nỗi thương nhớ bà bồi hồi tha thiết. Nhà thơ đắm chìm trong suy tưởng để trò chuyện với con chim quê hương, trách nó không đến ở với bà để bà đỡ nhớ cháu, đỡ cô đơn tuổi già. |
| Trong nhiều gia đình Việt Nam, do nhiều cảnh ngộ khác nhau, mà vai trò của người bà đã thay thế vai trò của người mẹ hiền. | |

c. Miên man theo dòng cảm xúc hồi tưởng, hình ảnh bà càng hiện lên rõ nét, cụ thể với những phẩm chất cao quý:

- Bình tĩnh, vững lòng, đinh ninh vượt qua mọi thử thách khốc liệt của chiến tranh, làm trọn nhiệm vụ hậu phương để người đi xa công tác được yên lòng.

- Bà là chỗ dựa tinh thần vững chắc.

*Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi*

*Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi*

*Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh*

*Vẫn vững lòng, bà dặn cháu đinh ninh:*

*“Bố ở chiến khu, bố còn việc bố*

*Mày có viết thư chớ kể này kể nọ*

*Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”*

Lời dặn trực tiếp của bà khi cháu viết thư cho bố không chỉ giúp ta hình dung giọng nói, tiếng nói, tình cảm và suy nghĩ của bà mà còn làm sáng lên phẩm chất của người bà, người mẹ Việt Nam yêu nước, đầy lòng hy sinh, kiên trì nhóm lửa, giữ lửa

**3. Những suy ngẫm về bà và bếp lửa:**

Từ những kỉ niệm tuổi thơ được sống bên bà, nhận được sự yêu thương, chăm sóc của bà bên bếp lửa quê hương, người cháu suy ngẫm về cuộc đời bà và bếp lửa:

***a. Những suy ngẫm về hình ảnh bếp lửa:***

*Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen*

*Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn*

*Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng*

- Hình ảnh ‘ bếp lửa” ở dòng thơ đầu là hình ảnh tả thực về sự vật hữu hình, cụ thể, gần gũi và gắn liền với những gian khổ của đời bà.

- Từ hình ảnh “*bếp lửa*” hữu hình, tác giả liên tưởng đến “*ngọn lửa*” vô hình “ lòng bà luôn ủ sẵn” với ý nghĩa trừu tượng và khái quát:

+ Bếp lửa bà nhóm lên không chỉ bằng nhiên liệu bên ngoài mà còn bằng chính ngọn lửa từ lòng bà- ngọn lửa cảu tình yêu thương, niềm tin vô cùng dai dẳng, bền bỉ và bất diệt.

+ Ngọn lửa bền bỉ và bất diệt ngày ngày bà nhóm cũng chính lànhoms niềm vui, niềm tin, niềm yêu thương để nâng đỡ cháu trên chặng đường dài.

+ Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa- ngọn lửa của sự sống, của niềm tin cho các thế hệ nối tiếp.

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| Các động từ “ nhen”, “ủ”, “ chứa” | Đã khẳng định ý chí, bản lĩnh sống của bà |
| Điệp ngữ “*một ngọn lửa*” và kết cấu song hành | đã làm cho giọng thơ vang lên mạnh mẽ, đầy xúc động tự hào. |
| -> Thông qua những suy ngẫm về hình ảnh bếp lửa, tác gải đã khẳng định và ngợi ca vẻ đẹp tần tảo, nhẫn nại, đầy yêu thương của bà hiện lên lấp lánh như một thứ ánh sáng diệu kì. | |

***b. Những suy ngẫm sâu sắc của nhà thơ, của đứa cháu về người bà yêu kính, về bếp lửa trong mỗi gia đình Việt nam chúng ta.***

Bà cần mẫn lo toan, chịu thương chịu khó, thức khuya dậy sớm vì bát cơm, manh áo của con cháu trong gia đình. Để rồi mỗi khi nhứ lại, cháu vô cùng cảm phục và biết ơn bà:

*Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*

*Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ*

*Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm*

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| Nghệ thuật đảo ngữ: đưa từ láy “ lận đận” lên đầu câu, kết hợp với cụm từ “ đời bà”, “ mấy chục năm rồi”, hình ảnh ẩn dụ “ nắng mưa” | Đã diễn tả một cách sâu sắc và trọn vẹn về cuộc đời đầy những lận đận, gian nan, vất vả của bà. Đồng thời thể hiện sự thấu hiểu một cách sâu sắc trong tình cảm của cháu. |
| Phó từ “ vẫn” | khẳng định thói quen không bao giờ thay đổi cảu bà “ thói quen dậy sớm’ để làm công việc nhóm lửa, nhóm lên niềm tin, tình yêu thương cho cháu. |
| -> Tình thương yêu tác giả dành cho bà được thể hiện trong từng câu chữ. Tình cảm ấy giản dị, chân thành mà sâu nặng, thiết tha. | |

- Bà không chỉ nhóm lửa bằng đôi tay khẳng khiu, gầy guộc mà còn bằng tất cả tấm lòng đôn hậu đối với con cháu.

*Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi*

*Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui*

*Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ*

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| Điệp ngữ “*nhóm”*được nhắc lại 4 lần mang đến nhiều liên tưởng | + *“Nhóm bếp lửa”, “nhóm nồi xôi gạo”* là hình ảnh tả thực công việc nhóm bếp, nhóm lửa của bà.  + *“ Nhóm niềm yêu thương”, “nhóm dậy cả những tâm tình”* là hình ảnh ẩn dụ về công việc thiêng liêng và cao quý: bà đã khơi dậy trong tâm hồn cháu và những người xung quanh niềm yêu thương, chia sẻ. |
| Chính từ đó mà, theo mạch suy ngẫm, nhà thơ đi lên khái quát rất tự nhiên và hợp lý: “*Ôi kỳ diệu và thiêng liêng - bếp lửa*”. Đúng vậy, vì bếp lửa thật giản dị , bình thường và phổ biến trong mọi gia đình Việt Nam, nhưng bếp lửa cũng thật cao quý, kỳ diệu và thiêng liêng vì nó luôn gắn liền với bà - người giữ lửa, nhóm lửa, truyền lửa, người tạo nên tuổi thơ của cháu. Bếp lửa trở thành một mảnh tâm hồn, một phần không thể thiếu trong đời sống tinh thần của cháu.  -> Có thể nói, cảm xúc của nhà thơ như dâng trào khi suy ngẫm về bà và bếp lửa. Khổ thơ như một sự tổng kết để ngợi ca, khẳng định về bà: bà là người phụ nữ tần tảo, giàu đức hi sinh, luôn chăm lo cho mọi người. | |

**4. Nỗi nhớ bà và bếp lửa:**

Bốn câu kết thể hiện một cách đằm thắm tình thương nhớ, lòng kính yêu và biết ơn của đứa cháu bé bỏng nay đã đi xa:

*Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu*

*Có lửa trăm nhà , niềm vui trăm ngả*

*Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở*

*- Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?*

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| Dấu chấm giữa dòng thơ ngắt câu thơ thành hai câu tự sự | Để gợi sự chảy trôi của thời gian, sự biến đổi của không gian và vẽ lên một thực tại: người cháu năm xưa giờ đã lớn khôn, trưởng thành, đã được chắp cánh bay xa, được làm quen với những chân trời rộng mở. |
| Điệp ngữ “ trăm” | mở ra một thế giới rộng lớn với bao điều mới mẻ |
| Điệp ngữ “ có’ kết hợp với thủ pháp liệt lê và câu hỏi tu từ cuối câu | Cho thấy người cháu có những thay đổi lớn trong cuộc đời, đã tòm được bao niềm vui mới.  + Khẳng định đứa cháu không thể quên được ngọn lửa của bà, ngọn lửa ấy đã thành kỉ niệm, niềm tin nâng bước người cháu trên suốt chặng đường dài. |
| -> Khổ thơ chứa đựng đạo lí thủy chung, cao đẹp bao đời của người Việt: “ uống nước nhớ nguồn”. Đạo lí ấy được nuôi dưỡng ở mỗi tâm hồn con người từ ấu thơ, để rồi như chắp cánh cho mỗi người bay cao, bay xa trên hành trình cuộc đời. | |

**\* Đánh giá:**

Với sự kết hợp hài hòa của các phương thức biểu đạt: biểu cảm, tự sự, mjieeu tả, bình luận, hình ảnh thơ đẹp, chất thơ trong trẻo, trẻ trung… qua dòng hồi tưởng của người cháu đã trưởng thành, nhớ lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và bếp lửa, nhà thơ đã bộc lộ những tình cảm thiêng liêng, sâu nặng đối với gia đình, quê hương, đất nước.

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

**Cho đoạn thơ sau:**

*Một bếp lửa chờn vờn sương sớm*

*Một bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Cháu thương bà biết mấy nắng mưa*

**Câu 1:** Tên bài thơ và tác giả?

**Câu 2:** Bài thơ sáng tác trong hoàn cảnh nào? Thể thơ?

**Câu 3:** Bài thơ là lời của nhân vật nào nói với nhân vật nào, nói với ai và nói về việc gì? Nêu mạch cảm xúc của bài thơ?

**Câu 4:** Chỉ ra từ láy trong đoạn thơ trên. Những từ láy ấy giúp em hiểu hình dung gì về hình ảnh “bếp lửa” mà tác giả nhắc tới.

**Câu 5:** Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về câu thơ: “Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** “ Bếp lửa”- Bằng Việt

**Câu 2:** - Bài thơ được sáng tác năm 1963 khi tác giả đang là sinh viên ngành luật ở nước ngoài. Thể thơ: 8 chữ

**Câu 3:** Bài thơ là lời của người cháu nói với bà, nói về kỉ niệm tuổi thơ bên bà và những suy ngẫm về cuộc đời bà và hình ảnh bếp lửa.

Mạch cảm xúc của bài thơ: Bài thơ được mở ra với hình ảnh bếp lửa, bài thơ giống như lời tâm sự của người cháu hiếu thảo gửi cho người bà.

Bắt đầu ngọn nguồn cảm xúc từ hình ảnh bếp lửa. Từ đó gợi lại kỉ niệm tuổi thơ được bà chăm sóc, nuôi nâng. Từ những kỉ niệm người cháu thấu hiểu, suy ngẫm về cuộc đời bà, về lẽ sống giản dị và cao quý. Mạch cảm xúc thơ đi từ hồi tưởng đến hiện tại, từ kỉ niệm tới suy ngẫm.

**Câu 4:**

Từ láy gợi lên hình ảnh về bếp lửa:

    + Chờn vờn: dòng hồi tưởng được bắt đầu bằng hình ảnh thân thương, ấm áp: bếp lửa “chờn vờn sương sớm”. Gợi tả hình ảnh bếp lửa có thật được cảm nhận bằng thị giác ẩn hiện trong sương sớm “chờn vờn”.

    + Ấp iu: gợi bàn tay dịu dàng, kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng chi chút, tỉ mỉ của người nhóm lửa.

→ Điệp ngữ “một bếp lửa” kết hợp với các từ láy “chờn vờn”, “ấp iu” gợi lên hình ảnh sống động, chân thực và lung linh của một bếp lửa gần gũi, thân thuộc trong gia đình người Việt.

Hình ảnh bếp lửa tự nhiên, đánh thức dòng hồi tưởng của cháu về bà, người nhóm lửa mỗi sớm mai. Hình ảnh bài thơ lúc nào cũng chập chờn, lay động.

**Câu 5:**

***\* Yêu cầu chung:***

- Nội dung: Học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận văn học, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản. Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách xong cần bám sát ngữ liệu, kết hợp các thao tác lập luận.

- Hình thức: Đoạn văn có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả.

***\* Yêu cầu cụ thể:*** Đoạn văn cần đảm bảo các ý sau:

- Câu thơ: “Cháu thương bà biết mấy nắng mưa gợi lên hình ảnh bếp lửa và tình bà cháu trào dâng một cảm xúc mãnh liệt, thương người bà lặng lẽ, âm thầm trong khung cảnh “biết mấy nắng mưa”.

- Cụm từ “biết mấy nắng mưa” là hình ảnh AD gợi những vất vả, trắc trở bà phải vượt qua để nuôi đứa cháu trưởng thành.

- Người bà âm thầm, chịu đựng những vất vả “mưa nắng ở đời để nuôi dạy cháu.

- Động từ “thương” gợi lên tình cảm, sự thấu hiểu và biết ơn của cháu đối với những vất vả bà đã trải qua để nuôi mình.

- Cả bài thơ có ... cháu đã dành trọn để thương bà.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

**Cho câu thơ:**

*“Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”*

**Câu 1:** Chép 15 câu tiếp theo để hoàn chỉnh đoạn thơ.

**Câu 2:** Trong những dòng hồi tưởng về tuổi thơ của người cháu những kỉ niệm nào về tình bà cháu được gợi lại?

**Câu 3:** Vì sao đã bao lâu rồi mùi khói của bếp lửa khiến người cháu có cảm giác *“Nghĩ lại tới giờ sống mũi còn cay”.*

**Câu 4:** Tìm biện pháp tu từ và nêu tác dụng của biện pháp tu từ trong hai câu thơ dưới đây:

*Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe*

*Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học.*

**Câu 5:** Đoạn thơ có nhắc tới tiếng chim tu hú, trong chương trình ngữ văn THCS cũng có bài thơ nói tới tiếng chim tu hú, nêu tên bài thơ và tác giả. Âm thanh tiếng chim tu hú ở hai bài thơ có ý nghĩa khác nhau như thế?.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** Chép 15 câu tiếp theo:

*Cháu thương bà biết mấy nắng mưa*

*Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói*

*Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi*

*Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy*

*Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu*

*Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay!*

*Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa*

*Tu hú kêu trên những cánh đồng xa*

*Khi tu hú kêu bà còn nhớ không bà*

*Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế*

*Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!*

**Câu 2:**

Những kỉ niệm về tuổi thơ được gợi lại trong tâm trí người cháu:

    - Tuổi thơ nhiều gian khổ, thiếu thốn, nhọc nhằm từ năm lên bốn tuổi đó là những năm tháng chiến tranh gian khổ ác liệt: “đói mòn đói mỏi”.

       + Cái đói ám ảnh tâm trí đứa trẻ, nhà thơ đã cho ta thấy một quá khứ tang thương đầy những thảm cảnh của dân tộc gắn với thân phận người dân mất nước.

       + Những hình ảnh đau thương của dân tộc gây ấn tượng mạnh, sâu đậm với tâm hồn nhà thơ, ấn tượng về khói bếp “hun nhèm mắt”.

    - Tuổi thơ có gian khổ của những ngày giặc ngoại xâm gây tội ác.

*Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi*

*Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi*

    - Dòng hồi tưởng của đứa cháu gắn với âm thanh của tiếng chim tu hú, âm thanh quen thuộc nơi đồng quê mỗi dịp hè về cứ vang vọng, cuộn xoáy trong lòng người xa xứ.

       + Với 11 câu thơ, tiếng tu hú được nhắc tới 5 lần, khi thảng thốt, khi khắc khoải, lúc lại mơ hồ từ những cánh đồng xa.

       + Không gian mênh mông, bao la, buồn tới lạnh lùng. Trong từng cung bậc của tiếng tu hú, tình cảm, nỗi nhớ của người cháu càng trở nên da diết, mạnh mẽ hơn.

→ Tác giả lựa chọn những hình ảnh, âm thanh tiêu biểu nhắc lại những ấn tượng khó phai về tuổi thơ của chính mình.

**Câu 3:**

    - Đứa cháu sau bao năm xa cách với bếp lửa và mùi khói nhưng vẫn mang cảm giác “Nghĩ lại tới giờ sống mũi còn cay”:

       + Người cháu luôn xúc động, bồi hồi mỗi khi nghĩ về những năm tháng khốn khó của tuổi thơ.

       + Cháu cảm thấy kỉ niệm sống dậy, người cháu thương nhớ bà và tình bà cháu vẫn vẹn nguyên.

→ Đây là dòng cảm xúc chân thật và xúc động của đứa cháu về bà và về tuổi thơ của mình.

**Câu 4:**

Hai câu thơ trên sử dụng biện pháp liệt kê:

    + Các cụm từ: bà bảo, bà dạy, bà chăm diễn tả sâu sắc tấm lòng nhân hậu, tình yêu thương bao la và sự chăm sóc tận tình của bà dành cho người cháu.

    + Từ “bà” và “cháu” được lặp lại nhiều lần nhằm gợi tả tình bà cháu quấn quít, yêu thương.

    + Người bà thay thế cha mẹ là chỗ dựa vững chắc cho cháu.

→ Hình ảnh người bà tần tảo, khuya sớm, bà là sự kết hợp cao quý tình cha, nghĩa mẹ, công thầy.

Những hình ảnh về bà in đậm trong tâm trí người cháu và gây xúc động mỗi khi cháu nhớ về.

**Câu 5:**

Bài thơ nhắc tới tiếng chim tu hú trong chương trình ngữ văn THCS: "Khi con tu hú" của Tố Hữu.

*Khi con tu hú gọi bầy*

*Lúa chiêm đang chín, trái cây ngọt dần*

Tiếng chim tu hú trong hai bài thơ:

    + Trong bài "Bếp lửa" của Bằng Việt: tiếng chim tu hú báo hiệu mùa hè, mở ra sự ấm áp, tha thiết của tình bà cháu, tiếng chim tu hú gợi nhớ về những ngày tháng tuổi thơ được bà chăm sóc, dạy dỗ.

    + Trong bài "Khi con tu hú" của Tố Hữu: tiếng chim tu hú quen thuộc, báo hiệu mùa hè. Tiếng tu hú gọi bầy như thôi thúc người chiến sĩ phá bỏ rào cản để đón nhận vẻ đẹp, sự tự do của sự sống tươi đẹp bên ngoài.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

**Cho câu thơ sau:**

*Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*

**Câu 1:** Chép tiếp 7 câu thơ để hoàn thành bài thơ.

**Câu 2:** Em hiểu từ “lận đận” trong câu thơ trên như thế nào? Trong bài thơ, hai lần tác giả dùng cụm từ “biết mấy nắng mưa” để nói về cuộc đời của bà. Điều đó có ý nghĩa như thế nào? Hãy tìm một câu thành ngữ có chứa hai từ “nắng”, “mưa” và giải thích ngắn gọn ý nghĩa câu thành ngữ em vừa tìm được.

**Câu 3:** Điệp từ “nhóm” trong đoạn thơ vừa chép là kiểu điệp từ gì? Các từ “nhóm” trong đoạn thơ có ý nghĩa như thế nào?

**Câu 4:**  Xét về mục đích nói, câu thơ cuối đoạn thơ vừa chép thuộc kiểu câu gì? Chỉ ra và gọi tên các thành phần biệt lập được dùng trong câu thơ đó.

**Câu 5**. Hãy kể tên bài thơ khác viết về tình cảm gia đình trong chương trình Ngữ văn lớp 9.

**Câu 6:** Cho câu mở đoạn *“Đoạn thơ những suy ngẫm sâu sắc và tình cảm chân thành của nhà thơ với người bà vô cùng yêu thương và kính trọng”*, viết tiếp thân đoạn khoảng 6-8 câu để hoàn chỉnh đoạn văn theo phương thức diễn dịch.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1.** *Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*

*Mấy chục năm rồi tới tận bây giờ*

*Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm*

*Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi*

*Nhóm nồi xôi gạo mới xẻ chung vui*

*Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ*

*Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!*

**Câu 2.** Từ “lận đận” là từ láy tượng hình, cuộc đời bà là cuộc đời đầy truân chuyên, vất vả, nhiều gian khổ, chênh vênh.

    + Bà đối mặt và vượt qua mọi “mưa nắng” cuộc đời để trở thành chỗ dựa cho con cái. → Hình ảnh bà chính là hình ảnh người phụ nữ Việt Nam tần tảo, giàu đức hi sinh dù gian truân nhưng vẫn sáng lên tình yêu thương.

Ví dụ: “Giãi nắng dầm mưa” hay “Năm nắng mười mưa”: Chỉ những khó khăn, vất vả…( Chấp nhận mọi phương án đúng mà HS đưa ra )

**Câu 3.** Từ “nhóm” là động từ được lặp lại bốn lần trong khổ thơ thứ sáu và mang nhiều ý nghĩa khác nhau.

    + Từ “nhóm” trong “nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm” được sử dụng với nghĩa gốc thể hiện hành động làm cho lửa bén tạo ra nhiệt, để đun nấu, đây là bếp lửa thực tế, có thể cảm nhận bằng thị giác, xúc giác.

    + Ba từ “nhóm” còn lại mang ý nghĩa ẩn dụ.

Người bà khơi dậy trong lòng đứa cháu những yêu thương, kí ức đẹp có giá trị trong lòng bà đã nhóm lên, đã khơi dậy niềm yêu thương, những kí ức đẹp, có giá trị trong cuộc đời mỗi người.

    + Bà là người truyền hơi ấm, tình yêu thương, khơi dậy trong lòng đứa cháu những điều tốt đẹp về tình cảm gia đình, niềm lạc quan với cuộc sống.

    + Hình ảnh bếp lửa cũng từ đó in đậm, làm sống dậy những kỉ niệm tuổi thơ trong lòng đứa cháu, nhắc nhở đứa cháu nhớ về nguồn cội, về quê hương.

**Câu 4.**  Câu thơ: “Ôi kì lạ và thiêng liêng - Bếp lửa!” là câu cảm thán thể hiện sự ngỡ ngàng, ngạc nhiên khi khám phá ra điều kì diệu giữa cuộc đời bình dị.

       + Từ ngọn lửa bà nhen nhóm mỗi ngày, cháu nhận ra niềm tin, tình yêu thương, ngọn nguồn của tình nghĩa.

    - Trong câu có sử dụng thành phần biệt lập: thành phần phụ chú, nhằm giải thích, nhấn mạnh về điều kì lạ và thiêng liêng với người cháu - bếp lửa - tình bà cháu.

**Câu 5.**  Kể tên hai bài thơ viết về tình cảm gia đình trong chương trình Ngữ văn lớp 9:  
- “Nói với con” – Y Phương và “Con cò” – Chế Lan Viên….

**Câu 6.**

\* Yêu cầu:

- Nội dung: học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận văn học, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản. Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách xong cần bám sát ngữ liệu, kết hợp các thao tác lập luận.

- Hình thức: Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả.

\* Đoạn văn tham khảo:

***( 1) Đọc đoạn thơ những suy ngẫm và tình cảm chân thành của nhà thơ với người bà vô cùng yêu thương và kính trọng.***

( 2) Tác giả thấu hiểu nỗi vất vả và sự “lận đận” của bà, cuộc đời bà trải qua nhiều gian truân, vất vả, nhiều khó khăn tưởng không bao giờ dứt.

( 3) Nhưng bà luôn là hình ảnh mẫu mực về người phụ nữ Việt Nam can trường, giàu đức hi sinh dù gian truân vất vả vẫn sáng lên tình yêu thương.

( 4) Tất cả được thể hiện qua động từ “nhóm” được lặp đi lặp lại tới bốn lần với những ý nghĩa hoàn toàn khác nhau.

( 5) Nó dần bồi lên những nét kì lạ và thiêng liêng của bếp lửa chính là sự yêu thương, bền bỉ của bà.

( 5) Bà trong tâm trí tác giả vừa là người thắp lửa lại là người giữ lửa tới thế hệ mai sau. Bà khơi dậy trong tâm hồn người cháu tình những tình cảm tốt đẹp, giúp cháu có tuổi thơ ấm áp tình người và nhiều kí ức đẹp.

( 7) Hình ảnh bếp lửa gắn với hình ảnh người bà vì vậy dù có đi xa tới đâu người cháu luôn nhớ về bà, nhớ về nguồn cội từ những điều bình dị nhỏ bé nhất - bếp lửa.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:**

**Cho đoạn thơ:**

*Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi*

*Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi*

*Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh*

*Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh ninh*

*“Bố ở chiến khu, bố còn việc bố*

*Mày có viết thư chớ kể này, kể nọ*

*Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”*

*Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen*

*Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn*

*Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng.*

**Câu 1:** Đoạn thơ trên nhắc tới mấy hình ảnh ngọn lửa? Sự khác nhau giữa những ngọn lửa đó là gì?

**Câu 2:** Hình ảnh người bà hiện lên với những phẩm chất đáng quý nào?

*Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen*

*Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn*

*Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng…*

**Câu 3:** Tại sao trong đoạn thơ, tác giả dùng hình ảnh “ngọn lửa” mà không phải “bếp lửa”? Hình ảnh “ngọn lửa” ở đây có ý nghĩa gì?

**Câu 4:** Theo em, trong bài thơ ngoài tình cảm bà cháu còn tình cảm nào khác?

**Câu 5:** Cho câu thơ “Bà là người nhóm lửa, giữ lửa và truyền lửa”. Coi câu văn trên là câu mở đoạn, em hãy viết tiếp 12 câu để hoàn chỉnh đoạn văn theo phương thức tổng - phân - hợp nêu cảm nhận về người bà trong bài thơ. Đoạn văn có sử dụng thành phần cảm thán và câu đơn mở rộng thành phần.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** Trong đoạn thơ trên có nhắc tới hai hình ảnh ngọn lửa:

    - Ngọn lửa từ bếp lửa của bà ân cần, ấm cúng, nhẫn nại, ngọn lửa tượng trưng cho những phẩm chất đáng quý của bà.

       + Những năm tháng kháng chiến khó khăn, ác liệt nhưng bà vẫn “vững lòng” là chỗ dựa cho con cháu.

       + Bà kiên cường trước mọi thử thách, tai họa khốc liệt của chiến tranh để trở thành hậu phương vững chắc cho con cái đi công tác.

       + Lời dặn của người bà đối với đứa cháu giúp ta hình dung ra được tình cảm, suy nghĩ cũng như làm sáng lên những phẩm chất của người mẹ Việt Nam anh hùng.

    - Ngọn lửa của kẻ thù thiêu rụi sự sống, tàn phá cuộc sống thanh bình “năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi”.

→ Ngọn lửa của bọn giặc hủy diệt sức sống thì niềm tin và tình yêu thương của người bà được nhen nhóm mạnh mẽ hơn bao giờ hết.

**Câu 2:** Những phẩm chất đáng quý của bà tỏa sáng cả bài thơ, trong ba câu thơ trên:

Bà kiên trì, kiên nhẫn nhen nhóm, xây dựng lại những thứ mất mát trong chiến tranh.

    - Trong lòng bà vẫn luôn chứa ngọn lửa của niềm tin, hy vọng và tình yêu thương. Ngọn lửa của tình yêu thương, đức tính can trường, vững vàng là ngọn lửa không thể dập tắt.

**Câu 3:** Tác giả sử dụng từ “ngọn lửa” chỉ tấm lòng, niềm tin chất chứa bên trong của con người.

Cả câu thơ cho thấy tấm lòng của bà ấm áp, yêu thương, ngọn lửa bất tận của tình yêu thương không gì dập tắt được.

    + Từ ngọn lửa mang tính biểu tượng.

**Câu 4:**

Qua dòng hồi tưởng, suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ "Bếp lửa" gợi lại những kỉ niệm xúc động về tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kính yêu trân trọng và biết ơn của người cháu đối với bà cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước.

**Câu 5:**

***\* Đoạn văn tham khảo:***

Bà là người nhóm lửa, giữ lửa và truyền lửa.

( 2) Bà vẫn tiếp tục nhóm lên ngọn lửa của yêu thương, của sẻ chia ấm áp, của bầu trời tuổi thơ đẹp đẽ trong cháu.

(3) Bếp lửa nhóm lên hay tay bà gây dựng?

( 4) Tất cả đều là nhuwngxmieenf kì lạ và thiêng liêng, không ai gọi tên bao giờ.

( 5) Nhà thơ chỉ có thể thốt lên một tiếng “Ôi!” đầy cảm động.

(6) Ngọn lửa bà trao cho cháu được cháu giữ vẹn nguyên để trở thành ngọn lửa trường tồn, bất diệt.

Nội dung tư tưởng của “Bếp lửa” được thể hiện sâu sắc hơn nhờ những hình ảnh thơ sinh động, giàu sức liên tưởng: „bếp lửa chờn vờn sương sớm”, “bếp lửa ấp iu nồng đượm”,... cùng với đó là điệp từ *nhóm* đặc biệt được sử dụng ở cuối bài thơ,

Song quan trọng hơn tất thảy là niềm cảm xúc chân thành và lòng yêu mến vô bờ của nhà thơ đối với người bà kính yêu của mình.

Đọc và cảm nhận tình yêu thương chan chứa trong bài thơ *Bếp lửa*, người đọc thấy yêu hơn, trân trọng hơn những ngọn lửa tả trong căn nhà mình cùng những người thân yêu ta có được trên đời.

**BÀI 5: KHÚC HÁT RU NHỮNG EM BÉ LỚN TRÊN LƯNG MẸ**

**Nguyễn Khoa Điềm**

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Nguyễn Khoa Điềm (1943), quê ông ở Thừa Thiên Huế trong gia đình trí thức cách mạng. - Nguyễn Khoa Điềm là gương mặt tiêu biểu trong thế hệ các nhà thơ chống Mĩ.  - Thơ Nguyễn Khoa Điềm không cầu kì về hình thức, câu chữ tự nhiên, đời thường, lời thơ nhẹ nhàng, tha thiết nhưng cũng đậm chất suy tư, dồn nén cảm xúc, thể hiện tâm tư của người trí thức tham gia vào cuộc chiến đấu của nhân dân.  - Tác phẩm tiêu biểu: *“Đất ngoại ô” ( thơ, 1973), “Cửa thép” (kí,1972), “Mặt đường khát vọng”(trường ca, 1974)…* |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Bài thơ được Nguyễn Khoa Điềm sáng tác năm 1971 – những năm tháng quyết liệt của cuộc kháng chiến chống Mĩ. Giai đoạn này, cuộc sống của bộ đội và nhân dân ta trên các chiến khu rất gian nan, thiếu thốn. Ở những chiến khu miền rừng núi, cán bộ và nhân dân ta vừa bám rẫy,bám rừng vừa gia tăng  sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu bảo vệ căn cứ.  - In trong tập “Đất và khát vọng” ( 1984). |
| ***Thể loại*** | Thơ tám chữ |
| ***Mạch cảm xúc và bố cục*** | \* 3 đoạn tương đương với ba khúc hát ru, mỗi đoạn có hai khổ thơ:  - Khúc thứ nhất: Khúc hát ru của người mẹ thương con, thương bộ đội.  - Khúc thứ hai:   Khúc hát ru của người mẹ thương con, thương dân làng.  - Khúc thứ ba:    Khúc hát ru của người mẹ thương con, thương đất nước. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | - Nhan đề bài thơ có tính khái quát: Em Cu Tai là một hình ảnh cụ thể, nhưng còn có bao nhiêu em bé đã lớn lên trên lưng của những bà mẹ người dân tộc Tà-ôi. Cũng có bao nhiêu bà mẹ ngoài đời nhưng nhà thơ lại chỉ viết về một bà mẹ mà thôi. - Nhan để bài thơ cũng là một ý thơ: Bài thơ ca ngợi người mẹ miền núi, cũng là người mẹ Việt Nam, kết hợp lòng thương con, yêu con với yêu bộ đội, yêu thương dân làng, yêu nước. Hình ảnh người mẹ là hình ảnh tượng trưng đã nuôi lớn những người con của mình để hiến dâng cho cuộc kháng chiến giành độc lập tự do của Tổ quốc. |
| ***PT biểu đạt*** | Biểu cảm+ Tự sự+ Miêu tả |
| ***Chủ đề*** | Bài thơ ca ngợi tấm lòng đôn hậu, dạt dào tình thương con của bà mẹ Tà ôi ; tình thương con gắn liền với tình yêu nước, yêu bộ đội Cụ Hồ, yêu bà con làng bản quê hương. |
| ***Giá trị nội dung*** | - Bài thơ là khúc hát ru, cũng là lời tâm tình tha thiết của người mẹ Tà – ôi đối với đứa con yêu đang từng ngày lớn lên trên lưng mẹ. Bài thơ bộc lộ tình yêu thương đằm thắm của người mẹ đối với con, tình cảm gắn bó với quê hương, với cuộc sống lao động và chiến đấu nơi núi rừng chiến khu, dù còn gian nan vất vả; đồng thời gửi gắm ước vọng con mau lớn khôn, khỏe mạnh, trở thành công dân của một đất nước tự do. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Bài thơ như những điệp khúc của lời ru vừa ngọt ngào, trìu mến vừa tha thiết, mãnh liệt, với mỗi khúc ru lại mở ra một trường cảm xúc mới.Bài thơ có nhiều hình ảnh đẹp, giàu sức biểu đạt và biểu cảm như: “Nhịp chày nghiêng giấc ngủ em nghiêng”; “Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi – Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng”… |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**\* Khái quát:** Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ được Nguyễn Khoa Điềm sáng tác ở chiến khu phía Tây Thừa Thiên vào ngày 25/3/1971, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ đang dần đi đến thắng lợi, tuy nhiên đời sống chiến đấu của quân dân ta còn nhiều khó khăn gian khổ. Bài thơ được in trong tập Đất và khát vọng (1984), là sự kết hợp giữa thể thơ tám chữ và một số câu 7 chữ, âm điệu của bài thơ nhẹ nhàng, như ôm ấp, vỗ về của một lời ru, chính giọng điệu trữ tình này đã thể hiện được tình cảm thiết tha trìu mến của người mẹ đối với con, đối với cách mạng, với đất nước, quê hương.

\* Bài thơ có hai lời ru đan xen nhau được chia tách ra thành 3 đoạn với những điệp khúc và nhịp điệu láy đi láy lại tạo nên âm hưởng dìu dặt, tha thiết, trìu mến. Cả hai lời ru đều hướng tới một đối tượng trữ tình: em cu Tai.

Thứ nhất là lời ru của nhà thơ mở đầu bằng điệp khúc :

“Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi – Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ”.

Thứ hai là lời ru của người mẹ với điệp khúc:

“Ngủ ngoan a – kay ơi, ngủ ngoan a kay hỡi”

Mỗi đoạn thơ trong bài thơ là một khúc hát ru và cả bài thơ là ba khúc hát ru tất cả đều hay, đều đằm thắm, ngọt ngào trong tình yêu và khát vọng của người mẹ Tà ôi.

**1. *Phân tích tình cảm của người mẹ Tà Ôi trong khúc hát ru thứ nhất***

Người mẹ Tà Ôi hiện lên là một người mẹ giầu tình thương con  và giầu lòng yêu nước

- Qua lời ru của tác giả,ta thấy người  mẹ ấy  luôn địu con trên lưng trong lúc làm việc, dù cho công việc có nặng nhọc, dù mẹ có vất vả thì em Cu Tai vẫn luôn bên mẹ:

“*Mẹ giã gạo, mẹ nuôi bộ đội*

*Nhịp chày nghiêng, giấc ngủ em nghiêng*

*Mồ hôi mẹ rơi má em nóng hổi”*

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| Hình ảnh sóng đôi "nhịp chày nghiêng" và "giấc ngủ em nghiêng" | Đã vẽ lên hình ảnh người mẹ đang giã gạo chày tay trong khi đứa con nhỏ đang ngủ trên lưng, nhịp chày nghiêng, kéo theo giấc ngủ con nghiêng. Người mẹ ấy vẫn để Cu Tai có giấc ngủ trọn vẹn trên lưng mẹ. Tưởng như trong từng động tác của nhịp chày giã gạo cũng đã ngân lên nhịp điệu ru ngọt ngào và nhịp đưa em đều đặn an bình như trên một cánh võng êm. |
| Bằng ngòi bút tả thực, tác giả miêu tả "Mồ hôi mẹ rơi má em nóng hổi" | Tô đậm nỗi vất vả nhọc nhằn của mẹ. |
| Hình ảnh "Vai mẹ gầy" | Gợi vóc dáng nhọc nhắn, lam lũ của mẹ. Nhưng cũng chính đôi vai gầy ấy lại hóa thành chiếc gối êm đưa con vào giấc ngủ. |
| Câu thơ “ lưng đưa nôi...” | đã diễn tả sâu sắc và cảm động tình mẹ yêu con. Người mẹ Tà ôi lấy thân mình làm nôi, vai gầy làm gối và ru con không chỉ bằng lời ru thông thường mà ru con bằng lời ru từ trái tim, từ tình yêu con tha thiết sâu thẳm trong lòng mẹ. |
| => Người mẹ ấy hy sinh nhiều vô kể, mang nặng đẻ đau, đôi tay tảo tần giã gạo, đôi vai làm chiếc gối, tấm lưng làm chiếc nôi và hát ru con ngủ bằng cả trái tim yêu thương tràn đầy. | |

- Trong lời ru của mẹ, mẹ đã gửi gắm, mong muốn bao điều tốt đẹp cho con:

“Mẹ thương A -Kay, mẹ thương bộ đội”

Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần

Mai sau con lớn vung chày lún sân”

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| Điệp ngữ “mẹ thương” xuất hiện trong câu thơ ngắt hai vế đều đặn | đã cho thấy người mẹ thương con như thương bộ đội, lòng yêu con gắn liền với tình yêu người kháng chiến. |
| Hình ảnh “ hạt gạo trắng ngần” | Cho thấy người mẹ Tà Ôi mong có gạo để nuôi bộ đội, mẹ còn mơ một cuộc sống no đủ, êm đềm đến với con. |
| Hình ảnh “ vung chày…” | Còn cho thấy mẹ ước mong con trưởng thành, khỏe mạnh, lao động giỏi. |
| -> Những mong ước ấy thật chân thật và cao quý vì đó là điều mong mỏi của người mẹ lao động nghèo dành cho con và cho kháng chiến. | |

***2. Phân tích khúc hát ru thứ 2.***

 Hình ảnh người mẹ Tà Ôi với công việc lao động sản xuất trên chiến khu.

“Mẹ đang tỉa bắp trên núi Ka -lưi”

Lưng núi thì to mà lưng mẹ nhỏ”

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| Thủ pháp tương phản « lưng…” | làm nổi bật sự lớn lao mênh mang của núi rừng, đồng thời làm nổi bật được hình ảnh vất vả tảo tần của người mẹ. Tấm lưng mẹ tuy nhỏ nhắn nhưng bền bỉ thậm chí còn kiêu hãnh hơn lưng núi, bởi trên lưng mẹ có "mặt trời" là người con yêu thương |
| hình ảnh ẩn dụ « mặt trời » | gợi lên thật sâu sắc, cảm động tình mẹ yêu con  - « Mặt trời của bắp » là mặt trời thực của thiên nhiên, vũ trụ.  - « Mặt trời của mẹ » là hình ảnh ẩn dụ về con. Con là nguồn sống, là năng lượng tiếp sức cho mẹ trong công việc lao động vất vả, cũng giống như ánh mặt trời là nguồn sống, chiếu sáng cho cây bắp được sinh tồn và phát triển. |

Lời ru của mẹ :

 “ Mẹ thương A-kay, mẹ thương làng đói

Con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều

Mai sau con lớn phát mười ka-lưi”.

Từ tình thương con, mẹ mở rộng sang tình thương bộ đội và sang cả buôn làng.

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| “ Hạt bắp lên đều” | ẩn dụ cho cuộc sống no đủ mà mẹ mong ước |
| Câu thơ « Mai sau con lớn phát mười ka-lưi”. | Gợi về một ngày mai rất gần, con sẽ trưởng thành, khỏe mạnh, phi thường, đem sự no ấm cho buôn làng |

=> Tình thương gắn liền với những điều ước đó đã cho ta thấy một người mẹ giàu tình thương người và luôn biết sống vì người khác.

**3. Phân tích khúc hát ru thứ 3.**

- Đặc biệt hơn, hình ảnh người mẹ Tà Ôi trong đoạn thơ này có một sự thay đổi, không chỉ yêu thương con mà còn hành động vì tình yêu một cách dứt khoát mạnh mẽ:

“Mẹ đi chuyển lán mẹ đi đạp rừng.

Mẹ địu em đi để giành trận cuối

Từ trên lưng mẹ em tới chiến trường”

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| Hai động từ “đi” kết hợp hình ảnh liệt kê “chuyển lán, đạp rừng” | Gợi hình ảnh người mẹ đang bảo vệ căn cứ, di chuyển lực lượng để kháng chiens lâu dài với tinh thần quyết tâm cao |
| Phép liệt kê “anh trai cầm súng, chị gái cầm chông” và em Cu -Tai cũng theo mẹ « giành trận cuối” | Gợi một gia đình, một dân tộc cùng đứng lên chống lại kẻ thù chung, cho thấy sự lướn mạnh của quân đội ta |
| Cấu trúc «  từ…đến » | Gợi sự trưởng thành của em Cu tai từ trên lưng mẹ đã khôn lớn |
| => Từ tình thương con, thương bộ đội đến tình thương làng, thương đất nước, ta thấy tình thương của mẹ ngày càng rộng mở, người mẹ thật giầu đức hi sinh. | |

- Đó là cơ sở cho những ước mơ thật đẹp:

“Con mơ cho mẹ được thấy Bác Hồ.

Mai sau con lớn làm người Tự do”

- Trong tình cảm của người Tà -ôi cũng như  của những người con Miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ thì Bác Hồ - người cha của dân tộc luôn là nguồn động viên, là biểu tượng của chiến thắng, là hình ảnh của đất nước tự do.

- Bởi vậy mong được gặp Bác là cảm xúc thường trực, dù cho lúc này Bác đã mất, bởi lẽ chỉ có thống nhất mẹ mới được ra với Bác. Giấc mơ đẹp gắn liền với ước mơ giành trọn vẹn non sông, thoả lòng Bác mong.

- Lời ru kết lại cùng hình ảnh em Cu -Tai của tương lai là “người Tự do” của một đất nước hoà bình. Đó cũng là mong ước chung của nhân dân, của những người Việt Nam yêu nước.

=>Người mẹ Tà Ôi quả là một người mẹ yêu nước nồng nà và luôn tha thiết với độc lập tự do của Tổ Quốc.

**3. Kết luận:**

- Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ của Nguyễn Khoa Điềm đã tạo ra được những cảm xúc đồng điệu với bao người con miền Nam anh dũng thời chống Mĩ, nói lên trọn vẹn vẻ đẹp và tâm tư của người dân tộc miền Tây Thừa Thiên trung dũng kiên cường, thuỷ chung với cách mạng. Cảm xúc bình dị trong sáng với hình tượng người mẹ đã làm nên sức hấp dẫn riêng của tác phẩm. Từ ngôn ngữ đến hình ảnh thơ đều đậm chất dân tộc, đem đến cho người đọc những cảm nhận đặc biệt thương mến cùng hoà theo lời ru cho giấc ngủ thanh bình của em bé Tà ô

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

Đọc kỹ đoạn trích và trả lời các câu hỏi sau:

*"...Em ngủ ngoan đừng làm mẹ mỏi*

*Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi*

*Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng..."*

**Câu 1:** Đoạn thơ trên nằm trong văn bản nào? Do ai sáng tác?

**Câu 2:** Nêu biện pháp tu từ nổi bật trong đoạn thơ trên? Cho biết tác dụng của phép tu từ đó?

**Câu 3**: Theo em ý nghĩa của văn bản trên là gì?

**Câu 4:** Em hiểu thế nào về những ước mong, ý chí của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ được thể hiện trong văn bản đó.

**Câu 5:** Cùng đề tài trên , nhà thơ Chế Lan Viên viết:

*"...Lên rừng xuống bể*

*Cò sẽ tìm con,*

*Cò mãi yêu con.*

*Con dù lớn vẫn là con của mẹ,*

*Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con..."*

(*Con cò*- Chế Lan Viên- Ngữ văn 9)

Hãy viết một đoạn văn bản nghị luận trình bày suy nghĩ của mình về tình mẹ.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** Đoạn thơ trên trích trong văn bản “*Khúc hát ru những em bé lớn lên trên lưng mẹ”* của Nguyễn Khoa Điềm

**Câu 2:** Biện pháp tu từ nổi bật trong đoạn thơ trên: Ẩn dụ

*Từ “****Mặt trời”*** trong câu thơ thứ hai chỉ *em bé nằm trên lưng mẹ*

*Tác dụng: làm cho câu thơ thêm sinh động, gợi cảm. Thể hiện sự gắn bó của đứa con với người mẹ,đó là nguồn sống, nguồn nuôi dưỡng, niềm tin của mẹ vào ngày mai.*

**Câu 3**: Ý nghĩa văn bản: Ca ngợi tình cảm thiết tha cao đẹp của bà mẹ Tà-ôi dành cho con, cho quê hương cho đất nước trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước

**Câu 4:** HS bộc lộ suy nghĩ đúng đắn, hợp lý với yêu cầu đề bài

**Câu 5:**

**a. Yêu cầu về kỹ năng**

- Đúng phương pháp kiểu bài nghị luận xã hội.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng và phối hợp nhiều thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh, bình luận…)

- Diễn đạt ý mạch lạc, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng cụ thể thuyết phục. không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày rõ rang.

- Dựng đoạn có sự liên kết tốt.

- Bài làm viết một đoạn văn:

**b. Yêu cầu về kiến thức**

- Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận

- Giải thích ngắn

- Nêu biểu hiện ( dẫn chứng)

- Tại sao? Giá trị

- Phê phán những biểu hiện lệch lạc, sai trái

- Bài học nhận thức, liên hệ bản thân

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

**Cho câu thơ sau**:

*“Mẹ giã gạo mẹ nuôi bộ đội*

*Nhịp chày nghiêng giấc ngủ em nghiêng”*

(“*Khúc hát ru những em bé lớn lên trên lưng mẹ”*- Nguyễn Khoa Điềm - Ngữ văn 9)

**Câu 1:** Phân biệt nghĩa của từ “*nghiêng*” trong câu thơ trên? Cho biết đó là hiện tượng gì trong tiếng Việt?

**Câu 2:** Trong bài thơ“ Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ“, tại sao chỉ có một em cu Tai mà tác giả lại viết là“ những em bé lớn trên lưng mẹ“? Nhan đề bài thơ có ý nghĩa như thế nào?

**Câu 3:** Viết đoạn văn khoảng 8- 10 câu theo cách diễn dịch cảm nhận về cái hay của hai câu thơ trên, trong đoạnvăn sử dụng ít nhất một câu ghép và thành phần biệt lập tình thái.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** Phân biệt nghĩa của từ “*nghiêng*” trong câu thơ trên? Cho biết đó là hiện tượng gì trong tiếng Việt?

- Từ “***nghiêng***” trong “***giấc ngủ em nghiêng***” được sử dụng với nghĩa chuyển miêu tả trạng thái của giấc ngủ, đứa trẻ trên lưng mẹ ngủ không yên giấc, nghiêng theo nhịp chày giã gạo, nỗi vất vả của người mẹ lan truyền sang đứa con, em cu Tai chia sẻ gian truân cùng với mẹ.

- Đây là hiện tượng chuyển nghĩa của từ trong tiếng Việt.

**Câu 2:** Trong bài thơ“ Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ“, tại sao chỉ có một em cu Tai mà tác giả lại viết là“ những em bé lớn trên lưng mẹ“? Nhan đề bài thơ có ý nghĩa như thế nào?

- Chỉ có một em cu Tai, nhưng tác giả lại viết là *những em bé*. Đây là cách khái quát ở trong thơ. Em cu Tai là một hình ảnh cụ thể, nhưng có bao nhiêu em bé ở rừng đã lớn trên lưng của các bà mẹ người dân tộc Tà- ôi. Cũng có bao nhiêu bà mẹ ngoài đời, nhưng nhà thơ lại chỉ viết một từ *mẹ* mà thôi. Một em bé để nói rất nhiều em bé. Một bà mẹ , nhưng là để nói về nhiều người mẹ.

- Nhan đề bài thơ là một ý thơ. Bài thơ ca ngợi người mẹ miền núi, cũng là người mẹ Việt Nam, kết hợp lòng thương con, yêu con với yêu thương bộ đội, yêu thương dân làng, yêu nước. Hình ảnh người mẹ là hình ảnh tượng trưng đã nuôi lớn những người con của mình để hiến dâng cho cuộc kháng chiến giành độc lập, tự do của Tổ quốc.

**Câu 3:**

***\* Đoạn văn tham khảo:***

(1) Hai câu thơ:

“Mẹ giã gạo mẹ nuôi bộ đội  
Nhịp chày nghiêng giấc ngủ em nghiêng”

miêu tả người mẹ trong công việc giã gạo nuôi quân.

(2) Nếu câu thơ trên tả thực thì câu thơ dưới thể hiện tình cảm gắn bó sâu nặng giữa mẹ và con.

(3) Tác giả vừa miêu tả công việc giã gạo nặng nhọc của người mẹ, vừa miêu tả giấc ngủ chập chờn, giấc ngủ nghiêng của cu Tai trên lưng mẹ.

(4) Dường như chú bé cũng thấy được nỗi vất vả và ý nghĩa đẹp đó trong việc làm của mẹ nên hơi thở em hoà cùng hơi thở mẹ và em ngủ ngoan cho mẹ yên lòng.

(5) Từ “nghiêng” trong “giấc ngủ em nghiêng” được sử dụng với nghĩa chuyển miêu tả trạng thái của giấc ngủ, đứa trẻ trên lưng mẹ ngủ không yên giấc, nghiêng theo nhịp chày giã gạo, nỗi vất vả của người mẹ lan truyền sang đứa con, em cu Tai chia sẻ gian truân cùng với mẹ.

(6) Nếu ai đà từng chứng kiến cảnh giã gạo bằng chày trong cối gỗ của đồng bào miền núi thì mới thấy hết sự vất vả khi biến hạt thóc thành hạt gạo trắng ngần.

(7) Nhà thơ đã chọn lựa những động tác tiêu biểu để miêu tả công việc giã gạo nặng nhọc và thế hiện tình mẹ con chân chất, sâu nặng của người mẹ miền núi.

(8) Cảnh tượng mộc mạc ấy đâ làm xúc động lòng người.

**- Câu ghép:** (2), (4), (5)

**- Thành phần tình thái:** Dường như

**BÀI 6 : ÁNH TRĂNG**

***Nguyễn Duy***

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Nguyễn Duy, tên khai sinh là Nguyễn Duy Nhuệ (1948) quê ở Thanh Hoá.  - Ông thuộc thế hệ nhà thơ quân đội trưởng thành trước cuộc chiến chống Mỹ cứu nước.  + Trước đổi mới : Nguyễn Duy tập trung viết về đề tài chiến tranh và quê hương với khuynh hướng sử thi , phản ánh những vẻ đẹp đơn sơ, bình dị ; những mất mát, hi sinh và cuộc sống lam lũ của người nông dân.  + Sau đổi mới : Nguyễn Duy mạnh mẽ, táo bạo, dám phơi bày những bất cập của xã hội đương thời.  - Sau chiến tranh, Nguyễn Duy vẫn say sưa và tiếp tục con đường thơ của mình. Thơ ông ngày càng đậm đà, ổn định một phong cách, một giọng điệu “quen thuộc mà không nhàm chán”.  - Phong cách sáng tác : Thơ Nguyễn Duy có giàu chất triết lý, thiên về chiều sâu nội tâm với những trăn trở, day dứt, suy tư. Có sự thống nhất của nhiều yếu tố đối lập : mộc mạc, dân dã mà tinh tế, sâu sắc ; ngang tàng, tếu táo mà thiết tha, sâu lắng ; tự nhiên ngẫu hứng mà trau chuốt, công phu.  - Các tác phẩm chính: Cát trắng (thơ 1973), ánh trăng (1978), Mẹ và em (thơ 1987)…  - Tác giả đã được nhận các giải thưởng: Giải nhất thơ tuần báo “Văn nghệ (1973); Giải A về thơ của hội nhà văn Việt Nam (1985). |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Bài thơ ra đời năm 1978 tại thành phố Hồ Chí Minh. (Ba năm sau ngày kết thúc chiến tranh, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước).  - Bài thơ được in trong tập thơ cúng tên và được giải A của Hội nhà văn Việt Nam năm 1984. |
| ***Thể loại*** | - Thể thơ 5 chữ với những chữ cái đầu khổ được viết hoa. Toàn bài chỉ có một dấu phẩy và dấu chấm cuối bài. Nó khiến cho cảm xúc liền mạch, sâu lắng, |
| ***Mạch cảm xúc và bố cục*** | \* **Mạch vận động cảm xúc**: Bài thơ là câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian từ quá khứ đến hiện tại với các mốc sự kiện trong cuộc đời con người. Dòng cảm xúc của nhà thơ cũng được bộc lộ theo mạch tự sự. Theo dòng tự sự ấy mạch cảm xúc đi từ quá khứ đến hiện tại và lắng kết trong cái “giật mình” cuối bài thơ.  \* **Bố cục**: Bài thơ chia làm 3 phần:  - 3 khổ thơ đầu: ký ức về vầng trăng trong quá khứ của tác giả và trong hiện tại.  - Khổ 4 tình huống bất ngờ khiến hồi ức lùa về.  - 2 khổ cuối: sự hối hận của tác giả vì đã lãng quên vầng trăng. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | - Nhan đề : “Ánh trăng” trước hết là một phần của thiên nhiên với tất cả những gì gần gũi, thân thuộc.  - “Ánh trăng” là biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình, thủy chung gắn với lịch sử hào hùng của dân tộc.  - Gợi cho ta liên tưởng đến những con người giản dị mà thủy chung, nghĩa tình : nhân dân, đồng đội. |
| ***PT biểu đạt*** | - Bài thơ là sự kết hợp hài hào hai phương thức tự sự và trữ tình. |
| ***Chủ đề*** | Bài thơ ca ngợi vầng trăng tri kỉ của tuổi thơ, của người lính một thời trận mạc, đồng thời gợi nhắc mọi người biết sống ân nghĩa thủy chung, giữ tròn đạo lí tốt đẹp |
| ***Giá trị nội dung*** | - Bài thơ là lời nhắc nhở về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước, bình dị, hiền hậu.  - Từ đó, gợi nhắc người đọc thái độ sống “*uống nước nhớ nguồn*”, ân nghĩa thuỷ chung cùng quá khứ. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | - Giọng điệu tâm tình, tự nhiên kết hợp giữa yếu tố trữ tình và tự sự.  - Hình ảnh giàu tính biểu cảm: trăng giàu ý nghĩa biểu tượng. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

***\* Khái quát:*** Bài thơ ra đời năm 1978 tại thành phố Hồ Chí Minh, ba năm sau ngày đất nước giải phóng. Bài thơ in tron gtaapj thơ cùng tên và được tặng giâir A của hội nhà văn Việt Nam năm 1984.

**1. Vầng trăng trong quá khứ ( hai khổ đầu):**

Trong 2 khổ thơ đàu, tác gải gợi lại những kỉ niệm đẹp, tình cảm gắn bó giữa con người và vầng trăng trong quá khứ:

“Hồi nhỏ sống với đồng

với sông rồi với bể

hồi chiến tranh ở rừng

vầng trăng thành tri kỉ

Trần trụi với thiên nhiên

hồn nhiên như cây cỏ

ngỡ không bao giờ quên

cái vầng trăng tình nghĩa”

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| Với giọng điệu tâm tình, thủ thỉ | Tác giả đưa ta về với quá khứ êm đềm. |
| Cách gieo vần lưng “đồng”, “sông” và điệp ngữ “ với” lặp lại 3 lần | Đã nhấn mạnh sự gắn bó giữa con người với thiên nhiên, diễn tả niềm hạnh phúc của tuổi thơ được đi nhiều, tiếp xúc nhiều và ngắm những cảnh đẹp thiên nhiên của tác giả.  -> Vầng trăng đã trở thành tri kỉ, thành người bạn tâm tình, gần gũi gắn bó với tuổi thơ tươi đẹp, trong sáng. Cứ như thế, trăng theo nhịp bước người chiến sĩ lướn dần theo năm tháng, đến cả những nơi gian khổ, hiểm nguy nhất, là trong chiến tranh. |
| Nghệ thuật nhân hóa “ vầng trăng thành tri kỉ” | Cho thấy trăng luôn gắn bó, trở thành người bạn thân thiết, luôn đồng cam công khổ với người lính. |
| Vần lưng một lần nữa lại xuất hiện: “hồn nhiên”, “thiên nhiên” | làm cho âm điệu câu thơ thêm liền mạch, dường như nguồn cảm xúc cũa tác giả vẫng đang tràn đầy. |
| Từ láy “ trần trụi”, hình ảnh so sánh ẩn dụ “ hồn nhiên như cây cỏ” | Gợi vẻ đẹp bình dị, đơn sơ, mộc mạc, trong sáng của vầng trăng. Đó cũng là cốt cách, vẻ đẹp hồn nhiên, vô tư, mộc mạc trong tâm hồn người lính trong những năm tháng ở rừng. |
| Nghệ thuật nhân hóa “ vầng trăng tình nghĩa” | Vầng trăng mang vẻ đẹp nguyên thủy như vẻ đẹp của thiên nhiên, khiến cho nhân vật trữ tình cảm nhận dường như sẽ không bao giờ có thể quên cái vầng trăng tri kỉ-tình nghĩa ấy Nhấn mạnh thêm bản chất thủy chung, mộc mạc của vầng trăng. Chính vì thế, nhân vật trữ tình tâm niệm “không bao giờ quên” |
| Từ “ ngỡ” | Như báo hiệu những chuyển biến trong câu chuyện cũng như trong tình cảm của con người. |
| => Trong quá khứ, dẫu hoàn cảnh đầy gian khó, trăng luôn đồng hành cùng con người trên mỗi bước đường, trở thành người bạn tri âm tri kỉ chia se niềm vui nỗi buồn. Trăng là biểu tượng của quá khứ tình nghĩa, thủy chung. | |

**2. Vầng trăng trong hiện tại ( hai khổ tiếp):**

Qua thời gian, sự biến đổi của của hoàn cảnh đã làm mọi thứ trở nên thay đổi.

|  |  |
| --- | --- |
| “Từ hồi về thành phố quen ánh điện, cửa gương  vầng trăng đi qua ngõ  như người dưng qua đường” | |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| Nghệ thuật đối sử dụng giữa 2 đoạn thơ | Đã cho thấy sự đối lập về hoàn cảnh sống giữa hiện tịa và quá khứ. |
| “ quen ánh điện cửa gương” là cách nói hoán dụ | Để tô đậm cuộc sống đầy đủ, tện nghi, khép kín trong căn nhà hiện đại, xa rời thiên nhiên. |
| Hình ảnh so sánh, nhân hóa  “ vầng trăng… qua đường” | Diễn tả sự thay dổi trong tình cảm của con người: vầng trăng vẫn như xưa, vẫn hàng nagyf qua ngõ như dõi theo cuộc sống của con ng]ời nhưng người thì thờ ơ không nhận ra. |
| => Câu thơ cho thấy một ý nghĩa khái quát: khi hoàn cảnh sống thay đổi thì con người có thể dễ dàng quen đi quá khứ, quên đi những gian khổ nhọc nhằn của một thời đã qua. Song, cái sự “ quên” ấy cũng là lẽ thường tình bởi những lo toan thường nhật từ cuộc sống. | |

- Tác giả đặt con người vào một tình huống bất ngờ:

“Thình lình đèn điện tắt   
phòng buyn -đinh tối om   
vội bật tung cửa sổ   
đột ngột vầng trăng tròn”

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| Cách đảo trật tự cú pháp ở câu thơ đầu, kết hợp từ láy “ thình lình” | đã diễn tả tình huống mất điện đột ngột vào ban đêm. |
| Ba dộng từ “vội, bật, tung” đặt liền nhau | đã diễn tả sự khó chịu, bức bối và hành động khẩn trương đi tìm nguồn sáng của con người trong giây phút mất điện hiếm hoi giữa lòng thành phố. |
| Từ láy “đột ngột” được lựa chọn rất đắt: | nhằm diễn tả một tình huống hết sức bất ngờ. |
| Hình ảnh “ vầng trăng tròn”  xuất hiện chiếu rọi vào căn phòng tối om | Đã tạo nên một sự đối lập giữa ánh sáng và bóng tối. Chính khoảnh khắc bất ngờ ấy đã tạo nên bước ngoặt trong mạch cảm xúc và sự bừng tỉnh trong nhận thức của nhân vật trữ tình. |
| => Đây là khổ thơ quan trọng của bài thơ, giống như một nút thắt, có ý nghĩa bước ngoặt trong mạch cảm xúc, góp phần bộc lộ tư tưởng và mở ra những suy ngẫm của nhà thơ. | |

***Luận điểm 3:*** Cảm xúc và suy ngẫm của nhân vật trữ tình ( hai khổ tiếp):

- Từ tình huống bất ngờ, đã mở ra những dòng cảm xúc mãnh liệt của nhân vật trữ tình:

|  |  |
| --- | --- |
| “Ngửa mặt lên nhìn mặt  có cái gì rưng rưng  như là đồng là bể  như là sông là rừng” | |
| Nghệ thuật | Nội dung | |
| Điệp ngữ “mặt” xuất hiện hai lần trong một câu thơ | nhấn mạnh sự giao cảm giữa trăng và người trong một tư thế tập trung, chú ý.  -> Một cái nhìn trực diện và cảm xúc thiết tha dâng trào trong lòng nhà thơ, đó là cảm xúc về những kỉ niệm ấu thơ, những gì thân thiết, gần gũi êm đềm trong sáng mà bấy lâu dường như bị lu mờ, phai nhạt dưới ánh điện cửa gương. | |
| Từ “ mặt” thứ 2 là từ nhiều nghĩa, mang lại sự hàm súc cho ý thơ: | + Đó là khuôn mặt tri kỉ mà nhân vật trữ tình lãng quên.  + Mặt đối mặt còn là hiện tại đối diện với quá khứ, sự vô tình đối diện với sự thủy chung. | |
| Cuộc đối htoaij không lời trong khoảnh khắc đã khiến cho cảm xúc dâng trào. Từ láy “rưng rưng”: | là cảm xúc nghẹn ngào, bồi hồi, xúc động như trực trào nước mắt của nhân vật trữ tình | |
| Cấu trúc song hành : “như là…là” kết hợp với bptt so sánh, điệp ngữ “ như là”, “ là”, liệt kê: đồng, bể, sông, rừng | đã diễn tả dòng kí ức của một thời gắn bó, chan hòa với thiên nhiên bỗng như ùa về | |

- Khổ thơ cuối thể hiện những suy ngẫm và triết lí sâu sắc của nhà thơ:

|  |
| --- |
| “Trăng cứ tròn vành vạnh  kề chi người vô tình  ánh trăng im phăng phắc  đủ cho ta giật mình” |

|  |  |
| --- | --- |
| Nghệ thuật | Nội dung |
| Hình ảnh vầng trăng “tròn vành vạnh” | biểu tượng cho quá khứ đẹp đẽ, vẹn nguyên, viên mãn, tròn đầy không bị phai nhạt. |
| Nghệ thuật nhân hóa “ánh trăng im phăng phắc” | là sự im lặng nghiêm khắc nhưng cũng đầy bao dung, độ lượng. Sự im lặng ấy khiến cho nhân vật trừ tình “ giật mình” thức tỉnh. |
| Từ “ giật mình” là một sự sáng tạo dộc đáo Nguyễn Duy. | + Cái giật mình là cảm giác và phản xạ tâm lí của một con người biết suy nghĩ chợt nhận ra sự vô tình của bản thân và sự nông nổi trong cách sống của mình  + Cái giật mình của sự ăn năn, để tự thây cần phải thay đổi  + Nhắc nhở bản thân phải trân trọng những gì đã qua |
| => Khổ thơ dồn nén bao tâm sự, suy ngẫm, triết lí sâu sắc. Qua đó, nhà thơ muốn gửi gắm đến mọi người về lẽ sống, về đạo lí “ uống…”, ân nghĩa, thủy chung. | |

**\* Đánh giá:**

Thể thơ 5 chữ, giọng điệu thơ tâm tình, tự nhiên kết hợp tự sự với trữ tình; nhịp thơ khi chảy trôi tự nhiên, nhịp nhàng theo lời kể, khi thì ngân nga thiết tha cảm xúc, lúc lại trầm lắng biểu hiện suy tư , “ Ánh trăng” như là một lời tâm sự của tác giả về những năm tháng gian khỗ đã đi qua với những tình cảm bình dị, hiền hậu.

Đồng thời bài thơ còn gửi gắm đến chúng ta một thái độ sống tích cực: “ Uống…”

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

Trăng là nguồn cảm hứng vô tận cho sáng tác nghệ thuật. Mở đầu một khổ thơ trong một tác phẩm của mình, một nhà thơ viết:

*“Trăng cứ trong vành vạnh”*

**Câu 1:** Em hãy chép những câu thơ tiếp theo để hoàn thành khổ thơ.

**Câu 2:** Hãy cho biết tên bài thơ và tác giả của những câu thơ em cừa chép?

**Câu 3:**Nêu vài nét về hoàn cảnh ra đời của tác phẩm trên. Hoàn cảnh sáng tác ấy có mối liên hệ như thế nào với chủ đề của bài thơ.

**Câu 4:** Hình ảnh bao trùm trong bài thơ ( có khổ thơ em vừa chép) là hình ảnh nào? Hãy nêu những tầng ý nghĩa của hình ảnh đó?

**Câu 5:** Hãy viết một đoạn văn trình bày theo cách Tổng hợp – phân tích- tổng hợp có độ dài khoảng 10-12 câu, trong đó có sử dụng một câu cảm thán phân tích khổ thơ em vừa chép để làm rõ nội dung : *Khổ thơ thể hiện tập trung nhất ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng và chiều sâu tư tưởng mang tính triết lí của tác phẩm* ( Gạch chân dưới câu cảm thán đó).

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** Chép chính xác khổ thơ cuối trong bài thơ ánh trăng:

*Trăng cứ tròn vành vạnh*

*kể chi người vô tình*

*ánh trăng im phăng phắc*

*đủ cho ta giật mình.*

**Câu 2:** Bài thơ Ánh trăng- Nguyễn Duy

**Câu 3.**

- Hoàn cảnh sáng tác: Năm 1978, tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Mối liên hệ với chủ đề: Là 3 năm sau ngày giải phóng miền Nam, kết thúc chiến tranh giải phóng đất nước. Những người chiến sĩ trở về với đồng bằng, miền xuôi và bị cuốn đi bởi những lo toan tất bật của đời sống thường nhật ⟶ không ít người trong số họ lãng quên, bội bạc quá khứ. Tác giả viết bài thơ này như một lời nhắc nhở, tự vấn.

**Câu 4:** Hình ảnh bao trùm trong bài thơ là hình ảnh vầng trăng

- Vầng trăng trong bài thơ mang nhiều ý nghĩa tượng trưng

+ Vầng trăng là hình ảnh của thiên nhiên hồn nhiên, tươi mát, là người bạn suốt thời nhỏ rồi đến thời chiến tranh ở rừng.

+ Vầng trăng là biểu tượng của quá khứ nghĩa tình, hơn thế, trăng còn là vẻ đẹp bình dị, vĩnh hằng của đời sống.

+ ở khổ thơ cuối cùng, trăng tượng trưng cho quá khứ vẹn nguyên chẳng thể phai mờ, là người bạn, nhân chứng nghĩa tình mà nghiêm khắc nhắc nhở nhà thơ và cả mỗi chúng ta. Con người có thể vô tình, có thể lãng quên nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì luôn tròn đầy, bất diệt.

**Câu 5:** Viết đoạn văn: Cần đảm bảo các yêu cầu sau :

- Về hình thức:

+ Trình bày đúng cách viết đoạn văn

+ Đoạn văn được viết theo cách tổng hợp- phân tích – tổng hợp

+ Sử dụng câu cảm thán và gạch chân dưới câu cảm thán

- Về nội dung: Đảm bào các ý cơ bản sau :

+ Trăng đã trở thành biểu tượng cho sự bất biến, vĩnh hằng không thay đổi. “ Trăng tròn vành vạnh” biểu tượng cho sự tròn đầy, thuỷ chung, trọn vẹn của thiên nhiên, quá khứ, dù cho con người đổi thay " vô tình”

+ Ánh trăng còn được nhân hoá “ im phăng phắc” gợi liên tưởng đến cái nhìn nghiêm khắc mà bao dung, độ lượng của người bạn thuỷ chung nghĩa tình.

+ Sự im lặng ấy làm nhà thơ “ giật mình” thức tình, cái “ giật mình của lương tâm nhà thơ thật đáng trân trọng , nó thể hiện sự suy nghĩ trăn trở tự đấu tranh với chính mình để sống tốt hơn.

+ Dòng thơ cuối dồn nén biết bao niềm tâm sự, lời sám hối ăn năn dù không cất lên nhưng chính vì thế càng trở nên ám ành day dứt.

+ Qua đó Nguyễn Duy muốn gửi đến mọi người lời nhắc nhở về lẽ sống, về đạo lí ân nghĩa thuỷ chung.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

***Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:***  
”*Hồi nhỏ sống với đồng  
với sông rồi với bể  
hồi chiến tranh ở rừng  
vầng trăng thành tri kỉ*

*Trần trụi với thiên nhiên  
hồn nhiên như cây cỏ  
ngỡ không bao giờ quên  
cái vầng trăng tình nghĩa”***Câu 1:** Chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong hai câu đầu đoạn thơ. Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.   
**Câu 2:** Câu thơ: “*vầng trăng thành tri kỉ*” tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì ? nêu tác dụng?  
**Câu 3:** Giải nghĩa từ “tri kỉ “. Ghi lại câu thơ có sử dụng từ “tri kỉ “ trong chương trình Ngữ Văn 9. Nêu sự khác nhau giữa hai từ tri kỉ đó?

**Câu 4:** Trong bài thơ các hình ảnh : *đồng, sông, bể, rừng* được nhắc lại ở một khổ thơ khác. Em hãy chép lại chính xác khổ thơ đó. Theo em, các hình ảnh : *đồng, sông, bể, rừng* ở hai khổ thơ khác nhau như thế nào ?

***Hướng dẫn làm bài:***

**Câu 1:**

- Điệp từ “ với “ và liệt kê : đồng, sông, bể   
- Gợi ra không gian mênh mông, êm đềm , trong sáng , đầy kỉ niệm tuổi thơ  
- Trong những năm tháng ấy trăng và người là bạn, gắn bó mật thiết chia sẻ ngọt bùi.  
- Giúp ta cảm nhận được niềm hạnh phúc của tuổi thơ tác giả khi gắn bó hòa hợp với thiên nhiên.  
**Câu 2:**

- Sử dụng nghệ thuật nhân hóa qua từ “ tri kỉ”  
- Tác dụng: gợi lên sự gắn bó thân thiết giữa vầng trăng và con người.Trăng trở thành người bạn của con người, chia sẻ buồn vui, tiếp thêm niềm tin sức mạnh cho người lính trong những năm tháng chiến đấu đầy gian khổ hiểm nguy ...  
- Tác giả : hiểu và trân trọng tình cảm của trăng, sống thủy chung, tình nghĩa..  
**Câu 3**:

- Tri kỉ : hiểu bạn như hiểu mình .  
- Câu thơ “ Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ “  
- Khác nhau:   
+ Bài “ Ánh trăng “ từ “ tri kỉ “ dùng phép nhân hóa để khẳng định tình cảm cao đẹp giữa người và trăng.  
+ Bài “ Đồng chí” : ngợi ca tình bạn giữa những người lính chống Pháp.  
**Câu 4:** Trong bài thơ các hình ảnh : đồng , sông, bể , rừng được nhắc lại ở một khổ thơ khác. Em hãy chép lại chính xác khổ thơ đó. Theo em, các hình ảnh: đồng, sông, bể, rừng ở hai khổ thơ khác nhau như thế nào ?  
- Học sinh chép khổ thơ.  
- Khác nhau: Khổ 1 hình ảnh: đồng, sông, bể, rừng là hình ảnh thiên nhiên, gợi không gian mênh mông rộng lớn: không gian của thiên nhiên, vũ trụ. Là hình ảnh gắn liến với thực tế trong quá khứ êm đềm của tác giả.  
- Khổ 5 như là đồng là bể / như là sông là rừng là phép so sánh ,liệt kê được hiểu theo nghĩa khái quát. Đồng , sông, bể , rừng biểu tượng cho những kỉ niệm đẹp trong quá khứ, những kỉ niệm ấy cứ ùa về trong tâm trí của con người như một dòng chảy, gợi con người nhớ về quãng thời gian đẹp đẽ nhất của mình. Là hình ảnh chỉ xuất hiện trong tâm tưởng nhà thơ khi gặp lại trăng.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

**Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

*”Từ hồi về thành phố   
quen ánh điện cửa gương   
vầng trăng đi qua ngõ   
như người dưng qua đường*

*Thình lình đèn điện tắt   
phòng buynh-đinh tối om   
vội bật tung cửa sổ   
đột ngột vầng trăng tròn”*

**Câu hỏi**

**Câu 1:** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ có trong dòng thơ sau : Từ hồi về thành phố /quen ánh điện cửa gương.  
**Câu 2:** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ có trong dòng thơ sau : "vầng trăng đi qua ngõ/ như người dưng qua đường"  
**Câu 3:** Viết về trăng, ở hai khổ thơ đầu Nguyễn Duy dùng từ “tri kỉ”, “tình nghĩa” đến khổ thơ thứ ba tác giả lại dùng từ “người dưng”. Hãy lí giải vì sao nhà thơ lại viết như thế?  
**Câu 4:**  
- Tình huống “Thình lình đèn điện tắt” có vai trò, ý nghĩa gì trong bài thơ?  
- Đoạn thơ trên gợi nhắc cho em nhớ tới bài thơ nào mà ở đó, hình ảnh trăng và rừng cũng trở nên vô cùng gần gũi, thân thuộc với cuộc đời người lính? Hãy ghi rõ tên tác giả của tác phẩm ấy.  
**Câu 5.** Có ý kiến cho rằng khổ thứ tư của bài thơ là bước ngoặt của mạch cảm xúc. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?  
**Câu 6:** Từ “thình lình” và “đột ngột” đặt ở đầu câu có tác dụng gì? Hai từ này có thể thay đổi vị trí cho nhau được không? Vì sao?

***Hướng dẫn làm bài:***

**Câu 1:**

- Nghệ thuật hoán dụ “ ánh điện cửa gương”

- Tác dụng:  
+ Gợi cuộc sống đầy đủ tiện nghi , khép kín trong những căn phòng hiện đại , xa rời thiên nhiên.  
+ Hoàn cảnh sống thay đổi , con người thay đổi thói quen , quên đi cuộc sống tràn đầy ánh trăng ,quên đi người bạn nghĩa tình năm xưa...  
+ Cho thấy tác giả rất tinh tế trong việc dẫn dắt, tạo tình huống cho câu chuyện  
**Câu 2:** Chỉ ra và nêu tác dụng của biện pháp tu từ có trong dòng thơ sau : "vầng trăng đi qua ngõ/ như người dưng qua đường"  
- Nghệ thuật: nhân hóa , so sánh   
- Tác dụng:  
+ Vầng trăng được nhân hóa như con người, vẫn dõi theo bước đường con người vẫn tròn đầy , vẫn thủy chung tình nghĩa. Nhưng đối lập với trăng, tình cảm của con , hờ hững , lạnh nhạt , dửng dưng đến vô tình.  
+ Với người lính vầng trăng trở thành người xa lạ => Tình cảm thay đổi khi hoàn cảnh sống đổi thay của con người thật đáng sợ. Con người đã trở thành kẻ bạc bẽo, vô tình. Sự vô tâm của con người đã khiến họ trở thành kẻ quay lưng với quá khứ.  
=> Gợi nỗi xót xa , đau lòng...  
+ Cho thấy tác giả rất tinh tế trong việc khắc họa tâm lí, tình cảm của nhân vật trữ tình.  
**Câu 3:** Viết về trăng, ở hai khổ thơ đầu Nguyễn Duy dùng từ “tri kỉ”, “tình nghĩa” đến khổ thơ thứ ba tác giả lại dùng từ “người dưng”. Hãy lí giải vì sao nhà thơ lại viết như thế?  
Tác giả viết như vậy bởi vì:  
+ Trong quá khứ: người và trăng luôn đồng hành, có nhau trong mọi hoàn cảnh, con người gắn bó, gần gũi, hòa mình với trăng với thiên nhiên.  
+ Còn hiện tại: con người sống tách biệt thiên nhiên, xa rời thiên nhiên, mà làm bạn với ánh điện cửa gương,quen với cuộc sống hiện đại, nên con người quên trăng.   
- Cách dùng từ của tác giả đã giúp ta cảm nhận được sự thay đổi trong tình cảm của người với trăng.  
**Câu 4:**  
- Tình huống “Thình lình đèn điện tắt” có vai trò, ý nghĩa gì trong bài thơ?  
- Đoạn thơ trên gợi nhắc cho em nhớ tới bài thơ nào mà ở đó, hình ảnh trăng và rừng cũng trở nên vô cùng gần gũi, thân thuộc với cuộc đời người lính? Hãy ghi rõ tên tác giả của tác phẩm ấy.  
- Tình huống Thình lình đèn điện tắt có vai trò, ý nghĩa: tạo nên bước ngoặt trong việc thể hiện cảm xúc của bài thơ và từ đó làm nổi bật chủ đề tác phẩm.  
- Đoạn thơ trên gợi nhắc bài thơ “Đồng chí”, tác giả Chính Hữu.  
**Câu 5.** Có ý kiến cho rằng khổ thứ tư của bài thơ là bước ngoăt của mạch cảm xúc. Em có đồng ý với ý kiến đó không? Vì sao?  
- Là ý kiến đúng đắn.  
- Tác giả thay đổi mạch cảm xúc khi gặp tình huống bất ngờ trong cuộc sống.  
- Khổ thơ thứ 4 của bài thơ là bước ngoặt của mạch cảm xúc. Trong dòng diễn biến thời gian, sự việc bất thường ở khổ thơ thứ tư: “Thình lình đèn điện tắt”, chính là bước ngoặt để tác giả bộc lộ cảm xúc, cũng chính là chủ đề bài thơ. Cuộc sống với bộn bề, lo toan vất vả đã cuốn con người theo dòng chảy, trăng tưởng đã mờ chìm đi trước một cuộc sống thị thành bộn bề, gấp gáp nhưng rồi vầng trăng xưa đã có dịp sáng lên trong một khoảnh khắc khi cuộc sống hiện đại biến mất để rồi tác giả đã gửi đến một triết lí: cuộc đời mỗi con người giống như một dòng chảy có những quanh co, uốn khúc nhưng phải qua những khúc quanh, qua những biến cố, con người mới nhận ra đâu là chân giá trị của cuộc sống.  
**Câu 6 :** Từ “thình lình” và “đột ngột” đặt ở đầu câu có tác dụng gì? Hai từ này có thể thay đổi vị trí cho nhau được không? Vì sao?  
- Hai từ : “thình lình và “đột ngột” đảo lên đầu câu tạo nên nhịp thơ nhanh và nhấn mạnh tính chất bất thường của tình huống.  
- Hai từ này không đổi vị trí cho nhau được vì:  
+Từ “ Thình lình”: chỉ diễn tả sự việc nhanh, bất ngờ của đèn điện tắt  
+ Từ “đột ngột” diễn tả cảm xúc thảng thốt , bất ngờ của con người khi nhận ra trăng vẫn tròn , vẫn tỏa sáng , vẫn đồng hành cùng con người...  
=> Đổi vị trí: không phù hợp với trình tự sự việc và cảm xúc( Sự việc xảy ra trước cảm xúc của con người)

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:**

**Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi bên dưới:**

*Ngửa mặt lên nhìn mặt  
có cái gì rưng rưng  
như là đồng là bể  
như là sông là rừng...*

*Trăng cứ tròn vành vạnh  
kể chi người vô tình  
ánh trăng im phăng phắc  
đủ cho ta giật mình.*

**Câu 1:** Nghĩa của từ “ *mặt*” trong câu thơ “ *Ngửa mặt lên nhìn mặt*” được hiểu như thế nào? Đó là hiện tượng gì trong tiếng Việt? Nêu hiệu quả nghệ thuật trong cách sử dụng từ?  
**Câu 2:** Chỉ ra những từ láy được sử dụng trong đoạn thơ và cho biết tác dụng của các từ láy này trong việc thể hiện dòng cảm xúc của nhân vật trữ tình?  
**Câu 3:**Tại sao có thể nói các câu thơ trên có hình thức độc thoại nội tâm? Cho biết vai trò của hình thức đó trong đoạn trích.

**Câu 4:** Em hiểu “ giật mình" ở đây là gì? Theo em, nguyên nhân nào dẫn đến cái "giật mình” của nhân vật?  
**Câu 5:** Hãy viết một đoạn văn trình bày theo cách Tổng hợp – phân tích- tổng hợp có độ dài khoảng 10-12 câu, trong đó có sử dụng một câu cảm thán phân tích khổ thơ em vừa chép để làm rõ nội dung : *Khổ thơ thể hiện tập trung nhất ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng và chiều sâu tư tưởng mang tính triết lí của tác phẩm ( Gạch chân dưới câu cảm thán đó).*

***Hướng dẫn làm bài:***

**Câu 1:**

- Giải nghĩa từ “mặt”1: Khuôn mặt của con người, từ “mặt”2: mặt trăng.  
- Đây là từ nhiều nghĩa, và là hiện tượng chuyển nghĩa của từ trong tiếng Việt.  
- Tác dụng: Tạo sự đa nghĩa cho ý thơ: con người đối diện với trăng, hay đối diện với người bạn mình trong quá khứ, đối diện với con người thực của mình trong quá khứ, bạc bẽo vô tình đối diện với thủy chung, nghĩa tình; hiện tại đối diện với quá khứ.   
- Liên hệ: Cách sử dụng từ tinh tế và khéo léo của tác giả  
**Câu 2:**

- Các từ láy: *rưng rưng, vành vạnh, phăng phắc.*- Tác dụng:  
+ rưng rưng: gợi cảm xúc nghẹn ngào, muốn khóc mà không thể khóc → diễn tả tâm trạng con người khi đối diện với trăng.  
+ “Vành vạnh”: gợi tả dáng vẻ tròn đều và đầy đặn → biểu tượng cho sự tròn đầy, thủy chung, trọn vẹn của thiên nhiên, quá khứ nghĩa tình.  
+ “Phăng phắc”: nhấn mạnh trạng thái im lặng đến mức không có một tiếng động dù là nhỏ nhất → gợi liên tưởng đến cái nhìn bao dung, độ lượng mà nghiêm khắc của trăng – người bạn thủy chung, quá khứ ân tình.  
=> Giàu sức gợi tả và biểu cảm, đem đến những liên tưởng sâu sắc, tinh tế về tình nghĩa vẹn đầy, thủy chung và lời nhắc nhở, tự vấn lương tâm.  
- Tác giả: nhìn nhận sự việc sâu sắc, từ câu chuyện riêng nâng lên thành triết lí trong cuộc sống: cần biết trân trọng quá khứ.  
**Câu 3.** Đoạn thơ thuộc hình thức độc thoại nội tâm vì: đây là những lời tâm sự trong lòng tác giả, không được phát ra thành lời

- Tác dụng: cho thấy những trăn trở, day dứt của người thi nhân khi đối mặt với vầng trăng. Nhận ra sự bội bạc của mình với quá khứ thủy chung tình nghĩa.  
**Câu 4:**

- “Giật mình " : thức tỉnh , tự vấn lương tâm , tự hối lỗi , ăn năn...  
- Khách quan :   
+ Bất ngờ gặp lại vầng trăng ,nhận thấy trăng vẫn đồng hành cùng con người.   
+ Ánh trăng – ánh mắt người bạn soi rọi đến góc khuất của tâm hồn khiến nhà thơ nhận ra sự bội bạc của bản thân với người bạn thủy chung , tình nghĩa...  
- Chủ quan : nhận ra mình đã thay đổi , đã vô tình bạc nghĩa quay lưng lại với quá khứ , ân tình thủy chung => cần phải thay đổi ...  
**Câu 5:**

Về nội dung: Đảm bào các ý cơ bản sau :

- Trăng đã trở thành biểu tượng cho sự bất biến, vĩnh hằng không thay đổi. “ Trăng tròn vành vạnh” biểu tượng cho sự tròn đầy, thuỷ chung, trọn vẹn của thiên nhiên, quá khứ, dù cho con người đổi thay " vô tình”

- Ánh trăng còn được nhân hoá “ im phăng phắc” gợi liên tưởng đến cái nhìn nghiêm khắc mà bao dung, độ lượng của người bạn thuỷ chung nghĩa tình.

- Sự im lặng ấy làm nhà thơ “ giật mình” thức tình, cái “ giật mình của lương tâm nhà thơ thật đáng trân trọng , nó thể hiện sự suy nghĩ trăn trở tự đấu tranh với chính mình để sống tốt hơn.

- Dòng thơ cuối dồn nén biết bao niềm tâm sự, lời sám hối ăn năn dù không cất lên nhưng chính vì thế càng trở nên ám ành day dứt.

- Qua đó Nguyễn Duy muốn gửi đến mọi người lời nhắc nhở về lẽ sống, về đạo lí ân nghĩa thuỷ chung.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 5:**

**Cho đoạn thơ sau:**

Trăng cứ tròn vành vạnh kể chi người vô tình

ánh trăng im phăng phắc đủ cho ta giật mình

(*Ánh trăng*- Nguyễn Duy)

**Câu 1:** Khổ thơ trên đã có sự vận dụng khéo léo các biện pháp nghệ thuật để hình ảnh ánh trăng trở nên sống động và mang ý nghĩa sâu sắc. Hãy chỉ ra và gọi tên các biện pháp nghệ thuật ấy.

**Câu 2:** Hãy giải thích tại sao tác giả chỉ viết hoa từ những dòng đầu tiên của mỗi khổ thơ.

**Câu 3:** Bài thơ "Ánh trăng" mang bóng dáng câu truyện kể. Theo em yếu tố tự sự và trữ tình được kết hợp như thế nào trong bài thơ?

**Câu 4:** Viết một đoạn văn khoảng 8-10 câu, diễn tả cảm nhận của em về hình tượng “trăng” trong khổ thơ vừa chép. Đoạn thơ có sử dụng câu bị động và thành phần phụ chú.

***Hướng dẫn làm bài:***

**Câu 1:**

Biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên: nhân hóa.

Nhân hóa vầng trăng trở thành “tri kỉ” người gần gũi, gắn bó, thấu hiểu mọi tâm tư, tình cảnh.

    + Trăng trở thành người bạn chia sẻ mọi vui buồn, trăng đồng cam cộng khổ, xoa dịu những nỗi đau của chiến tranh bằng ánh sáng tươi mát, hiền hòa.

    + Trăng là người bạn đồng hành, đồng cam cộng khổ với người chiến sĩ, trăng chính là hiện thân của quá khứ chan hòa tình nghĩa.

**Câu 2:**

Trong bài thơ "Ánh trăng" tác giả chỉ sử dụng một dấu chấm duy nhất, nhằm tạo ra sự liền mạch về cảm xúc. Cảm xúc xuyên suốt toàn bộ bài thơ, không bị ngắt quãng, đứt đoạn.

Mỗi chữ cái đầu khổ thơ được viết hoa, tạo thành một câu kể dài trọn vẹn ý, điều đó cũng là sự sáng tạo, cách tân mới mẻ trong thơ.

**Câu 3:**

Bài thơ là câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian từ quá khứ tới hiện tại với các mốc sự kiện hiện tại trong cuộc đời con người. Dòng cảm xúc của nhà thơ cũng theo đó bộc lộ dựa trên mạch tự sự của văn bản.

Theo mạch tự sự đi từ việc hồi tưởng quá khứ, tới nhận ra lầm lỗi của bản thân trong hiện tại để lắng kết lại thành cái “giật mình” cuối bài thơ.

**Câu 4:** Viết một đoạn văn k câu, diễn tả cảm nhận của em về hình tượng “trăng” trong khổ thơ vừa chép. Đoạn thơ có sử dụng câu bị động và thành phần phụ chú.

***\* Đoạn văn tham khảo:***

(1) Khổ thơ cuối kết tinh đạo lý, thể hiện tư tưởng sâu sắc của tác giả.

(2) “Trăng cứ trong vành vạnh” gợi lên sự trọn vẹn, thủy chung của thiên nhiên và của quá khứ.

(3) Trăng bị con người lãng quên- “vô tình”- nhưng trăng chỉ im lặng.

(4) Tác giả sử dụng biện pháp nhân hóa để nói về cái nhìn nghiêm khắc, nhưng có phần bao dung để nhân vật người lính tự soi chiếu vào chính bản thân mình, nhận ra lỗi sai.

(5) Sự im lặng dẫn tới cái “giật mình” thức tỉnh của người lính.

(6) Con người giật mình chính là cái giật mình thức tỉnh của lương tâm trong sạch, nhân cách tốt đẹp.

(7) Giật mình để không quên lãng quá khứ, không đánh mất và thơ ở với quá khứ. (8) Hình ảnh ánh trăng lúc này có giá trị khái quát, nhắc nhở chân thành về lẽ sống ân tình, thủy chung.

- Câu bị động: *Trăng bị con người lãng quên- “vô tình”- nhưng trăng chỉ im lặng.*

- Thành phần phụ chú: *- “vô tình”-*

**BÀI 7 : VIẾNG LĂNG BÁC**

***Viễn Phương***

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Viễn Phương tên khai sinh là Phan Thanh Viễn, sinh năm 1928, quê ở tỉnh An Giang.  - Trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ, ông hoạt động ở Nam Bộ, là một trong những cây bút có mặt sớm nhất của lực lượng văn nghệ giải phóng ở miền Nam thời chống Mỹ cứu nước.  - Thơ Viễn Phương tập trung khám phá, ngợi ca vẻ đẹp của nhân dân, đất nước trong công cuộc chiến đấu trường kì, gian khổ của dân tộc.  - Phong cách sáng tác : cảm xúc sâu lắng, thiết tha ; giọng thơ nhỏ nhẹ, trong sáng ; ngôn ngữ đậm đà màu sắc dân tộc. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | Năm 1976, sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc, đất nước thống nhất, lăng chủ tịch Hồ Chí Minh cũng vừa khánh thành, tác giả ra thăm miền Bắc, vào lăng viếng Bác Hồ. Bài thơ "Viếng lăng Bác" được sáng tác trong dịp đó, và in trong tập "Như mây mùa xuân” (1978). |
| ***Xuất xứ*** | - Bài thơ được in trong tập “Thơ Việt Nam” (1945 1975). |
| ***Thể loại*** | Thơ 8 chữ |
| ***Mạch cảm xúc và bố cục*** | \* **Mạch cảm xúc**: đi theo trình tự của một cuộc vào lăng viếng Bác, từ khi đứng trước lăng đến khi bước vào Lăng và trở ra về. Mở đầu là cảm xúc về cảnh bên ngoài lăng, tập trung ở ấn tượng đậm nét về hàng tre bên lăng gợi hình ảnh quê hương đất nước. Tiếp đó là cảm xúc trước hình ảnh dòng người như bất tận ngày ngày vào lăng viếng Bác. Xúc cảm và suy ngẫm về Bác được gợi lên từ những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng: mặt trời, vầng trăng, trời xanh. Cuối cùng là niềm mong ước thiết tha khi sắp phải trở về quê hương miền Nam, muốn tấm lòng mình vẫn được mãi mãi ở lại bên lăng Bác. Mạch cảm xúc như trên đã tạo nên một bố cục khá đơn giản, tự nhiên và hợp lý của bài thơ.  \* **Bố cục**: 4 phần  - Khổ 1: cảm xúc của tác giả trước không gian, cảnh vật bên ngoài lăng.  - Khổ 2: Cảm xúc trước đoàn người vào lăng viếng Bác.  - Khổ 3: Cảm xúc khi vào lăng, nhìn thấy di hài Bác.  - Khổ 4: Những tình cảm, cảm xúc trước lúc ra về. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | Ý nghĩa Bài thơ là tiếng lòng thành kính, xót thương, biết ơn vô hạn của nhà thơ cũng như của đồng bào miền Nam đối với vị lãnh tụ- người cha già kính yêu của dân tộc.  - Viếng là đến chia buồn với thân nhân người đã mất.  - Thăm là đến gặp gỡ, hỏi han trò truyện với người còn sống.  - Nhan đề dùng từ viếng theo đúng nghĩa đen khẳng định một sự thật: Bác đã đi xa.  - Trong câu thơ đầu dùng từ thăm là ngụ ý nói giảm. Bác như vẫn còn đang sống trong lòng mọi người đặc biệt là trong lòng nhân dân miền Nam |
| ***Chủ đề*** | Bài thơ ca ngợi công đức của Bác Hồ, thể hiện lòng thương tiếc, kính yêu và biết ơn Người khi nhà thơ đến viếng lăng. |
| ***Giá trị nội dung*** | Bài thơ thể hiện lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ và mọi người đối với Bác Hồ khi vào lăng viếng Bác. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Bài thơ có giọng điệu trang trọng và tha thiết, nhiều hình ảnh ẩn dụ đẹp và gợi cảm, ngôn ngữ bình dị mà cô đúc. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Luận điểm 1: Cảm xúc ban đầu của nhà thơ khi đứng trước lăng Bác**

a) Viễn Phương là một người con miền Nam, tham gia hoạt động và chiến đấu ở chiến trường Nam Bộ xa xôi. Cũng như nhiều đồng bào và chiến sĩ miền Nam, nhà thơ mong mỏi một ngày ra thăm Bác. Bởi vậy, khi đứng trước lăng Người, nhà thơ không giấu nổi niềm xúc động: cảm xúc bồi hồi pha lẫn nỗi xúc động sâu xa:

"Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Với lời lẽ giản dị, | câu thơ như một lời thông báo ngắn gọn: Nhà thơ ở miền Nam, nơi tuyến đầu của Tổ quốc, sau bao nhiêu năm mong mỏi nay cũng được về thăm Người. |
| Sử dụng đại từ nhân xưng " Con - Bác": | - Đó là lối nói, lỗi xưng hô quen thuộc của người miền Nam để gợi sự gần gũi, thân thiết.  - Thể hiện được lòng tôn kính và tình cảm yêu thương ruột thịt.  - Gợi một liên tưởng , đó là Viễn Phương như một đứa con xa nay mới được trở về bên vị cha già của dân tộc. |
| Biện pháp tu từ nói giảm, nói tránh khi sử dụng từ "thăm" để thay cho từ "viếng": | - Để giảm bớt nỗi đau thương, mất mát của những đứa con xa về muộn.  - Đồng thời,bất tử hóa hình tượng Bác trong lòng những người con miền Nam và đối với cả dân tộc Việt Nam. |
| => Câu thơ giản dị như một lời kể, xong nó lại gói ghém bao tình cảm của người con miền Nam sau bao mong nhớ, đợi chờ mới được về thăm lăng Người. | |

b) Đứng trước lăng vị cha già kính yêu của dân tộc, ấn tượng đầu tiên trong lòng nhà thơ chính là hàng tre xanh mát:

" Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát

Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam

Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng."

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Từ cảm thán "Ôi!" | biểu thị niềm xúc động, tự hào trước hình ảnh hàng tre quanh lăng Bác. |
| Hình ảnh "hàng tre bát ngát" | là một hình ảnh tả thực về quang cảnh quanh lăng Bác; đồng thời gợi sự gần gũi, thân thương của những xóm làng Việt Nam. |
| Hình ảnh "hàng tre xanh xanh Việt Nam" là hình ảnh ẩn dụ mang ý nghĩa tượng trưng: | - Hàng tre ấy tượng trưng cho những con người, dân tộc Việt Nam với sức sống tràn trề  - Gợi tả một quân đội với tinh thần kiên cường, bất khuất, trong " bão táp mưa sa" vẫn đứng bên cạnh giữ giấc ngủ ngàn thu của Người. |
| Thành ngữ "bão táp mưa sa" | gợi về những khó khăn, gian khổ mà nhân dân ta đã cùng nhau " chung lưng, đấu cật" để dựng nước và giữ nước. |
| Lối miêu tả " đứng thẳng hàng" | gợi những hàng tre mang dáng dấp cứng cỏi, kiên cường, hiên ngang, bất khuất như tính cách của người dân Việt Nam. |
| => Khổ thơ là niềm xúc động sâu sắc, niềm thành kính của Viễn Phương khi đến thăm và đứng trước lăng Bác. | |

**2. Luận điểm 2: Cảm xúc trước hình ảnh dòng người vào lăng viếng Bác**

Đứng trước lăng, sau ấn tượng về "hàng tre xanh xanh" hình ảnh của dòng người vào lăng viếng Bác với nỗi tiếc thương và lòng biết ơn sâu nặng:

"Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ

Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ

Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân."

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Nghệ thuật sóng đôi : giữa hình ảnh "mặt trời" thực và "mặt trời" ẩn dụ: | - Hình ảnh mặt trời trong câu thơ "Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng", là hình ảnh thực. Đây là mặt trời của thiên nhiên soi sáng không gian vũ trụ và mang lại sự sống cho muôn loài.  - Hình ảnh mặt trời trong câu thơ : "Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ" là hình ảnh ẩn dụ về Bác Hồ : Bác chính là mặt trời chân lý, soi sáng giúp dân tộc thoát khỏi kiếp nô lệ khổ đau, và mang đến một cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Từ đó, ta thấy được sự tôn kính, lòng biết ơn sâu sắc mà cả dân tộc dành cho Bác. |
| Mặt trời thiên nhiên được nhân hóa với hai hành động: ngày ngày " đi qua trên lăng" và nhìn thấy mặt trời "trong lăng rất đỏ" | đã tô đậm hơn tầm vóc vĩ đại của Người. |
| Chi tiết đặc tả "rất đỏ" | gợi trái tim đầy nhiệt huyết vì Tổ quốc, vì nhân dân của Bác. Mặt trời đó sẽ mãi mãi soi sáng, sưởi ấm, cô thắm cho đời. |
| Hình ảnh "dòng người" đi liền với điệp từ "ngày ngày": | - Gợi một dòng thời gian vô tận, từ ngày này sang ngày khác, biết bao dòng người với nỗi tiếc thương vô hạn thành kính vào lăng viếng Bác.  - Mang giá trị tạo hình,gợi quang cảnh những đoàn người nối hàng dài vào lăng để viếng Bác. |
| Hình ảnh "tràng hoa" là hình ảnh ẩn dụ | gợi liên tưởng đến dòng người vào lăng viếng Bác với tấm lòng thành kính, dâng trào như được kết từ hàng vạn trái tim, tấm lòng con người Việt Nam. |
| Hình ảnh hoán dụ "bảy mươi chín mùa xuân" | để chỉ 79 năm trong cuộc đời của Người - 79 mùa xuân Người hi sinh cho đất nước. |
| => Khổ thơ đã diễn tả được một cách sâu sắc tấm lòng của nhân dân cả nước dành cho vị cha già kính yêu của dân tộc. Người sẽ luôn sống và sáng mãi trong lòng dân tộc Việt Nam. | |

**3. Luận điểm 3: Cảm xúc khi vào trong lăng, đứng trước thi hài Bác**

Vào trong lăng, khung cảnh và không khí như ngưng kết cả thời gian. Hình ảnh thơ đã diễn tả thật chính xác, thật tinh tế sự yên tĩnh, trang nghiêm cùng ánh sáng dịu nhẹ, trong trẻo của không gian trong lăng Bác:

" Bác nằm trong lăng giấc ngủ bình yên

Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền."

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Sử dụng biện pháp nghệ thuật nói giảm, nói tránh | để phủ nhận một sự thật đau lòng: Người đang ngủ một giấc bình yên, giữa vầng trăng sáng dịu hiền. |
| Hình ảnh ẩn dụ "vầng trăng sáng dịu hiền": | - Gợi cho chúng ta nghĩ đến tâm hồn, nhân cách sống cao đẹp, sáng trong của Bác.  - Bộc lộ tấm lòng biết ơn sâu sắc của tác giả dành cho Bác.  - Gợi đến những vần thơ tràn ngập ánh trăng của Người. |
| Tâm trạng xúc động của nhà thơ được biểu hiện bằng một hình ảnh ẩn dụ sâu xa: " Vẫn biết trời xanh là mãi mãi". | - "Trời xanh" , trước tiên được hiểu theo nghĩa tả thực, đó là thiên nhiên gần gũi với chúng ta, tồn tại mãi mãi và vĩnh hằng.  - Mặt khác, "trời xanh" còn là một hình ảnh ẩn dụ sâu xa: Bác vẫn còn mãi với non sông đất nước, như "trời xanh" vĩnh hằng. |
| "Nhói" | là từ ngữ biểu cảm trực tiếp, biểu hiện nỗi đau đột ngột, quặn thắt . Tác giả tự cảm thấy nỗi đau mất mát ở tận đáy sâu tâm hồn mình, nỗi đau đớn tột cùng không nói thành lời. |
| Cặp quan hệ từ "vẫn , mà" | diễn tả sự mâu thuẫn. cảm giác nghe nhói ở trong tim mâu thuẫn với nhận biết trời xanh là mãi mãi. Giữa tình cảm và lý trí có sự mâu thuẫn. Và con người đã không kìm nén được khoảnh khắc yếu lòng. |
| Cảm xúc này là đỉnh điểm của nỗi nhớ thương, của niềm đau xót. Đó chính là nguyên nhân dẫn đến những khát vọng ở khổ cuối bài thơ. | |

**4. Luận điểm 4: Cảm xúc của nhà thơ khi tạm biệt lăng Bác**

Khép lại nỗi đau mất mát ấy là những giọt nước mắt luyến tiếc, bịn rịn không muốn rời Bác. Khổ thơ đã diễn tả tâm trạng lưu luyến của nhà thơ muốn được ở mãi bên lăng Bác.

"Mai về miền nam thương trào nước mắt"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Từ ngữ thời gian "Mai" đi liền với địa danh "miền Nam" | gợi sự chia xa, gợi khoảng cách, gợi cả tấm lòng, tình cảm của những người con miền Nam. |
| Lối nói "thương trào nước mắt" | đã cụ thể hóa nỗi nhớ thương da diết, gợi chiều sâu của sự gắn bó với miền Bắc, với bác Hồ của những người miền Nam. |

Nhà thơ bày tỏ ước muốn hóa thân để ở lại bên cạnh Bác:

" Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác

Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây

Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này."

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Nhịp điệu dồn dập và điệp từ "muốn làm" | khởi đầu cho mỗi dòng thơ giúp nhà thơ tô đậm mức độ thiết tha, mãnh liệt của niềm mong ước. |
| Hệ thống hình ảnh giàu sức gợi: "con chim", "đóa hoa", "cây tre" | - Lớp nghĩa thực: Tác giả muốn góp cuộc đời mình để làm đẹp cho cảnh quan quanh lăng, ao ước được hóa thân thành con chim để cất tiếng hót làm vui lăng Bác; làm giỏ hoa để đem lại sắc hương, tô điểm cho vườn hoa quanh lăng. Đặc biệt là ước nguyện "muốn làm cây tre trung hiếu" để nhập vào hàng tre bát ngát, toả bóng mát cho lăng.  - Lớp nghĩa ẩn dụ: khát vọng ở lại để canh giấc ngủ thiên thu cho Người; bày tỏ niềm biết ơn sâu sắc dành cho vị cha già của dân tộc; góp phần làm nên vẻ đẹp bất khuất, hiên ngang, trung hiếu của tâm hồn Việt Nam. |
| Bài thơ khép lại bằng hình ảnh "cây tre trung hiếu", | tạo nên một kết cấu đầu cuối tương ứng, nhằm bày tỏ khát vọng và tấm lòng nhà thơ dành cho Bác. Hình ảnh hàng tre quanh lăng Bác được lặp ở câu thơ cuối như mang thêm nghĩa mới, tạo ấn tượng sâu sắc, làm dòng cảm xúc được trọn vẹn. |

**\* Đánh giá:**

Bài thơ sử dụng giọng điệu vừa trang nghiêm, sâu lắng, vừa tha thiết, đau xót, tự hào kết hợp với thể thơ 8 chữ, xen lẫn những dòng thơ 7 hoặc 9 chữ. Nhịp thơ chủ yếu là nhịp chậm, diễn tả sự trang nghiêm, thành kính và những cảm xúc sâu lắng. Riêng khổ cuối, nhịp thơ nhanh hơn, phù hợp với sắc thái của niềm mong ước.

Hình ảnh thơ có nhiều sáng tạo, kết hợp hình ảnh thực với hình ảnh ẩn dụ, biểu tượng. Những hình ảnh ẩn dụ - biểu tượng như "mặt trời trong lăng" , "tràng hoa" , "trời xanh" vừa quen thuộc, vừa gần gũi với hình ảnh thực, vừa sâu sắc, có ý nghĩa khái quát và mang giá trị biểu cảm. Qua đó thể hiện niềm xúc động thiêng liêng, thành kính, niềm tự hào, đau xót của nhà thơ và đồng bào miền Nam vừa được giải phóng ra thăm lăng Bác.

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

Mở đầu bài thơ, tác giả Viễn Phương với giọng tâm tình:

“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác”.

**Câu 1:** Hãy chép chính xác 3 câu thơ tiếp theo để hoàn chỉnh khổ thơ.

**Câu 2:** Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ, hoàn cảnh đó có liên quan gì tới nhà thơ.

**Câu 3:** Em hãy trình bày ngắn gọn mạch cảm xúc của bài thơ. Từ những hiểu biết của em về bài thơ, hãy giải thích tác dụng của từ “thăm” trong câu thơ và cụm từ “giấc ngủ bình yên”.

**Câu 4:** Hãy tìm tên tác phẩm và tác giả cũng có nhà thơ mượn hình ảnh cây tre để nói tới tình yêu thương, sự đoàn kết gắn bó của người Việt Nam.

**Câu 5:** Cho câu chủ đề sau: *“Khổ thơ đầu tiên của bài Viếng lăng Bác diễn tả những cảm xúc chân thành, xúc động của nhà thơ khi đến thăm lăng Bác”.*

Hãy viết đoạn văn từ 10 – 12 câu theo phương thức tổng - phân - hợp để làm sáng tỏ ý kiến đó. Đoạn văn có sử dụng phép thế và câu có thành phần phụ chú.

***Hướng dẫn làm bài:***

**Câu 1:**

*Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác*

*Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát*

*Ôi hàng tre xanh xanh Việt Nam*

*Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng*

**Câu 2:**

Hoàn cảnh sáng tác: Năm 1976, sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đất nước được độc lập thống nhất, lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng vừa được khánh thành, tác giả ra miền Bắc, đây là lần đầu tác giả ra viếng lăng Bác.

Như vậy mọi cảm xúc chân thành, tha thiết nhất của nhà thơ được thể hiện xúc động trong bài thơ.

**Câu 3:**

- Mạch cảm xúc:

+ Mở đầu là cảm xúc về cảnh bên ngoài lăng, tập trung ở ấn tượng đậm nét về hàng tre bên lăng gợi hình ảnh quê hương đất nước.

+ Tiếp đó là cảm xúc trước hình ảnh dòng người như bất tận ngày ngày vào lăng viếng Bác.

+ Cuối cùng là niềm mong ước thiết tha khi sắp phải trở về quê hương miền Nam, muốn tấm lòng mình vẫn được mãi mãi ở lại bên lăng Bác.

- Tác giả sử dụng từ “thăm” để thay cho từ viếng dù tiêu đề “Viếng lăng Bác”. Từ “thăm” là từ nói giảm nói tránh của tác giả để giảm đi nỗi đau thương mất mát. Qua đây cũng gợi lên sự yêu thương, kính mến của tác giả dành cho Bác.

**Câu 4:**

Hình ảnh cây tre cũng nói về sự yêu thương, đoàn kết của người Việt Nam: bài thơ "Tre Việt Nam" của Nguyễn Duy.

Tác giả nhắc tới hình ảnh cây tre, mượn hình ảnh cây tre để nói tới tình yêu thương và sự đoàn kết gắn bó của người Việt Nam.

**Câu 5:**

\* Yêu cầu:

* HS biết cách làm một đoạn văn nghị luận văn học.
* Trình bày mạch lạc, rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có cảm xúc.

***\* Đoạn văn tham khảo:***

(1) Khổ thơ đầu tiên của bài Viếng lăng Bác diễn tả những cảm xúc chân thành, xúc động của nhà thơ khi đến thăm lăng Bác.

(2) Câu thơ có tính thông báo: “Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác” là lời nói chân thành, xúc động của một người con khi từ miền Nam ra thăm lăng Bác.

(3) Tác giả dùng từ “thăm” để giảm nhẹ nỗi đau mất mát và như để khẳng định Người còn mãi.

(4) Cách xưng hô thân mật( xưng “con”) thể hiện được lòng tôn kính và tình cảm yêu thương ruột thịt.

(5) Đồng thời cách xưng hô còn dợi một liên tưởng, đó là Viễn Phương như một đứa con xa nay mới được trở về bên vị cha già của dân tộc.

(6) Nỗi đau như cố giấu mà giọng thơ vẫn có những điều đau xót, ngậm ngùi.

(7) Hình ảnh gây ấn tượng đầu tiên với tác giả chính là hình ảnh hàng tre “xanh xanh”.

( 8) Từ cảm thán "Ôi!" biểu thị niềm xúc động, tự hào trước hình ảnh hàng tre quanh lăng Bác.

(8) Trong góc nhìn xúc động của nhà thơ, hàng tre vừa có cái nhìn thực, vừa là hình ảnh ẩn dụ biểu tượng cho sức sống kiên định, dũng cảm của dân tộc.

(9) Hình ảnh "hàng tre bát ngát" là một hình ảnh tả thực về quang cảnh quanh lăng Bác; đồng thời gợi sự gần gũi, thân thương của những xóm làng Việt Nam.

(10) Hình ảnh hàng tre “bão táp mưa sa đứng thẳng hàng” giàu ý nghĩa liên tưởng, mang biểu tượng của tâm hồn thanh cao, sự quật cường của người Việt.

(11) Có thể nói, khổ thơ là niềm xúc động sâu sắc, niềm thành kính của Viễn Phương khi đến thăm và đứng trước lăng Bác.

- **Phép thế:** nhà thơ- tác giả

- **Thành phần phụ chú:** ( xưng “con”).

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

**Cho hai câu thơ sau:**

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ*

**Câu 1:** Hai câu thơ trên trích trong văn bản nào? Tác giả?

**Câu 2:** Thể thơ?

**Câu 3:** Hình ảnh mặt trời nào là ẩn dụ? Hãy phân tích ý nghĩa hình ảnh đó trong việc thể hiện tấm lòng, tình cảm gì của tác giả.

**Câu 4:**  Viết đoạn văn khoảng 6- 8 câu, phân tích hai câu thơ sau, trong đoạn sử dụng 1 phép liên kết:

*Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân*

***Hướng dẫn làm bài:***

**Câu 1:** “ Viếng lăng Bác”- Viễn Phương

**Câu 2:** 8 chữ

**Câu 3:**

Hình ảnh “ mặt trời” ở câu thơ thứ hai là hình ảnh ẩn dụ (tượng trưng cho Bác Hồ). Bác như mặt trời đem tới nguồn sáng, soi đường cho toàn dân tộc. Màu sắc “rất đỏ” làm cho câu thơ trở nên thật đẹp, tạo ấn tượng sâu sắc, nói lên tư tưởng cách mạng, lòng yêu nước nồng nàn của Bác.

Tác giả xây dựng hình ảnh ẩn dụ để nói lên sự vĩ đại của Bác, thể hiện được sự tôn trọng, kính mến của tác giả và toàn dân đối với Bác - vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc ta.

**Câu 4:**

***\* Đoạn văn tham khảo:***

(1) Đứng trước lăng, sau ấn tượng về "hàng tre xanh xanh" là hình ảnh của dòng người vào lăng viếng Bác với nỗi tiếc thương và lòng biết ơn sâu nặng:

*Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân*

(2) Hình ảnh "dòng người" đi liền với điệp từ "ngày ngày" gợi một dòng thời gian vô tận, từ ngày này sang ngày khác, biết bao dòng người với nỗi tiếc thương vô hạn thành kính vào lăng viếng Bác.

(3) Câu thơ mang giá trị tạo hình, gợi quang cảnh những đoàn người nối hàng dài vào lăng để viếng Bác.

(4) Hình ảnh "tràng hoa" là hình ảnh ẩn dụ gợi liên tưởng đến dòng người vào lăng viếng Bác với tấm lòng thành kính, dâng trào như được kết từ hàng vạn trái tim, tấm lòng con người Việt Nam.

(5) “Bảy mươi chín mùa xuân” là hình ảnh hoán dụ mang ý nghĩa tượng trưng cho số tuổi của Bác, hình ảnh về cuộc đời đẹp như những mùa xuân đã hòa nhập vào mùa xuân độc lập, tự do của dân tộc.

(6) Hai câu thơ đã diễn tả được một cách sâu sắc tấm lòng của nhân dân cả nước dành cho vị cha già kính yêu của dân tộc.

(7) Người sẽ luôn sống và sáng mãi trong lòng dân tộc Việt Nam.

**- Phép liên kết(phép thế):** Bác-vị cha già kính yêu của dân tộc- Người

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

**Cho đoạn thơ sau:**

*Mai về miền Nam thương trào nước mắt*

*Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác*

*Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây*

*Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này*

**Câu 1:** Hình ảnh cây tre trong khổ thơ cuối cùng của bài là sự lặp lại hình ảnh cây tre trong khổ thơ đầu, em hãy cho biết sự lặp lại như vậy có ý nghĩa gì?

**Câu 2:** Có một tác phẩm cũng nhắc tới khát vọng muốn trở thành con chim, trở thành nhành hoa, em hãy chép lại khổ thơ đó, nêu tên tác giả và nhan đề.

**Câu 3:** Nhận xét về giọng điệu của bài thơ và cho biết giọng điệu đó được tạo nên từ những yếu tố nào và có quan hệ như thế nào với cảm xúc của tác giả?

**Câu 4:** Viết đoạn văn 12 câu theo phương thức quy nạp làm rõ cảm xúc lưu luyến không muốn rời của tác giả đối với Bác. Đoạn văn có sử dụng lời dẫn trực tiếp và thành phần biệt lập.

***Hướng dẫn làm bài:***

**Câu 1:**

 Ở đây, hình ảnh cây tre đã mang nét nghĩa mới so với hình ảnh cây tre ở khổ thơ thứ nhất. Trong phần mở đầu, hình ảnh hàng tre xuất hiện với dáng đứng thẳng cho dù phải đương đầu với bão táp mưa sa. Thì tới cuối bài thơ tác giả lại khao khát trở thành cây tre trung hiếu để có thể được đứng canh gác cho Người, đây chính là ước nguyện chân thành, tha thiết của tác giả Viễn Phương.

**Câu 2:**

Tác phẩm "Mùa xuân nho nhỏ" của Thanh Hải có nhắc tới hình ảnh con chim và nhành hoa, trong khổ thơ:

*Ta làm con chim hót*

*Ta làm một nhành hoa*

*Ta nhập vào hòa ca*

*Một nốt trầm xao xuyến*

Khổ thơ này diễn tả khát vọng chân thành, giản dị của tác giả Thanh Hải, muốn được đóng góp, cống hiến cho đời âm thanh, hương thơm vào cuộc sống kì diệu, muôn màu muôn vẻ ngoài kia. Ở phần mở bài, tác giả phác họa hình ảnh mùa xuân bằng chi tiết bông hoa và tiếng chim, tới khổ thơ thứ 4 hình ảnh con chim, nhành hoa tạo sự đối ứng chặt chẽ về ý thơ.

**Câu 3:**

Giọng điệu của bài thơ vừa trang nghiêm, sâu lắng vừa tha thiết, đau xót, tự hào, thể hiện tâm trạng xúc động khi tác giả vào lăng viếng Bác.

Giọng điệu được tạo nên bởi nhiều yếu tố: thể thơ, nhịp điệu, từ ngữ, hình ảnh. Thể thơ 8 chữ nhưng có đan xen những dòng thơ 7 chữ hoặc 9 chữ. Cách gieo vần bằng, vần trắc.

Những vần bằng liên tiếp diễn tả dòng cảm xúc dâng trào, các vần trắc thể hiện nỗi tiếc thương, đau xót.

Nhịp: các khổ thơ nhìn chung là nhịp chậm, diễn tả sự trang nghiêm, thành kính.

Riêng khổ cuối nhịp thơ nhanh hơn với điệp từ muốn làm được lặp lại ba lần, thể hiện mong ước thiết tha và nỗi lòng lưu luyến của tác giả.

**Câu 4:**

(1) Tâm trạng tiếc nuối lưu luyến của nhà thơ trong giây phút chia li thật xúc động, mãnh liệt: *Mai về miền Nam thương trào nước mắt*

(2) Từ ngữ chỉ thời gian "mai" đi liền với địa danh "miền Nam" gợi sự chia xa, gợi khoảng cách, gợi cả tấm lòng, tình cảm của những người con miền Nam.

(3) Dòng cảm xúc “thương trào nước mắt” được diễn tả giản dị mà sâu lắng đã cụ thể hóa nỗi nhớ thương da diết, gợi chiều sâu của sự gắn bó với miền Bắc, với Bác Hồ của những người miền Nam.

(4) Ước nguyện thành kính của nhà thơ được giãi bày qua khao khát:

*Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác*

*Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây*

*Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này*

(5) Điệp từ “muốn làm” nhấn mạnh khao khát tới cháy bỏng, được ở cạnh, được đứng canh giấc ngủ yên bình cho Bác đã thôi thúc nhà thơ muốn hóa thân thành cảnh vật, sự sống xung quanh lăng Người.

(6) Tác giả vừa bộc lộ trực tiếp, vừa bộc lộ gián tiếp tình cảm chân thành dành cho Bác.

(7) Điều đặc biệt là hình ảnh cây tre được lặp lại trong khổ thơ cuối có nhiều nét mới. (8) Hình ảnh cây tre lúc này ẩn dụ cho lòng thành kính, sự trung thành với lý tưởng cách mạng và Bác.

(9) Bài thơ khép lại bằng hình ảnh "cây tre trung hiếu", tạo nên một kết cấu đầu cuối tương ứng, nhằm bày tỏ khát vọng và tấm lòng nhà thơ dành cho Bác.

(10) “Cây tre trung hiếu” phải chăng cũng chính là phẩm chất của con người Việt Nam, mãi mãi kiên trung với Bác và lý tưởng cách mạng.

(11) Khổ thơ đã diễn tả tâm trạng lưu luyến của nhà thơ muốn được ở mãi bên lăng Bác, đó cũng là tình cảm chung của nhân dân Việt Nam dành cho Bác.

- **Thành phần biệt lập( tình thái):** phải chăng

- **Lời dẫn trực tiếp:** "mai", iền Nam", hương trào nước mắt”, “muốn làm”, "cây tre trung hiếu"

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

**Cho đoạn thơ sau:**

*Mai về miền Nam thương trào nước mắt*

*Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác*

*Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây*

*Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này*

**Câu 1:** Hình ảnh cây tre trong khổ thơ cuối cùng của bài là sự lặp lại hình ảnh cây tre trong khổ thơ đầu, em hãy cho biết sự lặp lại như vậy có ý nghĩa gì?

**Câu 2:** Có một tác phẩm cũng nhắc tới khát vọng muốn trở thành con chim, trở thành nhành hoa, em hãy chép lại khổ thơ đó, nêu tên tác giả và nhan đề.

**Câu 3:** Nhận xét về giọng điệu của bài thơ và cho biết giọng điệu đó được tạo nên từ những yếu tố nào và có quan hệ như thế nào với cảm xúc của tác giả?

**Câu 4:** Viết đoạn văn 12 câu theo phương thức quy nạp làm rõ cảm xúc lưu luyến không muốn rời của tác giả đối với Bác. Đoạn văn có sử dụng lời dẫn trực tiếp và thành phần biệt lập.

***Hướng dẫn làm bài:***

**Câu 1:** Đoạn thơ trên được trích trong bài Viếng lăng Bác của nhà thơ Viễn Phương. Bài thơ được viết năm 1976, sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc, đất nước thống nhất, Lăng Hồ Chủ tịch vừa khánh thành. Viễn Phương ra thăm miền Bắc, vào lăng viếng Bác.

**Câu 2:** Cảm xúc trong bài thơ được biểu hiện theo trình tự từ ngoài vào trong, rồi lại trở ra ngoài, hợp với thời gian một chuyến viếng lăng Bác.

- Từ "thăm" thể hiện tình cảm của nhà thơ đối với Bác vừa kính yêu, vừa gần gũi.

- Cụm từ "giấc ngủ bình yên" là một cách nói tránh, nói giảm nhằm miêu tả tư thế ung dung thanh thản của Bác - vị lãnh tụ cả đời lo cho dân, cho nước, có đêm nào yên giấc nay đã có được giấc ngủ bình yên.

**Câu 3:** Một bài thơ có nhắc đến trăng, ví dụ như Ánh trăng của Nguyễn Duy

"Trăng cứ tròn vành vạnh/ kể chi người vô tình/ ánh trăng im phăng phắc/ đủ cho ta giật mình". Hay "Đầu súng trăng treo" trong Đồng chí của Chính Hữu...

**Câu 4:**

Đoạn văn viết cần đạt được những yêu cầu sau:

- Bám sát nội dung khổ thơ: phân tích được hình ảnh của Bác được miêu tả trong tư thế ung dung thanh thản, thấy được cảm xúc trào dâng của nhà thơ khi đứng trước Bác.

- Không viết quá dài hoặc quá ngắn so với yêu cầu 15 câu của đề. Trình tự nghị luận là qui nạp, có sử dụng phép lặp và một thành phần phụ chú.

***\* Đoạn văn tham khảo:***

(1) Vào trong lăng, khung cảnh và không khí như ngưng kết cả thời gian.

(2) Hình ảnh thơ đã diễn tả thật chính xác, thật tinh tế sự yên tĩnh, trang nghiêm cùng ánh sáng dịu nhẹ, trong trẻo của không gian trong lăng Bác:

" Bác nằm trong lăng giấc ngủ bình yên

Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền."

(3) Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nói giảm, nói tránh để phủ nhận một sự thật đau lòng: Người đang ngủ một giấc bình yên, giữa vầng trăng sáng dịu hiền.

(4) Hình ảnh ẩn dụ "vầng trăng sáng dịu hiền" gợi cho chúng ta nghĩ đến tâm hồn, nhân cách sống cao đẹp, sáng trong của Bác.

(5) Đồng thời hình ảnh đó còn bộc lộ tấm lòng biết ơn sâu sắc của tác giả dành cho Bác và gợi đến những vần thơ tràn ngập ánh trăng của Người.

(6) Tâm trạng xúc động của nhà thơ được biểu hiện bằng một hình ảnh ẩn dụ sâu xa: " Vẫn biết trời xanh là mãi mãi".

(7) "Trời xanh", trước tiên được hiểu theo nghĩa tả thực, đó là thiên nhiên gần gũi với chúng ta, tồn tại mãi mãi và vĩnh hằng.

(8) Mặt khác, "trời xanh" còn là một hình ảnh ẩn dụ sâu xa: Bác vẫn còn mãi với non sông đất nước, như "trời xanh" vĩnh hằng.

(9) "Nhói" là từ ngữ biểu cảm trực tiếp, biểu hiện nỗi đau đột ngột, quặn thắt.

(10) Tác giả tự cảm thấy nỗi đau mất mát ở tận đáy sâu tâm hồn mình, nỗi đau đớn tột cùng không nói thành lời.

(11) Cặp quan hệ từ "vẫn , mà" diễn tả sự mâu thuẫn, cảm giác “nghe nhói ở trong tim” mâu thuẫn với nhận biết “trời xanh là mãi mãi”.

(12) Giữa tình cảm và lý trí của tác giả dường như có sự mâu thuẫn.

(13) Nhà thơ đã không kìm nén được khoảnh khắc yếu lòng.

(14) Cảm xúc này của tác giả là đỉnh điểm của nỗi nhớ thương, của niềm đau xót.

(15) Đó chính là nguyên nhân dẫn đến những khát vọng ở khổ cuối bài thơ.

- **Lặp:** tác giả

- **Thành phần phụ chú:** (7) "Trời xanh", ***trước tiên được hiểu theo nghĩa tả thực***, đó là thiên nhiên gần gũi với chúng ta, tồn tại mãi mãi và vĩnh hằng.

**BÀI 8: MÙA XUÂN NHO NHỎ**

***Thanh Hải***

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Thanh Hải (1930-1980) tên khai sinh là Phạm bá Ngoãn, quê ở huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.  - Ông hoạt động văn nghệ từ cuối những năm kháng chiến chống Pháp. Trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, Thanh Hải ở lại quê hương hoạt động và là một trong những cây bút có công xây dựng nền văn học Cách mạng ở miền Nam từ những ngày đầu.  - Phong cách sáng tác : ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhạc điệu, cảm xúc chân thành, đằm thắm… |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Hoàn cảnh lịch sử: Năm 1980, đất nước lúc này đã hoàn toàn thống nhất, non sông thu về một mối, cả đất nước sục sôi khí thế xây dựng cuộc sống mới.  - Bài thơ được viết vào tháng 11/1980, không bao lâu trước khi nhà thơ qua đời, thể hiện niềm yêu mến cuộc sống đất nước thiết tha và ước nguyện của tác giả. |
| ***Xuất xứ*** | - Bài thơ được in trong tập “Thơ Việt Nam” (1945 1985). |
| ***Thể loại*** | Thơ 5 chữ |
| ***Mạch cảm xúc và bố cục*** | \* **Mạch cảm xúc**: được khơi nguồn, nảy nở từ sức sống, vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, mở rộng ra với mùa xuân đất nước, cách mạng. Cảm xúc lắng đọng dần vào suy tư và ước nguyện: nhà thơ muốn nhập vào bản hoà ca vĩ đại của cuộc đời bằng một nốt trầm xao xuyến của riêng mình, góp vào mùa xuân chung lớn lao “*một mùa xuân nho nhỏ*”. Bài thơ khép lại với những cảm xúc thiết tha, tự hào về quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế.  \* **Bố cục**: Gồm 4 phần:  - Khổ 1: Cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên, đất trời  - Khổ 2+3: Cảm xúc về mùa xuân của đất nước  - Khổ 4+5: Suy nghĩ và ước nguyện của tác giả trước mùa xuân đất nước.  - Khổ cuối: Lời ngợi ca quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | - Tính từ «  nho nhỏ » ở nhan đề bài thơ đã cụ thể hóa, hữu hình hóa mùa xuân và mang đến những lớp nghĩa khác nhau :  + Lớp nghĩa thực : gợi về mùa xuân của đát trời, của thiên nhiên, vũ trụ.  + Là hình ảnh ẩn dụ độc đáo thể hiện khát vọng, lí tưởng muốn cống hiến tất cả những gì đẹp đẽ nhất, tinh túy nhất cho cuộc đời, quê hương, đất nước của nhà thơ. |
| ***Chủ đề*** | Niềm say mê trước mùa xuân thiên nhiên tươi đẹp, đồng thời thể hiện khát vọng được công hiến hết mình để làm đẹp cho mùa xuân của đất nước của tác giả. |
| ***Giá trị nội dung*** | Bài thơ là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời, thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước, góp một “mùa xuân nho nhỏ” của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Bài thơ theo thể năm tiếng, có nhạc điệu trong sáng, tha thiết, gần gũi với dân ca, nhiều hình ảnh đẹp, giản dị gợi cảm, so sánh ẩn dụ và sáng tạo. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Luận điểm 1: Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân thiên nhiên**

Bài thơ mở ra một khung cảnh thiên nhiên trong trẻo và tràn đầy sức sống của mùa xuân:

"Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Ơi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời "

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Sử dụng nghệ thuật đảo ngữ: | - Đảo động từ " mọc" lên đầu câu thơ để tô đậm sức sống mạnh mẽ đến bất ngờ của một bông hoa trên dòng sông xanh.  - Gợi liên tưởng về một bông hoa đang từ từ vươn lên trên mặt nước tràn đầy sức xuân và sắc xuân. |
| Bức tranh xuân xứ Huế được chấm phá bằng hình ảnh chọn lọc và giàu sức gợi: " Dòng sông xanh", "hoa tím biếc", "chim chiền chiện". | - Đó là những hình ảnh, tín hiệu đặc trưng của mùa xuân xứ Huế.  - Gợi lên không gian mênh mông sóng nước và một bầu trời cao rộng, trong veo. |
| Sử dụng những gam màu tươi tắn "xanh, tím". | Gợi bức tranh thiên nhiên mùa xuân hài hòa, tươi sáng |
| Các từ cảm thán "ơi" , "chi" “mà” | gợi lên một chất giọng ngọt ngào, thân thương, gần gũi. |
| Hình ảnh "giọt long lanh rơi" thật giàu sức gợi : | - Đó có thể là giọt mưa mùa xuân, giọt sương buổi sớm long lanh trong ánh sáng.  - Trong mối quan hệ với câu thơ trước, tiếng hót của con chim chiền chiện vang vọng nhưng không tan biến trong không gian mà đọng lại thành từng giọt trong vắt, "long lanh". Như một thứ quà tặng của thiên nhiên xứ Huế, thi nhân đã vội vàng đưa đôi bàn tay để hứng lấy. Tiếng chim từ chỗ được cảm nhận bằng thính giác chuyển thành thị giác rồi xúc giác. Đó chính là nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác được Thanh Hải sử dụng một cách tài tình. |
| Đại từ "tôi" được điệp hai lần và đi liền với hành động " hứng " | cho thấy thái độ trân trọng của thi nhân trước vẻ đẹp của thiên nhiên. Đồng thời, gợi sự tận hưởng, chiếm lĩnh và giao hòa với mùa xuân. |
| => Chỉ với vài nét vẽ , đang xem một chút chất nhạc, Thanh Hải đã phác họa được một bức tranh có cái hồn mùa xuân xứ Huế . Nó đủ đầy cả màu sắc, hình ảnh, âm thanh. Từ đó, bộc lộ được niềm say xưa, ngây ngất của tác giả trước thiên nhiên đất trời mùa xuân. | |

**2. Luận điểm 2:** **Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân đất nước**

Từ vẻ đẹp của mùa xuân quê hương, Thanh Hải đã mở rộng để khám phá, ngợi ca vẻ đẹp của mùa xuân đất nước:

"Mùa xuân người cầm súng

Lộc giắt đầy trên lưng

Mùa xuân người ra đồng

Lộc trải dài nương mạ

Tất cả như hối hả

Tất cả như xôn xao…"

***a) Nhà thơ cảm nhận mùa xuân đất nước qua hình ảnh "người cầm súng" và "người ra đồng" : Biểu trưng cho hai nhiệm vụ chiến lược quan trọng của đất nước ta là cùng chiến đấu ở tiền tuyến và lao động xây dựng hậu phương vững chắc.***

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Hình ảnh "người cầm súng" đi liền với hình ảnh" lộc giắt đầy trên lưng" | gợi liên tưởng đến vòng lá ngụy trang của người chiến sĩ đang nảy những chồi non, lộc biếc cùng các anh ra trận để bảo vệ tổ quốc. |
| Hình ảnh "người ra đồng" đi liền với hình ảnh "lộc trải dài nương mạ" | gợi liên tưởng đến những cánh đồng màu mỡ, xanh tươi của những bàn tay khéo léo gieo trồng. |
| Điệp từ "mùa xuân", "lộc": | - Gợi quang cảnh mùa xuân tươi đẹp đang vươn những chồi non lộc non.  - Gợi thành quả trong công cuộc dựng xây và bảo vệ đất nước. |
| Điệp từ "tất cả" đi liền với những từ láy "hối hả" , "xôn xao" | làm cho nhịp thơ trở nên nhanh gấp, gợi một nhịp sống sôi động, hối hả, khẩn trương trong nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ đất nước. |

***b) Trước mùa xuân của đất nước,nhà thơ đã bày tỏ niềm tự hào và niềm tin vào tương lai tươi sáng:***

" Đất nước bốn ngàn năm

Vất vả và gian lao

Đất nước như vì sao

Cứ đi lên phía trước"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Hệ thống tính từ " vất vả" , "gian lao" | đã giúp tác giả đúc kết chặng đường 4000 năm dựng nước và giữ nước với biết bao thăng trầm, thử thách. Trong suốt chiều dài lịch sử ấy, đất nước ta đã trải qua biết bao đau thương và mất mát, xong đã khẳng định được sức mạnh, ý chí và bản lĩnh của dân tộc mình. |
| Hình ảnh so sánh " đất nước như vì sao" gợi lên những liên tưởng và ý nghĩa thật sâu sắc: | - Gợi liên tưởng đến nguồn sáng lấp lánh, tồn tại vĩnh hằng trong không gian và thời gian.  - Gợi ý nghĩa về dân tộc Việt Nam ta trong suốt chiều dài lịch sử,từ trong đêm tối nô lệ đã phá tan xiềng xích, thoát khỏi phong kiến, thực dân để tỏa sáng.  - Gợi niềm tin của tác giả vào một tương lai tươi sáng, rộng mở với khí thế đi lên mạnh mẽ không gì cản nổi. |
| Điệp từ "đất nước" cộng với cấu trúc song hành " đất nước bốn ngàn năm… đất nước như vì sao…" | diễn tả sự vận động đi lên của lịch sử và khẳng định sự trường tồn vĩnh cửu của đất nước. |
| Cụm từ "cứ đi lên" | thể hiện ý chí, lòng quyết tâm và niềm tin sắt đá của nhà thơ và cả dân tộc về tương lai tươi sáng của đất nước. |
| => Giọng thơ vừa tha thiết sôi nổi,vừa trang trọng đã gói trọn niềm yêu mến tự hào, tin tưởng của nhà thơ vào đất nước. | |

**3. Luận điểm 3: Khát vọng và lí tưởng sống cao đẹp của nhà thơ**

***a) Từ những cảm xúc vui mừng, say sưa, ngây ngất trước vẻ đẹp của thiên nhiên đất trời xứ Huế vào xuân, vào tương lai tươi sáng của đất nước, Thanh Hải đã có những lời ước nguyện thật thiết tha, cảm động:***

" Ta làm con chim hót

Ta là một cành hoa

Ta nhập vào hòa ca

Một nốt trầm xao xuyến"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Đại từ "ta" | bộc lộ một cách trực tiếp tâm niệm của thi nhân. |
| Điệp cấu trúc ngữ pháp " Ta làm... Ta nhập…" được đặt ở vị trí đầu của ba câu thơ | đã khiến cho nhịp điệu thơ trở nên nhẹ nhàng, khiến cho câu thơ như một lời thủ thỉ tâm tình về ước nguyện hóa thân, hiến dâng cho quê hương, đất nước của nhà thơ. |
| Hệ thống hình ảnh " con chim hót" , "cành hoa" , "nốt trầm xao xuyến" là những hình ảnh giản dị nhưng cũng thật hàm xúc: | - Con chim cất cao tiếng hót để làm vui cho đời; cành hoa điểm sắc để tắm cho mùa xuân, một nốt trầm trong muôn nốt nhạc của bản hòa ca muôn điệu. Đó là những hình ảnh hết sức giản dị,nhỏ bé xong đã cho thấy ước nguyện khiêm nhường mà cao quý của thi nhân.  - Những hình ảnh này có sự đối ứng chặt chẽ với những hình ảnh mở đầu của bài thơ để khẳng định một lẽ tự nhiên, tất yếu: con chim sinh ra là để dâng tiếng hót cho đời; bông hoa sinh ra là để tỏa hương sắc; bản hòa ca tưng bừng, rộn rã xong không thể thiếu nốt trầm.  -> Gợi liên tưởng đến mối quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng, giữa con người và đất nước. |
| => Cống hiến cho đời,cho đất nước là một lẽ sống tốt đẹp mà Thanh Hải luôn theo đuổi. | |

***b) Từ cái khát vọng sống cao quý, tác giả đã nâng lên thành một lý tưởng sống cao cả:***

"Một mùa xuân nho nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời

Dù là tuổi hai mươi

Dù là khi tóc bạc "

Tác giả xin được làm một "mùa xuân nho nhỏ" để góp phần làm đẹp cho mùa xuân lớn của dân tộc. Đây chính là một hình ảnh ẩn dụ đặc sắc của nhà thơ Thanh Hải.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Từ láy "nho nhỏ": | - Thể hiện ước muốn, khát vọng khiêm tốn và giản dị của nhà thơ.  - Gợi về những gì đẹp đẽ và tinh túy nhất của cuộc đời con người để góp cho mùa xuân đất nước. |
| Tính từ " lặng lẽ" | đã cho thấy vẻ đẹp của một tâm hồn, lối sống và nhân cách. Mùa xuân của Thanh Hải không hề ồn ào, khoa trương, náo nhiệt mà lặng lẽ hiến dâng. Dâng cho đời là dâng một cách tự nguyện, không đòi hỏi sự đền đáp. Đó chính là lối sống, cống hiến đẹp đẽ, vô tư, trong sáng nhất mà con người cần hướng tới. |
| Điệp cấu trúc ngữ pháp " Dù là ... Dù là…" và hình ảnh tương phản "tuổi hai mươi" và "khi tóc bạc" | khiến cho lời thơ như một lời hứa, lời tự nhủ với mình.  Đồng thời, khẳng định sự tồn tại bền vững của những khát vọng sống, lý tưởng sống là cống hiến, hy sinh. |
| => Lời tổng kết của nhà thơ về cuộc đời mình, một cuộc đời thật đẹp xứng đáng để chúng ta suy ngẫm, học tập và noi theo. | |

***c) Bài thơ khép lại trong giai điệu ngọt ngào, êm dịu của làn điệu dân ca trữ tình xứ Huế :***

" Mùa xuân ta xin hát

Câu Nam ai, Nam bình

Nước non ngàn dặm mình

Nước non ngàn dặm tình

Nhịp phách tiền đất Huế "

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| "Khúc Nam ai" | là khúc nhạc buồn thương, da diết để gợi con đường đầy hy sinh, gian khổ mà đất nước đã đi qua. |
| " Khúc Nam bình" | là khúc nhạc êm ái , dịu ngọt để gợi mùa xuân hiện tại với cuộc sống thanh bình, no ấm. |
| "Nhịp phách tiền" | là điệu nhạc rộn ràng để khép lại bài thơ, đó là giai điệu của cuộc sống mới, sức Sống mới của dân tộc. |
| => Tình yêu đời, yêu cuộc sống trỗi dậy thật mãnh liệt, trở thành khúc hát tâm tình trong những dòng thơ cuối. Khúc hát đó thật cảm động, cao quý và đáng trân trọng biết bao. | |

**\* Đánh giá:**

Với việc sử dụng thể thơ năm chữ, cách gieo vần liền giữa các khổ thơ đã tạo ra sự liền mạch của cảm xúc; ngôn ngữ và hình ảnh thơ giản dị, trong sáng, giàu sức gợi.

Tác giả đã tái hiện thành công vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, mùa xuân đất nước. Qua đó bày tỏ lẽ sống cao đẹp, là sẵn sàng dâng hiến cuộc đời mình cho đất nước.

**C. LUYỆN ĐỀ ĐỌC HIỂU :**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

Trong bài thơ Mùa xuân nho nhỏ, nhà thơ bắt đầu bằng câu:

*Mọc giữa dòng sông xanh*

**Câu 1:** Chép chính xác 5 câu để hoàn thiện đoạn thơ.

**Câu 2:** Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ, trong hoàn cảnh đó có ý nghĩa thế nào đối với việc bày tỏ cảm xúc của nhà thơ?

**Câu 3:** Nêu ý nghĩa nhan đề bài thơ, từ đó liên hệ tới mối quan hệ với tác phẩm.

**Câu 4:** Đoạn thơ vừa chép sử dụng biện pháp nghệ thuật gì? Em hãy nêu tác dụng của biện pháp ấy.

**Câu 5:** Viết đoạn văn quy nạp từ 10 -> 12 câu với chủ đề: Khổ đầu bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” đã vẽ nên một bức tranh thiên nhiên tươi đẹp và tràn đầy sức sống.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:**  HS chép để hoàn thiện khổ thơ:

*Mọc giữa dòng sông xanh*

*Một bông hoa tím biếc*

*Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời*

*Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng*

**Câu 2:**

Hoàn cảnh sáng tác: Bài thơ viết vào tháng 11/1980, không bao lâu sau trước khi nhà thơ qua đời, thể hiện được niềm yêu mến cuộc sống, yêu nước thiết tha và ước nguyện của tác giả.

Từ tình yêu cuộc sống, yêu cuộc đời, thiên nhiên được khơi nguồn, nảy nở từ sức sống, vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên, mở rộng ra với mùa xuân đất nước, cách mạng. Cảm xúc lắng đọng dần vào suy tư và ước nguyện: nhà thơ muốn nhập vào bản hòa ca vĩ đại của cuộc đời bằng một nốt trầm xao xuyến của riêng mình, góp vào mùa xuân chung lớn lao “mùa xuân nho nhỏ”. Bài thơ khép lại những cảm xúc thiết tha, tự hào về quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế.

**Câu 3:**

    - Mùa xuân nho nhỏ là một sáng tác độc đáo, một phát hiện mới mẻ của nhà thơ.

    - Hình ảnh “mùa xuân nho nhỏ” là biểu tượng cho những gì tinh túy, đẹp đẽ nhất của sự sống và cuộc đời mỗi con người.

    - Sự hòa quyện giữa cái chung và cái riêng, giữa mối quan hệ cá nhân và cộng đồng.

    - Bài thơ thể hiện nguyện ước của nhà thơ, muốn làm một mùa xuân, nghĩa là sống đẹp sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình rất khiêm nhường. Mong ước nhỏ nhoi, giản dị được cống hiến cho cuộc đời, cho đất nước. Đó là chủ đề mà bài thơ mà nhà thơ muốn gửi gắm.

**Câu 4:**

- Đảo trất tự cú pháp: đưa từ “ mọc” lên đầu câu-> nhấn mạnh sức sống của bông hoa

- Biện pháp ẩn dụ chuyển đổi cảm giác:

+ Giọt long lanh là những giọt mưa xuân, giọt mưa xuân, trong sáng, rơi xuống từng nhành cây, kẽ lá.

+ Tiếng chim từ chỗ là âm thanh (cảm nhận bằng thính giác) chuyển thành “từng giọt” (hình và khối, cảm nhận bằng thị giác), từng giọt long lanh ánh sáng và màu sắc có thể bằng xúc giác (tôi đưa tay tôi hứng).

→ Câu thơ gợi ra niềm cảm xúc say mê, ngây ngất của tác của tác giả trước cảnh trời đất xứ Huế vào mùa xuân, thể hiện mong muốn hòa nhập thiên nhiên, đất trời trong tâm tưởng giữa mùa đông lạnh giá khiến ta vô cùng khâm phục.

**Câu 5:**

- Yêu cầu hình thức: Viết đoạn văn quy nạp tức là câu chủ đề phải đưa xuống cuối đoạn văn (chú ý có từ liên kết: Quả thật, có thể nói…).  
- Yêu cầu nội dung: Đoạn thơ cần bám sát những ý sau:

+ Vài nét phác hoạ của tác giả về mùa xuân: dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, tiếng chim chiền chiện hót vang trời.  
+ Không gian cao rộng (với dòng sông, với mặt đất, bầu trời bao la), cả sắc màu tươi thắm của mùa xuân (sông xanh, hoa tím biếc – màu tím đặc trưng của xứ Huế), cả âm thanh vang vọng, tươi vui của chim chiền chiện hót vang trời.  
+ Cảm xúc say sưa, ngây ngất của nhà thơ: được diễn tả ở chi tiết rất tạo hình: “Từng giọt long lanh rơi. Tôi đưa tay tôi hứng”.  
***\* Đoạn văn tham khảo:***

(1) Bức tranh thiên nhiên mở đầu bằng không gian tháng đãng, yên ả, thơ mộng.

(2) Đó là không gian của một dòng sông xanh.

(3) Dòng sông ấy gợi nhắc đến sông Hương thơ mộng của Xứ Huế và không gian của mùa xuân không ngừng được mở rộng với tiếng hót vang trời của con chim chiền chiện.

(4) Chiền chiện vốn là loài chim báo tin xuân, hình ảnh của nó xuất hiện trong khổ thơ khiến người đọc có cảm giác không gian như được trải đầy một sắc xuân.

(5) Thanh Hải lựa chọn màu sắc trẻ trung, tươi tắn và căng tràn sức sống cho bức tranh mùa xuân của mình.

(6) Đó là màu xanh của dòng sông hoà lẫn màu xanh của bầu trời.

(7) Là một màu tím biếc đến nao lòng của xứ Huế.

(8) Nhưng bức tranh này không chỉ có hình ảnh, màu sắc mà còn có cả âm thanh.

(9) Chỉ có điều ở đây tiếng chim hót như trở nên cụ thể, hữu hình, thành hình khối long lanh náo nức để có thể đưa tay ra mà hứng, mà nâng niu.

(10) *Quả thật, Thanh Hải với lòng yêu thiên nhiên say đắm đã thể hiện mọi bức tranh thiên nhiên tươi đẹp, tràn đầy sức sống.*

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

**Cho đoạn thơ:**

*Mùa xuân người cầm súng*

*Lộc giắt đầy trên lưng*

*Mùa xuân người ra đồng*

*Lộc trải dài nương mạ*

*Tất cả như hối hả*

*Tất cả như xôn xao...*

*(Thanh Hải - Mùa xuân nho nhỏ - Ngữ văn 9, tập hai)*

**Câu 1:** Từ “lộc” trong bài được sử dụng với nghĩa gốc hay nghĩa chuyển? Hãy giải thích tại sao tác giả lại miêu tả người lính là “lộc dắt đầy trên lưng”?

**Câu 2:** Phân tích để làm rõ giá trị của các điệp ngữ trong đoạn thơ trên.

**Câu 3:** Em hãy viết đoạn văn khoảng 8-10 câu theo phương thức diễn dịch để làm rõ vẻ đẹp của mùa xuân đất nước và cảm xúc của nhà thơ trước vẻ đẹp ấy. Đoạn thơ có sử dụng phép thế và câu chứa thành phần phụ chú ngữ.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:**

Từ “lộc” là sự sáng tạo độc đáo của tác giả:

    + Lộc của “người ra đồng”: nói về những người lao động, những người ươm mầm cho sự sống, ươm màm non trên những cách đồng quê hương. Từ “lộc” cho ta liên tưởng tới những cánh đồng mênh mông với những chồi non nhú lên xanh biếc từ những hạt thóc giống mùa xuân. Từ “lộc” còn mang sức sống, sức mạnh của con người. Có thể nói chính con người tạo nên sức sống mùa xuân thiên nhiên đất nước.

    + “Mùa xuân người cầm súng. Lộc giắt đầy trên lưng”: liên tưởng đến những người chiến sĩ, những người cầm súng khi ra trận trên vai trên lưng có cành lá ngụy trang. Những cành lá ấy mang lộc biếc, chồi non, mang theo cả mùa xuân của thiên nhiên, cây cỏ. Từ “lộc” làm cho người ta thấy tràn ngập niềm tin, hy vọng đã tiếp thêm sức mạnh ý chí để họ vươn xa ra, bảo vệ đất nước.

→ Con người chính là nhân tố quyết định tạo ra, thúc đẩy sự phát triển của xã hội, đất nước. Hình ảnh “lộc” xuân tràn theo người ra đồng là đẹp ý thơ với cuộc sống lao động và chiến đấu. Xây dựng và bảo vệ, là hai nhiệm vụ không thể tách rời, họ đem mùa xuân mọi nơi trên đất nước.

**Câu 2:**

- Chỉ rõ những điệp ngữ trong đoạn: *mùa xuân, lộc, tất cả*.

- Vị trí của điệp ngữ: đầu câu thơ.

- Cách điệp: nối liền và cách nhau.

- Tác dụng: tạo nhịp điệu cho câu thơ. Các điệp ngữ tạo nên điểm nhấn cho câu thơ như nốt nhấn của bản nhạc, góp phần gợi không khí sôi nổi, khẩn trương, tấp nập của bức tranh đất nước vừa lao động, vừa chiến đấu.

**Câu 3:**

**a. Về hình thức**:

- Độ dài khoảng 12 câu .

- Bố cục đoạn văn theo cách diễn dịch.

- Không mắc lỗi về diễn đạt.

**b. Về nội dung, trình bày được những cảm nhận về đoạn thơ**:

- Suy ngẫm về mùa xuân của đất nước, dân tộc.

- Những khó khăn, gian khổ mà nhân dân ta đã vượt qua.

- Hình ảnh "người cầm súng" đi liền với hình ảnh" lộc giắt đầy trên lưng"

- Hình ảnh "người ra đồng" đi liền với hình ảnh "lộc trải dài nương mạ"

***Đoạn văn tham khảo:***

(1) ***Trước cảm hứng bất tận về mùa xuân tự nhiên đất trời, tác giả suy ngẫm về mùa xuân của đất nước, dân tộc:***

*Mùa xuân người cầm súng*

*...*

*Tất cả như xôn xao*

*(Thanh Hải - Mùa xuân nho nhỏ - Ngữ văn 9, tập hai)*

(2) Tác giả dùng hai tính từ đặc tả đúng những khó khăn, gian khổ mà nhân dân ta đã vượt qua:

*Đất nước bốn nghìn năm*

*Vất vả và gian lao*

(3) Sự *“vất vả”* và *“gian lao”* ở đây nhà thơ muốn nói tới chính là quá trình nước ta đi vượt qua khó khăn, thử thách để *“cứ đi lên phía trước”*.

(4) Hình ảnh lộc tràn ngập khắp khổ thơ cũng chính là sáng tạo nghệ thuật của Thanh Hải khi nói về những lực lượng nòng cốt, chủ đạo giúp đất nước phát triển, vững bền.

(5) Hình ảnh *“lộc”* của người cầm súng khiến ta liên tưởng tới cành lá ngụy trang cũng như tương lai, sức sống và khát vọng thanh bình về quốc gia độc lập.

(6) Hình ảnh *“lộc”* của người ra đồng là hình ảnh những chồi non, mầm sống từ những cánh đồng quê hương.

(7) Từ *“lộc”* mang sức sống, niềm hy vọng ngày mai ấm no hơn, hạnh phúc hơn.

(8) Nhà thơ tin tưởng, tự hào vào tương lai tươi sáng của đất nước dù trước mắt còn nhiều gian nan, thử thách.

- Phép thế: Tác giả- nhà thơ- Thanh Hải

- Thành phần phụ chú: (Thanh Hải - Mùa xuân nho nhỏ - Ngữ văn 9, tập hai)

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

**Cho hai câu thơ:**

*Đất nước*

*Bốn ngàn năm không nghỉ*

(Chúng con chiến đấu cho con người sống mãi Việt Nam ơi, Nam Hà)

**Câu 1:** Những câu thơ trên gợi cho em liên tưởng tới khổ thơ nào đã học trong bài "Mùa xuân nho nhỏ" của Thanh Hải( chép khổ thơ đó)?

**Câu 2:** Em hãy chỉ ra biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ em vừa chép? Biện pháp tu từ đó đã cho em cảm nhận gì về ý nghĩa khổ thơ đó?

**Câu 3:** Viết đoạn văn khoảng nêu cảm nhận của em về hình ảnh đất nước trong khổ thơ vừa chép.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:**

Những câu thơ trên cho em liên tưởng tới khổ thơ:

*Đất nước bốn nghìn năm*

*Vất vả và gian lao*

*Đất nước như vì sao*

*Cứ đi lên phía trước*

Nhà thơ tin tưởng, tự hào về tương lai đất nước, cho dù trước mắt nhiều khó khăn, gian lao. Và đất nước được hình dung bởi hình ảnh so sánh đẹp và ý nghĩa.

**Câu 2:**

- HS chỉ ra được trong khổ thơ tác giả sử dụng các biện pháp nghệ thuật nhân hóa và so sánh, điệp từ

- Tác dụng của các biện pháp nghệ thuật:

+ Phép nhân hóa: đất nước vất vả gian lao -> hình ảnh đất nước trở nên gần gũi, mang vóc dáng của người mẹ, người chị tần tảo, cần cù.

+ Phép so sánh đất nước với “ vì sao cứ đi lên phía trước”, nhà thơ đã sáng tạo hình ảnh đất nước rất khiêm nhường nhưng cũng rất tráng lệ. Là 1 vì sao nhưng ở vị trí đi lên trước dẫn đầu. Đó cũng là hình ảnh của cách mạng VN, của đất nước trong lịch sử.

+ Điệp từ : đất nước cùng các biện pháp tu từ trên góp phần làm nổi bật và gợi ấn tượng về hình ảnh đất nước với niềm yêu mến, tự hào của tác giả

**Câu 3:**

***\* Đoạn văn tham khảo:***

Hình ảnh đất nước được thể hiện ngắn gọn qua khổ thơ:

*“Đất nước bốn ngàn năm*

*....*

*Cứ đi lên phía trước”*

Chặng đường phát triển của đất nước gắn chặt với việc đấu tranh chống lại thế lực ngoại xâm, vì vậy tác giả sử dụng từ “vất vả” để nói tới quá trình sống, chiến đấu và làm việc. Tác giả sử dụng hình ảnh so sánh gợi liên tưởng đẹp đẽ về hình hài của đất nước. So sánh đất nước với vì sao là sự trân trọng, ngợi ca sức sống, sự trường tồn bền bỉ của đất nước. Nhà thơ tin tưởng vào sự trường tồn và phát triển của đất nước cho dù quá khứ, hiện tại đất nước luôn gặp khó khăn.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:**

**Cho đoạn thơ:**

*Ta làm con chim hót*

*Ta làm một cành hoa*

*Ta nhập vào hòa ca*

*Một nốt trầm xao xuyến*

*Một mùa xuân nho nhỏ*

*Lặng lẽ dâng cho đời*

*Dù là tuổi hai mươi*

*Dù là khi tóc bạc*

( Trích "Mùa xuân nho nhỏ" – Thanh Hải)

**Câu 1:** Nhan đề "Mùa xuân nho nhỏ" được cấu tạo bởi những từ loại nào? Việc kết hợp như vậy thể hiện nguyện vọng nào của tác giả?

**Câu 2:** Nốt nhạc trong bài thơ thể hiện nét gì? Điều đó góp phần gì vào việc thể hiện nguyện ước của tác giả?

**Câu 3:** Phát hiện và phân tích giá trị của biện pháp tu từ trong hai khổ thơ trên.

**Câu 4:** Hãy nêu ý nghĩa và nhận xét sự lặp lại, biến đổi của những chi tiết, hình ảnh, đại từ trong khổ thơ đầu và khổ thơ thứ tư.

**Câu 5:** Hãy viết đoạn văn khoảng 8-10 câu theo cách lập luận tổng - phân - hợp làm rõ tâm niệm của nhà thơ. Đoạn văn có sử dụng thành phần phụ chú.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:**

*"Mùa xuân nho nhỏ"* có cấu tạo danh từ (mùa xuân) kết hợp với tính từ (nho nhỏ) tạo ra sự hòa kết độc đáo mang ẩn dụ sáng tạo, giàu ý nghĩa góp phần thể hiện nội dung tư tưởng của tác phẩm, cùng ước nguyện chân thành của nhà thơ Thanh Hải dành cho cuộc đời.

    + Mùa xuân: mang nghĩa thực, chỉ mùa khởi đầu của năm, đây là mùa của sự sinh sôi, phát triển.

    + Mùa xuân còn mang ý nghĩa ẩn dụ khi chỉ những thứ đẹp, tinh túy nhất của sự sống và cuộc đời mỗi người, mùa xuân còn tượng trưng cho tuổi trẻ, trí tuệ và sức trẻ nhiệt huyết.

    + Từ láy nho nhỏ thể hiện sự giản dị, khiêm nhường.

→ Đặt nhan đề tác phẩm là "Mùa xuân nho nhỏ", tác giả muốn thể hiện sự khiêm nhường, chân thành trong nguyện ước giản dị và tha thiết được cống hiến sức của mình vào những điều tốt đẹp của đất nước. Nhan đề cũng thể hiện sự hòa quyện cái chung và cái riêng, giữa cá nhân với cộng đồng.

**Câu 2:**

*“Một nốt trầm”* chính là sự khiêm nhường, lặng lẽ của tác giả giữa bản đàn muôn điệu của cuộc sống. Nốt trầm để nâng đỡ các nốt nhạc khác thăng hoa hơn, ở đây tác giả rất tinh tế khi kết hợp nốt trầm lắng với tính từ *“xao xuyến”*. Như vậy, chính nốt trầm tạo dấu ấn, gây được những xao động đẹp đẽ trong lòng người đọc. Nguyện ước chân thành, nhỏ bé của nhà thơ được hóa thân thành những điều đẹp đẽ như nốt trầm xao xuyến kia, luôn có mặt, hiện hữu trong bản đàn muôn bậc của sự sống.

**Câu 3:**

Các biện pháp tu từ được sử dụng trong đoạn thơ:

*Ta làm con chim hót*

*....*

*Dù là khi tóc bạc*

    - Biện pháp điệp ngữ: *“ta làm”* diễn tả khát vọng muốn được làm những việc hữu ích dâng hiến cho cuộc đời được bày tỏ qua những hình ảnh tự nhiên, giản dị: chim, nhành hoa, nốt trầm.

       + Điệp từ *“ta”* như một lời khẳng định, đó không chỉ là ước nguyện của nhà thơ mà còn là ước nguyện chung của rất nhiều người.

       + Biện pháp đảo ngữ trong câu thơ *“lặng lẽ dâng cho đời”*: nhấn mạnh vào trạng thái thầm lặng khi cống hiến, khát vọng được hóa thân một cách lặng lẽ, khiêm nhường.

       + Điệp ngữ *“dù là”* nhấn mạnh vào sự tha thiết cũng như sức cống hiến không ngừng nghỉ, có thể nói đây là sự tận hiến của người khát khao sống có ích cho đời dù là khi trẻ hay già.

       + Mùa xuân nho nhỏ: biện pháp ẩn dụ đầy sáng tạo thể hiện thiết tha và cảm động ước mong được cống hiến, sống đẹp và có ích với cuộc đời chung.

**Câu 4:**

Hình ảnh con chim và hình ảnh bông hoa được lặp lại trong hai khổ thơ: khổ đầu và khổ thơ thứ tư.

       + Ở khổ thơ đầu, hình ảnh được miêu tả cụ thể gợi cảm mang ý nghĩa diễn tả sự tươi đẹp của cuộc sống.

       + Sự lặp lại chi tiết bông hoa và con chim hót làm cho hai chi tiết này trở thành biểu tượng của mùa xuân và từ đó xuất hiện hình ảnh “mùa xuân nho nhỏ” ở khổ thơ thứ năm rất tự nhiên.

    - Ở đầu đoạn thơ xưng hô đại từ “tôi” nhưng đến khổ thứ tư chuyển thành đại từ “Ta” diễn tả điều tâm niệm của tác giả là khát vọng chung của nhiều người, nhiều lứa tuổi.

       + Tiếng lòng của nhà thơ gặp và giao hòa với tiếng lòng của nhiều người vì vậy tác giả sử dụng tiếng nói chung “ta”.

**Câu 5:**

***\* Đoạn văn tham khảo:***

*(1) "Mùa xuân nho nhỏ" là bài ca đẹp đẽ và sâu lắng về ước nguyện cống hiến chân thành của nhà thơ muốn được sống đẹp, sống có ích với cuộc đời chung.*

(2) Khao khát đó cháy bỏng, tự nhiên và thuần phác khi nhà thơ lựa chọn những hình ảnh của tự nhiên giản dị để diễn tả:

*Ta làm con chim hót*

*Ta làm một nhành hoa*

*Ta nhập vào hòa ca*

*Một nốt trầm xao xuyến*

(3) Tác giả nguyện làm con chim, làm một cành hoa dâng hương thơm, tiếng hót làm đẹp cho đời.

(4) Đặc biệt ước nguyện muốn hóa thành thành “một nốt trầm” hòa nhịp, nâng đỡ bản đàn muôn điệu của cuộc đời.

(5) Nếu như phần mở đầu, tác giả phác họa hình ảnh mùa xuân của tự nhiên bằng hình ảnh bông hoa và tiếng hót thì tới đoạn thơ này, hình ảnh đó được lặp lại như một sự đối ứng chặt chẽ, sự thống nhất trong tâm tưởng.

(6) Điệp từ “ta” một lần nữa khẳng định và nói thay ước nguyện mong muốn được cống hiến của rất nhiều người trong thời kì đất nước bước vào đổi mới.

(7) Nhưng trên hết, ước nguyện muốn được hóa thân của tác giả cháy bỏng và thật đẹp khi tác giả sử dụng từ “lặng lẽ” đây là cách nói khiêm tốn, chân thành mà giản dị lối sống cao đẹp.

*(8) Khổ thơ cho thấy khát vọng được cống hiến âm thầm, lặng lẽ của tác giả- người từng trải qua hai cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc, đã cống hiến và sống có ích cho tới cuối đời - Thanh Hải!*

- Thành phần phụ chú: *- người từng trải qua hai cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc, đã cống hiến và sống có ích cho tới cuối đời -*

**ĐỀ ĐỌC HIỂU SỐ 5:**

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi :

*Đất nước bốn ngàn năm*

*Vất vả và gian lao*

*Đất nước như vì sao*

*Cứ đi lên phía trước.*

*Ta làm con chim hót*

*Ta làm một cành hoa*

*Ta nhập vào hoà ca*

*Một nốt trầm xao xuyến.*

( Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải )

**Câu 1:** Em hiểu như thế nào về nhan đề “ Mùa xuân nho nhỏ”

**Câu 2:** Xác định một biện pháp tu từ mà em thích nhất trong đoạn thơ trên và cho biết tác dụng của biện pháp tu từ đó?

**Câu 3:** Đoạn thơ gợi cho em suy nghĩ gì về ý nghĩa cuộc sống của mỗi con người?

**Câu 4:** Có bạn cho rằng, bài thơ là một lời giáo huấn đạo lí khô khan?Em có đồng tình với ý kiến đó không?Vì sao?

**Câu 5:** Viết một văn bản ngắn ( khoảng 1 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về một trong các bài học mà em rút ra được từ đoạn thơ trên?

***Hướng dẫn làm bài:***

**Câu 1:** Đây là một sáng tạo mới mẻ, độc đáo.

- Nhà thơ nguyện làm một mùa xuân nghĩa là sống đẹp với tất cả sức sống tươi trẻ nhưng rất khiêm nhường góp vào mùa xuân lớn của đất nước

**Câu 2:**  HS chọn , xác định đúng một phép tu từ : so sánh, điệp ngữ... Nêu tác dụng

Điệp cấu trúc ngữ pháp " Ta làm... Ta nhập…" được đặt ở vị trí đầu của ba câu thơ

đã khiến cho nhịp điệu thơ trở nên nhẹ nhàng, khiến cho câu thơ như một lời thủ thỉ tâm tình về ước nguyện hóa thân, hiến dâng cho quê hương, đất nước của nhà thơ.

**Câu 3:** Từ đoạn thơ HS nêu suy nghĩ:

- Cuộc sống mỗi con người nằm trong cuộc sống chung

- Muốn cuộc sống tốt đẹp, có ý nghĩa, mỗi người phải biết sống có ích, biết cống hiến...

**Câu 4:** HS tự bộc lộ suy nghĩ đúng đắn, hợp lí, phù hợp với nội dung **Câu 5:**

\* **Yêu cầu về kĩ năng:**

- Đúng phương pháp kiểu bài nghị luận xã hội.

- Có bố cục và hệ thống ý tương đối rõ ràng .

- Biết vận dụng và phối hợp các thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh…).

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục . Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày rõ ràng.

- Dựng đoạn có sự liên kết khá tốt.

- Bài làm viết một đoạn văn

**\* Yêu cầu về kiến thức:**

- Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận: HS chọn một trong các vấn đề: tình yêu quê hương đất nước, khiêm nhường, lối sống đẹp.... Giải thích ngắn

- Học sinh nêu được những biểu hiện

- Lý giải tại sao? Giá trị, vai trò- kèm dẫn chứng.

- Mở rộng vấn đề

- Nêu phương hướng hành động của bản thân.

**BÀI 9 : NÓI VỚI CON**

***Y Phương***

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Y Phương tên khai sinh là **Hứa Vĩnh Sước**, dân tộc Tày, sinh năm 1948, quê ở huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.  - Cảm hứng chủ đạo trong thơ Y Phương là gia đình, quê hương, đất nước.  - Phong cách sáng tác: Ngôn ngữ thơ giản dị, hồn nhiên, in đậm lối tư duy của người vùng cao; hình ảnh phong phú, mang giá trị biểu tượng… |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Bài thơ được sang tác năm 1980, năm năm sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Đó là giai đoạn mà đời sống vật chất lẫn tinh thần của nhân dân cả nước nói chung và đồng bào miền núi nói riêng còn rất nhiều khó khăn, vất vả. |
| ***Xuất xứ*** | - Bài thơ được in trong tập “Thơ Việt Nam” (1945 1975). |
| ***Thể loại*** | Thơ tự do |
| ***Mạch cảm xúc và bố cục*** | \* **Mạch cảm xúc**:  - Mượn lời nói với con, Y Phương gợi về cội nguồn sinh dưỡng mỗi con người, bộc lộ niềm tự hào về sức sống bền bỉ của quê hương mình.  - Bài thơ đi từ tình cảm gia đình mà mở rộng ra là tình cảm quê hương, từ những kỷ niệm gần gũi, thiết tha mà nâng lên thành lẽ sống. Cảm xúc, chủ đề của bài thơ được bộ lộ, dẫn dắt một cách tự nhiên, có tầm khái quát nhưng vẫn thấm thía.  \* **Bố cục**: 2 phần:  - Đoạn 1: (Từ “Chân phải… trên đời”): người cha nói với con về cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng con  - Đoạn 2: (phần còn lại): Người cha nói về truyền thống quê hương và dặn dò con trên đường đời. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | Nhan đề bài thơ là "Nói với con" nhưng cũng như chính lời nói của nhà thơ nhắc nhở thế hệ con cháu phải biết rõ cội nguốn từ đó giữ gìn truyền thống của quê hương sống xứng đáng là những con người nhỏ mà không bé (nhỏ dáng hình nhưng không nhỏ tâm chí ) Nhan đề bài thơ khái quát được ý nghĩa của toàn bài thơ, tức là bài thơ đi từ tình cảm gia đình rồi mở ra tình cảm quê hương, từ những kỉ niệm gần gũi, thiết tha để nâng lên lẽ sống. Cảm xúc chủ đề của bài thơ được bộc lộ, dẫn dắt một cách tự nhiên, có tầm khái quát nhưng vẫn thắm thiết. |
| ***Chủ đề*** | Lời người cha nói với con về lòng yêu thương con cái, ước mong thế hệ mai sau tiếp nối xứng đáng, phát huy truyền thống của tổ tiên, quê hương là tình cảm cao đẹp của con người Việt Nam suốt bao đời nay. |
| ***Giá trị nội dung*** | Bài thơ thể hiện tình cảm gia đình ấm cúng, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương và dân tộc mình. Bài thơ giúp ta hiểu thêm về sức sống và vẻ đẹp tâm hồn của một dân tộc miền núi, gợi nhắc tình cảm gắn bó với truyền thống, với quê hương và ý chí vươn lên trong cuộc sống. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Giọng điệu trìu mến tha thiết, thể hiện qua lời tâm sự của cha với con, của thế hệ đi trước với thế hệ mai sau.  Thể thơ tự do làm cho cảm xúc cụ thể, rõ ràng.  Nhịp điệu lúc nhẹ nhàng bay bổng, khi khúc chiết rành rột, lúc mạnh mẽ âm vang -> lời khuyên của cha thấm sâu vào con.  Ngôn ngữ cụ thể mà giàu khái quát, bao hàm nhiều ý nghĩa, hình ảnh thơ độc đáo. |

**1. Những cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng con**

***a) Trong những lời tâm tình , tác giả nói với con cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng con trước hết là gia đình:***

" Chân phải bước tới cha

Chân trái bước tới mẹ

Một bước chạm tiếng nói

Hai bước tới tiếng cười"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Sử dụng hệ thống từ ngữ giàu giá trị tạo hình: "chân phải", "chân trái", "một bước", "hai bước" | gợi cho chúng ta liên tưởng đến những bước chân chập chững đầu tiên của một em bé trong sự vui mừng của cha mẹ. |
| Thủ pháp liệt kê thứ nhất qua hình ảnh "tiếng nói" ,"tiếng cười"kết hợp với biện pháp AD chuyển đổi cảm giác | - Tải hiện được hình ảnh của một em bé đang ở lứa tuổi bi bô tập nói.  - Gợi đến khung cảnh của một gia đình đầm ấm, hòa thuận luôn tràn đầy niềm vui, hạnh phúc, tràn đầy tiếng nói, tiếng cười. |
| Thủ pháp liệt kê thứ hai qua hình ảnh " tới cha","tới mẹ": kết hợp với biện pháp hoán dụ | - Tái hiện hình ảnh em bé đang chập chững tập đi, lúc thì sà vào lòng mẹ, khi lại níu lấy tay cha.  - Gợi lên ánh mắt như đang dõi theo và vòng tay dang rộng đón đợi của cha mẹ. |
| Nhịp thơ 2/3 với cấu trúc đối xứng,kết cấu sóng đoi nhẹ nhàng | đã tạo nên một âm điệu, không khí tươi vui và gợi đến một mái ấm gia đình đề huề, hạnh phúc. |
| Lời thơ giản dị như một lời tâm tình thủ thỉ | Y Phương đã nói với con, gia đình chính là cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng con. Vì thế, trên hành trình vạn dặm của cuộc đời, con không được phép quên. Hãy trân trọng niềm hạnh phúc giản dị, ngọt ngào và cũng rất đỗi thiêng liêng đó. |

,

***b) Cùng với gia đình, thì quê hương chính là mạch nguồn không thể thiếu nuôi dưỡng con khôn lớn và trưởng thành:***

" Người đồng mình yêu lắm con ơi

Đan lờ cài nan hoa

Vách nhà ken câu hát

Rừng cho hoa

Con đường cho những tấm lòng"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| - Người đồng mình yêu lắm con ơi- câu cảm thán  - Quê hương được giới thiệu qua lối nói hình ảnh của người vùng cao - "người đồng mình". | - chan chứa niềm xúc động tự hào  -Là người vùng mình, người miền mình. Đây có thể hiểu là những người cùng sống trên một miền đất, cùng quê hương, cùng một dân tộc.  -Cách giới thiệu hình ảnh ấy lại đi liền với hô ngữ "con ơi" khiến lời của cha với con thật trìu mến, thân thương. |
| - Hệ thống hình ảnh giàu sức gợi: |  |
| "Đan lờ cài nan hoa" : | tả thực công cụ lao động còn thô sơ được "người đồng mình" trang trí trở nên đẹp đẽ; gợi đôi bàn tay cần cù, khéo léo, tải hoa và giàu sáng tạo của "người đồng mình", đã khiến cho những nan nứa, nan tre đơn sơ, thô mộc trở thành "nan hoa". |
| "Vách nhà ken câu hát": | tả thực lối sinh hoạt văn hóa cộng đồng, gia đình của " người đồng mình", khiến cho những vách nhà như được ken dầy trong những câu hát si, hát lượn; gợi một thế giới tâm hồn tinh tế và tràn đầy lạc quan của người miền cao. |
| Các động từ “đan” "cài", "ken" | vừa miêu tả được động tác khéo léo trong lao động vừa gợi sự gắn bó của những "người đồng mình"trong cuộc sống lao động. |
| - Thủ pháp nhân hóa: |  |
| "Rừng cho hoa" | tả thực vẻ đẹp của những rừng hoa mà thiên nhiên, quê hương ban tặng; gợi sự giàu có và hào phóng của thiên nhiên, quê hương. |
| "Con đường cho những tấm lòng" | gợi liên tưởng đến những con đường trở về nhà, về bản; gợi đến tấm lòng, tình cảm của "người đồng mình" với gia đình, quê hương, xứ sở. |
| - Điệp từ "cho" | cho thấy tấm lòng rộng mở mở, hào phóng, sẵn sàng ban tặng tất cả những gì đẹp nhất, tuyệt vời nhất của quê hương, thiên nhiên. |
| => Nếu như gia đình là cội nguồn sinh thành và dưỡng dục con, thì quê hương bằng văn hóa, lao động đã nuôi dưỡng và che chở cho con thêm khôn lớn, trưởng thành. Quê hương nuôi dưỡng con về tâm hồn và lẽ sống. | |

***c) Cuối cùng, tác giả tâm sự với con về kỉ niệm êm đềm, hạnh phúc nhất của cha mẹ. Bởi đó cũng là cội nguồn để sinh thành nên con:***

" Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới

Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| "Nhớ về ngày cưới" | là nhớ về kỷ niệm cho sự khởi đầu của một gia đình. Nó là minh chứng cho tình yêu và con chính là kết tinh của tình yêu ấy. |
| "Ngày đầu tiên đẹp nhất" | đó có thể là ngày cưới của cha mẹ, nhưng cũng có thể là ngày đầu tiên con chào đời. |
| => Đoạn thơ là lời dặn dò, nhắn nhủ tâm tình của người cha về cội nguồn sinh thành và nuôi dưỡng con: gia đình, quê hương chính là những nền tảng cơ bản để tiếp bước cho con khôn lớn, trưởng thành. Bởi vậy,con phải luôn sống bằng tất cả tình yêu và niềm tự hào. | |

**2. Những phẩm chất cao quý của người đồng mình và lời khuyên của cha**

**a) Cuộc sống của người đồng mình**

"Người đồng mình thương lắm con ơi!

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Sử dụng lối nói hình ảnh của người vùng cao: "người đồng mình" | để gợi lên sự gần gũi, thân thương trong một gia đình. |
| Động từ "thương" đi liền với từ chỉ mức độ "lắm" | - cuộc sống còn vất vả gian lao  - để bày tỏ sự đồng cảm sẻ chia, thấu hiểu với những nỗi vất vả, khó khăn của con người quê hương.  - vẻ đẹp của người đồng mình nhẫn lại âm thầm tỏa sáng trong hoàn cảnh khó khăn  - trân trọng giữ gìn và mong muốn phát huy  => Đây là cảm xúc chủ đạo của đoạn thơ. |
| => Cuộc sống của người đồng mình đầy vất vả gian lao: Sống trên đá gập ghềnh, trong thung nghèo đói, lên thác xuống ghềnh. Thiên nhiên khắc nghiệt cuộc sống cằn khô chứa đượng nhiều khó khăn thử thách. | |

**b.Những phẩm chất cao quý của người đồng mình**

-Nói về cuộc sống của người đồng mình đầy vất vả gian lao người cha đã khéo léo "đan" ,"cài" những phẩm chất tốt đẹp của người đồng mình:

Cao đo nỗi buồn

Xa nuôi chí lớn"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
|  |  |
|  |  |
| Hệ thống từ ngữ giàu sức gợi qua hai tính từ "cao", "xa": | - Gợi liên tưởng đến những dãy núi cao, trùng điệp là nơi cư trú của đồng bào vùng cao.  - Những tính từ này được sắp xếp theo trình tự tăng tiến, gợi những khó khăn như chồng chất khó khăn để thử thách ý chí con người.  - Hệ thống hình ảnh mang tư duy của người miền núi, khi tác giả lấy cao của trời, của núi để đo nỗi buồn, lấy xa của đất để cho ý chí của con người. |
| => Câu thơ đượm chút ngậm ngùi, xót xa để diễn tả thực tại đời sống còn nhiều những khó khăn, thiếu thốn của đồng bào vùng cao. Đồng thời, cũng đầy tự hào trước ý chí, nghị lực vươn lên của họ. | |

- Từ phẩm chất của người đồng mình, Y Phương tiếp tục nói với con về ý chí và vẻ đẹp truyền thống của người vùng cao:

" Người đồng mình thô sơ da thịt

Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con

Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương

Còn quê hương thì làm phong tục"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Nghệ thuật tương phản: | - Hình ảnh "thô sơ da thịt" đã tả thực vóc dáng, hình hài nhỏ bé của "người đồng mình".  - Cụm từ "chẳng mấy ai nhỏ bé" gợi ý chí, nghị lực phi thường, vượt lên hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn của "người đồng mình".  Nghệ thuật tương phản đã làm tôn lên "tầm vóc" ,"vóc dáng" của "người đồng mình": họ có thể còn "thô sơ da thịt" nhưng họ không hề yếu đuối. |
| Hình ảnh "tự đục đá kê cao quê hương" vừa mang ý nghĩa tả thực , vừa mang ý nghĩa ẩn dụ sâu sắc: | - Tả thực quá trình dựng nhà, dựng bản của người vùng cao, được kê trên những tảng đá lớn để tránh mối mọt.  - Ẩn dụ cho tinh thần tự lực cánh sinh, họ đã dựng xây và nâng tầm quê hương. |
| => Trong quá trình dựng làng, dựng bản , dựng xây quê hương ấy, chính họ đã làm nên phong tục, bản sắc riêng cho cộng đồng. Câu thơ tràn đầy niềm tự hào về những phẩm chất cao quý của người đồng mình. Từ đó, Y Phương nhắn nhủ, răn dạy con phải biết kế thừa, phát huy những vẻ đẹp của con người quê hương. | |

**b) Lời khuyên của người cha**

- Hãy biết sống theo những truyền thống tốt đẹp của người đồng mình:

"Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn

Sống trên đá không chê đá gập ghềnh

Sống trong thung không chê thung nghèo đói

Sống như sông như suối

Lên thác xuống ghềnh

Không lo cực nhọc"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Điệp từ "sống" được lặp đi lặp lại liên tiếp | đã tô đậm được mong ước mãnh liệt của cha dành cho con. |
| Hình ảnh ẩn dụ và phép liệt kê"đá gập ghềnh" và "thung nghèo đói": | - Gợi không gian sống hiểm trở, khó làm ăn, canh tác.  - Gợi đến cuộc sống nhiều vất vả, gian khó và đói nghèo.  Từ đó, người cha mong muốn ở con: hãy biết yêu thương, gắn bó, trân trọng quê hương mình. |
| Hình ảnh so sánh:"Sống như sông như suối" | + Gợi về cuộc sống bình dị, hồn nhiên, gắn bó với thiên nhiên.  + Gợi lối sống trong sáng , phóng khoáng, dào dạt tình cảm như sông, những suối.  - Từ đó, người cha mong muốn ở con: một tâm hồn trong sáng, phóng khoáng như thiên nhiên. |
| Thủ pháp đối: "lên thác" >< "xuống ghềnh" | gợi một cuộc sống vất vả, lam lũ, nhọc nhằn, không hề bằng phẳng, dễ dàng. Từ đó , người cha mong muốn ở con: phải biết đối mặt, không ngại ngần trước những khó khăn và phải biết vươn lên, làm chủ hoàn cảnh. |
| => Đoạn thơ là lời khuyên của cha, khuyên con hãy tiếp nối cái tình cảm ân nghĩa, thủy chung với mảnh đất nơi mình sinh ra. Hãy tiếp nối cả ý chí can đảm, lòng kiên cường của người đồng mình. | |

- Khép lại bài thơ, là lời dặn dò vừa ân cần, trìu mến vừa nghiêm khắc của người cha:

" Con ơi tuy thô sơ da thịt

Lên đường tình

Không bao giờ được nhỏ bé

Nghe con"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Hai tiếng "lên đường" | cho thấy người con đã khôn lớn, trưởng thành, có thể tự tin, vững bước trên đường đời. |
| Hình ảnh thơ được lặp lại "thô sơ da thịt" | như là lời khẳng định để khắc sâu trong tâm trí con, rằng : con cũng là người đồng mình, cũng mang hình hài, vóc dáng nhỏ bé. |
| Nhưng con "không bao giờ được nhỏ bé" | mà phải kiên cường, bản lĩnh để đương đầu với những gập ghềnh, gian khó của cuộc đời. |
| Hai tiếng "nghe con" | nghe thật thiết tha, ân cần, xúc động, ẩn chứa biết bao mong muốn của người cha. |
| => Với giọng điệu thiết tha, tâm tình, trìu mến,người cha đã gửi gắm cho con những bài học quý giá, để trên suốt hành trình dài rộng của cuộc đời con mãi mãi khắc ghi. | |

**\* Đánh giá:**

- Thể thơ tự do, phóng khoáng, phù hợp với lối nói, diễn đạt và tư duy của người vùng cao.

- Giọng điệu thơ khi tâm tình, tha thiết, khi mạnh mẽ, nghiêm khắc, rất phù hợp với lời của người cha nói với con mình.

- Bài thơ "Nói với con" thể hiện tình cảm sâu nặng của người cha dành cho con. Đồng thời, bộc lộ tình yêu quê hương, xứ sở và lòng tự hào về người đồng mình.

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

**Cho hai câu thơ**

*Chân phải bước tới cha*

*Chân trái bước tới mẹ*

**Câu 1:** Hãy chép chính xác 9 câu thơ tiếp theo và cho biết đoạn thơ em vừa chép nằm trong bài thơ nào? Tác giả là ai?

**Câu 2:**  Nêu hoàn cảnh ra đời của bài thơ?

**Câu 3:** Em hiểu *“người đồng mình”* là gì? Cách gọi *“người đồng mình”* của tác giả có gì sâu sắc?

**Câu 4:**  Em hiểu như thế nào về hai câu thơ:

*Đan lờ cài nan hoa*

*Vách nhà ken câu hát*

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:**

*Chân phải bước tới cha*

*Chân trái bước tới mẹ*

*Một bước chạm tiếng nói*

*Hai bước tới tiếng cười*

*Người đồng mình thương lắm con ơi*

*Đan lờ cài nan hoa*

*Vách nhà ken câu hát*

*Rừng cho hoa*

*Con đường cho những tấm lòng*

*Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới*

*Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời*

Bài thơ "Nói với con" của Y Phương.

**Câu 2:**

Hoàn cảnh ra đời của bài thơ: Bài thơ sáng tác năm 1980 khi đất nước gặp nhiều khó khăn do vừa thoát khỏi chiến tranh. Bài thơ như lời tâm sự với đứa con gái về những giá trị về tình người và văn hóa.

**Câu 3:**

*“Người đồng mình”* là cách gọi thân thương, chân thành và giản dị của tác giả về người cùng quê, cùng bản với mình.

**Câu 4:**

Hai câu thơ gợi lên khung cảnh lao động của người dân miền núi.

- "Đan lờ cài nan hoa": tả thực công cụ lao động còn thô sơ được "người đồng mình" trang trí trở nên đẹp đẽ; gợi đôi bàn tay cần cù, khéo léo, tải hoa và giàu sáng tạo của "người đồng mình", đã khiến cho những nan nứa, nan tre đơn sơ, thô mộc trở thành "nan hoa".

- "Vách nhà ken câu hát": tả thực lối sinh hoạt văn hóa cộng đồng, gia đình của " người đồng mình", khiến cho những vách nhà như được ken dầy trong những câu hát si, hát lượn; gợi một thế giới tâm hồn tinh tế và tràn đầy lạc quan của người miền cao.

Hai câu thơ thi vị bởi trong lao động, người ta vẫn lạc quan, vui vẻ tận hưởng cuộc sống, và sống hạnh phúc bởi bàn tay lao động.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

Đọc đoạn thơ sau và trả lời các câu hỏi:

*.... "Người đồng mình thương lắm con ơi*

*Cao đo nỗi buồn*

*Xa nuôi chí lớn.*

*Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn*

*Sống trên đá không chê đá gập ghềnh*

*Sống trong thung không chê thung nghèo đói*

*Sống như sông như suối*

*Lên thác xuống ghềnh*

*Không lo cực nhọc*

*Người đồng mình thô sơ da thịt*

*Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con"...*

(Theo Ngữ văn 9, tập hai, trang 72, NXB Giáo dục, 2007)

**Câu 1:** Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm nào? Cho biết tên tác giả.

**Câu 2:** Giải nghĩa cụm từ “Người đồng mình”.

**Câu 3:** Qua hai câu thơ của đoạn trích:

“Sống trên đá không chê đá gập ghềnh

Sống trong thung không chê thung nghèo đói”.

Em hãy cho biết “Người đồng mình” sống ở vùng nào và đặc điểm của hoàn cảnh sống ở đó ra sao?

**Câu 4:** Tìm và nêu ý nghĩa của biện pháp tu từ so sánh có trong đoạn thơ trên.

**Câu 5:** Qua lời tâm tình của đoạn thơ, người cha mong ước ở con cách sống như thế nào?

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm Nói với con của tác giả Y Phương.

**Câu 2:**

- “Người đồng mình” là người vùng mình, người miền mình, có thể hiểu cụ thể là những người cùng sống trên một miền đất, cùng một quê hương, cùng một dân tộc.

**Câu 3:**

- Người đồng mình sống trên đá, trong thung và cuộc sống hiện tại còn nhiều đói nghèo, khó khăn, cực nhọc. Chỉ với những hình ảnh mộc mạc cùng lối so sánh tự nhiên, người cha trong lời dặn dò con biết quý trọng những gì mình đang có, biết gắn bó và yêu thương quê hương còn nhiều khó khăn, đói nghèo.

**Câu 4:**

Phép so sánh “Sống như sông như suối” gợi vẻ đẹp tâm hồn và ý chí của người đồng mình. Gian khó là thế, họ vẫn tràn đầy sinh lực, tâm hồn lãng mạn, khoáng đạt như hình ảnh đại ngàn của sông núi. Tình cảm của họ trong trẻo, dạt dào như dòng suối, con sống trước niềm tin yêu cuộc sống, tin yêu con người.

**Câu 5:**

Bằng những hình ảnh thơ đẹp, giản dị bằng cách nói cụ thể, độc đáo mà gần gũi của người miền núi, người cha muốn nói với con rằng:

- Tiếp nối những truyền thống tốt đẹp của quê hương.

- Cha khuyên con tiếp nối tình cảm ân nghĩa, thủy chung với mảnh đất nơi mình sinh ra của người đồng mình và cả lòng can đảm, ý chí kiên cường của họ.

- Dù gặp trở ngại con phải biết đương đầu với khó khăn, vượt qua thách thức, không được sống yếu hèn, hẹp hòi, ích kỉ. Phải sống sao cho xứng đáng với cha mẹ, với người đồng mình.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

***Con ơi****tuy thô sơ da thịt*

*Lên đường*

*Không bao giờ nhỏ bé được*

*Nghe con.*

(Theo Ngữ văn 9, tập hai, trang 72, NXB Giáo dục, 2007)

**Câu 1:** Những dòng thơ trên có ở trong bài thơ nào? Tác giả là ai?

**Câu 2:** Cụm từ in đậm ở dòng thơ đầu tiên là thành phần gì trong câu?

**Câu 3:** Chỉ ra những từ ngữ mang ý nghĩa hàm ý trong đoạn thơ trên. Điều lớn lao nhất mà người cha muốn truyền cho con qua những lời thơ ấy là gì?

**Câu 4:** Viết đoạn văn khoảng 10 câu theo mô hình tổng – phân – hợp, trong đoạn văn có sử dụng phép liên kết câu để thể hiện mong muốn của người cha với con: Hãy vững bước tự tin trên đường đời.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** Đoạn thơ trên được trích từ tác phẩm Nói với con của tác giả Y Phương.

**Câu 2:** Cụm từ in đậm ở dòng thơ đầu tiên là thành phần ***gọi đáp.***

**Câu 3:** . Điều lớn lao nhất mà người cha muốn truyền cho con qua những lời thơ ấy là gì?

- Những từ ngữ mang ý nghĩa hàm ý trong đoạn thơ trên: *thô sơ da thịt, nhỏ bé*

**+ Thô sơ da thịt:** hình hài, vóc dáng nhỏ bé, mộc mạc.

**+ Không nhỏ bé:** không được tầm thường, mà phải có ý chí.

**Câu 4:** Viết đoạn văn theo mô hình tổng – phân – hợp, trong đoạn văn có sử dụng phép thế và câu cảm thán để thể hiện mong muốn của người cha với con thể hiện qua 4 câu thơ cuối: Hãy vững bước tự tin trên đường đời.

***\* Đoạn văn tham khảo:***

*(1) Kết thúc bài thơ về cha mong muốn con mình phải tự hào về truyền thống tốt đẹp của quê hương, lấy đó làm hành trang để vững bước vào đời.*

(2) Lời nhắn nhủ và mong ước của người cha được thể hiện qua những câu thơ ngắn gọn và dứt khoát:

*Con ơi tuy thô sơ da thịt*

*Lên đường*

*Không bao giờ nhỏ bé được*

*Nghe con.*

(3) Lời cuối nói với con càng trở nên tha thiết.

(4) “Lên đường” là hình ảnh ẩn dụ để chỉ con đường đời, con đường đi tới tương lai, khi đó con phải thật mạnh mẽ, vững vàng, không được phép yếu mềm, buông xuôi trước cuộc đời.

(5) Hình ảnh thơ được lặp lại "thô sơ da thịt" như là lời khẳng định để khắc sâu trong tâm trí con, rằng : con cũng là người đồng mình, cũng mang hình hài, vóc dáng nhỏ bé.

(6) Người cha muốn con phải biết lắng nghe, biết giữ lấy cốt cách giản dị, mộc mạc của người lao động.

(7) Nhưng con "không bao giờ được nhỏ bé" mà phải kiên cường, bản lĩnh để đương đầu với những gập ghềnh, gian khó của cuộc đời.

(8) Hai tiếng "nghe con" nghe thật thiết tha, ân cần, xúc động, ẩn chứa biết bao mong muốn của người cha.

(9) Đó là cả một tấm lòng người cha bao la, đó cũng là niềm tin người cha dành cho con.

*(10) Với giọng điệu thiết tha, tâm tình, trìu mến,người cha đã gửi gắm cho con những bài học quý giá, để trên suốt hành trình dài rộng của cuộc đời con mãi mãi khắc ghi.*

**- Phép liên kết:** (7) ***Nhưng*** con "không bao giờ được nhỏ bé" mà phải kiên cường, bản lĩnh để đương đầu với những gập ghềnh, gian khó của cuộc đời.

*( Nhưng: phép nối)*

**SANG THU**

***Hữu Thỉnh***

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Hữu Thỉnh tên đầy đủ là Nguyễn Hữu Thỉnh, sinh năm 1942, quê ở huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.  - Năm 1963, Hữu Thỉnh nhập ngũ, vào binh chủng Tăng Thiết Giáp rồi trở thành cán bộ văn hoá tuyên huấn trong quân đội và bắt đầu sáng tác thơ.  - Ông đã tham gia Ban chấp hành Hội nhà văn Việt Nam các khoá III, IV, V. Từ năm 2004, Hữu Thỉnh là Tổng thư ký Hội nhà văn Việt Nam.  - Ông là một trong những gương mặt tiêu biểu thuộc lớp nhà thơ chiến sĩ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.  + Trong giai đoạn chống Mĩ cứu nước, bao trùm tron gtoanf bộ sáng tác của Hữu Thỉnh là camrm hứng về quê hương, đất nước, nhân dân.  + Sau chiến tranh, ngòi bút của ôn ghướng về những cảm xúc đời thường hay những thân phận cá nhân.  - ***Phong cách sáng tác***: cảm xúc tinh tế, lãng mạn ; hình ảnh giản dị mà giàu sức gợi cảm. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | Gần cuối năm 1977, in lần đầu trên báo Văn nghệ. Sau đó được in nhiều lần trong các tập thơ. |
| ***Xuất xứ*** | Trong tập thơ “Từ chiến hào đến thành phố”, xuất bản năm 1991. |
| ***Thể loại*** | Thơ 5 chữ |
| ***Mạch cảm xúc và bố cục*** | \* **Mạch cảm xúc**: “***Sang thu***” là 1 bức thông điệp lúc giao mùa. Mùa hạ dần qua, mùa thu tới, khoảnh khắc ấy được diễn tả bằng sự rung cảm tinh tế, sự trải nghiệm sâu sắc của nhà thơ. Mạch cảm xúc xuyên suốt với 2 nội dung nổi bật: cảm nhận về thiên nhiên lúc sang thu và suy ngẫm về đời người khi chớm thu.  \* **Bố cục**: 3 phần:  - Khổ 1: Cảm nhận về thiên nhiên lúc giao mùa, tín hiệu báo thu về.  - Khổ 2: Quang cảnh đất trời ngả dần sang thu  - Khổ 3: Những biến chuyển âm thầm của tạo vật và suy ngẫm về đời người lúc chớm thu. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | - “Sang thu” trước hết gợi lên khoảnh khắc giao mùa của htieen nhiên, khi đất trời chuyển từ hạ sang thu.  - Gợi khoảnh khắc chuyển giao giữa tuổi trẻ sang độ tuổi trưởng thành, vững vàng, từng trải. |
| ***Chủ đề*** | Bài thơ thể hiện những cảm xúc, những rung động tâm hồn trước cảnh vật thiên nhiên trong những ngày cuối hạ đầu thu |
| ***Giá trị nội dung*** | Là sự cảm nhận tinh tế về vẻ đẹp thiên nhiên của bước chuyển mùa từ hạ sang thu. Đồng thời nói lên sự xúc động của lòng người trong khoảnh khắc giao mùa. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Là thơ giàu hình ảnh, giàu sức biểu cảm, cảm xúc tinh tế, sâu lắng, kết hợp tấm lòng chân thành của nhà thơ tạo nên sức cuốn hút cho tác phẩm. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Những tín hiệu giao mùa**

- "Sang thu" là một khoảnh khắc rất đặc biệt của thiên nhiên. Đó là lúc hạ vẫn chưa kịp đi mà hương thu đã lặng lẽ đến rồi.

- Trước sự thay đổi ấy, hẳn phải là một hồn tinh tế và giàu cảm xúc lắm thì nhà thơ mới cảm nhận được:

" Bỗng nhận ra hương ổi

Phả vào trong gió se

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về"

- Hữu Thỉnh đã lựa chọn một hình ảnh quen thuộc, gần gũi để làm nên một tứ thơ mới mẻ khi ông sử dụng một làn "hương ổi" để làm tín hiệu giao mùa:

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| "Hương ổi" đi liền với từ "bỗng" được đặt ở đầu câu thơ | đã diễn tả cảm giác bất ngờ, đột ngột, ngỡ ngàng của nhân vật trữ tình. |
| "Hương ổi" đi liền với động từ "phả" | diễn tả một làn hương ngào ngạt, sánh đậm. Đồng thời gợi cho ta liên tưởng đến không gian thân thuộc của những làng quê. Đó có thể là một làng quê vùng đồng bằng Bắc Bộ với những khu vườn, những lối ngõ sum suê cây trái.  Làn " hương ổi" trở thành phong vị riêng trong thơ thu Hữu Thỉnh. |
| "Gió se" | là ngọn gió heo may đặc trưng của mùa thu đất Bắc. Đó là một thứ gió khô và thoáng chút se lạnh.  Làn "gió se" ấy đã làm dịu đi cái nắng oi ả, gay gắt của mùa hạ và khiến cho làn "hương ổi" như sánh lại và trở nên ngọt ngào hơn. |
| Nghệ thuật nhân hóa qua từ láy "chùng chình" | đã gợi lên dáng vẻ lãng đãng như đợi chờ, cố ý chậm lại đầy lưu luyến của màn sương. |
| Cụm từ "qua ngõ" | gợi liên tưởng đến những đường làng, ngõ xóm hay cũng là cửa ngõ của thời gian thông giữa hai mùa (cuối hạ, đầu thu). |
| "Hình như" | là một lối nói giả định, phán đoán không chắc chắn, với một chút nghi hoặc. Nhưng lại rất phù hợp để diễn tả về cảm nhận mơ hồ lúc giao mùa. |
| Sự kết hợp một loạt các từ "bỗng" , "phả" , "hình như" | đã thể hiện tâm trạng ngỡ ngàng, vui mừng, hạnh phúc của tác giả trong phút giao mùa của vạn vật. |
| => Đó là những cảm nhận tinh tế của tác giả lúc thu sang, và đối diện với những khoảnh khắc ấy là niềm vui, niềm hạnh phúc vô bờ. | |

**2. Quang cảnh thiên nhiên phút giao mùa**

***a) Quang cảnh thiên nhiên được tái hiện chân thực và sống động qua việc lựa chọn những hình ảnh đặc trưng:***

" Sông được lúc dềnh dàng

Chim bắt đầu vội vã"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Hai câu thơ đầu có cấu trúc đối tự nhiên, chặt chẽ | đã diễn tả vẻ đẹp thiên nhiên và lòng người phút giao mùa. |
| Hình ảnh "dòng sông" được nhân hóa qua từ láy "dềnh dàng" : | Tả thực một dòng sông tĩnh lặng, trong trẻo với dòng chảy êm đềm. Con sông được nhân hóa như đang được nghỉ ngơi sau một mùa hạ vất vả với bão giông. |
| Từ "được lúc" | gợi ta liên tưởng đến hình ảnh những con người đã đi qua thời chiến, trải qua lửa đạn giờ đang được sống chậm lại, đến lúc phải nghỉ ngơi. |
| Hình ảnh những chú "chim" được nhân hóa qua từ láy "vội vã" : | - Tả thực những cánh chim di cư bay về phương Nam để tránh rét.  - Những cánh chim được nhân hóa như bắt đầu nhanh hơn, gấp gáp hơn khi nhận ra những đợt gió heo may se lạnh đang ùa về. |
| từ " bắt đầu" | gợi liên tưởng đến những người lính bước ra từ trong chiến tranh. Họ cứ ngỡ đã đến lúc phải nghỉ ngơi để suy ngẫm, song lại chính là lúc họ " bắt đầu" phải vội vã, tất bật trong những lo toan của cuộc sống mới. |
| Nghệ thuật đối được tác giả sử dụng một cách nhịp nhàng, tài tình qua hình ảnh " dềnh dàng" >< "vội vã". | - Làm nổi bật hai động thái trái ngược của thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa.  - Làm nổi rõ hai tâm trạng trái ngược nhau của con người khi bước từ chiến tranh sang hòa bình. |

***b) Quang cảnh thiên nhiên tiếp tục tái hiện qua những sáng tạo vô cùng độc đáo, ấn tượng:***

" Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Nghệ thuật nhân hóa qua cụm từ có ý nghĩa tượng hình “ vắt nửa mình” | - Gợi lên không gian của một bầu trời cao rộng, trong trẻo lúc thu về.  Khiến cho đám mây như có hình, có hồn và trở nên gần gũi, sinh động.  - Gợi liên tưởng đến bước đi của thời gian, đám mây như một cây cầu đặc biệt để nối liền những ngày cuối hạ và đầu thu. |
| Hình ảnh "đám mây" còn mang ý nghĩa thế sự : | gợi sự giao thời của đời sống khi đất nước đang chuyển giao từ chiến tranh sang hòa bình. |
| Khoảnh khắc giao mùa được tái hiện rất tinh tế, sống động bằng những câu thơ giàu giá trị tạo hình. Và ẩn sâu khoảnh khắc đó còn là hình ảnh của đời sống lúc sang thu với biết bao biến chuyển. | |

**3. Những suy ngẫm về đời người lúc chớm thu**

***a) Những biến chuyển của thiên nhiên:***

" Vẫn còn bao nhiêu nắng

Đã vơi dần cơn mưa"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Nghệ thuật đối,đảo qua hình ảnh "vẫn còn" >< "vơi dần" ; "nắng" >< "mưa" | đã tái hiện sự vận động trái chiều của hai hiện tượng thiên nhiên. |
| Hình ảnh "nắng" và "mưa" | là những hiện tượng của thiên nhiên, vận hành theo quy luật và có thể dự báo.  Tác giả đã mượn những hiện tượng thiên nhiên quen thuộc, dễ nắm bắt để cụ thể hóa khoảnh khắc giao mùa. |
| Những từ ngữ chỉ mức độ, ước lượng: "vẫn còn" , "bao nhiêu" , "vơi" , "bớt" | được sắp xếp theo trình tự giảm dần, cho thấy dấu hiệu của mùa hạ đang nhạt dần và những dấu hiệu của mùa thu ngày một đậm nét hơn.  Tác giả đã làm hiện hình bước chân của mùa thu giữa đất trời. |

***b) Đối diện với mùa thu của đất trời, trong lòng nhà thơ dào dạt bao suy ngẫm về đời người lúc chớm thu qua những hình ảnh giàu sức gợi :***

" Sấm cũng bớt bất ngờ

Trên hàng cây đứng tuổi"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Hình ảnh của "sấm": | - Là một hiện tượng, dấu hiệu cho những cơn mưa rào mùa hạ.  - Ẩn dụ cho những biến động, bất thường, thử thách trong cuộc đời của mỗi một con người. |
| Hình ảnh "sấm" đi liền với lối miêu tả "bớt bất ngờ" và "hàng cây đứng tuổi" : | - Tả thực về một hiện tượng, đó là sang thu, tiếng sấm như nhỏ dần,không còn đủ sức làm lay động những hàng cây đã qua bao mùa thay lá.  - Là một ẩn dụ về những con người từng trải, giờ đến tuổi xế chiều thì trở nên vững vàng hơn, ung dung hơn trước những đổi thay , biến động của cuộc đời. |
| => Khổ thơ đã bộc lộ trọn vẹn những khoảnh khắc thiên nhiên và đời người sang thu, với những cảm nhận tinh tế và suy ngẫm sâu sắc của nhà thơ. | |

**\* Đánh giá:**

- Bài thơ "Sang thu" là sự cảm nhận tinh tế của tác giả về vẻ đẹp thiên nhiên với những bước chuyển mình từ hạ sang thu. Đồng thời, qua tác phẩm còn nói lên niềm xúc động, những suy ngẫm và triết lý trong khoảnh khắc giao mùa của nhà thơ.

- Ngôn ngữ, hình ảnh giản dị, tự nhiên nhưng giàu sắc gợi, độc đáo và mới lạ.

- Giọng thơ nhẹ nhàng , sâu lắng.

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1a:**

Câu 3: Có học sinh chép khổ thơ

Bỗng nhận ra hương ổi

Tỏa vào trong gió se

Sương bồng bềnh qua ngõ

Hình như thu đã về

1. Chỉ ra từ học sinh chép sai và sửa lại
2. Giải thích rõ những từ chép sai đó ảnh hưởng như thế nào đến bài thơ?

Gợi ý:

1. Chỉ ra từ chép sai và sửa lại:

*Tỏa -> phả*

*Bồng bềnh -> chùng chình*

1. Giải thích từ chép sai ảnh hưởng đến ý thơ

- Từ *tỏa*

+ Nếu dùng từ tỏa, câu thơ mới chỉ gợi hương thơm từ một điểm lan truyền ra xung quanh.

+ Nếu dùng từ *Phả* gợi mùi hương ổi đang ở vào độ nồng nàn nhất. Nó đậm đà như sánh lại, luồn vào trong gió, ướp hương thơm cho gió gây sự bất ngờ cho cảm nhận.

* Rõ ràng từ *tỏa* và từ *phả* đều là những từ đồng nghĩa nhưng sắc thái biểu cảm của từ Phả mạnh hơn. Bởi vậy nếu dùng từ tỏa sẽ làm mất đi cái hay của ý thơ.

- từ bồng bềnh

+ Nếu dùng từ bồng bềnh, tác giả mới chỉ diễn tả được dáng chuyển động lên xuống nhẹ nhàng của làn sương theo gió. Theo đó câu thơ chỉ thuần túy miêu tả cảnh sắc thiên nhiên, ít sắc thái biểu cảm, và không ẩn chứa hồn người lúc sang thu.

+ Với từ chùng chình, màn sương mùa thu như được tác giả thổi hồn vào khiến nó như một thực thể mang cảm xúc con người cũng bịn rịn, lưu luyến, vấn vương mùa cũ mà chưa muốn đặt chân sang mùa mới. Nó mang trong mình bước chuyển của thời gian, của không gian rất chậm và khẽ.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

**Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi**

*Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se*

*Sương chùng chình qua ngõ*

*Hình như thu đã về*

## Câu 1: Đoạn thơ trích trong văn bản nào? Tác giả?

**Câu 2:** Nêu hoàn cảnh sáng tác bài thơ?

**Câu 3:** Bài thơ "Sang thu" của Hữu Thỉnh là bức thông điệp lúc giao mùa, em hãy trình bày mạch cảm xúc của bài thơ?

**Câu 4:** Nêu ý nghĩa nhan đề tác phẩm.

**Câu 5:** Xác định thành phần tình thái trong khổ thơ trên, nêu tác dụng.

**Câu 6:** Em hãy chỉ ra các biện pháp tu từ có trong khổ thơ trên của bài "Sang thu"?Nêu tác dụng?

**Câu 7:** Có thể thay thế từ “phả” bằng từ “tỏa” được không? Vì sao?

**Câu 8:** Hãy viết đoạn văn theo phương thức tổng hợp - phân tích - tổng hợp để làm rõ hình ảnh thiên nhiên lúc giao mùa và cảm xúc của con người.

### Hướng dẫn trả lời

## Câu 1: Sang thu (Hữu Thỉnh)

**Câu 2:** Hoàn cảnh sáng tác: Gần cuối năm 1977, in đầu tiên trên báo văn nghệ, sau đó được in nhiều lần trong các tập thơ. Trong tập thơ “Từ chiến hào đến thành phố” xuất bản 1991.

**Câu 3:**

Mạch cảm xúc của bài thơ: Sang thu là bức thông điệp lúc giao mùa, mùa hạ dần qua, mùa thu tới, khoảnh khắc ấy được diễn tả bằng sự rung cảm tinh tế, những trải nghiệm sâu sắc của nhà thơ. Mạch cảm xúc xuyên suốt với nội dung độc đáo nổi bật: cảm nhận về thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa và suy ngẫm về đời người khi sang thu.

**Câu 4:**

Ý nghĩa nhan đề tác phẩm: "Sang thu" như một lời thông báo về bước chuyển mình lúc giao mùa. Nhan đề bài thơ cho người đọc thấy được cảm nhận tinh tế của Hữu Thỉnh về sự chuyển mình trong khoảnh khắc sang thu. Thông qua nhan đề ta cũng cảm nhận được góc nhìn và những rung cảm đẹp đẽ của Hữu Thỉnh trước cuộc sống và tự nhiên.

**Câu 5:**

Thành phần tình thái thể hiện trong câu “Hình như thu đã về”. Cảm xúc “hình như” gợi cảm giác mơ hồ mong manh, chưa thật rõ nét. Gợi cảm xúc bâng khuâng, xao xuyến đến lạ của tác giả trước bước chuyển mùa còn có phần chầm chậm tiếc nuối.

**Câu 6:**

Biện pháp tu từ được sử dụng trong khổ thơ đầu bài "Sang thu":

    - Biện pháp đảo ngữ:

       + Sử dụng động từ “bỗng” diễn tả sự bất ngờ, như một từ để thu hút tất cả các giác quan phải chú ý tới những dấu hiệu thu sang.

    - Thủ pháp nhân hóa: “sương chùng chình qua ngõ” khiến cho hình ảnh những màn sương giống như cô gái mong manh, tinh khôi vẫn còn ngập ngừng trong từng bước đi của mình → Hình ảnh đẹp về nàng thu mơ mộng, thanh tao.

**Câu 7:**

Không thể thay từ “phả” bằng từ “tỏa” bởi vì:

    + Từ “phả” nghĩa là bốc mạnh hoặc tỏa ra thành luồng - theo từ điển của Hoàng Phê) là động từ có sắc thái mạnh hơn động từ “tỏa” mới diễn tả được mùi vị của hương ổi chín đậm trong gió, mạnh mẽ choáng lấy tâm trí của con người, mùi hương đó quyện thành luồng, hương thơm như sánh lại.

    + “Tỏa” sẽ gợi ra sự lan tỏa về mùi hương trong không gian, hương ổi sẽ không thể kích thích và gây được ấn tượng mạnh với người cảm nhận.

    + Tác giả muốn gây ấn tượng mạnh với người đọc về sự tập trung khi cảm nhận hương vị đặc trưng của mùa thu.

**Câu 8:**

***\* Đoạn văn tham khảo:***

*(1) Khổ thơ đầu bài sang thu giản dị gây ấn tượng mạnh mẽ với người đọc bởi những cảm nhận tinh tế của Hưu Thỉnh trước sự chuyển giao mùa.*

(2) Nhà thơ nhận ra tín hiệu thu sang trong ngọn gió thu mang theo luồng hương ổi chín ngào ngạt khiến tác giả phải thốt lên: “Bỗng nhận ra hương ổi”.

(3) Như một sự phát hiện tạo ra thú vị và bất ngờ cho tác giả, đó cũng là cách tác giả muốn thu hút sự tập trung của mọi giác quan để cảm nhận hết vẻ đẹp mùa thu.

(4) Hình ảnh “sương chùng chình qua ngõ” bắt lấy được cái hồn của thời gian, thời gian tưởng như vô hình bây giờ hiện hữu thành hình ảnh làn sương thu mỏng manh, chảy trôi chầm chậm như còn lưu luyến, quấn quýt những con ngõ nhỏ.

(5) Chính điều đó khiến tác giả cũng mơ hồ “hình như” gợi cảm xúc tác giả về bước chuyển mùa đầy bâng khuâng, xao xuyến.

*(6) Khổ thơ đầu thật đẹp gợi lên được những rung động tinh tế của tác giả trước khoảnh khắc giao mùa.*

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi:

Sông được lúc dềnh dàng

Chim bắt đầu vội vã

Có đám mây mùa hạ

Vắt nửa mình sang thu

**Câu 1:** Đoạn thơ trên được trích từ văn bản nào ? Của ai ? Sáng tác vào năm nào?

**Câu 2:** Chỉ rõ và phân tích tác dụng của các biện pháp tu từ từ vựng được sử dụng trong đoạn thơ trên ?

**Câu 3:** Hai từ “dềnh dàng” và cụm từ “bắt đầu, vội vã” trong đoạn thơ vừa chép có ý nghĩa gì trong việc thể hiện dụng ý nghệ thuật của nhà thơ?

**Câu 4:**

Bằng một đoạn văn diễn dịch (6 -8 câu) trình bày cảm nhận của em về vẻ đẹp của những hình ảnh được tác giả miêu tả trong khổ thơ trên. Trong đoạn văn em viết có sử dụng một phép liên kết và câu hỏi tu từ.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** Đoạn thơ trên được trích từ bài thơ Sang thu, tác giả Hữu Thỉnh, sáng tác vào năm 1977.

**Câu 2:**

- Trong đoạn thơ trên tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật tu từ nhân hóa.

- Phân tích:

+ "Sông dềnh dàng": từ *dềnh dàng* đã nhân hóa sông, dòng sông không chảy cuồn cuộn, gấp gáp như trong những ngày mưa lũ mùa hạ nữa mà trở nên chậm chạp, thong thả.

+ "chim vội vã": Từ *vội vã* đã nhân hóa những cánh chim, những cánh chim đang chuẩn bị về phương Nam để tránh rét.

+ "đám mây ...vắt nửa mình" Hình ảnh *đám mây* giống như người thiếu nữ vắt chiếc khăn mềm mại nối hai nhịp bờ thời gian giữa hạ và thu.

- Tác dụng: Cách miêu tả đã đem lại hiệu quả diễn đạt rất sinh động, khiến sự vật trở nên sống động, có hồn.

**Câu 3:**

Từ “dềnh dàng” và “cụm từ “bắt đầu vội vã” gợi ra hai trạng thái đối lập của sự vật, hiện tượng.

    + Sông dềnh dàng: gợi hình ảnh dòng sông chầm chậm, lững lờ trôi, giống bước đi của thời gian và của khoảnh khắc giao mùa thanh tao, nhẹ nhàng.

    + “Bắt đầu vội vã” là hình ảnh những đàn chim bắt đầu tìm cho mình cuộc sống ám áp, dễ chịu hơn, tránh đi sự se lạnh của mùa mới đang tới gần.

**Câu 4:**

- Viết đúng đoạn văn diễn dịch, đảm bảo từ 6 đến 8 câu. Hành văn rõ ràng, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả.

- Đoạn văn có thể gồm các ý:

+ Dòng sông và con chim trở nên có hồn, có tâm trạng như con người. Chim vội vã bay đi tìm nơi tránh rét cho mùa đông cũng như con người hối hả hơn khi bước sang mùa thu của cuộc đời.

+ Dòng sông êm trôi nhẹ nhàng, gợi khung cảnh thơ mộng cũng như lòng người thấy man mác, bâng khuâng khi mùa thu tới.

+ Hình ảnh "đám mây mùa hạ"được cảm nhận tinh tế, kết hợp với trí tưởng tượng bay bổng của nhà thơ. Hình ảnh đám mây còn sót lại trên bầu trời thu trong xanh, mỏng, kéo dài, nhẹ trôi hững hờ như còn vương vấn, lưu luyến không nỡ rời xa, cảnh có hồn.

+ Đó là những hình ảnh gợi rõ cảm giác giao mùa, hạ đã qua mà thu chưa đến hẳn.

- Đoạn văn viết có sử dụng thành phần biệt lập tình thái hoặc cảm thán, chỉ rõ.

***\* Đoạn văn tham khảo:***

*(1) Nếu khổ thơ đầu bài "Sang thu" thể hiện tín hiệu thu sang, thì tới khổ thơ thứ hai hình ảnh, sự vật, không gian được mở rộng và có chiều sâu hơn thông qua cảm nhận và quan sát tinh tế của Hữu Thỉnh.*

(2) Hình ảnh dòng sông “dềnh dàng” tiếp nối chuỗi hình ảnh mơ hồ sương khói ở khổ một nhưng lại mang cảm giác thư thái, thảnh thơi của con sông sau những ngày bận rộn chảy trôi trong mùa mưa lũ.

(3) Sự dềnh dàng phải chăng cũng chính là con người trước khoảnh khắc giao mùa muốn lắng mình lại, để suy tư về cuộc đời và để lại dấu ấn đẹp cho cuộc sống?

(4) Đối lập với hình ảnh đó là hình ảnh “chim bắt đầu vội vã”.

Những cánh chim, tiếng hót líu lo vui nhộn của mùa hè giờ đây dường như bận rộn hơn, để tìm nơi ấm áp tránh cái lạnh của mùa mới.

(5) Nhưng kết tinh đẹp nhất là hai câu thơ: “Có đám mây mùa hạ/ Vắt nửa mình sang thu”.

(6) Sức gợi của câu thơ là vô hạn khi gợi lên trong lòng người đọc về hình ảnh chiếc cầu giao mùa mỏng manh như đẹp và nên thơ.

(7) Ranh giới vô hình trong khoảnh khắc giao mùa tác giả bắt trọn vẹn khoảnh khắc đó để rồi cô kết trong câu thơ mềm mại, uyển chuyển như chính hình ảnh mà tác giả vẽ lên trong bài.

- Phép liên kết: phép nối( Nhưng)

- Câu hỏi tu từ: (3) Sự dềnh dàng phải chăng cũng chính là con người trước khoảnh khắc giao mùa muốn lắng mình lại, để suy tư về cuộc đời và để lại dấu ấn đẹp cho cuộc sống?

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

**Câu 1:** Chép thuộc lòng khổ cuối bài thơ “ Sang thu”?

**Câu 2:** Có ý người cho rằng hình ảnh “sấm” và “hàng cây đứng tuổi” là hình ảnh ẩn dụ. Em có đồng ý với ý kiến đó không, tại sao?

**Câu 3:** Dựa vào kiến thức đã học từ bài "Sang thu" em hãy viết đoạn văn khoảng 12 câu phân tích ý kiến: *“Hình ảnh hàng cây đứng tuổi ở cuối bài thơ là chìa khóa quan trọng dẫn lối người đọc tới hồn người sang thu.”* Trong đoạn có sử dụng thành phần biệt lập phụ chú.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** Chép thuộc lòng khổ cuối bài thơ “ Sang thu”:

**Câu 2:**

    + Sấm và hình ảnh hàng cây đứng tuổi ở đây chính là hình ảnh ẩn dụ, chứa đựng suy nghĩ và triết lý về con người và cuộc đời.

    + Sấm tượng trưng cho những điều giông bão, những thử thách khó khăn trong cuộc sống.

    + Hàng cây đứng tuổi ẩn dụ cho những con người từng trải, những trải nghiệm đã tôi luyện thành những con người cứng cáp.

Cả hai câu thơ: *“Sấm cũng bớt bất ngờ/ Trên hàng cây đứng tuổi”* để nói về lắng đọng rất suất để nhận ra xao động mơ hồ huyền ảo của thiên nhiên và những sự xôn xao, bâng khuâng sâu lắng con người. Hai câu thơ cuối nói về hình ảnh con người trải qua biến cố thử thách sẽ có kinh nghiệm, trở nên hiểu mình, hiểu người và hiểu đời hơn.

**Câu 3:**

***\* Đoạn văn tham khảo:***

(1) Khổ thơ cuối bài "Sang thu" là khổ thơ kết tinh những chiêm nghiệm, suy ngẫm của Hữu Thỉnh về con người và cuộc đời trước khoảnh khắc sang thu.

(2) Chẳng thế mà, có người nhận định *“Hình ảnh hàng cây đứng tuổi đứng tuổi ở cuối bài thơ là chìa khóa quan trọng dẫn lối người đọc tới hồn người sang thu”*.

(3) Đất trời sang thu, vạn vật thay đổi, còn lòng người thì bâng khuâng, xao xuyến trước khoảnh khắc của bước chuyển mùa.

(4) Đất Ttrời vào thu được cảm nhận bằng trải nghiệm: cảnh không còn là ngoại cảnh mà lắng đọng vào tâm tư con người.

(5) Đất trời vẫn còn bao nhiêu nắng nhưng không còn gay gắt, chói chang như mùa hạ.

(6) Mưa đã thưa dần, không còn xối xả, bất chợt như những cơn mưa đầu mùa.

(7) Sấm cũng đã bớt bất ngờ.

(8) Thiên nhiên dần đi vào thế ổn định hay cũng chính là sự ổn định của một đời người khi tuổi đã sang thu.

(9) Với thủ pháp nhân hóa và ẩn dụ, hai câu cuối mang ý nghĩa hàm ẩn sâu sắc.

(10) Chiêm nghiệm của đời người, quy luật của tự nhiên (xuân- hạ- thu- đông) cũng ứng với quy luật của đời người (sinh- lão- bệnh- tử)

(11) Đất trời sang thu thật tuyệt nhưng đời người vào thu thì đồng nghĩa với bước vào trạng thái xế chiều của cuộc đời.

(12) Có điều gì nhưn bang khuâng tiếc nuối, nhưng cũng có chút tự hào vì con người lúc này đã từng trải, kiên định, vững vàng hơn tuổi trẻ; sẵn sàng đón nhận và bình tĩnh trước những sóng gió cuộc đời, như nhà thơ Tố Hữu từng viết:

*Thác bao nhiêu thác cũng qua*

*Thênh thênh là chiếc thuyền ta trên đời*

(Tố Hữu, *Nước non ngàn dặm*)

- **Thành phần phụ chú:** (xuân- hạ- thu- đông), (sinh- lão- bệnh- tử), (Tố Hữu, *Nước non ngàn dặm*)

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:**

***Đọc đoạn thơ sau và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:***

*"Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se*

*Sương chùng chình qua ngõ*

*Hình như thu đã về"*

(Sang thu, *Hữu Thỉnh*)

**Câu 1**. Đoạn thơ trên chủ yếu được viết theo phương thức biểu đạt nào? Tìm nội dung chính của đoạn thơ?

**Câu 2.** Hãy chỉ ra điểm giống và khác nhau về ý nghĩa của từ chùng chình trong:

"Sương chùng chình qua ngõ"

(Sang thu, Hữu Thỉnh)

và

"Không khéo thằng con trai anh lại trễ mất chuyến đò trong ngày, Nhĩ nghĩ một cách buồn bã, con người ta trên đường đời thật khó tránh được những cái điều vòng vèo hoặc chùng chình…"

(Bến quê, Nguyễn Minh Châu)

**Câu 3**. Nêu cảm nhận sâu sắc của em về nội dung đoạn thơ trên bằng một đoạn văn từ 5-7 câu.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1**.

- Đoạn thơ trên chủ yếu được viết theo phương thức biểu đạt biểu cảm.

-Nội dung chính của đoạn thơ:

+ Dấu hiệu thu sang qua làn hương ổi , gió se, sương chùng chình…

+Tâm trạng ngỡ ngàng của con người khi nhận ra dấu hiệu sang thu.

**Câu 2:**

**-**Thành phần biệt lập: Tình thái "*Hình như"*

*-*Tác dụng: Diễn tả tâm trang ngỡ ngàng, chưa tin chưa dám chắc dù đã nhận ra dấu hiệu thu sang ở một chốn làng quê.

**Câu 3:**

- Điểm giống: chỉ một sự dịch chuyển rất chậm.

- Điểm khác:

+Từ *chùng chình* trong câu *"Sương chùng chình qua ngõ"* là nghệ thuật nhân hóa chỉ làn sương thu nhẹ, mỏng manh, giăng mắc, nửa muốn đi, nửa muốn níu dừng lại nơi ngõ xóm.

+ Từ *chùng chình* trong câu *"…con người ta trên đường đời thật khó tránh được những cái điều vòng vèo hoặc chùng chình…"* là nghệ thuật ẩn dụ chỉ sự lặp lại những điều đáng tiếc như của người bố ở người con: Đó là lãng quên gia đình quê hương. Lỗi sai này bố đã hối hận và đến con cũng không có sự tiến triển đổi thay.Con cũng giống như bố.

**Câu 4 :**

\* Yêu cầu về hình thức: Viết đoạn văn(5-7 câu)

\* Yêu cầu về nội dung: đảm bảo các ý sau:

- Những dấu hiệu sang thu ở một chốn làng quê qua những hình ảnh rất đỗi mộc mạc, gần gũi quen thuộc:

+ Hương thu…

+Gió thu…

+Sương thu…

- Tâm trạng của con người ngỡ ngàng, bất ngờ, bối rối chưa dám tin vào những điều đã nhìn thấy, cảm thấy.

=> Đó chính là giây phút giao mùa sang thu đang diễn ra ở một chốn làng quê.

**BÀI 1 : LÀNG**

***Kim Lân***

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Kim Lân tên khai sinh là **Nguyễn Văn Tài**, (1920-2007), quê ở huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.  - Ông là nhà văn chuyên viết truyện ngắn và đã có sáng tác đăng báo trước Cách mạng tháng Tám 1945. Vốn gắn bó và am hiểu sâu sắc cuộc sống ở nông thôn, Kim Lân hầu như chỉ viết về sinh hoạt làng quê và cảnh ngộ của người nông dân.  - ***Phong cách nghệ thuật :*** Kim Lân có một lối viết tự nhiên, chậm rãi, nhẹ nhàng, hóm hỉnh và giàu cảm xúc ; cách miêu tả rất gần gũi, chân thực. Đặc biệt ông có biệt tài phân tích tâm lí nhân vật. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | “Làng” được viết vào giai đoạn đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Trong thời kì này thì người dân nghe theo chính sách của chính phủ: kêu gọi nhân dân ta tản cư, những người dân ở vùng địch tạm chiếm đi lên vùng chiến khu để chúng ta cùng kháng chiến lâu dài. – Kim Lân kể lại: “Hồi ấy gia đình tôi cũng đi sơ tán. Trên khu ở mới, có tin đồn làng tôi là làng Việt gian. Mọi người đều nhìn những người dân làng với con mắt chế giễu, khinh thường. Tôi yêu ngôi làng của tôi và không tin làng tôi lại có thể đi theo giặc Pháp. Tôi viết truyện ngắn “Làng” như thể để khẳng định niềm tin của mình và minh oan cho làng tôi” |
| ***Xuất xứ*** | Đăng lần đầu trên tạp chí Văn nghệ năm 1948. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | ***-*** Xuyên suốt tác phẩm, nhà văn kể về làng chợ Dầu nhưng không lấy tên tác phẩm là «  Làng chợ Dầu ». Nếu lấy tên tác phẩm là «  Làng chợ Dầu » thì câu chuyện sẽ trở thành chuyện riêng của một cái làng cụ thể ; ông Hai sẽ trở thành người nông dân cụ thể của làng chợ Dầu ấy. Như vậy, chủ đề tư tưởng của truyện bị bó hẹp, không mang ý nghĩa khái quát.  - Tác giả đã sử dụng một danh từ chung là «  Làng » mang ý nghĩa khái quát để đặt tên cho tác phẩm. Đó sẽ là câu chuyện về những làng quê nước ta trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp ; ông Hai sẽ trở thành nhân vật biểu tượng cho người nông dân Việt Nam yêu làng, yêu nước. Như vậy, chủ đề tư tưởng, ý nghĩa của truyện được mở rộng. |
| ***Thể loại*** | Truyện ngắn |
| ***Bố cục***  3 đoạn | - Đoạn 1: Từ đầu…đến… “ruột gan ông lão cứ múa cả lên, vui quá!”: Ông Hai trước khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc.  - Đoạn 2: Tiếp…đến…”cũng vợi được đi đôi phần”: Tâm trạng của ông Hai khi nghe tin làng mình theo giặc.  - Đoạn 3: Còn lại: Tâm trạng của ông Hai khi tin làng mình theo giặc được cải chính. |
| ***Tóm tắt*** | Câu chuyện kể về ông Hai Thu, người làng Chợ Dầu. Khi cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ, theo lời kêu gọi của cụ Hồ Chí Minh, toàn dân tham gia kháng chiến, kể cả hình thức tản cư. Do hoàn cảnh neo đơn, ông Hai đã cùng vợ con lên tản cư ở Bắc Ninh dù rất muốn ở lại làng chiến đấu. Ở nơi tản cư, tối nào ông cũng sang nhà bác Thứ bên cạnh để khoe về làng mình rằng làng ông có nhà cửa san sát, đường thôn ngõ xóm sạch sẽ. Ông khoe cái phòng thông tin, cái chòi phát thanh và phong trào kháng chiến của làng, khi kể về làng ông say mê, háo hức lạ thường. *Ở đây, ngày nào ông cũng ra phòng thông tin để nghe tin tức kháng chiến, ông vui mừng trước những chiến thắng của quân dân ta. Nhưng rồi một hôm, ở quán nước nọ, ông nghe được câu chuyện của một bà dưới xuôi lên tản cư nói rằng làng Dỗu của ông theo giặc. Ông vô cùng đau khổ, xấu hổ, cúi gầm mặt đi thẳng về nhà, suốt ngày chẳng dám đi đâu, chẳng dám nói chuyện với ai, chỉ nơm nớp lo mụ chủ nhà đuổi đi. Buồn khổ quá, ông tâm sự với đứa con út cho khuây khoả. Ông chớm có ý định về làng để xác minh sự thật nhưng lại tự mình phản đối vì nghĩ về làng, làng là bỏ kháng chiến, bỏ cụ Hồ bởi làng ông đã theo Tây mất rồi. Thế rồi một hôm có ông chủ tịch dưới xã lên chơi cải chính tin làng ông theo giặc. Ông lão sung sướng mùa tay đi khoe khắp làng rằng nhà ông đã bị đốt nhẵn. Tối hôm ấy, ông lại sang nhà bác Thứ kể về làng mình*. |
| ***Chủ đề*** | Truyện nói về tình yêu Làng của ông Hai Thu khi phải xa làng đi tản cư, qua đó ca ngợi tình yêu quê hương đất nước và nhiệt tình tham gia kháng chiến chống Pháp của người nông dân Việt Nam |
| ***Ngôi kể*** | - Truyện được kể theo ngôi thứ ba.  - Tác dụng : làm cho câu chuyện trở nên khách quan và tạo cảm giác chân thực cho người đọc. |
| ***Giá trị nội dung*** | Tình yêu làng quê và lòng yêu nước, tinh thần kháng chiến của người nông dân phải dời làng đi tản cư đã được thể hiện chân thực, sâu sắc và cảm động ở nhân vật ông Hai trong truyện “***Làng***”. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Tác giả đã thành công trong việc xây ***dựng tình huống truyện, trong nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật***. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Tình huống truyện:**

***a. Khái niệm tình huống truyện:***

- Tình huống truyện là một hoàn cảnh có vấn đề xuất hiện trong tác phẩm. Trong hoàn cảnh đó, nhân vật sẽ có hành động bộc lộ rõ nhất, điển hình nhất bản tính của mình. Tính cách nhân vật sẽ rõ, chủ đề tác phẩm sẽ bộc lộ trọn vẹn.

***b. Tình huống truyện trong truyện ngắn “Làng”:***

- Tình huống truyện đặc sắc: khi ông Hai nghe được tin làng Chợ Dầu theo giặc.

+ Tác giả đã đặt nhân vật ông Hai vào một tình huống đối nghịch với tình cảm, niềm tự hào mãnh liệt về làng Chợ Dầu của ông Hai: Một con người vốn yêu làng và luôn hãnh diện về nó thì bỗng nghe tin làng lập tề theo giặc.

+ Vai trò: tạo tâm lí, diễn biến gay gắt trong nhân vật, làm bộc lộ sâu sắc tình cảm yêu làng, yêu nước ở ông Hai.

- Ý nghĩa của tình huống truyện:

+ Về mặt kết cấu của truyện: tình huống này phù hợp với diễn biến của truyện, tô đậm tình yêu làng, yêu nước của người nông dân Việt Nam mà tiêu biểu là nhân vật ông Hai.

+ Về mặt nghệ thuật : tình huống truyện đã tạo nên một cái thắt nút cho câu chuyện, tạo điều kiện để bộc lộ mạnh mẽ tâm trạng và phẩm chất của nhân vật, góp phần thể hiện chủ đề của tác phẩm.

( Gây ra mâu thuẫn giằng xé tâm lí ông lão đáng thương và đáng trọng ấy; tạo ra điều kiện để thể hiện tâm trạng và phẩm chất, tính cách của nhân vật thêm chân thực và sâu sắc; góp phần giải quyết chủ đề tác phẩm: phản ánh và ca ngợi tình yêu làng, yêu nước chân thành, giản dị của người nông dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Sự phát triển của câu chuyện sẽ bám theo cái tình huống oái oăm này).

**2. Diễn biến tâm trạng của ông Hai:**

**a. Trước khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc:** ông là một người nông dân mang tình yêu làng tha thiết.

- Trước Cách mạng tháng Tám: Ông tự hào, hãnh diện về làng và kể về nó với niềm say mê, náo nức đến lạ thường: Ông khoe con đường làng lát đá xanh, trời mưa đi chẳng lấm chân; ông khoe sinh phần của một vị quan tổng đốc trong làng;...

- Khi kháng chiến bùng nổ: ông khoe về một làng quê đi theo kháng chiến làm cách mạng; ông kể một cách rành rọt những hố, những ụ , những giao thông hầm hào;...

- Khi buộc phải tản cư, ông Hai đã rất nhớ về làng:

+ Ông thường xuyên chạy sang nhà bác Thứ để kể lể đủ thứ chuyện về làng, để vơi đi cái nỗi nhớ làng.

+ Ông kể cho sướng cái miệng, cho vơi cái lòng mà không cần biết người nghe có thích hay không.

+ Nhớ làng da diết – muốn về làng, muốn tham gia kháng chiến.

+ Ông thường xuyên theo dõi tình hình của làng cũng như tình hình chiến sự: Mong nắng cho Tây chết, ở phòng thông tin, ông nghe được những tin chiến thắng của quân ta -> Ruột gan ông cứ múa cả lên.

***\* Nhận xét:*** Ông Hai là người nông dân có tính tình vui vẻ, chất phác, có tấm lòng gắn bó với làng quê và cuộc kháng chiến. Ông yêu thương, gắn bó với làng quê, tự hào và có trách nhiệm với cuộc kháng chiến của làng.

Tạo ra một hoàn cảnh đặc biệt, Kim Lân đã thể hiện một cách rất tự nhiên, chân thực tình cảm, niềm tự hào của ông Hai với làng chợ Dầu của mình.

**b. Tâm trạng ông Hai khi nghe tin làng theo giặc:**

- Ông Hai nghe tin xấu về làng khi ông vừa ở phòng thông tin ra, còn đang lâng lâng trong niềm vui chiến thắng của quân và dân ta. Khi nghe tin xấu ông Hai sững sờ, xấu hổ, uất ức: “cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại,da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi tưởng như không thở được”. Từ đỉnh cao của niềm vui, niềm tin ông Hai rơi xuống vực thẳm của sự đau đớn, tủi hổ vì cái tin ấy quá bất ngờ. Khi trấn tĩnh lại được phần nào,ông còn cố chưa tin cái tin ấy. Nhưng rồi những người tản cư đã kể rảnh rọt quá, lại khẳng định họ “vừa ở dưới ấy lên” làm ông không thể không tin. Niềm tự hào về làng thế là sụp đổ,tan tành trước cái tin sét đánh ấy. Cái mà ông yêu quí nhất nay cũng đã quay lưng lại với ông. Không chỉ xấu hổ trước bà con mà ông cũng tự thấy ông mất đi hạnh phúc của riêng ông, cuộc đời ông cũng như chết mất một lần nữa.

- Từ lúc ấy trong tâm trí ông Hai chỉ còn có cái tin dữ ấy xâm chiếm, nó thành một nỗi ám ảnh day dứt. Ông vờ lảng ra chỗ khác, rồi về thẳng nhà. Nghe tiếng chửi bọn Việt gian, ông " cúi gằm mặt mà đi".

- Về đến nhà ông nằm vật ra giường rồi tủi thân nhìn lũ con “nước mắt ông lão cứ giàn ra”.

+ Trong trạng thái khủng hoảng, giận dữ ông nắm chặt hai tay mà rít : "chúng bay ăn miếng cơm hay ăn miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này".

+ Niềm tin bị phản bội, những mối nghi ngờ bùng lên và giằng xé trong ông: " ông kiểm điểm từng người trong óc".

=> Bao nhiêu điều tự hào về quê hương như sụp đổ trong tâm hồn người nông dân rất mực yêu quê hương ấy. Ông cảm thấy như chính ông mang nỗi nhục của một tên bán nước theo giặc, cả các con ông cũng sẽ mang nỗi nhục ấy.

- Sau giây phút ấy, tất cả dường như sụp đổ, tâm trí ông bị ám ảnh, lo lắng, day dứt. Suốt mấy ngày ông không dám đi đâu. Ông quanh quẩn ở nhà,nghe ngóng tình hình bên ngoài. “Một đám đông túm lại, ông cũng để ý, dăm bảy tiếng cười nói xa xa,ông cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến “cái chuyện ấy”. Thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam – nhông… là ông lủi ra một nhà,nín thít. Thôi lại chuyện ấy rồi!”

- Ông Hai rơi vào tình trạng bế tắc, tuyệt vọng khi nghĩ tới tương lai.

+ Ông lo cho số phận của những đứa con rồi sẽ bị khinh bỉ, hắt hủi vì là trẻ con làng Việt gian: "Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng, hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu".

+ Ông lo cho bao nhiêu người tản cư làng ông sẽ bị khinh, tẩy chay, thù hằn, ghê tởm: " Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian!... Suốt cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hận cái giống Việt gian bán nước…"

+ Ông lo cho tương lai của gia đình rồi sẽ đi đâu, về đâu, làm ăn sinh sống ra sao: "Rồi đi biết làm ăn, buôn bán làm sao? Ai người ta chứa".

- Nếu như trước đây, tình yêu làng và tình yêu nước hòa quyện trong nhau thì lúc này, ông Hai buộc phải có sự lựa chọn. Quê hương và Tổ quốc, bên nào nặng hơn? Đó không phải là điều đơn giản vì với ông, làng Chợ Dầu đã trở thành một phần của cuộc đời, không dễ gì vứt bỏ; còn cách mạng là cứu cánh của gia đình ông, giúp cho gia đình ông thoát khỏi cuộc đời nô lệ. Cuối cùng, ông đã quyết định: “Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”. Như vậy, tình yêu làng dẫu có thiết tha, mãnh liệt đến đâu cũng không thể mãnh liệt hơn tình yêu đất nước. Đó là biểu hiện vẻ đẹp trong tâm hồn của con người Việt Nam, khi cần họ sẵn sàng gạt bỏ tình cảm riêng tư để hướng tới tình cảm chung của cả cộng đồng.

=> Quyết định của ông Hai đã khẳng định tình yêu nước mạnh mẽ, thiêng liêng, rộng lớn, bao trùm lên tình cảm của làng quê. Điều gì đã khiến ông có sự lựa chọn dứt khoát đó? Phải chăng chính niềm tin vào Đảng, cách mạng, kháng chiến đã hướng ông có được sự lựa chọn đó.

- Nhưng dù đã dứt khoát như thế, ông vẫn không thể dứt bỏ tình cảm với nơi mà ông đã sinh ra, lớn lên và gắn bó gần hết cuộc đời. Bởi vậy, ông muốn được tâm sự, như để phân bua, để minh oan, cởi bỏ nỗi lòng.

+ Ông trút hết nỗi lòng vào những lời thủ thỉ, tâm sự với đứa con ngây thơ, bé bỏng.

+ Tình yêu sâu nặng với làng, nên ông muốn lý trí và trái tim bé bỏng của con phải khắc sâu, ghi nhớ câu: " Nhà ta ở làng chợ Dầu" - nơi chôn rau cắt rốn của bố con ông.

+ Ông nhắc cho con về tấm lòng thủy chung với kháng chiến, với cụ Hồ của bố con ông: " Anh em đồng chí biết cho bố con ông. Cụ Hồ trên đầu, trên cổ soi xét cho bố con ông".

+ Ông khẳng định tình cảm sâu nặng , bền vững và rất thiêng liêng ấy : " Cái lòng của bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai".

-> Đó là một cuộc trò chuyện đầy xúc động. Nỗi nhớ quê, yêu quê, nỗi đau đớn khi nghe tin quê hương theo giặc cứ chồng chéo đan xen trong lòng ông lão. Nhưng trong ông vẫn cháy lên một niềm tin tưởng sắt đá, tin tưởng vào Cụ Hồ, tin tưởng vào cuộc kháng chiến của dân tộc. Niềm tin ấy đã phần nào giúp ông có thêm nghị lực để vượt qua khó khăn này. Dường như ông Hai đang nói chuyện với chính mình, đang giãi bày với lòng mình và cũng như đang tự nhắc nhở: hãy luôn “Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh”. Tình quê và lòng yêu nước thật sâu nặng và thiêng liêng.

Dưới hình thức trò chuyện, tâm sự với đứa con, nhưng thực chất là lời tự vấn, để tự minh oan và khẳng định tấm lòng thủy chung của mình với làng, kháng chiến, cách mạng; để làm vơi đi phần nào những khổ tâm đã dằn vặt ông bấy lâu nay

**\* Nhận xét:** Qua diễn biến tâm trạng của ông Hai, Kim Lân đã khám phá và làm nổi bật những nét đẹp trong tâm hồn người nông dân cách mạng: hài hòa giữa lòng yêu làng và tình yêu nước, nhiệt tình cách mạng.

**c. Tâm trạng của ông Hai khi tin làng mình theo giặc được cải chính.**

- Đúng lúc ông Hai có được quyết định khó khăn ấy thì cái tin làng Chợ Dầu phản bội đã được cải chính. Sự đau khổ của ông Hai trong những ngày qua nhiều bao nhiêu thì niềm phấn khởi và hạnh phúc của ông lúc này càng lớn bấy nhiêu, như có một phép hồi sinh khiến thái độ ông Hai thay đổi hẳn: " Cái mặt buồn thiu mọi ngày bỗng tươi vui, rạng rỡ hẳn lên". Ông “bô bô” khoe với mọi người về cái tin làng ông bị “đốt nhẵn”, nhà ông bị “đốt nhẵn”. Nội dung lời “khoe” của ông có vẻ vô lí bởi không ai có thể vui mừng trước cảnh làng, nhà của mình bị giặc tàn phá. Nhưng trong tình huống này thì điều vô lí ấy lại rất dễ hiểu: Sự mất mát về vật chất ấy chẳng thấm vào đâu so với niềm vui tinh thần mà ông đang được đón nhận. Nhà văn Kim Lân đã tỏ ra rất sắc sảo trong việc nắm bắt và miêu tả diễn biến tâm lí của nhân vật. Đó là minh chứng hùng hồn, chứng minh cho làng ông, cho bố con gia đình ông và những người tản cư trên đây không theo giặc, vẫn một lòng thủy chung, tình nghĩa và sẵn sàng hy sinh tất cả cho kháng chiến.

Ông Hai chỉ là một người nông dân bình thường như bao người nông dân khác nhưng ông đã biết hy sinh tài sản riêng của mình cho kháng chiến. Điều này cho thấy cuộc kháng chiến chống Pháp đã đi sâu vào tiềm thức của người dân để trở thành cuộc kháng chiến toàn dân.

**=> Nhận xét:** Từ một người nông dân yêu làng, ông Hai trở thành người công dân nặng lòng với kháng chiến.Tình yêu làng, yêu nước đã hòa làm một trong ý nghĩ, tình cảm, việc làm của ông Hai. Tình cảm ấy thống nhất,hòa quyện như tình yêu nước được đặt cao hơn, lớn rộng lên tình làng. Đây là nét đẹp truyền thống mang tinh thần thời đại. Ông Hai là hình ảnh tiêu biểu của người nông dân trong thời kì kháng chiến chống Pháp.

Tình yêu làng và lòng yêu nước của ông Hai thực sự sâu sắc và khiến người đọc vô cùng cảm động. Tin cải chính đã trả lại cho ông tình yêu, niềm tự hào sâu sắc về làng. Nó đã xây dựng lên trong ông những " bức tường thành" vững chắc không súng đạn nào có thể công phá, cháy rụi được.

**3. Những đặc sắc về nghệ thuật**

- Nghệ thuật xây dựng tình huống truyện: Tác giả đặt nhân vật vào tình huống cụ thể để thử thách nhân vật, để nhân vật tự bộc lộ chiều sâu tư tưởng và chủ đề của truyện.

- Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật:

+ Khắc họa thành công nhân vật ông Hai, một người nông dân yêu làng, yêu nước tha thiết,...

+ Tác giả miêu tả rất cụ thể những diễn biến nội tâm từ suy nghĩ, hành động đến ngôn ngữ,..

+ Với thủ pháp nghệ thuật đối thoại và độc thoại nội tâm đã diễn tả một cách chính xác và mạnh mẽ những ám ảnh, day dứt của nhân vật.

Điều đó chứng tỏ Kim Lân am hiểu sâu sắc người nông dân và thế giới tinh thần của họ .

- Nghệ thuật sử dụng ngôn từ rất đặc sắc:

+ Ngôn ngữ chuyện mang tính khẩu ngữ và lời ăn, tiếng nói hằng ngày của những nông dân.

+ Lời kể chuyện và lời nói của nhân vật có sự thống nhất về sắc thái, giọng điệu.

+ Ngôn ngữ nhân vật vừa có nét chung của người nông dân Việt Nam cần cù, chịu khó, lại vừa mang đậm những nét cá tính riêng của nhân vật nên rất sinh động.

- Cách trần thuật truyện tự nhiên, linh hoạt với những chi tiết sinh hoạt,đời sống hàng ngày xen vào với mạch tâm trạng khiến cho chuyện sinh động hơn.

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1**

Đọc phần trích sau rồi trả lời câu hỏi:

*“Có người hỏi:*

*- Sao bảo làng Chợ Dầu tinh thần lắm cơ mà?*

*- Ấy thế mà bây giờ đổ đốn ra thế đấy!*

*Ông Hai trả tiền nước, đứng dậy, chèm.chẹp miệng, cười nhạt một tiếng, vươn vai nói to:*

*- Hà, nắng gớm, về nào…*

*Ông lão vờ vờ đứng lảng ra chỗ khác, rồi đi thẳng. Tiếng cười nói xôn xao của đám người mới tản cư lên cứ vẫn dõi theo. Ông nghe rõ cái giọng chua lanh lảnh của người đàn bà cho con bú:*

*- Cha mẹ tiên sư nhà chúng nó! Đói khổ ăn cắp ăn trộm bắt được người ta còn thương. Cái giống Việt gian bán nước thì cứ cho mỗi đứa một nhát!*

*Ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi.Ông thoáng nghĩ đến mụ chủ nhà.*

*Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lén đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau.*

*Nhìn lũ con tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu…”*

*(Trích Làng – Kim Lân)*

**Câu 1:** Xác định nội dung của phần trích trên?

**Câu 2:** Tâm trạng đau đớn, tủi hổ của ông Hai được biểu hiện qua những chi tiết nào trong phần trích.

**Câu 3:** Xác định ngôn ngữ độc thoại và độc thoại nội tâm có trong đoạn trích trên? Các hình thức ngôn ngữ ấy có tác dụng thế nào trong việc thể hiện diễn biến tâm lí nhân vật ông Hai?

**Câu 4:** Trong hai lời thoại được in đậm sau, phương châm hội thoại nào đã không được tuân thủ

*“Có người hỏi:*

*- Sao bảo làng Chợ Dầu tinh thần lắm cơ mà?*

***- Ấy thế mà bây giờ đổ đốn ra thế đấy!***

*Ông Hai trả tiền nước, đứng dậy, chèm. chẹp miệng, cười nhạt một tiếng, vươn vai nói to:*

***-Hà, nắng gớm, về nào…***

*Ông lão vờ vờ đứng lảng ra chỗ khác, rồi đi thẳng. […]*

**Câu 5:**Từ tình yêu làng quê gắn liền với tình yêu đất nước của nhân vật ông Hai và câu nói của nhà văn I-li-a Ê-ren-bua:

*“Dòng suối đổ vào sông, sông đổ vào dãi trường giang Von-ga, con sông Von-ga đi ra biển. Lòng yêu nhà, yêu làng xóm, yêu làng quê trở nên lòng yêu Tổ quốc”*

Hãy viết một văn bản nghị luận ngắn (khoảng một trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về lòng yêu nước.

***Hướng dẫn làm bài:***

**Câu 1:** Nội dung của phần trích: Tâm trạng đau đớn tủi hổ của ông Hai khi nghe mọi người chửi làng Chợ Dầu của ông việt gian bán nước

**Câu 2:** Xác định những chi tiết: *vờ vờ đứng lảng ra chỗ khác rồi đi thẳng, cúi gằm mặt xuống mà đi, nằm vật ra giường, nước mắt giàn ra.*

**Câu 3:** Độc thoại: *- Hà, nắng gớm, về nào…*

Độc thoại nội tâm: *Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rung hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu…*

\* Tác dụng: Khắc họa sâu sắc tâm trạng đau đớn, dằn vặt của ông Hai; làm cho câu chuyện sinh động hơn

**Câu 4:**

* *Ấy thế mà bây giờ đổ đốn ra thế đấy!* : vi pham phương châm về chất
* *Hà, nắng gớm, về nào…* : vi phạm phương châm quan hệ

**Câu 5:**

**Yêu cầu về kỹ năng**

- Nắm phương pháp làm văn nghị lận xã hội

- Bố cục rõ ràng

- Biết vận dụng các phương pháp nghị luận

- Văn phong trôi chảy, trong sáng, lập luận chặt chẽ, thuyết phục

**Yêu cầu về kiến thức**

1. Giới thiệu được vấn đề nghị luận: lòng yêu quê hương, đất nước.
2. Lòng yêu nước là gì?

- Nêu được một vài biểu hiện cụ thể của lòng yêu nước. (có dẫn chứng)

+ Trong lịch sử

+ Trong hoàn cảnh đất nước, xã hội hiện nay

+ Biểu hiện về lòng yêu nước ở một học sinh.

- Bàn bạc mở rộng và phê phán mặt trái của vấn đề.

3. Khẳng định ý kiến, quan điểm của bản thân về lòng yêu nước và nêu

phương hướng hành động.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2**

Đọc đoạn trích dưới đây và trả lời câu hỏi từ 1 đến 3:

*“Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng lắm (1). Chả lẽ cái bọn ở làng lại đổ đốn đến thế được (2). Ông kiểm điểm từng người trong óc (3). Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà (4). Họ đã ở lại làng, quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại can tâm làm cái điều nhục nhã ấy!...(5)”*

**Câu 1:** Đoạn trích trên nằm trong tác phẩm nào? Tác giả là ai?

**Câu 2:** “Ông lão” trong đoạn trích trên là nhân vật nào? Điều “nhục nhã” được nói đến là điều gì?

**Câu 3:** Trong đoạn trích trên, những câu văn nào là lời trần thuật của tác giả, những câu văn nào là lời độc thoại nội tâm của nhân vật? Những lời độc thoại nội tâm ấy thể hiện tâm trạng gì của nhân vật?

***Hướng dẫn làm bài:***

**Câu 1:** Đoạn văn trên nằm trong tác phẩm Làng.- Tác giả là Kim Lân.

**Câu 2:**

- "Ông lão" trong đoạn trích trên là nhân vật ông Hai.

- "Điều nhục nhã" được nói đến là làng Chợ Dầu theo giặc.

**Câu 3:**

- Những câu văn là lời trần thuật của tác giả: (1), (3).

- Những câu văn là lời độc thoại của nội tâm của nhân vật: (2), (4), (5).

- Những lời độc thoại nội tâm ấy thể hiện tâm trạng của ông Hai: băn khoăn, day dứt nhưng vẫn tin tưởng vào lòng trung thành của người dân làng Chợ Dầu với cách mạng.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3**

*“Dứt lời ông lão lại lật đật đi thẳng sang gian bác Thứ.*

*Chưa đến bực cửa, ông lão đã bô bô:*

*- Bác Thứ đâu rồi? bác Thứ làm gì đấy? Tây nó đốt nhà tôi rồi, đốt nhẵn! Ông chủ tịch làng tôi vừa lên trên này cải chính, ông ấy cho biết... cải chính cái tin làng Chợ Dỗu chúng tôi đi Việt gian ấy mà. Láo! Láo hết! Toàn là sai sự mục đích cả.*

*Bác Thứ chưa nghe thủng câu chuyện ra sao, ông lão lại lật đật bỏ lên nhà trên.*

*- Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn. ông chủ tịch làng em vừa lên cải chính... cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng em Việt gian ấy mà. Ra láo! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là sai sự mục đích cả!*

*Cũng chỉ được bằng ấy câu, ông lão lại đật bỏ đi nơi khác”.*

*( Ngữ văn 9 – tập 1)*

( Tài liệu: Nguyễn Nga- nhóm ngữ văn THCS)

**Câu 1:** Đoạn trích trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác?

**Câu 2:** Xác định từ xưng hô trong đoạn trích?

**Câu 3:** Tìm lời dẫn của nhân vật có trong đoạn trích. Cho biết đó là lời dẫn trực tiếp hay gián tiếp?

**Câu 4:** Ông Hai nói: ”*Làng chợ Dầu chúng em Việt gian*” - tác giả sử dụng nghệ thuật gì?

**Câu 5:** Nêu nội dung của đoạn trích trên?

**Câu 6:** Tại sao tác giả lại để ông Hai nói “sai sự mục đích”?

**Câu 7:** Nhân vật ông lão trong đoạn truyện trên nhà bị tây đốt thế mà lại đi thông báo với mọi người như khoe về một chiến công. Hãy nêu cảm nhận của em về hành động đó.

***Hướng dẫn làm bài:***

**Câu 1:** Đoạn truyện trên nằm trong tác phẩm “Làng”. Tác giả là Kim Lân.

Hoàn cảnh sáng tác: Truyện ngắn Làng được viết vào thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đăng lần đầu tiên trên tạp chí Văn nghệ năm 1948

**Câu 2:** Từ xưng hô: tôi- ông chủ, em

**Câu 3:**Lời dẫn:

*- Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn. Ông chủ tịch làng em vừa lên cải chính....cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng em Việt gian ấy mà. Ra láo! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn là sai mục đích cả.*

**( Lời dẫn trực tiếp)**

**Câu 4:** Nói ”Làng Chợ Dầu chúng em Việt gian” là cách nói hoán dụ - lấy làng để chỉ những người dân làng Chợ Dầu

**Câu 5:** Nội dung của đoạn trích: Ông Hai thông báo về việc làng ông không theo Tây.

**Câu 6:** *Sai sự mục đích*: dùng với nghĩa là sai sự thật. Đúng ra phải dùng từ ”mục kích” (nhìn thấy rõ ràng, tận mắt). Tác giả để ông Hai thích nói chữ nhưng dùng từ không chính xác. Điều này cho ta thấy ngôn ngữ của nhân vật trong truyện rất đặc sắc. Ngôn ngữ của nhân vật ông Hai vừa có nét chung của người nông dân, vừa mang đậm cá tính của nhân vật nên rất sinh động

**Câu 7:**

**Yêu cầu về kỹ năng**

- Nắm phương pháp làm văn nghị luận văn học.

- Bố cục rõ ràng

- Biết vận dụng các phương pháp nghị luận

- Văn phong trôi chảy, trong sáng, lập luận chặt chẽ, thuyết phục

**Yêu cầu về nội dung:**

***\* Đoạn văn tham khảo:***

Đối với người nông dân, căn nhà là cơ nghiệp của cả một cuộc đời. Vậy mà ông Hai sung sướng hể hả loan báo cho mọi người biết cái tin ”Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ” một cách tự hào như khoe về một chiến công. Hành động này không bình thường nhưng lại hoàn toàn chân thực. Cái sự việc phũ phàng kia là minh chứng khẳng định làng ông không theo giặc. Dường như ông coi đó là một đóng góp cho kháng chiến, là một niềm hạnh phúc. Trong niềm vui lớn lao ấy, sự mất mát kia chẳng thấm vào đâu. Trong sự cháy rụi của nhà ông có sự hồi sinh của làng Chợ Dầu, cái làng xứng đáng với tình yêu, niềm tự hào trong ông. Tài sản riêng bị phá huỷ nhưng danh dự của làng được bảo toàn. Làng Chợ Dầu vẫn là làng anh dũng kháng chiến. Đó là niềm vui kì lạ, thể hiện một cách đau xót và cảm động tinh thần yêu nước và cách mạng của người dân VN trong kháng chiến.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4**

*“… Nhưng sao lại nảy ra cái tin như vậy được? Mà thằng chánh Bệu thì đích là người làng không sai rồi. Không có lửa làm sao có khói? Ai người ta hơi đâu bịa tạc ra những chuyện ấy làm gì. Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chứa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước... Lại còn bao nhiêu người làng, tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa?.”*

**Câu 1:** Đoạn trích trên thuộc văn bản nào? Do ai sáng tác? Nêu hoàn cảnh sáng tác?

**Câu 2:** Đoạn văn trên là suy nghĩ của nhân vật nào? Nhân vật đó đang ở trong hoàn cảnh nào?

**Câu 3:** Nghệ thuật xây dựng nhân vật trong đoạn văn trên có gì đặc sắc?

**Câu 4:** Tìm một câu rút gọn có trong đoạn văn và chỉ rõ cách rút gọn?

**Câu 5:** Viết đoạn văn (khoảng 200 từ) trình bày cảm nhận của em về đoạn trích trên?

***Hướng dẫn làm bài:***

**Câu 1:**

- Đoạn trích trên thuộc văn bản "Làng" do Kim Lân sáng tác.

- Hoàn cảnh sáng tác tác phẩm: sáng tác năm 1948 thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp.

**Câu 2:**

- Suy nghĩ đó là của nhân vật ông Hai.

- Ông đang trong hoàn cảnh đau khổ, nhục nhã khi nghe tin làng Chợ Dầu làm Việt gian theo Tây.

**Câu 3:**

- Nghệ thuật tự sự trong đoạn trích trên rất đặc sắc trong việc khắc họa nhân vật của tác giả:

- Xây dựng nhân vật qua ngôn ngữ độc thoại nội tâm (sử dụng nhiều câu hỏi tu từ) nhằm mục đích nói lên những suy nghĩ của nhân vật.

- Làm nổi bật quá trình đấu tranh nội tâm của ông Hai sau khi nghe tin làng mình theo giặc: băn khoăn không tin, rồi bắt buộc phải tin vì có bằng chứng và rồi nhục nhã, lo lắng cho tương lai của gia đình, của người làng...

**Câu 4:**

- Câu rút gọn trong đoạn văn: *Rồi đây biết làm ăn buôn bán ra sao*?

- Bộ phận chủ ngữ được rút gọn .

**Câu 5:**

Học sinh viết được đoạn văn theo yêu cầu sau:

\* Về hình thức: Đảm bảo kết cấu một đoạn văn, không mắc lỗi diễn đạt, dùng từ, ngữ pháp

\* Về nội dung: Trình bày được cảm nhận về tâm trạng của nhân vật ông Hai, đó là sự nửa tin, nửa ngờ của ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc. Buộc phải tin đó là sự thật nên ông Hai lo sợ cho tương lai của những người làng Chợ Dầu đang tản cư ở khắp nơi.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 5**

*“Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây…”, cái câu nói của người đàn bà tản cư hôm trước lại dội lên trong tâm trí ông.   
Hay là quay về làng?…   
Vừa chớm nghĩ như vậy, lập tức ông lão phản đối ngay. Về làm gì ở cái làng ấy nữa. Chúng nó theo Tây cả rồi. Về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ cụ Hồ…   
Nước mắt ông lão giàn ra. Về làng tức là chịu quay lại làm nô lệ cho thằng Tây (…)   
Ông Hai nghĩ rợn cả người. Cả cuộc đời đen tối, lầm than cũ nổi lên trong ý nghĩ ông. Ông không thể về cái làng ấy được nữa. Về bây giờ ra ông chịu mất hết à? Không thể được! Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù.”*

**Câu 1:** Đoạn trích trên thuộc tác phầm nào, của tác giả nào? Ghi rõ thời gian sáng tác tác phẩm.   
**Câu 2:** Nêu nội dung của đoạn trích?  
**Câu 3:** Câu “Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây..” là lời dẫn trực tiếp hay gián tiếp?   
**Câu 4:** Có bạn cho rằng đoạn trích trên đã sử dụng chủ yếu hình thức ngôn ngữ độc thoại, lại có bạn cho rằng đó là đọc thoại nội tâm. Ý kiến của em thế nào?

**Câu 5:** Câu văn:“Hay là quay về làng?...” thuộc kiểu câu nào chia theo mục đích nói? Dấu ngoặc kép trong đoạn văn tác dụng gì?

**Câu 6:** Có ý kiến cho rằng: Thành côngtrong cách xây dựng tình huống truyện ngắn *Làng* là nhà văn đã đặt ông Hai vào những giằng xé nội tâm để buộc nhân vật phải lựa chọn giữa tình yêu làng và tình yêu nước. Em hãy viết một đoạn văn khoảng 12 câu lý giải ý kiến trên. Trong đoạn văn có sử dụng một câu hỏi tu từ và một câu có chứa thành phần khởi ngữ.

***Hướng dẫn làm bài:***

**Câu 1:** Đoạn trích đó nằm trong truyện Làng của nhà văn Kim Lân, truyện được viết năm 1948, thời kì đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

**Câu 2:** Nêu nội dung của đoạn trích: sự giằng xé nội tâm của nhân vật ông Hai giữa việc quay về làng hay ở lại.

**Câu 3:** Câu “Cả làng chúng nó Việt gian theo Tây..” là lời dẫn trực tiếp

**Câu 4:** Đoạn văn trích này chủ yếu dùng ngôn ngữ độc thoại nội tâm, đó là những lời nói bên trong của nhân vật, không nói ra thành tiếng.

**Câu 5:** Câu văn:“Hay là quay về làng?...” thuộc kiểu câu nghi vấn. Dấu ngoặc kép trong đoạn văn tác dụng đánh dấu lời thoại trực tiếp.

**Câu 6:**

**Yêu cầu về kỹ năng**

- Nắm phương pháp làm văn nghị luận văn học.

- Bố cục rõ ràng

- Biết vận dụng các phương pháp nghị luận

- Văn phong trôi chảy, trong sáng, lập luận chặt chẽ, thuyết phục

**Yêu cầu về nội dung:** làm rõ tình yêu làng và tình yêu nước của ông Hai trước và sau khi nghe tin làng Dầu theo giặc.

***\* Đoạn văn tham khảo:***

(1) Truyện đã xây dựng được một tình huống đặc sắc, đó là khi ông Hai nghe được tin làng Chợ Dầu theo giặc.

(2) Tác giả đã đặt nhân vật ông Hai vào một tình huống đối nghịch với tình cảm, niềm tự hào mãnh liệt về làng Chợ Dầu của ông Hai: Một con người vốn yêu làng và luôn hãnh diện về nó thì bỗng nghe tin làng lập tề theo giặc.

(3) Tình huống đó đã tạo nên nút thắt cho câu chuyện, tạo điều kiện để bộc lộ mạnh mẽ tâm trạng và phẩm chất của nhân vật, góp phần thể hiện chủ đề của tác phẩm.

(4) Đồng thời, gây ra mâu thuẫn giằng xé tâm lí nhân vật, tạo ra điều kiện để thể hiện tâm trạng và phẩm chất, tính cách của nhân vật thêm chân thực và sâu sắc.

(5) Tình huống truyện góp phần giải quyết chủ đề tác phẩm: phản ánh và ca ngợi tình yêu làng, yêu nước chân thành, giản dị của người nông dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 6**

Cho đoạn trích sau:

Ông nằm vật trên giường vắt tay lên trán nghĩ ngợi vẩn vơ. Ông lại nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ đến những ngày cùng làm việc với anh em. Ồ, sao mà độ ấy vui thế. Ông thấy mình như trẻ ra. Cũng hát hỏng, bông phèng, cũng đào, cũng cuốc mê man suốt ngày. Trong lòng ông lão lại thấy náo nức hẳn lên. Ông lại muốn về làng, lại muốn được cùng anh em đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá… Không biết cái chòi gác ở đầu làng đã dựng xong chưa? Những đường hầm bí mật chắc còn là khướt lắm. Chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá.  
(Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)

**Câu 1:** Đoạn văn trên được trích từ truyện ngắn nào? Của ai? Nêu hoàn cảnh ra đời của truyện ngắn này.   
**Câu 2:** Dòng cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật ông lão được thể hiện qua việc nhắc lại các từ, cụm từ nào trong đoạn trích? Trong dòng cảm xúc, suy nghĩ ấy có những kỉ niệm nào của ông với làng kháng chiến?   
**Câu 3:** Xét mục đich nói, câu văn “Không biết cái chòi gác ở đầu làng đã dựng xong chưa?” thuộc kiểu câu gì? Vì sao nỗi trăn trở của ông lão trong câu văn đó lại là một biểu hiện tình cảm công dân.  
**Câu 4:** Với hiểu biết của em về truyện ngắn trên, hãy viết một đoạn văn quy nạp khoảng 15 câu, (có sử dụng thành phần phụ chú) để khẳng định: Truyện đã khắc họa thành công hình ảnh những người nông dân trong kháng chiến .

***Hướng dẫn làm bài:***

**Câu 1:**  
- Đoạn văn được trích từ truyện ngắn Làng của nhà văn Kim Lân  
- Hoàn cảnh ra đười của tác phẩm: Truyện ngắn được viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp và được đăng trên tạp chí văn nghệ năm 1948.  
**Câu 2:**  
- Dòng cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật ông lão được thể hiện qua việc nhắc lại những từ, cụm từ trong đoạn trích: nghĩ ngợi, nghĩ về, nghĩ đến, muốn, nhớ.  
- Trong dòng cảm xúc ấy, có những kỉ niệm của ông Hai với làng kháng chiến: những ngày cùng làm việc với anh em, cũng hát hỏng bông phèng, cũng đào, cũng cuốc, đào đường đắp ụ, xẻ hào, khuân đá…  
**Câu 3:**  
- Xét về mục đích nói, câu văn “Không biết cái chòi gác ở đầu làng đã dựng xong chưa?”: Thuộc kiểu câu nghi vấn.  
- Nỗi trăn trở của ông lão thể hiện tình cảm công dân vì:  
+ Hình ảnh cái chòi gác ở đầu làng là hình ảnh tiêu biểu, là biểu hiện sống động và thực tế không khí kháng chiến ở làng Chợ Dầu, ở nông thôn Việt Nam thời kì kháng chiến chống Pháp.  
+ Nỗi trăn trở của ông lão về cái chòi gác không biết đã dựng xong chưa chính là sự quan tâm, nỗi niềm lo lắng đầy trách nhiệm của một công dân yêu nước với phong trào cách mạng của làng ông, cho cuộc kháng chiến của dân tộc.  
**Câu 4:**  
a. Về hình thức:  
- Học sinh viết đúng yêu cầu của một đoạn văn nghị luận văn học: lập luận chặt chẽ, thuyết phục.  
- Cách trình bày nội dung đoạn viết theo đúng cách quy nạp.  
- Diễn đạt trong sáng, lưu loát, không mắc lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi viết câu; trình bày rõ ràng, sạch đẹp.  
- Độ dài đúng quy định: khoảng 15 câu.  
b. Về thực hành tiếng Việt:  
- Học sinh sử dụng thích hợp, chính xác, gạch chân và chú thích rõ ràng: Sử dụng thành phần phụ chú.  
c. Về nội dung:  
- Truyện khắc họa thành công hình ảnh những người nông dân trong kháng chiến  
***\* Đoạn văn tham khảo:***(1) Ông Hai trong truyện ngắn “ Làng” của nhà văn Kim Lân là một người nông dân có tình yêu làng, hòa quyện với tình yêu đất nước.

(2) Hình ảnh ông Hai được miêu tả chủ yếu qua diễn biến nội tâm trước và sau khi nghe tin làng Dầu **(quê hương ông)** theo giặc.  
(3) Ở nơi tản cư, ông luôn nhớ làng, theo dõi tin tức kháng chiến.  
(4) Ông đón nhận tin đồn làng chợ Dầu theo Tây giữa lúc tâm trạng đang vui sướng vì những tin thắng trận của quân ta.

(5 Khi nghe tin, ông Hai sững sờ, xấu hổ và uất ức, niềm tự hào về làng thế là sụp đổ tan tành trước cái tin sét đánh ấy.

(6) Về đến nhà ông nằm vật ra giường, rồi tủi thân nhìn đàn con, “nước mắt ông lão cứ giàn ra”.

(7) Bao nhiêu câu hỏi dồn về xoắn xuýt, bủa vây làm tâm trạng ông rối bời trong cơn đau đớn, hụt hẫng đến mê dại, dữ dằn và gay gắt.

(8) Suốt mấy ngày sau, ông bị ám ảnh nặng nề, không dám đi đâu…

(9) Những đau đớn, dằn vặt, sự hổ thẹn đến tột cùng đã đẩy ông Hai vào một tình huống phải lựa chọn.

(10) Tình yêu quê hương và tình yêu tổ quốc xung đột dữ dội trong lòng ông.

(11) Cuối cùng ông đã quyết định: “không thể được! Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù”.

(12) Như vậy, tình yêu làng dẫu có thiết tha, mãnh liệt đến đâu, cũng không thể mạnh hơn tình yêu đất nước.  
(13) Tâm sự với đứa con, ông Hai muốn bảo con nhớ câu “Nhà ta ở làng chợ Dầu”, đồng thời ông nhắc con, cũng là tự nhắc mình “ủng hộ cụ Hồ Chí Minh”. (14) Tấm lòng thuỷ chung với kháng chiến, với cách mạng thật sâu nặng, bền vững và thiêng liêng.  
(15) Ông Hai sung sướng khi tin đồn được cải chính: hả hê khoe Tây đốt nhà mình, nỗi mất mát riêng chẳng thấm vào đâu so với hạnh phúc vì đó là minh chứng làng ông theo kháng chiến, ủng hộ cách mạng.

(16) Hình ảnh ông Hai trong tác phẩm Làng của Kim Lân là hình ảnh tiêu biểu cho những người nông dân Việt Nam yêu làng, yêu nước thời kì kháng chiến chống Pháp.  
- **Thành phần phụ chú**:(quê hương ông)

**BÀI 1 :** **LẶNG LẼ SA PA**

***Nguyễn Thành Long***

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | -Nguyễn Thành Long (1925-1991) quê ở huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, viết văn từ thời kháng chiến chống Pháp, là cây bút chuyên về truyện ngắn và ký.  - Nguyễn Thành Long là một trong những cây bút có nhiều đóng góp cho nền văn xuôi cách mạng nói riêng và văn học Việt Nam hiện đại nói chung.  - Tác phẩm của ông tập trung vào hai đề tài lớn : cuộc đấu tranh chống Mỹ cứu nước của nhân dân liên khu 5 và công cuộc xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc.  ***- Phong cách sáng tác :*** Truyện ngắn của Nguyễn Thành Long nhẹ nhàng, tình cảm, thường pha chút chất kí ; ngôn ngữ trong sáng, giàu chất thơ và luôn xây dựng được những nhân vật mang tính hình tượng. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | Truyện ngắn là kết quả chuyến đi lên Lào Cai hè 1970 của tác giả. |
| ***Xuất xứ*** | Truyện từ tập “Giữa trong xanh” in năm 1972. |
| ***Ngôi kể*** | Ngôi kể: thứ 3: tác giả đặt điểm nhìn vào ông họa sĩ.  Tác dụng: làm cho câu chuyện chân thực, khách quan, mặt khác có điều kiện thuận lợi để làm nổi bật chất trữ tình, đào sâu suy nghĩ của nhân vật, phù hợp với suy nghĩ của tác giả. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | ***-*** Nhan đề « Lặng lẽ Sa Pa » là một nhan đề giàu chất thơ, góp phần khắc họa chủ đề, tư tưởng của tác phẩm.  + Lặng lẽ gỡ đến một khung cảnh rất êm đềm, thanh tĩnh của Sa Pa.  + Nhưng «  Lặng lẽ » chỉ là cái không khí bên ngoài của cảnh vật. Đằng sau vẻ lặng lẽ ấy là sự miệt mài, nhiệt huyết, hăng say để cống hiến cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.  Dưới vẻ Lặng lẽ của Sa Pa luôn có những con người âm thầm làm việc, cống hiến cho sự đổi thay của đất nước. Họ chính là những dòng sông cuộn chảy mang phù sa bồi đắp cho đất nước thêm đẹp giàu. |
| ***Bố cục***  3 phần | - Phần 1 (từ đầu...*cô độc nhất thế gian*): Anh thanh niên qua lời kể của bác lái xe.  - Phần 2 (tiếp...*có vật gì như thế*): Cuộc gặp gỡ và trò chuyện giữa anh thanh niên, bác hoạ sĩ và cô kỹ sư.  - Phần 3 (còn lại): Cuộc chia tay giữa ba nhân vật. |
| ***Tóm tắt*** | Xe tới chân đỉnh Yên Sơn, bác lái xe dừng lại, giới thiệu với ông hoạ sĩ già và cô kỹ sư trẻ một anh thanh niên làm công tác khí tượng và vật lý địa cầu sống một mình trên núi. Trong cuộc gặp gỡ 30 phút ngắn ngủi, anh thanh niên kể về công việc của mình, công việc đơn giản nhưng gian khổ và cô đơn. Anh đã bộc lộ những suy nghĩ đúng đắn về công việc và cuộc đời. Khi ong hoạ sĩ định vẽ anh, anh đã giới thiệu những người khác mà anh cho là đáng vẽ hơn như ông kỹ sư vườn rau, nhà nghiên cứu sét. Những điều khám phá được ở anh thanh niên làm cho người khách vô cùng xúc động. Khi họ trở về, anh còn tặng cô gái một bó hoa và tặng bác già một làn trứng ăn đường. |
| ***Chủ đề*** | Thông qua cuộc gặp gỡ giữa bốn nhân vật, ông họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ, bác lái xe với anh thanh niên làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn giữa núi rừng Lào Cai, tác giả ca ngợi những con người lao động bình thường âm thầm lặng lẽ cống hiến công sức của mình cho công cuộc xây dựng XHCN và thống nhất đất nước. |
| ***Giá trị nội dung*** | Truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” khắc hoạ thành công hình ảnh những người lao động bình thường, mà tiêu biểu là anh thanh niên làm công tác khí tượng ở một mình trên đỉnh núi cao. Qua đó truyện khẳng định vẻ đẹp của con người lao động và ý nghĩa những công việc thầm lặng. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Truyện đã xây dựng được một tình huống truyện hợp lý, cách kể truyện tự nhiên, có sự kết hợp giữa tự sự, trữ tình với bình luận. |

**B. PHÂN TÍCH TÁC PHẨM**

1. **Tình huống truyện**

- Một trong những mấu chốt của nghệ thuật xây dựng truyện ngắn là xây dựng tình huống truyện.

- Tình huống cơ bản của truyện ngắn "***Lặng lẽ Sa Pa***" khá đơn giản: chính là cuộc gặp gỡ tình cờ của anh thanh niên làm việc một mình ở trạm khí tượng với bác lái xe và hai hành khách trên chuyến xe ấy - ông hoạ sĩ và cô kỹ sư lên thăm trong chốt lát nơi ở và nơi làm việc của anh thanh niên.

- Tác dụng:

+ Tình huống gặp gỡ này là cơ hội thuận tiện để tác giả khắc hoạ "bức chân dung" nhân vật chính một cách tự nhiên, khách quan và tập trung, qua sự quan sát của các nhân vật khác và qua chính lời lẽ, hành động của anh.

+ Được soi chiếu, đánh giá và cảm nhận một cách khách quan từ những nhân vật khác.

+ Đồng thời, qua "bức chân dung" (cả cuộc sống và những suy nghĩ) của người thanh niên, qua sự cảm nhận của các nhân vật khác (chủ yếu là ông hoạ sĩ) về anh và những người như anh, tác giả đã làm nổi bật được chủ đề của tác phẩm: "*Trong cái lặng im của Sa Pa, dưới những dinh thự cũ kỹ của Sa Pa, Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước*".

1. **Nhân vật anh thanh niên**

**\* Hoàn cảnh sống và làm việc:**

- Nhân vật chính trong truyện làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu. Sống một mình trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m, quanh năm suốt tháng giữa cổ cây và mây núi Sa Pa. Công việc của anh là: *“đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dựa vào công việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu*”. Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao (nửa đêm đúng giờ ốp thì dù mưa tuyết, giá lạnh thế nào cũng phải trở dậy ra ngoài trời làm công việc đã quy định).

- Nhưng cái gian khổ nhất là phải vượt qua được sự cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng một mình trên đỉnh núi cao không một bóng người – một hoàn cảnh thật đặc biệt.

**\* Những nét đẹp trong việc làm, cách sống, suy nghĩ, tình cảm và quan hệ với mọi người.**

***a) Một người yêu nghề và có tinh thần trách nhiệm trong công việc***

- Một người yêu nghề, dám chấp nhận hi sinh:

+ Chấp nhận sống và làm việc trong một hoàn cảnh, môi trường đặc biệt: trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m, quanh năm chỉ có cỏ cây và mây mù lạnh lẽo.

+ Coi công việc như một người bạn: "Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được?...Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi, cháu buồn chết mất".

+ Tìm thấy những ý nghĩa trong công việc: "báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu".

+ Tự hào và hạnh phúc bởi anh không chỉ giúp ích cho lao động mà cả trong chiến đấu: Phát hiện một đám mây khô giúp không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mỹ trên cầu Hàm Rồng.

- Có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc:

+ Làm việc một mình trên đỉnh núi cao, không có ai dám sát xong anh vẫn luôn tự giác, tận tụy: Mỗi ngày đều bốn lần đi "ốp" để báo về nhà, không ngần ngại những đêm mưa tuyết,...

+ Tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, đúng giờ giấc và chính xác đến từng phút: Anh đếm từng phút trong cuộc gặp gỡ vì sợ hết ba mươi phút.

+ Anh luôn hoàn thành xuất sắc công việc của mình.

***=> Nhận xét:*** Anh thanh niên là hiện thân cho những con người lao động mới trong công cuộc xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước thêm giàu đẹp.

***b) Một người có tinh thần lạc quan và yêu tha thiết cuộc sống***

- Anh biết tạo ra niềm vui trong cuộc sống của mình bằng việc trồng đủ các loài hoa rực rỡ để làm đẹp cho ngôi nhà mình ở; nuôi gà, nuôi ong để làm giàu nguồn lương thực cho mình.

- Luôn tự trau dồi bản thân bằng cách đọc qua sách, để nâng cao hiểu biết và chất lượng cuộc sống.

- Không chỉ sắp xếp xếp, tổ chức công việc một cách khoa học,mà ngay trong cuộc sống anh cũng thật gọn gàng, ngăn nắp : Một căn nhà ba gian sạch sẽ khiến ông họa sĩ phải trầm trồ và bất ngờ.

***=> Nhận xét***: Tinh thần lạc quan đã làm điểm tựa vững bền giúp anh chủ động vượt lên hoàn cảnh còn nhiều khó khăn cả về vật chất lẫn tinh thần và tìm được niềm vui , ý nghĩa của cuộc sống.

***c) Một con người chân thành, cởi mở và hiếu khách***

- Thể hiện ở nỗi thèm người, muốn được nhìn ngắm, trò chuyện với con người. Vì thế, anh đã lấy khúc cây chắn ngang đường để dừng những chuyến xe hiếm hoi.

- Khi gặp được người thì anh mừng đến mức tất tả, cuống cuồng như không kiềm được cảm xúc: "Anh chạy vụt đi, cũng tất tả như khi đến", "Người con trai nói to những điều đáng lẽ người ta chỉ nghĩ".

- Anh là một người thân thiện, cởi mở ngay cả với những người mới gặp lần đầu : niềm nở, hồ hởi không giấu lòng, pha trà, tặng hoa và cả quà ăn đường.

- Trân trọng từng giây từng phút gặp gỡ: Đếm từng phút vì sợ hết mất ba mươi phút gặp gỡ vô cùng quý báu.

- Anh quan tâm, chu đáo đến cả những người tình cờ gặp gỡ và sẵn sàng yêu thương, sẻ chia: Nghe bác lái xe kể về việc vợ mình bị bệnh, anh đã lặng lẽ đi tìm củ tam thất để bác gái ngâm rượu uống.

***=> Nhận xét:*** Anh thanh niên xứng đáng trở thành biểu tượng cho phẩm chất và con người nơi mảnh đất Sa Pa.

***d) Một con người khiêm tốn***

- Công việc của anh đang làm góp một phần quan trọng cho những bước chuyển mình của đất nước: phục vụ sản xuất và phục vụ chiến đấu. Nhưng anh lại cho những đóng góp của mình là vô cùng nhỏ bé so với bao người khác.

- Khi ông họa sĩ xin ký họa chân dung, anh từ chối, e ngại : "Không, không, đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đánh cho bác vẽ hơn".

**\*** Qua những nét phác họa của Nguyễn Thành Long, anh thanh niên hiện lên thật chân thực, sinh động, đẹp đẽ. Giữa thiên nhiên im lặng, hắt hiu, giữa cái lặng lẽ muôn thuở của Sa Pa đã vang lên những âm thanh trong sáng, những sắc màu lung linh của những con người lao động mới như anh.

**3. Các nhân vật phụ**

***a) Nhân vật ông họa sĩ***

- Tuy không phải là nhân vật chính của truyện, nhưng ông họa sĩ có vị trí quan trọng, mang quan điểm trần thuật của tác giả. Người kể chuyện đã nhập vào cái nhìn và suy nghĩ của nhân vật ông họa sĩ để quan sát, miêu tả từ cảnh thiên nhiên đến nhân vật chính của truyện.

+ Trước hết, ông là một nghệ sĩ chân chính, nghiêm túc, say mê đi tìm cái đẹp: "Hơn bao nhiêu người khác, ông biết rất rõ sự bất lực của nghệ thuật, của hội họa trong cuộc hành trình vĩ đại của cuộc đời... Đối với chính nhà họa sĩ, vẽ bao giờ cũng là một việc khó, nặng nhọc, gian nan".

+ Ngay từ những phút đầu gặp anh thanh niên, ông họa sĩ đã xúc động và bối rối. " Vì họa sĩ đã bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước được biết. Ôi! Một nét thôi cũng đủ khẳng định một tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác" .

+ Trước chàng trai trẻ đáng yêu, ông họa sĩ bỗng thấy như "nhọc quá" vì những điều người ta suy nghĩ về anh.

+ Những lời tâm sự anh thanh niên, khiến ông chấp nhận những thử thách của quá trình sáng tác.

- Những cảm xúc và suy tư của ông họa sĩ về anh thanh niên và những vấn đề của nghệ thuật, của đời sống được gợi lên từ câu chuyện của anh thanh niên, đã làm cho chân dung nhân vật chính thêm sáng đẹp và tạo được chiều sâu tư tưởng của tác phẩm.

***b) Nhân vật cô kĩ sư***

- Cô kỹ sư là một hình ảnh đẹp đẽ, biểu tượng cho sức sống mãnh liệt của tuổi trẻ: cô vừa tốt nghiệp đã tình nguyện lên miền núi Lai Châu nhận nhiệm vụ.

+ Cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh thanh niên, được nghe những điều anh tâm sự, chia sẻ về bản thân và những người khác khiến cô "bàng hoàng".

+ Cái "bàng hoàng" như một sự va đập giúp cô bừng dạy những tình cảm và suy nghĩ lớn lao ,đẹp đẽ:

+ Cô đánh giá, kiểm điểm đúng hơn mối tình đầu nhạt nhẽo mà cô đã từ bỏ.

+ Vững tin và quyết tâm về quyết định cho chuyến ra đi đầu đời của mình.

+ Từ quý mến, khâm phục cô dần dần thấy biết ơn vô cùng anh thanh niên. Không phải chỉ vì bó hoa to mà anh tặng mà còn vì "một bó hoa nào khác nữa, bó hoa của những háo hức và mơ mộng ngẫu nhiên anh cho thêm cô".

- Cuộc gặp gỡ đã khơi lên trong tâm tư cô gái trẻ những tình cảm và suy nghĩ mới mẻ, cao đẹp về con người, về cuộc sống. Đó là sự đồng cảm về lý tưởng của thế hệ thanh niên Việt Nam thời chống Mỹ. Đồng thời, qua tâm tư, cảm xúc của cô kỹ sư, tao nhận ra vẻ đẹp và sức mạnh của nhân vật anh thanh niên.

***c) Nhân vật bác lái xe***

- Là người xuất hiện từ đầu tác phẩm, bác là người dẫn dắt, giới thiệu một cách sơ lược và kích thích sự chú ý về nhân vật chính của tác phẩm - "người cô độc nhất thế gian".

+ Bác là một người yêu nghề và có trách nhiệm với công việc: Đã có ba mươi năm lái xe và hiểu tường tận Sa Pa.

+ Là một con người niềm nở và cởi mở: trên khuôn mặt hồ hởi, bác giới thiệu về thiên nhiên và cảnh sắc Sa Pa; chia sẻ với ông họa sĩ và cô kỹ sư về anh thanh niên.

+ Có một tâm hồn nhạy cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên Sa Pa.

+ Bác là cầu nối giữa anh thanh niên với cuộc đời: Bác mua sách giúp anh; giới thiệu anh với những người bạn mới;...

- Mặc dù chỉ xuất hiện qua một vài chi tiết của truyện nhưng bác họa sĩ là một phần quan trọng giúp nhân vật anh thanh niên xuất hiện một cách tự nhiên và góp phần dẫn dắt chuyện.

***d) Những nhân vật được giới thiệu gián tiếp***

- Đó là những con người làm việc miệt mài, cống hiến thầm lặng: Anh bạn trên trạm đỉnh Phan- xi -păng cao 3142m; ông kỹ sư vườn rau dưới Sa Pa ngày ngày ngồi im trong vườn su hào rình xem cách ong lấy phấn, thụ phấn cho hoa su hào.

- Dám hy sinh cả tuổi trẻ và hạnh phúc cá nhân: Anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét, luôn trong tư thế sẵn sàng chờ sét,"nửa đêm mưa gió, rét buốt, mặc, cứ nghe sét là choáng choàng chạy ra" và mười một năm chưa ngày nào xa cơ quan.

\* Trong tác phẩm, những nhân vật này không xuất hiện một cách trực tiếp mà chỉ được giới thiệu gián tiếp qua lời kể của anh thanh niên. Song, họ đã thể hiện được những phẩm chất vàng trong tâm hồn, cách sống và góp phần làm sáng tỏ chủ đề, tư tưởng của truyện được mở rộng.

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

**Cho đoạn văn sau:** *(...)“Gian khổ nhất là là lần ghi vào báo về lúc một giờ sáng. Rét bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay ra tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vấn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: Nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung.” (...)* (Lặng lẽ Sa Pa – Nguyễn Thành Long – Sách Ngữ văn 9, tập 1)

**Câu 1:**Đoạn văn trên là lời của nhân vật nào, được nói ra trong hoàn cảnh nào?

**Câu 2:**Những lời tâm sự đó giúp em hiểu gì về hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật? Ngoài khó khăn được nói đến trong đoạn trích trên, hoàn cảnh sống của nhân vật còn có điều gì đặc biệt?

**Câu 3:**Bằng hiểu biết của em về tác phẩm, hãy cho biết: Trong hoàn cảnh ấy, điều gì đã giúp nhân vật trên sống yêu đời và hoàn thành tốt nhiệm vụ?

**Câu 4:**Chỉ ra một câu có sử dụng phép nhân hóa trong đoạn văn trên.

**Câu 5:**Viết một đoạn văn tổng phân hợp làm rõ nội dung sau: Những trang văn của Nguyễn Thành Long đã khắc hoạ thiên nhiên Sa Pa thật rực rỡ, nên thơ, giàu cảm xúc. (Đoạn văn có sử dụng phép liệt kê. Gạch 1 gạch chỉ rõ).

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** Đoạn văn trên là lời của nhân vật anh thanh niên, khi tâm sự với ông họa sĩ và cô kĩ sư về công việc của mình.

**Câu 2:** - Những lời tâm sự đó giúp em hiểu về hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật: Mỗi ngày anh phải gửi bản “ốp” về “nhà”, có những lúc tưởng chừng không thể làm được. Nửa đêm dù mưa tuyết, giá lạnh, đúng giờ “ốp” thì cũng phải trở dậy ra ngoài làm việc.

- Hoàn cảnh sống và làm việc của anh thanh niên khá đặc biệt:

+ Sống và làm việc một mình trên đỉnh núi cao 2600m, quanh năm làm bạn với mây mù và cây cỏ. Anh làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu . Công việc của anh là “đo gió, đo mưa, đo nắng,tính mây và đo chấn động mặt đất, dự báo thời tiết hằng ngày để phục vụ sản xuất và phục vụ chiến đấu”. Một công việc gian khó nhưng đòi hỏi sự chính xác, tỉ mỉ và tinh thần trách nhiệm cao.

+ Hoàn cảnh sống khắc nghiệt vô cùng bởi sự heo hút, vắng vẻ; cuộc sống và công việc có phần đơn điệu, giản đơn...là thử thách thực sự đối với tuổi trẻ vốn sung sức và khát khao trời rộng, khát khao hành động. Nhưng cái gian khổ nhất đối với chàng trai trẻ ấy là phải vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ quanh năm suốt tháng ở nơi núi cao không một bóng người.

**Câu 3:**Trong hoàn cảnh sống và làm việc đặc biệt ấy, điều đã giúp nhân vật anh thanh niên sống yêu đời và hoàn thành tốt nhiệm vụ là:

- Lòng yêu nghề và tinh thần trách nhiệm với công việc.

- Anh bíêt tổ chức sắp xếp cuộc sống của mình ở trạm khí tượng thật ngăn nắp, chủ động: Nuôi gà, trồng hoa, tự học và đọc sách ngoài giờ làm việc.

**Câu 4:**Chép một trong hai câu có sử dụng phép nhân hóa trong đoạn văn:

- “ Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới”.

- Hoặc là câu “Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: Nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống như những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung”.

### *Câu 5:*

### Đoạn văn tham khảo :

### (1) Lặng lẽ Sa Pa của của Nguyễn Thành Long đem đến cho người đọc thưởng thức bức tranh núi rừng rộng lớp cùng tây Bắc.

### *(2) Bức tranh thiên nhiên được miru tả từ xa đến gần, từ bầu trời đến mặt đất.*

(3) Xa xa núi cao, thác đổ trắng xóa, đường núi quanh co uốn lượng, câu cối rậm rạp, những đàn bò đủng đỉnh ăn cỏ trong những thung lũng ven đường, nắng len tới đốt cháy rừng cây… mây bị nắng xua đi cuộn tròn…

(4) Những vòm lá ướt sương…

(5) Đến gần là vờn hoa dơn, hoa thược dược vàng, tím, hồng phấn, tổ ong với đủ màu sắc rực rỡ do bàn tay của con người tạo ra.

***(6) Tất cả đã làm nên một bức tranh thiên nhiên đẹp kì lạ, hấp dẫn, gợi ra cho ta bao liên tưởng và khát khao về vúng đất thơ mộng.***

***- Phép liệt kê :***

(3) Xa xa núi cao, thác đổ trắng xóa, đường núi quanh co uốn lượng, câu cối rậm rạp, những đàn bò đủng đỉnh ăn cỏ trong những thung lũng ven đường, nắng len tới đốt cháy rừng cây… mây bị nắng xua đi cuộn tròn…

(5) Đến gần là vờn hoa dơn, hoa thược dược vàng, tím, hồng phấn, tổ ong với đủ màu sắc rực rỡ do bàn tay của con người tạo ra.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

Đọc *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long, hẳn các em còn nhớ: Khi được mời lên nhà anh thanh niên, họa sĩ đã nghĩ thầm: *"Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn".* Nhưng rồi, sau những câu chuyện anh kể, những việc anh làm, họa sĩ lại nghĩ: *"Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài. Mặc dù vậy, ông đã chấp nhận một sự thử thách".*

**Câu 1:**Em hiểu cách nhìn nhận, đánh giá của họa sĩ về nhân vật anh thanh niên đã thay đổi như thế nào? Vì sao có sự thay đổi đó? Ý nghĩ sự thay đổi đó là gì?

**Câu 2:**Bên cạnh nhân vật họa sĩ, còn nhiều nhân vật phụ khác cũng đã góp phần làm rõ tính cách nhân vật anh thanh niên. Đó là những nhân vật nào?

**Câu 3:**Viết đoạn văn phân tích nhân vật họa sĩ trong tác phẩm. Trong đoạn có sử dụng khởi ngữ và thành phần phụ chú. ( Yêu cầu: gạch chân dưới các thành phần đó)

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:**

**-** Cách nhìn nhận, đánh giá của họa sĩ với nhân vật anh thanh niên đã thay đổi; từ chưa hiểu đến hiểu, cảm phục.

- Sự thay đổi đó có được là do những điều họa sĩ chứng kiến,nghe, thấy, và cảm nhận từ anh thanh niên.

**Câu 2:**Bên cạnh nhân vật anh thanh niên, trong truyện còn có những nhân vật phụ khác góp phần làm rõ tính cách nhân vật anh thanh niên. Đó là bác lái xe, cô kĩ sư trẻ, ông họa sĩ, ông kĩ sư dưới vườn rau Sa Pa và anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét.

**Câu 3:**Viết đoạn văn:

\* Về nội dung: phân tích nhân vật họa sĩ với những biểu hiện sau:

- Tâm hồn nhạy cảm, mẫn cảm : Ông hoạ sĩ trong câu chuyện với người thanh niên mặc dù gặp gỡ rất ít phút, chỉ thoáng nghe người thanh niên kể chuyện về công việc của mình, ông cảm nhận ngay được nét đẹp tâm hồn của anh, ông cảm thấy rối bời bởi ông đã bắt gặp điều mà ông vẫn ao ước được biết »

- vẻ đẹp tâm hồn cao quý của người thanh niên.

- Là con người từng trải, hiểu đời, hiểu người sâu sắc - Là con người gắn bó với hội hoạ, có nhiều trăn trở về nghề nghiệp

=> lòng yêu nghề, say mê với nghề. Dấu ấn nghề nghiệp đã in dấu lênvẻ ngoài của ông

+ Sắp nghỉ hưu vẫn muốn vẽ tranh. ông hiểu vẽ là một công việc gian nan. Ông cảm thấy ngòi bút của mình dường như bất lực trong việc tái hiện lại vẻ đẹp cuộc sống con người. Chỉ có những người thực sự giỏi mới không tự bằng lòng với mình, tự thấy mình phải phấn đấu nhiều hơn nữa.

+ Ông càng xúc động trước những nét đẹp bình dị, đáng quý của anh thanh niên, ông càng khát khao sáng tác. Làm thế nào để phác hoạ được bức chân dung chàng trai, làm thế nào để người xem phát hiện được, cảm nhận được nét đẹp của anh như ông đang xúc động, làm thế nào để gửi gắm suy tư của ông vào bức tranh đó.

=> Quả thực ta thấy ông là một con người có tâm hồn nhạy cảm, có nhiều suy nghĩ sâu sắc về nghề nghiệp.

\* Về hình thức: đoạn văn phải có dùng khởi ngữ và thành phần phụ chú.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:**

**Câu 1:**Có người nhận xét rằng: Truyện “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long xây dựng trên cơ sở tình huống truyện đơn giản nhưng vẫn tạo được sức hấp dẫn. Tình huống truyện đó là gì?

**Câu 2:**Chủ đề của tác phẩm “Lặng lẽ Sa Pa” được tác giả nêu trực tiếp nhưng kín đáo trong câu văn giàu chất suy tưởng. Em có nhận ra câu văn đó không, hãy chép lại theo trí nhớ.

**Câu 3:**Cách sống của người thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh Yên Sơn đã gợi cho họa sĩ những thay đổi trong suy nghĩ về anh, khiến họa sĩ muốn thể hiện anh trong tác phẩm của mình. Hãy viết một đoạn văn từ 10 đến 12 câu theo cách quy nạp để làm rõ nhận xét trên. Trong đoạn có dùng một thành phần phụ chú ( Gạch chân dưới thành phần phụ chú đó)

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:**Tình huống của truyện “Lặng lẽ Sa Pa” là cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh cao Yên Sơn với ông họa sĩ già và cô kĩ sư mới ra trường.

**Câu 2:**Chủ đề của câu chuyện được thể hiện trong câu: ...Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước.

**Câu 3:**Viết đoạn văn:

\* Hình thức: độ dài khoảng 10 đến 12 câu, trình bày theo cách diễn dịch.

\* Ngữ pháp: có câu dùng thành phần phụ chú. Gạch chân.

\* Nội dung: làm rõ những đổi thay trong suy nghĩ của ông họa sĩ về nhân vật anh thanh niên, từ đó hiểu hơn về nhân vật chính.

- Suy nghĩ của ông họa sĩ khi thấy anh thanh niên lên nhà trước khách “Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp...” Tức là sống luộm thuộm, cẩu thả.

- Nhưng rồi qua lời anh kể, những điều ông chứng kiến, suy ngẫm, ông thấy người con trai ấy đáng yêu thật nhưng làm ông nhọc quá, ông hiểu gặp con người như anh là một cơ hội hạn hữu cho sáng tác, ông muốn thể hiện anh trong sáng tác của mình, làm thế nào đặt được tấm lòng mình vào trong tác phẩm...cho người xem hiểu được anh ta mà không phải như một ngôi sao xa...

- Như vậy, vẻ đẹp tâm hồn của anh thanh niên đã khơi dậy trong họa sĩ cảm hứng sáng tạo, tác động đến tâm hồn họa sĩ...

- Qua sự thay đổi thái độ đánh giá của họa sĩ với anh thanh niên, nhân vật được hoàn chỉnh và vẻ đẹp của nhân vật cũng tự nhiên gợi xúc cảm cho người đọc.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 5:**

**Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)**

*“Cháu có ông bố tuyệt lắm. Hai bố con cùng viết đơn xin ra lính đi mặt trận. Kết quả: bố cháu thắng một – không. Nhân dịp Tết, một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở Sa Pa. Không có cháu ở đấy. Các chú lại cử một chú lên tận đây. Chú ấy nói: nhờ có cháu góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy, tháng ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Đối với cháu, thật là đột ngột, không ngờ lại là như thế. Chú lái máy bay có nhắc đến bố cháu, ôm cháu mà lắc “Thế là một – hòa nhé!”. Chưa hòa đâu bác ạ. Nhưng từ hôm ấy, cháu sống thật hạnh phúc. Ơ, bác vẽ cháu đấy ư? Không, không, đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn.”*

(SGK Ngữ văn 9, Tập 1, NXBGD)**Câu 1:** Tác giả, tác phẩm và hoàn cảnh sáng tác của tp có đoạn trích trên.

**Câu 2:** Tìm câu văn có chứa thành phần khởi ngữ và gạch chân dưới thành phần khởi ngữ.  
**Câu 3:** Em có cảm nhận gì về nhân vật anh thanh niên qua đoạn trích trên?   
**Câu 4 :** Trong đoạn trích trên, nhân vật anh thanh niên có nói: “Nhưng từ hôm ấy, cháu sống thật hạnh phúc”. Em hiểu như thế nào về niềm hạnh phúc của nhân vật đó? Quan niệm của em về hạnh phúc?

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** Tác giả: Nguyễn Thành Long- Tác phẩm: *Lặng lẽ Sa pa*

- Hoàn cảnh sáng tác: năm 1970, sau chuyến đi thực tế ở Lào Cai, In trong tập “Giữa trong xanh”

**Câu 2:** Câu văn có chứa thành phần khởi ngữ: *Đối với cháu, thật là đột ngột, không ngờ lại là như thế.*

**Câu 3:** Cảm nhận được các vẻ đẹp sau của anh thanh niên:   
- Nhiệt tình, hăm hở cống hiến. Đóng góp tích cực cho cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước.  
- Khiêm nhường, vô tư, hồn nhiên  
- Tình cảm gia đình và tình cảm yêu nước hòa quyện, gắn bó.  
- Có quan niệm sống tích cực. lí tưởng sống đẹp

**Câu 4:** Niềm hạnh phúc của anh thanh niên:   
- Anh đã góp phần phát hiện đám mây khô giúp không quân ta hạ máy bay phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Đó là niềm vui được cống hiến, được làm việc có ích cho đất nước.  
- Còn một lí do nữa khiến anh vui sướng là bằng sự làm việc hăng say, nhiệt tình, anh đã lập chiến công và có thể thi đua cùng người cha đang trực tiếp tham gia chiến đấu. Niềm hạnh phúc của chàng trai trẻ là được cùng sống và làm việc với những người thân yêu nhất vì mục đích cao cả: xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.  
\* Từ việc cảm nhận niềm hạnh phúc của anh thanh niên trong đoạn văn trên, HS nêu quan niệm riêng của mình về hạnh phúc. Chú ý quan niệm ấy phải phù hợp với lứa tuổi và hoàn cảnh sống hiện tại: là học sinh ngồi trên ghế nhà trường, sống trong thời bình.

Ví dụ: Hạnh phúc là được học tập, được theo đuổi những khát vọng chân chính; được thực hiện những ước mơ đem lại cuộc sống tốt đẹp cho bản thân, góp phần đem lại lợi ích chung cho xã hội; hạnh phúc là được sống trong một gia đình êm ấm, thương yêu…

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 6:**

Đọc đoạn trích và thực hiện các yêu cầu sau:

“ *Những nét hớn hở trên mặt người lái xe chợt duỗi ra rồi bẵng đi một lúc, bác không nói gì nữa. Còn nhà họa sĩ và cô gái cũng nín bặt, vì cảnh trước mặt bỗng hiện lên đẹp một cách kì lạ. Nắng bây giờ bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tít trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe. Giữa lúc đó, xe dừng sít lại. Hai ba người kêu lên một lúc:*

*- Cái gì thế ?*

*Bác lái xe xướng to:*

*- Cho xe nghỉ một lúc lấy nước. Luôn tiện bà con lót dạ. Nửa tiếng, các ông, các bà nhé.*

*Trong lúc mọi người xôn xao vui vẻ phía sau lưng, người lái xe quay sang nhà họa sĩ nói vội vã:*

*- Tôi sắp giới thiệu với bác một trong những người cô độc nhất thế gian. Thế nào bác cũng thích vẽ hắn.*”

                                            (Ngữ văn 9, tập I)

**Câu 1:** Đoạn văn trên trích trong tác phẩm nào? Tác giả là ai?

**Câu 2:** Nhân vật được giới thiệu là "*người cô độc nhất thế gian*" trong tác phẩm đó là nhân vật nào? Vì sao nhân vật đó lại được giới thiệu là "*cô độc nhất thế gian*"?

**Câu 3:** Các lời thoại của bác lái xe trong đoạn trích là cách dẫn trực tiếp hay gián tiếp?

**Câu 4:** Trong câu “*Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tít trong nắng những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng*.”, từ “*đầu”* nào dùng theo nghĩa gốc và từ “*đầu*” nào dùng theo nghĩa chuyển?

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:**

- Đoạn văn trên được trích từ tác phẩm "Lặng lẽ Sa Pa"

- Tác giả Nguyễn Thành Long

**Câu 2:**

- Nhân vật được giới thiệu là "người cô độc nhất thế gian" trong tác phẩm đó là nhân vật Anh thanh niên làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu .

- Sở dĩ anh được giới thiệu là "người cô độc nhất thế gian" bởi: anh sống và làm việc một mình trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m, quanh năm chỉ có cây cối và mây mù bao phủ, đã bốn năm anh chưa về nhà, anh "thèm người" đến nỗi có lần phải chặt cây chắn đường chặn xe mong gặp người để trò chuyện.

**Câu 3:** Các lời thoại của nhân vật Bác lái xe trong đoạn văn trên là lời dẫn trực tiếp

**Câu 4:**

- Từ "đầu" trong cụm từ "cao quá đầu" là từ nghĩa gốc

- Từ "đầu" trrong cụm từ  "nhô cái đầu màu hoa cà" là từ ngữ nghĩa chuyển

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 7:**

**Đọc đoạn trích sau rồi trả lời câu hỏi:**

*"Phải, người họa sĩ già vừa nói chuyện, tay vừa hí hoáy vào cuốn sổ tì lên đầu gối. Hơn bao nhiêu người khác, ông biết rất rõ sự bất lực của nghệ thuật, của hội họa trong cuộc hành trình vĩ đại là cuộc đời.* ***Ông thấy ngòi bút của ông bất lực trên từng chặng đường đi nhỏ của ông, nhưng nó như là một quả tim nữa của ông, hay chính là quả tim cũ được “đề cao” lên, do đó mà ông khao khát, mà ông yêu thêm cuộc sống****. Thế nhưng, đối với chính nhà họa sĩ, vẽ bao giờ cũng là một việc khó, nặng nhọc, gian nan. Làm một bức chân dung, phác họa như ông làm đây, hay rồi vẽ dầu, làm thế nào làm hiện lên được mẫu người ấy? Cho người xem hiểu được anh ta, mà không phải hiểu như một ngôi sao xa? Và làm thế nào đặt được chính tấm lòng của nhà họa sĩ vào giữa bức tranh đó? Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài. Mặc dù vậy, ông đã chấp nhận sự thử thách."*

( Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sapa)

**Câu 1:** đoạn trích trên nói về ai? Trong đoạn trích trên chủ yếu sử dụng kiểu ngôn ngữ nào?

**Câu 2:** Ghi lại 1 câu văn trong đoạn trích có thành phần biệt lập và cho biết đó là thành phần biệt lập nào?

**Câu 3:** Bộ phận in đậm trong câu văn “*Ông thấy …cuộc sống*” sử dụng biện pháp tu từ gì? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ ấy?

**Câu 4:** Trình bày cảm nhận của em về nhân vật người họa sĩ già trong đoạn trích trên bằng 01 đoạn văn diễn dịch (khoảng 10 dòng).

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** đoạn trích trên nói về ông họa sĩ. Đoạn trích chủ yếu sử dụng ngôn ngữ độc thoại nội tâm.

**Câu 2:** “*Chao ôi ta bắt gặp…..chặng đường dài*”. TPBL *chao ôi*- TPCT.

**Câu 3:** sd biện pháp so sánh.

Td: cho thấy tầm quan trọng của ngòi bút người họa sĩ già trong việc tạo nên sự sống đích thực của cđ ông.

**Câu 4:** Ông có những suy nghĩ rất đẹp về nghệ thuật và con người:

- Ông là một người nghệ sĩ chân chính luôn khao khát nghệ thuật, khát khao sáng tác. Luôn tìm kiếm vẻ đẹp trong cuộc sống để đưa vào nghệ thuật.

- Ông luôn trăn trở phải vẽ được cái gì mà suốt đời mình thích.

- Ông là người nghệ sĩ nhiều kinh nghiệm và óc quan sát tinh tế: (căn phòng, vườn hoa và chân dung anh thanh niên đều được miêu tả qua lăng kính của người họa sĩ).

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 8:**

Cho đoạn trích sau : *. . ."Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, nhưng hoàn thành sáng tác còn là một chặng đường dài. Mặc dù vậy, ông đã chấp nhận sự thử thách* . *.* .”

**Câu 1:** Những câu văn trên được rút ra từ tác phẩm nào, của ai? Nêu hoàn cảnh sáng tác của tác phẩm ấy? Nhà văn trần thuật câu chuyện theo điểm nhìn của nhân vật nào? Cách trần thuật đó góp phần như thế nào để tạo nên sự thành công của truyện?

**Câu 2:** Xác định một thành phần biệt lập và một phép liên kết câu trong đoạn trích đó.

**Câu 3:** Từ nội dung đoạn trích trên đây, em hãy nhận xét, đánh giá về nhân vật *ông* bằng 3 câu văn.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:**HS nêu đúng

- Tên tác phẩm: "Lặng lẽ Sa Pa" - Tác giả: Nguyễn Thành Long

- Hoàn cảnh sáng tác: Sau chuyến đi lên Lào Cai trong mùa hè năm 1970 của tác giả; khi đó miền Bắc tiến lên xây dựng CNXH, xây dựng cuộc sống mới, là hậu phương lớn cho miền Nam chống M cứu nước.

Nhà văn trần thuật câu chuyện theo điểm nhìn của nhân vật ông hoạ sĩ

Tác dụng: *+* Chân dung nhân vật chính là anh thanh niên được hiên dần lên một cách khách quan, chân thực, có chiều sâu tư tưởng, nổi bật chất trữ tình qua sự cảm nhận tinh tế của một con người từng trải, có con mắt nghệ thuật.

*+* Có thể chủ động điều chỉnh nhịp kể (hoặc có thể kể một cách linh hoạt), xen vào nội dung kể những dòng suy nghĩ bình luận, cảm xúc để câu chuyện có chiều sâu tư tưởng, góp phần làm rõ chủ đề câu chuyện: Ca ngợi những con người lao động âm thầm lặng lẽ, cống hiến hết sức mình cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước.

**Câu 2;**Thành phần biệt lập cảm thán: *Chao ôi*

Phép liên kết nối: *Mặc dù vậy*

**Câu 3:**HS diễn đạt bằng một vài câu văn đúng ngữ pháp, với nội dung nhận xét đánh giá: ông hoạ sĩ là người khao khát, quyết tâm tìm đối tượng cái đẹp của nghệ thuật hội hoạ trong cuộc sống con người

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 9:**

**Đọc đoạn trích sau:**

Họa sĩ nghĩ thầm*: “Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn”. Ông rất ngạc nhiên khi bước lên bậc thang bằng đất, thấy người con trai đang hái hoa. Còn cô kĩ sư chỉ “ồ” lên một tiếng! Sau gần hai ngày, qua ngót bốn trăm cây số đường dài cách Hà Nội, đứng trong mây mù ngang tầm với chiếc cầu vồng kia, bỗng nhiên lại gặp hoa dơn, hoa thược dược, vàng, tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong,… ngay lúc dưới chân kia là mùa hè, đột ngột và mừng rỡ, quên mát e lệ, cô chạy đến bên người con trai đang cắt hoa. Anh con trai, rất tự nhiên nhứ với một người bạn đã quen thân, trao bó hoa đã cắt cho người con gái, và cũng rất tự nhiên, cô đỡ lấy.*

*(Lặng lẽ Sa Pa, Nguyễn Thành Long, SGK* Ngữ văn 9)

**Câu 1:**Cô họa sĩ trong đoạn văn trên giữ vai trò như thế nào trong tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa*?

**Câu 2:**Giải thích ý nghĩa nhan đề tác phẩm?

**Câu 3:**Đoạn văn trên giúp em hiểu gì về nhân vật anh thanh niên – nhân vật chính trong truyện?

**Câu 4**.Vì sao ông họa sĩ rất bất ngờ, ngạc nhiên?

**Câu 5:**Ứng xử của anh thanh niên trong đoạn văn trên đã để lại ấn tượng tốt đẹp. Từ nhận xét đó, em hãy trình bày suy nghĩ của mình về cách ứng xử đối với mọi người trong cuộc sống bằng một đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:**

- Góp phần làm nổi bật tư tưởng, chủ đề của truyện

- Làm nổi bật vẻ đẹp của anh thanh niên

- Cô cũng là một đại diện tiêu biểu cho vẻ đẹp của thanh niên thế hệ lúc bấy giờ

**Câu 2:**

*“Lặng lẽ Sa Pa”*: Đảo ngữ ⟶ Gợi:

+ Khung cảnh êm đềm, thanh tĩnh của miền đất Sa Pa.

+ Ẩn dụ: Vẻ đẹp của con người và cuộc sống Sa Pa. (Cuộc sống thanh bình, con người khiêm nhường). Những vẻ đẹp ấy tiềm ẩn, lắng xuống chiều sâu chứ không khoa trương, ồn ã.

**Câu 3:**Anh thanh niên là một người có tinh thần trách nhiệm trong cuộc việc; là người gọn gàng, biết thu xếp cuộc sống, là người lạc quan, yêu đời.

**Câu 4**: Ông họa sĩ bất ngờ vì:  
-Cách nhìn nhận đánh giá về anh thanh niên của ông họa sĩ có sự thay đổi: từ chưa hiểu đến hiểu và cảm phục. Lúc đầu, ông chưa gặp, chưa hiểu về anh thanh niên. Sau đó ông được chứng kiến, được nghe và cảm nhận về anh.  
-Anh còn trẻ, sống một mình nhưng rất gọn gàng, ngăn nắp, khoa học

**Câu 5:**

\* **Yêu cầu về kĩ năng:**

- Đúng phương pháp kiểu bài nghị luận xã hội.

- Có bố cục và hệ thống ý tương đối rõ ràng .

- Biết vận dụng và phối hợp các thao tác nghị luận (giải thích, chứng minh…).

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp; trình bày rõ ràng.

- Dựng đoạn có sự liên kết khá tốt.

- Bài làm viết một đoạn văn

**\* Yêu cầu về kiến thức:**

- **Mở đoạn: Giới thiệu:**

Ứng xử: cách cư xử, giao tiếp, trò chuyện, trao đổi với nhau bằng những hành động rất đời thường hằng ngày. Tuy nhiên đối phương có thể nhìn vào đó để đánh giá được con người bạn như thế nào.

**- Thân đoạn:**

- Vì sao cần cư xử có văn hóa?

+ Tạo nên mối quan hệ tốt đẹp, hài hòa với mọi người

+ Đánh giá được bản thân mỗi người….

- Những người ứng xử có văn hóa luôn được mọi người yêu quý, tôn trọng.

- Nhưng bên cạnh đó vẫn còn những người ứng xử thiếu văn hóa, nói tục, chửi bậy,…

- Liên hệ bản thân

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 10:**

**Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

- *Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu nghĩ ngay ngôi sao lẻ loi kia một mình. Bây giờ làm nghề này cháy không nghĩ như vậy nữa. Và khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được. Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đ, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai chả “thèm” ở bác? Minh sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy.*

(Trích Ngữ văn 9,  tập một, NXB Giáo dục)

**Câu 1:**Đoạn văn trên là lời của ai nói với ai? Lời nói đó được nói trong hoàn cảnh nào. Hình thức ngôn ngữ nào được sử dụng trong đoạn trích? Dấu hiệu giúp em nhận ra điều ấy?

**Câu 2:**Đọc đoạn trích trên em thấy nhận vật cháu có những phẩm chất gì?

**Câu 3.**Câu văn: “Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc” giúp em hiểu gì về nhân vật trong truyện?

**Câu 4:**Từ phẩm chất của nhân vật cháu trong đoạn trích trên và những hiểu biết về thực tế cuộc sống, em hãy trình bày suy nghĩ về nhiệt huyết của thế hệ trẻ Việt Nam đối với con người và cuộc đời trong giai đoạn hiện nay bằng một đoạnvăn có độ dài khoảng 2/3 trang giấy thi.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1.**

- Lời của anh thanh niên nói với bác họa sĩ

- Hoàn cảnh: cuộc trò chuyện của anh thanh niên với bác họa sĩ khi bác lên thăm nhà của anh trên đỉnh Yên Sơn

- Hình thức ngôn ngữ: Đối thoại

- Dấu hiệu: Bắt đầu bằng gạch đầu dòng, báo hiệu lời nói đối thoại trong cuộc giao tiếp.

- Tên nhân vật: anh thanh niên

- Hình thức ngôn ngữ: đối thọai

- Dấu hiệu: dấu gạch đầu dòng đánh dấu lời nói trực tiếp

**Câu 2.** Phẩm chất của anh thanh niên:

- Có quan niệm đúng đắn về công việc: ta với việc là một đôi, không thấy cô đơn, lẻ loi.

- Anh không lẻ loi, đơn độc mà tìm thấy những người bạn đồng hành trên con đường mình đã chọn: ông kĩ sư vườn rau Sa Pa, anh cán bộ địa chất lập bản đồ sét

- Yêu công việc của mình

- Lối sống đẹp, có tinh thần trách nhiệm cao.

**Câu 3:** Anh thanh niên là người: Anh đã có những suy nghĩ thật đúng, thật giản dị mà sâu sắc về công việc, về cuộc sống. Có lẽ đây là những tâm sự chân thành và sâu sắc nhất của anh: “…mình vì ai mà làm việc”. Dù đang một mình nhưng anh tự hiểu mình đang cùng với bao nhiêu người khác làm việc, làm việc vì con người, vì cuộc sống, nên không còn thấy cô đơn nữa.  
**Câu 4.** Đoạn văn cần đảm bảo một số nội dung sau:

- Nhiệt huyết là lòng đam mê, hăng say khi thực hiện một công việc nào đó

- Lòng nhiệt huyết là yếu tố cần thiết để giúp chúng ta thành công đặc biệt là thế hệ trẻ.

- Ý nghĩa của lòng nhiệt huyết:

+ Động lực thôi thúc ta không ngừng cố gắng.

+ Là động lực giúp ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách

+ Giúp ta vươn đến thành công

+ Thúc đẩy xã hội phát triển….

- Mở rộng:

+ Bên cạnh đó vẫn còn những kẻ sống hợi hợt không có mục tiêu, không có nhiệt huyết phấn đấu

+ Những kẻ như vậy dễ dàng thất bại, và là một trong những yếu tố khiến xã hội thụt lùi

- Liên hệ bản thân

**BÀI 3 : CHIẾC LƯỢC NGÀ**

***Nguyễn Quang Sáng***

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Nguyễn Quang Sáng – sinh năm 1932, quê ở huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.  - Trong kháng chiến chống Pháp, ông tham gia bộ đội, hoạt động ở chiến trường Nam Bộ. Từ sau 1954, tập kết ra miền Bắc, Nguyễn Quang Sáng bắt đầu viết văn. Những năm chống Mỹ ông trở về Nam Bộ tham gia kháng chiến và tiếp tục sáng tác văn học.  - Tác phẩm của Nguyễn Quang Sáng có nhiều thể loại truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản phim và hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ trong 2 cuộc kháng chiến cũng như sau hoà bình.  - Phong cách sáng tác : Truyện ngắn của Nguyễn Quang Sáng là lối viết chân chất, mộc mạc, bình dị với giong văn đậm chất Nam Bộ. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Truyện ngắn "Chiếc lược ngà” được viết năm 1966 khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ. Đây là giai đoạn mà cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra ác liệt.  - Truện được in trong tập truyện ngắn cùng tên. |
| ***Thể loại*** | Truyện ngắn |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | ***-***Chiếc lược ngà là hình ảnh, chi tiết trung tâm của tác phẩm, gắn kết cuộc đời, tính cách của các nhân vật và góp phần khắc họa sâu nội dung truyện.  - Với bé Thu, chiếc lược ngà là mơ ước, là món quà đầu tiên và cũng là kỷ vật cuối cùng của người cha. Bởi vậy, chiếc lược ngà *là kỷ vật, là hình ảnh của người cha.*  - Với ông Sáu, chiếc lược ngà không chỉ là món quà ông dành tặng con mà còn là hình bóng của cô con gái yêu quý. Bởi vậy, chiếc lược ngà *là tất cả tình thương nỗi nhớ* ông gửi gắm cho cô con gái bé bỏng.  - Với bác Ba, chiếc lược ngà *là sự trao gửi thiêng liêng giữa người cán bộ cách mạng* với đứa con gái của người đồng đội đã nằm lại nơi chiến trường.  - Với cha con ông Sáu, chiếc lược ngà là biểu tượng thiêng liêng bất diệt và cầu nối tình cảm sâu nặng của hai cha con. |
| ***Bố cục***  3 phần | - Phần 1 (từ đầu đến "chị cũng không muốn bắt nó về"): Ông Sáu trở về thăm nhà trong ba ngày nghỉ phép nhưng bé Thu không nhận ông là ba.  - Phần 2 (tiếp theo đến "vừa nói vừa từ từ tuột xuống"): Bé Thu nhận ra ba và cuộc chia tay của hai cha con.  - Phần 3 (đoạn còn lại): Ông Sáu hi sinh ở chiến trường và chuyện chiếc lược ngà. |
| ***Tóm tắt*** | - Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến. Mãi đến khi con gái lên tám tuổi ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Bé Thu – con ông – không nhận ra cha vì vết thẹo trên mặt làm ông không giống với người cha trong bức ảnh mà em biết. Em đối xử với ba như với người xa lạ. Cho đến lúc em nhận ra cha, tình cha con trỗi dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải ra đi.  - Ở khu căn cứ, người cha ấy đã dồn hết tình cảm yêu thương và nỗi nhớ mong con vào một việc làm một chiếc lược bằng ngà voi để tặng cô con gái bé bỏng. Trong một trận càn, ông đã hy sinh. Trước lúc nhắm mắt, ông còn kịp trao cây lược ngà nhờ người bạn gửi về cho con gái của mình. |
| ***Ngôi kể*** | Thứ nhất |
| ***Chủ đề*** | Truyện kể về tình cảm cha con sâu nặng của ông Sáu và bé Thu, qua đó tác giả ca ngợi tình cha con sâu nặng, tình đồng đội thiết tha trong cảnh ngộ éo le thời chiến tranh, đồng thời ca ngợi truyền thống cách mạng yêu nước của người nông dân Nam Bộ. |
| ***Giá trị nội dung*** | thể hiện tình cha con cảm động và sâu nặng trong hoàn cảnh éo le, khắc nghiệt của chiến tranh. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | tình huống bất ngờ, tự nhiên, hợp lý; thành công trong việc miêu tả tâm lý và xây dựng tính cách nhân vật, đặc biệt là nhân vật trẻ em (bé Thu). |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Tình huống truyện :*\* Tác giả đã xây dựng hai tình huống truyện đặc sắc:***

- Tình huống thứ nhất: Cuộc gặp gỡ của hai cha con ông Sáu sau tám năm xa cách, nhưng thật trớ trêu là bé Thu không nhận cha, đến lúc em nhận ra và biểu lộ tình cảm thắm thiết thì ông Sáu lại phải ra đi. Đây là ***tình huống cơ bản*** của truyện.

- Tình huống thứ hai: ở khu căn cứ, ông Sáu dồn tất cả tình yêu thương và mong nhớ đứa con vào việc làm cây lược ngà để tặng con, nhưng ông Sáu đã hy sinh khi chưa kịp trao món quà ấy cho con gái.

=> Nếu tình huống thứ nhất bộc lộ tình cảm mãnh liệt của bé Thu với cha thì tình huống thứ hai lại biểu lộ tình cảm sâu sắc của người cha với đứa con.

***\* Ý nghĩa:*** - Tình huống truyện kịch tính, chứa nhiều yếu tố bất ngờ tạo nên nghệ thuật tắt nút. Từ đó, thể hiện tình cảm cha con thiêng liêng, sâu nặng.

- Đặt nhân vật vào những tình huống éo le, làm cho những tình cảm được đẩy lên cao trào. Qua đó, tác giả muốn khẳng định một điều hết sức thiêng liêng: tình cảm cha con là thứ tình cảm bất tử, không súng đạn nào chia cắt được.

**2. Nhân vật bé Thu:*\* Hoàn cảnh của bé Thu:***

  - Bé Thu sinh ra trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh, cha phải đi lính chiến đấu chống giặc, bé Thu chỉ biết cha qua một tấm ảnh chụp.

- Sau tám năm dòng xa cách, ông Sáu- cha của bé trở thăm nhà, thật trớ trêu thay, bé Thu lại không nhận ra cha và tỏ thái độ lảng tránh ông.

***a. Trước khi bé Thu nhận ra ông Sáu là ba:***

- Thoạt đầu, khi thấy ông Sáu vui mừng, vồ vập mình, Thu tỏ ra ngờ vực, lảng tránh và sợ hãi chạy đi. Cảnh gặp gỡ diễn ra trong phút chốc nhưng cũng khiến người đọc không cầm được nước mắt.

- Trong những ngày ông Sáu ở nhà, bé Thu có thái độ ngang ngạnh, thậm chí hỗn xược với ông Sáu.

- Thu xa lánh ông Sáu trong khi ông Sáu luôn tìm cách vỗ về, Thu nhất quyết không chịu gọi tiếng ba.

    - Má dọa đánh, Thu buộc phải gọi ông Sáu vô ăn cơm, nhờ ông chắt nước cơm nhưng lại nói trổng.

    - Bị dồn vào thế bí nó nhăn nhó muốn khóc nhưng tự lấy rá chắt nước cơm chứ không chịu gọi ba.

    - Thu hất tung cái trứng cá ra mâm, cơm văng tung tóe, bị ba đánh đòn nhưng cô không khóc mà chạy sang nhà ngoại.

***\* Nhận xét:*** Sự ngang ngạnh và hành động ngang ngược của Thu không đáng trách. Cô bé không nhận ông Sáu là cha vì cô bé chỉ nhớ một người duy nhất là cha, đó là người chụp chung ảnh với má. Ông Sáu có thêm vết thẹo trên má khi bị thương nên khác với người trong ảnh. Đó thực sự là tình yêu thương sâu sắc và cảm động mà Thu dành cho người cha của mình.

Miêu tả thái độ, hành động bất thường của cô bé, tác giả đã tái hiện hoàn cảnh éo le trong chieeasn tranh; đồng thời khắc họa được hình ảnh một cô bé đầy cá tính.  
***b. Khi bé Thu nhận ra ông Sáu là ba:***

- Được bà ngoại trò chuyện, tìm ra lí do Thu không nhận ông Sáu là cha và khuyên nhủ, con bé lăn lộn suốt đêm không ngủ được, nó ân hận rồi căm thù giặc và thương ba nó vô hạn.

- Không còn ngang ngạnh, cau có, cố chấp mà thay vào đó là khuôn mặt “sầm lại buồn rầu” và “ nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa”.

- Khi cô bé bắt gặp cái nhìn trìu mến và và buồn rầu cảu ba thì “ đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao”.

    + Tiếng gọi ba cất lên trong sâu thẳm tâm hồn bé bỏng của con bé, sự khao khát tình cha con bị kìm nén bỗng bật lên, tiếng gọi suốt 8 năm chờ đợi.

    + “Nó vừa kêu vừa chạy xô tới dang hai chân ôm lấy cổ ba nó”. Nó hôn khắp người ông Sáu và hôn cả vết sẹo dài trên má ông

    + Hai tay Thu ôm chặt cổ ba, chân quắp chặt lấy ba không muốn ông Sáu rời đi: “ Ba! Không cho ba đi nữ! Ba ở nhà với con!” Đây là một ước mơ rất thực. Em không muốn rời xa ba của mình khi đã nhận ra ba, em khao khát được bù đắp những thiếu thốn tình cảm mà chiến tranh đã cắt lìa.

+ Khi buộc phải chia tay, Thu ao ước được ba mua cho cây lược ngà, cho thấy cô muốn có vật kỉ niệm của ba để được thấy ba luôn bên mình.

***\* Nhận xét:*** Bé Thu có tình yêu thương cha mãnh liệt, vô bờ. Miêu tả những biến đổi tình cảm của bé Thu, tác giả đã một lần nữa tô đậm tình yêu thương ba của cô bé. Qua đó, ta thấy Thu bướng bỉnh, cá tính nhưng cũng rất giàu tình cảm.

**2. Nhân vật ông Sáu:**

***\* Hoàn cảnh:*** Ông Sáu là một nông dân Nam Bộ, tham gia kháng chiến từ năm 1946, khi con gái chưa được một tuổi, lúc con lên tám tuổi ông mới được về thăm quê ba ngày.

***a. Trong ba ngày phép về thăm nhà:***

   - Trong những ngày ông về thăm quê, giây phút gặp lại con sau bao năm xa cách, ông Sáu hết sức vui mừng.

  + Háo hức, vội vã, nôn nóng mong gặp con: nhảy lên bờ, bước vội: “ không thể chờ xuồng cập lại bến, anh nhón chân nhảy thót lên, xô chiếc xuồng tạt ra… vội vàng với những bước chân dài”.

+ Kêu to gọi con đầy xúc động: “ Thu! Con”.

   + Sừng sờ, bàng hoàng khi con bỏ chạy: mặt sầm lại, hai tay buông xuống.

⇒ Những từ miêu tả: “ đứng sứng lại”, “ mặt anh sầm lại” và “ tay buông xuống như bị gãy” đã diễn tả được nỗi đau dường như quá lớn, quá sức chịu đựng với ông Sáu. Ông Sáu đang xúc động thì phải nhận sự sợ hãi, xa lánh của bé Thu, tâm trạng từ trông chờ, vui sướng trở thành bàng hoàng, đau đớn.

- Thời gian ở bên con:

+ Ông Sáu chỉ ở nhà với con, chờ con gọi một tiếng “ba”, lúc nào cũng “ lúc nào cũng vỗ về con”. Ông muốn bù đắp tình cảm cho con.

+ Mọi sự cố gắng của ông từ giả vờ không nghe con gọi khi nó nói trỏng, không giúp con chắt nước cơm, gắp thức ăn cho con là một sự nỗ lực đau đớn của người cha khi con gái không nhận mình. Cảm xúc đau đớn dồn nén đến tức giận, ông đánh con.

   - Cảnh chia li:

+ Ông không dám lại gần con bé, ánh mắt của ông trìu mến lẫn buồn rầu, bất lực nhìn con gái.

+ Khi con gái nhận và ôm chặt lấy mình, ông Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con.

+ Ông hứa vơi con bé sẽ trở về với chiếc lược ngà tặng con.

⇒ Tình phụ tử đã vượt qua sự ngăn cách của thời gian, của chiến tranh. Ông Sáu đã nhận được sự công nhận và yêu thương của bé Thu.

***b. Trong những ngày ông ở căn cứ:***

- Ông thương nhớ con, ân hận vì mình đã đánh con.

- Tình yêu thương con dồn vào việc thể hiện lời hứa với con, làm cho con một chiếc lược ngà.

- Tự ông đi tìm ngà voi rồi tự tay ông ngồi cưa từng cái răng lược, thận trọng, khổ công như một người thợ bạc gò lưng, tỉ mỉ khắc lên đó một dòng chữ: “Yêu nhớ tặng Thu – con của ba”. Thỉnh thoảng những lúc rảnh rỗi, ông lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho thêm bóng, thêm mượt…

-> Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ thành một nghệ nhân chỉ sáng tạo ra một sản phẩm duy nhất trong đời. Cho nên cây lược ngà kết tinh trong nó tình phụ tử: mộc mạc mà đằm thắm, sâu sa, đơn sơ mà kỳ diệu.

+ Khi bị thương nặng, biết không thể sống được, ông đã dồn tất cả tàn lực của mình làm một việc: “đưa tay vào túi móc cây lược đưa lại cho ông Ba” như trao lại lời trăng trối cuối cùng, tuy không thành lời nhưng nói rõ ràng, thiêng liêng hơn cả một lời di chúc. Bởi đó là uỷ thác, là ước nguyện cuối cùng đối với người bạn thân.

⇒ Ông Sáu đã dồn tất cả tình cảm của mình dành cho con vào việc làm chiếc lược ngà. Dẫu cây lược đó chưa lần nào được chải trên mái tóc của bé Thu nhưng đã phần nào gỡ rối những mối tơ long, vơi đi nỗi dày vò ân hận và nuôi dưỡng khát vọng đoàn viên. Chiếc lược ngà là vật chứa đựng biết bao yêu thương, nhung nhớ của ông Sáu dành cho con gái. Đó là một tín vật của tình phụ tử. Đó cũng là một lời hứa với con gái của ông. Dù ông không thể trở về, nhưng chiếc lược minh chứng cho tình yêu của ông dành cho con vẫn còn đó. Chiếc lược ngà -biểu tượng cao quý của tình cha con giữa ông Sáu và bé Thu.

**\* Đánh giá:**

   - “ Chiếc lược ngà” là một trong những truyện ngắn tiêu biểu, sáng tác trong thời kì kháng chiến, ca ngợi tình cảm gia đình, tình đồng chí, niềm tin và khát vọng hòa bình.

- Cốt truyện chặt chẽ, cách lựa chọn tình huống bất ngờ mà tự nhiên, hợp lý.

- Lựa chọn ngôi kể, cảnh kể và ngôn ngữ lời thoại cho nhân vật…

-> Góp phần không chỉ làm cho câu chuyện đảm bảo tính khách quan, chân thực, tin cậy mà còn hoàn toàn chủ động điều khiển nhịp kể và dẫn dắt nội dung câu chuyện theo dòng cảm xúc của mình.

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

**Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

*“Những lúc rảnh rỗi, anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc…Không bao lâu sau, cây lược được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược cho con gái, cây lược dùng để chải mái tóc dài, cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng được khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tẩn mẩn khắc từng nét: “ Yêu nhớ tặng Thu con của ba”. Cây lược ngà ấy chưa chải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh. Những đêm nhớ con, anh ít nhớ đến nỗi hối hận đánh con, nhớ con, anh lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm, thêm mượt.Có cây lược, anh càng mong gặp lại con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra. Một ngày cuối năm năm mươi tám- năm đó ta chưa võ trang – trong một trận càn lớn của quân Mĩ – ngụy, anh Sáu bị hi sinh. Anh bị viên đạn của Mĩ bắn vào ngực. Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu…Cho đến bây giờ , thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh…”*

(Trích *Chiếc lược ngà* – Nguyễn Quang Sáng)

**Câu 1:**Xác định lời dẫn trực tiếp trong đoạn văn trên?

**Câu 2:**Truyện được kể theo lời trần thuật của nhân vật nào? Cách chọn vai kể như vậy có tác dụng gì trong việc xây dựng nhân vật và thể hiện nội dung tư tưởng của truyện.

**Câu 3**: Nêu nội dung ý nghĩa chính của đoạn văn trên?

**Câu 4:** “Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu”. Tưởng tượng là người chứng kiến cảnh đó, em hãy viết một vài câu để diễn tả **“ cái nhìn ấy”.**

**Câu 5:** Viết một văn bản ngắn bàn luận về một vấn đề mà em rút ra từ đoạn trích trên.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:**Lời dẫn trực tiếp: “ Yêu nhớ tặng Thu con của ba”.

**Câu 2:**Người kể là bạn của ông Sáu.

+ Không chỉ chứng kiến khách quan, mà còn bày tỏ sự đồng cảm, chia sẻ với các nhân vật.

+ Các sự việc và nhân vật khác trong truyện bộc lộ rõ ý nghĩa, tư tưởng của truyện.

Tạo sức thuyết phục.

**Câu 3:** Tình yêu thương sâu nặng của ông Sáu dành cho con trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.

**Câu 4:** Viết vài câu diễn tả được tâm trạng, cảm xúc, nỗi niềm, sự trao gửi … qua ánh mắt của ông Sáu trước khi hi sinh.

**Câu 5:** - Xác định được vấn đề bàn luận.

- Đúng kiểu bài nghị luận xã hội.

- Lập luận chặt chẽ, dẫn chứng tiêu biểu, chọn lọc.

- Bố cục rõ ràng, lời văn trong sáng.

- Diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi chính tả

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:

***Tôi hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó - buổi chiều sau một ngày mưa rừng, giọt mưa còn đọng trên lá, rừng sáng lấp lánh***. *Đang ngồi làm việc dưới tấm ni lông nóc, tôi bỗng nghe tiếng kêu. Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hớt hải chạy về, tay cầm khúc ngà đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hở như đứa trẻ được quà.*

**Câu 1:**Đoạn trích trên được trích trong tác phẩm nào? Ai là tác giả?

**Câu 2:**Nhân vật *tôi* và *anh* được nói đến trong đoạn trích là ai?

**Câu 3**: Phân tích cấu tạo ngữ pháp của câu văn in đậm và cho biết đó là kiểu câu gì xét về mặt cấu tạo ngữ pháp?

**Câu 4:** Câu văn *Mặt anh hớn hở như đứa trẻ được quà* diễn tả điều gì? Dựa vào những hiểu biết của em về tác phẩm, hãy lí giải vì sao *mặt anh hớn hở* như vậy?

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:**Đoạn trích trong tác phẩm *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng.

**Câu 2:**Nhân vật *tôi* là bác Ba và *anh* là ông Sáu.

**Câu 3:**Phân tích cấu tạo ngữ pháp câu văn in đậm:

***Tôi / hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó - buổi chiều sau một ngày mưa***

C1 V1 *phụ chú*

***rừng, giọt mưa / còn đọng trên lá, rừng / sáng lấp lánh***.

C2 V2 C3 V3

- Câu ghép.

**Câu 4:**Câu văn "*Mặt anh hớn hở như đứa trẻ được quà"* diễn tả niềm vui của ông Sáu.

- Ông Sáu vui như vậy vì trước khi ông Sáu trở lại chiến trường, bé Thu đã dặn ông trong tiếng khóc: *Ba về ba mua cho con cây lược nghe ba*. Nhặt được khúc ngà, ông Sáu sẽ tự tay làm cho con cây lược bằng cả tình yêu thương và niềm mong nhớ con.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

Dưới đây là trích đoạn trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà” (Nguyễn Quang Sáng):

*Trong bữa cơm đó, anh Sáu gắp một cái trứng cá to vàng để vào chén nó. Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả mâm. Giận quá không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên:*

*- Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?”*

(Trích Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục 2013)

**Câu 1:**Chiếc lược ngà được viết năm nào? Ghi lại từ mang màu sắc Nam bộ trong đoạn trích.

**Câu 2:**Những biểu hiện của nhân vật bé Thu ở trên nói lên thái độ gì và qua đó bộc lộ tình cảm như thế nào đối với nhân vật ông Sáu? Lời kể được in nghiêng trong đoạn trích trên giúp em nhận biết mục đích nói ở câu văn có hình thức nghi vấn sau đó là gì?

**Câu 3**: Viết một đoạn văn ( khoảng 15 câu) theo cách lập luận quy nạp làm rõ tình cảm sâu nặng của bé Thu đối với cha trong truyện ngắn trên, ở đó sử dụng câu có thành phần biệt lập và phép lặp để liên kết ( gạch dưới phần biệt lập và từ ngữ dùng làm phép lặp).

**Câu 4:** Kể tên một tác phẩm khác trong chương trình Ngữ văn lớp 9, trong đó cũng có nhân vật người cha, vì chiến tranh xa cách, khi trở về, đứa con cũng hoài nghi, xa lánh. Từ cảnh ngộ của người cha trong hai tác phẩm, em có suy ngẫm gì (không quá 5 dòng) về chiến tranh.

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1:**Tác phẩm “Chiếc lược ngà” được viết năm 1966

Những từ mang màu sắc Nam bộ trong đoạn trích trên: Chén, xơi

**Câu 2:**Thái độ phản ứng quyết liệt, không chấp nhận ông Sáu là cha đẻ của mình. Điều này chứng tỏ bé Thu có cá tính mạnh mẽ, tình cảm chân thật. Em chỉ yêu cha khi tin chắc đúng là cha mình ( em thấy ông Sáu không giống tấm hình chụp chung với má). Tình yêu của bé Thu sâu sắc, đầy bản lĩnh.

- Mục đích nói ở câu văn có hình thức nghi vấn là bộc lộ cảm xúc bực tức của ông Sáu khi thấy bé Thu có hành động phản ứng quyết liệt trước sự chăm sóc của ông đối với bé. Đằng sau câu nói đó, người đọc thấy được sự khát khao của người cha mong đứa con chấp nhận mình là cha của nó.

**Câu 3**:

-Về ngữ pháp:

- Gạch chân đoạn văn và chú thích rõ ràng thành phần biệt lập ( có thể là tình thái từ, hoặc từ cảm thán, hoặc thành phần phụ chú, hoặc gọi đáp) và từ ngữ dùng làm phép lập, được sử dụng thích hợp trong đoạn văn.

- Về nội dung: Học sinh có thể tham khảo mạch ý sau để làm rõ tình cảm sâu nặng của bé Thu đối với người cha trong truyện ngắn “Chiếc lược ngà”:

\* Khi ông Sáu về đến nhà:

- Bé đang chơi ở nhà chòi, thấy người đàn ông có vết thẹo dài bên má phải đỏ ửng, giật giật trông rất sợ, bé đã “ giật mình, tròn mắt, ngơ ngác nhìn” một cách ngờ vực. Rồi bé mặt tái đi, vụt chạy, kêu thét lên. Điều này cho thấy, bé chưa chuẩn bị tâm lý từ trước rằng ba của bé sẽ về thăm nhà.

\*Trong ba ngày ở nhà:

Ông Sáu luôn gần gũi, khao khát bé Thu gọi mình một tiếng “Ba”, song bé Thu đã có những hành động phản ứng ông một cách ương ngạnh, bướng bỉnh:

- Nói trổng ( nói trống không) “ vô ăn cơm”, “ “ cơm chín rồi”, “ cơm sôi rồi”, chắt nước giùm cái!” để tránh dùng từ “ Ba” vì từ “Ba” đối với bé rất thiêng liêng.

- Hành động “ hất cái trứng cá to vàng” ông sáu gắp vào chén cho nó và khi ông Sáu không kiềm chế được, đã đánh bé thì bé đã “ gắp lại trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm”, bỏ về bà ngoại. Khi nhảy xuống xuồng, nó cố làm cho “ dây lòi tói kêu rổn rảng” để thể hiện phản ứng quyết liệt với ông Sáu.

\* Những chi tiết trên cho thấy, sự ương ngạnh, bướng bỉnh của bé Thu trong hoàn cảnh chiến tranh xa cách, trắc trở không đáng trách. Bạn đọc thông cảm với bé vì em còn quá nhỏ, chưa hiểu được thời gian năm tháng, sự khốc liệt của chiến tranh sẽ làm ngoại hình con người có thể biến dạng đi không giống tấm hình chụp thời trẻ của ông sáu. Hơn nữa, bé Thu chỉ biết mặt ba qua tấm hình chụp chung với má. Bé cũng chưa chuẩn bị tâm lý gặp lại ba khi ba của bé về nhà trước khi nhận nhiệm vụ mới.

\* Thu nhận ra ông Sáu là người cha của mình ( trọng tâm)

- Buổi sáng cuối cùng trước phút ông Sáu lên đường, thái độ, hành động của Thu đã đột ngột thay đổi hoàn toàn vì bé được bà ngoại giải thích vết thẹo trên má phải ông Sáu là do bị Tây bắn. Nó đã nằm im nghe bà kể, lăn lộn và thỉnh thoảng thở dài như người lớn. Điều này cho thấy, bé ân hận, hối tiếc.

- Lúc chia tay với ông Sáu: Đôi mắt mở to mênh mông của bé nhìn với vẻ “ nghĩ ngợi sâu xa” và khi ông Sáu khẽ chào bé “ Thôi, ba đi nghe con!” thì bé đã kêu thét lên “ Ba..a...a...ba!”

\* Tiếng “Ba” mà bé khao khát được gọi đè nén trong bao nhiêu năm nay như vỡ tung ra từ đáy lòng nó. Tiếng kêu “ ba” xé tan cả không gian im lặng, xé ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đây là tiếng gọi “ ba” đầu tiên và cũng là cuối cùng của cuộc đời bé Thu vì sau đó ông Sáu đã hy sinh.

Hành động:

- Nó vừa kêu, vừa chạy xô tới, nhanh như con sóc, nó chạy thót lên và dang tay ôm chặt lấy cổ ba, vừa nói trong tiếng khóc, không cho ba đi.

- Nó “hôn tóc, hôn cổ, hôn vai” vì muốn cảm nhận hết tình cảm của người cha mà nó khao khát bao năm nay. Đặc biệt, “nó hôn cả vết thẹo dài bên má của ba” mà nó rất sợ vì nó muốn chuộc lại lỗi lầm trong ba ngày đã có hành động, thái độ không phải với ông Sáu. Hiểu được nguyên nhân của vết thẹo dài, bé Thu càng yêu thương và tự hào vì ba của bé là một chiến sĩ cách mạng.

\* Chiến tranh qua hình ảnh “ vết thẹo dài” đã không những không chia cắt được tình cảm cha con của người chiến sĩ cách mạng mà còn làm cho tình cảm đó trở nên sâu sắc, mãnh liệt hơn.

- Được bà và mẹ giải thích rằng ba đi, thống nhất đất nước, ba sẽ về Thu đã để cho ba đi và dặn ba về sẽ mua cho bé một cây lược. Điều này cho thấy bé hiểu được công việc mà cách mạng đang cần ba.

- Sau này biết tin ba mình hy sinh, bé Thu đã tiếp nối công việc của ba đang làm dở: trở thành cô giao liên thông minh, dũng cảm, nhiều lần cứu đoàn cán bộ cách mạng thoát khỏi phục kích của giặc.

\*Kết đoạn:

- Với tấm lòng yêu mến, trân trọng tình cảm trẻ thơ, với sự am hiểu tâm lý trẻ em, nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã khắc họa tình cảm yêu cha sâu sắc, mãnh liệt, đầy bản lĩnh của đứa con người chiến sĩ cách mạng mà không làm mất đi vẻ hồn nhiên, ngây thơ của trẻ em, đồng thời khẳng định chiến tranh khốc liệt với hoàn cảnh đầy éo le, không chia rẽ được tình cảm cha con của những người chiến sĩ cách mạng.

**Câu 4:**

\* Tác phẩm khác trong chương trình Ngữ văn lớp 9, trong đó có nhân vật người cha, vì chiến tranh xa cách, khi trở về, đứa con trai cũng hoài nghi, xa lánh là “ Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ.

\* Suy nghĩ về chiến tranh:

Học sinh có thể trình bày cách cảm nhận khác nhau, dưới đây là một số gợi ý để học sinh tham khảo:

- Từ cảnh ngộ của người cha trong tác phẩm “Chiếc lược ngà” và “Người con gái Nam Xương”, em thấy chiến tranh thật là dã man, tàn bạo. Nó khiến cho những người cha phải chia lìa gia đình, vợ con, những đứa trẻ ra đời mà không biết mặt cha, không được hưởng tình yêu thương, chăm sóc của người cha. Chiến tranh cũng đã gây nên sự hiểu nhầm đáng tiếc trong những gia đình có người cha đi lính.

- Bé Đản ( trong Người con gái Nam Xương) đã mất đi một người mẹ Vũ Nương rất yêu thương con và khao khát một cuộc sống gia đình hạnh phúc. Bé Thu chỉ được hưởng tình cha con trong giây phút ngắn ngủi trước khi chia tay để cha bé lên đường làm cách mạng.

- Qua hai tác phẩm được học, em thấy rõ tình cảm cha con, tình cảm gia đình quan trọng thiêng liêng biết nhường nào với trẻ thơ.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:**

**Cho đoạn trích:**

“*Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức để trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc lấy cây lược đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh”*

**Câu 1:**Nêu tên tác phẩm, tác giả của đoạn trích?

**Câu 2:**Theo em tại sao tác giả lại viết “chỉ có tình cha con là không thể chết được” và tại sao nhân vật tôi (ông Ba) lại “không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn” của đôi mắt ông Sáu?

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1:** Nêu đúng tên tác giả, tác phẩm, viết đúng chỉnh tả, mỗi ý được 0,25.

- Tác phẩm: Chiếc lược ngà. - Tác gải: Nguyễn Quang Sáng

**Câu 2:**

- Hình thức : HS viết được đoạn văn hoàn chỉnh, diễn đạt lưu loát, mạch lạc, không mắc lỗi chính tả, dùng từ đặt câu.

- Nội dung : Đoạn văn phải đảm bảo các ý:

\* Ông Ba nghĩ “chỉ có tình cha con là không thể chết được” vì:

+ Trong giây phút hấp hối cuối cùng, điều mà ông Sáu nghĩ đến vẫn là chiếc lược ngà chưa trao được cho con.

+ Sự sống trong ông đang lụi tàn nhưng tình cha con lại đang bùng lên mãnh liệt hơn bao giờ hết.

\* Ông Ba “không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn của ông Sáu” vì:

+ Đó là cái nhìn của một người sắp ra đi, cái nhìn gửi gắm vào đó tất cả những tình cảm cháy bỏng của mình.

+ Đó là ánh mắt chứa đựng muôn vàn yêu thương, chứa đựng cả nỗi đau xót khi không còn gặp lại đứa con gái. Ánh mắt chứa đựng cả tình yêu mãnh liệt nhờ ông Ba gửi tới con gái, là mệnh lệnh thiêng liêng trao cho đồng đôi “anh hãy trao cây lược cho bé Thu”.

+ Đó là đôi mắt không bao giờ chết cũng như tình cha con mãi mãi tồn tại. Chiến tranh có thể cướp đi sự sống nhưng không thể hủy diệt tình cảm phụ tử mãnh liệt, thiêng liêng.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 5:**

**Dưới đây là đoạn trích trong truyện ngắn *Chiếc lược ngà*(Nguyễn Quang Sáng):**

*Đến lúc chia tay, mang ba lô lên vai, sau khi bắt tay hết mọi người, anh Sáu mới đưa mắt nhìn con, thấy nó đứng trong góc nhà.*

*Chắc anh cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng lại sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó. Anh nhìn với đôi mắt trìu mến lẫn buồn rầu. Tôi thấy đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao.*

*– Thôi! Ba đi nghe con! – Anh Sáu khe khẽ nói.*

*Chúng tôi, mọi người – kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên:*

*– Ba…a…a…ba!*

*Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “ba” như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang tay ôm chặt lấy cổ ba nó.*

(Trích Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục, 2014).

**Câu 1:** Trong truyện ngắn *Chiếc lược ngà*, những tình huống nào đã bộc lộ sâu sắc và cảm động tình cha con của ông Sáu và bé Thu?

**Câu 2:** Chỉ ra 2 lời dẫn trực tiếp trong đoạn trích trên và chuyển chúng thành những lời dẫn gián tiếp.

**Câu 3:** Viết một đoạn văn khoảng 12 câu theo cách lập luận diễn dịch làm rõ tình cảm cha con sâu nặng, cảm động của ông Sáu và bé Thu trong cảnh chia tay, trong đó có sử dụng kiểu câu phủ định mang ý nghĩa khẳng định và phép lặp để liên kết (gạch dưới câu phủ định mang ý nghĩa khẳng định và các từ ngữ được sử dụng trong phép lặp)

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1:**

**–**Hai cha con gặp nhau sau tám năm xa cách nhưng bé Thu không nhận ra cha, đến lúc bé nhận ra cha và biểu lộ tình cảm thắm thiết thì ông Sáu lại phải ra đi.

– Ở khu căn cứ, ông Sáu dồn tất cả tình yêu thương và mong nhớ con vào việc làm chiếc lược ngà để tặng con nhưng chưa kịp trao thì ông đã hi sinh.

**Câu 2:**

– Học sinh chỉ đúng 2 lời dẫn trực tiếp

– Chuyển thành lời dẫn gián tiếp đạt yêu cầu

**Câu 3:**

\* Đoạn văn diễn dịch

– Phần mở đoạn đạt yêu cầu

– Phần thân đoạn gồm khoảng 12 câu với đầy đủ dẫn chứng và lí lẽ để làm rõ: tình cảm cha con sâu nặng, đầy cảm động của ông Sáu và bé Thu trong cảnh chia tay

+ Tình huống éo le: ông Sáu phải vào chiến trường sau ba ngày phép, lúc này bé Thu mới nhận ra ba

+ Tình yêu thương mãnh liệt bé Thu dành cho ba thể hiện ở các chi tiết như tiếng gọi ba, cử chỉ, hành động dành cho ba…

+ Tình yêu thương con sâu sắc ở ông Sáu biểu lộ qua những chi tiết

diễn tả tâm trạng, cử chỉ, đặc biệt là ánh nhìn của ông dành cho con… Từ những cảm nhận trên, cần khẳng định thành công của tác giả trong việc tạo tình huống, miêu tả tâm lí nhân vật nhằm làm nổi bật tình cha con sâu nặng và cao đẹp trong cảnh ngộ éo le của  chiến tranh.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 6:**

**Cho đoạn trích:**

*“Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt nhìn tôi như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên: “Má! Má!”. Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy”*. (Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục 2009, tr.196)

**Câu 1:**Đoạn trích trên được rút ra từ tác phẩm nào, tác giả ai?

**Câu 2:**Phương thức biểu đạt chính trong đoạn trích?

**Câu 3:**Kể tên hai nhân vật được người kể chuyện nhắc tới trong đoạn trích?

**Câu 4:**Xác định thành phần khởi ngữ trong câu: “Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy”.

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1.** Tên tác phẩm: Chiếc lược ngà

Tên tác giả: Nguyễn Quang Sáng

**Câu 2:** Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

**Câu 3:** Tên 2 nhân vật được nhắc tới: Anh Sáu, bé Thu

**Câu 4:** Thành phần khởi ngữ: Còn anh

**BÀI 4: NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI**

***Lê Minh Khuê***

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Lê Minh Khuê, sinh năm 1949, quê Tĩnh Gia – Thanh Hoá  - Là thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.  - Thuộc thế hệ nhà văn thời kỳ chống Mỹ, bắt đầu viết văn vào đầu những năm 70.  - Những sang tác của bà có sự chuyển biến rõ nét qua hai giai đoạn:  + Trước 75: Viết về cuộc sống, chiến đấu của TNXP, bộ đội trên đường Trường Sơn.  + Sáu 75: Viết về những chuyển biến đời sống XH và con người trên tinh thần đổi mới.  - Sở trường: Viết về truyện ngắn với ngòi bút miêu tả kinh tế, đặc sắc (đặc biệt là nhân vật nữ).  - Phong cách sáng tác: Truyện ngắn của Lê Minh Khuê thể hiện một ngòi bút dung dị, giàu nữ tính; một giọng điệu đa sắc thái: khi thì tự hào, ngợi ca; khi lại mỉa mai, châm biếm; lúc lại trữ tình, suy tư; ngôn ngữ mang màu sắc trong trẻo.  - Tác phẩm chính: Cao điểm màu hạ (1978); Đoàn kết (1980); Bi kịch nhỏ (1993); Một mình qua đường (tập truyện – 2006). |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Truyện “Những ngôi sao xa xôi” là một trong những tác phẩm đầu tay của nhà văn Lê Minh Khuê, viết năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc đang diễn ra ác liệt.  - Tác phẩm được đưa vào tuyển tập “ Nghệ thuật truyện ngắn thế giới” và xuất bản ở Mỹ. |
| ***Ý nghĩa nhan đề:*** | - *“Những ngôi sao xa xôi”* vừa mang ý nghĩa cụ thể, vừa gợi đến ý nghĩa tượng trưng:  + Nó gắn liền với hình dung, tưởng tượng của Phương Định về những ngọn đèn trên quảng trường thành phố và những ngọn đèn đó lung linh như những ngôi sao trong truyện cổ tích về xứ sở thần tiên chợt hiện lên trong cảm xúc của Phương Định.  + *“Những ngôi sao”* thường nhỏ bé, không dễ nhận ra, và ở lại ở một vị trí xa xôi, vì thế nó đòi hỏi phải khám phá, kiếm tìm mới phát hiện được vẻ đẹp sức cuốn hút của nó.  +*“Những ngôi sao”* gợi vẻ đẹp hồn nhiên, trong sang, mơ mộng và lãng mạn của những thiếu nữ Hà thành trẻ trung, xinh đẹp.  + *“Những ngôi sao xa xôi”* là ước mơ, khát vọng về một cuộc sống hòa bình giữa khoảnh khắc bàng hoàng của bom đạn, chiến tranh, dường như trở nên xa xôi.  + *“Những ngôi sao”* còn là biểu tượng cho vẻ đẹp sáng ngời của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong tâm hồn của những nữ thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn nói riêng và chống Mỹ nói chung: lạc quan, yêu đời, dũng cảm, kiên cường.  *“Những ngôi sao xa xôi”* là một nhan đề đậm chất lãng mạn, đặc trưng cho văn học Việt Nam thời kỳ chống Mỹ cứu nước. |
| ***Bố cục***  3 phần | - Phần 1 (từ đầu cho đến “ngôi sao trên mũ”): Phương Định kể về cuộc sống của mình cùng các đồng đội trong tổ trinh sát mặt đường của cô.  - Phần 2 (tiếp đến “chị Thao bảo”): Nho bị thương trong một lần phá bom, Phương Định cùng chị Thao lo lắng và chăm sóc.  - Phần 3 (phần còn lại): Sau giờ phút hiểm nguy, hai chị em ngồi hát, niềm vui trước cơn mưa đá đột ngột. |
| ***Tóm tắt*** | - “***Những ngôi sao xa xôi***” là câu chuyện kể về ba nữ thanh niên xung phong: Phương Định, Nho, Thao - tổ trưởng, làm nhiệm vụ trinh sát mặt đường ở một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn. Nhiệm vụ của họ là quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá phải san lấp do bom địch gây ra, đánh dấu vị trí các quả bom chưa nổ và phá bom.  - Công việc của họ hết sức nguy hiểm. Đặc biệt, họ phải bình tĩnh đối mặt với thần chết trong mỗi lần phá bom - công việc diễn ra từ ba đến năm lần mỗi ngày.  - Họ ở trong một cái hang dưới chân cao điểm. Cuộc sống của ba cô gái dù là khắc nghiệt và nguy hiểm nhưng vẫn có những niềm vui hồn nhiên của tuổi trẻ, những giây phút thanh thản thơ mộng và đặc biệt họ gắn bó, yêu thương nhau trong tình đồng đội dù mỗi người cá tính.  - Phương Định - nhân vật kể chuyện và cũng là nhân v ật chính là một cô gái giàu cảm xúc, hay mơ mộng, hồn nhiên và luôn nhớ về những kỷ niệm với gia đình và thành phố của mình. Trong một lần phá bom, Nho bị thương, Phương Định và chị Thao đã hết lòng lo lắng chăm sóc. Một cơn mưa đá bất chợt đến trên điểm cao khiến các cô hết sức vui thích. |
| ***Chủ đề*** | Ca ngợi cuộc sống, chiến đấu của những nữ thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn thời chống Mĩ. |
| **Ngôi kể:** | Truyện kể về ngôi thứ nhất, người kể là Phương Định, nhân vật chính trong tác phẩm.  **Tác dụng**: Thuận lợi trong việc biểu hiện thế giới tâm hồn cảm xúc; suy nghĩ của nhân vật, đồng thời phù hợp với nội dung tác phẩm tăng tính chân thực cho câu chuyện. |
| ***Ý nghĩa nhan đề:*** | - Vừa mang nghĩa cụ thể, vừa mang nghĩa tượng trưng:  + Nhan đề gợi nhớ về những ngôi sao mà Phương Định đã từng nhớ lại, cô nhớ lại khoảng thời gian bình yên từng sống của gia đình, cô có tấm lòng luôn hướng về gia đình, về quê hương.  + Nhan đề còn gợi ước mơ, khát vọng về cuộc sống hòa bình.  + Đồng thời nhan đề còn muốn nói đến ba cô gái thanh niên xung phong trên đỉnh Trường Sơn là Nho, Phương Định và chị Thao. Ba người họ giống như những ngôi sao trên bầu trời rộng lớn, ở họ tỏa ra những vẻ đẹp lấp lánh và diệu kì riêng. |
| ***Giá trị nội dung*** | Truyện “***Những ngôi sao xa xôi***” của Lê Minh Khuê đã làm nổi bật tâm hồn trong sáng, mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, hy sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. Đó chính là hình ảnh đẹp, tiêu biểu về thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Truyện sử dụng vai kể là nhân vật chính, có cách kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ sinh động, trẻ trung và đặc biệt thành công về nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật.  + Chọn ngôi kể thứ nhất, ngôn ngữ kể chuyện tự nhiên, trẻ trung đầy nữ tính, giàu tính khẩu ngữ.  + Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, chân thực, đời thường (tâm trạng dễ vui, dễ buồn, hay mơ mộng, hoài niệm của tuổi mới lớn; cảm giác sắc nhọn mỗi lần bên trái bom….); đặt nhân vật trong những tình huống đặc biệt, khám phá, phát hiện và miêu tả nhân vật qua những hành động, suy nghĩ,... |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Nhân vật Phương Định**

***a. Hoàn cảnh sống và chiến đấu của Phương Định:***

- Cũng như các cô gái thanh niên xung phong khác, Phương Định sống và chiến đấu trên một cao điểm giữa một vùng trọng điểm, nơi tập trung nhiều bom đạn nhất, sự nguy hiểm và ác liệt.

- Công việc: cùng đơn vị nữ thanh niên xung phong hằng ngày quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá cần san lấp do bom địch gây ra, đánh dấu những vị trí bom chưa nổ và phá bom. Mỗi ngày, có thể phải phá bom từ 3 đến 5 lần.

\* Như vậy, hằng ngày cuộc sống của Phương Định là phải đối diện với bom đạn và có thể hy sinh bất cứ lúc nào. Thế nhưng từ hoàn cảnh sống khắc nghiệt ấy, Phương Định vẫn thể hiện được những nét đẹp tâm hồn đáng quý.

***b. Vẻ đẹp tâm hồn Phương Định***

**\* Phương Định là cô gái Hà Thành trẻ trung, xinh đẹp, tâm hồn trong sáng:**

- Phương Định là cô gái có nét đẹp duyên dáng, yêu kiều: một cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn; hai bím tóc dài, mềm mại; đôi mắt dài dài, màu nâu, hay nheo lại như chói nắng, cái nhìn xa xăm... Vẻ đẹp của Phương Định đã hấp dẫn bao chàng trai, chính cô thừa nhận"Không hiểu sao các anh pháo thủ và lái xe hay hỏi thăm tôi…".

- Cách cư xử: ý nhị, kín đáo, kiêu kỳ của con gái Hà Thành, Phương Định nhạy cảm, biết mình được nhiều anh lính để ý nhưng cô chưa dành tình cảm cho ai,cô không săn sóc vồn vã như những cô gái khác.

- Vào chiến trường, sống ở nơi sự sống hủy diệt nhưng lúc nào Phương Định cũng giữ nguyên những nét đẹp trong sáng của những cô gái mới lớn:

+ Thích làm duyên, làm điệu ngay giữa cuộc sống chiến trường khốc liệt: thích ngắm mắt mình trong gương, thích ngồi bó gối mơ màng…

+ Thích hát, hay hát, tự bịa cả ra lời hát; hát trong mọi khoảnh khắc như chưa bao giờ nghe thấy bom rơi, đạn nổ. Tiếng hát của cô át tiếng bom , hát cả đau thương

gian khổ, hiểm nguy. Đó là biểu hiện của tinh thần lạc quan, yêu đời và niềm tin yêu cuộc sống.

+ Hồn nhiên, mơ mộng: Đêm đêm, cô nhìn lên những ngôi sao trên bầu trời, mơ về ngày mai hòa bình, thống nhất. Khi một trận đánh khốc liệt vừa đi qua,chỉ một cơn mưa đá bất chợt ập xuống nơi núi rừng Trường Sơn cũng khiến Phương Định quên hết cả mưa bom, bão đạn, quên cả căng thẳng, nguy hiểm; cô và đồng đội lại say sưa tận hưởng niềm vui như con trẻ, đưa cô sống lại tất cả những ký ức tươi đẹp thời thiếu nữ kiêu sa bên gia đình nơi thành phố mến thương.

***=> Nhận xét:*** Sống ở nơi thần chết luôn rình rập nhưng tâm hồn Phương Định không hề chai sạn. Chiến tranh,bom đạn kẻ thù có thể hủy diệt sự sống nhưng không bao giờ cướp đi được sự hồn nhiên, tinh thần lạc quan và sự trong sáng, tâm hồn trẻ trung của những cô gái trẻ như Phương Định.

**\* Phương Định là nữ thanh niên xung phong dũng cảm, can trường, tinh thần trách nhiệm cao.**

- Phương Định tiêu biểu cho tuổi trẻ Việt Nam hiến dâng cuộc đời mình cho Tổ quốc:

+ Phương Định cũng có thời học sinh hồn nhiên, trong sáng. Cô có những tháng năm sống yên bình, hạnh phúc cùng với mẹ trong một ngôi nhà nhỏ.

+ Nhưng khi Tổ quốc cần những người con ra trận, cô đã từng biệt Hà Thành trở thành thanh niên xung phong sống và chiến đấu tại một cao điểm ác liệt của mặt trận Trường Sơn.

+ Vào đây mới được ba năm , một khoảng thời gian không dài nhưng cũng đủ để cô quen với bom đạn chiến đấu và hy sinh.

+ Cô nói về công việc của mình:" việc của chúng tôi là ngồi đây. Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom" . Đó là những công việc hết sức nguy hiểm nhưng được cô nói gọn gàng, nhẹ như không, giản dị mà cũng thật anh hùng.

→ Công việc dù gian khổ và nguy hiểm, nhưng với Phương Định được sống và chiến đấu, hi sinh vì Tổ quốc, cô coi đó là trách nhiệm , nghĩa vụ là niềm hạnh phúc của tuổi trẻ khi được hiến dâng cuộc đời mình cho đất nước.

- Phương Định rất dũng cảm và có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc phá bom: Khí phách anh hùng và lòng dũng cảm của cô thể hiện rõ nhất khi cùng đồng đội đi phá bom. Trên tuyến đường Trường Sơn ác liệt, mỗi ngày địch trút bom từ ba đến năm lần. Phá bom là công việc thường xuyên của cô. Nhưng mỗi lần phá bom đều rất căng thẳng, từng cảm giác nhỏ nhất của Phương Định đã được nhà văn miêu tả hết sức tinh tế.

+ Khi đi đến bên quả bom: cô không đi khom "khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới". Khai thác chi tiết này nhà văn muốn ca ngợi tư thế tuyệt đẹp của con người Việt Nam khi ra trận: một cô gái mảnh dẻ , nhỏ bé nhưng không hề run sợ trước bom đạn của kẻ thù.

+ Ở bên quả bom: cô phải làm nhiều động tác: đào lỗ chôn thuốc mìn, dòng dây cháy chậm, châm ngòi, khỏa lấp đất rồi chạy về nơi trú ẩn. Nhưng khi lưỡi xẻng chạm vào vỏ quả bom, cô phát hiện vỏ quả bom đang nóng lên nhưng lại không rõ nguyên nhân. Vậy mà cô vẫn bình tĩnh, thao tác cẩn trọng, tỉ mỉ, thành thạo theo đúng mệnh lệnh chỉ huy của chị Thao.

+ Chờ quả bom nổ: đây là giây phút căng thẳng nhất. Và trong cô còn có thêm sự lo lắng: nhỡ thuốc mìn không nổ phải chôn lại lần thứ hai trong khi quả bom đang nóng lên. Nguy hiểm nhân lên nhiều lần. Trong cô đã nghĩ tới cái chết nhưng rất mờ nhạt. Vì với cô,dù phải hy sinh cô cũng quyết tâm phá bằng được quả bom.

+ Những lúc căng thẳng, nguy hiểm, Phương Định có nghĩ đến cái chết nhưng" chỉ là cái chết mờ nhạt, không cụ thể", chưa bao giờ cái chết trở thành nỗi ám ảnh đến mức có phải lo lắng, phải trằn trọc. Cô đặt mục đích hoàn thành nhiệm vụ phá bom lên trên cả tuổi xuân, trên cả mạng sống của mình.

***=> Nhận xét:*** Phương Định mang lí tưởng sống cao đẹp của tuổi trẻ Việt Nam anh hùng thời chống Mỹ, sẵn sàng"Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước" như bao chàng trai,cô gái Việt Nam tình nguyện lên đường bảo vệ non sông.Chiến công thầm lặng của Phương Định và đồng đội cô đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp thống nhất non sông, Bắc Nam sum họp.

**\* Phương Định là cô gái giàu tình cảm, giàu tình đồng chí, đồng đội:**

Từ giã Thủ đô yêu dấu để vào với Trường Sơn, Phương Định luôn dành tình yêu thương, sự quan tâm cho những người đồng đội.

- Cô yêu mến, khâm phục tất cả những chiến sĩ cô gặp đêm đêm trên mỗi bước đường ra trận. Cô coi họ là thần tượng, là những người dũng cảm, thông minh và can đảm nhất. Họ là động lực tiếp cho cô sức mạnh mỗi khi làm nhiệm vụ phá bom.

- Phương Định dành nhiều tình cảm nhất cho những chị em trong cùng tổ trinh sát. Cô kể về họ bằng giọng kể đầy thân thương, trìu mến và hiểu họ một cách sâu sắc. Cô coi Nho, Thao như người thân trong gia đình. Cô khâm phục , ngưỡng mộ sự " bình tĩnh đến phát bực" của chị Thao; cô hiểu tất cả những điểm yếu, những lo toan đang quay cuồng trong đầu óc chị. Cô nhìn nhận và coi Nho như một đứa em gái đáng yêu. Nho bị thương, cô làm tất cả,chăm sóc cho Nho như một người chị chăm em, như một nữ y tá dạn dày kinh nghiệm chiến trường. Nhìn vào mắt đồng đội,cô hiểu được tất cả những nghĩ suy thầm kín trong lòng họ.

***=> Nhận xét:*** Tình đồng chí đã trở thành chỗ dựa tinh thần vững chắc, xoa dịu trong cô nỗi nhớ gia đình, người thân, là động lực để cô chiến đấu dũng cảm để hướng về ngày mai hòa bình.

**\* Đánh giá:**

- Nhân vật Phương Định là hình ảnh của tuổi trẻ Việt Nam anh hùng thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã mang vào Trường Sơn cả tuổi thanh xuân, cống hiến không tiếc máu xương để giữ cho tuyến đường Trường Sơn không một giờ đứt mạch. Qua nhân vật, người đọc thêm yêu mến, tự hào, trân trọng hơn quá khứ hào hùng của dân tộc.

- Liên hệ trách nhiệm của tuổi trẻ hôm nay: tiếp nối và phát huy những lý tưởng sống cao đẹp của thế hệ cha anh, gìn giữ và xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh,...

**2. Những nét chung và những nét riêng của ba cô gái thanh niên xung phong:**

***a. Hoàn cảnh sống chiến đấu:***

- Phương Định, Nho, chị Thao làm thành một tổ trinh sát mặt đường trên tuyến đường Trường Sơn khói lửa trong những năm thnags chống Mĩ.

- Họ sống trên một cao điểm giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung mất bom đạn, sự nguy hiểm và ác liệt.

- Công việc đặc biệt nguy hiểm (phải chạy ở trên cao cả ban ngày, phơi mình giữa vùng trọng điểm bắn phá của máy bay địch; sau mỗi trận bom, phải đo khối lượng đất đá, đánh dấu những quả bom chưa nổ, phá bom).

-> Đây là công việc hàng ngày của 3 cô gái – một công việc vô cùng mạo hiểm, luôn căng thẳng thần kinh, đòi hỏi sự dũng cảm bình tĩnh… “*Có ở đâu như thế này không: đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ì xa dần. Thần kinh căng như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn biết rằng khắp chung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa. Nhưng nhất định sẽ nổ… Rồi khi xong việc quay lại nhìn cảnh đoạn đường một lần nữa, thở phào, chạy về hang*”.

***b. Những nét chung:***

Tuy ba cô gái mỗi người một cá tính, hoàn cảnh riêng khác nhau nhưng họ đều có phẩm chất chung của người chiến sỹ thanh niên xung phong ở chiến trường.

**\* Phẩm chất:**

***- Trước tiên đó là lòng yêu nước, tinh thần dũng cảm,*** c***ó tinh thần trách nhiệm cao với nhiệm vụ***:

+ Tuy cuộc sống của họ là nơi chiến trường ác liệt, luon đối mặt với nguy hiểm, cái chết có thể đến bất cứ khi nào nhưng để thông mạch giao thông luôn thông suốt nên các cô luôn vẫn sẵn sàng cho việc ra trận địa; mà không chờ vào sự trợ giúp của người khác.

+ Là con gái, các cô cũng có những giây phút sợ hãi, có những lúc nghĩ đến cái chết khi nguy hiểm kề bên, nhưng điều ấy chỉ thoáng qua rất mờ nhạt nhường chỗ cho ý nghĩ làm thế nào để những quả bom kia phải nổ (Đặt nhiệm vụ lên trên cả tính mạng).

+ Lê Minh khuê đã miêu tả chân thật cụ thể đến từng chi tiết khi tạo nên sức gợi tả trong từng câu, từng chữ về cảm giác căng thăng, sắc nhọn rợn người khi kề cận cái chết “*Thỉnh thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom đang nóng. Một dấu hiệu chẳng lành*”. Tiếp đó là cảm giác căng thẳng chờ đợi tiếng nổ của quả bom.

+ Cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ đang dõi theo mình, “tôi không sợ nữa”, “ Tôi sẽ không đi khom khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới” -> bình tĩnh, tự tin thực hiện từng thao tác phá bom, chạy đua với thời gian để vượt qua cái chết.

+ Sau mỗi đợt bom đánh họ lại lao lên mặt đường làm nhiệm vụ. Không biết bao nhiêu lần họ bị bom vùi. Trong 3 người thì 2 người đã từng bị thưong, đó là Nho và Phương Định. Họ nói về cái chết nhẹ nhàng. Để rồi sau mỗi trận bom vượt qua cái chết họ lại hát say sưa những bài hát tươi vui.

***- Họ có tình đồng đội gắn bó, thân thiết***:

+ Hiểu được tính tình, sở thích của nhau.

+ Quan tâm chăm sóc nhau rất chu đáo (Phương Định bồn chồn, lo lắng khi chờ Thao và Nho đi trinh sát bom trên cao điểm; khi Nho bị thương, Phương Định và chị Thao đã lo lắng, băng bó chăm sóc Nho cẩn thận với một niềm xót xa như chị em ruột thịt.

***- Tâm hồn: trẻ trung, trong sáng, nhạy cảm, giàu mơ ước.***

- Sự khốc liệt của chiến tranh đã tôi luyện tâm hồn vốn nhạy cảm yếu đuối thành bản lĩnh kiên cường của người anh hùng cách mạng.

- Tuy nhiên, họ vẫn giữ được những nét hồn nhiên, trong sáng:

+ Chị Thao thích hát, thích làm duên, thêu thùa

+ Nho hồn nhiên, thích ăn kẹo

+ Phương Định hát hay, nhiều mơ ước về tương lai...

- Phương Định (cũng như Nho và Thao) là hình ảnh tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mỹ cứu nước.

***c. Nét riêng:***

Bên cạnh những điểm chung, Mỗi cô gái đều có những vẻ đẹp riêng, làm phong phú và hoàn thiện trên bức chân dung của những cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.

- Nho là một cô gái trẻ, xinh xắn, « trông nó nhẹ, mát mẻ như một que kem trắng », có « cái cổ tròn và những chiếc cúc áo nhỏ nhắn » rất dễ thương khiến Phương Định « muốn bế nó lên tay ». Nho lại rất hồn nhiên – cái hồn nhiên cảu trẻ thơ : « vừa tắm ở dưới suối lên, cứ quần áo ướt, Nho ngồi, đòi ăn kẹo » ; khi bị thương nằm trong hang vẫn nhổm dậy, xoè tay xin mấy viên đá mưa, nhưng khi máy bay giặc đến thì chiến đấu rất dũng cảm, hành động thật nhanh gọn : « Nho cuộn tròn cái gối, cất nhanh vào túi », Nho quay lưng lại chúng tôi, chụp cái mũ sắt lên đầu » … Và trong một lần phá bom, cô đã bị sập hầm, đất phủ kín lên người.

- Phương Định cũng trẻ trung như Nho là một cô học sinh thành phố, nhạy cảm và hồn nhiên, thích mơ mộng và hay sống với những kỉ niệm của tuổi thiếu nữ vô từ về gia đình và về thành phố của mình. Ở đoạn cuối truyện, sau khi trận mưa đá tạnh, là cả một dòng thác kỉ niệm về gia đình, về thành phố trào lên và xoáy mạnh như sóng trong tâm trí cô gái. Có thể nói đây là những nét riêng cảu các cô gái trẻ Hà Nội vào chiến trường tham gia đánh giặc, tuy gian khổ nhưng vẫn giữ được cái phong cách riêng của người Hà Nội, rất trữ tình và đáng yêu.

- Còn Thao, tổ trưởng, ít nhiều có từng trải hơn, mơ ước và dự tính về tương lai có vẻ thiết thực hơn, nhưng cũng không thiếu nhưng khát khao và rung động của tuổi trẻ. « Áo lót của chị cái nào cũng thêu chỉ màu ».Chị lại hay tỉa đôi lông mày của mình, tỉa nhỏ như cái tăm. Nhưng trong công việc, ai cũng gờm chị về tính cương quyết, táo bạo. ĐẶc biệt là sự « bình tĩnh đến phát bực » : máy bay địch đến nhưng chị vẫn « móc bánh quy trong túi, thong thả nhai ». Có ai ngờ con người như thế lại sợ máu và vắt : « thấy máu, thấy vắt là chị nhắm mắt lại, mặt tái mét ».VÀ không ai có thể quên được chị hát : nhạc sai bét, giọng thì chua, chị không hát trôi chảy được bài nào. Nhưng chị lại có ba quyển sổ dày chép bài hát và rỗi là chị ngồi chép bài h át.

=> Những nét riêng đó đã làm cho các nhân vật sống hơn và cũng đáng yêu hơn.

**\* Đánh giá:**

- Bằng cách đặt ba nhân vật vào tình huống sống và chiến đấu tại một cao điểm ác liệt ở mặt trận Trường Sơn, miêu tả diễn biến tâm lý một cách tinh tế; tác giả ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của những cô gái dũng cảm trong chiến đấu, hồn nhiên trẻ trung yêu đời, có tình đồng chí đồng đội gắn bó. Thao, Nho, Phương Định là tiêu biểu cho lý tưởng sống cao đẹp của tuổi trẻ Việt Nam thời chống Mỹ.

- Ở mỗi nhân vật nữ trong Những ngôi sao xa xôi, nhà văn đã miêu tả có những phẩm chất chung và có những nét cá tính riêng của mỗi người làm nên sự phong phú cho thế giới nhân vật trong tác phẩm.

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

***Đọc đoạn văn và trả lời các câu hỏi cho dưới đây:***

***“*** *Nhưng tạnh mất rồi. Tạnh rất nhanh như khi mưa đến. Sao chóng thế? Tôi bỗng thẫn thờ, tiếc không nói nổi. Rõ ràng tôi không tiếc những viên đá. Mưa xong thì tạnh thôi. Mà tôi nhớ một cái gì đấy, hình như mẹ tôi, cái cửa sổ, hoặc những ngôi sao to trên bầu trời thành phố. Phải, có thể những cái đó… Hoặc là cây, hoặc là cái vòm tròn của nhà hát, hoặc bà bán kem đẩy chiếc xe chở đầy thùng kem, trẻ con háo hức bâu xung quanh. Con đường nhựa ban đêm, sau cơn mưa mùa hạ rộng ra, dài ra, lấp loáng ánh đèn trông như một con sông nước đen. Những ngọn điện trên quảng trường lung linh như những ngôi sao trong câu chuyện cổ tích nói về những xứ sở thần tiên. Hoa trong công viên. Những quả bóng sút vô tội vạ của bọn trẻ con trong một góc phố. Tiếng rao của bà bán xôi sáng có cái mủng đội trên đầu…****”***

( Ngữ văn 9 – Tập II/NXB GD )

**Câu 1:**  Đoạn văn trên trích từ tác phẩm nào?

**Câu 2:**  Tác phẩm ra đời vào thời gian nào?

**Câu 3:**  Cho biết nội dung của đoạn trích?

**Câu 4:**  Các tổ hợp từ: *những ngôi sao to trên bầu trời thành phố, một con sông nước đen,*  *những ngọn điện trên quảng trường,* *những ngôi sao trong câu chuyện cổ tích, những xứ sở thần tiên* thuộc loại cụm từ nào?

**Câu 5:**  Câu văn: “*Hoa trong công viên”* thuộc kiểu câu nào?

**Câu 6:**  Câu văn *Con đường nhựa ban đêm, sau cơn mưa mùa hạ rộng ra, dài ra, lấp loáng ánh đèn trông như một con sông nước đen* có sử dụng phép tu từ nào?

**Câu 7:**  Tìm 3 từ thuộc trường từ vựng chỉ tâm trạng trong đoạn văn trên?

**Câu 8:** Viết đoạn văn giới thiệu nhà văn Lê Minh Khuê, có sử dụng thành phần phụ chú và một phép liên kết.

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1:**  Đoạn văn trên trích từ tác phẩm “Những ngôi sao xa xôi”- Lê minh Khuê.

**Câu 2:**  Tác phẩm ra đời vào năm 1971.

**Câu 3:**  Nội dung của đoạn trích: cảm xúc bâng khuâng và dòng hồi tưởng của nhân vật Phương Định sau cơn mưa đá.

**Câu 4:**  Các tổ hợp từ: *những ngôi sao to trên bầu trời thành phố, một con sông nước đen,*  *những ngọn điện trên quảng trường,* *những ngôi sao trong câu chuyện cổ tích, những xứ sở thần tiên* thuộc loại cụm danh từ.

**Câu 5:**  Câu văn: “*Hoa trong công viên”* thuộc kiểu câu đặc biệt.

**Câu 6:**  Câu văn *Con đường nhựa ban đêm, sau cơn mưa mùa hạ rộng ra, dài ra, lấp loáng ánh đèn trông như một con sông nước đen* có sử dụng phép tu từ so sánh. **Câu 7:**  Tìm 3 từ thuộc trường từ vựng chỉ tâm trạng trong đoạn văn: thẫn thờ, tiếc, nhớ.

**Câu 8:** Viết đoạn văn giới thiệu nhà văn Lê Minh Khuê, có sử dụng thành phần phụ chú.

Lê Minh Khuê (sinh năm 1949), quê Tĩnh Gia – Thanh Hoá. Bà là thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn, thuộc thế hệ nhà văn thời kỳ chống Mỹ, bắt đầu viết văn vào đầu những năm 70. Truyện ngắn của Lê Minh Khuê thể hiện một ngòi bút dung dị, giàu nữ tính; một giọng điệu đa sắc thái: khi thì tự hào, ngợi ca; khi lại mỉa mai, châm biếm; lúc lại trữ tình, suy tư; ngôn ngữ mang màu sắc trong trẻo

- Thành phần phụ chú: (sinh năm 1949)

- Phép liên kết: phép thế: “bà” thay thế cho Lê Minh Khuê

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

Dưới đây là trích đoạn trong truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* (Lê Minh Khuê):

*Những cái xảy ra hàng ngày: máy bay rít, bom nổ. Nổ trên cao điểm, cách cái hang này khoảng 300 mét. Đất dưới chân chúng tôi rung. Mấy cái khăn mặt mắc ở dây cũng rung. Tất cả, cứ như lên cơn sốt. Khói lên, và cửa hang bị che lấp. Không thấy mây và bầu trời đâu nữa.*

*Chị Thao cầm cái thước trên tay tôi, nuốt nốt miếng bích quy ngon lành: “Định ở nhà. Lần này nó bỏ ít, hai đứa đi cũng đủ”, rồi kéo tay áo Nho, vác xẻng lên vai và đi ra cửa.*

*Tôi không cãi chị. Quyền hạn phân công là ở chị. Thời gian bắt đầu căng lên. Trí não tôi cũng không thua. Những gì đã qua, những gì sắp tới... không đáng kể nữa. Có gì lý thú đâu, nếu các bạn tôi không quay về?...*

*(*Ngữ văn 9, tập II, NXB Giáo Dục, 2010*)*

**Câu 1.**  Tác phẩm *Những ngôi sao xa xôi* được sáng tác trong hoàn cảnh nào?

**Câu 2.**  Nêu ngắn gọn nội dung chính của đoạn trích trên.

**Câu 3.**  Tìm hai câu rút gọn trong đoạn văn trên và cho biết hiệu quả của việc sử dụng các câu rút gọn đó.

**Câu 4.**  Từ tình đồng chí, đồng đội của những nữ thanh niên xung phong trong tác phẩm *Những ngôi sao xa xôi* và những hiểu biết xã hội, em hãy trình bày suy nghĩ (khoảng nửa trang giấy thi) về sức mạnh của tình đoàn kết trong cuộc sống hiện nay.

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1.** Truyện Những ngôi sao xa xôi được viết năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc ta đang diễn ra ác liệt

**Câu 2.** Đoạn trích tái hiện lại những cảnh tượng bom đạn chiến tranh khốc liệt trên tuyến đường Trường Sơn. Ở nơi đó có những nữ thanh niên xung phong dũng cảm chiến đấu, phá bom. Họ có tình đồng đội keo sơn, họ vô cùng gắn bó, yêu thương, quan tâm hết mực đến nhau

**Câu 3.**

- Hai câu rút gọn trong đoạn trích:

*Nổ trên cao điểm, cách cái hang này khoảng 300 mét*

*Không thấy mây và bầu trời đâu nữa.*

- Hiệu quả của việc sử dụng các câu rút gọn: Làm cho câu văn ngắn gọn, tránh lặp từ; thông tin nhanh, nhịp văn dồn dập phản ánh được sự khốc liệt của chiến trường.

**Câu 4.** Đoạn văn cần đảm bảo những yêu cầu về:

- Nội dung: Từ tình đồng chí, đồng đội của những nữ thanh niên xung phong trong tác phẩm *Những ngôi sao xa xôi,* nêu được những suy nghĩ của về sức mạnh của tình đoàn kết: giúp con người hòa nhập, gắn kết trong cộng đồng; tạo nên sức mạnh lớn lao để vượt qua khó khăn, đạt được thành công trong mọi hoàn cảnh .

+ Đoàn kết là một nhân tố hết sức cần thiết để dẫn đến sự thành công. Xã hội ngày càng phát triển theo chiều hướng tích cực thì tinh thần đoàn kết lại càng phải được giữ vững và phát huy. Đoàn kết không chỉ mang lại cho ta những kết quả tốt đẹp mà nó cũng đã trở thành sợi dây vô hình liên kết con người lại gần với nhau hơn, từ đó tạo nên những mỗi quan hệ xã hội tốt đẹp.

+ Phải đoàn kết thì chúng ta mới có thể tồn tại và phát triển. Nhưng đoàn kết cũng không có nghĩa là giúp người khác làm việc xấu hay che giấu những lỗi lầm của nhau. Mỗi người chúng ta cần nhận thức rõ về đoàn kết bởi vì nó chỉ mang lại một kết quả tốt đẹp khi ta có mục đích đúng đắn. Nhận thức sai lầm về tình đoàn kết sẽ hại người và đôi khi ta cũng đã vô tình hại chính bản thân.

+ Là một học sinh, chúng ta cần rèn luyện tinh thần đoàn kết và giúp đỡ nhau một cách đúng đắn trong học tập. Ngoài ra, mỗi người học sinh hãy tuyên truyền cho những người thân trong gia đình cũng như mọi người về tinh thần đoàn kết.

- Hình thức: kết hợp các phương thức biểu đạt, diễn đạt rõ ý, độ dài theo qui định...

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

**Đọc kĩ đoạn văn và các câu hỏi:**

“ Có một đám mây kéo ngoài cửa hang. Một đám nữa. Rồi một đám nữa bay qua ngày càng nhanh. Bầu trời mở rộng trước cửa hang đen đi. Cơn giông đến. Cát bay mù. Gió quật lên, quật xuống những cành cây khô cháy. Lá bay loạn xạ. Đột ngột như một biến đổi bất thường trong tim con người vậy. Ở rừng mùa này thường như thế. Mưa. Nhưng mưa đá. Lúc đầu tôi không biết. Nhưng rồi có tiếng lanh canh gõ trên nóc hang. Có cái gì vô cùng sắc xé không khí ra từng mảnh vụn. Gió. Và tôi thấy đau, ướt ở má.”

**Câu 1**: Phương thức biểu đạt chủ yếu của đoạn văn là*:*

**Câu 2**: Chỉ ra phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn trên?

**Câu 4: *Nội dung*** của đoạn văn trên là:

**Câu 5:** Đoạn văn trên sử dụng nhiều câu văn ngắn có tác dụng gì?

**Câu 6: *Ngôi kể*** của ***Những ngôi sao xa xôi*** thuộc ngôi thứ mấy? Kể tên một tác phẩm trong chương trình ngữ văn 9 cũng sử dụng ***Ngôi kể*** giống tác phẩm ***Những ngôi sao xa xôi***?

**Câu 7:** Câu: “ *Gió.*” thuộc ***kiểu câu*** gì?

**Câu 8:** Viết một đoạn văn quy nạp (12 câu): “Những ngôi sao xa xôi” đã khắc hoạ vẻ đẹp tâm hồn của thanh niên Hà Nội qua hình ảnh Phương Định dũng cảm gan dạ mà cũng thật trong trẻo, mộng mơ.

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1**: Phương thức biểu đạt chủ yếu của đoạn văn là: miêu tả

**Câu 2**: Phép liên kết được sử dụng trong đoạn văn trên:

- Phép liên tưởng: qua các từ ngữ***: mây, bầu trời, cơn giông, gió, lá bay, mưa, mưa đá, lanh canh, ướt.***

- Phép nối: qua từ “ và”

**Câu 4: *Nội dung*** của đoạn văn trên là: Quang cảnh và tâm trạng ngạc nhiên của các cô gái khi có mưa đá.

**Câu5:** Đoạn văn trên sử dụng nhiều câu văn ngắn có tác dụng diễn tả các hiện tượng nối nhau liên tiếp, dồn dập.

**Câu 6: *Ngôi kể*** của ***Những ngôi sao xa xôi*** thuộc ngôi thứ mấy? Kể tên một tác phẩm trong chương trình ngữ văn 9 cũng sử dụng ***Ngôi kể*** giống tác phẩm ***Những ngôi sao xa xôi***?

- Ngôi thứ nhất.

- Tên tác phẩm khác cũng sử dụng ngôi thứ nhất: Chiếc lược ngà

**Câu 7:** Câu: “ *Gió.*” thuộc kiểu câu đặc biệt

**Câu 8:**

- Đoạn văn giàu chất thơ (tâm trạng trước trận mưa đá) => cảm xúc bâng khuâng xao xuyến, niềm vui nỗi buồn chợt đến, chợt đi.

- Niềm tin ấy cứ lấp lánh mãi như ánh sáng của những ngôi sao xa xôi mà không gì, không một thể lực tàn bạo, khắc nghiệt nào có thể dập tắt được.

- Trong cảm xúc bâng khuâng, xao động, thoáng qua của Phương Định, hình ảnh ngôi nhà, người mẹ, những gì thân thuộc gần gũi đến hình ảnh lung linh của những ngôi sao mà tác giả đã hơn một lần nhắc đến, ánh sáng của đèn điện ngỡ là thực mà như là ảo. Tất cả hiện lên trong ánh sáng lung linh của ký ức mộng mơ, rất thiếu nữ, rất dung dị của người Hà Nội.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi từ 1 đến 4:**

*“Chúng tôi có ba người. Ba cô gái. Chúng tôi ở trong một hang dưới chân cao điểm. Con đường qua trước hang, kéo lên đồi, đi đến đâu đó, xa! Đường bị đánh lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn. Hai bên đường không có lá xanh. Chỉ có những thân cây bị tước khô cháy. Những cây nhiều rễ nằm lăn lóc. Những tảng đá to. Một vài cái thùng xăng hoặc thành ô tô méo mó, han rỉ nằm trong đất.*

*Việc của chúng tôi là ngồi đây. Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Người ta gọi chúng tôi là tổ trinh sát mặt đường. Cái tên gợi sự khao khát làm nên những sự tích anh hùng. Do đó, công việc cũng chẳng đơn giản. Chúng tôi bị bom vùi luôn. Có khi bò trên cao điểm về chỉ thấy hai con mắt lấp lánh. Cười thì hàm răng lóa lên khuôn mặt nhem nhuốc. Những lúc đó, chúng tôi gọi nhau là* “*những con quỷ mắt đen*”*.*

*Đơn vị chăm chúng tôi ra trò. Có gì lại bảo* “*Để cho bọn trinh sát, chúng nó ở trên đó vắng*” *(Những ngôi sao xa, Lê Minh Khuê, Ngữ văn 9,* tập 2*)*

**Câu 1:** Câu văn *" Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. "* là câu rút gọn thành phần nào?

**Câu 2:** Chỉ ra phép liên kết trong đoạn?

**Câu 3:** Từ ngữ được gạch chân trong câu văn “*Do đó, công việc cũng chẳng đơn giản.*”là từ kết nối chỉ kiểu quan hệ nào?

1. Quan hệ bổ sung C. Quan hệ nghịch đối
2. Quan hệ thời gian D. Quan hệ nhân quả

**Câu 4:** Viết đoạn văn nêu cảm nhận về nhân vật Phương Định (khoảng 12 -> 15 câu).

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1:** Câu văn *" Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. "* là câu rút gọn thành phần Chủ ngữ.

**Câu 2:** Phép liên kết:

* Phép lặp: Chúng tôi
* Phép nối: Do đó

**Câu 3:** Từ ngữ được gạch chân trong câu văn “*Do đó, công việc cũng chẳng đơn giản.*”là từ kết nối chỉ kiểu quan hệ nhân quả.

**Câu 4:**

Gợi ý: Triển khai các ý sau:

Phương Định là hình ảnh tiêu biểu của những người con gái Hà Nội vào chiến trường đánh giặc.

- Cô rất trẻ, có thời học sinh hồn nhiên vô tư bên người mẹ trong những ngày thanh bình của thành phố.

- Ngay giữa chiến trường ác liệt, Phương Định vẫn không mất đi sự hồn nhiên, trong sáng: cô hiện lên rất đời thường, rất thực với những nét đẹp tâm hồn: nhạy cảm, hay mơ mộng và thích hát (cảm xúc của Định trước cơn mưa đá).

- Là cô gái kín đáo trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình (hay ngắm nhìn mình qua gương, biết mình đẹp và được các anh bộ đội để ý nhưng không tỏ ra săn sóc, vồn vã… nét kiêu kỳ của những cô gái Hà Thành).

- Tình cảm đồng đội sâu sắc: yêu mến hai cô bạn cùng tổ, yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn. (chăm sóc Nho khi Nho bị thương…).

- Ngời lên những phẩm chất đáng quý: có trách nhiệm với công việc, dũng cảm, bình tĩnh, tự tin…(thể hiện tâm trạng suy nghĩ của nhân vật trong một lần phá bom). Tác giả am hiểu và miêu tả sinh động nét tâm lý của những nữ thanh niên xung phong.

=> Nhân vật Phương Định đã để lại trong lòng người đọc nỗi niềm đồng cảm, yêu mến và sự kính phục về phẩm chất tốt đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

***Đoạn văn tham khảo :***

Là con gái Hà Nội vào chiến trường đánh giặc, cô mang theo những kỉ niệm đẹp của một thời học sinh vô tư lự bên người mẹ và những hình ảnh, những kỉ niệm thân thương quá đối với thành phố của cô (1). Ở chiến trường 3 năm, đã quen với những thử thách nguy hiểm, giáp mặt hàng ngày với cái chết, nhưng cô không hề  mất đi sự hồn nhiên, trong sáng và những ước mơ về tương lai : nhạy cảm, mơ mộng và thích được hát(2). Cô hồn nhiên đến đáng yêu khi gặp cơn mưa đá trên cao điểm : « *Tôi chạy vào, bỏ trên bàn tay đang xoè ra của Nho mấy viên đá nhỏ. Lại chạy ra, vui thích cuống cuồng. Rồi mưa tạnh, tôi bỗng thẫn thờ tiếc không nói nổi* »(3). Cùng với trận mưa đá ấy, những kỉ niệm thời thiếu nữ lại trào lên trong cô « xoáy mạnh như sóng » biết bao hình ảnh thân thương của gia đình, thành phố và quê hương (4). Nó vừa là niềm khao khát, vừa làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh căng thẳng, khốc liệt của chiến trường (5). Là cô gái xinh đẹp, đầy nữ tính, biết điệu đà làm dáng nhưng Phương Đinh lại rất kín đáo, tế nhị, có chiều sâu trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình (6). Biết mình được các anh lính để mắt, điều đó khiến cô vui và tự hào nhưng cô không hề tỏ ra vồn vã, săn đón, cô luôn kín đáo giữa đám đông : « *đứng ra xa, khoanh tay lại trước ngực và nhìn đi nơi khác, môi mìm chặt* » (7). Cô yêu mến đồng đội, đặc biệt là hai người bạn gái cùng tổ, luôn lo lắng sau mỗi lần phá bom : « *Tôi phủi áo, căng mắt nhìn qua khói và chạy theo chị Thao… Chi Thao vấp ngã. Tôi đỡ chị… Tôi moi đất, bế Nho đặt lên đùi mình*», rồi chăm sóc đồng đội như một y tá(8). Cô còn yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn (9). Trong suy nghĩ của cô : « *những người đẹp nhất, thông mình, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ* (10). Cuộc sống chiến đấu đối mặt với kẻ thù hàng ngày, thần Chết luôn đe doạ từng giây phút đã rèn luyện cho cô gái Hà thành đức tính dũng cảm, gan dạ, tự tin để hoàn thành mọi nhiệm vụ (11). Công việc hàng ngày của cô và đồng đội rất nhiều và nguy hiểm : phá bom, ít nhất là 3 quả, có ngày 5 quả », công việc khủng khiếp bóp nghẹt trái tim, nhưng cô nói về chừng ấy công việc gọn gàng, khô khốc, tĩnh nhẹ như không, cô nghĩ về công việc của mình quá giản dị và còn cho là có cái thú riêng : « *có ở đâu như thê này không. Đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ì xa dần. Thần kinh căng ra như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chận chạy mà vẫn không biết rằng khắp xung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa. Nhưng nhất định sẽ nổ* » (12). Chiến tranh và đạn bom giặc Mỹ đã làm cô lớn lên, trở thành dũng sĩ mạnh mẽ mà cô không hề biết : « *quen rồi. Một ngày tôi phá bom đến 5 lần. Ngày nào ít : ba lần. Tôi có nghĩ đến cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể* » (13). Thế đấy, những cảm xúc, suy nghĩ chân thực của cô đã truyền sang cho người đọc nỗi niềm đồng cảm, yêu mến và sự kính phục (14).Tất cả đã được tác giả kể chân thực, sinh động và tự nhiên qua tâm lí nhân vật ở những sự việc và chi tiết có ý nghĩa trong truyện, và những nét tâm lí này lại được chính nhân vật nói lên qua vai kể của mình nên lại càng thấm thía(15).

**CHUYÊN ĐỀ 3: ÔN TẬP VĂN HỌC TRUNG ĐẠI**

**BÀI 1: CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG**

***(Trích “Truyền kỳ mạn lục” - Nguyễn Dữ)***

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Nguyễn Dữ (chưa rõ năm sinh, năm mất), quê ở Trường Tân- Thanh Miện- Hải Dương.  - Nguyễn Dữ sống vào nửa đầu thế **kỷ XVI**, là thời kỳ Triều đình nhà Lê đã bắt đầu khủng hoảng, các tập đoàn phong kiến Lê, Mạc, Trịnh tranh giành quyền lực, gây ra những cuộc nội chiến kéo dài.  - Ông nổi tiếng là người học rộng, tài cao. Ông là học trò xuất sắc của Tuyết Giang Phu Tử Nguyễn Bỉnh Khiêm; nhưng chỉ làm quan một năm rồi cáo về, sống ẩn dật ở vùng núi Thanh Hoá. Đó là cách phản kháng của nhiều tri thức tâm huyết đương thời. |
| ***PT biểu đạt*** | Tự sự có kết hợp yếu tố biểu cảm |
| ***Xuất xứ*** | “***Chuyện người con gái Nam Xương***” là truyện thứ 16 trong số 20 truyện nằm trong tác phẩm nổi tiếng nhất của Nguyễn Dữ “*Truyền kỳ mạn lục*” (ghi chép tản mạn những truyện kỳ lạ vẫn được lưu truyền). Viết bằng chữ Hán.  Truyện có nguồn gốc từ một truyện cổ dân gian trong kho tàng cổ tích Việt Nam “Vợ chàng Trương”. |
| ***Thể loại*** | ***Truyện truyền kỳ:***  - Là loại văn xuôi tự sự có nguồn gốc từ Trung Quốc và thịnh hành từ thời Đường,  - Truyện truyền kì thường mô phỏng những cốt truyện từ dân gian hoặc dã sử. Sau đó, được tác giả sắp xếp lại tình tiết, bồi đắp thêm cho đời sống các nhân vật, đặc bệt là xen kẽ các yếu tố kì ảo… |
| ***Bố cục***  3 đoạn | - *Đoạn 1*:… của mình: **Cuộc** **hôn nhân** giữa Trương Sinh và Vũ Nương, sự xa cách vì chiến tranh và phẩm hạnh của nàng trong thời gian xa cách.  - *Đoạn 2*: … qua rồi: ***Nỗi oan khuất*** và ***cái chết bi thảm*** của Vũ Nương.  - *Đoạn 3*: Còn lại: ***Cuộc gặp gỡ giữa Vũ Nương và Phan Lang*** trong đội Linh Phi. Vũ Nương được giải oan. |
| ***Tóm tắt*** | Vũ Thị Thiết (Vũ Nương) là người phụ nữ nhan sắc, đức hạnh. Chồng nàng là Trương Sinh phải đi lính sau khi cưới ít lâu. Nàng ở nhà, một mình vừa nuôi con nhỏ vừa chăm sóc mẹ chồng đau ốm rồi làm ma chu đáo khi bà mất. Trương Sinh trở về, nghe lời con, nghi vợ thất tiết nên đánh đuổi đi. Vũ Nương uất ức gieo mình xuống sông Hoàng Giang tự vẫn, được thần Rùa Linh Phi và các tiên nữ cứu. Sau đó Trương Sinh mới biết vợ bị oan. Ít lâu sau, Vũ Nương gặp Phan Lang, người cùng làng chết đuối được Linh Phi cứu. Khi Lang trở về, Vũ Nương nhờ gửi chiếc hoa vàng nhắn chàng Trương lập đàn giải oan cho nàng. Trương Sinh nghe theo, Vũ Nương ẩn hiện giữa dòng, nói vọng vào bờ lời tạ từ rồi biến mất. |
| ***Chủ đề*** | Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, “***Chuyện người con gái Nam Xương***” thể hiện niềm thương cảm đối với số phận oan nghiệt, đồng thời ca ngợi vẻ đẹp truyền thống của những phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến. |
| ***Giá trị nội dung*** | - “***Chuyện người con gái Nam Xương***” đã thể hiện niềm cảm thương sâu sắc đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến. Qua đó thể hiện những vẻ đẹp phẩm chất quý baud của họ.  - Tác phẩm còn như một thông điệp vượt thời gian: Tất cả mọi người đều có quyền sống và quyền hạnh phúc. Đặc biệt là những người phụ nữ, họ có quyền bình đẳng để phát huy tài năng và phẩm chất của mình. Đó cũng chính là những biểu hiện của một xã hội hiện đại, văn minh. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | - Xây dựng tình huống truyện độc đáo, đặc biệt là chi tiết chiếc bóng. Đây là sự khái quát hoá tấm lòng, sự ngộ nhận và sự hiểu lầm của từng nhân vật. Hình ảnh này hoàn thiện thêm vẻ đẹp nhân cách của Vũ Nương, đồng thời cũng thể hiện rõ nét hơn số phận bi kịch của Vũ Nương nói riêng và người phụ nữ Việt Nam nói chung.  - *Nghệ thuật dựng truyện*. Dẫn dắt tình huống truyện hợp lý. Chi tiết chiếc bóng là đầu mối câu chuyện lại chỉ xuất hiện một lần duy nhất ở cuối truyện, tạo sự bất ngờ, bàng hoàng cho người đọc và tăng tính bi kịch cho câu chuyện.  - Có nhiều sự sáng tạo so với cốt truyện cổ tích "***Vợ chàng Trương***" bằng cách sắp xếp thêm bớt chi tiết một cách độc đáo.  - *Nghệ thuật xây dựng nhân vật*: Nhân vật được xây dựng qua lời nói và hành động. Các lời trần thuật và đối thoại của nhân vật sử dụng nhiều hình ảnh ước lệ nhưng vẫn khắc hoạ đậm nét và chân thật nội tâm nhân vật.  - *Sử dụng yếu tố truyền kỳ (kỳ ảo) làm nổi bật giá trị nhân đạo của tác phẩm*. Yếu tố kỳ ảo, hoang đường làm câu chuyện vừa thực vừa mơ, vừa có hậu vừa không có hậu, làm hoàn chỉnh vẻ đẹp của Vũ Nương.  - *Kết hợp các phương thức biểu đạt*: Tự sự + biểu cảm (trữ tình) làm nên một áng văn xuôi tự sự còn sống mãi với thời gian. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Nhân vật Vũ Nương:**

- Vũ nương được giới thiệu là người phụ nữ thùy mị, nết na, tư dung tốt đẹp.

- Chính vì cảm kích trước vẻ đẹp của nàng mà Trương Sinh đã xin mẹ “đem 100 lạng vàng cưới về”. Chi tiết này đã tô đậm vẻ đẹp nhan sắc và phẩm chất của nàng.

**a. Vũ Nương là người phụ nữ có nhiều phẩm chất tốt đẹp:**

***\* Trong quan hệ với chồng:*** Là người vợ thủy chung, luôn giữ gìn khuôn phép, yêu thương chồng hết mực, khát khao có một mái ấm gia đìnhg hạnh phúc:

- Khi xây dựng gia đình, gắn kết cuộc đời với Trương Sinh, biết chồng có tính đa nghi, nàng luôn *“giữ gìn khuôn phép, không từng lúc nào để vợ chồng phải thất hoà”*=> khao khát và luôn có ý thức xây dưng vun vén cho máI ấm gia đình, giữ gìn hạnh phúc cho trọn vẹn-> đó cũng là ước mơ chung của bất cứ người phụ nữ nào.

- Rồi khi chồng nàng phải đi lính, Vũ Nương rót chén rượu đầy với lời tiễn biệt đầy cảm động: *“Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng mong được đeo ấn, phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang dượcc hai chữ bình yên”* => Ước mong đó thật giản dị nhưng ẩn chứa sau đó là niềm khao khát và ý thức trân trọng giữ gìn mái ấm hạnh phúc gia đình mà nàng đang có. Mặt khác nó cũng khẳng định được tấm lòng thuỷ chung yêu thương và lo lắng cho chồng của Vũ Nương.

- Những tháng ngày Trương sinh đi lính, nàng luôn mong nhớ đợi chờ: *“Mỗi khi bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được”=>* Phép ẩn dụ tượng trưng đã diễn tả đầy đủ được nỗi mong nhớ tháng ngày như biển trời cũng như đức hi sinh và tinh thần chịu đựng của người chinh phụ.

- Khi bị chồng nghi oan, nàng hết sức phân trần để chồng hiểu. Qua nhũng lời nói tha thiết đó, ta thấy được thái độ trân trọng và mong muốn được chồng thấu hiểu của nàng.

- Khi không còn hi vọng, nàng mượn bến Hoàng Giang để chứng minh tấm long trong sạch của mình. Hành động kết liễu cuộc đời là hành động quyết liệt cuối cùng để bảo vệ phẩm giá của nàng.

***\* Trong quan hệ với mẹ chồng:*** Nàng là một người con dâu hiếu thảo.

- Vũ nương thay Trương Sinh làm tròn bổn phận của một người con: chăm sóc mẹ chồng khi già yếu, ốm đau*“Lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn, thuốc thang, lễ bái thần phật”*.

- Khi mẹ chồng mất, nàng hết lòng thương xót *“Phàm việc ma chay tế lễ như đối với cha mẹ để mình”.*

- Lời trăn trối của mẹ chồng trước khi mất đã khẳng định long hiếu thảo, tình cảm chân thành và công lao to lớn của Vũ Nương: *“ Xanh kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chẳng phụ mẹ”*.

***\* Trong quan hệ với con:***

- Ở nhà, Vũ Nương một mình vượt cạn, sinh bé Đản, vừa thực hiện thiên chức của người mẹ chăm sóc nuôi dưỡng con nhỏ, lại vừa thay chồng thực hiện chức trách của người cha dạy dỗ bé Đản.

- Nàng còn là một người mẹ tâm lí, không chỉ chăm lo cho con về mặt vật chất, mà còn cả về mặ tinh thần: bé Đản sinh ra chưa biết mặt cha, lo con thiếu thốn tình cảm của cha nên chỉ vào cái bóng của mình trên vách mà bảo *“ cha Đản”*.

***\* Đánh giá:*** *Vũ Nương không chỉ hoàn thành tốt trách nhiệm của một người vợ, người con, người mẹ, người cha mà còn là người trụ cột gia đình, người đem lại ngọn lửa ấm áp tình yêu thương thắp lên trong ngôi nhà vắng bóng đàn ông trụ cột. Nàng xứng đáng được hưởng những gì hạnh phúc, tuyệt vời nhất. Nhưng trớ trêu thay, hạnh phúc đã không mỉm cười với nàng.*

**b.** **Vũ Nương là người phụ nữ bất hạnh:**

- Khi Trương Sinh trở về tưởng chừng như hạnh phúc sẽ mỉm cười với Vũ Nương nhưng đó lại là lúc những oan khuất đổ ập xuống cuộc đời và số phận nàng. Dù vậy trong nỗi oan khất tày trời thì những phẩm chất tốt đẹp của nàng càng có cơ hội toả sáng, đặc biệt là tấm lòng trinh bạch.

+ Thấy hạnh phúc đang có nguy cơ đứng trước bờ vực thẳm nàng cố phân trần, níu giữ, nàng cố phân trần trước tháiđộ độc đoán, gia trưởng nhất quyết đuổi đI của Trương Sinh : *“Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết, tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót, đâu có sự hư thân mất nết như chàng nghĩ, dám mong bày tỏ để cởi mối nghi ngờ, xin chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp”.*

+ Không thể tự minh oan cho mình được, nàng giã bày: *“Thiếp nếu đoan trang giữ tiết trinh bạch gìn lòng vào nước xin làm ngọc Mỵ nương, xuống đất xin làm cỏ ngu mĩ, nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm,ủtên xin làm cơm cho diêù quạ và xin khắp mọi người phỉ nhổ”*

=> Tất cả những lời bộc bạch ấy đã gop phần minh chứng cho những phẩm hạnh tốp đẹp và tấm lòng trinh bạch thuỷ chung của Vũ Nương.

- Dù sống dưới thuỷ cung (ở một thế giới khác) nhưng nàng vẫn luôn hướng về chồng con. Điều này được thể hiện rõ trong câu chuyện giữa nàng với Phan Lang “Vả chăng, ngựa Hồ gầm gió Bắc, chim Việt đậu cành Nam. Cảm vì nỗi ấy , tôI tất phảI tìm về có ngày”. => Đóp là tấm lòng nhân nghĩa, vị tha, nhân hậu và rất cao thượng của nàng, ngay cả đối với Trương Sinh –kẻ đã phụ bạc và ruồng rẫy nàng, vứt bỏ nàng không mảy may thương tiếc. Phẩm chất đáng quý đó đại diện cho biết bao người phụ nữ Việt Nam từ xưa tới nay.

- Chi tiết cuối truyện, Vũ Nương hiện về với câu nói : *“Thiếp cảm ơn đức Linh Phi, Đa tạ tình chàng… không thể về nhân gian được nữa”* Có ý nghĩa khắc sâu phẩm chất nhân hậu rộng lượng của người phụ nữ việt Nam: Sống nội tâm, có trước, có sau.

***\* Đánh giá:***

*- Câu chuyện là lời tố cáo đanh thép với chế độ phong kiến đã chà đạp lên quyền sống của con người. Hiện thân của chế độ ấy là nhân vật Trương Sinh.*

*- Liên hệ thực tế: Hiện nay chúng ta đang phấn đấu xây dựng một xã hội bình đẳng…*

**2. Nguyên nhân cái chết của Vũ Nương:**

**a. Nguyên nhân trực tiếp:** Chiếc bóng trên vách khiến bé Đản ngộ nhận đó là cha mình, khi người cha thật trở về thì không chịu nhận và vô tình gây ra hiểu lầm dẫn đến người mẹ bị nghi oan.

**b. Nguyên nhân gián tiếp:**

- Tính cách cảu Trương Sinh: đa nghi, độc đoán, gia trưởng.

- Cuộc hôn nhân không bình đẳng: Vũ Nương vốn là “ con kẻ khó” được Trương Sinh đem trăm lạng vàng mà cưới về.

- Hơn nữa xã hội cũ “ trọng nam khinh nữ”, người phụ nữ trong gia đình không có tiếng nói, Vũ Nương không thể minh oan cho mình.

- Chiến tranh phong kiến: Trương Sinh phải đi lính, nên không có cơ hội hiểu vợ.

**3. Ý nghĩa của chi tiết kỳ ảo**

***\* Các chi tiết kỳ ảo trong câu chuyện:***

- Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa.

- Phan Lang gặp nạn, lạc vào động rùa, gặp Linh Phi, được cứu giúp; gặp lại Vũ Nương, được sứ giả của Linh Phi rẽ đường nước đưa về dương thế.

- Vũ Nương hiện về trong lễ giải oan trên bến Hoàng Giang giữa lung linh, huyền ảo rồi lại biến đi mất.

***\* Cách đưa các chi tiết kỳ ảo:***

- Các yếu tố này được đưa vào xen kẽ với những yếu tố thực về địa danh, về thời điểm lịch sử, những chi tiết thực về trang phục của các mỹ nhân, về tình cảnh nhà Vũ Nương không người chăm sóc sau khi nàng mất… Cách thức này làm cho thế giới kỳ ảo lung linh, mơ hồ trở nên gần với cuộc đời thực, làm tăng độ tin cậy, khiến người đọc không cảm thấy ngỡ ngàng.

***\* Ý nghĩa của các chi tiết kỳ ảo:***

- Cách kết thúc này làm nên đặc trưng của thể loại truyện truyền kỳ.

- Làm hoàn chỉnh thêm nét đẹp vốn có của Vũ Nương: nặng tình, nặng nghĩa, quan tâm đến chồng con, phần mộ tổ tiên, khao khát được phục hồi danh dự.

- Tạo nên một kết thúc phần nào có hậu cho câu chuyện.

- Thể hiện về ước mơ, về lẽ công bằng ở cõi đời của nhân dân ta.

- Chi tiết kỳ ảo đồng thời cũng không làm mất đi tính bi kịch của câu chuyện. Vũ Nương trở về mà vẫn xa cách ở giữa dòng bởi nàng và chồng con vẫn âm dương chia lìa đôi ngả, hạnh phúc đã vĩnh viễn rời xa. Tác giả đưa người đọc vào giấc chiêm bao rồi lại kéo chúng ta sực tỉnh giấc mơ - giấc mơ về những người phụ nữ đức hạnh vẹn toàn. Sương khói giải oan tan đi, chỉ còn một sự thực cay đắng: nỗi oan của người phụ nữ không một đàn tràng nào giải nổi. Sự ân hận muộn màng của người chồng, đàn cầu siêu của tôn giáo đều không cứu vãn được người phụ nữ. Đây là giấc mơ mà cũng là lời cảnh tỉnh của tác giả. Nó để lại dư vị ngậm ngùi trong lòng người đọc và là bài học thấm thía về giữ gìn hạnh phúc gia đình.

-> Yêu cầu trả lời ngắn gọn, giải thích rõ yêu cầu của đề bài; các ý có sự liên kết chặt chẽ; trình bày rõ ràng, mạch lạc.

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

**Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

*“ Vũ Thị Thiết, người con gái Nam Xương, tính tình đã thùy mị, nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp. Trong làng có chàng Trương Sinh, mến vì dung hạnh, xin mẹ đem trăm lạng vàng cưới về. Song Trương Sinh có tính đa nghi, đối với vợ phòng ngừa quá sức. Nàng cũng giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải bất hòa. Cuộc sum vầy chưa được bao lâu thì xảy ra việc triều đình bắt lính đi đánh giặc Chiêm. Trương tuy con hào phú nhưng không có học, nên phải ghi trong sổ lính vào loại đầu”.*

**Câu 1:** Cho biết tên văn bản, tác giả có chứa đoạn trích trên?

**Câu 2:** Đoạn trích trên được viết theo phương thức biểu đạt nào?

**Câu 3:** Nội dung của đoạn trích trên là gì?

**Câu 4:** Giải thích cụm từ “tư dung tốt đẹp” và từ “dung hạnh” được sử dụng trong hai câu đầu đoạn trích.

**Câu 5:** Em hãy chỉ ra phương thức liên kết trong đoạn văn trên?

**Câu 6:** Tìm thành phần biệt lập được sử dụng trong đoạn trích trên?

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1:** Văn bản: Chuyện người con gái Nam Xương- Nguyễn Dữ

**Câu 2:** Đoạn trích trên được viết theo phương thức tự sự.

**Câu 3:** Nội dung chính: giới thiệu về nhân vật Vũ Nương - người con gái đẹp người đẹp nết được Trương Sinh, con nhà hào phú, cưới về làm vợ.

**Câu 4:**

- Tư dung tốt đẹp: nhan sắc và dáng vẻ tốt đẹp.

    - Dung hạnh: chỉ nhan sắc và đức hạnh.

Ý nói Vũ Nương là người con gái không chỉ đẹp về ngoại hình, dung nhan mà còn có đức hạnh.

**Câu 5:** Phương thức liên kết trong đoạn văn trên: phép nối, phép lặp, phép thế.

    - Phép nối: từ ngữ để nối *“song”.*

    - Phép thế: từ *“nàng”, “vợ”* thay thế cho từ *“Vũ Nương”.*

    - Phép lặp: từ *“Trương Sinh”.*

**Câu 6:** Thành phần biệt lập: thành phần phụ chú (người con gái quê ở Nam Xương), nhằm bổ sung thông tin về quê quán cho nhân vật được kể.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

*Nàng bất đắc dĩ nói:*

*- Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng, vì có cái thú vui nghi gia nghi thất. Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cái én lìa đàn, nước thẳm buồm xa, đâu còn có thể lên núi Vọng Phu kia nữa.*

( Chuyện người con gái Nam Xương- Nguyễn Dữ)

**Câu 1:** Vũ Nương nói câu nói trên trong hoàn cảnh nào?

**Câu 2:** Cụm từ “thú vui nghi gia nghi thất” có nghĩa là gì?

**Câu 3:** Nêu hàm ý của câu văn: Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cát én lìa đàn, nước thấm buồm xa, đâu còn có thể lại lên núi Vọng Phu kia nữa.

**Câu 4:** Chỉ ra phép tu từ được sử dụng trong đoạn văn trên, nêu tác dụng?

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1:** Vũ Nương nói câu trên khi bị chồng nghi oan nàng hai lòng, không chung thủy.

**Câu 2:** Thú vui nghi gia nghi thất: ý nói nên cửa nên nhà, thành vợ thành chồng, cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình.

**Câu 3:** Hàm ý: Vũ Nương đau khổ tới tột cùng vì hạnh phúc lứa đôi tan vỡ, ngay cả việc chờ đợi chồng, trông ngóng chồng như trước kia cũng không thể. Vũ Nương thất vọng khi bị Trương Sinh ruồng bỏ, tình vợ chồng gắn bó bấy lâu tan vỡ.

**Câu 4:** Trong câu nói của Vũ Nương có nhiều hình ảnh mang tính ẩn dụ:

*+ Bình rơi trâm gãy.*

*+ Sen rũ trong ao.*

*+ Liễu tàn trước gió.*

*+ Kêu xuân cái én lìa đàn.*

*+ Nước thẳm buồm xa.*

*+ Lên núi vọng phu.*

- Chọn phân tích hình ảnh ẩn dụ “trâm gãy bình tan” hình ảnh của sự chia lìa, tan vỡ, mượn hình ảnh trâm gãy, bình tan để nói về hiện trạng tình vợ chồng của Vũ Nương nay đã tan vỡ.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi bên dưới:**

*“ Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngày chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu mĩ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ”.*

**Câu 1:** Lời nói của Vũ Nương chứng tỏ điều gì về nhân vật này?

**Câu 2:** Nguyên nhân nào dẫn tới cái chết của Vũ Nương?

**Câu 3:** Trong **“*Chuyện người con gái Nam Xương*”,** chi tiết cái bóng có ý nghĩa gì?

**Câu 4:** Viết đoạn văn quy nạp (khoảng 10 câu - 12 câu) có sử dụng phép lặp và một câu có thành phần biệt lập, cảm nhận của em về nhân vật Vũ Nương.

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1:** Lời nói của Vũ Nương chứng tỏ nàng là người ngay thẳng, trong sạch.

    - Lời than của nàng trước trời cao, sông thẳm là sự minh chứng cho tấm lòng trinh bạch, nàng muốn được thần sông chứng giám cho nỗi oan khuất cũng như ghi nhận đức hạnh của nàng.

**Câu 2:** Nguyên nhân dẫn tới cái chết của Vũ Nương

    - Nguyên nhân trực tiếp: lời nói ngây thơ của đứa con (bé Đản), bé Đản không chịu nhận Trương Sinh là cha.

    - Nguyên nhân gián tiếp:

       + Do người chồng tính tình đa nghi, hay ghen, gia trưởng.

       + Cách cư xử nóng nảy, hồ đồ, phũ phàng của Trương Sinh.

       + Chiến tranh phi nghĩa nổ ra, gây ra sinh li từ biệt.

       + Do xã hội phong kiến trọng nam khinh nữ, lời nói của người phụ nữ không được coi trọng.

**Câu 3:**

Cái bóng trong câu chuyện có ý nghĩa đặc biệt vì đây là chi tiết tạo nên cách thắt nút, mở nút hết sức bất ngờ.

- Cái bóng có ý nghĩa thắt nút câu chuyện vì :

+ Đối với Vũ Nương: Trong những ngày chồng đi xa, vì thương nhớ chồng, vì không muốn con nhỏ thiếu vắng bóng người cha nên hàng đêm, Vũ Nương đã chỉ bóng mình trên tường, nói dối con đó là cha nó. Lời nói dối của Vũ Nương với mục đích hoàn toàn tốt đẹp.

+ Đối với bé Đản: Mới 3 tuổi, còn ngây thơ, chưa hiểu hết những điều phức tạp nên đã tin là có một người cha đêm nào cũng đến, mẹ đi cũng đi, mẹ ngồi cũng ngồi, nhưng nín thin thít và không bao giờ bế nó.

+ Đối với Trương Sinh: Lời nói của bé Đản về người cha khác (chính là cái bóng) đã làm nảy sinh sự nghi ngờ vợ không thuỷ chung, nảy sinh thái độ ghen tuông và lấy đó làm bằng chứng để về nhà mắng nhiếc, đánh đuổi Vũ Nương đi để Vũ Nương phải tìm đến cái chết đầy oan ức.

- Cái bóng cũng là chi tiết mở nút câu chuyện.

Chàng Trương sau này hiểu ra nỗi oan của vợ cũng chính là nhờ cái bóng của chàng trên tường được bé Đản gọi là cha.

Bao nhiêu nghi ngờ, oan ức của Vũ Nương đều được hoá giải nhờ cái bóng.

- Chính cách thắt, mở nút câu chuyện bằng chi tiết cái bóng đã làm cho cái chết của Vũ Nương thêm oan ức, giá trị tố cáo đối với xã hội phong kiến nam quyền đầy bất công với người phụ nữ càng thêm sâu sắc hơn.

**Câu 4:** **Đoạn văn tham khảo:**

**Vũ Nương**, người con gái đức hạnh, luôn giữ gìn khuôn phép dù Trương Sinh có đa nghi và phòng ngừa quá sức thì gia đình vẫn chưa bao giờ xảy ra tranh chấp, bất hòa. Khi chiến tranh nổ ra, chồng nàng phải ra trận, **Vũ Nương** tiễn chồng ra trận vẫn ân cần dặn dò chồng những lời ân tình, mong ngày về chồng mang theo hai chữ bình an. Ở nhà, nàng một mực giữ tiết, chăm sóc chu toàn gia đình, những mong sớm có ngày đoàn tụ với chồng. Nào đâu, sóng gió ập tới, lời nói ngây thơ của đứa con bé bỏng đã khiến tính đa nghi của chồng nàng nổi dậy. Bị chồng ruồng rẫy, hắt hủi, nàng nói tới thân phận của mình và khẳng định tấm lòng thủy chung trong trắng nhưng mối nghi ngờ ở Trương Sinh vẫn khôn nguôi. Không còn lại gì, lòng nàng dâng trào nỗi thất vọng tột cùng, nỗi đau đớn ê chề bởi hạnh phúc gia đình không có cách nào hàn gắn nổi. Nỗi oan khuất trời không thấu, khiến mọi sự chịu đựng, hy sinh trước đó đều vô nghĩa. Nàng giải thích trong sự bất lực và tuyệt vọng đắng cay trước sự đối xử nhẫn tâm của chồng.

- **Phép lặp**: Vũ Nương

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:**

**Nàng bất đắc dĩ nói:**

- Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng vì có cái thú vui nghi gia nghi thất. Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió; khóc tuyết bông hoa rụng cuống, kêu xuân cát én lìa đàn, nước thấm buồm xa, đâu còn có thể lại lên núi Vọng Phu kia nữa.

(Ngữ văn 9, Tập một, NXB GDVN, 2015, trang 45)

**Câu 1:** Đoạn văn trên được trích từ văn bản nào? Ai là tác giả?   
**Câu 2:** Chỉ ra cặp đại tự xưng hô trong đoạn văn trên.

**Câu 3:** Cụm từ “nghi gia nghi thất” có nghĩa là gì?

**Câu 4:** Ghi lại một thành ngữ có trong đoạn trích trên?

**Câu 5:** Nêu và phân tích tác dụng của một phép tu từ được sử dụng trong đoạn trích trên?

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1:** Đoạn trích trong VB: chuyện người con gái Nam Xương cuả N.Dữ.

**Câu 2:** Đại từ xưng hô: thiếp, chàng

**Câu 3:** Cụm từ nghi gia nghi thất: nên cửa nên nhà, ý nói thành vợ thành chồng, cùng xây dựng hạnh phúc gia đình.

**Câu 4:** thành ngữ: bình rơi trâm gãy

**Câu 5:** phép tu từ được sử dụng trong đoạn trích: ẩn dụ

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 5:**

*“ Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thề sống chết cũng không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp đã chẳng thể về nhân gian được nữa”.*

(Ngữ văn 9, Tập một, NXB GDVN, 2015, trang 45)

**Câu 1:** Những câu văn trên trích từ văn bản nào, tác giả là ai? Đó là lời của ai nói với ai, nói trong hoàn cảnh nào?

**Câu 2:** Qua những lời nói đó, em hiểu gì về số phận bi kịch cũng như vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật?

**Câu 3:** Cũng viết về người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa, chương trình ngữ văn 8 và 9 còn có những tác phẩm nào? Kể ra ít nhất hai tác phẩm ghi rõ tên tác giả?

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1:** Những câu văn trên trích từ văn bản: *chuyện người con gái NX* của ND.

Đó là lời của VN nói với TS. TS lập đàn giải oan cho nàng trên bến Hoàng Giang, VN cũng đã trở về, nàng ngồi trên kiệu hoa đứng giữa dòng mà nói vọng vào những lời như thế rồi “bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần rồi biến mất”

**Câu 2:** Là nv nhân đạo ND k muốn những người đức hạnh, nết na như VN bị chết. song hiện thực VN đã chết để minh oan đền đáp sự ngay thẳng, trong sạch thủy chung của nàng tg đã tưởng tượng ra sự hồi sinh của nàng- nàng đucợ tiên nữ cứu vớt, đưa về động tiên sống. Và ông tt, sang tạo ra cảnh ngộ với TS. VN trở về dương thế nhưng chỉ hiện ra giữa dòng nói vọng vào “thiếp chẳng về nhân gian đượcn nữa”. Qua đó ta thấy số phận người phụ nữ trong xã hội xưa thật bất hạnh, mặc dù học có những phẩm giá tốt đẹp…

**Câu 3:** Truyện Kiều (Nguyễn Du), Bánh trôi nước (HXH)

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 6:**

*Vũ Thị Thiết,* ***người con gái quê ở Nam Xương*** *(1). Người đã thùy mị nết na, lại thêm có tư dung tốt đẹp. Trong làng có chàng Trương sinh, mến vì dung hạnh, xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới về. Song Trương có tính hay ghen, đối với vợ phòng ngừa thái quá (2). Nàng cũng giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa(3).*

(Ngữ văn 9, Tập một, NXB GDVN, 2015, trang 45)

**Câu 1:** Đoạn văn trên được trích từ tác phẩm nào? Ai là tác giả?   
**Câu 2:** Đoạn trích trên được viết theo phương thức biểu đạt nào?

**Câu 3:** Nội dung chính của đoạn trích trên là gì?

**Câu 4:** Bộ phận in đậm ở câu (1) trong đoạn trích làm thành phần gì trong câu?

**Câu 5:** Giải thích từ “dung hạnh” dùng trong câu 2 của đoạn trích trên?

**Câu 6:** Hãy nhận xét về cách giới thiệu nhân vật của Nguyễn Dữ trong đoạn trích trên. Qua đó em biết gì về tình cảm của nhà văn với nhân vật?

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1:** Đoạn văn trên trích từ văn bản: *chuyện người con gái NX* của ND.

**Câu 2:** đoạn trích trên được viết theo phương thức biểu đạt: NL

**Câu 3:** Nội dung chính của đoạn trích: giới thiệu về nhân vật VN

**Câu 4:** bộ phận in đậm ở câu (1) trong đoạn trích làm thành phần: phụ chú

**Câu 5:** Dung hạnh có nghĩa là nhan sắc và đức hạnh.Ý muốn nói Vũ Nương vừa là người có sắc, vừa là người đẹp nết.

**Câu 6:** ND giới thiệu tên tuổi quê quán, tính cách hoàn cảnh của nhân vật. Đó là giới thiệu nv mang tính truyền thống.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 7:**

Sau đây là một phần của cuộc trò chuyện giữa nhân vật Phan Lang và Vũ Nương trong Chuyện người con gái Nam Xương (Nguyễn Dữ):

Phan Lang nói:

Nhà cửa của tiên nhân, cây cối thành rừng, phần mộ của tiên nhân, cỏ gai lấp mắt. Nương tử dầu không nghĩ đến, nhưng còn tiên nhân mong đợi ở nương tử thì sao?

Nghe đến đây, Vũ Nương ứa nước mắt khóc rồi nói:

- Có lẽ không thể gửi mình ẩn vết ở đây được mãi, để mang tiếng xấu xa. Và chăng Ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam. Cảm vì nỗi ấy, tôi tất phải tìm về có ngày.

(Trích [Ngữ văn](https://vndoc.com/ngu-van-lop-9) 9, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)

**Câu 1:** Phan Lang trò chuyện với Vũ Nương trong hoàn cảnh nào? Tư “tiên nhân" được nhắc tới trong lời của Phan Lang để chỉ những ai?

**Câu 2:** Vì sao sau khi nghe Phan Lang nói, Vũ Nương "ứa nước mắt khóc” và quả quyết "tối tất phải tìm về cỏ ngày"?

**Câu 3:** Em hãy viết đoạn văn trình bày suy nghĩ (khoảng 2/3 trang giấy thi) về vai trò của gia đình trong cuộc sống của mỗi chúng ta.

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1:**

- Phan Lang nói chuyện với Vũ Nương trong hoàn cảnh:Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa sau đó gặp nạn rồi được Linh Phi cứu giúp, gặp Vũ Nương dưới thủy cung.

- “Tiên nhân” chỉ Trương Sinh – Chồng Vũ Nương.

**Câu 2:**

Khi nghe Phan Lang nói Vũ Nương “ứa nước mắt khóc” và “quả quyết tìm về có ngày”:

+ Vũ Nương còn nặng tình nặng nghĩa với chồng con

+ Hoàn chỉnh thêm về nét đẹp của người con gái thủy chung, nhân hậu qua nhân vật Vũ Nương

+ Vũ Nương dù chết vẫn muốn rửa oan, bảo toàn danh dự và nhân phẩm

**Câu 3:**

Các em có thể tham khảo dàn ý sau:

\* Mở đoạni: Gia đình có vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống của con người. Gia đình hạnh phúc chính là mục đích cao đẹp nhất mà con khát khao có được.

\* Thân đoạn:

a. Giải thích: Gia đình là gì?

+ Đó là tế bào của xã hội, là tổng hợp các mối quan hệ, ứng xử, giá trị nhân cách, tình cảm, đạo đức, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cộng đồng, dân tộc.

+ Trong gia đình, mọi người có quan hệ về huyết thống và các quan hệ đặc biệt khác, thường có cùng quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ.

b. Bàn luận: Gia đình có ý nghĩa và vai trò vô cùng đặc biệt với cuộc đời mỗi con người.

- Gia đình là mái ấm, là nơi ta được sinh ra, được sống và trưởng thành.

- Gia đình là điểm tựa, là chỗ dựa vững chắc, là bến đỗ bình yên nhất trong cuộc đời con người.

(Dẫn chứng: Anh Nhĩ trong “Bến quê”, Chí Phèo khao khát hạnh phúc bình dị: chồng kéo lưới, vợ dệt vải, Vũ Nương "chỉ mong có thú vui nghi gia nghi thất”…)

- Gia đình là cái nôi, là cơ sở, nền tảng bồi dưỡng và hình thành nhân cách cao đẹp cho c/n.

- Liên hệ bản thân: yêu thương gia đình.

3. Kết đoạn: Khẳng định vai trò của gia đình với con người

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 8:**

Dưới đây là một đoạn trong “*Chuyện người con gái Nam Xương*” (Nguyễn Dữ)

… *“ Đoạn rồi nàng tắm gội chay sạch, ra bến Hoàng Giang ngửa mặt lên trời mà than rằng: – Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc, tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu Mĩ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ*.”…

(Theo Ngữ văn lớp 9, tập một, NXB Giáo dục, 2010)

**Câu 1:**

Trong tác phẩm, lời thoại trên là độc thoại hay đối thoại? Vì sao?

**Câu 2:**

Lời thoại này được Vũ Nương nói trong hoàn cảnh nào? Qua đó nhân vật thể hiện phẩm chất và mong ước gì? Ghi lại ngắn gọn (khoảng 6 câu) suy nghĩ của em về những phẩm chất ấy của nhân vật.

**Câu 3:**

Làm nên sức hấp dẫn của truyện truyền kỳ là những yếu tố kỳ ảo. Nêu hai chi tiết kỳ ảo trong truyện “Người con gái Nam Xương”.

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1:**

Trong tác phẩm, lời thoại trên là độc thoại, vì đó là lời than của Vũ Nương và cũng là lời nguyền của nàng nói với lòng mình để giãi bày tấm lòng trong trắng của mình trước khi tự vẫn.:

**Câu 2:**

- Lời thoại này được Vũ Nương nói đến trong hoàn cảnh khi bị chồng mình là Trương Sinh nghi ngờ là người vợ không thủy chung. Vũ Nương đã phân trần, khẳng định tấm lòng thủy chung, khát khao cuộc sống gia đình, tình nghĩa vợ chồng, cầu xin chồng đừng nghi oan, tìm mọi cách hàn gắn cuộc sống hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ tan vỡ, song nàng vẫn bị chồng mắng nhiếc, đánh đập, đuổi nàng đi không cho nàng thanh minh, không cho họ hàng, hàng xóm bênh vực và biện bạch cho. Cuộc hôn nhân của nàng và Trương Sinh đã đến độ không thể hàn gắn nổi. Vũ Nương đã đau đớn, thất vọng đến tột cùng, ra bến Hoàng Giang mượn dòng nước con sông quê hương để giãy bày nỗi oan khuất và tấm lòng thủy chung, trong sáng của mình trước khi tự vẫn.

\* Qua lời thề nguyền, Vũ Nương muốn khẳng định:

- Khao khát được sống hạnh phúc trong cuộc sống gia đình.

- Tấm lòng thủy chung, trong sáng của mình với chồng.

- Lòng tự trọng của một người vợ khi bị chồng đánh đập, hắt hủi.

\* Học sinh viết tiếp (khoảng 6 câu) bày tỏ sự chia sẻ, cảm thông với tâm sự đau đớn, tuyệt vọng của Vũ Nương, nhưng cũng thấy:

- Nàng hiểu được thân phận của mình, tự nhận mình là “kẻ bạc mệnh” có “duyên phận hẩm hiu”, song vẫn khát khao được sống hạnh phúc với chồng con và mong thần sông minh oan cho tấm lòng thủy chung, trong trắng của mình. Lời than, lời thề nguyền của Vũ Nương thật thống thiết, ai oán.

- Hành động tự trẫm mình của Vũ Nương là hành động quyết liệt cuối cùng để bảo toàn danh dự. có nỗi tuyệt vọng đắng cay, nhưng người đọc cũng thấy được lòng tự trọng, sự chỉ đạo của lý trí, chứ không như hành động bột phát trong cơn nóng giận như truyện cổ tích miêu tả “Nàng chạy một mạch ra sông, đâm đầu xuống nước tự vẫn”.

- Phẩm chất cao đẹp của Vũ Nương thể hiện qua lời thề nguyền cũng là phẩm chất tốt đẹp của người phụ nữ lao động xưa: Dù cuộc sống của họ có khổ đau bất hạnh, song họ vẫn luôn giữ tròn phẩm chất thủy chung, sắt son, nghĩa tình của mình.

**Câu 3:**

Học sinh có thể đưa các chi tiết kỳ ảo sau:

- Phan Lang nằm mộng rồi thả rùa, sau chạy giặc Minh, chết đuối, lạc vào động rùa của Linh Phi được Linh Phi cứu, đãi yến tiệc rồi trò chuyện với Vũ Nương dưới thủy cung.

- Vũ Nương hiện về giữa dòng sông sau khi Trương Sinh lập đàn giải oan cho nàng ở bến Hoàng Giang trong cảnh võng lọng, cờ tán rực rỡ, nói vài lời từ biệt với chồng rồi trở lại sống với Linh Phi.

**BÀI 2: CHUYỆN CŨ TRONG PHỦ CHÚA TRỊNH**

**(Trích Vũ Trung Tuỳ Bút)**

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Tác giả Phạm Đình Hổ (1768 – 1839) tên chữ là Tùng Niên hoặc Bỉnh Trực, hiệu Đông Dã Tiều, tục gọi là Chiêu Hổ, người làng Đan Loan, huyện Đường An, tỉnh Hải Dương (nay là xã Nhân Quyền, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương).  - Ngay từ nhỏ, ông đã tỏ ra là một người có chí hướng: *“ Làm người con trai phải lập than hành đạo… lấy văn thơ nổi tiếng ở đời”*  - Là người có nhân cách cao thương, sống vào thời buổi đất nước loạn lạc nên muốn ẩn cư. Đến thời Minh Mạng nhà Nguyễn, vua vời ông ra làm quan, ông đã mấy lần từ chức, rồi lại bị triệu ra.  - Phạm Đình Hổ để lại nhiều công trình biên soạn khảo cứu có giá trị thuộc đủ các lĩnh vực: văn học, triết học, lịch sử, địa lý… tất cả đều bằng chữ Hán. |
| ***Ý nghĩa nhan đề***: | **Vũ trung tuỳ bút** (tuỳ bút viết trong những ngày mưa) |
| ***Xuất xứ*** | Đoạn trích nằm trong tác phẩm “ Vũ Trung tùy bút ( tùy bút viết trong những ngày mưa) được viết khoảng đầu đời Nguyễn ( thế kỉ XĨ). |
| ***Thể loại*** | Viết theo thể **tuỳ bút**, hiểu theo nghĩa là ghi chép tuỳ hứng, tản mạn, không cần hệ thống, kết cấu gì. |
| ***Bố cục***  2 phần | - Phần một: Từ dầu đến “ biết đó là triệu bất tường”: Những thú ăn chơi của chúa Trịnh.  - Phần hai: Còn lại: Sự tham lam, nhũng nhiễu của quan lại trong phủ Chúa. |
| ***Tóm tắt*** | Khoảng năm Giáp Ngọ, trong nước có chúa Trịnh Sâm thích chơi đèn đuốc, thường ngự ở các ly cung. Xây dựng đình đài liên miên. Nhân việc đó, nội quan đều mặc quần áo đàn bà, cải trang để bán một số đồ vật kiếm tiền. Có lúc cho bọn nhạc công ngồi trên gác chuông chùa Trấn Quốc và chơi vài bài.  Mỗi khi tìm thấy những loài trân cầm dị thú, Chúa đều thu hết. Bọn quan lại thấy thế bèn mượn gió bẻ măng, hù doạ nhân dân. Hễ thấy nhà giàu nào có cây cảnh hay đồ vật đẹp nào đều quy cho vào tội phụng thủ, người ta phải van xin chí chết mới được tha. Nhà tác giả cũng có trồng một cây lê và hai cây lựu nở hoa rất đẹp nhưng cũng phải chặt đi cũng vì cớ ấy. |
| ***Giá trị nội dung*** | "***Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh***" phản ánh đời sống xa hoa của vua chúa và sự nhũng nhiễu của bọn quan lại thời Lê - Trịnh. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Phạm Đình Hổ thành công ở thể loại tuỳ bút, sự ghi chép chân thực, sinh động, giàu chất trữ tình. Các chi tiết miêu tả chọn lọc, đắt giá, giàu sức thuyết phục, tả cảnh đẹp tỉ mỉ nhưng lại nhuốm màu sắc u ám, mang tính dự báo. Giọng điệu tác giả gần như khách quan nhưng cũng đã khéo léo thể hiện thái độ lên án bọn vua quan qua thủ pháp liệt kê. |

( Tài liệu: Nguyễn Nga- nhóm ngữ văn THCS)

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

***1. Thói ăn chơi xa xỉ của chúa Trịnh và các quan lại cận thần trong phủ Chúa:***

*a) Thói ăn chơi xa xỉ, xa hoa của vua chúa và sự nhũng nhiễu của bọn quan lại thời Lê – Trịnh được Phạm Đình Hổ miêu tả rất cụ thể, sinh động*. Cuộc sống của chúa là cuộc sống giàu sang đến tột đỉnh.

- Chúa cho xây nhiều cung điện, đền đài ở khắp mọi nơi, để thoả ý thích chơi đèn đuốc “ngắm cảnh đẹp”, ý thích đó biết bao nhiêu cho vừa, vì vậy “*việc xây dựng đình đài cứ liên miên*”, hao tiền, tốn của.

- Chúa bày ra nhiều cuộc dạo chơi tốn kém ở các li cung (cung điện lâu đài xa kinh thành). Những cuộc dạo chơi của chúa ở Tây hồ được miêu tả tỉ mỉ: Diễn ra thường xuyên “*tháng ba bốn lần*”, huy động rất nhiều người hầu hạ “*binh lính dàn hầu bốn mặt hồ*” – mà Hồ Tây thì rất rộng. Không chỉ là dạo chưoi đơn thuần, mà còn là nghi lễ tiếp đón tưng bừng, độc đáo, những trò chơi lố lăng (tổ chức hội chợ, cho quan nội thần cải trang thành đàn bà bày bán hàng), chùa Trấn Quốc, nơi linh thiêng của phật giáo cũng trở thành nơi hoà nhạc cua rbọn nhạc công cung đình.

- Dùng quyền lực để tìm và cướp lấy các của quý trong thiên hạ như trân cầm dị thú, cổ mộc quái thạch… (chim quý, thú lạ, cây cổ thụ, những hòn đá có hình dáng kỳ lạ, chậu hoa, cây cảnh) về tô điểm cho nơi ở của chúa.

- Tác giả chọn một cảnh điển hình của cuộc cướp đoạt ấy là cảnh lính tráng trở một cây đa cổ thụ về phủ chúa (đây là một chi tiết tiêu biểu làm rõ chủ đề). Tác giả miêu tả kỹ lưỡng, công phu bằng những từ ngữ sống động, một giọng văn thật nặng nề: “*Cây đa to, cành lá rườm rà, được rước qua sông*”… *như một cây cổ thụ mọc trên đầu non hốc đá, rễ đến vài trượng, phải một cơ binh mới khiêng nổi, lại có bốn người đi kèm, đều cầm gươm đánh thanh la đốc thúc quân lính khiêng đi cho đều tay*”. Người viết tuỳ bút, danh nho Phạm Đình Hổ đã đưa ra những sự việc cụ thể, chân thực và khách quan, không bình luận mà các hình ảnh, chi tiết hiện lên đầy ấn tượng.

***\* Nhận xét:*** Những chi tiết kể, tả chân thực cho thấy phủ chúa là nơi bày ra những trò chơi tốn kém và hết sức lố bịch. Để phục vụ cho sự ăn chơi ấy thì tiền của, công sức, mồ hôi nước mắt và thậm chí cả mạng sống của nhân dân phải hao tốn biết bao nhiêu mà kể.

*b) Ấn tượng nhất là cảnh đêm nơi vườn nhà chúa qua đoạn văn* “*Mỗi khi đêm thanh cảnh vắng, tiếng chim kêu, vượn hót ran khắp bốn bề, hoặc nửa đêm ồn ào như trận mưa sa gió táp, vỡ tổ tan đàn, kẻ thức giả biết đó là triệu bất tường*”.

- Cảnh được miêu tả là cảnh thực nhưng âm thanh lại gợi cảm giác ghê rợn trước một cái gì tan tác, đau thương như không phải trước cảnh đẹp yên tĩnh, phồn thực. “triệu bất tường” tức là điềm gở, điềm chẳng lành.

- Hình ảnh ẩn dụ tả cảnh bất thường của đêm thanh cảnh vắng như báo trước sự suy vong tất yếu của một triều đại chỉ biết chăm lo đến chuyện ăn chơi hưởng lạc trên mồ hôi, nước mắt và cả xương máu của dân lành. Cảm xúc chủ quan của tác giả đến đây mới được bộ lộ.

***2. Sự tham lam nhũng nhiễu của bọn quan lại trong phủ Chúa.***

- Tác giả đã vạch trần thủ đoạn «  mượn gió bẻ măng » của bọn hoạn quan, cung giám : Lợi dụng uy quyền của các chúa để vơ vét của cải trong thiên hạ : vừa ăn cướp, vừa la làng.

- Thời chúa Trịnh Sâm, bọn quan lại hầu cận trong phủ chúa rất được sủng ái, bởi chúng có thể giúp chúa đắc lực trong việc bày các trò ăn chơi, hưởng lạc. Do thế, chúng cũng ỷ thế nhà chúa mà hoành hành, tác oai, tác quái trong nhân dân.

- Để phục vụ cho sự hưởng lạc ấy, chúa cũng như các quan đã trở thành những kẻ cướp ngày. Chúng ra sức hoành hành trấn lột khắp nơi trong thành tìm đồ vật, cây cối đẹp, con thú cướp về trang trí cho phủ chúa lộng lẫy xa hoa : "*bao nhiêu loài trân cầm dị thú, cổ mộc quái thạch, chậu hoa cây cảnh ở chốn dân gian, chúa đều sức thu lấy"*  "*trong phủ, tuỳ chỗ điểm xuyết bày vẽ ra hình núi non bộ, trông như bến bể đầu non*" Chúa có những vật quý ấy thì bao người dân bị ăn cướp trắng trơn. Bọn quan lại thường "*mượn gió bẻ măng, ngoài dọ dẫm*", dò xem nhà nào có vật quý thì biên vào hai chữ  "phụng thủ", đem cho người đến lấy phăng đi. Rồi vừa ăn cướp vừa la làng, chúng còn doạ giấu vật của phụng để doạ lấy tiền của dân. Người dân vừa bị cướp vật quý vừa bị đòi tiền, có khi lại còn phải tự tay phá huỷ những thứ mình đã chăm sóc, nuôi trồng để tránh khỏi tai vạ. Còn bọn hoạn quan đối với chúa thì được thưởng, được khen, được thăng quan tiến chức, bổng lộc ních đầy túi, một công mà lợi cả đôi đường.

- Đoạn văn cuối là chi tiết kể rất thật về gia đình của chính tác giả: bà mẹ của tác giả đã phải sai chặt đi một cây lê và hai cây lựu quý, rất đẹp trong vườn nhà mình để tránh tai vạ. Đây không chỉ là điều tác giả mắt thấy tai nghe mà còn là điều ông đã trải qua, nên rất có sức thuyết phục. Cảm xúc của tác giả (thái độ bất bình, phê phán) cũng được gửi gắm một cách kín đáo qua đó.

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

*“ Khoảng năm Giáp Ngọ, Ất Mùi (1774 - 1775) trong nước vô sự, Thịnh Vượng (Trịnh Sâm) thích chơi đèn đuốc, thường ngự ở các li cung trên Tây Hồ, núi Tử Trầm, núi Dũng Thúy. Việc xây dựng đền đài cứ liên miên. Mỗi tháng ba bốn lần, Vương ra cung Thụy Liên trên bờ Tây Hồ, binh lính dàn hồ vòng quanh bốn mặt hồ, các nội thần thì đều bịt kín khăn, mặc áo như đàn bà, bày bách hóa chung quanh bờ hồ để bán”.*

**Câu 1:** Đoạn trích trên trích trong văn bản nào? Tác giả?

**Câu 2:** Đoạn trích sử dụng phương thức biểu đạt nào?

**Câu 3:** Nội dung của đoạn trích trên là gì?

### Hướng dẫn trả lời:

**Câu 1:** Đoạn trích trên trích trong văn bản “ Chuyện cũ trong phủ chúa Trinh”- Phạm Đình hổ

**Câu 2:** Phương thức biểu đạt chính: tự sự.

**Câu 3:**

Nội dung: Thói ăn chơi xa đọa của vua chúa và nhũng nhiễu của bọn vua chúa, quan lại thời Trịnh được Phạm Đình Hổ miêu tả rất cụ thể, sinh động.

    + Chúa cho xây dựng đền đài, cung điện ở khắp nơi liên miên, thỏa ý thích chơi đèn đuốc, ngắm cảnh đẹp.

    + Chúa bày ra các cuộc dạo chơi tốn kém ở li cung: *tháng ba lần, huy động binh lính dàn hầu bốn mặt hồ.*

    + Nơi linh thiêng của phật giáo cũng trở thành nơi hòa nhạc của bọn vũ công.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

*“ Buổi ấy, bao nhiêu những loài trân cầm dị thú, cổ mộc quái thạch, chậu hoa cây cảnh ở chốn nhân gian, Chúa đều ra sức thu lấy, không thiếu một thứ gì. Có khi lấy cả cây đa to, cành lá rườm rà, từ bên bắc chở qua sông đem về. Nó giống như một cây cổ thụ mọc trên đầu non hốc đá, rễ dài ra đến vài trượng, phải một cơ binh khiêng mới nổi, lại bốn người đi kèm, đều cầm gươm, đánh thanh la đốc thúc quân lính khiêng đi cho đều tay. Trong phủ, tùy chỗ điểm xuyết bày vẽ ra hình núi non bộ trông như bến bể đầu non. Mỗi khi đêm thanh vắng, tiếng chim kêu vượn hót ran khắp bốn bề, hoặc nửa đêm ồn ào như trận mưa sa gió táp, vỡ tổ tan đàn, kẻ thức giả biết đó là triệu bất thường”.*

**Câu 1:** Trong đoạn trích trên câu nào sử dụng biện pháp liệt kê, nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó.

**Câu 2:** Hình ảnh chúa trong đoạn trích trên được thể hiện như thế nào?

**Câu 3:** Nhận xét thái độ của tác giả trong đoạn trích trên.

**Câu4:** Nhận xét cách ghi chép của tác giả.

**Câu 5:** Ấn tượng về cảnh đêm nơi vườn chúa được miêu tả thế nào?

### Hướng dẫn trả lời:

**Câu 1:** Câu văn sử dụng biện pháp liệt kê: “Buổi ấy, biết bao nhiêu những loại trân cầm dị thú, cổ mộc quái thạch, chậu hoa cây cảnh ở chốn nhân gian, Chúa đều sức thu lấy, không thiếu một thứ gì.

Các từ ngữ liệt kê: trân cầm dị thú, cổ mộc quái thạch, chậu hoa cây cảnh.

    - Nhấn mạnh những thứ quý hiếm trong dân gian đều bị chúa ra sức vơ vét, chiếm làm của riêng. Chúa Trịnh là kẻ tham lam, tàn ác.

**Câu 2:** Hình ảnh chúa Trịnh trước ngòi bút miêu tả của tác giả Phạm Đình Hổ.

    - Dùng quyền lực để cướp bóc những thứ của quý trong thiên hạ về tô điểm cho phủ chúa.

    - Cảnh điển hình của cuộc cướp đoạt: bọn lính tráng khiêng một cây đa cổ thụ về phủ chúa.

    - Tác giả miêu tả kĩ lưỡng, công phu, bằng ngôn từ chân thật, sống động.

**Câu 3:** Tác giả thể hiện thái độ căm ghét, phẫn nộ trước hành động tham lam của bọn quan lại, đặc biệt là hành động cướp bóc thức quý hiếm trong dân gian của chúa.

    - Tác giả đau xót trước hiện trạng đất nước ngày càng suy yếu, còn vua chúa sa đọa, quan lại thì nhũng nhiễu, vơ vét đầy túi.

**Câu 4:** Cách ghi chép của tác giả trong đoạn trích: ngòi bút chân thực, việc ghi chép cụ thể, sinh động.

**Câu 5:** Cảnh tượng vườn đêm của chú được miêu tả bằng một câu liệt kê dài: “ Mỗi khi cảnh đêm thanh vắng… là triệu bất thường.”

    - Cảnh được miêu tả là cảnh thực, gợi lại cảm giác ghê rợn trước cái tan tác, đau thương chứ không phải cảnh yên bình.

    - “Triệu bất thường”, hình ảnh ẩn dụ cảnh bất thường của đêm thanh vắng như báo trước sự suy vong tất yếu của triều đại chỉ biết ăn chơi, hưởng thụ.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*Bọn hoạn quan cung giám lại thường nhờ gió bẻ măng, ra ngoài dọa dẫm. Họ dò xem nhà nào có chậu hoa cây cảnh, chim tốt khướu hay, thì biên ngay hai chữ “phụng thủ” vào. Đêm đến, các cậy trèo qua tường thành lẻn ra, sai tay chân binh lính đến lấy phăng đi, rồi buộc cho tội đem giấu vật cung phụng để dọa lấy tiền. Hòn đá hoặc cây cối gì to lớn quá, thậm chí phải phá hủy tường nhà để khiêng ra. Các nhà giàu bị họ vu cho là giấu vật cung phụng, thường phải bỏ của ra kêu van chí chết, có khi phải đập bỏ núi non bộ, hoặc phá bỏ cây cảnh để tránh khỏi tai vạ.*

**Câu 1:** Đoạn trích trên sử dụng chủ yếu phương thức biểu đạt nào?

**Câu 2:** Bọn quan lại hầu cận trong phủ chúa đã nhũng nhiễu dân bằng nhưng thủ đoạn nào?

**Câu 3:** Hình ảnh người dân trong đoạn trích như thế nào?

**Câu 4:** Qua đoạn trích em cảm nhận về tình trạng nước ta thời vua Lê - Trịnh thế nào?

### Hướng dẫn trả lời:

**Câu 1:** Đoạn trích trên sử dụng phương thức tự sự là chủ yếu.

**Câu 2:** Sự tham lam, nhũng nhiễu của bọn quan lại ở phủ chúa.

    - Thời chúa Trịnh Sâm, bọn quan lại lớn nhỏ trong phủ đều được sủng ái, chúng là tay chân đắc lực bày ra các trò ăn chơi, hưởng lạc cho chúa.

    - Chúng ỷ thế vào chúa để ra ngoài ăn chơi, hưởng lạc, sách nhiễu dân chúng: *“bọn hoạn quan cung giám thường nhờ gió bẻ măng, ra ngoài dọa dẫm”*.

    - Bọn quan lại ra sức cướp bóc, trấn lột khắp nơi, chúng “vừa ăn cướp vừa la làng”.

**Câu 3:** Hình ảnh người dân khốn đốn, khổ cực, bị vu oan, bị đòi tiền trước những cuộc ăn cướp của bọn quan lại, tay sai.

    + Nhà giàu bị họ vu cho giấu của cung phụng, phải bỏ của ra kêu van chí chết.

**Câu 4:** Cảm nhận về tình trạng của đất nước thời vua Lê - chúa Trịnh.

    - Thời đại phong kiến Lê Trịnh là thời đại thối nát, mục ruỗng, quan lại không chăm lo cho dân chúng mà ra sức cướp bóc, hà hiếp dân chúng.

    - Vua chúa bày ra những trò lố lăng, kịch cỡm, tốn kém để ăn chơi, tiệc tùng.

    - Nhân dân không chỉ chịu đói khổ mà còn chịu ấm ức bởi bị ấm ức vì bị bóc lột, ăn cướp.

    → Triều đại thối nát, mục riễng dự báo tiền đồ, triều ấy sụp đổ là điều không tránh khỏi.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

*“ … Buổi ấy, có bao nhiêu những loài trân cầm dị thú, cổ mộc quái thạch, chậu hoa cây cảnh ở chốn dân gian, Chúa đều sức thu lấy, không thiếu một thứ gì.Có khi lấy cả cây đa to, cành lá rườm rà, từ bên bắc chở qua sông đem về. Nó giống như một cây cổ thụ mọc trên đầu non hốc đá, rễ dài đến vài trượng, phải một cơ binh mới khiêng nổi, lại bốn người đi kèm, đều cầm gươm, đánh thanh la đốc thúc quân lính khiêng đi cho đều tay. Trong phủ, tùy chỗ, điểm xuyết bày vẽ ra hình núi non bộ trông như bến bể đầu non.(…).Bọn hoạn quan cung giám lại thường nhờ gió bẻ măng , ra ngoài dọa dẫm. Họ dò xem nhà nào có chậu hoa cây cảnh, chim tốt khướu hay, thì biên ngay hai chữ “phụng thủ” vào. Đêm đến, các cậu trèo qua tường thành lẻn ra, sai tay chân đem lính đến lấy phăng đi, rồi buộc cho tội đem giấu vật cung phụng để dọa lấy tiền…”*

**Câu 1:** Đoạn trích trên thuộc văn bản nào? Tác giả là ai?

**Câu 2:** Trình bày nội dung chính của đoạn trích trên?

**Câu 3:** Xác định phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích trên?

**Câu 4:** Tìm trong đoạn trích trên những câu văn nói về sự nhũng nhiễu dân của bọn quan lại hầu cận và nêu nhận xét của em về ý nghĩa của việc xây dựng những chi tiết ấy?

**Câu 5:** Hãy viết một đoạn văn ngắn *( khoảng 1 trang giấy thi )* trình bày suy nghĩ của em về lối sống xa hoa, lãng phí của một bộ phận không nhỏ các bạn trẻ hiện nay.

### Hướng dẫn trả lời:

**Câu 2:** Nội dung : Phản ánh đời sống xa hoa, sự áp bức, bóc lột của vua chúa và sự nhũng nhiễu của bọn quan lại thời Lê.

- Hs có nhiều cách diễn đạt khác nhau, đảm bảo tốt yêu cầu đều đạt điểm tối đa.

**Câu 3:** - Phương thức biểu đạt chính là tự sự

**Câu 4:** - *Bọn hoạn quan cung giám lại thường nhờ gió bẻ măng , ra ngoài dọa dẫm. Họ dò xem nhà nào có chậu hoa cây cảnh, chim tốt khướu hay, thì biên ngay hai chữ “phụng thủ” vào. Đêm đến, các cậu trèo qua tường thành lẻn ra, sai tay chân đem lính đến lấy phăng đi, rồi buộc cho tội đem giấu vật cung phụng để dọa lấy tiền…*

Học sinh nhận xét ý nghĩa: Tác giả muốn phơi bày mặt trái của bọn quan lại, phê phán thái độ ức hiếp, nhũng nhiễu dân của chúng

**Câu 5:**

**Nghị luận xã hội**

***a. Yêu cầu về kĩ năng :***

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội

- Bố cục và hệ thống ý rõ ràng

- Biết vận dụng nhiều thao tác nghị luận.

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục, không mắc lỗi diễn đạt, không sai chính tả, dùng từ, ngữ pháp, trình bày bài rõ ràng.

***b. Yêu cầu về nội dung :*** Trên cơ sở HS bám sát vào văn bản ở trên để nghị luận về hiện tượng lãng phí.

- Mở đoạn : Giới thiệu về hiện tượng lãng phí

- Thân đoạn :

+ Giải thích về hiện tượng lãng phí trong XH và của một bộ phận không nhỏ học sinh hiện nay.

+ Nêu hiện trạng của hiện tượng *( tìm những biểu hiện về hiện tượng lãng phí)*

+ Chỉ ra những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng trên

+ Phân tích những tác hại của hiện tượng

+ Tìm ra hướng khắc phục

Kết đoạn : Khái quát lại hiện tượng, nêu nhận thức của bản thân.

**BÀI 3: HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG TRÍ**

***Ngô Gia Văn Phái***

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Ngô Gia Văn Phái: một nhóm tác giả dòng họ Ngô Thì, ở làng Tả Thanh Oai, nay thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây, trong đó hai tác giả chính là Ngô Thì Chí (1753-1788), làm quan thời Lê Chiêu Thống, và Ngô Thì Du (1772-1840), làm quan dưới chiều nhà Nguyễn.  - Họ là những nhà Nho mang nặng tư tưởng trung quân, ái quốc. Ngô Thì Chí từng chạy theo Lê Chiêu Thống khi Nguyễn Huệ kéo quân ra Bắc lần thứ hai. Ông cũng chính là người dâng «  Trung hưng sách » bàn kế để khôi phục nhà Lê và chống lại nhà Tây Sơn.  - Họ là những cây bút trung thực và có tư tưởng tiến bộ. Họ đã phản ánh được một cách chân thực, sống động những sự kiện lịch sử dân tộc trong khoảng ba mươi năm cuối thế kỉ XVIII- đầu thế kỉ XIX. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | - Tác phẩm viết bằng chữ Hán ghi chép về sự thống nhất của vương triều nhà Lê vào thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê. Nó không chỉ dừng lại ở sự thống nhất của vương triều nhà Lê, mà còn được viết tiếp, tái hiện một giai đoạn lịch sử đầy biến động của xã hội phong kiến Việt Nam vào 30 năm cuối thế kỷ XVIII và mấy năm đầu thế kỷ XIX. Cuốn tiểu thuyết có tất cả 17 hồi.  - Tác phẩm được viết ở nhiều thời điểm nối tiếp nhau, từ giai đoan cuối triều Lê đến đầu triều Nguyễn và do mộtsố tác giả kế tục nhau viết.  - Tác phẩm được viết bởi hai tác giả chính : Ngô Thì Chí viết bảy hồi đầu, Ngô Thì Du viết bảy hồi tiếp sau, còn ba hồi cuối có thể do một người khác viết vào khoảng cuối hoặc đầu triều Nguyễn. |
| ***Nhan đề*** | “***Hoàng Lê nhất thống chí***”: ghi chép về sự thống nhất của vương triều nhà Lê. |
| ***Thể loại*** | Viết theo thể *Chí*- là một thể văn ghi chép sự vật, sự việc. Một thể loại văn vừa có tính văn học, vừa có tính lịch sử lại vừa mang tính triết lí( hiện tượng văn- sử- triết bất phân).  Cũng có thể xem Hoàng Lê nhất thống chí là một cuốn tiểu thuyết lịch sử viết theo lối chương hồi. |
| ***Đại ý và bố cục*** | \* **Đại ý**: Đoạn trích miêu tả chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung, sự thảm bại nhục nhã của quân tướng nhà Thanh và số phận lũ vua quan phản nước, hại dân.  \* **Bố cục**: 3 đoạn  - **Đoạn 1**: (từ đầu đến “hôm ấy nhằm vào ngày 25 tháng cháp năm Mậu Thân (1788)”): *Được tin báo quân Thanh chiếm Thăng Long, Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế và thân chinh cầm quân dẹp giặc*.  - **Đoạn 2**: (“Vua Quang Trung tự mình đốc suất đại binh… vua Quang Trung tiến binh đến Thăng Long, rồi kéo vào thành”): *Cuộc hành quân thần tốc và chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung*.  - **Đoạn 3**: (“Lại nói, Tôn Sĩ Nghị và vua Lê… cũng lấy làm xấu hổ”): *Sự đại bại của quân tướng nhà Thanh và tình trạng thảm bại của vua tôi Lê Chiêu Thống*. |
| ***Tóm tắt*** | ***Tóm tắt hồi 14 “Hoàng Lê nhất thống chí”***  - Trước thế mạnh của giặc, quân Tây Sơn ở Thăng Long, rút quân về Tam Điệp và cho người vào Phủ Xuân cấp báo với Nguyễn Huệ.  - Nhận được tin ngày 24/11, Nguyễn Huệ liền tổ chức lại lực lượng chia quân làm hai đạo thuỷ - bộ.  - Ngày **25 tháng Chạp**, làm lễ lên ngôi lấy hiệu là Quang Trung, trực tiếp chỉ đạo hai đạo quân tiến ra Bắc.  - Ngày **29 tháng Chạp**, quân Tây Sơn ra đến Nghệ An, Quang Trung cho dừng lại một ngày, tuyển thêm hơn 1 vạn tinh binh, mở một cuộc duyệt binh lớn.  - Ngày **30**, quân của Quang Trung ra đến Tam Điệp, hội cùng Sở và Lân. Quang Trung đã khẳng định : "*Chẳng quá mười ngày có thể đuổi được người Thanh*". Cũng trong ngày 30, giặc giã chưa yên, binh đao hãy còn mà ông đã nghĩ đến kế sách xây dựng đất nước mười năm sau chiến tranh. Ông còn mở tiệc khao quân, ngầm hẹn mùng 7 sẽ có mặt ở thành Thăng Long mở tiệc lớn. Ngay đêm đó, nghĩa quân lại tiếp tục lên đường. Khi quân Tây Sơn ra đến sông Thanh Quyết gặp đám do thám của quân Thanh, Quang Trung ra lệnh bắt hết không để sót một tên.  - **Rạng sáng ngày 3 Tết**, nghĩa quân bí mật bao vây đồn Hạ Hồi và dùng mưu để quân Thanh đầu hàng ngay, hạ đồn dễ dàng.  - **Rạng sáng ngày mùng 5 Tết**, nghĩa quân tấn công đồn Ngọc Hồi. Quân giặc chống trả quyết liệt, dùng ống phun khói lửa ra nhằm làm ta rối loạn, nhưng gió lại đổi chiều thành ra chúng tự hại mình. Cuối cùng, quân Thanh phải chịu đầu hàng, thái thú Điền châu Sầm Nghi Đống thắt cổ tự tử.  - **Trưa mùng 5 Tết**, Quang Trung đã dẫn đầu đoàn quân thắng trận tiến vào Thăng Long. Đám tàn quân của giặc tìm về phía đê Yên Duyên gặp phục binh của ta, trốn theo đường Vịnh Kiều lại bị quân voi ở Đại áng dồn xuống đầm Mực giày xáo, chết hàng vạn tên. Một số chạy lên cầu phao, cầu phao đứt, xác người ngựa chết làm tắc cả khúc sông Nhị Hà. Mùng 4 Tết nghe tin quân Tây Sơn tấn công, Tôn Sỹ Nghị và Lê Chiêu Thống đã vội vã bỏ lên biên giới phía bắc. Khi gặp lại nhau, Nghị có vẻ xấu hổ nhưng vẫn huyênh hoang. Cả hai thu nhặt tàn quân, kéo về đất Bắc. |
| ***Vị trí đoạn trích*** | Đoạn trích thuộc hồi thứ 14, viết về sự kiện Quang Trung đại phá quân Thanh. |
| ***Giá trị nội dung*** | Với quan điểm lịch sử đúng đắn và niềm tự hào dân tộc, các tác giả “***Hoàng Lê nhất thống chí***” đã tái hiện chân thực hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh, sự thảm hại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Kể chuyện xen kẽ miêu tả một cách sinh động cụ thể, gây được ấn tượng mạnh. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Hình tượng người anh hùng Nguyễn Huệ:**

*a) Trước hết Quang Trung là một con người hành động mạnh mẽ quyết đoán:*

- Từ đầu đến cuối đoạn trích, Nguyễn Huệ luôn luôn là con người hành động một cách xông xáo, nhanh gọn có chủ đích và rất quả quyết.

- Nghe tin giặc đã đánh chiếm đến tận Thăng Long mất cả một vùng đất đai rộng lớn mà ông không hề nao núng “định thân chinh cầm quân đi ngay”.

- Rồi chỉ trong vòng hơn 1 tháng, Nguyễn Huệ đã làm được bao nhiêu việc lớn: “tế cáo trời đất”, lên ngôi hoàng đế, đốc xuất đại binh ra Bắc...

*b) Đó là một con người có trí tuệ sáng suốt và nhạy bén:*

\* Ngay khi mấy chục vạn quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị hùng hổ kéo vào nước ta, thế giặc đang mạnh, tình thế khẩn cấp, vận mệnh đất nước “ngàn cân treo sợi tóc”, *Nguyễn Huệ đã quyết định lên ngôi hoàng đế để chính danh vị, lấy niên hiệu là Quang Trung.*

- Việc lên ngôi đã được tính kỹ với mục đích thống nhất nội bộ, hội tụ anh tài và quan trọng hơn là “để yên kẻ phản trắc và giữ lấy lòng người”, được dân ủng hộ.

*\* Sáng suốt trong việc nhận định tình hình địch và ta:*

- Qua lời dụ tướng sĩ trước lúc lên đường ở Nghệ An, Quang Trung đã chỉ rõ “đất nào sao ấy”, “người phương Bắc khôngphải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác” . Ông còn vạch rõ tội ác của chúng đối với nhân dân ta: “Từ đời nhà Hán đến nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân ta, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi”.

- Quang Trung đã khích lệ tướng sĩ dưới quyền bằng những tấm gương chiến đấu dũng cảm chống giặc ngoại xâm giành lại độc lập của cha ông từ ngàn xưa như: Trưng nữ Vương, Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành...

- Quang Trung đã dự kiến được việc Lê Chiêu Thống về nước có thể làm cho một số người phù Lê “thay lòng đổi dạ” với mình nên ông đã có lời dụ với quân lính vừa chí tình, vừa nghiêm khắc: “các ngươi đều là những kẻ có lương tri, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực để dựng lên công lớn. Chớ có quen thói cũ, ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra sẽ bị giết chết ngay tức khắc, không tha một ai”.

*\* Sáng suốt trong việc xét đoán bề tôi:*

- Trong dịp hội quân ở Tam Điệp, qua lời nói của Quang Trung với Sở và Lân ta thấy rõ: Ông rất hiểu việc rút quân của hai vị tướng giỏi này. Đúng ta thì “quân thua tại tướng” nhưng ông hiểu lòng họ, sức mình ít không địch nổi đội quân hùng tướng hổ nhà Thanh nên đành phải bỏ thành Thăng Long rút về Tam Điệp để tập hợp lực lượng. Vậy Sở và Lân không bị trừng phạt mà còn được ngợi khen.

- Đối với Ngô Thì Nhậm, ông đánh giá rất cao và sử dụng như một vị quân sư “đa mưu túc trí”. Việc Sở và Lân rút chạy Quang Trung cũng đoán là do Nhậm chủ mưu, vừa là để bảo toàn lực lượng, vừa gây cho địch sự chủ quan. Ông đã tính đến việc dùng Nhậm là người biết dùng lời khéo léo để dẹp việc binh đao.

*c) Quang Trung là người có tầm nhìn xa trông rộng:*

- Mới khởi binh đánh giặc, chưa giành được tấc đất nào vậy mà vua Quang Trung đã nói chắc như đinh đóng cột “phương lược tiến đánh đã có tính sẵn”.

- Đang ngồi trên lưng ngựa, Quang Trung đã nói với Nhậm về quyết sách ngoại giao và kế hoạch 10 tới ta hoà bình. Đối với địch, thường thì biết là thắng việc binh đao không thể dứt ngay được vì xỉ nhục của nước lớn còn đó. Nếu “chờ 10 năm nữa ta được yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng, bấy giờ nước giàu quân mạnh thì ta có sợ gì chúng”.

*d) Quang Trung là vị tướng có tài thao lược hơn người:*

- Cuộc hành quân thần tốc do Quang Trung chỉ huy đến nay vẫn còn làm chúng ta kinh ngạc. Vừa hành quân, vừa đánh giặc mà vua Quang Trung hoạch định kế hoạch từ 25 tháng chạp đến mùng 7 tháng giêng sẽ vào ăn tết ở Thăng Long, trong thực tế đã vượt mức 2 ngày.

- Hành quân xa, liên tục như vậy nhưng đội quân vẫn chỉnh tề cũng là do tài tổ chức của người cầm quân.

*e) Hình ảnh vị vua lẫm liệt trong chiến trận:*

- Vua Quang Trung thân chinh cầm quân không phải chỉ trên danh nghĩa. Ông làm tổng chỉ huy chiến dịch thực sự.

- Dưới sự lãnh đạo tài tình của vị tổng chỉ huy này, nghĩa quân Tây Sơn đã đánh những trận thật đẹp, thắng áp đảo kẻ thù.

- Khí thế đội quân làm cho kẻ thù khiếp vía và hình ảnh người anh hùng cũng được khắc hoạ lẫm liệt: trong cảnh “khói toả mù trời, cách gang tấc không thấy gì”, nổi bật hình ảnh nhà vua “cưỡi voi đi đốc thúc” với tấm áo bào màu đỏ đã sạm đen khói súng.

-> Hình ảnh người anh hùng được khắc hoạ khá đậm nét với tính cách mạnh mẽ, trí tuệ sáng suốt, nhạy bén, tài dùng binh như thần; là người tổ chức và là linh hồn của chiến công vĩ đại.

**2. Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh và số phận bi đát của vua tôi Lê Chiêu Thống:**

***a) Sự thảm bại của quân tướng nhà Thanh:***

- Tướng thì “sợ mất mật, ngựa không kịp đóng yên, người không kịp mặc áo giáp... chuồn trước qua cầu phao”.

- Quân thì lúc lâm trận “ai nấy đều rụng rời sợ hãi” xin ra hàng hoặc “bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết” “đến nỗi nước sông Nhị Hà vì thế mà tắc nghẽn không chảy được nữa”.

***b) Số phận thảm bại của bọn vua tôi phản nước hại dân:***

- Lê Chiêu Thống phải chịu đựng nỗi sỉ nhục của kẻ đi cầu cạnh van xin, không còn đâu tư cách bậc quân vương.

- Kết cục phải chịu chung số phận bi thảm của kẻ vong quốc: Vội vã cùng mấy bề tôi thân tín “đưa thái hậu ra ngoài”, chạy bán sống bán chết, “luôn mấy ngày không ăn”. Đuổi kịp được Tôn Sĩ Nghị chỉ còn biết “nhìn nhau than thở, oán giận chảy nước mắt”.

***\*Nhận xét:*** Lối kể chuyện xen kẽ miêu tả sinh động, cụ thể, gây ấn tượng mạnh.

Với ý thức tôn trọng sự thực lịch sử và ý thức dân tộc, những người trí thức – các tác giả Ngô Gia Văn Phái đã phản ánh chiến công lừng lẫy của nghĩa quân Tây Sơn, làm nổi bật hình ảnh vua Quang Trung – người anh hùng áo vải, niềm tự hào lớn lao của cả dân tộc.

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

**Cho đoạn trích:**

*“ Nửa đêm ngày mồng 3 tháng Giêng, năm Kỉ Dậu (1789) vua Quang Trung tới làng Hạ Hồi, huyện Thượng Phúc, lặng lẽ vây kín làng ấy rồi loa truyền gọi, tiếng quân lính luân phiên nhau dạ ra để hưởng ứng, nghe như có hơn vài vạn người. Trong đồn lúc ấy mới biết, ai nấy rụng rời sợ hãi, liền xin ra hàng, lương thực khí giới đều bị quân Nam lấy hết.*

*Vua Quang Trung lại truyền lấy sáu chục tấm ván, cứ ghép liền ba tấm lại làm thành một bức, bên ngoài lấy rơm dấp nước phủ kín, tất cả hai mươi bức. Đoạn kém hạng lính khỏe mạnh, cứ mười người khênh một bức, lưng giắt dao ngắn, hai mươi người khác đều cầm binh khí theo sau, dàn thành chữ “nhất”, vua Quang Trung cưỡi voi đi đốc thúc, mờ sáng ngày mồng 5 tiến sát đồn Ngọc Hồi. Quân Thanh nổ sung bắn ra, chẳng trúng người nào cả. Nhân có gió Bắc quân Thanh bèn dùng ống phun khói lửa ra, khói tỏa mù trời, cách gang tấc không thấy gì, hòng làm cho quân Nam nổi loạn. Không ngờ trong chốc lát trời bỗng trở gió nam, thành ra quân Thanh lại tự làm hại mình”.*

**Câu 1:** Đoạn trích trên trích trong văn bản nào? Tác giả?

**Câu 2:** Đoạn trích sử dụng phương thức biểu đạt nào?

**Câu 3:** Giải thích ý nghĩa nhan đề tác phẩm.

**Câu 4:** Tại sao gọi *Hoàng Lê nhất thống chí* là tiểu thuyết lịch sử.

**Câu 5:**  Em có nhận xét gì về thái độ của tác giả trong đoạn trích trên.

### Hướng dẫn trả lời:

**Câu 1:** Đoạn trích trên trích trong văn bản “Hoàng Lê nhất thống trí”- Ngô gia văn phái

**Câu 2:** Đoạn trích sử dụng phương thức biểu đạt là tự sự và miêu tả

**Câu 3:** Ý nghĩa nhan đề tác phẩm:

Hoàng Lê nhất thống chí được viết bằng chữ Hán ghi chép về sự thống nhất vương triều nhà Lê vào thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê. Không chỉ dừng lại ở đó, cuốn tiểu thuyết này còn viết tiếp, tái hiện một giai đoạn lịch sử đầy biến động của xã hội phong kiến Việt Nam vào những năm 30 cuối thể kỉ XVIII và mấy năm đầu thế kỉ XIX. Cuốn tiểu thuyết có tất cả 17 hồi.

**Câu 4:** Hoàng Lê nhất thống chí được coi là cuốn tiểu thuyết lịch sử vì:

- Hoàng Lê nhất thống chí là tác phẩm văn xuôi đầu tiên có quy mô lớn của bộ sử thi. Tác phẩm mang giá trị về văn học và sử học.

- Tác giả tái hiện lại bức tranh xã hội phong kiến đầy biến động cuối thể kỉ XVIII:

+ Trong triều đình, vua chúa tham quan sống sa đọa. Vua tôi Lê Chiêu Thống bán nước, luồn cúi.

+ Đời sống cơ cực của người dân dưới thời Lê mạt: bất ổn, đói khổ.

+ Bên cạnh đó là hình ảnh nghĩa quân Tây Sơn mà nổi bật là hình ảnh người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ trí tuệ sáng suốt, có tài cầm quân, có công đánh đuổi ngoại xâm ra khỏi bờ cõi.

**Câu 5:**  Thái độ của tác giả

    - Ca ngợi trí tuệ, chiến lược của vua Quang Trung: tài dụng binh như thần, lẫm liệt trong trận chiến…

    - Tỏ thái độ căm ghét, khinh thường trước sự thất bại thảm hại của quân giặc.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

**Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:**

*Vua Quang Trung cưỡi voi ra doanh yên ủi quân lính, truyền cho tất cả đều ngồi mà nghe lệnh, rồi dụ họ rằng:*

*- Quân Thanh sang xâm lấn nước ta, hiện ở Thăng Long, các ngươi đã biết chưa? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau ra mà cai trị. Người phương Bắc không phải nòi giống nước ta, bụng dạ ắt khác. Từ đời nhà Hán tới nay, chúng đã mấy phen cướp bóc nước ta, giết hại nhân dân, vơ vét của cải, người mình không thể chịu nổi, ai cũng muốn đuổi chúng đi. Đời Hán có Trưng Vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ, các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng ta làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc. Ở các thời ấy, Bắc, Nam riêng phận, bờ cõi lặng yên, các vua truyền ngôi lâu dài. Từ nhà Đinh tới đây, dân ta không đến nỗi khổ như hồi nội thuộc xưa kia. Mọi việc lợi, hại, được, mất ấy dều là chuyện cũ rành rành của triều đại trước. Nay người Thanh lại sang, mưu đồ lấy nước Nam ta đặt làm quân huyện, không biết trông gương mấy đời Tống, Nguyên, Minh ngày xưa. Vì vậy, ta phải kéo quân ra đánh đuổi chúng. Các ngươi đều là những kẻ có lương tri, lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn…*

**Câu 1:** Nêu phương thức biểu dạt chính trong đoạn trích trên.

**Câu 2:** Câu *“Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị”* nhắc em nhớ tới tác phẩm nào đã học trong chương trình Ngữ văn THCS. Vua Quang Trung muốn khẳng định điều gì qua câu nói trên.

**Câu 3:** Em hãy giải thích nghĩa của từ “lương tri, lương năng”

**Câu 4:** Trong đoạn “ Đời Hán có Trưng Nữ Vương… các vua truyền ngôi lâu dài” giống với những câu thơ nào của Nguyễn Trãi. Từ đó, em hãy chỉ ra nét tương đồng về tư tưởng, thái độ của Nguyễn Trãi và vua Quang Trung.

**Câu 5:**  Qua đoạn trích em thấy vua Quang Trung hiện lên là người như thế nào?

### Hướng dẫn trả lời:

**Câu 1:** Phương thức biểu dạt chính trong đoạn trích trên: nghị luận.

**Câu 2:** Câu “ Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị” gợi nhắc tới hai câu thơ trong bài Sông núi nước Nam tương truyền của Lý Thường Kiệt.

“Sông núi nước Nam vua Nam ở

Rành rành định phận ở sách trời”

    - Câu nói của vua Quang Trung có ý nghĩa khẳng định nền độc lập, tự cường của nước ta, đất nước có ranh giới lãnh thổ rõ ràng, có vua cai trị. Đồng thời đây cũng là câu nói nhằm bảo vệ nền độc lập dân tộc, chủ quyền lãnh thổ trước mọi kẻ thù xâm lược.

**Câu 3:** Nghĩa của từ “lương tri” và “lương năng”.

Lương tri: Người có lương tấm, biết nhận thức đúng đắn, soi xét đúng sai.

Lương năng: người có tài năng, phẩm cách tốt.

Ý của vua Quang Trung: tất cả các tướng lĩnh, quân sĩ đều là những người biết phải trái, đúng sai, đều là những người có lương tâm, biết yêu nước thương dân.

Vua Quang Trung dùng cách nói này để khích lệ lòng tự tôn dân tộc của quân sĩ.

**Câu 4:** Trong bài Bình Ngô đại cáo, tác giả Nguyễn Trãi có viết.

“Từ Triệu, Đinh, Lý, Trần bao đời xây nền độc lập.

Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên mỗi bên xưng đế một phương.

Tuy mạnh yếu từng lúc khác nhau.

Xong hào kiệt đời nào cũng có”

    - Điểm tương đồng trong tư tưởng của Nguyễn Trãi với Quang Trung:

       + Khẳng định sự tồn tại độc lập, bình đẳng của nước Nam với phương Bắc.

       + Nước ta đời nào cũng có anh hùng hào kiệt.

       + Tác giả nêu tấm gương sáng, ngợi ca anh hùng hào kiệt trong lịch sử và lên án hành động cướp nước, xâm lược của phương Bắc.

**Câu 5:**

Vua Quang Trung trong đoạn trích trên:

- Trước hết, vua Quang Trung là người mạnh mẽ, quyết đoán:

    + Nghe tin giặc tới Thăng Long ông vội vã đốc xuất đại binh ra Bắc.

    + Là người sáng suốt, nhạy bén:

Ngay khi mấy chục vạn quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị kéo vào nước ta, thế giặc đang mạnh, tình thế khẩn cấp, ông đã lên ngôi hoàng đế để chính danh ra dẹp giặc.

- Sáng suốt trong việc nhận định tình hình địch, ta.

    + Quang Trung khích lệ tướng lính bằng những những lời nói chân thành, những tấm gương chiến đấu dũng cảm chống giặc ngoại xâm giành lại độc lập.

- Tầm nhìn chiến lược, ý chí quyết tâm bảo vệ độc lập của vua Quang Trung đã góp phần làm nên chiến thắng thần tốc đại phá quân Thanh.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

*“ Vua Quang Trung liền gấp rút sau đội quân khiêng ván vừa che vừa xông thẳng lên trước. Khi gươm giáo hai bên đã chạm nhau thì quăng ván xuống đất, ai nấy đều cầm dao ngắn chém bừa, những người cầm binh khí theo sau nhất tề xông tới mà đánh.*

*Quân Thanh chống không nổi, bỏ chạy tán loạn, giày xéo lên nhau mà chết. Tên Thái Thú Điều Châu là Sầm Nghi Đống tự thắt cổ chết. Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung, thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bạ”i.*

**Câu 1:** Các sự việc trong đoạn trích trên được kể theo trình tự như thế nào?

**Câu 2:** Nêu tác dụng của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: “Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung, thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bại”.

**Câu 3:** Em có nhận xét gì về thái độ của tác giả trong đoạn trích trên.

**Câu 4:** Nhận xét về bút pháp tái hiện sự thực lịch sử của các tác giả Hoàng Lê nhất thống chí qua đoạn trích hồi thứ mười bốn.

### Hướng dẫn trả lời:

**Câu 1:** Các sự việc trên được kể theo trình tự tuyến tính, trình tự thời gian (3/1 - 5/1 tết Kỉ Dậu).

**Câu 2:** Biện pháp tu từ được sử dụng trong câu: *“Quân Tây Sơn thừa thế chém giết lung tung, thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối, quân Thanh đại bại.”*

Biện pháp nói quá trong chi tiết “thây nằm đầy đồng, máu chảy thành suối” nhằm nhấn mạnh tới sự thất bại thảm hại của quân giặc.

**Câu 3:**  Thái độ của tác giả:

    - Ca ngợi trí tuệ, chiến lược của vua Quang Trung: tài dụng binh như thần, lẫm liệt trong trận chiến…

    - Tỏ thái độ căm ghét, khinh thường trước sự thất bại thảm hại của quân giặc.

**Câu 4:** Khi các tác giả Ngô Thì, các tác giả chủ ý viết lại lịch sử, không phải sự sáng tạo văn học. Tâm lý này xuất phát từ việc người trung đại xem tiểu thuyết là thứ thấp kém, không có ý nghĩa với việc tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

    - Nhưng Hoàng Lê nhất thống chí là một tác phẩm văn chương đích thực, chính điều này làm nên sự trường tồn của tác phẩm.

    - Sự kết hợp giữa sáng tạo, gia công kết hợp giữa ngòi bút chân thực , nghiêm ngặt với bút pháp viết linh hoạt đã giúp người viết tái hiện một thời kì lịch sử dữ dội TK XVIII:

       + Sự kiện lịch sử được ghi chép cụ thể, chính xác với các mốc thời gian, địa điểm, không gian rõ ràng, tạo sự tin cậy cho người đọc.

       + Nhóm tác giả không chỉ dựa trên sự kiện đơn thuần mà còn chỉ ra bản chất của hiện thực, vẫn giữ nguyên lịch sử nhưng lại xây dựng hình tượng chân dung con người đại diện cho cả hai phía.

       + Lời văn miêu tả có sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa giọng kể khách quan, đơn sắc của người viết sử với giọng kể đầy xúc cảm của người sáng tạo văn học.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

*“… Vua Quang Trung cưỡi voi ra doanh yên ủi quân lính, truyền cho tất cả đều ngồi mà nghe lệnh, rồi dụ họ rằng :*

*- Quân Thanh sang xâm lấn nước ta, hiện ở Thăng Long, các ngươi đã biết chưa? Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị.(….). Đời Hán có Trưng Nữ Vương, đời Tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, đời Nguyên có Trần Hưng Đạo, đời Minh có Lê Thái Tổ, các ngài không nỡ ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo, nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc (…). Các ngươi đều là những kẻ có lương tri, lương năng, hãy nên cùng ta đồng tâm hiệp lực, để dựng nên công lớn.”*

**Câu 1:** Đoạn trích trên trích từ văn bản nào? Tác gia là ai? Em hãy cho biết nội dung chính của đoạn trích trên?

**Câu 2:** Xác định phương thức biểu đạt được sử dụng trong đoạn trích trên?

**Câu 3:** Xác định lời dẫn trong đoạn trích trên và cho biết đó là lời dẫn trực tiếp hay gián tiếp?

**Câu 4:**  Từ đoạn trích trên, em hãy viết một văn bản ngắn *( khoảng một trang giấy thi)* trình bày suy nghĩ của bản thân về lòng yêu nước của con người Việt Nam.

### Hướng dẫn trả lời:

**Câu 1:**

**Câu 2:**

- Phương thức biểu đạt chính là tự sự có kết hợp với nghị luận

**Câu 3:**

- Trích đúng lời dẫn

- Lời dẫn trực tiếp

**Câu 4:**

***a. Yêu cầu về kĩ năng :***

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội

- Bố cục và hệ thống ý rõ ràng

- Biết vận dụng nhiều thao tác nghị luận.

- Văn trôi chảy, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục, không mắc lỗi diễn đạt, không sai chính tả, dùng từ, ngữ pháp, trình bày bài rõ ràng.

***b. Yêu cầu về nội dung :*** Trên cơ sở HS bám sát vào văn bản ở trên để nghị luận về lòng yêu nước.

- Mở đoạn : Giới thiệu về lòng yêu nước

- Thân đoạn :

+ Nêu ý nghĩa đoạn trích, giải thích về lòng yêu nước

+ Tìm những biểu hiện của lòng yêu nước

+ Bàn luận – mở rộng về lòng yêu nước

+ Liên hệ bản thân…

- Kết đoạn : Khẳng định lại vấn đề nghị luận, có thể gửi thông điệp đến mọi người.

**BÀI 4: TRUYỆN KIỀU**

***Nguyễn Du***

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | **1. Thời đại:**  Nguyễn Du sinh ra và lớn lên trong một thời đại có nhiều biến động dữ dội( cuối thế kỉ XVIII- đầu thế kỉ XIX) :  - Xã hội phong kiến Việt Nam khủng hoảng sâu sắc, mẫu thuẫn xã hội trở nên gay gắt, các tập đoàn phong kiến tranh giành quyền lực dẫn đến Lê- Trịnh suy tàn.  - Phong trào nông dân khởi nghĩa nổ ra liên tục, đỉnh cao là cuộc khởi nghĩa Tây Sơn đã “*Một phen thay đổi sơn hà*”. Nhưng triều đại Tây Sơn ngắn ngủi, tồn tại khoảng 24 năm thì sụp đổ, *triều Nguyễn lên thay*.  Những thay đổi kinh thiên động địa ấy tác động mạnh tới nhận thức tình cảm của Nguyễn Du để ông hướng ngòi bút của mình vào hiện thực, vào “*Những điều trông thấy mà đau đớn lòng*”.  **2. Cuộc đời:**  - Tác giả Nguyễn Du (1765 – 1820), tên chữ là Tố Như, hiệu là Thanh Hiên  - Quê ở làng Tiên Điền – huyện Nghi Xuân – tỉnh Hà Tỹnh  - Ông xuất thân trong một gia đình đại quý tộc, nhiều đời làm quan và có truyền thống hiếu học.  + Cha ông là nguyễn Nghiễm, từng làm tể tướng 15 năm.  + Anh trai cùng cha khác mẹ- nGuyễn Khản cũng làm đến chức Tham Tụng( ngang với Tể Tướng).   * Ông sinh ra và lớn lên ở kinh đô Thăng Long sầm uất, phồn hoa, đô hội. * Sáng tác nhiều tác phẩm chữ Hán và chữ nôm.   => Ngay từ rất sớm, Nguyễn Du đã được tiếp nhận một nền giáo dục tiến bộ của thời đại, cũng như kế thừa được truyền thống văn hóa thi thư của gia đình.  - Song tuổi thơ của Nguyễn Du khôn ghẳn là bình yên, êm ả mà trải qua khá nhiều thăng trầm, mất mát :  + Năm 10 tuổi ông mồ côi cha.  + Năm 12 tuổi ông mồ côi mẹ.  + Nguyễn Du sống cùng người anh cùng cha khác mẹ là nguyễn Khản.   * Do những xoay vần, biến động dữ dội của lịch sử, gia đình Nguyễn Du cũng sớm rơi vào sa sút.   + Khi triều Lê- Trịnh sụp đổ, nhà Tây Sơn lên thay, Nguyễn Du phải phiêu bạt 10 năm nơi đất Bắc, rồi về ở ẩn ở Hà Tĩnh. Đây là những năm tháng ông sống trong cảnh nghèo đói, túng bấn.  + Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi, nguyễn Du bất đắc chí phải ra làm quan và giữ nhiều trọng trách quan trọng. Ông hai lần được cử làm chánh sứ sang Trung Quốc nhưng lần thứ hai, chưa kịp đi thì lâm bệnh nặng rồi mất tại Huế năm 1820.  => Cuộc đời nguyễn Du kinh qua đầy những thăng trầm, biến động. Song, tất cả góp phần tạo nên dấu ấn cho những tác phẩm nổi tiếng và có giá trị sâu sắc của ông.  **3. Con người :**  Nguyễn Du có năng khiếu văn học bẩm sinh, ham học, có hiểu biết sâu rộng và từng trải, có vốn sống phong phú với nhiều năm lưu lạc, tiếp xúc với nhiều cảnh đời, nhiều con người số phận khác nhau. Ông từng đi sứ sang Trung Quốc, qua nhiều vùng đất Trung Hoa rộng lớn với nền văn hoá rực rỡ. Tất cả những điều đó đều có ảnh hưởng tới sáng tác của nhà thơ.  Nguyễn Du là con người có trái tim giàu lòng yêu thương. Chính nhà thơ đã từng viết trong Truyện Kiều “***Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài***”. Mộng Liên Đường Chủ Nhân trong lời Tựa Truyện Kiều cũng đề cao tấm lòng của Nguyễn Du với con người, với cuộc đời: “*Lời văn tả ra hình như có máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm trên tờ giấy khiến ai đọc đến cũng phải thấm thía, ngậm ngùi, đau đớn đến đứt ruột…*”. Nếu không phải có con mắt trông thấu cả sáu cõi, tấm lòng nghĩ suốt cả nghìn đời thì tài nào có cái bút lực ấy.  **4. Về sự nghiệp văn chương của Nguyễn Du:**  - Sáng tác nhiều tác phẩm chữ Hán và chữ Nôm.  + 3 tập thơ chữ Hán gồm 243 bài.  + Tác phẩm chữ Nôm có ***Văn chiêu hồn***, xuất sắc nhất là ***Đoạn trường tân thanh*** thường gọi là Truyện Kiều.  Sự nghiệp văn chương của Nguyễn Du không phải quá đồ sộ về mặt số lượng, song nó đã kết tinh được những tinh hoa văn hóa thời đại để trở thành đỉnh cao của văn học dân tộc nói riêng và nhân loại nói chung. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | Sáng tác vào thế kỷ XIX (1805-1809) |
| ***Xuất xứ*** | - ***Truyện Kiều*** Nguyễn Du được viết vào khoảng đầu thế kỉ XIX( 1805- 1809). Nó là tác phẩm tiêu biểu nhất của thể loại thơ Nôm được viết bằng thơ lục bát, gồm 3254 câu.  - Truyện dựa theo cốt truyện ***Kim Vân Kiều truyện*** của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc). Tuy nhiên phần sáng tạo của Nguyễn Du là hết sức lớn, mang ý nghĩa quyết định thành công của tác phẩm |
| ***Thể loại*** | ***Truyện Nôm***: loại truyện thơ viết bằng chữ Nôm. Truyện có khi được viết bàng thể thơ lục bát. Có hai loại truyện Nôm: *truyện nôm bình dân* hầu hết không có tên tác giả, được viết trên cơ sở truyện dân gian; *truyện Nôm bác học* phần nhiều có tên tác giả, được viết trên cơ sở cốt truyện có sẵn của văn học Trung Quốc hoặc do tác giả sáng tạo ra. Truyện Nôm phát triển mạnh mẽ nhất ở nửa cuối thể ký XVIII và thế kỷ XIX. |
| ***Tóm tắt*** | ***a. Phần thứ nhất* :** ***Gặp gỡ và đính ước.***  Vương Thuý Kiều là một thiếu nữ tài sắc vẹn toàn, con gái đầu lòng một gia đình trung lưu lương thiện, sống trong cảnh "êm đềm trướng rủ màn che" bên cạnh cha mẹ và hai em là Thuý Vân, Vương Quan. Trong buổi du xuân nhân tiết Thanh minh, Kiều gặp chàng Kim Trọng  "phong tư tài mạo tót vời". Giữa hai người chớm nở một mối tình đẹp. Kim Trọng dọn đến ở trọ cạnh nhà Thuý Kiều. Nhân trả chiếc thoa rơi, Kim Trọng gặp Kiều bày tỏ tâm tình. Hai người chủ động, tự do đính ước với nhau.  ***b. Phần thứ hai* :** ***Gia biến và lưu lực***  Trong khi Kim Trọng về Liêu Dương chịu tang chú, gia đình Kiều bị mắc oan. Kiều nhờ Vân trả nghĩa cho Kim Trọng còn nàng thì bán mình chuộc cha. Nàng bị bọn buôn người là Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh lừa gạt, đẩy vào lầu xanh. Sau đó, nàng được Thúc Sinh – một khách làng chơi hào phóng – cứu vớt khỏi cuộc đời kỹ nữ. Nhưng rồi nàng lại bị vợ cả của Thúc Sinh là Hoạn Thư ghen tuông, đầy đoạ. Kiều phải trốn đến nương nhờ nơi cửa Phật. Sư Giác Duyên vô tình gửi nàng cho Bạc Bà - một kẻ buôn người như Tú Bà, nên Kiều lần thứ hai rơi vào lầu xanh. Tại đây, nàng gặp Từ Hải, một anh hùng đội trời đạp đất. Từ Hải lấy Kiều, giúp nàng báo ân báo oán. Do mắc lừa quan tổng đốc trọng thần Hồ Tôn Hiến. Từ Hải bị giết. Kiều phải hầu đàn hầu rượu Hồ Tôn Hiến rồi ép gả cho viên thổ quan. Đau đớn, tủi nhục, nàng trẫm mình ở sông Tiền Đường và được sư Giác Duyên cứu, lần thứ hai Kiều nương nhờ cửa Phật.  ***c. Phần thứ ba*:** ***Đoàn tụ****:*  Sau nửa năm về chịu tang chú, Kim Trọng trở lại tìm Kiều. Hay tin gia đình Kiều gặp tai biến và nàng phải bán mình chuộc cha, chàng vô cùng đau đớn. Tuy kết duyên với Thuý Vân nhưng chàng vẫn không thể quên mối tình đầu say đắm. Chàng quyết cất công lặn lội đi tìm Kiều. Nhờ gặp được sư Giác Duyên mà Kim, Kiều tìm được nhau, gia đình đoàn tụ. Chiều theo ý mọi người, Thuý Kiều nối lại duyên cũ với Kim Trong nhưng cả hai cùng nguyện ước “Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bầy”. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | Truyện Kiều có 2 tên chữ bán và 1 tên chữ nôm.  - **Tên chữ hán**: ***Kim Vân Kiều truyện*** của Thanh Tâm Tài Nhân: tên của 3 nhân vật trong truyện: Kim Trọng, Thuý Vân, Thuý Kiều.  ***Đoạn trường tân thanh***: tiếng kêu mới về nỗi đau thương đứt ruột: bộc lộ chủ đề tác phẩm (tiếng kêu cứu cho số phận người phụ nữ).  - ***Tên chữ nôm***: ***Truyện Kiều***: Tên nhân vật chính - Thuý Kiều (do nhân dân đặt). |
| ***Giá trị nội dung*** | Từ câu truyện tình ở Trung Quốc đời Minh biến thành một khúc ca đau lòng thương người bạc mệnh (vượt xa Thanh Tâm Tài Nhân ở tinh thần nhân đạo). |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | + Thể loại: Chuyển thể văn xuôi thành thơ lục bát – thể thơ lục bát truyền thống của dân tộc gồm 3254 câu.  + Nghệ thuật xây dựng nhân vật, miêu tả thiên nhiên, đặc biệt là bút pháp tả cảnh ngụ tình.  + Ngôn ngữ: Truyện Kiều đạt tới đỉnh cao của ngôn ngữ nghệ thuật. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM+ LUYỆN ĐỀ :**

**I. Đoạn trích** "***Chị em Thuý Kiều***”:

**1. Vị trí đoạn trích :**

Vị trí đoạn trích “***Chị em Thuý Kiều***”: nằm ở phần mở đầu của phần thứ nhất: **gặp gỡ và đính ước**. Khi giới thiệu gia đình Thuý Kiều, tác giả tập trung miêu tả tài sắc hai chị em thuý vân, Thuý Kiều.

**2. Bố cục đoạn trích**: 4 phần

+ Bốn câu đầu: giới thiệu khái quát hai chị em Thuý Kiều.

+ Bốn câu tiếp: gợi tả vẻ đẹp Thuý Vân.

+ Mười hai câu còn lại: gợi tả vẻ đẹp thuý Kiều.

+ Bốn câu cuối: nhận xét chung về cuộc sống của hai chị em.

**3. Giá trị nội dung và nghệ thuật**:

Giá trị nội dung “Chị em Thuý Kiều” là khắc hoạ rõ nét chân dung tuyệt mĩ của chị em Thuý Kiều, ca ngợi vẻ đẹp, tài năng và dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh của Thuý Kiều là biểu hiện của cảm hứng nhân văn ở Nguyễn Du.

Giá trị nghệ thuật: Thuý Kiều, Thuý Vân và nhân vật chính diện, thuộc kiểu nhân vật lý tưởng trong Truyện Kiều. Để khắc hoạ vẻ đẹp của nhân vật lý tưởng, Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp ước lệ - lấy vẻ đẹp của thiên nhiên làm nổi bật vẻ đẹp của con người. Nhà văn không miêu tả chi tiết cụ thể mà chủ yếu là tả để gợi. Sử dụng biện pháp đòn bẩy làm nổi bật hình ảnh Thuý Kiều.

**4. Phân tích :**

**a. Bốn câu đầu**: giới thiệu khái quát về nhân vật.

Với bút pháp ước lệ, tác giả đã gợi được vẻ thanh cao, duyên dáng, trong trắng của người thiếu nữ ở hai chị em Thuý Kiều: “*Mai cốt cách, tuyết tinh thần*” cốt cách như mai, tinh thần như tuyết. Đó là vẻ đẹp hoàn hảo mang tính hình thể, tâm hồn cả hai đều đẹp “mười phân vẹn mười” nhưng mỗi người lại mang vẻ đẹp riêng.

**b. Bốn câu tiếp theo**: miêu tả vẻ đẹp của Thuý Vân.

- Câu thơ mở đầu vừa giới thiệu Thuý Vân vừa khái quát vẻ đẹp của nhân vật. Hai chữ “trang trọng” gợi vẻ cao sang, quý phái.

- Với bút pháp nghệ thuật ước lệ, vẻ đẹp của Vân được so sánh với những thứ cao đẹp nhất trên đời, trăng, hoa, mây, tuyết, ngọc. Bằng thủ pháp liệt kê chân dung Thúy Vân được miêu tả toàn vẹn từ khuôn mặt, nét mày, làn da, mái tóc đến nụ cười, giọng nói, phong thái ứng xử nghiêm trang, đứng đắn. Mỗi chi tiết được miêu tả cụ thể hơn nhờ bổ ngữ, định ngữ, hình ảnh so sánh ẩn dụ.

- Tác giả đã vẽ nên bức chân dung Thuý Vân bằng nghệ thuật so sánh ẩn dụ và ngôn ngữ thơ chọn lọc, chau chuốt: khuôn mặt đầy đặn, phúc hậu, tươi sáng như mặt trăng; lông mày sắc nét như con ngài; miệng cười tươi thắm như hoa; giọng nói trong trẻo thốt ra từ hàm răng ngà ngọc; mái tóc đen óng ả hơn mây, làn da trắng mịn màng hơn tuyết (***khuôn trăng… màu da***).

- Chân dung Thuý Vân là chân dung mang tính cách, số phận. Vân đẹp hơn những gì mĩ lệ nhất của thiên nhiên nhưng tạo sự hoà hợp êm đềm với xung quanh: mây thua, tuyết nhường. Thuý Vân hẳn có một tính cách ung dung, điềm đạm, một cuộc đời bình yên không sóng gió.

**c. 12 câu tiếp theo**: tả vẻ đẹp và tài hoa của Kiều.

- Câu thơ đầu đã khái quát đặc điểm của nhân vật: “*Kiều càng sắc sảo mặn mà*”. Nàng sắc sảo về trí tuệ và mặn mà về tâm hồn.

- Gợi tả vẻ đẹp của Kiều tác giả vẫn dùng những hình tượng ước lệ: thu thuỷ, xuân sơn, hoa, liễu. Đặc biệt khi hoạ bức chân dung Kiều, tác giả tập trung gợi tả vẻ đẹp đôi mắt. Hình ảnh “***Làn thu thuỷ, nét xuân sơn***” là hình ảnh mang tính ước lệ, đồng thời cũng là hình ảnh ẩn dụ, gợi lên một đôi mắt đẹp trong sáng, long lanh, linh hoạt như làn nước mùa thu, đôi lông mày thanh tú như nét mùa xuân. Đôi mắt đó là cửa sổ tâm hồn, thể hiện phần tinh anh của tâm hồn, trí tuệ. Tả Kiều, tác giả không cụ thể như khi tả Vân mà chỉ đặc tả đôi mắt theo lối điểm nhãn - vẽ hồn cho nhân vật, gợi lên vẻ đẹp chung của một trang giai nhân tuyệt sắc. Vẻ đẹp ấy làm cho hoa ghen, liễu hờn, nước nghiêng thành đổ. Nguyễn Du không miêu tả trực tiếp nhân vật mà miêu tả sự ghen ghét, đố kị hay ngưỡng mộ, say mê trước vẻ đẹp đó, cho thấy đây là vẻ đẹp có chiều sâu, có sức quyến rũ, cuốn hút lạ lùng.

- Vẻ đẹp tiềm ẩn phẩm chất bên trong cao quý, cái tài, cái tình đặc biệt của Kiều. Tả Thuý Vân chỉ tả nhan sắc, còn tả Thuý Kiều, tác giả tả sắc một phần thì dành hai phần để tả tài. Kiều rất mực thông minh và đa tài  "*Thông minh vốn sẵn tính trời*". Tài của Kiều đạt đến mức lý tưởng theo quan niệm thẩm mĩ phong kiến, hội đủ cầm, kỳ, thi, hoạ “*Pha nghề thi hoạ đủ mùi ca ngâm*”.

Tác giả đặc tả tài đàn – là sở trường, năng khiếu, nghề riêng của nàng “*Cung thương lầu bậc ngũ âm, Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương*”. Không chỉ vậy, nàng còn giỏi sáng tác nhạc. Cung đàn Bạc mện của Kiều là tiếng lòng của một trái tim đa sầu đa cảm “*Khúc nhà tay lựa nên chương, Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân*”.

Tả tài, Nguyễn Du thể hiện được cả cái tình của Kiều.

- Chân dung Thuý Kiều là bức chân dung mang tính cách và số phận. Vẻ đẹp khi cho tạo hoá phải ghen ghét, các vẻ đẹp khác phải đố kị, tài hoa trí tuệ thiên bẩm "lai bậc" đủ mùi, cả cái tâm hồn đa sầu đa cảm khiến Kiều không thể tránh khỏi định mệnh nghiệt ngã, số phận éo le, gian khổ bởi  "*Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau*". "*Trời xanh quen thói mà hồng đánh ghen*". Cuộc đời Kiều hẳn là cuộc đời hồng nhan bạc mệnh.

\* Có thể nói tác giả đã rất tinh tế khi miêu tả nhân vật Thuý Kiều: Tác giả miêu tả chân dung Thuý Vân trước để làm nổi bật chân dung Thuý Kiều, ca ngợi cả hai nhưng đậm nhạt khác nhau ở mỗi người: chỉ dành bốn câu thơ để tả Vân, trong đó dành tới 12 câu thơ để tả Kiều, Vân chỉ tả nhan sắc, Kiều cả tài , sắc, tình đều đặc đặc tả. Đó chính là thủ pháp đòn bẩy.

**d. 4 câu cuối**: nhận xét chung về cuộc sống hai chị em Thuý Kiều.

- Họ sống phong lưu, khuôn phép, đức hạnh, theo đúng khuôn khổ của lễ giáo phong kiến. Tuy cả hai đều đã đến tuổi búi tóc cài trâm nhưng vẫn "*trướng rũ màn che, tường đông ong bướm đi về mặc ai*".

- Hai câu cuối trong sáng, đằm thắm như chở che, bao bọc cho hai chị em hai bồn hoa vẫn còn phong nhuỵ trong cảnh "*Êm đềm trướng rủ màn che*".

Tóm lại, đoạn trích đã thể hiện bút pháp miêu tả nhân vật đặc sắc của Nguyễn Du khắc hoạ nét riêng về nhan sắc, tài năng, tính cách, số phận nhân vật bằng bút pháp nghệ thuật cổ điển.

**5. Luyện đề :**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du có viết:

*“Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da”  
“Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”*

( Trích *Truyện Kiều*- Nguyễn Du)

**Câu 1:** Câu thơ trên được trích từ đoạn trích nào của Truyện kiều, nêu vị trí của đoạn trích đó ?

**Câu 2:** Hai câu thơ trên, mỗi câu nói về nhân vật nào?  
**Câu 3:** Hai cách miêu tả sắc đẹp của hai nhân vật ấy có gì giống và khác nhau? Sự khác nhau ấy có liên quan gì đến tính cách và số phận của mỗi nhân vật?

**Câu 4:** Từ câu chủ đề sau: “Khác với Thúy Vân, Thuý Kiều có vẻ đẹp sắc sảo, mặn mà cả tài lẫn sắc”. Hãy viết tiếp khoảng 10 câu văn để hoàn thành một đoạn văn theo cách Tổng hợp – Phân tích - Tổng hợp.  
 ***Hướng dẫn làm bài*  
Câu 1:**

Hai câu thơ trên được trích từ văn bản “Chị em Thúy Kiều”.

Đoạn trích nằm ở phần mở đầu của phần gặp gỡ và đính ước.

**Câu 2:** Hai câu thơ trên, câu đầu nói về Thúy Vân, câu sau nói về Thuý Kiều.  
**Câu 3:**

- ***Giống nhau:*** Tả nhan sắc hai nàng như vậy là Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp ước lệ tượng trưng, một bút pháp quen thuộc của thơ ca cổ điển – dùng để tả nhân vật chính diện – lấy cái đẹp của tự nhiên để so sánh hoặc ngầm ví với cái đẹp của nhân vật. Từ đó tôn vinh cái đẹp của nhân vật. Ta dễ dàng hình dung nhan sắc của mỗi người. Thúy Vân tóc mượt mà, óng ả hơn mây, da trắng hơn tuyết. Còn Thuý Kiều, vẻ tươi thắm của nàng đến hoa cũng phải ghen, đến liễu phải hờn.  
- ***Khác nhau:***

|  |  |
| --- | --- |
| Tả Thúy Vân | Tả Thúy Kiều |
| Tác giả miêu tả Thúy Vân cụ thể từ khuôn mặt, nét mày, màu da, nước tóc, miệng cười, tiếng nói để khắc họa một Thúy Vân đẹp, đoan trang, phúc hậu. | Nêu ấn tượng tổng quát (sắc sảo, mặn mà), đặc tả đôi mắt. Miêu tả tác động vẻ đẹp của Thuý Kiều. Vẻ đẹp sắc sảo, thông minh của Thuý Kiều làm cho hoa, liễu phải hờn ghen, làm cho nước, thành phải nghiêng đổ Þ tác giả miêu tả nét đẹp của Kiều là để gợi tả vẻ đẹp tâm hồn Thúy Kiều. |

- Thông điệp nghệ thuật: Qua cái đẹp ấy, tác giả còn dự báo cho số phận của mỗi người. Thuý Vân đẹp đoan trang, phúc hậu, sẽ có một số phận may mắn, hạnh phúc. Còn Thuý Kiều đẹp sắc sảo, mặn mà sẽ có số phận đầy giông tố, bất hạnh.  
**Câu 4:**

***\* Đoạn văn tham khảo :***

(1) ***Khác với Thúy Vân, Thuý Kiều có vẻ đẹp sắc sảo, mặn mà cả tài lẫn sắc.***

(2) Vẻ đẹp ấy được gợi tả qua đôi mắt Kiều, bởi đôi mắt là sự thể hiện phần tinh anh của tâm hồn và trí tuệ.

(3) Hình ảnh ước lệ “làn thu thuỷ” – làn nước mùa thu gợn sóng gợi lên thật sống động vẻ đẹp của đôi mắt trong sáng, long lanh, linh hoạt.

(4) Còn hình ảnh ước lệ “nét xuân sơn” – nét núi mùa xuân lại gợi lên đôi lông mày thanh tú trên gương mặt trẻ trung.

(5) Vẻ đẹp quá hoàn mĩ và sắc sảo của Kiều có sức quyến rũ lạ lùng khiến thiên nhiên không thể dễ dàng chịu thua, chịu nhường mà phải nảy sinh lòng đố kỵ, ghen ghét ð báo hiệu lành ít, dữ nhiều- “Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”.  
(6) Không chỉ mang một vẻ đẹp “nghiêng nước, nghiêng thành”, Kiều còn là một cô gái thông minh và rất mực tài hoa:  
“Thông minh vốn sẵn tính trời  
Pha nghề thi hoạ đủ mùi ca ngâm  
Cung thương làu bậc ngũ âm  
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương”  
(7) Tài của Kiều đạt tới mức lí tưởng theo quan niệm thẩm mỹ phong kiến, gồm đủ cả cầm (đàn), kỳ (cờ), thi (thơ), hoạ (vẽ).

(8) Đặc biệt nhất vẫn là tài đàn của nàng, đã là sở trường, năng khiếu (nghề riêng), vượt lên trên mọi người (ăn đứt).  
(9) Đặc tả cái tài của Kiều cũng là để ngợi ca cái tâm đặc biệt của nàng: Cung đàn “bạc mệnh” mà Kiều tự sáng tác nghe thật da diết buồn thương, ghi lại tiếng lòng của một trái tim đa sầu, đa cảm.  
(10) Vẻ đẹp của Kiều là sự kết hợp của cả sắc – tài – tình. Tác giả dùng thành ngữ “nghiêng nước, nghiêng thành” để cực tả giai nhân, đồng thời là lời ngợi ca nhân vật.  
(11) Chân dung của Thuý Kiều cũng là chân dung mang tính cách số phận. Vẻ đẹp của Kiều làm cho tạo hoá phải ghen ghét, phải đố kị “hoa ghen, liễu hờn” nên số phận nàng sẽ éo le, đau khổ.  
(12) ***Như vậy, chỉ bằng mấy câu thơ trong đoạn trích, Nguyễn Du đã không chỉ miêu tả được nhân vật mà còn dự báo được trước số phận của nhân vật; không những truyền cho người đọc tình cảm yêu mến nhân vật mà còn truyền cả nỗi lo âu phấp phỏng về tương lai số phận nhân vật.***

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

**Cho câu thơ:**

*"Vân xem trang trọng khác vời"*

**Câu 1:** Hãy chép tiếp 3 câu thơ tiếp theo.

**Câu 2:** Phân tích biện pháp nghệ thuật sử dụng trong câu thơ: *"Hoa cười ngọc thốt đoan trang".*

**Câu 3:** Viết đoạn văn theo phương thức quy nạp (10 câu) nêu cảm nhận về vẻ đẹp của Thúy Vân trong đoạn trích vừa chép thơ. Trong bài viết có sử dụng lời dẫn trực tiếp và phép nối.

### Hướng dẫn trả lời:

**Câu 1:**

*Vân xem trang trọng khác vời*

*Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang*

*Hoa cười ngọc thốt đoan trang*

*Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da*

**Câu 2:** Biện pháp ước lệ tượng trưng trong câu thơ “Hoa cười ngọc thốt đoan trang”. Vẻ đẹp của Vân được so sánh với những điều đẹp đẽ nhất của tự nhiên: hoa, ngọc.

Thúy Vân hiện lên với vẻ đẹp nền nã, hiền dịu, quý phái.

**Câu 3:**

***\* Đoạn văn tham khảo :***

(1) Câu thơ mở đầu đoạn khái quát vẻ đẹp của nhân vật, hai chữ “sang trọng” gợi vẻ cao sang, quý phái.

(2) Nghệ thuật ước lệ tượng trưng, vẻ đẹp của Vân được so sánh với những thứ cao đẹp nhất trên đời trăng, hoa, mây, tuyết, ngọc.

(3) Thúy Vân được miêu tả toàn vẹn từ khuôn mặt tới làn da, mái tóc, nụ cười, giọng nói.

(4) Tác giả sử dụng những từ ngữ trau chuốt, chọn lọc: khuôn mặt phúc hậu, đầy đặn, tươi sáng như trăng tròn.

(5) Chân dung Thúy Vân là chân dung mang tính cách số phận.

(6) Vân đẹp hơn những vẻ đẹp trong tự nhiên.

(7) Vẻ đẹp của nàng khiến tự nhiên “thua”, “nhường” dự báo cuộc đời êm đềm, không sóng gió.

(9) *Có thể nói, với bút pháp ước lệ tượng trưng, Nguyễn Du đã làm hiện lên hình ảnh nàng Thúy Vân có vẻ đẹp hài hòa với thiên nhiên, dự báo trước được cuộc đời êm đềm, suôn sẻ của nàng.*

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

**Cho đoạn thơ sau:**

*Kiều càng sắc sảo mặn mà*

*So bề tài sắc lại là phần hơn*

*Làn thu thủy nét xuân sơn*

*Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh*

*Một hai nghiêng nước nghiêng thành*

*Sắc đành đòi một tài đành họa hai*

*Thông minh vốn sẵn tính trời*

*Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm*

*Cung thương lầu bậc ngũ âm*

*Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một chương*

*Khúc nhà tay lựa nên chương*

*Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân*

**Câu 1:** Em hiểu thế nào về hình tượng *“thu thủy”, “xuân sơn”.* Cách nói *“làn thu thủy, nét xuân sơn”* là cách nói ẩn dụ hay hoán dụ? Vì sao?

**Câu 2:** Dụng ý của tác giả trong câu “Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”? Theo em có nên thay thế từ “hờn” bằng từ “buồn” được không?

**Câu 3:** Qua cung đàn của Thúy Kiều (ở câu thơ cuối đoạn trích) em hiểu thêm gì về nhân vật này?

**Câu 4:** Qua đoạn trích, tác giả Nguyễn Du bày tỏ tình cảm gì với nàng Kiều?

**Câu 5:** Chép chính xác một câu thơ trong bài thơ em đã học trong chương trình ngữ văn THCS nói về vẻ đẹp của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**Câu 6:** Viết đoạn văn quy nạp khoảng 10 câu để phân tích nghệ thuật miêu tả ngoại hình nhân vật của Nguyễn Du trong đoạn trích. Trong đoạn trích có sử dụng câu ghép và phép thế.

### Hướng dẫn trả lời:

**Câu 1:**

    - Thu thủy: làn nước mùa thu.

    - Xuân sơn: nét núi mùa xuân.

Cả câu thơ sử dụng hình ảnh mang tính ước lệ và biện pháp ẩn dụ gợi lên đôi mắt trong sáng, long lanh, linh hoạt như làn nước mùa thu, đôi lông mày thanh tú như nét núi mùa xuân.

**Câu 2:**

    - Vẻ đẹp của Thúy Kiều là vẻ đẹp của một trang tuyệt thế giai nhân, vẻ đẹp khiến “hoa ghen”, “liễu hờn”.

    - Nguyễn Du không miêu tả nhân vật mà miêu tả sự ghen ghét, đố kị hay ngưỡng mộ, say mê vẻ đẹp đó.

    - Vẻ đẹp của Thúy Kiều là vẻ đẹp có sức hút, chiều sâu đến lạ lùng.

    - Không thể thay thế từ “hờn” bằng từ “buồn” bởi từ “buồn” không làm nổi bật được tính chất hờn ghen hiểm họa của tự nhiên trước vẻ đẹp của Thúy Kiều.

**Câu 3:**

Cung đàn của nàng Kiều là “cung thương lầu bậc ngũ âm” - cung đàn bạc mệnh của Kiều là tiếng của trái tim đa cảm.

    - Tâm hồn Kiều đa sầu đa cảm khiến Kiều không thể tránh khỏi số phận nghiệt ngã, éo le, gian khổ của bởi “chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau” và trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.

**Câu 4:**

    - Tác giả ngợi ca vẻ đẹp của Thúy Kiều - một trang tuyệt thế giai nhân có sắc đẹp nghiêng nước nghiêng thành.

    - Tác giả cũng bày tỏ sự thương xót, lo lắng trước vận mệnh của Thúy Kiều.

    - Một trong những biểu hiện của cảm hứng nhân đạo ấy là đoạn trích ca ngợi đề cao những giá trị, phẩm chất con người như nhan sắc, tài hoa, nhân phẩm, khát vọng, ý thức về nhân phẩm, thân phận.

**Câu 5:**

Câu thơ nói về vẻ đẹp của người phụ nữ xã hội phong kiến:

*“Thân em vừa trắng lại vừa tròn”*

(Bánh trôi nước - Hồ Xuân Hương)

**Câu 6:**

Viết đoạn văn quy nạp khoảng 10 câu để phân tích nghệ thuật miêu tả ngoại hình nhân vật của Nguyễn Du trong đoạn trích. Trong đoạn trích có sử dụng câu ghép và phép thế.

***\* Đoạn văn tham khảo:***

(1) Đoạn trích Chị em Thúy Kiều thể hiện bút pháp miêu tả nhân vật đặc sắc của Nguyễn Du, khắc họa nét riêng về nhan sắc, tài năng, tính cách, số phận nhân vật bằng bút pháp nghệ thuật cổ điển.

(2) Tác giả sử dụng bút pháp tượng trưng để gợi tả vẻ đẹp nhan sắc, tài năng, tâm hồn, qua mỗi bức chân dung đều gửi gắm những dự báo về cuộc đời và số phận.

(3) Qua hai bức chân dung về Thúy Vân và Thúy Kiều, tác giả đều thể hiện thái độ trân trọng ngợi ca nhưng ông ưu ái dành nhiều câu thơ miêu tả bức chân dung của Thúy Kiều nổi bật cả về nhan sắc và tài năng.

(4) Cái tài của tác giả là từ việc miêu tả ngoại hình nhân vật làm hiện lên vẻ đẹp về tính cách và tâm hồn đằng sau những tín hiệu ngôn ngữ là dự báo về số phận con người.

(5) Thúy Vân: vẻ đẹp khiến tự nhiên nhường nhịn nên nàng chắc chắn cuộc đời nàng êm đềm.

(6) Thúy Kiều: vẻ đẹp khiến tự nhiên danh ghét, ghen tị, chắc chắn cuộc đời gặp nhiều sóng gió, gập ghềnh.

(7) Tác giả sử dụng những hình ảnh tươi đẹp nhất, ngôn từ hoa mĩ để xây dựng, miêu tả vẻ đẹp của con người đạt tới mức lý tưởng.

(8) Đó cũng chính là cảm hứng nhân đạo cao cả xuất phát từ tấm lòng đồng cảm với mọi người.

- ***Câu ghép:*** Qua hai bức chân dung về Thúy Vân và Thúy Kiều, tác giả đều thể hiện thái độ trân trọng ngợi ca nhưng ông ưu ái dành nhiều câu thơ miêu tả bức chân dung của Thúy Kiều nổi bật cả về nhan sắc và tài năng.

- ***Phép thế:*** Nguyễn Du- tác giả.

**II. Đoạn trích** "***Cảnh ngày xuân***":

**1. Vị trí:** “***Cảnh ngày xuân***” là đoạn thơ tả cảnh ngày mùa xuân trong tiết Thanh minh và cảnh du xuân của chị em Kiều, nằm sau đoạn tả tài sắc hai chị em Kiều, trước đoạn Kiều gặp nấm mộ Đạm Tiên và gặp Kim Trọng. Đoạn trích là bức tranh thiên nhiên, lễ hội mùa xuân tươi đẹp, trong sáng, náo nhiệt.

**2. Bố cục đoạn trích**: theo trình tự thời gian của cuộc du xuân.

+ Bốn câu đầu: Khung cảnh ngày xuân.

+ Tám câu tiếp: khung cảnh lễ hội trong tiết thanh minh.

+ Sáu câu cuối: cảnh chị em Kiều du xuân trở vể.

**3. Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật.**

**Giá trị nội dung của** “Cảnh ngày xuân”: là bức tranh thiên nhiên mùa xuân tươi đẹp, trong sáng và lễ hội mùa xuân tưng bừng, náo nhiệt.

**Giá trị nghệ thuật**: sử dụng nhiều hình ảnh đắt giá, sáng tạo; nhiều từ láy miêu tả cảnh vật và cũng là tâm trạng con người; bút pháp miêu tả giàu chất tạo hình.

**4. Phân tích:**

***a. Bốn câu thơ đầu:*** *Tác giả miêu tả cảnh vật với vẻ đẹp riêng của mùa xuân.*

- Hai câu đầu là hình ảnh khái quát về một ngày xuân tươi đẹp với hình ảnh cánh én chao liệng trên bầu trời thanh bình tràn ngập ánh xuân tươi tắn trong sáng. Đồng thời, nhà thơ cũng ngỏ ý ngày xuân qua nhanh quá nhưng “*con én đưa thoi*”, chín mươi ngày xuân mà nay *“đã ngoài sáu mươi*”.

**- Hai câu thơ tiếp theo** mới thực là bức tranh tuyệt mĩ: “*Cỏ non xanh tận chân trời - Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*”. Đây chỉ là chân dung của cảnh ngày xuân, chỉ giản đơn có cỏ xanh, hoa trắng mà đủ cảnh, đủ màu, làm hiện lên cả một không gian mùa xuân kháng đạt. Ở đây, Nguyễn Du học tập hai câu thơ cổ Trung Quốc: “***Phương thảo liên thiên bích - Lê chi sổ điểm hoa***”, nhưng khi đưa vào bài thơ của mình, tác giả đã rất sáng tạo. Câu thơ Trung Quốc dùng hình ảnh “cỏ thơm” (phương thảo) thiên về mùi vị thì Nguyễn Du thay bằng “cỏ xanh” thiên về màu sắc. Đó là màu xanh nhạt pha với vàng chanh tươi tắn hợp với màu lam trong snág của nền trời buổi chiều xuân làm thành gam nền cho bức tranh, trên đó điểm xuyết những đốm trắng hoa lê. Bức tranh dung hoà những sắc độ lạnh mà bên trong vẫn rạo rực sức sống tươi mới của mùa xuân. Chữ “trắng” đảo lên trước tạo bất ngờ sự mới mẻ, tinh khôi, thanh khiết như kết tinh những tinh hoa của trời đất. Chữ “điểm” gợi bàn tay người hoạ sĩ vẽ nên thơ nên hoa, bàn tay tạo hoá tô điểm cho cảnh xuân tươi, làm bức tranh trở nên có hồn, sống động.

- Hai câu thơ tả cảnh thiên nhiên của Nguyễn Du quả là tuyệt bút! Ngòi bút của Nguyễn Du tài hoa, giàu chất tạo hình ngôn ngữ biểu cảm, gợi tả. Tác giả đã rất thành công trong bút pháp nghệ thuật kết hợp giữa tả và gợi. Qua đó, ta thấy tâm hồn con người tươi vui, phấn chấn qua cái nhìn thiên nhiên trong trẻo, tươi tắn, hồn nhiên, nhạy cảm tha thiết với vẻ đẹp thiên nhiên.

***b. Sáu câu thơ cuối***: gợi tả khung cảnh chị em Thuý Kiều du xuân trở về.

- Cảnh vẫn mang cái thanh, cái dịu của mùa xuân: nắng nhạt, khe nước nhỏ, một nhịp cầu bắc ngang nhưng đã nhuốm màu tâm trạng.

- Bóng tịch dương đã chênh chếch xế chiều: “*Tà tà bóng ngả về đây*”, dòng nước uốn quanh. Nhưng đây không chỉ là hoàng hôn của cảnh vật mà dường như con người cũng chìm trong một cảm giác bâng khuâng khó tả. Cuộc du ngoạn xuân cảnh đã tàn, lễ hội tưng bừng, náo nhiệt đã chấm dứt, tâm hồn con người như cũng chuyển điệu cùng cảnh vật, bước chân người thơ thẩn. Cảnh như nhạt dần, lặng dần, mọi chuyển động đều nhẹ nhàng, không gian mang dáng dấp nhỏ nhoi, bé hẹp, phảng phất buồn. Tâm trạng con người có cái bâng khuâng xao xuyến về cuộc du xuân đã tàn, có cả linh cảm về việc gặp gỡ nấm mộ Đạm Tiên và chàng thư sinh Kim Trọng “phong tư tài mạo tót vời”.

- **Nghệ thuật**: sử dụng nhiều từ láy như ***nao nao, tà tà, thanh thanh*** không chỉ biểu đạt sức thái cảnh vật mà còn bộc lộ tâm trạng con người, đặc biệt hai chữ “nao nao” thoáng gợi nên một nét buồn khó hiểu. Hai chữ “thơ thẩn” có sức gợi rất lớn, chị em Kiều ra về trong sự bần thần, nuối tiếc, lặng buồn. “*Dan tay*” tưởng là vui nhưng thực ra là chia sẻ cái buồn không nói hết. Cảm giá bâng khuâng xao xuyến về một ngày vui xuân đã hé mở một vẻ đẹp tâm hồn thiếu nữ tha thiết với niềm vui cuộc sống, nhạy cảm và sâu lắng. Chính các từ này đã nhuốm màu tâm trạng lên cảnh vật.

Đoạn thơ còn hay bởi đã sử dụng bút pháp cổ điển: tả cảnh gắn với tả tình, tả cảnh ngụ tình, tình và cảnh tương hợp.

***Tóm lại:***

- Đoạn 4 câu đầu và 6 câu cuối bài “***Cảnh ngày xuân***”, Nguyễn Du đã vẽ nên bức tranh thiên nhiên mùa xuân thật đẹp. Nhà thơ điểm vài chi tiết, tả cảnh để gợi là chính.

- Từ ngữ hình ảnh giàu chất tạo hình.

- Thiên nhiên được miêu tả trong những thời gian, thời điểm khác nhau.

**5. Luyện đề:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

**Cho đoạn thơ sau:**

*Ngày xuân con én đưa thoi*

*Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi*

*Cỏ non xanh tận chân trời*

*Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*

**Câu 1:** Đoạn thơ trên sử dụng kết hợp những phương thức biểu đạt nào, em hãy nêu tác dụng của cách kết hợp đó.

**Câu 2:** Hình ảnh “con én đưa thoi” gợi cho em điều gì? Chép chính xác câu thơ có sử dụng hình ảnh “thoi” ghi rõ tên bài thơ và tên tác giả.

**Câu 3:** Qua câu thơ *“Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi”* gợi lên thời điểm nào của mùa xuân? Qua đó tác giả muốn thể hiện cảm xúc gì?

**Câu 4:** Câu thơ “Cành lê trắng điểm một vài bông hoa sử dụng biện pháp tu từ nào? Chỉ ra tác dụng của biện pháp ấy tới việc thể hiện nội dung.

**Câu 5:** Nếu thay thế từ “tận” bằng từ “rợn” thì ý nghĩa của câu thơ thay đổi không? Vì sao?

**Câu 6:** Hai câu thơ cổ Trung Quốc: “Phương thảo liên thiên bích/ Lê chi sổ điểm hoa".

Hãy so sánh với hai câu thơ của Nguyễn Du khi miêu tả về vẻ đẹp của mùa xuân.

### Hướng dẫn trả lời:

**Câu 1:** Đoạn thơ trên sử dụng phương thức miêu tả và tự sự.

       + Miêu tả: không gian, màu sắc, ánh sáng tươi đẹp, đặc trưng của mùa xuân.

       + Tự sự: Kể về sự việc, sự vật trong những ngày tháng 3 - tiết Thanh Minh, thời gian trôi nhanh, sắp kết thúc mùa xuân.

**Câu 2:**

    - Hình ảnh “con én đưa thoi” ý nói: thời gian trôi nhanh, chín mươi ngày mà nay đã qua sáu mươi ngày.

    - Câu thơ có sử dụng hình ảnh thoi:

*Cá thu biển Đông như đoàn thoi*

(Đoàn thuyền đánh cá - Huy Cận)

**Câu 3:**

Qua câu thơ: Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi, gợi lên thời gian Tiết Thanh minh trong mùa xuân.

Tác giả cảm thấy nuối tiếc, ngỡ ngàng trước sự chảy trôi nhanh chóng của thời gian.

**Câu 4:**

Câu thơ “Cành lê trắng điểm một vài bông hoa” sử dụng bút pháp gợi tả và biện pháp nhân hóa.

Trên nền trời xanh lam trong sáng của chiều xuân được điểm xuyết những đốm trắng của hoa lê.

    + Chữ “trắng”được đảo lên trước tạo sự mới mẻ tinh khôi, thanh khiết, kết tinh những tinh hoa của trời đất.

    + Chữ “điểm” nhấn mạnh, gợi hình ảnh bàn tay người họa sĩ tạo nên những điểm chấm phá cho bức tranh cảnh mùa xuân.

→ Câu thơ đắt giá, diễn tả vẻ đẹp tự nhiên bình dị, trong trẻo và giàu sức sống của mùa xuân.

**Câu 5:** Nếu thay từ “tận” bằng từ “rợn” thì ý nghĩa của câu thơ sẽ thay đổi hoàn toàn.

    + Từ tận mở ra không gian bao la ngút ngàn tới hút tầm mắt, tạo cảm giác mênh mông khoáng đạt.

    + Từ rợn sẽ khiến không gian bị thu hẹp có vẻ huyền bí, không tạo được vẻ khoáng đạt cho không gian.

**Câu 6:**

Hai câu thơ cổ của Trung Quốc sử dụng hình ảnh cỏ thơm (phương thảo) trong khi câu thơ của Nguyễn Du lại thiên về việc tả màu sắc, gợi hình ảnh.

Bức tranh mùa xuân mà tác giả tạo ra mang màu sắc độc đáo, dung hòa giữa sắc độ lạnh trong sáng của nền trời buổi chiều xuân, làm thành gam nền cho bức tranh.

Sự phối màu giữa nền và khung cảnh chính của bức tranh mang lại cảm nhân mùa xuân tươi đẹp, trong sáng, mùa xuân trở nên có hồn và sống động hơn.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

**Cho đoạn thơ sau:**

*Tà tà bóng ngả về Tây*

*Chị em thơ thẩn dan tay ra về*

*Bước dần theo ngọn tiểu khê*

*Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh*

*Nao nao dòng nước uốn quanh*

*Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang*

**Câu 1:** Câu thơ “Tà tà bóng ngả về tây” gợi đến khoảng thời gian nào trong ngày? Việc đó có tác dụng gì?

**Câu 2:** Các từ láy được sử dụng trong bài là những từ láy nào? Nêu tác dụng của việc sử dụng các từ láy đó.

**Câu 3:** Giải thích nghĩa của từ Tiểu khê trong câu “Bước dần theo ngọn tiểu khê”.

**Câu 4:** Trong câu thơ: “Nao nao dòng nước uốn quanh”. Tác giả sử dụng biện pháp tu từ nào?

**Câu 5:** Theo em, bút pháp tả cảnh của Nguyễn Du có gì đặc sắc?

**Câu 6:** Cảm nhận bức tranh phong cảnh được miêu tả trong 6 câu thơ cuối bài Cảnh ngày xuân.

### Hướng dẫn trả lời:

**Câu 1:** Câu thơ “Tà tà bóng ngả về tây” gợi tả thời gian chênh chếch xế chiều, đó là thời gian trong văn học gợi nỗi buồn.

    - Việc tả cảnh hoàng hôn khi cảnh vật đang đi vào hoạt động nghỉ ngơi, tĩnh lặng, dường như con người cũng đi vào trạng thái bâng khuâng, trống trải khó tả.

    - Tâm trạng con người cũng biến chuyển theo sự biến chuyển của thời gian.

    - Buổi chiều sẽ gợi lên trong lòng người tâm trạng buồn man mác.

**Câu 2:**

Các từ láy được sử dụng trong bài: *thơ thẩn, thanh thanh, nao nao, nho nhỏ* để gợi tả sắc thái cảnh vật cũng như tâm trạng của con người.

Đặc biệt từ láy “nao nao” gợi nên nét buồn khó hiểu, không thể gọi tên.

    + *“Thơ thẩn”*: tâm trạng nuối tiếc khi tan hội trong sự bần thần, lắng buồn.

→ Cảm giác buồn, bâng khuâng xao xuyến một ngày vui xuân đã hé mở một vẻ đẹp tâm hồn, thiếu nữ tha thiết với vẻ đẹp của tạo vật, niềm vui với cuộc sống, nhạy cảm và sâu lắng.

Những từ láy này đã nhuồm màu tâm trạng lên cảnh vật, thông qua bút pháp tả cảnh ngụ tình, cảnh tình càng trở nên tương hợp hơn.

**Câu 3:** Từ tiểu khê trong câu “Bước dần theo ngọn tiểu khê” có nghĩa là ngọn nước nhỏ, dòng suối nhỏ.

**Câu 4:** Trong câu thơ “Nao nao dòng nước uốn quanh” tác giả sử dụng biện pháp tả cảnh ngụ tình: tả cảnh gắn với tâm trạng con người, tình và cảnh tương hợp, cảnh thể hiện tâm trạng của con người, tâm trạng nhuốm màu lên cảnh vật.

Chị em Kiều khi trở về sau khi tan hội trong sự tiếc nuối, bần thần, bâng khuâng khó tả.

Cảm giác nao nao khó tả đã mở ra vẻ đẹp tâm hồn tha thiết với cuộc sống, nhạy cảm và sâu lắng.

**Câu 5:**

    - Bút pháp tả cảnh của tác giả là bút pháp kết hợp giữa gợi và tả, tả cảnh ngụ tình gợi lên tâm trạng tiếc nuối, thơ thẩn, quyến luyến của chị em Thúy Kiều khi phải chia tay với hội xuân.

       + Tác giả sử dụng nhiều từ láy vừa gợi tả cảnh sắc vừa nêu bật được tình cảm, tâm trạng của chị em Thúy Kiều.

    - Trong đoạn trích có nhiều đoạn miêu tả thiên nhiên đặc sắc: cảnh ngày xuân, cảnh lễ hội trong tiết Thanh minh thông qua bút pháp tả và gợi.

**Câu 6:**

    - Hai câu thơ : Tà tà bóng ngả về tây/ Chị em thơ thẩn dan tay ra về.

    Thời gian chiều tà thường xuất hiện trong văn học gợi lên nỗi buồn, những điều ảm đạm, hiu hắt.

       + Thời gian chiều tà cũng nhuốm màu tâm trạng bần thần, thẫn thờ của chị em Kiều khi phải chia tay với hội.

       + Cảnh vật và con người cùng chìm trong tâm trạng bâng khuâng khó tả, tâm hồn của con người cũng chuyển điệu cùng tâm hồn, cảnh vật.

    - Cảnh vật như lắng dần, mọi chuyển động đi vào nhẹ nhàng, mang dáng dấp nhỏ bé, phảng phất nỗi buồn.

    - Tác giả sử dụng nhiều từ láy: nao nao, tà tà, thanh thanh không những biểu đạt được sắc thái của cỏ cây, cảnh vật lúc hoàng hôn mà còn góp phần thể hiện được tâm trạng của nhân vật.

    - Hai câu thơ cuối, gợi lên nét buồn khó hiểu, mơ hồ, mông lung khi tác giả dùng từ láy “nao nao”.

       + Bút pháp tả cảnh ngụ tình càng nhấn mạnh thêm tâm trạng tiếc nuối, buồn bã khi tan hội.

    ⇒ Cảnh vật mang cái thanh, cái dịu của mùa xuân đã nhuốm màu tâm trạng tiếc nuối, thẫn thờ của chị em Kiều khi tan hội.

**III. Đoạn trích:"Kiều ở lầu Ngưng Bích":**

**1. Vị trí đoạn trích:**

Đoạn trích nằm ở phần thứ hai **Gia biến và lưu lạc**. Sau khi bị Mã Giám Sinh lừa gạt, làm nhục, bị Tú bà mắng nhiếc, Kiều nhất quyết không chịu tiếp khách làng chơi, không chịu chấp nhận cuộc sống lầu xanh. Đau đớn, phẫn uất, tủi nhục nàng định tự vẫn. Tú bà sợ mất vốn bèn lựa lời khuyên giải, dụ dỗ Kiều. Mụ vờ chăm sóc thuốc thang, hứa hẹn khi nàng bình phục sẽ gả nàng cho người tử tế. Tú bà đưa Kiều ra sống riêng ở lầu Ngưng Bích, thực chất là giam lỏng nàng để thực hiện âm mưu mới đê tiện hơn, tàn bạo hơn.

**2. Bố cục đoạn trích** : 3 phần

+ Sáu câu đầu : hoàn cảnh cô đơn, tội nghiệp của Kiều.

+ Tám câu tiếp : nỗi thương nhớ Kim Trọng và thương nhớ cha mẹ của nàng.

+ Tám câu cuối : tâm trạng đau buồn, âu lo của Kiều thể hiện qua cách nhìn cảnh vật.

**3. Khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của đoạn trích :**

Giá trị nội dung "Kiều ở lầu Ngưng Bích": miêu tả chân thực cảnh ngộ cô đơn, buồn tủi đáng thương, nỗi nhớ người thân da diết và tấm lòng thuỷ chung, hiếu thảo vị tha của Thuý Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.

Giá trị nghệ thuật: nghệ thuật miêu tả nội tâm đặc sắc, bút pháp tả cảnh ngụ tình hay nhất trong "Truyện Kiều".

**4. Phân tích:**

**a. Hoàn cảnh và tâm trạng của Kiều thể hiện qua 6 câu thơ đầu:**

- Kiều ở lầu Ngưng Bích thực chất là bị giam lỏng (**khoá xuân**).

- Nàng trơ trợi giữa một không gian mênh mông, hoang vắng: “*bốn bề bát ngát xa trông*”. Cảnh “***non xa***”, “***trăng gần***” gợi hình ảnh lầu Ngưng Bích đơn độc, chơi vơi giữa mênh mông trời nước. Từ trên lầu cao nhìn ra chỉ thấy những dãy núi mờ xa, những cồn cát bụi bay mù mịt. Cái lầu trơ trọi ấy giam một thân phận trơ trọi, không một bóng hình thân thuộc bầu bạn, không cả bóng người.

Hình ảnh “***non xa” “trăng gần”, “cát vàng”, “bụi hồng***” có thể là cảnh thực mà cũng có thể là hình ảnh mang tính ước lệ để gợi sự mênh mông, rợn ngợp của không gian, qua đó diễn tả tâm trạng cô đơn của Kiều.

- Cụm từ “*mây sớm đèn khuya*” gợi thời gian tuần hoàn, khép kín. Tất cả như giam hãm con người, như khắc sâu thêm nỗi cô đơn khiến Kiều càng bẽ bàng, chán ngán, buồn tủi “***bẽ bàng mây sớm đèn khuya”*** sớm và khuya, ngày và đêm, Kiều “*thui thủi quê người một thân*” và dồn tới lớp lớp những nỗi niềm chua xót đau thương khiến tấm lòng Kiều như bị chia xẻ: “*Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng*”. Vì vậy, dù cảnh có đẹp đến mấy, tâm trạng Kiều cũng không thể vui được.

**b. Tâm trạng nhớ thương Kim Trọng và thương nhớ cha mẹ của Kiều qua ngôn ngữ độc thoại nội tâm:**

\* Kiều nhớ Kim Trọng trước nhớ cha mẹ sau. Theo nhiều nhà hủ nho thì như vậy là không đúng với truyền thống dân tộc, nhưng thật ra lại là rất hợp lý. Kiều bán mình cứu cha và em là đã đền đáp được một phần công lao cha mẹ, nên nàng cắn rứt khôn nguôi.

\* Cùng là nỗi nhớ nhưng cách nhớ khác nhau với những lý do khác nhau nên cách thể hiện cũng khác nhau:

+ Nhớ Kim Trọng: Kiều “tưởng” như thấy lại kỷ niệm thiêng liêng đêm thề nguyện, đính ước “*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng*”. Cái đêm ấy hình như mới ngày hôm qua. Một lần khác nàng nhớ về Kim Trọng cũng là “*Nhớ lời nguyện ước ba sinh*”. Kiều xót xa hình dung người yêu vẫn chưa biết tin nàng bán mình, vẫn ngày đêm mòn mỏi chờ trông chốn Liêu Dương xa xôi. Nàng nhớ người yêu với tâm trạng đau đớn: “*Tấm son gột rửa bao giờ cho phai*”. Có lẽ “tấm son” ấy là tấm lòng Kiều son sắt, thuỷ chung, không nguôi nhớ thương Kim Trọng. Cũng có thể là Kiều đang tủi nhục khi tấm lòng son sắt đã bị dập vùi, hoen ố, không biết bao giờ mới gột rửa cho được. Trong nỗi nhớ chàng Kim có cả nỗi đau đớn vò xé tâm can.

+ Nhớ cha mẹ: nàng thấy “***xót***” khi tưởng tượng, ở chốn quê nhà, cha mẹ nàng vẫn tựa cửa ngóng chờ tin tức người con gái yêu. Nàng xót thương da diết và day dứt khôn nguôi vì không thể “*quạt nồng ấp lạnh*”, phụng dưỡng song thân, băn khoăn không biết hai em có chăm sóc cha mẹ chu đáo hay không. Nàng tưởng tượng nơi quê nhà tất cả đã đổi thay, gốc tử đã vừa người ôm, cha mẹ ngày thêm già yếu. Cụm từ “*cách mấy nắng mưa*” vừa cho thấy sự xa cách bao mùa mưa nắng, vừa gợi được sự tàn phá của thời gian, của thiên nhiên lên con người và cảnh vật. Lần nào nhớ về cha mẹ, Kiều cũng “*nhớ ơn chín chữ cao sâu*” và luôn ân hận mình đã phụ công sinh thành, phụ công nuôi dạy của cha mẹ.

\* Nỗi nhớ thương của Kiều đã nói lên nhân cách đáng trân trọng của nàng. Hoàn cảnh của nàng lúc này thật xót xa, đau đớn. Nhưng quên đi cảnh ngộ bản thân, nàng đã hướng yêu thương vào những người thân yêu nhất. Trái tim nàng thật giàu yêu thương giàu đức hi sinh. Nàng thật sự là một người tình thuỷ chung, một người con hiếu thảo, một người có tấm lòng vị tha cao cả đáng quý.

**c. Bút pháp tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du trong 8 câu cuối “Kiều ở lầu Ngưng Bích”: Nghệ thuật tử cảnh ngụ tình:**

- Đoạn thơ này được xem là kiểu mẫu của lối thơ tả cảnh ngụ tình trong văn chương cổ điển. Để diễn tả tâm trạng Kiều – Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp tả cảnh ngụ tình “tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này” để khắc hoạ tâm trọng của Kiều lúc bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.

- Đây là 8 câu thơ thực cảnh mà cũng là tâm cảnh. Mỗi biểu hiện của cảnh đồng thời là một ẩn dụ về tâm trạng của người – mỗi một cảnh lại khơi gợi ở Kiều những nỗi buồn khác nhau, với những lý do buồn khác nhau trong khi nỗi buồn đã đầy ắp tâm trạng để rồi tình buồn lại tác động vào cảnh, khiến cảnh mỗi lúc lại buồn hơn, nỗi buồn mỗi lúc một ghê gớm, mãnh liệt hơn.

- Cách sử dụng ngôn ngữ độc thoại, điệp ngữ. Bốn bức tranh, bốn nỗi buồn đều được tác giả khắc hoạ qua điệp từ “*buồn trông*” đứng đầu mỗi câu có nghĩa là buồn mà trông ra bốn phía, trông ngáng một cái gì mơ hồ sẽ đến làm thay đổi hiện tại, nhưng trông mà vô vọng. “Buồn trông” có cái thảng thốt lo âu, có cái xa lạ bút tầm nhìn, có cả dự cảm hãi hùng của người con gái ngây thơ lần đầu lại bước giữa cuộc đời ngang ngược. Điệp ngữ “buồn trông” kết hợp với các hình ảnh đứng sau đã diễn tả nỗi buồn với nhiều sắc độ khác nhau. Điệp ngữ lại được kết hợp với các từ láy chủ yếu là những từ láy tượng hình, dồn dập, chỉ có một từ láy tượng thanh ở câu cuối tạo nên nhịp điệu, diễn tả nỗi buồn ngày một tăng, dâng lên lớp lớp, nỗi buồn vô vọng, vô tận. Điệp ngữ tạo âm hưởng trầm buồn, trở thành điệp khúc của đoạn thơ cũng là điệp khúc của tâm trạng.

**5. Luyện đề:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

**Cho đoạn thơ sau:**

*Tưởng người dưới nguyệt chén đồng*

*Tin sương luống những rày trông mai chờ*

*Chân trời góc bể bơ vơ*

*Tấm son gột rửa bao giờ cho phai*

*Xót người tựa cửa hôm mai*

*Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ*

*Sân Lai cách mấy nắng mưa*

*Có khi gốc tử đã vừa người ôm.*

**Câu 1:** Em hãy nêu nội dung của đoạn thơ trên?

**Câu 2:** Cụm từ “tấm son” có nghĩa gì?

**Câu 3:** Nêu dụng ý nghệ thuật của tác giả khi sử dụng từ “tưởng” và “xót” trong đoạn thơ trên.

**Câu 4:** Thành ngữ nào được sử dụng trong đoạn trích trên?

**Câu 5:** Em hãy nhận xét về trình tự thương nhớ của Thúy Kiều trong đoạn trích trên. Theo em thứ tự đó có hợp lý không?

**Câu 6:** “Người tựa cửa hôm mai” được nói tới trong đoạn thơ trên là ai? Những suy nghĩ của nàng Kiều về người đó được thể hiện như thế nào?

**Câu 7:** Viết đoạn văn theo phương pháp diễn dịch nêu cảm nhận của em về tâm trạng của nhân vật Kiều trong đoạn thơ trên.

### Hướng dẫn trả lời:

**Câu 1:** Đoạn trích diễn tả nỗi nhớ thương cha mẹ và người yêu của Thúy Kiều khi nàng bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.

**Câu 2:** “Tấm son” là từ ngữ dùng để chỉ tấm lòng son sắt, thủy chung, khôn nguôi nhớ về Kim Trọng của Thúy Kiều.

Cũng có thể Kiều đang cảm thấy tủi hờn, nhục nhã khi tấm lòng son bị vùi dập, hoen ố, không biết gột rửa thế nào cho hết.

**Câu 3:**

    - Từ “tưởng” gợi lên được nỗi lòng khắc khoải, nhớ mong về người cũ tình xưa của Thúy Kiều. Trong lòng nàng luôn thường trực nỗi nhớ người yêu đau đớn, dày vò tâm can.

    - Từ “xót” tái hiện chân thực nỗi đau đớn đến đứt ruột của Kiều khi nghĩ về cha mẹ. Nàng không thể ở cạnh báo hiếu cho cha mẹ, nàng đau đớn tưởng tượng ở chốn quê nhà cha mẹ đang ngóng chờ tin tức của nàng.

**Câu 4:** Thành ngữ “quạt nồng ấp lạnh” được sử dụng nhằm nhấn mạnh nỗi đau xót dày xé tâm can của Kiều khi lo lắng nghĩ về cha mẹ. Nàng băn khoăn không biết cha mẹ có được phụng dưỡng, chăm sóc chu đáo không.

**Câu 5:** Trình tự thương nhớ của Thúy Kiều: nhớ Kim Trọng trước, sau đó nhớ cha mẹ. Theo nhiều nhà hủ nho thì như vậy là không đúng với truyền thống dân tộc, thật ra lại là rất hợp lý.

    + Kiều bán mình chuộc cha mẹ và em là đã thể hiện sự hiếu đễ của bản thân với công lao cha mẹ, nên nàng phần nào đỡ day dứt.

    + Đối với Kim Trọng, Kiều nhận thấy mình như một kẻ phụ tình, không đền đáp được tình cảm và tấm lòng của người yêu.

**Câu 6:**

“Người tựa cửa hôm mai” được nói tới trong đoạn thơ trên chính là cha mẹ Kiều.

    - Kiều cảm thấy đau đớn, xót xa khi tưởng tượng ở quê nhà, cha mẹ và nàng vẫn tựa cửa ngóng đợi tin tức về nàng.

    - Nàng xót thương, cảm thấy day dứt khi không thể “quạt nồng ấp lạnh” phụng dưỡng song thân.

**Câu 7:** Gợi ý:

Kiều một mình trơ trọi giữa một không gian mênh mông, hoang vắng thì nỗi cô đơn của Kiều càng lúc càng dâng cao, và tâm trạng thương nhớ người yêu và người thân khắc khoải, da diết.

    - Tâm trạng nhớ thương Kim Trọng: Kiều luôn day dứt vì không thể đáp lại tình cảm và tấm lòng của Kim Trọng.

       + Nỗi nhớ về cảnh thề nguyền khiến Kiều thấy thương thân tủi phận, nàng thấy lại kỉ niệm thiêng liêng trong niềm nuối tiếc.

       + Thương xót, đau đớn nghĩ rằng Kim Trọng sẽ ngóng đợi khi không thấy Kiều.

       + Tấm lòng son sắt của nàng bị vùi dập, hoen ố không biết bao giờ gột rửa cho được.

→ Nỗi nhớ chàng Kim là nỗi nhớ da diết, đau đớn tới dày xé tâm can.

    - Nỗi nhớ cha mẹ: thấy “xót” khi tưởng tượng cha mẹ vẫn ngóng đợi nàng.

       + Kiều tưởng tượng cha mẹ nơi quê nhà già yếu đi, không biết có ai chăm sóc chu đáo.

       + Mỗi khi nhớ về cha mẹ nàng luôn ân hận mình đã phụ công sinh thành, phụ công nuôi dưỡng của cha mẹ.

→ Nỗi nhớ thương của Kiều nói lên nhân cách đáng trân trọng của nàng. Hoàn cảnh của nàng thật xót xa, đau đớn. Nàng đã quên đi nỗi khổ, thực trạng của bản thân để hướng về người thân. Trái tim của nàng giàu tình yêu thương và đức hi sinh.

⇒ Kiều là người chung thủy, người con hiếu thảo, một người giàu đức hi sinh, lòng vị tha cao cả, đáng trân trọng.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

**Cho đoạn thơ sau:**

*“Xót người tựa cửa hôm mai*

*Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ*

*Sân Lai cách mấy nắng mưa*

*Có khi gốc tử đã vừa người ôm”*

(*Kiều ở lầu Ngưng Bích* – trích “Truyện Kiều” – Nguyễn Du, SGK Ngữ văn 9)

**Câu 1:** Chỉ ra một thành ngữ trong đoạn trích và giải nghĩa thành ngữ đó.

**Câu 2:** Thời gian thực tế mà Kiều xa cha mẹ mình chưa nhiều, nhưng tại sao tác giả lại viết: “*Sân Lai cách mấy nắng mưa/ Có khi gốc tử đã vừa người ôm”.*Hãy lí giải về cảm nhân này của Kiều.

**Câu 3:** Dựa vào đoạn trích trên, em hãy viết một đoạn văn theo phương pháp lập luận diễn dịch khoảng 8 – 10 câu để làm rõ tấm lòng hiếu thảo của Thúy Kiều.

Trong đoạn có sử dụng một câu cảm thán và thành phần trạng ngữ. (Gạch chân và chú thích)

**Câu 4:** Chép lại một bài ca dao em đã được học trong chương trình Ngữ văn THCS cũng thể hiện tấm lòng hiếu thảo của người con đối với cha mẹ.

### Hướng dẫn trả lời:

**Câu 1:** Thành ngữ được sử dụng trong đoạn trích là: “Quạt nồng ấp lạnh”

Ý nghĩa của thành ngữ “Quạt nồng ấp lạnh”: chỉ sự chăm sóc, phụng dượng của con cái đối với cha mẹ: Vào mùa hè, tiết trời nóng nực thì quạt cho cha mẹ ngủ, còn vào mùa đông khi trời giá lạnh thì vào nằm trước trong giường (ấp chiếu chăn) để khi cha mẹ ngủ, chỗ nằm đã ấm sẵn. Do đó, câu thơ thể hiện sự lo lắng không biết ai sẽ chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ lúc về già.

**Câu 2:** Thời gian thực tế mà Kiều xa cha mẹ mình chưa nhiều, nhưng tác giả lại viết: “*Sân Lai cách mấy nắng mưa/ Có khi gốc tử đã vừa người ôm”*để thể hiện sự lo lắng, quan tâm của Thúy Kiều đối với cha mẹ. Thời gian trôi đi thì cha mẹ sẽ thêm một già yếu mà nàng thì không thể ở bên cạnh chăm sóc, phụng dưỡng. Cụm từ “cách máy nắng mưa” đã nhấn mạnh quãng thời gian xa cách bây giờ chưa lâu nhưng đồng thời cũng gợi lên một tương lai cách trở, xa vời

**Câu 3:** Các yêu cầu cần đạt:

#### Yêu cầu về hình thức:

– Viết đúng hình thức đoạn văn (mở đoạn, thân đoạn, kết đoạn)

– Trình bày rõ ràng, mạch lạc.

– Đoạn văn có sử dụng câu cảm thán và thành phần khởi ngữ.

#### Yêu cầu về nội dung:

Làm rõ được lòng hiếu thảo của Thúy Kiều đối với cha mẹ thông qua các yếu tố:

– Mặc dù bán mình chuộc cha nhưng Kiều vẫn xót xa khi nghĩ tới cảnh cha mẹ ngày một già yếu.

– Hiểu rõ sự đau đớn, nhớ nhung con của cha mẹ, vì thế mà càng xót xa hơn khi nghĩ đến cảnh cha mẹ vì mình mà vò võ ngóng trông.

– Nàng lo lắng, xót xa vì mình không thể ở gần để ngày đêm phụng dưỡng song thân”

– Tác giả đã sử dụng những điển cố, điển tích “Sân Lai”, “gốc tử” để bộc lộ tấm lòng hiếu thảo của Kiều đối với cha mẹ. Đồng thời thể hiện lòng hiếu thảo đó xứng tầm với các tấm gương chí hiếu xưa.

**Câu 4:** Bài ca dao thể hiện tấm lòng hiếu thảo của người con đối với cha mẹ trong chương trình THCS:

*“Công cha như núi ngất trời*

*Nghĩa mẹ như nước ở ngoài biển Đông*

*Núi cao, biển rộng mênh mông*

*Cù lao chín chữ ghi lòng con ơi”*

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

*Buồn trông cửa bể chiều hôm*

*Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xăm*

*Buồn trông ngọn nước mới sa*

*Hoa trôi man mác biết là về đâu?*

*Buồn trông nội cỏ rầu rầu*

*Chân mây mặt đất một màu xanh xanh*

*Buồn trông gió cuốn mặt duềnh*

*Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi.*

**Câu 1:** Cảnh vật trong đoạn thơ được miêu tả theo những trình tự nào?

**Câu 2:** Trong đoạn trích trên điệp từ “buồn trông” có ý nghĩa gì?

**Câu 3:** Em hãy nêu tác dụng của hai câu hỏi tu từ được sử dụng trong đoạn thơ trên.

**Câu 4:** Ghi lại các từ láy có trong đoạn thơ trên và cho biết dụng ý nghệ thuật của chúng.

**Câu 5:** Em hãy so sánh hai câu thơ của Nguyễn Du: *Cỏ non xanh tận chân trời.*

Hãy chỉ ra nội dung của câu thơ đó với câu: *Buồn trông nội cỏ rầu rầu.*

**Câu 6:** Nhận xét tình cảm của tác giả đối với Thúy Kiều.

**Câu 7:** Phân tích biện pháp tả cảnh ngụ tình đặc sắc của tác giả Nguyễn Du trong đoạn trích trên bằng đoạn văn tổng phân hợp khoảng 15 câu, có sử dụng phép thế và phép lặp (gạch chân phía dưới các phép liên kết đó).

### Hướng dẫn trả lời:

**Câu 1:**

Cảnh vật trong đoạn thơ được miêu tả theo trình tự từ xa tới gần.

Từ “cửa bể chiều hôm” tới “ghế ngồi”, bốn khung cảnh khác nhau:

    + Một cánh buồm thấp thoáng nơi cửa biển.

    + Những cánh hoa lụi tàn trôi man mác trên ngọn nước mới.

    + Nơi cỏ héo úa, rầu rầu.

    + Cảnh tưởng tượng sóng quanh ghế ngồi.

→ Diễn đạt nỗi buồn dâng lên đầy ắp, càng ngày như muốn nhấn chìm Kiều trước cuộc bể dâu.

**Câu 2:**

Điệp từ “buồn trông” đứng đầu mỗi câu, khắc họa nỗi buồn trông ra bốn phía, ngóng đợi những thứ xa xôi, mơ hồ làm thay đổi hiện tại bế tắc.

    - Buồn trông cái thảng thốt, lo âu, mỗi sợ hãi của người con gái non nớt khi lạc vào cuộc đời ngang trái.

    - Cụm từ “buồn trông” kết hợp với các hình ảnh đứng sau đã diễn tả nỗi buồn với những sắc thái cao độ khác nhau.

    - Điệp ngữ lại kết hợp với các từ láy chủ yếu là từ láy tượng hình, dồn dập, tạo nhịp điệu, diễn tả nỗi buồn ngày càng dâng kín bủa vây lấy Kiều.

    - Điệp ngữ tạo nỗi buồn trầm hùng, trở thành điệp khúc của đoạn thơ cũng là điệp khúc của tâm trạng.

**Câu 3:**

Câu hỏi tu từ: “Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?”

    - Hình ảnh cánh buồm nhỏ, đơn độc giữa mênh mông sóng nước, cũng giống như tâm trạng của Kiều trong không gian thanh vắng ở hiện tại nghĩ tới tương lai mịt mù của bản thân.

       + Nàng cảm thấy lênh đênh giữa dòng đời, không biết ngày nào mới được trở về với gia đình, đoàn tụ với người thân yêu.

Câu hỏi tu từ: “Hoa trôi man mác biết là về đâu?”

Những cánh hoa trôi vô định trên mặt nước càng khiến Kiều buồn hơn, nàng nhìn thấy trong đó số phận lênh đênh, chìm nổi, bấp bênh giữa dòng đời ngang trái.

Kiều lo sợ không biết số phận của mình sẽ trôi dạt, bị vùi lấp ra sao.

**Câu 4:** Các từ láy được sử dụng trong bài: man mác, thấp thoáng, rầu rầu, xanh xanh, ầm ầm.

    - *“thấp thoáng”*: gợi tả sự nhỏ nhoi, đơn độc giữa biển nước mênh mông trong ánh sáng le lói cuối cùng của ánh mặt trời sắp tắt.

    - *“man mác”*: sự chia ly, chia cách biệt, khi Kiều càng ngày càng thấy bản thân lênh đênh, vô định, ba chìm bảy nổi ba chìm sóng nước.

    - *“xanh xanh”, “ầm ầm”*: chính là âm thanh dữ dội của cuộc đời phong ba bão táp đang đổ dồn tới đè nặng lấy tâm trạng và kiếp người nhỏ bé của Kiều.

**Câu 5:**

- Câu thơ: *Cỏ non xanh tận chân trời* là câu thơ trong đoạn trích *Cảnh ngày xuân*, diễn tả hình ảnh đẹp đẽ về sức sống của mùa xuân. Màu xanh của cỏ non ngút ngàn tới chân trời, mở ra không gian khoáng đạt, giàu sức sống.

- Câu thơ: *Buồn trông nội cỏ rầu rầu*: Nội cỏ “rầu rầu” là hình ảnh “sắc xanh héo úa” mù mịt, nhạt nhòa trải dài từ chân mây tới mặt đất, không còn cái “xanh tận chân trời” như sắc cỏ trong tiết Thanh minh khi Kiều còn trong cảnh đầm ấm.

Màu xanh của sự héo tàn gợi cho Kiều một nỗi nhàm chán ngán, vô vọng vì cuộc sống cô đơn, quạnh quẽ vô vọng vì sống cuộc sống cô quạnh và những chuỗi ngày sống vô vị tẻ nhạt không biết kéo tới bao giờ.

**Câu 6:** Tác giả xót thương trước thân phận và hoàn cảnh của Kiều. Tác giả tái hiện chân thực nỗi đau, nỗi buồn và sự tuyệt vọng của Kiều trong những ngày tháng vô định, mù mịt, không có tương lai.

Tác giả thấu hiểu cặn kẽ nỗi cô đơn, buồn tủi mà Kiều đang phải đối mặt, vì thế mà ông có thể diễn tả thông qua hình ảnh của ngoại cảnh nhưng chạm tới được dụng ý nghệ thuật của mình.

Cảnh thiên nhiên trong bài cũng chính là cái cớ để tác giả bộc lộ cảm xúc chân thật của mình.

**Câu 7:**

***\* Đoạn văn tham khảo:***

(1) Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đặc sắc trong đoạn thơ cuối bài (8 câu cuối) đã diễn tả thành công tâm trạng Thúy Kiều trong lúc bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích.

(2) Bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích, Kiều không chỉ nhớ thương da diết cha mẹ, người yêu; mà còn lo lắng, bất lực trước cảnh ngộ của mình.

(3) Nguyễn Du đã sử dụng ngôn ngữ độc thoại nội tâm kết hợp với miêu tả thiên nhiên một cách tài tình để diễn tả các cung bậc cảm xúc của Thúy Kiều.

(4) 8 câu thơ là 4 bức tranh thiên nhiên, mỗi cảnh vật là một ẩn dụ về cảnh ngộ và tâm trạng của Kiều.

(5) Điệp ngữ “Buồn trông” nhắc lại bốn lần, kết hợp với hình ảnh: *Cửa bể, con thuyền, cánh buồm, ngọn nước, hoa trôi...* gợi tả cái nhìn trông ngóng trong vô vọng của Kiều; đồng thời diễn tả nỗi buồn này càng tăng với nhiều sắc độ khác nhau như những con sóng lòng không sao chịu nổi, những nỗi buồn trùng điệp, vô tận...

(6) Cảnh ***cửa bể chiều hôm*** gợi nỗi buồn hoang vắng, cô đơn của Kiều.

(7) Hình ảnh ẩn dụ *Con thuyền* và *cánh buồm* phía xa gợi thân phận nhỏ bé, đơn độc của Kiều- con thuyền lênh đênh vô định cũng như Kiều còn lênh đênh giữa dòng đời, không biết bao giờ mới đoàn tụ cùng gia đình.

(8) Ngắm ***ngọn nước mới sa,*** Kiều chạnh nghĩ đời mình như cánh hoa trôi dạt trên dòng đời sóng gió, chẳng biết đi đâu về đâu.

(9) Cánh hoa bị ngọn nước quăng quật cũng như đời nàng trôi nổi, dập vùi.

(10) Câu hỏi tu từ cho thấy sự mất phương hướng, gợi nỗi băn khoăn, thấp thỏm. (11) Cảnh thứ ba ***nội cỏ rầu rầu*** là một cảnh khá ấn tượng, dễ gợi liên tưởng đến cảnh xuân hôm nào trong tiết thanh minh. Nhưng không phải là *cỏ non xanh tận chân trời* đầy sức sống mà là *nội cỏ rầu rầu* với sắc xanh héo úa, trải dài từ mặt đất đến sân mây.

(12) Cụm từ *chân mây mặt đất* gợi không gian rộng lớn, cho thấy Kiều trở nên nhỏ bé.

(13) Bức tranh thiên nhiên còn dữ dội và biến động: ***gió cuốn mặt duềnh:*** gió cuốn giận dữ, sóng *ầm ầm* , kêu réo khi thủy triều lên khiến Kiều có cảm giác như những con sóng kia đang bủa vây lấy **nàng**.

(14) Đó là những dự cảm về một tai họa khủng khiếp sắp giáng xuống cuộc đời Kiều.

(15) Tiếng sóng hay cũng chính là tiếng kêu tuyệt vọng của người con gái đáng thương.

(16) 8 câu cuối tiêu biểu cho bút pháp tả cảnh ngụ tình đặc sắc của Nguyễn Du, đó là cách biểu hiện *tình trong cảnh ấy, cảnh trong tình này;* là thực cảnh mà cũng là tâm cảnh.

- Phép thế: Kiều, Thúy Kiều- nàng

- Phép lặp: Nguyễn Du, Kiều, Thúy Kiều

**BÀI 5: LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA**

***Nguyễn Đình Chiểu***

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN:**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) sinh tại làng Tân Thới- phủ Tân Bình - Gia Định.  - Cuộc đời của Nguyễn Đình Chiểu có nhiều đau khổ, bất hạnh: mù loà, công danh không thành, tình duyên trắc trở, gặp buổi loạn li.  - Ông là người có nghị lực sống phi thường, không chịu gục ngã trước số phận oann nghiệt. Vẫn ngẩng cao đầu mà sống, sống có ích cho đến hơi thở cuối cùng :  + Là một thầy giáo danh tiếng vang khắp miền Lục Tỉnh.  + Là một thầy thuốc không tiếc sức cứu nhân độ thế.  + Là một nhà thơ để lại bao trang thơ bất hủ: Lục Vân Tiên, Chạy giặc, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc.  - Luôn nêu cao lòng yêu nước, tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm.  => Một nhân cách lớn khiến “kẻ thù cũng phải kính nể”.  Dù ở cương vị nào ông cũng làm việc hết mình và để lại môt tấm gương sáng cho đời.   * Sự nghiệp văn học : gồm hai đề tài chính :   + Đề tài đạo lí : *Truyện Lục Vân Tiên, Ngư tiều y thuật vấn đáp…*  + Đề tài yêu nước : *Chạy giặc, Văn tế nghĩa sĩ Cần giuộc, Văn tế Trương Định…* |
| ***Xuất xứ*** | ***Vị trí đoạn trích***: Đoạn trích nằm ở phần đầu truyện “Lục Vân Tiên”. Trên đường trở về nhà thăm cha mẹ trước khi lên kinh đô thi, gặp bọn cướp đang hoành hành, Lục Vân Tiên đã một mình làm gậy xông vào đánh tan bọn cướp, cứu Kiều Nguyệt Nga và cô hầu Kim Liên.  Khoảng đầu thập kỷ 50 của thế kỷ 19 (1850) |
| ***Thể loại*** | Truyện thơ Nôm – 2082 câu thơ lục bát.  Mang tính chất để kể nhiều hơn để đọc, để xem nên chú trọng đến hành động của nhân vật hơn là miêu tả nội tâm, tính cách nhân vật cũng được bộc lộ chủ yếu qua việc làm, lời nói, cử chỉ. |
| ***Bố cục***  2 phần | * Phần 1: 14 câu đầu: Lục Vân Tiên đánh cưps Phong Lai để cứu Kiều Nguyệt nga * Phần 2: Còn lại: Cuộc trò chuyện giữa Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga |
| ***Tóm tắt*** | Tóm tắt “ ***Truyện Lục Vân Tiên***”:  Lục Vân Tiên là con một gia đình thường dân ở quận Đông Thành. Chàng lên núi tầm sư học đạo, trở thành một con người xuất chúng: văn võ kiêm toàn.     Trên đường xuống núi về kinh ứng thí, Vân Tiên đã đánh tan bọn cướp Phong Lai, cứu được Kiều Nguyệt Nga, một thiếu nữ vóc ngọc mình vàng. Cảm công đức chàng hiệp sĩ, nàng vẽ bức hình Lục Vân Tiên luôn luôn mang theo mình.Vân Tiên ghé thăm gia đình Võ Công - người đã hứa gả con gái cho chàng. Vân Tiên gặp Hớn Minh, Vương Tử Trực (hai người bạn tốt) và Trịnh Hâm, Bùi Kiệm, 2 kẻ xấu xa. Ông Quán đã nói với 4 sĩ tử về lẽ ghét thương ở đời.     Sắp vào trường thi, Vân Tiên nhận được tin nhà. Chàng vội trở về quê chịu tang mẹ . Quá đau khổ mà lâm bệnh, hai mắt bị mù, Vân Tiên bị bọn lang băm, phù thủy, thầy bói lừa gạt lấy hết tiền; Trịnh Hâm đẩy xuống sông hãm hại. Vân Tiên được con giao long và ngư ông cứu thoát. Vân Tiên trở lại nhà Võ Công, bị hắt hủi và bị bỏ vào hang sâu cho chết. Vân Tiên được thần núi và ông Tiều cứu ra, gặp lại Hớn Minh, người bạn nghĩa hiệp. Vương Tử Trực đỗ thủ khoa, tìm đến nhà Võ Công hỏi thăm tin tức Vân Tiên. Võ Công ngỏ ý gả con gái cho Vương Tử Trực, nhưng đã bị chàng mắng nhiếc, y quá nhục mà chết.     Kiều Nguyệt Nga nghe tin Vân Tiên gặp nạn đã qua đời, nàng vô cùng thương tiếc, nguyền sẽ thủ tiết. Tên thái sư trong triều hiến kế cho nhà vua bắt đem Kiều Nguyệt Nga cống cho giặc Ô Qua. Nàng đã ôm theo bức hình Lục Vân Tiên nhảy xuống sông tự tử. Phật Bà Quan Âm đã cứu sống Kiều Nguyệt Nga; sau đó nàng lại dạt vào vườn hoa nhà họ Bùi. Bùi Công muốn nhận Kiều Nguyệt Nga làm con nuôi, nhưng Bùi Kiệm lại nằng nặc đòi lấy nàng làm vợ. Kiều Nguyệt Nga bỏ trốn, nương nhờ lão bà ở giữa rừng sâu.     Lục Vân Tiên nhờ thuốc tiên mà đôi mắt sáng lại. Chàng vội trở lại quê nhà: thăm cha, viếng mộ mẹ, thăm Kiều Công. Chàng lại đi thi, đậu Trạng nguyên; vua sai đi dẹp giặc Ô Qua. Trên đường chiến thắng trở về, Lục Vân Tiên bất ngờ gặp lại Kiều Nguyệt Nga, hai người mừng mừng tủi tủi.     Lục Vân Tiên trở lại triều đình, tậu hết sự tình đầu đuôi. Tên thái sư và bọn gian ác bị trừng phạt, những người nhân nghĩa được đền đáp. Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga nên vợ nên chồng, sống cuộc đời hạnh phúc, vinh hiển. |
| ***Kết cấu*** | Theo kiểu truyền thống của loại truyện phương Đông, nghĩa là theo từng chương hồi, xoay quanh cuộc đời các nhân vật chính.  ***Kiểu kết cấu ước lệ***: Người tốt thường gặp nhiều gian truân, trắc trở trên đường đời, bị kẻ xấu hãm hại nhưng vẫn được phù trợ, cưu mang để rồi cuối cùng tai qua nạn khỏi, được đền trả xứng đáng. Kẻ xấu bị trừng trị.  Với mục đích truyện truyền đạo đức thì kiểu kết cấu đó vừa phản ánh chân thực cuộc đời đầy rẫy bất công, vừa nói lên khát vọng ngàn đời của nhân dân ta: ở hiền gặp lành, cái thiện bao giờ cũng chiến thắng cái ác, chính nghĩa thắng gian tà. |
| ***Giá trị nội dung*** | \* Giá trị hiện thực: Vạch trần cái ác, cái xấu trong XH. Chửi thói gian ác, bất công, chửi những kẻ tráo trở, bội bạc, phản phúc như cha con Võ Công, chửi những kẻ bất nghĩa, bất nhân như Trịnh Hâm, Bùi Kiệm, chửi bọn người làm ăn bất lương chuyên nghề lừa bịp, bóp nặn nhân dân (bọn thầy bói, thầy pháp, bọn lang băm).  ***\* Giá trị nhân đạo***: Đề cao đạo lý làm người:  - Xem trọng tình nghĩa giữa con người với con người trong xã hội: tình cha con, mẹ con, nghĩa vợ chồng, tình bè bạn, tình yêu thương cưu mang những người gặp cơn hoạn nạn.  - Đề cao tinh thần nghĩa hiệp, sẵn sàng cứu khổ phò nguy.  - Thể hiện khát vọng của nhân dân hướng tới lẽ công bằng và những điều tốt đẹp trong cuộc đời (kết thúc có hậu của truyện; thiện thắng ác, chính nghĩa thắng gian tà).  “*Lục Vân Tiên là một tiếng chửi, một lời ca, một ước mơ*” – Hoài Thanh. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | - Lục Vân Tiên là một truyện thơ Nôm mang tính chất là một truyện kể dân gian: chú ý đến cốt truyện, còn nhân vật chủ yếu thể hiện bằng hành động hơn là miêu tả nội tâm. Nhân vật của Nguyễn Đình Chiểu còn là hoá thân cho lý tưởng hoặc thái độ yêu ghét của ông.  - Truyện mang màu sắc Nam Bộ cả về tính cách con người, cả về ngôn ngữ địa phương. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Nhân vật Lục Vân Tiên**.

- Nhân vật Lục Vân Tiên được khắc hoạ theomô típ ở truyện Nôm truyền thống: Một chàng trai khôi ngô tuấn tú, tài giỏi cứu một cô gái thoát nạn, rồi từ ân nghĩa đến tình yêu. Mô típ này thể hiện khát vọng, mong ước của nhân dân và tác giả về một xã hội có những con người tài đức, luôn sẵn sàng ra tay giúp người, giúp đời,

- Lục Vân Tiên là một nhân vật lý tưởng và mơ ước của Nguyễn Đình Chiểu. Đây là một chàng trai vừa rời trường học bước vào đời, lòng đầy hăm hở muốn lập công danh, mong thi thố tài năng cứu người, giúp đời. Tình huống đánh cướp là thử thách đầu tiên, là cơ hội hành động cho chàng.

***a. Khi đánh cướp Phong Lai :***

\* Như một vị hảo hán mang tinh thần nghĩa hiệp :

“Vân Tiên ghé lại bên đàng

Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô

Kêu rằng: “Bớ đảng hung đồ”

Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân”

- Hành động «  ghé lại bên đàng » cho thấy chàng không băn khoăn do dự khi đánh cướp phong lai nó phù hợp với tinh thần hăm hở của chàng trai trẻ vừa mới rời ghế nhà trường muốn lập công danh thi thố tài năng để giúp đời giúp người bọn cướp phong lai là một thử thách xong là một cơ hội cho chàng hành động.

- Hành động gan góc, mau lẹ «  bẻ cây làm cậu gậy » chứng tỏ chàng không màng an nguy của bản thân.

- Hành động nghĩa hiệp của Lục Vân Tiên trước hết bộc lộ tính cách anh hùng, tài năng và tấm lòng vị nghĩa của Lục Vân Tiên. Vẻ đẹp của Lục Vân Tiên là vẻ đẹp riêng của con người dũng tướng. Thấy bọn cướp hại người, kẻ khác có thể né tránh, giữ mình, còn Vân Tiên coi đó là tình huống, cơ hội đầu tiên để hành động. Chàng chỉ có một mình, trong khi bọn cướp đông người, gươm giáo đầy đủ, thanh thế lẫy lừng: “*Người đều sợ nó, có tài không đương*”. Vậy mà Vân Tiên vẫn can đảm “bẻ cây làm gậy” xông vào đánh cướp.

\* Một vị anh hùng quả cảm có võ nghệ cao cường :

Phong Laimặt đỏ phừng phừng:  
“Thằng nào dám tới lẫy lừngvào đây.  
Trước gây việc dữ tại mầy,  
Truyền quân bốn phía phủ vây bịt bùng.”  
Vân Tiên tả đột hữu xông,  
Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang.

- Nguyễn Đình Chiểu đã đặt chàng vào một trận đánh không cân sức : một bên là tướng cướp hùng hổ, hung dữ, đông đúc được trang bị đầy đủ vũ khí ; với một bên là thân cô, thế cô.

- Nghệ thuật tương phản đã được tác giả sử dụng để tô đậm sự quả cảm của Lục Vân Tiên.

- Hình ảnh của chàng trong trận đánh được miêu tả thật đẹp: “*tả đột hữu xung, khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang*”, được so sánh với hình mẫu Triệu Tử Long trong Tam quốc. Hành động của Vân Tiên chứng tỏ cái đức của con người “*vị nghĩa vong thân*”, “*cái tài của bậc anh hùng và sức mạnh bênh vực kẻ yếu, chiến thắng nhiều thế lực bạo tàn*”.

Lục Vân Tiên mang tầm vóc của người anh hùng mạnh mẽ, phi thường.

- Cuối cùng, chàng đã giành được chiến thắng vẻ vang trước tên cướp Phong Lai :

Lâu la bốn phía vỡ tan,  
Đều quăng gươm giáo tìm đàng chạy ngay.  
Phong Lai trở chẳng kịp tay,  
Bị Tiên một gậy thác rày thân vong

+ Chính nghĩa đã chiến thắng, cả một đảng cướp vơ tan, haongr sợ bỏ chạy.

+ Tướng cướp Phong Lai «  trở chẳng kịp tay » bỏ mạng dưới cây gậy của người anh hùng.

-> Sức mạnh của Lục Vân Tiên là sức mạnh kết tinh của nhân dân, của chính nghĩa nên nó chiến thắng tuyệt đối. Hành động mạnh mẽ của Vân Tiên thể hiện được khát vọng của nhân dân về một người anh hùng có sức mạnh phi thường, võ nghệ cao cường luôn bênh vực kẻ yếu, chiến thắng thế lực bạo tàn.

***b. Khi trò chuyện với Kiều nguyệt Nga :***

- Thái độ cư xử với Kiều Nguyệt Nga sau khi đánh cướp trước tiên bộc lộ tấm lòng từ tâm nhân hậu.

+ Thấy hai cô gái còn chưa hết hãi hùng, Vân Tiên “động lòng” tìm cách an ủi họ: “*Ta đã trừ dòng lâu la*” và ân cần hỏi han, cho thấy chàng rất đàng hoàng, chững chạc.

+ Lối xưng hô «  nàng- ta » cho thấy tấm lòng trân trọng mà Lục Vân Tiên dành cho Kiều Nguyệt Nga, cũng như thái độ lịch sự của một con người có học, có đọc sách thánh hiền.

- Bên cạnh đó, ta thấy, chàng là con người chính trực, hào hiệp, khiêm tốn, giản dị, trọng nghĩa khinh tài :

Vân Tiên nghe nói liền cười:  
“Làm ơn há dễ trông người trả ơn.  
Nay đà rõ đặng nguồn cơn,  
Nào ai tính thiệt so hơn làm gì.  
Nhớ câu kiến nghĩa bất vi,  
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”.

+ Khi nghe họ nói muốn được lạy tạ ơn, Vân Tiên đã gạt đi ngay, từ chối cả lời mời về thăm nhà Nguyệt Nga để cha nàng đền đáp.

+ Sự vô tư thể hiện qua tiếng cười và lời nói : “*Làm ơn há dễ trông người trả ơn*”. Dường như với Vân Tiên, làm việc nghĩa là một bổn phận, một lẽ tự nhiên của một con người chân chính: “*Nhớ câu kiến nghĩa bất vi – Làm người thế ấy cũng phi anh hùng*”. Lời Vân Tiên chắc nịch vừa để đối chứng, phê phán những kẻ tầm thường, vừa khẳng định việc mình làm là hiển nhiên, thuộc căn cốt, gốc rễ trong lẽ sống của mình.

Với những nét tính cách đó, hình ảnh Lục Vân Tiên là một hình ảnh đẹp, là hình ảnh lý tưởng mà Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm niềm tin và ước vọng của mình.

**2. Nhân vật Kiều Nguyệt Nga.**

***Với tư cách là người chịu ơn, Kiều Nguyệt Nga cũng bộc lộ nhiều nét đẹp tâm hồn:***

***a. Một cô gái thuỳ mị, nết na, có học thức :***

- Thể hiện qua những lời giới thiệu bản thân của nàng :

Thưa rằng: “Tôi Kiều Nguyệt Nga,

Con này tì tấttên là Kim Liên.  
Quê nhà ở quận Tây Xuyên,

Cha làm tri phủ ở miền Hà Khê.

- Nàng xuất thân trong một gia đình quyền quý, là tiểu thư khuê các lá ngọc cành vàng, trâm anh thế phiệt: con quan tri phủ Hà Khê.

+ Lời giới thiệu rất đầy đủ, chân thành, không khoa trương, kênh kiệu, đài các; đã đáp ứng đầy đủ những lời thăm hỏi ăn cần của Lục Vân Tiên, vừa bộc lộ chân thành niềm cảm kích, xúc động của mình.

* Thể hiện qua lối xưng hô của nàng với Lục Vân Tiên:

Trước xe quân tử tạm ngồi,  
Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa.

+ Cách xưng hô “quân tử”, “tiện thiếp” kết hợp với hành động “lạy” và “thưa”, cách nói năng văn vẻ, mực thước, khuôn phép (làm con đâu dám cãi cha, chút tôi yếu liễu đào tơ…), cách trình bày vấn đề rõ ràng, khúc triết vừa đáp ứng đầy đủ những lời thăm hỏi ân cần của Vân Tiên, vừa bộc lộ chân thành niềm cảm kích, xúc động của mình cho thấy sự khiêm nhường, thùy mị, nết na.

+ Thể hiện sự thông minh, mực thước của nàng trong lời ăn tiếng nói.

* Thể hiện qua lời chia sẻ về hành động hiếu nghĩa nàng làm:

Làm con đâu dám cãi cha,

Ví dầu ngàn dặm đàng xa cũng đành.

+ Nàng không quản đường xa, thân gái dặm trường với bao nguy hiểm bất trắc từ Tây Xuyên đến Hà Khê vì vâng theo lời cha để định bề nghi thất.

+ Nàng là người con hiếu thảo, sống đúng với khuôn phép gia đình và với lễ giáo phong kiến. Đó cũng chính là điểm gặp gỡ giữa nàng và Lục Vân Tiên.

Kiều Nguyệt Nga để lại một ấn tượng tốt đẹp: thùy mị, nết na, gia giáo, thông minh sắc sảo, có học thức.

***b. Một con người đằm thắm, ân tình, cư xử có trước có sau.***

- Qua cử chỉ, lời nói với ân nhân cứu mạng :

+ Mặc dù ý thức rất rõ về lễ giáo và hoàn cảnh của mình, song nàng vẫn định xuống xe để tạ ơn Lục vân Tiên.

+ Nàng cất lên những lời thật thiết tha «  cúi đầu trăm lạy »

- Với nàng, Vân Tiên không chỉ cứu mạng, mà còn cứu cả cuộc đời trong trắng của nàng: “*Lâm nguy chẳng gặp giải nguy – Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi*”. Nàng coi đó là ơn trọng và áy náy, băn khoăn tìm cách trả ơn dù biết rằng có đền đáp bao nhiêu cũng chưa đủ: “*Lấy chi cho phải tấm lòng cùng ngươi*”. Bởi thế, cuối cùng nàng đã tự nguyện gắn bó cuộc đời với chàng trai hào hiệp ấy, dám liều mình để giữ trọn ân tình thuỷ chung với chàng.

-> Kiều Nguyệt kết tinh cho vẻ đẹp tâm hồn của người phụ nữ truyền thống. Nàng không chỉ gia giáo, nết na, có học thức mà còn rất đằm thắm, nghĩa tình.

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

Đọc đoạn thơ sau:

“Vân Tiên nghe nói liền cười:

“Làm ơn há dễ trông người trả ơn

Nay đà rõ đặng nguồn cơn

Nào ai tính thiệt so hơn làm gì

Nhớ câu kiến nghĩa bất vi

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.”

( Ngữ văn 9 – Tập II/NXB GD )

**Câu 1:**  Đoạn thơ trên trích từ tác phẩm nào? Của ai?

**Câu 2:**  Lời của Vân Tiên được trích dẫn theo cách nào? Vì sao em biết?

**Câu 3:**  Trong đoạn thơ, Vân Tiên đã bộc lộ những phẩm chất tốt đẹp gì?

**Câu 4:**  Em hiểu nội dung 2 câu thơ sau như thế nào?

“Nhớ câu kiến nghĩa bất vi

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng.”

**Câu 5:** Có ý kiến cho rằng ngày nay hành động nghĩa hiệp như Vân Tiên có khi lại mang phiền toái vào thân. Hãy viết một văn bản ngắn (Khoảng 1 trang giấy thi) trình bày ý kiến của em về vấn đề trên.

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1:** Lục Vân Tiên – Nguyễn Đình Chiểu

**Câu 2:** Trực tiếp.

Có dấu hai chấm, gạch đầu dòng

**Câu 3:** Vô tư, hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, trọng danh dự.

**Câu 4:** Thấy việc nghĩa không làm thì không xứng đáng là người anh hùng.

**Câu 5:** Trình bày được ý kiến, quan điểm của mình về vấn đề đặt ra. Đồng ý hay không?. Tại sao?

Biết đưa ra nhận thức đúng. Lập luận chặt chẽ.

Có bố cục ba phần, hành văn trôi chảy.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

Cho hai câu thơ sau:

*"Nhớ câu kiến ngãi bất vi*

*Làm người thế ấy cũng phi anh hùng ".*

**Câu 1:**Em hãy viết đoạn văn giới thiệu về tác giả và cho biết ý nghĩa của hai câu thơ trên?

**Câu 2:** Qua đoạn trích *"Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga"*, ta thấy nhà thơ đã gửi gắm quan niệm về người anh thông qua nhân vật Lục Vân Tiên. Hãy viết một đoạn văn (một trang giấy) trình bày suy nghĩ của em về người anh hùng trong thời đại ngày nay.

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1:**

**a- Mở đoạn**: giới thiệu khái quát về Nguyễn Đình Chiểu , và hai câu thơ.

**b - Thân đoạn**:

\* Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ lớn cuả dân tộc, mãi mãi xứng đáng là ngôi sao sáng trên bầu trời văn nghệ Việt Nam thế kỷ XI X , để lại cho đời nhiều tác phẩm văn chương có giá trị, nhất là truyện Lục Vân Tiên ...

- Lục Vân Tiên là người anh hùng lý tưởng của nhà thơ mù yêu nước. Chiến công đánh cướp của chàng mãi là bài ca hùng tráng của người anh hùng trong xã hội loạn lạc .Vân Tiên đã thể hiện một cách ứng xử vô cùng cao thượng và hào hiệp. Người đẹp băn khoăn về chuyện" báo đức thù công " thì Vân Tiên 'liền cười " rồi đĩnh đạc nói :

"Nhớ câu kiến ngãi bất vi,

Làm người thế ấy cũng phi anh hùng ".

\* Ý nghĩa của hai câu thơ :

Hai câu thơ tác giả thể hiện một quan niệm đạo lý người anh hùng là người sẵn sàng làm việc nghĩa một cách vô tư, không tính toán làm việc nghĩa là bổn phận, là lẽ tự nhiên. Đó là cách cư xử mang tinh thần nghĩa hiệp của các bậc anh hùng hảo hán .

**c-Kết đoạn**: Nguyễn Đình Chiểu đã đề cao tinh thần nhân nghĩa , ca ngợi lý tưởng anh hùng vị nghĩa cao đẹp. Quan niệm đó gắn với đạo lý làm người, hướng về nhân dân. Đó là bài học sâu sắc nhất mà ta cảm nhận được...

**Câu 2:**

- *Giải thích khái niệm người anh hùng:* là người thấy hoạn nạn sẵn sàng cứu giúp vô tư đem lại điều tốt đẹp cho mọi người; người anh hùng phải là người hành động vì chính nghĩa, vì lẽ phải, vì lẽ công bằng.

- *Chỉ ra các biểu hiện*: bênh vực, che chở cho những người yếu đuối, không có khả năng tự vệ (cứu người bị nạn trong trường hợp nguy cấp: đuối nước, hỏa hoạn, bị tấn công...); dám đứng lên bảo vệ lẽ công bằng, quyền lợi chính đáng của mọi người, của tập thể, của một cá nhân bị xâm phạm...; đấu tranh chống lại những cái xấu xa, tội lỗi, những hiện tượng tiêu cực (đấu tranh chống tội phạm, tham ô, lãng phí...)

- *Ý nghĩa*: Luôn được mọi người yêu mến, tôn trọng, khâm phục; mang lại niềm vui, hạnh phúc cho con người; làm cho đất nước phát triển và xã hội tốt đẹp hơn...

- *Bàn luận nâng cao*: Bên cạnh đó, vẫn có những kẻ hèn nhát, không dám đấu tranh chống lại những hiện tượng tiêu cực vì sợ trả thù, sợ ảnh hưởng đến quyền lợi của cá nhân,... => làm ảnh hưởng đến sự phát triển của xã hội...

- *Biện pháp phát huy*: Giáo dục lối sống lành mạnh, tinh thần dũng cảm, biểu dương những tấm gương, những việc làm cao thượng vì lợi ích của cộng đồng, của con người...

- *Liên hệ bản thân*: Cần rèn luyện tinh thần vượt khó vươn lên, tích cực đấu tranh với những thói quen xấu của bản thân, biết quan tâm, chia sẻ, yêu thương mọi người, dám nhận và sửa chữa những lỗi lầm của mình...

**CHUYÊN ĐỀ 4: ÔN TẬP VĂN BẢN NHẬT DỤNG**

BÀI 1: BÀN VỀ ĐỌC SÁCH

**(*Trích* - Chu Quang Tiềm)**

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Chu Quang Tiềm (1897-1986) là nhà mĩ học, lí luận văn học hiện đại Trung Quốc, bút danh Mạnh Tực, Mạnh Thạch, người Đông Thành, tỉnh An Huy.  - Ông là nhà văn hóa lớn, có hcoj vấn uyên thâm và là tác giả của nhiều bài chính luận nổi tiếng.  - Tác phẩm tiêu biểu của Chu Quang Tiềm là *Tâm lí học văn nghệ* (Văn nghệ tâm lí), và *Bàn về thơ* (Thi luận). |
| ***Xuất xứ*** | *“ Bàn về đọc sách”* trích trong cuốn *“ Danh nhân Trung Quốc bàn về niềm vui nỗi buồn của việc đọc sách”-* Bắc Kinh, 1995 |
| ***Bố cục***  3 phần | - Phần 1: Từ đầu đến “ nhằm phát hiện thế giới mới”: Tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách  - Phần 2: Tiếp theo đến “ Tự tiêu hao lực lượng”: Những khó khăn và thiên hướng sai lệch của việc đọc sách hiện nay.  - Phần 3: Còn lại: Bàn về các phương pháp chọn sách và đcọ sách |
| ***Phương thức biểu đạt*** | Nghị luận |
| ***Giá trị nội dung*** | Đọc sách là con đường quan trọng để tích lũy, nâng cao học vấn. Ngày nay sách nhiều, phải biết chọn sách mà đọc. Phải biết cách đọc để đạt hiệu quả cao. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | - Bố cục chặt chẽ, hợp lí.  - Dẫn dắt tự nhiên, xác đáng bằng giọng chuyện trò, tâm tình của một học giả có uy tín đã làm tăng tính thuyết phục của văn bản.  - Lựa chọn ngôn ngữ giàu hình ảnh với những cách ví von cụ thể và thú vị |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Tầm quan trọng và ý nghĩa của việc đọc sách:**

***a) Tầm quan trọng của việc đọc sách:***

- Sách đã cô đúc, ghi chép và lưu truyền mọi tri thức, mọi thành tựu mà loài người đã tìm ra, tích lũy qua từng thời đại.

- Sách là kho tàng quí báu của di sản tinh thần mà loài người thu lượm, suy ngẫm suốt mấy ngàn năm.

- Những cuốn sách có giá trị được coi là cột mốc trên con đường phát triển học tập nhân loại.

***b) Ý nghĩa của việc đọc sách:***

- Đọc sách là con đường quan trọng của học vấn- con đường tích lũy và nâng cao tri thức.

- Đọc sách là sự chuẩn bị để làm cuộc trường chinh vạn dặm trên con đường học vấn, nhằm phát hiện thế giới mới.

→ Đọc sách có ý nghĩa lớn lao, lâu dài đối với con người. Dù văn hóa nghe, nhìn và thực tế cuộc sống hiện nay đang là những con đường học vấn khác nhau nhưng không bao giờ có thể thay thế được cho việc đọc sách.

**2. Những khó khăn, thiên hướng sai lệch dễ mắc phải của việc đọc sách trong tình trạng hiện nay:**

- Sách nhiều khiến người ta không chuyên sâu, dễ sa vào lối ăn tươi, nuốt sống.

+ Tác giả đã so sánh cách đọc sách của người xưa và học giả ngày nay. Đó là đọc kỹ, nghiền ngẫm, đọc ít mà tinh còn hơn đọc nhiều mà rối.

+ Còn lối đọc của ngày nay không chỉ vô bổ mà còn lãng phí thời gian công sức, thậm chí còn có hại.

→ Cách so sánh đọc sách với ăn uống vô tội vạ đã đem đến cho lời bàn thật trí lí sâu sắc. Sách nhiều khiến người ta khó chọn lựa, dẫn đến lãng phí thời gian và sức lực với những cuốn sách không có ích. tác giả đã so sánh việc đọc sách với việc đánh trận, làm tự tiêu hao lực lượng của mình. Đây là cách so sánh khá mới mà vẫn quen thuộc và lí thú.

**3. Bàn về phương pháp chọn sách và đọc sách:**

***a) Cách chọn sách:***

Chọn cho tinh, không cốt lấy nhiều. Đọc nhiều không thể coi là vinh sự, nếu nhiều mà rối. Đọc ít không thể coi là xấu hổ, nếu ít mà kỹ. Tìm đọc những cuốn sách thật sự có giá trị và có ích cho bản thân. Chọn sách phải có mục đích, có định hướng rõ ràng, không nhất thời tùy hứng. Chọn sách nên hướng vào hai loại: Kiến thức phổ thông. Kiến thức chuyên sâu.

***b) Phương pháp đọc sách:***

Đọc cho kỹ, đọc đi, đọc lại nhiều lần cho đến thuộc lòng. Đọc với sự say mê, ngẫm nghĩ sâu xa, trầm ngâm tích lũy và kiên định mục đích. Đọc có kế hoạch, hệ thống, không đọc tràn lan. Đọc về kiến thức phổ thông và kiến thức chuyên sâu. Đọc sách không chỉ là việc tích lũy tri thức mà còn là việc rèn luyện tư cách, chuyện học làm người, rèn đức tính kiên trì, nhẫn nại. → Để nêu bật việc đọc sách hời hợt, tác giả so sánh với việc cưỡi ngựa qua chợ như “trọc phú khoe của”… Cách đọc ấy thể hiện phẩm chất tầm thường, thấp kém…

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:

*“ Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tỉnh, đọc cho kĩ. Nếu đọc được 10 quyền sách không quan trọng, không bằng đem thời gian, sức lực đọc 10 quyển ấy mà đọc một quyển thật sự có giá trị. Nếu đọc được 10 quyển sách mà chỉ lướt qua, không bằng chỉ lấy một quyển mà đọc 10 lần”.*

(Bàn về đọc sách – Chu Quang Tiềm)

**Câu 1:** Nêu chủ để của văn bản *Bàn về đọc sách*. Đoạn trích trên đề cập đến khía cạnh nào của chủ đề.

**Câu 2:** Vì sao tác giả cho rằng: "Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ"

**Câu 3:** Hãy viết một đoạn văn (khoảng ½ trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng nhiều học sinh chỉ thích đọc truyện tranh.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:**

- Chủ đề văn bản: Bàn về sự cần thiết của việc đọc sách và phương pháp đọc sách.

- Đoạn văn đề cập đến phương pháp đọc sách (cách đọc sách)

**Câu 2:** Vì:

- Nếu không chọn cho tinh, dễ bị chạy theo số lượng, đọc mà không hiểu được bao nhiêu; đồng thời lãng phí thời gian và sức lực trên những cuốn sách "vô thưởng vô phạt".

- Đọc ít mà đọc kĩ thì sẽ tập thành "nếp suy nghĩ sâu xa, trầm ngâm tích lũy..." học vấn mới được nâng cao.

**Câu 3:** Học sinh phải đảm bảo những yêu cầu về:

- Nội dung: nêu rõ hiện tượng; bày tỏ suy nghĩ về hậu quả và nguyên nhân của hiện tượng; đề xuất một vài giải pháp thiết thực để nâng cao nhận thức của học sinh về sách và có phương pháp đọc sách hiệu quả.

- Hình thức: là một đoạn văn nghị luận, có kết hợp các phương thức biểu đạt, diễn đạt sinh động, độ dài theo quy định...

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

***Em hãy đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi dưới đây***:

*.....Đọc sách không cốt lấy nhiều, quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ. Nếu đọc được 10 quyển sách không quan trọng, không bằng đem thời gian, sức lực đọc 10 quyển ấy mà đọc một quyển thật sự có giá trị. Nếu đọc được mười quyển sách mà chỉ lướt qua, không bằng chỉ lấy một quyển mà đọc mười lần. “Sách cũ trăm lần xem chẳng chán – Thuộc lòng, ngẫm kĩ một mình hay”, hai câu thơ đó đáng làm lời răn cho mỗi người đọc sách. Đọc sách vốn có ích riêng cho mình, đọc nhiều không thể coi là vinh dự, đọc ít cũng không phải là xấu hổ. Đọc ít mà đọc kĩ, thì sẽ tập thành nếp suy nghĩ sâu xa, trầm ngâm tích luỹ, tưởng tượng tự do đến mức làm đổi thay khí chất; đọc nhiều mà không chịu nghĩ sâu, như cưỡi ngựa qua chợ, tuy châu báu phơi đầy, chỉ tổ làm cho mắt hoa ý loạn, tay không mà về. Thế gian có biết bao người đọc sách chỉ để trang trí bộ mặt, như kẻ trọc phú khoe của, chỉ biết lấy nhiều làm quý. Đối với việc học tập, cách đó chỉ là lừa mình dối người, đối với việc làm người thì cách đó thể hiện phẩm chất tầm thường thấp kém…*

**Câu 1:** Đoạn văn trích trong văn bản nào? Của ai?

**Câu 2:** Phương thức biểu đạt chủ yếu của đoạn văn là gì? Xác định nội dung chính của đoạn văn?

**Câu 3:** Giải thích câu: *“Sách cũ trăm lần xem chẳng chán – Thuộc lòng, ngẫm kĩ một mình hay”*

**Câu 4:** Chỉ ra biện pháp nghệ thuật so sánh và nêu tác dụng.

### *Câu 5: Viết đoạn văn theo cách diễn dịch trình bày về văn hóa đọc sách của thế hệ học sinh hôm nay.*

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** Đoạn văn được trích trong văn bản Bàn về đọc sách. Tác giả: Chu Quang Tiềm.

**Câu 2:**

- Phương thức biểu đạt chủ yếu: nghị luận

- Nội dung chính của đoạn văn: Bàn về cách đọc sách

**Câu 3:** *“Sách cũ trăm lần xem chẳng chán – Thuộc lòng, ngẫm kĩ một mình hay”*

Câu thơ nói về phương pháp đọc sách: Khi đọc, cần đọc cho kĩ, say mê. Điều đó sẽ giúp ta phát hiện cái hay, cái đẹp trong nội dung cuốn sách- mà nếu đọc một lần, đọc lướt sẽ không thể nào nhận biết được hết.

**Câu 4:**

- Phép so sánh: *Nếu đọc được 10 quyển sách không quan trọng, không bằng đem thời gian, sức lực đọc 10 quyển ấy mà đọc một quyển thật sự có giá trị. Nếu đọc được mười quyển sách mà chỉ lướt qua, không bằng chỉ lấy một quyển mà đọc mười lần.*

- Tác dụng: đề cao việc đọc kĩ để phát hiện ra nội dung, ý nghĩa sâu xa của quyển sách, dù đọc ít nhưng đọc kĩ sẽ tích lũy được nhiều kiến thức hơn là đọc nhiều nhưng không chú tâm, đọc lướt.

**Câu 5:**

**\* Mở đoạn:** Dẫn dắt, nêu vấn đề nghị luận: bàn về văn hóa đọc của giới trẻ hiện nay.

**\* Thân đoạn:**

- Biểu hiện, hiện trạng của vấn đề:

+ Giới trẻ hiện nay có vẻ thờ ơ với việc đọc sách, chưa có thói quen đọc sách.

+ Một số ít đọc theo phong trào

+ Chưa có sự lựa chọn, chưa có mục đích đúng đắn

-> Việc đọc trở nên chưa thật sự có ích

+ Một số lựa chọn ”sách đen” để đọc → tiêm nhiễm vào đầu óc những tư tưởng thiếu trong sáng, lành mạnh

+ Nhiều người cho rằng đọc sách thời nay là lạc hậu vì ở thời đại thông tin phát triển như vũ bão hiện nay, lên mạng đọc nhanh và dễ hơn → không mặn mà với sách

- Nguyên nhân:

+ Chủ quan:

Nhận thức đúng đắn ý nghĩa, vai trò của việc đọc sách

Đọc sách không chỉ là phương tiện để giải trí, không chỉ là con đường tiếp cận tri thức mà còn để tăng khả năng tư duy mở rộng tâm hồn, để hiểu mình, hiểu người, có kĩ năng sống tốt…

+ Khách quan:

Người Việt chưa có nhiều hành động để hình thành thói quen đọc sách

Sự bùng nổ mạnh mẽ của công nghệ thông tin, các kênh truyền hình có đầy ắp phim ảnh, thông tin đầy mạng xã hội

Sự nhộn nhịp của quán xá với bao trò chơi giải trí lôi cuốn làm người ta không có thời gian để ý đến việc đọc sách

- Tác hại:

+ Không chăm đọc sách là bỏ quên một hình thức thư giãn, giải trí bổ ích.

+ Không đọc sách là đánh mất cơ hội mở rộng vốn hiểu biết, mất cơ hội tăng cường khả năng khả năng tư duy, mở rộng tâm hồn, kĩ năng sống

- Giải pháp

+ Cần nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa của việc đọc sách để hình thành thói quen đọc sách

+ Bộ văn hóa và thông tin cần có nhiều hoạt động để tạo điều kiện cho thanh niên đến với việc đọc sách nhiều hơn mở tủ sách miễn phí ở nhiều nơi

Tổ chức ngày hội sách để giới thiệu những cuốn sách hay

Giảm giá các sách

Đưa phong trào đọc sách trở thành phong trào đọc sách

**\* Kết đoạn:**

- Vai trò, ý nghĩa, bài học: Đọc sách chính là chiếc chìa khóa vạn năng để mở cửa lâu đài trí tuệ và tâm hồn con người. Sách là người thầy thắp sáng trong ta nguồn tri thức vô biên, dạy ta biết sống đẹp, sống có ý nghĩa trong cuộc đời. Hãy biết yêu sách, chăm đọc sách và phát huy những giá trị từ sách để sách mãi là người bạn thân thiết của chúng ta!

***\* Đoạn văn tham khảo:***

***(1) Đọc sách là con đường quan trọng của học vấn, nhưng việc đọc sách của giới trẻ hiện nay còn nhiều điều đáng phải bàn.***

(2) Nhiều bạn trẻ có vẻ thờ ơ với việc đọc sách, chưa có thói quen đọc sách.

(3) Một số ít đọc theo phong trào, chưa có sự lựa chọn, chưa có mục đích đúng đắn.

(4) Nhiều người cho rằng đọc sách thời nay là lạc hậu vì ở thời đại thông tin phát triển như vũ bão hiện nay, lên mạng đọc nhanh và dễ hơn cho nên họ không mặn mà với sách.

(5) Có nhiều nguyên nhân dẫn đến các bạn trẻ ngày nay ngại đọc sách.

(6) Có nguyên nhân chủ quan: do nhận thức chưa đúng đắn ý nghĩa, vai trò của việc đọc sách: đọc sách không chỉ là phương tiện để giải trí, không chỉ là con đường tiếp cận tri thức mà còn để tăng khả năng tư duy mở rộng tâm hồn, để hiểu mình, hiểu người, có kĩ năng sống tốt…

(7) Có nguyên nhân khách quan: Người Việt chưa có nhiều hành động để hình thành thói quen đọc sách; sự bùng nổ mạnh mẽ của công nghệ thông tin, các kênh truyền hình có đầy ắp phim ảnh, thông tin đầy mạng xã hội; sự nhộn nhịp của quán xá với bao trò chơi giải trí lôi cuốn làm người ta không có thời gian để ý đến việc đọc sách

(8) Họ không biết được những tác hại do việc không đoc sách mang đến: không chăm đọc sách là bỏ quên một hình thức thư giãn, giải trí bổ ích; không đọc sách là đánh mất cơ hội mở rộng vốn hiểu biết, mất cơ hội tăng cường khả năng khả năng tư duy, mở rộng tâm hồn, kĩ năng sống…

(9) Cho nên, mỗi chúng ta cần nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa của việc đọc sách để hình thành thói quen đọc sách.

(10) Đọc sách chính là chiếc chìa khóa vạn năng để mở cửa lâu đài trí tuệ và tâm hồn con người.

(11) Sách là người thầy thắp sáng trong ta nguồn tri thức vô biên, dạy ta biết sống đẹp, sống có ý nghĩa trong cuộc đời.

(12) Hãy biết yêu sách, chăm đọc sách và phát huy những giá trị từ sách để sách mãi là người bạn thân thiết của chúng ta!

BÀI 2: TIẾNG NÓI CỦA VĂN NGHỆ

**(Nguyễn Đình Thi)**

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Nguyễn Đình Thi (1924-2003), quê ở Hà Nội.  - "Là người nghệ sĩ đa tài, Nguyễn Đình Thi sáng tác nhiều thể loại: thơ, nhạc, văn xuôi, kịch, tiểu luận phê bình và ở thể loại nào cũng có những đóng góp đáng ghi nhận.  - Trước cách mạng: ông là thành viên của tổ chức Văn hóa- cứu quốc  - Sau cách mạng: Ông được bầu làm Tỏng thư kí hội văn hóa cứu quốc; từ năm 1958-1989, ông làm Tổng thư kí Hội Nhà văn Việt Nam; từ năm 1995 ông là Chủ tịch Ủy bạn toàn quốc liên hiệp các hội văn học nghệ thuật.  - Tác phẩm đã xuất bản: *Xung kích* (tiểu thuyết, 1951); *Thu đông năm nay* (truyện, 1954); *Người chiến sĩ* (thơ, 1956, 1958); *Mấy vấn đề Văn học* (tiểu luận, 1956 - 1958); *Bên bờ sông Lô* (truyện ngắn, 1957); *Một số vấn đề đấu tranh tư tưởng trong Văn nghệ hiện nay* (tiểu luận, 1957); *Bài thơ Hắc Hải* (thơ, 1959 - 1961); *Con nai đen* (kịch, 1961); *Cái tết của mèo con* (truyện thiếu nhi, 1961); *Vỡ bờ*, tập I (tiểu thuyết, 1962, 1970); *Công việc của người viết tiểu thuyết* (tiểu luận, 1964); *Vào lửa* (tiểu thuyết, 1966); *Mặt trận trên cao* (tiểu thuyết, 1967); *Vỡ bờ* (tập II, tiểu thuyết, 1970); *Dòng sông trong xanh* (thơ, 1974); *Hoa và Ngần* (kịch, 1975); *Tia nắng* (thơ, 1983); *Giấc mơ* (kịch, 1983); *Tiếng sóng* (kịch, 1985); *Hòn cuội* (kịch, 1987).  - Nhà văn đã được nhận: Giải nhì truyện và ký sự giải thưởng Văn nghệ 1951-1952 của Hội Văn nghệ Việt Nam (*Xung kích*, tiểu thuyết) - Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật (1996). |
| ***Xuất xứ*** | Tiểu luận *Tiếng nói của văn nghệ* được Nguyễn Đình Thi viết năm 1948, in trong cuốn *Mấy vấn đề văn học* (lí luận phê bình, xuất bản năm 1956), có nội dung lí luận sâu sắc, được thể hiện qua những rung cảm chân thành của một trái tim nghệ sĩ. |
| ***PTBĐ*** | Nghị luận |
| ***Bố cục***  3 phần | - Phần 1: Từ đầu đến “ của tâm hồn”: Nội dung phản ánh của văn nghệ.  - Phần 2: Tiếp theo đến “ Tiếng nói của tình cảm”: Vai trò, ý nghĩa của văn nghệ đối với đời sống con người.  - Phần 3: Còn lại: Con đường đến với văn nghệ và sức mạnh diệu kì của nó. |
| ***Giá trị nội dung*** | - Văn nghệ không chỉ phản ánh thực tại khách quan mà còn là nhận thức mới mẻ, là tư tưởng, tình cảm của cá nhân nghệ sĩ.  - Tiếng nói của văn nghệ rất cần thiết với cuộc sống của con người, nhất là trong hoàn cảnh những năm đầu kháng chiến.  - Văn nghệ có khả năng cảm hoá, có sức lôi cuốn thật kì diệu bởi đó là tiếng nói của tình cảm, tác động tới con người qua những rung cảm sâu xa. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | - Bài viết có bố cục khá chặt chẽ, được thể hiện qua hệ thống luận điểm lô gíc, mạch lạc. Giữa các luận điểm vừa có sự tiếp nối tự nhiên vừa bổ sung, giải thích cho nhau.  - Cách viết giàu hình ảnh, ví von, cụ thể, sinh động. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Nội dung phản ánh hiện thực của văn nghệ.**

- Là thực tại khách quan và nhận thức mới mẻ.

- Văn nghệ phản ánh hiện thực cuộc sống nhưng văn nghệ không chỉ phản ánh khách quan cái hiện thực ấy mà còn biểu hiện cái chủ quan của người sáng tác – qua lăng kính của tác giả.

- "Anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần mình góp vào đời sống chung quanh". Để làm nổi bật luận điểm này, tác giả đã đưa ra 2 dẫn chứng:

+ Hai câu thơ tả cảnh mùa xuân tươi đẹp trong "Truyện Kiều" của Nguyễn Du – đây không chỉ là tả cảnh mùa xuân mà còn là sự rung động của Nguyễn Du trước cảnh mùa xuân đem đến cho người đọc sự sống, tuổi trẻ…

+ Cái chết của nhân vật An-na Ca-rê-nhi-na khiến người đọc bâng khuâng, thương cảm.

→ Người đọc đã nhận ra được tư tưởng, tình cảm của người nghệ sĩ gửi vào cái hiện thực cuộc sống ấy. Chính lời nhắn gửi toát lên từ hiệnthực khách quan được biểu hiện trong tác phẩm đã đem đến cho người đọc một nhậnthức mới mẻ.

⇒ phép lập luận phân tích cùng với những dẫn chứng tiêu biểu cụ thể, Nguyễn Đình Thi cho thấy: nội dung văn nghệ là phản ánh hiện thực. Hiện thực ấy mang tính hình tượng cụ thể, sinh động, là đời sống, tư tưởng, tình cảm của con người thông qua cái nhìn và tình cảm của người nghệ sĩ.

**2. Vai trò, ý nghĩa của văn nghệ đối với đời sống con người.**

- Văn nghệ giúp cho con người có cuộc sống đầy đủ hơn, cảm thấy cuộc đời đẹp hơn và có ý nghĩa hơn:

+ Văn nghệ giúp con người tự nhận thức chính bản thân mình, giúp ta sống đầy đủ, phong phú hơn cuộc sống của chính mình.

+ Trong những trường hợp con người bị ngăn cách giữa cuộc sống, tiếng nói của văn nghệ là sợi dây buộc chặt họ với cuộc đời thường bên ngoài với tất cả những sự sống, hành động vui buồn, gần gũi.

+ Văn nghệ góp phần làm tươi mát sinh hoạt khắc khổ hằng ngày, giữ cho đời vẫn tươi. Tác phẩm văn nghệ giúp cho con người vui lên, biết rung động và ước mơ trong cuộc đời còn vất vả, cực nhọc.

+ Đem tới cả thời đại cách sống tâm hồn.

⇒ Văn nghệ rất cần thiết đối với cuộc sống của mỗi người chúng ta.

**3. Con đường đến với văn nghệ và sức mạnh diệu kì của nó.**

- Nghệ thuật là tiếng nói của tình cảm.

- Chỗ đứng của văn nghệ chính là chỗ giao nhau giữa tâm hồn con người với cuộc sống sản xuất, chiến đấu; là ở tình yêu ghét, nỗi buồn vui trong đời sống tự nhiên với đời sống xã hội.

- Nghệ thuật là tư tưởng nhưng là tư tưởng đã được nghệ thuật hóa – tư tưởng cụ thể sinh động, lắng sâu, kín đáo chứ không lộ liễu, khô khan, áp đặt.

⇒ Tác phẩm văn nghệ lay động cảm xúc, đi vào nhận thức, tâm hồn người đọc bằng con đường tình cảm. Qua tác phẩm văn nghệ, chúng ta sống cùng cuộc sống được miêu tả trong đó, được yêu ghét, buồn vui đợi chờ, cùng với các nhân vật và người nghệ sĩ.

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

Cho đoạn văn sau:

*“Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại những cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ. Anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình góp vào đời sống chung quanh.”*

*(Ngữ văn 9 - Tập 2)*

**Câu 1:**Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? Ai là tác giả?

**Câu 2:**Chỉ rõ những phép liên kết trong đoạn trích.

**Câu 3:**Câu văn “*Anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình góp vào đời sống chung quanh.”* là câu đơn hay câu ghép?

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** Tiếng nói của văn nghệ, Nguyễn Đình Thi.

**Câu 2:**

**-** Phép thế (anh - nghệ sĩ; cái đã có rồi – những vật liệu mượn ở thực tại)

* Phép lặp (tác phẩm)
* Phép nối (nhưng)
* Phép liên tưởng (nghệ thuật - nghệ sĩ - tác phẩm)

**Câu 3:**Câu ghép

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

**Đọc đoạn văn bản sau và trả lời câu hỏi:**

*“Chúng ta nhận của những nghệ sĩ vĩ đại ấy không những là mấy học thuyết luân lí, triết học, mà là tất cả những say sưa, vui buồn, yêu ghét, mơ mộng, phấn khích và biết bao tư tưởng của từng câu thơ, từng trang sách, bao nhiêu hình ảnh đẹp đẽ mà đáng lẽ chúng ta không nhận được hàng ngày chung quanh ta ,một ánh nắng, một lá cỏ, một tiếng chim, bao nhiêu bộ mặt con ngưòi trước kia ta chưa nhìn thấy, bao nhiêu vẻ mới mẻ, bao nhiêu vấn đề mà ta ngạc nhiên tìm ra ngay trong tâm hồn chúng ta nữa...”*

**Câu 1:** Đoạn trích trên năm trong văn bản nào? Ai là tác giả của bài viết đó?

**Câu 2:** Phương thức biểu đạt chính được sử dụng trong đoạn văn trên ?

**Câu 3 :** Câu văn trên nói về nội dung gì ?

**Câu 4:** Đặc điểm của câu văn trên là ? Tác dụng của cách đặt câu đó như thế nào ?

**Câu 5**: Các tổ hợp từ : “một ánh nắng, một lá cỏ, một tiếng chim” được gọi là ?

**Câu 6.**

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** Đoạn trích trên năm trong văn bản “Tiếng nói của văn nghệ”- Nguyễn Đình Thi

**Câu 2:** nghị luận.

**Câu 3 :** Câu văn trên nói về nội dung: Tác phẩm văn nghệ mang đến cho người đọc hiểu biết rung động mới mẻ .

**Câu 4:**

**-** Đặc điểm của câu văn trên là: câu dài, dùng phép liệt kê, giàu hình ảnh.

- Tác dụng: thể hiện cảm xúc tuôn trào của người viết.

**Câu 5:** Các tổ hợp từ : “một ánh nắng ,một lá cỏ, một tiếng chim” được gọi là cụm danh từ.

BÀI 3: CHUẨN BỊ HÀNH TRANG VÀO THẾ KỈ MỚI

***(Vũ Khoan)***

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Tác giả Vũ Khoan sinh năm 1937, quê huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây.  - Ông là nhà hoạt động chính trị, từng làm Thứ trưởng Bộ ngoại giao, Bộ trưởng Bộ thương mại là Phó Thủ tướng Chính phủ. |
| ***Xuất xứ*** | - Văn bản “ Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới” được đăng trên tạp chí Tia sang năm 2001. Bài viết ra đời trong những năm đầu của thế kỉ XXI, đó là thời điểm quan trọng trên con đường phát triển và hội nhập thế giới.  - Bài viết in trong tập “ Một góc nhìn của tri thức” năm 2002 |
| ***Phương thức biểu đạt*** | Nghị luận |
| ***Bố cục***  3 phần | - Phần 1: Từ đầu đến “ thiên niên kỉ mới”: Vai trò của con người trong hành trang bước vào thế kỉ mới.  - Phần 2: Tiếp theo đến “ kinh doanh và hội nhập”: Những mục tiêu, nhiệm vụ nặng nề của đất nước trong bối cảnh mới.  - Phần 3: Còn lại: Những điểm mạnh và điểm yếu của con người Việt Nam. |
| ***Giá trị nội dung*** | Văn bản “ Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới” là lời nhắc nhở cho thế hệ trẻ Việt Nam cần thấy được những điểm mạnh, khắc phục những điểm yếu của bản than, rèn luyện cho mình những đức tính, thói quen tốt để đáp ứng nhiệm vụ đưa đất nước trở thành nước công ghiệp hóa, hiện đại hóa. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | - Cách nói giản dị, trực tiếp, dễ hiểu  - Hệ thống luận điểm, luận cứ chặt chẽ, có tính định hướng. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Vai trò của con người trong hành trang bước vào thế kỉ mới.**

- Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển lịch sử.

- Trong thời kì kinh tế tri thức thì vai trò của con người lại càng nổi trội.

**2. Những mục tiêu, nhiệm vụ nặng nề của đất nước trong bối cảnh mới.**

- Khoa học, công nghệ phát triển như huyền thoại, sự giao thoa, hội nhập giữa các nền kinh tế ngày càng sâu rộng.

- Nhiệm vụ và mục tiêu của đất nước ta:

+ Thoát khỏi nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu.

+ Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

+ Tiếp cận nền kinh tế tri thức.

**3. Những điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam:**

- Thông minh, nhạy bén với cái mới nhưng thiếu kiến thức cơ bản, kém khả năng thực hành.

- Cần cù, sáng tạo nhưng thiếu tính tỉ mỉ, không coi trọng nghiêm ngặt quy trình công nghệ, chưa quen với cường độ lao động khẩn trương.

- Có tinh thần đoàn kết, đùm bọc nhưng thường đố kị trong làm ăn.

- Thích ứng nhanh nhưng lại nhiều hạn chế trong thói quen và nếp nghĩ, kì thị trong kinh doanh, quen thói bao cấp, thói sùng ngoại, bài ngoại hoặc thói khôn vặt…

-> Cách nêu điểm mạnh, điểm yếu của con người VN rất cụ thể, chính xác và sâu sắc.Điểm mạnh, điểm yếu luôn được đối chiếu với yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước hiện nay. Nêu điểm mạnh, điểm yếu của con người VN, tác giả đã tôn trọng sự thực, nhìn nhận vấn đề một cách khách quan, toàn diện, không thiên lệch một phía. Khẳng định và trân trọng những phẩm chất tốt đẹp , đồng thời cũng thẳng thắn chỉ ra những mặt yếu kém, không sa vào sự đề cao quá mức hay tự tị, miệt thị dân tộc.

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi:

*"Cái mạnh của con người Việt Nam không chỉ chúng ta nhận biết mà cả thế giới đều thừa nhận là sự thông minh, nhạy bén với cái mới. Bản chất trời phú ấy rất có ích trong xã hội ngày mai mà sự sáng tạo là một yêu cầu hàng đầu. Nhưng bên cạnh cái mạnh đó cũng còn tồn tại không ít cái yếu. Ấy là những lỗ hổng về kiến thức cơ bản do thiên hướng chạy theo những môn học “thời thượng”, nhất là khả năng thực hành và sáng tạo còn bị hạn chế do lối học chay, học vẹt nặng nề”*.

**Câu 1.** Đoạn văn trên trích từ văn bản nào? của ai?

**Câu 2.** Nêu hoàn cảnh sáng tác của văn bản đó?

**Câu 3.** Chỉ ra các phép liên kết câu có trong đoạn văn trên.

**Câu 4**. Từ nhận định trên, em hãy viết một đoạn văn khoảng 6-8 câu trình bày suy nghĩ của em về tình trạng ***học chay, học vẹt*** của học sinh hiện nay.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1.** HS nêu được

- Tên văn bản: " Chuẩn bị hành trang vào thế kỷ mới"

- Tên tác giả: Vũ Khoan

**Câu 2.** Nêu hoàn cảnh sáng tác:

- Bài viết đăng trên tạp chí "Tia sáng" năm 2001 - được in vào tập "Một góc nhìn của trí thức"

- Bài viết ra đời trong thời điểm những năm đầu thế kỉ XXI - thời điểm quan trọng trên con đường phát triển và hội nhập thế giới.

**Câu 3.** Các phép liên kết câu có trong đoạn văn:

* Phép lặp: Cái mạnh; sáng tạo
* Phép nối: Nhưng

- Phép thế: Bản chất trời phú ấy – Sự thông minh, nhạy bén với cái mới; Ấy là - cái yếu.

**Câu 4.**

**\* Yêu cầu về hình thức, kĩ năng:** Học sinh viết được đoạn văn nghị luận về *hiện tượng đời sống* có nội dung như yêu cầu, biết dùng lí lẽ, dẫn chứng cụ thể, có vận dụng các thao tác lập luận để làm sáng tỏ một vấn đề.

**\* Yêu cầu về kiến thức**

- Dẫn dắt nêu vấn đề nghị luận

- Giải thích:

+ Học chay là lối học thiên về sách vở, xa rời thực tế, không thực hành chỉ là lối học suông về lí thuyết...

- Biểu hiện: một bộ phận sinh viên chỉ học lí thuyết, không thực hành ra thực tế không đáp ứng được nhu cầu công việc; 1 số HS không tìm hiểu cặn kẽ kiến thức chỉ học thuộc lòng …

- Học chay, học vẹt gây hậu quả nghiêm trọng:

+ Không hiểu sâu, nắm chắc vấn đề

+ Khả năng ứng dụng, thực hành kém

+ Từ đó nảy sinh các vấn đề tiêu cực như quay cóp, gian lận khi thi cử....

- HS học chay học vẹt do nhiều nguyên nhân:

+ Do chương trình học nặng về lí thuyết khô khan, cứng nhắc nên một bộ phận HS chán học, học chống đối...

+ HS chưa có ý thức, chưa có phương pháp học đúng đắn, chưa có động cơ học tập rõ ràng, trong khi game, Facebook ...chiếm khoảng thời gian lớn của họ...

- Giải pháp khắc phục hiện tượng trên:

+ Gia đình, nhà trường cần phối hợp chặt chẽ để bài trừ kiểu học tiêu cực này. Phụ huynh cần có những định hướng cụ thể trong việc học của con cái

+ HS tự giác học tập, xác định động cơ, phương pháp học rõ ràng...

- Khái quát, khẳng định vấn đề. Mở đoạn, kết đoạn làm tốt

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“... Cái mạnh của con người Việt Nam không chỉ chúng ta nhận biết mà cả thế giới đều thừa nhận là sự thông minh, nhạy bén với cái mới. Bản chất trời phú ấy rất có ích trong xã hội ngày mai mà sự sáng tạo là một yêu cầu hàng đầu. Nhưng bên cạnh cái mạnh đó cũng còn tồn tại không ít cái yếu. Ấy là những lỗ hổng về kiến thức cơ bản do thiên hướng chạy theo những môn học “thời thượng", nhất là khả năng thực hành và sáng tạo bị hạn chế do lối học chay, học vẹt nặng nề. Không nhanh chóng lấp những lỗ hổng này thì thật khó bề phát huy trí thông minh vốn có và không thể thích ứng với nền kinh tế mới chứa đựng đầy tri thức cơ bản và biến đổi không ngừng.”

(Trích Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới, Vũ Khoan, Ngữ văn 9, tập hai)

**Câu 1.** Đoạn trích đề cập đến vấn đề gì?

**Câu 2.** Xác định phép liên kết hình thức trong hai câu đầu của đoạn trích.

**Câu 3.** Em hiểu thế nào là thiên hướng chạy theo những môn học “thời thượng”?

**Câu 4.** Từ vấn đề mà đoạn văn đề cập, em hãy viết đoạn văn triển khai nội dung sau: “Sự cần thiết phải chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mới của thế hệ trẻ Việt Nam ngày nay.”

**Hướng dẫn trả lời**

**Câu 1:**Đoạn trích trên đề cập tới cái mạnh và cái yếu của con người Việt Nam.

**Câu 2:** Phép liên kết trong hai câu thơ đầu là phép thế:

"Bản chất trời phú ấy"

**Câu 3:** Thiên hướng chạy theo những môn học "thời thượng":

"Những môn học thời thượng” mà tác giả đề cập đến là những môn học được một bộ phận người ưa chuộng, thích thú nhưng chỉ mang tính chất tạm thời không có giá trị lâu bền.

**Câu 4:**

**\* Yêu cầu về hình thức, kĩ năng:** Học sinh viết được đoạn văn nghị luận về *vấn đề xã hội* có nội dung như yêu cầu, biết dùng lí lẽ, dẫn chứng cụ thể, có vận dụng các thao tác lập luận để làm sáng tỏ một vấn đề.

**\* Yêu cầu về kiến thức**

- Nội dung triển khai câu chủ đề: Sự cần thiết phải chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mới của thế hệ trẻ Việt Nam ngày nay.

+ Lớp trẻ Việt Nam phải nhận ra những cái mạnh, cái yếu của con người Việt Nam qua đoạn văn trên để rèn thói quen tốt khi bước vào nền kinh tế mới.

+ Học sinh khái quát được yêu cầu của nền kinh tế mới...

+ Học sinh nói được những mục tiêu rèn luyện theo suy nghĩ riêng của mình (hoặc dựa theo sự chuẩn bị mà tác giả Vũ Khoan nói trong tác phẩm là được).

+ Khuyến khích những hs có quan điểm riêng...

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

**Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu:**

*Lớp trẻ Việt Nam cần nhận ra những cái mạnh, cái yếu của con người Việt Nam để rèn những thói quen tốt khi bước vào nền kinh tế mới.*

*Tết năm nay là sự chuyển tiếp giữa hai thế kỉ, và hơn thế nữa, là sự chuyển tiếp giữa hai thiên niên kỉ. Trong thời khắc như vậy, ai ai cũng nói tới việc chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mới, thiên niên kỉ mới.*

*Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bàn thân con người là quan trọng nhất. Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sử. Trong thế kỉ tới mà ai ai cũng thừa nhận rằng nền kinh tế tri thức sẽ phát triển mạnh mẽ thì vai trò con người lại càng nổi trội.*

*Cần chuẩn bị những cái cần thiết trong hành trang mang vào thế kỉ mới, trong khi chúng ta đã chứng kiến sự phát triển như huyền thoại của khoa học và công nghệ, làm cho tỉ trọng trí tuệ trong một sản phẩm ngày càng lớn. Chắc rằng chiều hướng này sẽ ngày càng gia tăng. Một phần dưới tác động của những tiến bộ khoa học và công nghệ, sự giao thoa, hội nhập giữa các nền kinh tế chắc chắn sẽ sâu rộng hơn nhiều.*

(Trích Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới, Vũ Khoan, SGK [Ngữ văn 9](https://vndoc.com/ngu-van-lop-9), tập 2, NXB Giáo dục)

**Câu 1.** Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn trích trên?

**Câu 2.** Chỉ ra nội dung chính của đoạn văn trên?

**Câu 3.** Phần gạch chân trong câu văn: "Trong thời khắc như vậy, ai ai cũng nói tới việc chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mới, thiên niên kỉ mới,” thuộc thành phần gì của câu?

**Câu 4.** Theo tác giả, trong những hành trang chuẩn bị vào thế kỉ mới thì sự chuẩn bị nào là quan trọng nhất? Vì sao?

**Câu 5.** Là một học sinh, em nhận thấy mình cần phải làm gì để đóng góp công sức vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước? Trả lời trong khoảng từ 3 đến 5 câu văn.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1.** Phương thức biểu đạt chính: nghị luận

**Câu 2.** Nội dung đoạn văn: Cái mạnh của người Việt Nam là sự thông minh, nhạy bén với cái mới nhưng lại bị hạn chế bởi những lỗ hổng về kiến thức cơ bản và khả năng thực hành, sáng tạo.

**Câu 3.** Thành phần: Trạng ngữ

**Câu 4.**

- Sự chuẩn bị quan trọng nhất là: con người

- Vì: con người cũng là động lực phát triển của lịch sử.

**Câu 5.**

**-** Trước hết mỗi học sinh cần có mơ ước, lí tưởng cao đẹp.

- Xác định mục đích học tập, không ngừng cố gắng để vươn lên trong học tập.

- Trước mọi khó khăn, thử thách không chùn bước, nỗ lực không ngừng.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:**

Cho đoạn văn:

“… Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất. Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sử. Trong thế kỉ tới mà ai ai cũng thừa nhận rằng nền kinh tế tri thức sẽ phát triển mạnh mẽ thì vai trò con người lại càng nổi trội”.

(Hành trang vào thế kỷ mới – Vũ Khoan. Ngữ văn 9, Tập 2, NXBGD – 2006)

**Câu 1:** Câu chủ đề của đoạn văn trên nằm ở vị trí nào? Đoạn văn trên sử dụng phép liên kết nào là chủ yếu? Từ được in đậm trong câu “Trong những hành trang ấy,***có lẽ***sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất.” là thành phần biệt lập gì?

**Câu 2:** Tại sao nói, đất nước càng hiện đại, càng phát triển thì sự chuẩn bị cho con người càng quan trọng hơn?

**Câu 3:** Trong văn bản tác giả chỉ ra một trong những cái mạnh của con người Việt Nam là “thông minh nhạy bén với cái mới”, còn cái yếu là “khả năng thực hành và sáng tạo bị hạn chế do lối học chay, học vẹt nặng nề”. Hãy viết một đoạn văn nghị luận (khoảng 10 dòng) trình bày suy nghĩ của em về ý kiến trên?

**Câu 4:** Em đã và sẽ làm gì để chuẩn bị hành trang cho bản thân mình để vững bước vào thế kỷ XXI?

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:**

- Câu chủ đề nằm ở đầu đoạn. Đoạn văn trên sử dụng phép liên kết chủ yếu là: phép lặp.

- **Có lẽ** là thành phần biệt lập tình thái trong câu.

**Câu 2:** Vì con người là động lực phát triển của lịch sử. Thế kỷ 21, nền kinh tế tri thức càng khiến cho tri thức là yếu tố quan trọng trong sự phát triển của nhân loại.

**Câu 3:**

\* Yêu cầu về kĩ năng: Biết cách làm bài nghị luận xã hội. Kết cấu chặt chẽ, diễn đạt trôi chảy; không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.

\* Yêu cầu về nội dung:

Thí sinh cần làm rõ các nội dụng sau:

- Nêu được vấn đề cần nghị luận.

- Suy nghĩ về cái mạnh của con người Việt Nam: thông minh, nhạy bén với cái mới (Vận dụng các thao tác nghị luận xã hội để làm rõ cái mạnh của con người Việt Nam; ý nghĩa, tác dụng của nó)

- Suy nghĩ về cái yếu của con người Việt Nam: Khả năng thực hành và sáng tạo bị hạn chế do lối học chay, học vẹt nặng nề (Vận dụng các thao tác nghị luận xã hội để làm rõ cái yếu của con người Việt Nam; ý nghĩa, tác dụng của nó) (0,5 điểm)

- Liên hệ bản thân: Thấy được cái mạnh của bản thân để tử đó có hướng phát huy, khắc phục những cái yếu, nhất là lối học chay, học vẹt; tăng cường kĩ năng thực hành và vận dụng...

**Câu 4.** Em đã và sẽ làm gì để chuẩn bị hành trang cho bản thân mình để vững bước vào thế kỷ 21?

- Liên hệ những hành động việc làm để chở thành con ngoan trò giỏi, tích lũy kiến thức.

- Rèn luyện về đạo đức, sức khỏe để trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội. (Trình bày mạch lạc bằng 1 đoạn văn khoảng 5 dòng).

BÀI 4: PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH

***(Lê Anh Trà)***

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | Sinh năm 1927 mất năm 1999 Quê quán: Xã Phổ Minh, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. |
| ***Xuất xứ*** | *Phong cách Hồ Chí Minh* là một phần bài viết "Phong cách Hồ Chí Minh, cái vĩ đại gắn với cái giản dị" của tác giả Lê Anh Trà, trích trong cuốn sách "Hồ Chí Minh và văn hoá Việt Nam", Viện Văn hoá xuất bản, Hà Nội, 1990. |
| ***PTBĐ*** | Nghị luận |
| ***Bố cục***  2 phần | - Phần 1 (từ đầu ... *rất hiện đại*): Hồ Chí Minh tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.  - Phần 2 (tiếp ... *hạ tắm ao*) : Vẻ đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh.   - Phần 3 (còn lại) : Ý nghĩa phong cách Hồ Chí Minh. |
| ***Giá trị nội dung*** | Mặc dù am tường và ảnh hưởng nền văn hoá nhiều nước, nhiều vùng trên thế giới nhưng phong cách của Hồ Chí Minh vô cùng giản dị, điều đó được thể hiện ngay trong đời sống sinh hoạt của Người: nơi ở chỉ là một ngôi nhà sàn nhỏ bé với những đồ đạc mộc mạc, trang phục đơn sơ, ăn uống đạm bạc. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Viết về phong cách Hồ Chí Minh, tác giả đưa ra luận điểm then chốt: Phong cách Hồ Chí Minh là sự kết hợp hài hoà giữa tính dân tộc và tính nhân loại, truyền thống và hiện đại, giữa vĩ đại và giản dị.  Để làm sáng tỏ luận điểm này, tác giả đã vận dụng một hệ thống lập luận chặt chẽ, với những dẫn chứng xác thực, giàu sức thuyết phục về quá trình hoạt động cách mạng, khả năng sử dụng ngôn ngữ và sự giản dị, thanh cao trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày của Bác. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Hồ Chí Minh tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.**

- Đi nhiều nơi có điều kiện để tiếp xúc với nhiều nền văn hóa khác nhau, thành thạo nhiều thứ tiếng.

- Ham học hỏi, dày công học tập, rèn luyện không ngừng. Bác luôn tiếp thu các kiến thức và có chọn lọc những tinh hoa văn hóa nhân loại.

- Giữ gìn và biết kết hợp văn hóa truyền thống với vẻ đẹp văn hóa nhân loại.

⇒ Những nhân tố đó đã tạo nên ở bác một phong cách văn hóa hiện đại và rất Việt Nam.

**2. Vẻ đẹp trong lối sống của Hồ Chí Minh**

- Nơi làm việc đơn sơ: Chỉ vài phòng làm việc và tiếp khách, họp bộ chính trị và ngủ, nhà sàn vài ba phòng, ao cá,..

- Trang phục giản dị: Ít ỏi chiếc va li con với vài ba bộ quần ao bà ba, dép lốp thô sơ,...

- Ăn uống đạm bạc: Cá kho, rau luộc, dưa cà,...

→ Lối sống của một vị Chủ tịch nước nhưng rất giản dị, thanh cao, không xa hoa lãng phí. Đây là lối sống có văn hóa, trở thành một quan điểm thẩm mĩ: Cái đẹp là sự giản dị, tự nhiên.

**3. Ý nghĩa phong cách Hồ Chí Minh**

- Học tập và rèn luyện theo phong cách của Bác là hòa nhập với khu vực nhưng phải giữ được bản sắc văn hóa của dân tộc.

- Phong cách của Người bộc lộ một quan niệm thẩm mĩ về lẽ sống, cách di dưỡng tinh thần.

- Đây chính là cách sống của người cộng sản lão thành.

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

Cho câu văn sau:

*“Nếp sống giản dị và thanh đạm của Bác Hồ, cũng như các vị danh nho xưa, hoàn toàn không phải là một cách tự thần thánh hóa, tự làm cho khác đời, hơn đời, mà đây là lối sống thanh cao, một cách di dưỡng tinh thần, một quan niệm thẩm mĩ về cuộc sống, có khả năng đem lại hạnh phúc thanh cao cho tâm hồn và thể xác.”*

( SGK *Ngữ văn 9*, tập một)

**Câu 1.** Câu văn trên trích trong văn bản nào? Tác giả là ai ? “di dưỡng tinh thần” được dùng ở đây có nghĩa là gì?)

**Câu 2.** Văn bản chứa câu văn trên đề cập đến chủ đề gì?

**Câu 3.** Lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông của Bác Hồ được biểu hiện như thế nào?

**Câu 4.** Có bạn cho rằng, học tập theo lối sống cao đẹp của Bác, mỗi chúng ta cần nên ép mình vào cuộc sống khắc khổ. Em có đồng ý với suy nghĩ đó không? Vì sao?

**Câu 5.** Viết một văn bản ngắn ( khoảng một trang giấy thi ) trình bày suy nghĩ của em về một trong các bài học mà em rút ra được từ câu văn trên?

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1.**

- Văn bản: Phong cách Hồ Chí Minh- Lê Anh Trà

- Di dưỡng tinh thần: bồi bổ cho sảng khoái về tinh thần, giữ cho tinh thần vui khỏe.

**Câu 2.**

Chủ đề của văn bản: Hội nhập và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc

**Câu 3.** Sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống văn hóa dân tộc với tinh hoa văn hóa thế giới nơi con người của Bác.

Lối sống của Bác, của một vị "vua", nhưng lại rất bình dị và rất đỗi đời thường, như phong cách sống của những bậc hiền triết ngày xưa: vua Nghiêu, vua Thuấn,...

**Câu 4.**

HS trình bày suy nghĩ đúng đắn hợp lý

**Câu 5.**

***\* Đoạn văn tham khảo:***

(1) Qua văn bản “Phong cách Hồ Chí Minh” của tác giả Lê Anh Trà, em thấy mình cần học tập ở Bác đức tính giản dị.

(2) Giản dị là sống một cách đơn giản, tự nhiên, không cầu kì phô trương trong lối sống.

**(3)** Lối sống giản dị bộc lộ ở nhiều phương diện: trang phục, ăn uống, thói quen, giao tiếp, nói năng, phong cách làm việc...

(4) Trang phục phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện, gọn gàng và tiện dụng, tránh cầu kì, loè loẹt.

(5) Cách ứng xử lịch sự, đúng mực; cách suy nghĩ và sử dụng ngôn ngữ giản dị, dễ hiểu, không hoa mĩ, cầu kì rắc rối...

(6) Cách sinh hoạt: hòa đồng với mọi người, tự nhiên và gần gũi trong cách cư xử; không tự coi mình là người đặc biệt, khác người mà cần thấy mình bình thường như những người khác.

(7) Cốt lõi của lối sống giản dị là sự ý thức sâu sắc về mục đích và cách sống sao cho hoà đồng và thoải mái, tự nhiên để tạo thành một phong cách sống. Sống giản dị cũng là biểu hiện của sự sâu sắc trong nhận thức về cuộc sống.

(8) Giản dị khiến người ta dễ hòa nhập với mọi người, làm cho con người trở nên thân thiện với nhau và giúp ta có thêm bạn bè... góp phần làm sáng lên nhân cách của mỗi con người.

(9) Giản dị tạo nên sự thanh thản, bình yên trong tâm hồn và sự nhàn nhã, thư thái trong nhịp sống khiến con người hoà đồng với tự nhiên, gắn bó sâu sắc với các cá nhân khác.

(10) Sống giản dị là một trong những cách để mỗi người sống thật, sống có hứng thú, có ý nghĩa.

(11) Sống giản dị giúp chúng ta hoàn thiện bản thân và tạo cho xã hội sự hoà đồng, bình đẳng, nhân ái.

(12) Lối sống giản dị hoàn toàn khác với lối sống cẩu thả, lạc hậu, gò bó, khuôn mẫu; giản dị cũng không đồng nghĩa với tiết kiệm, hà tiện... giản dị phù hợp với điều kiện, với hoàn cảnh vẫn thể hiện được sự tao nhã, thanh lịch, văn hóa.

(13) Cần phê phán lối sống xa hoa, đua đòi hay giản dị một cách giả tạo.

(14) Để sống giản dị, con người phải trải qua sự rèn luyện, cần một năng lực sống, quyết tâm cao, cũng cần hoà mình vào cuộc sống đế sống và cảm nhận, cần loại bỏ lòng tham và bù đắp tình yêu cuộc sống.

(15) Đó là cách để tránh mọi cám dỗ, giảm áp lực tinh thần và nâng cao bản lĩnh văn hoá.

**(16)** Bởi thế chúng ta hãy chọn cho mình một cách sống tốt nhất bằng cách cùng tạo dựng cho bản thân một “lối sống giản dị” riêng.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

**Đọc kĩ phần trích sau đây và thực hiện các yêu cầu bên dưới:**

*Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam và có lẽ cả thế giới, có một vị Chủ tịch nước lấy chiếc nhà sàn nhỏ bằng gỗ bên cạnh chiếc ao làm “cung điện” của mình. Quả như một câu chuyên thần thoại, như câu chuyện về một vị tiên, một con người siêu phàm nào đó trong cổ tích. Chiếc nhà sàn đó cũng chỉ vẻn vẹn có vài phòng tiếp khách, họp Bộ Chính trị, làm việc và ngủ, với những đồ đạc rất mộc mạc đơn sơ. Và chủ nhân chiếc nhà sàn này cũng trang phục hết sức giản dị, với bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ, đôi dép lốp thô sơ như của các chiến sĩ Trường Sơn đã được một tác giả phương Tây ca ngợi như một vật thần kì. Hằng ngày, việc ăn uống của Người cũng rất đạm bạc, với những món ăn dân tộc không chút cầu kì, như cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa.*

**Câu hỏi**

**Câu 1.** Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt chính nào?

**Câu 2.** Tìm dẫn chứng cụ thể để chứng tỏ lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất Phương Đông của Hồ Chí Minh?

**Câu 3.** Nêu và phân tích các biện pháp nghệ thuật đã được tác giả sử dụng thành công để làm nổi bật vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh trong phần trích nói trên.

**Câu 4.** Từ nội dung đoạn văn gợi ra hãy nêu suy nghĩ của em về lối sống giản dị bằng 10 câu ?

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1.** Đoạn văn trên được viết theo phương thức biểu đạt chính: Nghị luận

**Câu 2.** Đoạn văn đưa ra những dẫn chứng cụ thể cho lối sống giản dị mà thanh cao của Chủ tịch Hồ Chí Minh: cách chọn nơi làm việc; sự giản dị trong trang phục; sự giản dị, đạm bạc trong ăn uống

**Câu 3.**

- Nghệ thuật đối lập (vĩ nhân mà hết sức giản dị gần gũi)

- Kết hợp giữa kể và bình luận

- Chọn lọc những chi tiết tiêu biểu

- Đan xen thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm, cách dùng từ Hán Việt gợi cho người đọc thấy sự gần gũi giữa Hồ Chí Minh với các bậc hiền triết của dân tộc.

Mỗi biện pháp nghệ thuật phải được làm rõ qua việc chọn và phân tích các dẫn chứng tiêu biểu.

**Câu 4.**

HS viết đoạn văn đảm bảo nd sau:

Giản dị là một đức tính tốt đẹp của nhân dân ta (1). Giản dị là đơn giản không xa hoa, lãng phí, **không quá cầu kỳ, phức tạp, cũng như không bao giờ khoa trương** (2). Lối sống giản dị không phải chỉ thể hiện qua lời nói, cách ăn mặc, việc làm mà còn thể hiện qua suy nghĩ và hành động của mọi người trong cuộc sống cũng như trong các hoàn cảnh(3). Chúng ta phải sống giản dị vì ta sẽ được mọi người yêu quý, kính trọng (4). Bác Hồ là tiêu biểu của con người giản dị. Bác ăn bữa cơm chỉ có vài ba món(5).Sau khi ăn Bác luôn dọn sạch và khi ăn không để rơi hạt cơm nào (6).Hiện nay đã có nhiều người biết sống giản dị, đơn giản(7).Trong đó cũng có nhiều người vẫn chưa biết sống giản dị mà lại sống quá lãng phí, xa hoa (8). Mọi người ơi (9).Chúng nên noi theo gương Bác phải sống thật giản dị và đơn giản (10).

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

Trong bài « phong cách Hồ Chí Minh », sau khi nhắc lại việc chủ tịch Hồ Chí Minh  đã tiếp xúc với nhiều nước, nhiều vùng trên thế giới , tác giả Lê Anh Trà viết :

*“ .. Nhưng điều kì lạ là tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó đã nhào nặn với cái gốc văn hóa dân tộc không gì lay chuyển được ở Người, để trở thành một nhân cách rất Việt Nam, một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại”…*

(Trích *Ngữ Văn 9*, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

**Câu 1.**

ở phần trích trên, tác gỉa đã cho ta thấy vẻ đẹp của phong cách HCM được kết hợp hài hòa bởi những yếu tố nào ? Em hiểu được điều gì về tình cảm của tác giả dành cho Người ?

**Câu 2.**

Xác định hai danh từ được sử dụng như tính từ trong phần trích dẫn, cho biết hiệu quả nghệ thuật của cách dùng từ ấy ?

**Câu 3.**

Em hãy suy nghĩ (khoảng 2/3 trang giấy thi) về trách nhiệm của thế hệ trẻ đối với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc trong thời kì hội nhập và phát triển.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1.**

Vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh được kết hợp hài hòa giữa những ảnh hưởng văn hóa Quốc tế và gốc văn hóa dân tộc.

– Qua đó tác giả Lê Anh Trà thể hiện tình cảm kính trọng, ca ngợi Bác Hồ, tự hào về Người như một đại diện của một con người ưu tú Việt Nam.

**Câu 2.**

Hai danh từ được sử dụng như tính từ: Việt Nam, Phương Tây. Cách dùng từ ấy có hiệu quả nghệ thuật cao Tác giả nhấn mạnh bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, bản sắc Phương Đông trong con người Bác.

**Câu 3.**

Trách nhiệm thế hệ trẻ đối với việc giữ gìn văn hóa dân tộc trong thời kỳ hội nhập: – Giải thích: thời kỳ hội nhập: các nền kinh tế thế giới mở cửa, hội nhập dẫn đến sự giao lưu, ảnh hưởng văn hóa giữa các nước.

-Trách nhiệm thế hệ trẻ:

+ Gìn giữ và phát huy những bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc;

+ Nêu cao tinh thần tự tôn dân tộc, niềm tự hào vễ những truyền thống văn hóa tốt đẹp: truyền thống yêu nước; Uống nước nhớ nguồn; văn hóa lễ hội truyền thống; phong tục tập quán; di sản, di tích lịch sử,…

+ Tiếp tục những ảnh hưởng tích cực từ văn hóa nước ngoài đồng thời gạn lọc những ảnh hưởng tiêu cực từ văn hóa ngoại lai.

- Đánh giá: đây là vấn đề quan trọng đòi hỏi ý thức và nhận thức của thế hệ trẻ cùng đồng lòng, chung tay góp sức.

BÀI 5: ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HOÀ BÌNH

**(G. G. Mác-két)**

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Nhà văn Cô-lôm-bi-a G.G. Mác-két (Gabriel Garcia Marquez) sinh năm 1928. Năm 1936, tốt nghiệp tú tài, ông vào học ngành Luật tại trường đại học Tổng hợp Bô-gô-ta và viết những truyện ngắn đầu tay.  - Ga-bri-en Gác-xi-a Mác-két là tác giả của nhiều tiểu thuyết theo khuynh hướng hiện thực huyền ảo nổi tiếng. Ông từng được nhận giải thưởng Nô-ben văn học năm 1982.  - G. G. Mác-két có một sự nghiệp sáng tác đồ sộ, nhưng nổi tiếng nhất là cuốn *Trăm năm cô đơn* (1967) - tiểu thuyết được tặng Giải Chianchianô của I-ta-li-a, được Pháp công nhận là cuốn sách nước ngoài hay nhất trong năm, được giới phê bình văn học ở Mĩ xếp là một trong 12 cuốn sách hay nhất trong những năm sáu mươi của thế kỉ XX.  ***- Phong cách sáng tác :***  + Ông thương viết nhiều tiểu thuyết theo khuynh hướng hiện thực huyền ảo nổi tiếng  + Toàn bộ những sáng tác của G.G Mác — két xoay quanh các chủ đề chính như: sự cô đơn — mặt trái của tình đoàn kết, lòng yêu thương giữa con người…Tất cả đều mang đậm giá trị hiện thực nhưng giàu tính nhân văn sâu sắc. |
| ***Xuất xứ*** | Tác phẩm được trích từ bài tham luận của G.G Mác — két trong buổi gặp gỡ lần thứ hai vào tháng 8 năm 1986 giữa nguyên thủ 6 nước Ấn Độ, Mê-hi-cô, Thụy Điển, Ác-hen-ti-na, Hi Lạp, Tan-da-ni-a tại Mê-hi-cô để cùng đưa ra một bản tuyên bố kêu gọi chấm dứt chạy đua vũ trang, thủ tiêu vũ khí hạt nhân để bảo vệ an ninh và hòa bình thế giới |
| ***PTBĐ*** | Nghị luận |
| ***Bố cục***  3 phần | Phần 1: Từ đầu đến "vận mệnh thế giới": Hiểm họa chiến trang hạt nhân đang đề nặng lên toàn trái đất.  Phần 2: Tiếp theo đến "điểm xuất phát của nỏ": Sự phi lí và tốn kém của cuộc chạy đua vũ trang.  Phần 3: Còn lại: Ngăn chặn chiến tranh là nhiệm vụ của mọi người. |
| ***Giá trị nội dung*** | Văn bản *Đấu tranh cho một thế giới hoà bình* trình bày những ý kiến của tác giả xung quanh hiểm hoạ hạt nhân, đồng thời kêu gọi thế giới nỗ lực hành động để ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ về một thảm hoạ có thể huỷ diệt toàn bộ sự sống trên trái đất. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | - Hệ thống lập luận chặt chẽ, đặc biệt là những dẫn chứng rất cụ thể, xác thực, giàu sức thuyết phục. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

##### *1. Hiểm họa chiến tranh hạt nhân Nguy cơ chiến tranh hạt nhân.*

##### - Ngày 8/8/1986, hơn 50000 đầu đạn hạt nhân đã được bố trí khắp hành tinh. Tất cả mọi người ngồi trên một thùng 4 tấn thuốc nổ. Tất cả chỗ đó nổ tung sẽ hủy hoại 12 lần Trái đất và các hành tinh khác. Chiến tranh hạt nhân được so sánh như thanh gươm Đa-mô-clet. Cuộc sống tốt đẹp của con người bị chiến tranh hạt nhân đe dọa. Chiến tranh hạt nhân đi ngược lý trí loài người. Nhiệm vụ đấu tranh cho một thế giới hòa bình.

⇒ Mở đầu bằng một câu hỏi rồi tự trả lời bằng một thời điểm thực tại với những con số cụ thể, cách tính toán cụ thể, đơn giản.Những con số mà Mác-két đưa ra đã nâng cao nhận thức cho mọi người về nguy cơ chiến tranh hạt nhân, và sự hủy diệt khủng khiếp của vũ khí hạt nhân.

##### ⇒ Tác động vào nhận thức về sức mạnh ghê gớm của vũ khí hạt nhân, gợi sự đồng tình của người đọc.

##### *2. Chạy đua chiến tranh hạt nhân là cực kỳ tốn kém*

##### - Ngược với lí trí của con người:

Tiếp theo, Mác-két đã chỉ ra cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân là vô cùng tốn kém. Đây là những số liệu cụ thể mà tác giả đã đưa ra:

|  |  |
| --- | --- |
| Các lĩnh vực đời sống xã hội: | Chi phí chuẩn bị chiến tranh hạt nhân |
| 100 tỉ USD để giải quyết vấn đề cấp bách, cứu trợ ý tế, GD cho 500 triệu trẻ em nghèo trên thế giới. | Gần bằng chi phí cho 100 máy bay ném bom chiến lược B.1B và 7000 tên lửa vượt đại dương. |
| Kinh phí của chương trình phòng bệnh 14 năm cứu hơn 14 triệu trẻ em Châu Phi. | Bằng giá 10 chiếc tầu sân bay Ni-mít mang vũ khí hạt nhân của Mĩ dự định sản xuất từ năm 1986 - 2000. |
| Năm 1985 có 575 triệu người thiếu dinh dưỡng. | Gần bằng kinh phí sản xuất 149 tên lửa MX. |
| Tiền nông cụ cần thiết cho các nước nghèo dinh dưỡng. | Gần bằng kinh phí sản xuất 27 tên lửa MX |
| Xóa nạn mù chữ cho toàn thế giới. | Bằng tiền đóng 2 tàu ngầm mang vũ khí hạt nhân. |

##### => Chạy đua vũ trang, chuẩn bị cho chiến tranh hạt nhân vô cùng tốn kém và điên rồ, làm mất đi sự cải thiện đời sống của con người, ngược với lí trí lành mạnh của nhân loại. Các dẫn chứng cụ thể, nhiều lĩnh vực thiết yếu của đời sống được so sánh với sự tốn kém của chi phí hạt nhân. Cho thấy sự vô nhân đạo, lời tố cáo của những kẻ độc ác đang đẩy loài người đến cái chết.

##### - Chiến tranh đi ngược với cá tự nhiên:

##### + 180 triệu năm bông hồng mới nở.

##### + 380 triệu năm con bướm mới biết bay.

##### + Hàng triệu triệu năm con người mới hình thành.

##### → Đó là cả một quá trình kì công nhưng nếu chiến tranh diễn ra nó sẽ trở thành con số không. Tác giả sử dụng nghệ thuật đối lập, khẳng định một sự phản tiến hóa, phản tự nhiên đến điên rồ khiến ta thấy được hiểm họa của hạt nhân.

***\* Nhận xét:*** Nghệ thuật lập luận của Mác-két rất sắc bén. Những con số về tiền bạc mà ông nêu lên đã cho thấy ngân sách quân sự, chi phí chạy đua vũ trang hạt nhân là cực kì tốn kém! Tác giả sử dụng lối biện luận tương phản về thời gian: quá trình hình thành sự sống và văn minh nhân loại phải trải qua hàng triệu triệu năm, còn sự hủy diệt trái đất chỉ diễn ra trong nháy mắt, “chỉ cần bấm nút một cái” thì tất cả sẽ trở thành tro bụi — ông đã chỉ cho mỗi người, mỗi dân tộc, mỗi quốc gia thấy rõ hiểm họa vũ khí hạt nhân, chạy đua vũ trang hạt nhân khủng khiếp như thế nào!

##### *3. Nhiệm vụ của mọi người:*

- Ông kêu gọi mọi người “chống lại việc đó” - cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân, hãy “tham gia vào bản đồng ca của những người đòi hỏi một thế giới không có vũ khí và một cuộc sống hòa bình, công bằng”.

- Ông đề nghị “mở ra một nhà băng lưu trữ trí nhớ có thể tồn tại được sau thảm họa hạt nhân” để cho nhân loại tương lai biết rằng “sự sống đã từng tồn tại”…, để nhân loại tương lai “biết đến” những thủ phạm đã “gây ra những lo sợ, đau khổ” cho hàng tỉ con người, để “biết đến” tên những kẻ “ giả điếc làm ngơ trước những lời khẩn cầu hòa bình, những lời kêu gọi làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn”…

***\* Nhận xét:***

- Mác-két đã có một cách nói đặc sắc, độc đáo lên án những kẻ hiếu chiến đã và đang gây ra cuộc chạy đua vũ trang hạt nhân, đe dọa cuộc sống hòa bình yên vui của các dân tộc và nhân loại.

- Văn bản *Đấu tranh cho một thế giới hòa bình* thể hiện trí tuệ và tâm hồn của Mác-két. Ông đã sáng suốt và tỉnh táo chỉ cho nhân loại thấy rõ nguy cơ hạt nhân là một hiểm họa đáng sợ- “dịch hạch hạt nhân”. Tâm hồn của ông cháy bỏng một niềm khao khát hòa bình cho nhân loại.

- Mác-két đã có một lối nói, lối viết rất độc đáo. Những số liệu của ông nêu ra có một sức thuyết phục to lớn, làm cho mọi người, mọi dân tộc nhận thức một cách sâu sắc về sự nghiệp đấu tranh bảo vệ hòa bình là sự sống còn của nhân loại.

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

**Cho đoạn văn:** *“Chúng ta đến đây để cố gắng chống lại việc đó, đem tiếng nói của chúng ta tham gia vào bản đồng ca của những người đòi hỏi một thế giới không có vũ khí vì một cuộc sống hòa bình, công bằng. Nhưng dù cho tại họa có xảy ra thì sự có mặt của chúng ta ở đây cũng không phải là vô ích”*

(Ngữ văn 9, tập 1, NXB Giáo dục)

**Câu 1:** “Chúng ta đến đây để cố gắng chống lại việc đó” ,“việc đó” mà tác giả đề cập đến trong đoạn trích trên là việc gì? “Việc đó” đem lại hậu quả gì cho nhân loại?

**Câu 2:**  Vì sao tác giả khẳng định: “dù cho tại họa có xảy ra thì sự có mặt của chúng ta ở đây cũng không phải là vô ích”?

**Câu 3:**  Trong văn bản, tác giả đã đưa ra những con số cụ thể trong một phép so sánh, ấn tượng. Em hãy tìm phép so sánh ấy? Qua phép so sánh, em cảm nhận được điều gì?

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** “việc đó” là nguy cơ chiến tranh hạt nhân đe dọa sự sống trên toàn trái đất.

Hậu quả: Hiểm hoạ chung của nhân loại, huỷ duyệt sự sống trên trái đất.

**Câu 2:** Tác giả khẳng định: “dù cho tại họa có xảy ra thì sự có mặt của chúng ta ở đây cũng không phải là vô ích” vì: - Bài viết trên đã chỉ ra hậu quả khủng khiếp của chiến tranh hạt nhân; kêu gọi mọi người cùng lên án.

- Việc mọi người họp bàn, lên tiếng đưa ra lời kêu gọi chấm dứt chạy đua vũ trang, thủ tiêu vũ khí hạt nhân sẽ góp phần tích cực để đẩy lùi nguy cơ chiến tranh hạt nhân, mang lại hòa bình, môi trường sống an toàn cho thế giới.

**Câu 3:**

- Phép so sánh: Tuy nhiên số tiền này cũng chỉ gần bằng những chi phí bỏ ra cho 100 máy bay ném bom chiến lược B.1B của Mĩ và cho dưới 7000 tên lửa vượt đại châu.

- Tác dụng: Sự tốn kém của việc chạy đua chiến tranh hạt nhân.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

**Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới.**

*“Tôi rất khiêm tốn nhưng cũng rất kiên quyết đề nghị mở ra một nhà băng lưu trữ trí nhớ có thể tồn tại được sau thảm họa hạt nhân. Để cho nhân loại tương lai biết rằng sự sống đã từng tồn tại ở đây, bị chi phối bởi đau khổ và bất công nhưng cũng đã từng biết đến tình yêu và biết hình dung ra hạnh phúc. Để cho nhân loại tương lai hiểu điều đó và làm sao cho ở mọi thời đại, người ta đều biết đến tên thủ phạm đã gây ra những lo sợ, đau khổ cho chúng ta, đã giả điếc làm ngơ trước nhũng lời khẩn cầu hòa bình,*

*những lời kêu gọi làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, để mọi người biết rằng bằng những phát minh dã man nào, nhân danh những ti tiện nào, cuộc sống đó đã bị xóa bỏ khỏi vũ trụ này ”.*

(“Đấu tranh cho một thế giới hòa bình” – G.G. Mác- két).

**Câu 1:** G.G. Mác- két đã lên án điều gì trong văn bản “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình”?

**Câu 2:** Gạch chân dưới các trạng ngữ trong đoạn văn trên.Việc tách các trạng ngữ thành câu riêng trong đoạn văn có tác dụng gì?

**Câu 3:** Lấy chủ đề “*Khát vọng hòa bình*”, em hãy triển khai thành một đoạn văn diễn dịch dài khoảng 10 đến 12 câu.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** Mác – két lên án việc các nước chạy đua vũ trang và sản xuất vũ khí hạt nhân.

**Câu 2:** Gạch chân dưới các trạng ngữ : Để cho nhân loại tương lai biết rằng sự sống đã từng tồn tại ở đây, bị chi phối bởi đau khổ và bất công nhưng cũng đã từng biết đến tình yêu và biết hình dung ra hạnh phúc. Để cho nhân loại tương lai hiểu điều đó và làm sao cho ở mọi thời đại, người ta đều biết đến tên thủ phạm đã gây ra những lo sợ, đau khổ cho chúng ta, đã giả điếc làm ngơ trước nhũng lời khẩn cầu hòa bình, những lời kêu gọi làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, để mọi người biết rằng bằng những phát minh dã man nào, nhân danh những ti tiện nào, cuộc sống đó đã bị xóa bỏ khỏi vũ trụ này.

- Việc tách các trạng ngữ thành câu riêng để nhấn mạnh mục đích của đề xuất mở nhà băng lưu trữ trí nhớ có thể tồn tại sau thảm họa hạt nhân; Tăng sức lên án, tố cáo chạy đua vũ trang, sản xuất và sử dụng vũ khí hạt nhân.

**Câu 3:**

***- Giải thích:*** Hòa bình là sự bình an vui vẻ, không có chiến tranh, xung đột hay đổ máu. Khát vọng hòa bình là mong muốn vươn tới cuộc sống vui vẻ, an lành, được tôn trọng bình đẳng, tự do và hạnh phúc.

***- Bàn luận:***

+ Khát vọng hòa bình là biểu tượng của sự bình yên, là khát vọng chung của mỗi người và của toàn nhân loại.

+ Hòa bình giúp mỗi người biết yêu thương nhau, giúp mỗi dân tộc có cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc bền lâu.

+ Hòa bình tạo sự hiểu biết lẫn nhau, tránh gây mâu thuẫn căng thẳng; là điều kiện để hợp tác và phát triển…

+ Trái với khát vọng hòa bình là những toan tính ích kỉ hẹp hòi, những hành động chạy đua vũ trang, gây đổ máu và chiến tranh, chúng ta cần quyết liệt lên án những hành vi đó.

+ Dân tộc ta đã phải trải qua bao nhiêu đau thương mất mát trong chiến tranh chống giặc ngoại xâm để bảo vệ hòa bình nên hiểu rất rõ giá trị, tầm quan trọng của khát vọng hòa bình.

***- Phê phán:*** Phê phán những hành vi gây chiến tranh, ảnh hưởng đến cuộc sống bình yên của mỗi người mỗi dân tộc.

***- Bài học nhận thức và hành động:***

+ Cần biết trân trọng, giữ gìn và thể hiện khát vọng hòa bình ở mọi lúc, mọi nơi; biết sống thân thiện, chan hòa nhân ái với những người xung quanh.

+ Là học sinh, cần ra sức học tập, nâng cao hiểu biết, giải quyết xung đột bằng sự lắng nghe, thấu hiểu, đối thoại chân tình thẳng thắn.. tích cực tham gia vào các hoạt động đấu tranh vì hòa bình và công lý

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

**Một văn bản trong chương trình Ngữ văn 9 có viết:**

*“Trong thời đại hoàng kim này của khoa học , trí tuệ con người chẳng có gì để tự hào vì đã phát minh ra một biện pháp , chỉ cần bấm nút một cái là đưa cả quá trình vĩ đại và tốn kém đó của hàng bao nhiêu triệu năm trở lại điểm xuất phát của nó”.*

**Câu 1:** Câu văn trên trích từ văn bản nào? Tác giả là ai?

**Câu 2:** *“Một biện pháp*” mà tác giả đề cập đến trong câu văn trên là việc gì?

**Câu 3:** Tại sao tác giả lại cho rằng: “*trí tuệ con người chẳng có gì để tự hào vì đã phát minh ra một biện pháp”*ấy? Em hiểu thế nào về thái độ của tác giả về sự việc trên?

**Câu 4:** Đất nước chúng ta đã trải qua những năm tháng chiến tranh đầy khốc liệt và đau thương. Ngày nay, chiến tranh đã đi qua, thế hệ thanh niên đang được sống trong hòa bình. Bằng hiểu biết về văn bản trên và kiến thức xã hội, em hãy viết một đoạn văn ngắn trình bày về ý nghĩa của cuộc sống hòa bình.

### Hướng dẫn trả lời

**Câu 1:** Câu văn trên trích từ văn bản “Đấu tranh cho một thế giới hòa bình” Tác giả là G. Mác-két.

**Câu 2:** *“Một biện pháp*” mà tác giả đề cập đến trong câu văn trên là chiến tranh hạt nhân.

**Câu 3:** Tác giả lại cho rằng: “*trí tuệ con người chẳng có gì để tự hào vì đã phát minh ra một biện phá”*ấy vì biện pháp hạt nhân mà con người phát minh ra là hiểm họa khôn lường và nó ảnh hưởng, đe dọa trực tiếp tới cuộc sống hòa bình của toàn thế giới.

Tác giả thế hiện thái độ phản đối gay gắt đối với vấn đề này.

**Câu 4:**

- Giải thích khái niệm “hòa bình”: là sự bình đẳng, tự do, không có bạo động, không có chiến tranh và những xung đột về quân sự.

- Ý nghĩa của cuộc sống hòa bình:

+ Để dành được hòa bình, thế hệ cha anh đi trước – các anh hùng thương binh liệt sĩ đã chiến đấu hết mình, hi sinh xương máu.

+ Trạng thái đối lập của hòa bình là chiến tranh. Sống trong chiến tranh, con người sẽ đối diện với những thảm họa về mất mát, đau thương.

+ Sống trong hòa bình, con người sẽ được tận hưởng không khí của độc lập, tự do, yên bình và hạnh phúc.

- Lật lại vấn đề:

Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại một số tín đồ, đảng phái luôn sử dụng những chiêu trò công kích, kích thích, chống phá, gây ra bạo lực vũ trang,…

- Bài học nhận thức và hành động:

+ Nâng cao nhận thức về ý nghĩa của hòa bình.

+ Cần tránh xa những thế lực gây ảnh hưởng đến nền hòa bình, đồng thời giữ gìn, bảo vệ hòa bình.

**BÀI 6: TUYÊN BỐ THẾ GIỚI VỀ SỰ SỐNG CÒN,**

QUYỀN ĐƯỢC BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN CỦA TRẺ EM

**A. KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** |  |
| ***Xuất xứ*** | Văn bản “ Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em” được trích từ Tuyên bố của hội nghị cấp cao thế giới về trẻ em, họp tại trụ sở liên hợp quốc ở Niu Oóc ngày 30-9-1990, in trong cuốn Việt Nam và các văn kiện quốc tế về quyền trẻ em, NXB Chính trị quốc gia – Uỷ ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam, Hà Nội, 1997. |
| ***PTBĐ*** | Nghị luận |
| ***Bố cục***  3 phần | Ngoài hai ý mở đầu, bài viết được chia thành ba phần rất rõ ràng:  - Phần một (sự thách thức): thực trạng cuộc sống khốn khổ của rất nhiều trẻ em trên thế giới − những thách thức đặt ra với các nhà lãnh đạo chính trị.  - Phần hai (cơ hội): những điều kiện thuận lợi đối với việc bảo vệ và phát triển cuộc sống, đảm bảo tương lai cho trẻ em.  - Phần ba (nhiệm vụ): những nhiệm vụ cụ thể, cấp thiết cần thực hiện nhằm bảo vệ và cải thiện đời sống, vì tương lai của trẻ em. |
| ***Giá trị nội dung*** | Bảo vệ quyền lợi chăm lo đến sự phát triển của trẻ em là một trong những vấn đề quan trọng, cấp bách, có ý nghĩa toàn cầu. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | - Bố cục hợp lí, rõ ràng, mạch lạc. Các ý trong văn bản tuyên ngôn có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

##### 1. Sự thách thức. - Vô số trẻ em phải chịu nỗi bất hạnh do bị trở thành nạn nhân chiến tranh và bạo lực, của sự phân biệt chủng tộc, sự xâm lược, chiếm đóng, thôn tính của nước ngoài. => Chúng bị phó mặc cho những hiểm họa làm kìm hãm sự tăng trưởng và phát triển. - Mỗi ngày hàng triệu trẻ em phải chịu đựng những thảm họa của đói nghèo, khủng hoảng kinh tế, của tình trạng vô gia cư, dịch bệnh, mù chữ, môi trường xuống cấp. ự tă - 40.000 trẻ em chết mỗi ngày do suy dinh dưỡng và bệnh tật. Kể cả hội chứng miễn dịch mắc phải AIDS, hoặc do thiếu nược sạch... =>Sự thách thức đã nêu lên những thực tế, những con số về cuộc sống khổ cực trên nhiều mặt, về tình trạng bị rơi vào hiểm họa của nhiều trẻ em trên thế giới hiện nayng trưởng và phát triển. 2. Cơ hội Phần “cơ hội” đã khẳng định các điều kiện thuận lợi cơ bản để cộng đồng quốc tế hiện nay có thể đẩy mạnh việc chăm sóc, bảo vệ trẻ em : - Sự liên kết các quốc gia cùng ý thức cao của cộng đồng quốc tế. Đã ra công ước về quyền trẻ em làm cơ sở, tạo ra cơ hội mới. - Sự hợp tác, đoàn kết quốc tế ngày càng có hiệu quả cụ thể trên nhiều lĩnh vực: khôi phục tăng trưởng và phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, hạn chế vũ khí và lực lượng vũ trang, tăng cường phúc lợi trẻ em. 3. Nhiệm vụ - Tăng cường sức khỏe và chế độ dinh dưỡng của trẻ em là trách nhiệm hàng đầu. - Quan tâm chăm sóc và hỗ trợ trẻ em tàn tật - Đảm bảo quyền bình đẳng giữa nam và nữ - Đảm bảo cho trẻ em được học hết giáo dục cơ sở và không để em nào mù chữ. - Cần đẩy mạnh mọi biện pháp có thể áp dụng được để đảm bảo an tòan khi mang thai và sinh nở. - Cần tạo cơ hội cho trẻ tìm và biết được nguồn gốc của mình và nhận thức được giá trị bản thân, khuyến khích trẻ em ngay từ nhỏ tham gia vào sinh hoạt văn hóa. - Đảm bảo và khôi phục lại sự phát triển và tăng trưởng kinh tế. => Những nhiệm vụ cụ thể, toàn diện, khả thi của cộng đồng quốc tế vì sự sống còn của trẻ em và tương lai của thế giới. Các nhiệm vụ đó đòi hỏi tất cả các nước cần phải có những nỗ lực liên tục và phối hợp với nhau trong hành động của từng nước cũng như trong hợp tác quốc tế.

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

**Cho đoạn trích:**

“*Tất cả trẻ em trên thế giới đều trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc. Đồng thời chúng hiểu biết, ham hoạt động và đầy ước vọng. Tuổi chúng phải được sống trong vui tươi, thanh bình, được chơi, được học và phát triển. Tương lai của chúng phải được hình thành trong sự hòa hợp và tương trợ. Chúng phải được trưởng thành khi được mở rông tầm nhìn, thu nhận thêm những kinh nghiệm mới.”*

(Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2016)

**Câu 1:** Xét về mục đích nói, những câu “Tuổi chúng phải được sống trong vui tươi, thanh bình, được chơi, được học và phát triển. Tương lai của chúng phải được hình thành trong sự hòa hợp và tương trợ. Chúng phải được trưởng thành khi được mở rông tầm nhìn, thu nhận thêm những kinh nghiệm mới.” thuộc kiểu câu gì?

**Câu 2:** Nêu tác dụng của kiểu câu đó trong việc thể hiện nội dung đoạn văn?

**Câu 3:** Chỉ ra biện pháp tu từ có trong đoạn trích trên? Nêu tác dụng của biện pháp tu từ đó?

**Câu 4:** Từ chúng trong đoạn văn trên dùng để chỉ ai? Tại sao tương lai của chúng phải được hình thành trong sự hòa hợp và tương trợ?

**Câu 5:** “Tất cả trẻ em trên thế giới đều trong trắng, dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc”. Vậy trong thực tế hiện nay, trẻ em đang đứng trước những nguy cơ nào?

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1:** Câu cầu khiến.

**Câu 2:** Nêu lên mục đích hành động của toàn thế giwois: tất cả vì quyền lợi và hạnh phúc của trẻ em.

**Câu 3:** Biện pháp tu từ: Lặp lại cấu trúc câu

- T/d: Tạo giọng điệu mạnh mẽ, dứt khoát.

+ Nhấn mạnh những quyền mà trẻ em được hưởng, khẳng định trẻ em cần được

bảo vệ và phát triển.

**Câu 4:** Từ chúng dùng để chỉ Tất cả trẻ em trên thế giới

- Nghĩa là: chúng phải được sống trong môi trường hòa bình, luôn có sự tương trợ, giúp đỡ lan nhau trên mọi lĩnh vực; không có hiềm khích, không có chiến tranh. Đó là điều kiện tốt để cho trẻ em phát triển cả về thể chất và tâm hồn.

**Câu 5:** Nguy cơ: đói nghèo, mù chữ, bị bạo hành gia đình, xâm hại, bóc lột.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

*“Hàng ngày có vô số trẻ em trên thế giới bị phó mặc cho những hiểm họa làm kìm hãm sự tăng trưởng và phát triển của các cháu đó. Chúng phải chịu bao nhiêu nỗi bất hạnh do bị trở thành nạn nhân của chiến tranh và bạo lực, của nạn phân biệt chủng tộc, chế độ a- pác- thai, của sự xâm lược, chiếm đóng và thôn tính của nước ngoài …..môi trường xuống cấp”*

(Trích Tuyên bố…..trẻ em, Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục)

**Câu 1:**

Nội dung chính của đoạn trích trên là gì? Thái độ của tác giả được thể hiện trong đoạn trích như thế nào?

**Câu 2:**

Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật của biện pháp tu từ được sử dụng trong câu văn: “Chúng phải chịu bao nhiêu nỗi bất hạnh do bị trở thành nạn nhân của chiến tranh và bạo lực, của nạn phân biệt chủng tộc, chế độ a- pác- thai, của sự xâm lược, chiếm đóng và thôn tính của nước ngoài.”

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1:**

- Nội dung: Nêu ra những nguy cơ, thách thức đối với trẻ em.

- Thái độ: Lên án, tố cáo, xót thương…

**Câu 2:**

- Biện pháp: Liệt kê.

- T/d: Kể ra những nguy cơ mà trẻ em phải hứng chịu

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

**Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi:**

*“Cần tạo cho trẻ em cơ hội tìm biết được nguồn gốc lai lịch của mình và nhận thức được giá trị của bản thân trong một môi trường mà các em cảm thấy là nơi nương tựa an toàn, thông qua gia đình hoặc những người khác trông nom các em tạo ra. Phải chuẩn bị để các em có thể sống một cuộc sống có trách nhiệm trong một xã hội tự do. Cần khuyến khích trẻ em ngay từ lúc còn nhỏ tham gia vào sinh hoạt*

*văn hóa xã hội”.*

**Câu 1:**

Xét theo mục đích nói, các câu trong đoạn văn trên thuộc kiểu câu gì? Tác dụng

của kiểu câu đó trong việc biểu đạt nội dung của đoạn văn trên?

**Câu 2:**

Theo em, việc nhận thức được giá trị của bản thân có ý nghĩa quan trọng như

thế nào đối với trẻ em? Tại sao ngay từ lúc còn nhỏ, trẻ em cần tham gia vào sinh

hoạt văn hóa xã hội ?

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1:**

- Câu cầu khiến.

- T/d: Nhấn mạnh nhiệm vụ cấp bách mà các nước cần phải nỗ lực hành động vì quyền trẻ em.

**Câu 2:**

- Ý nghĩa: Để phát huy cái mạnh, khắc phục cái yếu của bản thân.

- Ngay từ lúc còn nhỏ, trẻ em cần tham gia vào sinh hoạt văn hóa xã hội, để: trẻ em có cơ hội phát triển toàn diện, được học hỏi và giao lưu với bạn bè, được rèn luyện bản thân về kỹ năng sống.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 4:**

Đọc đoạn trích sau:

Cần tạo cho trẻ em cơ hội tìm biết được nguồn gốc lai lịch của mình và nhận thức được giá trị của bản thân trong một môi trường mà các em cảm thấy là nơi nương tựa an toàn, thông qua gia đình hoặc những người khác trông nom các em tạo ra. Phải chuẩn bị để các em có thể sống một cuộc sống có trách nhiệm trong một xã hội tự do. Cần khuyến khích trẻ em ngay từ lúc còn nhỏ tham gia vào sinh hoạt văn hóa xã hội…

(Tuyên bố thế giới về sự sống còn, quyền được bảo vệ và phát triển của trẻ em)

**Câu 1:**  Hãy cho biết nội dung của đoạn trích trên?

**Câu 2:**  Tìm ít nhất 4 từ mượn của tiếng Hán được sử dụng trong đoạn trích trên?

**Câu 3:** Có ý kiến cho rằng gia đình và những người thân chính là yếu tố quan trọng cho sự phát triển của trẻ em. Em có đồng ý với ý kiến đó hay không? Vì sao?

**Câu 4:** Tại sao việc bảo vệ trẻ em lại là việc quan trọng?

**Câu 5:**  “ Phải chuẩn bị để các em có thể sống một cuộc sống có trách nhiệm…” Viết một văn bản ngắn ( khoảng 1 trang giấy thi ) bàn luận về **sống có trách nhiệm.**

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1:** Nội dung: Cần tạo cho trẻ em cuộc sống tốt, sống có trách nhiệm.

**Câu 2:** Từ mượn tiếng Hán: nguồn gốc, trách nhiệm, khuyến khích, văn hóa.

**Câu 3:**  Gv tùy vào lựa chọn và cách lý giải, lập luận của hs ( có thể đồng ý hoặc không đồng ý ) để cho điểm.

**Câu 4:** Việc trẻ bảo vệ trẻ em là quan trọng vì: -Trẻ em dễ bị tổn thương và còn phụ thuộc.

- Chưa đủ năng lực để tự bảo vệ mình.

…

**Câu 5:**

a/ Yêu cầu về kỹ năng:

- Đúng phương pháp kiểu bài NLXH.

- Bố cục và hệ thống ý sáng rõ.

- Biết vận dụng và phối hợp nhiều thao tác nghị luận ( giải thích, chứng minh, bình luận…)

- Văn trôi chảy, lập luện chặt chẽ, dẫn chứng thuyết phục. Không mắc lỗi diễn đạt; không sai lỗi chính tả, dùng từ,ngữ pháp; trình bày rõ ràng. -Dựng đoạn có sự liên kết tốt.

- HS viết dài hơn yêu cầu của đề bài: không trừ điểm

b/ Yêu cầu về kiến thức:

HS có thể trình bày những ý sau:

- Giới thiệu được vấn đề cần nghị luận.

- Giải thích được vấn đề cần nghị luận

- Khẳng định đây là cách sống tốt, đúng đắn:

+ ý nghĩa, tầm quan trọng của sống có trách nhiệm

+trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội

( dẫn chứng thực tế để thấy những biểu hiện đó luôn là điều cần thiết trong cuộc sống)

- Phê phán những người thiếu trách nhiệm…

-> hậu quả.

- Nêu phương hướng hành động của bản thân.

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 5:**

***Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:***

*Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn.Bởi vì học vấn không chỉ là việc cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại.Mỗi loại học vấn đến giai đoạn hôm nay đều là thành quả của toàn nhân loại nhờ biết phân công, cố gắng tích lũy ngày đêm mà có. Các thành quả đó sở dĩ không bị vùi lấp đi, đều là do sách vở ghi chép, lưu truyền lại. Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại, cũng có thể nói đó là những cột mốc trên con đường tiến hóa học thuật của nhân loại. Nếu chúng ta mong tiến lên từ văn hóa, học thuật của giai đoạn này, thì nhất định phải lấy thành quả nhân loại đã đạt được trong quá khứ làm điểm xuất phát. Nếu xóa bỏ hết các thành quả nhân loại đã đạt được trong quá khứ, thì chưa biết chừng chúng ta đã lùi điểm xuất phát về đến mấy trăm năm, thậm chí là mấy nghìn năm trước. Lúc đó, dù có tiến lên cũng chỉ là đi giật lùi, làm kẻ lạc hậu.*

**Câu 1**: Tìm câu chủ đề? Nêu nội dung chính của đoạn văn trên?

**Câu 2**: Phương thức biểu đạt trong đoạn văn trên là gì?

**Câu 3**: Chỉ ra hai phép liên kết trong đoạn văn trên?

**Câu 4:***Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn*. Nhưng ngày nay, nhiều bạn trẻ cho rằng việc đọc sách tốn thời gian không cần thiết vì văn hóa nghe nhìn thuận tiện và phù hợp với cuộc sống hiện đại hơn.Ý kiến của em như thế nào?

**Câu 5:** Viết một văn bản ngắn trình bày suy nghĩ của em về câu nói của Mác-xim Gorki:

“*Sách mở rộng ra trước mắt tôi những chân trời mới”*

***Hướng dẫn trả lời***

**Câu 1**:

- Câu chủ đề: *Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách, nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn.*

- Nội dung chính: Tầm quan trọng, ý nghĩa cần thiết của việc đọc sách

**Câu 2**: Phương thức biểu đạt: nghị luận

**Câu 3:** HS chỉ cần xác định được 2 phép liên kết:

* Phép lặp: học vấn, sách, nếu
* Phép nối: Bởi vì
* Phép thế: Các thành quả đó …

Hoặc phép khác nếu hợp lí

**Câu 4:**

HS khẳng định quan điểm không đồng ý với ý kiến của bạn và có lí giải hợp lí, diễn đạt sáng rõ, thuyết phục.

**Câu 5:**

***Yêu cầu về kiến thức – kỹ năng***

- Đưa ra được quan điểm riêng của bản thân và thuyết phục được người khác theo quan điểm của mình. - Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận xã hội

- Bố cục và hệ thống ý rõ ràng

- Biết vận dụng nhiều thao tác nghị luận.

**PHẦN 2: HƯỚNG DẪN ÔN TẬP PHẦN TIẾNG VIỆT 9**

|  |  |
| --- | --- |
| **Thứ tự** | **BÀI** |
| **1** | **HỘI THOẠI**  **I - LÝ THUYẾT**  1. Khái niệm hội thoại  2. Vai xã hội trong hội thoại  3. Lượt lời trong hội thoại  4. Phương châm hội thoại  5. Xưng hô trong hội thoại  **II - BÀI TẬP ÁP DỤNG**  **III - BÀI TẬP VỀ NHÀ** |
| **2** | **CÁCH DẪN TRỰC** **TIẾP VÀ CÁCH DẪN GIÁN** **TIẾP**  **I - LÝ THUYẾT**  1. Cách dẫn trực tiếp  2. Cách dẫn gián tiếp  3. Chuyển lời dẫn trực tiếp thành lời dẫn gián tiếp  **II - BÀI TẬP ÁP DỤNG**  **III - BÀI TẬP VỀ NHÀ** |
| **3** | **SỰ PHÁT TRIỂN TỪ VỰNG- TRAU DỒI VỐN TỪ**  **I - LÝ THUYẾT**  1. Sự phát triển từ vựng  2. Trau dồi vốn từ: thường xuyên phải bổ sung từ mới làm cho  **II - BÀI TẬP ÁP DỤNG**  **III - BÀI TẬP VỀ NHÀ** |
| **4** | **THUẬT NGỮ**  **I - LÝ THUYẾT**  1. Khái niệm:  2. Đặc điểm:  **II - BÀI TẬP ÁP DỤNG**  **III - BÀI TẬP VỀ NHÀ** |
| **5** | **THÀNH PHẦN PHỤ KHỞI NGỮ VÀ CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP**  **I - LÝ THUYẾT**  **1. Thành phần Khởi Ngữ**  a) Khái niệm:   1. Nhận diện khởi ngữ 2. Chuyển câu chưa có khởi ngữ thành câu có khởi ngữ 3. Tác dụng:   **2. Các thành phần biệt lập**   1. Khái niệm: 2. Các thành phần biệt lập   **\* Thành phần tình thái:**  **\* Thành phần cảm thán:** được dùng để bộc lộ tâm lý của  **\* Thành phần gọi - đáp:** Được dùng để tạo lập hoặc duy trì  **\* Thành phần phụ chú:** được dùng để bổ sung một số chi tiết  **II - BÀI TẬP ÁP DỤNG**  **III - BÀI TẬP VỀ NHÀ** |
| **6** | **NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ HÀM Ý**  **I - LÝ THUYẾT**  1. Nghĩa tường minh  2. Hàm ý  **II - BÀI TẬP ÁP DỤNG**  **III - BÀI TẬP VỀ NHÀ** |
| **7** | **CÁC PHÉP TU TỪ TỪ VỰNG**  **I - LÝ THUYẾT**  1. So sánh  2. Nhân hóa  3. Ẩn dụ  4. Hoán dụ  5. Nói quá  6. Nói giảm, nói tránh  7. Điệp ngữ  8. Chơi chữ  **II - BÀI TẬP ÁP DỤNG**  **III - BÀI TẬP VỀ NHÀ** |
| **8** | **LIÊN KẾT CÂU - LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN**  **I - LÝ THUYẾT**  **1. Khái niệm liên kết :**  **2. Các phương tiện đảm bảo tính liên kết**  a) Liên kết nội dung:  b) Liên kết hình thức:  **II - BÀI TẬP ÁP DỤNG**  **III - BÀI TẬP VỀ NHÀ** |
| **9** | **BÀI TẬP TIẾNG VIỆT TỔNG HỢP** |

**HỘI THOẠI**

**I - LÝ THUYẾT**

**1. Khái niệm hội thoại**

Hội thoại là dùng ngôn ngữ để giao tiếp, trò chuyện với nhau.

**2. Vai xã hội trong hội thoại**

- Và xã hội: vị trí của người tham gia hội thoại đối với người khác trong cuộc hội thoại.

- Vai xã hội được xác định bằng các quan hệ xã hội, gồm :

+ Vai theo quan hệ thân tộc:

Ví dụ: cuộc hội thoại giữa bé Hồng và cô ruột của mình trong văn bản Trong lòng mẹ.

+ Vai theo quan hệ bạn bè: cuộc hội thoại giữa những người bạn.

+ Vai theo quan hệ tuổi tác:

Ví dụ: cuộc hội thoại giữa Lão Hạc với ông giáo trong truyện Lão Hạc.

+ Vai theo quan hệ chức vụ xã hội:

Ví dụ : cuộc hội thoại giữa Đôn Ki-hô-tê với Xan - chô trong đoạn trích Đánh nhau với cối xay gió.

+ Vai theo giới tính: tùy từng lứa tuổi,quan hệ mà người giao tiếp thể hiện vai trò trong cuộc hội thoại theo từng cặp như: Anh - em, ông - bà,...

**3. Lượt lời trong hội thoại**

Lượt lời trong hội thoại: là sự thay đổi luân phiên lần nói giữa những người tham gia đối thoại với nhau.

**4. Phương châm hội thoại**

Các phương châm hội thoại

- Phương châm về lượng: Khi giao tiếp, cần nói cho có nội dung; nội dung của lời nói phải đáp ứng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiếu, không thừa.

- Phương châm về chất: Khi giao tiếp, đừng nói những điều mà mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực.

- Phương châm quan hệ: Khi giao tiếp, cần nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh nói lạc về.

- Phương châm cách thức: Khi giao tiếp, cần chú ý nói ngắn gọn, rành mạch; tránh nói mơ hồ.

- Phương châm lịch sự: Khi giao tiếp cần khéo léo, tế nhị, tôn trọng người đối thoại.

Các trường hợp không tuân thủ (vi phạm) phương châm hội thoại

- Người nói vô ý , thiếu văn hóa, vụng về trong giao tiếp.

- Người nói cố tình vi phạm một hoặc một vài phương châm hội thoại nào đó để:

+ Ưu tiên cho một phương châm hội thoại khác hoặc một yêu cầu nào đó quan trọng hơn ( thường vi phạm phương châm về chất để ưu tiên cho phương châm lịch sự).

+ Gây chú ý cho người nghe hoặc hướng người nghe hiểu câu nói theo một hàm ý nào đó ( thường vi phạm phương châm về lượng hoặc phương châm cách thức, phương châm quan hệ để tạo hàm ý) .

**5. Xưng hô trong hội thoại**

- Xưng hô: là sử dụng các từ ngữ để gọi mình và mọi người giao tiếp với mình là gì đó khi hội thoại.

+ Tiếng Việt có hệ thống từ ngữ xưng hô khá đa dạng và phong phú:Dùng đại từ ngôi thứ nhất (người nói) ở số ít và số nhiều: tôi, tao, tớ, chúng tôi, chúng tao,...; Dùng đại từ ngôi thứ 2 (người nghe) ở số ít và số nhiều: mày, mi, chúng mày, bọn mày,...

+ Dùng các từ chỉ quan hệ gia đình: ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em,...

+ Dùng các từ chỉ nghề nghiệp, chức vụ: thầy giáo, cô giáo, bác sĩ, giáo sư, giám đốc, thủ trưởng,...

+ Dùng các từ chỉ tên riêng.

- Khi giao tiếp, cần lựa chọn những từ ngữ xưng hô cho phù hợp với đối tượng, hoàn cảnh, mục đích giao tiếp.

- Người Việt có truyền thống" Xưng khiêm hô tôn " : xưng thì tự hạ mình xuống, hô thì nâng người đối thoại lên.

**II - BÀI TẬP ÁP DỤNG**

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 1**  **Câu 1: Cho các từ ngữ: Nói có sách, mách có chứng ; nói leo; nói dối; nói ra đầu ra đũa. Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống trong các câu sau:**  - Nói có căn cứ chắc chắn là / …../  - Nói rành mạch rõ ràng, cặn kẽ, có trước có sau là / …../  - Nói chen vào chuyện của người trên khi không được hỏi đến là /…../  - Nói sai sự thật một cách cố ý, nhằm che giấu điều gì đó là /…../  **Câu 2: Các cách nói sau đây vi phạm phương châm hội thoại nào? Vì sao? Chữa lại các câu đó cho hợp lý.**  - Anh ấy đem cá về kho.  - Lớp tôi năm bạn mua 20 quyển vở.  - Nó nhìn tôi bằng đôi mắt.  - Nam dắt xe đạp vào quán sửa xe rồi nói: "Bơm cho cái xe".  - Gà, ngan, vịt đều là những loài gia cầm nuôi ở nhà.  - Chờ bạn lâu, Hà bảo :"Cậu có họ hàng với rùa từ bao giờ thế?"  **Câu 3:** Năm giặc đốt làng cháy tàn, cháy rụi  Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi  Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh  Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh ninh:  “ Bố ở chiến khu, bố còn việc bố,  Mày có viết thư chớ kể này, kể nọ  Cứ bảo nhà vẫn được bình yên…”  *(Bếp lửa - Bằng Việt)*  So sánh sự việc xảy ra với lời bà dặn cháu trong đoạn thơ, ta thấy một phương châm hội thoại đã bị vi phạm. Đó là phương châm nào? Sự không tuân thủ phương châm hội thoại như vậy có ý nghĩa gì?  **Câu 4:** Cách nói : thủ...giống thủ…, xôi … giống xôi trong chuyện sau có vi phạm phương châm về lượng hay không ? Hãy lí giải điều đó.  PHÙ THỦY SỢ MA  Vợ thầy phù thủy hỏi chồng :   * Nhà có bao giờ sợ ma không?   Thầy vênh mặt lên đáp :   * Hỏi thế mà cũng hỏi. Đã có phép trừ tà, tróc quỷ thì sao còn sợ ma nữa ?   Một hôm, thấy đi cúng cho người ta về. Trời tối, người vợ nấp trong bụi , cầm bát nhang hồng hoa lên vợ chồng . Thầy vội bắt quyết niệm thần chú. Nhưng đốm lửa lại quay tròn trước mặt. Thầy hoảng quá, vứt cả đồ lễ, vắt chân lên cổ chạy. Người vợ lượm cả lấy đem về. Hôm sau , chị ta dọn những thứ ấy cho chồng ăn . Thầy nhìn vào mâm, lẩm bẩm:   * Quái, thủ... giống thủ…, xôi... giống xôi.   ( Theo tuyển tập văn học dân gian Việt Nam) |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 2**  **Câu 1:** Các cách nói sau đây vi phạm phương châm hội thoại nào? Vì sao? Hãy chữa lại cho đúng.  a) Đêm hôm qua cầu gãy.  b) Học xong bạn nhớ đi ra cửa trước.  c) Người ta định đoạt lương của tôi anh ạ.  **Câu 2:**  Khi cha mẹ đi vắng, có một người lạ mặt đến hỏi về tình hình gia đình như ngày giờ đi làm của cha mẹ,... em cần phải tuân thủ những phương châm hội thoại nào khi trả lời? Phương châm hội thoại nào không nên tuân thủ? Vì sao?  **Câu 3: Đọc các truyện cười sau và cho biết các nhân vật tham gia hội thoại đã vi phạm phương châm hội thoại nào? Chỉ rõ và phân tích ý nghĩa của sự vi phạm đó.**  a) Có anh tính hay khoe của. Một hôm, may được cái áo mới, liền đem ra mặc rồi đứng hóng ở cửa, đợi có ai đi qua người ta khen. Đứng mãi từ sáng đến chiều chả thấy ai hỏi cả, anh ta tức lắm.  Đang tức tối, chợt thấy một anh, tính cũng hay khoe , tất tưởi chạy đến hỏi to:  - Bác tôi thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không?  Anh kia liền giơ ngay vạt áo ra, bảo:  - Từ lúc tôi mặc cái áo mới này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả!  (Truyện cười dân gian Việt Nam)  b)Có hai anh bạn gặp nhau, một anh nói:  - Mắt tớ tinh không ai bằng! Tớ nhìn rõ con kiến đang bò ở cành cây trên đỉnh núi trước mặt kia, cả từ sợi râu đến bước chân của nó.  - Thế thì cũng chưa tinh bằng tớ , tớ còn nghe thấy tiếng râu nó ngoáy trong không khí kêu vù vù và chân nó bước sột soạt.  (Truyện cười dân gian Việt Nam) |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 3**  **Câu 1:** Bài ca dao sau là lời gieo quẻ của một thầy bói với một cô gái:  “ Số cô chẳng giàu thì nghèo,  Ngày ba mươi tết thịt treo trong nhà,  Số cô có mẹ có cha  Mẹ cô đàn bà, cha cô đàn ông.  Số cô có vợ, có chồng,  Sinh con đầu lòng chẳng gái thì trai”.  Lời của thầy bói đã vi phạm phương châm hội thọai nào? Vì sao?  **Câu 2:** Trong giao tiếp, các từ ngữ nào thường được sử dụng để thể hiện phương châm lịch sự?  **Câu 3: Dưới đây là lời nhân vật Nhuận Thổ nói với nhân vật "tôi"(trong truyện Cố hương của Lỗ Tấn).**  \* Lúc còn nhỏ:  - Bây giờ trời đang rét lắm. Đến mùa hè, anh xuống nhà em chơi. Ban ngày, chúng mình ra biển nhặt vỏ sò, màu đỏ có, màu xanh có, đủ cả. Có cả sò "mặt quỷ", sò "tay phật". Tối đến, em và thầy em đi canh dưa thì anh cũng đi…  \* Và hai mươi năm sau gặp lại:  **- Bẩm ông!**  Tôi điếng người đi. Thôi đúng rồi! Giữa chúng tôi đã có một bức tường khá dày ngăn cách. Thật là bi đát. Tôi cũng không nói lên lời.  Anh ta ngoảnh đầu quay lại gọi:  **- Thủy Sinh,con không lạy ông kìa!**  Nhận xét cách sử dụng từ ngữ xưng hô của nhân vật Nhuận Thổ với nhân vật "tôi"ở hai thời điểm trên. Cho biết sự thay đổi cách xưng hô của Nhuận Thổ nói lên điều gì?  **Câu 4:** Viết một hội thoại, trong đó nhân vật vi phạm phương châm về lượng. |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 4**  **Câu 1:** Nhận xét về cách nói của nhân vật "lão" trong truyện sau và cho biết cách nói đó có phù hợp với tình huống giao tiếp không.  GIẤU CÀY  Lão kia cày ruộng. Đến buổi vợ gọi về ăn cơm .  Lão nói lớn lên rằng : " Được rồi. Để tao còn giấu cái cày ở dưới bụi tre đã ".  Vợ giận lắm, trách : " Từ giờ có giấu cày ở đâu thì phải làm thinh , chớ la lối lên như vậy, người ta nghe thấy, ăn cắp đi, còn gì".  Lắng nghe vợ nói cho là có lí . Lát sau , ăn cơm xong, lão lại chạy ra ruộng thì người ta lấy mất cái cày rồi . Hốt hoảng , lão chạy một mạch về nhà, nói thật nhỏ vào tai vợ :" Cày của ta đã bị chúng lấy mất rồi".  ( Tuyển theo tập văn học dân gian Việt Nam)  **Câu 2:** Đọc truyện sau :  NÓI CÓ ĐẦU CÓ ĐUÔI  Một phú ông nọ có một anh đầy tớ tính rất bộp chộp, thấy gì nói nấy, gặp đâu nói đấy , chẳng có đầu có đuôi gì cả . Phú ông mới gọi anh đầy tớ đến mà dạy rằng :   * Mày ăn nói chẳng có đầu có đuôi gì cả , người ta cười cho cả tao lẫn mày . Từ rày mày định nói cái gì thì mày phải nghĩ cho kĩ xem cái đấy bắt đầu nó thế nào rồi hãy nói nghe không.   Anh đầy tớ vâng dạ.  Một hôm phú ông mặc quần áo sắp sửa đi chơi, đang ngồi hút thuốc thì thấy anh đầy tớ đứng chắp tay trịnh trọng nói:   * Thưa ông, con tằm nó nhả ra tơ. Người ta mang tơ đi bán cho người Tàu . Người Tàu đem dệt thành the rồi bán sang ta. Ông đi mua the về may thành áo . Hôm nay ông mặc áo, ông hút thuốc. Tàn thuốc nó rơi vào áo ông và áo ông đang cháy.   Phú ông giật mình nhìn xuống áo thì áo đã cháy to bằng bàn tay rồi.  ( Theo tuyển tập văn học dân gian Việt Nam)  a ) Thành ngữ *nói có đầu có đuôi* liên quan đến phương châm hội thoại nào ? Phương châm hội thoại đó ở trong truyện trên có được người đầy tớ tuân thủ không ? Hậu quả ra sao?  b) Trong trường hợp nào phương châm hội thoại không được tuân thủ mà vẫn chấp nhận được?  **Câu 3:** Sau khi khám cho người có bệnh, theo em, bác sĩ nên nói cách nào trong hai cách nói sau ? Tại sao?  a ) Bệnh của anh không thể chữa khỏi được.  b) Bệnh của anh cũng không nặng lắm. Anh chịu khó chữa rồi cũng khỏi thôi.  **Câu 4:** Hãy đặt một tình huống có sử dụng câu: Trẻ em là trẻ em.  Giải thích ý nghĩa của câu đó. |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 5 ( Xưng hô trong hội thoại)**  **Câu 1:** Tìm các từ chỉ quan hệ thân tộc. Chỉ ra những từ tạo thành cặp xưng hô. Những từ nào không dùng để xưng hô?  **Câu 2:** Tìm các từ chỉ nghề nghiệp, chức vụ dùng để xưng hô. Khi xưng hô với các cấp phó, người ta thường xưng hô thế nào? Tại sao?  **Câu 3:** Tìm từ ngữ xưng hô trong các đoạn văn sau, qua đó chỉ ra những người tham gia giao tiếp.  a ) Việc tưởng đến đó là xong. Không ngờ hôm sau đích thân vua Lê thánh tông vào viện tìm gặp Lê Nghĩa.   * Hôm qua ta sai nội quan đến hỏi mượn sách, nhà người từ chối nghĩa là thế nào? Có phải vì không có tín bài chăng? * Tâu hoàng thượng, phải thế mà cũng không phải thế. Việc hệ trọng, quan được vua sai đi làm mà không có tín bài , ai dám tin. Vả lại, dầu hoàng thượng có giao tín bài cho nội quan thì thần cũng không dám làm việc khinh suất. Lệ đã định [...].   ( Lê Vân, ông già chép sử trong viện hàn lâm)  b) Tôi nói với Hoạt:   * Thế nào đồng chí, tôi cần được đi ngay, hết hạn ở với nhau rồi. Tôi đã gói chặt tài liệu vào ni lông chuẩn bị đầy đủ.   Hoạt giơ tay về phía một bóng người trong góc nhà:   * Kia kìa, có một đồng chí nữa cũng cần đi đêm nay, việc rất cần, nhưng mà... đồng chí ấy lại bị cảm mới khỏi…   Trong ánh đèn dầu le lói, Tôi nhìn kỹ chỉ thấy bóng một người ngồi tựa lưng vào cột, hai chân duỗi dài trên đám rạ:   * Sao, đồng chí?   ( Vũ Cao, Em bé bên bờ sông Lai Vu)  c) Một thầy giáo người nhỏ nhắn, mái tóc đã điểm bạc, khuôn mặt gầy có nhiều nếp nhăn đi thong thả về phía các em. Đám học trò lớp Một ngước mắt chăm chú nhìn thầy.   * Các em là học sinh lớp 1A , có phải thế không? Thầy là thầy giáo của các em đây.   (Lê Phương Liên , Ngày em tới trường) |

**Gợi ý trả lời:**

**Phiếu bài tập số 1**

**Câu 1:**

Nói có căn cứ chắc chắn là nói có sách, mách có chứng.

Nói rành mạch rõ ràng, cặn kẽ, có trước có sau là nói ra đầu ra đũa.

Nói xen vào chuyện của người trên khi không được hỏi đến là nói leo.

Nói sai sự thật một cách cố ý, nhằm che giấu điều gì đó là nói dối.

**Câu 2:**

- Các ý (a,b) vi phạm phương châm hội thoại cách thức vì tạo ra cách kiểu mơ hồ.

***Chữa lại:*** thêm một từ ngữ nào đó để mỗi câu chỉ có một cách hiểu duy nhất.

Ví dụ:

a)

- Anh ấy đem cá về cất vào kho

rồi

- Anh ấy đem cá về kho lên rồi.

Các ý (c , e) vi phạm phương châm về lượng vì đưa ra thông tin thiếu hoặc thừa.

***Chữa lại:*** bổ sung hoặc bớt thông tin cho phù hợp.

Ví dụ:

- Nó nhìn tôi bằng đôi mắt trìu mến. (thân thương, nghi ngờ,...)

- Gà, ngan, vịt đều là những loài gia cầm.

- Các ý ( d,f ) vi phạm phương châm lịch sự: lời nói thiếu tôn trọng người giao tiếp.

***Chữa lại:*** chọn cách diễn đạt dễ tiếp nhận hơn.

Ví dụ:

- Nam dắt xe đạp vào quán sửa xe rồi nói: " Bác làm ơn bơm dùm cháu cái xe đạp này ạ".

- Chờ bạn lâu, Hà bảo : " Cậu nhanh lên kẻo muộn rồi".

**Câu 3:**

- Phương châm hôi thoại đã bị vi phạm là phương châm về chất.

- Sự không tuân thủ phương châm hội thoại như vậy là để thực hiện mục đích khác: Bà không muốn cháu thông báo cho bố mẹ biết những khó khăn ở nhà để bố mẹ cháu yên tâm công tác. Qua đó thấy được sự hi sinh của bà vì con cháu và tình cảm của bà đối với kháng chiến, đối với đất nước.

**Câu 4:**

Về nguyên tắc, cách nói *thủ... giống thủ… , xôi... giống xôi* vi phạm nguyên tắc về lượng ( vì lặp lại nội dung thông tin ) , song , trong câu chuyện đã cho, cách nói đó được hiểu như sau:

Thủ trên mâm giống thủ thầy phù thủy mang về hôm trước, xôi cũng vậy.

**Phiếu bài tập số 2**

**Câu 1:**

- Các câu đều vi phạm phương châm cách thức vì gây ra cách hiểu mơ hồ.

- Chữa lại:

a) Có thể thêm dấu phẩy, hoặc thêm từ thích hợp để câu được hiểu rõ ràng hơn

Ví dụ: Đêm hôm qua, cầu gãy.

b), c): làm tương tự.

**Câu 2:**

Cần tuân thủ phương châm lịch sự nhưng không tuân thủ phương châm về chất vì đây là khách lạ nên yêu cầu cảnh giác đặt lên hàng đầu.

**Câu 3:**

a) Cả hai nhân vật trong truyện đều vi phạm phương châm hội thoại về lượng khi giao tiếp với nhau.

- Anh có lợn cưới đưa ra câu hỏi không phù hợp với việc tìm con lợn: thiếu thông tin về đặc điểm con lợn bị mất ( lợn đen, lợn trắng, lợn đực, lợn cái…) nhưng lại thừa thông tin về mục đích dùng lợn (lợn cưới).

- Anh có áo mới: khi được hỏi về con lợn, đã không trả lời về hướng chạy của nó lại còn đã đưa thừa một vế câu " Từ lúc tôi mặc cái áo mới này" để nhấn mạnh cái áo mới anh đang mặc.

Như vậy, việc vi phạm phương châm về lượng của cả hai anh là cốt để khoe. Anh có áo mới khoe mình sắp làm chú rể, đám cưới anh ta có con lợn làm cỗ. Còn anh có áo lại khoe mình có cái áo mới. Câu chuyện phê phán những kẻ hay khoe, thích khoe trong những hoàn cảnh không phù hợp.

b) Cả hai chàng trong câu chuyện đều vi phạm phương châm về chất vì nói ra những điều không đúng sự thật: không thể nhìn thấy rõ con kiến đang bò ở cành cây trên núi trước mặt, cả từ sợi râu đến bước chân của nó và càng không thể nghe thấy tiếng râu nó ngoáy trong không khí kêu vù vù và bước chân nó sột soạt. Câu chuyện phê phán những kẻ hay nói khoác.

**Phiếu bài tập số 3**

**Câu 1:**

Lời của thầy bói vi phạm phương châm về lượng. Vì đó là những điều hiển nhiên mà ai cũng đã biết.

**Câu 2:**

Xin lỗi, xin phép, xin mạn phép.

**Câu 3:**

- Cách sử dụng từ ngữ xưng hô của Nhuận Thổ ở hai thời điểm với nhân vật "tôi" có sự thay đổi .

+ Lúc còn nhỏ: Xưng hô "anh- em" , "chúng mình" thân mật gần gũi, chứng tỏ tình bạn thời thơ ấu của "tôi" và Nhuận Thổ trong sáng, đẹp đẽ, không có hàng rào ngăn cách, không phân biệt sang - hèn.

+ Hiện tại gặp lại: Xưng hô không còn thân mật như xưa, Nhuận Thổ ý thức rất rõ sự ngăn cách của mình với nhân vật "tôi".

Sự thay đổi trong cách xưng hô của Nhuận Thổ cho thấy anh tự ti về thân phận hèn kém của mình.

**Câu 4:**

Chồng: Bao nhiêu tiền một cân cá rô vậy em?

Vợ: Bốn nhăm ngàn đồng cả mớ này đấy anh ạ!

Trong doạn hội thoại trên, người vợ đã vi phạm phương châm về lượng (lời nói của người vợ không đáp ứng đúng yêu cầu của người chồng muốn biết giá 1 kg cá rô).

**Phiếu bài tập số 4**

**Câu 1:**

Nhân vật "lão" trong câu chuyện rõ ràng nói năng không hợp tình huống: khi cần nói nhỏ lại nói to và ngược lại , khi không cần nói nhỏ lại nói nhỏ.

**Câu 2:**

a) Thành ngữ *nói có đầu có đuôi* liên quan đến phương châm cách thức, phương châm hội thoại này được người đầy tớ tuân thủ một cách quá mức trong truyện đã cho. Và hậu quả là phú ông bị cháy mất áo.

b) Do đó, các phương châm hội thoại chỉ có hiệu lực khi chúng phù hợp với tình huống giao tiếp. Nếu không, hiệu quả giao tiếp khó đạt được. Khi cần ưu tiên cho một mục đích nào đó, các phương châm hội thoại có thể không được tuân thủ.

**Câu 3:**

Sau khi khám cho người có bệnh, để người có bệnh yên tâm, không thất vọng về tình trạng sức khỏe của mình, bác sĩ có thể vi phạm phương châm về chất; do đó, nên chọn cách nói (b).

**Câu 4:**

Có một người thấy trẻ em nô nghịch, biển cấm không cho chơi đùa và mắng các em. Khi đó, có thể khuyên người đó bằng câu: Trẻ em là trẻ em.

Câu này có nghĩa: Trẻ em phải được đùa nghịch ( chỉ có không nên nghịch quá thôi) .

**Phiếu bài tập số 5**

**Câu 1:**

Các từ chỉ quan hệ thân tộc thường dùng xưng hô tạo thành cặp như sau: ông-cháu, bà-cháu, bác-cháu, bố-con, mẹ-con, chú-cháu, cô-cháu, cậu-cháu, dì-cháu, mợ - cháu, anh- em, chị-em,...

Những từ chỉ quan hệ thân tộc không dùng để xưng hô : vợ-chồng, bố chồng-con dâu, bố vợ-con rể ,...

**Câu 2:**

Các từ chỉ nghề nghiệp, chức vụ dùng để xưng hô như: thầy giáo, cô giáo, giáo sư, bác sĩ, giám đốc, chủ tịch, cửa hàng trưởng, thủ trưởng, sếp, sư trưởng, đại đội trưởng, đại tá, đại úy, …

Khi xưng hô với các cấp phó, người ta thường xưng hô thành cấp trưởng hoặc gọi chung là thủ trưởng, sếp, … bởi lẽ như đã nói ở trên, người Việt Nam có truyền thống xưng khiêm hô tốn , nên khi hô, người ta thường tôn lên.

**Câu 3:**

Các từ ngữ xưng hô có trong đoạn văn:

a ) ta- nhà ngươi, hoàng thượng- thần .

Những người tham gia giao tiếp là vua Lê Thánh Tông và Lê Nghĩa (quan chép sử) : nhà vua tự xưng là *ta*, gọi Lê Nghĩa là *nhà ngươi;* Lê Nghĩa tự xưng là *thần*, gọi vua là *hoàng thượng.*

b) đồng chí - tôi

c) các em - thầy

**III - BÀI TẬP VỀ NHÀ**

**Bài tập 1:**

Xét về phương châm hội thoại, nhân vật Mã Giám Sinh đã không tuân thủ phương châm hội thoại nào trong đoạn thơ sau? Vì sao?

Gần miền có một mụ nào,

Đưa người viễn khách tìm vào vấn danh.

Hỏi tên, rằng: “Mã Giám Sinh”

Hỏi quê, rằng: “Huyện Lâm Thanh cũng gần”

**Bài tập 2:**

Một khách mua hàng hỏi người bán:

- Hàng này có tốt không anh?

- Mốt mới đấy! Mua đi! Dùng rồi sẽ biết anh ạ.

Cách trả lời của người bán hàng vi phạm phương châm hội thoại nào? Tạo sao?

**Bài tập 3:**

Những câu sau liên quan đến phương châm hội thoại nào?

a) Ai ơi chớ vội cười nhau

Ngẫm mình cho tỏ trước sau hãy cười.

b) Hoa thơm ai nỡ bỏ rơi

Người khôn ai nỡ nói nhau nặng lời.

c) Biết thì thưa thốt

Không biết dựa cột mà nghe.

d) Nói có sách, mách có chứng.

đ) Nói gần nói xa chẳng qua nói thật.

**Bài tập 4:**

Đọc đoạn văn sau:

Ông lão nghệ nhân cố ghìm cơn giận dữ, bảo người đàn ông đứng trước mặt :

* Tôi đã nói rồi. Ông đi đi, kẻo con cháu tôi nó về bây giờ. Chúng tôi không bán chác gì sất . Chung quanh chỗ nào cũng rắc thuốc trừ sâu, còn mấy vườn tre với mặt nước đầm sen ở đây , chúng về trú ngụ , các ông đến định xua đuổi nốt đi à? Ông muốn bắt chim, mua chim thì đến nhà khác, hay ra chợ.

Người đàn ông tóc gọng kính, mặt con quay, vẫn cười cười nói nói:

* Cụ không bán cho con, qua kì sinh sản chúng cũng bay vãn đi mất. Con xin trả cụ theo giá chợ. Đêm chúng con tới bắt , bảo đảm êm ru , đủ số đặt cược, chẳng dám bắt hơn. Cô bé không thể biết được đâu cụ ơi.

Ông lão trợn mắt:

* Ông nói gì lạ thế. Ông chỉ biết lời lãi, chẳng hiểu giống chim làm tổ nuôi con, bắt chúng thì chim non kêu khóc, chim bố mẹ dáo dác tìm nhau, inh ỏi suốt ngày. Cháu tôi ăn ngủ sao được?

Gã lái buôn lẳng lặng quay ra.

( Vũ Lê Mai, bầu trời và tiếng chim)

a ) Tìm từ ngữ xưng hô giữa ông lão nghệ nhân và gã lái buôn.

b) phân tích cách xưng hô của ông lão nghệ nhân và của gã lái buôn . Thử giải thích cách xưng hô của hai người.

**Gợi ý trả lời:**

**Bài tập 1:**

Trong đoạn thơ, nhân vật Mã Giám Sinh đã không tuân thủ các phương châm hội thoại sau:

- Phương châm lịch sự: Trả lời cộc lốc, nhát gừng, thiếu tôn trọng người nghe.

- Phương châm về lượng: Nội dung trả lời chưa đáp ứng yêu cầu của giao tiếp: Hỏi tên mà chỉ trả lời họ và chức danh.

- Phương châm về chất: Mã Giám Sinh đã nói những điều không đúng sự thật (đã được giới thiệu là viễn khách, Mã lại nói mình ở huyện Lâm Thanh cũng gần…)

**Bài tập 2:**

Cách trả lời của người bán hàng vi phạm phương châm cách thức. Đây là cách nói nửa vời, mục đích của anh ta là để bán được hàng.

**Bài tập 3:**

a, b: Phương châm lịch sự.

c, d: Phương châm về chất

đ: Phương châm cách thức.

**Bài tập 4:**

a) Các từ ngữ xưng hô: tôi - ông ; cụ - con.

b) Ông lão nghệ nhân tự xưng là *tôi* , gọi giá lái buôn là *ông* ; gã lái buôn tự xưng là *con ,* gọi ông lão là *cụ.*

Cách xưng hô của ông lão có tính trung hòa để việc từ chối thêm chắc chắn, gã lái buôn xưng khiêm hô tôn ông lão để tỏ vẻ tôn trọng, lấy lòng ông lão, hòng đạt mục đích mua được chim.

**CÁCH DẪN TRỰC** **TIẾP VÀ CÁCH DẪN GIÁN** **TIẾP**

**I - LÝ THUYẾT**

**1. Cách dẫn trực tiếp**

- Dẫn trực tiếp: là cách trích dẫn lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩa của người khác hoặc của chính người nói.

- Cách thức dẫn trực tiếp:

+ Lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép hoặc xuống dòng sau dấu gạch ngang.

+ Lời dẫn trực tiếp có thể đứng trước, đứng giữa hoặc đứng sau lời người dẫn.

Ví dụ:

- Sinh thời, Hồ Chủ tịch đã từng nói: **"Không có gì quý hơn độc lập tự do**".

- Bác lái xe cũng rút từ túi cửa xe ra một gói giấy:

**- Còn đây là sách tôi mua hộ anh.** (Nguyễn Thành Long)

**2. Cách dẫn gián tiếp**

- Dẫn gián tiếp: là dẫn lại lời nói hay ý nghĩ của người khác hoặc của chính người nói nhưng có điều chỉnh lời lẽ cho thích hợp.

- Cách thức dẫn gián tiếp:

+ Lời dẫn gián tiếp tuy không bắt buộc đúng từng từ nhưng phải bảo đảm đúng ý, đúng nội dung.

+ Lời dẫn gián tiếp không đặt trong dấu ngoặc kép, có thể dùng từ rằng hoặc là đặt phía trước lời dẫn .

Ví dụ : Sinh thời, Hồ Chủ tịch đã từng nói rằng **độc lập tự do là thứ quý giá nhất.**

**3. Chuyển lời dẫn trực tiếp thành lời dẫn gián tiếp**

- Bỏ dấu hai chấm và dấu ngoặc kép (hoặc dấu gạch ngang)

- Thay đổi từ xưng hô cho thích hợp

- Lược bỏ các tình thái từ (nếu có) và thay đổi từ chỉ thời gian cho thích hợp.

- Có thể thêm từ rằng hoặc là trước lời dẫn.

**II - BÀI TẬP ÁP DỤNG**

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 1**  **Câu 1: Chỉ ra lời dẫn trực tiếp, gián tiếp trong các trường hợp sau:**   1. Tôi cũng kể cho chúng nghe nhiều về bà tôi, một hôm thằng lớn thở dài nói:   - Có lẽ tất cả các bà đều rất tốt, bà tới ngày trước cũng rất tốt,...  Nó thường nói một cách buồn bã: Ngày trước, trước kia, đã có thời... dường như nó đã sống trên trái đất này một trăm năm, chứ không phải mười một năm.  ( M. Go-rơ-ki)  b) Ngọc Hoàng cân nhắc, tuyên phạt ruồi khổ sai chung thân ; truyển cho chim chóc, cóc, nhái, thằn lằn, kiến, nhện ra sức giết bớt ruồi, không cho đẻ nhiều. Ngọc hoàng lại nói với loài người: " Ruồi có tội mà con người cũng có lỗi . Con người phải thường xuyên đậy điệm thức ăn, làm vệ sinh môi trường, nhà vệ sinh, chuồng trại phải xây theo lối mới thì mới ngăn chặn ruồi sinh sôi và hạn chế tác hại của ruồi được"  (Theo Tường Lan).  **Câu 2: Chuyển những lời dẫn trực tiếp trong các trường hợp sau theo cách dẫn gián tiếp:**  a) Họa sĩ nghĩ thầm: " Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước, dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn". (Nguyễn Thành Long)  b) Vũ Nương nói: "Tôi bị chồng ruồng rẫy, thà già ở chốn làng mây cung nước, chứ còn mặt mũi nào về nhìn thấy người ta nữa". (Nguyễn Dữ)  c) Vua Quang Trung tự mình đốc suất đại binh, cả thủy lẫn bộ cùng ra đi. Ngày 29 đến Nghệ An,vua Quang Trung cho mời người cống sĩ ở huyện La Sơn là Nguyễn Thiếp vào dinh và hỏi:  - Quân Thanh sang đánh, tôi sắp đem binh ra chống cự. Mưu đánh và giữ, cơ được hay thua, tiên sinh nghĩ như thế nào?  Thiếp nói:  - Bây giờ trong nước trống không, lòng người tan rã. Quân Thanh ở xa tới đây, không biết tình hình quân ta yếu hay mạnh, không hiểu rõ thế nên đánh, nên giữ ra sao. Chúa công ra đi chuyến này, không quá mười ngày, quân Thanh sẽ bị dẹp tan. (Ngô Gia Văn Phái)  **Câu 3:** Cho cậu sau: yêu quốc văn, yêu văn Việt thì tâm hồn ta sẽ dạt dào thêm sức sống, sức cảm xúc, mến yêu và suy nghĩ, do đó mà thêm sức chiến đấu.  (Xuân Diệu)  Hãy viết một đoạn văn ngắn có sử dụng câu trên làm lời dẫn trực tiếp. |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 2**  **Câu 1: Chỉ ra lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp:**  - Ông lão nghe chẳng sót một câu nào. Bao nhiêu là tin hay. Một em nhỏ trong ban tuyên truyền xung phong bơi ra giữ hồ Hoàn Kiếm cắm quốc kì lên Tháp Rùa. « Đấy, cứ cứ kêu chúng nó trẻ con mãi đi, liệu đã bằng chúng nó chưa ? ». một anh trung đội trưởng sau khi giết được bảy tên giặc đã tự sát bằng một quả lựu đạn cuối cùng…  ( Làng- Kim Lân)  - Nhân dịp Tết, một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở Sa Pa. Không có cháu ở đấy. Các chú lại cử một chú lên tận đây. Chú ấy nói : nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy, tháng ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng.  (Lặng lẽ Sa Pa- Nguyễn Thành Long)  **Câu 2:** Nhận xét lời dẫn và lời người dẫn trong các trường hợp sau. Nếu sai hãy sửa lại cho đúng:  a) Cha ông ta đã khẳng định vai trò của người thầy trong câu tục ngữ: “Không thầy đố mày làm nên”.  b) Con người sống có bản lĩnh sẽ không bị những ảnh hưởng xấu bên ngoài tác động đến. “Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng”, tục ngữ chẳng đã nhắc nhở ta như thế hay sao?  **Câu 3: Đọc văn bản sau:**  TUYỆT VỜI  Ba bảo tôi *rất tuyệt vời*... bạn Sa-ra bảo cần có mái tóc đẹp như bạn ấy. Tôi thì chẳng có.  Để *rất tuyệt vời*... bạn Dát-xtin bảo cần có răng trắng khỏe như răng bạn ấy. Tôi thì chẳng có.  Để *rất tuyệt vời*... bạn Dếch-xi-ca bảo mặt phải không có tàn nhang. Tôi lại bị tàn nhang đầy mặt.  Để *rất tuyệt vời*... bạn Mác bảo phải là học sinh thông minh nhất lớp. Tôi lại không.  Để *rất tuyệt vời*... bạn Xti- phơn bảo phải biết pha trò kể chuyện tiếu lâm. Tôi lại không.  Để *rất tuyệt vời*... bạn Lau- ren bảo phải sống trong một căn nhà đẹp ở một khu phố sang trọng.Tôi lại không.  Để *rất tuyệt vời*... bạn Mát- thêu bảo phải mặc quần áo và đi giày thật xịn. Tôi lại không.  Để *rất tuyệt vời*... bạn Xa- man- tha bảo phải sinh ra trong một gia đình giàu sang. Tôi lại không.  Nhưng mỗi tối khi ba ôn hôn tôi và chúc tôi ngủ ngon thì Người bảo: ”Con rất tuyệt vời, và ba yêu con”. Ba tôi hẳn biết định nghĩa thế nào là *rất tuyệt vời* mà các bạn tôi không biết.  ( Carla O’ Birien, theo Chúng ta sẽ ổn mà, bộ sách Những tấm lòng cao cả)   1. Tìm lời dẫn trong văn bản trên. Cho biết mỗi lời dẫn là lời nói hay ý nghĩ được dẫn, là lời dẫn trự tiếp hay gián tiếp. 2. Theo em, người cha định nghĩa thế nào là *rất tuyệt vời*? ( Viết dưới dạng câu dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp). |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 3**  **Câu 1: Chuyển các lời dẫn trực tiếp sau thành các lời dẫn gián tiếp.**   1. Anh ấy dặn lại chúng tôi: ” Ngàu mai tôi đi công tác vắng, các em ở nhà nhớ chăm lo cho bản thân, giữ gìn sức khẻ”. 2. Thầy giáo dặn cả lướp mình: ” Sắp đén kì thi hết cấp, các em cần chăm học hơn nữa”. 3. Chúng tôi chào bà: ” Chúng cháu chào bà, chúng cháu đi học ạ”   **Câu 2: Tìm lời dẫn trong các đoạn trích sau và cho biết đâu là dẫn lời nói, đâu là dẫn ý nghĩ.**  a ) Họa sĩ nghĩ thầm :" Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn".  (Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sa Pa)  b) Cụ giáo đã từng nghiêm khắc dặn học trò : " Lễ là tự lòng mình. Các anh trọng thầy thì các anh hãy làm như lời thầy dạy".  ( Hà Ân , Chuyện về người thầy)  c) Phải rồi, buổi trưa hôm trước, khi thấy tôi ăn một nắm cơm muối trắng bên bờ đồng và một đồng chí du kích, có một em bé từ phía nội cỏ đã đưa đến cho tôi một dúm tép rang. Em ấy bảo tép của em cất được... Khi đó tôi tự hỏi: Em này làm gì một mình giữa đồng mà lại đem cơm tép rang đi ăn?  ( Vũ Cao, Em bé bên bờ sông Lai Vu)  d) Tôi có ngay cái ý nghĩ vừa non nớt vừa ngây thơ này: chắc chỉ người thạo mới cầm nổi bút thước.  ( Thanh Tịnh, Tôi đi học)  **Câu 3:** Viết đọan văn nghị luận có nội dung liên quan đến ý kiến sau đây và trích dẫn ý kiến đó theo cách dẫn trực tiếp:  “ Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng”.  (*Hồ Chí Minh, báo cáo Chính trị tại Đại hội)* |

**Gợi ý trả lời:**

**Phiếu bài tập số 1**

**Câu 1: Chỉ ra lời dẫn trực tiếp, gián tiếp trong các trường hợp sau:**

a)

- Lời dẫn trực tiếp: Đặt sau dấu gạch ngang đầu dòng:

Có lẽ tất cả các bài đều rất tốt, bà tới ngày trước cũng rất tốt.

- Lời dẫn gián tiếp: đặt sau dấu (:) Ngày trước, trước kia, đã có thời…

b)

- Lời dẫn trực tiếp: Đặt trong dấu ngoặc kép: "Ruồi có tội mà có người cũng có lỗi. Con người phải thường xuyên đậy điệm thức ăn, làm vệ sinh môi trường, nhà vệ sinh, chuồng trại phải xây dựng theo lối mới thì mới ngăn chặn ruồi sinh sôi và hạn chế tác hại của ruồi được ".

- Lời dẫn gián tiếp:

+ Ruồi khổ sai chung thân;

+ Chim chóc, cóc, nhái, thằn lằn, kiến, nhện ra sức giết bớt ruồi, không cho đẻ nhiều.

**Câu 2: Chuyển:**

a) Họa sĩ nghĩ rằng khách tới bất ngờ chắc anh thanh niên chưa kịp quét tước, dọn dẹp nhà cửa, chăn màn.

b) Vũ Nương nói rằng nàng bị chồng ruồng rẫy, thà già ở chốn làng mây cung nước, chứ chẳng còn mặt mũi nào về gặp Trương Sinh nữa.

c) Vua Quang Trung tự mình đốc suất đại binh, cả thủy lẫn bộ cùng ra đi. Ngày 29 đến Nghệ An , vua Quang Trung cho mời người cống sĩ ở huyện La Sơn là Nguyễn Thiếp vào dinh và hỏi quân Thanh sang đánh , ông sắp đêm binh da chống cự. Mưu đánh và giữ, cơ được hay thua thế nào.

d) Nguyễn Thiếp nói rằng hiện giờ trong nước trống không, lòng người tan rã. Quân Thanh ở xa tới, không biết tình hình quân ta yếu hay mạnh. Quanh Trung ra đi chuyến này, không quá mười ngày , quân Thanh sẽ bị dẹp tan.

**Câu 3:**

Khi viết đoạn văn, chú ý để lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép. Tham khảo đoạn văn sau:

Tác dụng của văn học đối với đời sống con người thật là to lớn. Đặc biệt là văn học bằng tiếng mẹ đẻ. Về điều này, nhà thơ Xuân Diệu viết: " **Yêu quốc văn, yêu văn Việt thì tâm hồn ta sẽ dạt dào thêm sức sống, sức cảm xúc, mến yêu và suy nghĩ, do đó mà thêm sức chiến đấu".** Đúng như vậy , biết yêu văn học, biết cảm thụ văn học, con người sẽ giàu tình cảm hơn và sẽ có cuộc sống nội tâm phong phú hơn, hoàn thiện hơn.

**Phiếu bài tập số 2**

**Câu 1: Chỉ ra lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp:**

- Lời dẫn trực tiếp :« Đấy, cứ cứ kêu chúng nó trẻ con mãi đi, liệu đã bằng chúng nó chưa ? ».

- Lời dẫn gián tiếp :nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy, tháng ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng.

**Câu 2:**

- Trường hợp a: đúng.

- Trường hợp b: Lời người dẫn nói về nội dung: người có bản lĩnh sẽ không bị ảnh hưởng xấu từ môi trường sống; nhưng lời dẫn là câu tục ngữ lại có nội dung nói về ảnh hưởng của môi trường sống đến con người.

- Như vậy lời dẫn và lời người dẫn không phù hợp nhau nên có thể thay một trong hai yếu tố trên.

**Câu 3: Đọc văn bản sau:**

a) Trong văn bản trên có cả lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp:

* Lời dẫn trực tiếp: ”Con rất tuyệt vời, và ba yêu con”
* Lời dẫn gián tiếp: bạn ... bảo ...
* Mỗi lời dẫn gián tiếp là ý nghĩ của nhân vật,
* Lời dẫn trực tiếp là lời nói của người cha với con.

b) Gợi ý câu văn: Theo em, *rất tuyệt vời*, với người cha, không phải là một đứa con xinh đẹp, thông minh, giỏi giang, sống trong một căn nhà giàu có, sang trọng, đơn giản chỉ vì đó là một đứa con ngoan ngoãn, hiếu thảo. Chỉ thế là đủ để một mái nhà lúc nào cũng ấm áp tình yêu thương và đối với người cha thì đó là đứa con *rất tuyệt vời*.( Gián tiếp).

**Phiếu bài tập số 3**

**Câu 1:** Cũng như bài tập 1, trước hết phải tìm lời dẫn trong các đoạn trích. Sau đó, dựa vào nội dung dẫn để xác định lời dẫn lời nói và lời dẫn ý nghĩ.

a ) Lời dẫn ý nghĩ.

b) Lời dẫn lời nói.

c) Lời dẫn ý nghĩ.

d) Lời dẫn ý nghĩ.

**Câu 2:**

a) →Anh ấy dặn chúng tôi rằng ngày mai anh ấy đi công tác, Chúng tôi ở nhà nhớ chăm lo cho bản thân, giữ gìn sức khỏe.

b) →Thầy giáo dặn cả lớp mình là sắp đến kỳ thi hết cấp, chúng mình cần chăm học hơn nữa.

c) →Chúng tôi chào bà chúng tôi đi học.

**Câu 3:**

Đoạn văn tham khảo:

Truyền thống *Uống nước nhớ nguồn*, sống ân nghĩa thủy chung vẫn luôn là truyền thống quý báu tốt đẹp của dân tộc ta. Ngày nay, thế hệ con cháu VN được sống trong thời kỳ hòa bình độc lập thống nhất là nhờ sự cống hiến to lớn của thế hệ cha ông đi trước. Những thế hệ anh hùng dân tộc đi trước đã không tiếc máu xương của chính mình để bảo vệ được mảnh đất chữ S trước sự dòm ngó của biết bao kẻ thù xâm lược. Họ chính là hiện thân của một đất nước hào hùng, kiên cường bất khuất. Chính nhờ sự hy sinh của họ mà nó đã đặt nền tảng cho sự bình yên, hạnh phúc và no ấm của các thế hệ con cháu đời sau. Ngày nay, thế hệ trẻ được sống trong hòa bình êm ấm thì ko thể nào ko kể đến những tháng ngày bi thương mà hào dùng của dân tộc. Không chỉ có những vị anh hùng của dân tộc thời chiến, ngày nay cũng có rất nhiều những vị lãnh đạo tài ba xuất chúng đã hết mình vì tổ quốc non sông, vì nhân dân phục vụ. Tóm lại, thế hệ con cháu ngày nay cần trân trọng những thành quả của ông cha trong quá khứ và có những việc làm tri ân tới công lao của người đi trước như lời Bác dạy: “ Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc, vì các vị ấy là tiêu biểu của một dân tộc anh hùng”. .

**III - BÀI TẬP VỀ NHÀ**

**Bài tập 1:**

Tìm lời dẫn trong các đoạn trích sau và cho biết đâu là lời dẫn trực tiếp, đâu là lời dẫn gián tiếp.

a ) Ngọc Hoàng cân nhắc, tuyên phạt Ruồi khổ sai chung thân ; truyền cho chim chóc , cóc , nhái, thằn lằn, kiến, nhện ra sức giết bớt ruồi, không cho đẻ nhiều . Ngọc Hoàng lại nói với loài người : " Ruồi có tội mà con người cũng có lỗi . Con người phải thường xuyên đậy điệm thức ăn , làm vệ sinh môi trường ; nhà vệ sinh , chuồng trại phải xây theo lối mới thì mới ngăn chặn ruồi sinh sôi và hạn chế tác hại của ruồi được ".

( Tường Lan, Ngọc Hoàng xử tội Ruồi xanh)

b) Quê cháu ở Lào Cai này thôi. Năm trước, cháu tưởng cháu được đi xa lắm cơ đấy, hóa lại không. Cháu có ông bố tuyệt lắm. Hai bố con cùng viết đơn xin ra lính đi mặt trận. Kết quả: bố cháu thắng cháu một-không . Nhân dịp Tết, một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở Sa Pa. Không có cháu ở đấy. Các chú lại cử một chú lên tận đây. Chú ấy nói: nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy , tháng ấy , không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mỹ trên cầu Hàm Rồng . Đối với cháu , thật là đột ngột , không ngờ lại là như thế . Chú lái máy bay có nhắc đến bố cháu , ôm cháu mà lắc " Thế là một -hoà nhé!".

( Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sa Pa)

c) Sau có một viên quan sực nhớ đến Nguyễn Hiền bèn tâu vua có thể ông trạng trẻ tuổi chưa thâm thúy nhưng thông minh thì có thừa, may ra ông trạng giải được ( câu đố của sứ Tống ) thì hay. Vua bèn sai sứ giả đi luôn về Dương A mời ông trạng về kinh đô .

( Hà Ân , Ông trạng thả diều)

**Bài tập 2:** Chuyển các lời dẫn trực tiếp trong các trường hợp sau sang lời dẫn gián tiếp:

a) Sáng hôm qua Lan khoe với tôi: “ Mẹ mình mới mua cho mình bộ sách giáo khoa lớp 9”

b) Nam đã hứa với tôi như đinh đóng cột: “ Sáng mai tôi sẽ đi học”

c) Sáng hôm qua, Lan khoe với tôi rằng mẹ bạn ấy mới mua cho bạn ấy bộ sách giáo khoa lớp 9.

**Bài tập 3:** Cho câu sau: Nghề dạy Văn thật đáng yêu, học Văn thật là một niềm vui sướng lớn. ( Tố Hữu nói với các thầy cô giáo dạy Văn ở Hà Nội, tháng 3 - 1963)

Hãy viết hai đoạn văn ngắn có sử dụng câu trên làm lời dẫn trực tiếp và gián tiếp.

**Gợi ý trả lời:**

**Bài tập 1:**

Trước hết, cần tìm lời dẫn trong các đoạn trích. Sau đó , dựa theo cách dẫn và các dấu hiệu có/không có ngoặc kép để chỉ ra lời dẫn trực tiếp và lời dẫn gián tiếp.

Các lời dẫn gián tiếp:

a ) Ngọc Hoàng cân nhắc, tuyên phạt **Ruồi khổ sai chung thân**; truyền cho **chim chóc, cóc, nhái, thằn lằn, kiến, nhện ra sức giết bớt ruồi, không cho đẻ nhiều.**

b) Chú ấy nói: **nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy, tháng ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng.**

c) sau có một viên quan sực nhớ đến Nguyễn Hiền đèn câu vua **có thể ông chạy trẻ tuổi chưa thâm thúy nhưng thông minh thì có thừa, may ra ông trạng giải được ( câu đố của xứ Tống) thì hay.**

HS tự tìm các lời dẫn trực tiếp.

**Bài tập 2:**

a) Sáng hôm qua, Lan khoe với tôi rằng mẹ bạn ấy mới mua cho bạn ấy bộ sách giáo khoa lớp 9.

b) Nam đã hứa với tôi như đinh đóng rằng sáng mai bạn ấy sẽ đi học.

**Bài tập 3:**

Đoạn văn tham khảo:

Đoạn 1:

Trong bao nhiêu nghề, thì nghề giáo luôn là nghề mà được mọi người trân trọng, người ta có câu " nghề giáo là nghề cao quý nhất". Những người thầy luôn luôn ươm mầm cho những mầm non của đất nước. Để nuôi dưỡng tâm hồn cho trẻ, thì chắc chắn đó là những người thầy dạy văn. Văn học giúp chúng ta biết yêu ghét, phân biệt phái trái; biết ca ngợi cái chân- thiện -mỹ, lên án cái độc ác, xấu xa... Chính vì thế, trong buổi trò chuyện với các thầy cô giáo dạy Văn ở Hà Nội, tháng 3 - 1963, nhà thơ Tố Hữu nói rằng **nghề dạy Văn thật đáng yêu, học Văn thật là một niềm vui sướng lớn.**

Đoạn 2:

" Nghề dạy văn thật đáng yêu, học văn là một niềm vui sướng lớn" đó là câu nói của nhà thơ Tố Hữu mà đến tận bây giờ nó vẫn là nguồn động lực vô vàn cho em khi học văn. Trong cuộc sống, ai rồi cũng sẽ có những nghề nghiệp riêng cho bản thân, có thể là nông dân trồng những loại cây, bác sĩ chữa bệnh cho mọi người,... nhưng đối với em, nghề dạy học là một nghề vô cùng ý nghĩa và lớn lao. Khi mà thầy cô truyền đạt cho chúng em những kiến thức mới lạ, cho chúng em hiểu biết thêm về văn hóa và ngôn ngữ của dân tộc. Và đúng như câu trên của nhà thơ. Nghề dạy văn quả thật là một nghề đáng yêu và đáng kính còn việc học văn thì giống như một niềm vui tìm hiểu thêm về cuộc sống và những con người xung quanh thật tuyệt đến nhường nào.

**SỰ PHÁT TRIỂN TỪ VỰNG- TRAU DỒI VỐN TỪ**

**I - LÝ THUYẾT**

**1. Sự phát triển từ vựng**

a) Sự phát triển về mặt nghĩa: là hiện tượng tăng thêm nghĩa cho từ nhằm tạo ra các từ nhiều nghĩa.

- Có hai phương thức chủ yếu để phát triển nghĩa của từ:

+ Phương thức ẩn dụ: giữa nghĩa chuyển và nghĩa gốc có quan hệ tương đồng với nhau.

+ Phương thức hoán dụ: giữa nghĩa chuyển và nghĩa gốc có quan hệ gần gũi nhau.

Ví dụ: Từ " miệng " Có sự phát triển nghĩa như sau:

Nó há miệng ra. (Nghĩa gốc)

Nhà tôi có năm miệng ăn. ( Nghĩa chuyển - phương thức hoán dụ )

Cái chén đã sứt miệng. (Nghĩa chuyển-phương thức ẩn dụ)

- Phân biệt ẩn dụ tu từ, hoán dụ tu từ với ẩn dụ từ vựng, hoán dụ từ vựng:

+ Ẩn dụ tu từ , hoán dụ tu từ: tạo ra các nghĩa lâm thời cho từ, gắn với hoàn cảnh sử dụng cụ thể, theo chủ ý của người sáng tạo, tăng tính biểu cảm cho sự diễn đạt.

+ Ẩn dụ từ vựng, hoán dụ từ vựng: làm cho từ ngữ có thêm nghĩa chuyển, các nghĩa chuyển này được đưa vào giải thích trong từ điển được đông đảo người bản ngữ thừa nhận.

b) Sự phát triển về số lượng các từ ngữ: từ ngữ tiếng Việt ngày càng tăng nhanh về số lượng theo hai cách:

- Tạo từ ngữ mới:

+ Tạo từ ngữ bằng cách ghép những từ đã biết thành một từ ngữ mới.

Ví dụ: cơm, bụi→cơm bụi.

điện thoại, di động→điện thoại di động.

+ Tạo từ ngữ mới theo một mô hình có sẵn.

Ví dụ: x + tặc →lâm tặc, đinh tặc, tin tặc,...

x + trường: chiến trường, công trường, nông trường, thương trường,...

- Mượn từ ngữ của tiếng nước ngoài:

+ Mượn tiếng Hán. Ví dụ: thanh minh, tảo mộ, tài tử, giai nhân, phê bình, phê phán, hi sinh, biên cương, viễn xứ, độc lập,...

+ Mượn ngôn ngữ Ấn - Âu. Ví dụ: xà phòng, cà phê, ô tô, ra-di-ô,...

**2. Trau dồi vốn từ:** thường xuyên phải bổ sung từ mới làm cho vốn từ của mình ngày càng phong phú.

Việc dùng từ cần đạt được những yêu cầu sau:

- Dùng từ phải đúng về âm thanh và hình thức cấu tạo

- Dùng từ phải đúng về nghĩa

- Dùng từ phải đúng về quan hệ kết hợp

- Dùng từ phải thích hợp về phong cách ngôn ngữ của văn bản.

Để sử dụng từ tốt cần:

- Huy động từ ngữ theo trường nghĩa khi cần diễn đạt một nội dung nào đó.

- So sánh các từ trong cùng trường nghĩa nhất là các từ đồng nghĩa với nhau để thấy giá trị biểu đạt, biểu cảm của từ ngữ đó.

- Tích cực rèn luyện để tăng thêm vốn từ và tập sử dụng những từ mới trong hoàn cảnh giao tiếp tích hợp.

( Tài liệu: Nguyễn Nga- nhóm ngữ văn THCS)

**II - BÀI TẬP ÁP DỤNG**

*:*

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 1**  **Câu 1: Chỉ ra nghĩa gốc, nghĩa chuyển và phương thức chuyển nghĩa câu những từ in đậm được dùng trong các trường hợp sau:**   1. Mẹ giã gạo mẹ nuôi bộ đội.   Nhịp chày **nghiêng** giấc ngủ em **nghiêng**.  (Nguyễn Khoa Điềm)   1. Mùa **xuân** là tết trồng cây   Làm cho đất nước càng ngày càng **xuân**.  (Hồ Chí Minh)  **Câu 2:**  Đắn đo cân sắc cân tài  Ép cung cầm nguyệt thử bài quạt thơ  *(Nguyễn Du)*  Những từ “cân, ép” trong câu thơ được chuyển nghĩa theo cách ẩn dụ hay hoán dụ? Trong những câu trên, từ “cân, ép” nghĩa là gì?  **Câu 3: Tìm và chữ lỗi dùng từ trong các câu sau:**   1. Vấn đề cơm ăn áo mặc cho nhân nhân là một trong những vấn đề quẫn bách và cần thiết. 2. Cuộc đời cách mạng rất quảng đại của các lãnh tụ cách mạng là tấm gương sáng để chúng ta noi theo. 3. Anh Trỗi vẫn hiên ngang đến phút chót lọt. 4. Người cách mạng không sợ gió bão mưa phùn 5. Em hãy tả lại tinh thần ham học của một bạn trong lớp 6. Trong tù, người chiến sĩ cách mạng ấy ngâm thơ rất hay, giọng đầy cảm khoái. 7. Yếu điểm của anh ấy là thiếu quyết đoán trong công việc. |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 2**  **Câu 1: Tìm và chữa lỗi dùng từ trong các câu sau:**   1. Tiếng Việt rất giàu âm thanh và hình ảnh, có thể nói, tiếng Việt là thứ tiếng rất phong phú và linh động. 2. Họa sĩ Phạm Viết Song nhấp nháy bộ ria mép quen thuộc. 3. Nhà trường vừa tổ chức một đợt xâm nhập thực tế cho giáo viên và hcoj sinh.   **Câu 2: Xác định lỗi diễn đạt trong các câu sau và sửa lỗi:**   1. Nguyễn Duy là một nhà thi sĩ tài hoa 2. Trường phái tượng trưng đang rất được ưa chuộng trọng hội họa hiện đại ngày nay. 3. Với tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du được mệnh danh là ” tập đại thành của ngôn ngữ dân tộc”. 4. Xí nghiệp đang đẩy mạnh quy mô sản xuất để đáp ứng nhu cầu cảu xã hội.   **Câu 3: Đọc đoạn thơ sau:**  Em cu Tai ngủ trên **lưng** (1) mẹ ơi  Em ngủ cho ngoan đừng rời **lưng** (2) mẹ  Mẹ đang tỉa bắp trên núi Ka-lưi  **Lưng**(3) núi thì to mà **lưng** (4)mẹ nhỏ  Em ngủ ngoan em đừng làm mẹ mỏi  Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi  Mặt trời của mẹ, em nằm trên **lưng** (5).  (Nguyễn Khoa Điềm)  a) Cho biết nghĩa gốc,nghĩa chuyển và phương thức chuyển nghĩa của từ lưng trong mỗi trường hợp trên.  b) Phân tích giá trị biểu cảm của việc dùng từ "mặt trời" trong câu thơ "Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng" có thể coi là hiện tượng một nghĩa gốc của từ phát triển thành nhiều nghĩa được không? Vì sao? |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 3**  **Câu 1:** Thêm yếu tố cấu tạo nào theo kiểu “x + tặc” để các yếu tố sau trở thành những từ mới:  Phi hành, triết, chuyên, thương, văn, toán, sinh, vật lí.  **Câu 2:** Lựa chọn và điền các từ ngữ mới (Cầu truyền hình, đường cao tốc, đường vành đai, công viên nước, công ti trách nhiệm hữu hạn, thương hiệu, dịch vụ hậu mãi) vào những chỗ trống trong các câu sau:  a) …………hình thức truyền hình tại chỗ cuộc giao lưu, đối thoại trực tiếp qua hệ thống ca-mê-ra giữa các địa điểm cách xa nhau.  b)…………công viên giải trí, trong đó chủ yếu là những trò chơi dưới nước như trượt nước, bơi thuyền, tắm biển nhân tạo,..  c) …………đường xây dựng theo tiêu chuẩn đặc biệt dành riêng cho xe cơ giới chạy với vận tốc cao (khoảng từ 100km / h trở lên)  d) …………đường bao quanh, giúp cho những phương tiện vận tải có thể đi vòng qua để đến một địa phương khác mà không đi vào bên trong thành phố, nhằm giải tỏa giao thông thành phố.  e) ………..nhãn hiệu hàng hóa được dùng trên thị trường, nhãn hiệu thương mại.  g) ……….là công ti trong đó các chủ sở hữu vốn chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ của Công ti trong phạm vi phần vốn của mình đã góp vào Công ti.  h)………..là dịch vụ sau khi mua, hàng được đưa đến tận nhà, lắp ráp, bảo hành.  **Câu 3:** Viết một đoạn văn ngắn (khoảng từ 5- 7 dòng), nội dung tự chọn, trong đoạn có sử dụng ít nhất hai từ mới và gạch chân dưới hai từ mới ấy. |

**Gợi ý trả lời:**

**Phiếu bài tập số 1**

**Câu 1:**

a)

- Từ "nghiêng" trong " nhịp chày nghiêng"là nghĩa gốc của từ,chỉ trạng thái của chiếc trời không theo phương thẳng đứng mà nghiêng về một bên.

- Từ "nghiêng" trong "giấc ngủ em nghiêng" được dùng với nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ, chỉ trạng thái giấc ngủ của em cu Tai. giấc ngủ của em không được yên mà chập chờn nghiêng theo nhịp chày giã gạo của mẹ. Điều này chứng tỏ nỗi vất vả của mẹ đã lan truyền sang em, em cũng đang chia sẻ vất vả, nhọc nhằn cùng mẹ.

b)

- Từ "xuân " trong "Mùa xuân là tết trồng cây" hiểu theo nghĩa gốc: mùa đầu tiên trong năm, chuyển tiếp từ mùa đông sang, khi trời ấm áp, vạn vật sinh sôi, căng tràn sức sống.

- Từ xuân trong câu " Làm cho đất nước càng ngày càng xuân" được dùng với nghĩa chuyển theo phương thức ẩn dụ, chỉ sự tươi trẻ, sức sống dồi dào…

**Câu 2:**

- Trong câu thơ, từ *cân, ép* được dùng theo nghĩa ẩn dụ.

- Nghĩa của từ:

+ *Cân*: đánh giá xem ra sao.(Mã Giám Sinh đánh giá tài sắc của Kiều)

+ *Ép*: bắt buộc (buộc Kiều miễn cưỡng làm theo)

**Câu 3: Tìm và chữ lỗi dùng từ trong các câu sau:**

1. Vấn đề cơm ăn áo mặc cho nhân nhân là một trong những vấn đề quẫn bách và cần thiết.
2. Cuộc đời cách mạng rất quảng đại của các lãnh tụ cách mạng là tấm gương sáng để chúng ta noi theo.
3. Anh Trỗi vẫn hiên ngang đến phút chót lọt.
4. Người cách mạng không sợ gió bão mưa phùn
5. Em hãy tả lại tinh thần ham học của một bạn trong lớp
6. Trong tù, người chiến sĩ cách mạng ấy ngâm thơ rất hay, giọng đầy cảm khoái.
7. Yếu điểm của anh ấy là thiếu quyết đoán trong công việc.

**Phiếu bài tập số 2**

**Câu 1: Tìm và chữa lỗi:**

1. Tiếng Việt rất giàu âm thanh và hình ảnh, có thể nói, tiếng Việt là thứ tiếng rất phong phú và **linh động**.

***Chữa:*** Tiếng Việt rất giàu âm thanh và hình ảnh, có thể nói, tiếng Việt là thứ tiếng rất phong phú và sinh động.

1. Họa sĩ Phạm Viết Song **nhấp nháy** bộ ria mép quen thuộc.

***Chữa:*** Họa sĩ Phạm Viết Song mấp máy bộ ria mép quen thuộc.

1. Nhà trường vừa tổ chức một đợt **xâm nhập** thực tế cho giáo viên và học sinh.

***Chữa:*** Nhà trường vừa tổ chức một đợt thâm nhập thực tế cho giáo viên và học sinh.

**Câu 2: Xác định lỗi diễn đạt trong các câu sau và sửa lỗi:**

1. Nguyễn Duy là một nhà thi sĩ tài hoa
2. Trường phái tượng trưng đang rất được ưa chuộng trọng hội họa hiện đại ngày nay.
3. Với tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du được mệnh danh là ” tập đại thành của ngôn ngữ dân tộc”.
4. Xí nghiệp đang đẩy mạnh quy mô sản xuất để đáp ứng nhu cầu cảu xã hội.

**Câu 3:**

a) Cho biết nghĩa gốc ,nghĩa chuyển và phương thức chuyển nghĩa của từ lưng trong mỗi trường hợp:

- Từ lưng trong trường hợp (1.2.4,5) được dùng theo nghĩa gốc: phần sau của thân người từ vai đến thắt lưng.

- Từ lưng trong trường hợp (3) được dùng với nghĩa chuyển phương thức chuyển nghĩa ẩn dụ: phần sau của vật.

b) Hai câu thơ là sự liên tưởng thú vị của tác giả khi người mẹ Tà- ôi địu con lên nương tỉa bắp . Tác giả đã so sánh, đối chiếu và sử dụng sóng đôi hai hình ảnh mặt trời, một hình ảnh tả thực và một hình ảnh ẩn dụ để ngợi ca tình mẫu tử thiêng liêng.

- Mặt trời của bắp là hình ảnh tả thực, là mặt trời của thiên nhiên, vũ trụ đang nằm trên đồi, mang lại ánh sáng và hơi ấm cho muôn vật để cây bắp tốt tươi ,...

- Mặt trời của mẹ là một hình ảnh ẩn dụ đẹp chỉ đứa con đang nằm trên lưng mẹ, được mẹ chở che, ôm ấp. Mặt trời của thiên nhiên quan trọng với cây bắp thế nào thì cu Tai cũng quan trọng với mẹ như thế. Vì em bé là mặt trời trong sự đối sánh với mặt trời của tự nhiên, nhà thơ khẳng định vai trò to lớn của đứa con trong lòng mẹ. Con là động lực giúp mẹ vượt qua mọi gian khổ của công việc. Con là niềm vui, là lẽ sống, là ánh sáng, là hơi ấm của đời mẹ. Vì thế ,mẹ luôn nâng niu, che chở để mặt trời con luôn ấm và sáng mãi trong lòng mẹ.

- Từ mặt trời trong câu thơ "Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng" không thể coi là hiện tượng một nghĩa gốc của từ phát triển thành nhiều nghĩa được vì nó chỉ có ý nghĩa lâm thời, dùng theo ý đồ nghệ thuật của tác giả, không được lưu vào từ điển.

**Phiếu bài tập số 3**

**Câu 1:**

Thêm vào các yếu tố cấu tạo theo kiểu “x + tặc” để tạo từ mới:

- Phi hành gia, triết gia, chuyên gia, thương gia,….

- Văn học, toán học, sinh học, vật lí học,…

**Câu 2:** Lựa chọn và điền các từ ngữ mới

a) Cầu truyền hình.

b) Công viên nước.

c) Đường cao tốc.

d) Đường vành đai.

e) Thương hiệu.

g) Công ti trách nhiệm hữu hạn

h) Dịch vụ hậu mãi.

**Câu 3:** Viết một đoạn văn ngắn (khoảng từ 5- 7 dòng), nội dung tự chọn, trong đoạn có sử dụng ít nhất hai từ mới và gạch chân dưới hai từ mới ấy.

***Đoạn văn tham khảo:***

Hiện nay, ngôn ngữ của chúng ta xuất hiện rất nhiều từ ngữ mới: Lâm tặc, sơn tặc, hải tặc, không tặc..., thậm chí “ đinh tặc”. Lâm tặc, nếu hiểu theo nghĩa truyền thống, sơn tặc là cướp hoạt động ở địa bàn rừng núi, lấy sơn trại làm căn cứ; hải tặc là cướp trên biển và ven biển, thủy tặc cướp ở vùng sông, hồ... nhưng lâm tặc không có nghĩa là cướp ở trong rừng mà là phá rừng, mọi hình thức phá rừng, buôn lậu gỗ, động vật quí hiếm... “lâm” là đối tượng của “tặc”. Còn “đinh tặc” lại có biểu thị khác: dùng đinh làm phương tiện vi phạm pháp luật, “đinh” là phương tiện của “tặc”.

**III - BÀI TẬP VỀ NHÀ**

**Bài tập 1:**

Dựa vào nghĩa: " tạo nên sản phẩm" của từ đánh ( đánh chiếc nhẫn), hãy giải thích nghĩa của cụm từ: đánh máy bài phát biểu.

**Bài tập 2:**

Từ *mảnh* có các nghĩa như sau:

1. Phần nhỏ, mỏng , tách ra từ chỉnh thể : xé tờ giấy thành nhiều mảnh, mảnh gương vỡ.
2. Thanh, nhỏ nhắn: dáng người mảnh, xé sợi cho thật mảnh.

Nghĩa (2) được chuyển nghĩa theo phương thức nào?

**Bài tập 3:**

Từ *gạch* có các nghĩa như sau:

1. Hoạt động vạch tạo thành đường thẳng: gạch chéo, gạch chân những từ cần nhấn mạnh.
2. Xóa bỏ cái đã viết: gạch tên trong danh sách, chỗ nào sai thì gạch bằng mực đỏ.

Nghĩa (2) được chuyển nghĩa theo phương thức nào?

**Bài tập 4:**

Từ đầu trong từ điển tiếng Việt có các nghĩa được minh họa bằng các ví dụ:

a ) Đầu con người; đầu con ngựa.

b) Anh ta có cái đầu tuyệt vời, nhớ đến từng chi tiết.

c) Đầu máy bay; đầu tủ.

d) Dẫn đầu; lần đầu.

e) Sản lượng tính theo đầu người; mỗi lao động hai đầu lợn.

Hãy giải thích nghĩa của từ *đầu* trong những ví dụ trên và nói rõ phương thức chuyển nghĩa của từng trường hợp.

**Bài tập 5:**

Trong *Truyện Kiều,* Nguyễn du đã 76 lần dùng từ *mặt*, trong đó có các lần như sau:

* Người quốc sắc , kẻ Thiên Tài,

Tình trong như đã, **mặt** ngoài còn e.

* Sương in **mặt** , tuyết pha thân,

Sen vàng lãng đãng như gần như xa.

* Buồn trông nội cỏ rầu rầu,

Chân mây **mặt** đất một màu xanh xanh.

* Làm cho rõ **mặt** phi thường,

Bấy giờ ta sẽ rước nàng nghi gia.

Hãy cho biết nghĩa của từ *mặt* trong từng lần sử dụng trên. Trường hợp nào từ *mặt* được dùng với nghĩa gốc, trường hợp nào được dùng với nghĩa chuyển?

**Bài tập 6:**

Hãy hoàn thiện sơ đồ sau:

Sự phát tirển của từ vựng

Phát triển nghĩa của từ

Tạo từ mới

**Bài tập 7:**

Đọc hai đoạn trích sau:

a) Đặc biệt bao bì ni lông màu đựng thực phẩm làm ô nhiễm thực phẩm do chứa các kim loại như chì, ca-đi-mi gây tác hại cho não và là nguyên nhân gây ung thư phổi. Nguy hiểm nhất là khi các bao bì ni lông thải bỏ bị đốt, các khí độc thải ra đặc biệt là chất đi-ô-xin có thể gây ngộ độc, gây ngất, khó thở, nôn ra máu, ảnh hưởng đến các tuyến nội tiết, giảm khả năng miễn dịch, gây rối loạn chức năng, gây ung thư và các dị tật bẩm sinh cho trẻ sơ sinh. *(Thông tin về Ngày trái đất năm 2000)*

b) Trong khói thuốc lá lại có chất ô-xít các-bon, chất này thấm vào máu, bám chặt các hồng cầu không cho chúng tiếp cận ôxi nữa. Không lạ gì sức khỏe của người nghiện thuốc ngày càng sút kém  *(Ôn dịch, thuốc lá)*

Hãy xác định từ mượn các ngôn ngữ Châu Âu có trong đoạn trích trên.

**Gợi ý trả lời:**

**Bài tập 1:**

*Đánh máy bài phát biểu:* dùng máy chữ, máy vi tính để tạo ra bài phát biểu.

**Bài tập 2:**

Dựa vào định nghĩa ẩn dụ và hoán dụ đã nói ở trên, xác định x và y, sau đó xem xét quan hệ giữa x và y , từ đó kết luận về phương thức chuyển nghĩa.

Ở đây, nghĩa (2) được chuyển nghĩa theo phương thức ẩn dụ.

**Bài tập 3:**

Nghĩa (2) được chuyển nghĩa theo phương thức hoán dụ.

**Bài tập 4:**

Trước hết cần tra từ điển tiếng Việt để biết nghĩa của từ *đầu* ứng với các ví dụ đã cho. Cách xác định phương thức chuyển nghĩa như cách làm bài tập 1, 2.

a ) Đ*ầu :* phần trên cùng của cơ thể hoặc động vật, nơi chứa bộ óc.

b) Đầu : trí tuệ, tư tưởng của con người (hoán dụ).

c) Đầu : bộ phận trước nhất, trên cùng của đồ vật (ẩn dụ).

d) Đầu: ở vị trí trước nhất trong không gian hoặc thời gian ( ẩn dụ).

e) Đầu : đơn vị người, động vật ( hoán dụ).

**Bài tập 5:**

Dựa vào từ điển, nắm được các nghĩa khác nhau của từ mặt:

1. Phần phía trước từ trán đến cằm của đầu người, hay phần phía trước của đầu con thú: rửa mặt; mặt trái xoan…
2. Những nét trên mặt người biểu hiện thái độ, tâm tư tình cảm : mặt lạnh như tiền; tay bắt mặt mừng, …
3. Mặt người, làm phân biệt người này với người khác, dùng để chỉ từng cá nhân khác nhau: gặp mặt; họp mặt,...
4. Mặt con người, coi là biểu trưng cho thể diện, danh dự, phẩm giá: ngượng mặt; nói cho rát mặt; tỏ mặt anh thư ; đáng mặt anh hào,...
5. Phần phẳng ở phía trên, hoặc phía ngoài của vật, phân biệt với phần bên dưới hoặc bên trong: mặt bàn; mặt nước, …

Trên cơ sở các nghĩa của từ *mặt,* tự xác định ý nghĩa từng cách dùng ở các câu thơ của Nguyễn Du.

**Bài tập 6:**

Sơ đồ được hoàn thiện:

Sự phát tirển của từ vựng

Phát triển số lượng của từ

Phát triển nghĩa của từ

Tạo từ mới

Mượn từ ngữ

nước ngoài

Phương thức

hoán dụ

Phương thức

ẩn dụ

**Bài tập 7:**

Các từ mượn các ngôn ngữ Châu Âu có trong đoạn trích trên.:

a) Ni lông, ca-đi-mi, đi-ô-xin.

b) Ô-xít các-bon, ôxi.

**THUẬT NGỮ**

**I - LÝ THUYẾT**

**1. Khái niệm:**

Thuật ngữ là những từ ngữ biểu thijcacs khái niệm được dùng trong các ngành khoa học, kĩ thuật và coogn nghệ.

**2. Đặc điểm:**

- Mỗi thuật ngữ trong một ngành khoa học chỉ biểu thị một khái niệm và ngược lại, mỗi khái niệm khoa học chỉ biểu thị bằng một thuật ngữ.

- Các thuật ngữ trung hòa về sắc thái biểu cảm.

**II - BÀI TẬP ÁP DỤNG**

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 1**  **Câu 1:** Hãy dựa vào kiến thức Ngữ văn đã học, em hãy điền các từ ngữ vào chỗ trống trong các câu sau:  a) …………..là loại truyện dân gian kể về cuộc đời của một số kiểu nhân vật quen thuộc. Truyện thường có yếu tố hoang đường, thể hiện ước mơ niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt đối với cái xấu, sự công bằng đối với sự bất công.  b) ………..là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sử thời quá khứ, thường có yếu tố tưởng tượng kì ảo. Nó thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử được kể.  c) ………. là loại truyện kể, bằng văn xuôi hoặc văn vần, mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc chính con người để nói bóng gió, kín đáo chuyện con người, nhằm khuyên nhủ, răn dạy người ta bài học nào đó trong cuộc sống.  d) ………..là loại truyện kể về những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống nhằm tạo ra tiếng cười mua vui hoặc phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội.  e) ……. ….là vấn đề chủ yếu mà người viết muốn đặt ra trong văn bản.  g) ...............là loại văn bản nhằm giúp người đọc hình dung được đặc điểm, tính chất nổi bật của một sự vật, sự việc, con người, phong cách, làm cho những cái đó hiện lên trước mắt người đọc.  Các từ ngữ được điền vào có thể xem là các thuật ngữ của ngành học Ngữ văn hay không?  **Câu 2:** Hãy kể một số thuật ngữ trong lĩnh vực tin học, văn học.  **Câu 3:**  Viết một đoạn văn thuyết minh giới thiệu tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ. Hãy gạch chân các thuật ngữ văn học mà em đã sử dùng trong đoạn văn. |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 2**  **Câu 1: Tìm thuật ngữ thích hợp đền vão chõ trống:**  a) /.../ là đoạn thẳng có một đầu là đỉnh của tam giác, một đầu là giao điểm của tia phân giác xuất phát từ điểm đó với cạnh đối diện.  b) /.../ là khả năng của cơ thể không bị mắc một số bệnh ngay cả lcus mới vừa sinh ra.  c) /.../ là năng lượng của một vật có được do vị trí của một vật so với mặt đất.  d) /.../ là nhiều chất trộn lẫn vào nhau mà khôn ghóa hợp thành một chất khác.  e) /.../ là quá trình làm biến đổi chất này thành chất khác.  f) /.../ trong bài văn nghị luận là những tư tưởng, quan điểm, chủ trương mà người viết (nói) nêu ra ở trong bài.  **Câu 2:**Cách nói:"cậu nói như thế là không ổn, cần tuân thủ các phương châm hội thoại, nhất là phương châm lịch sự."trong giao tiếp hàng ngày có thích hợp không? Tại sao? Cần phải sửa lại thế nào?  **Câu 3:**  Tìm hiểu nghĩa của thuật ngữ *hoa, lá* trong Sinh học. Cho biết từ *hoa lá* trong đoạn thơ sau có được dùng như một thuật ngữ hay không.  Từ ấy trong tôi bừng nắng hạ  Mặt trời chân lí chói qua tim  Hồn tôi là một vườn hoa lá  Rất đậm hương và rộn tiếng chim.  (Tố Hữu, Từ ấy) |

**Gợi ý trả lời:**

**Phiếu bài tập số 1**

**Câu 1:**Điền các từ ngữ vào chỗ trống như sau:

a) Truyện cổ tích.

b) Truyền thuyết

c) Truyện ngụ ngôn.

d) Truyện cười

e) Chủ đề

g) Văn miêu tả.

Các từ ngữ trên là những thuật ngữ của ngành học Ngữ văn.

**Câu 2:**

HS có thể kể một số thuật ngữ sau:

- Trong tin học: con chuột, ổ cứng, đĩa mềm, cửa sổ, virút,....

- Trong văn học: đề tài, chủ đề, nhân vật, tình huống truyện, .......

**Câu 3:**

Viết một đoạn văn thuyết minh giới thiệu tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ. Hãy gạch chân các thuật ngữ văn học mà em đã sử dùng trong đoạn văn.

***Đoạn văn tham khảo:***

Tác phẩm “Chuyện người con gái Nam Xương”- Nguyễn Dữ là một trong 20 tác phẩm của Truyền kì mạn lục. Qua cuộc đời của Vũ Nương, Nguyễn Dữ tố cáo cuộc chiến tranh phi nghĩa đã làm tan vỡ hạnh phúc lứa đôi, đồng thời thể hiện sự cảm thông sâu sắc với khát vọng hạnh phúc cũng như bi kịch của người phụ nữ trong xã hội xưa. Tác phẩm cũng là sự suy ngẫm, day dứt trước sự mong manh của hạnh phúc trong kiếp người đầy bất trắc. Tác phẩm cho thấy nghệ thuật xây dựng tính cách nhân vật già dặn. Sự đan xen thực ảo một cách nghệ thuật, mang tính thẩm mĩ cao. “Chuyện người con gái Nam Xương” là một truyện ngắn đặc sắc cả về nội dung lẫn nghệ thuật trong tác phẩm Truyền kì mạn lục của Nguyễn Dữ. Truyện đã thể hiện được sự phối hợp hài hòa giữa chất hiện thực (câu chuyện được lưu truyền trong dân gian) với những nét nghệ thuật đặc trưng của thể loại truyền kì (yếu tố kì lạ hoang đường).

**Phiếu bài tập số 2**

**Câu 1: Tìm thuật ngữ thích hợp đền vão chõ trống:**

a) /.../ là dạng sinh vật đặc biệt gồm tảo và nấm cộng sinh, thường sống bám trên thân các cây gỗ hoặc trên đá **( địa y).**

b) /.../ là khả năng của cơ thể không bị mắc một số bệnh ngay cả lúc mới vừa sinh ra **( miễn dịch).**

c) /.../ là năng lượng của một vật có được do vị trí của một vật so với mặt đất **(thế năng hấp dẫn).**

d) /.../ là nhiều chất trộn lẫn vào nhau mà không hóa hợp thành một chất khác **(hỗn hợp).**

e) /.../ là quá trình làm biến đổi chất này thành chất khác **(phản ứng hóa học).**

f) /.../ trong bài văn nghị luận là những tư tưởng, quan điểm, chủ trương mà người viết (nói) nêu ra ở trong bài **(luận điểm).**

**Câu 2:**

Các thuật ngữ chỉ dùng trong các văn bản khoa học, không dùng trong đời thường. Có thể sửa lại như sau:

*Cậu nói như thế là không ổn, cần lịch sự hơn.*

**Câu 3:**

Tham khảo các nghĩa sau:

- Hoa: cơ quan sinh sản hữu tính của cây hạt kín, có bộ phận chủ yếu là nhị ( bộ phận đực) và nhụy ( bộ phận cái) , còn đài và tràng làm thành bao hoa che chở ở ngoài.

- Lá: cơ quan của cây mọc ở thân hoặc ở cành, thường có hình bản giẹp, màu lục, có chức năng chủ yếu trong việc chế tạo chất hữu cơ nuôi cây.

HS đối chiếu với nghĩa của các từ hoa, lá trên đây để xác định từ hoa lá trong đoạn thơ của Tố Hữu có được dùng như một thuật ngữ hay không.

**III - BÀI TẬP VỀ NHÀ**

**Bài tập 1:**

Hãy giải thích các thuật ngữ sau của phân môn Tiếng Việt: từ đơn, từ ghép, từ láy, ẩn dụ, hoán dụ.

**Bài tập 2:**

Trong các trường hợp sau, trường hợp nào *nước* được dùng với tư cách là thuật ngữ: *nước dùng, nước cứng, nước chấm, nước da , nước mềm, nước máy?*

**Bài tập 3:**

Trong các nghĩa sau của từ *cháy*, nghĩa nào là nghĩa thuật ngữ Hóa học?

1. Bén, bốc lửa thành ngọn.
2. Phản ứng tỏa nhiệt và có ánh sáng.
3. Bị thiêu hủy bằng nhiệt.
4. Bị hủy hoại trở nên sạm đen do thời tiết, khí hậu.

**Bài tập 4:**

Trong hai từ “muối” ở hai trường hợp sau, từ “ muối” nào là thuật ngữ? Giải thích nghĩa của từ ” muối” trong hai trường hợp?

* **Muối** là một hợp chất có thể hòa tan trong nước(1)
* Tay nâng đĩa **muối** chén gừng

Gừng cay muối mặn xin đừng quên nhau(2)

**Gợi ý trả lời:**

**Bài tập 1:**

Đọc lại các kiến thức về Tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn THCS, từ đó giải thích các thuật ngữ đã cho.

**Bài tập 2:**

Tham khảo các lời giải thích sau:

* Nước dùng: nước nấu bằng cách ninh xương, tôm, cua cùng với muối, mắm, gia vị, dùng để chan vào phở, bún.
* Nước cứng: nước có chứa nhiều ion Ca²+ , Mg²+.
* Nước chấm: nước hòa dung dịch mặn, có thêm gia vị để chấm thức ăn.
* Nước da: màu sắc của da người.
* Nước mềm: nước không chứa hoặc chứa ít ion Ca²+,Mg²+ .
* Nước máy: nước do nhà máy nước cung cấp, chảy qua đường ống, dùng trong sinh hoạt hằng ngày của nhân dân .

**Bài tập 3:**

Chú ý đến Nghĩa thứ (2) .

**Bài tập 4:**

Muối(1) là một thuật ngữ, không có tính biểu cảm, không gợi thêm nghĩa nào.

Muối(2) là một từ thông thường, đứng trong tổ hợp “ gừng cay muối mặn” để gợi lên những vất vả, gian truân mà con người phải nếm trải trong đời.

**THÀNH PHẦN PHỤ KHỞI NGỮ VÀ CÁC THÀNH PHẦN BIỆT LẬP**

**I - LÝ THUYẾT**

**1. Thành phần Khởi Ngữ**

a) Khái niệm: Khởi ngữ là thành phần câu đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu.

Ví dụ: ***Một mình*** thì anh bạn trên đỉnh Phan-xi-păng ba nghìn một trăm bốn mươi hai nét kia mới một mình hơn cháu. ( Lặng lẽ Sa Pa- nguyễn Thành Long)

b) Nhận diện khởi ngữ

- Về vị trí: đứng trước chủ ngữ của câu

- Về nội dung: chỉ ra đề tài chính được nói đến trong câu.

- Ngoài ra, trước khởi ngữ có thể thêm các quan hệ từ: về, đối với, còn.

c) Chuyển câu chưa có khởi ngữ thành câu có khởi ngữ

- Khởi ngữ có thể quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với phần câu còn lại. Vì vậy, có thể chuyển câu chưa có khởi ngữ thành câu có khởi ngữ.

- Cách chuyển:

+ Đọc kỹ câu đã cho để xác định từ ngữ chứa đề tài của câu.

+ Đưa những từ ngữ chứa đề tài vừa xác định lên trước chủ ngữ của câu và biến đổi phần còn lại của câu cho phù hợp. Có thể thêm các quan hệ từ: về, đối với, còn trước khởi ngữ để kiểm chứng.

Ví dụ:

- Bà ấy có hàng kho vàng nhưng bà ấy lại chẳng có đứa con nào.

→ Vàng, bà ấy có hàng kho nhưng con thì bà ấy lại chẳng có đứa nào.

d) Tác dụng: Khởi ngữ là bộ phận nêu đề tài của câu, gây sự chú ý cho người đọc, người nghe. Sử dụng khởi ngữ cũng có thể giúp cho các câu văn trong đoạn liên kết với nhau chặt chẽ hơn, bố cục mạch lạc hơn.

**2. Các thành phần biệt lập**

1. Khái niệm: Là bộ phận nằm ngoài cấu trúc cú pháp của câu, không tham gia vào việc diễn đạt nghĩa sự việc trong câu.
2. Các thành phần biệt lập

**\* Thành phần tình thái:**

- Được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.

Ví dụ: Sương chùng chình qua ngõ

***Hình như*** thu đã về . (Hữu Thỉnh)

- Thành phần tình thái thường sử dụng các từ ngữ chỉ độ tin cậy của người nói với sự việc được nói (có lẽ, có thể, hình như, dường như, có vẻ như, chắc, chắc hẳn, chắc là…) , hoặc những từ ngữ chỉ nguồn ý kiến của sự việc được nói trong câu (Theo tôi được biết, Theo thông báo của đài…).

**\* Thành phần cảm thán:** được dùng để bộc lộ tâm lý của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu (vui, buồn, ngạc nhiên…)

Ví dụ : ***Ôi,*** quê mẹ nơi nào cũng đẹp.

- Thành phần cảm thán thường sử dụng các thán từ bộc lộ cảm xúc (ôi, chao ôi, ồ , Trời ơi, hỡi ôi..) thường đứng trước cấu trúc ngữ pháp của câu.

Lưu ý: Khi việc bộc lộ cảm xúc của người nói được tách thành một câu riêng thì đó không còn là thành phần biệt lập cảm thán mà trở thành câu đặc biệt.

Ví dụ: **Than ôi!** Thời oanh liệt nay còn đâu? (Thế Lữ)

**\* Thành phần gọi - đáp:** Được dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp.

Ví dụ: **Này,** rồi cũng phải nuôi lấy con lợn... mà ăn mừng đấy! (Kim Lân)

- Thành phần gọi - các thường đứng trước cấu trúc cú pháp của câu hoặc cuối câu, ngăn cách với nòng cốt câu bởi dấu phẩy, thường sử dụng các từ ngữ gọi đáp (này, ừ, dạ, vâng... hoặc các tên riêng).

Lưu ý: Khi việc gọi - đáp được tách thành một câu riêng biệt thì đó không còn là thành phần biệt lập gọi đáp mà trở thành câu đặc biệt gọi - đáp.

Ví dụ: **Vâng!** Ông giáo dạy phải. (Nam Cao)

**\* Thành phần phụ chú:** được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu.

Ví dụ: Vũ Thị Thiết**, người con gái quê ở Nam Xươ**ng, tính đã thùy mị nết na, lại thêm có tư dung tốt đẹp. (Nguyễn Dữ)

- Thành phần phụ chú đứng ở giữa câu hoặc cuối câu, thường được đặt giữa hai dấu gạch ngang, hai dấu phẩy, hoặc trong dấu ngoặc đơn hoặc giữa một dấu gạch ngang với một dấu phẩy,. .

- Thành phần phụ chú có tác dụng nêu điều bổ sung thêm hoặc nêu thái độ của người nói hoặc xuất xứ của lời nói, của ý kiến.

**II - BÀI TẬP ÁP DỤNG**

**1. Khởi ngữ:**

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 1**  **Câu 1:** Tìm khởi ngữ trong câu sau và viết lại thành câu không có khởi ngữ.  *Còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo: “ Cô có cái nhìn sao mà xa xăm!*”.  ( Lê Minh Khuê, Những ngôi sao xa xôi.)  **Câu 2:** *Hãy viết lại các câu sau đây bằng cách chuyển phần in đậm thành khởi ngữ*:  - Em tôi *vẽ* đẹp lắm.  - Tôi *đọc* sách này rồi.  - Anh ấy *viết* cẩn thận lắm.  - Bà *biết* rồi nhưng bà chưa *làm* được.  - Nó rất *chăm* nhưng nó chưa *giỏi*.  **Câu 3:** Viết một đoạn văn ngắn giới thiệu truyện ngắn Bến quê của Nguyễn Minh Châu, trong đó có ít nhất một câu chưa khởi ngữ và một câu chứa thành phần tình thái. |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 2**  **Câu 1: Chuyển các câu sau thành câu có khởi ngữ. Gạch chân thành phần khởi ngữ trong các câu đã chuyển.**   1. Người ta đã giữ thẻ của nó. Người ta cũng đã chụp hình của nó rồi. 2. Cụ cứ để tiền ấy mà ăn, lúc chết hãy hay! 3. Tôi cứ ở nhà tôi, cứ làm việc của tôi. 4. Anh ấy không hút thuốc, không uống rượu. 5. Chúng tôi chờ cô chủ nhiệm đến để giải quyết việc này. 6. Bà ấy có hàng dãy nhà ở khắp các phố. Bà ấy có hàng trăm mẫu ruộng ở nhà quê.   **Câu 2: Viết lại các câu sau, chuyển phần in đậm thành khởi ngữ:**   1. Nó làm **bài tập** rất cẩn thận 2. **Bức tranh** đẹp nhưng cũ 3. Nó là người **chăm chỉ** nhất lớp 4. Nó đối xử với **bạn bè** rất chu đáo     **Câu 3: Đặt 5 câu có khởi ngữ.** |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 3**  **Câu 1: Chỉ ra thành phần khởi ngữ trong các đoạn trích sau:**   1. Giàu, tôi cũng giàu rồi. 2. Còn anh, anh đứng sững lại đó nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sẩm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuôi như bị gãy. (Chiếc lược ngà, Nguyễn Quang Sáng) 3. Còn tấm gương bằng thủy tinh tráng bạc, nó vẫn là người bạn trung thực, chân thành, thẳng thắn, không hề nói dối, cũng không bao giờ biết nịnh hót hay độc ác. ( Băng Sơn) 4. Với bà mẹ, con đường ấy bắt nguồn từ long yêu con tha thiết 5. Về sự cần cù, nó không thua kém ai trong lớp   **Câu 2:** Viết tiếp để hoàn thiện đoạn văn sau vào chỗ trống bằng một câu có chứa khởi ngữ:  *“Nam là một học sinh giỏi toàn diện. Các môn Toán, Lý, Hóa, Sinh, Sử, Địa, GDCD, Công nghệ, Tiếng Anh Nam luôn đạt điểm cao. Các môn năng khiếu Nam luôn được xếp vào vị trí số một của lớp.* ***…,*** *do nhận thức nhanh và lối viết sắc sảo nên Nam luôn được cô giáo khen ngợi”.*  **Câu 3:** Viết một đoạn văn khoảng 8 câu nói về tình mẹ con trong đó có sử dụng khởi ngữ. |

**Gợi ý trả lời:**

**Phiếu bài tập số 1**

**Câu 1:**

Khởi ngữ của câu là “ mắt tôi” và có thể viết lại thành câu như sau:

Nhìn mắt tôi, các anh lái xe bảo: “*Cô có cái nhìn sao mà xa xăm!*”.

**Câu 2:**

*Để chuyển câu chưa có khởi ngữ thành câu có khởi ngữ, ta có thể thay đổi vị trí của từ trong câu hoặc thêm từ thì…*

- *Vẽ* thì em tôi vẽ đẹp lắm.

- *Đọc*, tôi đọc sách này rồi.

- *Viết*, anh ấy viết cẩn thận lắm.

- *Biết* thì bà biết rồi nhưng *làm* thì bà chưa làm được.

- *Chăm* thì nó rất chăm nhưng *giỏi* thì nó chưa giỏi.

**Câu 3:**

*Đoạn văn tham khảo*:

*Bến quê* là một truyện ngắn hay của Nguyễn Minh Châu . Truyện kể về số phận và cuộc đời của nhân vật Nhĩ. ***Hình như*** trong cuộc sống hôm nay ta có thể gặp đâu đó một người có số phận tương đồng như nhân vật của Nguyễn Minh Châu. Người ta có thể mải mê kiếm danh, kiếm lợi để rồi sau khi đã rong ruổi gần hết cuộc đời, vì một lí do nào đó phải nằm bẹp một chỗ con người mới chợt nhận ra rằng: gia đình chính là tổ ấm cuối cùng đưa tiễn ta về nơi vĩnh hằng! ***Về cái chân lý giản dị này***, tiếc thay Nhĩ chỉ kịp nhận ra vào những ngày cuối của cuộc đời mình. Nhưng chính khi cái trực giác mach bảo cho anh biết rằng cái chết đã cận kề thì trong anh lại bừng lên những khát vọng đẹp đẽ và thánh thiện. Có thể nói, Bến quê là câu chuyện bàn về ý nghĩa của cuộc sống mà mỗi chúng ta cần quan tâm.

*Chú thích*: Thành phần tình thái: ***Hình như*.**

- Khởi ngữ: ***Về cái chân lí giản dị này*.**

**Phiếu bài tập số 2**

**Câu 1:**

Cần xác định từ ngữ chủ đề trong mỗi câu đã cho rồi đưa các từ ngữ chủ đề đó lên trước chủ ngữ của câu và biến đổi phần còn lại của câu cho phù hợp.

1. Thẻ của nó, người ta đã giữ. Hình của nó, người ta cũng đã chụp rồi.
2. Tiền ấy, cụ cứ để mà ăn, lúc chết hãy hay!
3. Nhà tôi, tôi cứ ở; việc tôi, tôi cứ làm.
4. Thuốc, anh ấy không hút; rượu, anh ấy cũng không uống.
5. Việc này, chúng tôi chờ cô chủ nhiệm đến để giải quyết.
6. Nhà, bà ấy có hàng dãy ở khắp các phố. Ruộng, bà ấy có hàng trăm mẫu ở nhà quê.

**Câu 2: Viết lại các câu sau, chuyển phần in đậm thành khởi ngữ:**

1. Bài tập, nó làm rất cẩn thận
2. Về bức tranh, nó đẹp nhưng cũ
3. Chăm chỉ, nó là người chăm chỉ nhất lớp
4. Với bạn bè, nó đối xử rất chu đáo

**Câu 3: Đặt 5 câu có khởi ngữ.**

1. Về trí thông minh, nó không thua kém ai trong lớp
2. Còn về tiền, tôi sẽ trả đủ cho anh
3. Đối với tôi, tôi không quan trọng vật chất
4. Sách, tôi rất yêu thích
5. Mình thì mình chịu thua

**Phiếu bài tập số 3**

**Câu 1:** Dựa vào dấu hiệu nhận biết để xác định thành phần khởi ngữ:

1. Giàu
2. Anh
3. Tấm gương bằng thủy tinh tráng bạc
4. Bà mẹ
5. Sự cần cù

**Câu 2:**

*“Nam là một học sinh giỏi toàn diện. Các môn Toán, Lý, Hóa, Sinh, Sử, Địa, GDCD, Công nghệ, Tiếng Anh Nam luôn đạt điểm cao. Các môn năng khiếu Nam luôn được xếp vào vị trí số một của lớp.* ***Còn về môn Văn,*** *do nhận thức nhanh và lối viết sắc sảo nên Nam luôn được cô giáo khen ngợi”.*

**Câu 3:** Viết một đoạn văn khoảng 8 câu nói về tình mẹ con trong đó có sử dụng khởi ngữ.

(1) Bernard Shaw đã từng nói: “Vũ Trụ có rất nhiều kì quan nhưng kì quan vĩ đại nhất là trái tim người mẹ”, quả đúng là như vậy, một trong những thứ tình cảm thiêng liêng và cao quý nhất trên đời này đó chính là tình mẫu tử, hay còn được gọi là tình mẹ con.

(2) Mẹ là người mang nặng đẻ đau, sinh ra ta, dạy dỗ, nuôi lớn ta nên người.

(3) Mỗi chúng ta trưởng thành, không thể không nhờ đến dòng sữa ấm áp của mẹ, nuôi dưỡng tâm hồn và thể xác ta, dìu dắt ta trên khắp các con đường của cuộc đời.

(4) Tình mẹ bao la và cao quý vì mẹ luôn là chỗ dựa tinh thần vững chãi, là bến bờ để ta tìm về mỗi khi mỏi mệt.

(5) Trên con đường đời sau này, không thể tránh khỏi những lúc bản thân ta gục ngã, chịu nhiều đau đớn, tổn thương hay cảm thấy cô đơn, lạc lõng, thế nhưng, đừng bao giờ tuyệt vọng mà hãy nhớ rằng, bên cạnh ta luôn có một người sẵn sàng đợi ta trở về, để ta nằm khóc trên vai họ, chia sẻ, tâm sự mọi điều thầm kín. (6) Người ấy sẽ vỗ về ta, an ủi ta, cho ta lời khuyên để ta vượt qua được mọi thử thách, vì, dù cho cả thế giới có quay lưng lại với bạn, đừng lo, ít nhất vẫn sẽ còn mẹ bạn dang đôi tay ôm bạn vào lòng, và vì “với mẹ, con mãi là một đứa trẻ!” .

(7) Tình mẹ quả thực là ngọn lửa ấm luôn cháy rực rỡ vĩnh viễn không bao giờ tàn, dù cho bao mùa có qua đi, bao nếp nhăn trên gương mặt mẹ ngày càng hiện hữu nhiều hơn, ngọn lửa ấy vẫn cứ thế mà tỏa sáng, soi chiếu cho con đường đời của mỗi người.

(8) **Tình cảm thiêng liêng ấy**, những người con liệu có biết chăng?

**2. Các thành phần biệt lập:**

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 1( Thành phần tình thái)**  **Câu 1:** *Xác định thành phần tình thái trong các câu sau:*  a - Hình như trong ý mụ, mụ nghĩ: “ Chúng mày ở nhà tao thì những thứ của chúng mày cũng như của tao.”  b - Nghe nói bảo có lệnh đuổi hết những người làng chợ Dầu khỏi vùng này, không cho ở nữa.”  *( Làng - Kim Lân )*  c. Mặt trời đã xế bóng ngang các sườn đồi, nhưng tôi cảm thấy dường như còn chần chừ không muốn lặn, còn muốn nhìn tôi. Ánh mặt trời tô điểm con đường tôi đi; mặt đất rắn mùa thu trải ra dưới chân tôi nhuộm thành màu đỏ, màu hồng, màu tím…  *( Người thầy đầu tiên – Ai-ma-tốp )*  d - Chắc chỉ người thạo mới cầm nổi bút thước.  *( Tôi đi học – Thanh Tịnh )*  **Câu 2:** *Đặt 5 câu có thành phần tình thái.*  **Câu 3:** Hãy xếp các từ, cụm từ thường dùng làm thành phần tình thái sau đây theo từng nhóm ý nghĩa: *đúng là, không phải, đúng đấy, chẳng phải là, đúng thế thật, hình như, có lẽ, tất nhiên, theo ý tôi.*  - Tình thái khẳng định:  - Tình thái phủ định – bác bỏ:  - Tình thái chỉ độ tin cậy:  - Tình thái ý kiến:  **Câu 4:** *Hãy xếp những từ ngữ làm thành phần tình thái sau đây theo trình tự tăng dần độ tin cậy :*  *chắc là, dường như, có lẽ, chắc hẳn, có vẻ như, chắc chắn, hình như.*  ( Những từ ngữ thể hiện cùng một mức độ tin cậy thì xếp ngang hàng nhau. )  **Câu 5:** Tìm thành phần tình thái trong các câu sau:  - Dường như cậu mợ ấy khá yêu nhau( Nam Cao)  - Biết đâu anh ta lại chẳng gợi chuyện cũ mà đuổi em như ban nãy ( Đoàn Phú Tứ)  - Họa chăng có chú Nhớn mới có thể tranh giải được thôi ( Nguyễn Đình Lập)  **Câu 6:** Viết một đoạn văn ngắn nói về cảm xúc của em khi được thưởng thức một tác phẩm văn nghệ ( truyện, thơ, phim, ảnh, tượng,…) trong đoạn văn đó có câu chưa thành phần tình thái và cảm thán. |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 2( Thành phần cảm thán)**  **Câu 1:** Tìm thành phần cảm thán trong các câu sau:  *a - Ôi kì lạ và thiêng liêng – Bếp lửa!*  *( Bếp lửa – Bằng Việt )*  *b - Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?*  *( Nhớ rừng – Thế Lữ )*  *c- Hỡi sông Hồng tiếng hát bốn nghìn năm*  *Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng*  *Chưa đâu và ngay cả trong những ngày đẹp nhất*  *Khi Nguyễn Trãi làm thơ và đánh giặc*  *Nguyễn Du viết Kiều đất nước hóa thành văn*  *(Tổ quốc bao giờ đẹp thế này chăng – Chế Lan Viên )*  d - Lũ chuột bò lên chạn, leo lên bác Nồi Đồng. Năm sáu thằng xúm lại húc mõm vào, cố mãi mới lật được cái vung nồi ra. “Ha ha! Cơm nguội! Lại có một bát cá kho! Cá rô kho khế: vừa dừ vừa thơm. Chít chít, anh em ơi, lại đánh chén đi thôi!”  Bác Nồi Đồng run như cầy sấy: “ Bùng boong. Ái ái! Lạy các cậu, các ông, ăn thì ăn, nhưng đừng đánh đổ tôi xuống đất. Cái chạn cao thế này, tôi ngã xuống không vỡ cũng bẹp, chết mất!”  *( Cái tết của Mèo Con – Nguyễn Đình Thi )*  e - “ Phỏng thử có thằng chim cắt nó nhòm thấy, nó tưởng mồi, nó mổ một phát, nhất định trúng giữa lưng chú thì có mà đi đời! Ôi thôi, chú mày ơi! Chú mày có lớn mà chẳng có khôn”.  - Chao ôi, có biết đâu rằng: hung hăng hống hách láo chỉ tổ đem thân mà trả nợ cho những cử chỉ ngu dại của mình thôi. Tôi đã phải trải cảnh như thế. Thoát nạn rồi, mà còn ân hận quá, ân hận mãi. Thế mới biết, nếu đã trót không suy tính, lỡ xảy ra những việc dại dột, dù về sau có hối cũng không thể làm lại được.  *( Dế Mèn phiêu lưu kí – Tô Hoài )*  **Câu 2: Câu nào sau đây không chứa thành phần cảm thán?**   1. Có lẽ văn nghệ rất kị ” tri thức hóa” nữa ( Nguyễn Đình Thi) 2. Ôi những cánh đồng quê chảy máu( Nguyễn Đình Thi) 3. Ô hay! Buồn vương cây ngô đồng( Bích Khê) 4. Kìa mặt trời Nga bừng chói ở phương Đông( Chế Lan Viên)   Câu a) không chứa thành phần cảm thán.  **Câu 3:**  *“ Con dù lớn vẫn là con của mẹ*  *Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con.”*  *( Con cò – Chế Lan Viên )*  Dựa vào nội dung hai câu thơ trên, hãy viết một đoạn văn khoảng 8 dòng diễn tả cảm xúc của em về tình cảm sâu nặng của người mẹ.  **Câu 4:**  Viết một đoạn văn khoảng 8 câu với chủ đề tự chọn có sử dụng thành phần cảm thán. |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 3( Thành phần gọi đáp)**  **Câu 1: Câu nào sau đây không có thành phần gọi- đáp?**   1. Ngày mai em phải đi rồi ư? 2. Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi ( Nguyễn Khoa Điềm) 3. Thưa cô, em xin phép đọc bài ạ! 4. Ngày mai đã là thứ năm rồi.   Câu a), d) không có thành phần gọi- đáp  **Câu 2: Tìm trong ca dao, thơ văn 3 ví dụ có thành phần gọi đáp**  **Câu 3: Viết đoạn hội thoại có sử dụng thành phần gọi- đáp** |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 4( Thành phần phụ chú)**  **Câu 1:** *Xác định thành phần phụ chú trong các đoạn trích sau:*  a. Những tia nắng sớm đang từ từ di chuyển từ mặt nước lên những khoảng bờ bãi bên kia sông, và cả một vùng phù sa lâu đời của bãi bồi ở bên kia sông Hồng lúc này đang phô ra trước khuôn cửa sổ của gian gác nhà Nhĩ một thứ màu vàng thau xen với màu xanh non – những màu sắc thân thuộc quá như da thịt, hơi thở của đất màu mỡ.  b. Suốt đời Nhĩ đã từng đi tới không sót một xó xỉnh nào trên trái đất, đây là một chân trời gần gũi, mà lại xa lắc vì chưa hề bao giờ đi đến – cái bờ bên kia sông Hồng ngay trước cửa sổ nhà mình.  *( Bến quê – Nguyễn Minh Châu )*  c.- Thôi nào – bác nói – đừng buồn nữa, cháu ơi, và về nhà mẹ cháu với bác đi. Người ta sẽ cho cháu…một ông bố.  - Thế bác tên gì – em bé liền hỏi – để cháu trả lời chúng nó khi chúng nó muốn biết tên bác?  *( Bố của Xi-mông - G.đơ. Mô-pa-xăng )*  d - Rồi cả nhà – trừ tôi – vui như tết khi bé Phương , qua giới thiệu của chú Tiến Lê, được mời tham gia trại thi vẽ quốc tế.  - Con đã nhận ra con chưa? – Mẹ vẫn hồi hộp.  - Hôm đó, chú Tiến Lê – họa sĩ, bạn thân của bố tôi – đưa theo bé Quỳnh đến chơi.  *( Bức tranh của em gái tôi – Tạ Duy Anh )*  e - Đi suốt chiều dài hơn ngàn mét của động Phong Nha, du khách đã có cảm giác như lạc vào một thế giới khác lạ - thế giới của tiên cảnh.  - Đến hang thứ mười bốn, có thể theo các hành lang hẹp để đến các hang to ở phía trong sâu, nơi mới chỉ có một vài đoàn thám hiểm với đầy đủ trang thiết bị ( máy móc, đèn, quần áo, thuốc men ) cần thiết đặt chân tới.  *( Động Phong Nha – Trần Hoàng )*  **Câu 2: Thành phần phụ chú trong đoạn thơ sau có ý nghĩa gì?**  Cô gái nhà bên( có ai ngờ)  Cũng vào du kích  Hôm gặp tôi vẫn cười khúc khích  Mắt đen tròn ( thương thương quá đi thôi)  ( Giang Nam)  **Câu 3:**  *a. Hãy điền vào chỗ …………. trong các đoạn trích sau thành phần phụ chú cho phù hợp và nêu rõ ý nghĩa của phần phụ chú đó:*  - *Truyện Kiều* ……………… là một tác phẩm bất hủ.  *- Ánh trăng im phăng phắc*  *Đủ cho ta giật mình*  *(* …………………)  *b. Viết một đoạn văn giới thiệu một tác phẩm văn học hiện đại đã học, trong đó có sử dụng thành phần phụ chú.*  **Câu 4:**  *Tìm thành phần gọi- đáp trong các đoạn trích sau:*  a - Này, bảo bác ấy có trốn đi đâu thì trốn. Chứ nằm đấy, chốc nữa họ vào thúc sưu, không có, họ lại đánh trói thì khổ. Người ốm rề rề như thế, nếu lị phải trận đòn, nuôi mấy tháng cho hoàn hồn.  - Vâng, cháu cũng đã nghĩ như cụ. Nhưng để cháo nguội, cháu cho nhà cháu ăn lấy vài húp đã. Nhịn suông từ sáng hôm qua tới giờ còn gì.  *( Tắt đèn – Ngô Tất Tố )*  b - Đột nhiên, lão bảo tôi:  - Này, thằng cháu nhà tôi, đến một năm nay, chẳng có giấy má gì đấy, ông giáo ạ!  c - Mặt lão nghiêm trang lại…  - Ông giáo để tôi nói…nó hơi dài dòng một tí.  - Vâng, cụ nói.  *( Lão Hạc – Nam Cao )*  d - Thưa cô, em đến chào cô…Thủy nức nở.  - Anh ơi! Bao giờ aó anh có rách, anh tìm về chỗ em, em vá cho anh nhé…  *( Cuộc chia tay của những con búp bê – Khánh Hoài )*  **Câu 5:**  Viết một đoạn văn từ 5 – 7 dòng có sử dụng thành phần phụ chú . Giải thích ý nghĩa của các thành phần đó.  **Câu 6:**  Viết một đoạn văn khoảng 8 dòng giới thiệu truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa pa” của Nguyễn Thành Long, trong đó có sử dụng thành phần phụ chú. |

**Gợi ý trả lời:**

**Phiếu bài tập số 1**

**Câu 1:**

*Các tình thái trong câu:*

a. Hình như

b. Nghe nói

c. Dường như

d. Chắc

**Câu 2:** *Đặt 5 câu có thành phần tình thái.*

**Câu 3:**

*Xếp các tình thái theo nhóm:*

- Tình thái khẳng định: đúng là, đúng đấy, đúng thế thật, tất nhiên

- Tình thái phủ định - bác bỏ: không phải, chẳng phải

- Tình thái chỉ độ tin cậy: hình như, có lẽ

- Tình thái ý kiến: theo ý tôi

**Câu 4:**

- có lẽ, có vẻ như, hình như, dường như ( mức độ ngang nhau )

- chắc là

- chắc hẳn

- chắc chắn

**Câu 5:** Tìm thành phần tình thái trong các câu sau:

- Dường như cậu mợ ấy khá yêu nhau( Nam Cao)

- Biết đâu anh ta lại chẳng gợi chuyện cũ mà đuổi em như ban nãy ( Đoàn Phú Tứ)

- Họa chăng có chú Nhớn mới có thể tranh giải được thôi ( Nguyễn Đình Lập)

**Câu 6:**

***Đoạn văn tham khảo*:**

Em rất thích đọc các tác phẩm văn học nước ngoài nhưng ***có lẽ*** truyện ngắn “ Chiếc lá cuối cùng” của nhà văn Mĩ Ô-hen-ri là tác phẩm làm em thích nhất. Truyện ca ngợi những người nghệ sĩ nghèo nhưng giàu tình thương và tấm lòng nhân hậu. ***Ôi***, thật tuyệt vời trước tấm gương cụ Bơ-men biết hi sinh thân mình để dành lại sự sống cho nữ họa sĩ trẻ: Giôn-xi. Sự hi sinh thầm lặng của cụ khiến mọi người cảm động và cảm phúc. Em tin rằng, tất cả những ai đã từng đọc truyện ngắn ấy, ***chắc chắn*** đều có cảm nghĩ như em.

**Phiếu bài tập số 2( Thành phần cảm thán)**

**Câu 1:**

*Các thành phần cảm thán trong câu:*

a. Ôi

b. Than ôi!

c. Hỡi

d. Ha ha!, Ái ái!

e. - Ôi thôi

- Chao ôi

**Câu 2:**

Câu a) không chứa thành phần cảm thán.

**Câu 3:**

*“ Con dù lớn vẫn là con của mẹ*

*Đi hết đời lòng mẹ vẫn theo con.”*

*( Con cò – Chế Lan Viên )*

Dựa vào nội dung hai câu thơ trên, hãy viết một đoạn văn khoảng 8 dòng diễn tả cảm xúc của em về tình cảm sâu nặng của người mẹ.

**Câu 4:**

Viết một đoạn văn khoảng 8 câu với chủ đề tự chọn có sử dụng thành phần cảm thán.

***Đoạn văn tham khảo:***

**Chao ôi, cảnh buổi sáng đầu xuân thật tuyệt!** Nó như bừng tỉnh sau một giấc ngủ dài**. Ông mặt trời thức dậy, ban phát ánh nắng xuống trần gian.** Mấy chú chim không biết đã dậy từ bao giờ, hót líu lo trên cành hòa nhịp với loa phóng thanh của hợp tác xã tạo nên một bản nhạc du dương trầm bổng đón chào một ngày xuân mới. Tôi tung tăng chạy nhảy như một con sáo nhỏ ra đầu làng để tận hưởng bầu không khí trong lành, mát mẻ của làng quê. Một lúc sau, phía đằng đông, ông mặt trời thức dậy, vứt bỏ chiếc chăn mỏng, ông vươn vai, ban phát những tia nắng xuân vàng dịu xuống vạn vật. Tôi như nghe thấy tiếng cựa mình của cỏ cây, hoa lá trước sắc xuân. **Mùa xuân thật tuyệt vời!**

**Phiếu bài tập số 3( Thành phần gọi đáp)**

**Câu 1: Câu nào sau đây không có thành phần gọi- đáp?**

1. Ngày mai em phải đi rồi ư?
2. **Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi ( Nguyễn Khoa Điềm)**
3. **Thưa cô, em xin phép đọc bài ạ!**
4. Ngày mai đã là thứ năm rồi.

Câu a), d) không có thành phần gọi- đáp

**Câu 2: Tìm trong ca dao, thơ văn 3 ví dụ có thành phần gọi đáp**

1. Núi cao chi lắm núi ơi

Núi che mặt trời chẳng thấy người thương

( Ca dao)

1. Ơi con chim chiền chiện

Hót chi mà văng trời

( Mùa xuân nho nhỏ- Thanh Hải)

1. Này, bác có biết mấy hôm nay súng nó bắn ở đâu mà nghe rát thế không?

( Làng- Kim Lân)

**Câu 3: Viết đoạn hội thoại có sử dụng thành phần gọi- đáp**

***Tham khảo:***

Bố: Nam ơi, con rót cho bố cốc nước!

Con: Thưa bố, nước đây ạ!

**Phiếu bài tập số 4( Thành phần phụ chú)**

**Câu 1:**

*Các thành phần phụ chú trong câu:*

a. những màu sắc thân thuộc quá như da thịt, hơi thở của đất màu mỡ

b. cái bờ bên kia sông Hồng ngay trước cửa sổ nhà mình

c. bác nói

d.- trừ tôi

- Mẹ vẫn hồi hộp

- Họa sĩ, bạn thân của bố tôi

e. - thế giới của tiên cảnh

- máy móc, đèn, quần áo, thuốc men

**Câu 2:**

Bộ lộ thái độ của tác giả đối với sự việc và hình ảnh cô gái

**Câu 3:**

a) Điền thành phần phụ chú:

- ( Nguyễn Du )

- ( Ánh trăng – Nguyễn Duy )

b)

**Câu 4:**

*Các thành phần gọi – đáp trong câu:*

a.- Này

- Vâng

b. Này

c. Vâng

d.- Thưa cô

- Anh ơi

**Câu 5:**

Viết một đoạn văn từ 5 – 7 dòng có sử dụng thành phần phụ chú. Giải thích ý nghĩa của các thành phần đó.

***Đoạn văn tham khảo:***

Trong bốn mùa trong năm, em yêu nhất là mùa xuân. Mùa xuân là mùa bắt đầu của một năm( bắt đầu từ tháng giêng đến tháng ba). Đó là mùa của cây cối đâm hoa kết trái. Trời se se lạnh và có mưa phùn. Trên bầu trời có những đám mây trắng xốp, bồng bềnh trôi. Những loài hoa đua nhau khoe sắc xem bông nào đẹp hơn. Em rất thích mùa xuân vì đến mùa xuân, em sẽ được đi chơi Tết và nhận lì xì.

**Câu 6:**

Viết một đoạn văn khoảng 5-7 câu, giới thiệu truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa pa” của Nguyễn Thành Long, trong đó có sử dụng thành phần phụ chú.

***Đoạn văn tham khảo:***

 Nguyễn Thành Long (1925 – 1991) quê ở Duy Xuyên, Quảng Nam, viết văn từ thời kì kháng chiến chống Pháp. Ông sở trường về truyện ngắn với lối viết nhẹ nhàng gợi cảm đầy chất thơ. Tác phẩm gồm có các tập truyện: "Giữa trong xanh", "Ly Sơn mùa tỏi", "Sáng mai nào, xế chiều nào", ... Nguyễn Thành Long viết truyện "Lặng lẽ Sa Pa" vào mùa hè năm 1970, in trong tập truyện "Giữa trong xanh". Truyện "Lặng lẽ Sa Pa" kể lại cuộc gặp gỡ giữa ông họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ với anh thanh niên 27 tuổi làm công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao 2600 m giữa núi rừng Lào Cai, qua đó, tác giả ca ngợi những con người tuy sống lặng lẽ giữa trong xanh nhưng rất nhân hậu, sống sôi nổi, giàu chí hướng và hết lòng phục vụ đất nước.

***Thành phần phụ chú:*** (1925 – 1991)

**III - BÀI TẬP VỀ NHÀ**

**Bài tập 1:** *Xác định khởi ngữ trong các ví dụ sau:*

- Tình thương yêu, một tình thương yêu thực sự và nồng nàn lần dầu tiên phát sinh ra trong nó.

*( Con chó Bấc – Giắc Lân-đơn )*

- Còn về diện mạo tôi, nó không đến nỗi đen cháy như các bạn có thể nghĩ về một kẻ chẳng quan tâm tí gì đến da dẻ của mình lại sống ở vào khoảng chín hoặc mười độ vĩ tuyến miền xích đạo.

*( Rô-bin-xơn ngoài đảo hoang – Đ.Đi phô )*

- Đối với những người ở quanh ta, nếu ta không cố tìm mà hiểu họ thì ta chỉ thấy họ gàn dở, ngu ngốc, bần tiện, xấu xa, bỉ ổi…

*( Lão Hạc – Nam Cao )*

- Trang phục, không có pháp luật nào can thiệp, nhưng có những quy tắc ngầm phải tuân thủ, đó là văn hóa xã hội.

*( Trang phục – Băng Sơn )*

- Chuyện dưới xuôi, mười ngày nữa trở lại đây, tôi sẽ kể anh nghe.

- Còn người thì ai chả “ thèm” hở bác?

*( Lặng lẽ Sa Pa – Nguyễn Thành Long )*

**Bài tập 2:** *Thêm khởi ngữ vào chỗ ( ... ) trong câu cho hợp lí*:

Thế gian biết có bao người đọc sách chỉ để trang trí bộ mặt, như kẻ trọc phú khoe của, chỉ biết lấy nhiều làm quý. (…), cách đó chỉ là lừa mình dối người, (… ) thì cách đó thể hiện phẩm chất tầm thường, thấp kém.

**Bài tập 3: Tìm những câu có khởi ngữ trong những câu sau:**

1. Tôi thì tôi xin chịu
2. Miệng ông, ông nói, đình làng, ông ngồi
3. Nam Bắc hai miền ta có nhau
4. Cá này rán thì ngon
5. Về trí thông minh thì nhất nó
6. Nó thông minh nhưng hơi cẩu thả
7. Nó là một học sinh thông minh

**Bài tập 4:** Xác định khởi ngữ trong các trường hợp sau. Cho biết vì sao em xác định được?

a) Mộ anh trên đồi cao

Cành hoa này, em hái

Vòng hoa này, chị đơm

Cây bông hồng, em ươm

Em trồng vào trước cửa

( Thanh Hải- Mồ anh hoa nở)

b) Người ta thách lợn thách gà

Nhà em thách cưới một nhà khoai lang

Củ to thì để mời làng

Còn như củ nhỏ, họ hàng ăn chơi

( Ca dao)

c)

Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng.

( Nguyễn Khoa Điềm)

d)

- Tôi đọc quyển sách này rồi

- Quyển sách này, tôi đọc rồi

**Bài tập 5:**

**Chỉ rõ các thành phần biệt lập được dùng trong các trường hợp sau:**

1. Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi cũng buồn lắm. (Nam Cao).
2. Thương người cộng sản, căm Tây - Nhật

Buồng mẹ - buồng tim - giấu chúng con con. ( Tố Hữu)

1. Có lẽ tôi bán con chó đấy, ông giáo ạ! (Nam Cao)
2. Trong giờ phút cuối, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, Hình như chỉ có cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. ( Nguyễn Quang Sáng )
3. Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, những hoàn cảnh sáng tác còn là một chặng đường dài. ( Nguyễn Thành Long)
4. Tôi cũng kể cho chúng nghe nhiều về bà tôi, một hôm thằng lớn thở dài nói:

* Có lẽ tất cả các bà đều rất tốt, bà tới ngày trước cũng rất tốt…

Nó thường nói một cách buồn bã: Ngày trước, trước kia, đã có thời ... dường như nó đã sống trên trái đất này một trăm năm, chứ không phải mười một năm.

( M. Go-rơ-ki)

1. Ngoài cửa sổ bấy giờ những bông hoa bằng lăng đã thưa thớt - cái giống hoa ngay khi mới nở ở, màu sắc đã nhợt nhạt. Hẳn có lẽ vì đã sắp hết mùa, hoa đã vãn trên cành, cho nên mấy bông hoa cuối cùng còn sót lại trở nên đậm sắc hơn.

(Nguyễn Minh Châu)

**Bài tập 6**: Thành phần phụ chú và những từ ngữ liên quan trong câu sau có quan hệ với nhau theo kiểu quan hệ nào?

1. Bổ sung
2. Nguyên nhân
3. Điều kiện
4. Mục đích

**Bài tập 7**: Gạch chân thành phần phụ chú trong câu văn sau và cho biết kiểu quan hệ của thành phần phụ chú với những từ ngữ có liên quan

*Cả bọn trẻ xúm vào, và rất nương nhẹ, giúp anh đi nốt nửa vòng trái đất- từ mép tấm nệm nằm ra mép tấm phản, khoảng cách ước chừng năm chục phân.*

( Bến quê, Nguyễn Minh Châu)

**Bài tập 8**: Thêm vào câu sau thành phần phụ chú giải thích cho các từ in đậm:

1. Hôm qua, **bạn Nam** đạt gải nhất trong Hội thi cờ của trường
2. Em rất thích viết bài về **Nguyễn Du**

**Bài tập 9**: *Viết một đoạn văn khoảng 5 – 7 dòng diễn tả cảm xúc của em về Quê hương, trong đó có sử dụng thành phần cảm thán.*

**Gợi ý trả lời:**

1. tôi nghĩ vậy: thành phần phụ chú
2. buồng tim: thành phần phụ chú
3. Có lẽ: thành phần tình thái

Ông giáo ạ: thành phần gọi đáp

1. hình như: thành phần tình thái
2. Chao ôi: thành phần cảm thán
3. Có lẽ, dường như: thành phần tình thái
4. Cái giống hoa ngay khi mới nở, màu sắc đã nhợt nhạt: thành phần phụ chú

Hẳn có lẽ: thành phần tình thái.

**Gợi ý trả lời:**

**Bài tập 1**

*Khởi ngữ của các câu:*

- Tình thương yêu

- Còn về diện mạo tôi

- Đối với những người ở quanh ta

- Trang phục

- Chuyện dưới xuôi

- Còn người

**Bài tập 2**

Thế gian biết có bao người đọc sách chỉ để trang trí bộ mặt, như kẻ trọc phú khoe của, chỉ biết lấy nhiều làm quý. (**Đối với việc học tập**), cách đó chỉ là lừa mình dối người, (**đối với việc** **làm người** ) thì cách đó thể hiện phẩm chất tầm thường, thấp kém.

**Bài tập 3**

**Những câu có khởi ngữ:**

1. **Tôi thì tôi xin chịu**
2. **Miệng ông, ông nói, đình làng, ông ngồi**
3. Nam Bắc hai miền ta có nhau
4. Cá này rán thì ngon
5. **Về trí thông minh thì nhất nó**
6. Nó thông minh nhưng hơi cẩu thả
7. Nó là một học sinh thông minh

**Bài tập 4:** Xác định khởi ngữ trong các trường hợp sau. Cho biết vì sao em xác định được?

a) Mộ anh trên đồi cao

Cành hoa này, em hái

Vòng hoa này, chị đơm

Cây bông hồng, em ươm

Em trồng vào trước cửa

( Thanh Hải- Mồ anh hoa nở)

b) Người ta thách lợn thách gà

Nhà em thách cưới một nhà khoai lang

Củ to thì để mời làng

Còn như củ nhỏ, họ hàng ăn chơi

( Ca dao)

c)

Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng.

( Nguyễn Khoa Điềm)

d)

- Tôi đọc quyển sách này rồi

- Quyển sách này, tôi đọc rồi

-> Cách tìm:

- Để tìm khởi ngữ trong đoạn thơ trên, ta phải dựa vào đặc diểm, dấu hiệu nhận biết của khởi ngữ.

a) Trong đoạn thơ của Thanh Hải, ta thấy các cụm từ… đều đứng trước CN, ngăn cách với CN bằng dấu phẩy, nêu lên đề tài được nói đến trong câu-> khởi ngữ.

b) Trong bài ca dao, ta thấy đối tượng được nói đến là : khoai lang. Củ to, củ nhỏ là đề tài được nói đến. Câu : còn như củ nhỏ…, ta dễ dàng nhận thấy cụm từ *“còn như củ nhỏ”* đứng trước CN, ngăn cách với CN bằng dấu phẩy, trước nó là qht *“còn”*, nên nó là KN. Câu : củ to… về hình thức, ta thấy có từ thì phía sau nhưng câu này chỉ có VN, thiếu CN-> Câu rút gọn.

c) Mặt trời của bắp: đứng đầu câu, trước từ thì, trước chủ ngữ (được rút gọn)

d) Cụm từ *“ quyển sách này”* ở câu 1 là phụ ngữ sau bổ nghĩa cho ĐT *“ đọc”*, cụm từ *“quyển sách này”* ở câu 2 là KN vì nó đứng trước CN “tôi” và nêu lên đề tài của câu.

**Bài tập 5:**

**Chỉ rõ các thành phần biệt lập được dùng trong các trường hợp sau:**

a) Lão không hiểu tôi, tôi nghĩ vậy, và tôi cũng buồn lắm. (Nam Cao).

b) Thương người cộng sản, căm Tây - Nhật

Buồng mẹ - buồng tim - giấu chúng con con. ( Tố Hữu)

c) Có lẽ tôi bán con chó đấy, ông giáo ạ! (Nam Cao)

d) Trong giờ phút cuối, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, Hình như chỉ có cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. ( Nguyễn Quang Sáng )

e) Chao ôi, bắt gặp một con người như anh ta là một cơ hội hãn hữu cho sáng tác, những hoàn cảnh sáng tác còn là một chặng đường dài. ( Nguyễn Thành Long)

g) Tôi cũng kể cho chúng nghe nhiều về bà tôi, một hôm thằng lớn thở dài nói:

* Có lẽ tất cả các bà đều rất tốt, bà tới ngày trước cũng rất tốt…

Nó thường nói một cách buồn bã: Ngày trước, trước kia, đã có thời ... dường như nó đã sống trên trái đất này một trăm năm, chứ không phải mười một năm.

( M. Go-rơ-ki)

h) Ngoài cửa sổ bấy giờ những bông hoa bằng lăng đã thưa thớt - cái giống hoa ngay khi mới nở ở, màu sắc đã nhợt nhạt. Hẳn có lẽ vì đã sắp hết mùa, hoa đã vãn trên cành, cho nên mấy bông hoa cuối cùng còn sót lại trở nên đậm sắc hơn.

(Nguyễn Minh Châu)

**Bài tập 6**: Thành phần phụ chú và những từ ngữ liên quan trong câu sau có quan hệ với nhau theo kiểu quan hệ nào?

A. Bổ sung

B. Nguyên nhân

C. Điều kiện

D. Mục đích

**Bài tập 7**: Gạch chân thành phần phụ chú trong câu văn sau và cho biết kiểu quan hệ của thành phần phụ chú với những từ ngữ có liên quan

*Cả bọn trẻ xúm vào, và rất nương nhẹ, giúp anh đi nốt nửa vòng trái đất- từ mép tấm nệm nằm ra mép tấm phản, khoảng cách ước chừng năm chục phân.*

( Bến quê, Nguyễn Minh Châu)

**Bài tập 8**: Thêm vào câu sau thành phần phụ chú giải thích cho các từ in đậm:

a) Hôm qua, **bạn Nam** đạt gải nhất trong Hội thi cờ của trường

b) Em rất thích viết bài về **Nguyễn Du**

**Bài tập 9**: *Viết một đoạn văn khoảng 5 – 7 dòng diễn tả cảm xúc của em về Quê hương, trong đó có sử dụng thành phần cảm thán.*

***Đoạn văn tham khảo:***

Nhà văn Nga, I-li-a Ê-ren-bua đã từng nói: “ Lòng yêu nhà, yêu làng xóm trở nên lòng yêu Tổ quốc.” ***Ôi!*** Quê hương nào không là một phần máu thịt của tổ quốc, giang sơn. Yêu quê hương là một biểu hiện của lòng yêu Tổ quốc. Dựng xây quê hương cũng là một cách xây dựng đất nước mình, cho đất nước ngày một giàu đẹp hơn. Tình yêu quê hương , đất nước là cội nguồn của những tình cảm cao đẹp trong tâm hồn mỗi con người. Phải biết yêu mình, yêu lấy mảnh đất mình được sinh ra và lớn lên thì mới có thể yêu thương người khác, yêu thương

những mảnh đất mà trong cuộc đời ta sẽ đi qua.

**NGHĨA TƯỜNG MINH VÀ HÀM Ý**

**I - LÝ THUYẾT**

**1. Nghĩa tường minh**

Khái niệm: là phần thông báo được diễn đạt trực tiếp bằng các từ ngữ có trong câu.

Ví dụ: Cho đoạn hội thoại:

A: Chủ nhật này cậu có về quê chơi với mình không?

**B: Có, tớ rất thích về quê của cậu.**

A: Thế nhé!

Trong hội thoại trên, lời nói của **B** là tường minh.

Tác dụng của nghĩa tường minh

Làm người đọc, người nghe dễ hiểu và hiểu đúng vấn đề.

Trong một số trường hợp cần tế nhị hoặc vấn đề khó nói, mà chọn cách nói nghĩa tường minh đôi khi sẽ trở nên thô thiển và khó chịu cho người đọc, người nghe.

**2. Hàm ý**

Khái niệm: Hàm ý là phần thông báo tuy không được diễn đạt trực tiếp bằng các từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra từ những từ ngữ ấy.

Hàm ý phụ thuộc vào tình huống giao tiếp. Hàm ý bao giờ cũng được suy ra từ tình huống giao tiếp ( văn cảnh) chứ không phải do từ ngữ trực tiếp tạo nên câu biểu đạt.

Ví dụ: Khi con chuẩn bị đi học, mẹ nói.

Mẹ: **Trời sắp mưa rồi đấy.**

Con: Vâng ạ, con sẽ đem theo áo mưa.

Ở tình huống giao tiếp này,người mẹ chủ động đưa hàm ý trong câu nói là dặn con mang áo mưa. Và người con đã hiểu được hàm ý trong câu nói của mẹ và sẽ thực hiện điều đó.

Điều kiện sử dụng hàm ý

Người nói ( người viết): Có ý thức đưa hàm ý vào lời nói.

Người nghe (người đọc) : Có ý cộng tác hoặc có năng lực giải đoán hàm ý.

Các cách tạo hàm ý thường gặp

- Cố ý vi phạm một hoặc vài phương châm hội thoại hay quy tắc xưng hô nào đó để tạo hàm ý.

- Sử dụng hành động nói theo lối gián tiếp: sử dụng kiểu câu phân theo mục đích nói này để đạt đích giao tiếp khác.

Tác dụng của dùng hàm ý

- Đảm bảo sự tế nhị, lịch sự khi giao tiếp.

- Dễ dàng chối bỏ trách nhiệm khi cần vì người nói không trực tiếp nói ra điều đó mà do người nghe tự suy ra.

Tuy nhiên,nếu lạm dụng hàm ý nhiều trong giao tiếp sẽ làm người nghe khó chịu vì họ không hiểu được vấn đề.

**II - BÀI TẬP ÁP DỤNG**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phiếu bài tập số 1**  **Câu 1:** Câu nói của lão Hạc được ông giáo ( tôi ) hiểu theo hàm ý thế nào?  Hôm sau, lão Hạc sang nhà tôi. Vừa thấy tôi, lão bảo ngay:  - Cậu vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!  - Cụ bán rồi?  *( Lão Hạc – Nam Cao )*  *.* **Câu 2:** Hãy điền hai câu sau vào chỗ ô trống cho phù hợp với các hàm ý cho sẵn:  - Bây giờ mới mười một giờ thôi.  - Bây giờ đã mười một giờ rồi.   |  |  | | --- | --- | | Câu | Hàm ý | |  | - Muộn rồi, đi về thôi.  - Nhanh tay lên, sao chậm thế.  - Đi nấu cơm thôi, mẹ sắp về rồi. | |  | - Còn sớm, ta nên hoàn thành nốt việc này.  - Đi đâu mà vội.  - Chưa đến giờ đi đón em bé đâu. |   **Câu 3:** Viết một đoạn hội thoại trong đó lời nhân vật mang hàm ý. |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 2**  **Câu 1: Câu 1: Đọc các đoạn hội thoại sau và xác định hàm ý trong những câu in đậm.**   1. Anh Sáu vẫn ngồi im, giả vờ không nghe, chờ nói gọi " Ba vô ăn cơm" . Con bé cứ đứng trong bếp nói vọng ra:   **- Cơm chín rồi!** (Nguyễn Quang Sáng)   1. Trong sóng có người gọi con,:   " Bọn tớ ca hát từ sáng sớm cho đến hoàng hôn. Bọn tớ ngao du nơi này nơi nọ mà không biết từng đến nơi nao".  Con hỏi: "Nhưng làm thế nào mình ra ngoài đó được?"  Họ nói: " Hãy đến rìa biển cả, nhắm nghiền mắt lại, cậu sẽ được làn sóng nâng đi".  Con bảo: "**Buổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà, làm sao có thể rời mẹ mà đi được?"**( R.Ta-go)   1. Để khỏi vô lễ, người con trai vẫn ngồi yên cho ông vẽ, nhưng cho là mình không xứng với thử thách ấy, anh vẫn nói:   **- Không, bác đừng mất công vẽ cháu! Cháu giới thiệu với bác ông kĩ sư ở vườn rau dưới Sa Pa! (** Nguyễn Thành Long)   1. **Bao giờ chạch đẻ ngọn đa**   **Sáo đẻ dưới nước thì ta lấy mình**  **(**Ca dao)  **Câu 2:**Em hiểu hàm ý của lời hai mẹ con trong đoạn văn sau như thế nào?  Tôi muốn thử sức mình nên nhìn mẹ tôi:  - Mẹ đưa bút thước cho con cầm.  Mẹ tôi cúi đầu nhìn tôi với cặp mắt âu yếm:  - Thôi để mẹ cầm cũng được.  *( Tôi đi học – Thanh Tịnh )*  **Câu 3:** Người nói, người nghe những câu in đậm dưới đây là ai ? Xác định hàm ý của mỗi câu ấy. Theo em người nghe có hiểu được hàm ý của người nói không? Những chi tiết nào chứng tỏ điều đó?  a)  - *Anh nói nữa đi. – Ông giục.*  *- Báo cáo hết! – Người con trai vụt trở lại giọng vui vẻ. – Năm phút nữa là mười. Còn hai mươi phút thôi. Bác và cô vào trong nhà. Chè đã ngấm rồi đấy. thì giờ ngắn ngủi còn lại thúc giục cả chính người họa sĩ già. Ông theo liền anh thanh niên vào trong nhà, đảo nhìn qua một lượt trước khi ngồi xuống ghế*. ( Nguyễn Thành Long, Lặng lẽ Sa Pa)  b)  *Thoắt trông nàng đã chào thưa:*  *“* ***Tiểu thư cũng có bây giờ đến đây****!*  *Đàn bà dễ có mấy tay,*  *Đời xưa mấy mặt đời này mấy gan!*  *Dễ dàng là thói hồng nhan,*  ***Càng cay nghiệt lắm càng oan trái nhiều****.”*  *Hoạn Thư hồn lạc phách xiêu,*  *Khấu đầu dưới trướng liệu điều kêu ca*.  ( Nguyễn Du, Truyện Kiều)  **Câu 4: Chỉ ra nghĩa tường minh và hàm ý trong các trường hợp sau**  a) Râu tôm nấu với ruột bầu  Chồng chan vợ húp gật đầu khen ngon.  (Ca dao)  b) Sấm cũng bớt bất ngờ  Trên hàng cây đứng tuổi.  (Hữu Thỉnh)  c) Đầu súng trăng treo  (Chính Hữu) |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 3**  **Câu 1.** Đọc các đoạn trích sau và cho biết những câu in đậm có phải là câu chứa hàm ý không? Vì sao? Xác định hàm ý của câu (nếu có).  a) Một lúc lâu ông mới rặn è è, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi:  - Liệu có thật kltôriẹ hở bác? **Hay là chỉ lại…**  - Thì chúng tôi vừa ở dưới ấy lên đây mà lại. Việt gian từ thẳng chủ tịch mà đi cơ ông ạ.  (Kim Lân)  b) Để khỏi vô lễ, người con trai vẫn ngồi yên cho ông vẽ, nhưng cho là mình không xứng với thử thách ấy, anh vẫn nói:  -**Không, bác đừng mất công vẽ cháu! Cháu giói thiệu với bác ông kĩ sư ở vườn rau dưới Sa Pa!**  (Nguyễn Thành Long)  **Câu 2**. Cho biết hàm ý của câu in đậm trong đoạn trích dưới đây. Hàm ý đó được tạo nên bằng cách nào? Theo em, người nghe có hiểu hàm ý của người nói không? Chi tiết nào chứng tỏ điều đó?  Trong sóng có người gọi con:  “Bọn tớ ca hát từ sáng sớm cho đến hoàng hôn. Bọn tớ ngao du nơi này nơi nọ mù không biết từng đến nơi nao”.  Con hỏi: “Nhưng làm thế nào mình ra ngoài đó được?”.  Họ nói: “Hãy đến rìa biển cả, nhắm nghiền mắt lại, cậu sẽ được làn sóng nâng đi”.  Con bảo: “B***uổi chiều mẹ luôn muốn mình ở nhà, làm sao có thể rời mẹ mà đi được?***”.  Thế là họ mỉm cười, nhảy múa lướt qua.  (R. Ta-go)  **Câu 3.** Tìm câu chứa hàm ý trong các đoạn trích sau và cho biết nội dung của hàm ý đó.  a) Đâu những chiều lênh láng máu sau rừng     Ta đợi chết mảnh mặt trời gay gắt,     Để ta chiếm lấy riêng phẩn bí mật?    - Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?  (Thế Lữ)  b) Tôi bùi ngùi nhìn lão, bảo:  - Kiếp ai cũng thế thôi, cụ ạ! Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chăng?  (Nam Cao) |

**Gợi ý trả lời:**

**Phiếu bài tập số 1**

**Câu 1:**

*. Hàm ý của câu:*

- Cậu vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!: con vàng đã bị bán rồi. Ông giáo hiểu như vậy vì trước đó lão Hạc đã có nói chuyện bán con chó vàng.

**Câu 2:**

*Điền câu có hàm ý :*

- Cột 1 điền câu: Bây giờ đã mười một giờ rồi.

- Cột 2 điền câu: Bây giờ mới mười một giờ thôi.

**Cụ thể:**

|  |  |
| --- | --- |
| Câu | Hàm ý |
| Bây giờ đã mười một giờ rồi. | - Muộn rồi, đi về thôi.  - Nhanh tay lên, sao chậm thế.  - Đi nấu cơm thôi, mẹ sắp về rồi. |
| Bây giờ mới mười một giờ thôi. | - Còn sớm, ta nên hoàn thành nốt việc này.  - Đi đâu mà vội.  - Chưa đến giờ đi đón em bé đâu. |

**Câu 3:** Viết một đoạn hội thoại trong đó lời nhân vật mang hàm ý.

***Tham khảo:***

Lan và Mai đi dạo phố. Đi qua một cửa hàng kem, Lan kêu lên:

- Ước gì mình được một ai đó mua cho kem lúc này.

Mai:

- Mình hết tiền rồi!

(Hàm ý:

- Lan: ” - Ước gì mình được một ai đó mua cho kem lúc này”. ( Lan muốn Mai mua kem cho mình ăn)

- Mai: - Mình hết tiền rồi! ( từ chối mua kem)

**Phiếu bài tập số 2**

**Câu 1:**

**Gợi ý trả lời :** Hàm ý trong các câu in đậm:

1. Hàm ý trong câu nói của bé Thu: Ông vào ăn cơm. Ngoài ra còn có hàm ý: Tôi không coi ông là ba tôi.
2. Hàm ý trong câu trả lời của em bé với những người trong sóng: Mình không thể đến rìa biển cả được đâu.
3. Hàm ý trong câu nói của anh thanh niên: Cháu không xứng đáng để bác vẽ, ông kỹ sư ở vườn rau dưới Sa Pa mới xứng đáng.

d) Hàm ý trong hai câu ca dao: ta và mình không bao giờ kết hôn với nhau.

**Câu 2:**

*Hàm ý trong câu:*

- *Mẹ đưa bút thước cho con cầm*: mẹ hãy để con tự thử sức.

- *Thôi để mẹ cầm cũng được*: không đồng ý vì nghĩ con còn nhỏ, chưa đủ sức, phải có mẹ giúp đỡ.

**Câu 3:**

a) Người nói là anh thanh niên; người nghe là ông họa sĩ và cô gái.

Hàm ý của câu in đậm là: “ Mời Bác và cô vào uống nước”

Hai người nghe đều hiểu hàm ý đó, chi tiết “ *Ông theo liền ông Thanh niên vào trong nhà*” và “ *ngồi xuống ghế*” cho biết điều này.

b) Người nói là Thúy Kiều; người nghe là Hoạn Thư.

Hàm ý câu in đậm thứ nhất là “ mát mẻ” , “ giễu cợt” : Quyền quý như tiểu thư cũng có lúc phải đến trước “ Hoa nô” này ư?

Hàm ý câu in đậm thứ hai là “ Hãy chuẩn bị nhận sự báo oán thích đáng.”

Hoạn Thư hiểu hàm ý đó, cho nên *“ hồn lạc phách xiêu – Khấu đầu dưới trướng liệu điều kêu ca.*”

**Câu 4:**

a) Nghĩa tường minh: được gợi ra từ câu chữ trong bài ca dao, đó là cảnh hai vợ chồng cùng ăn món canh râu tôm nấu với ruột bầu vốn là những thứ tầm thường, bỏ đi, nhưng họ vẫn tấm tắc khen ngon.

- Hàm ý: Câu ca dao khẳng định vợ chồng hòa hợp, biết chia sẻ niềm vui đơn sơ trong cuộc sống thì ăn những món dù đạm bạc vẫn ngon. Tình yêu thương chính là gia vị tuyệt vời khiến cho cuộc sống tuy khó khăn vẫn ngập tràn niềm vui.

b) Nghĩa tường minh: Thu sang, những tiếng sấm thưa dần, "hàng cây đứng tuổi" không còn bị bất ngờ, không còn bị giật mình vì tiếng sấm nữa bởi nó đã trải qua, đã chứng kiến nhiều lần chuyển mùa như thế.

- Hàm ý: từ hiện tượng thiên nhiên sang thu, nhà thơ gửi gắm quy luật đời người khi đã lớn tuổi. "Hàng cây đứng tuổi" chỉ lớp người từng trải; "sấm" là hình ảnh của những danh động bất thường của cuộc sống. Ý thơ khẳng định khi con người đã từng trải thường vững vàng hơn trước những hang động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời.

c) Nghĩa tường minh: Hình ảnh thực được nhận ra sau nhiều đêm đi phục kích của tác giả. Đêm khuya, rừng hoang, sương muối xuống mỗi lúc một nhiều, bầu trời như cũng sà xuống, vầng trăng như gần hơn. Hai người lính đang kề vai sát cánh trong tư thế chủ động xuất kích, nhìn ở một góc độ nào đó họ nhận ra "Đầu súng trăng treo".

- Hàm ý: súng và trăng là biểu tượng của gần và xa, của chiến tranh và hòa bình, của hiện thực và lãng mạn, của cứng rắn và dịu hiền, của chiến sĩ và thi sĩ... Hai hình ảnh vốn ở rất xa nhau nhưng bổ sung cho nhau, đan cài, gắn kết tự nhiên, trở thành biểu tượng về người lính: cuộc sống chiến đấu gian khổ nhưng tâm hồn họ luôn tràn đầy cảm hứng lạc quan, lãng mạn. Hình ảnh đó còn trở thành biểu tượng cho thơ ca cách mạng, nền thơ ca kết hợp hài hòa giữa cảm hứng hiện thực và lãng mạn.

**Phiếu bài tập số 3**

**Câu 1.** Cần nắm vững khái niệm hàm ý, tìm hiểu hoàn cảnh xuất hiện câu nói để xác định câu in đậm nêu trong đề bài có hàm ý hay không.

a) Câu Hay là chỉ lại… không chứa hàm ý. Đó chỉ là một câu nói dở dang.

b) Câu nói của người con trai có hàm ý: cháu không xứng đáng để bác vẽ, ông kĩ sư ở vườn rau dưới Sa Pa mới xứng đáng.

**Câu 2.** Cần xác định người nói và người nghe, tìm hiểu hoàn cảnh giao tiếp để tìm hàm ý của câu in đậm trong đoạn trích.

- Hàm ý của câu nói: mình không thể đến “rìa biển cả” để vui chơi cùng các bạn vì mình không thể xa mẹ được (từ chối lời mời mọc, rủ rê của những người trong sóng).

- Hàm ý đó được tạo nên bằng cách vi phạm phương châm quan hệ (câu trả lời của em bé có vẻ không liên quan đến lời rủ rê của những người trong sóng) và sử dụng hành động ngôn ngữ gián tiếp (câu hỏi nhưng được dùng với mục đích khẳng định).

- Người nghe là những người trong sóng hiểu rõ hàm ý của em bé nên họ mỉm cười và nhảy múa lướt qua.

**Câu 3.**

a)

- Câu chứa hàm ý: Than ôi! Thời oanh liệt nay còn đâu?

- Hàm ý: Sự nuối tiếc quá khứ oanh liệt của con hổ.

c)

- Câu chứa hàm ý: Cụ tưởng tôi sung sướng hơn chăng?

- Hàm ý: Tôi cũng không sung sướng hơn cụ.

**III - BÀI TẬP VỀ NHÀ**

**Bài tập 1:**

*Em hiểu hàm ý của nhưng câu in đậm như thế nào?*

a.  “cháy nhà ra mặt chuột”

b. Chuột chù chê khỉ rằng hôi,

Khỉ mới trả lời: “Cả họ mày thơm”.

c. Trong lúc mọi người xôn xao vui vẻ phía sau lưng, bác lái xe quay sang nhà họa sĩ nói vội vã:

- Tôi sắp giới thiệu với bác một trong những người cô độc nhất thế gian. Thế nào bác cũng thích vẽ hắn.

*( Lặng lẽ Sa pa – Nguyễn Thành Long )*

**Bài tập 2:**

*Điền vào lượt thoại của B một hàm ý với nội dung từ chối:*

A: Chiều nay đi Thư viện với mình đi.

B: ……………………………………

A: Đành vậy.

**Bài tập 4:** Sưu tầm một truyện cười trong đó có câu mang hàm ý. Hãy giải nghĩa hàm ý đó theo cách hiểu của em.

**Bài tập 5:** Tìm hàm ý của các câu in đậm dưới đây. Cho biết trong mỗi trường hợp, hàm ý đã được tạo bằng cách cố ý vi phạm phương châm hội thoại nào?

a) Tuấn hỏi Nam:

- Cậu thấy đội bóng huyện mình chơi có hay không?

Nam bảo:

- ***Tớ thấy họ ăn mặc rất đẹp***.

b) Lan bảo Huệ:

- Huệ báo cho Nam, Tuấn và Chi sang mai đến trường chưa?

- ***Tớ báo cho Chi rồi***. – Huệ đáp.

**Gợi ý trả lời:**

**Bài tập 1:**

*Em hiểu hàm ý của câu sau như thế nào?*

a. Nghĩa hàm ẩn ( nghĩa bóng): Khi có hoạn nạn thì mới biết bản chất thật của con người.

b.  Câu chứa hàm ý: Cả họ mày thơm.

Hàm ý: mỉa mai, châm biếm chuột chù. Qua đó, bài ca dao ngụ ý phê phán những người không những không nhận thức rõ về khuyết điểm của bản thân mà còn hay chê bai người khác.

c. Lời bác lái xe: “ *Thế nào bác cũng thích vẽ hắn*” dùng để giới thiệu anh thanh niên có hàm ý là: đó là một con người đáng chú ý, là người có sự hấp dẫn đặc biệt, là người sẽ khơi dậy nguồn cảm hứng sáng tác cho họa sĩ…

**Bài tập 3:**

*Điền vào lượt thoại của B một hàm ý với nội dung từ chối:*

A: Chiều nay đi Thư viện với mình đi.

B: ……………………………………

A: Đành vậy.

**Bài tập 4:** Sưu tầm một truyện cười trong đó có câu mang hàm ý. Hãy giải nghĩa hàm ý đó theo cách hiểu của em

**Bài tập 5:**

a) Từ câu in đậm có thể hiểu:

“ Đội bóng huyện chơi không hay.”

“Tôi không muốn bình luận về việc này.”

Người nói cố ý vi phạm phương châm quan hệ.

b) Hàm ý của câu in đậm là: “ Tớ chưa báo cho Nam và Tuấn.”

Người nói cố ý vi phạm phương châm về lượng.

**CÁC PHÉP TU TỪ TỪ VỰNG**

**I - LÝ THUYẾT**

**1. So sánh**

- So sánh: là đối chiếu sự vật,sự việc này với sự vật sự việc khác có nét tương đồng để làm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- So sánh gồm hai loại:

+ So sánh ngang bằng: sử dụng các từ so sánh: như, là, tựa, như là, như thể…

+ So sánh không ngang bằng (hơn kém): sử dụng các từ so sánh: hơn, chẳng bằng, chưa bằng, không tày, không bằng…

- Một phép so sánh đầy đủ gồm bốn yếu tố: Vế A , vế B ; từ ngữ chỉ phương diện so sánh, từ so sánh.

Ví dụ: **Mặt trời xuống biển như hòn lửa.**(Đoàn thuyền đánh cá-Huy Cận)

**2. Nhân hóa**

- Nhân hóa: là gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật bằng những từ ngữ vốn dùng để gọi hoặc tả người để các sự vật được miêu tả sống động, gần gũi với đời sống con người.

- Các cách thực hiện nhân hóa:

+ Dùng các từ chỉ hoạt động, tính chất, đặc điểm của người để miêu tả vật.

+ Dùng những từ vốn dùng để gọi người để gọi vật ( ông, bà, cô, dì, chú, bác, cậu, mợ, anh chị,...)

+ Trò chuyện, tâm sự với vật như với con người.

Ví dụ: **Sóng đã cài then đêm sập cửa.** ( Đoàn thuyền đánh cá-Huy Cận)

( Tài liệu: Nguyễn Nga- nhóm ngữ văn THCS)

**3. Ẩn dụ**

- Ẩn dụ: là gọi tên sự vật,hiện tượng này bằng tên sự vật hiện tượng khác có nét tương đồng nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- Các kiểu ẩn dụ thường gặp:

+ Ẩn dụ hình thức;

+ Ẩn dụ cách thức;

+ Ẩn dụ phẩm chất;

+ Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác.

Ví dụ: Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

**Thấy một mặt trời trong lăng** rất đỏ.

(Viếng lăng Bác - Viễn Phương)

**4. Hoán dụ**

- Hoán dụ: là gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm này bằng tên sự vật, hiện tượng,khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó nhằm tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt.

- Các kiểu hoán dụ thường gặp:

+ Lấy bộ phận để gọi tên toàn thể;

+ Lấy vật chứa đựng để gọi tên vật bị chứa đựng;

+ Lấy dấu hiệu của sự vật để gọi tên sự vật;

+ Lấy cái cụ thể để gọi tên cái trừu tượng.

Ví dụ: **Bàn tay** ta làm nên tất cả

Có sức người sỏi đá cũng thành cơm.

(Bài ca vỡ đất - Hoàng Trung Thông)

**5. Nói quá**

- Nói quá: là biện pháp tu từ phóng đại quy mô, mức độ, tính chất của sự vật, hiện tượng để gây ấn tượng mạnh, tăng sức biểu cảm.

- Các cách nói quá:

+ Nói quá kết hợp với so sánh tu từ: ví dụ: Lớn nhanh như thổi.

+ Dùng thành ngữ có ý nghĩa phóng đại : ruột để ngoài da, rán sành ra mỡ…

+ Dùng những từ ngữ mang sẵn ý nghĩa phóng đại trong lời nói: cực kỳ, tuyệt trần, vô hạn, vô kể, tuyệt diệu, mất hồn,...

Ví dụ:. Cày đồng đang buổi ban trưa

**Mồ hôi thánh thót như mưa** ruộng cày.

(Ca dao)

**6. Nói giảm, nói tránh**

- Nói giảm, nói tránh: là biện pháp tu từ dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển để tránh gây cảm giác đau buồn, ghê sợ, nặng nề hoặc tránh thô tục, thiếu lịch sự.

Ví dụ:. Bác đã **đi** rồi sao Bác ơi!

Mùa thu đang đẹp nắng xanh trời. (Tố Hữu)

- Các cách nói giảm, nói tránh:

+ Dùng các từ đồng nghĩa để nói giảm, nói tránh (trường dùng các từ Hán Việt hay cho từ thuần Việt đồng nghĩa)

Ví dụ: phân hủy, tử thi, từ trần, tạ thế,...

+ Dùng cách nói phủ định từ ở mặt tích cực trong cặp từ trái nghĩa.

Ví dụ: Khó qua khỏi (chết); chữ viết chưa đẹp (xấu).

+ Dùng cách nói trống:

Ví dụ: Ông ấy sắp chết.

Thay bằng:

- Ông ấy chỉ nay mai thôi.

- Ông ấy chỉ chờ ngày chờ giờ.

- Ông ấy đang chờ con chờ cháu.

**7. Điệp ngữ**

- Điệp ngữ: là cách lập đi lặp lại nhiều lần một từ hay một ngữ để nhấn mạnh ý, gây cảm xúc mạnh.

- Các dạng điệp ngữ:

+ Điệp ngữ cách quãng: các từ ngữ được lặp lại đứng xa nhau.

+ Điệp ngữ nối tiếp: các từ ngữ được lặp lại đứng cạnh nhau.

+ Điệp ngữ vòng: các từ ngữ được lặp lại đứng cuối câu trước và đầu câu sau.

Ví dụ: **Ta làm** con chim hót

**Ta làm** một cành hoa

Ta nhập vào hòa ca

Một nốt trầm xao xuyến.

(Mùa Xuân nho nhỏ-Thanh Hải)

**8. Chơi chữ**

- Chơi chữ: là cách lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước làm cho câu văn, lời nói hấp dẫn và thú vị.

Ví dụ: Chữ **tài** liền với chữ **tai** một vần. (Nguyễn Du)

- Các cách chơi chữ:

+ Dùng từ ngữ đồng âm;

+ Dùng từ ngữ gần âm;

+ Dùng lối nói lái;

+ Dùng lối nói điệp âm;

+ Dùng các từ đồng nghĩa, trái nghĩa, gần nghĩa, ..

**II - BÀI TẬP ÁP DỤNG**

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 1**  **Câu 1:**Chỉ ra biện pháp tu từ trong đoạn văn sau:  … Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn. Dưới bóng tre của ngàn xưa, thấp thoáng mái đình mái chùa cổ kính. Dưới bóng tre xanh, ta gìn giữ một nền văn hoá lâu đời. Dưới bóng tre xanh, đã từ lâu đời, người dân cày Việt Nam dựng nhà, dựng cửa, vỡ ruộng, khai hoang,…  **Câu 2:**Cho sự vật được so sánh: trăng. Phương diện so sánh: khuyết.  Hãy tạo ra năm phép so sánh có sự vật dùng để so sánh khác nhau.  **Câu 3:**So sánh hai cách diễn đạt sau, cho biết cách diễn đạt nào hay hơn? Vì sao?  a) Phía đông mặt trời đã lên toả ánh sáng màu hồng xuống mặt sân. Bố em xách điếu chuẩn bị đi cày còn mẹ em tát nước. Con mèo lười hôm nay dậy sớm đang lấy hai tay cào lên mặt, cái đầu nghênh nghênh trông thật ngộ. Con gà mái cục ta… cục tác liên hồi, con gà trống nói luyên thuyên một lúc. Cây na sau vườn đã có quả, cây tre toả những tán lá xuống mặt ao.  b)  Ông Trời nổi lửa đằng đông  Bà Sân vấn chiếc khăn hồng đẹp thay.  Bố em xách điếu đi cày  Mẹ em tát nước, nắng đầy trong khau.  Cậu Mèo đã dậy từ lâu  Cái tay rửa mặt, cái đầu nghiêng nghiêng.  Mụ Gà cục tác như điên  Làm thằng Gà Trống huyên thiên một hồi.  Cái Na đã tỉnh giấc rồi  Đàn Chuối đứng vỗ tay cười vui sao!  Chị Tre chải tóc bên ao…  (Trần Đăng Khoa) |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 2**  **Câu 1:**  a) Có mấy kiểu so sánh?  b) Đọc kĩ đoạn văn và trả lời câu hỏi:  Giời chớm hè. Cây cối um tùm. Cả làng thơm. Cây hoa lan nở trắng xoá.***Hoa giẻ từng chùm mảnh dẻ. Hoa móng rồng bụ bẫm thom như mùi mít chín ở góc vườn ông Tuyên.*** Ong vàng, ong vò vẽ, ong mật đánh lộn nhau để hút mật ở hoa. Chúng đuổi cà bướm. Bướm hiền lành bỏ chỗ lao xao. Từng đàn rủ nhau lặng lẽ bay đi.  Sớm. Chúng tôi tụ hội ở góc sân. Toàn chuyện trẻ em. Râm ran.  (Duy Khán)  - Tìm biện pháp tu từ so sánh được sử dụng trong đoạn văn trên. Nêu tác dụng của biện pháp đó.  - Xác định thành phần chính, thành phần phụ của các câu in đậm.  - Các câu in đậm có phải là câu trần thuật đơn không? Vì sao?  c) Viết một đoạn văn (tối đa 15 dòng) tả vẻ đẹp của miền quê, trong đoạn văn có sử dụng hai biện pháp tu từ đã học.  **Câu 2:**  Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:  Ngày thứ năm trên đảo Cô Tô là một ngày trong trẻo, sáng sủa. Từ khi có vịnh Bắc Bộ và từ khi quần đảo Cô Tô mang lấy dấu hiệu của sự sống con người thì, sau mỗi lần dông bão, bao giờ bầu trời ***Cô Tô cũng trong sáng như vậy. Cây trên núi đảo lại thêm xanh mượt, nước biển lại lam biếc đậm đà hơn hết cả mọi khi, và cát lại vàng giòn hơn nữa.*** Và nếu cá có vắng tăm biệt tích trong ngày động bão, thì nay lưới càng thêm nặng mẻ cá giã đôi. Chúng tôi leo dốc lên đồn Cô Tô (…) ngắm toàn cảnh đảo Cô Tô. Nhìn rõ cả Tô Bắc, Tô Trung, Tô Nam, mà càng thấy yêu mến hòn đảo như bất cứ người chài nào đã từng để ra và lớn lên theo mùa sóng ở đây…  (Nguyễn Tuân,Cô Tô)  a) Trong đoạn văn tác giả đã sử dụng các biện pháp tu từ nào? Nêu tác dụng của các biện pháp tu từ đó.  b) Xác định các thành phần chính trong câu in đậm. Dấu phẩy trong câu có tác dụng gì?  c) Đọc đoạn văn em có cảm nhận gì về vẻ đẹp của đảo Cô Tô? Từ đó, nêu cảm xúc về vùng đảo thân yêu của Tổ quốc.  **Câu 3:**  Trong những ví dụ sau, đâu là ẩn dụ, đâu là hoán dụ?  a)  Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng  Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.  (Viễn Phương)  b)  Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước  Chỉ cần trong xe có một trái tim.  (Phạm Tiến Duật)  c)  Mặt trời xuống biển như hòn lửa  Sóng đã cài then, đêm sập cửa.  (Huy Cận)  d)  Vì sao Trái đất nặng ân tình  Nhắc mãi tên Người: Hồ Chí Minh.  (Tố Hữu) |

**Gợi ý trả lời:**

**Phiếu bài tập số 1**

**Câu 1:**Đoạn văn của Thép Mới sử dụng thành công biện pháp tu từ nhân hoá. Phép nhân hoá được thể hiện qua hình ảnh: Bóng tre trùm lên âu yếm làng, bản, xóm, thôn. Phép nhân hoá được tao ra bằng cách dùng từ chỉ hoạt động của người cho cây tre.

**Câu 2:**Tham khảo những ví dụ sau:

- Những hôm nào trăng khuyết, trông giống con thuyền trôi.

- Trăng khuyết như cái lưỡi liềm ai bỏ quên trên cánh đồng mênh mõng.

- Trăng khuyết trông như miệng em bé cười rất duyên.

**Câu 3:**So sánh hai cách diễn đạt, chúng ta thấy cách diễn đạt ở (b) hay hơn, sinh động và gợi cảm hơn.

- Cách diễn đạt ở (a): chủ yếu miêu tả đơn thuần nên chỉ có tác dụng tái hiện cụ thể cảnh buổi sớm.

- Cách diễn đạt ở (b): khi miêu tả có sử dụng phép tu từ nhân hoá bằng cách gọi vật như gọi người, dùng từ chỉ hoạt động, tính chất của người cho vật vì thế

**Phiếu bài tập số 2**

**Câu 1:**

a) Có hai kiểu so sánh:

- So sánh ngang bằng

- So sánh không ngang bằng

b)

- Tác giả sử dụng biện pháp tu từ so sánh: hoa móng rồng bụ bẫm thom như mùi mít chín ở góc vườn.

- Tác dụng của biện pháp so sánh: Làm cho câu văn sinh động, tăng sức gợi hình, gợi cảm cho sự diễn đạt. Thể hiện một cách cụ thể vẻ đẹp hiền hoà, ngọt ngào, thơm ngát của những bông hoa móng rồng trong một khu vườn quê.

- Xác định các thành phần chính, thành phần phụ trong câu in đậm:

Hoa giẻ/, từng chùm mảnh dẻ.

+ CN: Hoa giẻ

+ VN: Từng chùm mảnh dẻ.

Hoa móng rồng/, bụ bẫm và thơm như mùi mít chín ở góc vườn ông Tuyên.

+ CN: Hoa móng rồng

+VN: bụ bẫm và thơm như mùi mít chín ở góc vườn ông Tuyên.

c)

- Yêu cầu về hình thức:

+ HS viết đúng một đoạn văn (bắt đầu từ chữ cái đầu tiên viết hoa lùi vào một ô và kết thúc bằng dấu chấm xuống dòng).

+ Đoạn văn không dài quá 15 dòng.

– Yêu cầu về nội dung: tả vẻ đẹp của miền quê, trong đoạn văn có sử dụng hai biện pháp tu từ đã học. HS cần xác định trình tự miêu tả cho hợp lí. Sau đây là một số gợi ý:

+ Giới thiệu về miền quê.

+ Tả quang cảnh chung của miền quê: thanh bình, yên ả, tươi đẹp.

+ Tả cụ thể một số hình ảnh của miền quê; luỹ tre, hàng cau, cánh đồng, dòng kênh,…

Sau đó, HS chỉ ra trong đoạn văn vừa viết hai biện pháp tu từ mà mình đã tạo ra.

**Câu 2:**

a)

- Trong đoạn văn, tác giả đã sử dụng các biện pháp tu từ so sánh: Nhìn rõ cả Tô Bắc, Tô Trung, Tô Nam, mà càng thấy yêu mến hòn đảo như bất cứ người.chài nào đã tưng đẻ ra và lớn lên theo mùa sóng ở đây.

- Tác dụng của biện pháp tu từ so sánh: làm cho cách diễn đạt sinh động, tăng sức gợi hình gợi cảm; diễn tả cụ thể và chân thực cảm xúc yêu mến, gắn bó của tác giả với hòn đảo Cô Tô.

Cây trên núi đảo/ lại thêm xanh mượt, nước biển/ lại lam biếc đậm đà hơn hết cả mọi khi, và cát/ lại vàng giòn hơn nữa.

+ Cây trên núi đảo: CN1

+ lại thêm xanh mượt: VN1

+ nước biển: CN2

+ lại lam biếc đậm đà hơn hết cả mọi khi: VN2

+ cát/ CN3.

+  lại vàng giòn hơn nữa: VN3

- Dấu phẩy trong câu có tác dụng để đánh dấu ranh giới giữa các vế của một câu ghép.

c)

- Cảm nhận về vẻ đẹp của đảo Cô Tô trong đoạn văn: đoạn văn tả cảnh đảo Cô Tô sau cơn bão. Cảnh thiên nhiên hiện lên tươi sáng, trong trẻo, đầy sức sống, phong phú và độc đáo.

– Cảm xúc về vùng đảo: Yêu mến, tự hào, muốn được đến thăm vùng đảo thân yêu của Tổ quốc,…

**Câu 3:**

- HS phân biệt ẩn dụ và hoán dụ (dựa vào khái niệm).

- Xác định ẩn dụ và hoán dụ trong những ví dụ:

a) Tác giả sử dụng phép tu từ ẩn dụ qua hình ảnh mặt trời trong lăng rất đỏ.

b) Tác giả sử dụng phép tu từ hoán dụ qua hình ảnh một trái tim.

c) Tác giả sử dụng phép tu từ ẩn dụ qua hình ảnh sóng đã cài then, đêm sập cửa.

d) Tác giả sử dụng phép tu từ nhân hoá qua hình ảnh trái đất nặng ân tình.

**III - BÀI TẬP VỀ NHÀ**

**Bài tập 1:**

**Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật của các phép tu từ được dùng trong những trường hợp sau:**

a) Một mùa xuân nho nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời

Dù là tuổi hai mươi

Dù là khi tóc bạc.

(Thanh Hải)

b) Làn thu thủy nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.

(Nguyễn Du)

**Bài tập 2:**

Vận dụng kiến thức đã học về một số phép tu từ từ vựng để phân tích nét nghệ thuật độc đáo trong những câu (đoạn) sau:

*Một dạy núi mà hai màu mây.*

*Nơi nắng nơi mưa, khí trời cũng khác,*

*Như anh với em, như Nam với Bắc.*

*Như đông với tây một dải rừng liền*.

( Phạm Tiến Duật, Trường Sơn Đông, Trường Sơn Tây)

Khi tâm hồn ta đã rèn luyện thành một sợi dây đàn sẵn sàng rung động trước mọi vẻ đẹp của vũ trụ, trước mọi cái cao quý của cuộc đời, chúng ta là người một cách hoàn toàn hơn. ( Thạch Lam, Theo dòng)

Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chin. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hung lao động! Tre, anh hung chiến đấu!

( Thép Mới, Cây tre Việt Nam)

**Gợi ý trả lời:**

**Bài tập 1:**

\* Yêu cầu chung khi làm dạng bài tập về hiệu quả tu từ trong một đoạn trích:

- Về hình thức: có thể Trình bày thành đoạn văn hoặc theo từng ý.

- Về nội dung: cần đảm bảo các ý sau:

+ Giới thiệu đoạn trích và các phép tu từ được dùng.

+ Lần lượt chỉ rõ từng phép tu từ được sử dụng và phân tích hiệu quả biểu đạt, biểu cảm của chúng trong việc thể hiện nổi bật nội dung, tư tưởng của đoạn trích (có so sánh, đối chiếu với cách diễn đạt tương tự để thấy được cái hay trong cách diễn đạt của tác giả).

+ Đánh giá khái quát giá trị của việc sử dụng các phép tu từ trong đoạn trích.

\* Yêu cầu cụ thể:

- Giới thiệu: Đoạn thơ là lời tâm niệm chân thành của nhà thơ Thanh Hải về lẽ sống trong cuộc đời thông qua các phép tu từ: ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ,...

- chỉ rõ và phân tích hiệu quả nghệ thuật của các phép tu từ:

+ Thanh Hải chọn một hình ảnh ẩn dụ đẹp mùa xuân nho nhỏ để hóa thân. Nhà thơ ví ngầm cuộc đời mình và cuộc đời mỗi người là một mùa xuân nho nhỏ. Ẩn dụ mùa xuân nho nhỏ thể hiện lẽ sống đẹp của nhà thơ. Thanh Hải mong ước được cống hiến cả cuộc đời với tất cả sức sống tươi trẻ để làm nên mùa xuân vĩnh hằng cho đất nước, cho cuộc đời.

+ Phép bảo trật tự từ: lặng lẽ dâng để nhấn mạnh sự dâng hiến lặng lẽ, khiêm nhường, chân thành, tự nguyện, không phô trương, không đòi hỏi đáp đền của nhà thơ.

+ Điệp ngữ: dù là kết hợp hoán dụ: tuổi hai mươi, khi tóc bạc khẳng định thêm tâm niệm chân thành của nhà thơ: muốn được cống hiến thường xuyên, liên tục từ khi bước vào đời đến khi tuổi già tóc bạc, cống hiến bất chấp thời gian, nghịch cảnh.

- Đánh giá chung: thông qua các phép tu từ: ẩn dụ, hoán dụ, điệp ngữ,...đoạn thơ đã thể hiện nhân sinh quan cao đẹp đáng trân trọng của một nhà thơ suốt đời đi theo cách mạng, cống hiến không ngừng nghỉ cho cuộc đời, cho quê hương, đất nước.

- Giới thiệu: hai câu thơ của Nguyễn Du sử dụng cách nói ẩn dụ, nhân hóa để khắc họa vẻ đẹp nhan sắc tuyệt trần của Thúy Kiều.

- Chỉ rõ và phân tích hiệu quả nghệ thuật của các phép tu từ:

+ Đặc tả vẻ đẹp của đôi mắt, đôi mày nàng Kiều qua cách nói ẩn dụ. Hình ảnh ẩn dụ làn thu thủy gợi ra vẻ đẹp và sự cuốn hút của đôi mắt thăm thẳm, sáng trong tựa như nước hồ thu long lanh. Hình ảnh ẩn dụ nét xuân sơn gợi tả đôi mày thanh tú mơn mởn tựa nét núi mùa xuân, qua đó gợi ra cả sức xuân xanh phơi phới trong lòng Thúy Kiều.

+ Khái quát về nhan sắc Thúy Kiều, tác giả sử dụng cách nói nhân hóa và so sánh: hoa, liễu vốn là cái đẹp của thiên nhiên, vốn vô tri, vô giác nhưng biết ghen, biết hờn với Thúy Kiều. Cách nói đó khẳng định vẻ đẹp của nàng vượt quá xa so với tạo hóa khiến thiên nhiên, tạo hóa phải đố kỵ, ghét ghen.

- Đánh giá chung: sử dụng kết hợp các phép tu từ ẩn dụ, nhân hóa, tác giả đã làm nổi bật vẻ đẹp tuyệt sắc giai nhân của Thúy Kiều. Qua đó, Nguyễn Du còn nhầm dự báo số phận cuộc đời nàng sẽ gặp nhiều gian truân, sóng gió.

**Bài tập 2:**

Phân tích nét nghệ thuật độc đáo trong những câu (đoạn) trích:

a) Phép so sánh: Hai phía của dãy Trường Sơn cũng như hai con người (anh và em), hai miền đất ( Nam và Bắc), hai hướng ( đông và tây) của một dải rừng, luôn gắn bó keo sơn, không gì có thể chia cắt được.

b) Phép ẩn dụ: dùng “ sợi dây đàn” để chỉ tâm hồn con người, nhằm nói đến một tâm hồn rất nhạy cảm, dễ rung động trước cuộc sống.

c) Phép điệp ngữ và nhân hóa: Những từ tre, giữ, anh hung được lặp đi lặp lại nhiều lần và tác giả cũng nhân hóa tre, coi tre như một con người, một công dân xã thân vì quê hương, đất nước. Ngoài tác dụng tạo nên sự nhịp nhàng cho câu văn, phép điệp ngữ còn có tác dụng nhấn mạnh đến hình ảnh cây tre với những chiến công của nó. Phép nhân hóa làm cho hình ảnh cây tre gần gũi với con người hơn, gây ấn tượng với người đọc nhiều hơn.

**LIÊN KẾT CÂU - LIÊN KẾT ĐOẠN VĂN**

**I - LÝ THUYẾT**

**1. Khái niệm liên kết :** sự kết nối giữa câu với câu trong đoạn văn, giữa đoạn với đoạn trong văn bản gọi là liên kết câu và liên kết đoạn văn.

**2. Các phương tiện đảm bảo tính liên kết**

a) Liên kết nội dung: các câu trong đoạn hoặc các đoạn trong văn bản phải:

- Tập trung làm rõ chủ đề (liên kết chủ đề).

- Sắp xếp theo trình tự hợp lý, lô-gíc (liên kết lô-gíc).

b) Liên kết hình thức: các câu văn,các đoạn văn sử dụng các phương tiện ngôn ngữ hợp lý để liên kết nhằm làm nổi bật nội dung. Có các phép liên kết sau:

- Phép lặp từ ngữ: sử dụng lặp đi lặp lại một từ hay một cụm từ nào đó ở các câu, các đoạn khác nhau để liên kết.

- Phép nối: sử dụng các quan hệ từ nối câu sau, đoạn sau với câu trước, đoạn trước để liên kết.

- Phép thế: sử dụng các từ ngữ ở câu sau, đoạn sau có tác dụng thay thế các từ ngữ đã có ở câu trước, đoạn trước để liên kết.

- Phép đồng nghĩa, trái nghĩa, liên tưởng: sử dụng các từ ngữ đồng nghĩa, trái nghĩa hoặc cùng trường liên tưởng ở các câu, các đoạn khác nhau để liên kết.

**II - BÀI TẬP ÁP DỤNG**

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 1**  **Câu 1: Chỉ ra các phép liên kết câu, liên kết đoạn văn và phương tiện liên kết được dùng trong các trường hợp sau:**  a) Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân.  Từ đó, oán nặng , thù sâu, hằng năm Thủy Tinh làm mưa gió, bão lụt, dâng nước đánh Sơn Tinh. Nhưng năm nào cũng vậy, Thần Nước đánh mỏi mệt, chán chê vẫn không thắng nổi Thần Núi để cướp Mị Nương đành rút quân về.  (Sơn Tinh, Thủy Tinh)  b) Bấc có cái tài biểu lộ tình thương yêu gần giống như làm đau người ta. Nó thường hay há miệng ra cắn lấy bàn tay Thoóc-tơn rồi ép răng xuống mạnh đến nỗi vết răng hằn vào da thịt một lúc lâu. Và cũng như Bấc hiểu các tiếng rủa là những lời nói nựng, con người cũng hiểu cái cắn vừa ấy là cử chỉ vuốt ve.  (Tiếng gọi nơi hoang dã, G.Lân - đơn)  **Câu 2: Đọc đoạn văn sau:**  Những ngày đầu năm, khắp làng bản Việt Nam rộn ràng tiếng trống hội xuân thúc giục lòng người. (...) bên cạnh hoạt động lễ nghi mang ý nghĩa tín ngưỡng, con có nhiều hội vui, diễn xướng sân khấu và các trò chơi truyền thống, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. ( Theo Trò chơi ngày xuân-Báo Nhân Dân, 2002)   1. Có thể thay thế lần lượt các cụm từ: Đầu xuân, Khắp làng bản, Lúc này, Vào dịp này, vào dấu ba chấm, nằm trong ngoặc đơn (...) để hai câu trong đoạn văn trên liên kết với nhau không? 2. Chỉ rõ phép liên kết câu khi lần lượt thay thế các cụm từ trên.   **Câu 3:** Viết đoạn văn giới thiệu về truyện ngắn “ Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng, trong đó có sử dụng sự liên kết nội dung và hình thức. |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 2**  **Câu 1:** Phân tích tính liên kết về nội dung giữa các câu trong đoạn văn sau: *Trong cuộc đời đầy truân chuyên của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với văn hóa nhiều nước, nhiều vùng trên thế giới, cả ở Phương Đông và phương Tây. Trên những con tàu vượt trùng dương, Người đã ghé lại nhiều hải cảng, đã thăm các nước châu Phi, châu Á, châu Mỹ. Người đã từng sống dài ngày ở Pháp, ở Anh. Người nói và viết thạo nhiều thứ tiếng ngoại quốc: Pháp, Anh, Hoa, Nga...và Người đã làm nhiều nghề.*  *(Lê Anh Trà Phong Cách Hồ Chí Minh)*  **Câu 2:** Tìm các phương tiện liên kết hình thức trong các phần trích sau:  a) Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi và còn muốn nói một điều gì mới mẻ. Anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, anh muốn đem một phần của mình góp vào đời sống chung quanh.  ( Nguyễn Đình Thi, Tiếng nói của văn nghệ)  b) Tết năm nay là sự chuyển tiếp giữa hai thế kỷ, và hơn thế nữa, là sự chuyển tiếp giữa hai thiên niên kỷ. Trong thời khắc như vậy, ai cũng nói tới việc chuẩn bị hành trang bước vào thế kỉ mới, thiên niên kỷ mới.  Trong những hành trang ấy, có lẽ sự chuẩn bị bản thân con người là quan trọng nhất. Từ cổ chí kim, bao giờ con người cũng là động lực phát triển của lịch sử. Trong thế kỷ tới mà ai ai cũng thừa nhận rằng nền kinh tế tri thức sẽ phát triển mạnh mẽ thì vai trò của con người lại càng nổi trội.  ( Vũ Khoan, Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới)  c) Cây dừa gắn bó với người dân Bình Định chặt chẽ như cây tre đối với người dân miền Bắc. Cây dừa cống hiến tất cả của cải của mình cho con người: thân cây làm máng, lá làm tranh, cọng lá chẻ nhỏ làm vách, gốc dừa già làm chõ đồ xôi, nước dừa để uống, để kho cá, kho thịt, nấu canh, làm nước mắm,... Cùi dừa ăn sống với bánh đa, làm mứt, làm bánh kẹo, ép lấy dầu dùng để thắp, để ăn, để chải đầu, nấu xà phòng. Sọ dừa làm khuy áo, làm gáo, làm muôi. Vỏ dừa bện dây rất tốt đối với người đánh cá vì nó mềm, dẻo, dai, chịu mưa, chịu nắng. Cây dừa gắn bó với đời sống hàng ngày là như thế đấy.  ( Hoàng Vân Huyền, Cây dừa Bình Định)  **Câu 3: Đọc đoạn văn sau:**  Gia cảnh đã đến bước đường cùng buộc chị phải làm cái việc đau lòng ấy. (1) Xót chồng ốm đau mà bị đánh đập, cùm kẹp, chị đã lấy thân mình che chở cho chồng. (2) Phải bán con, chị Dậu như đứt từng khúc ruột.(3) Thậm chí, chị còn sẵn sàng chống lại tên cai lệ và người nhà lí trưởng để bảo vệ anh Dậu . (4) Chị Dậu chính là hình ảnh của người phụ nữ thương chồng, thương con, giàu lòng vị tha và đức hy sinh. (5) Đến khi bị giải lên huyện, ngồi trong quán cơm, nhịn đói, chị vẫn chỉ nghĩ đến anh Dậu, đến cái Tỉu, thằng Dần, cái Tí,(6)   1. Cho biết câu văn nào mang ý khái quát trong đoạn văn trên? 2. Chỉ ra lỗi liên kết về nội dung trong đoạn văn và chữa lại để đoạn văn trình bày theo cách quy nạp (chép lại đoạn văn). 3. Cho biết câu (1) và câu (2) của đoạn văn (sau khi đã chữa lỗi) được liên kết với nhau bằng phép liên kết và phương tiện liên kết nào? |

|  |
| --- |
| **Phiếu bài tập số 3**  **Câu 1:** Hãy sắp xếp các câu sau thành một đoạn văn:  (1) Sách là kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần nhân loại, cũng có thể nói đó là những cột mốc trên đường tiến hóa học thuật của nhân loại.  (2) Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn.  (3) Mỗi loại học vấn đến giai đoạn hôm nay đều là thành quả của toàn nhân loại nhờ biết phân công, cố gắng tích lũy ngày đêm mà có.  (4) Bởi vì học vấn không chỉ là việc cá nhân mà là việc của toàn nhân loại,  (5) Các thành quả đó sở dĩ không bị vùi lấp đi, đều là do sách vở ghi chép, lưu truyền lại.  **Câu 2:** *Hãy tìm những từ ngữ liên kết trong đoạn văn sau. Cho biết đó là phép liên kết gì?*  a) (1) Ở rừng mùa này thường như thế.(2) Mưa.(3) Nhưng mưa đá.(4) Lúc đầu tôi không biết. (5) Nhưng rồi có tiếng lanh canh gõ trên nóc hang.(6) Có cái gì vô cùng sắc xé không khí ra từng mảnh vụn.(7) Gió. (8)Và tôi thấy đau, ướt ở má.  *( Những ngôi sao xa xôi – Lê Minh Khuê )*  b)Mặt lão đột nhiên co rúm lại. Những vết nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra. Cái đầu lão nghẹo về một bên và cái miệng móm mém của lão mếu như con nít. Lão hu hu khóc.  *( Lão Hạc – Nam Cao )*  **Câu 3:** Viết một đoạn văn ngắn từ 6-8 câu, giải thích nhan đề truyện ngắn“Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê, có sử dụng phép liên kết. Cho biết trong đoạn văn đó, em đã sử dụng phép liên kết nào? |

**Gợi ý trả lời:**

**Phiếu bài tập số 1**

**Câu 1: Gợi ý trả lời:**

a) Các phép liên kết được dùng trong hai đoạn văn và phương tiện liên kết là:

- Liên kết câu:

+ Phép nối: từ *nhưng* nối câu 2 với câu 1 (đoạn 2).

+ Phép đồng nghĩa - Thủy Tinh đồng nghĩa với Thần Nước.

- Sơn Tinh đồng nghĩa với Thần Núi.

- Liên kết đoạn:

+ Phép lặp: Từ Thủy Tinh, Sơn Tinh, Thần Nước lặp lại hai lần ở hai đoạn văn.

+ Phép thế: cụm từ *Từ đó* (đoạn 2) thay thế cho thời gian kể từ khi thần nước rút quân (đoạn 1).

b) Các phép liên kết câu được dùng trong đoạn văn và phương tiện liên kết là:

- Phép lặp: Từ Bấc lặp lại hai lần (câu 1, 3)

- Phép thế: - Từ Nó (câu 2) thay thế cho Bấc (câu 1).

- Phép nối; Từ Và nối câu 3 với các câu trước.

- Phép đồng nghĩa: Thoóc-tơn - con người.

**Câu 2:**

a)Có thể thay thế lần lượt các cụm từ: Đầu xuân, Khắp làng bản, Lúc này, Vào dịp này, vào chỗ (...) để hai câu trong đoạn văn trên liên kết với nhau.

b) Phép liên kết câu được dùng trong đoạn văn:

- Khi thay cụm từ Đầu xuân vào chỗ (...) , hai câu trong đoạn liên kết với nhau bằng phép đồng nghĩa: Những ngày đầu năm - Đầu xuân;

- Khi thay cụm từ: Khắp làng bản vào chỗ(...) , hai câu trong đoạn liên kết với nhau bằng phép lặp;

- Khi thay cụm từ: Lúc này; Vào dịp này vào chỗ (...) , hai câu trong đoạn liên kết với nhau bằng phép thế: thay thế cho Những ngày đầu năm ở câu 1.

**Câu 3:** Chỉ ra sự liên kết nội dung và hình thức trong một đoạn văn em viết giới thiệu về nhà văn Nguyễn Quang sáng và truyện ngắn “ Chiếc lược ngà” của ông.

***Đoạn văn tham khảo:***

 Nguyễn Quang Sáng là một trong số những nhà văn xuất sắc của văn học Việt Nam thời kì chống đế quốc Mĩ. Tác phẩm của ông thuộc nhiều thể loại khác nhau nhưng bạn đọc yêu thích hơn cả là những truyện ngắn giàu kịch tính. Truyện ngắn của Nguyễn Quang Sáng thường có cốt truyện hấp dẫn, nghệ thuật kể chuyện tự nhiên, ngôn ngữ đậm đà màu sắc Nam Bộ. Tiêu biểu là truyện ngắn "Chiếc lược ngà". Truyện được viết vào tháng 9 năm 1966 tại chiến trường Nam Bộ trong những tháng ngày sôi sục đánh Mĩ. Truyện kể về ông Sáu, một cán bộ "nằm vùng tại miền Đông'" da diết thương nhớ vợ con, dùng ngà voi làm thành chiếc lược ngà xinh xắn, trước lúc từ thương đã nhờ bạn chiến đấu trao lại chiếc lược ngà cho đứa con gái bé bỏng, yêu thương. Qua đó, tác giả thê hiện tình cha con sâu nặng, tình đồng đội thiết tha trong cảnh ngộ éo le thời chiến tranh, đồng thời ca ngợi truyền thống cách mạng yêu nước của người nông dân Nam Bộ.

- Liên kết nội dung:

Đoạn văn chủ đề chung: Nguyễn Quang Sáng- truyện ngắn *Chiếc lược ngà*, các câu được sắp xếp theo trình tự hợp lý và đều thống nhất làm rõ chủ đề đó.

* Liên kết hình thức:

Phép lặp: Nguyễn Quang Sáng, truyện ngắn, truyện

Phép thế: Nguyễn Quang Sáng- ông

Phép nối: Qua đó

**Phiếu bài tập số 2**

**Câu 1**

Đoạn văn đã cho có chủ đề chung nêu ở câu mở đoạn, các câu còn lại được sắp xếp theo trình tự hợp lý và đều thống nhất làm rõ chủ đề đó.

**Câu 2:** Các phương tiện liên kết hình thức trong các phần trích như sau:

a)

- Phép lặp từ ngữ: tác phẩm

- Phép liên tưởng: nghệ thuật- nghệ sĩ- tác phẩm

- Phép nối: nhưng

- Phép thế: nghệ sĩ- anh

b) Phép lặp từ ngữ: thế kỷ, thiên niên kỷ, ai ai, hành trang, con người

- Phép liên tưởng: năm nay- thế kỷ- thiên niên kỷ- thời khắc- từ cổ chí kim; nói- thừa nhận

- Phép thế: như vậy, ấy

c) Phép lặp từ ngữ: cây dừa- dừa; gắn bó

- Phép liên tưởng: cây- thân- lá -gốc- cùi- sọ- vỏ; máng- tranh- vách- chỗ đồ xôi- khuy áo- gạo- muôi- dây; để uống; để kho cá; nấu canh- làm nước mắm- ăn sống- làm mứt- làm bánh kẹo...

- Phép thế: như thế đấy

**Câu 3:**

1. Cô mang ý khái quát của đoạn văn: Chị Dậu chính là hình ảnh của người phụ nữ thương chồng, thương con, giàu lòng vị tha và đức hi sinh. (Câu 5)

- Lỗi liên kết về nội dung trong đoạn văn là lỗi lô-gíc: các câu trong đoạn sắp xếp theo trật tự không hợp lý.

- Chữa lại để đoạn văn trình bày theo cách quy nạp: Sắp xếp lại trật tự các câu trong đoạn, đặt câu chủ đề cuối đoạn theo thứ tự các câu: (3)- (1)- (2)- (4)- (6)- (5)

Đoạn văn (sau khi đã sửa):

Phải bán con, chị Dậu như đứt từng khúc ruột. Gia cảnh đã đến bước đường cùng buộc chị phải làm cái việc đau lòng ấy. Xót chồng ốm đau mà bị đánh đập, cùm kẹp, chị đã lấy thân mình che chở cho chồng. Thậm chí, chị còn sẵn sàng chống lại tên cai lệ và người nhà lí trưởng để bảo vệ anh Dậu. Đến khi bị giải lên huyện, ngồi trong quán cơm, nhịn đói, chị vẫn chỉ nghĩ đến anh Dậu, đến cái Tỉu, thằng Dần, cái Tí. Chị Dậu chính là hình ảnh của người phụ nữ thương chồng, thương con, giàu lòng vị tha và đức hi sinh.

c) Câu (1) và câu (2) của đoạn văn (sau khi chữa lỗi) liên kết với nhau bằng phép thế: "cái việc đau lòng ấy" ở câu (2) thay thế cho cụm từ "Phải bán con"ở câu (1)

**Phiếu bài tập số 3**

**Câu 1:**

Sắpxếp các câu thành đoạn văn theo thứ tự: (2)- (4) (3)- (5)- (1)

**Câu 2:**

a) Phép nối: *nhưng* ( câu 5 ), *và* ( câu 8 )

b) Những từ ngữ thể hiện phép liên tưởng trong đoạn:

- Mặt – đầu – miệng – mắt.

- Mặt co rúm – vết nhăn xô lại.

- Nước mắt chảy ra – mếu – khóc.

**Câu 3:**

***Đoạn văn tham khảo:***

(1)Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê có một nhan đề thật thơ mộng và thật hay. (2)Tác phẩm viết về những cô gái tuổi mới lớn làm nhiệm vụ vụ san lấp hố bom trên tuyến đường Trường Sơn máu lửa. (3)Cuộc sống chiến đấu gian lao và nguy hiểm nhưng cũng không làm họ mất đi niềm yêu đời, yêu cuộc sống. (4)“Những ngôi sao xa xôi” trên bầu trời đêm sâu thẳm là hình ảnh thực mà các cô gái thường ngắm nhìn mỗi khi có thời gian. (5)Họ gửi vào đó những mộng mơ, những khao khát thời thiếu nữ. (6)Những “Những ngôi sao xa xôi” có lẽ cũng là hình ảnh mà những người chiến sĩ trên tuyến đường ấy đã cảm nhận được khi nhìn vào đôi đôi mắt của những cô gái ấy: “Có cái nhìn sao mà xa xăm”...(7)Nhan đề rất gợi ấy đã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn trong sáng, bay bổng của những người nữ thanh niên xung phong- ngay cả khi họ cận kề sự chết chóc, hiểm nghèo. (8)Đó thực sự là một nhan đề đầy tính nhân văn.

- Phép thế: Tác phẩm(thế cho cụm từ truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi”)

- Phép lặp: “Những ngôi sao xa xôi”

**III - BÀI TẬP VỀ NHÀ**

**Bài tập 1:** *Hãy tìm những từ ngữ liên kết trong đoạn văn sau. Cho biết đó là phép liên kết gì?*

*a*. (1)Trời xanh thẳm, biển cũng xanh thẳm như dâng cao.(2) Trời rải mây trắng nhạt, biển mơ màng dịu hơi sương.(3) Trời âm u mây mưa, biển xám xịt nặng nề. (4)Trời ầm ầm dông gió, biển đục ngầu giận dữ.

*( Biển đẹp – Vũ Tú Nam )*

*b*. (1)Tre xung phong vào xe tăng đại bác.(2) Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín.(3) Tre hi sinh để bảo vệ con người.(4) Tre! anh hùng lao động.(5) Tre! anh hùng chiến đấu.

*( Cây tre Việt Nam – Thép Mới)*

*c*. (1)Tôi đi đứng oai vệ.(2) Mỗi bước đi, tôi làm điệu dún dẩy những khoeo chân, rung lên rung xuống hai chiếc râu cho ra kiểu cách con nhà võ.(3) Tôi tợn lắm.(4) Dám cà khịa với tất cả bà con trong xóm.(5) Khi tôi to tiếng thì ai cũng nhịn, không ai đáp lại cả.(6) Bởi vì quanh quẩn, ai cũng quen thuộc mình cả.(7) Không nói, có lẽ họ nễ hơn là sợ.(8) Nhưng tôi lại tưởng thế là không ai dám ho he.(9) Ấy vậy, tôi cho là tôi giỏi.(10) Những gã xốc nổi thường lầm cử chỉ ngông cuồng là tài ba.

*( Dế Mèn phiêu lưu kí – Tô Hoài )*

*d*. (1)Em gái tôi tên là Kiều Phương, nhưng tôi quen gọi nó là Mèo bởi vì mặt nó luôn bị chính nó bôi bẩn.(2) Nó vui vẻ chấp nhận cái tên tôi tặng cho và hơn thế, còn dùng để xưng hô với bạn bè.(3) Mèo rất hay lục lọi các đồ vật với một sự thích thú đến khó chịu.

*( Bức tranh của em gái tôi – Tạ Duy Anh )*

e. Nghe chuyện Phù Ðổng Thiên Vương, tôi tưởng tượng đến một trang nam nhi, sức vóc khác người, nhưng tâm hồn còn thô sơ giản dị, như tâm hồn tất cả mọi người thời xưa. Tráng sĩ ấy gặp lúc quốc gia lâm nguy đã xông pha ra trận đem sức khỏe mà đánh tan giặc, nhưng bị thương nặng. Tuy thế người trai làng Phù*Ðổng*vẫn còn ăn một bữa cơm...

*(Nguyễn Ðình Thi)  
g.* Chim chóc cũng đua nhau đến bên hồ làm tổ. Những con sít lông tím, mỏ hồng kêu vang như tiếng kèn đồng. Những con bói cá mỏ dài lông sặc sỡ. Những con cuốc đen trùi trũi len lủi giữa các bụi ven bờ.

**Bài tập 2:**  *Hãy phát hiện và chữa lỗi liên kết nội dung trong đoạn văn sau*:

(1) Chim chóc nhiều vô kể. (2) Chào mào, sáo sậu, sáo đen…đàn đàn lũ lũ bay đi bay về, lượn lên lượn xuống. (3) Vài ba con thỏ đi kiếm ăn. (4) Chúng líu lo trò chuyện, tranh cãi ồn ào mà vui không thể tưởng tượng được.

**Bài tập 3:** *Phát hiện và chữa lỗi liên kết hình thức trong đoạn văn sau*:

(1) Buổi sáng sương muối phủ trắng cành cây bãi cỏ.(2) Gió bấc hun hút thổi.(3) Núi đồi, thung lũng, làng bản chìm trong biển mây mù.(4) Nhưng mây bò trên mặt đất tràn vào trong nhà, quấn lấy người đi đường.

**Gợi ý trả lời:**

**Bài tập 1:** *Từ ngữ liên kết và phép liên kết:*

a. Phép lặp : *trời*, *biển* trong các câu.

b. Phép lặp: *tre*

c.- Phép lặp: *tôi*

- phép nối:*Bởi vì* (câu 6 ); *nhưng* (câu 8); *Ấy vậy* ( câu 9 )

d. Phép thế: -*nó* (câu 2 ),*Mèo* (câu 3 ) thế cho *em gái* ( câu 1 )

e. Phép liên tưởng: Phù Ðổng Thiên Vương, Tráng sĩ  người trai làng Phù Đổng.

Phép thế: Tuy thế  
 g. Phép liên tưởng: Chim chóc, con sít, con bói cá, con cuốc đen

**Bài tập 2:** Đoạn văn nói về các loài chim. Câu (3) nói về thú, như vậy là không hướng tới chủ đề.

Cách sửa: bỏ câu ( 3 ) hoặc thay bằng một câu khác cũng nói về loài chim.

**Bài tập 3:** Câu ( 4 ) dùng từ *nhưng* để nối ý câu ( 3 ) với câu ( 4 ) là sai vế mặt ý nghĩa. Cách sửa: bỏ từ *nhưng*

**BÀI TẬP TIẾNG VIỆT TỔNG HỢP**

**Câu 1: Đọc đoạn trích sau và trả lời câu hỏi:**

Đại đội trưởng rất hay dùng những từ tế nhị như "cảm ơn" , "xin lỗi" , "chúc may mắn". Anh trẻ, người gầy, hay đau khớp, hay làm ca dao cho báo tường. Nhà đâu như cuối phố Lò Đúc.(Lê Minh Khuê)

a) Tại sao những cụm từ "cảm ơn" , "xin lỗi" , "chúc may mắn" lại được đặt trong dấu ngoặc kép? Những cụm từ đó có liên quan đến phương châm hội thoại nào? Vì sao?

b) Chỉ rõ thành phần biệt lập được dùng trong đoạn văn.

**Gợi ý trả lời:**

a )

- Những cụm từ "cảm ơn" , "xin lỗi" , "chúc may mắn" được đặt trong dấu ngoặc kép vì đó là lời nói của nhân vật đại đội trưởng được trích dẫn theo cách trực tiếp.

- Những cụm từ đó có liên quan đến phương châm hội thoại lịch sự thì nó thể hiện sự tôn trọng, lịch sự của chàng trai Hà Thành khi giao tiếp.

b) Thành phần biệt lập được dùng trong đoạn văn là thành phần tình thái: **đâu như** (chỉ sự phỏng đoán, chưa chắc chắn).

**Câu 2: Đọc các ngữ liệu sau và thực hiện các yêu cầu:**

1. Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi

Hàng xóm bốn bên trở về làm lụi

Đỡ đần bà dựng lại túp lều tranh

Vẫn vững lòng,bà dặn cháu đinh ninh

"Bố ở chiến khu, bố còn việc bố.

Mày có viết thư chớ kể này, kể nọ,

Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!".

(Bằng Việt)

Lời dặn của người bà với cháu trong đoạn thơ trên được trích dẫn theo cách nào? Vì sao? So sánh sự việc đã xảy ra ở nhà với lời bà dặn và cho biết bà đã cố ý vi phạm phương châm hội thoại nào? Ý nghĩa của việc vi phạm đó?

1. Bà già đi chợ Cầu Đông

Bói xem một quẻ lấy chồng lợi chăng

Thầy bói gieo quẻ nói rằng:

Lợi thì có lợi nhưng răng không còn.

(Ca dao)

Cho biết thầy bói đã vi phạm phương châm hội thoại nào khi nói với bà già? Chỉ rõ và phân tích ý nghĩa của việc vi phạm đó?

**Gợi ý trả lời:**

a) Lời dặn của người bà trong đoạn thơ trên được dẫn theo cách trực tiếp vì trích dẫn nguyên văn và được đặt trong dấu ngoặc kép.

- So sánh sự việc đã xảy ra ở nhà với lời bà dặn, người bà đã cố ý vi phạm phương châm hội thoại về chất: Bà bảo cháu nói dối sự thật ở nhà khi cháu viết thư cho bố.

- Ý nghĩa: Bà cố ý vi phạm phương châm hội thoại về chất để ưu tiên cho phương châm lịch sự quan trọng hơn. Bà không muốn cho các con biết sự thật gian khổ ở nhà để các con yên tâm công tác và chăm lo việc kháng chiến. Việc bà cố ý vi phạm phương châm hội thoại về chất đã làm nổi bật đức hi sinh, tinh thần nhẫn nại và cả tình yêu thương con quý cháu chan hòa với tình yêu đất nước của bà.

b) Thầy bói đã vi phạm phương châm hội thoại quan hệ khi nói với bà già: bà già hỏi về ích lợi của việc lấy chồng thì thầy bói lại nhắc đến lợi - một bộ phận nằm trong khoang miệng để níu giữ răng.

- Ý nghĩa: Thầy bói cố ý vi phạm phương châm hội thoại quan hệ để tạo hàm ý nhằm mỉa mai, chế giễu bà già: bà già rồi, rụng hết răng rồi còn ham lấy chồng, một việc không phù hợp với tuổi già.

**Câu 3: Nêu điều kiện sử dụng hàm ý. Vận dụng để phân tích tình huống sử dụng hàm ý trong đoạn hội thoại sau và cho biết ý nghĩa của việc sử dụng hàm ý trong tình huống đó.**

Chờ khi đứa con trai đã bưng thau nước xuống nhà dưới, anh hỏi Liên:

- Đêm qua lúc gần sáng, em có nghe thấy tiếng gì không?

Liên giả vờ không nghe câu chồng vừa hỏi. Trước mặt chị hiện ra một cái bờ đất lở dốc đứng của bờ bên này, và đêm đêm cùng với con lũ đầu nguồn đã bắt đầu dồn về, những tảng đất đổ oà vào giấc ngủ.

- Hôm nay đã là ngày mấy rồi em nhỉ?

Liên vẫn không đáp và biết chồng đang nghĩ gì. Chỉ đưa những ngón tay gầy guộc âu yếm vuốt ve bên vai chồng:

- Anh cứ yên tâm. Vất vả,tốn kém bao nhiêu em với các con cũng chăm lo cho anh được.

(Nguyễn Minh Châu)

**Gợi ý trả lời:**

\* Điều kiện sử dụng hàm ý:

- Người nói (người viết) có ý thức đưa hàm ý vào câu nói.

- Người nghe (người đọc) có năng lực giải toán hàm ý.

\* Phân tích tình huống hội thoại giữa Nhĩ và Liên có sử dụng hàm ý:

- Nhân vật Nhĩ (người nói) : cố ý đưa hàm ý vào trong hai câu anh hỏi Liên:

+ Đêm qua lúc gần sáng, em có nghe thấy tiếng gì không?

+ Hôm nay đã là ngày mấy rồi em nhỉ?

Hàm ý của lời nói: Cuộc sống của anh sắp kết thúc.

- Nhân vật Liên (người đáp): hiểu hàm ý trong câu nói của chồng:

+ Ở lời nói thứ nhất Nhĩ: Liên hiểu như không đáp.

+ Ở lời nói thứ hai của Nhĩ : Liên đáp: Anh cứ yên tâm. Vất vả,tốn kém bao nhiêu em với các con cũng chăm lo cho anh được.

→ Liên hiểu, đồng cảm, an ủi và động viên chồng.

\* Ý nghĩa:

Xây dựng tình huống hội thoại có sử dụng hàm ý, đoạn trích gợi ra cuộc đời nhân vật Nhĩ đang ở những ngày tháng cuối cùng và ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn nhân vật Liên - người phụ nữ hết lòng vì gia đình, vì chồng con.

**Câu 4: Đọc truyện cười sau:**

CHIẾM HẾT CHỖ

Một người ăn mày hom hem, rách rưới đến cửa nhà giàu xin ăn. Người nhà giàu không cho, lại còn mắng:

- Bước ngay! Rõ trông như người ở dưới địa ngục mới lên ấy!

Người ăn mày nghe nói, vội trả lời:

- Phải, tôi ở dưới địa ngục mới lên đấy!

Người nhà giàu nói:

- Đã xuống địa ngục, sao không ở hẳn dưới ấy, còn lên đây làm gì cho bẩn mắt?

Người ăn mày đáp:

- Thế không ở được nên mới phải lên. Ở dưới ấy các nhà giàu chiếm hết cả chỗ rồi!

(Theo Trương Chính, Phong Châu-truyện cười dân gian Việt Nam)

a) Chỉ ra những lời dẫn trực tiếp trong câu chuyện trên.

b) Tên nhà giàu trong truyện đã vi phạm phương châm hội thoại nào? Vì sao?

c) Câu nói nào của người ăn mày có chứa hàm ý? Xác định nội dung hàm ý trong câu nói đó.

**Gợi ý trả lời:**

a) Những lời dẫn trực tiếp trong câu chuyện trên là lời của hai nhân vật tham gia hội thoại:

- Bước ngay! Rõ trông như người ở dưới địa ngục mới lên ấy!

- Phải, tôi ở dưới địa ngục mới lên đấy!

- Đã xuống địa ngục, sao không ở hẳn dưới ấy, còn lên đây làm gì cho bẩn mắt?

- Thế không ở được nên mới phải lên. Ở dưới ấy các nhà giàu chiếm hết cả chỗ rồi,!

b) Tên nhà giàu trong truyện đã vi phạm phương châm hội thoại lịch sự khi nói với người ăn mày.

- Lý giải: Tên nhà giàu có lời nói và việc làm không tôn trọng, không cảm thông với một người ăn mày khốn khổ, rách rưới. Hắn đã không cho lại còn xua đuổi và buông những lời cay độc để xúc phạm người ăn mày.

c) Câu nói của người ăn mày có chứa hàm ý: Ở dưới ấy các nhà giàu chiếm hết cả chỗ rồi!

- Nội dung hàm ý trong câu trả lời của người ăn mày: địa ngục Không phải chỗ dành cho tôi, địa ngục mới là chỗ dành cho những kẻ nhà giàu tham lam, độc ác như ông.

**Câu 5: Chỉ ra và phân tích hiệu quả nghệ thuật của những phép tu từ từ vựng được dùng trong những trường hợp sau:**

a) Nắng bây giờ bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây. Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tít trong nắng, những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng. Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục, lăn trên các vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn vào cả gầm xe.(Nguyễn Thành Long)

b) Chiếc thuyền im bến mỏi trở về nằm,

Nghe chất muối thấm dần trong thớ vỏ.

(Tế Hanh)

c) Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm

Nhóm niềm yêu thương,khoai sắn ngọt bùi

Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui

Nhóm dậy cả tâm tình tuổi nhỏ

Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa

(Bằng Việt)

**Gợi ý trả lời:**

Cần trình bày mỗi ý thành đoạn văn hoặc bài văn ngắn.

- Các phép tu từ từ vựng trong đoạn văn của Nguyễn Thành Long:

+ Biện pháp nói quá (ngoa dụ, phóng đại) : nắng đốt cháy rừng cây.

+ Biện pháp nhân hóa: Nắng... len... đốt. Những cây thông... rung tít… những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che… nhô cái đầu màu hoa cà... Mây bị nắng xua, cuộn tròn… lăn… rơi… luồn…

+ Biện pháp ẩn dụ: những ngón tay bằng bạc.

- Hiệu quả tu từ:

+ Biện pháp nói quá diễn tả sức lan tỏa mạnh mẽ, sự huyền ảo của nắng Sa Pa.

+ Biện pháp ẩn dụ và nhân hóa làm cho cảnh vật ( nắng, cây, mây) hiện ra tinh nghịch, sống động, hấp dẫn.

Nhà văn sử dụng các biện pháp tu từ nhằm gợi ra trước mắt người đọc bức tranh thiên nhiên miền Tây Bắc của Tổ quốc không hề hoang vu mà hết sức sống động, giàu chất thơ. Cảnh đẹp kỳ lạ khơi gợi ở người đọc khát khao được đặt chân đến vùng đất thơ mộng ấy.

b) Các phép tu từ từ vựng trong hai câu thơ của Tế Hanh:

- Hai câu thơ sử dụng biện pháp nhân hóa: các từ được sử dụng để nhân hóa chiếc thuyền là: im, mỏi, trở về, nằm, nghe.

- Hiệu quả của biện pháp nhân hóa:

+ Biến con thuyền vô tri vô giác trở nên sống động, có hồn như con người. Các từ: im, mỏi, trở về, nằm giúp người ta cảm nhận được giây lát nghỉ ngơi thư giãn của con thuyền, nó giống như con người, sau một chuyến ra khơi vất vả, cực nhọc trở về.

+ Từ " nghe" gợi cảm nhận con thuyền như một cơ thể sống, nhận biết được chất muối của biển đang ngấm dần, lặn dần vào "da thịt" của mình; và giống như con người từng trải, với con thuyền, vị muối càng ngấm vào nó bao nhiêu, nó như càng dày dặn sóng gió và kiên cường bấy nhiêu.

b) Các biện pháp tu từ được dùng trong đoạn thơ của Bằng Việt:

- Điệp từ " nhóm" bốn lần lặp lại liên tiếp đầu mỗi câu thơ vừa nhấn mạnh công việc nhóm bếp của bà vừa soi sáng chân dung người bà tần tảo, nhẫn nại, giàu đức hi sinh. Bà không chỉ nhóm lên bếp lửa bằng đôi tay khéo léo để bếp lửa cháy sáng, để có nồi khoai sắn ngọt bùi, có nồi xôi gạo mới. Từ công việc nhóm lửa hàng ngày, bà còn nhóm nên cả những nét đẹp tâm hồn tuổi thơ cho cháu, bồi đắp ước mơ và tình yêu thương cho cháu.

- Hoán dụ khoai sắn ngọt bùi, nồi xôi gạo mới gợi ra tình cảm gắn bó với những gì giản dị, gần gũi của quê hương. Bà bồi đắp cho cháu tình đoàn kết xóm làng.

- Ẩn dụ bếp lửa: Vừa tả thực vừa là hình ảnh biểu tượng cho lòng bà, tình yêu thương bà dành cho cháu, trở thành kỷ vật thiêng liêng của tình bà cháu, là hành trang theo cháu suốt hành trình dài rộng của cuộc đời.

Các phép tu từ trên đã góp phần thể hiện sâu sắc tình cảm và lòng biết ơn sâu sắc của người cháu hiếu thảo phương xa với người bà yêu kính và bếp lửa tuổi thơ.

**Câu 6: Ngợi ca tình mẹ, Chế Lan Viên viết:**

Con dù lớn vẫn là con của mẹ,

**Đi** (1) hết đời, lòng mẹ vẫn theo con.

Còn Nguyễn Duy lại viết:

Ta **đi** (2)trọn kiếp con người

Cũng không **đi** (3) hết mấy lời mẹ ru.

Chỉ ra ý nghĩa và phân tích giá trị biểu cảm của từ **đi** trong những câu thơ trên.

**Gợi ý trả lời:**

Cần đảm bảo được các ý sau:

- Giải thích ý nghĩa của từ đi trong mỗi câu thơ:

+ Đi (1),(2) đều có ý nghĩa là sống: sống hết đời, sống trọn kiếp con người.

+ Đi (3) có nghĩa là hiểu, biết, đền đáp: không hiểu hết, biết hết mấy lời ru của mẹ và không bao giờ có thể đền đáp nổi công lao trời bể của mẹ.

- Phân tích giá trị biểu cảm của từ đi trong mỗi câu thơ:

+ Chế Lan Viên không dùng từ sống mà dùng từ đi bởi từ đi vừa gợi ra hình tượng con đường đời đầy gian khó, dài dằng dặc, đầy đắng cay mà mẹ đã trải qua đồng thời còn gợi ra lòng mẹ bao la, tình mẹ dạt dào,mẹ dành tình yêu cho con trong suốt cuộc đời không bao giờ thay đổi. Dù con có lớn khôn đến đâu, có nếm trải tất cả mọi lẽ ở đời nhưng khi trở về bên mẹ, còn vẫn còn thơ bé , trọn đời, trọn kiếp mẹ vẫn dõi theo con, chở che, giúp đỡ, chia sẻ cùng con,...

+ Nguyễn Duy sử dụng liên tiếp hai từ đi trong hai câu thơ nhưng mỗi từ láy có sắc thái biểu cảm riêng. Từ đi trong Ta đi trọn kiếp con người mở ra con đường đời dài dằng dặc của một kiếp người, của cả cuộc đời của con. Thế nhưng, con vẫn chưa đi hết mấy lời mẹ ru tưởng như ít ỏi, xa xăm thuở nào. Từ đi trong câu thơ thứ hai đã tạo cho hai câu thơ có sự độc lập tương phản. Cả cuộc đời này, con có hiểu nhiều, biết rộng,... nhưng chưa chắc đã hiểu hết những tâm tư, tình cảm mẹ gửi vào mấy lời ru khi con còn thơ bé, chưa chắc con đã hiểu được tình yêu và đức hy sinh của mẹ. Con sẽ chẳng bao giờ đền đáp nổi công lao trời bể của mẹ.

→ Đằng sau ý thơ, người đọc còn thấu hiểu được cả sự ân hận và lòng biết ơn sâu sắc của nhà thơ với mẹ mình.

**Câu 7: Hãy chỉ ra những từ ngữ chép chưa chính xác trong các đoạn thơ dưới đây. Chép lại cho đúng và phân tích hiệu quả biểu đạt của những từ ngữ đó.**

1. Cỏ non xanh rợn chân trời,

Cành lê điểm trắng một vài bông hoa.

1. Sương bồng bềnh qua ngõ

Ngoài kia thu đã về.

**Gợi ý trả lời:**

- Chỉ ra những từ ngữ chép chưa chính xác và chép lại:

+ Chép sai từ **tận** thành từ **rợn** trong câu:

Cỏ non xanh rợn chân trời,

+ Chép sai cụm từ **trắng điểm** thành **điểm trắng** trong câu:

Cành lê điểm trắng một vài bông hoa.

+ Chép lại đúng hai câu thơ của Nguyễn Du:

Cỏ non xanh tận chân trời,

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

- Phân tích hiệu quả sử dụng: Hai câu thơ của Nguyễn Du là bức tranh về mùa xuân tuyệt đẹp: bao la, khoáng đạt, tinh khôi, giàu sức sống.

+ Dùng từ rợn không phù hợp với miêu tả đặc điểm của cỏ non, không làm nổi bật sức sống của mùa xuân. Nguyễn Du dùng từ tận giàu sức gợi: gợi ra một không gian bao la, khoáng đạt với một biển cỏ xanh non, mênh mông đang trải ra, kéo dài tít tận chân trời. Đó là sức sống bất tận của mùa xuân.

+ Cụm từ điểm trắng không làm nổi bật được cái thần của bức tranh xuân, không cân xứng hài hòa giữa hai gam màu xanh và trắng. Nguyễn Du đảo từ trắng lên vị trí thứ ba của câu thơ để tạo sự cân xứng, hài hòa với từ xanh ở câu trên, để sắc trắng tinh khôi của vài bông hoa lê nổi bật trên sắc xanh vô biên của thảm cỏ, làm điểm nhấn, tạo hai gam màu êm dịu, tươi mát cho bức tranh mùa xuân. Từ điển được dùng như một động từ, chỉ sự điểm tô, trang trí khéo của bàn tay tạo hóa, khiến cho bức tranh xuân động chứ không tĩnh tại.

- Chỉ ra những từ bạn chép chưa chính xác so với hai câu thơ của Hữu Thỉnh:

+ Chép sai từ chùng chình thành từ bồng bềnh.

+ Chép sai từ hình như thành từ ngoài kia.

- So sánh:

+ Hai câu thơ của Hữu Thỉnh:

Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về.

+ Hai từ bồng bềnh và chùng chình đều là từ láy gợi hình phù hợp với miêu tả làn sương:

Từ bồng bềnh chỉ gợi trạng thái bên ngoài.

Từ chùng chình vừa gợi trạng thái bên ngoài, vừa gợi tâm trạng như con người.

Vì vậy, dùng từ chùng chình hay, giàu sức gợi hình, gợi cảm hơn.

- Hai từ ngoài kia và hình như đều là cảm nhận của nhân vật trữ tình:

+ Từ ngoài kia là sự cảm nhận khách quan, sự chắc chắn thu đã về.

+ Tử hình như là vừa là sự hoài nghi, chưa chắc chắn vừa có cảm xúc bâng khuâng, ngỡ ngàng như một tiếng reo. Qua đó thể hiện sự cảm nhận tinh tế của nhà thơ trước khoảnh khắc giao mùa.

**Câu 8: Phân tích tính liên kết về mặt nội dung và hình thức giữa các câu trong đoạn văn sau:**

1. Cái mạnh của con người Việt Nam không chỉ chúng ta nhận biết mà cả thế giới đều thừa nhận là sự thông minh, nhạy bén với cái mới (1). Bản chất trời phú ấy rất có ích trong xã hội ngày mai và sự sáng tạo là một yêu cầu hàng đầu(2). Nhưng bên cạnh cái mạnh đó cũng còn tồn tại không ít cái yếu (3). Ấy là những lỗ hổng kiến thức cơ bản do thiên hướng chạy theo những môn học "thời thượng", nhất là khả năng thực hành và sáng tạo bị hạn chế do lối học chạy , học vẹt nặng nề (4). Không nhanh chóng lấp những lỗ hổng này thì khó bề phát huy trí thông minh vốn có và không thể thích ứng với nền kinh tế mới chứa đựng đầy tri thức cơ bản và biến đổi không ngừng (5).(Vũ Khoan)
2. Mưa mùa xuân xôn xao, phơi phới (1). Những hạt mưa bé nhỏ, mềm mại, rơi mà như nhảy nhót (2). Hạt nợ tiếp hạt kia đan xuống mặt đất (...)(3). Mặt đất đã kiệt sức bỗng thức dậy, âu yếm đón lấy những giọt mưa ấm áp, trong lành (4). Đất trời lại dịu mềm, lại cần mẫn tiếp nhựa cho cây cỏ (5). Mưa mùa xuân đã mang lại cho chúng cái sức sống ứ đầy, tràn lên các nhánh lá, mầm non (6). Và cây trả nghĩa cho mưa bằng cả mùa hoa thơm trái ngọt (7). (Nguyễn Thị Thu Trang)

**Gợi ý trả lời:**

1. Chủ đề đoạn văn: Điểm mạnh của con người Việt Nam cần phát huy và điểm yếu cần khắc phục.

\* Liên kết nội dung:

- Tất cả 5 câu trong đoạn đều xoay quanh chủ đề đoạn văn.

- Các câu văn trong đoạn đều sắp xếp hợp lý, lô-gíc:

+ Mặt mạnh của trí tuệ Việt Nam. (Câu 1,2)

+ Những mặt hạn chế của con người Việt Nam và cách khắc phục điểm yếu của con người Việt Nam. (Câu 3,4,5)

\* Liên kết hình thức: Các câu văn trong đoạn được liên kết với nhau bằng các phép liên kết sau:

- Phép nối:

+ Từ Nhưng nối câu 3 với câu 2;

+ Cụm từ ấy là nối câu 4 với câu 3.

- Phép lặp:

+ Từ lỗ hổng lặp hai lần ở câu 4 và câu 5;

+ Từ thông minh lặp 2 lần ở câu 1 và câu 5.

- Phép đồng nghĩa:

+ Cụm từ cái mạng đó ở câu 3 đồng nghĩa với cụm từ bản chất trời phú ấy ở câu 2 và sự thông minh, nhạy bén với cái mới ở câu 1;

1. Chủ đề đoạn văn: miêu tả mưa mùa xuân và sự hồi sinh của đất trời.

\* Liên kết nội dung:

- Các câu trong đoạn văn trên đều phục vụ chủ đề của đoạn.

- Các câu đã được sắp xếp theo thứ tự hợp lý.

+ Tả mưa mùa xuân (câu 1,2,3)

+ Tả sự hồi sinh của đất trời (câu 4,5,6,7).

\* Liên kết hình thức: đoạn văn sử dụng các phép liên kết sau:

- Phép lặp: các từ ngữ lặp lại ở các câu: mưa, mưa mùa xuân, mặt đất.

- Phép thế: từ chúng câu 6 thay cho cây cỏ câu 5.

- Phép nối: từ Và nói câu 7 với câu 6.

- Phép đồng nghĩa, liên tưởng:

+ mưa, hạt mưa, giọt mưa;

+ mặt đất, đất trời, cây cỏ, cây, nhánh lá mầm non, hoa thơm trái ngọt.

**Câu 9: một bạn học sinh đã viết đoạn văn như sau:**

Ngô quyền đánh tan quân xâm lược Nam Hán (1). Nguyễn Huệ đánh tan quân xâm lược nhà Thanh (2). Lịch sử dân tộc ta đã ghi lại biết bao trang sử hào hùng với những tên tuổi sáng chói muôn đời (3). Tiếp đó, Lê Lợi phá tan quân Minh (4). Rồi Trần Hưng Đạo lãnh đạo quân dân nhà Trần đánh đuổi quân Mông - Nguyên giành lại độc lập , tự do cho dân tộc (5). Cửa biển Bạch Đằng lập chiến công lừng lẫy non sông (6). Những tên tuổi đó mãi mãi sống cùng non sông đất nước ta (7). Ải Chi Lăng mãi mãi là mồ chôn quân xâm lược (8). Gò Đống Đa trở thành bãi chiến trường ngổn ngang xác giặc,...(9).

1. Chỉ ra những câu văn mang ý nghĩa khái quát trong đoạn văn trên.
2. Đoạn văn trên mắc lỗi liên kết về nội dung. Chỉ rõ lỗi đó và sửa lại cho phù hợp.
3. Chép lại đoạn văn đã sửa và cho biết đoạn văn đó được trình bày theo cách nào? Chỉ ra các phép liên kết câu và phương tiện liên kết đã dùng.

**Gợi ý trả lời:**

1. Câu mang ý khái quát của đoạn văn: câu 3, câu 7.
2. Lỗi liên kết về nội dung trong đoạn văn là lỗi lô-gíc : các câu trong đoạn đều xoay quanh một chủ đề nhưng sắp xếp chưa theo trật tự hợp lý.

* Sửa lỗi: cần nắm chắc các thời kỳ lịch sử gắn với tên tuổi của các vị anh hùng dân tộc cũng như địa danh diễn ra các trận đánh. Sắp xếp lại các câu dựa theo cặp câu chủ đề

Cụ thể: (3)→(1)→(5)→(6)→(4)→(8)→(2)→(9)→(7).

1. Đoạn văn hoàn chỉnh (sau khi đã sửa):

Lịch sử dân tộc ta đã ghi lại biết bao trang sử hào hùng với những tên tuổi sáng chói muôn đời (1) . Ngô Quyền đánh tan quân xâm lược Nam Hán (2) . Rồi Trần Hưng Đạo lãnh đạo quân dân nhà Trần đánh đuổi quân Mông - Nguyên giành lại độc lập, tự do cho dân tộc (3). Cửa biển Bạch Đằng lập chiến công lừng lẫy non sông (4). Tiếp đó, Lê Lợi phá tan quân Minh (5). Ải Chi Lăng mãi mãi là mồ chôn quân xâm lược (6). Nguyễn Huệ đánh tan quân xâm lược nhà Thanh (7). Gò Đống Đa trở thành bãi chiến trường ngổn ngang xác giặc (8) . Những tên tuổi đó mãi mãi sống cùng non sông đất nước ta (9).

- Đoạn văn trình bày nội dung theo cách tổng - phân - hợp.

- Các phép liên kết câu đã dùng trong đoạn văn (sau khi sửa lỗi) là:

+ Phép nối: từ Rồi nối câu 3 với câu 2

Cụm từ Tiếp đó nối câu 5 với câu 4.

+ Phép thế: Những tên tuổi ấy thay cho những nhân vật lịch sử đã được kể các câu trên.

+ Phép liên tưởng:

Ngô Quyền - quân xâm lược Nam Hán - Cửa biển Bạch Đằng.

Trần Hưng Đạo - quân dân nhà Trần - quân Mông - Nguyên - Cửa biển Bạch Đằng.

Lê Lợi - quân Minh - Ải Chi Lăng.

Nguyễn Huệ - quân xâm lược nhà Thanh - Gò Đống Đa.

**PHẦN 3: HƯỚNG DẪN ÔN TẬP PHẦN TẬP LÀM VĂN.**

1. **ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN**

**CHUYÊN ĐỀ 1: ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

**\*Khái quát:** Đoạn văn nghị luận xã hội cũng như bài văn nghị luận xã hội phải bao gồm hai dạng nghị luận về một tư tưởng đạo lí và Nghị luận về một hiện tượng đời sống chấm đối với mỗi dạng khác nhau phẩy cách làm không giống nhau chấm chúng ta có thể chia đoạn văn nghị luận xã hội nói chung theo hai dạng ứng với kiểu cấu trúc riêng như sau:

**\* Một số điều lưu ý giúp học sinh viết đoạn văn nghị luận xã hội:**

***1. Đảm bảo hình* *thức đoạn văn nghị luận xã hội 200 chữ:***

- Thí sinh phải trình bày theo đúng hình thức của một đoạn văn. Tức là không được xuống dòng hay gạch đầu dòng.

- Tránh tình trạng viết quá sơ sài hoặc quá dài dòng. Dung lượng hợp lý nhất là khoảng 20-25 dòng (2/3 tờ giấy thi). Tuy nhiên các em không nên cứng nhắc chỉ viết đúng 200 chữ và ngồi đếm lại. Các em có thể viết thêm vài dòng cũng không ảnh hưởng đến kết quả. Giám khảo sẽ không ai ngồi đếm số câu, số chữ nên các em có thể hoàn toàn yên tâm miễn sao là bài viết đủ ý, diễn đạt trong sáng, không mắc lỗi chính tả.

- Đảm bảo cấu trúc đoạn văn nghị luận: Có đủ các phần / câu mở đoạn, phát triển đoạn, kết đoạn. Mở đoạn nêu được vấn đề, phát triển đoạn triển khai được vấn đề, kết đoạn kết luận được vấn đề nên có một câu gắn gọn nêu ý nghĩa, nội dung, ý nghĩa hoặc quan điểm cá nhân của người viết để bài văn được sâu sắc hơn. Nếu như đề thi yêu cầu viết bài văn thì các em trình bày đủ 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài.

***2. Chú ý về mặt nội dung viết đoạn văn nghị luận xã hội 200 chữ***

- Cần xác định kiểu bài/ đoạn NLXH thuộc dạng tư tưởng đạo lý hay hiện tượng đời sống để viết cho đúng:

+ Đoạn văn nghị luận xã hội 200 chữ về tư tưởng đạo lý cần có các ý cơ bản sau: Giải thích tư tưởng, đạo lý; biểu hiện cụ thể; phân tích và chứng minh vấn đề; mở rộng vấn đề; nêu ý nghĩa và bài học nhận thức…

+ Đoạn văn nghị luận xã hội 200 chữ về đời sống cần nêu được: Nêu hiện tượng đó (biểu hiện, mức độ…). Phân tích nguyên nhân, tác động tích cực/tiêu cực của hiện tượng đó. Bài học suy ngẫm của bản thân…

- Học sinh có thể viết linh hoạt theo ý của mình, cần có yếu tố sáng tạo. Tuy nhiên, các em cần bám sát vấn đề trọng tâm đề cho để tránh viết lan man, máy móc, sáo rỗng.

- Dẫn chứng không nên quá dài dòng, mơ hồ chung chung. Chọn lọc dẫn chứng tiêu biểu để bài làm sâu hơn và thuyết phục hơn.

***3. Thời gian:*** viết đoạn văn NLXH tích hợp từ đọc hiểu các em nên phân bố thời gian hợp lý (thường khoảng 20 -30 phút) để dành thời gian cho đọc hiểu và viết chỉn chu bài nghị luận văn học.

***4. Một số lưu ý khác****:*

- Khi viết NLXH về nội dung trong văn bản đọc hiểu, tuyệt đối không chép lại đề đọc hiểu.

- Thường xuyên tìm nguồn tư liệu, nắm bắt thông tin, tích lũy kiến thức

- Lựa chọn văn phong phù hợp, chọn lọc dẫn chứng

- Có thói quen đọc lại, kiểm tra bài để bổ sung, hoàn thiện tránh sai sót

- Rèn kỹ năng viết bài thường xuyên

**I. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI.**

**1. Khái niệm:**

Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống trong xã hội là bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, đáng khen, đáng chê hay có vấn đề đáng suy nghĩ.

**2. Đặc điểm:**

- Đề bài thường xuất phát từ một sự việc, hiện tượng có thật trong đời sống, xã hội; những vấn đề thời sự đòi hỏi sự cập nhật của người viết.

Ví dụ: Hiện nay, một bộ phận giới trẻ đang có thái độ sống thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm với người thân gia đình và cộng đồng. Hãy nêu những suy nghĩ của em về hiện tượng trên.

- Đó có thể là một hiện tượng tích cực, nhưng cũng có thể là một hiện tượng tiêu cực trong xã hội, hoặc một hiện tượng có cả tích cực lẫn tiêu cực.

Ví dụ: Điện thoại di động là một trong những phương tiện thông tin liên lạc hữu ích của con người hiện nay. Thế nhưng, một bộ phận học sinh lại sử dụng nó chưa đúng cách, với mục đích chưa tốt. Trình bày suy nghĩ của em về vấn đề trên.

- Không chỉ có ý nghĩa xã hội mà còn tác động tích cực trong việc giáo dục tư tưởng, nhận thức, nhân cách… của học sinh.

**3. Hướng dẫn cách làm:**

**a. Mở đoạn:**

Sử dụng một đến hai câu để dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận. ( Nếu vấn đề được đưa ra từ một tác phẩm văn học thì cần giới thiệu từ tác phẩm rồi khái quát vấn đề trong xã hội).

**b. Thân đoạn:** ( Tùy theo nội dung mà có thể giải thích ngắn gọn hoặc đưa ra khái niệm)

Cần đảm bảo các nội dung sau:

- Giải thích khái niệm( nếu có)

- Nêu được thực trạng của vấn đề (có dẫn chứng, số liệu cụ thể)

- Nguyên nhân của vấn đề (vận dụng kiến thức để giải thích rõ nguyên nhân của vấn đề)

- Hậu quả (hoặc kết quả) của vấn đề ( kết hợp đưa dẫn chứng, số liệu để làm rõ hậu quả hoặc kết quả của vấn đề)

- Đưa ra các giải pháp để thực hiện vấn đề. Trình bày các biện pháp để khắc phục hạn chế hoặc phát huy mặt ưu điểm (thường xoay quanh các nguyên nhân đã nêu)

- Nêu lên những việc cần thiết bản thân cần thực hiện cũng như trách nhiệm của cộng đồng, của thế hệ trẻ hiện nay.

**c. Kết đoạn:** Sử dụng một câu văn để khẳng định tính đúng đắn, tầm quan trọng của vấn đề.

**Đề luyện tập:**

|  |
| --- |
| **Đề 1:** Điện thoại di động là một trong những phương tiện thông tin liên lạc hữu ích của con người hiện nay. Thế nhưng, một bộ phận học sinh lại sử dụng nó chưa đúng cách với mục đích chưa tốt. Trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng trên bằng một đoạn văn khoảng 200 chữ.  **Đề 2:** Nhiều bạn trẻ trong xã hội hiện nay không biết sắp xếp, quản lý thời gian hợp lý nên ảnh hưởng đến việc học tập, công việc. Em hãy trình bày những suy nghĩ của mình (khoảng 2/ 3 trang giấy thi) về kỹ năng quản lý thời gian.  **Đề 3:** Viết bài văn khoảng 200 chữ trình bày những suy nghĩ của em về vấn đề: hiệu ứng đám đông cho giới trẻ hiện nay.  **Đề 4:** Hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị bằng đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) về vấn đề đặt ra tron văn bản đọc hiểu: *“*Phải chăng sống ảo có nguy cơ đánh mất giá trị thực?”  **Đề 5:** Hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị bằng đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) về vấn đề đặt ra tron văn bản đọc hiểu: *“Sống ở thế chủ động”*  **Đề 6:** Trong cuộc sống hiện nay, nhiều bạn trẻ không xác định được mục tiêu trong học tập và công việc. Hãy viết bài văn khoảng 200 chữ trình bày những suy nghĩ của em về kỹ năng xác định mục tiêu.  **Đề 7:** Trình bày suy nghĩ của em bằng một đoạn văn (khoảng 2/ 3 trang giấy thi) về nạn bạo lực học đường. |

**Hướng dẫn làm bài:**

**Đề 1:** Điện thoại di động là một trong những phương tiện thông tin liên lạc hữu ích của con người hiện nay. Thế nhưng, một bộ phận học sinh lại sử dụng nó chưa đúng cách với mục đích chưa tốt. Trình bày suy nghĩ của em về hiện tượng trên bằng một đoạn văn khoảng 200 chữ.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | Ngày nay, hầu hết phụ huynh đều trang bị cho con em mình chiếc điện thoại di động để tiện liên lạc, theo dõi, hoặc phục vụ việc tìm tư liệu học tập trên internet. Tuy nhiên, một bộ phận họ không nhỏ học sinh lại sử dụng điện thoại di động chưa đúng cách, chưa đúng mục đích. |
| **2. Thân đoạn:** |  |
| - Giải thích | Điện thoại di động: loại điện thoại cầm tay với kích thước nhỏ gọn, hòa mạng, giúp trao đổi thông tin từ xa. Ngoài chức năng nghe gọi. điện thoại di động còn trang bị nhiều chức năng. ứng dụng như trò chơi. chụp ảnh… |
| - Thực trạng | - Dùng chưa đúng cách: dùng ngay trong giờ học để nói chuyện riêng, dùng điện thoại quá khuya, mài dùng điện thoại khi tham gia giao thông. Thậm chí khi nhìn thấy bạn mình bị đánh đập, không ít học sinh dùng điện thoại để chụp ảnh quay clip tung lên mạng.  - Dùng sai mục đích: dùng điện thoại để quay cóp trong giờ kiểm tra; khi có bài tập, thay vì suy nghĩ, tìm tòi tài liệu, các bạn học sinh lên mạng chép đáp án, văn mẫu; đăng tải, phát tán các clip có nội dung xấu; dùng điện thoại di động như một thú vui để khoe khoang… |
| - Nguyên nhân | - Do sự bùng nổ công nghệ thông tin, đời sống con người được nâng cao nên điện thoại di động trở thành vật không thể thiếu đối với con người.  - Do sự chiều chuộng của cha mẹ.  - Do học sinh chưa có nhận thức đúng đắn về việc sử dụng điện thoại di động, lạm dụng các chức năng của điện thoại. |
| - Hậu quả | - Sử dụng điện thoại trong giờ học gây ra tình trạng không hiểu bài, hổng kiến thức.  - Sử dụng điện thoại để tra cứu tài liệu, đáp án tạo ra thói quen lười suy nghĩ, thói ỷ lại…  - Sử dụng điện thoại với mục đích không tốt sẽ ảnh hưởng đến tâm lý, dễ bị ảnh hưởng văn hóa không lành mạnh, có hành động vi phạm chuẩn mực đạo đức, gây ra căn bệnh vô cảm. |
| - Giải pháp | - Bản thân mỗi học sinh cần có thái độ, ý thức tự giác trong học tập, sống có văn hóa, nên chú tâm vào việc học.  - Gia đình cần quan tâm, gần gũi với sinh để kịp thời giáo dục.  - Nhà trường siết chặt hơn công tác quản lý học sinh, tạo ra các hoạt động học tập, vui chơi bổ ích thu hút học sinh. |
| - Nhận thức và hành động của bản thân. | - Chỉ sử dụng điện thoại khi thật cần thiết, đúng mục đích.  - Biết kiểm soát có chừng mực hành vi của mình, trang bị kỹ năng sống cần thiết. |
| **3. Kết đoạn:**  ( Khẳng định tính đúng đắn, tầm quan trọng của vấn đề). | “ Ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau” (Trịnh Công Sơn)- cuộc sống không ngừng tiến về phía trước và khoa học công nghệ cũng không ngừng phát triển, thế nhưng kết nối yêu thương giữa người với người luôn cần thiết. Vì vậy, việc sử dụng điện thoại cũng cần biết cách, để ciếc điện thoại là phương tiện kết nối yêu thương. |

**Đề 2:** Nhiều bạn trẻ trong xã hội hiện nay không biết sắp xếp, quản lý thời gian hợp lý nên ảnh hưởng đến việc học tập, công việc. Em hãy trình bày những suy nghĩ của mình (khoảng 2/ 3 trang giấy thi) về kỹ năng quản lý thời gian.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | Có người từng nói: ”Người nào dám lãng phí một giờ đồng hồ nghĩa là chưa phát hiện giá trị của cuộc sống”. Thời gian là thứ có giá trị không thể nào đong đếm được. Thế nhưng nhiều bạn trẻ hieenj nay chưa biết cách quản lí quỹ thời gian cho hợp lí. |
| **2. Thân đoạn:** |  |
| - Giải thích | Kỹ năng quản lý thời gian: kỹ năng biết sắp xếp, sử dụng thời gian một cách hợp lý để đạt được kết quả cao trong công việc và cuộc sống. |
| - Thực trạng | - Ngày nay vẫn còn một bộ phận giới trẻ chưa biết quý trọng giá trị của thời gian, để thời gian trôi đi vô nghĩa, không tích lũy được giá trị cho bản thân: VD: chỉ biết vui chơi, thay vì tận dụng thời gian để học lại sa vào trang mạng xã hội than thở học vất vả, ... |
| - Nguyên nhân | - Chưa nhận thức được vai trò của thời gian.  - Chưa xác định được lí tưởng, mục đích sống  - Chạy theo những thú vui vô bổ, tốn thời gian vô ích.  - Chưa có kĩ năng. |
| - Hậu quả | - Thời gian là thứ tiền bạc không thể mua được, một đi không trở lại, một khi đã qua đi không thể nào lấy lại được. Nếu để lỡ mất thời gian dù có hối tiếc cũng thể lấy lại được. (“Nếu một người cho bạn thời gian của của mình, anh ta không thể cho bạ món quà nào quý giá hơn nữa”) |
| - Giải pháp | - Làm thế nào để có kỹ năng quản lý thời gian:  + Xác định mục tiêu;  + Liệt kê các việc phải làm, lên kế hoạch, chiến lược;  + Sắp xếp các việc theo thứ ưu tiên (việc quan trọng, cần gấp - việc không quan trọng, không cần gấp);  + Từ bỏ thói quen xấu;  + Không ngừng học hỏi, nâng cao năng lực bản thân. |
| - Nhận thức và hành động của bản thân. | - Cần có thái độ phê phán những người không biết quý trọng thời gian.  - Là một học sinh cần ý thức được giá trị quý báu của thời gian để tránh làm lãng phí thời gian của mình cũng như của những người xung quanh.  - Biết cách lên kế hoạch, sắp xếp mọi việc sao cho sử dụng quỹ thời gian hiệu quả nhất: biết phân chia hợp lí giữa thời gian học tập và vui chơi giải trí, ...  - Nhưng tránh hấp tấp nóng vội bởi mỗi việc cần được đầu tư một quỹ thời gian nhất định của nó thì có thể thành công, chỉ cần biết làm chủ thời gian, nỗ lực và kiên trì ắt sẽ thành công.  - Sống hết mình từng giây từng phút để không hối hận khi thời gian qua đi, để cuộc sống trở nên ý nghĩa hơn. |
| **3. Kết đoạn:**  ( Khẳng định tính đúng đắn, tầm quan trọng của vấn đề). | Mỗi người hãy trân trọng từng phút giây mình đang sống, bạn có thể trì hoãn nhưng thời gian thì không. Do vậy phải biết quản lí, sắp xếp thời gian để bản thân không phải hối tiếc. |

**Đề 3:** Viết bài văn khoảng 200 chữ trình bày những suy nghĩ của em về vấn đề: hiệu ứng đám đông cho giới trẻ hiện nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | Có lẽ, hiệu ứng đám đông là cụm từ thường được mọi người nhắc đến khi nhiều người cùng thực hiện một công việc, với một thái độ giống nhau. |
| **2. Thân đoạn:** |  |
| - Giải thích | Hiệu ứng đám đông: suy nghĩ, hành vi thường xuyên bị chi phối, ảnh hưởng từ những người khác. Những suy nghĩ, hành vi ấy chạy theo đám đông cho là đúng, là hay nhưng bản thân lại chưa hiểu rõ về sự việc. |
| - Thực trạng | - Biểu hiện của hiệu ứng đám đông là nỗi sợ hãi bị đám đông phán xét và bị loại ra khỏi nhóm.  - Là những người không quen biết cùng hùa nhau phán xét, "ném đá" một người dẫu chưa hiểu ngọn nguồn sự việc.  - Ăn mặc theo trào lưu, nói năng theo số đông dẫu điều đó chưa hẳn có nghĩa và chưa hẳn đúng phong cách của bản than.  - Là những hành vi phản cảm trên mạng dễ dàng nhận hàng nghìn like và lượt share vì được đám đông cổ vũ...  => Đây là hiện tượng rất phổ biến, xuất hiện trong giới trẻ, trở thành trào lưu. |
| - Nguyên nhân | **Vì sao có hiện tượng này?**  - Con người sống trong xã hội nên luôn chịu sự tác động, chi phối của quy luật chung, của số đông.  - Do tâm lý chủ quan "số đông luôn đúng".  - Do đám đông có những quyền lực đáng sợ, có thể kiểm soát và định hướng hành vi con người.  - Do bản thân mỗi người thiếu thông tin, mơ hồ trong nhận thức, thiếu chính kiến, yếu đuối, không suy nghĩ chín chắn ... nên dễ bị đám đông chi phối, lôi kéo. |
| - Lợi ích và hậu quả: | - Mặt tích cực:  + Hiệu ứng đám đông tích cực sẽ giúp con người kết nối với nhau; bắt kịp trào lưu, xu hướng để tránh lạc hậu.  + Được tham vấn và định hướng hành động đúng đắn; tập hợp đông đảo mọi người hưởng ứng các phong trào tích cực của xã hội...  - Mặt tiêu cực:  + Hiệu ứng đám đông tiêu cực làm mỗi người bị thủ tiêu chính kiến, tư duy độc lập, sự sáng tạo vì mải chạy theo điều đám đông nghĩ và làm.  + Khiến mỗi người trở thành cái bóng, không dám sống thật với chính mình, không làm chủ được bản thân và cuộc đời của mình, không biết mình thực sự muốn gì và cần phải làm gì, khiến cho mọi người không hiểu, không nắm bắt được bản chất cốt lõi của sự việc, sự vật vì nó luôn bị che lấp bởi ý kiến của đám đông.  + Gây ra những hậu quả đáng tiếc, khôn lường đối với người xung quanh và xã hội: nhiều người phải chạy trốn, trầm cảm hoặc tự sát vì bị đám đông lên án; nhiều vụ phạm tội tập thể diễn ra; tệ nạn xã hội gia tăng... |
| - Giải pháp | - Trước một vấn đề, hiện tượng phải suy nghĩ chín chắn trước khi nói và hành động.  - Rèn luyện kiến thức để có cái nhìn thấu đáo trước mọi vấn đề.  - Luôn quan tâm, yêu thương, chia sẻ, nhìn nhận mọi việc bằng trái tim đồng cảm. |
| - Nhận thức và hành động của bản thân. | Cần tỉnh táo, phân biệt tốt/ xấu khi chịu ảnh hưởng của hiệu ứng đám đông. |
| **3. Kết đoạn:**  ( Khẳng định tính đúng đắn, tầm quan trọng của vấn đề). | Hãy biết khai thác mặt tích cực từ hiệu ứng đám đông một cáh thông minh nhưng cần phải sống luôn là chính mình.. |

**Đề 4:** Hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị bằng đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) về vấn đề đặt ra tron văn bản đọc hiểu: *“*Phải chăng sống ảo có nguy cơ đánh mất giá trị thực?”

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | Có lẽ cụm từ “sống ảo” đã không còn xa lạ thậm chí quá quen thuộc và trở thành thói quen của xã hội, đặc biệt là các bạn trẻ. Nhưng hiện nay hiện tượng này càng có xu hướng phát triển thái quá và dường như có những hệ lụy tiêu cực. Phải chăng sống ảo có nguy cơ đánh mất giá trị thực? |
| **2. Thân đoạn:** |  |
| - Giải thích | “Sống ảo” là khái niệm chỉ cách sống trong hoang tưởng, không đúng với thực tại bản thân hay cố ý tự tô vẽ cho mình một cuộc sống tốt đẹp, hoàn hảo trong mắt người khác mà cuộc sống đó khác với thực tại. |
| - Thực trạng | - Biểu hiện: “Sống ảo” thường thể hiện rõ nhất qua các trang mạng xã hội như Facebook, Instagram,...  - Hiện tượng sống ảo xuất hiện tràn lan dưới nhiều hình thức.  + Các bạn trẻ có thể kết bạn, nói chuyện, tâm sự những điều thầm kín hay thậm chí là yêu đương với những người mới biết qua mạng xã hội dù chưa hề gặp mặt.  + Họ còn dùng mạng xã hội như công cụ để khoe khoang những thứ không có thực của bản thân như giàu có, danh tiếng,…  + Sống ảo còn là gây sự chú ý, khiến mình nổi tiếng bằng những nội dung không lành mạnh hay bịa đặt hay thường xuyên trở thành “anh hùng bàn phím”, dùng lời nói hoa mĩ, tỏ ra mình văn minh, nhân ái,… |
| - Nguyên nhân | - Các bạn trẻ chưa ý thức được giá trị của bản than  - Một số bạn trẻ sống không có lí tưởng, mục đích, chạy theo những thú vui phì phiếm.  - Sự lan tràn của các trang mạng xã hội. |
| - Hậu quả | - Cách sống này tạo ra một thế hệ chìm đắm trong ảo vọng, thích khoe khoang, dối trá, chỉ cố tô vẽ cho hình ảnh bản thân bằng những thứ không tồn tại, phớt lờ cuộc sống thực tế.  - Khi trút bỏ vẻ ngoài hào nhoáng trở về cuộc đời thực, họ lạ lẫm, không xác định được hướng di của chính mình, làm phân tán, ảnh hưởng đến học tập và lao động cũng như các mối quan hệ thực.  - Sự tăng chóng mặt của các trang mạng xã hội, sức hút của những nút “like”, những lời ca tụng ảo khiến “sống ảo” trở thành căn bệnh khó chữa, ảnh hưởng đến nhân cách, tinh thần của giới trẻ. |
| - Giải pháp | - Mỗi chúng ta cần tự ý thức sao cho việc sử dụng mạng xã hội hay công nghệ một các phù hợp.  - Phải nhìn nhận, đánh giá đúng bản thân và hiện thực cuộc sống, không chạy theo xu hướng.  - Những mối quan hệ trên mạng có thể đúng đắn nếu ta biết cân bằng, hài hòa với cuộc sống thực tại.  - Hãy chủ động thay đổi, điều chỉnh lại cách sống.  - Công nghệ là con dao hay lưỡi, nếu biết cách sử dụng đó sẽ là công cụ vô cùng hiệu quả nhưng chỉ cần nhìn nhận sai nó sẽ là con dao giết chết tâm hồn bạn. |
| - Nhận thức và hành động của bản thân. | - Sống thực tế, có mục đích.  - Biết giành thời gian vào những công việc hữu ích. |
| **3. Kết đoạn:**  ( Khẳng định tính đúng đắn, tầm quan trọng của vấn đề). | Mỗi chúng ta hãy học tập thật tốt để trở thành người công dân có ích cho xã hội. Đắm chìm trong thế giới ảo sẽ khiến chúng ta bỏ lỡ đi những giá trị thực của cuộc sống. Vì thế, hãy bước ra khỏi thế giới ảo để khám phá cuộc sống muôn màu muôn vẻ các bạn nhé! |

**Đề 5: Hãy trình bày suy nghĩ của anh/chị bằng đoạn văn nghị luận (khoảng 200 chữ) về vấn đề đặt ra tron văn bản đọc hiểu:** *“****Sống ở thế chủ động”***

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | Có ai trên đời này lại không muốn tự quyết định cuộc đời mình? Có ai muốn nhất nhất nghe theo sự chỉ huy của người khác? Muốn thế chỉ có cách ta phải “sống ở thế chủ động”. |
| **2. Thân đoạn:** |  |
| - Giải thích | Chủ động- có thể được hiểu là tự mình lập kế hoạch, thực hiện, và chịu trách nhiệm với mọi vấn đề trong cuộc sống mà không chịu sự chi phối bởi hoàn cảnh bên ngoài. |
| - Thực trạng | - Nhiều bạn trẻ sống thụ động, phụ thuộc vào cha mẹ  - Trong học tập, không cố gắng mà trông chờ vào các bạn khác.  - Bài tập về không tự giải quyết mà chỉ chăm chăm chép trên mạng. |
| - Nguyên nhân | - Do được nuông chiều.  - Thiếu kĩ năng sống.  - Thiếu ý chí. |
| - Vai trò | - Có thể ví cuộc sống mỗi chúng ta như một chặng đường, thì chủ động chính là chúng ta biết được hướng đi, tốc độ, điểm dừng, đích đến, chính vì thế mà người chủ động thường dễ thành công hơn.  (- Chỉ có sống trong thế chủ động, Bác mới hướng mình sang phương Tây, để tìm hiểu cuộc sống nhân dân bên đó, để tìm ra con đường cứu nước cứu dân.  - Chỉ có sống và làm chủ bản thân, Bill Gate hay Mark mới bỏ ngang trường đại học danh giá nhất nước Mỹ để thực hiện ước mơ của mình.  - Và cũng chỉ có thế chủ động, bất cứ ai trong chúng ta mới có thể sẵn sàng đối diện với sóng gió. |
| - Giải pháp | Cuộc sống luôn đặt tuổi trẻ vào những tình huống, thử thách phải chủ động tìm cách giải quyết;  + Sống chủ động khiến con người tự tin, bản lĩnh, linh hoạt ứng xử trong mọi tình huống để vượt qua khó khăn, hoàn thành mục tiêu, khát vọng, ước mơ;  + Tuổi trẻ chủ động sẽ không ngừng tạo được cơ hội mới khẳng định bản thân, đạt được thành công;  + Xã hội có nhiều cá nhân sống chủ động sẽ tạo ra một bầu không khí dám nghĩ, dám làm, nâng cao chất lượng công việc và cuộc sống. (D/c minh họa)  + Cần phê phán những bạn trẻ sống dựa dẫm, thiếu tự tin, thụ động: Sống ở thế chủ động cần thiết trong môi trường xã hội hôm nay, là một thái độ tích cực của tuổi trẻ trong thời đại toàn cầu hóa, đặc biệt không thể thiếu đối với công dân toàn cầu. |
| - Nhận thức và hành động của bản thân. | - Thế hệ thanh niên của chúng ta ngày hôm nay không thể bị động như thế, không thể đóng vai “hành khách” trên chuyến xe mà người khác cầm lái.  - Luôn cầu tiến, ham học hỏi, rèn luyện và chuẩn bị hành trang cần thiết cho chuyến đi của mình. - Chủ động nhưng không liều lĩnh, chủ động cần tỉnh táo, tham khảo ý kiến mọi người, hạn chế mức thấp nhất sai lầm, thất bại, sẵn sàng đối diện với khó khăn. |
| **3. Kết đoạn:**  ( Khẳng định tính đúng đắn, tầm quan trọng của vấn đề). | Tuổi trẻ cần tự tin, dám nghĩ, dám làm, chủ động sáng tạo tìm kiếm những cơ hội và xây dựng kế hoạch để chinh phục ước mơ. |

**Đề 6:** Trong cuộc sống hiện nay, nhiều bạn trẻ không xác định được mục tiêu trong học tập và công việc. Hãy viết bài văn khoảng 200 chữ trình bày những suy nghĩ của em về kỹ năng xác định mục tiêu.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | Trong xã hội, có người đạt được thành công, nhưng cũng có những người suốt đời lao đao, lận đận không làm được chuyện gì nên hồn. Chính vì thế cho nên chúng ta cần phải xác định mục tiêu cho mình để đạt được những thành công nhất trong cuộc sống. |
| **2. Thân đoạn:** |  |
| - Giải thích | Kỹ năng xác định mục tiêu là: kỹ năng định hướng, chủ động nắm bắt được tình hình và xác định mục đích, từ đó lên kế hoạch để thực hiện và đạt kết quả. |
| - Thực trạng | - Nhiều bạn trẻ sống không có mục tiêu cụ thể, không biết mình nên làm gì và làm như thế nào? |
| - Nguyên nhân | - Do thiếu sự định hướng của cha mẹ  - Do bản than không có kĩ năng sống và mục đích sống. |
| - Vai trò: | - Khi có kỹ năng xác định mục tiêu, bạn sẽ chủ động vạch ra kế hoạch, chiến lược để đạt kết quả cao trong công việc.  - Không rơi vào tình trạng mơ hồ, bế tắc, chán nản.  - Cuộc đời của mỗi người là một hành trình dài. Phải đề ra cái đích cho từng giai đoạn và cho cả cuộc đời mình. Đó là động lực để bản thân chúng ta phấn đấu đạt được |
| - Giải pháp | - Sống cần phải có mục tiêu, vì có mục tiêu thì ta mới có một hướng đi đúng cho cuộc đời mình.  - Có mục đích trước mắt, có mục đích lâu dài. Tùy theo điều kiện và hoàn cảnh cụ thể, mỗi người có mục đích sao cho phù hợp.  - Xác định mục tiêu phải đi liền với hành động thực hiện mục tiêu.  - Mục tiêu xác định cần có cơ sở không phải là mục tiêu mơ hồ, ảo tưởng. |
| - Nhận thức và hành động của bản thân. | - Đối với mỗi công việc cần đặt ra mục tiêu và thực hiện bằng được mục tiêu đề ra.  - Cần vạch ra mục tiêu trước mắt và mục tiêu lâu dài. |
| **3. Kết đoạn:**  ( Khẳng định tính đúng đắn, tầm quan trọng của vấn đề). | Trong cuộc đời của một người, thảm họa lớn nhất là không biết mình đang đi về đâu. Vì vậy, mỗi người tồn tại cần có mục tiêu và mục tiêu đó phải xứng đáng. |

**Đề 7:** Trình bày suy nghĩ của em em (khoảng 2/ 3 trang giấy thi) về nạn bạo lực học đường.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | Bạo lực học đường đã và đang trở thành một vấn đề nghiêm trọng trong trường học hiện nay, nó gây ảnh hưởng đến tâm lý chung và sự phát triển chung của học sinh. |
| **2. Thân đoạn:** |  |
| - Giải thích | Bạo lực học đường: vấn nạn nan giải trong các nhà trường. Học sinh có những hành vi, lời nói, cách ứng xử vi phạm những chuẩn mực đạo đức, làm ảnh hưởng, gây tổn thương về sức khỏe cũng như tinh thần của học sinh khác. |
| - Thực trạng | Thực trạng : diễn ra phổ biến.  - Học sinh vì mâu thuẫn mà dẫn đến lời qua tiếng lại, thậm chí đánh nhau.  - Học sinh hạ nhục bạn bằng nhiều thủ đoạn không có đạo đức: xúc phạm nhân phẩm, lột đồ, quay clip đăng lên mạng xã hội,... |
| - Nguyên nhân | - Khách quan: do ảnh hưởng của internet, các trò chơi điện tử, tệ nạn xã hội,...  - Chủ quan : Bản thân học sinh không có nhận thức đúng đắn, không bình tĩnh để xử lý tình huống,... |
| - Hậu quả | - Làm tổn hại về sức khỏe, tinh thần người khác.  - Gây mất đoàn kết, trật tự, mất khung cảnh sư phạm nơi trường học.  - Ảnh hưởng đến kết quả, chất lượng giáo dục của nhà trường, gia đình, bạn thân học sinh.  - Học sinh đánh mất giá trị nhân cách, đạo đức, trở thành công dân tiêu cực,... |
| - Giải pháp | - Cần có sự phối hợp chặt chẽ của gia đình, nhà trường, xã hội trong việc giáo dục học sinh.  - Phải tỉnh táo khi sử dụng mạng xã, khi xử lý tình huống tránh xung đột, hiểu nhầm. |
| - Nhận thức và hành động của bản thân. | Cần nhận thức đúng đắn về vấn nạn bạo lực học đường. Cần sống có lí tưởng, sống với trái tim đạo đức và đầy sự yêu thương, chung tay cùng với gia đình, nhà trường và toàn xã hội đẩy lùi bạo lực ra khỏi học đường, hãy diệt trừ tận gốc mầm mống đầu tiên bằng cách răn đe và xử phạt thật nghiêm minh. |
| **3. Kết đoạn:**  ( Khẳng định tính đúng đắn, tầm quan trọng của vấn đề). | Mỗi bạn học sinh cần ý thức được trách nhiệm và thái độ của mình trong học tập, cần rèn luyện về cả mặt thể chất lẫn đạo đức để tránh những sự cố đáng tiếc và để tương lai của các em tươi sáng hơn. |

**II. NGHỊ LUẬN VỀ VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG ĐẠO LÝ:**

**1. Khái niệm:**

Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí là bàn về một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống… của con người.

**2. Đặc điểm:**

***\* Những vấn đề tư tưởng, đạo lí thường được thể hiện:***

- Qua những câu ca dao, tục ngữ, câu danh ngôn của các danh nhân.

***Ví dụ:*** Tục ngữ Nga có câu: đừng xấu hổ khi không biết, chỉ xấu hổ khi không học. Hãy viết một đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về câu tục ngữ trên.

- Qua những câu nói ngắn gọn, đậm chất triết lí.

***Ví dụ:*** khoan dung là đức tính đem lời về cho cả ta lẫn người khác. Hãy viết một đoạn văn ngắn trình bày suy nghĩ của em về câu nói trên.

***\* Những vấn đề thường đưa vào đề thi:***

- Vấn đề nhận thức: lý tưởng, mục đích sống.

- Vấn đề đạo đức, tâm hồn, tính cách, lòng nhân ái, vị tha, dũng cảm, chăm chỉ, thói ba hoa, ích kỷ…

- Vấn đề quan hệ gia đình: Tình mẫu tử, tình anh em…

- Vấn đề quan hệ xã hội: tình thầy trò, tình bạn…

**3. Hướng dẫn cách làm:**

**a. Mở đoạn:**

Sử dụng một đến hai câu để dẫn dắt, giới thiệu vấn đề nghị luận. ( Nếu vấn đề được đưa ra từ một tác phẩm văn học thì cần giới thiệu từ tác phẩm rồi khái quát vấn đề trong xã hội)

**b. Thân đoạn:**

- Giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng; giải thích khái niệm, trên cơ sở đó cắt nghĩa nội dung vấn đề.

- Nêu những biểu hiện của vấn đề trong cuộc sống.

- Đánh giá vấn đề: đúng- sai, đóng góp- hạn chế của vấn đề)

- Mở rộng vấn đề: Trình bày được vì sao phải thực hiện đạo lý đó.( Nếu thực hiện thì có lợi ích gì? Không thực hiện sẽ có hậu quả gì?)

- Bài học nhận thức và hành động: Phải làm gì để thực hiện đạo lý đó (mọi người và bản thân em)

**c. Kết đoạn:** khẳng định vấn đề.

**Đề luyện tập:**

|  |
| --- |
| **Đề 1:** Viết đoạn văn nghị luận xã hội 200 chữ về tư tưởng:  *“Hạnh phúc như bầu trời này vậy*  *Không chỉ dành cho một riêng ai”*  ( Trích trong bài thơ “Tự sự” của nhà thơ Lưu Quang Vũ)  **Đề 2:** Trong cuộc sống, ai cũng cần có một người bạn. Nhưng, thế nào là một tình bạn đẹp? Em hãy trả lời câu hỏi ấy bằng một đoạn văn nghị luận 200 chữ.  **Đề 3:** Viết bài văn nghị luận khoảng 200 chữ về giá trị của lời nói trong cuộc sống.  **Đề 4:** Trình bày suy nghĩ của em ( khoảng 2/ 3 trang giấy thi) về sức mạnh của niềm hy vọng trong cuộc sống.  **Đề 5:** Viết bài văn nghị luận khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của em về lòng vị tha trong cuộc sống.  **Đề 6:** Hãy viết một bài văn (khoảng 2/ 3 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về lòng biết ơn của giới trẻ hiện nay.  **Đề 7:** Viết bài văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của em về nghị lực, bản lĩnh trước những khó khăn, thử thách trong cuộc sống.  **Đề 8:** Trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của việc xác định giá trị bản thân trong cuộc sống.  **Đề 9:** Trình bày suy nghĩ của em bằng một bài văn khoảng 200 chữ về chủ đề: hạnh phúc gia đình.  **Đề 10:** Trình bày suy nghĩ của em bằng một bài văn khoảng 200 chữ về tinh thần lạc quan.  **Đề 11:** Trình bày ý kiến của em bằng một đoan jvawn khoảng 200 chữ về vấn đề:*“Sự tự tin của con người trong cuộc sống”.*  **Đề 12:** Viết bài văn ngắn (không quá 600 từ) trình bày ý kiến của anh/chị về câu nói sau đây của nhà văn Nga Lep Tôn-xtôi:*“Bạn đừng nên chờ đợi những quà tặng bất ngờ của cuộc sống mà hãy tự mình làm nên cuộc sống”.* |

***Hướng dẫn làm bài:***

***\* Yêu cầu chung:***

- Học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận xã hội, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản.

- Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, dẫn chứng xác đáng, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả.

- Học sinh có thể đưa ra các quan điểm, suy nghĩ viên nhưng cần có lý lẽ thuyết phục, tránh những suy nghĩ tiêu cực.

\* ***Yêu cầu cụ thể: ( theo dàn ý)***

**Đề 1:** Viết đoạn văn nghị luận xã hội 200 chữ về tư tưởng: “Hạnh phúc như bầu trời này vậy / Không chỉ dành cho một riêng ai” trích trong bài thơ “Tự sự” của nhà thơ Lưu Quang Vũ.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | - Trong cuộc sống, mỗi chúng ta đều có một mục tiêu, một ước mơ để theo đuổi. Nhưng có lẽ, khát vọng lớn lao nhất đó chính là “ Hạnh phúc”.  - Và nhà thơ Nguyễn Quang Vũ đã dành ngòi bút của mình để viết nên những lời nhắn gửi ý nghĩa “ Hạnh phúc cũng như bầu trời này vậy - Không chỉ dành cho một riêng ai” – một thông điệp nhẹ nhàng mà sâu sắc về hạnh phúc. |
| **2. Thân đoạn:** |  |
| - Giải thích | Quan niệm “Hạnh phúc như bầu trời” chính là muốn nhấn mạnh hạnh phúc là món quà của thượng đế dành cho cả nhân loại và vạn vật trên thế giới. |
| - Biểu hiện | - Hạnh phúc luôn bao bọc quanh chúng ta:  + Có một mái ấm gia đình, có cha mẹ, anh chị em để yêu thương.  + Được ăn no, mặc ấm  + Được cắp sách tới trường.  + Đôi khi, nhìn thấy một bông hoa đẹp hay nhận được một nụ cười của người bạn mới quen… cũng làm ta hạnh phúc.  - Càng nhiều người hạnh phúc, bầu trời chung ấy càng rộng lớn. Và ta sẽ càng gần bầu trời ấy hơn khi ta biết vươn lên và cố gắng. |
| - Đánh giá: vai trò, giá trị. | - Hạnh phúc có trong những điều vô cùng giản dị: Một sức khỏe tốt, có tiền bạc, có công việc ổn định, có gia đình tốt và có người để yêu thươn… cho nên ta phải biết trân trọng những điều nhỏ nhất.  - Người hạnh phúc thực sự là người biết cân bằng và san sẻ.  - Biết cho đi, biết giúp đỡ người khác thì hạnh phúc sẽ tự tìm đến tâm chúng ta.  - Khi được cho đi, nhìn thấy nụ cười, niềm vui của những người nhận lại, đó chính là giây phút hạnh phúc nhất. |
| - Mở rộng | - Hạnh phúc đến từ những điều giản dị, ta không được coi thường.  - Phê phán những người không biết trân trọng hạnh phúc do người khác mang lại. |
| - Bài học nhận thức và hành động. | - Luôn biết quan tâm, yêu thương đến những người xung quanh.  - Phải biết cho đi để nhận lại những hạnh phúc. |
| **3. Kết đoạn:**  ( Khẳng định vấn đề). | Hạnh phúc là tình cảm vô cùng thiêng liêng, mỗi chúng ta cần phải cố gắng lỗ lực để có được niềm hạnh phúc chọn vẹn cho mình và người thân. |

**Đề 2:** Trong cuộc sống, ai cũng cần có một người bạn. Nhưng, thế nào là một tình bạn đẹp? Em hãy trả lời câu hỏi ấy bằng một đoạn văn nghị luận 200 chữ.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | Có câu: “ Cuộc đời mất đi tình bạn cũng giống như thế giới mất đi mặt trời”. Tình bạn là thứ tình cảm đẹp, có ý nghĩa rất lớn đối với cuộc đời mỗi con người. |
| **2. Thân đoạn:** |  |
| - Giải thích | Tình bạn là mối quan hệ tình cảm giữa những người cùng sở thích, cùng lý tưởng, cùng môi trường sống, học tập, làm việc. |
| - Biểu hiện | - Tình bạn đẹp là tình bạn luôn yêu thương, quan tâm, kề vai sát cánh bên nhau, kể cả lúc gặp khó khăn.  - Luôn hiểu nhau, chia sẻ niềm vui nỗi buồn với nhau.  - Chân thành, chung thủy, không bao giờ phản bội.  - Không rủ rê, lôi kéo nhau vào những việc làm xấu. |
| - Đánh giá: vai trò, giá trị. | - Tình bạn chân thành sẽ tạo nên những người bạn chân thành, luôn sẵn sàng giúp đỡ, bên cạnh trong lúc gặp khó khăn, thử thách.  - Một người bạn thực sự là người có thể sẻ chia, tâm sự những vui buồn.  - Bạn là người sẽ góp ý khi ta mắc lỗi lầm để hoàn thiện và thay đổi bản thân.  - Tình bạn thực sự sẽ vượt lên trên ranh giới về vật chất, giai cấp, tầng lớp.  - Cuộc sống của chúng ta sẽ cô đơn, buồn chán khi không có bạn. |
| - Mở rộng | - Phê phán những người không biết quý trọng tình bạn, bỏ rơi bạn bè lúc khó khăn hoặc lợi dụng bạn bè để trục lợi cho bản thân. |
| - Bài học nhận thức và hành động. | Làm thế nào để xây dựng tình bạn đẹp:  - Luôn có tình cảm chân thành, thẳng thắn, không gian dối, không lợi dụng.  - Tôn trọng bản thân và tôn trọng bạn, khích lệ động viên, thẳng thắn góp ý khi cần thiết.  - Sẻ chia, động viên khi bạn gặp khó khăn,... |
| **3. Kết đoạn:**  ( Khẳng định vấn đề). | Tình bạn luôn là thứ tình cảm đặc biệt cần thiết và quan trọng trong cuộc đời mỗi người, đặc biệt các bạn học sinh, những người bạn là người đồng hành quan trọng không thể thiếu. Mỗi người hãy cố gắng xây dựng những tình bạn thật đẹp và tuyệt vời cho riêng mình bằng sự chân thành, bằng tấm lòng thật tốt. |

**Đề 3:** Viết bài văn nghị luận khoảng 200 chữ về giá trị của lời nói trong cuộc sống.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | Giới thiệu vai trò của lời nói trong cuộc sống: Lời nói có vai trò vô cùng quan trọng: tạo lập cuộc giao tiếp, điều khiển, tạo nên sự thành công của cuộc giao tiếp, phản ánh trình độ, phẩm chất, văn hóa người nói. |
| **2. Thân đoạn:** |  |
| - Giải thích | Từ rất lâu trong lịch sử nhân loại, ngôn ngữ đã được hình thành qua quá trình lao động sản xuất, chinh phục thiên nhiên, xây dựng mối quan hệ cộng đồng. Con người dùng ngôn ngữ để bày tỏ tư tưởng tình cảm của bản thân với những người xung quanh. Từ đó, loài người hiểu và thêm yêu thương gắn bó với nhau. |
| - Biểu hiện | Trong ca dao có nhiều câu đề cập đến vấn đề lời nói:  Chim khôn kêu tiếng rảnh rang  Người khôn nói tiếng dịu dàng dễ nghe  Kim vàng ai nỡ uốn câu  Người khôn ai nỡ nói nhau nặng lời. |
| - Đánh giá: vai trò | - Là phương tiện kết nối vô cùng quan trọng: chia sẻ thông tin, nâng đỡ tinh thần, an ủi khi buồn, chia sẻ khi vui.  - Những sức mạnh tinh thần mà lời nói đem lại sẽ giúp con người chúng ta vượt qua nhiều thử thách, có thể học tập, lao động, sáng tạo tốt hơn, gặt hái nhiều thành tựu hơn.  - Trong khoa học, lời nói giúp chuyển tải các quan điểm nghiên cứu để khoa học được tiếp thu, phát triển.  - Trong công việc, lời nói là cách thức trao đổi làm việc nhóm, góp ý, động viên nhau; trong đời thường, lời nói là sự bày tỏ yêu thương, chia sẻ cùng nhau. |
| - Mở rộng | Những lời nói hay ý đẹp: khen ngợi, khuyến khích, động viên, chia sẻ có tác dụng tích cực trong việc mang lại điều tốt đẹp cho người nghe, giúp xây dựng những mối quan hệ tốt đẹp, xã hội văn minh.  + Những lời nói chê bai, dèm pha, nói xấu, nói móc,... sẽ mang lại những hậu quả tiêu cực cho người nghe, dẫn đến những hiểu nhầm, mâu thuẫn không đáng.  + Phân biệt lời nói tiêu cực từ bản chất và những lời nói thẳng thắn xuất phát từ sự chân thành người "khẩu xà tâm phật". |
| - Bài học nhận thức và hành động. | Cần chú ý lời ăn tiếng nói bởi lời nói ra rất khó lấy lại, đừng để lời nói làm tổn thương người khác. |
| **3. Kết đoạn:**  ( Khẳng định vấn đề). | Có lẽ bao giờ con người còn hiện diện trên mặt đất này thì cũng không thể thiếu được vai trò của lời nói, để gắn kết và yêu quý nhau hơn. Người Việt chúng ta yêu quý tiếng mẹ đẻ, quyết tâm gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt. Mà muốn gìn giữ sự trong sáng đó, trước tiên, chúng ta cần học cách sử dụng lời nói thật đúng đắn, thật hay. |

**Đề 4:** Trình bày suy nghĩ của em ( khoảng 2/ 3 trang giấy thi) về sức mạnh của niềm hy vọng trong cuộc sống.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | Cuộc sống nhiều thử thách, nếu chỉ có bản lĩnh, lòng dũng cảm không thôi thì chưa đủ, bạn phải có sự lạc quan, niềm tin và nhất là hi vọng. |
| **2. Thân đoạn:** |  |
| - Giải thích | Hi vọng là niềm tin, mơ ước và những điều tốt đẹp xảy đến trong tương lai. |
| - Biểu hiện | - Luôn lạc quan, yêu đời, không gục ngã trước bất kì khó khăn, thử thách nào.  - Có ý chí, nghị lực để đối mặt và vượt qua những khó khăn.  - Tỉnh táo để tìm những lời giải cho những bài toán mà cuộc sống đặt ra cho chúng ta. Không rối rắm, mất niềm tin.  - Biết truyền niềm tin, niềm lạc quan cho người khác và cho cộng đồng. |
| - Đánh giá: đúng- sai | Vai trò của hy vọng trong cuộc sống:  + Hi vọng giúp con người vượt qua những khó khăn, thử thách trong cuộc sống.  + Hi vọng có vai trò quan trọng, giúp con người sống có mục tiêu, lạc quan, biết tin tưởng vào tương lai tốt đẹp.  + Hi vọng khiến cho con người sống tích cực, không rơi vào trạng thái chán nản, bế tắc, bi quan.  + Hi vọng nhưng cần gắn với thực tiễn chứ không phải là hi vọng viển vông. |
| - Mở rộng | Phê phán người sống không có hi vọng, ước mơ. |
| - Bài học nhận thức và hành động. | - Cần phải rèn luyện chính là không ngừng học hỏi, lắng nghe, hợp tác, tu dưỡng phẩm chất và trau dồi những năng lực của bản thân.  - Khi gặp thử thách, khó khăn, ta cần phải luôn nêu cao bản lĩnh, không được đánh mất hi vọng. |
| **3. Kết đoạn:**  ( Khẳng định vấn đề). | Niềm hi vọng thực sự là một món quà quý giá của con người và cũng chính niềm hi vọng sẽ giúp cho con người ta vượt lên trên tất cả để có được thành công. Bao nhiêu khó khăn, bao nhiêu vấp ngã sẽ ở phía sau lưng bạn nếu như bạn có được niềm hi vọng và duy trì những khát vọng trong cuộc sống. |

**Đề 5:** Viết bài văn nghị luận khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của em về lòng vị tha trong cuộc sống.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) |  |
| **2. Thân đoạn:** |  |
| - Giải thích | Vị tha : Có tinh thần chăm lo một cách vô tư đến lợi ích của người khác, có thể vì người khác mà hi sinh lợi ích cá nhân của mình ("Từ điển Tiếng Việt" - Hoàng Phê chủ biên) |
| - Biểu hiện | Lòng vị tha là sống vì người khác, yêu thương, sẻ chia, cảm thông với những nỗi đau, tình cảm của người khác và chính mình, biết tha thứ cho những lỗi lầm của người khác. |
| - Vai trò | Là phẩm chất cao quý của con người:  - Lòng vị tha giúp con người biết quan tâm, chia sẻ, sống vì người khác khiến mọi người trở nên gần gũi, gắn bó, đoàn kết hơn.  - Lòng vị tha khiến cho tâm hồn trở nên lạc quan, an nhiên, phong phú luôn hướng đến những điều tốt đẹp.  - Lòng vị tha khiến con người không còn sống thờ ơ, vô cảm, ích kỷ,biết tha thứ cho những lỗi lầm của người khác và chính mình khiến tâm hồn trở nên thanh thản , bình yên.  - Người giàu lòng vị tha sẽ nhận được sự chân trọng từ mọi người. |
| - Mở rộng | Tuy nhiên, vị tha không phải là dung túng cho cái ác, những điều vi phạm chuẩn mực đạo đức, pháp luật; không nên để kẻ xấu lợi dụng dẫn đến hậu quả đáng tiếc. |
| - Bài học nhận thức và hành động. | - Cần hành động và cảm thông cho người khác  - Chúng ta cần phải học hỏi và rèn luyện bản thân có những phẩm chất tốt đẹp. |
| **3. Kết đoạn:**  ( Khẳng định vấn đề). | Lòng vị tha chính là chất xúc tác giúp bạn xóa bỏ cảm giác tiêu cực. Tha thứ đem đến cho chúng ta sự bình an và là nền tảng xây dựng nên mối quan hệ tốt đẹp. Tha thứ là cách giúp bạn chữa lành vết thương tâm hồn và làm cho bạn cảm thấy hạnh phúc hơn. |

**Đề 6:** Hãy viết một bài văn (khoảng 2/ 3 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về lòng biết ơn của giới trẻ hiện nay.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | Lòng biết ơn là một trong những đạo lý con người rất quý báu của nhân dân ta. Ông bà ta từ bao đời nay đã luôn cố gắng lưu truyền và phát huy tinh thần “ uống nước nhớ nguồn” cho biết bao thế hệ con cháu. |
| **2. Thân đoạn:** |  |
| - Giải thích | Lòng biết ơn là gì? Đó chính là tình cảm, sự chân thành được dành cho những người đã có công giúp đỡ, chăm sóc mình trong mọi hoàn cảnh, dù trong lúc vui vẻ hay hoạn nạn. |
| - Biểu hiện | - Khi đất nước ta trải qua bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước, có biết bao nhiêu người dân, anh hùng đã hi sinh thân mình để đóng góp xây dựng đất nước. Chính vì lẽ đó, những thế hệ sau luôn được dạy dỗ cần tỏ lòng biết ơn đến những người mẹ việt nam anh hùng, đến những người lính cách mạng.  - Lòng biết ơn còn được thể hiện trong cuộc sống đời thường.  + Một lời cảm ơn khi nhận được sự giúp đỡ từ người khác.  + Mang về những điểm mười, những lời khen để giành tặng cha mẹ là ta đã biết tỏ lòng biết ơn đến sự nuôi dưỡng  giáo dục của cha mẹ thầy cô.  + Khi lớn lên, trưởng thành, bổn phận của con cái là phải biết chăm sóc cha mẹ lúc về già, ốm đau bệnh tật. Hay việc có thể trở thành những con người thành công, có công ăn việc làm ổn định là ta cũng cần biết ơn đến công sức truyền dạy của thầy cô.  Hiện nay có nhiều ngày lễ lớn thể hiện lòng biết ơn: Ngày 27/ 7, 20/10, 8/3,... |
| - Vai trò, ý nghĩa | - Xây dựng nếp ứng xử có văn hóa, lễ nghĩa, giúp gia đình hạnh phúc, xã hội văn minh.  - Giáo dục nhân cách con người, dạy con người biết tri ân, ghi nhớ, hướng con người đến những giá trị đạo đức tốt đẹp.  Người có lòng biết ơn sẽ luôn thấy tâm hồn thanh thản, nhận được sự tôn trọng từ mọi người. |
| - Mở rộng | Phê phán những người không có lòng biết ơn |
| - Bài học nhận thức và hành động. | - Vâng lời, kính trọng, biết ơn ông bà, cha mẹ, những người giúp đỡ mình.  - Thể hiện lòng biết ơn bằng việc cố gắng học tập, rèn luyện đạo đức, nhân cách. |
| **3. Kết đoạn:**  ( Khẳng định vấn đề). | Lòng biết ơn là một phẩm chất đạo đức đáng quý của con người. Biết sống sao cho trọn vẹn với những người có công giúp đỡ, nuôi nấng mình, chắc chắn bạn sẽ nhận lại được những điều tốt đẹp hơn nữa trong cuộc sống. |

**Đề 7:** Viết bài văn khoảng 200 chữ trình bày suy nghĩ của em về nghị lực, bản lĩnh trước những khó khăn, thử thách trong cuộc sống.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | Nguyễn Bá Học đã có câu châm ngôn: "Đường đi khó không khó vì ngăn sông cách núi mà khó vì lòng người ngại núi e sông". Trong cuộc sống, nếu như chúng ta không có bản lĩnh, ý chí và nghị lực để vượt qua thì mãi mãi chúng ta sẽ không thoát khỏi cái hố sâu đó. Như vậy, bản lĩnh có vai trò quan trọng làm nên sự tồn tại của một con người. |
| **2. Thân đoạn:** |  |
| - Giải thích | Thế nào là nghị lực, bản lĩnh trong cuộc sống: lối sống, dũng cảm, dám đối mặt với khó khăn thử thách, sẵn sàng vượt qua. |
| - Biểu hiện | - Người có nghị lực, bản lĩnh sống là người dù trong hoàn cảnh nào cũng bình tĩnh, kiên cường, nỗ lực hết sức mình để chèo lái con thuyền của đời mình đi đúng hướng.  - Dám nghĩ, dám làm.  - Khi chúng ta có ước mơ hoài bão, chúng ta có thể nỗ lực theo đuổi ước mơ của chính mình để hiện thực hóa ước mơ của mình đó cũng chính là bản lĩnh sống. |
| - Vai trò, ý nghĩa. | - Nghị lực giúp con người trở nên cứng cỏi, không nhẫn nhục trước khó khăn, không hèn kém, tự ti.  - Rèn luyện thói quen chủ động, sống có lập trường, năng lực lãnh đạo, đạt được thành công trong công việc và cuộc sống.  - Là nguồn sức mạnh giúp con người vượt qua những khó khăn, bế tắc, tự tin và sống lạc quan hơn. |
| - Mở rộng | - Bản lĩnh sống của chúng ta cần phải được phát huy đúng lúc.  Trước cái xấu, phải biết cách từ chối.  - Phê phán những người không có nghị lực, luôn chán nản và tự tin trong cuộc sống.  - Phân biệt cách sống bản lĩnh với cách sống mạo hiểm, bất chấp gây hại cho bản thân và xã hội. |
| - Bài học nhận thức và hành động. | Là một học sinh bản lĩnh sống của chúng ta là việc nói không với gian lận, quay cóp trong thi cử dù thầy cô có người dễ người khó. Nhưng ngay cả khi có cơ hội gian lận chúng ta cũng không làm như vậy thì đó chính là bản lĩnh của một người học sinh. |
| **3. Kết đoạn:**  ( Khẳng định vấn đề). | Khi chúng ta có bản lĩnh sống vững vàng chúng ta có thể làm chủ bản thân trước những khó khăn thử thách của cuộc sống, dám nghĩ dám làm biến ước mơ của mình thành hiện thực. Đấu tranh chống lại những cái xấu, cái ác, những thứ tiêu cực tồn tại trong xã hội. Những người sống bản lĩnh luôn được người khác tôn trọng, yêu quý và kính nể là tấm gương sáng để người khác trông vào noi theo. |

**Đề 8:** Trình bày suy nghĩ của em về ý nghĩa của việc xác định giá trị bản thân trong cuộc sống.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | Mọi người trong chúng ta khi sinh ra đều có giá trị bản thân. Thế mà rất nhiều người trong chúng ta không kiên định sống bởi các giá trị của mình. |
| **2. Thân đoạn:** |  |
| - Giải thích | Giá trị bản thân: là những thế mạnh, khả năng, năng lực của bản thân mình trong công việc hoặc cuộc sống. |
| - Biểu hiện | Xác định được giá trị bản thân: nhận thức, đánh giá và biết trân trọng những thế mạnh của mình. |
| - Đánh giá: vai trò | - Tạo sự tự tin, chủ động trong cuộc sống, từ đó có thể đạt được sự thành công.  - Không rơi vào tâm trạng tự ti, chán nản, bế tắc, không định hướng được cuộc sống.  - Người có lập trường, không bị ảnh hưởng bởi người khác, nhận được sự tôn trọng từ mọi người. |
| - Mở rộng | - Phê phán những người không xác định được giá trị bản thân, không cố gắng để xây dựng giá trị bản thân dẫn đến những hậu quả không đáng có.  - Xác định giá trị bản thân nhưng không được tự kiêu thái quá mà phải khiêm tốn. |
| - Bài học nhận thức và hành động. | - Luôn tự tin, chủ động trong cuộc sống.  - Trau dồi đạo đức và kiến thức.  - Người có lập trường, không bị ảnh hưởng bởi người khác. |
| **3. Kết đoạn:**  ( Khẳng định vấn đề). | Hiểu được giá trị bản thân là gì, bạn sẽ có cách khám phá và nuôi dưỡng chúng thành nét đặc trưng của mình. |

**Đề 9:** Trình bày suy nghĩ của em bằng một bài văn khoảng 200 chữ về chủ đề: hạnh phúc gia đình.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | Mỗi gia đình là một tế bào của xã hội. Gia đình càng hạnh phúc, xã hội càng văn minh. Sở hữu một gia đình hạnh phúc là niềm khát khao mong mỏi của mỗi con người trong xã hội. |
| **2. Thân đoạn:** |  |
| - Giải thích | - Gia đình là nơi chúng ta sinh ra và lớn lên, nơi có những người thân ruột thịt.  - Hạnh phúc gia đình là niềm vui sướng mãn nguyện của con người trong cuộc sống gia đình, là động lực tinh thần to lớn cho mỗi thành viên trong gia đình, từ đó góp phần thúc đẩy sự phát triển của xã hội. |
| - Biểu hiện | - Các thành viên trong gia đình luôn quan tâm, thương yêu, thông cảm, san sẻ với nhau.  - Gia đình là điểm tựa, bến đỗ của mọi thnahf viên trong gia đình. |
| - Đánh giá: đúng- sai | Giá trị của hạnh phúc gia đình:  - Người có hạnh phúc gia đình là người nhận được tình yêu thương, sự bao bọc, chở che của người thân.  - Là chỗ dựa vững chắc cho chúng ta, là động lực giúp ta vượt qua những khó khăn.  - Là nguồn sức mạnh giúp ta vực dậy sau thất bại, khiến cuộc sống trở nên bình yên. |
| - Mở rộng | - Luôn giữu gìn, trân trọng hạnh phúc gia đình  - Phê phán những người không biết trân trọng hạnh phúc gia đình. |
| - Bài học nhận thức và hành động. | Trân trọng, yêu thương, luôn quan tâm, sẻ chia với những người thân yêu trong gia đình, biết ơn và phụng dưỡng ông bà, cha mẹ; hòa thuận với anh chị em. |
| **3. Kết đoạn:**  ( Khẳng định vấn đề). | Xây dựng một gia đình hạnh phúc là vô cùng quan trọng, là trách nhiệm của mỗi chúng ta- dặc biệt là thế hệ bạn trẻ- nền tảng của gia đình, của xã hội tương lai. |

**Đề 10:** Trình bày suy nghĩ của em bằng một bài văn khoảng 200 chữ về tinh thần lạc quan.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | Lạc quan là một thái độ sống vô cùng quan trọng góp phần tạo nên một cuộc sống tốt đẹp đối với tất cả mọi người. |
| **2. Thân đoạn:** |  |
| - Giải thích | Lạc quan: lối sống yêu đời, luôn nhìn cuộc đời ở phương diện tích cực, luôn hướng đến lối sống lành mạnh, tương lai tốt đẹp. |
| - Biểu hiện | - Không lo lắng thái quá, tinh thần luôn thoải mái dù khó khăn cận kề.  - Khi thất bại, vẫn giữ tinh thần vui vẻ và có quyết tâm vượt qua nó. |
| - Đánh giá: đúng- sai | Giá trị của tinh thần lạc quan:  - Lạc quan khiến con người trở nên khỏe khoắn, có niềm tin vào hiện tại và tương lai, có cơ hội tận hưởng những niềm vui, hạnh phúc trong cuộc sống.  - Lạc quan giúp con người vượt lên những thất bại, khó khăn, đạt được những mục tiêu đã đề ra.  - Người lạc quan luôn thấy tâm hồn thanh thản, nhận được sự yêu mến, trân trọng từ người khác. |
| - Mở rộng | Tuy nhiên, lạc quan không phải là sống ảo tưởng, mơ mộng hão huyền mà phải gắn với thực tế. |
| - Bài học nhận thức và hành động. | - Làm việc gì, dù khó khăn tới đâu ta vẫn tin vào những điều tốt đẹp ở phía trước.  - Khi gặp thất bại không bỏ cuộc, không chán nản.  - Quan tâm giúp đỡ người khác. |
| **3. Kết đoạn:**  ( Khẳng định vấn đề). | Sống lạc quan giúp cho con người ta thêm yêu đời, yêu cuộc sống, vượt qua mọi khó khăn của cuộc đời. Người sống lạc quan luôn nhìn cuộc đời bằng cặp mắt yêu thương, đó chính là lí do họ gắn bó với cuộc sống. sống lạc quan giúp ta luôn nhìn về tương lai, mong muốn một tương lai tốt đẹp. |

**Đề 11:** Trình bày ý kiến của em bằng một đoan jvawn khoảng 200 chữ về vấn đề:*“Sự tự tin của con người trong cuộc sống”.*

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | Sự thành công của mỗi con người không chỉ có được bằng tài năng của mình mà còn bằng sự tự tin, bằng bản lĩnh. Mặc dù mỗi tự tin thôi thì chưa thể làm nên thành công nhưng nó sẽ là đòn mẩy mang “công danh” đến nhanh hơn cho bạn. Vậy tự tin là gì? Nó có vai trò quan trọng gì trong đời sống của mỗi người hiện nay? |
| **2. Thân đoạn:** |  |
| - Giải thích | Giải thích sơ lược khái niệm *Sự tự tin*: tin vào chính mình, vào năng lực của bản thân mình. Đây là thái độ sống tích cực của con người. |
| - Biểu hiện | Những người có sự tự tin thường có sự chủ động, bản lĩnh trước mọi tình huống trong cuộc sống, luôn có ý thức khẳng định mình trước mọi người, tin ở khả năng của mình… |
| - Vai trò | + Sự tự tin giúp con người dễ đi đến thành công hơn vì người tự tin thường có khả năng giao tiếp tốt, có những quyết định nhạy bén, sáng suốt, hay nắm bắt cơ hội cho mình…  + Thiếu tự tin là nguyên nhân của phần lớn thất bại. |
| - Mở rộng | Cần phân biệt sự tự tin với tự cao, tự đại. Để thành công, ngoài sự tự tin, cần có thái độ cầu tiến, không ngừng học hỏi. Trái ngược với sự tự tin là sự tự ti. |
| - Bài học nhận thức và hành động. | Bài học nhận thức và hành động: để có được sự tự tin, cần trang bị đầy đủ kiến thức, tham gia các hoạt động giao tiếp… |
| **3. Kết đoạn:**  ( Khẳng định vấn đề). | Như vậy có thể thấy đức tính tự tin là một đức tính vô cùng cần thiết với con người. Chúng ta muốn hoàn thiện và phát triển, muốn đi tới thành công trong cuộc sống thì phải tự tin. |

**Đề 12:** Viết bài văn ngắn (không quá 600 từ) trình bày ý kiến của anh/chị về câu nói sau đây của nhà văn Nga Lep Tôn-xtôi:*“Bạn đừng nên chờ đợi những quà tặng bất ngờ của cuộc sống mà hãy tự mình làm nên cuộc sống”.*

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | Cuộc sống vốn vẫn luôn tràn ngập màu sắc và ẩn giấu nhiều điều bất ngờ, mà con người ta vẫn chưa thể nào khám phá hết được. Nhưng những điều bất ngờ ấy cần chúng ta tìm tòi, khám phá. Có một câu nói rất hay và ý nghĩ của nhà văn Nga Lép Tôn-xtôi rằng: "Bạn đừng nên chờ đợi những quà tặng bất ngờ của cuộc sống mà hãy tự mình làm nên cuộc sống". |
| **2. Thân đoạn:** |  |
| - Giải thích | + Quà tặng bất ngờ: có thể hiểu theo nghĩa cụ thể - khái quát (vật chất và tinh thần, những cơ hội, may mắn bất ngờ…)  + Nội dung ý nghĩa của câu nói: khuyên con người cần có thái độ sống chủ động, có ý chí và nghị lực vươn lên. |
| - Biểu hiện | "Những quà tặng bất ngờ trong cuộc sống" ở đây có thể thuộc nhiều khía cạnh và phạm vi khác nhau.  - Món quà khiến ta hạnh phúc, vui vẻ:  + Món quà vật chất, tinh thần bất ngờ mà người thân, bạn bè thậm chí là một người lạ dành tặng cho bạn.  + Chúng cũng có thể là những điều may mắn đến với bạn trong công việc, học tập hay còn có khi là những cơ hội bất ngờ đến với chúng ta.  - Nhưng "quà tặng bất ngờ của cuộc sống" không phải lúc nào cũng đầy những điều tốt đẹp, may mắn mà đôi khi nó còn mang đến cho bạn những niềm đau.  => Câu nói của Lép Tôn-xtôi nhằm khuyên mỗi chúng ta cần có sự chủ động, luôn luôn sẵn sàng trong mọi tình huống của cuộc sống, đừng nên ỷ lại hay mong chờ vào một thứ gì đó tốt đẹp kiểu ăn may. |
| - Vai trò | - Quà tặng bất ngờ mang lại niềm vui, sự hào hứng…nhưng không phải lúc nào nó cũng có.  - Vượt qua được những điều bất ngờ không may mắn sẽ giúp ta vững vàng hơn trong cuộc sống. |
| - Mở rộng | Nhiều người khi nhận được quà tặng bất ngờ: có tâm lí chờ đợi, ỷ lại, thậm chí phung phí những quà tặng ấy.  + Phê phán một số người sống thụ động, thiếu ý chí vươn lên, chỉ chờ đợi *quà tặng bất ngờ* mà không *tự mình làm nên cuộc sống*.  + Không thể phủ nhận những giá trị, ý nghĩa của quà tặng bất ngờ mà cuộc sống mang lại cho con người, vấn đề là biết tận dụng, trân trọng quà tặng ấy như thế nào. |
| - Bài học nhận thức và hành động. | Phải chủ động trang bị kiến thức, rèn luyện cách sống bản lĩnh, có ý chí…để có thể đón nhận những *quà tặng* kì dịêu của cuộc sống do chính bản thân mình làm nên. |
| **3. Kết đoạn:**  ( Khẳng định vấn đề). | Hãy để cuộc sống của mình luôn xuất hiện điều kỳ diệu nhờ sự cố gắng không ngừng nghỉ của bạn và thi thoảng thêm một vài món quà bất ngờ mà cuộc sống ban tặng, có thế cuộc đời mới thực sự có ý nghĩa và rực rỡ sắc màu. |

**III. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ XÃ HỘI RÚT RA TỪ TÁC PHẨM VĂN HỌC.**

**1. Khái niệm:** Nghị luận về một vấn đề xã hội trong tác phẩm văn học là dạng đề tích hợp giữa tác phẩm văn học và các vấn đề xã hội.

**2. Đặc điểm:**

- Đây là kiểu bài nghị luận vấn đề xã hội chứ không phải là kiểu bài nghị luận văn học. Và vấn đề nghị luận là những vấn đề xã hội có ý nghĩa sâu sắc được đặt ra từ một tác phẩm văn học.

Ví dụ: Từ vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên trong tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long, mm hãy nêu suy nghĩ của mình về lí tưởng sống của thanh niên hiện nay.

- Các vấn đề xã hội có thể rút ra từ một tác phẩm văn học trong chương trình sách giáo khoa, nhưng cũng có thể là một câu chuyện, văn bản mà học sinh chưa từng học.

**3. Hướng dẫn cách làm:**

**a. Mở đoạn:**

- Giới thiệu khái quát tác giả, tác phẩm (Nếu vấn đề nghị luận được rút ra từ một tác phẩm nằm trong chương trình học)

- Dẫn dắt vấn đề cần nghị luận.

**b. Thân bài:**

- Phân tích vắn tắt văn bản để đúc rút ý nghĩa vấn đề cần nghị luận.

- Nghị luận vấn đề xã hội được đúc rút từ tác phẩm, văn bản.

+ Giải thích vấn đề cần nghị luận (tùy vấn đề).

+ Phân tích, chứng minh, bàn luận (thực hiện thao tác tương tự như nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống hay nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lí).

+ Mở rộng vấn đề nghị luận.

+ Bài học nhận thức và hành động (liên hệ bản thân)

**c. Kết luận:** Đánh giá ý nghĩa của vấn đề xã hội trong tác phẩm.

**Đề luyện tập:**

|  |
| --- |
| **Đề 1:** Trong *Bàn về đọc sách*, Chu Quang Tiềm có viết: “ Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn. Bởi vì học vấn không chỉ là việc cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại”. Từ đó, em hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ, nêu suy nghĩ về việc đọc sách của thế hệ trẻ ngày nay?  **Đề 2:** Trong bài thơ Ánh trăng, Nguyễn Duy viết:  Thình lình đèn điện tắt  phòng buyn-đinh tối om  …  ánh trăng im phăng phắc  đã cho ta giật mình.  Từ vẻ đẹp của đoạn thơ trên, em hãy viết đoạn văn trình bày những suy nghĩ của em về vấn đề mà đoạn thơ đặt ra.  **Đề 3:** Trong bài thơ *Nói với con*, Y Phương đã viết về phẩm chất tốt đẹp của người đồng mình:  *Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương*  *Còn quê hương thì làm phong tục*  Ngày nay, rất nhiều bạn trẻ mải mê chạy theo văn hóa nước ngoài mà thờ ơ, lãng quên các phong tục, tập quán truyền thống. Từ hiện tượng đó, em hãy viết đoạn văn với chủ đề: Giới trẻ và văn hóa truyền thống.  **Đề 4:** Từ ý thơ: “ Trong lời ru của mẹ thấm hơi xuân” ( Trích Con cò- Chế Lan Viên), hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ với nhan đề: lời ru. |

***Hướng dẫm làm bài:***

**Đề 1:** Trong *Bàn về đọc sách*, Chu Quang Tiềm có viết: “ Học vấn không chỉ là chuyện đọc sách nhưng đọc sách vẫn là một con đường quan trọng của học vấn. Bởi vì học vấn không chỉ là việc cá nhân, mà là việc của toàn nhân loại”. Từ đó, em hãy viết một đoạn văn khoảng 200 chữ, nêu suy nghĩ về việc đọc sách của thế hệ trẻ ngày nay?

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | Nói về tầm quan trọng của việc đọc sách Chu Quang Tiềm đã khẳng định “…”, tuy nhiên việc đọc sách của giới trẻ ngày nay bên cạnh mặt tích cực vẫn còn nhiều vấn đề đáng lo ngại. |
| **2. Thân đoạn:** |  |
| - Giải thích | - Học vấn đây là những hiểu biết thu nhận được qua quá trình học tập. Chúng ta thu nhận được sự hiểu biết không phải chỉ thông qua việc đọc sách mà bằng nhiều con đường khác nhau như học tập ở thầy cô, bạn bè, gia đình, xã hội…  - Tuy nhiên trong những con đường ấy, đọc sách vẫn là một con đường quan trọng vì “sách là một kho tàng quý báu cất giữ di sản tinh thần của nhân loại”, sách ghi chép, cô đúc, lưu truyền mọi tri thức, mọi thành tựu của loài người qua các thời đại. |
| - Thực trạng | - Mặt tích cực: nhiều bạn trẻ yêu thích đọc sách trân trọng nâng niu sách tranh thủ mọi lúc mọi nơi để đọc sách Họ coi sách là một niềm đam mê, một thú vui không thể thiếu trong cuộc sống.  - Bên cạnh đó, đại đa số giới trẻ ngày nay còn đang thờ ơ với việc đọc sách. Họ dành nhiều thời gian để lên mạng xã hội và tìm hiểu trò chơi giải trí, khi được giao bài tập về nhà thay vì tìm tài liệu trong sách, các bạn lại lên mạng xã hội tra cứu đáp án.  - Giới trẻ ngày nay thích đọc sách mang tính giải trí như truyện tranh, truyện ngôn tình, mà ít đọc sách về văn hóa, lịch sử, khoa học, kỹ năng.  - Nhiều bạn trẻ coi sách như một đồ trang sức, để nhận được sự khen ngợi.  - Giới trẻ ngày nay khó khăn trong việc lựa chọn sách. |
| - Nguyên nhân | - Do sự bùng nổ của công nghệ thông tin, đặc biệt giới trẻ là đối tượng rất dễ bắt nhịp với cái mới lạ, thích làm theo số đông.  - Họ cũng chưa đủ chín chắn để phân biệt cái nên và cái không nên làm.  - Nhiều bạn trẻ với lịch làm việc quá dày đặc, không có thời gian dành cho đọc sách.  - Do nhà trường, xã hội, gia đình chưa tạo được hứng thú đọc sách cho các bạn trẻ.  - Do sự lười biếng của bản thân. |
| - Hậu quả | - Văn hóa đọc xuống thấp dẫn tới hậu quả giới trẻ thiếu hụt kiến thức khoa học, văn hóa, xã hội, lâu dần dẫn đến lạc hậu yếu kém.  - Những người không có trình độ sẽ trở thành vấn nạn, áp lực cho xã hội.  - Thế giới tâm hồn trở nên hạn hẹp, gây ra căn bệnh vô cảm.  - Hạn chế sự phát triển ngôn ngữ… |
| - Giải pháp | - Tổ chức ngày hội đọc sách, hội thảo giới thiệu sách hay các buổi trò chuyện, định hướng cách đọc sách đúng.  - Nhà trường, các bậc cha mẹ ra bài tập đọc sách cho học sinh.  - Nhà sách quản lý, kiểm duyệt chặt chẽ đầu sách được xuất bản ra thị trường.  - Mỗi người nên có ý thức đọc sách,… |
| - Nhận thức và hành động của bản thân. | Đọc sách rất quan trọng đó là con đường ngắn nhất để lĩnh hội kiến thức tăng cường đọc sách mở rộng các loại sách về nhiều lĩnh vực trong cuộc sống. |
| **3. Kết đoạn:**  ( Khẳng định tính đúng đắn, tầm quan trọng của vấn đề). | Như vậy, đọc sách là một trong những con đường của học vấn, của tri thức nhưng con đường ấy là con đường quan trọng và cốt yếu của học vấn và tri thức, vì từ việc đọc sách ta không những rèn luyện được đạo đức, tính sáng tạo và khả năng tư duy, tiếp nhận những giá trị vật chất lẫn tinh thần của cuộc sống mà còn đáp ứng nhu cầu phát triển của xã hội. |

**Đề 2:** Trong bài thơ Ánh trăng, Nguyễn Duy viết:

Thình lình đèn điện tắt

phòng buyn-đinh tối om

…

ánh trăng im phăng phắc

đã cho ta giật mình.

Từ vẻ đẹp của đoạn thơ trên, em hãy viết đoạn văn trình bày những suy nghĩ của em về vấn đề mà đoạn thơ đặt ra.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn:**  **( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề)** | Bài thơ *Ánh trăng* của nhà thơ Nguyễn Duy, đặc biệt là đoạn thơ: Thình lình đèn điện tắt  phòng buyn-đinh tối om  …  ánh trăng im phăng phắc  đủ cho ta giật mình.  như một thông điệp giàu ý nghĩa nhắc nhở mỗi chúng ta về tình cảm uống nước nhớ nguồn, ân tình thủy chung với quá khứ gian lao mà tình nghĩa. |
| **2. Thân đoạn:** |  |
| **1. Cảm nhận vẻ đẹp của đoạn thơ:** | |
|  | - Thời gian, không gian, sự việc diễn biến bất thường" Thình lình đèn điện tắt" là bước ngoặt để tác giả bộc lộ cảm xúc, thể hiện chủ đề của tác phẩm. Vầng trăng xuất hiện đột ngột trong hoàn cảnh ấy gợi ra bao cảm xúc trong lòng người.  - Vầng trăng là một hình ảnh của thiên nhiên hồn nhiên, tươi mát, là người bạn tri kỷ của một thời,trong phút chốc xuất hiện làm dậy lên trong lòng người lính bao kỉ niệm của những năm tháng gian lao, bao hình ảnh của thiên nhiên đất nước bình dị, hiền hậu: như là đồng là bể- như là sông là rừng".  - Vầng trăng là hình ảnh của quá khứ tình nghĩa, là vẻ đẹp bình dị, vĩnh hằng của cuộc sống. "Trăng cứ tròn vành vạnh" là hình ảnh của quá khứ đẹp đẽ, vẹn nguyên chẳng thể mờ phai . Hình ảnh nhân hóa"ánh trăng im phăng phắc" chính là sự vị tha, độ lượng, sự nghiêm khắc nhắc nhở người lính và mỗi người về lẽ sống ở đời. Con người có thể vô tình, có thể lãng quên quá khứ nhưng thiên nhiên, nghĩa tình quá khứ thì luôn tràn đầy bất diệt.  - Cái "giật mình" của nhân vật trữ tình ở cuối bài thơ là cái giật mình của lương tri, là lời tự nhắc nhở thấm thía về thái độ, tình cảm đối với những năm tháng quá khứ gian lao mà ấm áp nghĩa tình. Bạn thơ khéo léo gợi ra bài học về đạo lí " Uống nước nhớ nguồn" đã trở thành truyền thống tốt đẹp của dân tộc từ bao đời nay. |
| **2. Suy nghĩ trước vấn đề mà đoạn thơ đặt ra:** | |
| - Giải thích | Đạo lí "Uống nước nhớ nguồn" đã trở thành truyền thống tốt đẹp, là nét đẹp nhân văn của người Việt Nam xưa nay. Chính nét đẹp truyền thống đó tạo nên sức mạnh giúp ta vượt qua mọi khó khăn để chiến đấu và chiến thắng, xây dựng và phát triển. |
| - Thực trạng | Trong xã hội hôm nay, khi ta đang từng bước hội nhập và phát triển, hành trang ta mang theo còn có cả một quá khứ hào hùng mà cha ông đã để lại, ta không được phép lãng quên. Đó cũng là ý nghĩa sâu xa mà đoạn thơ đã gợi ra. |
| - Đánh giá: đúng- sai | Tuy nhiên, cuộc sống hiện đại cũng làm con người dễ quên những gian khổ, vất vả, hi sinh đã qua. Nếu ta thờ ơ, quay lưng lại hoặc lãng quên quá khứ thì ta chẳng thể trở thành người tốt, ta lại nhận được sự phản bội của thế hệ tương lai. |
| - Mở rộng | - Phê phán những người không biết đến quá khứ, không có lòng biết ơn. |
| - Bài học nhận thức và hành động. | - Biết ơn quá khứ, vâng lời, kính trọng, biết ơn ông bà, cha mẹ, những người giúp đỡ mình.  - Rèn luyện đạo đức, nhân cách. |
| **3. Kết đoạn:**  **( Khẳng định vấn đề).** | Lòng biết ơn là một phẩm chất đạo đức đáng quý của con người. Vì vậy phải biết sống sao cho trọn vẹn với những người có công giúp đỡ, nuôi nấng mình. |

**Đề 3:** Trong bài thơ *Nói với con*, Y Phương đã viết về phẩm chất tốt đẹp của người đồng mình:

*Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương*

*Còn quê hương thì làm phong tục*

Ngày nay, rất nhiều bạn trẻ mải mê chạy theo văn hóa nước ngoài mà thờ ơ, lãng quên các phong tục, tập quán truyền thống. Từ hiện tượng đó, em hãy viết đoạn văn với chủ đề: Giới trẻ và văn hóa truyền thống.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | Từ ngàn xưa, cha ông ta đã xây dựng nên một nền văn hóa đậm đà bản sắc. Là thế hệ sau, chúng ta phải có trách nhiệm gìn giữ, phát huy bản sắc dân tộc đó. Tuy nhiên, hiện nay, thái độ, cách ứng xử của giới trẻ với văn hóa truyền thống bên cạnh mặt tích cực vẫn đang tồn tại nhiều nhức nhối. |
| **2. Thân đoạn:** |  |
| - Giải thích | - Văn hóa truyền thống: là những phong tục, tập quán, những giá trị tinh thần tốt đẹp đã được hình thành, phát triển và lưu giữ từ ngàn xưa đến nay. Nó đã ăn sâu vào trong tiềm thức, trong đời sống tinh thần của người dân Việt Nam.  + Phong tục thờ cúng ông bà, tổ tiên; trên kính dưới nhường.  + Ngày tết làm bánh chưng  + Các làn điệu dân ca quan họ, hát ru…  - Văn hóa truyền thống là bản sắc riêng của đất nước ta, là yếu tố khẳng định độc lập chủ quyền,… Bởi vậy, chúng ta cần giữ gìn, bảo tồn. |
| - Thực trạng | - Mặt tích cực: nhiều bạn trẻ am hiểu, tích cực gìn giữ văn hóa truyền thống. Họ sống và làm theo phong tục của người Việt, họ yêu tiếng Việt, say mê học nhạc cụ dân tộc, họ quảng bá hình ảnh văn hóa Việt Nam ra thế giới…  - Mặt tiêu cực:  + Nhiều bạn trẻ sùng văn hóa ngoại, từ lời nói, cách ăn mặc đến phong cách sinh hoạt đều học tập văn hóa nước ngoài.  + Nhiều bạn trẻ thích nhạc điện tử, thuộc nhiều bài hát quốc tế nhưng khi được hỏi về các bài hát dân ca, câu ca dao, tục ngữ, các loại hình nghệ thuật truyền thống thì không hề biết.  + Tết cổ truyền, các bạn chỉ thích đi du lịch nước ngoài, không muốn ăn tết ở trong nước, thậm chí nhiều bạn không biết đến bánh chưng, không thích đi chúc tết.  + Giới trẻ thi nhau đi học tiếng Anh và cho rằng việc học tiếng Việt không quan trọng. Các bạn quay lưng lại với các tác phẩm văn học của dân tộc. |
| - Nguyên nhân | - Do cuộc sống hiện đại, xu thế hội nhập nên các bạn trẻ được tiếp xúc với nhiều nền văn hóa khác nhau trên thế giới.  - Do các bạn trẻ luôn thích và tìm tòi những điều mới mẻ.  - Do gia đình, nhà trường và xã hội chưa có những hành động thiết thực để giáo dục giới trẻ về văn hóa truyền thống. |
| - Hậu quả | Nếu chúng ta không biết giữ gìn văn hóa: + Tâm hồn mỗi người sẽ trở nên khô khan, vốn kiến thức về cuộc sống sẽ bị hạn hẹp, dẫn tới những nhận thức lệch lạc, không đúng đắn. ( VD…) + Một xã hội không giữ gìn được văn hóa, không giữ gìn được những điều tốt đẹp cha ông để lại sẽ là một xã hội trống rỗng, không thể phát triển lâu bền nếu quên mất đi nguồn cội tốt đẹp của mình. |
| - Giải pháp | - Tổ chức các hoạt động cho giới trẻ tiếp xúc với văn hóa truyền thống: Tổ chức trò chơi dân gian, gói bánh chưng dịp Tết…  - Tăng cường sự giáo dục trong gia đình. |
| - Nhận thức và hành động của bản thân. | - Tìm hiểu, học tập văn hóa truyền thống.  - Tiếp nhận yếu tố văn hóa nước ngoài có chọn lọc và nhập mà không hòa tan. |
| **3. Kết đoạn:**  ( Khẳng định tính đúng đắn, tầm quan trọng của vấn đề). | Tiếp thu những văn hóa mới lạ là điều cần thiết, nhưng hơn tất cả phải giữ gìn và phát triển văn hóa dân tộc, không được để mất đi những giá trị tốt đẹp của cha ông để lại, nhất là trong bối cảnh hiện nay, có rất nhiều những mối đe dọa đang rình rập đối với đất nước |

**Đề 4:** Từ ý thơ: “ Trong lời ru của mẹ thấm hơi xuân” ( Trích Con cò- Chế Lan Viên), hãy viết một đoạn văn nghị luận khoảng 200 chữ với nhan đề: lời ru.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | **Lời ru có vai trò quan trọng trong cuộc đời mỗi người.** |
| **2. Thân đoạn:** |  |
| - Giải thích | - Ý thơ của Chế Lan Viên: “ Trong lời ru của mẹ thấm hơi xuân”.  + Cụm từ “ thấm hơi xuân” gợi tả lời ru dịu dàng, ấm áp, thấm dẫm tình yêu thương của mẹ; khơi dậy sự sống, niềm hi vọng cho cuộc đời mỗi con người.  - Đồng thời, trong lời ru ấy còn bọc lộ bao niềm vui, khát vọng của mẹ và những mong muốn ở nơi con trong tương lai.  - Lời ru trong cuộc sống: Lời ru của bà, của mẹ đi suốt cuộc đời mỗi con người từ lúc còn nằm trong nôi:  + Cái cò đi đón cơn mưa  Tối tăm mù mịt ai đưa cò về  + Cái ngủ mày ngủ cho ngoan  … |
| - Vai trò | **Lời ru có ý nghĩa vô cùng quan trọng:**  - Ngay từ khi còn nằm trong nôi, trong vòng tay của mẹ, đứa trẻ đã dần hình thành ý thức trong câu hát, lời ru.  - Đứa trẻ không chỉ cảm nhận được tình cảm yêu thương của người hát, được nâng niu, che chở mà lời hát ấy như hạt sữa vô hình cứ ngấm dần, thấm dần theo năm tháng.  - Lời ru không chỉ có ý nghĩa ru con ngủ, bộc lộ tình yêu thương đối với trẻ, mà quan trọng hơn, lời ru còn có tác dụng bồi đắp, nuôi dưỡng tâm hồn, tinh thần đứa trẻ. |
| - Mở rộng | - Thật đáng tiếc, đời sống hiện đại đã làm biến mất dần lời hát ru có truyền thống lâu đời.  khi nữ trẻ lớn lên xa lạ với lời ru là anh là chị có một đứa em hãy tập hát những bài hát ru để mỗi khi em ngủ hát cho em nghe những khúc Ru Ngọt Ngào đám tắm không chỉ ru em mà còn dinh dưỡng cả chính tâm hồn mình. |
| - Bài học nhận thức và hành động. | - Cần nâng niu, trân trọng lời ru.  - Giữ gìn và phát huy hơn nữa lwoif ru trong cuộc sống. |
| **3. Kết đoạn:**  ( Khẳng định vấn đề). | Lời ru là một nét đẹp văn hóa truyền thống của dân tộc Việt Nam, có thể nói là di sản văn hóa phi vật thể cần được duy trì. giữ gìn. phát triển. |

**CHUYÊN ĐỀ 2: ĐOẠN VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

          Các loại đoạn văn Nghị luận văn học cần phải viết  
  1. Đoạn văn giới thiệu hoàn cảnh ra đời của tác phẩm.  
  2. Đoạn văn tóm tắt tác phẩm  
  3. Đoạn văn giải thích ý nghĩa nhan đề của tác phẩm.  
  4. Đoạn văn phân tích một chi tiết quan trọng, từ ngữ đặc sắc của tác phẩm.  
  5. Đoạn văn phân tích đặc điểm nhân vật.  
  6. Đoạn văn phân tích hiệu quả nghệ thật của biện pháp tu từ.  
  7. Đoạn văn phân tích, cảm nhận về một đoạn văn, đoạn thơ.

Những bài tập luyện viết đoạn văn nghị luận văn học trong nhà trường thường có yêu cầu phối hợp giữa yêu cầu về nội dung, đề tài với yêu cầu về hình thức diễn đạt.

\* Yêu cầu chung:

- Nội dung: Học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận văn học, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản. Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách xong cần bám sát ngữ liệu, kết hợp các thao tác lập luận.

- Hình thức: Bài viết cần bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả.

\* Yêu cầu cụ thể:

**Đề bài luyện tập:**

|  |
| --- |
| **Đề 1:** Viết đoạn văn trình bày hiểu biết của em về ý nghĩa nhan đề lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long.  **Đề 2:** Viết đoạn văn nêu hiểu biết của em về ý nghĩa của nhan đề Những ngôi sao xa xôi.  **Đề số 3:** Truyện “Bến quê” tập trung vào một tình huống khá đặc biệt, đó là tình huống nào? Hãy chỉ ra những nghịch lí trong tình huống ấy và nêu ý nghĩa của nó?  **Đề số 4**  Viết đoạn văn (khoảng 12 câu) trình bày cảm nhận của em về bức tranh chị em Thúy Kiều ra về trong đoạn thơ sau:  Tà tà bóng ngả về tây,  Chị em thơ thẩn dan tay ra về  Bước dần theo ngọn tiểu khê,  Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh  Nao nao dòng nước uốn quanh  Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang  (Trích Cảnh ngày xuân-Nguyễn Du,  Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục)  **Đề số 5:** Viết đoạn văn (khoảng 12 câu) Phân tích những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của khổ thơ sau:  Không có kính không phải vì xe không có kính  Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi  Ung dung buồng lái ta ngồi  Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.    Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng  Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim  Thấy sao trời và đột ngột cánh chim  Như sa như ùa vào buồng lái.  (Trích Bài thơ về tiểu đội xe không kính- Phạm Tiến Duật, Ngữ Văn 9, tập 1, NXB Giáo dục)  **Đề số 6**  Viết đoạn văn (khoảng 12 câu). Phân tích tâm trạng của ông Hai sau khi nhận được tin làng chợ Dầu theo Tây. |

***Hướng dẫn làm bài:***

**Đề 1:** Viết đoạn văn trình bày hiểu biết của em về ý nghĩa nhan đề lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long.

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **1. Mở đoạn** | Giới thiệu: Truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long là bức chân dung đẹp về những tấm gương lao động lặng thầm hết mình dâng hiến tuổi xuân cho Tổ quốc thân yêu. Chất thơ,chất trữ tình và sức cuốn hút của thiên truyện được thể hiện ngay trong nhan đề Lặng lẽ Sa Pa. |
| 1. **2. Thân đoạn** | Lý giải, Trình bày hiểu biết về nhan đề tác phẩm.  + Lặng lẽ Sa Pa ra đời trong thời kỳ miền Bắc đang dựng xây Chủ nghĩa xã hội. Nhà văn Nguyễn Thành Long muốn thông qua việc viết về một nơi yên tĩnh, một nơi nghỉ mát yên bình để ngợi ca, để tôn vinh những con người lao động mới hết lòng vì cuộc sống mới, vì hạnh phúc con người, vì đất nước thân yêu.  + Nhắc đến mảnh đất Sa Pa, nơi cảnh vật yên bình, lặng lẽ, ai cũng nghĩ đó là nơi nghỉ mát lí tưởng. Nhưng đằng sau cái lặng lẽ của cảnh vật là cái không lặng lẽ của cuộc sống sôi động đang dâng trào. Nơi ấy có bao trái tim đầy nhiệt huyết đang đập mạnh vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là anh thanh niên làm khí tượng trên đỉnh Yên Sơn và tập thể những người lao động lặng thầm như anh (dẫn chứng cụ thể).  + Sa Pa nhìn bề ngoài tưởng là nơi nghỉ ngơi nhưng Sa Pa cũng đang góp phần cùng các địa phương khác ngày đêm dựng xây đất nước. Sa Pa cung cấp bản tin dự báo thời tiết phục vụ sản xuất và chiến đấu. Sa Pa cung cấp giống su hào củ to, ngon cho toàn miền Bắc. Sa Pa cung cấp bản đồ theo dõi sét và tìm ra của chìm nông, của chìm sâu nằm trong lòng đất để làm giàu cho Tổ quốc. |
| **3. Kết đoạn** | Khẳng định: Tựa đề Lặng lẽ Sa Pa đã ẩn chứa lời ngợi ca, niềm cảm phục và cả sự sự biết ơn của tác giả đối với những người lao động bình thường ngày đêm lặng lẽ dâng cho đời"một mùa xuân nho nhỏ". |

**Đề 2: Viết đoạn văn nêu hiểu biết của em về ý nghĩa của nhan đề Những ngôi sao xa xôi.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn** | Truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi (Lê Minh Khuê) có một nhan đề thật thơ mộng và ý nghĩa. |
| **2. Thân đoạn** | - Tác phẩm viết về những cô gái tuổi mới lớn làm nhiệm vụ trinh sát mặt đường ở một cao điểm ác liệt của Trường Sơn. Cuộc sống chiến đấu gian lao và nguy hiểm nhưng không làm tắt đi niềm yêu đời, yêu cuộc sống.  - Nghĩa tả thực: Những ngôi sao xa xôi trên bầu trời đêm sâu thẳm là hình ảnh thực mà các cô gái thường ngắm nhìn hằng đêm. Họ gửi vào đó những mộng mơ khao khát của thời thiếu nữ.  -Nghĩa biểu tượng : Những ngôi sao xa xôi chính là hình ảnh Thao, Nho, Phương Định, …. Họ là những ngôi sao sáng ở mặt trận Trường Sơn xa xôi… |
| **3. Kết đoạn** | Như vậy, nhan để tác phẩm đã giúp người đọc cảm nhận được sự dũng cảm trong chiến đấu. Vẻ đẹp trong sáng, trẻ trung của những nữ thanh niên xung phong. Đây được gọi là một nhan đề đấy tính nhân văn. |

**Đề số 3:** Truyện “Bến quê” tập trung vào một tình huống khá đặc biệt, đó là tình huống nào? Hãy chỉ ra những nghịch lí trong tình huống ấy và nêu ý nghĩa của nó?

***Hướng dẫn làm bài:***

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn** | Cũng như nhiều truyện ngắn khác của Nguyễn Minh Châu, truyện ngắn “Bến quê” xây dựng trên một tình huống nghịch lý. |
| **2. Thân đoạn** | - Nhân vật chính của truyện – anh Nhĩ – từng đi khắp mọi nơi trên trái đất, về cuối đời lại bị cột chặt vào giường bệnh bởi một căn bệnh hiểm nghèo, đến nỗi không thể tự mình dịch chuyển lấy vài mươi phân trên chiếc giường hẹp bên cửa sổ.  - Khai thác tình huống này, tác giả phát hiện và nhấn mạnh vào những điều nghịch lý trong cảnh ngộ của nhân vật:  + Nhĩ làm một công việc đã cho anh có điều kiện đi hầu hết khắp mọi nơi trên thế giới “suốt đời Nhĩ đã từng đi tới không sót một xó xỉnh nào trên trái đất”. Ấy thế mà Nhĩ lại chưa đặt chân lên cái bãi bồi màu mỡ ngay bên kia sông.  + Từng bay những chuyến bay vượt nửa vòng trái đất, nhưng nay không thể nhích thân mình dịch chuyển vài mươi phân trên giường bệnh.  + Khi Nhĩ đã phát hiện thấy vẻ đẹp lạ lùng của cái bãi bồi bên kia sông, ngay phía trước cửa sổ nhà anh, nhưng anh biết rằng sẽ không bao giờ có thể đặt chân lên mảnh đất ấy, dù nó ở rất gần anh, Nhĩ đã nhờ cậu con trai thực hiện giúp mình cái điều khao khát đó. Nhưng rồi cậu ta lại sa vào một đám chơi cờ trên hè phố và có thể lỡ chuyến đò duy nhất trong ngày.  - Đưa ra những nghịch lí ấy, nhà văn muốn lưu ý người đọc đến một nhận thức về cuộc đời: cuộc sống và số phận con người chứa đầy những điều bất thường, những nghịch lí, ngẫu nhiên, vượt ra ngoài những dự định và ước muốn, cả những hiểu biết và toan tính của người ta. |
| **3. Kết đoạn** | Những tình huống nghịch lí trong truyện “ Bến quê” còn mở ra một nội dung triết lí nữa, mang tính tổng kết những trải nghiệm của cả đời người, qua những suy ngẫm của nhân vật Nhĩ “*con người ta trên đường đời thật khó tránh được những cái điều vòng vèo hoặc chùng chình*” và sự giàu có lẫn mọi vẻ đẹp rất gần gũi như cái bãi bồi bên kia sông hay người vợ tần tảo, giàu tình yêu và đức hi sinh thì phải đến lúc này, khi sắp giã biệt cuộc đời , Nhĩ mới cảm nhận thấm thía. |

**Đề số 4**

Viết đoạn văn (khoảng 12 câu) trình bày cảm nhận của em về bức tranh thiên nhiên khi chị em Thúy Kiều du xuân trở về trong đoạn thơ sau:

Tà tà bóng ngả về tây,

Chị em thơ thẩn dan tay ra về

Bước dần theo ngọn tiểu khê,

Lần xem phong cảnh có bề thanh thanh

Nao nao dòng nước uốn quanh

Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang

(Trích Cảnh ngày xuân-Nguyễn Du,

Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục)

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn** | Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: đoạn thơ miêu tả cảnh chị em Thúy Kiều du xuân trở về là bức tranh đẹp nhưng buồn, thể hiện những rung cảm tinh tế của tác giả. |
| **2. Thân đoạn** | - Cảnh thiên nhiên vẫn mang cái thanh dịu của mùa xuân: nắng nhạt, khe nước nhỏ, dịp cầu bắc ngang.  - Chuyển động nhẹ nhàng: bóng ngả về tây, bước chân người thơ thẩn, dòng nước uốn quanh, gợi không gian ảm đạm.  =>Không còn không khí nhộn nhịp, rộn ràng của lễ hội mà tất cả đều đang nhạt dần, lặng dần.  - Từ láy: tà tà, thơ thẩn, thanh thanh, nao nao, nho nhỏ…Gợi sắc thái cảnh vật nhạt nhòa, không rõ nét, tâm trạng con người buồn man mác.  => Tâm trạng bâng khuâng, xao xuyến, nuối tiếc, linh cảm về điều gì đó đang xảy đến (sau đoạn này Thúy Kiều gặp mộ Đạm Tiên và Kim Trọng).  => Nghệ thuật: tả cảnh ngụ tình, giọng điệu chậm rãi, sử dụng từ tiếng Việt rất gần gũi nhưng gợi được không khí cổ điển của tác giả Nguyễn Du.  - Sáng tạo, văn viết có dấu ấn cá nhân. |
| **3. Kết đoạn** | Bằng vài nét chấm phá trong thi pháp cổ, gợi nhiều hơn tả, ngôn ngữ tinh tế; nguyễn Du đã đã vẽ lên một bức tranh thiên nhiên mùa xuân vừa mới mẻ, tinh khôi, tràn trề sức sống, vừa khoáng đạt, trong trẻo mà nhẹ nhàng, thanh khiết. |

**Đề số 5:** Viết đoạn văn (khoảng 12 câu) phân tích những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của khổ thơ sau:

Không có kính không phải vì xe không có kính

Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi

Ung dung buồng lái ta ngồi

Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng

Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim

Thấy sao trời và đột ngột cánh chim

Như sa như ùa vào buồng lái.

(Trích Bài thơ về tiểu đội xe không kính- Phạm Tiến Duật, Ngữ Văn 9, tập 1, NXB Giáo dục)

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn** | - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: hình ảnh những chiếc xe không kính và vẻ đẹp hiên ngang của người lính lái xe. |
| **2. Thân đoạn** | Hình ảnh những chiếc xe không kính:  + Lý giải nguyên nhân: điệp ngữ "không" nhắc lại 3 lần, động từ mạnh "giật, rung, vỡ" khẳng định nguyên nhân không có kính của những chiếc xe. Bom đạn chiến tranh đã làm cho những chiếc xe bị biến dạng, bị tổn thất.  => Lời thơ tự nhiên, ngôn ngữ cụ thể , chân thực, đậm chất văn xuôi nhấn mạnh hiện thực cuộc chiến tranh chống Mỹ ác liệt, dữ dội nhưng hình ảnh những chiếc xe không kính hiện lên như sự thực hiển nhiên không có gì lạ thường, không có gì đáng sợ.  - Hình ảnh người lính lái xe đầy hiên ngang:  + Đảo ngữ "ung dung" , điệp ngữ "nhìn" nhắc lại 5 lần: nhấn mạnh tư thế ung dung, bình tĩnh, tự tin.  + Đó là cái nhìn rộng mở vào "trời, đất", nhìn trực diện "thẳng": vừa lẫm liệt vừa tập trung, không hề sợ hãi, né tránh.  + Cảm giác: nhìn thấy gió, thấy con đường, thấy sao trời, cánh chim.  => Tả thực vì xe không kính nên các yếu tố thiên nhiên, chướng ngại vật như rơi xuống, quăng ném, va đập vào buồng lái.  => Chất hiện thực.  - Điệp ngữ "thấy", so sánh, đảo ngữ:  => Diễn tả cảm giác vô cùng thú vị của người lính lái xe khi được hòa mình vào thiên nhiên, được tự do giao cảm, chiêm ngưỡng đất trời -> chất lãng mạn.  => Thể hiện nét hào hoa, kiêu bạc, lãng mạn, yêu đời của những người lính lái xe.  => Giọng thơ ngang tàn , pha chút đùa nghịch như những lời nói tự nhiên đã khắc họa hiện thực cuộc chiến tranh đồng thời khắc họa vẻ đẹp hiên ngang, dũng cảm,sự sôi nổi trẻ trung của những người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn rực lửa.  - Sáng tạo, văn viết mang dấu ấn cá nhân. |
| **3. Kết đoạn** | Chiến tranh đã đi qua nhưng hình ảnh người lính nói chung và người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn nói riêng luôn để lại niềm yêu thương trong lòng người dân Việt Nam. Vẻ đẹp trẻ trung, lạc quan của những người lính lái xe trong thơ Phạm Tiến Duật cũng là vẻ đẹp của bao thnah niên đã chiến đấu cho sự nghiệp bảo về Tổ quốc, luôn sáng mãi trong lòng chúng ta. |

**Đề số 6**

Viết đoạn văn (khoảng 12 câu) Phân tích tâm trạng của ông Hai sau khi nhận được tin làng chợ Dầu theo Tây.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn** | Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: tâm trạng nhân vật ông Hai sau khi nghe tin làng chợ Dầu theo Tây. |
| **2. Thân đoạn** | - Khái quát tính cách ông Hai: vui vẻ, chất phác , có tấm lòng gắn bó với làng quê và kháng chiến.  - Sau khi nghe tin dữ: ông Hai sững sờ, xấu hổ, uất ức: "cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như không thở được".  - Không tin vì tin tức quá bất ngờ  + Khi người tản cư khẳng định họ"vừa ở dưới ấy lên", ông Hai không thể không tin, niềm tự hào về làng sụp đổ, ông cảm thấy xấu hổ trước bà con.  + Ông Hai luôn cảm thấy ám ảnh day dứt, ông "cúi gằm mặt mà đi", về nhà ông "nằm vật ra giường rồi tủi thân nhìn lũ con, nước mắt ông lão cứ giàn ra".  + Suốt mấy ngày ông không dám đi đâu, lúc nào cũng nơm nớp tưởng người ta để ý, bàn tán.  + Ông Hai rơi vào tình trạng bế tắc, tuyệt vọng khi nghĩ đến tương lai, không biết đi đâu, về đâu. Ông đau khổ khi phải lựa chọn giữa tình yêu làng và tình yêu cách mạng. Cuối cùng ông quyết định: " Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù".  => Vẻ đẹp trong tâm hồn con người Việt Nam, khi cần họ có thể sẵn sàng gạt bỏ tình cảm riêng tư để hướng tới tình cảm chung của cả cộng đồng.  + Ông Hai đã trò chuyện với đứa con út, bày tỏ tấm lòng thủy chung với cách mạng, với Cụ Hồ.  => Tình yêu đất nước thật sâu nặng, thiêng liêng  - Nghệ thuật: miêu tả tâm trạng nhân vật qua cử chỉ ,hành động, lời nói đậm chất nông dân chân thực, sử dụng nghệ thuật độc thoại, độc thoại nội tâm,... của tác giả. |
| **3. Kết đoạn** | Qua diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai, ta thấy được một tình yêu làng yêu nước tha thiết gắn với tinh thần kháng chiến của nhân vật ông Hai. Ông Hai chính là hình ảnh tiêu biểu cho người nông dân VN trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. |

**Đề số 7**

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 12 câu) phân tích bức tranh mùa xuân của đất nước trong đoạn thơ sau:

Mùa xuân người cầm súng

Lộc dắt đầy trên lưng

Mùa xuân người ra đồng

Lộc trải dài nương mạ

Tất cả như hối hả

Tất cả như xôn xao…

Đất nước bốn ngàn năm

Vất vả và gian lao

Đất nước như vì sao

Cứ đi lên phía trước.

(Trích mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải, Ngữ văn 9, tập hai ,NXB Giáo dục)

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn** | Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: bức tranh mùa xuân của đất nước qua đoạn thơ. |
| **2. Thân đoạn** | - Hình ảnh "người cầm súng, người ra đồng" : Hai lực lượng chính trong quá trình đấu tranh và xây dựng đất nước.  - Lộc: nghĩa thực chỉ lá ngụy trang, lá mạ non.  - Nghĩa ẩn dụ tượng trưng cho sức sống mới tươi trẻ, sự sục sôi trong lý tưởng người chiến sĩ, niềm hăng say lao động, hẹn ước mùa vụ bội thu của người nông dân, là hi vọng vào tương lai tươi sáng của dân tộc.  - Điệp ngữ " tất cả", các từ láy " hối hả, xôn xao" , nhịp thơ nhanh: diễn tả nhịp điệp khẩn trương, tất bật của con người Việt Nam trong giai đoạn mới, thời đại mới, bộc lộ tâm trạng náo nức rộn ràng.  - Cái nhìn sâu sắc, tự hào về bốn ngàn năm lịch sử của dân tộc, phép nhân hóa Tổ quốc như người mẹ tần tảo , so sánh đất nước như vì sao trường tồn, dù qua những gian truân, vất vả vẫn kiên cường tiến lên phía trước. |
| **3. Kết đoạn** | Khổ thơ thể hiện niềm vui, niềm tin của tác giả vào tương lai rạng người của dân tộc. |

**Đề số 8**

Hãy viết một đoạn văn (khoảng 12 câu) phân tích chi tiết nhân vật Nhĩ trong truyện Bến quê của Nguyễn Minh Châu : " cố thu nhặt hết mọi chút sức lực cuối cùng còn sót lại để đu mình nhô người ra ngoài, giơ một cánh tay gầy guộc ra phía ngoài cửa sổ khoát khoát y như đang khẩn thiết ra hiệu cho một người nào đó".

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn** | Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: chi tiết nhân vật Nhĩ đưa tay ra ngoài cửa sổ khoát khoát. |
| **2. Thân đoạn** | - Hoàn cảnh nhân vật Nhĩ: Cả cuộc đời đi khắp thế gian nhưng bãi bồi bên kia sông lại anh chưa từng đặt chân đến. Khi bệnh tật đau ốm, anh chờ thằng con trai sang bên kia sông thực hiện mong ước cuối đời của mình nhưng vì không hiểu ý cha, con trai anh đã sa vào bàn cờ thế, để lỡ chuyến đò ngang cuối cùng trong ngày.  - Ý nghĩa hành động đưa tay "khoát khoát":  + Nghĩa thực: Như muốn giục giã thằng con trai mau rời khỏi bàn cờ thế để tiếp tục đi cho kịp chuyến đò ngang cuối cùng.  + Ý nghĩa biểu tượng: Đây là sự giục giã của tác giả đối với mọi người, những ai còn đang mải mê, sa đà vào những điều "vòng vèo, chùng chình" hãy dứt ra khỏi nó để hướng tới những giá trị đích thực, vốn rất giản dị gần gũi và bền vững của gia đình và của quê hương.  - Nghệ thuật: Xây dựng hình ảnh biểu tượng mang ý nghĩa triết lý sâu xa về cuộc sống. |
| **3. Kết đoạn** | Chi tiết hình ảnh cuối cùng khi Nhĩ cố hết sức đu mình nhô người ra ngoài, giơ một cánh tay gầy guộc ra phía ngoài cửa sổ khoát khoát… đều là những nét miêu tả tâm lí vừa tinh tế, vừa nhân đạo của tác giả. |

( Tài liệu: Nguyễn Nga- nhóm ngữ văn THCS)

**Để số 9:** Từ câu chủ đề sau: " Từ xúc cảm trước mùa xuân của thiên nhiên đất nước, Thanh Hải bày tỏ khát vọng mãnh liệt muốn dâng hiến một mùa xuân nho nhỏ và cuộc đời chung, cuộc đời đất nước".

Hãy viết tiếp để hoàn chỉnh đoạn văn (khoảng 12 câu) nêu cảm nhận của em về những ước nguyện cao đẹp của nhà thơ Thanh Hải qua bài thơ Mùa xuân nho nhỏ.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn** | " Từ xúc cảm trước mùa xuân của thiên nhiên đất nước, Thanh Hải bày tỏ khát vọng mãnh liệt muốn dâng hiến một mùa xuân nho nhỏ và cuộc đời chung, cuộc đời đất nước". |
| **2. Thân đoạn** | - Điệp ngữ "ta làm" : nhấn mạnh niềm khát khao cháy bỏng được dâng hiến, được hoà nhập vào cuộc đời chung.  - Ẩn dụ: con chim, cành hoa, nốt trầm: khát vọng đóng góp phần nhỏ bé ( tiếng hót, hương thơm, âm vang) vào cuộc đời chung, khát vọng được thể hiện một cách khiêm tốn, lặng lẽ nhưng xúc động và ý nghĩa.  - Sự chuyển đổi đại từ (tôi -> ta) : Hoà cái riêng vào cái chung, cá nhân vào tập thể.  - Ước nguyện đọng kết trong hình ảnh " Một mùa xuân nho nhỏ" : ẩn dụ cho những gì đẹp đẽ nhất của cuộc đời riêng.  - Thái độ " Lặng lẽ dâng cho đời" : cống hiến thầm lặng nhưng mãnh liệt.  - Điệp ngữ "Dù là": khẳng định sự dâng hiến cả tuổi thanh xuân, cả cuộc đời, tâm sự và nhiệt huyết cho sự nghiệp chung, cho cuộc đời, đất nước.  => Thể hiện thái độ sống tích cực, lý tưởng sống đẹp đẽ, tinh thần lạc quan của Thanh Hải trong những năm tháng cuối đời.  - Sáng tạo, văn viết có dấu ấn cá nhân. |
| **3. Kết đoạn** | Bài thơ được viết một tháng trước khi nhà thơ trở về với cát bụi nhưng không gợi chút băn khoăn về bệnh tật, những suy nghĩ riêng tư cho bản thân mà chỉ “lặng lẽ cháy bỏng một khát khao được dâng hiến”. |

**Đề số 10**

Hãy viết một đoạn văn ( khoảng 12 câu) trình bày những cảm nhận của mình về chất liệu văn học dân gian trong bài thơ Con cò của Chế Lan Viên.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn** | Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: chất liệu văn học dân gian trong bài thơ Con cò-Chế Lan Viên. |
| **2. Thân đoạn** | - Đề tài "con cò": quen thuộc, xuất hiện trong những lời ru, câu ca dao dân ca từ ngàn xưa gợi không gian ấm áp, gần gũi, số phận của những người nông dân trong xã hội xưa.  - Hình ảnh ,"con cò, cò con, cò trắng" xuất hiện từ đầu đến cuối bài thơ; Gợi không gian tuổi thơ với những cung bậc cảm xúc, với tình yêu, sự chăm sóc, vỗ về, những hi vọng của người mẹ dành cho đứa con bé bỏng.  - Sử dụng các câu ca dao:  + Con cò Cổng Phủ  Con cò Đồng Đăng  + Con cò ăn đêm  Con cò xa tổ  Cò gặp cành mềm  Cò sợ xáo măng.  => Tác dụng: Gợi kỉ niệm về lời ru yêu thương của người mẹ, khiến đứa trẻ cảm thấy gần gũi, bình yên và nhẹ nhàng đi vào giấc ngủ.  - Nghệ thuật: Sử dụng chất liệu văn học dân gian trong bài thơ không mới nhưng Chế Lan Viên đã thổi hồn vào những hình ảnh, câu ca dao cảm xúc, ý nghĩa hiện đại, mới mẻ.  - Sáng tạo, văn viết có dấu ấn cá nhân. |
| **3. Kết đoạn** | Hình ảnh con cò không mới, nhưng bắt nguồn từ mạch trữ tình tha thiết trong ca dao. Bài thơ **Con cò** là sự kết tinh giữa cảm hứng trữ tình dân gian và chất triết lí giản dị mà sâu sắc của tác giả Hoa ngày thường – Chim báo bão. |

**Đề số 11**

Phân tích cơ sở hình thành tình đồng chí được thể hiện trong đoạn thơ sau:

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau

Súng bên súng đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ

Đồng chí!

(Trích Đồng chí- Chính Hữu, Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục)

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn** | - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: cơ sở hình thành tình đồng chí của người lính. |
| **2. Thân đoạn** | - Tình đồng chí của người lính bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân.  - Họ đều từ những miền quê" nước mặn đồng chua", "đất cày lên sỏi đá", nghèo đói, lam lũ, gặp gỡ nhau ở tình yêu Tổ quốc.  - Những người lính đến từ mọi miền của Tổ quốc, vốn là những người xa lạ, các anh đã cùng tập hợp trong một đội mũ nên dần trở nên thân quen.  - Tình cảm quê hương là nguồn động viên, an ủi, là tinh thần giúp người chiến sĩ vượt qua mọi gian lao, thử thách suốt một thời máu lửa, tạo nên sự gắn bó, thương yêu, đoàn kết keo sơn của những người lính.  - Sự đồng cam cộng khổ, chia sẻ những khó khăn, thiếu thốn.  + Chung mục đích, lý tưởng chiến đấu: Súng bên súng, đầu sát bên đầu.  + Chia sẻ mọi gian lao, hình thành tình tri kỷ.  - Câu "Đồng chí": khẳng định sự gắn bó, tinh thần đồng đội của những người lính.  - Nghệ thuật: Hình ảnh tả thực, sóng đôi, ngôn ngữ giản dị đã tái hiện những thiếu thốn trong buổi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp song chính những khó khăn ấy đã tạo nên tình đồng chí gắn bó.  - Văn viết có sáng tạo, mang dấu ấn cá nhân. |
| **3. Kết đoạn** | Bằng những hình ảnh thơ đặc sắc, bài thơ Đồng chí đã thể hiện sâu sắc, chân thực tình cảm đồng chí, đồng đội của người lính cách mạng trong thời kì kháng chiến chống Pháp. Tình đồng chí ấy hiện lên thật thiêng liêng, cao đẹp, thể hiện sự gắn bó chặt chẽ và đáng trân trọng của những người lính trong cuộc sống và chiến đấu hiểm nguy. |

**Đề số 12**

Viết đoạn văn khoảng 15 câu làm rõ phong cách Hồ Chí Minh là sự kết hợp giữa yếu tố truyền thống văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, giữa thanh cao và giản dị.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn** | Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: Phong cách Hồ Chí Minh là sự kết hợp giữa yếu tố truyền thống văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, giữa thanh cao và giản dị. |
| **2. Thân đoạn** | - Con đường hình thành phong cách Hồ Chí Minh:  + Đi nhiều nơi có điều kiện để tiếp xúc với nhiều nền văn hóa khác nhau, thành thạo nhiều ngoại ngữ.  + Ham học hỏi, dày công học tập, rèn luyện không ngừng.  + Bác luôn tiếp thu các kiến thức và có chọn lọc những tinh hoa văn hóa nhân loại.  => Người giữ gìn và biết kết hợp văn hóa truyền thống với tinh hoa văn hóa nhân loại.  - Vẻ đẹp thanh cao mà giản dị:  + Nơi làm việc: đơn sơ, chỉ vài phòng làm việc và tiếp khách, phòng họp Bộ Chính trị, phòng ngủ và áo cá,..  + Trang phục giản dị: chiếc vali, vài bộ quần áo áo, đôi dép lốp thô sơ,...  + Ăn uống đạm bạc: cá kho, rau luộc, dưa cà,...  => Lối sống của một vị Chủ tịch nước nhưng rất giản dị, thanh cao, không xa hoa lãng phí, trở thành một quan điểm thẩm mỹ.  => Phong cách Hồ Chí Minh là một nguồn ánh sáng chỉ lối soi đường cho cán bộ, nhân dân học tập theo.  - Nghệ thuật: lập luận chặt chẽ, dẫn chứng cụ thể, xác thực. |
| **3. Kết đoạn** | Phong cách sống của Bác là phong cách sống có văn hóa, đã trở thành một quan niệm thẩm mĩ: cái đẹp là sự giản dị, tự nhiên. Nhà thơ Tố Hữu đã khái quát vẻ đẹp giản dị mà vĩ đại của Hồ Chí Minh trong hai câu thơ : " Mong manh áo vải hồn muôn trượng Hơn tượng đồng phơi những lối mòn " |

**Đề số 13**

Viết đoạn văn khoảng 15 câu phân tích những điểm mạnh và điểm yếu của con người Việt Nam khi bước vào thế kỉ mới trong Chuẩn bị hành trang vào thế kỉ mới của Vũ Khoan.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn** | Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: điểm mạnh và điểm yếu của con người Việt Nam khi bước vào thế kỉ mới |
| **2. Thân đoạn** | - Thông minh, nhạy bén với cái mới nhưng thiếu kiến thức cơ bản, kém khả năng thực hành.  - Cần cù , sáng tạo nhưng thiếu tính tỉ mỉ, không coi trọng nghiêm ngặt quy trình công nghệ, chưa quen với cường độ lao động khẩn trương.  - Có tinh thần đoàn kết, đùm bọc lẫn nhau trong kháng chiến nhưng lại thường vị kỷ trong làm ăn.  - Thích ứng nhanh nhưng lại nhiều hạn chế trong thói quen và nếp nghĩ, kỳ thị trong kinh doanh, quen thói bao cấp, thói sùng ngoại, bài ngoại hoặc thói khôn vặt, ít giữ chữ tín.  - Cách nêu điểm mạnh, điểm yếu của con người Việt Nam rất cụ thể để, chính xác và sâu sắc. Điểm mạnh, điểm yếu luôn được đối chiếu với yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước hiện nay. Tác giả đã tôn trọng sự thực, nhìn nhận vấn đề khách quan, toàn diện, không thiên lệch.  - Nghệ thuật: lập luận đối chiếu, sử dụng thành ngữ sâu sắc, lập luận thuyết phục, dẫn chứng tiêu biểu, chính xác. |
| **3. Kết đoạn** | Với cách lập luận chặt chẽ, lí lẽ sắc sảo, mang tính tranh biện đầy sức thuyết phục; tác giả đã dũng cảm chỉ ra những cái yếu của con người Việt Nam khi bước vào thế kỉ mới, giúp ta một cái nhìn sáng suốt về nhân dân ta, về bản thân mỗi chúng ta. |

**Đề số 14**

Viết đoạn văn khoảng 15 câu phân tích sức mạnh của văn nghệ với đời sống con người trong Tiếng nói của văn nghệ của Nguyễn Đình Thi.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn** | Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: sức mạnh của văn nghệ với đời sống con người. |
| **2. Thân đoạn** | - Văn nghệ giúp con người có cuộc sống đầy đủ hơn, cảm thấy cuộc đời đẹp hơn và có ý nghĩa hơn.  + Văn nghệ giúp con người tự nhận thức được chính bản thân mình, giúp ta sống đầy đủ, phong phú hơn.  + Có những trường hợp con người bị ngăn cách trong cuộc sống, tiếng nói của văn nghệ là sợi dây buộc chặt họ với cuộc đời thường bên ngoài với tất cả những sự sống, vui buồn hờn giận bên trong.  + Văn nghệ là tươi mát sinh hoạt khắc khổ hàng ngày, giữ cho đời vẫn luôn tươi vui. Tác phẩm văn nghệ giúp cho con người vui lên, biết rung động và ước mơ.  + Văn nghệ đem tới cả thời đại cách sống với tâm hồn.  => Văn nghệ vô cùng cần thiết đối với cuộc sống của con người.  => Nghệ thuật: bố cục chặt chẽ, hợp lý, cách dẫn dắt tự nhiên, giàu hình ảnh, giọng điệu chân thành, say sưa, đầy nhiệt huyết. |
| 3. Kết đoạn | => Tác phẩm văn nghệ lay động cảm xúc, đi vào nhận thức, tâm hồn người đọc bằng con đường tình cảm. Đến với một tác phẩm văn nghệ, chúng ta sống cùng cuộc sống được miêu tả trong đó, được yêu ghét, buồn vui, đợi chờ, cùng với các nhân vật và người nghệ sĩ. |

**Đề số 15**

Viết đoạn văn khoảng 15 câu phân tích tình mẫu tử trong bài thơ Mây và sóng của Ta - go.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn** | - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: tình mẫu tử trong bài thơ Mây và sóng. |
| **2. Thân đoạn** | - Lời mời gọi của những người trên mây và trong sóng:  + Mây, sóng: chơi từ khi thức dậy đến lúc chiều tà, chơi với bình minh vàng, vầng trăng bạc, ca hát từ sáng sớm đến hoàng hôn, ngao du khắp nơi,...  => Thế giới với vũ trụ rực rỡ, bí ẩn, mới lạ đầy hấp dẫn, cuốn hút với trẻ thơ.  - Lời từ chối của em bé  Dù thiên nhiên rực rỡ, bí ẩn với bao điều mới lạ, hấp dẫn nhưng em đã từ chối vì:  + Mẹ mình đang đợi ở nhà.  + Mẹ luôn muốn mình ở nhà.  => Tình mẫu tử đã chiến thắng, dù em bé có luyến tiếc những cuộc vui chơi nhưng tình yêu thương của người mẹ đã có sức mạnh níu giữ. Lý do em đưa ra thật dễ thương mà cũng thật sâu sắc.  - Trò chơi của em bé:  + Em đã tự nghĩ ra trò chơi có mẹ và em: " Con là mây , mẹ sẽ là trăng, con là sóng, mẹ là bến bờ".  + Trò chơi của em bé vừa tạo nên một thế giới thiên nhiên - tình yêu hòa hợp, có ánh sáng, có âm thanh, có tình yêu thương vô bờ của người mẹ. |
| **3. Kết đoạn** | Hạnh phúc của tình mẫu tử giản dị, trong sáng, gần gũi nhưng cũng thật thiêng liêng, vĩnh hằng và kỳ diệu như vũ trụ. Đặc biệt sự vĩnh hằng, kì diệu ấy lại do chính con người tạo nên. |

**Đề 16:** Trong truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa, tác giả Nguyễn Thành Long đã gửi gắm chủ đề của câu chuyện vào một lời nhận xét ngắn gọn: "Trong cái lặng im của Sa Pa , Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước".

Em hãy nêu những suy nghĩ về vẻ đẹp của những con người lao động qua truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của tác giả Nguyễn Thành Long.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở đoạn** | - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: những con người làm việc và lo nghĩ cho đất nước trong tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa - Nguyễn Thành Long. |
| **2. Thân đoạn** | Vẻ đẹp của những con người lao động:  + Họ là: anh thanh niên, anh thanh niên làm việc trên đỉnh Phan-xi-păng, ông kỹ sư vườn rau, anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét.  => Họ không được gọi tên cụ thể mà gọi bằng công việc.  - Công việc: họ đều làm những công việc vì đam mê, đều sống trong những hoàn cảnh cô đơn.  + Anh thanh niên có lòng yêu nghề, biết tạo ra cuộc sống văn minh thơ mộng, có suy nghĩ tích cực về công việc và lòng nhiệt huyết, sự khiêm tốn.  + Anh đồng nghiệp làm việc ở độ cao 3143m.  + Ông kỹ sư vườn rau kiên trì, bền bỉ nghiên cứu, thụ phấn cho cây,...  + Anh cán bộ nghiên cứu bản đồ sét luôn ở trong tư thế sẵn sàng chờ sét , hy sinh hạnh phúc riêng để tìm "của chìm nông, của chìm sâu" làm giàu cho Tổ quốc.  + Phẩm chất: họ đều có tinh thần trách nhiệm, say mê làm việc, sẵn sàng cống hiến tuổi trẻ, hạnh phúc riêng cho công việc, họ cống hiến thầm lặng cho đất nước.  - Nghệ thuật. Xây dựng tình huống truyện,khắc họa vẻ đẹp của các nhân vật qua sự nhìn nhận đánh giá của nhân vật khác, cách đặt tên nhân vật.  - Sáng tạo, văn viết có dấu ấn cá nhân. |
| **3. Kết đoạn** | - Khẳng định vẻ đẹp con người trong tác phẩm:  + Có thể nói, nhà văn Nguyễn Thành Long đã đem đến cho người đọc sự cảm nhận sâu sắc nhất về những con người đang ngày đêm cống hiến tâm sức mình cho quê hương, đất nước.  + Đó là những con người cao cả, có lý tưởng sống đẹp, quên đi hạnh phúc riêng tư, quên đi mọi khó khăn gian khổ vì mục đích cao cả, tốt đẹp là làm giàu mạnh đất nước. |

**B. BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**I - ĐẶC ĐIỂM VÀ YÊU CẦU CHUNG CỦA BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**1. Khái niệm nghị luận và văn nghị luận**

- Nghị luận: la bàn luận và đánh giá cho rõ về một vấn đề nào đó.

- Văn nghị luận: là loại văn được viết ra nhằm xác lập cho người đọc, người nghe một tư tưởng nào đó đối với các sự việc, hiện tượng trong đời sống hay trong văn học bằng các luận điểm, luận cứ và lập luận ăn.

**2. Sự cần thiết của văn nghị luận**

Trong đời sống, khi phải bày tỏ ý kiến, thái độ của mình về những hiện tượng tự nhiên, xã hội xảy ra xung quanh nhằm thuyết phục ai đó tin theo ý kiến của người nói, người viết, cần dùng kiểu văn bản nghị luận.

**3. Đặc điểm của văn nghị luận**

Văn nghị luận phải có những luận điểm rõ ràng, có lý lẽ đúng đắn, chặt chẽ đúc rút từ sách vở, từ đời sống; có những dẫn chứng đáng tin cậy, thuyết phục.

- Luận điểm: là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của bài văn nghị luận được nêu ra dưới hình thức khẳng định ( hay phủ định) , được diễn đạt sáng tỏ, dễ hiểu, nhất quán. Luận điểm là linh hồn của bài viết. Luận điểm đúng đắn, chân thật, đáp ứng nhu cầu thực tế thì mới có sức thuyết phục.

- Luận cứ: là những lí lẽ, dẫn chứng đưa ra làm cơ sở cho luận điểm. Luận điểm là kết luận của những lí lẽ và dẫn chứng đó.

- Lập luận: là cách đưa ra lí lẽ, cách sắp xếp các luận cứ để dẫn đến kết luận nêu trong luận điểm. Có các phương pháp luận điểm như sau:

+ Phương pháp chứng minh: Mục đích làm sáng tỏ vấn đề, dùng lí lẽ và dẫn chứng để khẳng định tính đúng đắn của vấn đề.

+ Phương pháp giải thích : chỉ ra nguyên nhân, lý do, quy luật của sự việc hiện tượng được nêu ra trong luận điểm. Trong văn nghị luận, giải thích là làm sáng tỏ một từ, một câu, một nhận định.

+ Phương pháp phân tích: là cách lập luận trình bày từng bộ phận,phương diện của một vấn đề nhằm chỉ ra nội dung của sự vật, hiện tượng. Để phân tích nội dung của một sự vật, hiện tượng, người ta có thể vận dụng các biện pháp nêu giả thiết, so sánh đối chiếu… và cả phép lập luận giải thích, chứng minh.

+ Phương pháp tổng hợp: là phép lập luận rút ra cái chung từ những điều đã phân tích. Lập luận tổng hợp thường đặt ở cuối đoạn hay cuối bài, phần kết luận của một phần hoặc toàn bộ văn bản.

**II - CÁCH LÀM BÀI VĂN NGHỊ LUẬN**

**1. Bố cục của bài văn nghị luận gồm 3 phần**

- Mở bài ( đặt vấn đề): giới thiệu vấn đề, tầm quan trọng của vấn đề , nêu được luận điểm cơ bản cần giải quyết.

- Thần bài (giải quyết vấn đề): triển khai các luận điểm, dùng lí lẽ,dẫn chứng lập luận để thuyết phục người nghe theo quan điểm đã trình bày.

- Kết bài (kết thúc vấn đề): khẳng định tầm quan trọng, ý nghĩa của vấn đề nghị luận.

**2. Các bước làm bài văn nghị luận, gồm 4 bước**

a) Bước 1: Tìm hiểu đề văn nghị luận

Cần đọc kỹ đề bài, từ đó tìm hiểu luận đề , kiểu bài và phạm vi nghị luận:

- Luận đề: là vấn đề đặt ra trong đề bài, vấn đề đó đòi hỏi người viết phải huy động kiến thức để giải quyết trong bài văn nghị luận.

- Kiểu bài: xác định kiểu bài nghị luận sẽ phải thực hiện (giải thích, chứng minh, bình luận…)

- Phạm vi nghị luận: là giới hạn mà luận đề nêu ra, có thể rộng hay hẹp, nghị luận xã hội hay nghị luận văn chương.

b) Bước 2: Lập ý cho bài văn nghị luận

Lập ý phải theo một quy trình: xác định luận điểm, tìm luận cứ, xây dựng lập luận.

- Xác định luận điểm: mỗi luận đề đặt ra trong đề bài phải được xác định bằng một hệ thống luận điểm. Có thể xác định luận điểm bằng cách trả lời câu hỏi: luận đề đã nêu có thể chi tiết hóa thành những nội dung cụ thể nào? Ngoài ra có thể căn cứ vào kiến thức văn chương, xã hội hoặc căn cứ vào kiểu bài mà đề yêu cầu để xác định luận điểm cho phù hợp.

- Tìm luận cứ (lí lẽ, dẫn chứng) : văn nghị luận được hình thành ở lý lẽ và dẫn chứng. Lí lẽ phải sắc bén, đanh thép, hùng hồn (đảm bảo tính khách quan, hợp lý). Dẫn chứng phải xác thực, chọn lọc, giàu sức thuyết phục.

c) Bước 3 : Xây dựng lập luận thành đoạn văn

Phải tổ chức, sắp xếp các lý lẽ, dẫn chứng theo một trình tự nhất định ( quy nạp, diễn dịch, song hành, móc xích, tam đoạn luận…) để luận điểm của người viết có sức thuyết phục.

d) Bước 4: Liên kết đoạn thành bài văn.

**III - NHỮNG KIỂU VĂN NGHỊ LUẬN**

Có hai loại nghị luận: nghị luận xã hội và nghị luận văn học.

**1. Nghị luận xã hội**

Đề cập đến những vấn đề thuộc phạm trù tư tưởng, đạo lý, về cách sống và cách ứng xử… của mỗi người trong xã hội.

- Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống.

- Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý.

**2. Nghị luận văn học**

Phát biểu cảm nghĩ, nêu cảm nhận, và phân tích chỉ ra cái hay, cái đẹp của một tác phẩm, một nhân vật…

- Nghị luận về một tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)

- Nghị luận về một bài thơ,đoạn thơ.

**CHUYÊN ĐỀ 1: BÀI VĂN NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

**I. KIỂU BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG**

**1. Khái niệm:**

Nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống xã hội là bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, đáng khen, đáng chê hay có vấn đề đáng phải suy nghĩ.

**2. Những dạng đề thường gặp**

- Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống tích cực.

- Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống có tính tiêu cực.

- Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống có hai mặt: tích cực và tiêu cực.

**3. Yêu cầu bài nghị luận về một sự việc, hiện tượng trong đời sống**

- Yêu cầu về nội dung:

+ Nêu rõ được sự việc, hiện tượng có vấn đề của đời sống.

+ Phân tích mặt đúng - sai, lợi - hại của hiện tượng.

+ Phân tích nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đời sống đó.

+ Chỉ ra giải pháp khắc phục hiện tượng đời sống đó.

- Yêu cầu về hình thức: Bố cục phải mạch lạc, luận điểm rõ ràng, luận cứ xác thực, lập luận phù hợp, lời văn chính xác, sống động.

**4. Các bước làm bài**

**Bước 1: Tìm hiểu đề - tìm ý**

**a. Tìm hiểu đề**

Học sinh phải xác định được

- Đề nêu sự việc, hiện tượng gì?

- Để yêu cầu làm gì? Mệnh lệnh trong đề là gì?

- Ý kiến thái độ của bản thân đối với sự việc hiện tượng đó như thế nào?

**b. Tìm ý**

Mỗi một đề bài, học sinh sẽ đưa ra một hệ thống câu hỏi cụ thể sát với yêu cầu đề bài. Tuy nhiên học sinh vẫn sử dụng hệ thống câu hỏi tìm ý chung sau đây:

1. Vấn đề đề bài yêu cầu nghị luận là gì?

2. Khái niệm và biểu hiện của vấn đề được đề cập trong đề bài là gì?

3. Nguyên nhân của vấn đề (nguyên nhân chủ quan? Khách quan?)

4. Vấn đề đúng hay sai- ích lợi hoặc tác hại của vấn đề?

5. Ý kiến thái độ của bản thân và đề xuất những giải pháp phát huy hoặc ngăn chặn về vấn đề nghị luận.

**Bước 2: Lập dàn ý**

**a. Mở bài:** giới thiệu sự việc, hiện tượng đời sống cần bàn.

**b. Thân bài:**

- Trình bày hiểu biết về hiện tượng đời sống đó: bản chất nó là gì, chỉ ra các biểu hiện, nêu thực trạng của hiện tượng (khi phản ánh thực trạng, cần đưa ra những thông tin cụ thể, tránh đưa ra những nhận định chung chung, mơ hồ).

- Phân tích các mặt đúng - sai, lợi - hại của sự việc, hiện tượng.

- Phân tích nguyên nhân của sự việc, hiện tượng.

- Chỉ ra các giải pháp khắc phục sự việc, hiện tượng.

**c. Kết bài:** bày tỏ ý kiến đánh giá khái quát về sự việc, hiện tượng vừa bàn, nêu bài học rút ra đối với bản thân, xã hội.

**Bước 3: Dựng đoạn**

Về hình thức, bài viết phải có bố cục mạch lạc, có luận điểm rõ ràng, luận cứ xác thực, phép lập luận phù hợp; lời văn chính xác, sống động.

**Bước 4: Đọc , kiểm tra, sửa lỗi**

Học sinh sửa lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi ngữ pháp.

Chú ý đến liên kết, mạch lạc giữa các câu trong đoạn văn và các đoạn văn trong văn bản.

**\* Chú ý:**

Học sinh cần trang bị kỹ năng làm bài, đồng thời cần trang bị cho mình vốn hiểu biết về đời sống xã hội thông qua việc theo dõi, tìm hiểu, thu thập tài liệu về những hiện tượng đời sống qua các phương tiện thông tin đại chúng: như đài phát thanh, đài truyền hình, báo chí, mạng internet… để bồi đắp vốn hiểu biết. Càng hiểu biết nhiều về đời sống xã hội thì bài viết càng rộng,sâu, tạo được ấn tượng sâu sắc đối với người đọc.

**5. Đề bài luyện tập:**

|  |
| --- |
| **Đề 1:** Quê hương em hiện nay vẫn còn tồn tại hiện tượng rác thải ngoài đường hoặc những nơi công cộng.  Hãy đặt một nhan đề thích hợp để gọi tên hiện tượng đó và trình bày ý kiến của em.  **Đề 2:** Trong học đường hiện nay, nhiều bạn học sinh vẫn còn học theo kiểu qua loa, đối phó. Hãy chỉ ra một vài biểu hiện và trình bày suy nghĩ của em.  **Đề 3:** Trong hàng loạt bài trên báo Tuổi trẻ Chủ nhật bàn về thế hệ gấu bông có đề cập hai hiện tượng:  *1. Một cô bé mười lăm tuổi , được mẹ chở đi đánh cầu lông. Xe hai mẹ con bị va quẹt, đồ đạc trên xe văng tung toé. Người mẹ vội vàng gom nhặt, vài người đi đường cũng dừng lại phụ giúp còn cô bé thờ ơ đứng nhìn. Đợi mẹ nhặt xong mọi thứ, cô bé leo lên xe và thản nhiên dặn: "Lát về mẹ nhớ mua cho con ly chè!".*  *2. Một cậu học sinh khi được hỏi về ca sĩ mà cậu hâm mộ, cậu đã trả lời rất rành mạch về cách ăn mặc, sở thích của ca sĩ đó. Nhưng khi được hỏi về nghề nghiệp, sở thích của cha mẹ cậu, cậu ta ấp úng, không trả lời được.*  Em hãy gọi tên hiện tượng trên và trình bày suy nghĩ của em bằng một bài văn ngắn (trong khoảng 1,5 trang giấy thi). |

***Hướng dẫn làm bài:***

**Đề 1: Quê hương em hiện nay vẫn còn tồn tại hiện tượng rác thải ngoài đường hoặc những nơi công cộng.**

**Hãy đặt một nhan đề thích hợp để gọi tên hiện tượng đó và trình bày ý kiến của em.**

***Định hướng làm bài:***

- Phải tìm nhan đề thích hợp, ấn tượng để đặt tên: ngắn gọn, đầy đủ vừa gọi tên được hiện tượng, vừa chứa đựng đánh giá của người viết: Một thói quen khó sửa; Rác ơi, mày ở nhầm chỗ…

- Tìm hiểu để có cái nhìn và đánh giá khách quan, đúng đắn về sự việc, hiện tượng phổ biến ở một nơi, nhiều nơi khác nhau trên địa bàn sinh sống thì bài viết mới có ý nghĩa. Biết gắn vấn đề rác thải với ý thức bảo vệ môi trường sống.

- Bài viết có thể trình bày khác nhau song cần đảm bảo được các yêu cầu sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | - Có thể giới thiệu trực tiếp từ thực trạng đáng lo ngại: rác thải.  - Có thể giới thiệu từ vấn đề môi trường ở làng quê đang bị ô nhiễm có nguyên nhân của rác thải để vào bài. |
| **2. Thân bài:** |  |
| - Giải thích | Rác thải là những vật mà người dùng không còn muốn sử dụng và thải ra, cùng với những chất độc được xuất ra từ chúng. |
| - Thực trạng | Mô tả, tái hiện hiện tượng: rác thải ở làng quê vẫn đang là vấn đề đáng lo ngại.  - Ở các khu dân cư: rác thải sinh hoạt xuất hiện ở nhiều góc ao, góc vườn, những ô đất trống, chất chồng thành đống trong có cả nhiều thứ rác không phân hủy được do các gia đình thiếu ý thức thải ra.  - Ở xung quanh trường học: vỏ bánh kẹo, vỏ hộp sữa, túi ni lông nằm rải rác do những bạn học sinh thiếu ý thức miệng ăn tay vứt.  - Trên các nẻo đường, các gầm cầu cống : những túi ni lông, những bao đựng rác thải do người dân cố ý để quên, có cả những đống rác to nằm ngay bên lề đường.  - Trên mặt sông ngòi, ao hồ công cộng nổi lềnh bềnh những vỏ chai, lọ đựng thuốc trừ sâu, những bao rác và cả xác động vật thối rữa… |
| - Nguyên nhân | - Nguyên nhân khách quan: Công tác tuyên truyền và các giải pháp chưa thực sự thuyết phục, thiếu tính đồng bộ, triệt để.  - Nguyên nhân chủ quan:  - Nhận thức của người dân về vấn đề bảo vệ môi trường còn hạn chế, thiếu hiểu biết về tác hại khôn lường của rác thải đối với sự sống của con người.  - Thói quen bừa bãi, cẩu thả trong sinh hoạt, thiếu ý thức bảo vệ môi trường chung của người dân.  - Nhận thức kém của một bộ phận không nhỏ người dân trong việc phân loại, thu gom, xử lý rác thải.  - Ý thức tự giác giữ gìn vệ sinh nơi công cộng của người dân chưa cao. |
| - Hậu quả | - Ảnh hưởng đến mỹ quan môi trường.  - Ô nhiễm môi trường sống, không khí ở làng quê không còn trong lành, sạch đẹp như xưa. Nguồn nước đang bị ô nhiễm, sinh vật trong nước cũng không sống nổi.  - Ảnh hưởng đến sức khỏe con người, những dịch bệnh nguy hiểm ngày càng tăng ở cả con người và vật nuôi. |
| - Giải pháp | - Các địa phương cần có các giải pháp hữu hiệu về vấn đề rác thải:  - Quy định cụ thể về nơi đổ rác ở mỗi địa phương và đôn đốc việc thực hiện.  - Hướng dẫn người dân phân loại rác thải sinh hoạt: rác hữu cơ, rác vô cơ, rác tái chế; và cách xử lý: chôn rác, đốt rác, xử lý tạo khí đốt, tái chế…  - Xử lý nghiêm khắc những người thiếu ý thức, vi phạm quy tắc giữ gìn vệ sinh nơi công cộng.  - Nhà trường phối hợp với các ban ngành thướng xuyên nhắc nhở, tuyên truyền, kiểm tra ý thức tự giác của mọi người về việc giữ gìn vệ sinh.  - Nên có những hình thức khiển trách đúng mức đối với những học sinh có thói quen vứt rác bừa bãi. |
| - Nhận thức và hành động của bản thân. | - Có ý thức bảo vệ môi trường mọi lúc, mọi nơi.  - Tuyện truyền người thân, bạn bè giữ gìn vệ sinh chung. |
| **3. Kết bài:**  ( Khẳng định tính đúng đắn, tầm quan trọng của vấn đề). | - Khẳng định thói quen vứt rác bừa bãi cần thiết phải chấm dứt; vấn đề rác thải cần phải giải quyết triệt để, trả lại không khí trong lành cho làng quê .  - Kêu gọi hành động: vì một quê hương tươi đẹp, vì sức khỏe cộng đồng, Mỗi người cần có ý thức bảo vệ môi trường sống từ những việc làm nhỏ nhất như thu gom, xử lý rác thải. |

**Đề 2: Trong học đường hiện nay, nhiều bạn học sinh vẫn còn học theo kiểu qua loa, đối phó. Hãy chỉ ra một vài biểu hiện và trình bày suy nghĩ của em.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | - Đối với mỗi người, việc học là vô cùng quan trọng: học để tiếp thu tri thức, để thắp sáng tương lai cho bản thân và cho đất nước.  - Một bộ phận không nhỏ người đi học không xác định đúng đắn của việc học nên đã học qua loa, đối phó mà học vẹt, học tủ là lối học tồn tại phổ biến nhất. |
| **2. Thân bài:** |  |
| - Giải thích | Học qua loa, đối phó là học không đến nơi đến chốn, không xem việc học là mục đích chính mà học mang tính hình thức, học cốt nhằm đối phó với cha mẹ, thầy cô hoặc chỉ để đi thi, hay học cho xong việc mà thôi. |
| - Biểu hiện/ Thực trạng | - Bề ngoài cũng có biểu hiện của việc học tập: Cũng đến trường , cũng ngồi học, cũng đi thi... nhưng không có hiệu quả thực sự.  - Biểu hiện tiêu biểu nhất của lối học này là học vẹt, học tủ.  + Học vẹt: học thụ động, học thuộc làu làu, đọc trôi chảy như con vẹt học nói nhưng không hiểu sâu, hiểu rõ bản chất vấn đề mình đang học, đang viết.  + Học tủ: học không toàn diện, chỉ tập trung học chuyên sâu, chọn một phần, một bài, một trường nào đó để mà học kỹ với mục đích đi thi, kiểm tra mà người học dự đoán hoặc linh cảm sẽ vào. |
| - Nguyên nhân | - Do nội dung chương trình học quá nặng; người học nặng vì điểm số, vì sự ép buộc và áp lực từ gia đình, từ nhà trường.  - Do người học chưa xác định đúng đắn mục đích của việc học nên còn lười biếng, trông chờ vào người khác hay sự may mắn trong thi cử.  - Do người học chưa tìm ra được phương pháp học tập có hiệu quả, chưa biết sắp xếp, chưa dành thời gian học tập hợp lý. |
| - Hậu quả | - Không nắm vững đầy đủ, toàn diện, có hệ thống, lô-gíc những kiến thức cơ bản, không hiểu được sâu sắc những vấn đề đã học, khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống hạn chế.  + Khi học vẹt: học trước sẽ quên sau do ghi nhớ bài học một cách máy móc, thụ động. Khi không bị hỏi vặn lại hay khi kiểm tra, không có câu hỏi suy luận, may mắn có thể đạt điểm cao. Nhưng hiện nay,hệ thống câu hỏi kiểm tra đánh giá được phân theo mức độ nhằm hướng tới phát triển năng lực của người học. Nếu không hiểu kỹ được bản chất của vấn đề sẽ khó có thể giải thích các vấn đề có liên quan, không thể linh hoạt vận dụng điều đã học vào thực hành.  + Khi học tủ: Nếu may mắn trúng tủ, sẽ làm bài tốt, kết quả đạt được như mong đợi, cha mẹ, thầy cô vui vẻ, hài lòng nhưng vẫn hổng kiến thức cơ bản. Nếu tủ lệch , bản thân người học hoang mang, mất bình tĩnh, mất hứng thú làm bài, bản thân cảm thấy mệt mỏi, chán nản, thậm chí nảy sinh hiện tượng quay cóp, thiếu trung thực trong kiểm tra, thi cử.  - Ảnh hưởng tới nhân cách và lối sống: tạo thói quen làm việc qua loa, đại khái, cẩu thả, giả dối, thiếu trung thực với cha mẹ, thầy cô, không thật với chính mình… |
| - Giải pháp | - Tri thức nhân loại ngày càng sâu rộng, biển học là vô bờ. Xã hội luôn cần và tôn trọng những người có kiến thức thực chất. Muốn vậy, mỗi người, đặc biệt là thế hệ trẻ, cần tích cực học tập để biến tri thức nhân loại thành tri thức của chính mình. Học đối phó chẳng bao giờ có kết quả như mong đợi.  - Cần xác định lại mục đích đúng đắn của việc học : học để có kiến thức phục vụ chính mình và đất nước ; thay đổi cách học,tìm ra phương pháp học phù hợp để đạt hiệu quả. |
| - Nhận thức và hành động của bản thân. | - Tích cực, chủ động, tự giác học tập, suy nghĩ tìm tòi sáng tạo trong học tập; tích cực vận dụng điều đã học vào thực hành. |
| **3. Kết bài:**  ( Khẳng định tính đúng đắn, tầm quan trọng của vấn đề). | Kêu gọi, nhắn nhủ người học từ bỏ lối học đối phó, học tủ, học vẹt. |

**Đề 3: Trong hàng loạt bài trên báo Tuổi trẻ Chủ nhật bàn về thế hệ gấu bông có đề cập hai hiện tượng:**

( Tài liệu: Nguyễn Nga- nhóm ngữ văn THCS)

1. Một cô bé mười lăm tuổi , được mẹ chở đi đánh cầu lông. Xe hai mẹ con bị va quẹt, đồ đạc trên xe văng tung toé. Người mẹ vội vàng gom nhặt, vài người đi đường cũng dừng lại phụ giúp còn cô bé thờ ơ đứng nhìn. Đợi mẹ nhặt xong mọi thứ, cô bé leo lên xe và thản nhiên dặn: "Lát về mẹ nhớ mua cho con ly chè!".

2. Một cậu học sinh khi được hỏi về ca sĩ mà cậu hâm mộ, cậu đã trả lời rất rành mạch về cách ăn mặc, sở thích của ca sĩ đó. Nhưng khi được hỏi về nghề nghiệp, sở thích của cha mẹ cậu, cậu ta ấp úng, không trả lời được.

**Em hãy gọi tên hiện tượng trên và trình bày suy nghĩ của em bằng một bài văn ngắn (trong khoảng 1,5 trang giấy thi).**

Định hướng làm bài:

- Sự việc hiện tượng đề bài yêu cầu nghị luận chưa được gọi tên rõ mà nằm ẩn sau một bài báo. Vì vậy cần đọc kỹ để xác định hai thông tin trong bài báo cùng nhắc đến sự vô tâm, vô cảm đang tồn tại khá phổ biến trong giới trẻ hiện nay với chính những người họ gần gũi, yêu thương nhất.

- Có thể triển khai bài viết theo các cách khác nhau nhưng phải gọi chính xác tên hiện tượng sau đó bàn về hiện tượng một cách thuyết phục.

- Có thể triển khai bài viết theo định hướng sau:

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | - Sự vô tâm, vô cảm của thế hệ gấu bông đã làm giật mình các bậc cha mẹ.  - Hiện tượng mà báo Tuổi trẻ Chủ nhật đã nêu là minh chứng tiêu biểu cho lối sống ấy. |
| **2. Thân bài:** |  |
| - Giải thích | Đó là dấu hiệu của sự thờ ơ, vô cảm, thiếu quan tâm tới những bậc sinh thành, chưa làm tròn bổn phận của đạo làm con và phẩm chất đạo đức con người. Hai hiện tượng trên là một lời cảnh tỉnh đối với những người làm con, nhất là giới trẻ hiện nay. |
| - Thực trạng | Nội dung bài báo đều nhắc đến sự vô tâm, vô cảm đáng lo lắng, báo động của thế hệ trẻ đối với những người thân yêu đã có công sinh thành, dưỡng dục: cha mẹ, ông bà, thầy cô giáo,... Hình ảnh một cô bé mười lăm tuổi thờ ơ khi nhìn thấy mẹ nhặt đồ rồi hồn nhiên nói: " Lát về mẹ nhớ mua cho con ly chè!" . Hay hình ảnh một cậu học sinh hiểu rất rõ về cách ăn mặc, về sở thích của ca sĩ cậu hâm mộ mà chẳng biết gì về sở thích, nghề nghiệp, tâm trạng hay suy nghĩ, lo toan của bố mẹ mình. Đây không phải là chuyện hiếm trong cuộc sống hiện đại của giới trẻ ngày nay. Hiện tượng này đã tạo nên sự phản cảm mạnh mẽ đối với cộng đồng và sự đau buồn với những bậc làm cha làm mẹ . |
| - Nguyên nhân | - Hiện nay, không ít bậc cha mẹ vì mải lo cuộc sống, lo làm giàu nên thiếu sự quan tâm, ít gần gũi với con; ít quan tâm đến hành vi, sở thích và việc hình thành nhân cách của con. Nhiều bậc cha mẹ phó thác toàn bộ việc giáo dục con cho nhà trường nên không thể phát hiện và điều chỉnh kịp thời những hành vi đạo đức sai lệch của con.  - Nhà trường và xã hội thiếu phương pháp, thiếu những hoạt động giáo dục cần thiết để rèn kỹ năng sống, rèn đạo đức, lối sống cho học sinh.  - Cuộc sống ngày nay dù hiện đại, văn minh nhưng cũng có nhiều những cám dỗ, ham muốn lôi kéo con người,nhất là tuổi trẻ khiến họ dễ quên đi những giá trị cội nguồn tốt đẹp, sống ích kỷ, chỉ biết quan tâm đến mình. |
| - Hậu quả | - Những người con ích kỷ,vô tâm với chính cha mẹ của mình hay với những người xung quanh, họ sẽ chẳng sống tốt được với người khác.  - Những biểu hiện trên là sự xói mòn về đạo đức,là biểu hiện của việc chạy theo những nét đẹp phù phiếm và hư ảo, bỏ quên những nét đẹp chân thật và những tình cảm thiêng liêng.  - Nếu không khắc phục được hiện tượng này, đạo đức xã hội càng ngày càng sa sút, sự vô tâm, vô tình,vô cảm ngày càng lây lan nhanh trở thành căn bệnh khó chữa. |
| - Giải pháp | - Bản thân mỗi người con: phải ý thức rõ về trách nhiệm của mình đối với gia đình và xã hội. Mỗi người cần thiết nhìn lại mình, thường xuyên kiểm điểm lại cách sống,cách cư xử của mình với người thân và những người xung quanh để điều chỉnh cho phù hợp. Từ đó, biết rèn luyện cách sống vị tha, đồng cảm, chia sẻ và sống có trách nhiệm, biết quan tâm tới những người thân yêu, gần gũi với mình từ những việc làm nhỏ nhất.  - Các bậc cha mẹ: cần quan tâm đến con cái, sống gần gũi với con nhiều hơn nữa để hiểu con, nhắc nhở, giáo dục con thường xuyên hoặc phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục con cái.  - Các cấp giáo dục: cần có nội dung, phương pháp giáo dục kỹ năng sống, giáo dục đạo đức cho tuổi trẻ, phát hiện và uốn nắn kịp thời những sai lệch trong các hành vi ứng xử thường ngày của học sinh.  - Tất cả chúng ta cần lên án mạnh mẽ lối sống thờ ơ, vô cảm, thiếu trách nhiệm, ích kỷ đang tồn tại trong cuộc sống. |
| - Nhận thức và hành động của bản thân. | - Luôn quan tâm, yêu thương người thân và đồng loại.  - Biết đấu tranh, phê phán sự thờ ơ, vô tâm. |
| **3. Kết bài:**  ( Khẳng định tính đúng đắn, tầm quan trọng của vấn đề). | - Hai hiện tượng trên đã đánh thức lương tâm của những ai đã từng mắc vào những lần vô tâm, vô cảm tương tự. Đó là hồi chuông cảnh tỉnh đối với thế hệ trẻ nói riêng và đối với tất cả những người làm con nói chung.  - Sống trong đời sống, mỗi người cần có một tấm lòng, một trái tim để biết quan tâm nhiều hơn, sống vị tha hơn với chính người mình gắn bó và yêu thương. |

**II. KIỂU BÀI NGHỊ LUẬN VỀ MỘT VẤN ĐỀ TƯ TƯỞNG, ĐẠO LÝ**

**1. Khái niệm:**

Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý: là bàn về một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống,... của con người.

**2. Một số chủ đề nghị luận về tư tưởng đạo lí thường gặp**

- Lòng biết ơn.

- Lòng nhân ái.

- Đoàn kết.

- Học hỏi.

- Giá trị của thời gian

- Kiên định ý chí.

- Lòng trung thực.

- Lý tưởng sống cao đẹp.

- Mối quan hệ giữa đức - tài.

**3. Yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý.**

- Về nội dung: phải làm sáng tỏ các vấn đề về tư tưởng, đạo lý bằng cách giải thích, chứng minh, so sánh, đối chiếu, phân tích… để chỉ ra chỗ đúng hay chỗ sai của một tư tưởng nào đó, nhằm khẳng định tư tưởng của người viết.

- Về hình thức: bài viết phải có bố cục ba phần, có luận điểm đúng đắn, mạch lạc; lời văn chính xác, sống động, lý lẽ phải sắc sảo, thuyết phục; những dẫn chứng minh họa phải chọn lọc, tiêu biểu, phong phú cả mặt tốt, mặt xấu, mặt đúng, mặt sai . Biết lập luận, xem xét vấn đề ở nhiều chiều, nhiều góc độ khác nhau (xưa - nay, lý thuyết - thực tiễn,...).

- Về mục đích: cần xác định được vấn đề tư tưởng, đạo lý ấy đúng - sai , phù hợp hoặc chưa phù hợp đồng thời phải hướng người đọc, người nghe đến nhận thức và hành động theo chuẩn mực tư tưởng, đạo lý đó.

- Về thái độ: người viết cần phải có thái độ, quan điểm lập trường rõ ràng khi nhìn nhận, xem xét, đánh giá một vấn đề thuộc tư tưởng, đạo lý, phải hiểu những chuẩn mực về tư tưởng, đạo đức của xã hội mà mọi người chấp nhận, biết liên hệ thực tế cuộc sống để xem xét, bàn bạc.

**3. Các bước làm bài**

**Bước 1: Tìm hiểu đề - tìm ý**

**a. Tìm hiểu đề**

- Nêu trực tiếp

- Nêu gián tiếp:

* Thông qua một câu tục ngữ ca dao
* Thông qua một câu chuyện
* Thông qua một tình huống
* Thông qua một nhận định.

**Chú ý:** Nếu nội dung nghị luận nêu gián tiếp học sinh phải sử dụng lập luận giải thích để rút ra chính xác vấn đề nghị luận.

Về yêu cầu nghị luận: mệnh lệnh yêu cầu nghị luận có thể: xuất hiện trực tiếp, không xuất hiện.

**Ghi nhớ thao tác phân tích đề:**

- Xác định nội dung nghị luận

1 Đề yêu cầu nghị luận vấn đề gì?

2 Vấn đề nghị luận được nêu trực tiếp hay gián tiếp?

3 Nếu gián tiếp thì vấn đề cần nghị luận ở đây là gì?

Xác định yêu cầu nghị luận

4 Mệnh lệnh trong đề là gì?

5 Không có mệnh lệnh thì sử dụng thao tác lập luận nào?

**b. Tìm ý**

Tùy từng đề nghị luận về một tư tưởng đạo lý cụ thể học sinh đặt câu hỏi sát hợp với vấn đề nghị luận. Tuy nhiên học sinh vẫn có thể vận dụng hệ thống câu hỏi khái quát sau:

1 Vấn đề nghị luận là gì? ( Quy ước: vấn đề nghị luận là Z)

2 Thế nào là Z hoặc Z là gì?

3 Biểu hiện của Z (có thể tìm theo trục thời gian: xưa - nay, hoặc không gian, vùng miền…)?

4 Tại sao? Vì sao lại có Z?

5 Làm thế nào để rèn luyện Z?

6 Z có ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng như thế nào trong cuộc sống, đối với mỗi người.

**Bước 2: Lập dàn bài**

**a. Mở bài:** Giới thiệu vấn đề tư tưởng, đạo lý để yêu cầu ( Trích câu danh ngôn, ca dao, tục ngữ hoặc tên câu chuyện…)

**b. Thân bài:**

- Hiểu bản chất tư tưởng, đạo lý cần bàn là gì (giải thích): làm rõ khái niệm, giải thích nghĩa đen, nghĩa bóng, nghĩa văn bản của từ ngữ, khái niệm; rút ra ý nghĩa khái quát.

- Nêu biểu hiện của vấn đề nghị luận.

- Bày tỏ thái độ:

+ Khẳng định tính đúng đắn của vấn đề, nêu vị trí vai trò và biểu hiện của tư tưởng đạo lí đó trong đời sống (lý lẽ và dẫn chứng).

+ Phê phán, bác bỏ những biểu hiện sai lệch liên quan đến vấn đề; lật lại vấn đề nghị luận để xem xét những mặt trái của nó (lí lẽ và dẫn chứng).

- Liên hệ bản thân rút ra bài học: tư vấn đề nghị luận, người viết rút ra được bài học gì về nhận thức và hành động cho bản thân.

**c. Kết bài:** Khẳng định lại ý nghĩa, tầm quan trọng của vấn đề vừa bàn: vấn đề đó có ý nghĩa như thế nào trong đời sống xã hội, liên hệ thực tế cuộc sống từ vấn đề vừa bàn rồi mở rộng vấn đề.

**Bước 3: viết bài**

- **Yêu cầu chung**

Về hình thức, bài viết phải có bố cục mạch lạc, có luận điểm rõ ràng, luận cứ xác thực, phép lập luận phù hợp, lời văn chính xác, sống động.

**Gợi ý viết đoạn:** Mở bài:

\*Trực tiếp (không dẫn dắt)

\* Gián tiếp (có dẫn dắt): có nhiều cách dẫn dắt khác nhau:

- **Cách 1: Đi đến chung đến riêng:**

+ Giới thiệu hiểu biết về tục ngữ → đến vấn đề nghị luận

***Ví dụ:*** Tục ngữ được coi là túi khôn nhân loại bởi tục ngữ chứa đựng kinh nghiệm quý báu của cha ông. Từ những trải nghiệm thấm thía từ đời này sang đời khác cha ông ta đã đúc kết những bài học về lao động sản xuất, lối sống ứng xử… đặc biệt là bài học đạo đức về lòng biết ơn. Là người Việt Nam không ai là người không biết đến câu tục ngữ "uống nước nhớ nguồn"

+ Giới thiệu về đề tài => vấn đề nghị luận

***Ví dụ:*** Ăn quả nhớ kẻ trồng cây là một truyền thống đạo lý quý báu của người Việt Nam. Truyền thống ấy được cha ông ta đúc kết và gửi gắm trong những câu ca dao, tục ngữ. Một trong những câu tục ngữ đó là "uống nước nhớ nguồn".

- **Cách 2: đi từ thực tế => đạo lý**

***Ví dụ:***

Tháng giêng là tháng ăn chơi

Tháng hai đình đám, tháng ba hội hè.

Câu ca dao gợi lên một tập tục của cha ông đó là những lễ hội truyền thống được tổ chức để tưởng nhớ các vị anh hùng dân tộc, những người có công với làng, với nước. Những lễ hội ấy đã phản ánh được nét đẹp trong đời sống tinh thần của người dân: lòng biết ơn.

**Bước 4: Đọc, kiểm tra, sửa lỗi**

Học sinh sửa lỗi chính tả, lỗi dùng từ, lỗi ngữ pháp.

Chú ý đến liên kết, mạch lạc giữa các câu trong đoạn văn và các đoạn văn trong văn bản.

**4. Điểm giống và khác nhau giữa nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống với nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý.**

- Giống nhau: đều là nghị luận về những vấn đề xã hội.

- Khác nhau: ở đề tài, cách thức và trình tự triển khai.

+ Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống: lấy sự việc và hiện tượng làm đối tượng nghị luận chính; trong khi nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý lấy tư tưởng, đạo lý làm đối tượng nghị luận chính.

+ Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đi từ sự việc, hiện tượng cụ thể trong đời sống mà nâng lên thành vấn đề tư tưởng, đạo lý; trong khi nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý thì từ vấn đề tư tưởng, đạo lý mà suy nghĩ về cuộc sống xã hội.

**5. Đề bài luyện tập:**

|  |
| --- |
| **Đề 1:** Viết một bài văn ( khoảng 02 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về tình yêu thương con người trong cuộc sống  **Đề 2:** Trong bài thơ Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa, Nguyễn Duy viết:  *Ta đi trọn kiếp con người*  *Cũng không đi hết mấy lời mẹ ru.*  Câu thơ trên gợi cho em suy nghĩ gì về tình mẫu tử?  **Đề 3:** Từ bài thơ ***“ Nói với con”*** - Y Phương, em hãy viết bài văn nghị luận về vai trò của gia đình.  **Đề 4:** Trong bài thơ ***“Con cò”*** nhà thơ Chế Lan Viên có viết:  *“Con dù lớn vẫn là con của mẹ,*  *Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con”*  Ý thơ gợi cho em những suy nghĩ gì về tình mẹ trong cuộc đời của mỗi con người.  **Đề 5:** Nhân vật Nhĩ trong truyện ngắn ***“Bến quê”*** (Nguyễn Minh Châu) vào những ngày cuối cùng của cuộc đời mình đã tìm thấy vẻ đẹp quê h­ương nơi bãi bồi bên kia sông ngay tr­ước của sổ nhà mình. Sự phát hiện đó của Nhĩ gợi cho em suy nghĩ gì về cái đẹp trong cuộc sống? |

***Hướng dẫn làm bài:***

**Đề 1: Viết một bài văn ( khoảng 02 trang giấy thi) trình bày suy nghĩ của em về tình yêu thương con người trong cuộc sống**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | - Tình yêu thương luôn cần thiết đối với con người.  - Tình yêu thương làm nên giá trị và ý nghĩa cuộc sống của mỗi chúng ta: "Sống trong đời sống cần có một tấm lòng" (Trịnh Công Sơn). |
| **2. Thân bài:** |  |
| - Giải thích | Yêu thương con người là tình cảm tốt đẹp nhất mà người ta dành cho nhau. Đó là tình yêu thương dành cho người thân, cho những người trong cộng đồng xã hội, nhất là những người kém may mắn. Đó là tình cảm chân thành xuất phát từ trái tim, bao gồm: sự quan tâm, sự sẻ chia, giúp đỡ, sự bao dung độ lượng, lòng vị tha, đức hi sinh…. |
| - Biểu hiện | - Yêu thương và trân trọng cuộc sống của chính bản thân mình.  - Yêu thương đối với những người thân trong gia đình.  - Yêu thương đối với con người và cuộc sống: chia sẻ nỗi đau đối với những mảnh đời bất hạnh, giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn... Cuộc sống, xã hội hôm nay luôn đầy ắp những việc làm, những nghĩa cử cao đẹp thể hiện sự vị tha, lòng nhân ái. Có tình yêu thương là nỗi đau da cam được xoa dịu, là có trái tim khỏe mạnh, có nụ cười hạnh phúc cho em thơ, có sẻ chia những giọt máu đào trao niềm hy vọng, là có cái tết ấm áp, sum vầy cho người nghèo...Cuộc sống ngập tràn tình yêu thương khiến người với người thân thiện, sống gần gũi, gắn bó, xích lại gần nhau, gia đình hạnh phúc, xã hội tốt đẹp, văn minh…  - Yêu thương con người phải là tình cảm chân thành, vô tư, không vụ lợi, phải thể hiện bằng việc làm tốt đẹp nhất để mang lại hạnh phúc cho người khác chứ không phải là lòng thương hại, sự bố thí,.. |
| - Vị trí, vai trò | Vị trí: tình yêu thương có vị trí quan trọng trong cuộc sống con người, cuộc sống có thể thiếu nhiều thứ nhưng không thể thiếu tình yêu thương:  - Tình yêu thương là cơ sở để xây đắp nên hạnh phúc của mỗi cá nhân, mỗi gia đình.  - Tình yêu thương là nền tảng làm nên đạo đức xã hội.  - Tình yêu thương có sức mạnh kỳ diệu: xoa dịu nỗi đau của con người, có sức cảm hóa cả những người từng sai đường lạc lối, xóa đi mọi mối hận thù, giúp con người có thêm sức mạnh đứng lên sau khi vấp ngã, sau mỗi lần thất bại… từ đó mà xây dựng một cuộc sống tốt đẹp hơn. |
| - Mở rộng | - Phê phán những biểu hiện tiêu cực, sống vô cảm, thờ ơ; chỉ ra mặt trái của cuộc sống không có tình yêu thương:  + Thiếu vắng tình yêu thương, cuộc sống trở nên vô nghĩa, con người sống với nhau lạnh lùng, vô cảm, M.Go-rơ-ki đã từng nói: " Nơi lạnh nhất không phải là Bắc cực mà là nơi thiếu vắng tình thương". Thiếu vắng tình yêu thương là bạo lực gia đình, bạo lực học đường, những vụ án đẫm máu xảy ra. Mọi cái ác,cái xấu trong xã hội đều có nguyên nhân sâu xa từ sự thiếu vắng tình yêu thương.  - Phê phán những biểu hiện thờ ơ, vô cảm, sống không có tình yêu thương:  + Sống lạnh lùng, vô cảm, không biết yêu thương, trân trọng cuộc sống của bản thân, con người.  + Đối xử lạnh lùng, tàn nhẫn, vô ơn với chính những người thân yêu của mình: ông bà, cha mẹ, thầy cô…  + Không biết chia sẻ với nỗi đau của đồng loại, thậm chí gây ra nỗi đau cho đồng loại…  Đó là những biểu hiện cần lên án, loại bỏ khỏi cuộc sống xã hội. |
| - Bài học nhận thức và hành động. | - Tu dưỡng bản thân, bồi đắp tâm hồn về cách nghĩ, cách sống, cách ứng xử với bản thân, với gia đình và với người khác bằng trái tim biết yêu thương.  - Biết hành động thể hiện tình yêu thương con người bằng những việc làm cụ thể thiết thực mang lại những điều tốt đẹp nhất cho bản thân, gia đình và xã hội; chung tay xây dựng một cuộc sống tràn đầy tình yêu thương. |
| **3. Kết bài:**  ( Khẳng định vấn đề). | Yêu thương và được yêu thương là niềm hạnh phúc lớn nhất trong cuộc sống mỗi người. Vậy phải làm sao để mỗi ngày chúng ta đều được sống trong tình yêu thương và biết mang yêu thương đến cho mọi người? Câu trả lời nằm ở chính mỗi chúng ta. |

**Đề 2: trong bài thơ Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa, Nguyễn Duy viết:**

Ta đi trọn kiếp con người

Cũng không đi hết mấy lời mẹ ru.

**Câu thơ trên gợi cho em suy nghĩ gì về tình mẫu tử?**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | - Tình mẫu tử là một trong những tình cảm thiêng liêng nhất của con người. Kể làm sao hết những yêu thương mà mẹ dành cho con và cũng kể làm sao hết lòng biết ơn vô hạn của những đứa con dành cho mẹ kính yêu.  - Người ta nhận ra tình mẫu tử không phải ở những gì to tát, mà đôi khi, chỉ những điều giản dị cũng vỡ lẽ ra bao điều thiêng liêng. Có khi chỉ là mấy lời mẹ ru:  Ta đi trọn kiếp con người  Cũng không đi hết mấy lời mẹ ru.  ( Ngồi buồn nhớ mẹ ta xưa, Nguyễn Duy) |
| **2. Thân bài:** |  |
| - Giải thích | \* Phân tích và lý giải ý nghĩa hai câu thơ:  Lời suy ngẫm của Nguyễn Duy về mẹ, về tình mẹ khi nhà thơ đứng trước hương án thờ mẹ.  - "Mấy lời mẹ ru" : Lời ru không chỉ là lời ca và giai điệu ngọt ngào, êm ái để dỗ dành con thơ ngủ ngoan mà còn là sự thể hiện tâm hồn, tấm lòng người hát ru. tiếng ru của mẹ là tình yêu vô bờ mẹ dành cho con; là ước mong về những điều tốt đẹp nhất cho con; là lời gửi gắm tâm tình chứa đựng trải nghiệm, sự hiểu biết của người mẹ về cuộc đời, là khát vọng truyền thụ hiểu biết, kinh nghiệm của mẹ cho con về lẽ sống, về đạo làm người...Nó chứa đựng trong đó cả một thế giới tinh thần mà người mẹ có được và muốn xây dựng cho con.  - Cách nói "đi trọn kiếp... cũng không hết…" khẳng định tình mẹ là vô cùng thiêng liêng cao cả và bất tử, là vô tận, con không thể cảm nhận hết, không thể hiểu biết hết, không thể đáp đền hết, sống hết những gì mẹ đã chuẩn bị cho con qua lời ru ấy.  Như vậy, hai câu thơ là lời tri ân của người con với mẹ, là lời ngợi ca về tình mẫu tử mà mẹ dành cho con. Hai câu thơ giản dị mà thấm thía đủ để mỗi người con lắng lòng mình lại ngẫm nghĩ, suy tư về mẹ, về tình mẫu tử bền chặt, sắt son.  \* Suy nghĩ về tình mẫu tử: Tình mẫu tử là tình mẹ con, là những thương yêu, đùm bọc, che chở... mà người mẹ dành cho con. Trong đời sống con người có nhiều thứ tình cảm cao đẹp như tình cảm đối với ông bà, anh chị em, tình bạn, tình yêu nước,... nhưng tình mẫu tử vẫn có vị trí đặc biệt, thiêng liêng và máu thịt nhất. |
| - Vị trí, vai trò | Khẳng định tình mẫu tử là tình cảm thiêng liêng nhất, có sức mạnh diệu kỳ nhất trong cuộc đời mỗi người:  - Trong mọi thứ tình cảm thì tình mẫu tử là cao quý và thiêng liêng nhất. Từ xưa đến nay,nhân loại đã và sẽ mãi mãi ca tụng về tình mẫu tử vì nó chứa đựng trong đó là lòng vị tha, đức hi sinh và tình yêu thương không giới hạn. Mẹ là dòng suối mát lành, là bóng mây che mát, là món quà lớn nhất mà tạo hóa ban tặng cho ta. Tình mẹ là điều không thể đo đếm. Có mẹ, con có cả bầu trời yêu thương; mất mẹ là nỗi đau, là mất mát lớn nhất trong đời con.  - Tình mẫu tử là môi trường tốt nhất cho sự phát triển của tâm hồn và trí tuệ của đứa con.  - Tình mẫu tử là cái gốc thiện, nguồn nuôi dưỡng lương tri, nhân phẩm của con người trong cuộc đời; có ý nghĩa với con người khi đứng trước bờ vực của lầm lỡ và tội ác.  - Tình mẫu tử là nơi khởi đầu và cũng là trốn tìm về sau cuối của mỗi người trong cuộc sống vốn đầy thử thách, là điểm tựa cho lòng tin, sức mạnh để mỗi người vượt qua khó khăn, tìm thấy niềm hạnh phúc. |
| - Mở rộng( bày tỏ thái độ) | Phê phán những biểu hiện vi phạm tình mẫu tử:  - Không ít người con chà đạp lên tình mẫu tử: con vô tâm, bất hiếu với mẹ, chỉ biết sống đòi hỏi, lãng quên trách nhiệm và bổn phận làm con, không biết quan tâm, chăm sóc mẹ già khi ốm đau…  - Vẫn tồn tại hiện tượng cần phê phán về những người mẹ ích kỷ, độc ác bỏ rơi con con, không chăm sóc, thậm chí lợi dụng con để trục lợi bất chính… |
| - Bài học nhận thức và hành động. | - Biết yêu thương, kính trọng và hiếu thảo với mẹ là bổn phận của đạo làm con.  - Biết trân trọng những giây phút còn có mẹ trên đời, biết thể hiện lòng hiếu thảo ngay khi còn có thể.  - Tu dưỡng bản thân, bồi đắp tâm hồn lẽ sống để sống có ích, đền đáp công sinh thành, dưỡng dục mà mẹ đã dành cho ta. |
| **3. Kết bài:**  ( Khẳng định vấn đề). | - Hai câu thơ của Nguyễn Duy gợi ra trong lòng mỗi người con những cảm xúc, suy tư sâu sắc về tình mẹ trong cuộc đời mỗi người.  - Vì vậy, mỗi người không chỉ đón nhận và trải nghiệm mà phải tự điều chỉnh bản thân để góp phần làm tỏa sáng giá trị thiêng liêng, vĩnh hằng của tình mẫu tử. |

**Đề 3:** Từ bài thơ ***“ Nói với con”*** - Y Phương, em hãy viết bài văn nghị luận về vai trò của gia đình.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | Gia đình – hai tiếng quen thuộc gần gũi mà thân thương đến nao lòng. Người sung sướng nhất là người có được một gia đình hạnh phúc. Có thể thấy, gia đình có vai trò vô cùng quan trọng trong cuộc sống của con người. Gia đình hạnh phúc chính là mục đích cao đẹp nhất mà con khát khao có được. |
| **2. Thân bài:** |  |
| - Giải thích | Gia đình là gì?  + Đó là tế bào của xã hội, là tổng hợp các mối quan hệ, ứng xử, giá trị nhân cách, tình cảm, đạo đức, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cộng đồng, dân tộc.  + Trong gia đình, mọi người có quan hệ về huyết thống và các quan hệ đặc biệt khác, thường có cùng quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ. |
| - Vị trí, vai trò | Gia đình có ý nghĩa và vai trò vô cùng đặc biệt với cuộc đời mỗi con người.  - Gia đình là mái ấm, là nơi ta được sinh ra, được sống và trưởng thành.  + Gia đình chính là cội nguồn sinh dưỡng và hạnh phúc đầu tiên của con người. Chính tại mái ấm này, với tình yêu của cha và mẹ, ta đã được góp mặt trong cuộc đời này  + Gia đình là không gian sống thân thuộc trong cuộc đời mỗi con người. Chính tại nơi đây, ta đã chập chững những bước đầu tiên, cất tiếng nói đầu tiên trong hp vô bờ của cha mẹ, người thân.  + Là nơi ta được sống trong tình yêu thương, sự chở che, đùm bọc. Ta vô tư nhận tình yêu thương của ông bà, cha mẹ, anh em mà không mảy may suy nghĩ.  + Và gia đình cũng là nơi ta sẵn lòng cho đi mà không cần nhận lại. Ở đó có biết bao tình cảm trong sáng, đẹp đẽ mà những người thân đã dành cho nhau. Khi đó ta thấy thật sự sung sướng, bình yên và hạnh phúc.  - Gia đình là điểm tựa, là chỗ dựa vững chắc, là bến đỗ bình yên nhất trong cuộc đời con người.  + Cuộc sống không phải lúc nào cũng suôn sẻ, may mắn mà con đường cuộc đời biết bào gian nan, thử thách. Trên con đường ấy, có lúc ta vấp ngã, thất bại, có lúc ta cũng nản lòng, nhụt chí, những khi đó bên cạnh ta luôn có ông bà, cha mẹ người thân. Tất cả mọi người đều động viên an ủi ta là ta vững tâm, bền chí.  + Thậm chí nếu ta sa ngã trở thành kẻ xấu, kẻ ác, thành tội nhân bị xã hội, người đời xa lánh khinh bỉ thì gia đình vẫn luôn giang rộng vòng tay đón họ trở về và tin rằng tình cảm gia đình sẽ tạo nên sức mạnh cảm hóa được những đứa con lầm đường lạc lối ấy. Có thể tin rằng, không nơi nào ngoài gia đình luôn bao dung, chở che, đùm bọc, đón nhận ta trong những tình huống nghiệt ngã như vậy của cuộc đời. Ơ – ri – pít, nhà viết kịch Hi lạp thời cổ đại đã từng khẳng định: “Duy chỉ có gia đình, c/n ta mới tìm được chốn nương thân để chống lại những tai ương của số phận”.  (Dẫn chứng: Anh Nhĩ trong “Bến quê”, Chí Phèo khao khát hạnh phúc bình dị: chồng kéo lưới, vợ dệt vải, Vũ Nương "chỉ mong có thú vui nghi gia nghi thất”…)  - Gia đình là cái nôi, là cơ sở, nền tảng bồi dưỡng và hình thành nhân cách cao đẹp cho c/n.  + Gia đình chính là ngôi trường đầu tiên, là môi trường gần gũi có ảnh hưởng lớn nhất đến sự hình thành và phát triển nhân cách con người. Từ mái ấm gia đình ta dần khôn lớn trưởng thành cả về thể xác và tâm hồn, lối sống về đạo đức làm người.  + Trong nếp sống của người Á Đông, gia đình có vai trò rất lớn trong việc bồi dưỡng tâm hồn và giáo dục nhân cách con người. |
| - Mở rộng | - Mái ấm gia đình vô cùng quý giá và quan trọng đối với mỗi người, nhất là đối với trẻ em; hạnh nhất. Trong môi trường gia đình hạnh phúc, con cái có điều kiện được chăm sóc, bảo ban, dạy dỗ và phát triển theo đúng hướng tích cực.  - Ngược lại một gia đình không hòa thuận, bố mẹ thường cãi vã thì ảnh hưởng rất xấu đến con cái. Có những đứa trẻ lớn lên trong thù hận, trong mặc cảm, tự ti và lớn lên có thể trở thành kẻ ác, kẻ xấu, kẻ phản bội, đánh mất nhân cách của bản thân, làm xấu hổ cả dòng họ.  - Gia đình tan vỡ, trẻ em sẽ là những nạn nhân thiệt thòi, bất hạnh.  - Phê phán những người chưa biết trận trọng hạnh phúc gia đình mà mình có. |
| - Bài học nhận thức và hành động. | - Người lớn cần có trách nhiệm bảo vệ và giữ gìn mái ấm gia đình, không nên vì bất cứ lí do gì mà làm tổn thương đến những tình cảm tự nhiên, trong sáng của con trẻ.  - Trẻ em cần phải biết vâng lời, làm vui lòng ông bà, cha mẹ… |
| **3. Kết bài:**  ( Khẳng định vấn đề). | Khẳng định vai trò của gia đình với con người: Gia đình chính là nguồn vui, nguồn yêu thương, là mái ấm chở che cho mỗi cuộc đời, là cái nôi vững chắc để đào tạo con người trưởng thành. |

**Đề 4:** Trong bài thơ **“Con cò”** nhà thơ Chế Lan Viên có viết:

*“Con dù lớn vẫn là con của mẹ,*

*Đi hết đời, lòng mẹ vẫn theo con”*

Ý thơ gợi cho em những suy nghĩ gì về tình mẹ trong cuộc đời của mỗi con người.

\* Để làm đ­ợc đề bài này, học sinh cần xác định đúng các yêu cầu sau:

- Kiểu bài: Nghị luận xã hội (nghị luận về một vấn đề t­ư t­ởng đạo lí)

- Nội dung nghị luận: Vẻ đẹp (ý nghĩa) của tình mẹ trong cuộc đời mỗi con ng­ười.

- Phạm vi tư­ liệu: Những hiểu biết và suy nghĩ của cá nhân về tình mẹ trong cuộc sống của mỗi người.

- Các nội dung cần viết:

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | - Dẫn dắt vào bài bằng các tình cảm cao quý trong cuộc sống của mỗi người: tình cảm gia đình, tình anh em, tình cảm bạn bè, tình yêu quê hương, đất nước…  - Nhấn mạnh tình mẫu tử là tình cảm có vị trí đặc biệt quan trọng. |
| **2. Thân bài:** |  |
| - Giải thích | Giải thích qua ý thơ của tác giả Chế Lan Viên (ý phụ): Dựa trên nội dung bài thơ “Con cò”, đặc biệt là hai câu thơ mang ý nghĩa triết lí sâu sắc khẳng định tình mẹ bao la, bất diệt. Tr­ớc mẹ kính yêu, con dù có khôn lớn tr­ởng thành nh­ thế nào đi chăng nữa thì vẫn là con bé nhỏ của mẹ, rất cần và luôn đ­ợc mẹ yêu th­ơng, che chở suốt đời. |
| - Vị trí, vai trò | Khẳng định vai trò của mẹ trong cuộc sống của mỗi người (ý chính): Mẹ là người sinh ra ta trên đời, mẹ nuôi nấng, chăm sóc, dạy dỗ chúng ta. Mẹ mang đến cho con biết bao điều tuyệt vời nhất: nguồn sữa trong mát, câu hát thiết tha, những nâng đỡ, chở che, những yêu th­ơng vỗ về, mẹ là bến đỗ bình yên của cuộc đời con, là niềm tin, là sức mạnh nâng b­ớc chân con trên đ­ờng đời,… Công lao của mẹ nh­ n­ớc trong nguồn, n­ớc biển Đông vô tận. (Dẫn chứng cụ thể) |
| - Mở rộng( bày tỏ thái độ) | - Liên hệ, mở rông đến những tình cảm gia đình khác: tình cha con, tình cảm của ông bà và các cháu, tình cảm anh chị em để khẳng định đó là những tình cảm bền vững trong đời sống tinh thần của mỗi người. Vì vậy mỗi chúng ta cần gìn giữ và nâng niu. Tình cảm gia đình bền vững cũng là cội nguồn sức mạnh dựng xây một xã hội bền vững, đẹp t­ơi.  - Phê phán những biểu hiện, những thái độ, hành vi ch­a đúng với đạo lí làm con của một số người trong cuộc sống hiện nay: cãi lại cha mẹ, ham chơi, làm những việc vi phạm pháp luật để mẹ lo lắng, đau lòng… Có thể phê phán tới cả những hiện t­ợng mẹ ruồng rẫy, vất bỏ con, ch­a làm tròn trách nhiệm của người cha, người mẹ… |
| - Bài học nhận thức và hành động. | Mỗi chúng ta cần phải làm gì để đền đáp công ơn của mẹ? Cuộc đời mẹ không gì vui hơn khi thấy con mình mạnh khoẻ, chăm ngoan, giỏi giang và hiếu thảo. Mỗi chúng ta cần rèn luyện, học tập và chăm ngoan để mẹ vui lòng: vâng lời, chăm chỉ, siêng năng, học giỏi, biết giúp đỡ cha mẹ…(Có dẫn chứng minh hoạ). |
| **3. Kết bài:**  ( Khẳng định vấn đề). | Tình mẫu tử là thứ tình cảm thiêng liêng, cao quý nhất đối với mỗi người. Cần trân trọng tình cảm ấy, sống làm sao cho thật xứng đáng với công ơn sinh thành và dưỡng dục của cha mẹ. Như lời Phật răn dạy “Ai còn mẹ xin đừng làm mẹ khóc – đừng để buồn lên mắt mẹ nghe không”. |

**Đề 5:** Nhân vật Nhĩ trong truyện ngắn **“Bến quê”** (Nguyễn Minh Châu) vào những ngày cuối cùng của cuộc đời mình đã tìm thấy vẻ đẹp quê h­ương nơi bãi bồi bên kia sông ngay tr­ước của sổ nhà mình. Sự phát hiện đó của Nhĩ gợi cho em suy nghĩ gì về cái đẹp trong cuộc sống?

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài:**  ( Dẫn dắt, giới thiệu vấn đề) | Có những người đến cuối cuộc đời mới tìm thấy ý nghĩa của cuộc sống nằm ngay trong những điều giản dị, gần gũi quanh mình. Như nhân vật Nhĩ trong truyện ngắn “Bến quê” (Nguyễn Minh Châu) vào những ngày cuối cùng của cuộc đời mình đã tìm thấy vẻ đẹp quê h­ương nơi bãi bồi bên kia sông ngay tr­ước của sổ nhà mình. |
| **2. Thân bài:** |  |
| - Giải thích | + Phân tích đ­ược tâm trạng của nhân vật Nhĩ trong những ngày cuối đời khi phát hiện ra bãi bồi bên kia sông, ngay tr­ước của sổ nhà mình. Nhĩ tr­ước đó từng đi khắp mọi nơi trên trái đất nh­ưng về cuối đời anh mắc bệnh trọng nằm liệt gi­ường mọi hoạt động của anh đều phải nhờ vào ngư­ời thân. Chính lúc này anh mới nhận ra vẻ đẹp của những cánh hoa bằng lăng, của mặt sông Hồng màu đỏ nhạt, một dải đất bồi dấp dính phù sa, của những sắc màu thân thuộc nh­ư da thịt, nh­ư hơi thở thân thuộc. Đó là những phát hiện vừa mới mẻ, vừa muộn màng gửi gắm tâm trạng của một con người nặng trĩu những từng trải, đau thương: yêu quê hương như­ng một đời phải li h­ương, th­ường hờ hững và mắc vào những điều vòng vèo, chùng chình nên bây giờ cảm thấy tiếc nuối, xa xôi. Qua đó nhà văn Nguyễn Minh Châu muốn gửi đến mọi người một thông điệp: Cái đẹp thật gần gũi, cái đẹp nằm ngay trong những điều giản dị, tiêu sơ của cuộc đời mà mỗi người vì sự thờ ơ có thể lãng quên. |
| - Vị trí, vai trò | + Khẳng định cái đẹp nằm trong những điều giản dị, gần gũi: cái đẹp trong lời ăn tiếng nói, trong trang phục giản dị hợp người hợp cảnh, trong gia đình với ngôi nhà sạch sẽ gọn gàng, trong cách trang trí nhẹ nhàng thanh thoát không một chút cầu kì, phô tr­ơng; cái đẹp trong một buổi sớm mai trên con đ­ờng quen thuộc từ nhà đến tr­ờng, trong những bông hoa dại ven đ­ờng mong manh bé nhỏ; cái đẹp trong những cử chỉ thân mật gắn bó giữa bạn bè…  + Con người cần phải tự ý thức để nhận ra và trân trọng những giá trị và vẻ đẹp bình dị, đích thực của cuộc sống. Trư­ớc hết mỗi người phải biết yêu cái đẹp, trân trọng và nâng niu vẻ đẹp trong cuộc đời. Mỗi người phải biết tạo ra cái đẹp cho mình và cho mọi người để tô điểm cho cái đẹp của cuộc sống quanh ta. Có thể liên hệ tới những câu nói “Ăn cho mình mặc cho người” hoặc “Không có người phụ nữ náo xấu, chỉ có những người phụ nữ không biết làm đẹp mà thôi” |
| - Mở rộng( bày tỏ thái độ) | + Phê phán những quan niệm sai lầm về cái đẹp của nhiều người trong cuộc sống hiện nay: đẹp là phải ăn mặc sành điệu, đúng mốt hợp thời trang, đẹp là phải sống trong ngôi nhà cao tầng trang trí cầu kì sang trọng trong khi chủ nhân của những trang phục, ngôi nhà đó sống ch­a đẹp; đẹp là phải đi đến những nơi xa lạ, những nơi có danh lam thắng cảnh trong khi ng­ười khách du lịch ấy ch­ưa nhận thức đúng đắn về việc giữ gìn môi tr­ờng xung quanh, xem th­ường những nơi từng gắn bó, thân quen từ tr­ước…  + Từ đó biết làm đẹp cho mình một cách phù hợp, làm đẹp cho quê h­ương, cho cuộc đời chung, biết trân trọng những giá trị đích thực, giản dị và bền vững của cuộc đời. |
| - Bài học nhận thức và hành động. | - Trân trọng những điều giản dị mà có ý nghĩa quanh mình.  - Luôn tìm kiếm niềm vui, hạnh phúc từ cuộc sống, người thân, đừng để bản thân phải nuối tiếc khi không biết trân trọng những điều giản dị ấy. |
| **3. Kết bài:**  ( Khẳng định vấn đề). | “Còn gì đẹp trên đời hơn thế  Người với người sống để yêu nhau.”  (Tố Hữu)  Yêu th­ương, đoàn kết, giúp đỡ nhau trong cuộc sống cũng là một cách sống đẹp. |

**CHUYÊN ĐỀ 2: BÀI VĂN NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**Những lưu ý chung:**

**\* Phân loại:** Kiểu bài văn nghị luận về một tác phẩm văn học được chia làm hai loại nhỏ: nghị luận về tác phẩm truyện( đoạn trích) và nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ.

**2. Thao tác khi làm bài:**

- ***Bước 1:*** Nắm chắc nội dung toàn tác phẩm: Tác phẩm này do ai sáng tác? Trong hoàn cảnh nào? Đề tài và chủ đề của tác phẩm? Tóm tắt nội dung (đối với tác phẩm văn xuôi)? Bố cục, nội dung, chi tiết nghệ thuật(đối với tác phẩm thơ). - ***Bước 2:*** trước một đề bài cần xem xét các dạng đề đối với tác phẩm đó (dạng đề ở đây được hiểu là về thể loại và nội dung)  
VD: Với tác phẩm Lão Hạc chúng ta có thể gắt gặp các dạng đề nghị luận về: các nhân vật trong tác phẩm (Lão Hạc), giá trị hiện thực và nhân đạo trong tác phẩm, nghệ thuật miêu tả tâm lý và khắc họa nhân vật, nghệ thuật xây dựng tình huống truyện...Ở mỗi dạng đề cần ddingj hướng được những ý chính.  
- ***Bước 3:*** Lập dàn bài chi tiết cho từng dạng đề ở mỗi tác phẩm  
- ***Bước 4:*** Viết bài và sửa chữa

**\* Cách triển khai bố cục bài văn:**

- ***Đối với phần mở bài:*** Hãy viết phần mở bài theo nhiều cách khác nhau. (Đi từ khái quát đến cụ thể, nêu trực tiếp những suy nghĩ của người viết hoặc nói cách khác là mở bài gián tiếp, mở bài trực tiếp. Trong mở bài gián tiếp chọn viết theo phương pháp diễn dịch, quy nạp, tương đồng, tương phản.) Việc này sẽ giúp học sinh nhớ lại kiến thức về những cách mở bài đã được giới thiệu trong phần hướng dẫn trước đó để vận dụng vào thực hành viết đoạn mở bài tốt hơn.

- ***Đối với phần thân bài:*** Phần thân bài bao gồm nhiều đoạn. Ở phần này học sinh thường gặp các vấn đề chính cần giải quyết: giải thích, phân tích, chứng minh, bình luận. Ngoài ra còn có thể liên hệ với bản thân, liên hệ vào thực tiễn cuộc sống, quan niệm, điểm nhìn của tác giả… Yêu cầu viết một đoạn phần thân bài có thể cụ thể bằng hệ thống câu hỏi sau:

+ Viết đoạn văn giải thích/ phân tích/ chứng minh/ bình luận…

+ Viết đoạn văn theo lối quy nạp, diễn dịch, song hành, tổng phân hợp…

- ***Đối với phần kết bài:*** Yêu cầu viết đoạn kết bài theo phương pháp diễn dịch/ quy nạp/ song hành....

**I. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM TRUYỆN (ĐOẠN TRÍCH)**

**1. Khái niệm**

Nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích) là người viết trình bày những hiểu biết, nhận xét, đánh giá của mình về nhân vật, sự kiện,chủ đề hay nghệ thuật của tác phẩm truyện hoặc đoạn trích cụ thể.

**2. Yêu cầu chung của kiểu bài nghị luận về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích)**

- Những lời nhận xét, đánh giá về truyện phải xuất phát từ ý nghĩa cốt truyện, từ tính cách, số phận nhân vật hay nghệ thuật kể chuyện trong tác phẩm.

- Bài viết phải có bố cục mạch lạc, hệ thống luận điểm, luận cứ và lập luận thuyết phục; lời văn chuẩn xác, gợi cảm; giữa các phần, các đoạn có sự liên kết tự nhiên.

- Đối tượng nghị luận của tác phẩm truyện (đoạn trích) rất phong phú: nhân vật, nhan đề truyện, một chi tiết truyện, phương diện nội dung, nghệ thuật kể chuyện... Vì vậy, khi làm bài cần căn cứ vào đối tượng đề yêu cầu để có những nhận xét, đánh giá phù hợp.

**3. Hướng dẫn cách làm:**

a. Mở bài : giới thiệu tác giả, tác phẩm và nêu ý kiến đánh giá sơ bộ của mình.

b. Thân bài: nêu các luận điểm chính về nội dung và nghệ thuật của tác phẩm, có phân tích, chứng minh bằng các luận cứ tiêu biểu và xác thực.

c. Kết bài: nêu nhận định, đánh giá chung của mình về tác phẩm truyện (hoặc đoạn trích).

**4. Một số dạng bài nghị luận về tác phẩm truyện thường gặp**

***a. Dạng 1:*** ***Nghị luận về nhân vật trong truyện:***

- Đề bài thường yêu cầu: phân tích, cảm nhận, suy nghĩ hoặc ấn tượng sâu sắc… về một nhân vật hoặc một vẻ đẹp nào đó của nhân vật trong tác phẩm truyện.

- Bố cục:

+ Mở bài: giới thiệu tác giả ( tên tuổi, vị trí, đặc điểm riêng trong sáng tác); giới thiệu tác phẩm truyện (hoàn cảnh sáng tác, chủ đề); nhân vật cần nghị luận ( đặc điểm nhân vật và ấn tượng khái quát nhất của người viết về nhân vật đó).

+ Thân bài: lần lượt trình bày những nhận xét, phân tích, đánh giá về từng khía cạnh của nhân vật do tác phẩm gợi ra ( mỗi khía cạnh của nhân vật hình thành một luận điểm riêng; các luận điểm trình bày có hệ thống, lô-gíc, giữa các luận điểm có thể có quan hệ tương phản hoặc quan hệ bổ sung…). Làm rõ các đặc điểm, khía cạnh về nhân vật bằng các chi tiết về lai lịch, ngoại hình, lời nói, hành động, suy nghĩ… của nhân vật hoặc có thể của nhân vật khác nhận xét về nhân vật.

+ Kết bài: Đánh giá chung về nghệ thuật xây dựng nhân vật (nhân vật được xây dựng theo bút pháp gì? Nhà văn sử dụng thành công các biện pháp nghệ thuật nào khi xây dựng nhân vật?), ý nghĩa của nhân vật trong việc thể hiện chủ đề tác phẩm (Nhân vật tiêu biểu cho loại người nào? Qua nhân vật nhà văn thể hiện thái độ gì đối với cuộc sống?...). Có thể liên hệ, nêu bài học rút ra từ nhân vật.

***b. Dạng 2:*** ***Nghị luận về giá trị nhân đạo của tác phẩm truyện***

Cần nêu được các ý cơ bản sau:

- Mở bài: giới thiệu tác giả, tác phẩm, nhận xét khái quát về giá trị nhân đạo của tác phẩm.

- Thân bài:

+ Nêu khái niệm về giá trị nhân đạo của một tác phẩm văn học.

+ Phân tích những biểu hiện của giá trị nhân đạo trong tác phẩm: tố cáo thế lực xấu xa đã chà đạp lên quyền sống chính đáng của con người, thông cảm bênh vực trước nỗi đau khổ của con người, trân trọng ngợi ca những giá trị tốt đẹp của con người….

- Kết bài:

+ Đánh giá khái quát về giá trị nhân đạo của tác phẩm. Khẳng định những điểm mới của tác giả khi thể hiện cảm hứng nhân đạo so với các tác phẩm cùng đề tài.

+ Có thể nêu những suy ngẫm, những bài học của bản thân được rút ra từ vấn đề nghị luận.

***c. Dạng 3: Nghị luận về ý nghĩa của chi tiết trong tác phẩm truyện***

- Phạm vi: những chi tiết được chọn để nghị luận thường là chi tiết giàu ý nghĩa, có vai trò quan trọng trong việc phát triển cốt truyện hoặc làm nổi bật tư tưởng, chủ đề, tính cách nhân… của tác phẩm truyện.

Ví dụ: Một trong những thành công làm nên sức hấp dẫn của Chuyện người con gái Nam Xương so với truyện cổ tích Vợ chàng Trương là sự sắp đặt tài tình chi tiết nghệ thuật chiếc bóng.

Trình bày hiểu biết của em về chi tiết nghệ thuật đó.

Bố cục: gồm ba phần:

- Mở bài: giới thiệu ngắn gọn tác giả, tác phẩm truyện, chi tiết nghệ thuật cần nghị luận và đánh giá khái quát của người viết về chi tiết đó.

- Thân bài: có thể làm rõ các ý sau:

+ Tái hiện chi tiết truyện,nêu rõ vị trí của chi tiết nghệ thuật đó trong việc thể hiện tính cách nhân vật, chủ đề tác phẩm.

+ Tính chất của chi tiết nghệ thuật: thuộc loại chi tiết thần kỳ, chi tiết tả thực, hoặc biểu tượng ẩn dụ…

+ Phân tích, làm rõ ý nghĩa của chi tiết đó trong việc hình thành cốt truyện, thể hiện tính cách nhân vật, chủ đề tác phẩm, cá tính sáng tạo của nhà văn.

- Kết bài:

+ Đánh giá, mở rộng nâng cao giá trị, ý nghĩa của chi tiết nghệ thuật: từ chi tiết nhận xét về quan niệm thẩm mĩ, phong cách nghệ thuật của nhà văn, đóng góp làm phong phú thêm kho tàng chất liệu văn học như thế nào?...

+ Bài học rút ra hoặc thông điệp tác giả gửi nhắn qua chi tiết nghệ thuật đó.

***d. Dạng 4:*** ***Dạng đề so sánh trong tác phẩm truyện:***

\* Đặc điểm và yêu cầu:

- Đề bài thường yêu cầu: cảm nhận, suy nghĩ, ấn tượng sâu sắc hoặc phân tích trong thế đối sánh, vẻ đẹp riêng… về hai ( ba…) nhân vật của một hoặc vài tác phẩm truyện, về cảm hứng nhân đạo, về sự thống nhất và chuyển biến trong phong cách nghệ thuật của nhà văn, hoặc một hình ảnh, chi tiết đặc sắc của hai hay nhiều tác phẩm truyện.

Ví dụ: Các nữ nhân vật trong Những ngôi sao xa xôi của nhà văn Lê Minh Khuê có những phẩm chất chung gì và có những nét gì là cá tính riêng của mỗi người? Hãy làm sáng tỏ nét chung, nét riêng đó thông qua tác phẩm trên.

- Yêu cầu về thao tác nghị luận: vận dụng tổng hợp các thao tác phân tích, so sánh, giải thích, chứng minh…

\* Bố cục: ba phần:

- Mở bài: giới thiệu về (nhóm) tác giả, tác phẩm, đoạn trích; nêu vấn đề cần nghị luận.

- Thân bài: làm rõ điểm tương đồng, điểm khác biệt của vấn đề cần nghị luận trong hai hay nhiều tác phẩm truyện; có thể lý giải nguyên nhân của điểm tương đồng/ khác biệt đó dựa trên yếu tố chủ quan, khách quan, hoàn cảnh lịch sử, đặc trưng thể loại, cá tính sáng tạo của nghệ sĩ…

Có thể trình bày phần thân bài theo những cách sau:

+ Cách 1: Làm rõ sự tương đồng của vấn đề cần nghị luận trong nhóm nhân vật, nhóm tác phẩm…

Làm rõ sự khác biệt của vấn đề cần nghị luận trong thế đối sánh của nhóm nhân vật, nhóm tác phẩm…

Lý giải nguyên nhân của những điểm tương đồng / khác biệt đó.

+ Cách 2: Cảm nhận/ phân tích cụ thể từng nhân vật, cảm hứng nhân đạo, chi tiết… của từng tác phẩm.

Nhận xét chung về điểm tương đồng và khác biệt, lý giải nguyên nhân của sự tương đồng và khác biệt đó.

- Kết bài: Đánh giá khái quát vấn đề nghị luận, mở rộng nâng cao vấn đề ( Từ điểm tương đồng, khác biệt đó tạo ra vẻ đẹp riêng cho tác phẩm/ nhân vật/ cảm hứng nhân đạo... như thế nào? Nó góp phần khẳng định cá tính sáng tạo của người nghệ sĩ, sự phong phú cho loại nhân vật/ giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm nói chung ra sao?,).

**II. NGHỊ LUẬN VỀ MỘT ĐOẠN THƠ, BÀI THƠ**

**1. Khái niệm về kiểu bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ**

Nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ là người viết phải trình bày những lời nhận xét , đánh giá và rung cảm sâu sắc của mình về nội dung, tư tưởng, tình cảm, nghệ thuật của một đoạn thơ, bài thơ cụ thể.

**2. Đặc điểm và yêu cầu của kiểu bài nghị luận về một đoạn thơ, bài thơ**

- Đề bài thường yêu cầu nêu cảm nghĩ, cảm nhận, phân tích, bình giảng… một đoạn thơ hoặc bài thơ.

- Để làm tốt một bài nghị luận thơ, cần tìm hiểu kỹ những yếu tố sau:

+ Yếu tố trong văn bản thơ: giọng điệu, ngôn ngữ, hình ảnh, từ ngữ, các biện pháp nghệ thuật, chủ đề, tư tưởng…

+ Yếu tố nằm ngoài văn bản: cuộc đời, cá tính sáng tạo, quan niệm thẩm mĩ… của tác giả; hoàn cảnh sáng tác bài thơ…

- Các biện pháp nghị luận:

+ Đọc kỹ văn bản thơ, xác định nội dung cảm xúc của tác phẩm, lựa chọn các nội dung để nghị luận như: nhan đề, giọng điệu, ngôn ngữ, hình ảnh, từ ngữ, các biện pháp nghệ thuật, các chi tiết nghệ thuật, các mối liên hệ không gian, thời gian, cách cảm nhận riêng của tác giả, cấu tứ, bố cục… chú ý vào chỗ khó, chỗ lạ, những điểm mà bản thân thấy hứng thú.

+ Miêu tả đoạn trích, bài thơ cần nghị luận về xuất xứ, nội dung, điểm đặc biệt của đoạn trích, bài thơ đó.

+ Giảng giải ý nghĩa của từ ngữ, hình ảnh, câu thơ, chi tiết then chốt và vị trí của nó trong tác phẩm, đi từ nghĩa chính đến nghĩa chuyển, nghĩa đen đến nghĩa bóng, trong mối liên hệ với chính nó, với văn bản và với việc bộc lộ chủ đề của tác phẩm.

+ Có thể liên hệ, đối chiếu với những bài thơ, ý thơ, câu thơ có nét tương đồng để khai thác nét độc đáo,riêng biệt và sự đóng góp của tác giả trong phương diện nghệ thuật và nội dung biểu hiện.

+ Đánh giá các giá trị văn học của bài thơ, đoạn thơ: về giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ (những sáng tạo về mặt nghệ thuật, sự phù hợp giữa hình thức nghệ thuật và nội dung biểu hiện) ; về giá trị nội dung (các khía cạnh về hiện thực, nhân văn, vốn sống, chiều sâu tư tưởng…)

- Yêu cầu về nghị luận:

+ Hệ thống luận điểm, luận cứ rõ ràng, lập luận chặt chẽ, lô-gíc. Lời văn gợi cảm, thể hiện rung động chân thành của người viết.

+ Mỗi luận điểm trong bài viết cần lựa chọn cách triển khai phù hợp: diễn dịch, quy nạp hoặc tổng - phân - hợp .

**3. Hướng dẫn cách làm:**

a. Mở bài:

- Giới thiệu về tác giả, về đoạn thơ hoặc bài thơ cần nghị luận.

- Nêu một cách ngắn gọn (từ 1 - 2 câu) nhận xét khái quát,cảm nhận ban đầu của người viết về đoạn thơ, bài thơ đó.

- Trích dẫn bài thơ, đoạn thơ (nếu là bài thơ, đoạn thơ ngắn có thể trích dẫn đầy đủ; nếu là bài thơ, đoạn thơ dài thì trích dẫn câu đầu và câu cuối).

b. Thân bài: Triển khai các nội dung nghị luận về nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ.

+ Có thể chia bài thơ, đoạn thơ ra thành từng đoạn theo bố cục, hoặc theo nội dung.

+ Phân tích, cắt nghĩa đi từ hình thức đến nội dung biểu hiện của các chi tiết nghệ thuật, hình ảnh, từ ngữ, biện pháp tu từ, câu thơ… để tìm ra nội dung cảm xúc của tác phẩm, sự sáng tạo của tác giả trong việc biểu hiện nội dung, tư tưởng.

- Kết bài: khái quát chung về giá trị, ý nghĩa của bài thơ, đoạn thơ; từ đó nhấn mạnh thêm ý nghĩa của tác phẩm đối với sự nghiệp sáng tác của tác giả, đối với bạn đọc..

**Đề bài luyện tập:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Trang** |
| **1. Ôn tập thơ hiện đại Việt Nam** | | |
| 1 | Đồng chí |  |
| 2 | Bài thơ về tiểu đội xe không kính |  |
| 3 | Đoàn thuyền đánh cá |  |
| 4 | Bếp lửa |  |
| 5 | Khúc hát ru những em bé lướn trên lưng mẹ |  |
| 6 | Ánh trăng |  |
| 7 | Mùa xuân nho nhỏ |  |
| 8 | Viếng lăng Bác |  |
| 9 | Sang thu |  |
| 10 | Nói với con |  |
| **2. Ôn tập truyện hiện đại** | | |
| 1 | Làng |  |
| 2 | Lặng lẽ Sa Pa |  |
| 3 | Chiếc lược ngà |  |
| 4 | Những ngôi sao xa xôi |  |
| **3. Ôn tập văn học Trung đại** | | |
| 1 | Người con gái Nam Xương |  |
| 2 | Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh |  |
| 3 | Hoàng Lê Nhất thống chí |  |
| 4 | Truyện Kiều |  |
| 5 | Lục Vân Tiên |  |

|  |
| --- |
| **1. Ôn tập thơ hiện đại Việt Nam** |
| Đồng chí |
| Bài thơ về tiểu đội xe không kính |
| Đoàn thuyền đánh cá |
| Bếp lửa |
| Khúc hát ru những em bé lướn trên lưng mẹ |
| Ánh trăng |
| Mùa xuân nho nhỏ |
| Viếng lăng Bác |
| Sang thu |
| Nói với con |

**BÀI 1: ĐỒNG CHÍ**

(Chính Hữu)

**Đề bài luyện tập:**

|  |
| --- |
| **Đề 1:** Phân tích cơ sở hình thành tình đồng chí được thể hiện trong đoạn thơ sau:  Quê hương anh nước mặn đồng chua  Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá  Anh với tôi đôi người xa lạ  Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau  Súng bên súng đầu sát bên đầu  Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ  Đồng chí!  (Trích Đồng chí- Chính Hữu, Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục)  **Đề 2:** Kết thúc bài thơ Đồng chí, Chính Hữu viết:  Đêm nay rừng hoang sương muối  Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới  Đầu súng trăng treo.  Cảm nhận sâu sắc của em về vẻ đẹp của đoạn thơ trên.  **Đề 3:** Phân tích bài thơ Đồng Chí của nhà thơ Chính Hữu. |

**Đề 1:** Phân tích cơ sở hình thành tình đồng chí được thể hiện trong đoạn thơ sau:

Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá

Anh với tôi đôi người xa lạ

Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau

Súng bên súng đầu sát bên đầu

Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ

Đồng chí!

(Trích Đồng chí- Chính Hữu, Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục)

**\* Gợi ý chung:**

- Nội dung: học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận văn học, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản. Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách xong cần bám sát ngữ liệu, kết hợp các thao tác lập luận.

- Hình thức: Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả.

**\* Yêu cầu cụ thể:**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: cơ sở hình thành tình đồng chí của người lính. |
| **2. Thân bài** |  |
| - Tình đồng chí bắt nguồn sâu xa từ sự tương đồng về cảnh ngộ xuất thân nghèo khó: | |
|  | Quê hương anh nước mặn, đồng chua  Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.  Những chi tiết chân thực: nước mặn đồng chua, đất cày lên sỏi đá đã gợi ra hoàn cảnh xuất thân của người lính. Họ cùng chung giai cấp, đều là những người nông dân chân lấm tay bùn, ra đi từ những vùng quê nghèo khó quanh năm vất vả, nhọc nhằn. |
| - Tình đồng chí được nảy sinh bởi họ cùng chung mục đích, chung lý tưởng: | |
|  | Những người lính đến từ mọi miền của Tổ quốc, vốn là những người xa lạ, theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, họ đã nhanh chóng tập hợp trong đội quân cách mạng và quen nhau, rồi cùng chung nhiệm vụ, chung chiến hào, đồng lòng đánh giặc. |
| - Tình đồng chí nảy nở và ngày càng bền chặt cùng chia sẻ ngọt bùi, đồng cam cộng khổ: | |
|  | " Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ" . Trong gian khổ thiếu thốn buổi đầu cách mạng, họ tìm đến bên nhau, chia nhau từng hơi ấm yêu thương từ tấm chăn mỏng. Mảnh chăn khép lại, tâm tình người lính mở ra.Đó là mối tình tri kỉ của những người bạn chí cốt được tác giả biểu hiện bằng những chi tiết hình ảnh thật cụ thể , giản dị và hết sức gợi cảm. Các anh thấu hiểu lòng nhau, đồng cảm với nhau, kết thành đôi tri kỉ rồi trở thành Đồng chí.  Câu thơ" Đồng chí !" được tách riêng ở một dòng thơ rất đặc biệt, chỉ gồm một từ, hai tiếng và dấu chấm than như một sự phát hiện, một lời khẳng định,nhấn mạnh tình đồng chí là một tình cảm mới mẻ nhưng hết sức thiêng liêng cao đẹp, là sự kết tinh của tình bạn,tình người giữa những người lính nông dân trong buổi đầu kháng chiến chống Pháp ốp. Câu thơ" Đồng chí" như một bản lề gắn kết tự nhiên, khéo léo giữa hai phần của bài thơ: khép lại phần giải thích cội nguồn cao quý thiêng liêng của tình đồng chí và mở ra những biểu hiện cao đẹp hơn của tình đồng chí. |
| \* Nghệ thuật: Hình ảnh tả thực, sóng đôi, ngôn ngữ giản dị đã tái hiện những thiếu thốn trong buổi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp song chính những khó khăn ấy đã tạo nên tình đồng chí gắn bó.Văn viết có sáng tạo, mang dấu ấn cá nhân. | |
| **3. Kết bài** | Đoạn thơ đã đi sâu khám phá, lí giải cơ sở của tình đồng chí. Đồng thời tác giả đã cho thấy sự biến đổi kì diệu từ những người nông dân hoàn toàn xa lạ trở thành những người đồng chí đồng, đội sống chết có nhau. |

**Đề 2: Kết thúc bài thơ Đồng chí, Chính Hữu viết:**

**Đêm nay rừng hoang sương muối**

**Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới**

**Đầu súng trăng treo.**

**Cảm nhận sâu sắc của em về vẻ đẹp của đoạn thơ trên.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Chính Hữu là nhà thơ quân đội, thành công chủ yếu về đề tài người lính và chiến tranh. Bài thơ Đồng chí được sáng tác đầu năm 1948, Kim trong tập Đầu súng trăng treo (1966). Bài thơ ca ngợi tình đồng chí, đồng đội thắm thiết, sâu nặng của những người lính cách mạng.  - Ba câu thơ kết bài thơ Đồng chí đã gợi ra một bức tranh hiện thực về hình ảnh người chiến sĩ và tình đồng chí thiêng liêng nơi chiến hào đánh giặc. |
| **2. Thân bài** |  |
| Câu thơ đầu gợi ra hoàn cảnh chiến đấu khắc nghiệt: Đêm nay rừng hoang sương muối. | |
|  | Câu thơ ngắt nhịp 2/2/2 đem đến ba thông tin về thời gian"đêm nay", về không gian"rừng hoang", về thời tiết:"sương muối". Tất cả đều nhấn vào cái hoang vu , cái lạnh thấu xương khi những người lính đứng gác nơi rừng sâu giá lạnh trong khi trang phục các anh lại phong phanh: áo rách, quần vá, đầu trần, chân đất, khó có thể chống lại được cái lạnh thấu xương."Đêm nay" là một đêm phục kích cụ thể nhưng có ý nghĩa khái quát như bao đêm khác,việc phục kích trong hoàn cảnh khắc nghiệt với các anh đã thành thường lệ. |
| Câu thơ thứ hai: Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới. | |
|  | Có sự đối lập giữa hoàn cảnh chiến đấu khắc nghiệt với vẻ đẹp của lý tưởng cách mạng và tình đồng chí keo sơn. Dù cho cái rét có thấm vào xương thịt, các anh vẫn bất chấp tất cả, vẫn" Đứng cạnh bên nhau" , vẫn kề vai sát cánh, đoàn kết chung một chiến hào trong tư thế chủ động"chờ giặc tới". Tình đồng chí đã sưởi ấm lòng các anh, xua đi cái hoang vu, giá lạnh của núi rừng Việt Bắc. Trong cái bát ngát của núi rừng, hai người lính hiện lên sừng sững, hiên ngang, cao cả sánh ngang cùng núi rừng Việt Bắc. |
| Bài thơ khép lại bằng hình ảnh đẹp "Đầu súng trăng treo" . Hình ảnh thơ giàu ý nghĩa tả thực và biểu tượng: | |
|  | - Ý nghĩa tả thực:  Hình ảnh thơ được nhận ra sau nhiều đêm đi phục kích của tác giả: Đêm đã về khuya, nơi rừng hoang, sương muối xuống mỗi lúc một nhiều, bầu trời như sà xuống thấp dần, vầng trăng cũng như sà xuống thấp hơn. Hai người lính đang kề vai sát cánh trong tư thế chủ động xuất kích, nhìn ở một góc độ nào đó họ nhận ra trăng như đang treo lơ lửng trên đầu mũi súng.  - Ý nghĩa biểu tượng:  Từ ý nghĩa tả thực, hình ảnh"súng"và"trăng" còn gợi ra trong lòng người đọc những liên tưởng sâu xa. Súng và trăng- hai hình ảnh Vốn ở rất xa nhau nhưng trong cảm nhận của người chiến sĩ lại đan cài, gắn kết tự nhiên. Súng và trăng là biểu tượng của gần và xa, của chiến tranh và hòa bình, của hiện thực và lãng mạn, của cứng rắn và dịu hiền, là chất chiến sĩ và chất thi sĩ, chất thép và chất trữ tình... đã trở thành biểu tượng về người lính: cuộc sống chiến đấu gian khổ nhưng tâm hồn các anh luôn trong trẻo, tràn đầy cảm hứng lạc quan, lãng mạn. Hình ảnh thơ đã trở thành biểu tượng cho thơ ca cách mạng- nền thơ ca kết hợp hài hòa giữa cảm hứng hiện thực và lãng mạn. |
| **3. Kết bài** | Có thể nói, ba câu thơ cuối một bức tranh đẹp, như một bức tượng đài sừng sững cho tình đồng chí thiêng liêng, cao cả. |

**Đề 3: Phân tích bài thơ Đồng Chí của nhà thơ Chính Hữu.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Chính Hữu là nhà thơ quân đội,thành công chủ yếu về đề tài người lính và chiến tranh. Thơ Chính Hữu giản dị và chân thực, cảm xúc dồn nén, ngôn ngữ và hình ảnh chọn lọc, hàm súc.  - Bài thơ Đồng Chí được sáng tác đầu năm 1948 sau khi tác giả đã cùng đồng đội tham gia chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc (Thu Đông 1947). Bài thơ ca ngợi tình đồng chí, đồng đội thắm thiết, sâu nặng của những người lính Cách mạng. Đồng thời còn làm hiện lên hình ảnh chân thực, giản dị mà cao đẹp của anh bộ đội Cụ Hồ thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. |
| **2. Thân bài** |  |
|  | **a) Cơ sở hình thành tình đồng chí** |
| - Tình đồng chí bắt nguồn sâu xa từ sự tương đồng về cảnh ngộ xuất thân nghèo khó:  Quê hương anh nước mặn, đồng chua  Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.  Những chi tiết chân thực: nước mặn đồng chua, đất cày lên sỏi đá đã gợi ra hoàn cảnh xuất thân của người lính. Họ cùng chung giai cấp, đều là những người nông dân chân lấm tay bùn, ra đi từ những vùng quê nghèo khó quanh năm vất vả, nhọc nhằn.  - Tình đồng chí được nảy sinh bởi họ cùng chung mục đích, chung lý tưởng: từ đôi người xa lạ, theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, họ đã nhanh chóng tập hợp trong đội quân cách mạng và quen nhau, rồi cùng chung nhiệm vụ, chung chiến hào, đồng lòng đánh giặc.  - Tình đồng chí nảy nở và ngày càng bền chặt cùng chia sẻ ngọt bùi, đồng cam cộng khổ: " Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ" . Trong gian khổ thiếu thốn buổi đầu cách mạng, họ tìm đến bên nhau, chia nhau từng hơi ấm yêu thương từ tấm chăn mỏng. Mảnh chăn khép lại, tâm tình người lính mở ra.Đó là mối tình tri kỉ của những người bạn chí cốt được tác giả biểu hiện bằng những chi tiết hình ảnh thật cụ thể , giản dị và hết sức gợi cảm. Các anh thấu hiểu lòng nhau, đồng cảm với nhau, kết thành đôi tri kỉ rồi trở thành Đồng chí.  Câu thơ" Đồng chí !" được tách riêng ở một dòng thơ rất đặc biệt, chỉ gồm một từ, hai tiếng và dấu chấm than như một sự phát hiện, một lời khẳng định,nhấn mạnh tình đồng chí là một tình cảm mới mẻ nhưng hết sức thiêng liêng cao đẹp, là sự kết tinh của tình bạn,tình người giữa những người lính nông dân trong buổi đầu kháng chiến chống Pháp ốp. Câu thơ" Đồng chí" như một bản lề gắn kết tự nhiên, khéo léo giữa hai phần của bài thơ: khép lại phần giải thích cội nguồn cao quý thiêng liêng của tình đồng chí và mở ra những biểu hiện cao đẹp hơn của tình đồng chí. |
| **b) Vẻ đẹp và sức mạnh của tình đồng chí** |
| - Từ những đêm rét chung chăn, những người lính thấu hiểu, cảm thông sâu sắc những tâm tư, những nỗi niềm thầm kín của nhau:  Ruộng nương anh gửi bạn thân cày  Gian nhà không mặc kệ gió lung lay  Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.  Một cảnh ngộ, một nỗi nhớ được nhắc đến là của anh nhưng là của cả hai . Tôi hiểu, anh cũng như tôi, sẵn sàng dứt áo lên đường bảo vệ non sông,để lại sau lưng cả hậu phương trống vắng nhưng anh vẫn nặng lòng với quê hương, với người thân yêu ở chốn quê nhà.  - Là đồng chí, họ cùng nhau thấu hiểu và sẻ chia mọi thiếu thốn gian lao của cuộc đời quân ngũ:  + Cùng chịu đựng và sẻ chia những gian khổ về bệnh tật khi thuốc men thiếu thốn, cùng trải qua cơn" Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi" (những cơn sốt rét hành hạ người lính sống ở rừng)  + Cùng chia sẻ sự thiếu thốn về quân trang trong buổi đầu kháng chiến:  Áo anh rách vai  Quần tôi có vài mảnh vá  Miệng cười buốt giá  Chân không giày  Viết về hiện thực cuộc sống gian khổ của người lính, Chính Hữu ngợi ca tình đồng chí, đồng đội thiêng liêng. Trong thiếu thốn, các anh dành tình yêu thương cho nhau bằng cử chỉ thật đẹp" Thương nhau tay nắm lấy bàn tay" . Bàn tay các anh giao cảm thay lời nói nhưng có sức mạnh diệu kỳ, sưởi ấm lòng nhau, xua đi giá rét.  - Là đồng chí, họ luôn đoàn kết, sát cánh bên nhau nơi chiến hào đánh giặc:  Đêm nay rừng hoang sương muối  Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới  Đầu súng trăng treo.  Ba câu thơ kết của bức họa tuyệt đẹp về hình ảnh hai người lính canh gác bên nhau trong cái hoang vu bát ngát của núi rừng Việt Bắc. Mặc cho cái lạnh thấm vào da thịt, họ vẫn kề vai, sát cánh bên nhau chung một chiến hào.  Anh và tôi, hai người lính hiện lên sừng sững, hiên ngang sánh ngang với núi rừng Việt Bắc. Vầng trăng là bạn, là nhân chứng soi sáng tình đồng chí của các anh, là đích hướng về của các anh. Người lính, khẩu súng, vầng trăng đã đan cài, gắn kết tự nhiên trở thành hình ảnh thơ giàu sức biểu tượng. Qua hình ảnh ấy,Chính Hữu đã khẳng định ý nghĩa cao cả của cuộc chiến đấu mà những người lính đang ấp ủ; khẳng định vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ hòa trong tâm hồn của thi sĩ. Tình đồng đội là sức mạnh tinh thần kỳ diệu nhất để các anh vững vàng tay súng bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân. |
| ***\* Đánh giá:*** | Với thể thơ tự do, ngôn ngữ thơ mộc mạc giản dị, chi tiết, hình ảnh chân thực, cô đọng, hàm súc nhưng giàu sức biểu cảm, bài thơ Đồng chí đã để lại những ấn tượng sâu sắc về tình đồng chí, đồng đội về chân dung anh bộ đội Cụ Hồ thời kỳ kháng chiến chống Pháp: chân thực, giản dị mà vô cùng cao đẹp. |
| **3. Kết bài** | Bài thơ “Đồng chí” vừa mang vẻ đẹp giản dị lại vừa mang vẻ đẹp cao cả thiêng liêng. Chân dung người lính vệ quốc trong những ngày đầu kháng chiến chống Pháp hiện lên thật đẹp đẽ qua những vần thơ mộc mạc, chân tình mà gợi nhiều suy tưởng. Với những đặc điểm đó, bài thơ xứng đáng là một trong những tác phẩm thi ca xuất sắc về đề tài người lính và chiến tranh cách mạng của văn học Việt Nam. |

**BÀI 2: BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH**

**(Phạm Tiến Duật)**

**Đề bài luyện tập:**

|  |
| --- |
| **Đề 1:** Phân tích Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật.  **Đề 2:** Phân tích và so sánh hình ảnh người lính trong hai bài thơ Đồng Chí của Chính Hữu và Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật. |

**Đề 1: Phân tích Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | Những năm tháng chống Mỹ hào hùng của dân tộc đã để lại biết bao hồi ức và những dấu ấn khó phai mờ. Hình ảnh những những cô gái thanh niên xung phong, anh bộ đội cụ Hồ là một trong những hình ảnh đẹp nhất, lãng mạn và [anh hùng](http://sotayvanhoc.com/tag/anh-hung) nhất trong kháng chiến. “Bài thơ về tiểu đội xe không kính” chính là một trong những minh chứng tiêu biểu cho nét tinh nghịch cũng như tinh thần bất khuất, hiên ngang hào hùng của người chiến sĩ. |
| **2. Thân bài** |  |
| **\* Khái quát:** Bài thơ được sáng tác năm 1969. Đây là thời điểm cuộc kháng chiến chống mĩ đang diễn ra vô cùng ác liệt. Bài thơ nằm trong chùm thơ đoạt giải nhất cuộc thi thơ do báo văn nghệ tổ chức và được in trong tập thơ “ Vầng trăng quầng lửa” năm 1970. | |
| **a) Hình ảnh chiếc xe không kính** | |
|  | - Những người lính lái xe giải thích, giới thiệu một cách tự nhiên, chân thực về người bạn đường thủy chung, gắn bó của họ:  Không có kính không phải vì xe không có kính  Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi.  Tác giả lý giải những chiếc xe "Không có kính" bởi "bom giật, bom rung", bởi sự tàn phá, hủy diệt của chiến tranh. Hai câu thơ rất gần với câu văn xuôi,lại có giọng điệu thản nhiên càng gây sự chú ý về vẻ khác lạ của những chiếc xe không kính.  - Chiến tranh ngày càng khốc liệt, những chiếc xe không có kính sau bao chặng đường lăn lộn khó nhọc đã bị bom Mỹ tàn phá, hủy diệt trở nên méo mó, biến dạng:  Không có kính, rồi sẽ không còn đèn,  Không có mui xe, thùng xe có xước.  Điệp ngữ"không có"kết hợp với biện pháp liệt kê đã nhấn mạnh chiếc xe không chỉ không có kính mà còn không có đèn, không có mui xe, thùng xe găm đầy những vết đạn xước…Hàng loạt các từ phủ định "không" đã diễn tả một cách độc đáo, chân thực đến Trần trụi những chiếc xe trên đường ra trận. Mặc dù bị biến dạng, thiếu nhiều điều kiện để bảo vệ người lái nhưng những chiếc xe vẫn băng ra chiến trường. Đó là minh chứng cho sự tàn phá khốc liệt của bom đạn chiến tranh đồng thời là cách khám phá ra chất thơ độc đáo trong hình ảnh những chiếc xe không kính, chất thơ từ hiện thực chiến trường - chất thơ của tuổi trẻ Việt Nam, để tôn vinh những chiến sĩ lái xe anh hùng. |
| **b) Hình ảnh những người lính lái xe** | |
|  | Thiếu đi những phương tiện vật chất tối thiểu lại là hoàn cảnh để người lái xe bộc lộ những phẩm chất cao đẹp, sức mạnh tinh thần lớn lao của họ.  \* Tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm, coi thường hiểm nguy:  - Xe không có kính không ảnh hưởng gì đến tư thế, tầm nhìn:  Ung dung buồng lái ta ngồi  Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.  Từ "ung dung" được dùng đảo trật tự đưa lên đầu câu thơ nhấn mạnh tư thế người lái xe. Mặc dù gian khổ, thiếu thốn, những người lính vẫn lên xe với tư thế" ung dung" đường hoàng, hiên ngang đầy bản lĩnh.  - Qua khung cửa xe không còn kính chắn gió, người lái xe tiếp xúc trực tiếp với thế giới bên ngoài, với mọi khó khăn, gian khổ:  Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng  Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim  Thấy sao trời và đột ngột cánh chim  Như sa như ùa vào buồng lái.  + Điệp ngữ "nhìn thấy", tính từ "đột ngột" (cảm giác bất ngờ), hình ảnh cánh chim như sa như ùa vào buồng lái đã diễn tả sinh động cảm nhận thế giới bên ngoài ùa vào buồng lái với tốc độ chóng mặt tạo những cảm giác đột ngột cho người lái. Người lính phải lái xe với một tốc độ rất nhanh trên con đường đầy bom đạn, phải vượt qua núi cao, đèo sâu, vực thẳm và phải lái suốt đêm để kịp ra mặt trận phục vụ chiến đấu.  + Hình ảnh: gió, sao trời, cánh chim,...là những hình ảnh thiên nhiên đẹp và gợi cảm thể hiện nét lãng mạn trong tâm hồn người lính.  + "Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim" là ẩn dụ về con đường chiến đấu vì miền Nam độc lập, hành trình của chiếc xe không kính là hành trình của tình yêu đất nước.  - Xe không có kính,mỗi lúc người lính còn phải chịu thêm sự khắc nghiệt của thời tiết Trường Sơn:  Không có kính, ừ thì có bụi,  Bụi phun tóc trắng như người già  Không có kính, ừ thì ướt áo  Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời.  + Cấu trúc lặp lại: "ừ thì"...,"chưa cần"và những chi tiết"phì phèo châm điếu thuốc - Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha","lái trăm cây số nữa"... tạo ra giọng điệu ngang tàng, bất chấp gian khổ của người lính.  + Đối lập giữa hoàn cảnh gian khổ và tư thế của người lính: không có kính, bụi phun…, phì phèo châm điếu thuốc,... cười ha ha; không có kính, mưa tuôn, mưa xối…, chưa cần thay lái trăm cây số nữa...vừa diễn tả nỗi gian khổ vừa thể hiện niềm lạc quan ,coi thường gian khổ của người lính. Cái lấm, bụi, ướt đã trở thành cái cớ để họ đùa vui.  + Sự phối hợp thanh điệu: nhưng thanh trắc: có kính, ướt áo, xối, lái... gợi tả cái nghiệt ngã của hoàn cảnh; những thanh bằng dùng trong cả đoạn thơ và đặc biệt là câu cuối:"Mưa ngừng gió lùa khô mau thôi" mở ra những phút yên à, ung dung trong tâm hồn người lái xe. Ngay trong hoàn cảnh khắc nghiệt, người lính vẫn tìm được giây phút thư thái. Đó là niềm lạc quan, bản lĩnh thép của con người Việt Nam ra trận.  \* Tình đồng chí đồng đội cao đẹp, gắn bó keo sơn:  - Tình đồng đội của những chiến sĩ lái xe được hình thành từ trong thử thách đạn nổ bom rơi khi cùng chung nhiệm vụ, cùng chung lý tưởng:  Những chiếc xe từ trong bom rơi  Đã về đây họp thành tiểu đội  - Họ chào nhau bằng cử chỉ thật đặc biệt khi gặp nhau:"bắt tay qua cửa kính vỡ rồi". Xe không kính trở thành cái "tiện" để các anh xích lại gần nhau, để bày tỏ tình cảm cảm và mối giao hòa tuyệt diệu, truyền cho nhau sức mạnh, tình đồng chí, đồng đội, lòng yêu nước và quyết tâm đánh giặc.  - Trong phút giây sinh hoạt ngắn ngủi: họ cùng nhau nấu cơm khi đến bữa, họ chung bát đũa khi gặp bữa và trở thành gia đình đầm ấm. Tình cảm đồng chí đã hóa thành tình cảm ruột thịt gia đình để họ sống chết có nhau.  - Cùng tiếp tục cuộc hành trình chiến đấu: " Lại đi, lại đi trời xanh thêm ","trời xanh thêm"vì lòng người phơi phới say mê trước những chặng đường đã đi và đang đến, vì có niềm vui về ngày mai chiến thắng. Tình đồng đội đã góp phần củng cố thêm tình yêu đất nước và ý chí chiến đấu.  \* Tình yêu tổ quốc thiết tha và ý chí chiến đấu vì miền Nam ruột thịt:  - Tác giả phát hiện tất cả mọi khía cạnh của cái"không"; không có kính, không có đèn, không có mui... thêm một lần nữa nhấn mạnh những thử thách khắc nghiệt đối với người lính lái xe. Điệp ngữ"không có"nhắc lại ba lần như nhân lên những gian khổ khốc liệt. Hai dòng thơ ngắt làm bốn khúc "Không có kính/rồi xe không có đèn/Không có mui xe/thùng xe có xước" như bốn chặng gập ghềnh, khúc khuỷu, đầy chông gai, hố bom.  - Từ đó khẳng định một cái "có" : "Chỉ cần trong xe có một trái tim". Những chiếc xe mình đầy thương tích vẫn bất chấp tất cả,thẳng tới chiến trường không sức mạnh nào của kẻ thù khiến nó phải dừng chân:  Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:  Chỉ cần trong xe có một trái tim.  Trói người và tỏa sáng khổ thơ, cả bài thơ là hình ảnh nằm ở câu thơ cuối. Cội nguồn sức mạnh của cả đoàn xe, gốc rễ anh hùng của mỗi người cầm lái kết đọng ở "trái tim". Cách nói hoán dụ "trái tim" thể hiện lòng yêu nước thiết tha, căm thù giặc Mỹ sôi sục, ý chí chiến đấu kiên cường vì miền Nam sẽ làm nên sức mạnh chiến thắng. Con đường Trường Sơn không bao giờ bị đứt mạch, những chiếc xe vận tải chẳng bao giờ ngừng lăn bánh khi có bao trái tim cùng chung nhịp đập hướng về miền Nam thân yêu. Ẩn sau hình ảnh thơ là chân lý của thời đại chúng ta: sức mạnh chiến thắng không phải là vũ khí mà là con người giàu ý chí, anh hùng, lạc quan, quyết thắng.  Có sự đối lập giữa hoàn cảnh và ý chí con người, khó khăn mất mát thì dồn dập nhưng con người vẫn vượt lên bom đạn ,hăm hở hướng ra tiền tuyến lớn với tình cảm thiêng liêng vì miền Nam, vì cuộc chiến đấu giành độc lập, thống nhất Tổ quốc. Tình cảm lớn này đã hoàn thiện bức chân dung tuyệt vời của những chiến sĩ lái xe Trường Sơn. |
| **\* Đánh giá:**  ( Tài liệu: Nguyễn Nga- nhóm ngữ văn THCS)  "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" là một bài thơ đặc sắc tiêu biểu cho phong cách thơ Phạm Tiến Duật cũng như một số tác phẩm tiêu biểu của nhà thơ: Trường Sơn Đông Trường Sơn Tây, Nhớ,...Chất giọng trẻ, chất lính của bài thơ bắt nguồn từ tâm hồn phơi phới của thế hệ chiến sĩ Việt Nam thời chống Mỹ mà chính nhà thơ đã sống, đã trải nghiệm. Từ sự giản dị của ngôn từ, sự sáng tạo của hình ảnh chi tiết, sự linh hoạt của nhạc điệu, bài thơ đã khắc hoạ, tôn vính vẻ đẹp phẩm giá con người, hoà nhập với cảm hứng lãng mạn cách mạng và âm hưởng sử thi hào hùng của văn học Việt Nam trong ba mươi năm chống xâm lược 1945 – 1975. | |
| **3. Kết bài** | - Với lời thơ mộc mạc gần với ngôn ngữ đời thường, giọng điệu ngang tàn, trẻ trung; cách khai thác chất liệu của chiến tranh,...nhà thơ Phạm Tiến Duật đã sáng tạo nên một bài thơ với những hình tượng độc đáo.  - Từ hình ảnh những chiếc xe không kính, bài thơ đã khắc họa bức tượng đài nghệ thuật về người lính lái xe Trường Sơn. Đó là những con người sôi nổi, trẻ trung có tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm, lạc quan phơi phới. Họ đã vượt lên sự ác liệt của chiến tranh để hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc với khí thế tuổi xuân phơi phới" Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước". |

**Đề 2: phân tích và so sánh hình ảnh người lính trong hai bài thơ Đồng Chí của Chính Hữu và Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Trong suốt hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ trường kì, anh bộ đội Cụ Hồ đã trở thành biểu tượng cho vẻ đẹp Việt Nam tập trung những phẩm chất cao quý nhất của con người thời đại.  - Hai bài thơ Đồng chí (Chính Hữu) và Bài Thơ về tiểu đội xe Không kính (Phạm Tiến Duật) giúp ta hiểu sâu sắc hơn về chân dung con người Việt Nam đẹp nhất ấy, những con người đã không tiếc máu xương chiến đấu để gìn giữ nền độc lập cho dân tộc. |
| **2. Thân bài** |  |
| **\* Khái quát:**  - Về đề tài: Dân tộc ta đứng lên tiến hành hai cuộc chiến tranh cách mạng oanh liệt chống Pháp và chống Mỹ. Lẽ tất nhiên, ở đất nước hơn ba mươi năm chưa dời tay súng. Hình ảnh anh Bộ đội cụ Hồ là hình ảnh con người đẹp nhất đáng yêu nhất trong văn thơ và là niềm tự hào lớn của dân tộc. - Về hai tác phẩm: Cùng với nhiều bài thơ khác, bài thơ Đồng chí sáng tác vào đầu năm 1948 khi tác giả Chính Hữu chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc, bài thơ Tiểu đội xe không kính sáng tác năm 1969 khi tác giả Phạm Tiến Duật tham gia họat động ở tuyến đường Trường Sơn đã khắc họa thành công về đề tài người lính. - Về luận đề: hình tượng anh bộ đội được ghi lại trong hai bài thơ đã lưu giữ trong văn chương Việt Nam hai gương mặt đẹp, đáng yêu của người lính trong hai thời kỳ lịch sử. | |
| **a) Cảm nhận về người lính trong từng bài thơ:** | |
|  | \* Người lính trong bài thơ Đồng chí của Chính Hữu: vẻ đẹp chân dung anh bộ đội Cụ Hồ buổi đầu kháng chiến chống Pháp.  - Đó là những anh bộ đội xuất thân từ nông dân giàu lòng yêu nước. Họ sẵn sàng bỏ lại những gì quý giá, thân thiết của cuộc sống nơi làng quê để ra đi vì nghĩa lớn: " Ruộng nương anh... lung lay".  - Trong gian khổ, thiếu thốn buổi đầu cách mạng (áo rách, quần vá, chân không giày; những cơn sốt run người…), họ vẫn sáng người tinh thần lạc quan, dũng cảm, vượt khó.  - Đẹp nhất ở họ là tình đồng chí, đồng đội sâu sắc, thắm thiết:  + Tình đồng chí, đồng đội bắt nguồn sâu xa từ sự tương đồng về cảnh ngộ xuất thân nghèo khó:  Quê hương anh nước mặn đồng chua  Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.  + Tình đồng chí được nảy sinh bởi họ cùng chung mục đích, chung lý tưởng: từ đôi người xa lạ, theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, họ đã nhanh chóng tập hợp trong đội quân cách mạng và quen nhau, rồi cùng chung nhiệm vụ, chung chiến hào, đồng lòng đánh giặc.  + Tình đồng chí nảy nở ở và ngày càng bền chặt khi họ cùng chia sẻ ngọt bùi, đồng cam cộng khổ: " Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ". Trong gian khổ thiếu thốn buổi đầu cách mạng, họ tìm đến bên nhau, chia nhau từng hơi ấm yêu thương từ tấm chăn mỏng, thấu hiểu, đồng cảm, kết thành đôi tri kỉ rồi trở thành Đồng chí.  + Là đồng chí, họ luôn đoàn kết, sát cánh bên nhau nơi chiến hào đánh giặc:  Đêm nay rừng hoang sương muối  Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới  Đầu súng trăng treo.  Ba câu thơ kết là bức họa tuyệt đẹp về hình ảnh hai người lính canh gác bên nhau trong cái hoang vu bát ngát của núi rừng Việt Bắc. Mặc cho cái lạnh thấm vào da thịt, họ vẫn kề vai, sát cánh bên nhau chung một chiến hào.  Tình đồng đội là sức mạnh tinh thần kỳ diệu nhất để các anh vững vàng tay súng bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân.  \* Hình ảnh người lính trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính:  Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ vô cùng ác liệt, người lính đã người lên phẩm chất cao đẹp:  - Tư thế hiên ngang, tinh thần lạc quan, dũng cảm, coi thường hiểm nguy.  - Tình đồng chí đồng đội cao đẹp, gắn bó keo sơn.  - Tình yêu Tổ quốc thiết tha và ý chí chiến đấu vì miền Nam ruột thịt. |
| **b) Điểm giống và khác nhau về hình ảnh người lính trong hai bài thơ:** | |
|  | \* Điểm giống nhau:  - Người lính trong hai bài thơ đều có những phẩm chất cao quý của anh bộ đội Cụ Hồ:  + Lòng yêu nước thiết tha, sự dũng cảm, can trường.  + Tinh thần lạc quan, lãng mạn, yêu đời.  + Tình đồng chí đồng đội thiêng liêng cao đẹp.  - Bút pháp tả thực kết hợp lãng mạn, tìm ra chất thơ ngay trong những chi tiết đời thường đã tạo ra chân dung người lính chân thực nhưng cũng rất lãng mạn.  \* Điểm khác nhau:  - Hoàn cảnh của hai cuộc kháng chiến khác nhau. Cuộc kháng chiến chống Pháp buổi đầu, người lính gặp muôn vàn gian khổ, thiếu thốn. Cuộc kháng chiến chống Mỹ, họ phải chịu sự khốc liệt của bom đạn chiến tranh, Sự tàn bạo dã man của kẻ thù.  - Tiếp nối vẻ đẹp của người lính thời chống Pháp, người lính thời chống Mỹ đã nâng tình cảm đồng chí lên thành tình cảm gia đình ruột thịt để họ có thêm sức mạnh quyết tâm tiêu diệt kẻ thù.  - Ngôn ngữ thơ trong bài Đồng chí giản dị, mộc mạc như lời ăn tiếng nói hằng ngày của những người lính nông dân, cảm xúc dồn nén, hình ảnh cô đọng, hàm súc. Còn Bài thơ về tiểu đội xe không kính, người lính trong thời chống Mỹ lại hiện lên sinh động qua ngòi bút trẻ trung, ngôn ngữ hóm hỉnh, ngang tàng, đậm chất khẩu ngữ… |
| **\* Đánh giá:**  - Hình tượng người lính dù ở thời kỳ kháng chiến chống Pháp hay kháng chiến chống Mỹ đều mang phẩm chất cao đẹp của anh bộ đội cụ Hồ thời đại đã cung cấp cho các nhà thơ những nguyên mẫu đẹp đẽ, họ tạo nên những hình tượng làm xúc động lòng người.  - Viết về những người lính, các nhà thơ nói về chính mình và những người đồng đội của mình. Vì thế, hình tượng người chân thật và sinh động... | |
| **3. Kết bài** | - Khẳng định: lòng yêu nước và sự quyết tâm chống giặc ngoại xâm đó là nét đẹp truyền thống của dân tộc Việt Nam xưa nay. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, vẻ đẹp đó được tỏa sáng và phát huy trong hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ.  - Liên hệ bài học: thế hệ cháu con tiếp nối cha ông, gìn giữ đất nước tươi đẹp , sống có trách nhiệm xây dựng đất nước ta ngày càng mạnh giàu. |

**BÀI 3: ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ(Huy cận)**

**Đề bài luyện tập:**

|  |
| --- |
| **Đề 1:** Phân tích bài thơ Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận.  **Đề 2:** Hình ảnh trăng xuất hiện trong ba bài thơ: Đồng chí của Chính Hữu, Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận, Ánh trăng của Nguyễn Duy. Em hãy phân tích và so sánh hình ảnh trăng trong ba bài thơ đó để làm rõ những nét thống nhất và những nét đặc sắc riêng trong mỗi tác phẩm. |

***Hướng dẫn làm bài:***

**Đề 1: Phân tích bài thơ Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Huy Cận( 1919- 2005) tên thật là Cù Huy Cận, quê ở Hà Tĩnh. Ông là một trong những gương mặt tiêu biểu nhất của phong trào Thơ mới và là một nhà thơ tiêu biểu cho nền thơ ca hiện đại Việt Nam.  - Bài thơ Đoàn thuyền đánh cá rút từ tập Trời mỗi ngày lại sáng (1958) được Huy Cận sáng tác trong chuyến đi thực tế về vùng mỏ Quảng Ninh năm 1958. Bài thơ là một khúc tráng ca khỏe khoắn, hào hùng ngợi ca vẻ đẹp tráng lệ, kì vĩ, thân thuộc của thiên nhiên và vẻ đẹp của người lao động mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Từ đó, nhà thơ bộc lộ niềm vui, niềm tự hào trước đất nước, con người và cuộc sống. |
| **2. Thân bài** |  |
| ***a) Đoàn thuyền đánh cá ra khơi và tâm trạng náo nức của người đi biển (hai khổ đầu)*** | |
|  | \* Cảnh biển vào đêm,vừa rộng lớn lại vừa gần gũi với con người qua những liên tưởng độc đáo:  Mặt trời xuống biển như hòn lửa  Sóng đã cài then, đêm sập cửa.  - Chi tiết " Mặt trời xuống biển"có thể gây ra sự thắc mắc của người đọc, vì bài thơ tả cảnh đoàn thuyền đánh cá ở vùng biển miền Bắc, mà ở biển nước ta, trừ vùng tây nam thường chỉ thấy cảnh mặt trời mọc trên biển chứ không thể thấy cảnh mặt trời lặn xuống biển. Ở đây,hình ảnh mặt trời xuống biển là được nhìn từ trên con thuyền đang ra biển và từ một hòn đảo vào lúc hoàng hôn, nhìn về phía tây qua một khoảng biển thì vẫn có thể thấy như mặt trời xuống biển.  - Phép so sánh:" Mặt trời xuống biển như hòn lửa" gợi cảnh tượng tráng lệ khi hoàng hôn rực lên lần cuối phía chân trời. Giữa bốn bề là nước, nhìn về phía tây có cảm giác mặt trời như một hòn than cháy hồng đang lặn xuống biển.  - Nhân hóa: " Sóng đã cài then, đêm sập cửa", Huy Cận đã có một liên tưởng thật bất ngờ: vũ trụ bao la trở thành ngôi nhà lớn, màn đêm bao phủ là tấm cửa khổng lồ, những lượn sóng lăn qua lăn lại trên đại dương là những then cửa.  \* Đoàn thuyền ra khơi và tâm trạng đạo đức của con người:  - Hoàng hôn buông xuống, vũ trụ nghỉ ngơi, người lao động lại bắt đầu một chuyến ra khơi. Họ chủ động mở cửa vũ trụ, đi trong biển đêm như đi trong ngôi nhà thân thuộc của mình. Phó từ "lại" khẳng định công việc đánh cá đêm đã trở thành nhịp sống thân quen:  Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi  - Khí thế phấn chấn, hào hứng, ngập tràn niềm vui, niệm lạc quan của người lao động:" Câu hát căng buồm cùng gió khơi" . Ba hình ảnh: câu hát, cánh buồm, gió khơi ơi bỗng hòa vào nhau trong một câu thơ thể hiện trí tưởng tượng phong phú, lãng mạn. Người đánh cá căng buồm và cất lên câu hát, nhà thơ có cảm giác như chính câu hát ấy đã làm căng cánh buồm. Câu hát mang theo niềm vui,sự phấn chấn của người lao động trở thành sức mạnh cụ thể cùng với gió biển làm căng cánh buồm để con thuyền lướt sóng ra khơi.  - Câu hát của người lao động còn mang theo một niềm mong mỏi tha thiết, vừa hiện thực vừa lãng mạn:  Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng,  Cá thu biển Đông như đoàn thoi  Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng.  Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi!  + Ngắt nhịp linh hoạt: ba câu thơ dưới nắp theo nhịp 4/3 cổ điển, câu thơ đầu khổ thơ ngắt nhịp phá cách ⅖ tạo âm hưởng vừa trang trọng vừa khỏe khoắn.  + Hình ảnh so sánh đẹp, độc đáo: từ dáng cá hình thoi, nhà thơ chợt liên tưởng đến biển như một tấm lụa lớn mà đàn cá là" đoàn thoi"đang vun vút qua lại. Liên tưởng này lại kéo theo một liên tưởng khác: "đoàn thoi" cá dệt nên tấm lưới của người dân chài. Tiếng hát thể hiện mong ước hồn hậu của ngư dân: mong ước biển lặng, sóng êm, ngợi ca vẻ đẹp và sự giàu có của biển cả và cả mong ước chuyến đi chiến thắng trở về. |
| ***b) Đoàn thuyền đánh cá trên biển và khí thế của người lao động (bốn khổ giữa)*** | |
|  | - Con thuyền vốn nhỏ bé trước biển cả bao la, qua cái nhìn của nhà thơ chợt trở nên lớn lao, kì vĩ, hòa nhập với kích thước của vũ trụ:  Thuyền ta lái gió với buồm trăng  Lướt giữa mây cao với biển bằng,  Ra đậu dặm xa dò bụng biển,  Dàn đan thế trận lưới vây giăng.  + Hình ảnh "thuyền" được đặt trong mối quan hệ hài hòa với thiên nhiên, là trung tâm được vũ trụ, thiên nhiên quây quần trợ giúp: gió là bánh lái, gió lái thuyền đi; trăng là buồm, buồm đầy trăng sáng, thể hiện trí tưởng tượng bay bổng, lãng mạn.  + Động từ "lướt" diễn tả vận tốc rất lớn, sự điêu luyện của tay lái. Đoàn thuyền lướt đi trong không gian bao la trong tư thế làm chủ biển trời, vũ trụ, trong khát vọng chinh phục đại dương. Đoàn thuyền chủ động " Ra đậu dặm xa dò bụng biển", lập thế trận " lưới vây giăng". Chủ động nắm bắt thiên nhiên bằng trí tuệ, lòng dũng cảm và cả sự quyết tâm làm giàu cho đất nước.  - Công việc lao động của người đánh cá vốn nặng nhọc đã được nhà thơ diễn tả thật hào hứng, khỏe khoắn và lãng mạn.  Ta hát bài ca gọi cá vào  Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.  …  Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng,  Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng.  + Khí thế lao động mỗi lúc một hăng say, hào hứng. Người lao động cất cao tiếng hát mê say lao động, ngợi ca biển cả với bao ân tình sâu nặng, thiết tha.  + Thiên nhiên thơ mộng không chỉ là nơi diễn ra công việc lao động mà còn giúp sức lao động cùng con người: sao lùa nước Hạ Long, trăng gõ vào mạn thuyền... cùng người lao động đuổi cá vào lưới. Hoạt động của con người nhịp nhàng cùng thiên nhiên vũ trụ.  + Công việc lao động ngày càng khẩn trương. Người lao động hiện lên đẹp nhất, khỏe khoắn nhất là giây phút kéo lưới. Thành quả lao động của họ mỹ mãn, là"chùm cá nặng" mà mẹ biển đáp đền. Từng khoang thuyền đầy ắp cá"vẩy bạc đuôi vàng" lấp lánh chào đón ánh bình minh.  - Cảnh biển đẹp lộng lẫy với hình ảnh đàn cá. Có khi đàn cá được miêu tả trong ánh trăng sao  Cá thu biển Đông như đoàn thoi  Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng  …  Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,  Cái đuôi em quẫy trăng vàng choé.  Có khi hiện lên trong ánh bình minh.  Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông  …  Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.  Hình ảnh đàn cá trên biển có vẻ đẹp của tranh sơn mài lung linh, huyền ảo là biểu tượng cho vẻ đẹp kỳ thú , tráng lệ về biển cả quê hương. Ở đây, trí tưởng tượng đã nối dài, chắp cánh cho hiện thực trở nên Kỳ ảo, làm giàu thêm cái đẹp vốn có trong tự nhiên: khiến công việc lao động nặng nhọc trở nên thú vị, đầy niềm vui khi bội thu những mẻ cá lớn. |
| ***c) Đoàn thuyền đánh cá trở về (khổ cuối)*** | |
|  | - Đoàn thuyền đánh cá trở về trong khung cảnh bình minh một ngày mới rực rỡ huy hoàng.  Câu hát căng buồm cùng gió khơi,  Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời,  Mặt trời đội biển nhô màu mới,  Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.  + Khổ thơ cuối hô ứng với khổ thơ đầu. Đối xứng với cảnh: "Mặt trời xuống biển như hòn lửa" là cảnh "Mặt trời đội biển nhô màu mới", biểu hiện nhịp tuần hoàn của vũ trụ.  +Lặp lại dòng thơ " Câu hát căng buồm cùng gió khơi" chỉ đổi chữ "với" thành chữ "cùng". Tiếng hát của người dân chài xuất hiện trong toàn bài thơ: từ lúc ra khơi, trong khi đánh cá cho đến lúc trở về. Chữ "hát" xuất hiện bốn lần trong bài thơ, đem lại âm điệu tươi vui, khỏe khoắn của một khúc ca lao động đầy hào hứng, say mê.  Sau một đêm thức trắng giữa biển khơi,đoàn thuyền trở về trong khúc ca khải hoàn thắng lợi vẫn có thiên nhiên bầu bạn bên mình. Người lao động vẫn trong tư thế sánh ngang cùng vũ trụ, làm chủ thiên nhiên vũ trụ trong cách nói khoa trương giàu màu sắc lãng mạn: " Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời" . Hành trình về bến của đoàn thuyền hoà nhập với khí thế đi lên của mặt trời vũ trụ hứa hẹn cuộc sống tươi đẹp đang bắt đầu nở hoa từ trong lao động. |
| **\* Đánh giá:**  - Bài thơ có nhiều sáng tạo trong việc xây dựng hình ảnh thơ đẹp tráng lệ về biển trời vũ trụ bằng sự liên tưởng, tưởng tượng phong phú và độc đáo; âm hưởng khỏe khoắn, sôi nổi, hào hùng, lạc quan; cảm hứng hiện thực và lãng mạn hòa hợp đan cài.  - Theo hành trình chuyến ra khơi của đoàn thuyền đánh cá, bài thơ là một khúc tráng ca về lao động,ca ngợi con người lao động với tinh thần làm chủ và về thiên nhiên đất nước giàu đẹp. Từ đó, nhà thơ bộc lộ niềm vui, niềm tự hào, tin tưởng trước đất nước, con người và cuộc sống mới. | |
| **3. Kết bài** | Bài thơ là những bức tranh đẹp, rộng lớn kế tiếp nhau về hình ảnh thiên nhiên và đoàn thuyền đánh cá. Thiên nhiên như một người bạn thân thiết, đồng hành cùng cuốc sống của con người. Hình ảnh người lao động trong bài thơ được sáng tạo với cảm hứng lãng mạn, thể hiện niềm tin, niềm vui trước cuộc sống mới. Đoàn thuyền đánh cá là một bài thơ hay, thể hiện rõ nét sự thay đổi của hồn thơ Huy Cận sau Cách Mạng. |

**Đề 2: Hình ảnh trăng xuất hiện trong ba bài thơ: Đồng chí của Chính Hữu, Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận, Ánh trăng của Nguyễn Duy. Em hãy phân tích và so sánh hình ảnh trăng trong ba bài thơ đó để làm rõ những nét thống nhất và những nét đặc sắc riêng trong mỗi tác phẩm.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. 1. Mở bài** | - Thơ ca dân tộc viết về trăng.  - Ba bài thơ: Đồng chí của Chính Hữu, Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận,Ánh trăng của Nguyễn Duy đều nhắc đến vầng trăng thiên nhiên nhưng mỗi nhà thơ lại khai thác vẻ đẹp vầng trăng theo cảm quan riêng để làm nổi bật tư tưởng, chủ đề mỗi tác phẩm. |
| **2. Thân bài** |  |
| ***a) Cảm nhận về hình ảnh trăng trong từng bài thơ*** | |
|  | \* Hình ảnh trăng trong bài Đồng chí của Chính Hữu.  - Trăng là vẻ đẹp vĩnh hằng của cuộc sống, của thiên nhiên lãng mạn, là biểu tượng cho cuộc sống hòa bình, là hình ảnh đất nước quê hương.  - Trăng soi sáng cho những người lính trong những đêm phục kích nơi núi rừng hoang vu lạnh giá. Trăng là nhân chứng soi sáng cho tỉnh đồng chí gắn bó keo sơn trong cuộc chiến đấu gian khổ. Trăng là đích hướng về của những người lính, họ phục kích trong những đêm nay là để hướng tới vầng trăng hòa bình, để bầu trời mãi có ánh trăng soi.  - Trăng còn là vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ: lạc quan và lãng mạn. Bên cạnh những phút giây phục kích, sẵn sàng chờ giặc tới căng thẳng, hồi hộp nhưng tâm hồn các anh lúc nào cũng trong trẻo, tròn đầy .  \* Trăng trong Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận:  - Trăng là hình ảnh của thiên nhiên . Trăng lên khi đoàn thuyền đánh cá ra khơi, trăng như cánh buồm chuyên chở và nâng bổng niềm vui hào hứng của những người lao động:" thuyền ta lái gió với buồm trăng".  - Trăng là nét vẽ tài tình, tinh tế dệt nên biển đêm tráng lệ, rực rỡ sắc màu, nóng lạnh như bức tranh sơn mài:  Cá nhụ, cá chim cùng cá đé ,  Cá song lấp lánh đuốc đen hồng  Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe  Đêm thở: sao lùa nước Hạ Long.  - Trăng là bầu bạn giúp đỡ con người, cùng lao động với người để hoạt động của con người nhịp nhàng cùng thiên nhiên, vũ trụ.  Ta hát bài ca gọi cá vào  Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.  \* Thuyền trong bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy:  - Vầng trăng trong hoài niệm:  + Thời thơ ấu: trăng là vẻ đẹp của thiên nhiên vĩnh hằng, là bầu bạn của tuổi thơ, trăng ngập tràn trên cánh đồng, dòng sông, bãi bể... người đi đâu, làm gì cũng có vầng trăng là bạn. Trăng đã nuôi lớn tâm hồn tuổi ấu thơ của người lính.  + Khi trưởng thành: Người lính chiến đấu ở rừng sâu, " vầng trăng thành tri kỉ". Trăng là ánh sáng cho những đêm tối chiến tranh. Trăng làm bạn với người chân thành, vô tư, tình cảm giữa người với vầng trăng là tri kỉ, tình nghĩa.  - Vầng trăng hiện tại:  + Đó là vầng trăng hiện thực: cuộc sống đổi thay, trăng vẫn như xưa, vẫn ngày ngày qua ngõ, vẫn dõi theo người nhưng người đã ngoảnh mặt làm ngơ, coi trăng như người dưng xa lạ.  + Là ánh trăng cảm hóa: khiến lòng người xúc động trào dâng:"có cái gì rưng rưng", ánh trăng đánh thức quá khứ tươi đẹp đã ngủ yên trong lòng người" từ hồi về thành phố". Sự bao dung nhưng cũng rất nghiêm khắc của vầng trăng đã có sức cảm hóa lớn khiến người "giật mình" nhìn lại mình, nhận ra lối sống bạc bẽo, vô tình của mình để sống tốt hơn, tình nghĩa hơn. Ánh trăng là ánh sáng của lương tri, ánh sáng của đạo làm người. |
| ***b) Điểm giống nhau và khác nhau*** | |
|  | \* Điểm giống nhau:  - Đều là hình ảnh thiên nhiên đẹp, trong sáng, thanh bình.  - Đều là người bạn tri kỉ với con người trong lao động, trong chiến đấu và trong sinh hoạt hằng ngày.  - Đều mang ý nghĩa tả thực và biểu tượng, thể hiện cách cảm nhận của tác giả về con người, cuộc sống và đất nước.  \* Điểm khác nhau:  - Trăng trong *Đồng chí, Đoàn thuyền đánh cá* chỉ hiện lên chốc lát nhưng vầng trăng trong *Ánh trăng* lại gắn bó với một đời người trong quá khứ, hiện tại và cả tương lai.  - Nếu như vầng trăng trong *Đồng chí, Đoàn thuyền đánh cá* chỉ soi vào phần tươi đẹp cuộc sống con người, vào chính diện của cuộc đời, thì Ánh trăng lại soi rọi vào góc khuất tâm hồn của con người để thức tỉnh lương tri, giúp người ta biết sống ân nghĩa, thủy chung.  - Bút pháp miêu tả:  + Trăng trong *Đoàn thuyền đánh cá* được thể hiện chủ yếu bằng cảm hứng lãng mạn gắn liền với cảm ứng vũ trụ thường thấy trong thơ Huy Cận kết hợp bút pháp phóng đại góp phần tạo ra bức tranh kì vĩ tráng lệ, ca ngợi sự giàu đẹp của quê hương, đất nước.  + Trăng trong *Đồng chí* của Chính Hữu có sự kết hợp giữa bút pháp hiện thực và lãng mạn góp phần thể hiện nét đẹp tâm hồn của người lính.  + Trăng trong *Ánh trăng* của Nguyễn Duy thể hiện bằng ngòi bút hướng nội với những suy tư của con người đương đại về cách sống, cách ứng xử của con người. Từ ánh trăng mà gợi ra nhiều chiêm nghiệm mang tính triết lý. |
| **\* Đánh giá:** Thể thơ 5 chữ, giọng điệu thơ tâm tình, tự nhiên kết hợp tự sự với trữ tình; nhịp thơ khi chảy trôi tự nhiên, nhịp nhàng theo lời kể, khi thì ngân nga thiết tha cảm xúc, lúc lại trầm lắng biểu hiện suy tư , “ Ánh trăng” như là một lời tâm sự của tác giả về những năm tháng gian khỗ đã đi qua với những tình cảm bình dị, hiền hậu. Đồng thời bài thơ còn gửi gắm đến chúng ta một thái độ sống tích cực: “ Uống…” | |
| **3. Kết bài** | Với sự sáng tạo tài tình của ba nhà thơ, hình ảnh trăng trong ba tác phẩm thật sự là hình ảnh đẹp, để lại trong lòng độc giả những cảm xúc dạt dào, sâu lắng. |

**BÀI 4: BẾP LỬA(Bằng Việt)**

**Đề bài luyện tập:**

|  |
| --- |
| **Đề 1:** Phân tích bài thơ Bếp lửa của nhà thơ Bằng Việt.  **Đề 2:** Trình bày cảm xúc và hiểu biết của em về hình ảnh " bếp lửa" trong bài thơ cùng tên của Bằng Việt.  **Đề 3 :** Tình cảm bà cháu thiêng liêng trong bài thơ Bếp lửa của nhà thơ Bằng Việt. |

**Đề 1: Phân tích bài thơ Bếp lửa của nhà thơ Bằng Việt.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. 1. Mở bài** | - Bằng Việt (1941) là một trong những gương mặt tiêu biểu của thế hệ thơ trẻ, trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Thơ Bằng Việt trong trẻo,thường khai thác những kỷ niệm trong sáng thuở thiếu thời và khơi gợi ước mơ của tuổi trẻ.  - Bài thơ Bếp lửa được sáng tác năm 1963, in trong tập Hương cây- Bếp lửa (1968), là tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ. Qua hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ gợi lại những kỉ niệm đầy xúc động về bà và tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kính yêu, trân trọng và biết ơn của cháu dành cho bà và cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước. |
| **2. Thân bài** |  |
| ***a) Bếp lửa khơi nguồn cảm xúc nhớ thương*** | |
|  | - Bài thơ mở ra bằng hình ảnh bếp lửa ở làng quê Việt Nam. Dòng hoài niệm của người cháu xa quê được khơi lên từ hình ảnh" Một bếp lửa chờn vờn" , "Một bếp lửa ấp iu nồng đượm". Ba tiếng "một bếp lửa" trở thành điệp khúc mở đầu bài thơ với giọng điệu sâu lắng, với một hình ảnh quen thuộc trong mọi gia đình. Hình ảnh bếp lửa thật ấm áp giữa cái lạnh của"chờn vờn sương sớm" , thật thân thương với vào tình cảm " ấp iu nồng đượm". Từ "ấp iu" vừa diễn tả chính xác công việc nhóm bếp, vừa gọi ra bàn tay kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng của người nhóm bếp.  - Khi bếp lửa hiện diện, rất tự nhiên đã đánh thức dòng cảm xúc hồi tưởng của cháu về bà:  Cháu thương bà biết mấy nắng mưa. |
| ***b) Kỷ niệm thời ấu thơ bên bà trong những tháng năm chiến tranh gian khổ*** | |
|  | - Cháu nhớ về thời thơ ấu khi lên bốn, dấu ấn bếp lửa nhà nghèo gắn với nạn đói mòn đói mỏi năm 1945 đã hằn in vào tâm trí. Trong cái đói mòn đói mỏi, bếp lửa nhà nghèo cứ ám ảnh khiến mỗi lần nghĩ lại, cháu lại cay xè nơi sống mũi vì hoàn cảnh cơ cực, vì sự nghèo khổ của bà. " Lên bốn tuổi" cháu đã sớm phải lo toan, sớm "đã quên mùi khói", sau đó suốt " Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa". Cho nên nhớ về tuổi thơ, nhân vật trữ tình" Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu - Nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay". Cảm giác ấy thật chân thực và xúc động.  - Cháu nhớ về cuộc sống của hai bà cháu khi quê hương, đất nước có chiến tranh:  + Trong những tháng năm cơ cực, cuộc sống gia đình chỉ có bà và cháu cặm cụi bên nhau bởi "Mẹ cùng cha công tác bận không về". Cháu được sống trong sự chăm chút, cưu mang, dạy dỗ của bà, cháu lớn lên bên bếp lửa của bà. Bên bếp lửa hồng hồng, bà kể chuyện những ngày ở Huế, chuyện thực tại, chuyện tương lai... Bà là cha, là mẹ chăm lo, dạy dỗ, bảo ban cháu âm thầm, nhẫn nại, bền bỉ, chắt chiu. Trong suốt tám năm, cháu cùng bà nhóm lửa để thắp lên niềm tin và hi vọng. Tình bà ấm áp lại càng thêm ấm áp hơn bên bếp lửa.  + Bên bếp lửa, cháu nhớ: " Giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi" , khiến cho: " Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi". Cuộc sống của hai bà cháu trước cảnh càn quét của giặc Pháp cũng chất chồng những vất vả, khó khăn. Từ trong cảnh hoang tàn đổ nát của làng xóm quê hương, bà một mình chịu đựng, một mình hi sinh để các con yên tâm lo việc kháng chiến. Bà lại gượng dậy, chắt chiu, gom góp, hồi sinh sự sống:  Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen  Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn  Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng…  - Bếp lửa đánh thức thêm một kỉ niệm của tuổi thơ: tiếng chim tu hú. Tiếng chim quen thuộc của đồng quê cũng trở thành một phần thân thương không thể thiếu của kỉ niệm. Cháu tha thiết nhớ tiếng" Tu hú kêu trên những cánh đồng xa". Trong lời kể của bà, có cả " Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!". Tâm hồn trẻ thơ của cháu chợt dấy lên một mong mỏi da diết:  Tu hú ơi ! Chẳng đến ở cùng bà  Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?  Âm điệu tha thiết của câu thơ gợi ra tình cảnh vắng vẻ, côi cút , vời vợi nhớ thương của hai bà cháu.  Mỗi kỉ niệm, cháu đều được bà chở che, nâng niu, ôm ấp, vỗ về. Bằng Việt vừa khơi gợi những kỉ niệm tuổi thơ, vừa trực tiếp bày tỏ cảm xúc, suy nghĩ của mình về những kỉ niệm đó và về bà kính yêu. Mỗi kỉ niệm mở ra không chỉ gắn với tuổi thơ Bằng Việt, không chỉ gắn với cuộc đời của bà mà còn gắn liền với những dấu ấn của quê hương, đất nước ngày hôm qua. |
| ***c) Suy ngẫm về bà và bếp lửa quê hương*** | |
|  | Cháu suy ngẫm về cuộc đời, về ân nghĩa sâu nặng của bà, về bếp lửa khi cháu khôn lớn trưởng thành.  - Cháu thấu hiểu cuộc đời bà là cuộc đời lận đận gian nan chưa từng một ngày an nhàn, sung sướng. Cuộc đời bà là hiện thân cuộc đời dân tộc. Cháu thấu hiểu vì vất vả khó khăn nên đức hi sinh , sự tảo tần," thói quen dậy sớm" của bà đã trở thành nếp sống không thể đổi thay trong suốt mấy chục năm qua.  Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa  Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ  Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm  Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm  - Cháu hiểu: " Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm" là để nhóm lên bếp lửa hồng, nhóm lên tình yêu thương trong lòng cháu. Giữa bà và bếp lửa như có nét tương đồng. Bà là người ấp iu giữ lửa, người nhóm lửa để ngọn lửa của tình yêu thương trong mỗi gia đình cháy sáng, nối kết quá khứ, hiện tại, tương lai:  + Bếp lửa bà nhóm lúc nào cũng lung linh cháy sáng trong lòng cháu. Điệp từ "nhóm" bốn lần lặp lại đầu mỗi câu thơ đã bồi đắp, tỏa sáng dần dần nét kì lạ của bếp lửa và soi sáng chân dung, tình nghĩa của bà.  + Bà nhóm " Bếp lửa ấp iu nồng đượm" để cháu có " khoai sắn ngọt bùi" ," nồi xôi gạo mới" . Cao hơn nữa,bếp lửa bà nhóm nên là để sẻ chia niềm vui với làng xóm, cộng đồng. Bà nhóm bếp đâu chỉ bằng nguyên liệu rơm, củi,... mà bằng "ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn" để truyền cho cháu tình yêu thương, tình đoàn kết:  Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen  Một ngọn lửa lòng bà luôn ủ sẵn  Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng…  Từ bếp lửa,bài thơ đã gợi đến hình ảnh ngọn lửa với ý nghĩa trừu tượng, khái quát. Bếp lửa của bà đâu chỉ có ngọn lửa cụ thể được nhen lên bằng rơm, bằng củi! Ở đó, còn có ngọn lửa thiêng liêng trong lòng bà, ngọn lửa của lòng yêu thương, của niềm tin, của sức sống thầm lặng mà mãnh liệt. Hình ảnh bếp lửa đã mang ý nghĩa tượng trưng sâu sắc: tình thương - sự sống - niềm tin bất diệt.  Kì diệu hơn, bà còn " Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ" để vun đắp ước mơ cho cháu. Từ ngọn lửa của bà , cháu nhận ra cả một" niềm tin dai dẳng" về ngày mai, cháu hiểu được linh hồn của một dân tộc vất vả, gian lao mà tình nghĩa:  Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi  Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui  - Trưởng thành, sống xa bà, cháu hiểu bếp lửa là hiện thân của tình bà, của tình yêu thương bà dành cho cháu, là kỷ vật thiêng liêng của tình bà cháu, là hồn quê Việt Nam. Nó là hành trang, là chỗ dựa tinh thần nâng bước chân cháu suốt hành trình dài rộng của cuộc đời để cháu có sự trưởng thành hôm nay. Khi cảm xúc trào dâng, khi lòng biết ơn bà sâu sắc, cháu thốt lên: " Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa ! " . nhà thơ đã cảm nhận được trong hình ảnh bếp lửa bình dị mà thân thuộc sự kì diệu, thiêng liêng.  - Bài thơ khép lại là lời tâm sự, lời gửi nhắn của cháu với bà :  Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu  Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả  Điệp từ "trăm" mở ra một thế giới rộng lớn với những điều mới mẻ. Cháu đã được sống với những niềm vui rộng mở . Nhưng giữa "ngọn khói trăm tàu" , "ngọn lửa trăm nhà" , cháu vẫn luôn nhớ về bếp lửa nồng đượm của quê hương vì nơi đó có bà. Nỗi nhớ bà nồng nàn chất đầy trong câu nghi vấn: " Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?" Câu hỏi là lời khẳng định, lời hứa đinh ninh, chẳng bao giờ cháu quên quá khứ , chẳng bao giờ cháu quên bà và bếp lửa tuổi thơ.  Một người con xa quê hương, đất nước, nhớ về bà, nhớ về bếp lửa là nhớ về tổ ấm gia đình, nhớ quê hương đất nước, là tri ân sâu sắc với cội nguồn. Bài thơ đã khéo léo mở rộng từ tình bà cháu thành tình yêu quê hương đất nước, từ kỉ niệm gần gũi, thiêng liêng thành lẽ sống trên đường đời. |
| **\* Đánh giá:**  Với sự kết hợp hài hòa của các phương thức biểu đạt: biểu cảm, tự sự, mjieeu tả, bình luận, hình ảnh thơ đẹp, chất thơ trong trẻo, trẻ trung… qua dòng hồi tưởng của người cháu đã trưởng thành, nhớ lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và bếp lửa, nhà thơ đã bộc lộ những tình cảm thiêng liêng, sâu nặng đối với gia đình, quê hương, đất nước. | |
| **3. Kết bài** | “*Bếp lửa*” là một bài thơ hay và độc đáo. Bài thơ không chỉ nói về bà, về tình bà cháu mà còn có ý nghĩa triết lý thầm kín: những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có lúc tỏa sáng, nâng đỡ con người suốt cả cuộc đời . Tình yêu thương và lòng biết ơn bà chính là một biểu hiện của tình yêu thương , gắn bó với gia đình, quê hương và đó cũng là khởi đầu của tình người, tình yêu nước. |

**Đề 2: Trình bày cảm xúc và hiểu biết của em về hình ảnh " bếp lửa" trong bài thơ cùng tên của Bằng Việt.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | Bằng Việt ( 1941 ) là một trong những gương mặt tiêu biểu của thế hệ thơ trẻ, trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Bài thơ bếp lửa được nhà thơ sáng tác năm 1963. Qua việc sáng tạo hình ảnh bếp lửa xuyên suốt bài thơ, nhà thơ gợi lại những kỉ niệm đầy xúc động về bà và tình bà cháu, tình yêu gia đình, quê hương, đất nước.  ( Tài liệu: Nguyễn Nga- nhóm ngữ văn THCS) |
| **2. Thân bài** |  |
| - Bếp lửa khơi nguồn cảm hứng để người cháu xa quê tìm về với bà yêu kính nơi quê nhà. | |
|  | Nhắc đến hình ảnh " Một bếp lửa chờn vờn", "Một bếp lửa ấp iu nồng đượm", cháu nhớ ngay đến người bà yêu kính và bộc lộ cảm xúc nhớ thương trực tiếp với bà" Cháu thương bà biết mấy nắng mưa". |
| - Bếp lửa thân thương gợi cho cháu sống lại cả ký ức thời ấu thơ bên bà trong những tháng năm chiến tranh gian khổ, nhọc nhằn. | |
|  | + Bố mẹ cháu đi không tác xa , cháu lớn lên bên bếp lửa của bà. Bên bếp lửa,cháu có bao nhiêu kỷ niệm không thể mờ phai về quê hương, đất nước trong những năm giặc tàn phá.  + Bên bếp lửa của bà, cháu cũng nhận ra vẻ đẹp tảo tần nhẫn nại, nghị lực sống phi thường, đức hy sinh, tình yêu thương con quý cháu và cả lòng yêu nước thiết tha bỏng cháy của bà. |
| - Bếp lửa trở thành tứ thơ hay, chứa đựng ý nghĩa biểu tượng sâu sắc. | |
|  | + Trưởng thành, sống xa bà, cháu hiểu bếp lửa là hồn quê Việt Nam. Bếp lửa là hiện thân của tình bà, của tình yêu thương bà dành cho cháu, là kỷ niệm thiêng liêng của tình bà cháu. Nó nâng bước chân cháu suốt hành trình dài rộng của cuộc đời để cháu có chuyến đi du học hôm nay.  + Bếp lửa bình dị, quen thuộc trong mỗi gia đình Việt Nam đã trở thành điều " Kì lạ và thiêng liêng", lúc nào cũng nồng đượm, ấm mãi, sáng mãi trong lòng cháu. |
| **3. Kết bài** | Hình ảnh bếp lửa trở đi trở lại nhiều lần trong bài thơ là sợi dây xâu chuỗi cảm xúc và ý nghĩa toàn bài. Nó soi sáng chân dung, vóc dáng, nghĩa tình của bà với con cháu, với xóm làng, với quê hương, đất nước. Từ hình ảnh bếp lửa của tuổi thơ, Bằng Việt đã giúp người đọc nhận ra những kỉ niệm của tuổi thơ luôn có sức tỏa sáng và nâng đỡ con người trong suốt cuộc đời bể dâu, để mỗi người biết thêm yêu gia đình, yêu quê hương đất nước,biết trân trọng và nâng niu kỷ niệm tuổi thơ. |

**Đề 3 : Tình cảm bà cháu thiêng liêng trong bài thơ Bếp lửa của nhà thơ Bằng Việt.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | Giới thiệu tác giả, tác phẩm, Nêu ý nghĩa khái quát về tình bà cháu trong bài thơ Bếp lửa. |
| **2. Thân bài** |  |
| ***a) Tình cảm của bà dành cho cháu*** | |
|  | - Bà là người nhóm lên bếp lửa, tần tảo nuôi cháu, là ngọn lửa của tình yêu thương "ấp iu nồng đượm".  - Bà là cả thế giới tuổi thơ của cháu, người dành trọn tình yêu thương để chăm sóc, dạy dỗ cháu nên người với bao vất vả khi mẹ cha cháu vắng nhà ( dạy cháu làm, chăm cháu học…) . Những việc bà làm là sự cao cả, giàu đức hi sinh đối với con, với cháu, bà âm thầm chấp nhận tất cả không để con cháu lo lắng.  - Bà là chỗ dựa tinh thần vững chắc, là biểu tượng cho niềm tin bất diệt. Bếp lửa do tay bà nhóm mỗi sớm, mỗi chiều là nhóm lên tình yêu thương, niềm vui sưởi ấm, san sẻ. Bà là cội nguồn của những ngọt bùi, nồng đượm, là người vun đắp những " tâm tình tuổi nhỏ" của cháu... Bà là người nhóm lửa, cũng là người giữ lửa, truyền lửa để ngọn lửa luôn ấm nóng và tỏa sáng trong gia đình.  Hình ảnh bà luôn gắn với bếp lửa, hòa quyện, thấm thía và thiêng liêng.ba và bếp lửa là ký ức tuổi thơ đã nâng đỡ cho bước đường tương lai của cháu. Vì thế bà và bếp lửa gần gũi, bình dị với cháu mà trở thành những điều" kỳ lạ và thiêng liêng" đến giờ cháu mới nhận ra. |
| ***b) Tình cảm của cháu dành cho bà*** | |
|  | - Luôn gắn bó, quấn quýt, gần gũi với bà bên bếp lửa, thương bà vất vả suốt một đời với cuộc sống.  - Biết ơn chân thành với công ơn chăm sóc, nuôi dạy của bà, thấu hiểu nỗi vất vả mà bà phải gánh chịu và vượt qua; luôn suy nghĩ về bà với những tình cảm sâu sắc và thiêng liêng…  - Dù đã lớn khôn, đã được chắp cánh bay xa nhưng vẫn không quên ngọn lửa của bà, tấm lòng đùm bọc ấp iu của bà. Ngọn lửa ấy đã trở thành ngọn lửa ấm lòng, thành niềm tin thiêng liêng, kỳ diệu nâng bước người cháu trong suốt cuộc đời. Người cháu yêu bà, nhờ hiểu bà mà hiểu thêm dân tộc mình, nhân dân mình. |
| **3. Kết bài** | - Bài thơ có sự kết hợp giữa biểu cảm với tự sự, kết cấu chặt chẽ. Mạch thơ mang tính triết luận, thầm kín. Hình ảnh thơ mang tính biểu tượng sâu sắc; ngôn ngữ giàu tính biểu cảm, hàm súc…  - Bếp lửa tái hiện hình ảnh người bà quen thuộc, yêu thương, là một hồi ức đẹp về người bà trong trái tim mỗi người về tình bà cháu. Bài thơ đã mang đến một ý nghĩa triết lý sâu sắc: những gì là kỷ niệm thân thiết của tuổi thơ đều có sức tỏa sáng, nuôi dưỡng tâm hồn, nâng đỡ con người trong hành trình dài rộng của cuộc đời. Và tình cảm gia đình là cơ sở vững chắc của tình yêu quê hương đất nước. |

**BÀI 5: KHÚC HÁT RU NHỮNG EM BÉ LỚN TRÊN LƯNG MẸ (Nguyễn Khoa Điềm)**

**Đề bài luyện tập:**

**Đề bài:**Phân tích hình ảnh người mẹ Tà-ôi trong bài thơ Khúc hát ru những em bé trên lưng mẹ

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Nguyễn Khoa Điềm là một trong những nhà thơ tiêu biểu cho thế hệ thơ trẻ xuất hiện trong những năm chống Mĩ. Thơ Nguyễn Khoa Điềm giàu chất suy tư, những cảm xúc dồn nén thể hiện tâm tư và khát vọng vào cuộc chiến đấu giải phóng quê hương đất nước.  - Khúc hát ru…. viết năm 1971 là một trong những bài thơ thành công viết về hình ảnh những người phụ nữ Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ.  - Với âm hưởng ngọt ngào sâu lắng tha thiết của những khúc hát ru, bài thơ là khúc hát yêu thương con, khúc ca đầy khát vọng của người mẹ Tà Ôi trong những năm tháng kháng chiến chống Mĩ cứu nước. |
| **2. Thân bài** |  |
| **\* Khái quát:** Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ được Nguyễn Khoa Điềm sáng tác ở chiến khu phía Tây Thừa Thiên vào ngày 25/3/1971, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ đang dần đi đến thắng lợi, tuy nhiên đời sống chiến đấu của quân dân ta còn nhiều khó khăn gian khổ. Bài thơ được in trong tập Đất và khát vọng (1984), là sự kết hợp giữa thể thơ tám chữ và một số câu 7 chữ, âm điệu của bài thơ nhẹ nhàng, như ôm ấp, vỗ về của một lời ru, chính giọng điệu trữ tình này đã thể hiện được tình cảm thiết tha trìu mến của người mẹ đối với con, đối với cách mạng, với đất nước, quê hương.  \* Bài thơ có hai lời ru đan xen nhau được chia tách ra thành 3 đoạn với những điệp khúc và nhịp điệu láy đi láy lại tạo nên âm hưởng dìu dặt, tha thiết, trìu mến. Cả hai lời ru đều hướng tới một đối tượng trữ tình: em cu Tai.  Thứ nhất là lời ru của nhà thơ mở đầu bằng điệp khúc :  “Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi – Em ngủ cho ngoan đừng rời lưng mẹ”.  Thứ hai là lời ru của người mẹ với điệp khúc:  “Ngủ ngoan a – kay ơi, ngủ ngoan a kay hỡi”  Mỗi đoạn thơ trong bài thơ là một khúc hát ru và cả bài thơ là ba khúc hát ru tất cả đều hay, đều đằm thắm, ngọt ngào trong tình yêu và khát vọng của người mẹ Tà ôi. | |
| **1. Tình cảm của người mẹ Tà Ôi trong khúc hát ru thứ nhất:** | |
|  | Người mẹ Tà Ôi hiện lên là một người mẹ giầu tình thương con  và giầu lòng yêu nước  - Qua lời ru của tác giả,ta thấy người  mẹ ấy  luôn địu con trên lưng trong lúc làm việc, dù cho công việc có nặng nhọc, dù mẹ có vất vả thì em Cu Tai vẫn luôn bên mẹ:  “*Mẹ giã gạo, mẹ nuôi bộ đội*  *Nhịp chày nghiêng, giấc ngủ em nghiêng*  *Mồ hôi mẹ rơi má em nóng hổi”*  + Hình ảnh sóng đôi "nhịp chày nghiêng" và "giấc ngủ em nghiêng" đã vẽ lên hình ảnh người mẹ đang giã gạo chày tay trong khi đứa con nhỏ đang ngủ trên lưng, nhịp chày nghiêng, kéo theo giấc ngủ con nghiêng. Người mẹ ấy vẫn để Cu Tai có giấc ngủ trọn vẹn trên lưng mẹ. Tưởng như trong từng động tác của nhịp chày giã gạo cũng đã ngân lên nhịp điệu ru ngọt ngào và nhịp đưa em đều đặn an bình như trên một cánh võng êm.  + Bằng ngòi bút tả thực, tác giả miêu tả "Mồ hôi mẹ rơi má em nóng hổi" tô đậm nỗi vất vả nhọc nhằn của mẹ.  + Hình ảnh "Vai mẹ gầy" gợi vóc dáng nhọc nhắn, lam lũ của mẹ. Nhưng cũng chính đôi vai gầy ấy lại hóa thành chiếc gối êm đưa con vào giấc ngủ.  + Câu thơ “ lưng đưa nôi...” đã diễn tả sâu sắc và cảm động tình mẹ yêu con. Người mẹ Tà ôi lấy thân mình làm nôi, vai gầy làm gối và ru con không chỉ bằng lời ru thông thường mà ru con bằng lời ru từ trái tim, từ tình yêu con tha thiết sâu thẳm trong lòng mẹ.  => Người mẹ ấy hy sinh nhiều vô kể, mang nặng đẻ đau, đôi tay tảo tần giã gạo, đôi vai làm chiếc gối, tấm lưng làm chiếc nôi và hát ru con ngủ bằng cả trái tim yêu thương tràn đầy.  - Trong lời ru của mẹ, mẹ đã gửi gắm, mong muốn bao điều tốt đẹp cho con:  “Mẹ thương A -Kay, mẹ thương bộ đội”  Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần  Mai sau con lớn vung chày lún sân”  Điệp ngữ “mẹ thương” xuất hiện trong câu thơ ngắt hai vế đều đặn  đã cho thấy người mẹ thương con như thương bộ đội, lòng yêu con gắn liền với tình yêu người kháng chiến.  Hình ảnh “ hạt gạo trắng ngần”  Cho thấy người mẹ Tà Ôi mong có gạo để nuôi bộ đội, mẹ còn mơ một cuộc sống no đủ, êm đềm đến với con.  Hình ảnh “ vung chày…” còn cho thấy mẹ ước mong con trưởng thành, khỏe mạnh, lao động giỏi.  -> Những mong ước ấy thật chân thật và cao quý vì đó là điều mong mỏi của người mẹ lao động nghèo dành cho con và cho kháng chiến. |
| **2. Kkhúc hát ru thứ 2.** | |
|  | - Hình ảnh người mẹ Tà Ôi với công việc lao động sản xuất trên chiến khu.  “Mẹ đang tỉa bắp trên núi Ka -lưi”  Lưng núi thì to mà lưng mẹ nhỏ”  + Thủ pháp tương phản « lưng…” làm nổi bật sự lớn lao mênh mang của núi rừng, đồng thời làm nổi bật được hình ảnh vất vả tảo tần của người mẹ. Tấm lưng mẹ tuy nhỏ nhắn nhưng bền bỉ thậm chí còn kiêu hãnh hơn lưng núi, bởi trên lưng mẹ có "mặt trời" là người con yêu thương.  + Hình ảnh ẩn dụ « mặt trời » gợi lên thật sâu sắc, cảm động tình mẹ yêu con :”Mặt trời của bắp” là mặt trời thực của thiên nhiên, vũ trụ.  “Mặt trời của mẹ” là hình ảnh ẩn dụ về con. Con là nguồn sống, là năng lượng tiếp sức cho mẹ trong công việc lao động vất vả, cũng giống như ánh mặt trời là nguồn sống, chiếu sáng cho cây bắp được sinh tồn và phát triển.  - Lời ru của mẹ :   “ Mẹ thương A-kay, mẹ thương làng đói  Con mơ cho mẹ hạt bắp lên đều  Mai sau con lớn phát mười ka-lưi”.  Từ tình thương con, mẹ mở rộng sang tình thương bộ đội và sang cả buôn làng.   + “ Hạt bắp lên đều” là ẩn dụ cho cuộc sống no đủ mà mẹ mong ước.  + Câu thơ « Mai sau con lớn phát mười ka-lưi” gợi về một ngày mai rất gần, con sẽ trưởng thành, khỏe mạnh, phi thường, đem sự no ấm cho buôn làng.  => Tình thương gắn liền với những điều ước đó đã cho ta thấy một người mẹ giàu tình thương người và luôn biết sống vì người khác. |
| **3. Khúc hát ru thứ 3.** | |
|  | - Đặc biệt hơn, hình ảnh người mẹ Tà Ôi trong đoạn thơ này có một sự thay đổi, không chỉ yêu thương con mà còn hành động vì tình yêu một cách dứt khoát mạnh mẽ:  “Mẹ đi chuyển lán mẹ đi đạp rừng.  Mẹ địu em đi để giành trận cuối  Từ trên lưng mẹ em tới chiến trường”  + Hai động từ “đi” kết hợp hình ảnh liệt kê “chuyển lán, đạp rừng”  gợi hình ảnh người mẹ đang bảo vệ căn cứ, di chuyển lực lượng để kháng chiens lâu dài với tinh thần quyết tâm cao  + Phép liệt kê “anh trai cầm súng, chị gái cầm chông” và em Cu -Tai cũng theo mẹ « giành trận cuối” gợi một gia đình, một dân tộc cùng đứng lên chống lại kẻ thù chung, cho thấy sự lướn mạnh của quân đội ta.  + Cấu trúc «  từ…đến » gợi sự trưởng thành của em Cu tai từ trên lưng mẹ đã khôn lớn  => Từ tình thương con, thương bộ đội đến tình thương làng, thương đất nước, ta thấy tình thương của mẹ ngày càng rộng mở, người mẹ thật giầu đức hi sinh.  - Đó là cơ sở cho những ước mơ thật đẹp:  “Con mơ cho mẹ được thấy Bác Hồ.  Mai sau con lớn làm người Tự do”  + Trong tình cảm của người Tà -ôi cũng như  của những người con Miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ thì Bác Hồ - người cha của dân tộc luôn là nguồn động viên, là biểu tượng của chiến thắng, là hình ảnh của đất nước tự do.  + Bởi vậy mong được gặp Bác là cảm xúc thường trực, dù cho lúc này Bác đã mất, bởi lẽ chỉ có thống nhất mẹ mới được ra với Bác. Giấc mơ đẹp gắn liền với ước mơ giành trọn vẹn non sông, thoả lòng Bác mong.  - Lời ru kết lại cùng hình ảnh em Cu -Tai của tương lai là “người Tự do” của một đất nước hoà bình. Đó cũng là mong ước chung của nhân dân, của những người Việt Nam yêu nước.  =>Người mẹ Tà Ôi quả là một người mẹ yêu nước nồng nà và luôn tha thiết với độc lập tự do của Tổ Quốc. |
| **3. Kết bài** | Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ của Nguyễn Khoa Điềm đã tạo ra được những cảm xúc đồng điệu với bao người con miền Nam anh dũng thời chống Mĩ, nói lên trọn vẹn vẻ đẹp và tâm tư của người dân tộc miền Tây Thừa Thiên trung dũng kiên cường, thuỷ chung với cách mạng. Cảm xúc bình dị trong sáng với hình tượng người mẹ đã làm nên sức hấp dẫn riêng của tác phẩm. Từ ngôn ngữ đến hình ảnh thơ đều đậm chất dân tộc, đem đến cho người đọc những cảm nhận đặc biệt thương mến cùng hoà theo lời ru cho giấc ngủ thanh bình của em bé Tà ôi. |

**BÀI 6: ÁNH TRĂNG (Nguyễn Duy)**

**Đề bài luyện tập:**

|  |
| --- |
| **Đề 1:** Phân tích bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy. |

**Đề 1: Phân tích bài thơ Ánh trăng của Nguyễn Duy.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Nguyễn Duy là gương mặt nhà thơ trẻ , trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Thơ Nguyễn Duy trẻ trung, linh hoạt, bất ngờ trong cấu tứ ngôn từ, đậm âm hưởng dân ca đồng quê nhưng cũng giàu màu sắc triết lý , dầu chiên miệng khiến người đọc phải giật mình suy nghĩ.  - Bài thơ Ánh trăng được Nguyễn Duy sáng tác năm 1978 tại Thành phố Hồ Chí Minh, in trong tập thơ cùng tên. Bài thơ như một lời nhắc nhở về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước bình dị, hiền hậu. Từ đó nhắc nhở mỗi chúng ta về tình cảm uống nước nhớ nguồn, ân tình thủy chung với quá khứ, với những người đã khuất và cả đối với chính mình. |
| **2. Thân bài** |  |
| ***a) Vầng trăng trong hoài niệm*** | |
|  | - Thời thơ ấu: trăng là vẻ đẹp của thiên nhiên vĩnh hằng, là bầu bạn của tuổi thơ, trăng ngập tràn trên cánh đồng, dòng sông, bãi bể... người đi đâu, làm gì cũng có vầng trăng là bạn. Trăng đã nuôi lớn tâm hồn tuổi ấu thơ.  - Khi trưởng thành: người lính chiến đấu ở rừng sâu, vầng trăng thành tri kỉ. Trăng là ánh sáng trong những đêm tối chiến tranh. Trăng đến làm bạn với người chân thành, vô tư, tình cảm giữa người với vầng trăng vốn đã đẹp lại càng đẹp hơn.  Trong hoài niệm, người và trăng đến với nhau tự nhiên, chân thành, tình nghĩa, không dễ gì chia cắt được khiến người: ngỡ không bao giờ quên suốt những năm tháng từ thuở ấu thơ ở quê nhà đến hồi chiến tranh sống ở rừng. Trăng là biểu tượng cho vẻ đẹp bình dị và vĩnh hằng của đời sống. |
| ***b) Vầng trăng thời hiện tại*** | |
|  | - Chiến tranh qua đi, cuộc sống bình yên trở lại, người lính may mắn từ rừng sâu trở về nơi thành phố. Cuộc sống thị thành đủ đầy, hiện đại văn minh với ánh điện, cửa gương, phòng buyn-đinh… đối lập hoàn toàn với quá khứ khi xưa. Cuộc sống đổi thay, lòng người thay đổi. Mối quan hệ giữa người và trăng không còn như xưa nữa:  vầng trăng đi qua ngõ  như người dưng qua đường  Trăng vẫn như xưa, vẫn ngày ngày qua ngõ,vẫn dõi theo người như người đã ngoảnh mặt làm ngơ, coi trăng như người dưng xa lạ. Sự vô tình đến mức tàn nhẫn.  - Tình huống bất ngờ xảy ra:  Thình lình đèn điện tắt  phòng buyn-đinh tối om  Giữa bóng tối của màn đêm là ánh sáng rực rỡ tràn đầy của vầng trăng. Dù cuộc gặp gỡ giữa người và trăng không hẹn trước, người vẫn bất ngờ nhận ra" đột ngột vầng trăng tròn". Phải đến khi đèn tắt, con người mới lại nhìn thấy và nhận ra vầng trăng. Dù cuộc sống đổi thay, lòng người đổi thay, trăng vẫn thủy chung, tình nghĩa vẫn là thứ ánh sáng trong gần như xưa.  - Trong cuộc gặp gỡ đột ngột, bất ngờ, vầng trăng đã làm thức dậy trong tâm trí con người bao cảm xúc:  Ngửa mặt lên nhìn mặt  có cái gì rưng rưng  như là đồng là bể  như là sống là rừng  Người ngửa mặt nhìn trăng: "ngửa mặt lên nhìn mặt" xăng và người đã có cuộc đối diện đàm tâm . Đó là khoảnh khắc bất ngờ gặp lại cố nhân. Nhìn trăng, lòng người xúc động trào dâng:" có cái gì rưng rưng" . Cùng với trạng thái rưng rưng , tất cả những kỷ niệm hồn nhiên của thời ấu thơ, kỷ niệm nghĩa tình của một thời gian lao chiến đấu nơi rừng sâu cũng ùa về.  Như vậy, vầng trăng hiện tại đánh thức quá khứ tươi đẹp đã ngủ yên trong lòng người" Từ hồi về thành phố". Trăng là hình ảnh tượng trưng cho quá khứ nghĩa tình chẳng hề mờ phai, luôn tràn đầy, bất diệt. |
| ***c) Vầng trăng suy ngẫm*** | |
|  | - Trong niềm xúc động rưng rưng, người lính nhìn trăng và suy ngẫm. Trăng vẫn tròn, vẫn sáng đẹp, vẫn thứ ánh sáng rực rỡ trong ngần , vẫn vẹn nguyên, thủy chung không hề hao khuyết.  + "Trăng cứ tròn vành vạnh" như tượng trưng cho quá khứ đẹp đẽ, vẹn nguyên chẳng thể phai mờ.  + " Ánh trăng im phăng phắc" : phép nhân hóa khiến vầng trăng hiện ra như một con người cụ thể , một người bạn, một nhân chứng, rất nghĩa tình chỉ lặng lẽ, vị tha,bao dung nhưng cũng rất nghiêm khắc đang nhắc nhở con người đừng quên đi quá khứ.  - Sự bao dung nhưng cũng rất nghiêm khắc của vầng trăng đã có sức cảm hóa lớn khiến con người "giật mình" nhìn lại mình, nhận ra sự vô tình không nên có, sự lãng quên đáng trách của mình. Thấy trăng tròn bao nhiêu, người nhận ra mình hao quyết với nhiêu.  Ánh sáng đẹp đẽ,vô ngôn của vầng trăng không chỉ soi tỏ không gian đêm thành phố, soi vào" phòng buyn-đinh tối om", gợi về những kỉ niệm người đã vô tình quên lãng mà còn cảm hóa, đánh thức lương tri, lẽ sống làm người, nhắc nhở con người biết sống ân tình, thủy chung cùng quá khứ. Ánh trăng là ánh sáng của lương tri, Ánh sáng của đạo làm người. |
| - Với thể thơ năm chữ, ngôn ngữ thơ giản dị mà hàm súc sâu xa, kết hợp hài hòa giữa tự sự, trữ tình và suy ngẫm sâu lắng,ánh trăng là một câu chuyện đời thường được kể bằng thơ rất giàu ý nghĩa triết lý.  - Bài thơ như một lời tự nhắc nhở của tác giả về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, với đất nước bình dị, hiền hậu. Nó có ý nghĩa gợi nhắc, củng cố cho con người thái độ sống ân tình, thủy chung với quá khứ. Đó cũng là đạo lý uống nước nhớ nguồn của dân tộc Việt Nam.  - Ý nghĩa triết lý: trong cuộc đời mỗi người, ai rồi cũng có thể mắc lỗi, điều quan trọng nhất là khi mắc lỗi, tao biết nhận ra, biết sửa chữa lỗi lầm để sống tốt hơn. | |
| **3. Kết bài** | Gấp những dòng thơ lại, lòng người đọc vẫn không khỏi suy tư về những điều nhà thơ gửi gắm. Qua bài thơ, người đọc thấy được những ẩn ý sâu xa và những bài học mang tầm triết lí sâu sắc mà nhà thơ muốn gửi gắm tới người đọc, đó là thái độ sống "uống nước nhớ nguồn", ân nghĩa thủy chung trong quá khứ. |

**BÀI 7: MÙA XUÂN NHO NHỎ(Thanh Hải)**

**Đề bài luyện tập:**

|  |
| --- |
| **Đề 1:** Phân tích bài thơ Mùa xuân nho nhỏ của nhà thơ Thanh Hải.  **Đề 2:** Nhận xét về bài thơ Mùa xuân nho nhỏ, có ý kiến cho rằng" Bài thơ thể hiện tình yêu cuộc sống thiết tha và nguyện ước cống hiến chân thành, tha thiết của Thanh Hải".  Hãy làm sáng tỏ lời nhận xét trên.  **Đề 3:** Trong Tiếng nói văn nghệ Nguyễn Đình Thi có viết: "*Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không chỉ ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ, anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ,anh muốn đem một phần của mình góp vào đời sống chung quanh"*.  Bằng những hiểu biết của em về bài thơ Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải, em hãy làm sáng tỏ "điều gì mới mẻ", "lời nhắn nhủ" mà nhà thơ muốn đem"góp vào đời sống". |

***Hướng dẫn làm bài:***

**Đề 1: Phân tích bài thơ Mùa xuân nho nhỏ của nhà thơ Thanh Hải.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Thanh Hải (1930-1980) tên thật là Phạm Bá Ngoãn. Ông sinh ra, lớn lên, sống, chiến đấu và gắn bó trọn đời với mảnh đất Thừa Thiên-Huế. Thơ Thanh Hải bình dị, trong sáng, sâu lắng và rất chân thành.  - Bài thơ Mùa xuân nho nhỏ ra đời tháng 11 năm 1980 trong hoàn cảnh đặc biệt, Lúc đó Thanh Hải đang nằm trên giường bệnh, sống những ngày tháng cuối cùng của cuộc đời. Bài thơ là tiếng lòng tha thiết yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời; thể hiện ước nguyện chân thành, tha thiết muốn được cống hiến thật nhiều cho đất nước, góp một "mùa xuân nho nhỏ" của mình vào mùa xuân lớn của dân tộc. |
| **2. Thân bài** |  |
|  | **a) Cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên Huế ( khổ đầu)** |
| - Bức tranh mùa xuân: tác giả đã tái hiện lại khung cảnh mùa xuân của đất trời xứ Huế qua vài nét phác họa: một dòng sông xanh, một bông hoa tím biếc, một tiếng chim chiền chiện…  Mọc giữa dòng sông xanh  Một bông hoa tím biếc  Ơi con chim chiền chiện  Hót chi mà vang trời  Mùa xuân được mở ra với không gian cao rộng ( với dòng sông, mặt đất, bầu trời bao la) , cả màu sắc tươi thắm của mùa xuân ( sông xanh, hoa tím biếc) , cả âm thanh vang vọng, tươi vui của chim chiền chiện lảnh lót gọi xuân về ( hót vang trời). Hình ảnh thơ đẹp, giàu tính tạo hình, bức tranh xuân có tầng bậc, hài hòa giữa màu sắc và âm thanh, đậm sắc màu xứ Huế.  - Cảm xúc của tác giả: tươi vui, hồn nhiên, trong trẻo trước cảnh mùa xuân:  + Câu thơ" Từng giọt long lanh rơi" sử dụng nghệ thuật chuyển đổi cảm giác thể hiện niềm say sưa, ngây ngất, nâng niu, trân trọng của tác giả trước vẻ đẹp đất trời vào xuân . "Từng giọt" ở đây là giọt mưa xuân long lanh trong ánh sáng của trời xuân; nếu gắn với hai câu trước"từng giọt" có thể hiểu là giọt âm thanh của tiếng chim hót. Tiếng chim từ chỗ là âm thanh ( cảm nhận bằng thính giác) chuyển thành từng giọt ( hình, khối, cảm nhận bằng thị giác) , từng giọt ấy lại long lanh ánh sáng và màu sắc, có thể cảm nhận bằng xúc giác " Tôi đưa tay tôi hứng".  + Lời gọi ơi, lời hỏi chi khiến câu thơ trở thành lời trò chuyện trực tiếp với thiên nhiên, tác giả đưa vào thơ cách nói dịu ngọt thân thương của xứ Huế, bộc lộ sự ngạc nhiên xúc động trước vẻ đẹp của mùa xuân xứ Huế. |
|  | **b) Cảm xúc trước mùa xuân đất nước (khổ 2, 3)** |
| - Thanh Hải chọn hai hình ảnh tiêu biểu người cầm súng và người ra đồng - hai hình ảnh tượng trưng cho hai nhiệm vụ chiến lược quan trọng: chiến đấu và sản xuất, bảo vệ và xây dựng đất nước. Cái hay của câu thơ là tác giả đã gắn hình ảnh người cầm súng và người ra đồng với màu xanh vô cùng gợi cảm của chồi non lộc biếc:  Mùa xuân người cầm súng  Lộc giắt đầy quanh lưng ưng  Mùa xuân người ra đồng  Lộc trải dài nương mạ dạ  Lộc giắt đầy…, Lộc trải dài... Hình ảnh trùng điệp làm hiện ra cả mùa xuân đất trời trong màu xanh bất tận của lộc mới. Mùa xuân theo người lính ra trận, lộc non trên vành lá ngụy trang tiếp sức cho họ trên mỗi bước đường hành quân, gìn giữ mùa xuân vĩnh hằng cho dân tộc. Mùa xuân theo người nông dân ra đồng, trước mắt họ trải ra màu xanh non đầy sức sống: hay chính họ đang giao mùa xuân trên khắp mọi miền Tổ quốc? Mùa xuân theo người cầm súng, người ra đồng đến mọi miền đất nước . Và chính những con người ấy đã đem mùa xuân đến cho đất nước giữa mùa xuân của thiên nhiên. Nhà thơ nghe thấy trong màu xanh tươi non của mùa xuân cái khí thế tưng bừng, rộn rã, hối hả, xôn xao " Tất cả như hối hả - Tất cả như xôn xao".  - Suy ngẫm của tác giả về đất nước:  + Đất nước vừa lớn lao vừa gần gũi:  Đất nước bốn ngàn năm  Vất vả và gian lao  Nghệ thuật nhân hóa, đất nước như con người trải qua bao vất vả gian lao của thăng trầm lịch sử. Vẻ đẹp đất nước là vẻ đẹp của sức sống bền bỉ, mãnh liệt.  + Đất nước cả sáng trong tương lai:  Đất nước như vì sao  Cứ đi lên phía trước.  Nhà thơ so sánh tầm vóc, vị thế của đất nước với nguồn sáng lấp lánh của vì sao để bày tỏ niềm tự hào, niềm tin tưởng về tương lai tươi sáng, về sức sống trường tồn vĩnh cửu của dân tộc, không kẻ thù nào có thể ngăn nổi bước tiến của dân tộc ta. |
| **c) Tâm niệm của nhà thơ (khổ 5, 6)** |
| Từ xúc cảm về mùa xuân của thiên nhiên, đất nước , Thanh Hải tha thiết mong ước được hóa thân để cống hiến thật nhiều cho cuộc đời:  Ta làm con chim hót  Ta làm một nhành hoa  Ta nhập vào hòa ca  Một nốt trầm xao xuyến.  - Điệp cấu trúc: ta làm…, ta nhập vào... diễn tả một cách tha thiết khát vọng được hòa nhập vào cuộc sống của đất nước, được cống hiến phần tốt đẹp - dù nhỏ bé của mình cho cuộc đời chung cho đất nước. Thay đổi cách xưng hô: tôi - ta, cảm xúc cá nhân trước mùa xuân thiên nhiên, đất nước đã chuyển hóa thành cái ta vừa là cá nhân vừa đại diện cho số đông, ước nguyện của tác giả cũng là ước nguyện chung của mọi người.  - Điều tâm niệm ấy được tác giả thể hiện một cách chân thành trong những hình ảnh thơ đẹp một cách tự nhiên, giản dị:  + Ước là " con chim" để dâng cho đời tiếng hót làm vui, làm"nhành hoa" dâng cho đời hương sắc làm đẹp. Ở khổ đầu, vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên đã được miêu tả bằng hình ảnh" một bông hoa tím biếc", bằng âm thanh của tiếng chim chiền chiện" hót chi mà vang trời". Ở khổ thơ này , tác giả lại mượn những hình ảnh ấy - những hình ảnh đẹp nhất, khiêm nhường nhất của thiên nhiên - để hóa thân, để dâng hiến. Cách cấu tứ lặp lại tạo ra sự đối ứng chặt chẽ. những hình ảnh chọn lọc ấy đã mang một ý nghĩa mới: mong ước được sống có ích, cống hiến cho đời vô tư, tự nguyện, không đòi hỏi đáp đền như một lẽ tự nhiên, con chim mang đến tiếng hót, bông hoa tỏa hương sắc cho đời.  - Tác giả còn tha thiết được hòa mình vào cuộc sống muôn người, làm "nốt trầm xao xuyến" trong bảng hòa ca bất tận của cuộc đời, cống hiến lặng thầm, không phô trương, cống hiến phần tinh túy nhất cho quê hương, đất nước.  + Nhà thơ ước được làm" Một mùa xuân nho nhỏ" , để" Lặng lẽ dâng cho đời". Tác giả ví ngầm cuộc đời mình và cuộc đời mỗi người là" một mùa xuân nho nhỏ". Mỗi người phải mang đến cho cuộc đời chung một phần nhỏ bé của mình và phải không ngừng cống hiến: " Dù là tuổi hai mươi - Dù là khi tóc bạc". " Mùa xuân nho nhỏ" là một sáng tạo độc đáo của Thanh Hải. Nhà thơ nguyện làm một mùa xuân, nghĩa là sống đẹp,sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình nhưng rất khiêm nhường là một mùa xuân nho nhỏ góp vào mùa xuân lớn của đất nước, của cuộc đời chung, cống hiến bất chấp tuổi tác, thời gian, nghịch cảnh .  Lẽ sống của Thanh Hải là lẽ sống của một lớp người trọn đời đi theo cách mạng. cuộc sống chỉ thực sự có ý nghĩa khi con người biết sống, biết chăm lo cho cuộc đời chung và có thể đóng góp những gì tốt đẹp của mình cho cuộc đời chung, cho đất nước. |
| \* Đánh giá:  - Thể thơ năm chữ, cách gieo vần liền giữa các khổ thơ đã tạo ra sự liền mạch của cảm xúc.  - Ngôn ngữ và hình ảnh thơ giản dị, trong sáng, giàu sức gợi.  - Cảm xúc rất đỗi chân thành, tha thiết, cho nên bài thơ trở thành tiếng lòng của nhà thơ Thanh Hải với đất nước, với cuộc đời. | |
| **3. Kết bài** | - Sự hấp dẫn của bài thơ Mùa xuân nho nhỏ là ở thể thơ năm tiếng, nhạc điệu trong sáng, tha thiết, gần gũi với dân ca, nhiều hình ảnh đẹp, trong sáng, giàu tính biểu tượng, ẩn dụ.  - Bài thơ còn để lại ấn tượng sâu sắc trước những cảm xúc của Thanh Hải về mùa xuân thiên nhiên, đất nước và khát vọng đẹp đẽ muốn làm một mùa xuân nho nhỏ để cống hiến cho cuộc đời. Từ đó mở ra những suy nghĩ về ý nghĩa, giá trị cuộc sống của mỗi cá nhân là sống có ích, biết cống hiến những gì tốt đẹp nhất cho cuộc đời chung. |

**Đề 2: Nhận xét về bài thơ Mùa xuân nho nhỏ, có ý kiến cho rằng" Bài thơ thể hiện tình yêu cuộc sống thiết tha và nguyện ước cống hiến chân thành, tha thiết của Thanh Hải".**

**Hãy làm sáng tỏ lời nhận xét trên.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Thanh Hải (1930-1980) là một trong những cây bút có công xây dựng nền văn học cách mạng ở miền Nam những ngày đầu. Thơ Thanh Hải bình dị, trong sáng, sâu lắng và rất chân thành.  - Bài thơ Mùa xuân nho nhỏ ra đời tháng 11 năm 1980 trong hoàn cảnh đặc biệt, lúc đó Thanh Hải đang nằm trên giường bệnh, sống những ngày tháng cuối cùng của cuộc đời. Nhận xét về bài thơ Mùa xuân nho nhỏ, có ý kiến cho rằng:"Bài thơ thể hiện tình yêu cuộc sống thiết tha và nguyện ước cống hiến chân thành, tha thiết của Thanh Hải" |
| **2. Thân bài** |  |
|  | **a. Bài thơ thể hiện tình yêu cuộc sống thiết tha của Thanh Hải.** |
| - Thanh Hải phác họa ra bức tranh mùa xuân thiên nhiên tươi đẹp, đầm sắc màu xứ Huế khi đang nằm trên giường bệnh: một dòng sông xanh, một bông hoa tím biếc, một tiếng chim chiền chiện…  Mọc giữa dòng sông xanh  Một bông hoa tím biếc  Ơi con chim chiền chiện  Hót chi mà vang trời  Mùa xuân được mở ra với không gian cao rộng ( với dòng sông, mặt đất, bầu trời bao la) , cả màu sắc tươi thắm của mùa xuân (sông xanh, hoa tím biếc), cả âm thanh vang vọng, tươi vui của chim chiền chiện lánh lót gọi xuân về ( hót vang trời) . Hình ảnh thơ đẹp, giàu tính tạo hình , bức tranh xuân có tầng bậc, hài hòa giữa màu sắc và âm thanh, đậm sắc màu xứ Huế  - Nhà thơ đón nhận vẻ đẹp bức tranh mùa xuân bằng trạng thái tâm lý đặc biệt. Ông đưa tay ra hứng lấy "Từng giọt long lanh rơi". Trong cảm nhận của nhà thơ,tiếng chim chiền chiện không hề tan biến trong không gian mà đọng lại thành từng giọt long lanh màu sắc và ánh sáng khiến nhà thơ không cầm lòng được nên đã dang rộng vòng tay, mở rộng tấm lòng đón nhận bức tranh xuân bằng trạng thái say sưa, ngây ngất, bằng những giác quan thính ngại và tâm hồn người nghệ sĩ, bằng cả sự trân trọng, nâng niu.  - Nằm trên giường bệnh, vì yêu cuộc sống, Thanh Hải còn cảm nhận được khí thế tưng bừng, rộn rã của đất nước đang vào xuân qua hai hình ảnh chọn lọc, giàu ý nghĩa biểu trưng: người cầm súng, người ra đồng. Họ là hai lực lượng tiêu biểu cho hai nhiệm vụ chiến lược quan trọng của dân tộc: chiến đấu và sản xuất, bảo vệ và xây dựng đất nước.  - Thanh Hải quên đi nỗi đau bệnh tật hiểm nghèo, hòa chung với niềm vui phơi phới của đất nước, nghĩ suy về đất nước tỏa sáng trong tương lai:  Đất nước như vì sao  Cứ đi lên phía trước.  Nhà thơ so sánh tầm vóc, vị thế của đất nước với nguồn sáng lấp lánh của vì sao để bày tỏ niềm tự hào, niềm tin tưởng về tương lai tươi sáng, về sức sống trường tồn vĩnh cửu của dân tộc,không kẻ thù nào có thể ngăn nổi bước tiến của dân tộc ta.  Từ cách cảm nhận về mùa xuân thiên nhiên, đất nước, Thanh Hải đã bộc lộ tình yêu cuộc sống kiếp tha. |
|  | **b. Bài thơ thể hiện ước nguyện cống hiến chân thành, tha thiết của Thanh Hải đối với quê hương, đất nước.** |
| - Thanh Hải chọn những hình ảnh ẩn dụ đẹp, gợi cảm, giàu ý nghĩa để nói lên ước nguyện dâng hiến của mình: con chim, một cành hoa, một nốt trầm xao xuyến, một mùa xuân nho nhỏ. Điệp ngữ ta làm, dù là để hiện nguyện nguyện ước cống hiến chân thành, thiết tha cháy bỏng.  - Tâm niệm về sự cống hiến :  + Cống hiến vô tư, tự nguyện, không đòi hỏi đáp đền như quy luật của tự nhiên, như con chim sinh ra để dâng cho đời tiếng hót làm vui, như bông hoa sinh ra để làm đẹp, điểm tô hương sắc cho đời.  + Chủ động hòa mình vào cuộc sống muôn người, cống hiến những gì tốt đẹp nhất cho cuộc đời chung.  + Cống hiến cho đời cả"một mùa xuân nho nhỏ" - nguyện dâng hiến cả cuộc đời với tất cả sức sống tươi trẻ của mình cho quê hương, đất nước, cống hiến thường xuyên, liên tục, bất chấp thời gian, nghịch cảnh, tuổi đời.  Lẽ sống,nhân sinh quan cao đẹp của nhà thơ trọn đời đi theo lý tưởng cách mạng, cống hiến không ngừng, không nghỉ cho đất nước, cho cuộc đời. Đó là lẽ sống đáng khâm phục. |
| **3. Kết bài** | - Bài thơ ra đời khi Thanh Hải sắp vĩnh biệt cuộc đời nhưng cả bài thơ vẫn ngập tràn sức xuân và khát vọng sống mãnh liệt. Điều đó đã gieo vào lòng người đọc những rung động sâu xa, truyền cho người đọc niềm lạc quan, yêu đời ngay cả khi mặt trời sắp lặn.  - Bài thơ còn thể hiện ước nguyện chân thành, tha thiết của Thanh Hải: muốn được hòa nhập, được cống hiến phần tốt đẹp - dù nhỏ bé của mình cho cuộc đời chung, cho đất nước. Mỗi người hãy góp một nốt trầm," một mùa xuân nho nhỏ" vào bản hòa ca bất tận của cuộc đời, của đất nước. |

**Đề 3: Trong Tiếng nói văn nghệ Nguyễn Đình Thi có viết: " Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không chỉ ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ, anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ,anh muốn đem một phần của mình góp vào đời sống chung quanh".**

**Bằng những hiểu biết của em về bài thơ Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải, em hãy làm sáng tỏ "điều gì mới mẻ", "lời nhắn nhủ" mà nhà thơ muốn đem"góp vào đời sống".**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Trong Tiếng nói văn nghệ Nguyễn Đình Thi viết: " Tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại. Nhưng nghệ sĩ không chỉ ghi lại cái đã có rồi mà còn muốn nói một điều gì mới mẻ, anh gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, Anh muốn đem một phần của mình góp vào đời sống chung quanh".  - Mùa xuân nho nhỏ (1980) của Thanh Hải được ra đời trong một hoàn cảnh đặc biệt khi nhà thơ đang sống những ngày cuối cùng của cuộc đời. Bài thơ đã thực sự mang đến những điều mới mẻ, là lời nhắn nhủ mà nhà thơ muốn đem góp vào đời sống. |
| **2. Thân bài** |  |
|  | **a) Giải thích nhận định** |
| - Văn học nghệ thuật luôn lấy con người và đời sống làm đối tượng phản ánh. Không có một tác phẩm nghệ thuật nào mà không được xây dựng nên từ chất liệu hiện thực cuộc sống. Vì thế" tác phẩm nghệ thuật nào cũng xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại", nghĩa là hiện thực cuộc sống là chất liệu, là nguồn cảm hứng để người nghệ sĩ sáng tác nghệ thuật.  - " Những người nghệ sĩ không những ghi lại cái đã có rồi" , nghĩa là nghệ sĩ không sao chép y nguyên thực tại mà luôn muốn nói những điều mới mẻ. Đó là những khám phá, phát hiện rất mới mẻ, rất riêng của người nghệ sĩ về con người và cuộc sống." Điều mới mẻ" trong một tác phẩm có khả năng chiếu tỏa nên cuộc đời ta, soi vào tâm hồn ta, làm cho ta thay đổi hẳn cách nghĩ, cách nhìn, cách sống theo chiều hướng tích cực hơn.  - Người nghệ sĩ con"gửi vào tác phẩm một lá thư, một lời nhắn nhủ, Anh muốn đem một phần của mình góp vào đời sống chung quanh". Lá thư, lời nhắn nhủ là sự sống, là tư tưởng, tình cảm mà người nghệ sĩ muốn truyền cho người đọc. Mỗi tác phẩm văn nghệ ngoài phản ánh thực tại cuộc sống còn có chức năng giáo dục và cải tạo xã hội. |
| **b) Chứng minh, làm sáng tỏ "điều mới mẻ", " lời nhắn nhủ" mà nhà thơ muốn đem "góp vào đời sống"** |
| - Mùa xuân nho nhỏ là một tác phẩm nghệ thuật xây dựng bằng những vật liệu mượn ở thực tại:  Đó là mùa xuân của thiên nhiên, đất trời: sắc màu tươi thắm, âm thanh tươi vui rộn rã. Mùa xuân trong thơ Thanh Hải đẹp, thơ mộng, khoáng đạt, hài hoà đường nét, màu sắc, âm thanh đậm đà sắc màu xứ Huế.  - Trong thi phẩm , nhà thơ không sao chép, ghi lại những điều đã có mà còn ghi vào đó" những điều mới mẻ" . Mùa xuân vốn là đề tài quen thuộc của thi ca xưa nay nhưng Thanh Hải lại có cảm nhận và cách thể hiện riêng.  + Mới mẻ về nội dung: mạch cảm xúc của bài thơ được khơi nguồn, nảy nở từ sức sống,từ vẻ đẹp của mùa xuân thiên nhiên rồi mở rộng ra với mùa xuân của đất nước, của cách mạng và lắng lại vào suy tư làm bừng lên khát khao cống hiến cháy lòng của thi sĩ. Nhà thơ quan niệm cuộc đời mình, cuộc đời mỗi người là một mùa xuân nho nhỏ, nhiều mùa xuân nho nhỏ góp lại sẽ làm nên mùa xuân vĩnh hằng của non sông. Trước sắc xuân phơi phới của đất trời, của dân tộc, Thanh Hải mong được dâng hiến thật nhiều cho cuộc đời chung, cho quê hương, đất nước bất chấp thời gian, tuổi tác.  Từ những điều mới mẻ ấy, nhà thơ đã nhắn nhủ tới mỗi con người hãy biết đem tài năng, tâm huyết, sức lực của mình để cống hiến làm đẹp cho cuộc đời chung.  + Mới mẻ về nghệ thuật : ngôn ngữ thơ giàu hình ảnh, giàu ý nghĩa biểu tượng; chất hoạ gợi cảm, chất nhạc vấn vương; giọng điệu biến đổi linh hoạt, khi ngọt ngào, tha thiết, say sưa, khi hối hả, khi lại trầm lắng suy tư. Bài thơ đã được nhạc sĩ Trần Hoàn phổ nhạc góp thêm vào vườn ca mùa xuân một nốt nhạc trầm mà xúc động, xao xuyến lòng người.  - " Lời nhắn nhủ" mà nhà thơ muốn đem " góp vào đời sống".  - Bài thơ ra đời khi Thanh Hải sắp vĩnh biệt cuộc đời nhưng cả bài thơ vẫn ngập tràn sức xuân và khát vọng sống mãnh liệt. Điều đó đã gieo vào lòng người đọc những rung động sâu xa, truyền cho người đọc niềm lạc quan, yêu đời ngay cả khi mặt trời sắp lặn.  - Bài thơ không chỉ được coi là lời tổng kết cuộc đời nhà thơ mà còn là lời trăng trối ông gửi lại cho đời. Cuộc sống mỗi người chỉ có ý nghĩa khi biết cống hiến và hi sinh, khi biết gắn cuộc đời mình vào cuộc đời chung. Mỗi người hãy góp một nốt trầm," Một mùa xuân nho nhỏ' vào bản hòa ca bất tận của cuộc đời. |
| **3. Kết bài** | - Sự sáng tạo của Thanh Hải trong bài thơ Mùa xuân nho nhỏ góp phần làm nên thành công của bài thơ. Bài thơ không chỉ là một tác phẩm nghệ thuật mà còn là một lẽ sống đẹp Thanh Hải gửi nhắn lại cho cuộc sống hôm qua, hôm nay và mãi về sau.  - Bài thơ có sức sống lâu bền trong lòng bạn đọc,khơi gợi trong ta những khát khao được sống và cống hiến thật nhiều cho cuộc đời chung. |

**BÀI 8: VIẾNG LĂNG BÁC( Viễn Phương)**

**Đề bài luyện tập:**

|  |
| --- |
| **Đề 1:** Trong bài thơ Viếng lăng Bác,Viễn Phương đã tạo dựng những hình ảnh nghệ thuật độc đáo để ca ngợi công ơn trời biển của Bác và thể hiện lòng biết ơn của nhân dân với Bác.  Em hãy làm sáng tỏ nhận định trên qua bài thơ Viếng lăng Bác của tác giả Viễn Phương.  **Đề 2:** Phân tích bài thơ Viếng lăng Bác của nhà thơ viễn Phương. |

***Hướng dẫn làm bài:***

**Đề 1:** Trong bài thơ Viếng lăng Bác,Viễn Phương đã tạo dựng những hình ảnh nghệ thuật độc đáo để ca ngợi công ơn trời biển của Bác và thể hiện lòng biết ơn của nhân dân với Bác.

Em hãy làm sáng tỏ nhận định trên qua bài thơ Viếng lăng Bác của tác giả Viễn Phương.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Giới thiệu tác giả, tác phẩm.  - Vấn đề nghị luận: Bài thơ Viếng lăng Bác của nhà thơ Viễn Phương đã sử dụng nhiều hình ảnh ẩn dụ đẹp và giàu sức biểu cảm: |
| **2. Thân bài** | - Hàng tre: hình ảnh thân thuộc, gần gũi của làng quê, đất nước Việt Nam, là ẩn dụ cho đức tính ngay thẳng, sự hiên ngang dũng cảm, tinh thần bất khuất, chiến đấu anh hùng, không bao giờ khuất phục của con người Việt Nam. Đó chính là sức sống bền bỉ, kiên cường, là tấm lòng trung kiên của nhân dân hướng về Bác.  - Mặt trời: mặt trời của thiên nhiên là nguồn cội của ánh sáng, đem lại sự sống cho muôn loài, vạn vật. Ở đây, Mặt trời ẩn dụ cho Bác - người chính là một mặt trời Cách mạng, đem lại ánh sáng độc lập, tự do, hạnh phúc cho dân tộc, là người soi đường chỉ lối cho Cách mạng. Người đã cùng nhân dân vượt qua trăm ngàn gian khổ, hy sinh để dành lấy hòa bình, vinh quang trọn vẹn.  - Kết tràng hoa: hình ảnh những bông hoa tươi thắm kết thành vòng hoa, ẩn dụ chỉ những đoàn người đang xếp hàng vào lăng viếng Bác mỗi ngày. Mỗi người dân Việt Nam là một bông hoa tươi dâng lên Người, tạo thành những tràng hoa bất tận. Dưới ánh sáng cách mạng của Bác, tràng hoa trở nên rực rỡ nhất, đẹp đẽ nhất.  - Vầng trăng: gợi tâm hồn, cách sống cao đẹp, thanh cao, sáng trong và những vần thơ tràn ngập ánh trăng của Người.  - Trời xanh: Hình ảnh thiên nhiên vĩnh hằng, bao la; ẩn dụ chỉ công ơn trời biển của Bác dành cho dân tộc vô cùng to lớn, Bác sẽ còn sống mãi, sẽ hóa vĩnh hằng trong lòng dân tộc bởi người đã hòa vào trời đất của quê hương.  Con chim, đóa hoa, cây tre: ước nguyện được hóa thân để được ở bên, gần gũi Bác, qua đó khẳng định tấm lòng chân thành, biết ơn của nhà thơ cũng như của cả dân tộc Việt Nam với Bác.  \* Lấy những hình ảnh đẹp nhất của thiên nhiên vũ trụ để so sánh với sự hữu hạn của đời người, để ngợi ca Bác Hồ, nhà thơ đã thể hiện tình cảm thiêng liêng, sự xúc động thành kính, lòng biết ơn vô hạn, sự thương nhớ khôn nguôi của người dân Việt Nam đối với Bác Hồ đồng thời tác giả cũng thay mặt dân tộc ta khẳng định lại chân lý: Bác Hồ vĩ đại sống mãi trong sự nghiệp của dân tộc ta. |
| **3. Kết bài** | Các hình ảnh nghệ thuật độc đáo kết hợp với ngôn ngữ bình dị nhưng sâu sắc đã ngợi ca công ơn trời biển của Bác và tấm lòng biết ơn, xúc động nghẹn ngào của nhân dân đối với Bác.  Sáng tạo, văn viết có dấu ấn cá nhân |

**Đề 2: Phân tích bài thơ Viếng lăng Bác của nhà thơ viễn Phương.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Viễn Phương ( 1928-2005) là một cây bút Nam Bộ nổi tiếng có mặt sớm nhất của lực lượng văn nghệ giải phóng ở miền Nam thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Trong sự nghiệp cầm bút, diễn Phương dành nhiều tâm huyết để làm thơ dâng Bác.  - Bài thơ Viếng lăng Bác rút trong tập Như mây mùa xuân (1978) được ra đời năm 1976, khi lăng Hồ Chủ tịch vừa khánh thành, viễn Phương được ra thăm miền Bắc, vào lăng viếng Bác. Bài thơ thể hiện lòng thành kính thiêng liêng và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ và của mọi người dân Việt Nam dành cho Bác Hồ khi vào lăng viếng Bác. Đây là một trong những bài thơ cảm động và xuất sắc nhất viết về lãnh tụ Hồ Chí Minh. |
| **2. Thân bài** |  |
| **a) Cảm xúc của nhà thơ khi đặt chân đến lăng Bác (khổ 1)** | |
|  | - Câu thơ mở đầu " Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác" chỉ gọn như một thông báo, nhưng lại gợi ra tâm trạng xúc động của một người con từ chiến trường miền Nam sau bao năm mong mỏi bây giờ mới được ra viếng Bác.  + Viễn Phương thưa với Bác bằng cả tấm lòng thiêng liêng thành kính, khao khát mong chờ gặp Bác.  + Cách nói giảm: từ " thăm" thay cho từ" viếng" giảm bớt nỗi đau mất mát. Trong trái tim nhà thơ và tất cả dân tộc Việt Nam, Bác còn sống mãi, con chỉ ra thăm chứ không phải viếng Bác.  + Cách xưng hô " con" và " Bác" vừa gần gũi, thân thương, vừa trân trọng thành kính.  - Ba câu tiếp: từ làn sương mờ của bầu trời Hà Nội, nhà thơ đã cảm nhận cảnh vật nơi Người yên nghỉ bằng tất cả niềm tôn kính thiêng liêng và nỗi xúc động dâng trào. Hình ảnh đầu tiên và ấn tượng nổi bật trong cái nhìn đầu tiên về cảnh quan lăng Bác là hàng tre. Nhà thơ cảm nhận ở đó linh hồn quen thuộc của quê hương Việt Nam:  Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam  Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng  Bác yên nghỉ giữa lòng thủ đô Hà Nội trang nghiêm là thế, nhìn thấy hàng tre xanh đang đứng đó, nhà thơ nhận ra lăng Bác bỗng trở nên gần gũi, thân thuộc như mọi xóm làng Việt Nam. Về với Bác, Viễn Phương tưởng như được trở về với ngôi nhà yêu dấu, về với nguồn cội của mình. Từ hàng tre cụ thể bên lăng Bác, nhà thơ liên tưởng đến cây tre Việt Nam, đến bản lĩnh, sức sống bền bỉ kiên cường của con người Việt Nam, dân tộc Việt Nam. |
| **b) Cảm xúc của nhà thơ khi cùng đoàn người xếp hàng vào lăng Bác .( khổ 2)** | |
|  | - Hai câu đầu: nhà thơ sử dụng thành công hình ảnh sóng đôi " mặt trời".:  Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng  Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ  Hình ảnh mặt trời trong câu trên là thực, mặt trời của thiên nhiên vũ trụ được nhân hóa " đi qua trên lăng". Mặt trời trong câu dưới là hình ảnh ẩn dụ, Bác cũng giống như mặt trời đem đến ánh sáng và hơi ấm cách mạng sưởi ấm lòng dân tộc ta, xua đi cuộc sống lầm than nô lệ. Lấy mặt trời để ví với Bác, nhà thơ đã thể hiện niềm tốt kính của mình và toàn thể nhân dân Việt Nam dành cho Bác; khẳng định và ngợi ca công lao trời bể và sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Bác. Người vĩ đại không chỉ nhân loại thừa nhận và cả thiên nhiên, tạo hóa cũng phải tôn kính, ngưỡng mộ.  - Hai câu sau :" Dòng người đi trong thương nhớ" là hình ảnh thực. Còn " Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân" lại là ẩn dụ. Nhìn từng đoàn người lặng lẽ, trang nghiêm xếp hàng vào lăng viếng Bác nối dài không dứt, nhà thơ liên tưởng đến hình ảnh ẩn dụ đẹp, giàu chất thơ : " tràng hoa" thơm dâng Bác. Tình cảm thương nhớ, lòng biết ơn của nhân dân ta dành cho Bác chẳng bao giờ nguôi, cũng tự nhiên, vĩnh hằng như quy luật đất trời. |
| **c) Cảm xúc của nhà thơ khi bước vào lăng đứng trước anh linh Bác(khổ 3)** | |
|  | - Viễn Phương đã cố kìm nén cảm xúc để miêu tả" Bác nằm trong giấc ngủ bình yên" . Không gian và thời gian như ngưng đọng trước một hình ảnh có tính vĩnh hằng. Nhà thơ cảm nhận như Người chỉ đang trong giấc ngủ yên bình sau bảy mươi chín năm thức trọn về dân tộc.  - Hình ảnh vầng trăng là một liên tưởng độc đáo. Nhìn ánh sáng tỏa ra nơi Bác yên nằm, nhà thơ lại liên tưởng đến vầng trăng sáng dịu hiền. Từ không gian trong lăng với từ ánh sáng dịu nhẹ, trong trẻo, hình ảnh vầng trăng còn gợi tâm hồn thanh cao, tình yêu thiên nhiên say đắm và cả những vần thơ ngập tràn ánh trăng của Bác.  - Tâm trạng xúc động của nhà thơ được biểu hiện bằng một hình ảnh ẩn dụ sâu xa:  Vẫn biết trời xanh là mãi mãi  Mà sao nghe nhói ở trong tim  Bác vẫn còn mãi với non sông, đất nước như trời xanh vĩnh hằng. Người đã hóa thành thiên nhiên, đất nước, dân tộc. Dù biết thế, con tim Viễn Phương lại có tiếng nói riêng, ông " nghe nhói ở trong tim" vì sự thật bác đã đi xa, vì nỗi đau thiếu vắng Bác không gì bù đắp nổi. Từ nhói nằm giữa câu thơ diễn tả nỗi đau quặn thắt con tim như thể người con vừa mất đi người cha yêu kính. |
| **d. Cảm xúc của nhà thơ trước lúc ra về (khổ 4)** | |
|  | - Câu thơ đầu:" Mai về miền Nam thương trào nước mắt" , câu thơ có cách diễn đạt mộc mạc, chân thành kiểu Nam Bộ. Nghĩ đến giây phút phải chia tay Bác để trở về miền Nam, nhà thơ nhớ thương Bác đến "trào nước mắt".  - Ba câu cuối : nhà thơ bày tỏ tình cảm lưu luyến và niềm mong ước:  Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác  Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây  Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.  + Điệp ngữ " muốn làm" gợi lên khát khao chân thành, cháy bỏng của tác giả. Ông muốn ở mãi bên Bác để phần nào bù đắp công lao, đức hy sinh trời bể mà Người đã dành cho dân tộc.  + Hình ảnh con chim hót, đóa hoa tỏa hương, cây tre trung hiếu gợi ra niềm mong ước của tác giả. Vì lưu luyến, bịn rịn, thương nhớ Bác khôn nguôi,Viễn Phương đã mong ước tha thiết được hóa thân vào cảnh vật bên lăng Người.  Đẹp nhất, cao cả nhất là ước muốn được làm cây tre trung hiếu để được đứng trong hàng tre xanh xanh Việt Nam để ngày ngày đứng canh giấc ngủ thiên thu của Bác . Ẩn dụ cây tre trung hiếu biểu tượng cho lòng thủy chung với con đường và sự nghiệp cách mạng mà Bác đã chọn. Hình ảnh hàng tre ở khổ đầu được lặp lại ở cuối bài tạo nên kết cấu đầu cuối tương ứng, tô đậm hình ảnh gây ấn tượng sâu sắc và dòng cảm xúc được trọn vẹn. |
| **3. Kết bài** | - Bài thơ Viếng lăng Bác hấp dẫn người đọc bởi những hình ảnh thơ đẹp giàu liên tưởng mộng mơ, bởi nhịp điệu tha thiết, giọng thơ thành kính, trang nghiêm phù hợp với không khí của cuộc viếng lăng. Bài thơ đã chạm đến trái tim mỗi người con Việt Nam khi nhắc đến Bác Hồ muôn vàn kính yêu.  - Bài thơ đã thể hiện niềm xúc động thiêng liêng, tấm lòng tha thiết thành kính, vừa tự hào vừa đau xót của tác giả khi từ miền Nam mới được giải phóng ra viếng lăng Bác. Vì vậy Viếng lăng Bác không những là nén tâm hương dâng lên bác mà còn là tiếng khóc nghẹn ngào trước sự ra đi của Bác, là lòng thương nhớ khôn nguôi của Viễn Phương nói riêng và của đồng bào miền Nam, dân tộc Việt Nam nói chung dành cho Bác kính yêu. |

**BÀI 9: NÓI VỚI CON**

(Y Phương)

**Đề bài luyện tập:**

|  |
| --- |
| **Đề 1:** Phân tích bài thơ Nói với con của nhà thơ Y Phương.  **Đề 2:** Nét riêng trong cách biểu hiện cảm xúc và sáng tạo hình ảnh qua bài thơ Nói với con của Y Phương. |

***Hướng dẫn làm bài:***

**Đề 1: Phân tích bài thơ Nói với con của nhà thơ Y Phương.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Nhà thơ Y Phương (1948) là người dân tộc Tày từng được biết đến với các tác phẩm như Tiếng hát tháng giêng, Chín tháng, Lời chúc... Thơ ông là tiếng hát ngợi ca con người và cuộc sống miền núi, là sự thức tỉnh ý thức dân tộc, khẳng định sức sống mạnh mẽ của dân tộc mình.  - Bài thơ Nói với con được sáng tác năm 1980, in trong tập Thơ Việt Nam 1945 - 1985, trong hoàn cảnh đất nước ta còn gặp muôn vàn khó khăn , thử thách. Mượn lời nói với con , Y Phương gợi về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người; bộc lộ niềm tự hào về truyền thống cần cù, sức sống bền bỉ, mạnh mẽ của quê hương và dân tộc mình. |
| **2. Thân bài** |  |
| **a) Nói với con về cội nguồn sinh dưỡng: gia đình và quê hương (11 dòng đầu)** | |
|  | - Bốn câu thơ đầu: gợi ra bức tranh gia đình hạnh phúc, cha muốn nói với con: con là hạnh phúc của cha mẹ, con được sinh ra và lớn lên trong tình yêu thương, trong sự nâng đón và mong chờ của cha mẹ. Ở bức tranh ấy có cha, có mẹ, có con và con là trung tâm của gia đình, con đang ở tuổi chập chững biết đi, bi bô tập nói. Mỗi bước đi của con đều được cha nâng, mẹ đỡ, con được bước đi trong cả đôi bờ yêu thương:  Chân phải bước tới cha  Chân trái bước tới mẹ  Một bước chạm tiếng nói  Hai bước tới tiếng cười  - Năm câu thơ tiếp: con trưởng thành trong cuộc sống lao động, trong thiên nhiên thơ mộng, nghĩa tình của quê hương:  + Cuộc sống lao động cần cù và tươi vui của "người đồng mình" được nhà thơ gợi lên qua các hình ảnh đẹp:  Đan lờ cài nan hoa ra  Vách nhà ken câu hát  Các động từ cài, ken vừa miêu tả công việc cụ thể vừa gợi sự tài hoa , khéo léo, lạc quan của người đồng minh. Cuộc sống của họ luôn vui vẻ, đầy ắp những tiếng hát, lời ca.  + Rừng núi quê hương cũng rất thơ mộng nghĩa tình, thiên nhiên ấy đã che chở, nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn, lối sống:  Rừng cho hoa  Con đường cho những tấm lòng  Con sinh ra trong một gia đình hạnh phúc, con trưởng thành trên quê hương đầy ắp nghĩa tình . Gia đình và quê hương là hai chiếc nôi sinh con, nuôi con khôn lớn, bồi đắp cho con cả tâm hồn và lối sống. Nhắc lại những câu thơ về cội nguồn cao đẹp của con, cha đã nhắc lại ngày cưới của cha mẹ là " Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời". Nói với con về ngày cưới của cha mẹ để một lần nữa cha muốn con ghi sâu: con có một gia đình hạnh phúc, một quê hương sâu nặng nghĩa tình, con đừng bao giờ quên những cội nguồn thiêng liêng, đẹp đẽ ấy. |
| **b) Nói với con về những phẩm chất của người đồng mình và sức sống bền bỉ, mãnh liệt của quê hương (13 dòng tiếp theo)** | |
|  | - Cách gọi " người đồng mình": người trong bản, buôn, thung lũng, dân tộc mình. Cách nói mang ngôn ngữ địa phương, mộc mạc mang đặc trưng của người miền núi đầy gắn bó, đoàn kết và trân trọng. Cha gọi những người cùng sinh sống trên một vùng quê bằng tiếng gọi trìu mến nghe thật gần gũi, thân thương. Con lớn lên trong cái nôi nghĩa tình của những con người mộc mạc, thủy chung, tràn đầy niềm vui và lòng lạc quan.  - Cha kể cho con nghe cuộc sống và vẻ đẹp của người "người đồng mình" vẫn bằng giọng điệu tâm tình và ngôn ngữ mang đậm tư duy dân tộc giản dị mà đầy chất thơ:  + "Người đồng mình" có cuộc sống gian nan vất vả chất chồng đo bằng chiều cao của những ngọn núi nhưng bản lĩnh sống vô cùng cao đẹp. Họ biết lấy khó khăn biết nhìn về đằng xa để tôi luyện ý chí, "người đồng mình" luôn bền gan vững chí vươn lên trong mọi hoàn cảnh:  Cao đo nỗi buồn  Xa nuôi chí lớn  Tác giả đã lấy không gian cao và xa để cụ thể hóa ý chí bền bỉ, kiên định vượt khó của con người quê hương.hai câu thơ đã kết thúc bản lĩnh và phương châm sống cao đẹp của " Người đồng mình".  + "Người đồng mình" một lòng một dạ gắn bó, thủy chung với quê hương, yêu quê hương tha thiết:  Sống trên đá không chê đá gập ghềnh  Sống trong thung không chê thung nghèo đói  Điệp cấu trúc" Sống… không chê…", cách nói phủ định để khẳng định chắc nịch tình yêu, sự gắn bó thủy chung của con người với nơi chôn rau cắt rốn của mình dù có phải "sống trên đá gập ghềnh" , "sống trong thung nghèo đói".  + "Người đồng mình" chân chất, giản dị, " thô sơ da thịt" nhưng tầm vóc tâm hồn, trí tuệ và nhân cách sống cao đẹp:" Người đồng mình thô sơ da thịt - Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con". Nghệ thuật ẩn dụ kết hợp nghệ thuật đối làm nổi bật vẻ đẹp mộc mạc, giản dị những tầm vóc lớn lao của con người quê hương.  " Tự đục đá" : lao động thô sơ, cải tạo đất đai để sinh cơ lập nghiệp, xây dựng quê hương:  Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương.  Còn quê hương thì làm phong tục  Những con người ấy bằng sự lao động cần cù, nhẫn lại đã làm nên quê hương với truyền thống, phong tục tập quán tốt đẹp. Họ đã kê quê hương thêm cao. Những câu thơ là lời ngợi ca, khâm phục, tự hào chính đáng của cha về ý thức tự lực tự cường, tinh thần tự tôn dân tộc đáng trân trọng của "người đồng mình".  Nhiều lời gọi mang ngữ điệu cảm thán, kết hợp các điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc cú pháp tạo giọng điệu thiết tha, trìu mến, yêu thương:  - Người đồng mình yêu lắm con ơi…  - Người đồng mình thương lắm con ơi  - Sống trên đá, không chê…  - Sống trong thung, không chê ….  Tóm lại, từng câu, từng chữ,từng lời cha nói đều chứa chan niềm tự hào chính đáng của cha về quê hương dân tộc. Nói với con về những vẻ đẹp đáng tự hào, đáng "thương" của " người đồng mình", cha không chỉ mong con hiểu,con biết tự hào mà đằng sau những lời nói ấy là biết bao nhiêu mong ước thiết tha, cháy bỏng cha trao gửi nơi con. Cha mong con sống như "người đồng mình" đã sống. |
| **c) Mong muốn của người cha về con (4 dòng cuối)** | |
|  | - Sống ân tình thủy chung với quê hương: cha nhắc lại hình ảnh "thô sơ da thịt" để con nhớ đặc điểm của "người đồng mình" là mộc mạc, chân chất, con cũng là "người đồng mình", con là một phần máu thịt của quê hương, phải biết gắn bó thủy chung với quê hương.  - Biết tự hào về truyền thống quê hương, vượt qua thử thách bằng ý chí, niềm tin, vững bước trên đường đời.  Con ơi tuy thô sơ da thịt  Lên đường  Không bao giờ nhỏ bé được  Nghe con.  + Khi con "lên đường", là khi khôn lớn, trưởng thành, bước vào cuộc sống, cha tin con " Không bao giờ nhỏ bé được", con sẽ vượt qua thử thách, chông gai cuộc đời bằng ý chí, niềm tin. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, con hãy sống như "người đồng mình" đã sống. Trước thiên hạ, phải tự tin, vững bước trên đường đời, tự tin khẳng định mình,kế tục xứng đáng những truyền thống cao đẹp của gia đình, quê hương để làm rạng danh cho quê hương, xứ sở.  + Lời gọi "Con ơi" đặt trước những điều dặn dò và lời nhắn nhủ "Nghe con" sau lời dặn khiến lời cha không khô khan cứng nhắc mà thấm thía ân tình, dễ dàng thấm sâu vào hồn con. Lời cha là lời truyền giao thế hệ về lẽ sống ở đời của thế hệ trước với thế hệ sau. Cha yêu con, yêu quê hương tha thiết, tình cha con trăn hòa trong tình yêu quê hương, đất nước. |
| **\* Đánh giá:** Bài thơ được sáng tác theo thể thơ tự do, giọng điệu thiết tha, trìu mến, hình ảnh cụ thể mà có tính khái quát, mộc mạc mà vẫn gợi cảm, giàu chất thơ; cách dẫn dắt tự nhiên: từ tình cảm gia đình mở rộng ra tình yêu quê hương, từ những kỉ niệm gần gũi thiêng liêng mà nâng lên thành lẽ sống. | |
| **3. Kết bài** | Qua lời nói với con, nhà thơ thể hiện tình cảm gia đình ấm áp, ca ngợi truyền thống cần cù, sức sống mạnh mẽ của quê hương và dân tộc mình. Từ đó gợi nhắc về tình cảm gắn bó với truyền thống, với quê hương đất nước. |

**Đề 2: Nét riêng trong cách biểu hiện cảm xúc và sáng tạo hình ảnh qua bài thơ Nói với con của Y Phương.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Bài thơ Nói với con (1980) của Y Phương nằm trong cảm hứng rộng lớn, phổ biến, muôn thuở của thi ca. Bài thơ nói về tình yêu thương con cái, mong ước thế hệ sau nối tiếp xứng đáng và phát huy truyền thống của gia đình, quê hương.  - Viết về tình cảm cao đẹp mang tính nhân bản của con người Việt Nam , nhưng bài thơ có những nét riêng trong cách biểu hiện cảm xúc và sáng tạo hình ảnh. Đó là nét độc đáo của tác giả để thể hiện cảm xúc, tư tưởng chủ đề tác phẩm. |
| **2. Thân bài** |  |
| **a) Nét riêng trong sáng tác văn học** | |
|  | Là những nét độc đáo, riêng biệt của tác giả trong việc lựa chọn kết cấu, từ ngữ, hình ảnh để thể hiện cảm xúc, tư tưởng, chủ đề của tác phẩm. Nét riêng ấy khi được lặp lại ở nhiều tác phẩm khác nhau của cùng một tác giả sẽ tạo ra phong cách nghệ thuật, cá tính sáng tạo của người nghệ sĩ. Tìm hiểu nét riêng trong sáng tác văn học là đặt tác phẩm đó trong mối tương quan với cái phổ biến, cái chung về đề tài, cảm hứng sáng tác... để thấy được sự sáng tạo của nhà văn.  Nét chung của các tác phẩm cùng đề tài về tình yêu thương con  - Bài thơ Nói với con của Y Phương có cùng đề tài với các tác phẩm như: Con cò của Chế Lan Viên, Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ của Nguyễn Khoa Điềm…  - Nói về tình yêu thương con, các tác phẩm trên đều thể hiện một cách chân thực, xúc động thứ tình cảm thiêng liêng mang tính nhân bản muôn thuở của con người: tình mẹ, tình cha dành cho con. Trong khi thể hiện cảm xúc, các nhà thơ đều sáng tạo ra những hình ảnh giàu sức biểu cảm, hàm súc; ngôn từ dung dị đi, có sức gợi… |
| **b) Phân tích nét riêng trong cách biểu hiện cảm xúc và sáng tạo hình ảnh qua bài thơ Nói với con của Y Phương** | |
|  | \* Nét riêng trong cách biểu hiện cảm xúc:  - Về thể thơ, giọng điệu:  + Bài thơ được viết dưới hình thức thơ tự do, câu dài câu ngắn khác nhau, vì thế nhịp điệu phóng khoáng, cảm xúc được bộc lộ một cách thoải mái, tự nhiên nhất. Khi thể hiện tình cảm tha thiết thể hiện thái độ, ý chí cương quyết, mạnh mẽ, cha dùng những câu thơ dài, khi muốn nhắn nhủ, dặn dò con, tra lại dùng những câu thơ ngắn:  - Người đồng mình thương lắm con ơi  - Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương  - Lên đường  Không bao giờ nhỏ bé được  Nghe con.  + Giọng điệu: lời thương là lời người cha tâm tình, dặn dò con. Chọn cách tâm tình như vậy, tác giả gợi ra một không khí gia đình ấm áp tình cha con, đồng thời tạo cho bài thơ giọng điệu tha thiết, trìu mến, tin cậy.  - Về ngôn từ:  + Cách gọi, cách diễn đạt giản dị, mộc mạc, mang đặc trưng của người miền núi. Cha gọi những người cùng sinh sống trên một vùng quê bằng tiếng gọi trìu mến: "người đồng mình" nghe thật gần gũi, thân thương.  + Nhiều lời gọi mang ngữ điệu cảm thán, kết hợp các điệp từ, điệp ngữ, điệp cấu trúc cú pháp tạo giọng điệu thiết tha, trìu mến, yêu thương:  - Người đồng mình yêu lắm con ơi…  - Người đồng mình thương lắm con ơi  - Sống trên đá, không chê…  - Sống trong thung, không chê…  - Con ơi tuy thô sơ da thịt…  - Nghe con.  - Mạch cảm xúc: cảm xúc trong bài thơ cũng được tác giả dẫn dắt tự nhiên, từ tình cảm gia đình mở rộng ra tình yêu quê hương, từ những kỉ niệm gần gũi thiêng liêng mà nâng lên thành lẽ sống.  \* Nét riêng trong cách tạo hình ảnh:  - Nhà thơ lựa chọn những từ ngữ, hình ảnh độc đáo có sức gợi tả, gợi cảm, đậm sắc thái miền núi: đan , cài, ken, vách nhà, đá, thung, ghềnh, thác, sông, suối,... cụ thể mà khái quát; mộc mạc mà chất thơ bay bổng khiến bài thơ trở nên sinh động, chân thành, tha thiết.  - Nhiều hình ảnh cụ thể, gần gũi được so sánh, ví von để thể hiện những khái niệm trừu tượng: "sống như sông như suối" để ngợi ca sức sống mạnh mẽ, trường tồn, khỏe khoắn, tình yêu tự do như sông như suối dẫu gặp bao thác ghềnh vẫn chảy về với biển.  - Hình ảnh con người đầy ý chí, nghị lực cũng được diễn đạt bằng ngôn ngữ hình ảnh đậm chất dân tộc:  - Cao đo nỗi buồn  Xa nuôi chí nhớ…  - Sống như sông như suối  Lên thác xuống ghềnh…  - Chẳng mấy ai nhỏ bé…  - Tự đục đá kê cao quê hương…  - Lên đường  Không bao giờ nhỏ bé được  Nét riêng trong cách biểu hiện cảm xúc và sáng tạo hình ảnh trong bài thơ đã tạo nên vẻ đẹp độc đáo và phong cách riêng biệt của nhà thơ dân tộc Tày. |
| **3. Kết bài** | - Bài thơ không chỉ thể hiện tình cảm gia đình đầm ấm, yên vui, yêu thương, gắn bó mà còn ngợi ca sức mạnh và truyền thống cần cù của quê hương, gợi nhắc người đọc tình yêu quê hương, ý chí vươn lên, sống cho xứng đáng với truyền thống quý báu mà quê hương đã gìn giữ, dựng xây.  - Với cách biểu hiện cảm xúc, sự sáng tạo hình ảnh rất riêng, bài thơ đã thể hiện phong cách thơ Y Phương: tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh mang đặc trưng của người dân tộc miền núi, luôn dạt dào tình yêu thương và lòng nhân ái. |

**BÀI 10: SANG THU(Hữu Thỉnh)**

**Đề bài luyện tập:**

|  |
| --- |
| **Đề 1:** Phân tích bài thơ Sang thu của nhà thơ Hữu Thỉnh.  **Đề 2:** Bằng sự hiểu biết của mình về bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh emhãy làm rõ ý kiến sau: "Với Sang Thu, Hữu Thỉnh đã làm mới cho thơ thu " |

*Hướng dẫn làm bài:*

**Đề 1: Phân tích bài thơ Sang thu của nhà thơ Hữu Thỉnh.**

**Đề 2: Bằng sự hiểu biết của mình về bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh em hãy làm rõ ý kiến sau: "Với Sang Thu, Hữu Thỉnh đã làm mới cho thơ thu "**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Hữu Thỉnh (1942) là nhà thơ quân đội, trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ . Trước 1975, thơ Hữu Thỉnh tập trung diễn tả hình tượng người lính và hiện thực lớn lao, sôi động của những năm tháng chiến tranh ác liệt của đất nước trong kháng chiến chống Mỹ. Khi đất nước thống nhất, Hữu Thỉnh viết nhiều về con người và cuộc sống đời thường với nhiều suy nghĩ và chiêm nghiệm sâu sắc.  - Sang thu được Hữu Thỉnh sáng tác vào mùa thu năm 1977, in trong tập Từ chiến hào đến thành phố , xuất bản năm 1991. Bài thơ viết về những chuyển biến nhẹ nhàng, tinh tế của thiên nhiên, đất trời trong phút giao mùa từ hạ sang thu. Qua đó, nhà thơ gửi gắm quy luật của cuộc sống nhân sinh, của đời người khi bước sang mùa thu của cuộc đời. |
| **a) " Sang thu" ở chốn làng quê (khổ 1)** | |
|  | - Mùa thu đến bắt đầu từ hương vị mộc mạc ở một chốn làng quê. "Hương ổi" một thứ hương thơm ngào ngạt, nồng nàn đang chủ động phả vào trong gió se. Chỉ cần một từ "phả" gợi lên mùi hương ổi lan tỏa khắp không gian. Gió se : gió heo may se lạnh báo hiệu thu sang. Trong làn gió heo may se lạnh của mùa thu vị hương ổi được cô đặc, sánh lại, ngọt ngào và quyến rũ hơn. Cái ấm chủ động giao thoa với cái lạnh:  Bỗng nhận ra hương ổi  Phả vào trong gió se  - Từ khu vườn nhỏ nhà mình, nhà thơ hướng mắt ra trước ngõ và thấy làn sương mong manh đang ngập ngừng , đang " chùng chình qua ngõ". Nghệ thuật nhân hóa và từ láy " chùng chình" gợi lên làn sương thu nhẹ, mỏng manh , giăng mắc nửa muốn đi nửa còn dùng dằng ở lại nơi đầu thôn ngõ xóm. Các tín hiệu đặc trưng của mùa thu đã hiện diện. Vậy mà nhà thơ còn chưa chắc chắn, còn nghi hoặc: " Hình như thu đã về" . Phải tinh tế, nhạy cảm, nhà thơ mới có thể nhận ra bước " sang thu" nhẹ nhàng, vô hình, từ hương thơm của làng quê, từ những gì không cụ thể làm xốn xang lòng người. |
| **b) Sang thu khắp đất trời (khổ 2)** | |
|  | Từ không gian nhỏ hẹp với hương ổi trong vườn, gió qua nhà, sương trước ngõ, Hữu Thỉnh đã phóng tầm mắt ra xa hơn và nhận ra mùa thu đã về thật sự khắp đất trời.  - Hai câu thơ đầu: nghệ thuật đối lập được sử dụng để miêu tả những chuyển biến tinh tế của mùa thu trong một không gian trái chiều và những trạng thái, hoạt động trái chiều nhau của vạn vật:  Sông được lúc dềnh dàng  Chim bắt đầu vội vã  Thu sang, dòng sông cứ thế lững lờ trôi, rất nhẹ nhàng, rất êm xuôi, vừa chảy vừa như đang ngẫm nghĩ suy tư như đang đợi chờ ai đó. Đối lập với dòng sông, đàn chim tinh tế nhận ra hơi thu lạnh luồn trong gió se, chúng không thể "dềnh dàng" mà vội vàng, gấp gáp hơn trong những nhịp sải cánh khi mỗi chiều bay về tổ. Hai tốc độ trái chiều nhau, sự "dềnh dàng" của dòng sông, sự "vội vã" của những cánh chim đều diễn tả chính xác mùa thu mới ở độ bắt đầu.  - Hai câu sau: được xem là hai câu tuyệt bút tả cảnh ngụ tình . Thu sang rất dịu, rất nhẹ, rất em được nhà thơ cảm nhận từng bước chuyển mình của " đám mây mùa hạ" còn vương lại trên bầu trời.  Có đám mây mùa hạ  Vắt nửa mình sang thu  + Từ "vắt" gợi cho người đọc những liên tưởng kỳ thú về đám mây. Đám mây như một tấm lụa mềm mại, duyên dáng đang "vắt" lên bầu trời hai nửa hạ - thu.  + Đám mây được nhân hóa mới chỉ đang "vắt nửa mình " để sang thu. Nó như cũng mang nặng tâm tư của con người trong khoảnh khắc giao mùa: bâng khuâng xao xuyến trước những chuyển biến kỳ diệu của thiên nhiên, nửa còn lưu luyến, bịn rịn với mùa hạ nồng nàn, nửa đang háo hức, mong ước mùa thu êm dịu. |
| **c) "Sang thu" trong tâm hồn mỗi người (khổ 3)** | |
|  | - Thu đến với những dấu hiệu rõ ràng, cụ thể hơn bằng những đổi thay của thời tiết, bằng những dấu hiệu của hạ đi . Sang thu, mọi dấu hiệu thời tiết mùa hạ đều trở nên thưa thớt, ít ỏi . Dù " vẫn còn bao nhiêu nắng" nhưng những cơn mưa " đã vơi dần ", sấm cũng không còn "bất ngờ" như trong mùa hạ nữa ."Hàng cây đứng tuổi " không còn sợ sấm nữa bởi nó đã từng chứng kiến rất nhiều lần chuyển mùa như thế:  Vẫn còn bao nhiêu nắng  Đã vơi dần cơn mưa  Sấm cũng bớt bất ngờ  Trên hàng cây đứng tuổi.  - Hình ảnh " Hàng cây đứng tuổi" khép lại bài thơ vừa làm trọn vẹn bức tranh thiên nhiên vạn vật "sang thu" vừa là cầu nối mở ra những tâm sự nhà thơ muốn gửi gắn khiến bài thơ không chỉ là hình ảnh đất trời thiên nhiên nên thơ mà còn có hình ảnh con người trong khoảnh khắc giao mùa:  + "Sấm" là tượng trưng cho những biến động bất thường, những khó khăn mỗi người có thể gặp phải trên đường đời.  + Hình ảnh "hàng cây đứng tuổi" tượng trưng cho những lớp người đã từng trải, có kinh nghiệm dày dặn, đã từng trải qua bao sóng gió gian nan của cuộc đời. Khi đã "sang thu" con người luôn vững vàng hơn, họ đón nhận những biến động bất ngờ bằng sự bình thản tự nhiên, họ giải quyết mọi việc được bình tĩnh theo cách đúng đắn nhất.  Thiên nhiên đã trở cái cớ để nhà thơ gửi gắm triết lý nhân sinh vào đó, khiến Sang thu trở thành một ẩn dụ hàm súc, đa nghĩa. |
| **\* Đánh giá:**  - Bài thơ "Sang thu" là sự cảm nhận tinh tế của tác giả về vẻ đẹp thiên nhiên với những bước chuyển mình từ hạ sang thu. Đồng thời, qua tác phẩm còn nói lên niềm xúc động, những suy ngẫm và triết lý trong khoảnh khắc giao mùa của nhà thơ.  - Ngôn ngữ, hình ảnh giản dị, tự nhiên nhưng giàu sắc gợi, độc đáo và mới lạ.  - Giọng thơ nhẹ nhàng , sâu lắng. | |
| **3. Kết bài** | - Bằng sự cảm nhận tinh tế, bằng ngôn ngữ thơ ca giản dị, hàm súc; hình ảnh thiên nhiên thân quen, giản dị mà tươi tắn, sống động và một giọng thơ vừa có thoáng ngỡ ngàng , vừa có chút vui sướng, lại vừa trầm lắng, sâu sắc... Hữu Thỉnh đã dựng lại một bức tranh thu nồng đượm hơi ấm cuộc đời, hơi ấm quê nhà, ấm áp tình người.  - Với Sang thu, Hữu Thỉnh đã góp thêm một nét thu độc đáo vào dòng thơ thu của dân tộc. |

**Đề 2: Bằng sự hiểu biết của mình về bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh em hãy làm rõ ý kiến sau: "Với Sang Thu, Hữu Thỉnh đã làm mới cho thơ thu "**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Hữu Thỉnh (1942) là nhà thơ quân đội , trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Thơ Hữu Thỉnh hấp dẫn người đọc ở hình ảnh, cảm xúc trong sáng với nhiều suy nghĩ và chiêm nghiệm sâu sắc về con người, cuộc đời.  - Bài thơ Sang thu sáng tác năm 1977 với nhiều nét sáng tạo và độc đáo so với những bài thơ cùng đề tài. Vì vậy có ý kiến cho rằng: "Với Sang thu, Hữu Thỉnh đã làm mới cho thơ thu". |
| **2. Thân bài** |  |
| **a) Giới thiệu về mùa thu và thơ ca** | |
|  | - Người xưa nói " Thu là thơ của lòng người" , " Thu là thơ của đất trời" . Vì thế, trong lịch sử văn học đã có một dòng thi ca viết về mùa thu.  - Trong thơ thu xưa thường vương những nét buồn nhất định và nhất thiết phải có hình ảnh sương sa, lá ngô đồng rụng, rừng phong thu... nét buồn này có cả ở quán quân về thơ thu - Nguyễn Khuyến và còn vướng tới thời Thơ mới của Xuân Diệu, Lưu Trọng Lư... Trong cái chung ấy, mỗi nhà thơ lại mang đến cho thơ thu một nét mới rất riêng.  - Sang thu của Hữu Thỉnh không chỉ tả cảnh đẹp của thiên nhiên vào thu với những nét đặc trưng nhất mà còn thể hiện nét riêng trong hệ thống hình ảnh, ngôn từ, trong mạch vận động cảm xúc và hình tượng thiên nhiên để dẫn tới cảm nhận sang thu của hồn người. |
| **b) Chứng minh " Với Sang Thu, Hữu Thỉnh đã làm mới cho thơ Thu"** | |
|  | \* Sang thu mới ở mạch vận động cảm xúc và hình tượng thiên nhiên.  - Khác với nhiều thi nhân khi viết về mùa thu, Hữu Thỉnh đã chọn thời điểm giao mùa cuối hạ sang thu. Sự rung động bất chợt trước sự biến động của thiên nhiên , dấu hiệu thu sang lấn dần mùa hạ bắt đầu từ hương ổi, gió se, làn hương, dòng sông, cánh chim, làn mây đến nắng mưa, sấm chớp... khoảnh khắc ấy được diễn tả bằng những rung cảm tinh tế, sâu sắc.  - Bức tranh thu sang của Hữu Thỉnh có sự vận động trong không gian và thời gian của đất trời và không gian, thời gian của tâm tưởng, vận động từ ngoại cảnh và nội tâm:  + Sự vận động của thiên nhiên từ hạ sang thu.  + Sự vận động của cảm xúc, từ bâng khuâng xao xuyến trước bước chuyển mùa sang cảm nhận về đời người, lúc sang thu. Thiên nhiên đã trở thành cái cớ để nhà thơ gửi gắm triết lý nhân sinh vào đó, khiến sang thu trở thành một ẩn dụ hàm súc, đa nghĩa.  \* Sang thu mới cả thần thái, thi liệu, hình ảnh:  - Dáng vẻ: thần thái thơ thu trước đây có màu vẻ bi thương, tàn phai (Đây mùa thu tới - Xuân Diệu, Tiếng thu - Lưu Trọng Lư…). Nhưng mùa thu trong thơ Hữu Thỉnh trong sáng, dịu dàng, quyến rũ (qua hình ảnh đám mây).  - Sang thu có sử dụng hình ảnh và thi liệu mùa hạ: có sương, gió, sông, cánh chim, đám mây I nhưng Hữu Thỉnh đã sáng tạo các hình ảnh thơ Qua phép tu từ nhân hóa: "Sương chùng chình qua ngõ " , "đám mây mùa hạ" đang "Vắt nửa mình sang thu…". Cảnh Thu trở nên sống động vừa có hình, có hồn, vừa giàu sức gợi cảm nhất là hình ảnh đám mây khi sang thu. Nhà thơ lấy cái hữu hình để diễn tả cái vô hình, lấy không gian để đo bước đi của thời gian, biến giây phút mong manh, mơ hồ khó nắm bắt trở nên cụ thể khiến cho thu sang vốn âm thầm bỗng trở nên sống động.  - Trong làng thơ thu xưa nay rất ít gặp hương thu và và nếu có gặp thì các tác giả thường chú ý đến thứ hương đồng nội khác: hương cốm nhưng thơ Hữu Thỉnh, hương thu được miêu tả ngọt ngào, quyến rũ, được gió mùa thu đưa đến khắp nơi qua thứ hương ổi dân dã, quen thuộc.  - Hình ảnh nắng mưa, sấm chớp,bão giông không chỉ là hình ảnh thiên nhiên mà là hình ảnh ẩn dụ chỉ những vang động bất trắc của cuộc đời nhưng cũng từ đó để bộc lộ nét đẹp tâm hồn của con người khi sang thu. Đây là điều mới mẻ trong thơ Hữu Thỉnh.  \* Sang thu có nét mới trong sử dụng ngôn ngữ:  - Ngôn ngữ không cầu kì trau chuốt nhưng cô đọng, hàm súc.  - Ngôn ngữ giàu chất văn xuôi (được lúc, bắt đầu) để diễn tả trạng thái mới bắt đầu quan sát cảnh thiên nhiên. Các từ "bỗng" , "hình như" chỉ sự bâng khuâng, xao xuyến của hồn người sang thu. Hữu Thỉnh quan sát, cảm nhận thu sang không chỉ bằng những giác quan mà còn lắng nghe bước đi của mùa thu bằng tất cả tâm hồn, bằng tình yêu cuộc sống thiết tha.  ( Tài liệu: Nguyễn Nga- nhóm ngữ văn THCS) |
| **3. Kết bài** | - Bằng sự cảm nhận tinh tế, bằng ngôn ngữ thơ ca giản dị và hàm súc,Hữu Thỉnh đã vẽ một bức tranh thiên nhiên mùa thu tuyệt mĩ. Đọc bài thơ Sang thu, người đọc thêm yêu quê hương,yêu những phút giây thanh bình của cuộc sống và tự rút ra nhiều chiêm nghiệm về cuộc đời.  - Với Sang thu, Hữu Thỉnh đã góp thêm một nét thu độc đáo vào dòng thơ thu, đã thực sự làm mới cho thơ thu. |

|  |  |
| --- | --- |
| **2. Ôn tập truyện hiện đại** | |
| 1 | Làng |
| 2 | Lặng lẽ Sa Pa |
| 3 | Chiếc lược ngà |
| 4 | Những ngôi sao xa xôi |

**BÀI 1: LÀNG( Kim Lân)**

**Đề bài luyện tập:**

|  |
| --- |
| **Đề 1:** Phân tích tâm trạng của ông Hai sau khi nhận được tin làng chợ Dầu theo Tây.  **Đề 2:** Phân tích nhân vật ông Hai trong truyện ngắn “Làng” của Kim Lân.  **Đề 3:** Truyện ngắn Làng của Kim Lân gợi cho em những suy nghĩ gì về những chuyển biến mới trong tình cảm của người nông dân Việt Nam thời kháng chiến chống thực dân Pháp?  (Cần nêu được tình yêu làng quyện với lòng yêu nước ở nhân vật ông Hai, một nét mới trong đời sống tinh thần của người nông dân trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp) |

**Hướng dẫn làm bài:**

\* Yêu cầu chung:

- Nội dung: Học sinh nhận diện được dạng đề nghị luận văn học, biết kết hợp kiến thức và kỹ năng để tạo lập văn bản. Học sinh có thể triển khai bài viết theo nhiều cách xong cần bám sát ngữ liệu, kết hợp các thao tác lập luận.

- Hình thức: Bài viết cần có bố cục rõ ràng, lập luận chặt chẽ, diễn đạt mạch lạc, không mắc lỗi ngữ pháp, chính tả.

\* Yêu cầu cụ thể:

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: tâm trạng nhân vật ông Hai sau khi nghe tin làng chợ Dầu theo Tây. |
| **2. Thân bài** |  |
| Khái quát tính cách ông Hai: vui vẻ, chất phác , có tấm lòng gắn bó với làng quê và kháng chiến. | |
|  | \* Phân tích hoàn cảnh của ông Hai :  - Rất yêu làng , tự hào, hay khoe về làng, nhưng lại phải xa làng chợ Dầu thân yêu đế đi tản cư. - Tình yêu làng của ông lão lại bị đặt vào một hoàn cảnh gay cấn, đầy thử thách : tin làng chợ Dầu theo giặc, phản bội lại Cách mạng, kháng chiến. - Ông Hai đã phải trải qua tâm trạng đầy dằn vặt, đau đớn phải đấu tranh tư tưởng rất quyết liệt đế lựa chọn con đường đi đúng đắn cho mình. \* Diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Hai trải qua các tình cảm, thái độ khác nhau: + Thoạt đầu nghe tin làng chợ Dầu theo giặc từ người đàn bà tản cư nói ra, ông lão bàng hoàng, sững sờ, nghi ngờ, không thể tin được. + Khi cái tin ấy được khẳng định chắc chắn, ông lão buộc phải tin. Tâm trạng ông Hai bị ám ảnh, day dứt với mặc cảm là kẻ phản bội. + Luôn sống trong tâm trạng nơm nớp, lo sợ, xấu hổ, nhục nhã nên chốn biệt ở trong nhà. + Tủi thân, thương con, thương dân làng chợ Dầu và thương thân mình phải mang tiếng là dân làng Việt gian. - Ông Hai tiếp tục bị đặt vào một tình huống thử thách căng thẳng,quyết liệt hơn khi mụ chủ nhà báo sẽ đuổi hết người làng chợ Dầu khỏi nơi sơ tán. + Ông lão cảm nhận hết nỗi nhục nhã, lo sợ vì tuyệt đường sinh sống. + Bị đẩy vào đường cùng, tâm trạng vô cùng bế tắc. Mâu thuẫn nội tâm được đấy đến đỉnh điểm. + Giận lây và trách cứ những người trong làng phản bội, nhưng lòng yêu làng, tin những người cùng làng khiến ông lão bán tín bán nghi. + Định quay về làng, nhưng hiểu rõ thế là phản bội cách mạng, phản bội cụ Hồ. + Tâm sự với đứa con để củng cố niềm tin vào cách mạng, kháng chiến; tự nhủ mình “Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù ”. + Giữ được tình cảm trung thành với cách mạng, kháng chiến, cụ Hồ. |
| \* Đánh giá:  - Tâm trạng nhân vật được miêu tả cụ thế, gợi cảm qua diễn biến nội tâm, ý nghĩ hành vi, ngôn ngữ nên rất sinh động. -  Ngôn ngữ kế, ngôn ngữ nhân vật đặc sắc, bộc lộ rõ tâm trạng và thái độ của nhân vật. - Tình huống truyện giúp nhân vật bộc lộ tâm trạng cụ thế, đa dạng. | |
| **3. Kết bài** | Xây dựng thành công diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai là thành công lớn nhất của truyện ngắn Làng. Điều đó đã thể hiện được tài năng của nhà văn Kim Lân trong việc khám phá chiều sâu tâm lí nhân vật. Và hơn hết, điều đó đã xây dựng trong lòng độc giả một chân dung sống động, chân thực về một tấm lòng yêu quê hương, đất nước thiết’tha cảm động của người nông đản Việt Nam chất phác, thật thà. |

**Đề 2:** Phân tích nhân vật ông Hai trong truyện ngắn “Làng” của Kim Lân.

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **Mở bài** | - Kim Lân là một nhà văn có sở trường về truyện ngắn. Ông am hiểu sâu sắc về đời sống nông dân, nông thôn Việt Nam.  - Truyện ngắn Làng đừng viết vào thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp đăng trên tạp chí Văn Nghệ năm 1948. Ông Hai là nhân vật chính của tác phẩm, một người nông dân phải rời làng đi tản cư đã để lại những ấn tượng sâu sắc nhắc bởi tình yêu làng, yêu nước, tinh thần kháng chiến, trung kiên với cách mạng. |
| **Thân bài** |  |
| ***a) Ông Hai là một nông dân có tình yêu làng sâu sắc đặc biệt với cái làng Chợ Dầu, nơi chôn rau cắt rốn của ông.*** | |
|  | - Làng Chợ Dầu là nơi tổ tiên ông Hai sinh cơ lập nghiệp, nơi chôn rau cắt rốn của ông. Biết bao tình cảm đã gắn bó ông với dân làng , với cảnh vật, với mảnh đất quê hương.  - Trước cách mạng, với tâm lý nông dân, mang tính địa phương, ông thường tự hào làng mình giàu đẹp to lớn, thường khoe cái " sinh phần của viên Tổng đốc người làng". Ông yêu tất cả những gì thuộc làng ông: " những nhà ngói san sát, những đường làng lát đá xanh trời mưa gió bùn không dính đến gót chân"...  - Kháng chiến chống Pháp nổ ra, tình yêu làng của ông Hai có sự chuyển biến:  + Ông thấy căm thù cái" sinh phần" của viên Tổng đốc vì nó là tàn tích của phong kiến, vì phục dịch xây nó mà ông và người làng phải khổ.  + Tự hào về làng, ông tự hào về phong trào cách mạng, tinh thần kháng chiến sôi nổi của làng, những buổi tập quân sự, những buổi đào đường, đắp ụ, xẻ giao thông hào... tự hào luôn cả"cái phòng thông tin tuyên truyền rộng rãi, cái chòi phát thanh cao".  Trong con mắt ông Hai, cái gì của làng Chợ Dầu cũng đáng tự hào. Cuộc đời, số phận ông Hai đã thật sự gắn bó với những buồn vui của làng. |
| ***b) Tình cảm yêu làng của ông Hai hòa quyện, thống nhất với tình yêu đất nước, yêu kháng chiến, cách mạng.*** | |
|  | \* Khi ở khu tản cư :  - Ông Hai tản cư đến vùng tự do theo chính sách của Cụ Hồ: tản cư là yêu nước.  - Khi mới lên khu tản cư, chưa quen người, quen việc nên ông hay nhớ về cái làng của mình" Chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cái làng quá".  - Khi được nói chuyện về làng, ông vui náo nức là thường: "Hai con mắt ông sáng hẳn lên, cái mặt biến chuyển hoạt động".  - Ông thường ra phòng thông tin để nắm tin tức kháng chiến: trẻ em cắm cờ trên Tháp Rùa Hà Nội, anh trung đội trưởng sau khi giết được bảy tên giặc đã hi sinh, đội nữ dân quân du kích Trưng Trắc bắt sống tên quan Hai Pháp….  Khi biết những tin đó, ông vui như người trong cuộc lập được chiến công. Điều đó cho thấy ở khu tản cư nhưng ông luôn hướng lòng về kháng chiến, lấy niềm vui kháng chiến để vơi bớt nỗi nhớ làng. Tình yêu làng, yêu nước, gắn bó với kháng chiến đã hòa quyện.  \* Khi nghe tin làng Dầu là làng Việt gian theo Tây:  - Tác giả đặt nhân vật ông Hai vào một tình huống gay cấn để làm bộc lộ sâu sắc tình cảm yêu làng, yêu nước của ông. Tình huống ấy là cái tin làng ông theo giặc, lập tề mà chính ông nghe được từ miệng những người tản cư dưới xuôi lên.  - Khi nghe tin:  + Ông bàng hoàng, sững sờ " Cổ ông nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được" …  + Khi trấn tĩnh lại được phần nào, ông còn chưa tin mà hỏi lại, giọng lạc hẳn đi. Lời khẳng định của người đàn bà" Việt gian từ thằng chủ tịch mà đi cơ" làm ông không nói gì được nữa, vờ vờ đứng lảng ra chỗ khác, rồi đi thẳng.  - Trên đường về: trong tâm trí ông Hai chỉ còn cái tin dữ ấy xâm chiếm, nó trở thành nỗi ám ảnh day dứt. Ông hổ thẹn, nhục nhã, " cúi gằm mặt xuống mà đi".  - Về đến nhà: ông"nằm vật ra giường", rồi tủi thân khi nhìn đàn con,"nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư?".  - Tối đến khi bà Hai trở về: gia đình ông Hai bao trùm không khí căng thẳng.  Chỉ bằng một đoạn văn ngắn ăn nhà văn đã diễn tả nhiều tâm trạng đau đớn, vò xé trong lòng ông Hai . Phải là một người có tình yêu làng sâu nặng, tha thiết ông Hai mới có những tâm trạng như vậy.  \* Những ngày sau đó :  - Suốt mấy ngày sau, ông Hai không dám đi đâu. Không chỉ quanh quẩn ở nhà, nghe ngóng tình hình bên ngoài: "Một đám đông túm lại, ông cũng để ý, dăm bảy tiếng cười nói xa xa, ông cũng chột dạ. Lúc nào ông cũng nơm nớp tưởng như người ta đang để ý, người ta đang bàn tán đến"cái chuyện ấy". Cứ thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam- nhông... là ông lủi ra một góc nhà, nín thít. Thôi lại chuyện ấy rồi!" . Tác giả đã diễn tả rất cụ thể nỗi ám ảnh nặng nề biến thành sự sợ hãi thường xuyên trong ông Hai cùng với nỗi đau xót, tủi hổ của ông chiếc cái tin làng mình theo giặc.  - Rồi tin này ai cũng biết: mụ chủ nhà đuổi khéo nhà ông đi, người làng Dầu ở đây cũng bị đuổi như đuổi hủi. Đi đâu bây giờ? Không ai muốn chứa chấp dân của làng "Việt gian", cũng không thể quay về làng, " về làng tức là chịu quay lại làm nô lệ cho thằng Tây", tức là"bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ". Ông Hai đã bị đẩy vào tình thế bế tắc, tuyệt vọng, mối mâu thuẫn nội tâm diễn ra gay gắt giữa về làng hay ở lại.  - Ông dứt khoát lựa chọn theo cách của ông:"Làng thì yêu thật, nhưng làng theo Tây mất rồi thì phải thù", tình yêu nước đã rộng lớn hơn, bao trùm lên tình cảm với làng quê. Nhưng dù đã xác định như thế, ông vẫn không thể dứt bỏ tình cảm với làng quê, vì thế mà càng đau xót, tủi hổ.  - Ông Hai nói chuyện với con trai để giãi bày nỗi lòng mình:  + Ông Hai hỏi con:"Thế nhà con ở đâu?","ủng hộ Cụ Hồ con nhỉ?".  + Đứa con trai út trả lời: " nhà ta ở làng Chợ Dầu","Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh muôn năm!"  + Ông tự nhủ: "Anh em đồng chí biết cho bố con ông. Cụ Hồ trên đầu trên cổ xét soi cho bố con ông","Cái lòng của bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai…".  Qua những lời tâm sự với đứa con nhỏ và lời tự nhủ với mình, tự giãi bày nỗi lòng mình,ta thấy rõ ở ông Hai tình yêu sâu nặng với cái làng Chợ Dầu của ông và tấm lòng thủy chung với kháng chiến, với cách mạng mà biểu tượng là Cụ Hồ . Tình cảm ấy là sâu nặng, bền vững, thiêng liêng.  \* Khi nghe tin cải chính:  - Ông chủ tịch làng Chợ Dầu lên cải chính tin: làng ông vẫn là làng kháng chiến, làng bị giặc tàn phá vì không theo Tây, bằng chứng là:"Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhẵn!".  - Ông Hai lật đật đi khoe với tất cả mọi người tin cải chính, lại vén quần lên tận bẹn mà nói chuyện về cái làng của ông.  Niềm vui mừng kỳ lạ thể hiện một cách đau xót, cảm động về tinh thần yêu nước và cách mạng của ông Hai. Nhà bị giặc đốt nhưng ông không buồn tiếc vì đó là bằng chứng về lòng trung thành với cách mạng và kháng chiến của ông. Đây là tình cảm đặc biệt của ông Hai, tình cảm chung của những người nông dân, của nhân dân ta thời kháng chiến chống Pháp. Đối với họ lúc này, trước hết và trên hết là Tổ quốc, nên họ sẵn sàng hi sinh tất cả tính mạng và tài sản. |
| **3. Kết luận** | - Xây dựng nhân vật ông Hai nhà văn đã đặt nhân vật vào tình huống thử thách bên trong để bộc lộ chiều sâu tâm trạng; miêu tả rất cụ thể, gợi cảm các diễn biến tâm lý phức tạp: bàng hoàng, đau đớn, căng thẳng, tuyệt vọng, sung sướng,...; ngôn ngữ nhân vật sinh động, giàu tính khẩu ngữ và thể hiện cá tính.  - Hình ảnh ông Hai tiêu biểu cho vẻ đẹp của người nông dân trong buổi đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Đó là những con người mộc mạc, chất phác có tình cảm bền chặt, sâu sắc với làng quê, đất nước và cách mạng, kháng chiến. |

**Đề 3:** Truyện ngắn Làng của Kim Lân gợi cho em những suy nghĩ gì về những chuyển biến mới trong tình cảm của người nông dân Việt Nam thời kháng chiến chống thực dân Pháp?

(Cần nêu được tình yêu làng quyện với lòng yêu nước ở nhân vật ông Hai, một nét mới trong đời sống tinh thần của người nông dân trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp)

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | Cách 1:  - Trong nền văn học Việt Nam hiện đại, Kim Lân là một gương mặt độc đáo. Do hoàn cảnh sống của mình, ông am hiểu sâu sắc sinh hoạt, tâm lý của người nông dân. Kim Lân được xem là nhà văn của nông thôn, của người dân quê Việt Nam với những vẻ đẹp mộc mạc mà đậm đà. “Làng” là một trong những truyện ngắn đặc sắc của Kim Lân. Tác phẩm này được viết trong thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, thể hiện một cách sinh động vẻ đẹp tình yêu làng, lòng yêu nước ở người nông dân.  - Ai đến với “Làng”, chắc khó quên được ông Hai - một nhân vật nông dân mang những nét đẹp thật đáng yêu. Ở ông có những chuyển biến mới trong tình cảm của người nông dân Việt Nam thời kháng chiến chống thực dân Pháp.  Cách 2:  Tình yêu làng, sự gắn bó với nơi chôn nhau cắt rốn vốn là một tình cảm sâu nặng ở con người Việt Nam nói chung, đặc biệt ở người nông dân nói riêng. Lịch sử văn học dân tộc từng xây dựng thành công nhiều nhân vật mang tình cảm đáng quý ấy. Nhân vật ông Hai trong truyện ngắn “Làng” của Kim Lân là một trong những trường hợp tiêu biểu như thế. Ông Hai không những yêu làng màtình yêu làng ở ông thống nhất bền chặt với lòng yêu nước. Đó là một tình cảm mới xuất hiện trong tâm hồn và tình cảm người nông dân Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám, trong cuộc kháng chiến chống Pháp. |
| **2. Thân bài** |  |
| **a/ Tình yêu làng yêu nước của nhân vật ông Hai là tình cảm nổi bật, xuyên suốt toàn truyện:** | |
|  | ***- Khi tản cư***, ông Hai nghĩ đến những ngày hoạt động kháng chiến giữ làng cùng anh em, đòng đội. Tình cảm yêu làng của ông đã gắn bó với tình cảm kháng chiến. Ông không chỉ là một dân làng mà còn là một phụ lão , một chiến sĩ đã từng tham gia đánh giặc giữ làng mà nay phải xa làng đi tản cư.  **- *Ở nơi tản cư***, ông luôn theo dõi tin tức kháng chiến , tin tức của làng Dầu. Sáng hôm ấy ,ông Hai đang ở trong phòng thông tin, tâm trạng rất phấn chấn:Ruột gan ông lão như múa lên. Vui quá! Vui vì kháng chiến bao nhiêu, ông càng cụt hứng và đau khổ bấy nhiêu.  -Trong lúc ông Hai đang hồ hởi với những chiến tích kháng chiến, những gương dũng cảm anh hùng của quân và dân ta thì ông như bị sét đánh về cái tin cả làng Dầu “*Việt gian theo Tây”* .  **+ Ông sững sờ**, “*cổ ông lão nghẹn ắng lại, da mặt tê rân rân, lặng đi, tưởng như không thở được.....”-* một cái tin động trời mà trước đó ông không thể tin, không thể ngờ lại có thể xảy ra như thế . Ông Hai còn cố gắng hỏi lại để hy vọng đó chỉ là tin đồn thất thiệt. Nhưng rồi, bằng những chứng cứ cụ thể, ông Hai đành phải tin cái sự thật khủng khiếp ấy. Cử chỉ đầu tiên của ông là lảng chuyện, cười cái nhạt thếch của sự bẽ bàng, rời quán về nhà (nơi tản cư). Những câu nói mỉa móc, căm ghét của những người tản cư nói về cái làng Việt gian ấy đuổi theo ông làm ông xấu hổ, ê chề như là họ đang mắng chửi chính ông-vì ông là người chợ Dầu, cái làng đốn mạt ấy. Ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi : đi trong sự trốn tránh vì xấu hổ và nhục nhã.  + Về đến nhà , ông nằm vật ra giường như bị cảm.Trong đau khổ và xấu hổ, nhục nhã nhìn đàn con chơi đùa, ông Hai nghĩ đến sự hắt hủi,khinh bỉ của nọi người dành cho ngững đứa trẻ của cái làng Việt gian. Thương con, ông thoắt vô cùng căm giận dân làng - những kẻ mà ông đã gọi là *chúng bay* một cách căm ghét và khinh bỉ . Ông nguyền rủa họ đã làm một việc điếm nhục bậc nhất hại đến danh dự của làng, và tội còn to hơn thế: đó là tội phản bội, đầu hàng, bán nước.  + Nhưng rồi ông lại khó tin là chuyện tày đình ấy có thể xảy ra. Nhưng những chứng cứ hiển nhiên trở lại làm ông đành một lần nữa cay đắng chấp nhận sự thật và sự nhục nhã, sự giày vò tâm trí lại sôi réo trong lòng ông. Ông nghĩ tới sự tẩy chay của mọi người, tới tương lai chưa biết làm ăn sinh sống như thế nào? Cụ thể nhất là ông sắp phải đón đợi thái độ ghẻ lạnh , móc máy của mụ chủ nhà khó tính, lắm điều.  + Trò chuyệnvới vợ trong gian nhà ở nhờ , thái độ của ông vừa bực bội , vừa đau đớn, cố kìm nén, ông gắt gỏng vô cớ,trằn trọc thở dài, rồi lo lắng đến mức chân tay nhũn ra, nín thở, lắng nghe, không nhúch nhích, nằm im chịu trận.  + Trong mấy ngày sau đó , ông không dám ra khỏi nhà, không dám đi đâu, chỉ ru rú trong nhà nghe ngóng tình hình bên ngoài, lo lăng sợ hãi thường xuyên: lúc nào cũng nghĩ đến chuyện ấy, cũng tưởng mọi người chỉ nói đến chuyện ấy.  + Khi mụ chủ nhà khó tính đẩy vợ chồng ông Hai đến tình thế khó xử là không biết sẽ sống nhờ ở đâu, tâm trạng ông Hai lại càng trở nên u ám bế tắc và tuyệt vọng . Chính trong phút giây tuyệt vọng ấy, ông lão đã chớm có ý định quay về làng cũ. Nhưng trong ông lập tức lại diễn ra cuộc tự đấu tranh quyết liệt: Về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ, về làng là chịu đầu hàng thằng Tây.....Đến đây, tình cảm tự do, tình cảm cách mạng, lòng yêu làng yêu nước đã thực sự hòa quyện trong tâm hồn người lão nông tản cư. Và ông quyết định dứt khoát, trong cực kì đau khổ, uất hận: Muốn sao thì sao, không thể bỏ về làng, phải thù cái làng theo giặc ấy dù trước đây, dù cả đời ông đã gắn bó máu thịt với nó, vô cùng yêu thương, tự hào về nó. Thế là mâu thuẫn nội tâm trong ông Hai đã tạm thời tự ông tìm được hướng giải quyết trong tình thé thúc bách, Nhưng trong lòng ông đau đớn biết bao. Ông chỉ còn biêt san vợi phần nào nỗi đau ấy trong câu chuyện với đứa con út còn thơ dại.  + *Đoạn đối thoại đã biểu hiện tình cảm thiêng liêng và sâu nặng của ông Hai với quê hương, đất nước, với kháng chiến, với Cụ Hồ*. Những lời tâm tình thủ thỉ của ông với đứa con nhỏ đó chính là tiếng lòng sâu thẳm của ông, nó nói lên thành tiếng quyết tâm và ý chí của ông, tâm sự của ông trong một hoàn cảnh cụ thể của ông với quê hương, với kháng chiến , với vị lãnh tụ kính yêu của toàn dân. Đó là tự nhủ giải bày lòng mình, như là tự minh oan cho chính mình . Đó là tình yêu sâu nặng với cái làng quê đang tạm thời phải xa, phải thù. Đó là tấm lòng chung thủy với cách mạng và kháng chiến, tấm lòng biết ơn chân thành, bền vững và thiêng liêng cho đến chết:  ***Anh em đồng chí biết cho bố con ông***  ***Cụ Hồ trên đầu trên cổ soi xét cho bố con ông***  ***Cái lòng bố con ông là như thế đấy, có bao giờ dám đơn sai. Chết thì chết có bao giờ dám đơn sai.***  quả là những suy nghĩ và lời lẽ chân thành rất mực, mộc mạc rất mực của người nông dân nghèo Bắc Bộ.  + Nhưng rồi cái tin làng theo giặc được cải chính. Đến lúc này, mọi nỗi đau của ông Hai biến mất. Mới đến ngõ, chưa vào nhà, ông đã “*bô, bô”,* rồi “*lật đật*” sang nhà bác Thứ, “*lật đật”* bỏ lên nhà trên,“*lật đật”* đi nơi khác để khoe. Vừ khoe vừ múa tay lên. Ông vui vì làng ông vẫn kiên gan đi theo kháng chiến , vui đến mức chuyện nhà ông bị Tây đốt nhẵn tở thành nhỏ bé, không đáng lưu tâm. Chi tiết này khiến người đọc cảm thấy cảm động hơn, trân trọng hơn tình yêu làng,tình yêu Tổ quốc, yêu kháng chiến của ông Hai. Giờ đây tình yêu lớn lao sâu sắc ấy đã khiến ông quên mọi ưu phiền, ông đi khắp nơi để khoe . Mà lần này, ông khoe rành rọt , tỉ mỉ như chính ông vừa dự xong trận đánh ấy.  Đây lại là những lúc ông Hai lấy làm vinh dự về làng, tự hào về làng quê mình, anh dũng phá càn, thắng giặc.  \* Từ bao đời nay, tình yêu làng yêu quê đã trở thành tình yêu tự nhiên, sâu nặng , nó đã thấm sâu vào tâm thức tâm linh của người dân quê. Thậm chí nhiều khi tình cảm ấy đã bị đẩy tới sự thiên vị và trở thành tâm lý bản vị hẹp hòi . Truyện “Làng” , qua nhân vật ông Hai đã thể hiện sinh động và cả động tình yêu làng quê của người nông dân thống nhất với tình yêu nước và tinh thần kháng chiến. Tình yêu Làng của người nông dân , sau Cách mạng tháng Tám có những biến đổi . Tình yêu làng của người nông dân đã gắn bó với lòng yêu nước và ý thức giai cấp, tinh thần kháng chiến . Tình yêu làng được đặt trong tình yêu nước rộng lớn. |
| ***b/ Nghệ thuật xây dựng nhân vật:*** | |
|  | - *Đặt nhân vật trong một tình huống bất ngờ mà hợp lý* không chỉ tạo thành nút truyện , tạo sự căng thẳng và hấp dẫn của truyện mà còn là dịp tốt để đẩy câu chuyện đến cao trào, để có dịp trình bày những day dứt, những đau khổ và giải tỏa của nhân vật và là dịp tốt để khẳng định chủ đề, ca ngợi tình yêu làng yêu quê, yêu nước gắn bó như thế nào, mang màu sắc riêng độc đáo như thế nào trong tâm hồn người nông dân Việt Nam.  - *Tác giả nắm bắt, thể hiện rất sinh động và tài tình nét tâm lý* nổi bật của người nông dân là tình yêu làng và tâm lý cộng đồng. Tình yêu làng của ông Hai tiêu biểu và độc đáo. Không chỉ diễn tả chính xác, tinh tế các trạng thái tâm lý mà còn miêu tả thành công những quá trình vận động chuyển biến của tâm trạng nhân vật. Tác giả đã dùng nhiều biện pháp miêu tả tâm lý nhân vật :đối thoại, độc thoại và qua những trạng thái cảm xúc trực tiếp  - *Ngôn ngữ trần thuật và ngôn ngữ nhân vậ*t rất sinh động, gần gũi với lời ăn tiếng nói, cách nghĩ của người nông dân. |
| **\* Đánh giá:** Có thể nói Kim Lân đã thấu hiểu và diễn tả thực sinh động và cảm động tâm lý của người nông dân mà hiếm thấy cây bút nào đạt được như vậy. | |
| **3. Kết bài** | Ông Hai trong “Làng” là một nhân vật tạo ấn tượng sâu sắc với người đọc . Qua truyện ngắn này, bằng những tình huống, chi tiết chân thực , thú vị, bằng nghệ thuật miêu tả tâm lý sinh động, Kim Lân đã đem đến cho chúng ta một hình tượng hấp dẫn về người nông dân Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Pháp . Tình yêu tha thiết, sự gắn bó sâu nặng với làng quê, đất nước của nhân vật ông Hai luôn luôn có ý nghĩa giáo dục thấm thía đối với các thế hệ bạn đọc.  (Một kết luận khác: Ông Hai là một người nông dân chất phác có tình yêu làng, gắn liền với tình yêu nước . Tinh yêu làng được thể hiện độc đáo và cảm động. Tình yêu đó gắn liền với tình yêu kháng chiến, căm ghét bọn Việt gian bán nước và giặc Pháp xâm lược . Đặc sắc của truyện “Làng” là mieu tả tâm lý với diễn biến phức tạp; giáo dục tình yêu quê hương đất nước, gắn với cội nguồn, với truyền thống gia đình, quê hương.) |

**BÀI 2: LẶNG LẼ SA PA (Nguyễn Thành Long)**

**Đề bài luyện tập:**

|  |
| --- |
| **Đề 1:** Vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long.  **Đề 2:** Truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long hấp dẫn người đọc bởi cốt truyện đơn giản, chất thơ, chất trữ tình xuyên suốt tác phẩm.  Phân tích tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa để làm sáng tỏ nhận xét trên.  **Đề 3:** Phân tích hình tượng ông họa sĩ và các nhân vật phụ khác trong truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của nhà văn Nguyễn Thành Long.  **Đề 4 :** Tô Hoài có nhân xét như sau về truyện ngắn của Nguyễn Thành Long:  “Mỗi truyện ngắn của Nguyễn Thành Long tương tự một trang đời, một mảng, một nét của cuộc sống chắt ra. Ta thường gặp ở Nguyễn Thành Long những nhận xét nho nhỏ như nhắc khẽ người đọc”  Theo em nhận xét đó có đúng với truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa không? Hãy phân tích truyện ngắn để làm rõ ý kiến của em.  **Đề 5:** Phân tích nhân vật anh thanh niên làm công tác quan trắc khí tượng trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long. |

***Hướng dẫn làm bài:***

**Đề 1: Vẻ đẹp của nhân vật anh thanh niên trong truyện ngắn lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long.**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **1. Mở bài** | * - Nguyễn Thành Long (1925-1991) là cây bút chuyên về truyện ngắn và bút ký. Truyện của Nguyễn Thành Long hấp dẫn người đọc bằng giọng văn trong sáng, giàu chất thơ, cốt truyện tưởng như giản đơn mà rất giàu ý nghĩa khái quát.   - Lặng lẽ Sa Pa là kết quả chuyến công tác của Nguyễn Thành Long ở Lào Cai năm 1970, in trong tập giữa trong xanh (1972) . Nhân vật chính trong tác phẩm là anh thanh niên làm việc ở trạm khí tượng. Đó là một người lao động mới với những phẩm chất: yêu đời, yêu nghề, say mê và có trách nhiệm cao trong công việc; có tình cảm nồng hậu hiếu khách luôn biết quan tâm tới mọi người và rất khiêm tốn. |
| **2. Thân bài** |  |
| ***a) Vị trí và cách gọi tên nhân vật.*** | |
|  | * - Cách gọi tên nhân vật: * + Nếu Nguyễn Thành Long đặt tên riêng cho nhân vật trong truyện, ý nghĩa của truyện sẽ chỉ giới hạn ở một nhân vật nào đó. * + Ở đây, tác giả không đặt tên riêng cho nhân vật mà chỉ gọi bằng"anh thanh niên" đã làm cho ý nghĩa của truyện có sức khái quát hơn: con người tiêu biểu cho thế hệ trẻ, cho người lao động mới đang ngày đêm âm thầm cống hiến cho nhân dân, cho Tổ quốc. * - Vị trí của nhân vật: * + Anh thanh niên làm việc ở trạm khí tượng trên đỉnh Yên Sơn là nhân vật chính của truyện Lặng lẽ Sa Pa.   + Nhân vật này không xuất hiện ngay từ đầu truyện mà chỉ xuất hiện trong cuộc gặp gỡ giữa các nhân vật khác như bác lái xe, ông họa sĩ, cô kỹ sư mới ra trường, khi xe của họ dừng lại nghỉ. Nhân vật ấy chỉ hiện ra trong chốc lát, đủ để các nhân vật khác kịp ghi nhận một ấn tượng, một ký họa chân dung về anh rồi dường như anh lại khuất lấp vào trong mây mù bạt ngàn và cái lặng lẽ muôn thuở của núi cao Sa Pa. Nhân vật anh thanh niên hiện ra để cho mọi người cảm nhận rằng:"trong cái lặng im của Sa Pa…, Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước". |
| ***b) Hoàn cảnh sống và công việc.*** | |
|  | * - Anh sống và làm việc trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600m,"xung quanh anh chỉ có cây cỏ và mây mù lạnh lẽo", công việc của anh là"làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu", cụ thể là"đo gió, đo mưa, đo nắng tính mây, đo chấn động mặt đất" nhằm dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao. * - Công việc ấy có nhiều gian khổ:"Gian khổ nhất là lần ghi và báo lúc một giờ sáng. Rét… có cả mưa tuyết... Nửa đêm... Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy không đủ sáng. Xách đèn ra vườn,gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới". * - Gian khổ nhất là sự cô đơn, vắng vẻ , quanh năm suốt tháng một mình trên đỉnh núi cao không một bóng người. Cô đơn đến mức" thèm người quá" phải kiếm cớ dừng xe qua đường để được gặp người.   Từ việc miêu tả hoàn cảnh sống ấy, tác giả đã làm nổi bật những phẩm chất tốt đẹp của anh thanh niên. |
| ***c) Vẻ đẹp tâm hồn cao quý, đáng trân trọng.*** | |
|  | * ***\* Anh thanh niên đẹp trước hết ở lòng yêu đời, yêu nghề, ở tinh thần trách nhiệm cao với công việc vốn có nhiều gian khổ.*** * - Lòng yêu nghề, tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, thấy được ý nghĩa cao quý trong công việc thầm lặng:   + Anh không tô đậm cái gian khổ của công việc mà nhấn mạnh niềm hạnh phúc khi biết được mình đã góp phần phát hiện kịp thời một đám mây khô mà nhờ đó" không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mỹ trên cầu Hàm Rồng". Anh cảm thấy hạnh phúc khi được làm việc và dâng hiến sức xuân của mình vì Tổ quốc, vì hạnh phúc con người.  + Có những suy nghĩ thật giản dị mà sâu sắc về công việc và cuộc sống:"và khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn chết mất". Dù đang một mình,nhưng anh tự hiểu mình đang cùng với bao người khác làm việc vì con người, vì cuộc sống nên không thấy cô đơn nữa. Anh luôn yêu công việc, coi công việc là bạn, là nguồn vui, là lẽ sống của cuộc đời.  + Anh chưa bao giờ bỏ chế một giờ "ốp" nào dù cho thời tiết có khắc nghiệt đến đâu. Ở vùng băng giá với tuyết đổ sương rơi, bất kỳ thiên nhiên thế nào, đến đúng thời điểm ấy, anh vẫn phải thức giấc, xách đèn đi ốp, xách máy đi đo, không bỏ một ngày,âm thầm và bền bỉ góp sức bình cho cuộc sống con người, cho cuộc chiến đấu của dân tộc.  + Anh muốn thử sức mình,mong ước được làm việc ở độ cao lý tưởng hơn nữa như anh bạn một mình trên đỉnh Phan -xi -Păng.   * - Lòng yêu đời: Anh tự biết cách làm cho cuộc sống của mình không buồn tẻ, cô đơn, trở nên phong phú, sôi động khi anh biết lấy sách là người bạn tâm tình, biết tổ chức cuộc sống của mình một cách ngăn nắp, tươi tắn qua việc trồng hoa, nuôi gà; qua cách ăn ở gọn gàng, khoa học. Thế giới riêng của anh là công việc"một căn nhà ba gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm". Cuộc đời riêng của anh" thu gọn lại một góc trái gian với chiếc giường con, một chiếc bàn học, một giá sách". * ***\* Anh thanh niên là người cởi mở, chân thành, quý trọng tình cảm của mọi người,có lòng hiếu khách đến nồng nhiệt và sự quan tâm đến người khác một cách tận tình, chu đáo.*** * - Cách anh kiếm cớ để gặp người qua đường thật đáng yêu và để cho vơi bớt nỗi nhớ khi mới lên nhận công tác. * - Anh là người có tình cảm nồng hậu, hiếu khách: * + Mời khách lên nhà mình chơi. * + Tiếp đón khách chân thành, nồng hậu. Anh vui mừng đến luống cuống, hấp tấp và cũng rất ân cần chu đáo tiếp đãi những người khách xa đến thăm bất ngờ. Anh bộc lộ niềm vui mừng thành thật đến cảm động, anh"nói to những điều đáng lẽ người ta chỉ nghĩ": " Tôi không biết kỷ niệm thế nào cho thật long trọng ngày hôm nay. Bác và cô là đoàn khách thứ hai đến thăm nhà tôi từ Tết . Và cô là cô gái thứ nhất từ Hà Nội lên tới nhà tôi từ bốn năm nay". * + Anh đếm từng phút vì sợ hết mất ba mươi phút gặp gỡ vô cùng quý báu: " Bác lái xe chỉ cho bà mươi phút thôi. Hết năm phút rồi. Cháu nói qua công việc của cháu, năm phút. Còn hai mươi phút, mời bác và cô vào nhà uống nước chè, cho cháu nghe chuyện. Cháu thèm nghe chuyện dưới xuôi lắm" …,"Năm phút nữa là mười . Còn hai mươi phút nữa thôi…","Trời ơi, chỉ còn có năm phút!". * + Đến khi chia tay, anh xúc động đến nỗi phải"quay mặt đi" mà ấn vào tay ông họa sĩ già cái làn trứng làm quà, và không dám tiễn khách ra xe dù chưa đến giờ đi "ốp". * - Anh luôn biết quan tâm tới mọi người: * + Anh nhớ cả chuyện vợ bác lái xe mới ốm dậy nên đào củ tam thất làm quà biếu bác. * + Tặng hoa cho cô gái lần đầu tiên lên nhà mình chơi. * + Biếu mọi người làn trứng gà để ăn trưa. * ***\* Anh thanh niên còn là người khiêm tốn:*** * - Anh thành thực nhận thấy công việc và sự cống hiến, đóng góp của mình chỉ là nhỏ bé,chưa thấm vào đâu so với những người lao động khác ở Sa Pa.   - Khi ông họa sĩ muốn vẽ chân dung mình, anh không dám từ chối"để khỏi vô lễ",nhưng anh nhiệt thành giới thiệu những người khác mà anh thực sự cảm phục. Anh nói về ông kỹ sư ở vườn rau dưới Sa Pa, về"đồng chí nghiên cứu khoa học ở cơ quan cháu" đang nghiên cứu lập bản đồ sét, với tất cả sự say mê hào hứng và lòng cảm phục chân thành của mình. |
| **\* Đánh giá:** | Dù anh thanh niên chỉ xuất hiện trong khoảnh khắc, nhưng bằng cách đặt nhân vật vào tình huống gặp gỡ tình cờ, qua cảm xúc và đánh giá của mọi người xung quanh, những chi tiết tiêu biểu... tác giả đã phác họa chân dung nhân vật với những nét đẹp về tinh thần, tình cảm, cách sống và những suy nghĩ về cuộc sống , về ý nghĩa công việc. |
| **3. Kết bài** | * - Trong cái"lặng lẽ"của Sa Pa, trên đỉnh Yên Sơn bốn mùa mây phủ, có những chàng trai trẻ như anh thanh niên đang sống và âm thầm dâng hiến tuổi xuân của mình cho hạnh phúc con người, cho Tổ quốc thân yêu. Đó là một mẫu người lý tưởng tiêu biểu cho tuổi trẻ Việt Nam Nam của một giai đoạn lịch sử có nhiều gian khổ, hi sinh nhưng cũng thật trong sáng, đẹp đẽ.   - Vẻ đẹp tâm hồn và những suy nghĩ nghĩ của nhân vật anh thanh niên trong truyện đã gieo vào lòng ta niềm khâm phục, ngưỡng mộ và định hướng cho ta cách sống đẹp, thôi thúc ta khát khao được sống và làm những việc có ích cho cuộc đời. |

**Đề 2: Truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long hấp dẫn người đọc bởi cốt truyện đơn giản, chất thơ, chất trữ tình xuyên suốt tác phẩm.**

**Phân tích tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa để làm sáng tỏ nhận xét trên.**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **1. Mở bài** | * - Nguyễn Thành Long (1925-1991) là cây bút chuyên về truyện ngắn và bút ký. Truyện của Nguyễn Thành Long hấp dẫn người đọc bằng giọng văn trong sáng, giàu chất thơ,cốt truyện tưởng như giản đơn mà rất giàu ý nghĩa khái quát.   - Lặng lẽ Sa Pa được Nguyễn Thành Long viết năm 1970 trong một chuyến đi thực tế ở Lào Cai . Sức hấp dẫn của tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa chính là cốt truyện đơn giản, nhưng chất thơ, chất trữ tình xuyên suốt tác phẩm. |
| **2. Thân bài** |  |
| ***a) Truyện Lặng lẽ Sa Pa hấp dẫn người đọc bởi cốt truyện đơn giản.*** | |
|  | * - Truyện xoay quanh cuộc gặp gỡ lạ lùng, thú vị trên đỉnh đèo Sa Pa lặng lẽ giữa ba con người mà nghề nghiệp, tuổi đời, hoàn cảnh sống khác nhau: một ông họa sĩ già sắp về hưu,một cô kỹ sư nông nghiệp trẻ mới tốt nghiệp Đại học Nông nghiệp lên Lai Châu nhận công tác, và một anh thanh niên hai mươi bảy tuổi làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m.   - Cuộc gặp gỡ xảy ra trong một tình huống đặc biệt, hoàn toàn tình cờ, khách và chủ nhà chưa hề quen biết. Tất cả đều do sự sắp đặt đầy thiện ý của bác lái xe. Cuộc gặp gỡ chỉ diễn ra chưa đầy ba mươi phút nhưng giữa họ đã có sợi dây gắn bó bền chặt trong tình người và lý tưởng sống cao đẹp.  →Tạo cốt truyện nhẹ nhàng, nhà văn Nguyễn Thành Long khéo léo giới thiệu và ngợi ca, tôn vinh những tấm gương lao động lặng thầm nơi Sa Pa trong những năm miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội. |
| ***b) Truyện Lặng lẽ Sa Pa còn cuốn hút người đọc bởi chất thơ, chất trữ tình bàng bạc xuyên suốt thiên truyện.*** | |
|  | \* Chất thơ thấm đượm trong bức tranh phong cảnh thiên nhiên:  Sa Pa, miền Tây Bắc xa xôi của Tổ quốc hiện lên trong những trang văn của Nguyễn Thành Long không hề hoang vu mà đẹp một cách trữ tình, tráng lệ.   * Sa Pa bắt đầu bằng núi cao, trùng điệp, thác đổ trắng xóa, đường núi uốn lượn quanh co,... * - Sa Pa bắt đầu bằng những rặng đào bạt ngàn, những đàn bò lang cổ đeo chuông,... đủng đỉnh ăn cỏ trong thung lũng hai bên đường, bằng sự sống yên ả, thanh bình. * - Sa Pa còn đẹp huyền ảo bởi"nắng bắt đầu len tới, đốt cháy rừng cây"," nắng mà bạc cả con đèo, hừng hực như một bó đuốc lớn", đẹp bởi những làn mây Tinh nghịch như con trẻ"Mây bị nắng xua, cuộn tròn lại từng cục , lăn trên những vòm lá ướt sương, rơi xuống đường cái, luồn cả vào gầm xe". * \* Chất thơ toát lên từ cuộc sống, từ vẻ đẹp tâm hồn của mỗi nhân vật. Nhân vật nào hiện ra dù trực tiếp hay gián tiếp cũng đẹp, cũng mang màu sắc lí tưởng. * - Cô kỹ sư nông nghiệp trẻ vừa ra trường, sức xuân phơi phới ,sẵn sàng từ bỏ chốn phồn hoa đô hội để đến với nơi núi rừng sâu thẳm nhận công tác. Khi gặp và chứng kiến cuộc sống một mình dũng cảm tuyệt đẹp của anh thanh niên làm khí tượng, cô tự tin về quyết định của mình. Trong lòng cô dội lên sự hàm ơn không phải vì bó hoa to đẹp mà anh thanh niên tặng cho cô mà vì một bó hoa khác-bó hoa của lí tưởng sống cao đẹp, của những háo hức, mơ mộng ngẫu nhiên anh trao cho cô để cô tiếp tục hòa mình vào đất trời Tây Bắc, để sống đẹp như anh. * - Ông họa sĩ cầm bút vẽ để đi đến cuối hành trình của cuộc đời làm nghệ thuật nhưng mới nhận ra sự bất lực của hội họa trước cuộc đời rộng lớn, muôn màu. Ông sẵn sàng xin anh em hoãn bữa tiệc chia tay đến cuối tuần sau để đi thực tế lên Lào Cai trước khi nghỉ hưu. Tuổi đã cao nhưng ông vẫn đam mê hội họa, vẫn cháy bỏng một khát khao nghệ thuật khi bắt gặp cái đẹp trong bức chân dung anh thanh niên. Ngồi trước chàng trai trẻ, ông thấy như có thêm một quả tim nữa, ông thấy"người con trai ấy đáng yêu thật, nhưng làm ông nhọc quá". * Anh thanh niên:   + Sống một mình trên núi cao giữa mênh mông đất trời sương tuyết, giữa núi cao rừng thẳm, ai cũng tưởng anh là người"cô độc nhất thế gian"nhưng chưa bao giờ anh thấy mình cô độc. Tâm hồn anh lúc nào cũng trong sáng, cũng phong phú. Làm công việc lặng thầm giữa chốn lặng lẽ non xanh, quanh năm chỉ làm bạn với cỏ cây, với mây mù lạnh lẽo nhưng anh luôn tận tình, trách nhiệm, luôn coi công việc là bạn, là nguồn vui, lẽ sống. Dù cho thời tiết có khắc nghiệt đến đâu, anh cũng chẳng bao giờ bỏ trễ một giờ" ốp" nào bởi anh ý thức rõ công việc của mình có vai trò quan trọng trong sản xuất và chiến đấu.  + Cuộc sống riêng tư của anh cũng tuyệt đẹp, giàu chất thơ. Một vườn hoa rực rỡ sắc màu, một căn nhà ba gian gọn gàng xinh xắn, một giá sách, một đàn gà,... là kết quả của tình yêu cuộc sống thiết tha, bỏng cháy.  + Cách cư xử của anh với mọi người cũng thật đẹp, thật đáng trân trọng. Những ngày đầu mới lên Sa Pa nhận công tác, anh kiếm cớ gặp người cho vơi bớt nỗi nhớ. Anh đón khách thân tình, cởi mở đến nồng nhiệt , anh cư xử với khách theo cách lịch sự của chàng trai có học thức. Một bó hoa anh cắt trong vườn dành tặng cô kỹ sư, một ấm trà nóng anh mời ông họa sĩ, một củ tam thất anh gửi biếu vợ bác lái xe, một làn chứng dành cho người đi đường…. là tình đời, tình người cao quý không dễ gì có được.   * - Thông qua anh thanh niên,Nguyễn Thành Long còn tôn vinh cả tập thể những người lao động trí óc đang lặng thầm làm việc, sống đẹp như anh nơi mịt mù sương tuyết. Họ cũng như anh, cũng đang ngày đêm lặng lẽ hiến dâng cả tuổi xuân,sức lực để làm đẹp cho cuộc đời quên cả hạnh phúc riêng tư.   → Mỗi con người, mỗi nhân vật hiện ra trực tiếp hay gián tiếp trong truyện cũng là những bông hoa rừng tươi đẹp góp vào vườn hoa muôn sắc màu của cuộc sống mới khiến người đọc không khỏi ngưỡng mộ, yêu tin. |
| **\* Đánh giá:** | Chất thơ, chất trữ tình thấm đượm trong những câu văn giàu nhịp điệu, giàu hình ảnh, nhẹ nhàng êm ái như bài thơ. Truyện viết về những con người lao động, về đề tài lao động mà không hề khô khan, rất trữ tình,mềm mại với nhiều chi tiết giàu chất thi ca khiến người đọc tưởng như nhà văn xây dựng một câu chuyện về tình yêu đang chớm nở,... |
| **3. Kết bài** | * - Truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa cuốn hút, lay động lòng người bởi ngôn ngữ tự sự mềm mại, trong sáng, trau chuốt, giàu chất tạo hình, bởi âm thanh nhẹ nhàng, êm ái mà giàu cảm xúc suy tư.   - Đọc truyện,người đọc được chiêm ngưỡng một bức tranh thiên nhiên trong trẻo, thơ mộng, tìm thấy thông điệp cuộc sống kín đáo, nhẹ nhàng mà sâu sắc, thấm thía. |

**Đề 3: Phân tích hình tượng ông họa sĩ và các nhân vật phụ khác trong truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa của nhà văn Nguyễn Thành Long.**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **1. Mở bài** | - Nguyễn Thành Long ( 1925-1991) là cây bút chuyên về truyện ngắn và bút ký. Truyện của Nguyễn Thành Long hấp dẫn người đọc bằng giọng văn trong sáng, giàu chất thơ, câu chuyện tưởng như giản đơn và rất giàu ý nghĩa khái quát.  - Lặng lẽ Sa Pa được Nguyễn Thành Long viết năm 1970, trong một chuyến đi thực tế ở Lào Cai. Trong tác phẩm, bên cạnh hình tượng nhân vật anh thanh niên, ta còn thấy rất nhiều nhân vật phụ, dù được miêu tả rất ít nhưng họ đã để lại trong lòng người đọc những ấn tượng sâu sắc. |
| **2. Thân bài** |  |
| ***a) Nhân vật ông họa sĩ*** | |
|  | - Vị trí: trong các nhân vật phụ thì ông họa sĩ có vai trò quan trọng, người kể chuyện dường như nhập vào cái nhìn và ý nghĩ của ông để trần thuật quan sát miêu tả từ cảnh thiên nhiên đến con người (đặc biệt là nhân vật anh thanh niên). Qua nhân vật ông họa sĩ,tác giả gửi gắm những suy nghĩ về con người về cuộc sống và nghệ thuật.  - Ông họa sĩ rất yêu nghề: Trước khi về hưu, ông còn xin đi thực tế một lần cuối ở Tây Bắc để vẽ với ước mơ phải vẽ được cái gì suốt đời mình thích.  - Ông họa sĩ có tâm hồn nhạy cảm, tinh tế ; trong những giây phút trái tim xao động, ông có thể nhận biết được những âm thanh rất nhỏ của cuộc đời để rồi âm thanh ấy vang vọng mãi trong tâm hồn ông:  + Ngay từ lúc bác lái xe giới thiệu về anh thanh niên rồi khi nhìn người thanh niên" tầm vóc nhỏ bé,nét mặt rạng rỡ từ trên sườn núi trước mặt chạy lại chỗ xe đỗ", với linh cảm của người từng trải ông đã xúc động mạnh.  + Sau đó,ông lại ngạc nhiên khi thấy anh thanh niên hái hoa, cảm động và bị cuốn hút trước sự cởi mở chân thành của anh thanh niên. Nghe anh kể về công việc ông"cảm giác mình bối rối". Bằng kinh nghiệm, bằng sự từng trải, bằng niềm khao khát của một người nghệ sĩ đi tìm đối tượng nghệ thuật, người nghệ sĩ biết mình đang xúc động bối rối vì"đã bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước được biết, ôi, một nét thôi đủ khẳng định cho tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác, một nét mới đủ là giá trị một chuyến đi dài". Như vậy, trước chàng trai trẻ tuổi đáng yêu,ông đã tìm được đề tài và cảm hứng nghệ thuật thúc giục ông phải sáng tạo, phải vẽ.  - Ông muốn bằng khả năng của mình phác họa chân dung anh thanh niên nhưng lại băn khoăn"Làm thế nào làm hiện lên được mẫu người ấy? Cho người xem hiểu được anh ta, mà không phải hiểu như một ngôi sao xa? Và làm thế nào đặt được chính tấm lòng người họa sĩ vào giữa bức tranh đó?" . Cuối cùng ông chấp nhận hành trình sáng tác bắt cảm ứng của mình hiện lên trên trang giấy: " Bằng mấy nét, họa sĩ ghi xong lần đầu gương mặt của người thanh niên. Người con trai ấy đáng yêu thật, nhưng làm cho ông nhọc quá".  Những cảm xúc và suy nghĩ của ông họa sĩ về anh thanh niên về cuộc sống về nghệ thuật làm chân dung anh thanh niên thêm sáng đẹp chứa đựng chiều sâu tư tưởng . Người họa sĩ cảm nhận được niềm vui, niềm hạnh phúc từ người thanh niên đầy nhiệt huyết. Từ những suy nghĩ, cảm nhận ấy thể hiện ông họa sĩ là một nghệ sĩ yêu nghề, say mê khám phá cái đẹp, mong ước đóng góp sức mình cho cuộc sống. |
| ***b) Các nhân vật phụ khác*** | |
|  | \* Cô kỹ sư:  - Đó là người con gái có lý tưởng sống cao đẹp:  + Là người Hà Nội, cô dám rời bỏ thành phố, bỏ lại sau lưng mối tình nhạt nhẽo để đi nhận công tác ở miền cao Tây Bắc.  + Cô là thanh niên đề ra trường có thể đi bất cứ đâu, làm bất cứ việc gì, nhận bất kỳ mức lương nào, tiếp đón thế nào, cô thấy lòng cô cũng nhẹ nhàng.  + Cuộc gặp gỡ với anh thanh niên đã giúp cô có được những suy nghĩ tốt đẹp hơn về cuộc sống, về con đường mình đã chọn:  + Những điều anh nói, những câu chuyện anh kể, những điều cô khám phá trên trang sách đang đọc dở của anh thanh niên khiến cô"bàng hoàng" , "cô hiểu thêm cuộc sống một mình dũng cảm tuyệt đẹp của người thanh niên, về cái thế giới những người như anh" và con đường mà cô đã lựa chọn, đang đi tới (việc lên công tác ở miền núi) . Nhờ cái bàng hoàng ấy cô nhận ra mối tình nhạt nhẽo của cô và yên tâm hơn về quyết định của mình. Khoảnh khắc bàng hoàng ấy chính là sự bừng dậy của những tình cảm lớn lao, cao đẹp khi người ta bắt gặp được những ánh sáng đẹp đẽ tỏa ra từ cuộc sống, từ tâm hồn người khác.  + Ấn tượng hàm ơn khó tả với người thanh niên, không phải vì bó hoa rất to sẽ đi theo cô suốt hành trình mà vì" một bó hoa nào khác nữa, bó hoa của những háo hức và mơ mộng ngẫu nhiên anh cho thêm cô".  - Cuộc gặp gỡ đã khơi lên những tâm tư cô gái trẻ những tình cảm và suy nghĩ mới mẻ và cao đẹp hơn về con người về cuộc sống. Qua tâm tư cô gái ta nhận ra vẻ đẹp và sức ảnh hưởng của nhân vật anh thanh niên cũng như làm cho bức chân dung anh thêm sáng đẹp.  \* Bác lái xe:  - Là sợi dây nối kết anh thanh niên với các nhân vật khác.  - Lời giới thiệu của bác làm họa sĩ,cô kĩ sư và cả người đọc tò mò đợi chờ sự xuất hiện của anh thanh niên, nhân vật chính của câu chuyện"một trong những người cô độc nhất thế gian".  - Lời kể của bác cho ta biết được những nét sơ lược về anh thanh niên: tuổi tác, hoàn cảnh sống, công việc,đặc biệt là lỗi thèm người của anh khi mới lên nhận việc giữa bốn bề chỉ núi non cây cỏ và mây mù lạnh lẽo.  - Bác lái xe là một con người bình thường, đáng mến, biết trân trọng những điều tốt đẹp của cuộc sống.Qua cuộc trò chuyện giữa bác lái xe và anh thanh niên, ta thấy được sự cảm mến của bác dành cho anh thanh niên, thêm một điểm nhìn để chân dung anh thanh niên hiện ra đầy đủ hoàn thiện và đẹp đẽ hơn.  \* Các nhân vật khác:  Không xuất hiện trực tiếp mà chỉ xuất hiện gián tiếp nhưng góp phần sáng tỏ chủ đề tác phẩm.  - Anh bạn đồng nghiệp của anh thanh niên"trên chạm đỉnh phan-xi-păng bà nghìn một trăm bốn mươi hai mét".  - Anh cán bộ nghiên cứu khoa học 11 năm không một ngày xa cơ quan luôn trong tư thế sẵn sàng chờ sét, cứ sợ có sét đánh lại vắng mặt mình để lập bản đồ sét tìm tài nguyên cho đất nước.  - Là ông kỹ sư vườn rau dưới Sa Pa hằng ngày ngồi rình xem cách ong thụ phấn rồi tự tay thụ phấn cho những cây su hào để củ su hào nhân dân miền Bắc nước ta ăn được to hơn, ngọt hơn.  - Là ông bố tuyệt lắm của anh thanh niên…  Tất cả họ đã góp phần tạo thành cái thế giới của những con người như anh thanh niên - những con người miệt mài lao động khoa học, lặng lẽ khẩn trương vì lợi ích đất nước, vì cuộc sống của mọi người. |
| **3. Kết bài** | - Dù chỉ xuất hiện trong chốc lát, dù chỉ miêu tả rất ít nhưng mỗi nhân vật phụ đều có một vị trí, một ý nghĩa quan trọng góp phần sáng tỏ chủ đề truyện, nổi bật chân dung nhân vật chính.  - Qua các nhân vật giúp ta hiểu cuộc sống và vẻ đẹp của con người Việt Nam trong giai đoạn lịch sử gian khổ mà hào hùng của dân tộc. Đó là tập thể những người lao động trí óc đang lặng thầm làm việc, hiến dâng cả tuổi xuân,sức lực để làm đẹp cho cuộc đời quên cả hạnh phúc riêng tư. |

**Đề 4 :** Tô Hoài có nhận xét như sau về truyện ngắn của Nguyễn Thành Long:

“Mỗi truyện ngắn của Nguyễn Thành Long tương tự một trang đời, một mảng, một nét của cuộc sống chắt ra. Ta thường gặp ở Nguyễn Thành Long những nhận xét nho nhỏ như nhắc khẽ người đọc”

Theo em nhận xét đó có đúng với truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa không? Hãy phân tích truyện ngắn để làm rõ ý kiến của em.

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **1. Mở bài** | - Giới thiệu Nguyễn Thành Long là một cây bút chuyên viết truyện ngắn  - Giới thiệu nhận xét của Tô Hoài...  - Nhận xét ấy đúng với Lặng lẽ Sa Pa một truyện ngắn hay được nhà văn viết 1970 trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống chiến tranh phá hoại của giặc Mĩ trên miền Bắc. |
| **2. Thân bài** |  |
| **1. Giá trị hiện thực: Lặng lẽ Sa Pa như một trang đời, một mảng, một nét của cuộc sống chắt lọc ra.** | |
|  | ***a. Trong truyện ta bắt gặp một trang đời, một mảng hoặc một nét của cuộc sống của miền Bắc trong gd xdcnxh và chống chiến tranh phá hoại của giặc Mĩ.***  - Anh thanh niên, cô kĩ sư trẻ, ông hoạ sĩ già, người lái xe hiếu khách, ông kĩ sư vườn rau, một đ/c nghiên cứu khoa học ( tuy không phản ánh hết nhưng đã vẽ lên một bức tranh về hiện thực cuộc sống lúc bấy giờ...)  - Đây chính là một trong biết bao con người của miền Bắc mỗi người một công việc riêng nhưng họ đều bằng những tình yêu công việc hay tình yêu đất nước, con người để hoàn thành nhiệm vụ của mình. Họ chính là hình ảnh của người dân miền Bắc đang hăng say lao động để chủ nghĩa xã hội để chống lại kẻ thù.  - Qua nhũng nhân vật ấy Nguyễn Thành Long đã đưa vào Lặng lẽ Sa Pa những trong đời khác nhau hay đó chính là một mảng một nét của cuộc sống.  ***b. Tất cả đều được chắt lọc từ cuộc sống, vừa tinh tế vừa đẹp***  - Những nhân vật trên có tâm hồn của những con người thật đáng trân trọng  ( anh thanh niên, kĩ sư trồng rau, kĩ sư sét, ông hoạ sĩ già)  Vd: “ Hình ảnh người con gái nhỏ nhẹ e lệ đứng trước các luống rơn không cần hái hoa nữa, ôm nguyên bó hoa trong tay, lắng tai nghe. Vị hoạ sĩ đã bắt gặp một điều thật ra ông đã ao ước được biết, một nét thôi đủ khẳng định một tâm hồn, khơi gợi một ý sáng tác, một nét mới đủ là giá trị của một chuyến đi dài.  Hoặc “trao một cái bắt tay như trao một cái gì...”  - Đó là một vài nét chấm phá của cảnh sắc thiên nhiên:  “ Lúc bấy giờ nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ và làm cho cô gái càng thêm rực rỡ theo”. |
| **2. Tác dụng giáo dục: Lặng lẽ Sa Pa có những nhận xét nho nhỏ, như nhắc khẽ người đọc.** | |
|  | ***a. Đó là những nhận xét nho nhỏ rút ra từ những sự việc, những cảnh đời đã trải qua.***  - Lời hoạ sĩ nói với cô kĩ sư:  1. “ Đối với người nghệ sĩ trong cuộc đời, có hai hồi thích nhất: đó là hồi mình còn trẻ và hồi này của tôi. Mình có thể năng nổ đi vẽ như thời thanh niên. Mình có thêm sự chính chắn hồi ấy mình chưa có”  2. “ Đối với một người khao khát trời rộng, sự dứt bỏ tình yêu nhiều khi lại nhẹ nhàng”  3. Hoạ sĩ già còn tự nhủ: “ Thanh niên bây giờ lạ thật, các anh chị cứ như con bướm...”  - Lời của anh thanh niên:  1. “ ... Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị chặt ra từng khúc, mà gió thì giống như những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung... Những lúc im lặng lạnh cứng mà hừng hực cháy”.  2. “ Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ vứt nó đi cháu buồn chết mất con người thì ai mà chả thèm hở bác? Cháu bỗng dưng tự hỏi: cái nhớ xe nhớ người ấy thật ra là cái gì vậy? Nếu là nỗi nhớ phồn hoa đô thị thì xoàng”.  3. “ Khi ta làm việc ta với công việc là đôi...”  4. “ Ông kĩ sư làm cháu thấy cuộc đời đẹp quá”  - Lời của cô gái: “ Một ấn tượng hàm ơn khó tả dạt lên trong lòng cô gái. không phải chỉ vì bó hoa rất to sẽ đi theo cô trong chuyến đi thứ nhất ra đời. Mà vì một bó hoa khác nữa, bó hoa của những háo hức mơ màng ngẫu nhiên anh cho thêm cô”.  ***b. Những nhận xét đó nhắc nhở người đọc***  - Hãy tự nhìn lại mình để sống tốt đẹp hơn.  - Hãy nhìn vào mọi người để thấy hết những cái đẹp mà mình vô tình bỏ qua.  - Mình sẽ làm gì có ích hơn để người khác được vui hơn, hạnh phúc hơn => cuộc sống này thật nhiều điều tốt đẹp... |
| **3. Kết bài** | Khẳng định lại vấn đề. |

**Đề 5: Phân tích nhân vật anh thanh niên làm công tác quan trắc khí tượng trong truyện ngắn “Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | Viết về một mảng hiện thực trên đất Sa Pa trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội và chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mĩ, truyện ngắn “*Lặng lẽ Sa Pa*” của Nguyễn Thành Long như muốn nói với ta rằng : Bên trong vẻ đẹp lặng lẽ của núi rừng, cuộc sống ở đây chứa bao vẻ đẹp đáng yêu, đang có không ít sự hi sinh thầm lặng. Dù được miêu tả nhiều hay ít , trực tiếp hay gián tiếp, nhân vật nào của truyện cũng hiện lên với nét cao quí đáng khâm phục . Trong đó, anh thanh niên làm công tác quan trắc khí tượng- nhân vật chính của tác phẩm- đã để lại cho chúng ta nhiều ấn tượng khó phai mờ. |
| **2. Thân bài** |  |
| **a. Anh thanh niên là một con người bình thường:** | |
|  | - Anh không phải là con người đặc biệt, chỉ là một con người tầm vóc nhỏ bé, thậm chí tên anh, tác giả cũng không giới thiệu( Hình như tác giả muốn nói : tên anh không phải là điều quan trọng đáng nhớ, bởi mỗi người trên đời này đều có thể giống như anh ta).  - Anh ta tự thấy mình công việc của mình không có gì đặc biệt  - Cũng như mọi người, anh anh không muốn sống cô độc, anh sợ buồn. Cái việc anh đẩy một khúc cây ra giữa đường, buộc xe đi qua phải dừng lại , vừa ngộ nghĩnh buồn cười vừa thật đáng yêu. |
| **b. Anh là con người tốt, con người của cuộc sống mới:**  Với cuộc gặp gỡ chưa đầy nửa giờ , anh đã hoàn toàn chinh phục một họa sĩ già và một cô kĩ sư trẻ . Bị chinh phục không phải bỡi lời lẽ, mà bằng tất cả những gì toát ra từ con người của anh, xung quanh anh , công việc của anh, họ đã nhận ra ở anh những *vẻ đẹp của một con người cao quí.*  Như nhận xét có tính chất vui đùa của bác lái xe, anh là “*một con người sống cô độc nhất thế gian”* . Bởi anh làm việc một mình trên đinh núi cao, quanh năm chỉ có bầu trời với những đám mây , sương mù bao phủ và lạnh buốt lúc nửa đêm . Nhưng trong sự cô độc ấy, anh, tâm hồn anh gần gũi con người biết chừng nào,ấm áp tình người biết chừng nào!  Khao khát được gặp con người, được trò chuyện với con người, anh đã nghĩ ra cái mẹo vừa thông minh, vừa tinh nghịch để mỗi chuyến xe qua đều dừng lại với anh, dẫu chỉ trong chốc lát. Không ai trách hành động ấy, vì nó nói lên một tình cảm đáng quí ở anh. Trái lại người ta còn cảm động vì hình ảnh ấy . Bác lái xe đã xử sự rất đúng khi đặt ra thành lệ việc ngừng xe lại nửa giờ nơi đỉnh núi cao, để thỏa mãn nguyện vọng của anh, nhưng cũng là để được gặp gỡ và tỏ lòng yêu mến một tâm hồn trong sáng như anh. | |
|  | ***- Biết quan tâm đến người khác (tìm thuốc tặng vợ bác lái xe, tặng hoa cho cô kĩ sư trẻ):***  + Thái độ *quan tâm đến con người* ở anh không chỉ vì một niềm vui của chính mình mà vì anh thực lòng yêu mến và quí trọng con người. Anh chu đáo đi tìm củ tam thất và ân cần trao cho bác lái xe để bác ngâm rượu cho vợ bác uống. Thái độ quan tâm ấy còn bộc lộ ở cử chỉ hiếu khách đặc biệt, khi ông họa sĩ và cô nữ kĩ sư lên thăm nơi ở và làm việc của anh . Anh cắt tặng cô gái một bó hoa to với lời lẽ chân thành “ cô muốn lấy bao nhiêu nữa, tùy ý...”. Ai mà không hởi lòng hởi dạ trức những cử chỉ trân trọng và chân thành như thế. Củ tam thất gửi vợ bác lái xe, làn tứng, bó hoa tiễn người họa sĩ già, cô gái trẻ tiếp tục cuộc hành trình, đó là những kỉ niệm của một tấm lòng sốt sắng, tận tình đáng quí.  ***- Có tinh thần trách nhiệm cao đối với công việc (không bỏ qua một giờ quan trắc nào vì hiểu được ý nghĩa quan trọng của công việc)***  Chính thái độ với con người đã cắt nghĩa thái độ của anh đối với công việc . Làm việc một mình, không ai kiểm tra, anh thật đã *có một ý thức trách nhiệm đầy đủ với công việc*. Chỉ nói về mình có năm phút, một cách rất khiêm tốn, anh đã làm cho ta hiểu hết cái gian khổ của công việc anh làm, cũng thấy hết sự tận tụy của anh. Những quan trắc khí tượng theo giờ, và cả giữa ban đêm gió lạnh, có cả mưa tuyết, cái im lặng đáng sợ của núi cao vào lúc nửa đêm. Thế nhưng anh không bỏ qua một giờ quan trắc nào, bỡi anh hiểu được rằng mỗi công việc làm của anh là một mắt xích trong cái chuỗi công việc chung của nhiều người. Cái sai, cái đúng của anh, dẫu bé nhỏ, góp phần quyết định vào cái sai cái đúng, cái thất bại hay thành công của những điều lớn lao. Việc dự báo chính xác một đám mây bất ngờ có thể góp phần tạo nên thắng lợi của một trận đánh quan trọng, là có sự tham gia của anh. Sống ở vị trí của một người “*cô đọc nhất thế gian*” mà anh không buồn, không chán nản, chính vì anh đã tìm được ý nghĩa lớn lao trong công việc của mình như thế.  ***- Có ý thức giữ cuộc sống đẹp trong hoàn cảnh đặc biệt.***  Có trách nhiệm đối với mọi người và công việc, *anh cũng sống có trách nhiệm đối với chính mình*. Thông thường, trong hoàn cảnh sống như anh, người ta rất dễ sống cẩu thả. Chính ông họa sĩ cũng đã có ý nghĩ như vậy : “*Khách tới bất ngờ chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn*”. Không , nơi anh ở chẳng những không hề bừa bộn mà còn sạch sẽ, tinh tươm và đẹp nữa. Ngay trước sân nhà anh ta bắt gặp vườn hoa với bao nhiêu loài hoa, màu hoa,...cũng đủ để ta yêu mến và quí trọng anh . Căn phòng anh ở ngăn nắp gọn gàng . Nếp sống hàng ngày của anh được tổ chức có nền nếp, anh làm việc, ăn uống , nghỉ ngơi, đọc sách , đọc báo... như một người đang sống và làm việc giữa một xã hội, với mọi người, chứ không phải chỉ có một mình anh. *Đó là một thái độ tự trọng, đó chính là nếp sống đẹp, sống có văn hóa*. Sống như thế không phải dễ, nhưng đó mới là thực chất sống đẹp. Cái đẹp ấy không bắt nguồn từ bản chất tâm hồn đẹp.  ***- Rất khiêm tốn.***  Hãy xem *anh khiêm tốn biết bao!* Nói về mình rất ít (chỉ năm phút/ba mươi phút) ,anh chỉ giới thiệu công việc của mình với những người khách cần biết.Không những nói ít mà cách nói cũng hết sức nhẹ nhàng.Anh như cho rằng những điều anh làm, cái khắc nghiệt của cuộc sống cô đơn mà anh sống, thật không có nghĩa lí gì so với mọi người. Không khoa trương , cường điệu mình trước một cô gái trẻ. Và khi chợt nhận ra ông họa sĩ đang vừa trò chuyện vừa ghi vào sổ tay những nét kí họa về anh. Anh thực tình bối rối, cảm thấy mình không có gì đáng để một họa sĩ ghi lại .Anh chân thành giới thiệu bao nhiêu người đáng vẽ hơn anh, nghĩa là tốt hơn, đẹp hơn, đáng quí mến hơn anh : Một người kĩ sư tận tụy với cây rau, một nhà nghiên cứu sét để làm một bản đồ sét cho đất nước, ngày đêm miệt mài với công việc.  ***- Bao trùm lên tất cả là niềm khao khát được sống có ích, hạnh phúc là làm việc có ích cho đất nước.***  Tại sao anh sống giản dị thế, tốt thế, đẹp thế? Đây là chỗ xuất phát mọi điều. *Anh là một con người trong lòng luôn cháy rực ngọn lửa của một khát vọng :sống đẹp, sống có ý nghĩa, sống có ích cho đất nước, cho mọi người.* Đất nước có chiến tranh, anh xin ra trận. Không được ra trận, anh tận tụy làm công việc của mình . Khi biết công việc của mình góp phần vào chiến thắng của không quân ta đã hạ được máy bay địch, anh cảm thấy thật hạnh phúc . Hạnh phúc của anh thật cụ thể, ý nghĩa đời sống của anh thật rõ ràng . Một người cảm thấy hạnh phúc vì công việc , vì được làm việc thì làm sao có thể sống chán nản , buông thả, cảm thấy công việc nặng nề, làm sao có thể không yêu quí và trân trọng con người, làm sao có thể không chân tình quan tâm đến niềm vui và hạnh phúc của người khác? |
| **3. Kết bài** | Bằng một cốt truyện khá nhẹ nhàng, những chi tiết chân thực, tinh tế bằng ngôn ngữ đối thoại sinh động, Nguyễn Thành Long đã kể lại một cuộc gặp gỡ tình cờ mà thú vị nơi Sa Pa lặng lẽ. Chưa đầy ba mươi phút tiếp xúc với anh thanh niên khiến người họa sĩ già thêm suy ngẫm về vẻ đẹp cuộc đời mà mình không bao giờ thể hiện hết được, khiến cô kĩ sư trẻ lòng bao cảm mến , bâng khuâng . Với truyện ngắn này, phải chăng nhà văn muốn khẳng định:Cuộc sống của chúng ta được làm nên từ bao phấn đấu, hi sinh lớn lao và thầm lặng ? Những con người cần mẫn, nhiệt thành như anh thanh niên ấy thật đáng trân trọng, thật đáng tin yêu. |

**BÀI 3: CHIẾC LƯỢC NGÀ (Nguyễn Quang Sáng)**

|  |
| --- |
| **Đề 1:** Phân tích diễn biến tâm lý và tình cảm của bé Thu trong đoạn trích truyện Chiếc lược ngà của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.  **Đề 2:** Phân tích nhân vật ông Sáu trong đoạn truyện Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng.  **Đề 3:** Suy nghĩ của em về tình cảm cha con trong chiến tranh qua truyện ngắn Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng. |

***Hướng dẫn làm bài:***

**Đề 1: Phân tích diễn biến tâm lý và tình cảm của bé Thu trong đoạn trích truyện Chiếc lược ngà của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **1. Mở bài** | * - Nguyễn Quang Sáng là nhà văn của những số phận người dân Nam Bộ. Tác phẩm Chiếc lược ngà được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đang rất ác liệt. * - Tác phẩm là một câu chuyện cảm động về tình cha con trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.   - Đoạn trích truyện Chiếc lược ngà đã thể hiện những diễn biến tâm lí tinh tế và tình cảm sâu sắc, mạnh mẽ mà bé Thu dành cho cha. |
| **2. Thân bài** |  |
| **a) Cảnh ngộ của bé Thu** | |
|  | - Bé Thu sinh ra và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh. Ba em lên đường đánh giặc khi em chưa tròn một tuổi. Em chỉ biết ba qua tấm hình chụp chung với má trong ngày cưới.  - Kháng chiến chống Pháp kết thúc, em chỉ được gặp ba trong những ngày ba về phép ngắn ngủi. Tình cảm cha con của Thu được đặt trong tình thế éo le, trắc trở của chiến tranh nên càng xúc động lòng người. |
| **b) Thái độ và hành động của bé Thu trước khi nhận ra ông Sáu** | |
|  | * - Tình huống:gặp lại con sau nhiều năm xa cách với bao nỗi nhớ thương nên ông Sáu không kìm được nỗi vui mừng trong phút đầu nhìn thấy con. * - Diễn biến tâm lí của bé Thu:   + Hốt hoảng, mặt tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên khi mới gặp ông Sáu.  + Gọi trống không với ông Sáu mà không chịu gọi cha.  + Nhất định không chịu nhờ ông Sáu chắt nước nồi cơm to đang sôi, hất cái trứng cá mà ông gắp cho.  + Khi bị ông Sáu tức giận đánh một cái thì bỏ về nhà bà ngoại, khi xuống xuồng còn cố ý khua dây cột xuồng kêu rổn rảng thật to.  Thật trớ trêu, đáp lại sự vồ vập của người cha, bé Thu lại tỏ ra ngờ vực, lảng tránh, xa cách. Sự ương ngạnh của bé Thu hoàn toàn không đáng trách. Trong hoàn cảnh xa cách và trắc trở của chiến tranh, nó còn quá bé nhỏ để có thể hiểu được những tình thế khắc nghiệt, éo le của đời sống và người lớn cũng chưa kịp chuẩn bị cho nó đón nhận những khả năng bất thường. Nó không tin ông Sáu là ba chỉ vì trên mặt ông có vết sẹo, khác với hình ba mà nó được biết. Qua những diễn biến tâm lý, bé Thu thể hiện cá tính mạnh mẽ và tình cảm sâu sắc, chân thật, em chỉ yêu ba khi tin chắc đó đúng là bà. |
| **c) Thái độ và hành động của bé Thu khi nhận ra ông Sáu là cha** | |
|  | * - Trong buổi sáng cuối cùng, trước phút ông Sáu phải lên đường, thái độ và hành động của bé Thu đã đột ngột thay đổi hoàn toàn. Lần đầu tiên Thu cất tiếng gọi "ba" và tiếng kêu như tiếng xé, rồi"nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó"," nó hôn ba nó có cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa" , " hai tay nó siết chặt lấy cổ,chắc nó nghĩ hay tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run". * - Sau khi được bà ngoại giải thích về vết thẹo làm thay đổi khuôn mặt ba nó, Thu dường như đã ân hận, hối tiếc. Vì thế, trong giờ phút chia tay với cha, tình yêu và nỗi mong nhớ với người cha xa cách đã bị dồn nén bấy lâu, nay bùng ra thật mạnh mẽ, hối hả, cuống quýt, có xen lẫn cả sự hối hận.   Đó là tình cảm thật sâu sắc, mạnh mẽ, nhưng cũng thật dứt khoát, rạch ròi của một đứa trẻ cá tính, hồn nhiên, ngây thơ. |
| **\* Đánh giá:**     - “ Chiếc lược ngà” là một trong những truyện ngắn tiêu biểu, sáng tác trong thời kì kháng chiến, ca ngợi tình cảm gia đình, tình đồng chí, niềm tin và khát vọng hòa bình.  - Cốt truyện chặt chẽ, cách lựa chọn tình huống bất ngờ mà tự nhiên, hợp lý.  - Lựa chọn ngôi kể, cảnh kể và ngôn ngữ lời thoại cho nhân vật…  -> Góp phần không chỉ làm cho câu chuyện đảm bảo tính khách quan, chân thực, tin cậy mà còn hoàn toàn chủ động điều khiển nhịp kể và dẫn dắt nội dung câu chuyện theo dòng cảm xúc của mình. | |
| **3. Kết bài** | * - Truyện đặt nhân vật bé Thu và tình huống gặp ba nhưng không nhận ra, khi nhận ba lại vào đúng lúc chia tay để bộc lộ diễn biến tâm lý và tình cảm sâu sắc bé Thu dành cho ba. Từ đó, nhân vật bé Thu hiện ra thật cá tính, yêu ghét rõ ràng, nhưng cũng thật hồn nhiên, trong sáng.   - Qua những diễn biến tâm lý của bé Thu, ta thấy tác giả tỏ ra rất hiểu tâm lý trẻ thơ và diễn tả rất sinh động với tấm lòng yêu mến, trân trọng những tình cảm trẻ thơ. |

**Đề 2: Phân tích nhân vật ông Sáu trong đoạn truyện Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng.**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **1. Mở bài** | * - Nguyễn Quang Sáng là nhà văn của những số phận người dân Nam Bộ. Tác phẩm Chiếc lược ngà được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra rất ác liệt. * - Tác phẩm là một câu chuyện cảm động về tình cha con trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. Trước hết, đó là câu chuyện về một người cha - người chiến sĩ cách mạng dũng cảm và cũng là người cha rất yêu thương con. |
| **2. Thân bài** |  |
| **a) Ông Sáu là người chiến sĩ cách mạng dũng cảm.** | |
|  | * - Ông Sáu đi kháng chiến chống Pháp 7,8 năm chưa một lần về thăm nhà mặc dù nhớ nhà, nhớ vợ con khôn xiết. Người chiến sĩ ấy đã luôn đặt nhiệm vụ đối với Tổ quốc, với kháng chiến lên trên tình cảm riêng tư. * - Trong một trận càn của giặc, ông Sáu đã bị thương, vết sẹo làm khuôn mặt ông không giống như trước. * - Sau đợt nghỉ phép,ông Sáu cùng đồng đội trở lại chiến trường miền Đông tiếp tục chiến đấu. * - Một ngày cuối năm năm mươi tám, trong một trận càng lớn của quân Mỹ-ngụy, ông Sáu đã bị thương nặng và hi sinh.   Như vậy, ông Sáu là người chiến sĩ có lòng yêu nước, dũng cảm, luôn biết hy sinh vì độc lập dân tộc. Đó cũng là vẻ đẹp của người chiến sĩ cách mạng,của con người Việt Nam trong những năm chiến tranh đau thương mà anh dũng. |
| **b) Ông Sáu là người cha rất yêu thương con.** | |
|  | * \* Tình huống thứ nhất: ông Sáu đi kháng chiến chống Pháp sau 7-8 năm mới được về thăm nhà nhưng bé Thu lại không nhận ba. * - Nỗi khao khát gặp con của ông Sáu: * + Hai cha con không hề biết mặt nhau, chỉ biết qua tấm ảnh cách đó bảy năm. Vì vậy, ông Sáu hồi hộp và mong chờ được gặp con bằng tất cả tình cảm yêu thương mà ông đã dồn nén trong xa cách. * + Bằng linh cảm của người cha, ông đã nhận ra con - đứa bé độ tám tuổi đang chơi dưới bóng cây xoài trước nhà, ông chạy ngay đến chỗ con. Nhưng bất ngờ Thu hoảng sợ bỏ chạy, không chịu nhìn nhận cha mình. Lúc đó," anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sẩm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy". Ông Sáu hụt hẫng, đau đớn khi đứa con không nhận ra mình. * - Nỗi khổ và niềm vui trong ba ngày về thăm nhà:   + Ông Sáu tranh thủ ba ngày phép ngắn ngủi để chăm chút, bù đắp cho con cả vật chất lẫn tinh thần" suốt ngày anh chẳng đi đâu xa, lúc nào cũng vỗ về con". Ông tìm mọi cách để gần gũi trò chuyện với con nhưng dù phải mời ba ăn cơm hay nhờ chắc nước nồi cơm, Thu đều lảng tránh không gọi một tiếng" ba". Vui vì gặp lại gia đình, vợ con, nhưng ông Sáu đau khổ lắm, những lúc con lảng tránh, ông chỉ"nhìn con vừa khẽ lắc đầu vừa cười", cười vì"khổ tâm đến nỗi không khóc được".  + Bị con đối xử lạnh nhạt, ông vẫn cố gắng kiên trì chờ đợi, mong con nhận ra và gọi tiếng "ba" âu yếm. Bé Thu đã từ chối sự quan tâm của ông Sáu, bé"hất đổ miếng trứng cá khỏi chén cơm" khiến ông Sáu nổi nóng đánh con để rồi sau này dằn vặt, ân hận mãi. Tình tiết này cho thấy sự tức giận, thất vọng của ông Sáu khi không làm thế nào để con nhận ba và cũng thể hiện niềm khát khao của người cha muốn được cảm nhận tình cảm của con.   * - Giây phút cảm động khi bé Thu nhận cha: * + Trước khi chia tay gia đình để vào chiến trường,ông Sáu đã rất buồn vì đứa con không chịu nhận mặt cha, nỗi ân hận vì trót nóng nảy đánh con khiến đứa con càng xa cách. Nhìn thấy con đứng trong góc nhà, ông " muốn ôm con, hôn con"nhưng lại"sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy" nên ông Sáu chỉ đứng nhìn, đôi mắt trìu mến lẫn buồn rầu, khe khẽ nói,...   + Bất ngờ bé Thu cất tiếng gọi: "Ba...a...a...ba!", tiếng kêu như xé ruột vừa yêu thương, kính trọng xen lẫn hối hận (bé Thu đã biết"ba nó đi đánh Tây bị Tây bắn bị thương"), rồi nó chạy thót lại, ôm lấy ba, "hôn ba cùng khắp","hôn cả vết thẹo dài trên má", nó dang cả hai tay siết chặt lấy cổ, Giang cả hai chân câu chặt lấy ba nó để níu giữ. Ông Sáu đã xúc động đến phát khóc, và"không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc của con". Hai cha con nhận ra nhau thật hạnh phúc, sung sướng nhưng cũng thật đớn đau bởi giây phút đó thật ngắn ngủi. Tình cảm cha con thiêng liêng cao đẹp nhưng đặt trong một hoàn cảnh thật éo le của cuộc chiến tranh với những chia ly, xa cách.   * \* Tình huống thứ hai: ông Sáu làm cây lược tặng con nhưng chưa kịp tặng thì ông đã hi sinh. Tình huống này đã bộc lộ tình yêu con sâu nặng của người cha. * - Ở chiến khu, nỗi day dứt, ân hận ám ảnh ông luôn suốt nhiều ngày sau khi chia tay với gia đình là việc ông đã đánh con khi nóng giận. * - Lời dặn của đứa con" Ba về! Bà mua cho con một cây lược nghe ba!" đã thúc đẩy ông nghĩ đến việc làm một chiếc lược ngà dành cho con. Khi tìm được khúc ngà, ông vô cùng vui mừng, sung sướng, rồi dành hết tâm trí, công sức vào việc làm cây lược:"Những lúc rỗi, anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc". * \* Ông làm cây lược bằng tất cả tình yêu thương con, trên sống lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tẩn mẩn, khắc từng nét:" yêu nhớ tặng Thu con của ba". Những đêm nhớ con,ông lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Mỗi lần chải tóc như vậy là mỗi lần ông Sáu gửi gắm yêu thương vào chiếc lược nhỏ xinh. Chiếc lược ngà đã trở thành một vật quý giá, thiêng liêng với ông Sáu.nó làm dịu đi nỗi ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm yêu mến, nhớ thương, mong đợi của người cha với đứa con xa cách. * - Nhưng trong một trận chiến đấu, ông đã bị thương nặng. Trước lúc hi sinh, không thể trăng trối được điều gì, ông cố trao cây lược cho người đồng đội và chỉ đến khi tin rằng chiếc lược đó sẽ đến tận tay bé Thu ông mới nhắm mắt. Qua ánh mắt nhìn đồng đội lúc lâm chung, bác Ba hiểu không chỉ mang cây lược về cho Thu mà còn trao lại một tình cha con thiêng liêng cao đẹp. Một tình cha con không bao giờ chết! * - Sau nhiều lần tìm Thu không gặp, tình cờ bác Ba gặp Thu, bấy giờ là cô giao liên trên một tuyến đường bí mật. Bác trao cho Thu cây lược ngà mà người cha yêu quý nhất đã tự tay mình làm và gửi tặng con gái "Cây lược như đánh thức kỷ niệm ngày chia tay,..."   Như vậy , cả cuộc đời người cha đã dành cho con một tình cảm yêu thương sâu nặng. |
| **\* Đánh giá:** Xây dựng nhân vật ông Sáu, tác giả đã đặt nhân vật vào các tình huống éo le để khai thác những diễn biến tâm lý, tình cảm; ngôn ngữ lời thoại nhân vật có sự chọn lọc, chi tiết cụ thể giàu biểu cảm…. | |
| **3. Kết bài** | - Truyện đã ca ngợi ông Sáu là người chiến sĩ cách mạng dũng cảm và là người cha có tình thương con sâu nặng và cao đẹp. Qua đó, tác giả khẳng định tình cảm cha con là thứ tình cảm nhân bản bền vững, có thể tồn tại trong bất cứ hoàn cảnh nào; đồng thời cũng cho thấy những nỗi đau thương, mất mát mà chiến tranh gây ra cho cuộc sống con người. |

**Đề 3: Suy nghĩ của em về tình cảm cha con trong chiến tranh qua truyện ngắn Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng.**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. **1. Mở bài** | * - Nguyễn Quang Sáng là nhà văn của những số phận người dân Nam Bộ. Tác phẩm Chiếc lược ngà được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mỹ đang rất ác liệt.   - Tác phẩm là một câu chuyện cảm động về tình cha con trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.  (*“ Chiếc lược ngà*” là truyện ngắn xuất sắc của Nguyễn Quang Sáng thời chống Mỹ. Truyện được viết trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt nhưng lại tập trung nói về tình người. Cụ thể ở đây là tình cha con trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh. Đó không chỉ là một tình cảm muôn thuở, bền vững mà còn được thể hiện trong hoàn cảnh ngặt nghèo, éo le của chiến tranh. Vì thế tình cảm ấy thật đáng trân trọng và đồng thời cũng cho thấy nỗi đau mà chiến tranh mang đến cho đời sống bình thường của mọi người). |
| **2. Thân bài** |  |
| ***a) Chiến tranh đã khiến cho gia đình ông Sáu cũng như bao gia đình Việt Nam phải lâm vào cảnh ngộ chia ly*** | |
|  | * - Theo tiếng gọi của non sông, ông Sáu như bao người dân Nam Bộ sẵn sàng rời xa gia đình lên đường đi kháng chiến khi bé Thu, con gái ông, chưa đầy một tuổi. Suốt những tháng ngày xa cách, con ông chỉ biết cha qua tấm ảnh, qua lời kể của người mẹ. * - Kháng chiến chống Pháp kết thúc, cha con, gia đình gặp nhau, đoàn tụ chỉ có ba ngày để bù lại tám năm dòng xa cách. Nhưng trong những ngày phép ngắn ngủi ấy, họ chưa kịp nhận ra nhau, khi nhận ra nhau lại là lúc phải tiếp tục chia xa.   - Cuộc chia tay lần thứ hai của cha con ông Sáu là chia ly mãi mãi. Ông Sáu tiếp tục đi chiến đấu và mãi nằm lại nơi chiến trường, hai cha con chẳng bao giờ được gặp lại, được ở bên nhau nữa. |
| ***b) Chiến tranh không thể chia cắt nổi tình cảm gia đình, tình cha con.*** | |
|  | - Tình cảm cha con của ông Sáu và bé Thu dành cho nhau trong cảnh ngộ éo le, trắc trở của chiến tranh được thể hiện vô cùng cảm động.   * - Bé Thu thể hiện tình yêu ba theo cách thật đặc biệt: * + Thu xa cách, ngờ vực, lạnh nhạt ngay từ giây phút đầu tiên gặp ba. * + Tỏ ra ương ngạnh, hỗn xược với ông Sáu trong suốt ba ngày ông nghỉ phép. Thu từ chối mọi sự chăm chút, vỗ về của ông Sáu; cố tình lảng tránh tiếng" ba" để bảo vệ người ba trẻ đẹp trong tấm ảnh chụp chung với má của em.   Hành động, phản ứng của bé Thu rất cá tính, có phần ương ngạnh nhưng xuất phát từ tình yêu thương ba một cách ngây thơ, trong sáng, chân thật: Thu chỉ yêu, chỉ nhận người cha giống với bức hình trong tấm ảnh chụp chung với má. Em đối xử với ông Sáu như thế là cách em yêu thương ba mình nồng cháy, yêu thương đến mực tôn thờ,yêu đến mức chỉ khắc ghi hình bóng một người ba duy nhất trong tim, không ai có thể thay thế được.  + Được bà ngoại giải thích,Thu hiểu ra mọi sự nhầm lẫn của mình từ vết sẹo trên má của ba, Thu đã chủ động bày tỏ tình cảm sâu sắc, mãnh liệt với ông Sáu trong tiếng gọi"ba" như tiếng xé, trong những cử chỉ vồ vập, hối hả thể hiện tình cảm yêu ba chân thành, sâu sắc, mãnh liệt.   * - Ông Sáu dành cho con tình yêu thương vô bờ nhưng hết sức thầm lặng: * + Xa con, ông luôn nhớ con, ngắm con qua ảnh, háo hức được trở về thăm nhà , thăm con. * + Hạnh phúc làm cha trào dâng, không kìm nổi xúc động khi gặp lại con. * + Tranh thủ ba ngày phép ngắn ngủi để chăm chút, bù đắp cho con cả vật chất lẫn tinh thần. Bị con đối xử lạnh nhạt, ông vẫn cố gắng kiên trì chờ đợi, mong con nhận ra và gọi tiếng" ba "âu yếm. Khi không thể nào kiềm chế được sự tức giận, vì thất vọng, không làm thế nào để con nhận ba, ông đã đánh con để rồi sau này dằn vặt, ân hận mãi. * + Hạnh phúc đến rơi lệ khi con nhận ra ông, khi nghe tiếng gọi "ba " từ miệng con. * + Xa con, sống trong gian khổ, hiểm nguy luôn rình rập, ông luôn nhớ lời con dặn và canh cánh bên lòng về món quà con dặn. Ông dồn hết tình thương, Nỗi nhớ vào việc làm cho con một chiếc lược bằng ngà voi trong những lúc rảnh rỗi. Chiếc lược ngà là cầu nối tình cảm cha con ông. Chiếc lược ngà mang bóng hình đứa con gái bé bỏng, xoa dịu trong ông Sáu nỗi đau xa cách con, tiếp cho ông niềm tin, sức mạnh trên mỗi ngả chiến trường, Chiếc lược ngà là minh chứng cho tình cha sâu nặng ông Sáu dành cho con, là kỷ vật mộc mạc thiêng liêng của tình phụ tử. * + Biết không thể trở về trao chiếc lược cho con, ngay cả trong giờ phút hấp hối, ông Sáu vẫn không quên lời dặn của con lúc chia tay. Ông đã dồn tất cả sinh lực cuối cùng vào cử chỉ móc chiếc lược ngà trao cho đồng đội để cậy nhờ,ủy thác cho bác Ba thay ông đem cây lược về trao tận tay cho con gái. Ông Sáu đã vĩnh viễn ra đi, chiến tranh,bom đạn kẻ thù đã cướp đi sinh mạng ông nhưng chiếc lược ngà vẫn ngày ngày theo bác Ba dõi tìm Thu trên mỗi ngả chiến trường.   Tình cha con của ông Sáu không bao giờ chết, nó sống mãi trong chiếc lược ngà giản dị mà thiêng liêng. |
| **\* Đánh giá:** | * - Đánh giá sức hấp dẫn trong nghệ thuật kể chuyện: cách tạo tình huống truyện bất ngờ, hợp lý , lựa chọn ngôi kể thích hợp, ngôn ngữ kể chuyện tự nhiên đậm sắc màu Nam Bộ, cách miêu tả nội tâm nhân vật tinh tế.   - Khẳng định và liên hệ: Câu chuyện Chiếc lược ngà còn âm vang mãi trong lòng người đọc bởi nó là bài ca bất diệt về tình phụ tử thắm thiết, sâu nặng. Câu chuyện giúp người đọc suy ngẫm và thấm thía hơn về quá khứ đau thương của dân tộc, thấm thía nỗi đau thương, mất mát, éo le do chiến tranh gây ra khiến bao gia đình phải chịu cảnh tan tác, chia lìa; đồng thời cũng giúp mỗi người biết trân trọng, nâng niu hạnh phúc gia đình mình đang có. |
| **3. Kết bài** | Truyện “*Chiếc lược ngà”* tập trung vào chủ đề tình cha con, nhưng ở đây tình cha con của anh Sáu và bé Thu đã không mất đi sau khi anh Sáu hy sinh. Tình cảm ấy vẫn sống mãi trong lòng con gái anh, trong lòng người bạn của anh là bác Ba và các đồng chí. Tình cha con được nối dài trong tình cảm cách mạng, tình cảm của những người đồng chí. Nhà văn khẳng định và ca ngợi tình cảm cha con sâu nặng trong hoàn cảnh éo le, thời chiến tranh chống Mỹ ở miền Nam thiêng liêng như một giá trị nhân bản sâu sắc. Tình cảm ấy càng cao đẹp trong những hoàn cảnh khó khăn.Truyện ngắn “*Chiếc lược ngà*” là bài thơ về tình cha con. |

**BÀI 5: NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI**

(Lê Minh Khuê)

**Đề bài luyện tập:**

|  |
| --- |
| **Đề 1:** Một trong những vẻ đẹp của nhân vật trong Những ngôi sao xa xôi là tâm hồn lạc quan, trong sáng. Đó là chất lãng mạn trên bức phông nền hiện thực khốc liệt của tác phẩm.  Từ truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.  **Đề 2:** Ấn tượng sâu sắc của em về vẻ đẹp tâm hồn nhân vật Phương Định trong đoạn trích Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê.  **Đề 3:** Phân tích chi tiết cơn mưa đá giữa rừng cuối tác phẩm Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê.  **Đề 4:** Các nữ nhân vật trong Những ngôi sao xa xôi có những phẩm chất chung gì và có những nét gì là cá tính riêng của mỗi người.  **Đề 5:** “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê là vẻ đẹp tâm hồn của tuổi trẻ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, vừa có những nét chung đáng quý, vừa mang những nét riêng của « những ngôi sao xa xôi ». Hãy phân tích. |

***Hướng dẫn làm bài:***

**Đề 1:** Một trong những vẻ đẹp của nhân vật trong Những ngôi sao xa xôi là tâm hồn lạc quan, trong sáng. Đó là chất lãng mạn trên bức phông nền hiện thực khốc liệt của tác phẩm.

Từ truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vấn đề nghị luận: tâm hồn lạc quan, trong sáng của các nhân vật trong truyện ngắn. |
| **2. Thân bài** |  |
| - Họ đều là những cô gái tuổi mới mười tám, đôi mươi. Đây là lứa tuổi có nhiều mơ mộng, ước mơ, sức trẻ, lòng nhiệt huyết, đam mê; họ đã nghe theo tiếng gọi của Tổ quốc để cống hiến tuổi thanh xuân cho đất nước. | |
| - Họ đều có tâm hồn lạc quan, trong sáng, yêu đời: | |
|  | - Tự làm đẹp cho cuộc sống: Phương Định thích hát, Nho thích thêu thùa, chị Thao chép bài hát,...  - Họ có nội tâm phong phú, nhạy cảm: Phương Định thích ngắm mình trong gương , tự nhận thức được vẻ đẹp của mình, chị Thao có áo lót thêu chỉ đỏ,... Khi ngắm mưa đá, họ hồn nhiên như những đứa trẻ.  - Họ có tình đồng đội gắn bó, cao đẹp: Họ coi nhau như chị em trong gia đình, cùng chia sẻ những tâm tư, tình cảm, hiểu thấu những suy nghĩ, tâm sự của người kia,... |
| Cùng với sự dũng cảm, gan dạ, tinh thần trách nhiệm, phẩm chất anh hùng, họ là những cô gái thanh niên xung phong góp phần làm nên những chiến công của dân tộc. | |
| **3. Kết bài** | => Đó là chất lãng mạn xoá tan cái khốc liệt của chiến trường, là nguồn sức mạnh giúp họ vượt qua những khó khăn thử thách, hoàn thành nhiệm vụ. Họ là đại diện cho thế hệ trẻ trong kháng chiến chống Pháp, thế hệ "Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước - Mà lòng phơi phới dậy tương lai". |

**Đề 2: Ấn tượng sâu sắc của em về vẻ đẹp tâm hồn nhân vật Phương Định trong đoạn trích Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Lê Minh Khuê thuộc thế hệ nhà văn trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Truyện Những ngôi sao xa xôi là một trong những tác phẩm đầu tay của Lê Minh Khuê, viết năm 1971,giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc diễn ra ác liệt nhất.  - Chuyện kể về Phương Định, một cô gái dũng cảm trong chiến đấu, hồn nhiên trẻ trung yêu đời, có tình đồng chí đồng đội gắn bó. |
| **2. Thân bài** |  |
| **a) Giải thích:** Vẻ đẹp tâm hồn là vẻ đẹp toát ra từ nội tâm con người , được thể hiện trên nhiều phương diện (tư tưởng, tình cảm, cách nghĩ, cách sống,...) | |
| **b) Hoàn cảnh sống và chiến đấu của Phương Định** | |
|  | - Cũng như các cô gái thanh niên xung phong khác, Phương Định sống và chiến đấu trên một cao điểm giữa một vùng trọng điểm, nơi tập trung nhiều bom đạn nhất, sự nguy hiểm và ác liệt.  - Công việc: cùng đơn vị nữ thanh niên xung phong hằng ngày quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá cần san lấp do bom địch gây ra, đánh dấu những vị trí bom chưa nổ và phá bom. Mỗi ngày, có thể phải phá bom từ 3 đến 5 lần.  Như vậy,hằng ngày cuộc sống của Phương Định là phải đối diện với bom đạn và có thể hy sinh bất cứ lúc nào. Thế nhưng từ hoàn cảnh sống khắc nghiệt ấy, Phương Định vẫn thể hiện được những nét đẹp tâm hồn đáng quý. |
| **c) Vẻ đẹp tâm hồn Phương Định** | |
|  | \* Phương Định là cô gái Hà Thành trẻ trung, xinh đẹp , tâm hồn trong sáng:  - Phương Định là cô gái có nét đẹp duyên dáng, yêu kiều: một cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn; hai bím tóc dài, mềm mại; đôi mắt dài dài, màu nâu, hay nheo lại như chói nắng, cái nhìn xa xăm... Vẻ đẹp của Phương Định đã hấp dẫn bao chàng trai, chính cô thừa nhận"Không hiểu sao các anh pháo thủ và lái xe hay hỏi thăm tôi…".  - Cách cư xử: ý nhị, kín đáo, kiêu kỳ của con gái Hà Thành, Phương Định nhạy cảm, biết mình được nhiều anh lính để ý nhưng cô chưa dành tình cảm cho ai,cô không săn sóc vồn vã như những cô gái khác.  - Vào chiến trường,sống ở nơi sự sống hủy diệt nhưng lúc nào Phương Định cũng giữ nguyên những nét đẹp trong sáng của những cô gái mới lớn:  + Thích làm duyên, làm điệu ngay giữa cuộc sống chiến trường khốc liệt: thích ngắm mắt mình trong gương, thích ngồi bó gối mơ màng…  + Thích hát, hay hát, tự bịa cả ra lời hát; hát trong mọi khoảnh khắc như chưa bao giờ nghe thấy bom rơi, đạn nổ. Tiếng hát của cô át tiếng bom , hát cả đau thương, gian khổ, hiểm nguy. Đó là biểu hiện của tinh thần lạc quan, yêu đời và niềm tin yêu cuộc sống.  + Hồn nhiên, mơ mộng: Đêm đêm, cô nhìn lên những ngôi sao trên bầu trời, mơ về ngày mai hòa bình, thống nhất. Khi một trận đánh khốc liệt vừa đi qua,chỉ một cơn mưa đá bất chợt ập xuống nơi núi rừng Trường Sơn cũng khiến Phương Định quên hết cả mưa bom, bão đạn, quên cả căng thẳng, nguy hiểm; cô và đồng đội lại say sưa tận hưởng niềm vui như con trẻ, đưa cô sống lại tất cả những ký ức tươi đẹp thời thiếu nữ kiêu sa bên gia đình nơi thành phố mến thương.  Sống ở nơi thần chết luôn rình rập nhưng tâm hồn Phương Định không hề chai sạn. Chiến tranh,bom đạn kẻ thù có thể hủy diệt sự sống nhưng không bao giờ cướp đi được sự hồn nhiên, tinh thần lạc quan và sự trong sáng, tâm hồn trẻ trung của những cô gái trẻ như Phương Định.  \* Phương Định là nữ thanh niên xung phong dũng cảm, can trường, tinh thần trách nhiệm cao.  - Phương Định tiêu biểu cho tuổi trẻ Việt Nam hiến dâng cuộc đời mình cho Tổ quốc:  + Phương Định cũng có thời học sinh hồn nhiên, trong sáng. Cô có những tháng năm sống yên bình, hạnh phúc cùng với mẹ trong một ngôi nhà nhỏ.  + Nhưng khi Tổ quốc cần những người con ra trận, cô đã từng biệt Hà Thành trở thành thanh niên xung phong sống và chiến đấu tại một cao điểm ác liệt của mặt trận Trường Sơn.  + Vào đây mới được ba năm , một khoảng thời gian không dài nhưng cũng đủ để cô quen với bom đạn chiến đấu và hy sinh.  + Cô nói về công việc của mình:" việc của chúng tôi là ngồi đây. Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom" . Đó là những công việc hết sức nguy hiểm nhưng được cô nói gọn gàng, nhẹ như không, giản dị mà cũng thật anh hùng.  → Công việc dù gian khổ và nguy hiểm, nhưng với Phương Định được sống và chiến đấu, hi sinh vì Tổ quốc, cô coi đó là trách nhiệm , nghĩa vụ là niềm hạnh phúc của tuổi trẻ khi được hiến dâng cuộc đời mình cho đất nước.  - Phương Định rất dũng cảm và có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc phá bom:  + Khí phách anh hùng và lòng dũng cảm của cô thể hiện rõ nhất khi cùng đồng đội đi phá bom. Trên tuyến đường Trường Sơn ác liệt, mỗi ngày địch trút bom từ ba đến năm lần . Nên phá bom là công việc thường xuyên của cô. Nhưng mỗi lần phá bom đều rất căng thẳng, từng cảm giác nhỏ nhất của Phương Định đã được nhà văn miêu tả hết sức tinh tế.  Khi đi đến bên quả bom: cô không đi khom "khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới". Khai thác chi tiết này nhà văn muốn ca ngợi tư thế tuyệt đẹp của con người Việt Nam khi ra trận: một cô gái mảnh dẻ , nhỏ bé nhưng không hề run sợ trước bom đạn của kẻ thù.  Ở bên quả bom: cô phải làm nhiều động tác: đào lỗ chôn thuốc mìn, dòng dây cháy chậm, châm ngòi, khỏa lấp đất rồi chạy về nơi trú ẩn. Nhưng khi lưỡi xẻng chạm vào vỏ quả bom, cô phát hiện vỏ quả bom đang nóng lên nhưng lại không rõ nguyên nhân. Vậy mà cô vẫn bình tĩnh, thao tác cẩn trọng, tỉ mỉ, thành thạo theo đúng mệnh lệnh chỉ huy của chị Thao.  Chờ quả bom nổ: đây là giây phút căng thẳng nhất. Và trong cô còn có thêm sự lo lắng: nhỡ thuốc mìn không nổ phải chôn lại lần thứ hai trong khi quả bom đang nóng lên. Nguy hiểm nhân lên nhiều lần. Trong cô đã nghĩ tới cái chết nhưng rất mờ nhạt. Vì với cô,dù phải hy sinh cô cũng quyết tâm phá bằng được quả bom.  + Những lúc căng thẳng, nguy hiểm, Phương Định có nghĩ đến cái chết nhưng" chỉ là cái chết mờ nhạt, không cụ thể", chưa bao giờ cái chết trở thành nỗi ám ảnh đến mức có phải lo lắng, phải trằn trọc. Cô đặt mục đích hoàn thành nhiệm vụ phá bom lên trên cả tuổi xuân, trên cả mạng sống của mình.  Phương Định mang lí tưởng sống cao đẹp của tuổi trẻ Việt Nam anh hùng thời chống Mỹ, sẵn sàng"Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước" như bao chàng trai,cô gái Việt Nam tình nguyện lên đường bảo vệ non sông.Chiến công thầm lặng của Phương Định và đồng đội cô đã góp phần không nhỏ vào sự nghiệp thống nhất non sông, Bắc Nam sum họp.  \* Phương Định là cô gái giàu tình cảm, giàu tình đồng chí, đồng đội:  Từ giã Thủ đô yêu dấu để vào với Trường Sơn, Phương Định luôn dành tình yêu thương, sự quan tâm cho những người đồng đội.  - Cô yêu mến, khâm phục tất cả những chiến sĩ cô gặp đêm đêm trên mỗi bước đường ra trận. Cô coi họ là thần tượng, là những người dũng cảm, thông minh và can đảm nhất. Họ là động lực tiếp cho cô sức mạnh mỗi khi làm nhiệm vụ phá bom.  - Phương Định dành nhiều tình cảm nhất cho những chị em trong cùng tổ trinh sát. Cô kể về họ bằng giọng kể đầy thân thương, trìu mến và hiểu họ một cách sâu sắc. Cô coi Nho, Thao như người thân trong gia đình. Cô khâm phục , ngưỡng mộ sự " bình tĩnh đến phát bực" của chị Thao; cô hiểu tất cả những điểm yếu, những lo toan đang quay cuồng trong đầu óc chị. Cô nhìn nhận và coi Nho như một đứa em gái đáng yêu. Nho bị thương, cô làm tất cả,chăm sóc cho Nho như một người chị chăm em, như một nữ y tá dạn dày kinh nghiệm chiến trường. Nhìn vào mắt đồng đội,cô hiểu được tất cả những nghĩ suy thầm kín trong lòng họ.  Tình đồng chí đã trở thành chỗ dựa tinh thần vững chắc, xoa dịu trong cô nỗi nhớ gia đình, người thân, là động lực để cô chiến đấu dũng cảm để hướng về ngày mai hòa bình. |
| **\* Đánh giá nghệ thuật khắc họa vẻ đẹp tâm hồn nhân vật:**  - Chọn ngôi kể thứ nhất, ngôn ngữ kể chuyện tự nhiên, trẻ trung đầy nữ tính, giàu tính khẩu ngữ.  - Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế, chân thực, đời thường (tâm trạng dễ vui, dễ buồn, hay mơ mộng, hoài niệm của tuổi mới lớn; cảm giác sắc nhọn mỗi lần bên trái bom….); đặt nhân vật trong những tình huống đặc biệt, khám phá, phát hiện và miêu tả nhân vật qua những hành động, suy nghĩ,... | |
| **3. Kết bài** | - Nhân vật Phương Định là hình ảnh của tuổi trẻ Việt Nam anh hùng thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã mang vào Trường Sơn cả tuổi thanh xuân, cống hiến không tiếc máu xương để giữ cho tuyến đường Trường Sơn không một giờ đứt mạch. Qua nhân vật, người đọc thêm yêu mến, tự hào, trân trọng hơn quá khứ hào hùng của dân tộc.  - Liên hệ trách nhiệm của tuổi trẻ hôm nay: tiếp nối và phát huy những lý tưởng sống cao đẹp của thế hệ cha anh, gìn giữ và xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh,... |

**Đề 3: Phân tích chi tiết cơn mưa đá giữa rừng cuối tác phẩm Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | Lê Minh Khuê thuộc thế hệ nhà văn trưởng thành trong kháng chiến chống Mỹ. Truyện Những ngôi sao xa xôi viết năm 1971, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc diễn ra ác liệt nhất. Chi tiết cơn mưa đá giữa rừng cuối của tác phẩm là một chi tiết nhiều ý nghĩa. |
| **2. Thân bài** | Giới thiệu chi tiết cơn mưa đá giữa rừng cuối tác phẩm.  - Sau khi phá bom rất căng thẳng, Nho bị thương. Đây không phải là cơn mưa đá xuất hiện ngẫu nhiên mà là dụng ý nghệ thuật: sau lần phá bốn quả bom liên tiếp, thần kinh của những cô gái vô cùng căng thẳng, họ nghĩ rằng mình có thể sẽ hi sinh.  - Vì thế, cơn mưa đá làm dịu đi sự khốc liệt của chiến tranh: làm cho chị Thao quên đi nỗi sợ khi nhìn thấy máu , làm Nho quên đi sự đau đớn của vết thương. Đặc biệt,cơn mưa đá làm cho Phương Định hồi ức những kỷ niệm ngọt ngào về gia đình, quê hương. |
| **3. Kết bài** | Những kỉ niệm cùng với sự dịu mát của cơn mưa sẽ làm cho Thao, Nho, Phương Định có thêm sức mạnh, bản lĩnh và nghị lực để tiếp tục đối diện với bom đạn khốc liệt ở chiến trường. |

**Đề 4: Các nữ nhân vật trong Những ngôi sao xa xôi có những phẩm chất chung gì và có những nét gì là cá tính riêng của mỗi người.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | Lê Minh Khuê sinh thuộc thế hệ nhà văn thời kỳ chống Mỹ. Truyện Những ngôi sao xa xôi viết năm 1971,giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mỹ của dân tộc diễn ra ác liệt nhất.  - Các nữ nhân vật trong Những ngôi sao xa xôi được nhà văn miêu tả có những phẩm chất chung và có những nét cá tính riêng của mỗi người. |
| **2. Thân bài** |  |
| **a) Điểm chung trong hình ảnh những cô thanh niên xung phong** | |
|  | \* Hoàn cảnh sống và chiến đấu:  - Họ sống và chiến đấu trên một cao điểm giữa một vùng trọng điểm, nơi tập trung nhiều bom đạn nhất, sự nguy hiểm và ác liệt.  - Công việc của họ: là quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá cần san lấp do bom địch gây ra, đánh dấu những vị trí bom chưa nổ và phá bom. Mỗi ngày, có thể họ phải phá bom từ 3 đến 5 lần .  Như vậy,hằng ngày họ phải đối diện với bom đạn và có thể hy sinh vào bất cứ lúc nào.  \* Những phẩm chất chung:  Ba cô gái mỗi người có một cá tính, một hoàn cảnh riêng khác nhau nhưng họ đều có phẩm chất chung của người thanh niên xung phong trên chiến trường:  - Họ dũng cảm, gan dạ, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, đặc nhiệm vụ lên trên cả tính mạng:  + Công việc phá bom của họ là hết sức căng thẳng, thường xuyên chạy trên cao điểm giữa ban ngày trong luồng bom đạn.  + Nhưng: chị Thao hết sức bình tĩnh, dũng cảm và kiên quyết trong công việc chỉ huy; Nho dũng cảm một mình phá hai quả bom, bị thương không cho báo về đơn vị, Phương Định là tiêu biểu cho vẻ đẹp của tuổi trẻ Việt Nam sẵn sàng hiến dâng cuộc đời mình cho sự nghiệp vệ quốc.  + Họ có tình đồng chí, đồng đội gắn bó thân thiết như ruột thịt. ( Họ hiểu được tính tình, sở thích của nhau, quan tâm chăm sóc nhau rất chu đáo, nhất là khi Nho bị thương).  - Họ còn là những cô gái trẻ trung, hồn nhiên, trong sáng, nhạy cảm, giàu ước mơ:  + Chị Thao thích hát, thích làm duyên và có ước mơ lấy một người chồng có ngôi sao trên mũ.  + Nho hồn nhiên trong sáng thích làm nũng đòi ăn kẹo , ước mơ sau chiến tranh sẽ làm một cầu thủ bóng chuyền.  + Phương Định hát hay, nhiều ước mơ về tương lai, nhạy cảm, quan tâm đến hình thức. |
| **b) Điểm riêng** | |
|  | - Nho là em út, tính nết trẻ con, thích ăn kẹo, có dáng vẻ bé nhỏ như một que kem nhưng khi bị thương lại rất rắn rỏi, bản lĩnh.  - Chị Thao là tổ trưởng. Chị rất dũng cảm, táo bạo và quyết đoán trong công việc nhưng bị sợ máu và vắt, nét yếu đuối làm chị hiện lên với vẻ nữ tính, đáng yêu. Và chị là một người con gái rất thích làm đẹp, làm duyên.  - Phương Định là một cô gái Hà Nội hồn nhiên, mơ mộng, hay sống với những kỉ niệm hồi còn ở thành phố, rất dũng cảm, gan dạ trong chiến đấu.  Bên cạnh những điểm chung, Mỗi cô gái đều có những vẻ đẹp riêng, làm phong phú và hoàn thiện trên bức chân dung của những cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. |
| **3. Kết bài** | - Bằng cách đặt ba nhân vật vào tình huống sống và chiến đấu tại một cao điểm ác liệt ở mặt trận Trường Sơn, miêu tả diễn biến tâm lý một cách tinh tế; tác giả ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của những cô gái dũng cảm trong chiến đấu, hồn nhiên trẻ trung yêu đời, có tình đồng chí đồng đội gắn bó. Thao, Nho, Phương Định là tiêu biểu cho lý tưởng sống cao đẹp của tuổi trẻ Việt Nam thời chống Mỹ.  - Ở mỗi nhân vật nữ trong Những ngôi sao xa xôi, nhà văn đã miêu tả có những phẩm chất chung và có những nét cá tính riêng của mỗi người làm nên sự phong phú cho thế giới nhân vật trong tác phẩm. |

**Đề 5: “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê là vẻ đẹp tâm hồn của tuổi trẻ Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, vừa có những nét chung đáng quý, vừa mang những nét riêng của « những ngôi sao xa xôi ». Hãy phân tích.**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Cuộc kháng chiến chống Mĩ đã đi qua….. nhưng ánh sáng chói lọi của nó vẫn luôn tồn tại cùng với lịch sử dân tộc ta qua các tác phẩm văn học như…..  - Và có những con người bình dị, đã làm nên cuộc kháng chiến ấy, đó là những người lính, những cô thanh niên xung phong, những chiến sĩ vô danh…. « Những ngôi sao xa xôi » viết về những con người như vậy. Ba cô gái thanh niên họp thành một tổ trinh sát mặt đường….  Họ đã sống và chết.  Giản dị và bình tâm  Không ai nhớ mặt đặt tên  Nhưng họ đã làm nên đất nước.  (Ngã ba Đồng Lộc) |
| **2. Thân bài** |  |
|  | **\* Hoàn cảnh sống và chiến đấu:**  - Họ ở trong một hang dưới chân một cao điểm giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, tức là ở nơi tập trung nhất bom đạn và sự nguy hiểm, ác liệt, từng ngày, từng giờ phải đối mặt với bom rơi, đạn nổ. Có biết bao thương tích vì bom đạn giặc : đường bị đánh « lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn » tưởng như sự sống bị huỷ diệt : « không có lá xanh » hai bên đường, « thân cây bị tước khô cháy »…Những cây rễ nằm lăn lóc, ngổn ngang những hòn đá to…. han rỉ trong lòng đất ».  => Quả là một hiện thực khô khốc đầy mùi chiến tranh, nó không có màu xanh của sự sống, chỉ thấy tử thần luôn rình rập.  - Công việc trinh sát, phá bom lại càng đặc biệt nguy hiểm. Họ phải chạy trên cao điểm giữa ban ngày, phơi mình ra giữa vùng trọng điểm đánh phá của máy bay địch để đo và ước tính khối lượng đất đá bị bom địch đào xới, đếm những quả bom chưa nổ và dùng những khối thuốc nổ đặt vào cạnh nó để phá. Đó là một công việc phải mạo hiểm với cái chết, luôn căng thẳng thần kinh, đòi hỏi sự dũng cảm và bình tĩnh hết sức.  + Không khí của chiến tranh không giống như tương lai hay quá khứ có một âm điệu riêng. Chẳng hạn như sự im lặng : « *Cuộc sống ở đây đã dậy cho chúng tôi thế nào là sự im lặng ». Im lặng có nghĩa là cái chết đang rình rập đâu đây, nó ập đến bất cứ lúc nào.* Chưa hết, đó mới chỉ là hiện thực lúc yên tĩnh, còn lúc có bom của địch thì sao ? « *Nghe tiếng bom đầu tiên, có đứa chết giấc, nằm dán xuống đất », rồi « chúng tôi bị bom vùi luôn*. *Có khi bò trên cao điểm trở về hang, cô nào cũng chỉ thấy « hai con mắt lấp lánh », « hàm răng loá lên » khi cười, khuôn mặt thì « lem luốc ».* |
| **a**) **Những phẩm chất chung:** |
| Cả ba cô, cô nào cũng đáng mến, đáng cảm phục  - Họ đều thuộc thế hệ những cô gái thanh niên xung phong thời kì kháng chiến chống Mĩ mà tuổi đời còn rất trẻ (như Phương Định vốn là một cô học sinh thành phố), có lí tưởng, đã tạm xa gia đình, xa mái trường, tình nguyện vào cái nơi mà cái sự mất còn chỉ diễn ra trong nháy mắt, một cách vô tư, hồn nhiên, cống hiến tuổi thanh xuân. Họ thực sự là những anh hùng không tự biết. Nét chung này không chỉ có ở đây mà còn được nói đến ở nhiều tác phẩm khác như « *Gửi em, cô thanh niên xung phong* » của Phạm Tiến Duật, « K*hoảng trời hố bom* » của Lâm Thị Mỹ Dạ và truyện ngắn « *Mảnh trăng cuối rừng* » của Nguyễn Minh Châu… Tạo thành biểu tượng gương mặt đẹp và đáng yêu của những cô gái mở đường thời kháng chiến chống Mĩ.  - Qua thực tế chiến đấu, cả ba cô gái đều có tinh thần trách nhiệm cao với nhiệm vụ, lòng dũng cảm không sợ hi sinh, tình đồng đội gắn bó. Có lệnh là lên đường, bất kể trong tình huống nào, nguy hiểm không từ nan dù phải đối mặt với máy bay và bom đạn quân thù, và đã lên đường là hoàn thành nhiệm vụ ( d/c – sgk).  + Nghe Phương Định kể lại một lần phá bom : « tôi một quả bom trên đồi. Nho, hai quả dưới lòng đường. Chị Thao, một quả dưới cái chân hầm ba-ri-e cũ. Cảnh tượng chiến trường trở nên « vắng lặng đến phát sợ ». Đến với toạ độ chết, đến với quả bom cần phải phá nổ (mà không biết nó sẽ nổ vào lúc nào , sự cầu viện tâm linh của cô gái (nhân vật tôi) giống như một ảo ảnh : « Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không ? » Mặc dù « quen rồi ». Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần » nhưng cái hồi hộp dường như không hề thay đổi. Như cái cảm giác chờ bom phát nổ : tất cả đều đứng im, cả gió, cả nhịp tim trong lồng ngực. Chỉ có chiếc đồng hồ : « Nó chạy, sinh động và nhẹ nhàng đè lên những con số vĩnh cửu…. ». Quả bom có hai vòng tròn màu vàng nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Thần chết đang đợi chờ. Vỏ quả bom nóng. Định dùng lưỡi xẻng đào đất, có lúc lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Có lúc Định « rùng mình » vì cảm thấy tại sao mình lại làm quá chậm thế ! ...Hai mươi phút đã trôi qua. Tiếng còi chị Thao rúc lên,, Định cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi vào dây mìn. … tiếng không khí. Đất rơi lộp bộp. Bom nổ váng óc, ngực đau nhói, đôi mắt cay mãi mới mở ra được. Mồ hôi thấm vào môi, cát lạo xạo trong miệng. Nguy hiểm, căng thẳng không thể nào kể xiết… .Chị Thao vấp ngã, Nho bị thương. Bom nổ, hầm sập, chị Thao và Định phải moi đất bế Nho lên. Máu túa ra, ngấm vào đất »…Định rửa vết thương cho Nho, tiêm thuốc, pha sữa cho Nho, chị Thao nghẹn ngào….  + Cuộc sống và chiến đấu ở chiến trường thật gian khổ, nguy hiểm và luôn căng thẳng nhưng họ vẫn bình tĩnh, chủ động, luôn lạc quan yêu đời. Phương Định cho biết : « Tôi có nghĩ đến cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể…. ».  =>Phải nói rằng trong đoạn văn trả cảnh phá bom trên cao điểm, Lê Minh Khuê đã sử dụng bút pháp hiện thực để tái hiện lại cảnh phá bom vô cùng nguy hiểm, dựng nên một tượng đài về khí phách anh hùng lẫm liệt của tổ trinh sát mặt đường từ những con người bằng xương bằng thịt. Chị Thao, Nho, Định như những ngôi sao xa xôi sáng người lên những sắc xanh trong khói lửa đạn bom. Chiến công thầm lặng của họ bất tử với năm tháng và lòng người như những nữ anh hùng ngã ba Đồng Lộc :  *« Đất nước mình nhân hậu*  *Có nước trời xoa dịu vết thương đau*  *Em nằm dưới đất sâu*  *Như khoảng trời đã nằm yên trong đất*  *Đêm đêm, tâm hồn em toả sáng*  *Những vì sao người chói, lung linh…*  *(*Khoảng trời hố bom – Lâm Thị Mỹ Dạ*)*  - Họ đều là những cô gái trẻ với cuộc sống nội tâm phong phú đáng yêu : dễ cảm xúc, nhiều mơ ước, hay mơ mộng, dễ vui, dễ buồn. Họ thích làm đẹp cho cuộc sống của mình, ngay cả trong hoàn cảnh chiến trường ác liệt. Nho thích thêu thùa, chị Thao chăm chép bài hát, Định thích ngắm mình trong gương, ngồi bó gối mơ mộng và hát… Cả ba đều chưa có người yêu, đều sống hồn nhiên tươi trẻ. Không lúc nào họ không nhớ về Hà Nội. Một trận mưa đá bất ngờ trở thành nỗi nhớ : « mà tôi nhó một cái gì đấy, hình như mẹ tôi, cái cửa sổ, hoặc những ngôi sao to trên bầu trời thành phố ». Nỗi nhớ ấy chính là sự nối dài, quá khứ, hôm nay và khát vọng mai sau.  - Những kỉ niệm sống dậy như những khoảng sáng trong tâm hồn trong trẻo, ngây thơ, dịu dàng. Những xúc cảm hồn nhiên như nguồn sống, điểm tựa, giúp họ thêm vững vàng, sức mạnh vượt qua những khó khăn tưởng chừng như không thể vượt qua nổi. « Khoảng trời xanh » trong thơ « Phạm Tiến Duật » và khoảng trời xanh của kí ức như có sức mạnh vô hình đặc biệt là trong tâm hồn những trí thức trên đường ra trận.  => Quả thực, đó là những cô gái mang trong mình những tính cách tưởng như không thể cùng tồn tại : vô cùng gan dạ, dũng cảm trong chiến đấu mà vẫn hồn nhiên, vô tư trong cuộc sống. Những người như họ thật đáng trân trọng biết bao ! |
| **b) Điểm riêng** |
| - Mỗi người thể hiện cái chung đó theo cách riêng của mình.  + Chị Thao, tổ trưởng, ít nhiều có từng trải hơn, mơ ước và dự tính về tương lai có vẻ thiết thực hơn, nhưng cũng không thiếu nhưng khát khao và rung động của tuổi trẻ. « *Áo lót của chị cái nào cũng thêu chỉ màu ».Chị lại hay tỉa đôi lông mày của mình, tỉa nhỏ như cái tăm*. Nhưng trong công việc, ai cũng gờm chị về tính cương quyết, táo bạo. ĐẶc biệt là sự « *bình tĩnh đến phát bực* » : máy bay địch đến nhưng chị vẫn « *móc bánh quy trong túi, thong thả nhai* ». Có ai ngờ con người dày dạn trước sự sống và cái chết hàng ngày như thế lại sợ máu, sợ vắt: « *thấy máu, thấy vắt là chị nhắm mắt lại, mặt tái mét* ».Và không ai có thể quên được chị hát : nhạc sai bét, giọng thì chua, chị chăm chép bài hát dù chẳng thuộc nhạc, giọng lại chua, chị không hát trôi chảy được bài nào nhưng chị lại có ba quyển sổ dày chép bài hát và rỗi là chị ngồi chép bài h át.  + Nho là một cô gái trẻ, xinh xắn, *« trông nó nhẹ, mát mẻ như một que kem trắng* », có « *cái cổ tròn và những chiếc cúc áo nhỏ nhắ*n » rất dễ thương khiến Phương Định « *muốn bế nó lên tay* ». Nho rất thích tắm suối ngay cả khi khúc suối đó đang chứa bom nổ chậm và rất hồn nhiên – cái hồn nhiên của trẻ thơ : « *vừa tắm ở dưới suối lên, cứ quần áo ướt, Nho ngồi, đòi ăn kẹo* ». Hồn nhiên là thế nhưng cô lại bình thản vô cùng khi bị thương : « *Không chết đâu*. *Đơn vị đang làm đường kia mà. Việc gì phải khiến cho nhiều người lo lắng »*. Ngay cả lúc đau đớn như vậy nhưng gặp mưa đá, Nho vẫn nhổm dậy, môi hé mở xoè tay xin mấy viên đá mưa : « N*ào, mày cho tao mấy viên nữa* ». Đặc biệt, khi máy bay giặc đến thì chiến đấu rất dũng cảm, hành động thật nhanh gọn : « Nho cuộn tròn cái gối, cất nhanh vào túi », Nho quay lưng lại chúng tôi, chụp cái mũ sắt lên đầu » … Và trong một lần phá bom, cô đã bị sập hầm, đất phủ kín lên người. Có lẽ với những người con gái ấy, sự sống luôn cao hơn cái chết.  + Phương Định là cô gái để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong lòng ta. Phương Định cũng trẻ trung như Nho là một cô học sinh thành phố xinh đẹp, dũng cảm trong lửa đạn, giàu yêu thương đồng đội. Cô rất nhạy cảm và hồn nhiên, thích mơ mộng và hay sống với những kỉ niệm của tuổi thiếu nữ vô từ về gia đình và về thành phố của mình. (d/c). Ở đoạn cuối truyện, sau khi trận mưa đá tạnh, là cả một dòng thác kỉ niệm về gia đình, về thành phố trào lên và xoáy mạnh như sóng trong tâm trí cô gái. Có thể nói đây là những nét riêng của các cô gái trẻ Hà Nội vào chiến trường tham gia đánh giặc, tuy gian khổ nhưng vẫn giữ được cái phong cách riêng của người Hà Nội, rất trữ tình và đáng yêu.  **\* Nhận xét:** Những nét riêng đó đã làm cho các nhân vật sống hơn và cũng đáng yêu hơn. Trái tim đỏ rực của họ là *“ những ngôi sao xa xôi*” mãi mãi lung linh, toả sáng. |
| **Đánh giá:** | **Cảm nghĩ về thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mỹ:**  Qua nhân vật Phương Định và các cô gái thanh niên xung phong, Lê Minh Khuê đã gợi cho người đọc hình dung được phẩm chất tốt đẹp của thế hệ trẻ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ . Họ phải sống và chiến đấu rất gian khổ, hiểm nguy. Đó là những chàng trai, cô gái trẻ, dũng cảm, hiến dâng cả cuộc đời thanh xuân cho đất nước, sẵn sàng hy sinh tính mạng để hoàn thành nhiệm vụ . Họ có một thế giới nội tâm phong phú, đa dạng và rất trong sáng . Đặc biệt , những hình ảnh cao đẹp của các cô thanh niên xung phong trong truyện “Những ngôi sao xa xôi” tiêu biểu cho dân tộc Việt Nam , cho thế hệ trẻ trong những năm tháng hào hùng của Tổ quốc. |
| **3. Kết bài** | - Chiến tranh đã qua đi, sau hơn ba mươi năm, nhưng đọc truyện “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê, ta như được sống lại những năm tháng hào hùng của đất nước. Nhà văn khiến lòng ta sống lại hình ảnh tuyệt đẹp và những chiến công phi thường của tổ trinh sát mặt đường, của Định, của Nho, của Thao, của hàng ngàn, hàng vạn cô thanh niên xung phong thời chống Mĩ. Chiến công thầm lặng của họ mãi mãi là một bài ca bất tử. |

|  |
| --- |
| **3. Ôn tập văn học Trung đại** |
| Người con gái Nam Xương |
| Chuyện cũ trong phủ chúa Trịnh |
| Hoàng Lê Nhất thống chí |
| Truyện Kiều |
| Lục Vân Tiên |

**BÀI 1: CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG**

**(Nguyễn Dữ)**

**Đề luyện tập:**

|  |
| --- |
| **Đề 1:** Phân tích nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ.  **Đề 2:** Phân tích một số chi tiết trong Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ.  **Đề 3:** Có ý kiến cho rằng: so với truyện dân gian Vợ chàng Trương, Nguyễn Dữ đã có rất nhiều sáng tạo khi viết Chuyện người con gái Nam Xương. Em hãy phân tích truyện để làm sáng tỏ nhận xét trên.  **Đề 4:** Nhận xét về giá trị nhân đạo trong Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ. |

***Hướng dẫn làm bài:***

**Đề 1:** Phân tích nhân vật Vũ Nương trong tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ.

\* Phân tích đề:

- Thể loại: Nghị luận về một nhân vật văn học.

- Phạm vi kiến thức: tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ, tham khảo thêm bài thơ Lại viếng Vũ Thị của Lê Thánh Tông, Thần tích đền bà Vũ do Hàn lâm viện, Đông các họa sĩ Nguyễn Bính soạn năm 1470.

***Dàn ý***

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Nguyễn Dữ là nhà văn nổi tiếng ở thế kỉ XVI với tác phẩm Truyền kì mạn lục, trong đó Chuyện người con gái Nam Xương là một trong những truyện tiêu biểu.  - Truyện viết về nàng Vũ Nương, một người phụ nữ đẹp người, đẹp nết nhưng lại có số phận bất hạnh khổ đau. |
| **2. Thân bài** |  |
| a) Vũ Nương là một người phụ nữ đẹp người, đẹp nết. | |
|  | Vũ Nương là một người phụ nữ có "tư dung tốt đẹp", tính tình hiền dịu , nết na. Chàng Trương Sinh đã mến dung hạnh của nàng nên đã xin mẹ trăm lạng vàng để cưới nàng về làm vợ.  - Nàng là người vợ thủy chung, khuôn phép:  + Khi lấy Trương Sinh, biết chồng có tính hay ghen, đa nghi, nàng biết"giữ gìn khuôn phép"nên gia đình lúc nào cũng đầm ấm hạnh phúc.  + Khi chia tay chồng đi lính, nàng đã thể hiện tình cảm yêu thương, thủy chung để chàng yên tâm ra trận.  + Khi chồng vắng nhà, nàng rất buồn, cô đơn, nhớ chồng. Nàng đã không "tô son điểm phấn", không "ngõ liễu tường hoa", một lòng thủy chung, đợi chờ chồng.  - Vũ Nương còn là một người phụ nữ đảm đang tháo vát. Trương Sinh đi lính để lại gánh nặng gia đình cho Vũ Nương chèo chống. Nàng đã một mình nuôi dạy con thơ, chăm sóc mẹ già chu đáo.  - Vũ Nương còn là người con dâu hiếu nghĩa:  + Khi mẹ chồng ốm, nàng" hết sức thuốc thang ,lễ bái thần Phật và lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn". Mẹ chồng hiểu được tấm lòng của Vũ Nương nên bà rất cảm động và biết ơn nàng.  + Khi mẹ chồng mất, nàng hết lòng thương xót, lo ma chay, tế lễ chu toàn. Nàng đối xử hết lòng với mẹ chồng chẳng khác nào như đối với cha mẹ ruột của mình vậy.  - Vũ Nương là người luôn nặng tình, nặng nghĩa với gia đình, quê hương:  + Ở thủy cung, nàng có cuộc sống sung sướng cả về vật chất và tinh thần. Nhưng nàng đã có suy nghĩ"Thà già ở chốn làng mây cung nước" chứ không quay trở lại trần gian nữa.  + Nhưng khi gặp Phan Lang, được nghe kể về phần mộ tổ tiên, về sự day dứt ân hận của Trương Sinh, nàng đã khóc và nói có ngày sẽ quay trở về.  Tóm lại,Vũ Nương là một người phụ nữ vẹn toàn mang vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam với những phẩm chất đạo đức cao quý của người vợ, người mẹ, người con.một người như vậy đáng lẽ phải được hưởng hạnh phúc đầm ấm. |
| **b) Nỗi oan khuất và cái chết bi thảm của Vũ Nương.** | |
|  | Nỗi oan khuất của Vũ Nương:  + Nỗi oan của nàng xuất phát từ lời con trẻ về cái bóng, bị chồng nghi oan mà không được giãi bày.  + Nghe lời con thơ"có một người đàn ông, đêm nào cũng đến", sự ghen tuông nghi ngờ trong đầu Trương Sinh bùng nổ. Chàng cứ đinh ninh là vợ hư thân rồi la mắng vợ nhưng lại giấu không cho biết câu chuyện này ai nói với chàng.  + Chàng không tin những lời thanh minh của vợ và những lời can khuyên của hàng xóm, tiếp tục đánh đập và đuổi Vũ Nương đi.  Như vậy, Vũ Nương bị chồng nghi oan mà không cách nào gỡ giải được. Nàng bị mang tiếng là hư thân, một điều mà xã hội đó không thể dung thứ . Nàng còn đau khổ vì tất cả hạnh phúc gia đình, tình yêu và lòng thủy chung mà lành gìn giữ , xây đắp bao ngày đã bị Trương Sinh làm tan vỡ không thể lấy lại. Vũ Nương bị dồn đến đường cùng, tuyệt vọng, không lối thoát.  - Cái chết bi thảm của Vũ Nương:  + Nàng chỉ biết tìm đến cái chết để Minh oan cho sự trong trắng của mình. Lời than trên bến Hoàng Giang cũng là lời thề ai oán, là hành động quyết liệt cuối cùng để bảo vệ danh dự,thể hiện nỗi đau khổ tột cùng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến:"Kẻ bạc mệnh này duyên phận hẩm hiu, chồng con rẫy bỏ, điều đâu bay buộc , tiếng chịu nhuốc nhơ, thần sông có linh, xin ngài chứng giám. Thiếp nếu đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn lòng, vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu mĩ. Nhược bằng lòng chim dạ cá, lừa chồng dối con, dưới xin làm mồi cho cá tôm, trên xin làm cơm cho diều quạ, và xin chịu khắp mọi người phỉ nhổ".  + Cái chết của nàng Vũ Nương là do sự ghen tuông mù quáng của Trương Sinh, do chiến tranh phong kiến phi nghĩa làm bao lứa đôi xa cách dễ nảy sinh lòng nghi kị hay chính là do quan niệm phong kiến trọng nam khinh nữ hà khắc, bất công không đảm bảo quyền sống cho người phụ nữ. Bất hạnh có thể xảy ra với họ bất cứ lúc nào, khiến họ phải chọn cõi chết làm chốn dung thân. Cái chết của nàng Vũ Nương vừa để lại nỗi thương cảm cho người đọc vừa mang ý nghĩa tố cáo sâu sắc xã hội phong kiến lúc bây giờ. |
| **c) Nghệ thuật xây dựng nhân vật.** | |
|  | - Nhân vật Vũ Nương được đặt vào nhiều tình huống: lấy Trương Sinh trái tính trái nết; Trương Sinh đi lính để gánh nặng gia đình cho Vũ Nương; Trương Sinh đi lính trở về nghi oan cho Vũ Nương,... từ đó, thể hiện số phận bất hạnh và những phẩm chất tốt đẹp của nhân vật.  - Chi tiết chọn lọc, ngôn ngữ đối thoại và tự bạch phù hợp, yếu tố hoang đường, kì ảo mang đặc trưng của thể loại truyền kì và thể hiện ước vọng của nhân dân về kết thúc có hậu cho số phận nhân vật. |
| **3. Kết bài** | - Vũ Nương tiêu biểu cho phẩm chất tốt đẹp và số phận bi thảm của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến.  - Nhân vật Vũ Nương để lại trong lòng người đọc nỗi thương cảm và xúc động sâu sắc. |

**Đề 2:** Phân tích một số chi tiết trong Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ.

***Dàn ý***

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | Ai đó đó đã từng nói: chi tiết nghệ thuật là hạt bụi vàng của tác phẩm. Nó có thể nhỏ bé như một hạt cát nhưng đủ để độc giả hình dung về một sa mạc mênh mông. Chi tiết nghệ thuật có thể chỉ như một giọt nước nhưng gợi được biển cả vô cùng vô tận. Trong truyện “ Chuyện người con gái Nam Xương”- Nguyễn Dữ có nhiều “ hạt bụi vàng” như thế. |
| **2. Thân bài** |  |
| **1. Hình ảnh chiếc bóng trên vách trong Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ là một chi tiết nghệ thuật đặc sắc.** | |
|  | a) Chi tiết: chiếc bóng của nàng Vũ Nương  - Hoàn cảnh xuất hiện: trong đêm tối, Vũ Nương hay trỏ vào chiếc bóng của mình trên vách và bảo con đó là cha Đản.  - Về nội dung: chiếc bóng thể hiện tình yêu thương của Vũ Nương đối với con và tình yêu đối với chồng (vợ chồng như hình với bóng) và khát vọng sum họp gia đình.  - Về nghệ thuật: đây là chi tiết thắt nút truyện, chiếc bóng có ý nghĩa gieo oan. Nhưng nhà văn không để Trương Sinh nhận ra từ đầu mà đến khi Vũ Nương không còn nữa, chàng mới vỡ lẽ nỗi hàm oan của vợ . Bằng cách đó, chuyện có ý nghĩa bộc lộ tận cùng sự độc đoán, chuyên quyền, vũ phu đã làm tê liệt lý trí,giết chết tình người và dẫn đến bi kịch của Trương Sinh cũng như của chế độ phụ quyền phong kiến bất công.  b) Chi tiết: chiếc bóng của Trương Sinh  - Hoàn cảnh xuất hiện: khi Vũ Nương mất rồi, trong một đêm phòng không vắng vẻ, bé Đản đã trỏ vào chiếc bóng của chàng trên vách và bảo là cha Đản.  - Về nội dung: Trương Sinh hiểu ra nỗi oan của Vũ Nương. Chàng ân hận, day dứt.  - Về nghệ thuật: cách cởi nút truyện bất ngờ, gây sự hấp dẫn cho người đọc.  Chi tiết chiếc bóng là bài học cho những người đàn ông có tính ghen tuông, phải biết bình tĩnh, sáng suốt để giải quyết sự việc. Vì có được hạnh phúc đã là một điều khó khăn nhưng giữ được hạnh phúc còn khó khăn hơn nữa. Chiếc bóng còn là thông điệp cho chúng ta: đã yêu thương nhau, phải tin tưởng nhau, đừng để cái bóng rình rập, giết chết tình yêu hạnh phúc trong gia đình của mình. |
| **2. Chi tiết kỳ ảo ở phần kết thúc tác phẩm Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ và ý nghĩa của nó.** | |
|  | a) Chi tiết kỳ ảo ở cuối truyện  " Vũ Nương ngồi trên một chiếc kiệu hoa đứng ở giữa dòng, theo sau có đến năm mươi chiếc xe cờ tán, võng lọng, rực rỡ đầy song, lúc ẩn, lúc hiện". Nàng nói vọng vào tạ từ chồng:" Thiếp cảm ơn đức của Linh Phi, đã thề sống chết cũng không bỏ. Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa", "rồi trong chốc lát, bóng nàng loang loáng mờ nhạt dần mà biến đi mất".  b) Ý nghĩa  - Hoàn chỉnh nét đẹp vốn có của nhân vật Vũ Nương: dù sống ở thế giới khác nhưng vẫn nặng tình với gia đình, quê hương, vẫn khao khát được sum họp, được phục hồi danh dự .  - Tạo nên một kết thúc có hậu: những người có phẩm chất tốt đẹp như nàng Vũ Nương gặp oan khuất nhất định sẽ được giải oan. Đó là ước mơ ngàn đời của nhân dân ta về sự công bằng trong cuộc đời.  - Thức tỉnh người đọc về bi kịch trong truyện: mọi điều tốt đẹp ở chốn thủy cung chỉ là ảo ảnh, người chết không thể sống lại, gia đình vẫn không được đoàn tụ, sự ân hận muộn màng của Trương Sinh vẫn không cứu vãn nổi hạnh phúc. Tính bi kịch vẫn tiềm ẩn trong cái lung linh kì ảo. Điều đó một lần nữa khẳng định niềm cảm thương của tác giả đối với số phận bi thảm của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.  - Ý nghĩa tố cáo hiện thực cuộc sống bất công, con người đức hạnh không thể bảo vệ được hạnh phúc chính đáng của mình. |
| **3. Kết bài** | Mỗi tác phẩm văn học xuất sắc giống như một “tảng băng trôi” (Ernest Hemingway) ôm chứa trong lòng nó biết bao giá trị tiềm ẩn. Những chi tiết đắt giá có ý nghĩa như tấm gương soi giúp người đọc nhìn thấu vẻ đẹp và giá trị tiềm ẩn đó. |

**Đề 3:** Có ý kiến cho rằng: so với truyện dân gian Vợ chàng Trương, Nguyễn Dữ đã có rất nhiều sáng tạo khi viết Chuyện người con gái Nam Xương. Em hãy phân tích truyện để làm sáng tỏ nhận xét trên.

\* Phân tích đề:

- Thể loại: phân tích một tác phẩm văn học để làm sáng rõ một nhận định.

- Phạm vi kiến thức: Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ.

***Dàn ý***

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Nguyễn Dữ là nhà văn nổi tiếng ở thế kỉ XVI với tác phẩm Truyền kì mạn lục mà tiêu biểu là Chuyện người con gái Nam Xương.  - Có ý kiến cho rằng: so với truyện dân gian Vợ chàng Trương, Nguyễn Dữ đã có rất nhiều sáng tạo khi viết Chuyện người con gái Nam Xương. |
| **2. Thân bài** | Phân tích,chứng minh sự sáng tạo trong Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ. |
| **a) Về nội dung** | |
|  | - Chi tiết Trương Sinh xin mẹ trăm lạng vàng cưới nàng Vũ Nương về làm vợ gợi ra ý nghĩa về một cuộc hôn nhân mua bán. Đó là mầm mống cho những bi kịch sau này của gia đình Vũ Nương.  - Khác với cái chết bột phát trong truyện cổ tích, Nguyễn Dữ để Vũ Nương chết rất tỉnh táo và lí trí, vì thế ý nghĩa tố cáo sự bất công của xã hội phong kiến sâu sắc hơn.  - Chi tiết chiếc bóng trên tường gieo oan rồi giải oan làm người đọc không chỉ hiểu được vẻ đẹp của nàng Vũ Nương mà còn thấy sự hấp dẫn, cuốn hút của truyện. Chiếc bóng đó lẽ ra phải xuất hiện từ đầu truyện. Nhưng phải đến gần cuối truyện từ chiếc bóng của chính mình , Trương Sinh mới hiểu ra chiếc bóng oan khiên của vợ.  - Đoạn truyện Vũ Nương ở thủy cung mang chất truyền kỳ có ý nghĩa: tiếp tục làm hoàn chỉnh vẻ đẹp của nàng Vũ Nương, tạo sự hấp dẫn cho câu chuyện, tạo kết thúc truyện có hậu: người tốt gặp oan khuất nhất định sẽ được giải oan. |
| **b) Về nghệ thuật** | |
|  | - Xây dựng tình huống kịch tính; cốt truyện mạch lạc chặt chẽ, xây dựng nhân vật mang nét điển hình, yếu tố kì ảo hấp dẫn…  - Sự sáng tạo không chỉ làm nội dung truyện tăng ý nghĩa nhân văn mà còn cho thấy tài năng trong nghệ thuật viết truyện của nhà văn, góp phần làm nên sự thành công cho tác phẩm. |
| **3. Kết bài** | - Quả thực so với truyện dân gian Vợ chàng Trương, Nguyễn Dữ đã có rất nhiều sáng tạo khi viết Chuyện người con gái Nam Xương.  - Khâm phục tài viết truyện của Nguyễn Dữ. |

**Đề 4:** Nhận xét về giá trị nhân đạo trong Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ.

***Dàn ý***

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Nguyễn Dữ là nhà văn nổi tiếng ở thế kỷ XVI với tác phẩm Truyền kì mạn lục, trong đó tiêu biểu là Chuyện người con gái Nam Xương. Dựa trên cốt truyện dân gian , Nguyễn Dữ đã lên tiếng tố cáo chiến tranh phong kiến phi nghĩa, những cổ tục nghiệt ngã; đồng thời thể hiện niềm cảm thương sâu sắc trước thân phận con người nói chung, người phụ nữ nói riêng trong xã hội phong kiến; trân trọng và đề cao những vẻ đẹp của người phụ nữ…  - Điều đó đã thể hiện giá trị nhân đạo sâu sắc của thiên truyện. |
| **2. Thân bài** |  |
| **a) Giải thích.** | |
|  | - Giá trị nhân đạo trong tác phẩm văn học:  + Hiểu một cách chung nhất, nhân đạo là lòng yêu thương con người.  + Một tác phẩm văn học có giá trị nhân đạo là khi tác phẩm đó thể hiện sự trân trọng, đề cao con người từ vẻ đẹp hình thức, phẩm chất đến những ước mơ, khát vọng chân chính. Nhà văn phải thể hiện thái độ bênh vực, cảm thông sâu sắc trước những nỗi đau khổ của con người, lên tiếng tố cáo tội ác của những thế lực tàn bạo chà đạp lên quyền sống chính đáng của con người.  - Giá trị nhân đạo là một trong những yếu tố quan trọng làm nên thành công cho Chuyện người con gái Nam Xương. |
| **b) Phân tích** | |
|  | Giá trị nhân đạo trong truyện là sự trân trọng đề cao con người từ vẻ đẹp hình thức, phẩm chất đến những ước mơ, những khát vọng chân chính:  - Nàng Vũ Nương đẹp về hình thức: "từ dùng tốt đẹp".  - Làm Vũ Nương đẹp về phẩm chất, tâm hồn:  + Nàng là người phụ nữ trong trắng, thủy chung.  + Nàng là người mẹ yêu con, người vợ đảm đang tháo vát.  + Nàng là người con dâu hiếu nghĩa .  + Nàng còn là người nặng tình, nặng nghĩa với gia đình quê hương.  Đặt trong xã hội phong kiến, người phụ nữ bị rẻ rúng coi thường, Nguyễn Dữ đã trân trọng đề cao vẻ đẹp của Vũ Nương( cả khi nàng đã sang một thế giới khác). Đó chính là ý nghĩa nhân văn, là nét bút thần diệu để viết lên áng" thiên cổ kì bút".  - Giá trị nhân đạo trong truyện còn là niềm thương cảm sâu sắc trước những nỗi đau khổ của con người.  + Trong suốt đoạn truyện Vũ Nương sống ở trần gian, Nguyễn Dữ luôn thể hiện một thái độ yêu thương, đồng cảm với nỗi vất vả mà người phụ nữ phải chịu đựng: phải gánh vác giang sơn nhà chồng, chăm sóc mẹ già con dại khi chồng đi xa ; chồng độc đoán, chuyên quyền, vũ phu, hay ghen, đa nghi; nỗi oan khiên và cái chết bi thảm của nàng. Lời văn đọc lên cho thấy sự xót xa, đau đớn của Nguyễn Dữ thấm vào trong từng câu chữ.  + Khi nàng sống ở thủy cung, với chất truyền kì huyền diệu, Nguyễn Dữ đã nói lên ước mơ mà người phụ nữ luôn khao khát trong tương lai: một cuộc sống tốt đẹp hơn. Dẫu chỉ là khát vọng nhưng điều đó đã nói lên được tấm lòng, trái tim chan chứa tình yêu thương của nhà văn.  - Giá trị nhân đạo trong truyện là sự tố cáo lên án những thế lực tàn bạo, tố cáo những cổ tục nghiệt ngã có trong xã hội phong kiến.  + Truyện hôn nhân không phải bằng tình yêu lứa đôi khi mà bằng trao đổi mua bán cho thấy thân phận người phụ nữ nhỏ nhoi, phụ thuộc.  + Quan niệm trọng nam khinh nữ khắc nghiệt, coi nam quyền là tuyệt đối, nên sự ghen tuông mù quáng của Trương Sinh đã gián tiếp giết chết Vũ Nương.  + Khi Vũ Nương bị nghi oan không thể tỏ bày, phải tự tử để khẳng định phẩm giá của mình, Nguyễn Dữ đã không để Vũ Nương chết bột phá trong cơn phẫn uất như câu chuyện cổ tích Vợ chàng Trương mà chết rất tỉnh táo và lý trí, khiến sức tố cáo phê phán trong tác phẩm càng sâu sắc hơn. Xã hội phong kiến hà khắc không cho người phụ nữ một con đường sống, họ phải chậm có chết làm chốn dung thân.  - Tố cáo chiến tranh phi nghĩa góp phần gây ra sự đau khổ, tan vỡ của những mái ấm gia đình.  **\* Đánh giá:** Những bất công ngang trái của xã hội phong kiến đã làm người phụ nữ không được sống hạnh phúc, quyền sống cũng không được đảm bảo, bất hạnh, khổ đau có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Nguyễn Dữ đã mạnh mẽ lên tiếng bênh vực cho người phụ nữ và tố cáo lên án sự bất công trong xã hội. Đây cũng là một trong những nét bút thần diệu để Chuyện người con gái Nam Xương của Nguyễn Dữ vẫn còn nguyên sự hấp dẫn người đọc ngày nay. |
| **3. Kết bài** | - Giá trị nhân đạo trong truyện không chỉ bộc lộ thái độ viết truyện của nhà văn mà còn là vẻ đẹp của tác phẩm để tạo nên sự cuốn hút và hấp dẫn. Tác phẩm đã giáo dục chúng ta lòng yêu thương con người sâu sắc, quyết tâm sống và đấu tranh vì quyền sống và hạnh phúc của con người.  - Giá trị nhân đạo là một trong những yếu tố quan trọng góp phần làm nên sự thành công cho Chuyện người con gái Nam Xương- một tác phẩm tiêu biểu trong " thiên cổ kỳ bút" Truyền kì mạn Lục. |

**BÀI 2: HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ**

**HỒI THỨ 14**

**(Ngô gia văn phái)**

**Đề bài luyên tập:** Phân tích hình tượng người anh hùng Quang Trung- Nguyễn Huệ trong tác phẩm Hoàng Lê nhất thống chí, hồi thứ 14 của Ngô gia văn phái.

***Dàn ý***

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Giới thiệu đôi nét về tác giả, tác phẩm.  - Giới thiệu nhân vật: ở hồi thứ 14 của tác phẩm Hoàng Lê nhất thống chí, các tác giả đã tái hiện sinh động,chân thực hình ảnh người anh hùng dân tộc Nguyễn Huệ qua chiến công thần tốc đại phá quân Thanh. Đó là người anh hùng áo vải vừa có tài thao lược vừa luôn hết lòng vì nước, vì dân. Hình tượng Quang Trung-Nguyễn Huệ đã đi vào những trang viết của nhóm tác giả Ngô gia như một hình ảnh đẹp tiêu biểu cho sức mạnh quật cường của dân tộc Việt Nam. |
| **2. Thân bài** |  |
| **a) Quang Trung-Nguyễn Huệ là con người hành động mạnh mẽ, quyết đoán.** | |
|  | - Nghe tin giặc đã đánh chiếm đến tận Thăng Long, chiếm cả một vùng đất rộng lớn, Nguyễn Huệ vẫn không hề nao núng," định thân chinh cầm quân đi ngay".  - Sau đó, chỉ trong vòng một tháng(từ 24 tháng 11 đến 30 tháng chạp), Nguyễn Huệ đã làm bao việc lớn:"Tế cáo trời đất", lên ngôi hoàng đế, đốc suất đại binh ra Bắc. Gặp gỡ người Cống sĩ ở La Sơn, tuyển mộ lính"chưa mấy lúc đã được hơn một vạn quân tinh nhuệ"rồi mở cuộc duyệt binh lớn ở Nghệ An, phủ dụ tướng sĩ; định kế hoạch hành quân,đánh giặc và kế hoạch đối phó với nhà Thanh sau khi chiến thắng. |
| **b) Quang Trung-Nguyễn Huệ là một con người có trí tuệ sáng suốt, sâu sắc và nhạy bén.** | |
|  | Nguyễn Huệ đã sáng suốt trong quyết định lên ngôi hoàng đế để lấy niên hiệu là Quang Trung.  - Sáng suốt trong nhận định tình hình địch và ta: qua lời dụ tướng sĩ trước lúc lên đường ở Nghệ An, vua Quang Trung đã khẳng định rõ chủ quyền dân tộc và vạch trần hành động xâm lăng phi nghĩa, trái đạo trời của giặc cũng như dã tâm của chúng. Lời phủ dụ quân lính của ông thực chất là bài hịch ngắn gọn mà ý tứ thật phong phú, sâu xa, có tác dụng kích thích mạnh mẽ lòng yêu nước và truyền thống quật cường của dân tộc. Nhà vua đã đặt lợi ích quốc gia và dân chúng lên trên hết khiến binh sĩ thêm cảm phục và càng mài sắc lòng quyết tâm đánh đuổi giặc đến cùng.  - Trí tuệ sáng suốt trong xét đoán và dùng người: Khi tới Tam Điệp, tướng Sở và Lân ra đón và mang gươm trên lưng xin chịu tội, vị chủ tướng hiểu rõ luật binh pháp phải xử lý"quân thua chém tướng" nhưng ông đã xử trí vừa thấu lý vừa đạt tình. Đối với ông, không có luật nào trái được nhân tâm. Ông hiểu rõ sở trường, sở đoản của các tướng sĩ, khen chê đều đúng người, đúng việc, bình công, luận tội rõ ràng. Cách hiểu người, dùng người đến mức tri kỉ, tri ân như thế không phải người cầm quân nào cũng có được. |
| **c) Quang Trung- Nguyễn Huệ là vị tướng mưu lược, có tầm nhìn xa trông rộng.** | |
|  | - Quân Thanh còn đang ở Thăng Long, gần hết Bắc Hà đang nằm trong tay chúng, vừa lên ngôi hoàng đế, Quang Trung đã tự tin với"Phương lược tiến đánh đã có tính sẵn. Chẳng qua mươi ngày có thể đuổi được người Thanh".  - Mục đích lớn hơn hết của vị vua yêu nước thương dân là hai nước hòa bình, người dân không phải chịu cảnh binh đao,máu lửa nên ông đã tính sẵn cả kế hoạch ngoại giao sau khi chiến thắng một nước"lớn gấp mười nước mình" để có thể giữ yên bình cuộc sống cho dân"cho ta được yên ổn mà nuôi dưỡng lực lượng". Quang Trung cũng đã tính toán, lựa chọn cả người thực hiện kế hoạch ấy không ai khác là Ngô Thì Nhậm. |
| **d) Quang Trung - Nguyễn Huệ là vị hoàng đế oai phong, lẫm liệt, có tài điều binh khiển tướng như thần.** | |
|  | - Tướng của Quang Trung đi dụng binh ở Nghệ An cứ hai tráng lấy một người mà chẳng mấy chốc đã có một đội quân tinh nhuệ lên tới vạn người. Sử sách cũng ghi lại cuộc hành binh thần tốc của nghĩa quân Tây Sơn do Quang Trung chỉ huy bắt đầu từ ngày 25 tháng chạp xuất quân tại Phú Xuân (Huế) mà 29 đã tới Nghệ An trong khi phải vượt khoảng 350 km qua núi, qua đèo, đêm 30 tháng chạp đã lập tức lên đường và khẳng định chắc chắn kế hoạch"hẹn ngày mồng 7 tháng giêng, ta sẽ vào Thăng Long mở tiệc ăn mừng". Trên thực tế, Quang Trung đã chiến thắng trước hai ngày so với kế hoạch.  - Đẹp nhất trong tác phẩm là hình ảnh vị hoàng đế cưỡi voi ra trận. Trong lịch sử phong kiến Việt Nam đã có không ít vị vua thân chinh cầm quân ra trận nhưng làm tổng chỉ huy chiến dịch thực sự, một nhà hoạch định phương lược tiến đánh và tự mình tổ chức quân sĩ rồi trực tiếp chỉ huy một mũi tiến công, cưỡi voi đi đốc thúc, xông pha tên đạn, bày mưu tính kế,... chỉ có Quang Trung.  - Tài dùng binh của vua Quang Trung cũng biến hóa như thần. Ông đánh bao vây, chia cắt địch, chủ động tạo yếu tố bất ngờ làm cho đối phương rơi vào tình thế bị động không kịp trở tay.  + Đến đồn Hà Hồi rồi lặng lẽ bao vây, mãi đến khi ông cho quân lính bắc loa truyền gọi, quân lính trong đồn mới biết nên"ai nấy rụng rời sợ hãi liền xin ra hàng, lương thực, khí giới đều bị quân Nam lấy hết".  + Nhưng đến đồn Ngọc Hồi, cửa ngõ kinh thành Thăng Long, ông lại thay đổi chiến thuật chuyển sang đánh áp đảo đối phương ngay từ phút đầu. Ông dùng rơm và ván, đơn giản nhưng sáng tạo nên đã tạo ra lá chắn cho đại quân vẫn đội hình ấy dàn chữ Nhất tiến lên. Trước kế sách thiên biến vạn hóa của Quang Trung, đại quân của địch rơi vào tình thế như gà mắc tóc, tướng ở trên trời xuống, quân chui dưới đất lên. Giữa cảnh"khói tỏa mù trời, cách gang tấc không thấy gì"nổi bật hình ảnh nhà vua mặc áo hoàng bào"cưỡi voi đi đốc thúc"thật oai phong, lẫm liệt. |
| **3. Kết bài** | - Với quan điểm đứng trên lập trường chính nghĩa, hồi thứ 14 đã tái hiện chân thực hình ảnh vua Quang Trung đại phá quân Thanh.hoàng đế Quang Trung trở thành linh hồn của nghĩa quân Tây Sơn và cũng là người tạo nên những trận đánh thần tốc có một không hai trong lịch sử, lập nên chiến công vĩ đại, ghi mốc son chói lọi ghi vào trang sử vàng bất khuất của dân tộc. Ông đã trở thành biểu tượng của đạo lí Việt Nam , tài trí và sức mạnh Việt Nam.  - Nghệ thuật khắc họa vẻ đẹp nhân vật : lối văn biền ngẫu kết hợp với những chi tiết hết sức chân thực sống động, cách kể chuyện, miêu tả linh hoạt, cách khắc họa chân dung nhân vật sắc sảo. |

**BÀI 3: TRUYỆN KIỀU**

**(Nguyễn Du)**

**Đề bài luyện tập:**

|  |
| --- |
| **Đề 1:** Đề bài:phân tích đoạn trích Chị em Thúy Kiều để thấy tài năng miêu tả bậc thầy của Nguyễn Du.  **Đề 2:** Trong cảnh ngày xuân (Truyện Kiều) của Nguyễn Du đã làm tái hiện lại không khí lễ hội du xuân qua đoạn thơ sau:  **Đề 3:** Phân tích nghệ thuật tả cảnh, tả người của Nguyễn Du trong Truyện Kiều  **Đề 4:** Thế nào là nghệ thuật tả cảnh ngụ tình? Phân tích 8 câu cuối trong đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích để thấy được nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du.  **Đề 5:** phân tích cảm hứng nhân văn trong các đoạn trích Chị em Thúy Kiều, Kiều ở lầu Ngưng Bích trong Truyện Kiều của Nguyễn Du. |

***Hướng dẫn làm bài:***

**Đề 1:** Đề bài:phân tích đoạn trích Chị em Thúy Kiều để thấy tài năng miêu tả bậc thầy của Nguyễn Du.

***Dàn ý***

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Nguyễn Du là thiên tài văn học, danh nhân văn hóa, nhà nhân đạo chủ nghĩa,có đóng góp to lớn đối với sự phát triển của văn học Việt Nam. Truyện Kiều là kiệt tác văn học, kết tinh tài năng nghệ thuật của Nguyễn Du.  - Đoạn trích Chị em Thúy Kiều nằm ở phần đầu tác phẩm Truyện Kiều đã cho thấy tài năng miêu tả bậc thầy của Nguyễn Du. |
| **2. Thân bài** |  |
| a) Trong Truyện Kiều, Nguyễn Du đã rất thành công khi miêu tả nhân vật chính, nhân vật phụ, nhân vật chính diện, nhân vật phản diện. Đặc biệt miêu tả Thúy Kiều, Thúy Vân trong đoạn trích Chị em Thúy Kiều- nhân vật chính diện, Nguyễn Du đã sử dụng thành công bút pháp ước lệ tượng trưng. | |
|  | - Khi giới thiệu vẻ đẹp chung, Nguyễn Du đã chọn hình ảnh của mai và tuyết để tả cốt cách mảnh mai, yểu điệu , tinh thần trắng trong như tuyết của hai cô gái.  - Tả Thúy Vân, ông mượn hình ảnh mây, trăng, hoa, tuyết, ngọc để gợi lên vẻ đẹp đài các kiêu sa, đoan trang, dịu dàng, hài hòa với cảnh sắc thiên nhiên.  - Tả Thúy Kiều, ông mượn làn nước mùa thu, dáng núi mùa xuân để gợi ra một vẻ đẹp khiến cho thiên nhiên phải ganh tị hoa ghen, liễu hờn, một nhan sắc tuyệt thế giai nhân" nghiêng nước nghiêng thành"có một không hai.  Như vậy, mượn những hình ảnh ước lệ, tượng trưng, Nguyễn Du miêu tả được vẻ đẹp hoàn mĩ"mười phân vẹn mười"của các nhân vật. |
| b) Tài năng của Nguyễn Du còn thể hiện ở khả năng cá biệt hóa khi miêu tả chân dung hai cô gái. | |
|  | Cá biệt hóa trong cách thức miêu tả:  + Tả Vân, Nguyễn Du sử dụng nhiều chi tiết cụ thể: khuôn mặt, nét mày, nụ cười, giọng nói, làn da, mái tóc,...  + Tả Thúy Kiều, ông chỉ đặc tả một đôi mắt, chủ yếu tả theo hướng đánh giá khái quát bằng cách nói dân gian: sắc sảo mặn mà, nghiêng nước nghiêng thành…  Với hai cách thức miêu tả khác nhau , Kiều và Vân đi cùng"mười phân vẹn mười", nhưng ở mỗi cô gái lại có một vẻ riêng khác nhau.  - Cá biệt hóa trong cách so sánh tăng cấp : trong truyện của Thanh Tâm Tài Nhân, Kiều được miêu tả trước Vân. Trong đoạn thơ này, Nguyễn Du đã sáng tạo, tả vẻ đẹp của Thúy Vân trước để người đọc yêu mến và ấn tượng về vẻ đẹp của Thúy Vân . Sau đó lấy vẻ đẹp của Vân làm nền để tôn lên vẻ đẹp của Thúy Kiều- nhân vật chính trong truyện.  - Cá biệt hóa trong việc miêu tả chân dung gắn với dự cảm về số phận nhân vật: khi miêu tả nhân vật, Nguyễn Du không chỉ ca ngợi vẻ đẹp hình thức,phẩm chất tâm hồn của Kiều và Vân mà còn dự báo được số phận của nhân vật với một thái độ trân trọng yêu thương,... |
| **3. Kết bài** | - Thông qua đoạn trích Chị em Thúy Kiều,Nguyễn Du đã thể hiện tài năng bậc thầy trong nghệ thuật miêu tả.  - Tác giả thể hiện thái độ trân trọng, đề cao vẻ đẹp của người phụ nữ trong xã hội phong kiến nói riêng và đối với con người nói chung. |

**Đề 2:** Trong cảnh ngày xuân (Truyện Kiều) của Nguyễn Du đã làm tái hiện lại không khí lễ hội du xuân qua đoạn thơ sau:

*... Thanh minh trong tiết tháng ba,*

*Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh .*

*Gần xa nô nức yến anh,*

*Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.*

*Dập dìu tài tử giai nhân,*

*Ngựa xe như nước áo quần như nêm.*

*Ngổn ngang gò đống kéo lên,*

*Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay…*

Từ lễ hội du xuân ở thế kỉ XIX, Em hãy trình bày suy nghĩ của mình về lễ hội mùa xuân hiện nay.

***Dàn ý***

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Nguyễn Du là nhà thơ lớn của dân tộc, một danh nhân văn hóa thế giới. Truyện Kiều là kiệt tác của Nguyễn Du cũng như của văn học Việt Nam.  - Nằm ở phần đầu Truyện Kiều, phần Gặp gỡ và đính ước, đoạn trích Cảnh ngày xuân đã miêu tả bức tranh thiên nhiên và lễ hội mùa xuân tươi đẹp, trong sáng của tiết Thanh minh. Qua đó, người đọc cảm nhận được nét đẹp đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Nét đẹp ấy vẫn còn lại cho đến ngày hôm nay. |
| **2. Thân bài** |  |
| **a) Lễ hội mùa xuân trong thơ Nguyễn Du.** | |
|  | - Những câu thơ đầu đoạn trích, Nguyễn Du đã mở ra một không gian nền tuyệt đẹp của mùa xuân, để làm nổi lên không khí của lễ hội mùa xuân.  - Lễ hội Thanh minh diễn ra trong tháng ba,có :  + Lễ tảo mộ: đi viếng mộ, đốt nhang, biếu tiền vàng cho người thân đã khuất để thể hiện tình cảm của người đang sống luôn nhớ tới người đã khuất. Đây là nét đẹp tâm linh của người Việt.  + Hội đạp thanh: du xuân trên đồng cỏ xanh để ngắm cảnh.  - Không khí của lễ hội: đông vui, tưng bừng, náo nức như đàn chim yến, chim oanh.  - Người đi lễ hội: trên con đường nhộn nhịp, ngựa xe như nước chảy, người đi lễ hội là những chàng trai, cô gái đẹp. Trong đó có cả chị em Thúy Kiều.  Bằng một loạt các từ láy, từ ghép hai âm tiết là danh từ, động từ, tính từ ở mức độ dày đặc, kết hợp với nghệ thuật ẩn dụ, hoán dụ, so sánh, nhà thơ đã làm sống dậy không khí lễ hội du xuân. Đó là nét đẹp truyền thống văn hóa lễ hội của người Việt. |
| **b) Suy nghĩ về lễ hội mùa xuân hôm nay.** | |
|  | - Từ không khí lễ hội du xuân trong thơ Nguyễn Du gợi cho chúng ta suy nghĩ về lễ hội mùa xuân hôm nay.  - Lễ hội mùa xuân hôm nay vẫn tiếp nối những nét đẹp truyền thống từ xa xưa:  + Thời gian lễ hội: ba tháng mùa xuân.  + Lễ hội diễn ra ở cả ba miền. Nơi nào cũng có những lễ hội đặc sắc tiêu biểu: lễ hội Yên Tử ở Quảng Ninh, lễ hội chùa Hương ở Hà Nội, lễ Cầu Ngư của những người dân vùng biển miền Trung, miền Nam,...  + Người đi lễ hội không chỉ du xuân ngắm cảnh đẹp mà còn cầu mong cho cuộc sống an vui, tốt lành.  + Ngày nay, trong tiết Thanh minh chúng ta vẫn đi viếng mộ, đốt nhang, tiền vàng cho người thân đã khuất. Điều này thể hiện truyền thống thờ cúng tổ tiên.  - Tuy nhiên, trong xã hội hiện nay cũng xuất hiện một số mặt trái:  + Một số tệ nạn: mê tín dị đoan, lợi dụng lễ hội để phục vụ lợi ích cá nhân,...  + Người đi lễ hội nhiều khi có hành động thiếu văn hóa: cướp lộc , chen lấn xô đẩy, ăn mặc phản cảm, vứt rác bừa bãi,...  - Bài học: trân trọng giữ gìn và phát huy những nét đẹp văn hóa dân tộc qua những lễ hội mùa xuân nói riêng và lễ hội nói chung. |
| **3. Kết bài** | - Bằng nghệ thuật tả cảnh tài hoa, tình yêu thiên nhiên, lòng thiết tha với những nét đẹp văn hóa dân tộc, Nguyễn Du đã gợi lại cảnh lễ hội mùa xuân tươi đẹp, cuốn hút.  - Ôn lại cái cũ để hiểu hơn cái mới đang diễn ra hôm nay, chúng ta càng phải trân trọng những giá trị tốt đẹp mà người xưa truyền lại, đi tìm về cội nguồn, làm sống lại những giá trị văn hóa dân tộc trong những lễ hội mùa xuân hôm nay. |

**Đề 3:** Phân tích nghệ thuật tả cảnh, tả người của Nguyễn Du trong Truyện Kiều

***Dàn ý***

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Truyện Kiều được đánh giá là tác phẩm đạt tới đỉnh cao về nội dung và nghệ thuật.  - Điều đó chứng tỏ tài năng sáng tạo nghệ thuật và cái tâm của một nghệ sĩ, một nhà văn hóa lớn của dân tộc: Nguyễn Du . Nghệ thuật tả cảnh, tả người trong Truyện Kiều được xem là đặc sắc nhất. |
| **2. Thân bài** |  |
| **a) Bút pháp tả cảnh của Nguyễn Du trong Truyện Kiều.** | |
|  | Sử dụng bút pháp truyền thống trong văn chương cổ điển: bút pháp ước lệ, chấm phá gợi tả hoặc tả cảnh ngụ tình.  - Tả cảnh để làm nổi bật tâm trạng nhân vật, thông qua tả cảnh để miêu tả tâm lí nhân vật. Dẫn chứng: tâm trạng náo nức xốn xang của người đi dự lễ hội du xuân, cảnh Thúc Sinh từ biệt Thúy Kiều, cảnh Kiều ở lầu Ngưng Bích,...  - Trong khi tả cảnh thiên nhiên, Nguyễn Du đã tạo ra những bức tranh thiên nhiên tuyệt mĩ bằng ngôn ngữ thơ ca. Điều đó cho thấy khả năng nghệ thuật và tâm hồn tinh tế, nhạy cảm trước vẻ đẹp thiên nhiên và cuộc sống của Nguyễn Du. Dẫn chứng: Cảnh ngày xuân, Kiều ở lầu Ngưng Bích,... |
| **b) Bút pháp tả người của Nguyễn Du trong Truyện Kiều.** | |
|  | Sử dụng bút pháp tả thực và ước lệ:  + Tả thực: dùng cho loại nhân vật phản diện như: Mã Giám Sinh, Tú Bà, Hồ Tôn Hiến,...  + Ước lệ: thường dùng đối với các nhân vật chính diện như: Thúy Kiều, Thúy Vân, Kim Trọng, Từ Hải,...  - Trong khi tả người, nhà thơ đã thể hiện thái độ yêu ghét rạch ròi, phân minh:  + Ghét cái xấu, cái ác, khinh bỉ các tầm thường, vô đạo; khinh bỉ khi miêu tả diện mạo trai lơ và bản chất con buôn, vô học của Mã Giám Sinh; ghê tởm Tú Bà nanh nọc, độc ác; vạch trần Sở Khanh trơ trẽn , lừa lọc; chê trách Hoạn Thư xảo trá, nham hiểm, …  + Trân trọng, yêu mến cái đẹp, người tài: dùng những ngôn từ đẹp đẽ nhất để ca ngợi tài sắc chị em Thúy Kiều, cảm phục Từ Hải,...  - Nhà thơ đã tạo ra những điển hình văn học có tính khái quát cao, có sức sống muôn đời: Thúy Kiều, Thúy Vân, Từ Hải, Tú Bà, Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Hoạn Thư,... |
| **3. Kết bài** | - Truyện Kiều đã thể hiện tài năng nghệ thuật của Nguyễn Du.  - Tài năng nghệ thuật Nguyễn Du có cơ sở từ sự tiếp thu những tinh hoa trong văn chương cổ điển, văn hóa dân gian và khả năng sáng tạo của nhà thơ, hơn hết là xuất phát từ cái tâm của một nghệ sĩ lớn đối với con người và cuộc sống. |

**Đề 4:** Thế nào là nghệ thuật tả cảnh ngụ tình? Phân tích 8 câu cuối trong đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích để thấy được nghệ thuật tả cảnh ngụ tình của Nguyễn Du.

***Dàn ý***

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Truyện Kiều là kiệt tác của Nguyễn Du cũng như của văn học Việt Nam.  - Đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích nằm ở phần thứ hai của Truyện Kiều (Gia biến và lưu lạc) . từ việc miêu tả tâm trạng của Kiều khi bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích,đoạn trích đã thể hiện cảnh ngộ và tâm trạng của Thúy Kiều cũng như tài năng nghệ thuật của Nguyễn Du trong việc tả cảnh ,tả tình.  Tám câu cuối trong đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích đã cho thấy nghệ thuật tả cảnh ngụ tình rất đặc sắc của Nguyễn Du. |
| **2. Thân bài** |  |
| **a) Thế nào là tả cảnh ngụ tình?** | |
|  | - Trong văn học trung đại, các tác giả đã coi tả cảnh ngụ tình là một trong những thủ pháp nghệ thuật quan trọng để biểu đạt ý tình và chứng tỏ khả năng hàm súc của ngôn ngữ thơ ca. Nhiều tác phẩm đã sử dụng thành công nghệ thuật tả cảnh ngụ tình: Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan; Thu vịnh, Thu điếu của Nguyễn Khuyến,...  - Tả cảnh ngụ tình là dùng cảnh thiên nhiên để diễn tả tình cảm con người. Như vậy, trong nghệ thuật tả cảnh ngụ tình tình, cảnh là phương tiện miêu tả, tình là mục đích để tả. |
| **b) Chứng minh:** | |
|  | - Tóm tắt ngắn gọn cảnh ngộ của Kiều khi ở lầu Ngưng Bích.  - Phân tích 8 câu thơ cuối .  Tám câu thơ là bốn bức tranh thiên nhiên gợi liên tưởng đến thân phận và tâm trạng nàng Kiều. Mỗi cảnh vật là một ẩn dụ về cảnh ngộ và tâm trạng của Kiều:  + Cảnh"cửa bể chiều hôm" gợi nỗi buồn hoang vắng , đơn côi của Kiều. Nên khi nhìn thấy cánh buồm thấp thoáng trong lòng Kiều sáng lên hy vọng: nàng sẽ có ngày trở lại quê hương. Nhưng khi"cánh buồm"vụt biến mất, hy vọng trở thành thất vọng.  + Nhìn"dòng nước", nàng liên tưởng tới dòng đời. Cuộc đời mình như một cánh hoa trôi, không biết sẽ về nơi nao. Cảnh nước chảy hoa trôi gợi cảm nhận về thân phận trôi giạt, vô định và tâm trạng xót xa, bơ vơ của Kiều.  + Nhìn ra"nội cỏ" trải tới chân trời, trong tâm cảm"rầu rầu", Kiều chỉ thấy một màu xanh xanh, lạnh lùng, ảm đạm bủa vây lấy nàng.  + Trông cảnh"gió cuốn mặt duềnh" nàng nghe thấy "ầm ầm tiếng sóng" kêu quanh như dự báo những điều khủng khiếp sắp xảy ra với nàng. Kiều đã rơi vào sự hoảng loạn sợ hãi,... |
| **3. Kết bài** | - Tám câu thơ, bốn cặp lục bát đã trở thành bức tranh tứ bình thiên nhiên, tứ bình tâm trạng. Mỗi bức tranh là một phần phong cảnh cũng là một khía cạnh nội tâm sâu sắc của nhân vật thấm thía vào từng câu chữ, nét cảnh.  - Bức tranh thiên nhiên và bức tâm cảnh trong Kiều ở lầu Ngưng Bích đã trở thành chuẩn mực thực cho nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong văn học. |

**Đề 5:** phân tích cảm hứng nhân văn trong các đoạn trích Chị em Thúy Kiều, Kiều ở lầu Ngưng Bích trong Truyện Kiều của Nguyễn Du.

***Dàn ý***

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Nguyễn Du là thiên tài văn học, danh nhân văn hóa và là nhà nhân đạo chủ nghĩa. Truyện Kiều là kiệt tác của Nguyễn Du, kết tinh những giá trị nhân văn cao cả của dân tộc và nhân loại.  - Cảm hứng nhân văn trong Truyện Kiều được thể hiện rõ nét qua hai đoạn trích Chị em Thúy Kiều và Kiều ở lầu Ngưng Bích. |
| **2. Thân bài** |  |
| **a) Giải thích:**  Cảm hứng nhân văn trong tác phẩm Truyện Kiều được thể hiện:  - Sự đồng cảm, xót thương trước số phận bi kịch của con người.  - Tố cáo, lên án những thế lực xấu xa chà đạp lên quyền sống, quyền hạnh phúc chính đáng của con người.  - Khẳng định, đề cao tài năng, nhân phẩm và những khát vọng chân chính của con người như khát vọng về quyền sống , khát vọng tự do công lí, khát vọng tình yêu, hạnh phúc. | |
| **b) Cảm hứng nhân văn trong đoạn trích Chị em Thúy Kiều** | |
|  | - Ca ngợi vẻ đẹp, tài năng của con người: sử dụng bút pháp ước lệ thường thấy trong thơ cổ điển, lấy hình ảnh thiên nhiên để gợi tả vẻ đẹp và tài năng của chị em Thúy Kiều. Điều đó thể hiện lòng yêu mến và trân trọng của Nguyễn Du đối với nhân vật.  + Vẻ đẹp chung: hình dáng thanh tú như cây mai,, tâm hồn trắng trong như tuyết,ẩn dụ so sánh làm toát lên vẻ đẹp cao quý của hai chị em Thúy Kiều.  + Vẻ đẹp của Thúy Vân: miệng cười tươi như hoa nở, giọng nói trong như tiếng ngọc rơi trên mâm vang (hoa cười, ngọc thốt), tóc đen hơn mây, da trắng hơn tuyết. Đó là vẻ đẹp đầy đặn, phúc hậu hiếm có.  + Vẻ đẹp của Thúy Kiều: tác giả nhấn mạnh cả sắc và tài của Thúy Kiều. Về sắc đẹp thì: sắc sảo mặn mà, nghiêng nước nghiêng thành, đặc biệt đôi mắt nàng trong như nước mùa thu, lông mày thanh tú như dáng núi mùa xuân. Vẻ đẹp nàng lộng lẫy khiến hoa phải ghen, liễu phải hờn. Kiều thông minh, nhiều tài, tài nào cũng đạt đến đỉnh cao: cầm ,kỳ, thi, họa,... Đó là những tài năng lý tưởng của giới quý tộc xưa.  - Cảm hứng nhân văn trong đoạn trích còn thể hiện ở niềm yêu thương, quan tâm cho số phận của con người:  + Trong khi miêu tả vẻ đẹp và tài năng của hai chị em Thúy Kiều, Nguyễn Du đã gửi gắm vào đấy những dự cảm, sự quan tâm về số phận con người:  + Thúy Vân mang vẻ đẹp trong khuôn phép tạo hóa ban cho, dự báo trước cuộc đời nàng sẽ sung sướng, không sóng gió.  + Vẻ đẹp của Thúy Kiều lộng lẫy khiến thiên nhiên phải ganh ghét với nàng huống chi con người. Vì vậy đời nàng tất sẽ long đong vất vả. Từ giọng điệu đến hình ảnh thơ đều phảng phất nỗi lo lắng, dự cảm của Nguyễn Du cho số phận của nàng, một kiếp người tài hoa bạc mệnh. Chính niềm yêu thương, trân trọng và dự cảm ấy đã làm với đi một nỗi ám ảnh về triết lý"tài hoa bạc mệnh"và tạo nên nét tươi sáng cho cảm hứng nhân văn trong đoạn trích.  - Đọc đoạn thơ trái tim ta như hòa cùng cảm hứng nhân văn để rồi lòng mình có thêm niềm yêu thương, trân trọng con người nhiều hơn.  c) Cảm hứng nhân văn trong đoạn trích Kiều ở lầu Ngưng Bích  - Trân trọng đề cao vẻ đẹp tâm hồn Thúy Kiều.  + Kiều là con người tình nghĩa, thủy chung trong tình yêu: miêu tả nỗi nhớ của Kiều với Kim Trọng-nỗi nhớ có sự day dứt vì Kiều thấy mình là người có lỗi. Nàng nhủ lòng luôn giữ một chữ son, một tình yêu thủy chung dành cho Kim Trọng.  + Kiều là người con hiếu thảo, giàu đức hi sinh: trong hoàn cảnh cô độc, đáng thương, Kiều đã quên bản thân mình,xót thương khi hình dung cảnh cha mẹ già nơi quê nhà sáng chiều vẫn tựa cửa ngóng trông đứa con lưu lạc, lo lắng cho cha mẹ khi không biết có ai phụng dưỡng, chăm sóc.  - Nhà thơ thể hiện thái độ cảm thông sâu sắc cho nhân vật Kiều qua nghệ thuật tả cảnh ngụ tình ở 8 câu cuối:  + Cảm hứng nhân văn được thể hiện ở bức tranh tứ bình, mỗi cặp lục bát là một bức tranh tâm trạng với những diễn biến nội tâm tinh tế.  + Nguyễn Du đã thấu hiểu và đồng cảm nỗi đau khổ, tuyệt vọng của nàng, xót xa không biết thân phận của Kiều rồi sẽ đi về nơi đâu.  - Đoạn trích gián tiếp tố cáo bọn bất lương buôn thịt bán người: Mã Giám Sinh, Tú Bà.  Chính bọn chủ chứa lầu xanh đã đẩy Kiều vào cảnh ngộ cô đơn, bế tắc. Nguyễn Du đã thể hiện sự căm phẫn, lên án, tố cáo bọn người bất lương đã khiến người phụ nữ trong đó có Thúy Kiều rơi vào bất hạnh, khổ đau. |
| **3. Kết bài** | - Cảm hứng nhân văn là cảm hứng xuyên suốt tác phẩm Truyện Kiều của Nguyễn Du và được thể hiện rõ nét qua hai đoạn trích Chị em Thúy Kiều, Kiều ở lầu Ngưng Bích.  - Tấm lòng yêu thương, quan tâm số phận con người; đồng cảm, trân trọng, ngợi ca những giá trị con người cao đẹp; bất bình, tố cáo cái ác, cái xấu đã chà đạp lên quyền sống, quyền hạnh phúc chính đáng của con người... là những cảm xúc nhân văn khẳng định sức sống của kiệt tác Truyện Kiều. |

**BÀI 4: LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA**

(Trích Truyện Lục Vân Tiên-Nguyễn Đình Chiểu)

**Đề bài luyện tập:** Phân tích đoạn thơ Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga để thấy tính cách tốt đẹp của Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga.

***Dàn ý***

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Mở bài** | - Nguyễn Đình Chiểu (1822-1888) là nhà thơ lớn của dân tộc, là tấm gương sáng ngời về nghị lực sống và cống hiến cho đời, về tấm lòng yêu nước, tinh thần bất khuất chống giặc ngoại xâm. Truyện Lục Vân Tiên là một trong những tác phẩm xuất sắc nhất của Nguyễn Đình Chiểu, được lưu truyền rộng rãi trong nhân dân.  - Đoạn thơ Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga nằm ở phần đầu của Truyện Lục Vân Tiên đã thể hiện khát vọng hành đạo giúp đời của tác giả và khắc họa những phẩm chất đẹp đẽ của hai nhân vật chính: Lục Vân Tiên tài ba, dũng cảm, trọng nghĩa khinh tài; Kiều Nguyệt Nga hiền hậu, nết na, ân tình. |
| **2. Thân bài** |  |
| **a) Hình ảnh Lục Vân Tiên.** | |
|  | \* Là chàng trai, dũng cảm đánh cướp cứu dân lành:  - Tình huống: bọn cướp Phong Lai rất hung dữ, sống ở trên núi thường xuống làng cướp của, bắt những cô gái đẹp. Trên đường về thăm cha mẹ, gặp bọn cướp Phong Lai đang hoành hành, Vân Tiên đã bất bình ra tay cứu giúp, không kịp suy nghĩ, đắn đo.  + Bọn cướp đông đảo đầy đủ vũ khí, dữ dằn hung tợn nổi tiếng đến nỗi" Người đều sợ nó có tài khôn đương" .  + Vân Tiên chỉ có một mình, tay không vũ khí, chỉ"bẻ cây làm gậy" mà dám xông vào đánh bọn cướp.  Nếu là người hèn nhát, chàng có thể tránh xa; Nếu là kẻ ích kỷ,chàng có thể dửng dưng trước những cảnh bất bình, để mặc người lương thiện gặp nạn. Chàng đã quyết liệt xông vào đánh cướp. Điều đó, chứng tỏ Vân Tiên là một chàng trai dũng cảm, cương trực.  - Diễn biến trận đánh:  + Chàng đã mắng bọn cướp"... Bớ đảng hung đồ- chớ quen làm thói hồ đồ hại dân", chủ động"tả đột hữu xông". Hình ảnh Vân Tiên được so sánh với hình mẫu lý tưởng Triệu Tử Long, một dũng tướng trong truyện Tam quốc được người Nam Bộ rất thán phục. Vân Tiên mang vẻ đẹp của một dũng tướng quả cảm. Chàng đã đánh cướp bằng tài võ nghệ điêu luyện và bằng cả tấm lòng trượng nghĩa của một đấng nam nhi.  + Tên tướng cướp Phong Lai rất tức giận, hô quân bao vây Vân Tiên bốn phía, quyết giết chết chàng.  - Kết quả: bọn cướp bị đánh"vỡ tan", những tên sống sót quăng gươm giáo bỏ chạy. Tên tướng cướp Phong Lai do chủ quan nên bị một gậy của Vân Tiên mà chết.  Hành động đánh cướp của Vân Tiên bộc lộ tính cách anh hùng, tài năng và tấm lòng vị nghĩa. Đó là cái đức của con người vì việc nghĩa quên thân mình, cái tài của bậc anh hùng và sức mạnh bênh vực kẻ yếu, chiến thắng những thế lực tàn bạo.  \* Lục Vân Tiên là con người chính trực, hào hiệp, trọng nghĩa khinh tài, từ tâm nhân hậu:  - Sau khi đánh xong bọn cướp, Vân Tiên nghe thấy tiếng khóc, chàng đã dừng lại hỏi han, chứng tỏ chàng là người luôn biết quan tâm tới người khác.  - Thấy hai cô gái còn chưa hết hãi hùng, Vân Tiên"động lòng"tìm cách an ủi, động viên"Ta đã trừ dòng lâu la".  - Khi nghe họ nói muốn được lạy tạ ơn:  + Vân Tiên vội gạt đi ngay"khoan khoan ngồi đó chớ ra". Ở đây, trong thái độ của Vân Tiên có phần câu nệ của lễ giáo phong kiến (nam nữ thụ thụ bất thân), nhưng chủ yếu là do đức tính khiêm nhường, trong sáng, vô tư của chàng. Dám liều mình cứu người, lời lẽ đanh thép khi giao chiến với giặc cướp, để rồi trước một cô gái dịu dàng, Vân Tiên không tránh khỏi ngại ngùng bẽn lẽn, điều đó thể hiện một lối sống lành mạnh , có giáo dục, nề nếp.  + Lời nói, thái độ khiêm nhường, nhã nhặn của chàng: " Làm ơn há dễ trông người trả ơn" , " nhớ câu kiến nghĩa bất vi- Làm người thế ấy cũng phi anh hùng" .  Chàng không muốn nhận cái lạy tạ ơn của hai cô gái, từ chối lời mời về thăm nhà của Nguyệt Nga để cha nàng đền đáp, và ở đoạn sau, từ chối nhận chiếc trâm vàng của nàng , chỉ cùng nhau sướng họa một bài thơ rồi thanh thản ra đi, không hề vấn vương. Dường như đối với Vân Tiên, làm việc nghĩa là một bổn phận, một lẽ tự nhiên, con người trọng nghĩa khinh tài ấy không coi là công trạng. Đó là cách ứng xử mang tinh thần nghĩa hiệp của các bậc anh hùng hảo hán.  Với những nét tính cách đó,hình ảnh Lục Vân Tiên đã trở thành một hình ảnh đẹp mang tính lý tưởng mà Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm niềm tin và ước vọng của mình về những con người tài đức, dám ra tay cứu nạn giúp đời. |
| **b) Hình ảnh Kiều Nguyệt Nga.** | |
|  | Kiều Nguyệt Nga vốn là một tiểu thư con quan, dung nham đẹp đẽ, thùy mị, nết na. Ở đoạn thơ này,hình ảnh Kiều Nguyệt Nga chỉ được biểu hiện qua những lời lẽ mà nàng giãi bày với Lục Vân Tiên.  - Trước hết, đó là lời lẽ của một cô gái khuê các, thùy mị, nết na, có học thức:  + Cách xưng hô"quân tử","tiện thiếp" thể hiện sự khiêm nhường.  + Cách nói năng văn vẻ, dịu dàng, mực thước:"Làm con đâu dám cãi cha","Chút tôi liễu yếu đào tơ- Giữa đường lâm phải bụi dơ đã phần".  + Cách trình bày vấn đề rõ ràng khúc chiết, vừa đáp ứng đầy đủ những điều thăm hỏi ân cần của Lục Vân Tiên, vừa thể hiện chân thành niềm cảm kích, xúc động của mình: "Trước xe quân tử tạm ngồi- Xin cho tiện thiếp lạy rồi sẽ thưa".  - Kiều Nguyệt Nga là người con gái trọng ơn nghĩa: đối với Lục Vân Tiên, Nguyệt Nga là người chịu ơn, không chỉ ơn cứu mạng, mà còn cứu cả cuộc đời trong trắng của nàng (đối với người con gái, điều đó còn quý hơn tính mạng): "Lâm nguy chẳng gặp giải nguy- Tiết trăm năm cũng bỏ đi một hồi".  Với ân nghĩa to lớn của Vân Tiên nàng rất băn khoăn, tìm cách trả ơn chàng, dù rằng có đền đáp đến mấy cũng chưa đủ: " Lấy chi cho phỉ tấm lòng cùng ngươi". Và khi nghe Vân Tiên từ chối,Nguyệt Nga đã tặng Vân Tiên một chiếc trâm cài đầu làm kỷ niệm và xin hoạ lại bức hình của Vân Tiên. Sau này nàng đã tự nguyện gắn bó cuộc đời với chàng trai khẳng khái hào hiệp đó và đã dám liều mình để giữ trọn ân tình, thủy chung với chàng. Nét đẹp tâm hồn đó đã làm cho hình ảnh Kiều Nguyệt Nga chinh phục được tình cảm yêu mến của nhân dân, những con người bao giờ cũng rất xem trọng ơn nghĩa" Ơn ai một chút chẳng quên".  Như vậy, Nguyệt Nga là cô gái có học thức, hiểu biết, nết na, trọng ơn nghĩa. Nàng tiêu biểu cho vẻ đẹp người phụ nữ Việt Nam thời phong kiến: công ,dung, ngôn, hạnh. |
| **3. Kết bài** | - Các nhân vật hầu như không được khắc họa chân dung, ngoại hình cũng như nội tâm; chủ yếu được miêu tả qua hành động, cử chỉ, lời nói. Ngôn ngữ miêu tả mộc mạc, bình dị,gần với lời nói thông thường và mang màu sắc địa phương Nam Bộ.  - Tuy nhiên, nhân vật Lục Vân Tiên và Kiều Nguyệt Nga hiện ra vẫn rất sinh động có sức khái quát lớn. Đó là những con người đẹp đẽ mang màu sắc lý tưởng phong kiến, gửi gắm quan niệm thẩm mỹ của tác giả: " Trai thời trung hiếu làm đầu- Gái thời tiết hạnh làm câu chau mình". |

**VIẾNG LĂNG BÁC**

**(Viễn Phương)**

|  |  |
| --- | --- |
| **\*Khổ thơ 1: Cảm xúc của tác giả trước khung cảnh bên ngoài lăng Bác** | |
| **Con** ở miền Nam ra **thăm** lăng **Bác**  Đã thấy trong sương **hàng tre bát ngát**  Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam  Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng. | **\*Câu thơ 1:**  - *“Con” – “Bác”:* từ xưng hô:  +gần gũi, ấm áp, thân thương  +tôn kính, quý trọng  - *“Thăm”:* NT nói giảm nói tránh  + làm dịu nỗi đau xót  + gợi cảm giác như Bác còn sống mãi  + nỗi đau cố giấu mà giọng thơ vẫn ngậm ngùi  + Viễn Phương là một người con của Nam Bộ - mảnh đất đau thương, kiên cường trong đấu tranh => tình cảm của tác giả hòa cùng tiếng lòng nhân dân miền Nam hướng về Bác.  **\*Câu thơ 2 – 3 - 4:**  **- Hàng tre bát ngát”:** **Tả thực**  + Hình ảnh đầu tiên => ấn tượng đậm nét về cảnh vật bên lăng Bác  + Hàng tre xanh tươi nổi bật trong màn sương sớm => hình ảnh thân thương của quê hương Việt Nam => lăng Bác trang nghiêm trở nên gần gũi  **- “Hàng tre xanh xanh Việt Nam/ Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng”:**  **Ẩn dụ:** dân tộc Việt Nam với những phẩm chất cao đẹp:  + tâm hồn thanh cao  + sức sống trường tồn, bất diệt  + tinh thần đoàn kết  + bản lĩnh vững vàng, kiên cường, bất khuất  *- “bão táp mưa sa” (thành ngữ) => ẩn dụ => khó khăn thử thách*  **- Cảm xúc của nhà thơ:**  - Thán từ “ôi”, câu cảm thán – câu đặc biệt:  + cảm xúc dâng trào, xúc động mãnh liệt  + tự hào về vẻ đẹp và sức sống của dân tộc  => Đến thăm lăng Bác, nhà thơ như thấy cả dân tộc vẫn ở bên Người, vẫn giữ vững một tấm lòng sắt son với Bác => vừa xúc động vừa tự hào => cảm xúc chân thành, tha thiết. |
|  |  |
| **Khổ thơ 2: Cảm xúc của tác giả khi hòa cùng dòng người vào lăng viếng Bác** | |
| **Ngày ngày** mặt trời đi qua trên lăng  Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.  **Ngày ngày** **dòng người đi trong thương nhớ.**  Kết **tràng hoa** dâng **bảy mươi chín mùa xuân…** | **=> Có 2 cặp hình ảnh thực và ẩn dụ sóng đôi:**  **\*Hai câu thơ đầu:**  - “ *mặt trời đi qua trên lăng*”: **tả thực:**  + mặt trời của thiên nhiên, vũ trụ  + đem lại ánh sáng và sự sống cho muôn loài.  - “ *mặt trời trong lăng rất đỏ*”: **ẩn dụ** => Bác Hồ:  + mang tới ánh sáng của lý tưởng cách mạng, chỉ lối, soi đường cho cách mạng Việt Nam  + mang lại ánh sáng của cuộc sống tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân.  + “mặt trời” – gợi sự lớn lao, vĩ đại, trường tồn, bất tử  +cụm từ “*rất đỏ*”: trái tim đầy nhiệt huyết vì nước vì dân, trái tim yêu nước nồng nàn  - Nhân hóa “mặt trời đi qua…thấy…”: mặt trời thiên nhiên cũng như đang chiêm ngưỡng một mặt trời khác trong lăng => ca ngợi Bác  - “ ngày ngày” => thể hiện sự tiếp nối thời gian liên tục  **\*Tình cảm, cảm xúc của nhà thơ:**  - Ca ngợi sự vĩ đại, công lao to lớn như trời bể của Bác với dân tộc Việt Nam  - Khẳng định sự trường tồn, bất tử của Bác trong lòng nhân dân  - Biết ơn, tôn kính, ngưỡng mộ, tự hào  **\*Hai câu thơ sau:**  - “*Dòng người đi trong thương nhớ”* - **tả thực**:  + dòng người vào lăng viếng Bác  + tâm trạng trĩu nặng nỗi nhớ thương.  - *“tràng hoa”:* **ẩn dụ** => đẹp và sáng tạo  + Dòng người vào lăng viếng Bác như kết thành tràng hoa => mỗi người như một bông hoa đẹp => dâng lên Bác nỗi nhớ thương, niềm biết ơn vô hạn và tấm lòng thành kính  + “*tràng hoa*” đẹp tặng Người => kính dâng lên Bác những gì tốt đẹp nhất => tôn vinh cuộc đời vì nước vì dân của Người  - **Hoán dụ**: “bảy mươi chín mùa xuân” => bảy mươi chín tuổi => cả cuộc đời 79 mùa xuân Bác dành trọn cho dân tộc.  - **Điệp ngữ** “ngày ngày”:  +thể hiện sự tiếp nối thời gian liên tục  +tạo nhịp điệu chậm rãi lắng sâu  +gợi bước đi chầm chậm của dòng người vào lăng viếng Bác  +diễn tả không khí trang nghiêm  **\*Tình cảm, cảm xúc của nhà thơ:**  - Ngợi ca, ngưỡng mộ, xúc động, biết ơn, tự hào  -Tấm lòng thành kính, thiết tha. |
|  |  |
| **\*Khổ thơ 3: Cảm xúc của tác giả khi vào trong lăng Bác** | |
| Bác nằm trong **giấc ngủ** bình yên  Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền  Vẫn biết trời xanh là mãi mãi  Mà sao nghe nhói ở trong tim! | **\*Hai câu thơ đầu:**  - NT nói giảm nói tránh: *“Bác nằm trong* ***giấc ngủ*** *bình yên”* => giảm đau buồn, xót xa  **- Hình ảnh “*vầng trăng sáng dịu hiền*”:**  **- Tả thực:** Không gian trong lăng có ánh sáng dịu nhẹ, bình yên  **- Nhân hóa, Ẩn dụ “vầng trăng sáng dịu hiền”:**  + tâm hồn cao đẹp sáng trong của Bác  + gợi liên tưởng tới những vần thơ tràn đầy ánh trăng của Người.  **- Hình ảnh “trời xanh”: Ẩn dụ**  + Lớn lao, cao cả, vĩ đại  + Sự bất tử, trường tồn => Người đã hóa thân vào thiên nhiên, đất trời dân tộc => còn sống mãi trong lòng mỗi người (lí trí)  + Ẩn dụ chuyển đổi cảm giác + câu cảm thán: “… nghe nhói ở trong tim!”  + Giọng thơ trầm lắng:  *Nỗi đau được bộc lộ trực tiếp, cụ thể (tình cảm, cảm xúc)*  *Đối diện với thực tế => đau nhói, quặn thắt, xót xa*  *Tiếc thương vô hạn => tình cảm sâu sắc, chân thành* |
|  |  |
| **Khổ thơ 4.Tâm trạng lưu luyến của nhà thơ khi sắp phải rời xa lăng Bác để trở về miền Nam** | |
| Mai về miền Nam thương trào nước mắt  **Muốn làm** con chim hót quanh lăng Bác  **Muốn làm** đóa hoa tỏa hương đâu đây  **Muốn làm** cây tre trung hiếu chốn này. | **- “thương trào nước mắt”:**  + niềm nhớ thương vỡ òa, giọt nước mắt rơi  +nghẹn ngào, xúc động  +cảm xúc trào dâng mãnh liệt  **- Hình ảnh “miền Nam”:**  +xa cách vời vợi  +cảm xúc thành kính, tiếc thương của nhà thơ cũng là tình cảm chung của đồng bào miền Nam với Bác  +tạo kết cấu đầu cuối tương ứng  - **Câu 2-3-4: ước nguyện được hóa thân, hòa nhập vào cảnh vật bên lăng để được mãi bên Bác**  **Điệp ngữ “Muốn làm”:**  + tạo nhịp thơ dồn dập, giọng điệu tha thiết  + diễn tả ước nguyện chân thành, thiết tha, muốn được hóa thân, hòa nhập vào cảnh vật bên lăng để ở mãi bên Người  + bịn rịn, lưu luyến, không muốn rời xa  **Hình ảnh giản dị, gợi cảm**  + muốn làm con chim dâng tiếng hót vui tươi  + muốn làm đóa hoa tỏa sắc hương  + muốn làm cây tre trung hiếu…  **Hình ảnh “cây tre” được nhắc lại (khổ 1- khổ 4**):  + tạo kết cấu đầu cuối tương ứng.  + mở ra những ý nghĩa mới  + tạo ấn tượng đậm nét  + làm cho dòng cảm xúc được trọn vẹn  + **NT nhân hóa, ẩn dụ:** ước nguyện hóa thân làm “cây tre trung hiếu” *(trung với nước, hiếu với dân)*, làm một người lính trung kiên mãi mãi đi theo lí tưởng cách mạng của Bác.  **Từ ngữ chỉ không gian gần gũi, gắn kết “đâu đây”, “chốn này”, “quanh lăng” => lưu luyến không rời**  => Đó là tình cảm thiết tha, thành kính của tác giả, của nhân dân miền Nam và của toàn thể dân tộc Việt Nam đối với Bác. |
| **Kiến thức về tác giả, tác phẩm** | |
| **1/Tác giả**: **Viễn Phương**  **2/Hoàn cảnh sáng tác:**  - Tháng 4 -1976  - Sau khi cuộc kháng chiến chống Mĩ kết thúc thắng lợi, đất nước thống nhất, lăng Bác cũng vừa khánh thành, tác giả ra thăm miền Bắc, vào viếng lăng Bác, bài thơ được sáng tác trong dịp đó.  **3/Xuất xứ:** in trong tập thơ “Như mây mùa xuân” (1978)  **4/Nội dung:** Bài thơ thể hiện lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ và của mọi người đối với Bác Hồ khi vào lăng viếng Bác  **5/Nghệ thuật:**   * Giọng điệu trang trọng, tha thiết * Nhiều hình ảnh ẩn dụ đẹp, gợi cảm * Ngôn ngữ bình dị mà cô đúc   **6/Mạch cảm xúc:**  - **Cảm xúc bao trùm** là niềm xúc động thiêng liêng, thành kính; lòng biết ơn và tự hào pha lẫn với nỗi xót đau khi tác giả từ miền Nam ra viếng lăng Bác.  **- Mạch vận động cảm xúc**: theo trình tự cuộc vào lăng viếng Bác:  + Mở đầu là niềm xúc động thiêng liêng, thành kính khi tác giả đang đứng bên ngoài lăng, tập trung ấn tượng đậm nét ở hàng tre bên lăng (Khổ 1)  + Tiếp đó là cảm xúc thương nhớ, tự hào, biết ơn vô hạn trước hình ảnh “mặt trời” và dòng người vào lăng viếng Bác (Khổ 2) và đau xót trước sự thật là Bác đã ra đi (Khổ 3)  + Cuối cùng tình cảm lưu luyến và niềm mong ước thiết tha của tác giả muốn mãi ở bên Bác (Khổ 4) | |

***Viếng lăng Bác***

***Viễn Phương***

1. **KIẾN THỨC CƠ BẢN**

|  |  |
| --- | --- |
| ***Tác giả*** | - Viễn Phương tên khai sinh là Phan Thanh Viễn, sinh năm 1928, quê ở tỉnh An Giang.  - Trong kháng chiến chống Pháp và Mỹ, ông hoạt động ở Nam Bộ, là một trong những cây bút có mặt sớm nhất của lực lượng văn nghệ giải phóng ở miền Nam thời chống Mỹ cứu nước.  - Thơ Viễn Phương tập trung khám phá, ngợi ca vẻ đẹp của nhân dân, đất nước trong công cuộc chiến đấu trường kì, gian khổ của dân tộc.  - Phong cách sáng tác : cảm xúc sâu lắng, thiết tha ; giọng thơ nhỏ nhẹ, trong sáng ; ngôn ngữ đậm đà màu sắc dân tộc. |
| ***Hoàn cảnh sáng tác*** | Năm 1976, sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc, đất nước thống nhất, lăng chủ tịch Hồ Chí Minh cũng vừa khánh thành, tác giả ra thăm miền Bắc, vào lăng viếng Bác Hồ. Bài thơ "Viếng lăng Bác" được sáng tác trong dịp đó, và in trong tập "Như mây mùa xuân” (1978). |
| ***Xuất xứ*** | - Bài thơ được in trong tập “Thơ Việt Nam” (1945 1975). |
| ***Thể loại*** | Thơ 8 chữ |
| ***Mạch cảm xúc và bố cục*** | \* **Mạch cảm xúc**: đi theo trình tự của một cuộc vào lăng viếng Bác, từ khi đứng trước lăng đến khi bước vào Lăng và trở ra về. Mở đầu là cảm xúc về cảnh bên ngoài lăng, tập trung ở ấn tượng đậm nét về hàng tre bên lăng gợi hình ảnh quê hương đất nước. Tiếp đó là cảm xúc trước hình ảnh dòng người như bất tận ngày ngày vào lăng viếng Bác. Xúc cảm và suy ngẫm về Bác được gợi lên từ những hình ảnh giàu ý nghĩa biểu tượng: mặt trời, vầng trăng, trời xanh. Cuối cùng là niềm mong ước thiết tha khi sắp phải trở về quê hương miền Nam, muốn tấm lòng mình vẫn được mãi mãi ở lại bên lăng Bác. Mạch cảm xúc như trên đã tạo nên một bố cục khá đơn giản, tự nhiên và hợp lý của bài thơ.  \* **Bố cục**: 4 phần  - Khổ 1: cảm xúc của tác giả trước không gian, cảnh vật bên ngoài lăng.  - Khổ 2: Cảm xúc trước đoàn người vào lăng viếng Bác.  - Khổ 3: Cảm xúc khi vào lăng, nhìn thấy di hài Bác.  - Khổ 4: Những tình cảm, cảm xúc trước lúc ra về. |
| ***Ý nghĩa nhan đề*** | Ý nghĩa Bài thơ là tiếng lòng thành kính, xót thương, biết ơn vô hạn của nhà thơ cũng như của đồng bào miền Nam đối với vị lãnh tụ- người cha già kính yêu của dân tộc.  - Viếng là đến chia buồn với thân nhân người đã mất.  - Thăm là đến gặp gỡ, hỏi han trò truyện với người còn sống.  - Nhan đề dùng từ viếng theo đúng nghĩa đen khẳng định một sự thật: Bác đã đi xa.  - Trong câu thơ đầu dùng từ thăm là ngụ ý nói giảm. Bác như vẫn còn đang sống trong lòng mọi người đặc biệt là trong lòng nhân dân miền Nam |
| ***Chủ đề*** | Bài thơ ca ngợi công đức của Bác Hồ, thể hiện lòng thương tiếc, kính yêu và biết ơn Người khi nhà thơ đến viếng lăng. |
| ***Giá trị nội dung*** | Bài thơ thể hiện lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc của nhà thơ và mọi người đối với Bác Hồ khi vào lăng viếng Bác. |
| ***Giá trị nghệ thuật*** | Bài thơ có giọng điệu trang trọng và tha thiết, nhiều hình ảnh ẩn dụ đẹp và gợi cảm, ngôn ngữ bình dị mà cô đúc. |

**B. KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

**1. Luận điểm 1: Cảm xúc ban đầu của nhà thơ khi đứng trước lăng Bác**

a) Viễn Phương là một người con miền Nam, tham gia hoạt động và chiến đấu ở chiến trường Nam Bộ xa xôi. Cũng như nhiều đồng bào và chiến sĩ miền Nam, nhà thơ mong mỏi một ngày ra thăm Bác. Bởi vậy, khi đứng trước lăng Người, nhà thơ không giấu nổi niềm xúc động: cảm xúc bồi hồi pha lẫn nỗi xúc động sâu xa:

"Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Với lời lẽ giản dị, | câu thơ như một lời thông báo ngắn gọn: Nhà thơ ở miền Nam, nơi tuyến đầu của Tổ quốc, sau bao nhiêu năm mong mỏi nay cũng được về thăm Người. |
| Sử dụng đại từ nhân xưng " Con - Bác": | - Đó là lối nói, lỗi xưng hô quen thuộc của người miền Nam để gợi sự gần gũi, thân thiết.  - Thể hiện được lòng tôn kính và tình cảm yêu thương ruột thịt.  - Gợi một liên tưởng , đó là Viễn Phương như một đứa con xa nay mới được trở về bên vị cha già của dân tộc. |
| Biện pháp tu từ nói giảm, nói tránh khi sử dụng từ "thăm" để thay cho từ "viếng": | - Để giảm bớt nỗi đau thương, mất mát của những đứa con xa về muộn.  - Đồng thời,bất tử hóa hình tượng Bác trong lòng những người con miền Nam và đối với cả dân tộc Việt Nam. |
| => Câu thơ giản dị như một lời kể, xong nó lại gói ghém bao tình cảm của người con miền Nam sau bao mong nhớ, đợi chờ mới được về thăm lăng Người. | |

b) Đứng trước lăng vị cha già kính yêu của dân tộc, ấn tượng đầu tiên trong lòng nhà thơ chính là hàng tre xanh mát:

" Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát

Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam

Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng."

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Từ cảm thán "Ôi!" | biểu thị niềm xúc động, tự hào trước hình ảnh hàng tre quanh lăng Bác. |
| Hình ảnh "hàng tre bát ngát" | là một hình ảnh tả thực về quang cảnh quanh lăng Bác; đồng thời gợi sự gần gũi, thân thương của những xóm làng Việt Nam. |
| Hình ảnh "hàng tre xanh xanh Việt Nam" là hình ảnh ẩn dụ mang ý nghĩa tượng trưng: | - Hàng tre ấy tượng trưng cho những con người, dân tộc Việt Nam với sức sống tràn trề  - Gợi tả một quân đội với tinh thần kiên cường, bất khuất, trong " bão táp mưa sa" vẫn đứng bên cạnh giữ giấc ngủ ngàn thu của Người. |
| Thành ngữ "bão táp mưa sa" | gợi về những khó khăn, gian khổ mà nhân dân ta đã cùng nhau " chung lưng, đấu cật" để dựng nước và giữ nước. |
| Lối miêu tả " đứng thẳng hàng" | gợi những hàng tre mang dáng dấp cứng cỏi, kiên cường, hiên ngang, bất khuất như tính cách của người dân Việt Nam. |
| => Khổ thơ là niềm xúc động sâu sắc, niềm thành kính của Viễn Phương khi đến thăm và đứng trước lăng Bác. | |

**2. Luận điểm 2: Cảm xúc trước hình ảnh dòng người vào lăng viếng Bác**

Đứng trước lăng, sau ấn tượng về "hàng tre xanh xanh" hình ảnh của dòng người vào lăng viếng Bác với nỗi tiếc thương và lòng biết ơn sâu nặng:

"Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng

Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ

Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ

Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân."

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Nghệ thuật sóng đôi : giữa hình ảnh "mặt trời" thực và "mặt trời" ẩn dụ: | - Hình ảnh mặt trời trong câu thơ "Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng", là hình ảnh thực. Đây là mặt trời của thiên nhiên soi sáng không gian vũ trụ và mang lại sự sống cho muôn loài.  - Hình ảnh mặt trời trong câu thơ : "Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ" là hình ảnh ẩn dụ về Bác Hồ : Bác chính là mặt trời chân lý, soi sáng giúp dân tộc thoát khỏi kiếp nô lệ khổ đau, và mang đến một cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Từ đó, ta thấy được sự tôn kính, lòng biết ơn sâu sắc mà cả dân tộc dành cho Bác. |
| Mặt trời thiên nhiên được nhân hóa với hai hành động: ngày ngày " đi qua trên lăng" và nhìn thấy mặt trời "trong lăng rất đỏ" | đã tô đậm hơn tầm vóc vĩ đại của Người. |
| Chi tiết đặc tả "rất đỏ" | gợi trái tim đầy nhiệt huyết vì Tổ quốc, vì nhân dân của Bác. Mặt trời đó sẽ mãi mãi soi sáng, sưởi ấm, cô thắm cho đời. |
| Hình ảnh "dòng người" đi liền với điệp từ "ngày ngày": | - Gợi một dòng thời gian vô tận, từ ngày này sang ngày khác, biết bao dòng người với nỗi tiếc thương vô hạn thành kính vào lăng viếng Bác.  - Mang giá trị tạo hình,gợi quang cảnh những đoàn người nối hàng dài vào lăng để viếng Bác. |
| Hình ảnh "tràng hoa" là hình ảnh ẩn dụ | gợi liên tưởng đến dòng người vào lăng viếng Bác với tấm lòng thành kính, dâng trào như được kết từ hàng vạn trái tim, tấm lòng con người Việt Nam. |
| Hình ảnh hoán dụ "bảy mươi chín mùa xuân" | để chỉ 79 năm trong cuộc đời của Người - 79 mùa xuân Người hi sinh cho đất nước. |
| => Khổ thơ đã diễn tả được một cách sâu sắc tấm lòng của nhân dân cả nước dành cho vị cha già kính yêu của dân tộc. Người sẽ luôn sống và sáng mãi trong lòng dân tộc Việt Nam. | | |

**3. Luận điểm 3: Cảm xúc khi vào trong lăng, đứng trước thi hài Bác**

Vào trong lăng, khung cảnh và không khí như ngưng kết cả thời gian. Hình ảnh thơ đã diễn tả thật chính xác, thật tinh tế sự yên tĩnh, trang nghiêm cùng ánh sáng dịu nhẹ, trong trẻo của không gian trong lăng Bác:

" Bác nằm trong lăng giấc ngủ bình yên

Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền."

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Sử dụng biện pháp nghệ thuật nói giảm, nói tránh | để phủ nhận một sự thật đau lòng: Người đang ngủ một giấc bình yên, giữa vầng trăng sáng dịu hiền. |
| Hình ảnh ẩn dụ "vầng trăng sáng dịu hiền": | - Gợi cho chúng ta nghĩ đến tâm hồn, nhân cách sống cao đẹp, sáng trong của Bác.  - Bộc lộ tấm lòng biết ơn sâu sắc của tác giả dành cho Bác.  - Gợi đến những vần thơ tràn ngập ánh trăng của Người. |
| Tâm trạng xúc động của nhà thơ được biểu hiện bằng một hình ảnh ẩn dụ sâu xa: " Vẫn biết trời xanh là mãi mãi". | - "Trời xanh" , trước tiên được hiểu theo nghĩa tả thực, đó là thiên nhiên gần gũi với chúng ta, tồn tại mãi mãi và vĩnh hằng.  - Mặt khác, "trời xanh" còn là một hình ảnh ẩn dụ sâu xa: Bác vẫn còn mãi với non sông đất nước, như "trời xanh" vĩnh hằng. |
| "Nhói" | là từ ngữ biểu cảm trực tiếp, biểu hiện nỗi đau đột ngột, quặn thắt . Tác giả tự cảm thấy nỗi đau mất mát ở tận đáy sâu tâm hồn mình, nỗi đau đớn tột cùng không nói thành lời. |
| Cặp quan hệ từ "vẫn , mà" | diễn tả sự mâu thuẫn. cảm giác nghe nhói ở trong tim mâu thuẫn với nhận biết trời xanh là mãi mãi. Giữa tình cảm và lý trí có sự mâu thuẫn. Và con người đã không kìm nén được khoảnh khắc yếu lòng. |
| Cảm xúc này là đỉnh điểm của nỗi nhớ thương, của niềm đau xót. Đó chính là nguyên nhân dẫn đến những khát vọng ở khổ cuối bài thơ. | | |

**4. Luận điểm 4: Cảm xúc của nhà thơ khi tạm biệt lăng Bác**

Khép lại nỗi đau mất mát ấy là những giọt nước mắt luyến tiếc, bịn rịn không muốn rời Bác. Khổ thơ đã diễn tả tâm trạng lưu luyến của nhà thơ muốn được ở mãi bên lăng Bác.

"Mai về miền nam thương trào nước mắt"

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Từ ngữ thời gian "Mai" đi liền với địa danh "miền Nam" | gợi sự chia xa, gợi khoảng cách, gợi cả tấm lòng, tình cảm của những người con miền Nam. |
| Lối nói "thương trào nước mắt" | đã cụ thể hóa nỗi nhớ thương da diết, gợi chiều sâu của sự gắn bó với miền Bắc, với bác Hồ của những người miền Nam. |

Nhà thơ bày tỏ ước muốn hóa thân để ở lại bên cạnh Bác:

" Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác

Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây

Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này."

|  |  |
| --- | --- |
| **Nghệ thuật** | **Nội dung** |
| Nhịp điệu dồn dập và điệp từ "muốn làm" | khởi đầu cho mỗi dòng thơ giúp nhà thơ tô đậm mức độ thiết tha, mãnh liệt của niềm mong ước. |
| Hệ thống hình ảnh giàu sức gợi: "con chim", "đóa hoa", "cây tre" | - Lớp nghĩa thực: Tác giả muốn góp cuộc đời mình để làm đẹp cho cảnh quan quanh lăng, ao ước được hóa thân thành con chim để cất tiếng hót làm vui lăng Bác; làm giỏ hoa để đem lại sắc hương, tô điểm cho vườn hoa quanh lăng. Đặc biệt là ước nguyện "muốn làm cây tre trung hiếu" để nhập vào hàng tre bát ngát, toả bóng mát cho lăng.  - Lớp nghĩa ẩn dụ: khát vọng ở lại để canh giấc ngủ thiên thu cho Người; bày tỏ niềm biết ơn sâu sắc dành cho vị cha già của dân tộc; góp phần làm nên vẻ đẹp bất khuất, hiên ngang, trung hiếu của tâm hồn Việt Nam. |
| Bài thơ khép lại bằng hình ảnh "cây tre trung hiếu", | tạo nên một kết cấu đầu cuối tương ứng, nhằm bày tỏ khát vọng và tấm lòng nhà thơ dành cho Bác. Hình ảnh hàng tre quanh lăng Bác được lặp ở câu thơ cuối như mang thêm nghĩa mới, tạo ấn tượng sâu sắc, làm dòng cảm xúc được trọn vẹn. |

**\* Đánh giá:**

Bài thơ sử dụng giọng điệu vừa trang nghiêm, sâu lắng, vừa tha thiết, đau xót, tự hào kết hợp với thể thơ 8 chữ, xen lẫn những dòng thơ 7 hoặc 9 chữ. Nhịp thơ chủ yếu là nhịp chậm, diễn tả sự trang nghiêm, thành kính và những cảm xúc sâu lắng. Riêng khổ cuối, nhịp thơ nhanh hơn, phù hợp với sắc thái của niềm mong ước.

Hình ảnh thơ có nhiều sáng tạo, kết hợp hình ảnh thực với hình ảnh ẩn dụ, biểu tượng. Những hình ảnh ẩn dụ - biểu tượng như "mặt trời trong lăng" , "tràng hoa" , "trời xanh" vừa quen thuộc, vừa gần gũi với hình ảnh thực, vừa sâu sắc, có ý nghĩa khái quát và mang giá trị biểu cảm. Qua đó thể hiện niềm xúc động thiêng liêng, thành kính, niềm tự hào, đau xót của nhà thơ và đồng bào miền Nam vừa được giải phóng ra thăm lăng Bác.

**C. LUYỆN ĐỀ:**

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 1:**

Mở đầu bài thơ, tác giả Viễn Phương với giọng tâm tình:

“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác”.

**Câu 1:** Hãy chép chính xác 3 câu thơ tiếp theo để hoàn chỉnh khổ thơ.

**Câu 2:** Nêu hoàn cảnh sáng tác của bài thơ, hoàn cảnh đó có liên quan gì tới nhà thơ.

**Câu 3:** Em hãy trình bày ngắn gọn mạch cảm xúc của bài thơ. Từ những hiểu biết của em về bài thơ, hãy giải thích tác dụng của từ “thăm” trong câu thơ và cụm từ “giấc ngủ bình yên”.

**Câu 4:** Hãy tìm tên tác phẩm và tác giả cũng có nhà thơ mượn hình ảnh cây tre để nói tới tình yêu thương, sự đoàn kết gắn bó của người Việt Nam.

**Câu 5:** Cho câu chủ đề sau: *“Khổ thơ đầu tiên của bài Viếng lăng Bác diễn tả những cảm xúc chân thành, xúc động của nhà thơ khi đến thăm lăng Bác”.*

Hãy viết đoạn văn từ 10 – 12 câu theo phương thức tổng - phân - hợp để làm sáng tỏ ý kiến đó. Đoạn văn có sử dụng phép thế và câu có thành phần phụ chú.

***Hướng dẫn làm bài:***

**Câu 1:**

*Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác*

*Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát*

*Ôi hàng tre xanh xanh Việt Nam*

*Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng*

**Câu 2:**

Hoàn cảnh sáng tác: Năm 1976, sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đất nước được độc lập thống nhất, lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng vừa được khánh thành, tác giả ra miền Bắc, đây là lần đầu tác giả ra viếng lăng Bác.

Như vậy mọi cảm xúc chân thành, tha thiết nhất của nhà thơ được thể hiện xúc động trong bài thơ.

**Câu 3:**

- Mạch cảm xúc:

+ Mở đầu là cảm xúc về cảnh bên ngoài lăng, tập trung ở ấn tượng đậm nét về hàng tre bên lăng gợi hình ảnh quê hương đất nước.

+ Tiếp đó là cảm xúc trước hình ảnh dòng người như bất tận ngày ngày vào lăng viếng Bác.

+ Cuối cùng là niềm mong ước thiết tha khi sắp phải trở về quê hương miền Nam, muốn tấm lòng mình vẫn được mãi mãi ở lại bên lăng Bác.

- Tác giả sử dụng từ “thăm” để thay cho từ viếng dù tiêu đề “Viếng lăng Bác”. Từ “thăm” là từ nói giảm nói tránh của tác giả để giảm đi nỗi đau thương mất mát. Qua đây cũng gợi lên sự yêu thương, kính mến của tác giả dành cho Bác.

**Câu 4:**

Hình ảnh cây tre cũng nói về sự yêu thương, đoàn kết của người Việt Nam: bài thơ "Tre Việt Nam" của Nguyễn Duy.

Tác giả nhắc tới hình ảnh cây tre, mượn hình ảnh cây tre để nói tới tình yêu thương và sự đoàn kết gắn bó của người Việt Nam.

**Câu 5:**

\* Yêu cầu:

* HS biết cách làm một đoạn văn nghị luận văn học.
* Trình bày mạch lạc, rõ ràng, lập luận chặt chẽ, có cảm xúc.

***\* Đoạn văn tham khảo:***

(1) Khổ thơ đầu tiên của bài Viếng lăng Bác diễn tả những cảm xúc chân thành, xúc động của nhà thơ khi đến thăm lăng Bác.

(2) Câu thơ có tính thông báo: “Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác” là lời nói chân thành, xúc động của một người con khi từ miền Nam ra thăm lăng Bác.

(3) Tác giả dùng từ “thăm” để giảm nhẹ nỗi đau mất mát và như để khẳng định Người còn mãi.

(4) Cách xưng hô thân mật( xưng “con”) thể hiện được lòng tôn kính và tình cảm yêu thương ruột thịt.

(5) Đồng thời cách xưng hô còn dợi một liên tưởng, đó là Viễn Phương như một đứa con xa nay mới được trở về bên vị cha già của dân tộc.

(6) Nỗi đau như cố giấu mà giọng thơ vẫn có những điều đau xót, ngậm ngùi.

(7) Hình ảnh gây ấn tượng đầu tiên với tác giả chính là hình ảnh hàng tre “xanh xanh”.

( 8) Từ cảm thán "Ôi!" biểu thị niềm xúc động, tự hào trước hình ảnh hàng tre quanh lăng Bác.

(8) Trong góc nhìn xúc động của nhà thơ, hàng tre vừa có cái nhìn thực, vừa là hình ảnh ẩn dụ biểu tượng cho sức sống kiên định, dũng cảm của dân tộc.

(9) Hình ảnh "hàng tre bát ngát" là một hình ảnh tả thực về quang cảnh quanh lăng Bác; đồng thời gợi sự gần gũi, thân thương của những xóm làng Việt Nam.

(10) Hình ảnh hàng tre “bão táp mưa sa đứng thẳng hàng” giàu ý nghĩa liên tưởng, mang biểu tượng của tâm hồn thanh cao, sự quật cường của người Việt.

(11) Có thể nói, khổ thơ là niềm xúc động sâu sắc, niềm thành kính của Viễn Phương khi đến thăm và đứng trước lăng Bác.

- **Phép thế:** nhà thơ- tác giả

- **Thành phần phụ chú:** ( xưng “con”).

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 2:**

**Cho hai câu thơ sau:**

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ*

**Câu 1:** Hai câu thơ trên trích trong văn bản nào? Tác giả?

**Câu 2:** Thể thơ?

**Câu 3:** Hình ảnh mặt trời nào là ẩn dụ? Hãy phân tích ý nghĩa hình ảnh đó trong việc thể hiện tấm lòng, tình cảm gì của tác giả.

**Câu 4:**  Viết đoạn văn khoảng 6- 8 câu, phân tích hai câu thơ sau, trong đoạn sử dụng 1 phép liên kết:

*Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân*

***Hướng dẫn làm bài:***

**Câu 1:** “ Viếng lăng Bác”- Viễn Phương

**Câu 2:** 8 chữ

**Câu 3:**

Hình ảnh “ mặt trời” ở câu thơ thứ hai là hình ảnh ẩn dụ (tượng trưng cho Bác Hồ). Bác như mặt trời đem tới nguồn sáng, soi đường cho toàn dân tộc. Màu sắc “rất đỏ” làm cho câu thơ trở nên thật đẹp, tạo ấn tượng sâu sắc, nói lên tư tưởng cách mạng, lòng yêu nước nồng nàn của Bác.

Tác giả xây dựng hình ảnh ẩn dụ để nói lên sự vĩ đại của Bác, thể hiện được sự tôn trọng, kính mến của tác giả và toàn dân đối với Bác - vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc ta.

**Câu 4:**

***\* Đoạn văn tham khảo:***

(1) Đứng trước lăng, sau ấn tượng về "hàng tre xanh xanh" là hình ảnh của dòng người vào lăng viếng Bác với nỗi tiếc thương và lòng biết ơn sâu nặng:

*Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân*

(2) Hình ảnh "dòng người" đi liền với điệp từ "ngày ngày" gợi một dòng thời gian vô tận, từ ngày này sang ngày khác, biết bao dòng người với nỗi tiếc thương vô hạn thành kính vào lăng viếng Bác.

(3) Câu thơ mang giá trị tạo hình, gợi quang cảnh những đoàn người nối hàng dài vào lăng để viếng Bác.

(4) Hình ảnh "tràng hoa" là hình ảnh ẩn dụ gợi liên tưởng đến dòng người vào lăng viếng Bác với tấm lòng thành kính, dâng trào như được kết từ hàng vạn trái tim, tấm lòng con người Việt Nam.

(5) “Bảy mươi chín mùa xuân” là hình ảnh hoán dụ mang ý nghĩa tượng trưng cho số tuổi của Bác, hình ảnh về cuộc đời đẹp như những mùa xuân đã hòa nhập vào mùa xuân độc lập, tự do của dân tộc.

(6) Hai câu thơ đã diễn tả được một cách sâu sắc tấm lòng của nhân dân cả nước dành cho vị cha già kính yêu của dân tộc.

(7) Người sẽ luôn sống và sáng mãi trong lòng dân tộc Việt Nam.

**- Phép liên kết(phép thế):** Bác-vị cha già kính yêu của dân tộc- Người

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

**Cho đoạn thơ sau:**

*Mai về miền Nam thương trào nước mắt*

*Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác*

*Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây*

*Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này*

**Câu 1:** Hình ảnh cây tre trong khổ thơ cuối cùng của bài là sự lặp lại hình ảnh cây tre trong khổ thơ đầu, em hãy cho biết sự lặp lại như vậy có ý nghĩa gì?

**Câu 2:** Có một tác phẩm cũng nhắc tới khát vọng muốn trở thành con chim, trở thành nhành hoa, em hãy chép lại khổ thơ đó, nêu tên tác giả và nhan đề.

**Câu 3:** Nhận xét về giọng điệu của bài thơ và cho biết giọng điệu đó được tạo nên từ những yếu tố nào và có quan hệ như thế nào với cảm xúc của tác giả?

**Câu 4:** Viết đoạn văn 12 câu theo phương thức quy nạp làm rõ cảm xúc lưu luyến không muốn rời của tác giả đối với Bác. Đoạn văn có sử dụng lời dẫn trực tiếp và thành phần biệt lập.

***Hướng dẫn làm bài:***

**Câu 1:**

 Ở đây, hình ảnh cây tre đã mang nét nghĩa mới so với hình ảnh cây tre ở khổ thơ thứ nhất. Trong phần mở đầu, hình ảnh hàng tre xuất hiện với dáng đứng thẳng cho dù phải đương đầu với bão táp mưa sa. Thì tới cuối bài thơ tác giả lại khao khát trở thành cây tre trung hiếu để có thể được đứng canh gác cho Người, đây chính là ước nguyện chân thành, tha thiết của tác giả Viễn Phương.

**Câu 2:**

Tác phẩm "Mùa xuân nho nhỏ" của Thanh Hải có nhắc tới hình ảnh con chim và nhành hoa, trong khổ thơ:

*Ta làm con chim hót*

*Ta làm một nhành hoa*

*Ta nhập vào hòa ca*

*Một nốt trầm xao xuyến*

Khổ thơ này diễn tả khát vọng chân thành, giản dị của tác giả Thanh Hải, muốn được đóng góp, cống hiến cho đời âm thanh, hương thơm vào cuộc sống kì diệu, muôn màu muôn vẻ ngoài kia. Ở phần mở bài, tác giả phác họa hình ảnh mùa xuân bằng chi tiết bông hoa và tiếng chim, tới khổ thơ thứ 4 hình ảnh con chim, nhành hoa tạo sự đối ứng chặt chẽ về ý thơ.

**Câu 3:**

Giọng điệu của bài thơ vừa trang nghiêm, sâu lắng vừa tha thiết, đau xót, tự hào, thể hiện tâm trạng xúc động khi tác giả vào lăng viếng Bác.

Giọng điệu được tạo nên bởi nhiều yếu tố: thể thơ, nhịp điệu, từ ngữ, hình ảnh. Thể thơ 8 chữ nhưng có đan xen những dòng thơ 7 chữ hoặc 9 chữ. Cách gieo vần bằng, vần trắc.

Những vần bằng liên tiếp diễn tả dòng cảm xúc dâng trào, các vần trắc thể hiện nỗi tiếc thương, đau xót.

Nhịp: các khổ thơ nhìn chung là nhịp chậm, diễn tả sự trang nghiêm, thành kính.

Riêng khổ cuối nhịp thơ nhanh hơn với điệp từ muốn làm được lặp lại ba lần, thể hiện mong ước thiết tha và nỗi lòng lưu luyến của tác giả.

**Câu 4:**

(1) Tâm trạng tiếc nuối lưu luyến của nhà thơ trong giây phút chia li thật xúc động, mãnh liệt: *Mai về miền Nam thương trào nước mắt*

(2) Từ ngữ chỉ thời gian "mai" đi liền với địa danh "miền Nam" gợi sự chia xa, gợi khoảng cách, gợi cả tấm lòng, tình cảm của những người con miền Nam.

(3) Dòng cảm xúc “thương trào nước mắt” được diễn tả giản dị mà sâu lắng đã cụ thể hóa nỗi nhớ thương da diết, gợi chiều sâu của sự gắn bó với miền Bắc, với Bác Hồ của những người miền Nam.

(4) Ước nguyện thành kính của nhà thơ được giãi bày qua khao khát:

*Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác*

*Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây*

*Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này*

(5) Điệp từ “muốn làm” nhấn mạnh khao khát tới cháy bỏng, được ở cạnh, được đứng canh giấc ngủ yên bình cho Bác đã thôi thúc nhà thơ muốn hóa thân thành cảnh vật, sự sống xung quanh lăng Người.

(6) Tác giả vừa bộc lộ trực tiếp, vừa bộc lộ gián tiếp tình cảm chân thành dành cho Bác.

(7) Điều đặc biệt là hình ảnh cây tre được lặp lại trong khổ thơ cuối có nhiều nét mới. (8) Hình ảnh cây tre lúc này ẩn dụ cho lòng thành kính, sự trung thành với lý tưởng cách mạng và Bác.

(9) Bài thơ khép lại bằng hình ảnh "cây tre trung hiếu", tạo nên một kết cấu đầu cuối tương ứng, nhằm bày tỏ khát vọng và tấm lòng nhà thơ dành cho Bác.

(10) “Cây tre trung hiếu” phải chăng cũng chính là phẩm chất của con người Việt Nam, mãi mãi kiên trung với Bác và lý tưởng cách mạng.

(11) Khổ thơ đã diễn tả tâm trạng lưu luyến của nhà thơ muốn được ở mãi bên lăng Bác, đó cũng là tình cảm chung của nhân dân Việt Nam dành cho Bác.

- **Thành phần biệt lập( tình thái):** phải chăng

- **Lời dẫn trực tiếp:** "mai", iền Nam", hương trào nước mắt”, “muốn làm”, "cây tre trung hiếu"

**ĐỀ ĐỌC- HIỂU SỐ 3:**

**Cho đoạn thơ sau:**

*Mai về miền Nam thương trào nước mắt*

*Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác*

*Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây*

*Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này*

**Câu 1:** Hình ảnh cây tre trong khổ thơ cuối cùng của bài là sự lặp lại hình ảnh cây tre trong khổ thơ đầu, em hãy cho biết sự lặp lại như vậy có ý nghĩa gì?

**Câu 2:** Có một tác phẩm cũng nhắc tới khát vọng muốn trở thành con chim, trở thành nhành hoa, em hãy chép lại khổ thơ đó, nêu tên tác giả và nhan đề.

**Câu 3:** Nhận xét về giọng điệu của bài thơ và cho biết giọng điệu đó được tạo nên từ những yếu tố nào và có quan hệ như thế nào với cảm xúc của tác giả?

**Câu 4:** Viết đoạn văn 12 câu theo phương thức quy nạp làm rõ cảm xúc lưu luyến không muốn rời của tác giả đối với Bác. Đoạn văn có sử dụng lời dẫn trực tiếp và thành phần biệt lập.

***Hướng dẫn làm bài:***

**Câu 1:** Đoạn thơ trên được trích trong bài Viếng lăng Bác của nhà thơ Viễn Phương. Bài thơ được viết năm 1976, sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc, đất nước thống nhất, Lăng Hồ Chủ tịch vừa khánh thành. Viễn Phương ra thăm miền Bắc, vào lăng viếng Bác.

**Câu 2:** Cảm xúc trong bài thơ được biểu hiện theo trình tự từ ngoài vào trong, rồi lại trở ra ngoài, hợp với thời gian một chuyến viếng lăng Bác.

- Từ "thăm" thể hiện tình cảm của nhà thơ đối với Bác vừa kính yêu, vừa gần gũi.

- Cụm từ "giấc ngủ bình yên" là một cách nói tránh, nói giảm nhằm miêu tả tư thế ung dung thanh thản của Bác - vị lãnh tụ cả đời lo cho dân, cho nước, có đêm nào yên giấc nay đã có được giấc ngủ bình yên.

**Câu 3:** Một bài thơ có nhắc đến trăng, ví dụ như Ánh trăng của Nguyễn Duy

"Trăng cứ tròn vành vạnh/ kể chi người vô tình/ ánh trăng im phăng phắc/ đủ cho ta giật mình". Hay "Đầu súng trăng treo" trong Đồng chí của Chính Hữu...

**Câu 4:**

Đoạn văn viết cần đạt được những yêu cầu sau:

- Bám sát nội dung khổ thơ: phân tích được hình ảnh của Bác được miêu tả trong tư thế ung dung thanh thản, thấy được cảm xúc trào dâng của nhà thơ khi đứng trước Bác.

- Không viết quá dài hoặc quá ngắn so với yêu cầu 15 câu của đề. Trình tự nghị luận là qui nạp, có sử dụng phép lặp và một thành phần phụ chú.

***\* Đoạn văn tham khảo:***

(1) Vào trong lăng, khung cảnh và không khí như ngưng kết cả thời gian.

(2) Hình ảnh thơ đã diễn tả thật chính xác, thật tinh tế sự yên tĩnh, trang nghiêm cùng ánh sáng dịu nhẹ, trong trẻo của không gian trong lăng Bác:

" Bác nằm trong lăng giấc ngủ bình yên

Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền."

(3) Tác giả sử dụng biện pháp nghệ thuật nói giảm, nói tránh để phủ nhận một sự thật đau lòng: Người đang ngủ một giấc bình yên, giữa vầng trăng sáng dịu hiền.

(4) Hình ảnh ẩn dụ "vầng trăng sáng dịu hiền" gợi cho chúng ta nghĩ đến tâm hồn, nhân cách sống cao đẹp, sáng trong của Bác.

(5) Đồng thời hình ảnh đó còn bộc lộ tấm lòng biết ơn sâu sắc của tác giả dành cho Bác và gợi đến những vần thơ tràn ngập ánh trăng của Người.

(6) Tâm trạng xúc động của nhà thơ được biểu hiện bằng một hình ảnh ẩn dụ sâu xa: " Vẫn biết trời xanh là mãi mãi".

(7) "Trời xanh", trước tiên được hiểu theo nghĩa tả thực, đó là thiên nhiên gần gũi với chúng ta, tồn tại mãi mãi và vĩnh hằng.

(8) Mặt khác, "trời xanh" còn là một hình ảnh ẩn dụ sâu xa: Bác vẫn còn mãi với non sông đất nước, như "trời xanh" vĩnh hằng.

(9) "Nhói" là từ ngữ biểu cảm trực tiếp, biểu hiện nỗi đau đột ngột, quặn thắt.

(10) Tác giả tự cảm thấy nỗi đau mất mát ở tận đáy sâu tâm hồn mình, nỗi đau đớn tột cùng không nói thành lời.

(11) Cặp quan hệ từ "vẫn , mà" diễn tả sự mâu thuẫn, cảm giác “nghe nhói ở trong tim” mâu thuẫn với nhận biết “trời xanh là mãi mãi”.

(12) Giữa tình cảm và lý trí của tác giả dường như có sự mâu thuẫn.

(13) Nhà thơ đã không kìm nén được khoảnh khắc yếu lòng.

(14) Cảm xúc này của tác giả là đỉnh điểm của nỗi nhớ thương, của niềm đau xót.

(15) Đó chính là nguyên nhân dẫn đến những khát vọng ở khổ cuối bài thơ.

- **Lặp:** tác giả

- **Thành phần phụ chú:** (7) "Trời xanh", ***trước tiên được hiểu theo nghĩa tả thực***, đó là thiên nhiên gần gũi với chúng ta, tồn tại mãi mãi và vĩnh hằng.